

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 32/1



PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẶNG PHẬT GIÁO  
TUỆ QUANG

TẬP 32/1 - No. 1628 - 1644



## GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC VỀ NỘI DUNG TẬP 32

*Bộ Luận Tập* là bộ thứ 5, bộ sau cùng của *Tạng Luận* thuộc ĐTK/ĐCTT gồm toàn tập 32, từ số hiệu (N<sup>o</sup>) 1628 đến N<sup>o</sup>: 1692, tập hợp giới thiệu toàn bộ các *Luận*, *Luận Thích*, các kinh nhưng nội dung là luận, các Luận Kệ (Khuyến Phát, Xưng Tán), các bài tán thần chú v.v... không thể sắp vào 4 bộ trên (Bộ Thích Kinh Luận, Bộ A Tỳ Đàm, Bộ Trung Quán, Bộ Du Già). Như vậy, nội dung của tập 32 là tập hợp giới thiệu các luận từ N<sup>o</sup>: 1628 đến N<sup>o</sup>: 1692 gồm các Luận, Luận Thích, Luận Kệ (Khuyến Phát, Xưng Tán) các kinh nhưng nội dung là luận, các bài tán, thần chú v.v... còn lại không thể sắp vào 4 bộ nêu trên).

Chúng tôi xin dựa theo thứ tự được nêu dẫn trong tập 32 để giới thiệu tóm tắt về nội dung của Bộ Luận Tập ấy:

\* 1. *Mảng luận viết về Nhân Minh:*

\* (1). *Luận Bản Nhân Minh Chánh Lý Môn*: Tác giả là Bồ tát Đại Vực Long (Trần Na, thế kỷ 5, 6 TL) Hán dịch là pháp sư Huyền Tráng (602-664), thời điểm dịch xuất là vào năm 649 TL, đời Đường (618-906) gồm 1 quyển: ĐTK/ĐCTT tập 32. N<sup>o</sup>: 1628. Đây là sách lý luận căn bản của *Nhân Minh Học Phật giáo*<sup>(1)</sup>. Luận này cũng được đại sư Nghĩa Tịnh (635-713) Hán dịch vào năm 711

---

<sup>1</sup> Về *Nhân Minh Học* có thể tham khảo: \* *Lối Vào Nhân Minh Học* của H.T Thiên Siêu, 1994.  
\* *Nhân Minh Học Phật Giáo* của GS Minh Chi, 2005.

TL, mang tên là *Luận Nhân Minh Chánh Lý Môn*, gồm 1 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1629.

\* (2). *Luận Nhân Minh Nhập Chánh Lý*: Tác giả là Bồ tát *Thương Yết La Chủ* (Thế kỷ 6 TL. Đệ tử của Bồ tát Trần Na), Hán dịch là pháp sư *Huyền Tráng* (602-664), thời điểm dịch xuất là năm 647 TL gồm 1 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1630. Tác phẩm này có tính chất giản lược, làm rõ về những yếu chỉ nơi tác phẩm của Bồ tát *Trần Na* (N<sup>o</sup>: 1628, 1629) có thể xem là sách nhập môn đối với người học Nhân Minh.

\* (3). *Luận Hồi Tránh*: Tác giả là Bồ tát *Long Thọ* (Thế kỷ 2, 3 TL) Hán dịch là Ưu Bà Tắc *Tỳ Mục Trí Tiên* (Thế kỷ 6 TL) và Ưu Bà Tắc *Cù Đàm Bát Nhã Lưu Chi* (Thế kỷ 6 TL) thời điểm dịch xuất là năm 541 TL đời *Hậu Ngụy* (339-565), gồm 1 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1631. Luận được viết theo thể kệ tụng gồm 72 kệ, nơi mỗi kệ đều có phần chú thích của tác giả, toàn bộ là nhằm xiển minh học thuyết Nhân duyên sở sanh, làm rõ nghĩa Vô Tự Tánh của tất cả các pháp.

\* (4). *Luận Phương Tiện Tâm*: Hán dịch là đại sư *Cát Ca Da* (Thế kỷ 5 TL), thời điểm dịch xuất là khoảng năm 472 TL đời *Hậu Ngụy* (339-556) gồm 1 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1632. Nội dung của luận phân làm 4 phẩm, nêu thuật về những điểm chính yếu của *Nhân Minh Luận Lý*, tạo phương tiện để phân biệt thiện ác, chính tà. Về tác giả của luận. ĐTK/ĐCTT đã để trống. 3 bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi là Bồ tát *Long Thọ*, nhưng bản Cao Ly cùng các tác phẩm Kinh Lục thì đều không ghi tên tác giả.

\* (5). *Luận Như Thật*: Hán dịch là đại sư *Chân Đế* (499-569) dịch vào đời *Trần* (557-588) gồm 1 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1633. Luận phân làm 3 phẩm, dùng luận thức của Nhân Minh để phản bác các thứ vấn nạn sai trái của luận sư Ngoại đạo. Về tác giả của luận: ĐTK/ĐCTT cũng để trống. Bản Cao Ly và các tác phẩm Kinh Lục đều không ghi, nhưng 3 tạng Tống, Nguyên, Minh thì ghi là Bồ tát *Thế Thân*.

\* 2. *Mảng luận biện giải về Đại Thừa Giáo và những liên hệ:*

Gồm các luận từ *Nº: 1634* đến *Nº: 1643*. Đáng chú ý là những luận:  
 \* *Luận Nhập Đại Thừa*: Tác giả là *Bồ tát Kiên Ý* (Thế kỷ 4 TL) Hán dịch là đại sư *Đạo Thái* (Thế kỷ 5 TL) dịch vào đời *Bắc Lương* (397-439), gồm 2 quyển: Tập 32. *Nº: 1634*. \* *Luận Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa*: Không rõ tác giả, Hán dịch là các đại sư *Pháp Hộ* (963-1058) và *Duy Tịnh* (Thế kỷ 10, 11 TL) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 10 quyển: Tập 32. *Nº: 1635*. \* *Luận Đại Thừa Tập Bồ Tát Học*: Tác giả là *Bồ tát Pháp Xứng* (Thế kỷ 6, 7 TL), Hán dịch là các đại sư *Pháp Hộ* (963-1058) và *Nhật Xứng* (Thế kỷ 11 TL) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 25 quyển<sup>(1)</sup>: Tập 32. *Nº: 1636*. \* Hai tác phẩm của *Bồ tát Đề Bà* (Thế kỷ 3 TL, đệ tử của *Bồ tát Long Thọ*): (\*) *Luận Đề Bà Bồ Tát Phá Lãng Già Kinh Trung Ngoại Đạo Tiểu Thừa Tứ Tông*: *Nº: 1639*. (\*) *Luận Đề Bà Bồ Tát Thích Lãng Già Kinh Trung Ngoại Đạo Tiểu Thừa Niết Bàn*: *Nº: 1640*, đều do đại sư *Bồ Đề Lưu Chi* (Thế kỷ 5, 6 TL) Hán dịch vào đời *Nguyên Ngụy* (339-556), đều gồm 1 quyển.

\* 3. Hai luận *Nº: 1641* và luận *Nº: 1647*: Đều có nội dung biện giải về *Tứ Đế* và đều do đại sư *Chân Đế* (499-569) Hán dịch vào đời *Trần* (557-588) đáng lẽ nên sắp gần nhau. (\*) *Luận Nº: 1641: Luận Tùy Tướng*, tác giả là pháp sư *Đức Tuệ* (Thế kỷ 5, 6 TL), bản Hán dịch gồm 1 quyển, nội dung là giải thích đầy đủ về 16 Hành Tướng của 4 đế, nơi quyển thứ 26 (Thuộc *Phẩm Trí*) của *Luận A Tỳ Đạt Ma Câu Xá*. (\*) *Luận Nº: 1647: Luận Tứ Đế*, tác giả là luận sư *Bà Tẩu Đạt Ma* (Thế kỷ 5 TL), bản Hán dịch gồm 4 quyển. Nội dung phân làm 6 phẩm, giải thích, biện rõ về 4 Thánh đế.

<sup>1</sup> Nên biết là số trang nơi một quyển *Kinh Luận* được Hán dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) thường rất ít, chỉ hơn 3 trang. Ví như 2 luận *Nº: 1635*, *Nº: 1636*, gồm đến 35 quyển, mà chỉ hơn 95 trang Hán Tạng. Trong khi tác phẩm *Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký* (*Nº: 1733*) của đại sư *Pháp Tạng* (643-712) chẳng hạn chỉ phân làm 20 quyển mà có đến 385 trang Hán Tạng.

\* 4. Hai luận có nội dung liên quan đến *Luận Câu Xá*: (\*) Luận Lập Thế A Tỳ Đàm: ĐTK/ĐCTT không ghi tác giả, chỉ nói đó là 1 trong số *Luận Bộ kinh điển* của Tiểu Thừa Phật giáo ở Ấn Độ, Hán dịch là đại sư *Chân Đế* (499-569) dịch vào đời *Trần* (557-588) gồm 10 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1644. Toàn luận phân làm 25 phẩm, giải thuyết về Vũ Trụ Luận của Phật giáo, lược đồng với phẩm *Phân Biệt Thế Gian* của *Luận A Tỳ Đạt Ma Câu Xá*. (\*) *Luận Chương Sở Tri*: Tác giả là đại sư *Phát Hợp Tư Ba* (1239-1280), Hán dịch là đại sư *Sa La Ba* (1259-1314) dịch vào đời *Nguyên* (1277-1367) gồm 2 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1645. Toàn luận phân làm 5 phẩm: Phẩm Khí Thế Giới, phẩm Bình Thế Giới, phẩm Đạo Pháp, phẩm Quả Pháp, phẩm Vô Vi Pháp, đại thể là dựa nơi *Luận Câu Xá* để soạn thuật.

\* 5. Một số luận thuộc loại nổi bật: Như Luận Thành Thật, Luận Giải Thoát Đạo, Luận Tam Di Đề Bộ.

\* (1). *Luận Thành Thật*: Là luận thư căn bản của *Tông Thành Thật* một trong số các tông phái lớn của Phật giáo Trung Hoa hưng thịnh một thời. Tác giả *Luận Thành Thật* là tôn giả *Ha Lê Bạt Ma* (Harevarman, thế kỷ 4 TL), Hán dịch là pháp sư *Cưu Ma La Thập* (344-413), thời điểm dịch xuất là vào năm 411-412 TL đời *Hậu Tần* (384-417), gồm 16 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1646. Nội dung của luận được phân làm 5 tụ với 202 phẩm: Phát tụ cùng 35 phẩm, *Khổ đế* tụ cùng 59 phẩm, *Tập đế* tụ cùng 46 phẩm, *Diệt đế* tụ cùng 14 phẩm và *Đạo đế* tụ cùng 48 phẩm, lần lượt thuyết minh, xem các thứ hiện tượng tồn tại của vũ trụ đều chỉ là Giả tượng không thật thể, sau cùng đều quy về không. Tu tập theo Quán như thế tức có thể hội giải về lý của 4 đế, dùng 8 thánh đạo diệt trừ hết các phiền não hiện có để đạt đến Niết Bàn.

\* (2). *Luận Giải Thoát Đạo*: Tác giả là A la hán *Ưu Bà Đề Sa* (Upatisya) soạn thuật vào khoảng thế kỷ thứ 3 TL. Hán dịch là đại sư *Tăng Già Bà La* (460-524) dịch vào đời *Lương* (502-557) gồm



12 quyển. Tập 32. *Nº: 1648*. Nội dung của luận phân làm 12 phẩm là dựa theo thứ bậc Giải Thoát của người Tọa Thiền, phân biệt giải thích về các pháp môn Giải Thoát như *Giới, Định, Tuệ*. Luận này có một số điểm tương đồng với *Bộ Luận Thanh Tịnh Đạo* rất nổi tiếng của tôn giả Phật Minh (Buddhaghosa) thuộc Phật giáo Nam Truyền.

\* (3). *Luận Tam Di Đẻ Bộ*: Mất tên người Hán dịch, gồm 3 quyển. Tập 32. *Nº: 1649*. Là luận thư căn bản, nêu bày giáo nghĩa chủ yếu của *Chánh Lượng Bộ*, 1 trong 18 hoặc 20 bộ phái của Phật giáo Tiểu Thừa đã phân hóa.

\* 6. *Mảng luận viết về Nhân duyên, Duyên sinh*:

Gồm từ luận *Nº: 1650* đến *Nº: 1654*: Tiêu biểu là các Luận Thập Nhị Nhân Duyên (*Nº: 1651*), Luận Duyên Sanh (*Nº: 1652*), Luận Đại Thừa Duyên Sanh (*Nº: 1653*). (\*) *Luận Thập Nhị Nhân Duyên*: Tác giả là Bồ tát *Tịnh Ý*, Hán dịch là đại sư *Bồ Đề Lưu Chi* (Thế kỷ 5, 6 TL) dịch vào đời *Hậu Ngụy* (339-556) gồm 1 quyển: Tập 32. *Nº: 1651*. Nội dung của luận phân 2: Trước là nêu ra 6 *kệ rười*. Tiếp theo là dùng văn xuôi theo thể hỏi đáp để giải thích về 12 nhân duyên. (\*) *Luận Duyên Sanh*: Tác giả là luận sư *Uất Lãng Ca*, Hán dịch là đại sư *Đạt Ma Cấp Đa* (?-619) dịch vào đời *Tùy* (580-618) gồm 1 quyển: Tập 32. *Nº: 1652*. \* Luận này cũng được đại sư *Bất Không* (705-774) Hán dịch vào đời *Đường* (618-906) có tên là *Luận Đại Thừa Duyên Sanh*, gồm 1 quyển: Tập 32. *Nº: 1653*. Nội dung là thuyết minh, giải thích về 12 *duyên khởi*. (\*) Các luận tụng, luận ngắn mang số hiệu *Nº: 1655*, *Nº: 1656*, *Nº: 1657*, *Nº: 1658* là nói về pháp môn chỉ quán và những liên hệ.

\* 7. *Mảng luận biện về Tâm Bồ Đề và Phát Tâm Bồ Đề*:

Gồm các luận từ *Nº: 1659* đến *Nº: 1665*. Đáng chú ý là các tác phẩm của Bồ tát *Thế Thân* (*Nº: 1659*), Bồ tát *Long Thọ* (Luận *Bồ Đề Tư Lương*, Luận *Bồ Đề Tâm Ly Tướng*, Kinh *Bồ Đề Hành*).

\* (1). *Luận Phát Bồ Đề Tâm*: Tác giả là Bồ tát *Thế Thân*, Hán dịch là pháp sư *Cưu Ma La Thập* (344-413), dịch vào đời *Hậu Tần* (384-417), gồm 2 quyển: Tập 32. *Nº*: 1659. Toàn luận phân làm 12 chương căn cứ theo các *Kinh Luận Đại Thừa*, các *Luận Thư A Tỳ Đạt Ma* để ghi chú, phân loại, luận về phần Phát Tâm Bồ Đề. \* Đồng dạng với luận này có *Luận Phát Bồ Đề Tâm*, do đại sư *Bát Không* (705-774) Hán dịch vào đời *Đường* (618-906) gồm 1 quyển: Tập 32. *Nº*: 1665. Nội dung của luận là lập 3 môn: Hạnh Nguyện, Thắng Nghĩa, Tam Ma Địa, để nêu thuật về hành tướng của Tâm Bồ Đề.

\* (2). *Ba tác phẩm của Bồ tát Long Thọ*: (\*) *Luận Bồ Đề Tư Lương*: Bồ tát *Long Thọ* tạo tụng, *tỳ kheo Tỳ Tại* giải thích, Hán dịch là đại sư *Đạt Ma Cấp Đa* (?-619), dịch vào đời *Tùy* (580-618) gồm 6 quyển: Tập 32. *Nº*: 1660. Nội dung là biện rõ về 10 Ba La Mật như Bát Nhã Ba La Mật v.v... là tư lương (Hành trang) của Bồ Đề. (\*) *Luận Bồ Đề Tâm Ly Tướng*: Hán dịch là đại sư *Thi Hộ*, Thế kỷ 10, 11 TL) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 1 quyển: Tập 32. *Nº*: 1661. Nội dung của luận là biện rõ, thấu đạt các tướng của *Uẩn Xứ Giới* (Ám Nhập Giới: 5 Ám, 12 Nhập, 18 Giới) chỉ là chỗ nêu bày của Tâm, theo đây thành tựu *Đệ Nhất Nghĩa Không*, đó là Tâm Bồ Đề lia tướng. (\*) *Kinh Bồ Đề Hành*: Bồ tát *Long Thọ* tạo tụng, Hán dịch là đại sư *Thiên Trúc Tại* (?-1000), dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 4 quyển: Tập 32. *Nº*: 1662. *Kinh Bồ Đề Hành* tuy mang tên là kinh nhưng nội dung là luận, nên ĐTK/ĐCTT đã sắp vào *Tạng Luận*. Nội dung của luận phân làm 8 phẩm nêu thuật về hành trình tu tập để thành tựu đạo Bồ Đề<sup>(1)</sup>.

<sup>1</sup> Phật Quang Đại Từ Điển (Trang 264B – C) đã đối chiếu với *Luận Nhập Bồ Đề Hành* của tôn giả *Tịch Thiên* (Thế kỷ 7, 8 TL) để thấy bản Hán dịch *kinh Bồ Đề Hành* của đại sư *Thiên Trúc Tại*, như là Hán dịch từ *Luận Nhập Bồ Đề Hành* kia. Mà nguyên bản tiếng Phạn của luận kia đã được tìm thấy ở *Ni Bạc Nhĩ*, do học giả người Anh là *Hodgson* (1800-1894) phát hiện. Lại có bản dịch *Tạng ngữ*, ghi rõ tác giả là tôn giả *Tịch Thiên*. Vậy *kinh Bồ Đề Hành* do đại sư *Thiên Trúc Tại* (?-1000) Hán dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276), tác giả là tôn giả *Tịch Thiên*, chứ không phải là Bồ tát *Long Thọ*.

\* 8. *Luận Đại Thừa Khởi Tín*: Tác giả tương truyền là *Bồ tát Mã Minh* (Ásvaghoṣa: 100-160). Luận này có 2 bản Hán dịch:

\* (1). Do đại sư *Chân Đế* (499-569) dịch vào đời *Trần* (557-588), gồm 1 quyển: Tập 32. *Nº: 1666*. \* (2). Do đại sư *Thật Xoa Nan Đà* (652-710), dịch vào đời *Đường* (618-906) gồm 2 quyển: Tập 32. *Nº: 1667*. Đây là tác phẩm mang tính nhập môn trọng yếu đối với việc tiếp cận, lãnh hội tư tưởng của Phật giáo Đại Thừa. Toàn luận phân làm 5 phần: \* *Thứ 1*: Là phần *Nhân Duyên*, nêu lên 8 chi tiết để làm rõ về nhân duyên tạo luận. Đó là phần *Tự* (Mở đầu). \* *Thứ 2*: Là phần *Lập Nghĩa*. \* *Thứ 3*: Là phần *Giải Thích*. \* *Thứ 4*: Là phần *Tu Hành Tín Tâm*. Ba phần 2, 3, 4 này là *phần Chánh Tông* của Bản Luận. Hai phần *Lập Nghĩa* và *Giải Thích* thì nêu rõ về lý luận của 1 tâm, 2 môn, 3 đại. Phần *Tu Hành Tín Tâm* tức thuyết minh về pháp môn của 4 Tín, 5 Hành. \* *Nói: 1 Tâm* tức chỉ cho 1 *Tâm tuyệt đối*, 1 *Tâm* này tức là *Tâm chúng sanh*, cũng là *Tâm* của *Như Lai tạng* (*Chân Như*). *Nói chung*, vạn hữu của thế giới đều là sự hiển hiện của *Chân Như*. Tất cả chúng sanh xưa nay cũng thường trụ ở trong *Niết bàn*. \* *Gọi là 2 môn*: Tức chỉ *môn Tâm Chân Như* và *môn Tâm Sinh Diệt*. *Môn Chân Như* là *chân như* của *tuyệt đối*, tức nêu rõ về bản thể của tâm chúng sanh là không sanh, không diệt, xa lìa các tướng của ngôn thuyết, hoàn toàn bình đẳng mà thường hằng bất biến, lại bao gồm 2 thứ y ngôn và ly ngôn. Ở trong *môn Sanh Diệt* tức chỉ rõ hiện tượng nơi tánh của tâm chúng sanh tức là *Chân Như duyên khởi*. Nơi môn *Sanh Diệt* lại phân làm 2 thứ là *môn Lưu chuyển* và *môn Hoàn diệt*. Trong môn *Lưu chuyển*, biện rõ về sự lưu chuyển nơi mê giới. Nơi môn *Hoàn diệt* thì do trong cảnh giới mê lầm của chính mình, dựa nơi thứ bậc tu hành như 10 Tín, 10 Tục, 10 Hạnh, 10 Hồi hướng, 10 Địa v.v... để trở về đến cảnh giới *Chân Như* của *Niết Bàn*. \* *Gọi là 3 Đại*, tức chỉ cho 3 thứ *thể tướng dụng*. \* *Gọi là 4 Tín*, tức chỉ cho sự thành kính tin nơi *Chân Như* cùng Tam bảo (*Phật Pháp Tăng*). \* *Gọi là 5 Hành* tức chỉ cho

việc đốc sức hành *Bố thí, Trì giới, Nhân nhục, Tinh tấn* và *Chỉ quán*.

\* *Thứ 5*: Là phần Khuyên Tu, đạt lợi ích. Đó là *phần Lưu Thông* của Bản Luận<sup>(1)</sup>. \* *Luận Thích Ma Ha Diễn*: Tác giả là Bồ tát Long Thọ, Hán dịch là đại sư *Phiệt Tề Ma Đa* (Thế kỷ 4 TL) dịch vào đời *Hậu Tần* (384-417) gồm 10 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1668. Đây là tác phẩm chú giải, quảng diễn *Luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ tát Mã Minh*<sup>(2)</sup>.

\* *9. Luận Đại Tông Địa Huyền Văn Bản*: Tác giả là Bồ tát Mã Minh, Hán dịch là đại sư *Chân Đế* (499-569), dịch vào đời *Trần* (557-588) gồm 20 quyển<sup>(3)</sup>: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1669. Nội dung của luận là giải thích, làm rõ về hành vị của *địa Kim cương*, cùng lập ra 40 *phần Đại Quyết Trạch*, để lần lượt nói về 10 thứ Nhân duyên lớn, 5 thứ vị của Địa Kim cương v.v...

\* *10. Hai kinh nhưng nội dung là luận*: Là kinh Na Tiên Tỳ Kheo và kinh Phước Cái Chánh Hành Sở Tập: (\*) *Kinh Na Tiên Tỳ Kheo*: Gồm có 2 bản Hán dịch (Đều mất tên người Hán dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn): Tập 32. N<sup>o</sup>: 1670. *Bản A*: Gồm 2 quyển gần 10 trang Hán Tạng. *Bản B*: Gồm 3 quyển, hơn 15 trang Hán Tạng (Đầy đủ hơn Bản A). Tuy mang tên là *Kinh* nhưng nội dung là *Luận* (Nên ĐTK/ĐCTT đã sắp vào Tạng Luận). Nội dung của luận là ghi lại cuộc hội thoại giữa *vua Di Lan* (Người hỏi) và *tỳ kheo Na Tiên* (Người đáp) về một số vấn đề thuộc phần Giáo nghĩa căn bản của Phật giáo. Chúng tôi đã căn cứ theo những *từ ngữ, thuật ngữ* được sử dụng trong luận để cho rằng đây là 1 trong số những

<sup>1</sup> Về tác giả của *Luận Đại Thừa Khởi Tín* (N<sup>o</sup>: 1666, N<sup>o</sup>: 1667) cũng chưa định rõ: \* Thuyết thì cho đây là tác phẩm của Bồ tát Mã Minh. \* Thuyết thì cho đó là tác phẩm do người Trung Hoa viết v.v...

<sup>2</sup> Tác giả của *Luận Thích Ma Ha Diễn* (N<sup>o</sup>: 1668) cũng vậy. Ở đây chúng tôi vẫn ghi theo ĐTK/ĐCTT.

<sup>3</sup> Bản luận chỉ có hơn 25 trang Hán Tạng mà phân thành 20 quyển (!) một kiểu phân quyển chưa hề thấy trong ĐTK/ĐCTT. *Phật Quang Đại Từ Điển* (Trang 797A – B) đã đưa ra những đối chiếu để cho rằng luận này chỉ là 1 *ngụy tạo*, cả về tác giả và dịch giả.

tác phẩm đã được *Hán dịch sớm nhất* trong lịch sử phiên dịch Phật điển của Phật giáo Trung Quốc<sup>(1)</sup>. (\*) *Kinh Phước Cái Chánh Hành Sở Tập*: Tác giả là *Bồ tát Long Thọ* soạn tập, Hán dịch là đại sư *Nhật Xứng* (Thế kỷ 11 TL) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 12 quyển: Tập 32. N<sup>o</sup>: 1671. Nội dung của luận là thu góp, biên chép về các pháp chánh hành cần tu tập để có thể thành tựu được những phước đức làm vật dụng che trùm thân.

\* 11. *Mảng luận sau cùng từ N<sup>o</sup>: 1672 đến N<sup>o</sup>: 1692*: Là tập hợp, giới thiệu các *kệ tụng*, *kệ tán*, các *thần chú* v.v... Xin nêu dẫn một số tác phẩm đáng chú ý:

\* (1). *Kệ Long Thọ Bồ Tát Vị Thiên Đà Ca Vương Thuyết Pháp Yếu*: Tác phẩm này có 3 bản Hán dịch: \*) Bản do đại sư *Câu Na Bạt Ma* (367-431) Hán dịch vào đời *Lưu Tống* (420-478) mang tên như đã nêu, gồm 1 quyển (Tập 32. N<sup>o</sup>: 1672) với 442 câu kệ 7 chữ. \*) Bản do đại sư *Tăng Già Bạt Ma* (Thế kỷ 5 TL) Hán dịch vào đời *Lưu Tống* (420-478) mang tên: *Khuyến Phát Chư Vương Yếu Kệ*, gồm 1 quyển (Tập 32, N<sup>o</sup>: 1673) với 544 câu kệ 5 chữ. \*) Bản do đại sư *Nghĩa Tịnh* (635-713) Hán dịch vào đời *Đường* (618-906) mang tên: *Long Thọ Bồ Tát Khuyến Giới Vương Tụng*, gồm 1 quyển (Tập 32, N<sup>o</sup>: 1674) với 420 câu kệ 5 chữ và 86 câu kệ 7 chữ đan xen nhau. Nội dung của kệ Khuyến Phát này là Bồ tát Long Thọ đã dựa theo chánh pháp của Phật khuyến vua Thiên Đà Ca nên tín thọ, tu tập theo 6 Niệm (Tam bảo, Thí, Giới, Thiên).

\* (2). *Tụng Tán Pháp Giới*: Tác giả là *Bồ tát Long Thọ*, Hán dịch là đại sư *Thi Hộ* (Thế kỷ 10, 11 TL) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 1 quyển (Tập 32, N<sup>o</sup>: 1675) với 302 câu kệ 5 chữ.

\* (3). *Tụng Quảng Đại Phát Nguyện*: Tác giả là *Bồ tát Long Thọ*, Hán dịch là đại sư *Thi Hộ* (Thế kỷ 10, 11 TL) dịch vào đời

<sup>1</sup> Xem thêm bài viết của *Đào Nguyên*: Về niên đại Hán dịch của kinh Na Diên Tỳ Kheo. Nguyệt san Giác Ngộ, số 212, tháng 11-2013.

*Triệu Tống* (960-1276), gồm 1 quyển (Tập 32, N<sup>o</sup>: 1676) với 76 câu kệ 7 chữ.

\* (4). *Tam Thân Phạn Tán*: Là bài chú ngắn, do đại sư *Pháp Hiền* (?-1001) dịch âm vào đời *Triệu Tống* (960-1276): Tập 32, N<sup>o</sup>: 1677.

\* (5). *Phật Tam Thân Tán*: Không ghi tác giả, Hán dịch là đại sư *Pháp Hiền* (?-1001), dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 8 kệ (32 câu 7 chữ). \* 2 kệ đầu: Tán thán về Pháp thân. \* 2 kệ tiếp: Tán thán về Báo thân. \* 2 kệ tiếp theo: Tán thán về Hóa thân. \* 2 kệ sau cùng: Là Hồi hướng (Tập 32, N<sup>o</sup>: 1678).

\* (6). *Phật Nhật Bách Bát Danh Tán*: Không ghi tác giả, Hán dịch là đại sư *Pháp Thiên* (?-1001) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276). Bài tán về 108 danh hiệu của Phật này gồm phần kệ (24 câu kệ 5 chữ) và phần văn xuôi: Đánh lễ 108 danh hiệu của Phật. Sau cuối là một kệ (4 câu 7 chữ) Hồi hướng (Tập 32, N<sup>o</sup>: 1679).

\* (7). *Nhất Bách Ngũ Thập Tán Phật Tụng*: Tác giả là tôn giả *Ma Diệt Lý Chế Trá*, Hán dịch là đại sư *Nghĩa Tịnh* (635-713), dịch vào đời *Đường* (618-906) gồm 1 quyển: Tập 32, N<sup>o</sup>: 1680, với 592 câu kệ 5 chữ và 20 câu kệ 7 chữ (sau cuối).

\* (8). *Tán Phật Cát Tường Đức*: Tác giả là tôn giả *Tịch Hữu*, Hán dịch là đại sư *Thi Hộ* (Thế kỷ 10, 11 TL) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276) gồm 3 quyển: Tập 32, N<sup>o</sup>: 1681. \* *Quyển Thượng*: Gồm 368 câu kệ 7 chữ. \* *Quyển Trung*: Gồm 376 câu kệ 7 chữ. \* *Quyển Hạ*: Gồm 236 câu kệ 7 chữ và 196 câu kệ 5 chữ. Tất cả là nhằm tán thán về các đức vô thượng của Phật.

\* (9). *Thất Phật Tán Bối Già Tha*: Là những Minh chú ngắn, tán thán 7 Phật quá khứ, 1 Phật vị lai cùng Hồi hướng, do đại sư *Pháp Thiên* (?-1001) dịch âm: Tập 32, N<sup>o</sup>: 1682.

\* (10). *Kiên Trùy Phạn Tán*: Là bài Minh chú dài, do đại sư *Pháp Hiền* (?-1001) dịch âm. Tập 32, N<sup>o</sup>: 1683.

\* (11). *Bát Đại Linh Tháp Phạn Tán*: Là bài Minh chú ngắn, do đại sư *Pháp Hiền* dịch âm, Tập 32, N<sup>o</sup>: 1684.

\* (12). *Hiền Thánh Tập Già Đà Nhất Bách Tụng*: Không ghi tác giả, Hán dịch là đại sư *Thiên Túc Tại* (?-1000) dịch vào đời *Triệu Tống* (960-1276), gồm 1 quyển: Tập 32, N<sup>o</sup>: 1686, với 108 câu kệ 7 chữ và 292 câu kệ 5 chữ...

Chủ tịch Tuệ Quang Foundation

Nguyễn Hiền - Trần Tiến Huyền





SỐ 1628  
NHÂN MINH CHÍNH LÝ MÔN LUẬN BẢN

*Bồ-tát Đại Vực Long tạo luận  
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Vì muốn đơn giản giữ sự chân thật trong nghĩa năng lập năng phá nên tạo luận này.

*Tông v.v... nói nhiều nghĩa năng lập,  
Trong đó chỉ tùy tự ý lạc.  
Là sở thành lập gọi là tông,  
Phi nghĩa tương vi kia: năng khiển.*

Tông v.v... nói nhiều nghĩa năng lập, nghĩa là do tông nhân dụ nói nhiều biện thuyết về chỗ không liễu nghĩa của đối phương. Những phương thức lập luận nói nhiều này gọi là năng lập. Lại dùng một ngôn từ năng lập là hiển thị tổng quát một tính năng lập. Do đây phải biết tùy chỗ có thiếu sót gọi là lỗi năng lập. Nói “trong đó”, là nghĩa khởi luận đoạn, hoặc nghĩa giản trì, là ở trong tông v.v... nên gọi là “trong đó”. Nói “chỉ”, là nghĩa giản biệt. “Tùy tự ý”, là tùy ý mình lập không kể luận tông. “Lạc”, là sở lập, nghĩa là bất lạc là tính năng thành lập, nếu khác đây gọi là sở thành lập. Tương tự nhân tương tự dụ cũng phải gọi là tông để hiển thị lia lỗi của các lập tông khác. Nói “Phi nghĩa tương vi kia: năng khiển”, nghĩa là nếu chẳng phải trái nghĩa ngôn ngữ âm thanh sở khiển, như lập tất cả ngôn ngữ

đều là vọng, hoặc mâu thuẫn với nghĩa trước đã lập tông, như bọn Huân hồ tử lập thanh là thường còn. Lại như trong tông do không chung nên không có tỷ lượng làm cực thành nói là khiến trừ nghĩa trái nhau. Như nói “Ôm con thỏ chẳng phải có mặt trăng”. Lại đối với hữu pháp, tức kia lập cực thành hiện lượng này là khiến trừ nghĩa trái nhau với tỷ lượng. Như có thuyết thành lập thanh chẳng phải sở văn, cái bình là thường v.v... Có các thuyết nói rằng tông nhân mâu thuẫn nhau gọi là tông vi, là không phải lỗi của tông. Vì ở trong đó lập thanh là thường, tất cả đều vô thường, là dụ phương tiện cần lập một pháp khác. Do hợp dụ cho thấy chẳng phải tất cả. Nhân này là phi hữu, vì thanh có trong tất cả. Hoặc vì lập một phần nghĩa nên nghĩa này không thành gọi là lỗi của nhân. Dụ cũng có lỗi do dụ pháp khác, trước nói tông không sau nói nhân không. Phải nói như thế này vô thường tất cả, là nói phi phi nhất thiết nghĩa, nhưng đây nói đảo lại nhất thiết vô thường cho nên trong đây dụ cũng có lỗi.

Như vậy đã nói tông và tương tự tông. Nhân với tương tự nhân đa phần là tông pháp. Nay sẽ hiển thị tướng sai biệt này.

*Tông pháp nơi đồng phạm,  
Là đủ hữu, phi hữu.  
Nơi dị phạm đều 3,  
Hữu, phi hữu và 2.*

Sao không gồm chung lấy lạc sở thành lập hợp lại nói là tông ?  
Sao trong đây lại nói tông là chỉ lấy hữu pháp ?

Đây không có lỗi bởi tông thanh cũng chuyên nơi biệt. Như nói “đốt áo “.Hoặc có tông thanh chỉ thuyên nơi pháp. Trong đây tông pháp chỉ lấy lập luận và địch luận, là quyết định cùng chấp nhận. Ở trong đồng phạm, hữu phi hữu v.v... cũng như vậy. Bởi vì sao ? Nay đây chỉ dựa vào chứng liễu nhân, cho nên chỉ do trí lực hiểu được nghĩa sở thuyết, chẳng phải như sinh nhân do có thể khởi dụng.

Nếu vậy đã lấy trí làm liễu nhân thì lời nói ấy lại mất nghĩa năng thành lập ?

Đây cũng không phải vậy. Khiến kia ức niệm bản cực thành, cho nên trong đây chỉ lấy kia đây đều chấp nhận nghĩa, tức là khéo nói. Do vậy, nếu có kia đây không đồng chấp nhận, chắc chắn chẳng phải tông pháp. Như có thuyết thành lập thanh là vô thường, vì mất thấy. Lại nếu dịch luận không đồng chấp nhận, thì như đối hiển luận sở tác tính. Lại nếu do dự như khi dựa vào khói chẳng hạn khởi nghi hoặc thành lập đại chúng hòa hợp là có lửa vì hiện có khói. Hoặc ở nơi đó hữu pháp bất thành, như thành lập ngã, thể của nó chu biến khắp mọi nơi vì sinh lạc v.v... Như vậy nói tất cả phẩm loại có ngôn từ đều là phi năng lập, ở nơi đồng phẩm của nó hữu phi hữu v.v... cũng tùy chỗ thích ứng phải nói như thế. Ở trong trường hợp phải nói nhân với tương vi và bất định thì chỉ có cùng chấp nhận ngôn từ quyết định nói là năng lập hoặc nói là năng phá, chẳng phải cùng nhau bất thành ngôn từ do dự lại phải đợi thành. Phạm lập tông pháp, lý phải dùng các pháp khác làm nhân, thành lập pháp này. Tức là nếu thành lập hữu pháp là hữu, hoặc lập là vô, như hữu thành lập tối thắng là hữu vì hiện thấy vật khác có tổng loại, hoặc lập là vô vì không thể có được.

Nghĩa ấy như thế nào ?

Trong đây chỉ lập vật khác, chắc chắn có một nhân làm tông, không lập tối thắng, nên không có lỗi này. Nếu lập là vô, cũng giả an lập một pháp không thể có được, cho nên cũng không có lỗi hữu pháp. Nếu lấy hữu pháp lập các hữu pháp khác, hoặc lập pháp ấy như lấy khói lập lửa hoặc lấy lửa lập xúc.

Nghĩa ấy như thế nào ?

Nay ở trong đây chẳng phải lấy sự thành lập lửa và xúc làm tông, mà chỉ để thành lập vật tương ưng với đây. Nếu không như vậy

thì căn cứ vào khối lập lữa căn cứ vào lữa lập xúc, phải thành một phần tông nghĩa làm nhân. Lại ở trong đây chẳng phải muốn thành lập hữu tính của lữa xúc cùng biết là có, lại ở trong đây quán thành nên lập pháp hữu pháp, chẳng phải đức hữu đức nên không có lỗi.

Lại nói bài tụng rằng:

*Hữu pháp chẳng thành nơi hữu pháp,  
Và pháp đây chẳng thành hữu pháp.  
Chỉ do pháp nên thành pháp ấy,  
Như vậy thành lập nơi hữu pháp.*

Nếu thành lập thanh chẳng phải là thường, nghiệp phải là thường, thì cái thường phải là cái có thể có được.

Như vậy làm sao gọi là tông pháp ?

Đây nói cái lỗi kia do tông nhân, bởi có lập thuyết phải nói, bởi trước lập thường vì không có hình ngại, sau chỉ lập tôn bài xích lỗi của nhân kia.

Nếu như vậy lập thanh là vô thường, vì sở tác chẳng phải thường, thường chẳng phải sở tác.

Đây là thế nào ?

Là dụ phương tiện đồng pháp khác pháp. Như thứ tự đó mà nói tông ấy chắc chắn theo đuổi, và tông không có chỗ chắc chắn không nhân. Bởi ở trong đây do phối hợp hiển thị nhân của tính sở tác. Như vậy âm thanh này chắc chắn là sở tác chẳng phải phi sở tác. Cái tính sở tác này chắc chắn là tông pháp.

Lại nói bài tụng rằng:

*Nói nhân tông đi theo,  
Tông không, nhân chẳng có.  
Y hiển dụ thứ 5,  
Phối hợp nên biết nhân.*

Do đây đã giải thích trở lại phá phương tiện, bởi tính sở tác thấy nơi vô thường nên không thấy nơi thường. Như vậy thành lập thanh chẳng phải là thường nên phi tác. Cho nên thuận thành trở lại phá phương tiện, chẳng phải nhân của biệt giải. Như phá ngã của Số luận đã có nói rộng nên nay hãy thôi tranh luận .

Như vậy 3 thứ sai biệt của tông pháp là đồng phẩm hữu, phi hữu và đủ cả hai. Trước trừ chữ “và”.

Trong đây, nếu phẩm với pháp sở lập gần bằng nhau thì gọi là đồng phẩm. Bởi tất cả nghĩa đều gọi là phẩm. Nếu sở lập không, gọi là dị phẩm. Phi với đồng phẩm tương vi, hoặc biệt dị. Nếu tương vi, thì phải giản biệt. Nếu biệt dị, thì phải không có nhân. Do đạo lý này tính sở tác có thể thành vô thường và vô ngã v.v... không trái nhau. Nếu pháp có thể thành trái nhau với sở lập, là lỗi tương vi, tức gọi là tựa nhân như pháp vô vi. Tương vi cũng vậy. Pháp sở thành là không, vì chắc chắn không có. Chẳng phải như nhân của cái bình v.v... thành do dự lần hồi trong không mà có. Bởi cái tính sở tác hiện thấy lia cái bình, nơi cái áo v.v... mà có. Chẳng phải lia vô thường nơi vô ngã v.v... mà có nhân này.

Thế nào là pháp khác ở nơi khác chuyên ?

Do kia tương tự không nói tên khác nói tức là đây, không có lỗi nếu không nói khác.

Sao nhân này gọi là tông pháp ?

Trong đây chỉ nói chắc là tông pháp, không muốn nói duy chỉ là tông pháp.

Nếu vậy đồng phẩm cũng phải gọi là tông ?

Không phải như vậy. Vì chỗ khác nói sở thành. Nhân ấy không khác mới thành tỷ lượng nên không tương tự. Lại đây mỗi mỗi đều có 3 thứ. Nghĩa là trong tất cả đồng phẩm hữu, nơi dị phẩm kia hoặc

hữu, phi hữu, và hữu phi hữu, nơi đồng phẩm kia phi hữu và đều cả hai. Đều có 3 thứ sai biệt như vậy.

Nếu vô thường tông hoàn toàn không có dị phẩm, đối không lập luận có hư không v.v... làm sao nói được nơi kia không có cái này ?

Nếu kia không có, nơi kia không chuyển, vì hoàn toàn không nghi nên không có lỗi này. Như vậy hợp thành 9 thứ tông pháp, tùy theo thứ tự lược nói tướng của chúng. Nghĩa là lập thanh là thường vì tính sở lượng, hoặc lập vô thường vì tính sở tác, hoặc lập cần dừng vô gián sở phát vì tính vô thường, hoặc lập là thường vì tính sở tác, hoặc lập là thường vì tính sở văn, hoặc lập là thường vì tính sở phát cần dừng vô gián hoặc phi cần dừng vô gián sở phát vì tính vô thường, hoặc lập vô thường vì tính sở phát cần dừng vô gián, hoặc lập là thường vì không xúc đối. Chín thứ như vậy gồm trong 2 bài tụng:

*Thường, vô thường, cần dừng,  
Hằng trụ, tính kiên lao.  
Phi cần, thiên, bất biến,  
Do sở lượng... 9 thứ.  
Sở lượng, tác, vô thường,  
Tác tính, nghe, dừng phát.  
Vô thường, dừng, vô xúc,  
Y tính thường... 9 thứ.*

Phân biệt như vậy gọi là nhân, tương vi, bất định. Cho nên bản tụng nói:

*Nơi đồng, hữu và 2,  
Nơi dị, vô là nhân.  
Ngược đây là tương vi,  
Ngoài ra đều bất định.*

Trong đây chỉ có 2 thứ gọi là nhân, nghĩa là nơi đồng phẩm khắp tất cả là hữu, dị phẩm khắp tất cả là vô. Và nơi đồng phẩm

thông cả hữu phi hữu, dị phẩm thì khắp tất cả là vô. Ở cái đầu và sau 3 cái đều lấy 1 cái giữa. Lại nữa, chỉ 2 thứ nói là trái nhau vì có thể đảo lập, nghĩa là nơi dị phẩm hữu và 2 thứ, nơi đồng phẩm khắp tất cả là vô. Thứ hai trong 3 cái lấy 2 cái đầu và sau. Ngoài ra 5 thứ nhân và trái nhau, đều không quyết định, đó là nghĩa của nghi nhân. Lại trong các tướng của tất cả nhân đều nói sở thuyết một số đồng loại, chớ nên nói 2 tướng trái nhau hợp chung một chỗ như là nhân v.v... Hoặc nơi một tướng đồng tác sự nên thành nhân không biến khắp. Lý nên gọi 4 thứ là nhân bất định, vì đều có cả 2.

Sở vấn là thế nào ? Vì do không chung. Bởi nếu không chung thành lập pháp có các sai biệt gồm khắp tất cả đều là nghi nhân. Chỉ kia là hữu tính nên kia bao gồm. Hoàn toàn lia nên các hữu đều cùng không giản biệt nhân. Đây chỉ đối với kia đều không trái nhau là tính nghi nhân. Nếu ở trong đó câu phân là hữu cũng là định nhân. Giản biệt những cái khác nên gọi là sai biệt. Nếu trả lời chấp nhận có tính của thanh là thường thì đây phải thành nhân. Nếu bấy giờ không có hiển thị tính sở tác là vô thường nhân thì chấp nhận có nghĩa này. Nhưng đều có thể được một nghĩa trái nhau, không thể chấp nhận hữu chi, nên là do dự nhân. Lại nữa vì trong sức hiện giáo này thắng hơn nên phải dựa vào tư duy này cầu quyết định. Tụng nói:

*Nếu pháp là không chung,  
 Chung, chắc chắn tương vi.  
 Khắp tất cả, nơi kia,  
 Đều là tính nghi nhân.  
 Tà chứng pháp, hữu pháp,  
 Tự tính hoặc sai biệt,  
 Đây thành tương vi nhân  
 Nếu không có nghịch hại.  
 Quán tông pháp thẩm xét  
 Nếu sở thích nghịch hại,*

*Thành trừ trừ, điên đảo,  
Khác đây, không tựa nhân.*

Như vậy là đã nói xong nhân và tựa nhân. Nay sẽ nói đến dụ và tựa dụ:

*Nói nhân, tông đi theo,  
Tông không nhân, không có.  
Hai đây là thí dụ,  
Ngoài ra đều tương tự.*

Dụ có 2 thứ: Đồng pháp và dị pháp. Đồng pháp là lập thanh vô thường vì là tính cần dùng vô gián sở phát. Bởi các cần dùng vô gián sở phát đều thấy vô thường. Cũng như cái bình v.v... Dị pháp là các hữu thường trụ, thấy chẳng phải do cần dùng sở phát. Như hư không v.v... Trước là giá thuyết, sau là chỉ lạm. Do hợp và ly là nghĩa tỷ đạc, do đó tuy đối nghịch không lập thật có thái hư không, mà được hiển thị không có tông thành nghĩa không có nhân. Lại nữa vì duyên gì thứ nhất nói nhân tông đi theo, thứ hai nói tông không nhân không có, mà không nói nhân không tông không có ư? Do nói như vậy có thể hiển thị nhân đồng phẩm chắc chắn là có. Dị phẩm khắp không, chẳng phải nói điên đảo. Lại nữa có tụng nói:

*Nên lấy phi tác chứng thường kia,  
Hoặc lấy vô thường thành sở tác.  
Nếu vậy phải thành phi sở thuyết,  
Bất biến, phi lạc v.v... hợp, ly.*

Như vậy là đã nói xong 2 pháp hợp ly thuận nghịch 2 dụ. Ngoài ra tương tự với đây là nghĩa của tựa dụ. Sao gọi là ngoài đây ra? Nghĩa là ở đó sở lập năng lập và bất đồng phẩm tuy có hợp ly mà là điên đảo thuyết. Hoặc ở nơi đó không làm hợp ly, chỉ hiện sở lập năng lập đều có, dị phẩm đều không. Như vậy 2 pháp hoặc tùy 1 bất thành bất khiển, hoặc có 2 đều bất thành bất khiển. Như lập thanh



là thường vì không xúc đối. Đồng pháp dụ nói các không xúc đối thấy chúng đều thường, như nghiệp, như cực vi, như cái bình v.v... Dị pháp dụ là nói các vô thường thấy có xúc đối, như cực vi, như nghiệp, như hư không v.v... Do đó đã nói trong đồng pháp dụ có pháp bất thành. Nghĩa là đối không chấp nhận thường. Hư không v.v... là phải đủ 2 thí dụ ngôn từ mới thành năng lập, là như nhân kia chỉ tùy nói một. Nếu với chính lý phải nói đủ 2. Do đó hiển thị đầy đủ sở lập không lia nhân kia. Bởi hiển thị đầy đủ đồng phẩm chắc chắn có dị phẩm khắp không, có thể chính đối trị tương vi, bất định. Nếu có nơi đây một phần đã thành, tùy nói một phần cũng thành năng lập. Nếu như thanh kia 2 nghĩa đồng chấp nhận, đều không phải nói, hoặc do nghĩa căn cứ 1 có thể rõ 2.

Lại trong tỷ lượng chỉ thấy lý này. Nếu chỗ so sánh đây đem thẩm định đối với các đồng loại khác, niệm đây chắc chắn có, đối với vô xứ kia niệm đây khắp không. Cho nên do đây sinh cái hiểu quyết định. Nên tụng nói:

*Như tự quyết định rồi,  
Mong kia quyết định sinh.  
Nói tông pháp, tương ưng,  
Sở lập, các viễn ly.*

Là ở trong sở tỷ, để làm rõ tính của tông pháp nên nói nhân; để làm rõ tính quan hệ không tương ly của nhân pháp với tông pháp nơi đây nên nói dụ, để làm rõ sở tỷ nên nói tông. Ở trong sở tỷ, trừ đây sẽ không có chi phần, nào khác. Do đó ngăn chặn khiến trừ các thẩm xét và với hợp kết.

Nếu vậy, dụ phải chẳng phải dị phần, vì làm rõ nghĩa của nhân. Về sự, tuy thật vậy, nhưng nói nhân đây là chỉ để làm rõ tính của tông pháp, chứ chẳng phải để hiển thị đồng phẩm dị phẩm hữu tính vô tính. Cho nên phải tách riêng đồng dụ dị dụ.

Nếu chỉ đem nhân biểu thị ý nghĩa sở thuyên mà gọi là nhân thì có gì sai lỗi hay có gì đúng tốt ?

Nói riêng dụ phân là đúng là tốt. Như thế gian nói phương tiện với nghĩa của nhân đều không tương ưng.

Nếu vậy có lỗi gì ?

Đó là chỉ nói nghĩa tương ứng với đồng loại sở lập mà không có công năng, chẳng phải nghĩa của năng lập. Bởi luận thức kia chỉ nói tính sở tác nên tương tự pháp đồng loại không nói ý nghĩa thành lập của năng lập. Lại nhân, dụ riêng biệt, đây có đồng pháp dị pháp của sở lập, hoàn toàn không có khả năng hiển thị tính bất tương ly của nhân với sở lập. Cho nên chỉ có tương tự nghĩa của sở lập mà không có công năng.

Vì sao không có công năng ?

Bởi trong cùng dụ không chắc là tông pháp, tông nghĩa tương tự, đây lại là các ví dụ sở thành lập nên thành vô cùng. Lại nữa không chắc chắn có các phẩm loại, vì chẳng phải trong dị phẩm không biểu thị vô tính có thể lựa chọn làm thí dụ, cho nên nói tụng rằng:

*Nếu nhân chỉ sở lập,  
Hoặc sai biệt tương tự,  
Thí dụ sẽ vô cùng,  
Và ngăn trừ dị phẩm.*

Thế gian chỉ hiển thị tông, nhân dị phẩm hữu tính, đồng xứ làm dị pháp dụ, chẳng phải tông vô xứ, nhân bất hữu tính, cho nên nhất định không có công năng.

Nếu chỉ có tông pháp là nhân tính thì những bất định cũng phải thành nhân. Làm sao có đủ năng lập sở lập và 2 thứ thí dụ của dị phẩm pháp mà có lỗi này ?

Nếu khi ấy sở lập dị phẩm chẳng phải một chủng loại thì có lỗi này, như ban đầu, sau 3 đều có thí dụ sau cùng. Cho nên chắc chắn 3

tướng chỉ là hiện thị nhân. Do đó tuy tất cả phân đều có thể là nhân hiện thị sở lập, nhưng chỉ chỉ lấy một phân nói là nhân.

Như vậy đã lược nói tông v.v... và tương tự, tức đa ngôn là năng lập và tự năng lập, tùy chỗ thích ứng để khai ngộ đối phương nên nói năng lập và tự năng lập này.

Để tự khai ngộ chỉ có hiện lượng cùng với tỷ lượng. Kia thanh, dụ v.v...gồm ở trong đây cho nên chỉ có 2 lượng. Do đây có thể liễu ngộ tự tướng và cộng tướng, cho nên chẳng phải tách rời 2 tướng này mà có sở lượng nào khác để liễu tri kia lại lập lượng khác, cho nên tụng nói:

*Hiện lượng trừ phân biệt,  
Ngoài ra nói nhân sinh.*

Trong đây nói hiện lượng trừ phân biệt, nghĩa là nếu có trí thì đối với sắc v.v... các cảnh xa lìa tất cả chủng loại danh ngôn giả lập vô dị các môn phân biệt. Bởi chúng không cùng duyên hiện riêng biệt chuyển, nên gọi là hiện lượng. Nên nói tụng rằng:

*Hữu pháp: phi một tướng,  
Căn: phi tất cả hành.  
Chỉ nội chứng ly ngôn,  
Là cảnh giới sắc căn.*

Ý địa cũng có lìa các phân biệt, chỉ có chứng hành chuyển. Lại đối với tham v.v... các tự chứng phần, các người tu thiền định lìa sự phân biệt của giáo nghĩa đều là hiện lượng.

Lại ở trong đây không có lượng quả nào khác bởi ngay nơi cái thể này sinh nghĩa tương tự nên tương tự có công năng tác dụng vì vậy giả nói là lượng.

Nếu trong tham v.v... các tự chứng phần cũng là hiện lượng thì vì sao trong đây trừ trí phân biệt ?

Không ngăn tự chứng hiện lượng trong đây vì không phân biệt. Có điều trong đây liễu biệt các cảnh phần không gọi là hiện lượng. Do đó tức như nói nghĩ nhớ, so sánh lượng đặc, mong cầu, trí nghi ngờ, trí hoặc loạn v.v... đối với thô ái v.v... đều chẳng phải hiện lượng tùy theo chỗ lãnh thụ trước mà phân biệt chuyên. Cũng như vậy cái trí của thế tục về cái bình, số, cử, hữu tính, bình tính v.v... đều là tự hiện lượng vì các loại trí này đều trong pháp thật hữu tạo tác các hành tướng, giả hợp các nghĩa mà phân biệt chuyên.

Đã nói xong về hiện lượng, tiếp sẽ nói đến tỷ lượng. ‘Ngoài ra nói nhân sinh’ nghĩa là câu này là nói cái trí tỷ lượng phát sinh từ cơ sở trí hiện lượng, như đã nói năng lập nhân sinh là duyên theo nghĩa ấy.

Đây có 2 thứ, nghĩa là với cái trí so sánh thẩm xét quán sát từ hiện lượng sinh hoặc tỷ lượng sinh, và nghĩ nhớ nhân này với chỗ lập tông không tách rời nhau. Do đó thành lực đã nói ở trước, nghĩ nhớ đồng phẩm nhất định có. Cho nên vì là nhân so sánh lượng đặc gần xa đều gọi là tỷ lượng. Đây là y cứ vào tác cụ và tác giả mà nói. Như vậy nên biết rằng liễu ngộ tỷ lượng kia cũng không tách rời đây mà được thành năng lập. Cho nên nói tụng rằng:

*Một sự có nhiều pháp,  
Tướng: phi tất cả hành.  
Chỉ do các giản biệt,  
Biểu định hay theo đuổi.  
Cũng như vậy năng tướng,  
Cũng có rất nhiều pháp.  
Chỉ không vượt sở tướng,  
Năng biểu thị, phi dư.*

Vì sao trong đây với hiện lượng ở trước kiến lập riêng biệt ?

Vì hiện ... 2 môn, đây ứng với tỷ quả nói là tỷ lượng, kia ứng với hiện nhân nói là hiện lượng đều không ngăn cản.

Đã nói xong năng lập và tự năng lập, tiếp sẽ nói năng phá và tự năng phá. Tụng nói:

*Năng phá thiếu ngôn từ,  
Tự phá là các loại.*

Trong đây nói năng phá thiếu ngôn từ, nghĩa là thiếu các ngôn từ đã nói ở trước các phần lỗi, mỗi lời mỗi lời đều gọi là năng phá, bởi mỗi lời mỗi lời đều hiển thị tiền tông chẳng phải là thiện thuyết, tức là địch luận đều chẳng phải chân năng lập.

Tụng nói ‘Tự phá là các loại’, tức là các loại lỗi tương tự đồng pháp gọi là tự năng phá. Bởi kia phần nhiều dùng tỷ lượng để mê hoặc đối phương mà lập ra, cho nên không hiển thị đúng chỗ sai lầm của đối phương. Do kia bài xích phi lý mà lập ra năng phá nên những loại như thế gọi là loại lỗi. Nếu với phi lý lập trong tỷ lượng như vậy, hoặc không hiểu rõ lỗi của tỷ lượng, hoặc không biết phá như thế nào thì không gọi là loại lỗi.

*Vì thị hiện dị phẩm  
Do đồng pháp dị lập,  
Đồng pháp tương tự. Ngoài  
Do dị pháp. Phân biệt  
Sai biệt là phân biệt.  
Nên một thành không khác.  
Hiển sở lập các nhân,  
Có thể gọi tương tự.  
Nghĩa khó rõ, biệt nghi nhân,  
Nên nói là do dự.  
Nói nghĩa dị phẩm nên  
Phi ái là nghĩa chuẩn.*

Trong đây thị hiện dị phẩm nên ‘do đồng pháp dị lập’. ‘Đồng pháp tương tự’, là diên đảo thành lập nên gọi là dị lập. Đây là căn cứ

vào tác cụ tác giả mà nói đồng pháp. Tức là tương tự nên gọi là đồng pháp tương tự vì bao gồm trong loại lỗi tương tự. Nói tương tự, nghĩa là âm thanh trung tính vì tương ứng năng phá, hoặc theo đó kết tụng.

Thế nào là đồng pháp tương tự năng phá ?

Vì trong sở tác nói năng tác, vì chuyển sinh khởi nên nói như vậy, sau tùy chỗ thích ứng cũng nói như vậy. Nay trong đây do đồng pháp dụ điền đảo thành lập cho nên nói là đồng pháp tương tự. Như có thuyết thành lập thanh là vô thường, vì do tính cần dừng vô gián phát sinh. Đây lấy hư không làm dị pháp dụ, lấy hữu hiển hư không làm đồng pháp dụ, vì không có chất liệu nên lập thanh là thường. Cũng như vậy, tức như đây nói trong nhân cái bình phải là đồng pháp, mà dị phẩm hư không nói là đồng pháp do đó nói là đồng pháp tương tự. ‘Ngoài ra do dị pháp’, tức là dị pháp tương tự, nghĩa là ngoài đồng pháp tương tự ở trước còn lại là thị hiện dị phẩm do dị pháp dụ điền đảo mà lập. Trong 2 dụ như trước an lập cái bình là dị pháp, cho nên nói là dị pháp tương tự.

Phân biệt sai biệt gọi là phân biệt, nghĩa là trước nói thị hiện v.v..., nên nay nói phân biệt sai biệt. Phải biết phân biệt đồng pháp sai biệt, nghĩa là như trước nói cái bình là đồng pháp. Nơi đồng pháp kia có pháp có thể nung đốt v.v... vì nghĩa sai biệt đó nên cái bình phải là vô thường, chẳng phải như thanh là thường vì có chỗ sai biệt là không thể thiêu đốt v.v.... Do phân biệt điền đảo này lập ra nên nói là phân biệt tương tự. Văn tụng nói ‘Nên một thành không khác’ hiển thị đồng pháp như trước đã nói, do đó đây và kia phải thành một. Kia là cái gì ? Bởi không nghe phương tiện khác, vì gần gũi nên biết là tông. ‘Thành không khác’, tức là thành lỗi không khác, nghĩa là do câu này có thể biết nghĩa nên không nói tên cái gì với cái gì cùng thành không khác. Cho nên tức tất cả đây với tất cả kia nếu có nói nếu thấy cái bình v.v... có đồng pháp tức khiến các pháp khác cũng không khác biệt. Tất cả bình, pháp, thanh đều có, thế thì tất cả

pháp phải thành cùng một tính với nhau. Trong đây cưỡng ép thành lỗi không khác biệt, cũng để hiển thị sự sai biệt của cái bình và thanh không khác lắm với phân biệt tương tự ở trước nên phải nói riêng. Nếu lấy sự phát sinh cần dừng vô gián thành lập vô thường, muốn hiển thị đều chẳng phải tính rốt ráo thì thành lỗi không khác biệt của tông nhân, cưỡng ép đây khiến thành tính không khác biệt. Cho nên gọi tên là vô dị tương tự.

Có thuyết nói rằng nếu nhân này có thể thành lập sở thành lập pháp thì cũng có thể thành lập tương vi pháp này. Do không khác biệt cho nên gọi là vô dị tương tự.

Tụng nói ‘Hiện sở lập các nhân, có thể gọi tương tự.’, nghĩa là hiển thị sở lập tông pháp mà các nhân có thể được tức là nói có thể được tương tự. Nghĩa là có thuyết nói như trước thành lập thanh là vô thường, đó chẳng phải là chính nhân. Đối với điện, ánh sáng v.v... do hiện thấy v.v... các nhân có thể được là vô thường. Cho nên nếu tách rời đây mà có được kia thì đây chẳng phải nhân của kia.

Ngoài ra đối với đây còn tạo phương tiện khác bảo rằng đây chẳng phải chính nhân vô thường của kia vì không biến khắp. Như nói cây rừng đều có tư duy vì chúng có ngũ.

Nghĩa khó hiểu rõ và nghi nhân nên nói là do dự, nghĩa là quá loại tương ưng nên nói nữ thanh. ( Trong tiếng Phạn 2 từ ‘tương tự’ với ‘quá loại’ thì ‘quá loại là jāti chỉ cho nữ thanh, và ‘tương tự’ là samā cũng chỉ cho nữ thanh, tức là tiếng con gái.) Trong đây nhân phân biệt sự khác biệt tông nghĩa thành bất định. Cho nên nói là do dự tương tự, hoặc phân biệt sự khác biệt nghĩa của nhân nên gọi là do dự tương tự quá loại. Nghĩa là có thuyết nói như trước thành lập ‘thanh là vô thường vì tính tính cần dừng vô gián phát khởi’, hiện thấy ‘cần dừng vô gián phát khởi’ hoặc hiển hoặc sinh nên thành do dự nay sở thành lập là hiển hay là sinh ? Cho nên không nên lấy nhân như vậy chứng nghĩa “vô thường”.

Tụng nói ‘Nói nghĩa dị phẩm nên phi ái là nghĩa chuẩn’ nghĩa là có thuyết nói nếu lấy cần dừng vô gián phát sinh nói là vô thường là nghĩa chuẩn đúng, thì nếu chẳng phải cần dừng vô gián phát khởi như điện, ánh sáng v.v... phải đều là thường, như vậy gọi là nghĩa chuẩn tương tự.

Phải biết trong văn tụng đây lược bỏ câu sau, cho nên chỉ nói do dự và nghĩa chuẩn.

Lại có người hỏi vì nghĩa gì đồng pháp tương tự v.v... các thứ loại lỗi tuần tự các sư cổ nhân mình nói không đồng nhau, mà tên gọi của các loại lỗi các sư cổ nhân mình nói lại tương đồng với tự phá ?

*Do các đồng pháp này,  
Nhiều nghi nên tự phá.*

“Nhiều” nói là hiển hoặc có dị nghĩa nan phá và là hiển lỗi tương tự bất thành nhân. Trong đây 4 thứ trước đều không tương ưng với thí dụ phương tiện tôi đã nói. Hơn nữa theo thí dụ phương tiện của thế gian tuy không hiển thị nhân là tính quyết định nhưng bao gồm cái thể của nó nên nói như vậy. Do sử dụng các nhân bất định đồng pháp thành lập tự tông, phương tiện nói kia cũng có pháp này. Do đó mà thành tự cộng bất định, hoặc lại thành tự tương vi bất định.

Nếu nói chỉ là thành lập tông của mình thì sao bất định được gọi là năng phá ?

Chẳng phải nói đây cho là năng phá. Khó phá bất định nói là bất định vì trong năng thuyết nói sở thuyết nên không có lỗi này. Những chỗ khác cũng phải an lập như vậy. Nếu sở lập lượng có lỗi bất định, hoặc lại quyết định nhân các đồng pháp có sở thành lập tức gọi là năng phá.

Vì những nan phá cho nên nếu hiện thấy lực, tỷ lượng không thể ngăn chặn khiến trừ tính ấy, như thành lập “ thanh là phi sở văn, giống như cái bình v.v...” bởi hiện thấy thanh là sở văn. Không nên



vì tính sở vẫn mà ngăn chặn khiến trừ vô thường. Chẳng phải chỉ không thấy, là có thể khiến trừ .

Nếu không như vậy thì cũng phải khiến trừ thường ?

Vô dị tương tự thứ 2 là lỗi tự bất thành nhân. Kia lấy ‘bản vô mà sinh’ tăng ích sở lập làm tông nhân thành một lỗi. Cho nên đây lấy ‘bản vô mà sinh’ cực thành nhân pháp, chứng diệt hậu vô, nếu tức lập kia có thể thành năng phá. Vô dị tương tự thứ 3 thành lập nghịch hại sở lập, khó phá cho nên tương tự, như do ‘có thể thiêu’ v.v... vì không quyết định.

Nếu vậy quyết định có thể thành tương vi. Có thể được tương tự sở lập bất định cho nên thành tương tự. Nếu sở lập nhân là thường, cũng có thể thành năng phá. Thứ 2 có thể được tuy không biến khắp, vì các loại khác không, cho nên tương tự không thành lỗi. Nếu sở lập là vô, có thể gọi là năng phá, chẳng phải ở trong đây muốn lập tất cả đều là vô thường.

Do dự tương tự, nghĩa là lấy cần dừng vô gián phát khởi được thành lập diệt hoại, nếu lấy sinh khởi tăng ích lập làm lỗi bất định thì đây là tương tự bất định. Nếu nơi sở lập không khởi phân biệt, chỉ gián biệt nhân sinh khởi làm nan phá thì đây tương tự bất thành. Bởi trong đây không muốn chỉ có sinh thành lập diệt hoại. Nếu sinh, nếu hiển thấy đều diệt hoại thì chẳng phải bất định.

Nghĩa chuẩn tương tự, nghĩa là do lấy điên đảo bất định làm nan phá nên tương tự bất định. Nếu chẳng phải cần dừng vô gián phát mà lập thường, vô thường, hoặc chỉ cần dừng vô gián phát vô thường chẳng phải những gì khác thì có thể thành năng phá.

*Nếu nhân chí bất chí,  
Ba thời, phi ái ngôn.  
Chí phi chí, không nhân,  
Là nhân tương tự khuyết.*

Nếu nhân đến, không đến, 3 thời chẳng phải ái ngôn, đến, chẳng phải đến, không nhân, nghĩa là đối với đến, không đến làm phi ái ngôn, nếu nhân năng lập đến tông sở lập mà thành lập thì không sai biệt. Cho nên chẳng phải là sở lập, như nước ao hồ và nước biển hợp nhau không khác. Lại nữa nơi 3 thời làm phi ái ngôn, nếu nhân năng lập ở trước sở lập, chưa có sở lập, thì đó là nhân gì ? Nếu nói ở sau, thì sở lập đã thành còn cần phải có nhân nữa ? Nếu cả 2 thời thì nhân với hữu nhân đều không thành tựu, như 2 cái sừng con bò. Như vậy gọi là vô nhân tương tự.

Trong đây như trước tuần tự khác là do đều nói là thiếu nhân tương tự. Sở dĩ vì sao ? Vì bác bỏ tất cả nhân một cách phi lý. Trong đây vì lý gì chỉ không đến đồng nên tuy nhân tương tương ưng cũng không gọi là nhân ? Như vậy lý gì chỉ ở nơi trước sở lập không được gọi là nhân nên tức chẳng phải năng lập ? Lại trong đây có lỗi tự làm hại vì đồng với ngăn chặn khiến trừ. Như vậy hẳn ở trong sự nói nhân và tuệ sở thành lập có thiếu nhân tương tự ?

Ở trong nghĩa của nhân có tương tự bất thành vì như trước bác bỏ nhân của các pháp một cách phi lý. Hai nhân ở trong nghĩa sở lập đều chẳng phải tính sở tác năng tác nên không đúng chính lý. Nếu dùng chính lý khi bài bác thì có thể gọi là năng phá.

*Nói trước vì không nhân,  
Nên không có sở lập.  
Là vô thuyết tương tự,  
Sinh, vô sinh cũng vậy.  
Sở tác khác phần nhỏ,  
Hiển sở lập bất thành.  
Là sở tác tương tự,  
Nhiều tương tự tông nói.*

Nói trước vì không nhân nên phải không có sở lập gọi là vô thuyết tương tự, nghĩa là có nói như sở lập ở trước nếu do nhân này

chứng minh tính vô thường. Đây trước khi chưa nói thì đều vô sở hữu. Vì nhân không có nên phải chẳng phải là vô thường. Như vậy gọi là vô thuyết tương tự.

“Sinh, vô sinh cũng vậy”, nghĩa là trước sinh vô nhân nên vô sở lập, tức cũng là nói vô sinh tương tự. Nói “cũng vậy” nghĩa là giống như ví dụ về thanh, vì nhân trước không có nên phải là vô sở lập. Nay trong đây nếu như vô sở lập thì phải biết cũng có sở lập tương vi. Nghĩa là có nói như sở lập trước. Nếu như vậy thì thanh khi chưa sinh trở về trước là không có cần dừng vô gián phát khởi, vậy phải là chẳng phải vô thường ? Lại nữa, chẳng phải cần dừng vô gián phát khởi cho nên phải là thường ? Như vậy gọi là vô sinh tương tự.

“Sở tác khác phần nhỏ, hiển sở lập bất thành gọi là sở tác tương tự,” nghĩa là sở thành lập “tính sở tác nên giống như cái bình v.v..., thanh vô thường”, là nếu cái bình còn khác tính sở tác cho nên có thể là vô thường nào có liên quan gì đến thanh ? Như vậy gọi là sở tác tương tự.

“Nhiều như tương tự tông nói.”, nghĩa là như vậy vô thuyết tương tự v.v... đa phần như tương tự sở lập nói, nghĩa là như lỗi bất thành nhân. Nói nhiều là hiển, hoặc như các tương tự khác. Nay trong đây vô thuyết tương tự tăng ích tỷ lượng, nghĩa là trong ngôn từ của luận giả nói lập tính vô thường, khó phá chưa nói nhân trước vì không có nên đây tương tự bất thành, hoặc tương tự khuyết nhân. Nghĩa là chưa nói trước tăng ích năng lập. Nếu ở trong đây hiển nghĩa vô hữu, lại khi lập lượng nếu vô ngôn thuyết có thể thành năng phá.

Vô sinh tương tự thanh trước khi chưa sinh tăng ích sở lập vì không có nan nhân, tức gọi là tương tự phá. Nếu khi thành lập hiển thị đây là vô, thì có thể thành năng phá. Nếu trước khi chưa sinh, do chẳng phải cần dừng vô gián phát khởi nên khó bảo là thường. Vì là một phần của nghĩa chuẩn nên cũng là tương tự bất định. Sở tác tương tự mới có 3 thứ. Nếu chẳng lẽ tính sở tác của cái bình v.v...

đối với thanh không có tương tự bất thành này ? Nếu chẳng lẽ tính sở tác của thanh đối với cái bình v.v... không có tương tự tương vi này ? Nếu chẳng lẽ ở trên cái thường này cũng không bất cộng nên tương tự bất định, hoặc tương tự lỗi của dụ vì dẫn đồng pháp ? Bởi vì sao ? Vì chỉ lấy tổng pháp xây dựng tỷ lượng mà không lấy biệt pháp. Nếu lấy biệt nghĩa thì chắc chắn sẽ khác, cho nên phải không có tỷ lượng.

*Đều chấp nhận cầu nhân,  
Là lỗi sinh tương tự.  
Đặt vấn đề nơi dụ,  
Là như dụ tương tự.*

Đều chấp nhận mà cầu nhân gọi là lỗi sinh tương tự, nghĩa là có người hỏi nếu sở lập như trước là cái bình v.v... là vô thường thì chứng minh nhân gì ? Còn ở đây đặt vấn đề nơi dụ gọi là như dụ tương tự, nghĩa là cái bình v.v... là vô thường đều hoàn toàn chấp nhận, mà nói bất thành dụ tương tự cho nên nói như tương tự dụ.

*Tính vô thường hằng tùy,  
Là thường trụ tương tự.  
Đây thành lỗi tính thường,  
Là như nói lỗi tông.*

Nghĩa là có người chất vấn nói như trước đã lập thanh là vô thường thì đây phải là thường với vô thường hợp tính nhau. Các pháp hằng không bỏ tự tính cho nên cũng phải là thường. Đây tức là thường trụ tương tự, là lỗi tự tông vì tăng ích sở lập là tính vô thường. Bởi trong đây đều không có riêng biệt thật không có tính thường dựa vào đây mà thường chuyển. Tức tự tính này vốn không nay có, tạm có rồi hoàn không, nên gọi là vô thường. Tức phần vị này do tự tính duyên, gọi là tính vô thường, như quả tính v.v...

Như vậy đã nói hết các loại lỗi phần nhiều là nói tính tự năng phá đã cực thành. Các luận khác nói cũng phải phân biệt như vậy mà

thành lập. Tức là các loại lỗi này chỉ do một phần ít phương tiện khác kiến lập vô biên loại lỗi sai biệt vì vậy nên không nói. Tức như trong đây có các thuyết nói tăng ích, tổn giảm, hữu hiển, vô hiển, sinh, ý, biệt dụ, phẩm loại tương tự v.v... do từ góc độ này đều phải quán sát kỹ và phải ngăn chặn khiến trừ các phương tiện tỷ lượng không tốt. Nói như vậy thì đây đưa, các luận khác sẽ nói đến vô cùng, cho nên không nói nữa.

Lại nữa chỗ thất bại là các sự cụ nhân minh có thuyết thì hoặc rơi trong năng phá, có thuyết thì quá thô, có thuyết thì phi lý, giống như một loại nguy biện nên đây không ghi. Có những cú nghĩa của tông các sự khác cũng phải phân biệt như vậy mà kiến lập. Như vậy phần biến kế sở chấp v.v... đều không đúng lý, trái với chỗ thuyết tướng, đều gọi là vô trí vì quá xa với lý lẽ.

Lại nữa với những ngôn từ của loại lỗi này, tôi đã dựa vào luận thức đã chế phục rất nhiều. Nay ở góc độ này để phá chỗ lập luận của cổ nhân minh tôi đã phân biệt đầy đủ cho nên ngừng lại ở đây.

*Để mở người trí, tuệ độc được,  
Mở diệu nghĩa này: Chính lý môn.  
Nào kẻ ngoại lượng vẫn còn mê,  
Khiến vượt đường tà hợp chân nghĩa.*

**HẾT**

SỐ 1629  
**NHÂN MINH CHÍNH LÝ MÔN LUẬN**

*Bồ-tát Đại Vực Long tạo luận  
 Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch  
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Luận nói: Vì muốn giản trì chân thật trong nghĩa năng lập năng phá nên tạo luận này.

Tụng nói:

*Tông v.v...đã ngôn nói năng lập,  
 Trong đó chỉ tùy tự ý lạc.  
 Là sở thành lập gọi là tông,  
 Phi nghĩa tương vi kia: năng khiến.*

Luận nói: Nghĩa lỗi năng lập, ấn định nghĩa chân thật, luận này nay làm tông v.v... nói nhiều về năng lập. Như vậy những ngôn luận này là hiển thị duyên do sở thuyên, sở vi. Nói duyên do, tức là vì do lợi ích các hữu tình, đó là duyên do. Nói sở thuyên, nghĩa là nghĩa sở thuyên, tức tông v.v... Nói sở vi, tức sở dĩ làm ra là vì muốn ấn định nghĩa chân thật. Muốn để hiển thị các duyên do nên trong luận đặt câu nói này lên hàng đầu. Bởi ở những nơi khác đã hiển thị nghĩa này, như hiện lượng.

Sao gọi là những nơi khác đã hiển thị giải thích luận, về sau do đó lúc bắt đầu không nên nói ? Vì nếu vậy chẳng phải luận phần.

Giống như ở các nơi khác đã nói hiển thị nghĩa này. Nhân này bất thành. Sau khi giải luận mới hiểu nghĩa, nghĩa là giác tuệ trước nghe ở duyên do v.v... nếu không hiểu rõ ban đầu thì sẽ không chuyên. Do hiểu đây nên mới hợp với sau này. Vì chẳng phải luận phần nên đây cũng bất thành. Giả sử như ý đây đã chẳng phải ý kinh cho nên lại chẳng phải giải thích kia ắt chẳng phải chi phần. Cái gì giải thích kinh này, kinh gì giải thích đây, cho nên phải biết như Thiên thụ ngữ chẳng phải chi phần ấy. Duyên do các luận cũng là thành phần cho nên nhân này có thig viển ly phi thành. Các luận giả khác lại nạn vấn rằng chớ tạo luận này vì không duyên do. Như người cuồng nói để hiển thị nhân này bất thành. Đáp rằng nói nghĩa năng lập, năng quá v.v... nếu nói như vậy chớ nên tạo luận này vì đã rõ nghĩa. Như lý môn thứ 2, Ác-xoa-ba-đà đã nói các tướng của tông. Đây nhân kia nói hiển thị bất thành, nên lẽ nào phi năng lập v.v... có nghĩa ẩn thật. Nhưng luận này v.v... không ẩn thật nghĩa nên không thành lỗi.

Từ trên đến đây là nói về mục tiêu của tông của luận chủ. Từ đây trở xuống theo thứ tự bản văn giải thích.

“Tông v.v... đa ngôn nói năng lập”, nghĩa là do nói nhiều tông nhân dụ để biện thuyết để khai thị cho kia chỗ chưa rõ nghĩa. Những đa ngôn nơi luận thức ở đây là năng lập. Lại dùng một ngôn thuyết năng lập, là để hiển thị chung thành một tính năng lập. Do đó phải biết tùy theo chỗ khuyết điểm gọi là lỗi năng lập. Nói “trong đó”, là khởi nghĩa của luận đoạn, hoặc nghĩa giản trì, là ở trong tông v.v... nên gọi là “trong đó”. Nói “chỉ”, là nghĩa giản biệt, tùy tự ý hiển thị, bất kể luận tông tùy theo tự ý lập. “Lạc”, là sở lập, nghĩa là bất lạc là tính năng thành lập. Nếu khác đây, nói là sở thành lập. Tự nhân, tự dụ cũng nên gọi là tông. Để hiển thị lia các lỗi lập tông, nên nói chẳng phải nghĩa tương vi kia là năng khiển. Nếu chẳng phải vi nghĩa nói thanh là sở khiển, như lập tất cả ngôn thuyết đều là vọng. Hoặc trước sở lập tông nghĩa tương vi, như Hoàn hồ tử lập thanh là thường. Lại nữa nếu trong

đó do bất cộng nên không có tỷ lượng làm cực thành nói nghĩa tương vi khiến. Như nói ôm con thổ chẳng phải có mặt trắng. Lại nữa nơi hữu pháp tức sở lập kia là khiến nghĩa tương vi cực thành của hiện lượng tỷ lượng. Như có thành lập thanh chẳng phải là sở văn, cái bình là thường v.v... Có các thuyết nói rằng tông nhân tương vi, gọi là tông vi, nghĩa là đây không phải lỗi của tông, bởi trong đây lập thanh là thường, tất cả đều là vô thường, tức là dụ phương tiện lỗi lập pháp khác do hợp dụ hiển thị chẳng phải tất cả cho nên nhân này là phi hữu. Bởi thanh ở trong tất cả, cho nên là sở lập một phần nghĩa, nghĩa này bất thành, gọi là lỗi của nhân. Dụ cũng có lỗi do dụ khác pháp, trước nói tông không, sau nói nhân không. Phải nói như thế này vô thường tất cả nghĩa là nói nghĩa phi phi nhất thiết. Nhưng đây nói đảo lại tất cả vô thường, cho nên trong đây dụ cũng có lỗi.

Như vậy là đã nói tông và tự tông, nhân với tự nhân phần nhiều là tông pháp. Tướng sai biệt này nay sẽ hiển thị.

Tụng nói:

*Tông pháp nơi đồng phẩm,  
Là đủ hữu, phi hữu.  
Nơi dị phẩm đều ba,  
Hữu, phi hữu, cả hai.*

Luận nói: Sao không gồm chung lấy lạc sở thành lập hợp lại nói là tông ? Sao trong đây lại nói tông chỉ lấy hữu pháp ?

Đây không có lỗi, bởi vì thanh nói chung cũng chuyển nơi trường hợp riêng biệt, như nói “đốt áo”, hoặc có tông, thanh chỉ thuyên nơi pháp. Trong đây tông pháp chỉ thủ lập luận và địch luận quyết định đồng chấp nhận. Ở trong đồng phẩm hữu phi hữu v.v... cũng như vậy. Bởi vì sao ? Nay đây chỉ căn cứ vào chứng liễu nhân, cho nên chỉ có trí lực là hiểu rõ được nghĩa sở thuyết, chẳng phải như sinh nhân do có thể khởi dụng.



Nếu vậy đã lấy trí làm liễu nhân thì ngôn luận lại mất nghĩa năng thành lập ?

Đây cũng không phải vậy. Khiến kia ức niệm bản cực thành, cho nên trong đây chỉ thủ nghĩa kia đây đều chấp nhận, tức là thiện thuyết. Do đó nếu có trường hợp kia đây không đồng chấp nhận thì nhất định không phải tông pháp. Như có thành lập thanh là vô thường, vì mất thấy. Lại nếu dịch luận không đồng chấp nhận, tức như đối hiện luận là tính sở tác. Lại nếu do dự, như khi dựa vào khói khởi nghi hoặc. Thành lập cái lửa do đại chúng hòa hợp là hữu, bởi hiện có khói. Hoặc ở nơi đó hữu pháp bất thành, như thành lập cái thể của ngã là biến khắp mọi nơi vì sinh lạc v.v... Như vậy nói tất cả phẩm loại nếu có ngôn từ đều phi năng lập, thì ở nơi đồng phẩm đó có phi hữu v.v... cũng tùy chỗ thích ứng nên nói như vậy. Như phải nói nhân với trong tương vi và bất định, chỉ có cùng chấp nhận ngôn từ quyết định thì nói là năng lập, hoặc là năng phá. Chẳng phải cùng nhau bất thành, vì ngôn từ do dự lại đợi thành. Phạm lập tông pháp, lẽ ra phải lấy các pháp khác làm nhân thành lập pháp này. Nếu thành lập hữu pháp là hữu, hoặc lập là vô, như hữu thành lập tối thắng là hữu, vì hiện thấy các vật khác có loại chung, hoặc lập là vô vì bats khả đắc.

Nghĩa ấy như thế nào ?

Trong đây chỉ lập biệt vật nhất định là hữu. Một nhân làm tông không lập tối thắng, cho nên không có lỗi này. Nếu lập là vô, cũng giả an lập pháp bất khả đắc. Cho nên cũng không có lỗi hữu pháp. Nếu lấy hữu pháp lập các hữu pháp khác, hoặc lập pháp ấy, như lấy khói lập lửa, hoặc lấy lửa lập xúc.

Nghĩa ấy như thế nào ?

Nay trong đây chẳng phải lấy sự thành lập lửa xúc làm tông., chỉ để thành lập vật tương ưng này. Nếu không như vậy, căn cứ vào

khỏi lập lửa, căn cứ vào lửa lập xúc, thì phải thành một phần tông nghĩa làm nhân. Lại trong đây chẳng phải muốn thành lập lửa xúc là hữu tính vì cùng biết là có. Lại trong đây vì quán sở thành nên lập pháp hữu pháp, chẳng phải đức hữu đức cho nên không có lỗi. Lập lại nói tụng rằng:

*Hữu pháp chẳng thành nơi hữu pháp,  
Và pháp đây chẳng thành hữu pháp.  
Chỉ do pháp nên thành pháp ấy,  
Như vậy thành lập nơi hữu pháp.*

Luận nói: Nếu thành lập thanh chẳng phải thường, vì nghiệp v.v... là thường. Thường, là phải có thể được, như vậy làm sao gọi là tông pháp ? Đây nói lỗi kia là do nhân tông. Bởi có chỗ lập thuyết phải nói, cho nên bởi trước lập thường, vì không hình ngại nên sau chỉ lập tông phá lỗi của nhân kia.

Nếu vậy thì lập thanh là vô thường, vì sở tác là phi thường, thường chẳng phải sở tác.

Đây lại là thế nào ?

Là dụ phương tiện đồng pháp khác pháp, theo thứ tự đó mà nói nhân của nó. Tông nhất định theo đuổi, và tông không có chỗ chắc chắn là vì không có nhân. Bởi trong đây do hợp lại hiển thị nhân của tính sở tác. Như vậy thanh này chắc chắn nhất định là sở tác, chẳng phải phi sở tác. Tính sở tác này quyết định là tông pháp. Lại nói tụng rằng:

*Nói nhân, tông đi theo,  
Tông không, nhân chẳng có.  
Y hiển dụ thứ năm,  
Do hợp lại biết nhân.*

Luận nói: Do đây đã giải thích phương tiện phản phá, lấy tính sở tác thấy vô thường, không thấy thường. Như vậy thành lập thanh

chẳng phải là thường, vì phải là phi tác. Cho nên thuận thành phản phá phương tiện, phi biệt giải nhân, như phá Số luận tôi đã nói rõ. Vì vậy nên ngừng tranh luận.

Như vậy tông pháp 3 thứ sai biệt gọi là đồng phẩm hữu phi hữu và cả hai, trước trừ chữ “và”. Trong đây, nếu phẩm với pháp sở lập gần bằng nhau thì gọi là đồng phẩm. Bởi tất cả nghĩa đều gọi là phẩm. Nếu sở lập không, gọi là dị phẩm. Phi với đồng phẩm tương vi, hoặc biệt dị. Nếu tương vi, thì phải chỉ giản biệt. Nếu biệt dị, thì phải không có nhân. Do đạo lý này tính sở tác có thể thành vô thường và vô ngã v.v... không trái nhau. Nếu pháp có thể thành trái nhau với sở lập, là lỗi tương vi, tức gọi là tự nhân như pháp vô vi tương vi cũng vậy. Pháp sở thành là không, vì chắc chắn không có. Chẳng phải như nhân của cái bình v.v... thành do dự lần hồi trong không mà có. Bởi cái tính sở tác hiện thấy lia cái bình, nơi cái áo v.v... mà có. Chẳng phải lia vô thường nơi vô ngã v.v... mà có nhân này.

Thế nào là pháp khác chuyển ở nơi khác ?

Do kia tương tự không nói tên khác nói tức là đây, không có lỗi nếu không nói khác.

Sao nhân này gọi là tông pháp ?

Trong đây chỉ nói chắc là tông pháp, không muốn nói duy chỉ là tông pháp.

Nếu vậy đồng phẩm cũng phải gọi là tông ?

Không phải như vậy. Vì chỗ khác nói sở thành. Nhân ấy không khác mới thành tỷ lượng nên không tương tự. Lại đây mỗi mỗi đều có 3 thứ. Nghĩa là trong tất cả đồng phẩm hữu, nơi dị phẩm kia hoặc hữu, phi hữu, và hữu phi hữu, nơi đồng phẩm kia phi hữu và đều cả hai. Đều có 3 thứ sai biệt như vậy.

Nếu vô thường tông hoàn toàn không có dị phẩm, đối không lập luận có hư không v.v... làm sao nói được nơi kia không có cái này ?

Nếu kia không có, nơi kia không chuyên, vì hoàn toàn không nghi nên không có lỗi này. Như vậy hợp thành 9 thứ tông pháp, tùy theo thứ tự lược nói tướng của chúng. Nghĩa là lập thanh là thường vì tính sở lượng, hoặc lập vô thường vì tính sở tác, hoặc lập cần dừng vô gián sở phát vì tính vô thường, hoặc lập là thường vì tính sở tác, hoặc lập là thường vì tính sở văn, hoặc lập là thường vì tính sở phát cần dừng vô gián hoặc phi cần dừng vô gián sở phát vì tính vô thường, hoặc lập vô thường vì tính sở phát cần dừng vô gián, hoặc lập là thường vì không xúc đối. Chín thứ như vậy gồm trong 2 bài tụng .

Tụng nói:

*Thường, vô thường, cần dừng,  
Hằng trụ, tính kiên lao.  
Phi cần, thiên, bất biến,  
Do sở lượng... 9 thứ.  
Sở lượng, tác, vô thường,  
Tác tính, nghe, dừng phát.  
Vô thường, dừng, vô xúc,  
Y tính thường... 9 thứ.*

Luận nói: Phân biệt như vậy gọi là nhân. Tương vi, bất định, cho nên bản tụng nói:

*Nơi đồng, hữu và 2,  
Nơi dị, vô là nhân.  
Ngược đây là tương vi,  
Ngoài ra đều bất định.*

Trong đây chỉ có 2 thứ gọi là nhân, nghĩa là nơi đồng phẩm khắp tất cả là hữu, dị phẩm khắp tất cả là vô. Và nơi đồng phẩm thông cả hữu phi hữu, dị phẩm thì khắp tất cả là vô. Ở cái đầu và sau 3 cái đều lấy 1 cái giữa. Lại nữa, chỉ 2 thứ nói là trái nhau vì có thể đảo lập, nghĩa là nơi dị phẩm hữu và 2 thứ , nơi đồng phẩm khắp tất

cả là vô. Thứ hai trong 3 cái lấy 2 cái đầu và sau. Ngoài ra 5 thứ nhân và trái nhau, đều không quyết định, đó là nghĩa của nghi nhân. Lại trong các tướng của tất cả nhân đều nói sở thuyết một số đồng loại, chớ nên nói 2 tướng trái nhau hợp chung một chỗ như là nhân v.v... Hoặc nơi một tướng đồng tác sự nên thành nhân không biến khắp. Lý nên gọi 4 thứ là nhân bất định, vì đều có cả 2.

Sở văn là thế nào ? Vì do không chung. Bởi nếu không chung thành lập pháp có các sai biệt gồm khắp tất cả đều là nghi nhân. Chỉ kia là hữu tính nên kia bao gồm. Hoàn toàn lia nên các hữu đều cùng không giản biệt nhân. Đây chỉ đối với kia đều không trái nhau là tính nghi nhân. Nếu ở trong đó câu phần là hữu cũng là định nhân. Giản biệt những cái khác nên gọi là sai biệt. Nếu trả lời chấp nhận có tính của thanh là thường thì đây phải thành nhân. Nếu bấy giờ không có hiển thị tính sở tác là vô thường nhân thì chấp nhận có nghĩa này. Nhưng đều có thể được một nghĩa trái nhau, không thể chấp nhận hữu chi, nên là do dự nhân. Lại nữa vì trong sức hiện giáo này thẳng hơn nên phải dựa vào tư duy này cầu quyết định.

Tụng nói:

*Nếu pháp là không chung,  
 Chung, chắc chắn tương vi.  
 Khắp tất cả, nơi kia,  
 Đều là tính nghi nhân.  
 Tà chứng pháp, hữu pháp,  
 Tự tính hoặc sai biệt,  
 Đây thành tương vi nhân  
 Nếu không có nghịch hại.  
 Quán tông pháp thâm xét  
 Nếu sở thích nghịch hại,  
 Thành trừ trừ, điên đảo,  
 Khác đây, không tựa nhân.*

Luận nói: Như vậy là đã nói xong nhân và tự nhân. Nay sẽ nói đến dụ và tự dụ.

Tụng nơi:

*Nói nhân, tông đi theo,  
Tông không nhân, không có.  
Hai đây là thí dụ,  
Ngoài ra đều tương tự.*

Luận nói: Dụ có 2 thứ: Đồng pháp và dị pháp. Đồng pháp là lập thanh vô thường vì là tính cần dừng vô gián sở phát. Bởi các cần dừng vô gián sở phát đều thấy vô thường. Cũng như cái bình v.v... Dị pháp là các hữu thường trụ, thấy chẳng phải do cần dừng sở phát. Như hư không v.v... Trước là giá thuyết, sau là chỉ lạm. Do hợp và ly là nghĩa tỷ đạc, do đó tuy đối nghịch không lập thật có thái hư không, mà được hiển thị không có tông thành nghĩa không có nhân. Lại nữa vì duyên gì thứ nhất nói nhân tông đi theo, thứ hai nói tông không nhân không có, mà không nói nhân không tông không có ư? Do nói như vậy có thể hiển thị nhân đồng phẩm chắc chắn là có. Dị phẩm khắp không, chẳng phải nói điên đảo. Lại nữa có tụng nói:

*Nên lấy phi tác chứng thường kia,  
Hoặc lấy vô thường thành sở tác.  
Nếu vậy phải thành phi sở thuyết,  
Bất biến, phi lạc v.v... hợp, ly.*

Luận nói: Như vậy là đã nói xong 2 pháp hợp ly thuận nghịch 2 dụ. Ngoài ra tương tự với đây là nghĩa của tựa dụ. Sao gọi là ngoài đây ra? Nghĩa là ở đó sở lập năng lập và bất đồng phẩm tuy có hợp ly mà là điên đảo thuyết. Hoặc ở nơi đó không làm hợp ly, chỉ hiện sở lập năng lập đều có, dị phẩm đều không. Như vậy 2 pháp hoặc tùy 1 bất thành bất khiển, hoặc có 2 đều bất thành bất khiển. Như lập

thanh là thường vì không xúc đối. Đồng pháp dụ nói các không xúc đối thấy chúng đều thường, như nghiệp, như cực vi, như cái bình v.v... Dị pháp dụ là nói các vô thường thấy có xúc đối, như cực vi, như nghiệp, như hư không v.v... Do đó đã nói trong đồng pháp dụ có pháp bất thành. Nghĩa là đối không chấp nhận thường. Hư không v.v... là phải đủ 2 thí dụ ngôn từ mới thành năng lập, là như nhân kia chỉ tùy nói một. Nếu với chính lý phải nói đủ 2. Do đó hiển thị đầy đủ sở lập không lia nhân kia. Bởi hiển thị đầy đủ đồng phẩm chắc chắn có dị phẩm khắp không, có thể chính đối trị tương vi, bất định. Nếu có nơi đây một phần đã thành, tùy nói một phần cũng thành năng lập. Nếu như thanh kia 2 nghĩa đồng chấp nhận, đều không phải nói, hoặc do nghĩa căn cứ 1 có thể rõ 2.

Lại trong tỷ lượng chỉ thấy lý này. Nếu chỗ so sánh đây đem thẩm định đối với các đồng loại khác, niệm đây chắc chắn có, đối với vô xứ kia niệm đây khắp không. Cho nên do đây sinh cái hiểu quyết định. Nên bản tụng nói:

*Như tự quyết định rồi,  
Mong kia quyết định sinh.  
Nói tông pháp, tương ưng,  
Sở lập, các viễn ly.*

Luận nói: Là ở trong sở tỷ, để làm rõ tính của tông pháp nên nói nhân; để làm rõ tính quan hệ không tương ly của nhân pháp với tông pháp nơi đây nên nói dụ, để làm rõ sở tỷ nên nói tông. Ở trong sở tỷ, trừ đây sẽ không có chi phần, nào khác. Do đó ngăn chặn khiến trừ các thẩm xét và với hợp kết.

Nếu vậy, dụ phải chẳng phải dị phần, vì làm rõ nghĩa của nhân. Về sự, tuy thật vậy, nhưng nói nhân đây là chỉ để làm rõ tính của tông pháp, chứ chẳng phải để hiển thị đồng phẩm dị phẩm hữu tính vô tính. Cho nên phải tách riêng đồng dụ dị dụ.

Nếu chỉ đem nhân biểu thị ý nghĩa sở thuyên mà gọi là nhân thì có gì sai lỗi hay có gì đúng tốt ?

Nói riêng dụ phân là đúng là tốt. Như thế gian nói phương tiện với nghĩa của nhân đều không tương ưng.

Nếu vậy có lỗi gì ?

Đó là chỉ nói nghĩa tương ứng với đồng loại sở lập mà không có công năng, chẳng phải nghĩa của năng lập. Bởi luận thức kia chỉ nói tính sở tác nên tương tự pháp đồng loại không nói ý nghĩa thành lập của năng lập. Lại nhân, dụ riêng biệt, đây có đồng pháp dị pháp của sở lập, hoàn toàn không có khả năng hiển thị tính bất tương ly của nhân với sở lập. Cho nên chỉ có tương tự nghĩa của sở lập mà không có công năng.

Vì sao không có công năng ?

Bởi trong cùng dụ không chắc là tông pháp, tông nghĩa tương tự, đây lại là các ví dụ sở thành lập nên thành vô cùng. Lại nữa không chắc chắn có các phẩm loại, vì chẳng phải trong dị phẩm không biểu thị vô tính có thể lựa chọn làm thí dụ, cho nên nói tụng rằng:

*Nếu nhân chỉ sở lập,  
Hoặc sai biệt tương tự,  
Thí dụ sẽ vô cùng,  
Và ngăn trừ dị phẩm.*

Luận nói: Thế gian chỉ hiển thị tông, nhân dị phẩm hữu tính, đồng xứ làm dị pháp dụ, chẳng phải tông vô xứ, nhân bất hữu tính, cho nên nhất định không có công năng.

Nếu chỉ có tông pháp là nhân tính thì những bất định cũng phải thành nhân. Làm sao có đủ năng lập sở lập và 2 thứ thí dụ của dị phẩm pháp mà có lỗi này ?

Nếu khi ấy sở lập dị phẩm chẳng phải một chủng loại thì có lỗi này, như ban đầu, sau 3 đều có thí dụ sau cùng. Cho nên chắc chắn 3



tướng chỉ là hiện thị nhân. Do đó tuy tất cả phân đều có thể là nhân hiện thị sở lập, nhưng chỉ chỉ lấy một phân nói là nhân.

Như vậy đã lược nói tông v.v... và tương tự, tức đa ngôn là năng lập và tự năng lập, tùy chỗ thích ứng để khai ngộ đối phương nên nói năng lập và tự năng lập này.

Để tự khai ngộ chỉ có hiện lượng cùng với tỷ lượng. Kia thanh, dụ v.v...gồm ở trong đây cho nên chỉ có 2 lượng. Do đây có thể liễu ngộ tự tướng và cộng tướng, cho nên chẳng phải tách rời 2 tướng này mà có sở lượng nào khác để liễu tri kia lại lập lượng khác, cho nên bản tụng nói:

*Hiện lượng trừ phân biệt,  
Ngoài ra nói nhân sinh.*

Luận nói: Trong đây nói hiện lượng trừ phân biệt, nghĩa là nếu có trí thì đối với sắc v.v... các cảnh xa lìa tất cả chủng loại danh ngôn giả lập vô dị các môn phân biệt. Bởi chúng không cùng duyên hiện riêng biệt chuyển, nên gọi là hiện lượng. Nên nói tụng rằng:

*Hữu pháp: phi một tướng,  
Căn: phi tất cả hành.  
Chỉ nội chứng ly ngôn,  
Là cảnh giới sắc căn.*

Luận nói: Ý địa cũng có lìa các phân biệt, chỉ có chứng hành chuyển. Lại đối với tham v.v... các tự chứng phần, các người tu thiền định lìa sự phân biệt của giáo nghĩa đều là hiện lượng.

Lại ở trong đây không có lượng quả nào khác bởi ngay nơi cái thể này sinh nghĩa tương tự nên tương tự có công năng tác dụng vì vậy giả nói là lượng.

Nếu trong tham v.v... các tự chứng phần cũng là hiện lượng thì vì sao trong đây trừ trí phân biệt ?

Không ngăn tự chứng hiện lượng trong đây vì không phân biệt. Có điều trong đây liễu biệt các cảnh phần không gọi là hiện lượng. Do đó tức như nói nghĩ nhớ, so sánh lượng đặc, mong cầu, trí nghi ngờ, trí hoặc loạn v.v... đối với thô ái v.v... đều chẳng phải hiện lượng tùy theo chỗ lãnh thụ trước mà phân biệt chuyển. Cũng như vậy cái trí của thế tục về cái bình, số, cử, hữu tính, bình tính v.v... đều là tự hiện lượng vì các loại trí này đều trong pháp thật hữu tạo tác các hành tướng, giả hợp các nghĩa mà phân biệt chuyển.

Đã nói xong về hiện lượng, tiếp sẽ nói đến tỷ lượng. ‘Ngoài ra nói nhân sinh’ nghĩa là câu này là nói cái trí tỷ lượng phát sinh từ cơ sở trí hiện lượng, như đã nói năng lập nhân sinh là duyên theo nghĩa ấy.

Đây có 2 thứ, nghĩa là với cái trí so sánh thẩm xét quán sát từ hiện lượng sinh hoặc tỷ lượng sinh, và nghĩ nhớ nhân này với chỗ lập tông không tách rời nhau. Do đó thành lực đã nói ở trước, nghĩ nhớ đồng phẩm nhất định có. Cho nên vì là nhân so sánh lượng đặc gần xa đều gọi là tỷ lượng. Đây là y cứ vào tác cụ và tác giả mà nói. Như vậy nên biết rằng liễu ngộ tỷ lượng kia cũng không tách rời đây mà được thành năng lập. Cho nên nói tụng rằng:

*Một sự có nhiều pháp,  
Tướng: phi tất cả hành.  
Chỉ do các giản biệt,  
Biểu định hay theo đuổi.  
Cũng như vậy năng tướng,  
Cũng có rất nhiều pháp.  
Chỉ không vượt sở tướng,  
Năng biểu thị, phi dư.*

Luận nói: Vì sao trong đây với hiện lượng ở trước kiến lập riêng biệt ?

Vì hiện ... 2 môn, đây ứng với tỷ quả nói là tỷ lượng, kia ứng với hiện nhân nói là hiện lượng đều không ngăn cản.

Đã nói xong năng lập và tự năng lập, tiếp sẽ nói năng phá và tự năng phá.

Tụng nói:

*Năng phá thiếu ngôn từ,  
Tự phá là các loại.*

Luận nói: Trong đây nói năng phá thiếu ngôn từ, nghĩa là thiếu các ngôn từ đã nói ở trước các phần lỗi, mỗi lời mỗi lời đều gọi là năng phá, bởi mỗi lời mỗi lời đều hiển thị tiền tông chẳng phải là thiện thuyết, tức là địch luận đều chẳng phải chân năng lập.

Tụng nói ‘Tự phá là các loại’, tức là các loại lỗi tương tự đồng pháp gọi là tự năng phá. Bởi kia phần nhiều dùng tỷ lượng để mê hoặc đối phương mà lập ra, cho nên không hiển thị đúng chỗ sai lầm của đối phương. Do kia bài xích phi lý mà lập ra năng phá nên những loại như thế gọi là loại lỗi. Nếu với phi lý lập trong tỷ lượng như vậy, hoặc không hiểu rõ lỗi của tỷ lượng, hoặc không biết phá như thế nào thì không gọi là loại lỗi.

Tụng nói:

*Vì thị hiện dị phẩm  
Do đồng pháp dị lập,  
Đồng pháp tương tự. Ngoài  
Do dị pháp. Phân biệt  
Sai biệt là phân biệt.  
Nên một thành không khác.  
Hiển sở lập các nhân,  
Có thể gọi tương tự.  
Nghĩa khó rõ, biệt nghi nhân,  
Nên nói là do dự.  
Nói nghĩa dị phẩm nên  
Phi ái là nghĩa chuẩn.*

Luận nói: Trong đây thị hiện dị phẩm nên ‘do đồng pháp dị lập’. ‘Đồng pháp tương tự’, là điền đảo thành lập nên gọi là dị lập. Đây là căn cứ vào tác cụ tác giả mà nói đồng pháp. Tức là tương tự nên gọi là đồng pháp tương tự vì bao gồm trong loại lỗi tương tự. Nói tương tự, nghĩa là âm thanh trung tính vì tương ưng năng phá, hoặc theo đó kết tụng.

Thế nào là đồng pháp tương tự năng phá ?

Vì trong sở tác nói năng tác, vì chuyển sinh khởi nên nói như vậy, sau tùy chỗ thích ứng cũng nói như vậy. Nay trong đây do đồng pháp dụ điền đảo thành lập cho nên nói là đồng pháp tương tự. Như có thuyết thành lập thanh là vô thường, vì do tính cần dừng vô gián phát sinh. Đây lấy hư không làm dị pháp dụ, lấy hữu hiển hư không làm đồng pháp dụ, vì không có chất liệu nên lập thanh là thường. Cũng như vậy, tức như đây nói trong nhân cái bình phải là đồng pháp, mà dị phẩm hư không nói là đồng pháp do đó nói là đồng pháp tương tự. ‘Ngoài ra do dị pháp’, tức là dị pháp tương tự, nghĩa là ngoài đồng pháp tương tự ở trước còn lại là thị hiện dị phẩm do dị pháp dụ điền đảo mà lập. Trong 2 dụ như trước an lập cái bình là dị pháp, cho nên nói là dị pháp tương tự.

Phân biệt sai biệt gọi là phân biệt, nghĩa là trước nói thị hiện v.v..., nên nay nói phân biệt sai biệt. Phải biết phân biệt đồng pháp sai biệt, nghĩa là như trước nói cái bình là đồng pháp. Nơi đồng pháp kia có pháp có thể nung đốt v.v... vì nghĩa sai biệt đó nên cái bình phải là vô thường, chẳng phải như thanh là thường vì có chỗ sai biệt là không thể thiêu đốt v.v.... Do phân biệt điền đảo này lập ra nên nói là phân biệt tương tự. Văn tụng nói ‘Nên một thành không khác’ hiển thị đồng pháp như trước đã nói, do đó đây và kia phải thành một. Kia là cái gì ? Bởi không nghe phương tiện khác, vì gần gũi nên biết là tông. ‘Thành không khác’, tức là thành lỗi không khác, nghĩa là do câu này có thể biết nghĩa nên không nói tên cái gì với cái

gì cùng thành không khác. Cho nên tức tất cả đây với tất cả kia nếu có nói nếu thấy cái bình v.v... có đồng pháp tức khiến các pháp khác cũng không khác biệt. Tất cả bình, pháp, thanh đều có, thế thì tất cả pháp phải thành cùng một tính với nhau. Trong kia cưỡng ép thành lỗi không khác biệt, cũng để hiển thị sự sai biệt của cái bình và thanh không khác lắm với phân biệt tương tự ở trước nên phải nói riêng. Nếu lấy sự phát sinh cần dừng vô gián thành lập vô thường, muốn hiển thị đều chẳng phải tính rốt ráo thì thành lỗi không khác biệt của tông nhân, cưỡng ép đây khiến thành tính không khác biệt. Cho nên gọi tên là vô dị tương tự.

Có thuyết nói rằng nếu nhân này có thể thành lập sở thành lập pháp thì cũng có thể thành lập tương vi pháp này. Do không khác biệt cho nên gọi là vô dị tương tự.

‘Hiện sở lập các nhân, có thể gọi tương tự.’, nghĩa là hiển thị sở lập tông pháp mà các nhân có thể được tức là nói có thể được tương tự. Nghĩa là có thuyết nói như trước thành lập thanh là vô thường, đó chẳng phải là chính nhân. Đối với điện, ánh sáng v.v... do hiện thấy v.v... các nhân có thể được là vô thường. Cho nên nếu tách rời đây mà có được kia thì đây chẳng phải nhân của kia.

Ngoài ra đối với đây còn tạo phương tiện khác bảo rằng đây chẳng phải chính nhân vô thường của kia vì không biến khắp. Như nói cây rừng đều có tư duy vì chúng có ngũ.

Nghĩa khó hiểu rõ và nghi nhân nên nói là do dự, nghĩa là quá loại tương ưng nên nói nữ thanh. ( Trong tiếng Phạn 2 từ ‘tương tự’ với ‘quá loại’ thì ‘quá loại là jāti chỉ cho nữ thanh, và ‘tương tự’ là samā cũng chỉ cho nữ thanh, tức là tiếng con gái.) Trong đây nhân phân biệt sự khác biệt tông nghĩa thành bất định. Cho nên nói là do dự tương tự, hoặc phân biệt sự khác biệt nghĩa của nhân nên gọi là do dự tương tự quá loại. Nghĩa là có thuyết nói như trước thành lập ‘thanh là vô thường vì tính tính cần dừng vô gián phát khởi’, hiện

thấy ‘cần dừng vô gián phát khởi’ hoặc hiển hoặc sinh nên thành do dự nay sở thành lập là hiển hay là sinh ? Cho nên không nên lấy nhân như vậy chứng nghĩa “vô thường”.

Tụng nói ‘Nói nghĩa dị phẩm nên phi ái là nghĩa chuẩn’ nghĩa là có thuyết nói nếu lấy cần dừng vô gián phát sinh nói là vô thường là nghĩa chuẩn đúng, thì nếu chẳng phải cần dừng vô gián phát khởi như điện, ánh sáng v.v... phải đều là thường, như vậy gọi là nghĩa chuẩn tương tự.

Phải biết trong văn tụng đây lược bỏ câu sau, cho nên chỉ nói do dự và nghĩa chuẩn.

Lại có người hỏi vì nghĩa gì đồng pháp tương tự v.v... các thứ loại lỗi tuần tự các sư cổ nhân mình nói không đồng nhau, mà tên gọi của các loại lỗi các sư cổ nhân mình nói lại tương đồng với tự phá ?

Tụng nói:

*Do các đồng pháp này,  
Nhiều nghi nên tự phá.*

Luận nói: “Nhiều” nói là hiển hoặc có dị nghĩa nan phá và là hiển lỗi tương tự bất thành nhân. Trong đây 4 thứ trước đều không tương ứng với thí dụ phương tiện tôi đã nói. Hơn nữa theo thí dụ phương tiện của thế gian tuy không hiển thị nhân là tính quyết định nhưng bao gồm cái thể của nó nên nói như vậy. Do sử dụng các nhân bất định đồng pháp thành lập tự tông, phương tiện nói kia cũng có pháp này. Do đó mà thành tự cộng bất định, hoặc lại thành tự tương vi bất định.

Nếu nói chỉ là thành lập tông của mình thì sao bất định được gọi là năng phá ?

Chẳng phải nói đây cho là năng phá. Khó phá bất định nói là bất định vì trong năng thuyên nói sở thuyên nên không có lỗi này.

Những chỗ khác cũng phải an lập như vậy. Nếu sở lập lượng có lỗi bất định, hoặc lại quyết định nhân các đồng pháp có sở thành lập tức gọi là năng phá.

Vì những nan phá cho nên nếu hiện thấy lực, tỷ lượng không thể ngăn chặn khiến trừ tính ấy, như thành lập “ thanh là phi sở văn, giống như cái bình v.v...” bởi hiện thấy thanh là sở văn. Không nên vì tính sở văn mà ngăn chặn khiến trừ vô thường. Chẳng phải chỉ không thấy, là có thể khiến trừ .

Nếu không như vậy thì cũng phải khiến trừ thường ?

Vô dị tương tự thứ 2 là lỗi tự bất thành nhân. Kia lấy ‘bản vô mà sinh’ tăng ích sở lập làm tông nhân thành một lỗi. Cho nên đây lấy ‘bản vô mà sinh’ cực thành nhân pháp, chứng diệt hậu vô, nếu tức lập kia có thể thành năng phá. Vô dị tương tự thứ 3 thành lập nghịch hại sở lập, khó phá cho nên tương tự, như do ‘có thể thiêu’ v.v... vì không quyết định.

Nếu vậy quyết định có thể thành tương vi. Có thể được tương tự sở lập bất định cho nên thành tương tự. Nếu sở lập nhân là thường, cũng có thể thành năng phá. Thứ 2 có thể được tuy không biến khắp, vì các loại khác không, cho nên tương tự không thành lỗi. Nếu sở lập là vô, có thể gọi là năng phá, chẳng phải ở trong đây muốn lập tất cả đều là vô thường.

Do dự tương tự, nghĩa là lấy cần dừng vô gián phát khởi được thành lập diệt hoại, nếu lấy sinh khởi tăng ích lập làm lỗi bất định thì đây là tương tự bất định. Nếu nơi sở lập không khởi phân biệt, chỉ giản biệt nhân sinh khởi làm nan phá thì đây tương tự bất thành. Bởi trong đây không muốn chỉ có sinh thành lập diệt hoại. Nếu sinh, nếu hiện thấy đều diệt hoại thì chẳng phải bất định.

Nghĩa chuẩn tương tự, nghĩa là do lấy điên đảo bất định làm nan phá nên tương tự bất định. Nếu chẳng phải cần dừng vô gián phát

mà lập thường, vô thường, hoặc chỉ cần dừng vô gián phát vô thường chẳng phải những gì khác thì có thể thành năng phá.

Tụng nói:

*Nếu nhân chí bất chí,  
Ba thời, phi ái ngôn.  
Chí phi chí, không nhân,  
Là nhân tương tự khuyết.*

Luận nói: Nếu nhân đến, không đến, 3 thời chẳng phải ái ngôn, đến, chẳng phải đến, không nhân, nghĩa là đối với đến, không đến làm phi ái ngôn, nếu nhân năng lập đến tông sở lập mà thành lập thì không sai biệt. Cho nên chẳng phải là sở lập, như nước ao hồ và nước biển hợp nhau không khác. Lại nữa nơi 3 thời làm phi ái ngôn, nếu nhân năng lập ở trước sở lập, chưa có sở lập, thì đó là nhân gì? Nếu nói ở sau, thì sở lập đã thành còn cần phải có nhân nữa? Nếu cả 2 thời thì nhân với hữu nhân đều không thành tựu, như 2 cái sừng con bò. Như vậy gọi là vô nhân tương tự.

Trong đây như trước tuần tự khác là do đều nói là thiếu nhân tương tự. Sở dĩ vì sao? Vì bác bỏ tất cả nhân một cách phi lý. Trong đây vì lý gì chỉ không đến đồng nên tuy nhân tương tương ưng cũng không gọi là nhân? Như vậy lý gì chỉ ở nơi trước sở lập không được gọi là nhân nên tức chẳng phải năng lập? Lại trong đây có lỗi tự làm hại vì đồng với ngăn chặn khiến trừ. Như vậy hẳn ở trong sự nói nhân và tuệ sở thành lập có thiếu nhân tương tự?

Ở trong nghĩa của nhân có tương tự bất thành vì như trước bác bỏ nhân của các pháp một cách phi lý. Hai nhân ở trong nghĩa sở lập đều chẳng phải tính sở tác năng tác nên không đúng chính lý. Nếu dùng chính lý khi bài bác thì có thể gọi là năng phá.

Tụng nói:



*Nói trước vì không nhân,  
 Nên không có sở lập.  
 Là vô thuyết tương tự,  
 Sinh, vô sinh cũng vậy.  
 Sở tác khác phần nhỏ,  
 Hiện sở lập bất thành.  
 Là sở tác tương tự,  
 Nhiều tương tự tông nói.*

Luận nói: Nói trước vì không nhân nên phải không có sở lập gọi là vô thuyết tương tự, nghĩa là có nói như sở lập ở trước nếu do nhân này chứng minh tính vô thường. Đây trước khi chưa nói thì đều vô sở hữu. Vì nhân không có nên phải chẳng phải là vô thường. Như vậy gọi là vô thuyết tương tự.

“Sinh, vô sinh cũng vậy”, nghĩa là trước sinh vô nhân nên vô sở lập, tức cũng là nói vô sinh tương tự. Nói “cũng vậy” nghĩa là giống như ví dụ về thanh, vì nhân trước không có nên phải là vô sở lập. Nay trong đây nếu như vô sở lập thì phải biết cũng có sở lập tương vi. Nghĩa là có nói như sở lập trước. Nếu như vậy thì thanh khi chưa sinh trở về trước là không có cần dừng vô gián phát khởi, vậy phải là chẳng phải vô thường ? Lại nữa, chẳng phải cần dừng vô gián phát khởi cho nên phải là thường ? Như vậy gọi là vô sinh tương tự.

“Sở tác khác phần nhỏ, hiện sở lập bất thành gọi là sở tác tương tự,” nghĩa là sở thành lập “tính sở tác nên giống như cái bình v.v..., thanh vô thường”, là nếu cái bình còn khác tính sở tác cho nên có thể là vô thường nào có liên quan gì đến thanh ? Như vậy gọi là sở tác tương tự.

“Nhiều như tương tự tông nói.”, nghĩa là như vậy vô thuyết tương tự v.v... đa phần như tương tự sở lập nói, nghĩa là như lỗi bất thành nhân. Nói nhiều là hiện, hoặc như các tương tự khác. Nay

trong đây vô thuyết tương tự tăng ích tỷ lượng, nghĩa là trong ngôn từ của luận giả nói lập tính vô thường, khó phá chưa nói nhân trước vì không có nên đây tương tự bất thành, hoặc tương tự khuyết nhân. Nghĩa là chưa nói trước tăng ích năng lập. Nếu ở trong đây hiển nghĩa vô hữu, lại khi lập lượng nếu vô ngôn thuyết có thể thành năng phá.

Vô sinh tương tự thanh trước khi chưa sinh tăng ích sở lập vì không có nan nhân, tức gọi là tương tự phá. Nếu khi thành lập hiển thị đây là vô, thì có thể thành năng phá. Nếu trước khi chưa sinh, do chẳng phải cần dừng vô gián phát khởi nên khó bảo là thường. Vì là một phần của nghĩa chuẩn nên cũng là tương tự bất định. Sở tác tương tự mới có 3 thứ. Nếu chẳng lẽ tính sở tác của cái bình v.v... đối với thanh không có tương tự bất thành này ? Nếu chẳng lẽ tính sở tác của thanh đối với cái bình v.v... không có tương tự tương vi này ? Nếu chẳng lẽ ở trên cái thường này cũng không bất cộng nên tương tự bất định, hoặc tương tự lỗi của dụ vì dẫn đồng pháp ? Bởi vì sao ? Vì chỉ lấy tông pháp xây dựng tỷ lượng mà không lấy biệt pháp. Nếu lấy biệt nghĩa thì chắc chắn sẽ khác, cho nên phải không có tỷ lượng.

Tụng nói:

*Đều chấp nhận cầu nhân,  
Là lỗi sinh tương tự.  
Đặt vấn đề nơi dụ,  
Là như dụ tương tự.*

Luận nói: Đều chấp nhận mà cầu nhân gọi là lỗi sinh tương tự, nghĩa là có người hỏi nếu sở lập như trước là cái bình v.v... là vô thường thì chứng minh nhân gì ? Còn ở đây đặt vấn đề nơi dụ gọi là như dụ tương tự, nghĩa là cái bình v.v... là vô thường đều hoàn toàn chấp nhận, mà nói bất thành dụ tương tự cho nên nói như tương tự dụ.

Tụng nói:

*Tính vô thường hằng tùy,  
Là thường trụ tương tự.  
Đây thành lỗi tính thường,  
Là như nói lỗi tông.*

Luận nói: Nghĩa là có người chất vấn nói như trước đã lập thanh là vô thường thì đây phải là thường với vô thường hợp tính nhau. Các pháp hằng không bỏ tự tính cho nên cũng phải là thường. Đây tức là thường trụ tương tự, là lỗi tự tông vì tăng ích sở lập là tính vô thường. Bởi trong đây đều không có riêng biệt thật không có tính thường dựa vào đây mà thường chuyển. Tức tự tính này vốn không nay có, tạm có rồi hoàn không, nên gọi là vô thường. Tức phần vị này do tự tính duyên, gọi là tính vô thường, như quả tính v.v...

Như vậy đã nói hết các loại lỗi phân nhiều là nói tính tự năng phá đã cực thành. Các luận khác nói cũng phải phân biệt như vậy mà thành lập. Tức là các loại lỗi này chỉ do một phần ít phương tiện khác kiến lập vô biên loại lỗi sai biệt vì vậy nên không nói. Tức như trong đây có các thuyết nói tăng ích, tổn giảm, hữu hiển, vô hiển, sinh, ý, biệt dụ, phẩm loại tương tự v.v... do từ góc độ này đều phải quán sát kỹ và phải ngăn chặn khiến trừ các phương tiện tỷ lượng không tốt. Nói như vậy thì đây dựa, các luận khác sẽ nói đến vô cùng, cho nên không nói nữa.

Lại nữa chỗ thất bại là các sư cự nhân minh có thuyết thì hoặc rơi trong năng phá, có thuyết thì quá thô, có thuyết thì phi lý, giống như một loại ngụy biện nên đây không ghi. Có những cú nghĩa của tông các sư khác cũng phải phân biệt như vậy mà kiến lập. Như vậy phân biến kế sở chấp v.v... đều không đúng lý, trái với chỗ thuyết tướng, đều gọi là vô trí vì quá xa với lý lẽ.

Lại nữa với những ngôn từ của loại lỗi này, tôi đã dựa vào luận thức đã chế phục rất nhiều. Nay ở góc độ này để phá chỗ lập luận của cô nhân minh tôi đã phân biệt đầy đủ cho nên ngừng lại ở đây. Tụng nói:

*Để mở người trí, tuệ độc được,  
Mở diệu nghĩa này: Chính lý môn.  
Nào kẻ ngoại lượng vẫn còn mê,  
Khiến vượt đường tà hợp chân nghĩa.*

**HẾT**

SỐ 1630

## LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÍNH LÝ

*Bồ-tát Thương-yết-la-chủ tạo luận  
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Năng lập với năng phá,  
Và tự, chỉ ngộ tha.  
Hiện lượng với tỷ lượng,  
Và tự, chỉ tự ngộ.*

Đó là gồm chung nghĩa cốt yếu của các luận. Trong đây tông v.v..., đa ngôn gọi là năng lập. Do tông nhân dụ là đa ngôn để khai thị những người chưa hiểu nghĩa đến hỏi. Trong đây tông, là cực thành hữu pháp, cực thành năng biệt sai biệt làm tính, tùy tự lực làm sở thành lập tính. Đó gọi là tông. Như có thuyết thành lập thanh là vô thường.

Nhân có 3 tướng. Những gì là 3 ? Là khắp cả là tính của tông pháp, đồng phẩm là hữu tính, dị phẩm là khắp cả vô tính.

Sao gọi là đồng phẩm, dị phẩm ? Nghĩa là pháp lập ra đều có nghĩa như nhau gọi là đồng phẩm. Như lập vô thường, thì cái bình v.v... là vô thường. Đó gọi là đồng phẩm. Dị phẩm, nghĩa là như ở nơi đó không có sở lập, nếu có tức là thường, thấy chẳng phải sở tác, như hư không v.v... Trong đây tính sở tác, hoặc tính cần dừng vô

gián phát sinh, khắp cả đều là tính của tông pháp. Đồng phẩm chắc chắn nhất định là hữu tính. Dị phẩm thì khắp cả là vô tính. Đó là nhân vô thường v.v...

Dụ có 2 thứ : 1. Đồng pháp. 2. Dị pháp. Đồng pháp, là nếu nơi đó hiển thị nhân đồng phẩm quyết định là hữu tính. Nghĩa là nếu sở tác thì thấy kia là vô thường. Ví như cái bình v.v... Dị pháp, là nếu ở nơi đó nói sở lập là vô thì khắp cả nhân là phi hữu. Nghĩa là nếu như vậy tức là thường, chẳng phải do sở tác, như hư không v.v... Trong đây nói thường là biểu thị phi vô thường, nói phi sở tác là biểu thị vô sở tác. Như có phi hữu thì gọi là phi hữu.

Đã nói xong tông v.v..., như vậy gọi là đa ngôn. Khi khai ngộ cho người khác thì gọi là năng lập. Như nói thanh vô thường, đó là câu nói lập tông, vì tính sở tác là câu nói tông pháp. Như vậy sở tác là thấy kia vô thường, như cái bình v.v... là theo đồng phẩm mà nói. Nếu là thường thì phi sở tác, như hư không tức xa lia ngôn thuyết. Chỉ 3 phần này gọi là năng lập.

Tuy muốn thành lập, do tương vi với hiện lượng nên gọi là tự lập tông. Nghĩa là hiện lượng tương vi, tỷ lượng tương vi, tự giáo tương vi, thể gian tương vi, tự ngữ tương vi, năng biệt bất cực thành, sở biệt bất cực thành, câu bất cực thành, tương phù cực thành. Trong đây hiện lượng tương vi, là như nói thanh là phi sở văn. Tỷ lượng tương vi, là như nói cái bình v.v... là thường. Tự giáo tương vi, là như các sư Thắng luận lập thanh là thường. Thể gian tương vi, là như nói ôm con thỏ chẳng phải mặt trăng, vì hữu thể. Lại như nói xương đầu người là sạch vì là phần chúng sinh giống như con ốc. Tự ngữ tương vi, là như nói mẹ ta là người thạch nữ kia. Năng biệt bất cực thành, là như Phật tử đối lại Số luận sư lập thanh diệt hoại. Sở biệt bất cực thành, là như Số luận sư đối Phật tử nói ngã là tư duy. Câu bất cực thành, là như Thắng luận sư đối đệ tử Phật lập ngã lấy làm nhân duyên hòa hợp. Tương phù cực thành, là như nói thanh là sở

văn. Như vậy đa ngôn là để khiến trừ tự tướng các pháp. Không cho thành, lập vô quả, gọi là tự lập lỗi về tông.

Đã nói tự tông, nay sẽ nói tự nhân. Bất thành, bất định và tương vi, gọi là tự nhân.

Bất thành có 4: 1. Cả hai đều bất thành. 2. Theo một cái bất thành. 3. Do dự bất thành. 4. Sở y bất thành. Như thành lập thanh là vô thường v.v... nếu nói là vì tính mắt có thể trông thấy nên cả hai đều bất thành. Vì tính sở tác nên đối với Thanh hiển luận thì tùy theo một bất thành. Khi đối với tính sương mù khởi nghi hoặc, cho là đại chúng hòa hợp có lửa mà nói như vậy là do dự bất thành. Hư không là thật hữu vì sở y vào đức thì đối với Vô không luận là sở y bất thành.

Bất định có 6: 1. Chung. 2. Không chung. 3. Đồng phẩm một phần chuyển, dị phẩm chuyển khắp. 4. Dị phẩm một phần chuyển, đồng phẩm chuyển khắp. 5. Cả 2 phẩm một phần chuyển. 6. Tương vi quyết định.

Trong đây, chung là như nói thanh là thường, vì tính sở lượng. Thường, vô thường phẩm đều chung trong nhân này, cho nên bất định. Là như cái bình v.v... vì tính sở lượng nên thanh là vô thường. Là như hư không v.v... vì tính sở lượng nên thanh là thường.

Nói không chung, là như nói thanh thường. Vì tính sở văn nên thường vô thường phẩm đều lìa khỏi nhân này. Ngoài thường vô thường ra đều phi hữu, nên là do dự nhân. Tính sở văn này là như thế nào ?

Đồng phẩm chuyển một phần, dị phẩm chuyển khắp, là như nói thanh chẳng phải cần dừng vô gián hiển phát vì tính vô thường. Vì tính vô thường nên trong đây tông chủ trương phi cần dừng vô gián hiển phát lấy điện, hư không v.v... làm đồng phẩm. Tính vô thường này đối với điện v.v... là hữu, đối với hư không v.v... là vô. Tông chủ trương phi cần dừng vô gián hiển phát lấy cái bình v.v... làm dị phẩm, đối với biến khắp hữu thì nhân này lấy điện, cái bình làm

đồng pháp cho nên cũng là bất định. Vì như cái bình v.v... vì tính vô thường nên kia là cần dừng vô gián hiển phát. Vì như điện v.v... là tính vô thường nên kia là phi cần dừng vô gián hiển phát.

Dị phẩm chuyển một phần, đồng phẩm chuyển khắp, nghĩa là như lập tông nói thanh là cần dừng vô gián khởi phát vì tính vô thường. Tông chủ trương cần dùng dừng vô gián khởi phát lấy cái bình v.v... làm đồng phẩm, tính vô thường của nó biến hữu nơi đây, lấy điện, hư không làm dị phẩm, nơi kia một phần điện là hữu, hư không là vô, cho nên cũng là bất định như trước.

Cả 2 phẩm đều chuyển một phần, nghĩa là như nói thanh là thường vì không chất ngại. Trong đây tông chủ trương là thường, lấy hư không, cực vi v.v... làm đồng phẩm, tính không chất ngại đối với hư không v.v... là hữu, đối với cực vi v.v... là vô, lấy cái bình, lạc thụ v.v... làm dị phẩm, đối với lạc thụ v.v... là hữu, đối với cái bình v.v... là vô. Cho nên nhân này lấy lạc thụ, lấy hư không làm đồng phẩm nên cũng gọi là bất định.

Tương vi quyết định, nghĩa là như lập tông nói thanh là vô thường, vì tính sở tác ví như cái bình v.v..., hoặc có tông lập thanh là thường, vì tính sở văn ví như tính của thanh. Cả 2 lập tông đều là do dự nhân nên đều gọi là bất định.

Tương vi có 4, là pháp tự tướng tương vi nhân, pháp sai biệt tương vi nhân, hữu pháp tự tướng tương vi nhân, và hữu pháp sai biệt tương vi nhân.

Trong đây pháp tự tướng tương vi nhân, là như nói thanh là thường, vì tính sở tác, hoặc vì tính cần dừng vô gián khởi phát. Nhân này chỉ hiện hữu trong dị phẩm, nên là tương vi.

Pháp sai biệt tương vi nhân, là như nói mắt v.v... ắt bị người khác thụ dụng vì tính tích tập, như đồ nằm v.v... Nhân này nếu có thể thành lập con mắt v.v... ắt bị cái khác thụ dụng. Như vậy cũng có



thể thành lập sở lập pháp sai biệt tương vi tích tha dụng các đồ năm v.v... , vì tích tụ tha sở thụ dụng.

Hữu pháp tự tương tương vi nhân, là như nói hữu tính là phi thật, phi đức, phi nghiệp. Có một thật là có đức nghiệp, như đồng với dị tính. Nhân này nếu như có thể ngăn chặn được thật v.v... thì cũng như vậy có thể ngăn chặn được hữu tính, vì đều cùng quyết định.

Hữu pháp sai biệt tương vi nhân, là như nhân này ở nơi tông trước hữu pháp sai biệt làm tính hữu duyên cũng có thể thành lập tương vi với đây làm tính phi hữu duyên, như ngăn chặn thật v.v... vì đều quyết định.

Đã nói tự nhân, sẽ nói về tự dụ. Tự đồng pháp dụ có 5 thứ: 1. Năng lập pháp bất thành. 2. Sở lập pháp bất thành. 3. Cả hai đều bất thành. 4. Không hợp. 5. Đảo hợp. Tự dị pháp dụ cũng có 5 thứ: 1. Sở lập bất khiển. 2. Năng lập bất khiển. 3. Cả hai đều bất khiển. 4. Không ly. 5. Đảo ly.

Năng lập pháp bất thành, là như nói thanh thường, vì không chất ngại. Những gì không chất ngại là thường, giống như cực vi. Nhưng cực vi kia, theo sở thành lập pháp thì tính thường là hữu, theo năng thành lập pháp thì không chất ngại là vô. Bởi các cực vi là tính chất ngại.

Sở lập pháp bất thành, là nói như giác. Nhưng tất cả giác theo năng thành lập pháp thì không chất ngại là hữu, theo sở thành lập pháp thì tính thường trụ là vô. Bởi tất cả giác đều là vô thường.

Cả hai đều bất thành, là lại có 2 thứ hữu và phi hữu. Nếu nói như cái bình thì hữu đều bất thành. Nếu nói như hư không thì đối với Vô không luận, vô đều bất thành.

Không hợp, nghĩa là ở nơi đó không có phối hợp. Chỉ ở nơi cái bình v.v... hiện cả hai pháp năng lập sở lập. Như nói nơi cái bình thấy tính sở tác và tính vô thường.

Đảo hợp, nghĩa là nên nói các sở tác đều là vô thường, mà nói đảo lại các vô thường đều là sở tác.

Như vậy gọi là tự đồng pháp dụ phẩm.

Trong tự dị pháp, sở lập bất khiể, là chẳng hạn như có thuyết nói các vô thường là những gì thấy có chất ngại, ví như cực vi. Do nơi cực vi, sở thành lập pháp không khiể trừ tính thường, vì kia lập cực vi là tính thường, cho nên năng thành lập pháp không có không chất ngại.

Năng lập bất khiể, nghĩa là như nói nghiệp, chỉ khiể trừ sở lập không khiể trừ năng lập, vì kia nói các nghiệp không chất ngại.

Cả hai đều bất khiể, là đối với Hữu luận kia nói như hư không. Bởi kia chủ trương hư không không khiể trừ tính thường vì không chất ngại. Bởi nói hư không là tính thường vì không chất ngại.

Không ly, nghĩa là nói như cái bình thấy tính vô thường, tính có chất ngại.

Đảo ly, nghĩa là như nói những gì có chất ngại đều là vô thường.

Các tự tông nhân dụ như vậy gọi là phi chính năng lập.

Lại nữa đề tự khai ngộ, phải biết chỉ có hiện và tỷ 2 lượng. Trong đây hiện lượng là vô phân biệt. Nếu có chính trí, đối với nghĩa của sắc v.v... là tất cả những phân biệt về danh ngôn chủng loại mà hiện hiện biệt chuyển nên gọi là hiện lượng.

Nói tỷ lượng, nghĩa là nhờ các tướng mà quán sát nơi nghĩa. Có 3 thứ tướng hư trước đã nói. Do chúng làm nhân đối với nghĩa được so sánh có sinh chính trí, hiểu rõ có lửa, hoặc vô thường v.v..., gọi là tỷ lượng. Ở trong 2 lượng, trí gọi là quả, vì là chứng tướng. Như có tác dụng mà hiển hiện nên cũng gọi là lượng.

Trí có phân biệt, nơi nghĩa chuyển khác gọi là tự hiện lượng. Nghĩa là các hữu trí, hiểu biết cái bình, cái áo do phân biệt sinh ra.

Do đối với nghĩa, nó không lấy tướng của chính nó làm cảnh, nên gọi là tự hiện lượng.

Nếu trí của tự nhân làm trước khởi các trí của tự nghĩa thì gọi là tự tỷ lượng. Tự nhân có nhiều thứ như trước đã nói. Dùng nó làm nhân, đối với sự so sánh có tính tương tự mà sinh các hữu trí, không thể chính giải, gọi là tự tỷ lượng.

Lại nữa, nếu hiển thị đúng lỗi của năng lập thì gọi là năng phá. Nghĩa là lúc mới năng lập thiếu sót tính lỗi, tính lỗi về lập tông, tính nhân bất thành, tính nhân bất định, tính nhân tương vi, và tính lỗi về dụ. Làm rõ những điểm này đến khai mở cho người hỏi hiểu rõ, nên gọi là năng phá.

Nếu không thật làm rõ được lỗi năng lập thì gọi là tự năng phá. Nghĩa là đối với năng lập viên mãn đầy đủ thì nói là thiếu sót, tông không có lỗi nói là có lỗi, nhân thành tựu thì nói bất thành nhân, nhân quyết định nói là bất định nhân, nhân không mâu thuẫn nói là tương vi nhân, dụ không lỗi nói là dụ có lỗi. Những lập luận ngôn thuyết như vậy gọi là tự năng phá. Bởi không thể nêu rõ lỗi của tông kia, do tông kia không có lỗi.

Đến đây hãy dừng lại thôi.

*Đã nói ít cú nghĩa,  
Đề trước tiên phân định.  
Trong đó lý, phi lý  
Sẽ biện luận nơi khác./.*

**HẾT**

SỐ 1631  
**LUẬN HỒI TRÁNH**

*Bồ-tát Long Thọ tạo luận  
 Tam tạng Tì-mục Trí tiên và Cù-đàm-lưu-chi dịch  
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

1. Luận Hồi Tránh, phần đầu: Kệ:

Hỏi:

*Nếu tất cả vô thể,  
 Ngôn ngữ là tất cả.  
 Ngôn ngữ tự vô thể,  
 Sao ngăn được thể kia ?  
 Ngôn ngữ có tự thể,  
 Chỗ lập tông trước hồng.  
 Như vậy là có lỗi,  
 Phải nói lại thẳng nhân.  
 Nếu nói như không thanh,  
 Thì nghĩa không phải vậy.  
 Thanh có thể ngăn thanh.  
 Vô thanh lấy gì ngăn ?  
 Ông nói ngăn, bị ngăn,  
 Như vậy cũng không phải.  
 Như vậy tướng tông ông,  
 Tự hồng chẳng phải tôi.*

Nếu kia hiện là có,  
Ông có thể được hỏi.  
Kia hiện cũng là không,  
Làm sao thủ được hỏi ?  
Nói hiện, tử, A-hàm,  
Thí dụ thấy 4 lượng.  
Hiện được A-hàm thành,  
Thí dụ cũng thành được.  
Người trí biết nói pháp,  
Thiện pháp có tự thể.  
Người đời biết hữu thể,  
Các pháp cũng như vậy.  
Xuất pháp xuất pháp thể,  
Là thánh nhân nói pháp.  
Như vậy không xuất pháp,  
Không xuất pháp tự thể.  
Các pháp nếu vô thể,  
Vô thể không có tên.  
Có tự thể có tên,  
Chỉ tên, tên thể nào ?  
Nếu lìa pháp có tên,  
Nơi trong pháp kia, không.  
Nói lìa pháp có tên,  
Người kia có thể hỏi.  
Pháp nếu có tự thể,  
Thì ngăn được các pháp.  
Các pháp nếu vô thể,  
Thì lấy gì mà ngăn ?  
Như có bình, có đất,  
Thì ngăn được bình, đất.  
Thấy có vật là ngăn,

Thấy không vật không ngăn.  
 Nếu pháp không tự thể,  
 Ngôn ngữ ngăn cái gì ?  
 Nếu không pháp được ngăn,  
 Không lời cũng thành ngăn.  
 Như có người ngu si,  
 Mê lấy lửa làm nước.  
 Nếu ông ngăn mê lấy,  
 Việc ấy cũng như vậy.  
 Thủ, sở thủ, năng thủ,  
 Giá, sở giá, năng giá.  
 Sáu thứ nghĩa như vậy,  
 Thấy đều là hữu pháp.  
 Nếu không thủ, sở thủ,  
 Cũng không có năng thủ.  
 Thì không giá, sở giá,  
 Cũng không có năng giá.  
 Nếu không giá, sở giá,  
 Cũng không có năng giá.  
 Thì tất cả pháp thành,  
 Tự thể kia cũng thành.  
 Thì nhân ông bất thành.  
 Vô thể nhân cái gì ?  
 Nếu pháp không nhân thì,  
 Làm sao nói thành được ?  
 Nếu ông không nhân thành,  
 Các pháp tự thể hồi.  
 Tôi cũng không nhân thành,  
 Các pháp có tự thể.  
 Nếu có nhân vô thể,  
 Nghĩa ấy không phù hợp.

*Thế gian pháp vô thể,  
Thì không được nói có.  
Trước giá, sau sở giá,  
Như vậy không phù hợp.  
Nếu sau giá và cùng,  
Như vậy biết hữu thể.*

2. Kệ Luận Hồi Tránh, phần trên:

*Ngữ ngôn tôi nếu là,  
Pháp nhân duyên hòa hợp,  
Tức là không nghĩa thành,  
Các pháp không tự thể.  
Nếu nhân duyên pháp không,  
Tôi nay nói nghĩa này.  
Người nào có nhân duyên,  
Nhân duyên kia vô thể.  
Hóa nhân nơi hóa nhân,  
Huyễn nhân nơi huyễn nhân.  
Như vậy giá, sở giá,  
Nghĩa ấy cũng như vậy.  
Ngôn ngữ vô tự thể,  
Nói ra cũng vô thể.  
Như vậy tôi không lỗi,  
Không cần nói thẳng nhân.  
Ông nói không có thanh,  
Chẳng phải tôi thí dụ.  
Tôi chẳng dùng thanh này,  
Có thể ngăn thanh kia.  
Như hoặc có trượng phu,  
Vọng thủ thân hóa nữ.  
Mà phát sinh lòng dục,*

Nghĩa này cũng như vậy.  
Đồng sở thành không thể,  
Vì trong vang không nhân.  
Tôi y nơi thể đế,  
Nên nói ra như vậy.  
Nếu không y thể đế,  
Không chứng được chân đế.  
Nếu không chứng chân đế,  
Không chứng được Niết-bàn.  
Nếu tông ta là hữu,  
Thì ta là có lỗi.  
Vì tông ta vô vật,  
Cho nên không có lỗi.  
Nếu ta thủ chuyển hồi,  
Thì phải dùng hiện v.v...  
Thủ chuyển hồi có lỗi,  
Không thể sao có lỗi ?  
Nếu lượng năng thành pháp,  
Kia lại thành hữu lượng.  
Ông nói lượng chỗ nào,  
Mà năng thành lượng này ?  
Nếu lượng lia lượng thành,  
Ông tranh nghĩa là lỗi.  
Như vậy là có lỗi,  
Phải nói lại thẳng nhân.  
Giống như lửa vì sáng,  
Tự chiếu, chiếu cái khác.  
Lượng kia cũng như vậy,  
Tự tha 2 đều thành.  
Lời nói ông có lỗi,  
Chẳng phải lửa tự chiếu.



Bởi kia không tương ứng,  
Như thấy bình trong tối.  
Lại nữa nếu ông nói,  
Lửa chiếu được tự tha.  
Như lửa đốt cái khác,  
Sao không thể tự đốt ?  
Lại nữa nếu ông nói,  
Lửa chiếu được tự tha,  
Tối cũng phải như vậy,  
Tự tha 2 đều che.  
Ở trong lửa không tối,  
Tự tha trụ chỗ nào ?  
Tối kia diệt được sáng,  
Làm sao lửa có sáng ?  
Như vậy khi lửa sinh,  
Tức khi sinh năng chiếu.  
Lửa sinh liền đến tối,  
Thì nghĩa không phù hợp.  
Nếu lửa không đến tối,  
Mà phá được tối thì,  
Lửa ở tại nơi đây,  
Phải phá tất cả tối.  
Nếu lượng năng tự thành,  
Không đợi sở lượng thành.  
Vậy là lượng tự thành,  
Chẳng đợi tha năng thành.  
Nếu không đợi sở lượng,  
Mà lượng của ông thành,  
Như vậy là không người,  
Dùng lượng lờng các pháp.  
Nếu là vật sở lượng,

*Đợi lượng mà được thành,  
Thế thì sở lượng thành  
Đợi lượng sau mới thành.  
Nếu vật không lượng thành,  
Thế là không đợi lượng.  
Ông dùng gì thành lượng ?  
Lượng kia thành cái gì ?  
Nếu ông lượng kia thành,  
Đợi sở lượng thành thì  
Đó là lượng sở lượng.  
Như vậy không lìa nhau.  
Nếu lượng thành sở lượng,  
Nếu sở lượng thành lượng,  
Ông nếu như vậy thì  
Hai thứ đều bất thành.  
Lượng, năng thành sở lượng,  
Sở lượng, năng thành lượng.  
Nếu nghĩa như vậy thì  
Làm sao thành nhau được ?  
Sở lượng, năng thành lượng,  
Lượng, năng thành sở lượng,  
Nếu nghĩa như vậy thì  
Làm sao thành nhau được ?  
Là cha sinh ra con,  
Là con sinh ra cha ?  
Ai là người năng sinh ?  
Ai là người sở sinh ?  
Hỏi ai là người cha,  
Còn ai là người con ?  
Ông nói hai thứ này,  
Cha con đều khả nghi.*

Lượng chẳng tự năng thành,  
Chẳng phải tự tha thành.  
Chẳng phải lượng khác thành,  
Chẳng vô nhân duyên thành.  
Nếu như pháp sư nói,  
Thiện pháp có tự thể,  
Tự thể thiện pháp này,  
Pháp nên phân chia nói.  
Nếu tự thể thiện pháp,  
Từ nơi nhân duyên sinh,  
Thiện pháp là tha thể,  
Sao gọi là tự thể ?  
Nếu có chút thiện pháp,  
Không từ nhân duyên sinh,  
Thiện pháp nếu như vậy  
Không trụ nơi phạm hạnh.  
Phi pháp, phi phi pháp,  
Thế gian pháp cũng không.  
Có tự thể thì thường,  
Thường thì không nhân duyên.  
Thiện, bất thiện, vô ký,  
Tất cả pháp hữu vi,  
Nhu ông nói là thường,  
Là ông có lỗi vậy.  
Nếu người nói có danh,  
Ngữ ngôn có tự thể,  
Ông nên hỏi người ấy,  
Ngữ, danh ngữ không thật.  
Nếu danh này là không,  
Thì có cũng là không.  
Nếu nói có nói không,

Tông ông có 2 lỗi.  
Nếu danh này là có,  
Thì không cũng là có.  
Nếu nói không nói có,  
Tranh luận có 2 lỗi.  
Vậy trước tôi đã nói  
Tất cả pháp đều không.  
Tông nghĩa tôi như vậy,  
Thì không thể có lỗi.  
Nếu riêng có tự thể,  
Mà không ở trong pháp,  
Ông lo tôi nên nói,  
Thể thì không phải lo.  
Nếu hữu thể được ngăn,  
Nếu không, được nói thành,  
Nếu vô thể, vô không,  
Ngăn thành làm sao được ?  
Ông lấy gì để ngăn ?  
Cái ông ngăn là không.  
Pháp không mà có ngăn,  
Đó là lỗi tranh luận.  
Tôi chẳng có chút gì,  
Cho nên tôi chẳng ngăn.  
Như vậy ông vô lý,  
Uổng nhọc chất vấn tôi.  
Lời nói ông biệt pháp,  
Nay tôi nói nghĩa này.  
Vô pháp được đem nói,  
Mà tôi thì không lỗi.  
Ông nói thô ái dụ  
Để làm rõ nghĩa này.

Ông nghe tôi nãi thuyết  
 Như thí dụ phù hợp.  
 Nếu kia có tự thể  
 Không cần nhân duyên sinh.  
 Nếu phải nhân duyên thì  
 Như vậy được nói không.  
 Nếu thủ tự thể thật,  
 Ai có thể ngăn hỏi ?  
 Những người khác cũng vậy,  
 Cho nên tôi không lỗi.  
 Đây nói vô nhân là  
 Nghĩa như trước đã nói.  
 Trong 3 thời nói nhân,  
 Kia bình đẳng mà nói.  
 Nếu nói nhân 3 thời,  
 Trước bình đẳng như vậy.  
 Như vậy nhân 3 thời,  
 Với nói không: tương ưng.  
 Nếu ai tin nơi không,  
 Người ấy tin tất cả.  
 Nếu ai không tin không,  
 Là không tin tất cả.  
 Không, tự thể, nhân duyên,  
 Ba, nói một trung đạo.  
 Tôi quy mạng kính lễ,  
 Vô thượng đại trí tuệ.

### 3. Luận Hồi Tránh, giải thích phần đầu:

Giải thích: Bài kệ đầu của luận nói:

Nếu tất cả vô thể,  
 Ngôn ngữ là tất cả.

*Ngôn ngữ tự vô thể,  
Sao ngăn được thể kia ?*

Kệ này nói nghĩa gì ?

Nếu tất cả pháp đều là nhân duyên thì nhân duyên nhân duyên hòa hợp, lia các nhân duyên không có tất cả tự thể. Như vậy tất cả các pháp đều không, như mầm chẳng có trong hạt, chẳng có trong các nhân duyên đất, nước, lửa, gió, hư không v.v..., chẳng có trong mỗi mỗi nhân duyên, chẳng có trong các nhân duyên hòa hợp, chẳng lia nhân duyên nhân duyên hòa hợp mà riêng có. Nếu trong những thứ này tất cả đều không, như vậy được nói là mầm không có tự thể. Nếu như vậy không có tất cả tự thể thì kia được nói là không. Nếu tất cả pháp thấy đều không thì không có ngôn ngữ. Nếu không có ngôn ngữ thì không thể ngăn tất cả các pháp. Nếu ý ông nói ngôn ngữ chẳng phải không, ngôn ngữ nói lên tất cả pháp không, nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao ? Ông nói tất cả các pháp đều không, thì ngôn ngữ cũng không. Bởi vì sao ? Bởi trong nhân: không, trong 4 đại: không, trong mỗi mỗi: không, trong hòa hợp: không, trong nhân duyên hòa hợp bất hòa hợp: không, tất cả đều không. Thế thì tiếng nói trong cổ họng: không, môi, lưỡi, răng, chân răng, chóp mũi v.v... mỗi mỗi đều không, trong hòa hợp: không, 2 chỗ đều không chỉ có nhân duyên, nhân duyên hòa hợp. Nếu lia nhân duyên hòa hợp như vậy thì không còn pháp nào khác. Nếu như vậy thì tất cả ngôn ngữ đều không có tự thể. Nếu ngôn ngữ này không có tự thể thì chỉ có ngăn chặn cái tên gọi mà không thể ngăn chặn pháp. Ví như không có lửa thì không thể thiêu đốt. Cũng như không có con dao thì không thể cắt. Lại như không nước thì không có sóng. Như vậy, không có ngôn ngữ làm sao có thể ngăn chặn tự thể các pháp. Đã không thể ngăn chặn tự thể các pháp mà tâm nghĩ nhớ ngăn chặn tất cả tự thể các pháp thì nghĩa của hồi là không phù hợp.

Lại còn có nghĩa, như kệ nói:

*Ngôn ngữ có tự thể,  
Chỗ lập tông trước hồng.  
Như vậy là có lỗi,  
Phải nói lại thẳng nhân.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ngôn ngữ này có tự thể thì tông nghĩa trước ông đã lập sẽ tự hoại. Thế là có lỗi. Nếu vậy thì lại phải nói đến thẳng nhân. Nếu ý ông bảo rằng ngôn ngữ có tự thể còn các pháp khác thì không, như vậy là trái với câu nói các pháp không, tông của ông cũng hồng.

Lại cũng có nghĩa, là ngôn ngữ không tách rời số của tất cả các pháp. Nếu tất cả pháp thấy đều không, thì ngôn ngữ cũng không. Nếu ngôn ngữ không thì không thể ngăn tất cả các pháp. Nếu như vậy, trong 6 thứ tương ưng tranh luận kia làm sao ông không tương ưng ? Ông nói tất cả các pháp đều không, thì ngôn ngữ cũng không. Bởi vì sao ? Vì ngôn ngữ cũng là tất cả pháp. Ngôn ngữ nếu không, thì không thể ngăn. Nếu kia ngăn nói tất cả pháp không, thì không tương ưng. Lại nữa nếu tương ưng, ngôn ngữ có thể ngăn tất cả pháp thể. Tất cả pháp không, thì ngữ sẽ là bất không ngữ. Nếu bất không, ngăn tất cả pháp, thì không phù hợp. Nếu các pháp không mà ngôn ngữ bất không, thì lời nói ngăn cái gì ? Lại nếu lời nói này vào trong tất cả dụ không tương đương, nếu ngôn ngữ kia là tất cả mà tất cả đã không thì ngôn ngữ cũng không. Nếu ngữ ngôn không, thì không thể ngăn. Nếu ngữ ngôn không, thì các pháp cũng không. Bởi không, có thể ngăn các pháp khiến không. Như vậy thì không, cũng là nhân duyên. Thế là không được. Lại nếu ông sợ dụ không tương đương tất cả pháp không, có thể làm nhân duyên, như vậy không ngữ thì không thể ngăn tất cả tự thể.

Lại cũng có nghĩa, một bên là có lỗi. Bởi pháp có không, cũng có bất không. Kia nếu có lỗi thì phải nói đến thẳng nhân. Nếu một bên không, một bên bất không, như vậy nếu nói tất cả pháp không, vô tự thể, thì nghĩa không phù hợp.

Lại cũng có nghĩa, như kệ nói:

*Ông nói như không thanh,  
Thì nghĩa ấy không đúng.  
Thanh có thể ngăn thanh.  
Vô thanh ngăn cái gì ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông nói thanh có thể ngăn thanh, như có người nói ông chớ làm ra thanh, người kia tự làm ra thanh mà có thể ngăn thanh. Như vậy thì tất cả pháp không, không ngữ có thể ngăn. Điều đó không phù hợp với nay tôi nói. Bởi vì sao ? Bởi thanh này có khả năng ngăn thanh kia. Ông nói phi hữu thì không thể ngăn tự thể các pháp. Chỗ lập nghĩa của ông nếu lời nói cũng là không thì các pháp cũng không. Như vậy nếu bảo như không cần thanh, thì đó là có lỗi.

Kệ nói:

*Ông nói ngăn, bị ngăn,  
Như vậy cũng không phải.  
Như vậy tướng tông ông,  
Tự hoại chẳng phải tôi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo ngăn với bị ngăn cũng như vậy thì kia không phù hợp. Nếu ông nói rằng lời nói của tôi có khả năng ngăn tất cả các pháp có tự thể, thì kia không phù hợp. Nay tôi nói là không phải nghĩa như vậy. Bởi vì sao ? Biết tông tướng như vậy là lỗi của ông, chẳng phải tôi. Ông nói tất cả các pháp đều không, như vậy nghĩa của ông tông trước có lỗi chứ không ở tôi. Nếu ông nói rằng ngăn và bị ngăn của ông không phù hợp thì nghĩa không phải vậy.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu hiện kia là có,  
Ông được cái gì hỏi ?*



*Hiện kia cũng là không,  
Làm sao thủ được hồi ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu tất cả pháp hiện có thể thủ lấy được thì ông có thể phản hồi lại tôi khiến các pháp không, nhưng thật sự không phải vậy. Lấy gì để biết ? Hiện lượng nhập vào trong tất cả pháp số, thì cũng là không. Nếu ông phân biệt dựa vào hiện lượng có tỷ lượng, mà hiện lượng tỷ lượng đều không, như vậy không có hiện lượng tỷ lượng lấy gì có được hiện để mà tỷ ? Cả 2 này đều không, làm sao ngăn được ? Ông nói tất cả pháp không, là nghĩa không phải vậy. Nếu ông lại bảo là hoặc so sánh hoặc ví dụ, hoặc dùng A-hàm mà có tất cả pháp, như vậy tự thể của tất cả các pháp tôi có thể phản hồi. Nghĩa này nay sẽ nói.

Kệ nói:

*Nói hiện, tỷ, A-hàm,  
Thí dụ thấy 4 lượng.  
Hiện, tỷ, A-hàm thành,  
Thí dụ cũng thành được.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Tỷ dụ, A-hàm, hiện lượng v.v... 4 lượng. Nếu hiện lượng có thể thành thì tỷ lượng, A-hàm v.v... cũng đều có thể thành. Như tất cả pháp thấy đều không, thì hiện lượng cũng không. Như vậy tỷ dụ cũng không. Lượng kia thành lập tất cả các pháp thấy đều không, vì 4 thứ lượng ở trong tất cả. Tùy những pháp gì, nếu là tỷ lượng thành thì thí dụ cũng thành, A-hàm cũng thành. Cái pháp được thành kia tất cả đều không. Ông lấy thí dụ, A-hàm v.v... 3 lượng, các pháp sở lượng cũng không. Nếu như vậy thì pháp là bất khả đắc. Lượng, sở lượng là không, cho nên không ngăn. Như vậy nếu nói tất cả pháp không, vô tự thể, thì nghĩa không phù hợp.

Lại có nghĩa nữa, như kệ nói:

*Người trí biết nói pháp,  
Thiện pháp có tự thể.*

*Người đời biết hữu thể,  
Pháp khác cũng như vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Pháp sư nói thiện pháp. Thiện pháp có 119. Đó là tâm một tướng: 1. Thụ. 2. Tưởng. 3. Giác. 4. Xúc. 5. Quan sát. 6. Dục. 7. Tin giải thoát. 8. Tinh tiến. 9. Ưc niệm. 10. Tam-ma-đề. 11. Tuệ. 12. Xả. 13. Tu. 14. Hợp tu. 15. Tập. 16. Đắc. 17. Thành. 18. Biện tài. 19. Thích. 20. Cần. 21. Tư. 22. Cầu. 23. Thế lực. 24. Không ganh. 25. Tự tại. 26. Giới tài biện luận. 27. Không hối. 28. Hối. 29. Thiếu dục. 30. Không thiếu dục. 31. Xả. 32. Không tư duy. 33. Không cầu. 34. Không nguyện. 35. Thích nói. 36. Không đắm vào cảnh giới. 37. Bất hành. 38. Sinh. 39. Trụ. 40. Diệt. 41. Tập. 42. Lão. 43. Nhiệt não. 44. Ngất. 45. Nghi. 46. Tư lường. 47. Ái. 48. Tin. 49. Vui. 50. Không thuận. 51. Thuận lấy. 52. Không sợ đại chúng. 53. Cung kính. 54. Làm thắng pháp. 55. Kính. 56. Không kính. 57. Cung cấp. 58. Không cung cấp. 59. Định thuận. 60. Túc. 61. Phát động. 62. Không vui. 63. Che. 64. Bất định. 65. Sầu não. 66. Cầu không được. 67. Hoang loạn. 68. Lười biếng. 69. Ưu phần. 70. Hy tịnh. 71. Nội tín. 72. Sợ. 73. Tin. 74. Tàm. 75. Chặt trực. 76. Không lừa dối. 77. Tịch tĩnh. 78. Không kinh hãi. 79. Không lằm. 80. Nhu nhuyễn. 81. Khai giải. 82. Hiềm khích. 83. Thiêu đốt. 84. Tĩnh. 85. Không tham. 86. Không giận. 87. Không si. 88. Bất nhất thiết tri. 89. Phóng xả. 90. Bất hữu. 91. Quý. 92. Không tự ỷ ác. 93. Bi. 94. Hỷ. 95. Xả. 96. Thần thông. 97. Không chấp. 98. Không đổ kỵ. 99. Tâm tịnh. 100. Nhẫn nhục. 101. Lợi ích. 102. Năng dụng. 103. Phúc đức. 104. Vô tướng định. 105. Bất nhất thiết trí. 106. Vô thường Tam muội. ( thiếu 13 pháp không tra tìm được ) Như vậy thiện pháp có 119. Như thiện pháp kia thiện pháp tự thể, bất thiện pháp kia bất thiện pháp tự thể. Cũng như vậy vô ký vô ký, bản tính vô ký bản tính vô ký, Dục giới Dục giới, Sắc giới Sắc giới, Vô sắc giới Vô sắc giới, vô lậu vô lậu, khổ tập diệt đạo khổ tập diệt đạo, tu định tu định. Như vậy thấy có vô lượng đủ thứ các pháp đều có tự thể. Như vậy nếu nói tất cả các

pháp đều không tự thể, như vậy vô thể được nói là không, thì nghĩa ấy không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Xuất pháp xuất pháp thể,  
Là thánh nhân đã nói.  
Như vậy bất xuất pháp,  
Bất xuất pháp tự thể.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như nói xuất pháp xuất pháp tự thể, như vậy bất xuất pháp bất xuất pháp tự thể. Giác phân giác phân tự thể. Bồ-đề phân Bồ-đề phân tự thể. Phi Bồ-đề phân phi Bồ-đề phân tự thể. Như vậy các pháp khác đều cũng như vậy. Nếu như vậy thấy vô lượng các thứ pháp tự thể kia mà như vậy nói tất cả các pháp đều vô tự thể, vì vô tự thể gọi là không, thì không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Các pháp nếu vô thể,  
Vô thể không có tên.  
Có tự thể có tên,  
Chỉ tên, tên thế nào ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu tất cả pháp đều vô tự thể nói vô tự thể, thì ngôn ngữ cũng không. Bởi vì sao ? Có vật có tên, không vật không tên. Bởi tất cả pháp đều có tên nên phải biết các pháp đều có tự thể. Pháp có tự thể nên không được nói tất cả pháp không. Như vậy nếu nói tất cả pháp không, vô tự thể, thì nghĩa không phù hợp.

Kệ nói:

*Nếu lia pháp có tên,  
Nơi trong pháp kia, không.  
Nói lia pháp có tên,  
Người kia có thể hỏi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo có pháp có tên, lia pháp có tên, như vậy tất cả các pháp đều không, vô tự thể thành. Phi vật không tên, có vật có tên, đây tôi nay nói. Nếu như vậy thì ai nói lia pháp thể riêng có tên gọi ? Nếu có tên riêng có pháp riêng thì không được, hiển thị kia không thể hiển thị. Như vậy tâm ông phân biệt có các pháp riêng, có tên riêng, nghĩa ấy không đúng.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Pháp nếu có tự thể,  
Thì ngăn được các pháp.  
Các pháp nếu vô thể,  
Thì lấy gì mà ngăn ?  
Như có bình, có đất,  
Thì ngăn được bình, đất.  
Thấy có vật là ngăn,  
Thấy không vật không ngăn.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Có vật được ngăn không vật không ngăn. Như không bình, đất thì không cần ngăn. Có bình được ngăn không bình không ngăn. Như vậy pháp không tự thể thì không phải ngăn. Pháp có tự thể có thể được có ngăn, không thì làm sao ngăn ? Nếu tất cả pháp đều không tự thể mà lại nói ngăn, thì nghĩa của tất cả pháp không tự thể là không phù hợp. Ông ngăn cái gì ? Nếu có cái thể của ngăn thì có thể tự thể của tất cả các pháp.

Kệ nói:

*Nếu pháp không tự thể,  
Ngôn ngữ ngăn cái gì ?  
Nếu không pháp được ngăn,  
Không lời cũng thành ngăn.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu pháp là vô thể, lời nói cũng vô thể, làm sao ngăn lời nói ? Tất cả các pháp đều không tự thể, nếu ngăn

như vậy không nói ngôn ngữ cũng ngăn được. Nếu như vậy thì có những lỗi như lửa thì lạnh nước thì cứng v.v...

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Như có người ngu si,  
Mê lấy lửa làm nước.  
Nếu ông ngăn mê lấy,  
Việc ấy cũng như vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng như người ngu si lấy lửa làm nước, ở trong chỗ không có nước, mê vọng lấy nước. Có người có trí tuệ để làm cho người ấy hồi tâm mà bảo rằng: Ông mê lầm vọng lấy nước. Như vậy trong tất cả pháp không có tự thể thủ lấy tự thể của pháp. Để phản hồi cái vọng tâm kia của chúng sinh nên nói tất cả pháp đều không tự thể. Đó là điều tôi nay nói.

Kệ nói:

*Thủ, sở thủ, năng thủ,  
Giá, sở giá, năng giá.  
Sáu thứ nghĩa như vậy,  
Thấy đều là hữu pháp.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Có thủ, sở thủ, năng thủ, thì được nói hư vọng giá, sở giá v.v... Như vậy thành 6 thứ nghĩa. Nếu 6 nghĩa thành, mà nói các pháp tất cả là không, thì nghĩa không phải như vậy.

Kệ nói:

*Nếu không thủ, sở thủ,  
Cũng không có năng thủ.  
Thì không giá, sở giá,  
Cũng không có năng giá.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông nói không có lỗi như vậy, phi thủ sở thủ, phi năng thủ thì kia nếu như hư vọng thủ giá, tất cả các

pháp là không tự thể thì giá kia cũng không, sở giá cũng không, năng giá cũng không.

Kệ nói:

*Nếu không giá, sở giá,  
Cũng không có năng giá.  
Thì tất cả pháp thành,  
Tự thể kia cũng thành.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu chẳng có giá, chẳng có sở giá, chẳng có năng giá, thể là không ngăn tất cả các pháp, thì tất cả pháp đều có tự thể.

Kệ nói:

*Thì nhân ông bất thành.  
Vô thể nhân cái gì ?  
Nếu pháp không có nhân,  
Làm sao nói thành được ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu tất cả pháp không, không có tự thể, như vậy nói nhân trong nghĩa, là bất thành. Bởi vì sao ? Tất cả các pháp không, không có tự thể, thì có nhân ở chỗ nào ? Nếu pháp không nhân, tất cả pháp không lấy nhân nào thành ? Cho nên ông nói tất cả pháp không, không có tự thể, thì nghĩa ấy không phải như vậy.

Kệ nói:

*Ông, nếu không nhân thành,  
Các pháp tự thể hồi.  
Tôi cũng không nhân thành,  
Các pháp có tự thể.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo tôi không nhân thành, pháp không có tự thể. Còn ông không nhân, tự thể hồi thành. Tôi tự thể, pháp cũng không nhân thành.

Kệ nói:

*Có nhân mà vô thể,  
Nghĩa ấy không phù hợp.  
Thế gian pháp vô thể,  
Thì không được nói có.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo tôi có nhân thành, nhân không có tự thể. Nếu như vậy thì nghĩa của không tự thể là không phù hợp. Bởi vì sao ? Tất cả thế gian những gì không tự thể không được nói là có.

Kệ nói:

*Trước giá, sau sở giá,  
Như vậy không phù hợp.  
Nếu sau giá và cùng,  
Như vậy biết hữu thể.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu giá ở trước sở giá ở sau thì nghĩa không phù hợp. Chưa có sở giá thì giá cái sở giá gì ? Nếu giá ở sau, sở giá ở trước cũng không phù hợp. Sở giá đã thành còn giá cái gì mà năng giá ? Nếu giá và sở giá 2 pháp đồng thời thì không nhân duyên cho nhau. Giá không nhân sở giá, sở giá không nhân giá. Vì đều có tự thể thì không được nói giá. Như 2 cái sừng sinh ra đều không nhân nhau. Bên trái không nhân bên phải, bên phải không nhân bên trái. Như vậy nếu nói tất cả các pháp không có tự thể thì nghĩa không phải như vậy. Đã giải thích xong phần đầu.

#### 4. Luận Hồi Tránh, giải thích phần đầu.

Giải thích: Theo như ông nói, nay tôi sẽ đáp lại ông. Ông nói kệ rằng:

*Nếu tất cả vô thể,  
Ngôn ngữ là tất cả.*

*Ngôn ngữ tự vô thể,  
Làm sao ngăn thể kia ?*

Nay tôi đáp kệ này.

Kệ nói:

*Ngôn ngữ tôi nếu lia,  
Pháp nhân duyên hòa hợp,  
Tức là không nghĩa thành  
Các pháp vô tự thể.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ngôn ngữ kia, trong nhân không, trong đại không, trong hòa hợp không, trong lia tan không, mà cổ hộng, môi, lưỡi, răng, chân răng, đỉnh mũi v.v... các nơi đều có lực, như vậy trong 2 chỗ hòa hợp không, nếu lia nhân duyên hòa hợp như vậy thì không có một pháp nào khác. Vì như vậy nên không có tự thể. Vì không có tự thể nên tôi nói tất cả đều không tự thể. Thế là không nghĩa thành. Như thế ngôn ngữ vô tự thể không, các pháp như vậy vô tự thể không. Cho nên lời nói của ông không nên không thể nói không, là nghĩa không phải như vậy.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu nhân duyên pháp không,  
Tôi nay nói nghĩa này.  
Người nào có nhân duyên,  
Nhân duyên kia vô thể.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Ông không thể hiểu được tất cả pháp không, không biết nghĩa của không, sao có thể đổ lỗi cho tôi ? Theo như ông nói, ngôn ngữ của ông là không ngữ, không tự thể. Vì không tự thể nên không thể ngăn pháp. Pháp này nếu là nhân duyên sinh thì vì sinh nên được nói tất cả pháp không, được nói tất cả đều không có tự thể. Do nghĩa gì mà biết pháp do nhân duyên sinh là không tự thể ? Nếu pháp tất cả đều nhân duyên sinh thì tất cả pháp đều không tự



thể. Pháp không tự thể thì phải có nhân duyên. Nếu có tự thể thì cần gì nhân duyên ? Nếu là nhân duyên thì không có các pháp. Nếu nhân duyên sinh thì không tự thể. Vì không tự thể nên được nói là không. Bởi tất cả pháp nhân duyên sinh thì tự thể đều không. Như cái bình, cái áo v.v... các đồ vật. Các pháp ấy mỗi mỗi tự có nhân duyên. Thế gian dùng củi, cỏ, đất có thể làm ra các đồ đựng nước, mật, sữa v.v... bung cầm mang đến mang đi. Lại nữa các pháp thụ dụng như lạnh, nóng, gió v.v..., nhân duyên sinh nên đều không tự thể. Như vậy nên tôi nói nhân duyên hòa hợp mà sinh. Như vậy được nói là không có tự thể. Nếu không tự thể như vậy được nói là vô tự thể thành. Như vậy không ngữ thể gian thụ dụng, cho nên ông nói vô tự thể nên lời nói của ông cũng không, thể thì không thể ngăn tự thể các pháp, nghĩa đó không phải như vậy.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Hóa nhân với hóa nhân,  
Huyễn nhân với huyễn nhân.  
Như thế giá, sở giá,  
Nghĩa ấy cũng như vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như hóa trạng phu với dị hóa nhân thấy có đi lại làm các cử động mà bèn ngăn chặn, như huyễn trạng phu với dị huyễn nhân thấy có đi lại làm các cử động mà bèn ngăn chặn. Năng giá hóa nhân kia tức là không. Nếu năng giá hóa nhân kia là không, thì sở giá hóa nhân cũng là không. Nếu sở giá là không thì giá nhân cũng không. Năng giá huyễn nhân kia là không. Nếu năng giá huyễn nhân kia là không thì sở giá huyễn nhân cũng là không. Nếu sở giá là không thì giá nhân cũng không. Nếu sở giá huyễn nhân cũng không. Như vậy ngữ ngôn không của tôi như huyễn hóa không. Như vậy không ngữ có thể ngăn tất cả tự thể các pháp. Cho nên ngôn ngữ của ông không, thì không thể ngăn tất cả các pháp có tự thể. Ngôn ngữ kia của ông là không phù hợp nếu ông nói 6 thứ luận tranh kia

là ngăn như vậy. Thế thì ngôn ngữ của tôi là chẳng phải tất cả pháp, ngôn ngữ của tôi cũng không, các pháp cũng không. Chẳng phải tất cả pháp thấy đều bất không.

Ông lại nói kệ rằng:

*Ngôn ngữ có tự thể,  
Trước chỗ lập tông hồng,  
Như vậy là có lỗi,  
Lại phải nói thắng nhân.*

Tôi nay đáp lại bài kệ này như sau.

Kệ nói:

*Ngôn ngữ không tự thể,  
Nói ra cũng vô thể.  
Như vậy tôi không lỗi,  
Không cần nói thắng nhân.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Ngữ ngôn của tôi đây là do nhân duyên sinh chẳng phải có tự thể như trước đã nói. Tự thể không sinh cho nên được nói là không. Như vậy được nói ngữ ngôn không này, tất cả các pháp khác thấy đều không. Không là như vậy nên tôi không lỗi. Nếu tôi nói ngữ ngôn này là bất không, còn tất cả các pháp thấy đều không, thì tôi có lỗi. Tôi không như vậy cho nên không lỗi.

Lý thật không được ngữ ngôn bất không, còn tất cả các pháp thấy đều không. Vì vậy tôi không nói thắng nhân. Nếu ngôn ngữ bất không, còn tất cả pháp thấy đều không, thì có thể nói thắng nhân. Cho nên ông nói, ông tranh luận hoại ngôn ngữ thì có lỗi, nên nói thắng nhân, nghĩa ấy không phải vậy.

Ông lại nói kệ rằng:

*Ông nói như không thanh,  
Nghĩa ấy không phải vậy.*

*Thanh có thể ngăn thanh,  
Không thanh cái gì ngăn ?*

Tôi nay đáp kệ này. Kệ nói:

*Ông nói không có thanh,  
Chẳng phải tôi thí dụ.  
Tôi chẳng lấy thanh này,  
Có thể ngăn thanh kia.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Đây không phải dụ của tôi. Như có người nói chớ tạo ra thanh, người ấy tự tạo ra thanh lấy thanh ngăn thanh. Thanh chẳng phải là bất không. Tôi thì không thể, ngữ ngôn cũng không, giá pháp cũng không. Bởi vì sao ? Ví như thanh kia có thể phản hồi thanh này. Tôi không như vậy. Tôi nói như vậy: Tất cả các pháp đều vô tự thể. Bởi vô tự thể nên được nói là không. Bởi vì sao ? Nếu vô thể, ngôn ngữ trở lại vô tự thể, thì tất cả pháp đều thành tự thể. Như nói không có thanh, thanh có thể ngăn thanh. Như vậy cái vô tự thể ngôn ngữ ngăn cái vô thể pháp. Nếu như vậy ngăn vô tự thể, thì tất cả pháp đều thành tự thể. Nếu có tự thể thì tất cả pháp thay đều bất không. Tôi nói là pháp không chứ không nói bất không. Thí dụ như vậy.

Kệ nói:

*Như hoặc có trượng phu,  
Vọng chấp thân hóa nữ.  
Mà phát sinh lòng dục,  
Nghĩa này cũng như vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như hóa phụ nữ, thật không có tự thể. Như hoặc một người nam đối với hóa phụ nữ kia sinh tưởng có thật mà khởi lòng dục. Kia hư vọng chấp các pháp cũng giống như vậy. Kia hoặc Như Lai, hoặc người Thanh Văn đệ tử của Như Lai, để hồi tâm người chấp thủ hư vọng kia hoặc do sức oai thần của Như

Lai, oai lực của Thanh Văn đệ tử Như Lai hóa ra hóa nhân. Như vậy ngôn ngữ không như hóa, như hóa phụ nữ vô tự thể không, pháp như thị không, lấy tự thể của pháp có thể khiến phản hồi. Như vậy dùng không dụ này có thể thành được nghĩa không. Tôi thì phù hợp, chẳng phải ông phù hợp.

Kệ nói:

*Đồng sở thành không thể,  
Vì trong vang không nhân.  
Tôi y nơi thế đế,  
Cho nên nói như vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ông hoặc bảo như không có thanh là nhân đồng sở thành. Bởi vì sao ? Vì nhân không lia tất cả các vô tự thể. Chẳng phải tiếng vang của tiếng kia mà có tự thể. Vì nhân duyên sinh nên không tự thể. Nếu không tự thể ông nói thanh có thể ngăn thanh thì nghĩa ấy hồng. Lại tôi đã nói không trái thế đế, không bỏ thế đế, dựa vào thế đế nên có thể nói thể của tất cả các pháp là không. Nếu lia pháp thế đế thì không thể nói. Phật nói kệ rằng:

*Nếu không y thế đế,  
Không chứng được chân đế.  
Nếu không chứng chân đế,  
Không chứng được Niết-bàn.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như vậy các pháp chẳng phải là bất không. Tất cả các pháp đều vô tự thể. Hai cái này không khác nhau.

Ông lại nói kệ rằng:

*Ông bảo giá, sở giá,  
Như vậy cũng không phải.  
Như vậy tướng tông ông,  
Tự hoại chẳng phải tôi.*

Tôi đáp lại kệ này. Kệ nói:

*Nếu tông ta là hữu,  
Thì ta là có lỗi.  
Vi tông ta vô vật,  
Như vậy không có lỗi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu tông tôi là hữu, tức có tông tướng. Nếu tông của tôi là hữu, có tông tướng thì tôi bị ông nói lỗi. Như vậy tông của tôi chẳng phải hữu tông, như vậy các pháp là thật vắng lặng. Bản tính không, thì có tông ở chỗ nào ? Như vậy tông tướng là ở chỗ nào có thể có được tông tướng ? Tôi không có tông tướng làm sao tôi có lỗi được ? Cho nên ông nói rằng: Ông có tông tướng, ông phải bị lỗi, là không đúng.

Ông lại nói kệ rằng:

*Nếu hiện kia là có,  
Ông sẽ được có hồi.  
Hiện kia cũng là không,  
Làm sao thủ hồi được ?  
Nói hiện, tử, A-hàm,  
Thí dụ ... có 4 lượng,  
Hiện, tử, A-hàm thành,  
Thí dụ cũng thành được.*

Nay tôi đáp lại kệ này.

Kệ nói:

*Nếu tôi lấy chuyển hồi,  
Thì phải dùng hiện v.v...  
Lấy chuyển hồi có lỗi.  
Không thế, sao có lỗi ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Tôi nếu như vậy có chút ít pháp vật, thì cần phải có hiện, tử, A-hàm, thí dụ, 4 lượng như vậy. Lại nữa có 4

lượng, nếu tôi như vậy lấy chuyển hồi thì tôi có lỗi. Tôi đã không đã không lấy một chút pháp nào chuyển hồi. Nếu tôi như vậy không chuyển, không hồi, nếu ông như vậy cho tôi có lỗi, là không đúng nghĩa. Nếu hiện v.v... các lượng mà lại có lượng thành lượng, thì sẽ vô cùng. Nghĩa như vậy, ông không thể bắt lỗi tôi.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu lượng năng thành pháp,  
Kia lại thành có lượng.  
Ông nói lượng chỗ nào,  
Mà năng thành lượng này ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng lượng có khả năng thành vật như lượng sở lượng, hiện, tử, A-hàm, thí dụ v.v... 4 lượng. Lại nữa lấy cái lượng nào làm thành 4 lượng này ? Nếu 4 lượng này lại không có lượng mà thành, thì lượng tự nó bất thành. Nếu tự nó bất thành mà lại có khả năng làm thành vật thì tông của ông hỏng. Nếu lượng lại có lượng khác làm thành, thì lượng sẽ vô cùng. Nếu là vô cùng thì chẳng phải ban đầu thành, chẳng phải giữa thành, chẳng phải sau thành. Bởi vì sao ? Nếu lượng có khả năng làm thành vật sở lượng, thì cái lượng kia lại phải có cái lượng khác đến làm thành nó. Lại nữa, vì có cái lượng khác làm thành, cho nên như vậy không có ban đầu. Nếu không có ban đầu thì cũng như vậy không có giữa. Nếu không có giữa thì chỗ nào có sau ? Như vậy nếu nói cái lượng kia lại có cái lượng khác làm thành, nghĩa ấy không đúng.

Kệ nói:

*Nếu lượng lia lượng thành,  
Tranh luận ông là sai.  
Như vậy tức có lỗi,  
Phải lại nói thẳng nhân.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo lượng lia lượng thành, vật sở lượng là lượng thành, nếu như vậy tranh lượng thành sở lượng thì ông có lỗi. Có vật lượng thành, có bất lượng thành. Nếu như vậy thì phải nói thẳng nhân. Nếu nói thẳng nhân thì có thể được biết. Cái gì là lượng thành cái gì là bất thành ông không thể hiển thị, phân biệt như vậy là nghĩa không phù hợp. Nay tôi sẽ nói điều này. Như có người nói: “ Lượng mà tôi nói tự tha có thể thành” mà nói kệ rằng:

*Giống như lửa vì sáng,  
Tự chiếu, chiếu cái khác.  
Lượng kia cũng như vậy,  
Tự tha 2 đều thành.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như lửa tự chiếu và cũng có thể chiếu vật khác. Lượng cũng như vậy. Tự thành, thành cái khác.

Tôi nay đáp lại kệ kia, nói rằng:

*Lời nói ông có lỗi,  
Chẳng phải lửa tự chiếu.  
Bởi kia không tương ứng,  
Như thấy bình trong tối.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Lượng kia như lửa có thể tự thành và làm thành cái khác, khó, không phù hợp. Bởi vì sao ? Chẳng phải lửa tự chiếu. Như ban đầu chưa chiếu trong tối thì cái bình v.v... không thể thấy được. Vì lửa chiếu rồi sau mới thấy. Như vậy nếu lửa tự chiếu thì ban đầu lửa phải tối, lúc sau mới sáng. Có như vậy mới nói được là lửa có khả năng tự chiếu. Nếu ban đầu lửa sáng thì không được nói là lửa có khả năng tự chiếu. Như vậy phân biệt nghĩa lửa chiếu tự tha là không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Lại nữa nếu ông nói,  
Lửa chiếu được tự tha.*

*Như lửa đốt cái khác,  
Sao không thể tự đốt ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ông nói rằng như lửa tự chiếu và cũng có thể chiếu vật khác. Như vậy là tự chiếu chiếu cái khác. Thế thì đã có thể đốt cháy cái khác thì cũng phải tự đốt cháy mình, mà thật tế không thấy có việc như vậy. Nếu nói lửa kia có thể tự chiếu và chiếu cái khác thì nghĩa đó không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Lại nữa nếu ông nói,  
Lửa chiếu được tự tha,  
Thì tôi cũng phải vậy,  
Tự tha 2 đều che.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ông nói lửa tự chiếu và chiếu cái khác có thể đẩy lùi bóng tối, thì bóng tối sao không tự che trùm và che trùm cái khác, mà thật tế không thấy có việc như vậy ? Nếu nói lửa kia tự chiếu và chiếu vật khác là không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Ở trong lửa không tối,  
Tự tha trụ chỗ nào ?  
Tối kia diệt được sáng,  
Làm sao lửa có sáng ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Trong lửa không có tối, nơi lửa không có tối, sao gọi là sáng có thể phá tối ? Nếu trong lửa kia như vậy không tối, nơi nào có tối lửa có thể phá tối. Nếu đúng là không có tối có thể phá diệt, thì sao được tự tha đều chiếu ? Nay tôi nói thế này. Nếu như vậy thì chẳng phải trong lửa tối, chẳng phải nơi lửa tối. Như vậy trong lửa không tối, nơi lửa không tối, như vậy lửa sinh có thể chiếu tự tha. Nay tôi nói thế này.



Kệ nói:

*Như vậy khi lửa sinh,  
Tức khi sinh năng chiếu.  
Lửa sinh liền đến tối,  
Thì nghĩa không phù hợp.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu khi lửa sinh có thể chiếu tự tha, nghĩa không phù hợp. Sao biết được ? Như vậy ban đầu lửa không thể đến tối. Sao biết được ? Nếu chưa đến tối không thể phá tối. Nếu không phá tối không có sáng được.

Kệ nói:

*Nếu lửa không đến tối,  
Mà phá được tối thì,  
Lửa ở tại nơi đây,  
Phải phá tất cả tối.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng lửa không đến tối có thể phá được tối, thì lửa ở nơi đây phải có thể phá được tất cả chỗ tối tăm trong thế gian. Bởi vì sao ? Vì đều không đến. Mà thật tế không có chuyện như vậy. Nếu đều không đến, sao chỉ có thể phá tối chỗ này không phá tất cả chỗ tối trong thế gian ? Nếu ông bảo rằng lửa không đến nhưng có thể phá tối, nghĩa ấy không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu lượng năng tự thành,  
Không đợi sở lượng thành.  
Vậy là lượng tự thành,  
Chẳng đợi tha năng thành.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng lượng với sở lượng giống như lửa thành, thì lượng tự thành không chờ đợi sở lượng. Bởi vì sao ? Nếu tự thành thì không phải chờ đợi cái gì khác. Nếu đợi cái

khác tức chẳng phải tự thành. Nay tôi nói điều này. Nếu lượng không đợi vật sở lượng thì có lỗi gì ? Nay tôi nói điều này.

Kệ nói:

*Không đợi vật sở lượng,  
Mà lượng của ông thành,  
Như vậy là không người,  
Dùng lượng lường các pháp.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng không đợi sở lượng mà lượng được thành, thì không có người dùng lượng lường các pháp. Có lỗi như vậy. Nếu những người nào phải dùng lượng, thì không đợi sở lượng mà có được lượng, nếu không đợi thành kia được lỗi gì, thì tất cả pháp đều không đợi lượng. Nếu tất cả pháp không đợi lượng thành, kia bị lỗi gì ? Thành được, nói thành, chưa thành, không thể thành, vì không đợi. Nếu ông lại bảo rằng đợi vật sở lượng, lượng sẽ được thành, thì như vậy 4 lượng đều có đợi thành. Bởi vì sao ? Nếu vật chưa thành làm sao đợi nhau ? Còn vật đã thành không cần phải đợi. Chưa được chưa thành thì không đợi vật. Nếu đã thành thì lại không đợi thành, như vật đã làm không làm nhân duyên.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu là vật sở lượng,  
Đợi lượng mà được thành,  
Thế thì sở lượng thành  
Đợi lượng sau mới thành.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu vật sở lượng đợi lượng mà thành thế là dùng lượng thành sở lượng kia. Bởi vì sao ? Sở thành chẳng phải thành lượng, thành sở lượng.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu vật không lượng thành,  
Thế là không đợi lượng.*

*Ông đâu cần lượng thành ?  
Lượng kia thành cái gì ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng không đợi lượng kia, sở lượng thành thì nay ông cần gì cầu lượng mà thành ? Bởi vì sao ? Nghĩa của lượng kia là cầu cái gì ? Vật sở lượng kia lia lượng thành, thì còn dùng lượng làm gì ?

Lại có nghĩa, hư kệ nói:

*Nếu như lượng kia thành,  
Đợi sở lượng thành thì  
Đó là lượng sở lượng.  
Như vậy không lia nhau.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng đợi vật sở lượng nên có lượng sở có lỗi trước. Ông nếu như vậy lượng sở lượng không một cái nào được lia nhau. Ông nếu như vậy lượng tức sở lượng. Sao biết được ? Sở lượng thành lượng, sở lượng tức lượng, lượng thành sở lượng, lượng sở lượng là một.

Kệ nói:

*Nếu lượng thành sở lượng,  
Nếu sở lượng thành lượng,  
Ông nếu như vậy thì  
Hai thứ đều bắt thành.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng lượng thành sở lượng vì thấy đợi lượng, sở lượng thành lượng thấy đợi sở lượng. Ông nếu như vậy thì cả hai đều bắt thành. Bởi vì sao ?

Kệ nói:

*Lượng năng thành sở lượng,  
Sở lượng năng thành lượng.  
Nếu nghĩa như vậy thì  
Làm sao thành nhau được ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu lượng có thể thành vật sở lượng, vật sở lượng kia có thể thành lượng, thì lượng từ khi chưa thành, nhân duyên bất thành, làm sao có thể thành vật sở lượng ?

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Sở lượng năng thành lượng,  
Lượng năng thành sở lượng,  
Nếu nghĩa như vậy thì  
Làm sao thành nhau được ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu vật sở lượng có thể thành lượng kia, lượng kia có thể thành vật sở lượng, thì sở lượng chưa thành nhân duyên bất thành, làm sao thành lượng ?

Kệ nói:

*Là cha sinh ra con,  
Là con sinh ra cha,  
Ai là người năng sinh ?  
Ai là người sở sinh ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như có người nói cha có thể sinh ra con. Kia nếu như vậy thì con cũng sinh cha. Vì nay ông nói ai là người năng sinh, ai là người sở sinh. Ông nói như vậy thì lượng thành sở lượng, sở lượng thành lượng. Vì nay ông nói ai là năng thành, ai là sở thành ?

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Hỏi ai là người cha,  
Còn ai là người con ?  
Ông nói hai thứ này,  
Cha con đều khả nghi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Trước nói 2 thứ gọi là cha con. Thứ nào là cha, thứ nào là con. Hai tướng cha con nếu đối đãi nhau sinh thì khả

nghi ai là cha ai là con. Như vậy nếu ông nói lượng này với sở lượng thì cái nào là lượng cái nào là sở lượng ? Hai thứ này nếu có thể thành vật có thể được nói là lượng. Nếu vật được thành, được nói là sở lượng, thì không nghi cái gì là lượng, cái gì là sở lượng. Như vậy năng thành có thể được nói là lượng. Như vậy được thành, được nói là sở lượng. Như vậy thì không nghi cái gì là lượng cái gì là sở lượng.

Kệ nói:

*Lượng chẳng năng tự thành,  
Chẳng phải tự tha thành.  
Chẳng phải lượng khác thành,  
Chẳng vô nhân duyên thành.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như vậy lượng chẳng phải tự thành. Hiện lượng chẳng phải hiện lượng thành. Tỷ lượng chẳng phải tỷ lượng thành. Thí dụ chẳng phải thí dụ thành. A-hàm cũng vậy chẳng phải A-hàm thành. Chẳng phải pháp tự tha thành lẫn nhau. Hiện lượng chẳng phải tỷ lượng thí dụ A-hàm thành. Tỷ lượng chẳng phải hiện lượng thí dụ A-hàm thành. Thí dụ chẳng phải hiện lượng tỷ lượng A-hàm thành. A-hàm chẳng phải hiện lượng tỷ lượng thí dụ thành. Chẳng phải khác hiện lượng tỷ lượng thí dụ A-hàm riêng có một lượng khác của hiện lượng tỷ lượng thí dụ A-hàm đến làm thành. Nếu như lượng tự phần hòa hợp bất thành, tự tha cảnh giới hòa hợp bất thành, chẳng phải không nhân thành, chẳng phải tự tập thành, thì cái nhân duyên này như trước đã nói 20, 30, hoặc 4, 5, 6, 20, 30, 40, 50, hoặc có 60. Nếu ông nói rằng bởi có lượng nên được nói sở lượng. Có lượng, sở lượng chứng minh rằng tất cả pháp đều có tự thể, nghĩa ấy không phù hợp.

Lại nữa, ông nói kệ rằng:

*Người trí biết pháp nói,  
Thiện pháp có tự thể.*

*Người đời biết hữu thể,  
 Các pháp cũng như vậy.  
 Xuất pháp, xuất tự thể,  
 Đó là thánh nhân nói.  
 Như vậy bất xuất pháp,  
 Bất xuất pháp tự thể.*

Tôi nay trả lời bài kệ này.

Kệ nói:

*Nếu như pháp sư nói,  
 Thiện pháp có tự thể,  
 Tự thể thiện pháp này,  
 Pháp nên phân chia nói.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu pháp sư ấy bảo rằng thiện pháp kia có tự thể, thì nên phân chia từng phần nói cái tự thể thiện này. Cái thiện pháp này cũng như thiện tâm kia. Tự thể của thiện tâm như vậy, nhưng tất cả các pháp không thấy như vậy. Nếu nói như vậy thì tự thể của pháp, nghĩa cũng không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu tự thể thiện pháp,  
 Từ nơi nhân duyên sinh,  
 Thiện pháp là tha thể,  
 Sao gọi là tự thể ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu thể của thiện pháp là từ nhân duyên hòa hợp sinh, thì kia là tha thể, thiện pháp làm sao được có tự thể ? Giống như thể của thiện pháp, những cái khác cũng như vậy. Nếu ông nói như thiện pháp thiện pháp tự thể, cũng như vậy bất thiện bất thiện thể v.v..., nghĩa ấy không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu có chút thiện pháp,  
Không từ nhân duyên sinh,  
Thiện pháp nếu như vậy  
Không trụ nơi phạm hạnh.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ý ông bảo rằng có một số ít thiện pháp không từ nhân duyên sinh. Như vậy thì bất thiện bất thiện tự thể, vô ký vô ký tự thể. Nếu như vậy thì không trụ nơi phạm hạnh. Bởi vì sao ? Nếu ông nói như vậy tức lìa bỏ 12 nhân duyên. Nếu xả bỏ 12 nhân duyên tức bỏ thấy 12 nhân duyên. Nếu như không có 12 nhân duyên tức không được thấy 12 nhân duyên. Nếu không thấy 12 nhân duyên thì không thấy pháp. Thế Tôn nói: Nếu Tì-kheo thấy 12 nhân duyên là Tỳ-kheo ấy thấy pháp. Nếu không thấy pháp thì không trụ trong phạm hạnh. Nếu lìa 12 nhân duyên như vậy tức lìa khổ tập, vì 12 nhân duyên là khổ tập. Nếu lìa khổ tập tức là lìa khổ. Nếu không có tập thì có khổ chỗ nào ? Nếu không có khổ làm sao có diệt ? Nếu không khổ diệt thì tu đạo diệt khổ ở đâu ? Nếu như vậy thì không có 4 thánh đế. Không có 4 thánh đế thì cũng không có đạo quả Thanh Văn. Thấy 4 thánh đế như vậy tức chứng đạo quả Thanh Văn. Không quả Thanh Văn không trụ phạm hạnh.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Phi pháp, phi phi pháp,  
Thế gian pháp cũng không.  
Có tự thể thì thường,  
Thường thì không nhân duyên.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu lìa nhân duyên hòa hợp mà sinh thì ông bị nhiều lỗi, bởi không được pháp và phi pháp nên tất cả pháp thế gian đều không thể được. Bởi vì sao ? Nhân duyên hòa hợp sinh tất cả pháp. Bởi tất cả pháp đều từ nhân duyên hòa hợp mà sinh. Nếu không nhân duyên hòa hợp sinh thì tất cả pháp đều

không thể có được. Lại nữa tự thể không từ nhân duyên hòa hợp mà sinh. Không nhân duyên mà có, tức là pháp thường. Bởi vì sao ? Vì pháp không nhân duyên tức là thường. Kia nếu như vậy là không trụ phạm hạnh. Lại nữa pháp của ông tự có sai lầm. Bởi vì sao ? Thế Tôn đã nói: Tất cả hữu vi thấy đều vô thường. Kia tự thể nào thấy đều vô thường ?

Kệ nói:

*Thiện, bất thiện, vô ký,  
Tất cả pháp hữu vi,  
Như ông nói là thường,  
Là ông có lỗi vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu nói thiện pháp có pháp tự thể, thì bất thiện, vô ký cũng nói như vậy. Nếu như vậy là ông nói tất cả pháp hữu vi là thường. Bởi vì sao ? Pháp nếu không nhân thì không sinh trụ diệt. Không sinh trụ diệt chẳng phải pháp hữu vi. Vậy là tất cả pháp đều là vô vi. Nếu nói tất cả các thiện pháp đều có tự thể, thì tất cả pháp thấy đều bất không, nghĩa ấy không phù hợp.

Lại nữa ông nói kệ rằng:

*Các pháp nếu vô thể,  
Vô thể không có tên.  
Có tự thể có tên,  
Chỉ tên, tên thế nào ?*

Nay tôi trả lời kệ của ông.

Kệ nói:

*Nếu người nói có tên,  
Ngữ ngôn có tự thể,  
Người ấy ông hỏi sao,  
Nói tên, tôi không thật.*



Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu có người nào nói tên có tự thể, người ấy ông nên hỏi. Người kia nói rằng có tự thể có tên không tự thể không tên. Tôi thì không nói tên, tự thể như vậy. Làm sao biết ? Tất cả pháp đều không tự thể. Nếu không tự thể là người kia nói suông. Nếu người kia nói suông là nói không thật. Nếu ông nói có tên có tự thể, nghĩa ấy không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu tên này là không,  
Thì có cũng là không.  
Nếu nói có nói không,  
Tông ông có 2 lỗi.  
Nếu tên này là có,  
Thì không cũng là có.  
Nếu nói không nói có,  
Tranh luận có 2 lỗi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu tên này không, như vậy là tông sai. Nếu có thì như vậy là tranh luận sai. Tông của tôi không như vậy. Có vật có tên không vật không tên. Như vậy các pháp có tự thể, là nghĩa không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Vậy trước tôi đã nói  
Tất cả pháp đều không.  
Tông nghĩa tôi như vậy,  
Thì không thể có lỗi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Tôi trước đã nói tất cả pháp không, cũng nói tên không. Ông chấp không tên mà có sở thuyết. Nếu tất cả pháp đều không tự thể tên cũng vô thể. Tôi nói nghĩa như vậy tông không có lỗi, vì tôi không nói tên có tự thể.

Lại nữa ông nói kệ rằng:

*Nếu lìa pháp có tên,  
Mà không ở trong pháp,  
Nói lìa pháp có tên,  
Người kia tức phải hỏi.*

Nay tôi sẽ trả lời kệ này.

Kệ nói:

*Nếu riêng có tự thể,  
Mà không ở trong pháp,  
Ông lo tôi nên nói,  
Thế thì không phải lo.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Kia không phải lo ông hỏi lều tôi. Tôi thì không ngăn các pháp tự thể. Tôi không lìa pháp, riêng có vật thủ người nào thủ pháp ? Người kia ắt lo tôi không thủ pháp nên không ngăn pháp làm sao có lỗi ? Nếu tôi thủ pháp có tự thể thì có thể khó nói ông không phù hợp. Tôi không như vậy. Ông khó mà hoàn toàn không tương đương.

Lại nữa ông nói kệ rằng:

*Pháp nếu có tự thể,  
Có thể ngăn các pháp.  
Các pháp không tự thể,  
Rốt cuộc bị gì ngăn ?  
Như có bình có đất,  
Có thể ngăn bình đất.  
Thấy có vật thì ngăn,  
Thấy không vật không ngăn.*

Nay tôi sẽ đáp kệ này.

Kệ nói:

*Nếu hữu thể: được ngăn,  
 Nếu không: được nói thành,  
 Nếu vô thể, vô không,  
 Ngăn thành làm sao được ?*

Kệ này nói nghĩa gì ? Pháp nếu có, thì có thể ngăn pháp, nếu không thì không ngăn được. Ông hỏi tôi rằng: Tất cả các pháp đều vô tự thể thật như ông nói, tất cả các pháp đều vô tự thể làm sao biết được ? Bởi ông ngăn pháp, vô tự thể thành. Nếu ngăn các pháp vô tự thể mà thành, thì có thể nói tất cả các pháp đều không.

Kệ nói:

*Ông lấy gì để ngăn ?  
 Cái ông ngăn là không.  
 Pháp không mà có ngăn,  
 Đó là lỗi tranh luận.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu tất cả các pháp ngăn có tự thể, nếu vô tự thể kia được nói là không, không kia cũng không. Cho nên ông nói có vật được ngăn không vật không ngăn, là nghĩa không phù hợp.

Lại có nghĩa, như kệ nói:

*Tôi chẳng có chút gì,  
 Cho nên tôi chẳng ngăn.  
 Như vậy ông vô lý,  
 Uống nhọc mà khó thành.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu tôi như vậy có một chút vật gì ngăn thì ông có thể chất vấn tôi. Tôi không có vật ngăn, như vậy không có vật tôi không ngăn. Như vậy không ngăn tất cả pháp không. Như vậy không vật ngăn với bị ngăn. Cho nên ông lấy đó mà chất vấn tôi là ngăn cái gì, đó là ông vô lý, uống nhọc vặn hỏi tôi.

Lại nữa ông nói kệ rằng:

*Nếu pháp vô tự thể,  
Ngôn ngữ ngăn cái gì ?  
Nếu không pháp bị ngăn,  
Không nói cũng thành ngăn.*

Tôi sẽ trả lời kệ này.

Kệ nói:

*Lời nói ông biệt pháp,  
Nay tôi nói nghĩa này.  
Vô pháp được đem nói,  
Mà tôi thì không lỗi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ông nói rằng không có ngôn ngữ cũng thành ngăn thì theo những pháp nào ? Tất cả pháp kia đều vô tự thể. Nói các pháp kia vô tự thể ngôn ngữ không phải ngôn ngữ này làm vô tự thể. Nay tôi trả lời điều này. Nếu nói các pháp là vô tự thể ngữ, thì ngôn ngữ này chẳng phải làm vô tự thể pháp. Lại nữa có nghĩa là vì vô pháp thể biết vô pháp thể, vì hữu pháp thể biết hữu pháp thể. Ví như trong nhà thật không có ai là trời. Có người hỏi rằng: Có ai là trời không ? Trả lời có. Lại có nói không. Trả lời không, đó là lời nói không thể trong nơi nhà kia làm trời được. Không chỉ biết trong nhà là không, không có trời, như vậy nếu nói tất cả các pháp không có tự thể, là lời nói này không thể làm tất cả pháp không tự thể. Không chỉ biết tự thể các pháp là vô thể, nếu ông nói nếu không vật thì không được nói pháp là vô tự thể, vì không có lời nói nên không được thành pháp vô tự thể là nghĩa không phù hợp.

Ông lại nói kệ rằng:

*Như có người ngu si,  
Vọng thủ lúa làm nước.  
Nếu ông ngăn vọng thủ  
Việc ấy cũng như vậy.*

*Thủ, sở thủ, năngb thủ,  
 Giá, sở giá, năng giá,  
 Như vậy 6 thứ nghĩa,  
 Tất cả là hữu pháp.  
 Nếu không thủ, sở thủ,  
 Cũng không có năng thủ.  
 Thì không giá, sở giá,  
 Cũng không có năng giá.  
 Nếu không giá, sở giá,  
 Cũng không có năng giá,  
 Thì tất cả pháp thành,  
 Tự thể kia cũng thành.*

Bốn bài kệ này, tôi xin đáp bằng kệ sau đây:

*Ông nói dụ thô ái,  
 Để làm rõ nghĩa lớn.  
 Ông nghe tôi năng đáp  
 Như thí dụ tương ưng.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ông nói thí dụ thô ái này để làm rõ nghĩa lớn, thì hãy nghe tôi trả lời như thí dụ tương ưng.

Kệ nói:

*Nếu kia có tự thể  
 Không cần nhân duyên sinh.  
 Nếu phải nhân duyên thì  
 Như vậy được nói không.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu trong thô ái vọng thủ cái thể của nước, chẳng phải nhân duyên sinh, dụ của ông tương đương. Thô ái nhân duyên kia thấy điên đảo. Thấy điên đảo là bởi không quán sát nhân duyên mà sinh. Như vậy được nói nhân duyên mà sinh. Nếu nhân duyên sinh cái tự thể không kia, thì nghĩa ấy như trước đã nói.

Lại nữa có nghĩa, như kệ nói:

*Nếu thủ tự thể thật,  
Ai có thể ngăn hỏi ?  
Những người khác cũng vậy,  
Cho nên tôi không lỗi.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu trong thô ái, thủ lấy thể của nước là thật thì ai có thể phản hỏi ? Nếu có tự thể thì không thể phản hỏi. Như lửa nóng nước ướt hư không không chướng ngại. Thấy đây được phản hỏi, như vậy thủ lấy tự thể không, như vậy nghĩa trong các pháp khác phải hiểu như vậy. Như vậy được nói tất cả các pháp đều bất không, là nghĩa không phù hợp.

Lại nữa ông nói kệ rằng:

*Nhân của ông bất thành,  
Vô thể làm sao nhân ?  
Nếu pháp mà không nhân,  
Làm sao nói thành được ?  
Nếu ông không nhân thành,  
Các pháp tự thể hỏi.  
Tôi cũng không nhân thành,  
Các pháp có tự thể.  
Nếu hữu nhân vô thể,  
Nghĩa đó không phù hợp.  
Thế gian pháp vô thể,  
Không được nói là có.*

Nay tôi trả lời kệ này.

Kệ nói:

*Đây nói vô nhân là  
Nghĩa như trước đã nói.*

*Trong 3 thời nói nhân,  
Kia bình đẳng mà nói.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Như vậy nghĩa lớn trước đã nói. Đây là vô nhân phải biết như thế. Như vậy luận nghĩa trước đã nói gần 6 thứ hỏi. Nghĩa của luận trước kia nay nói ở đây.

Lại nữa ông nói kệ rằng:

*Trước ngăn sau bị ngăn,  
Như vậy không phù hợp.  
Sau ngăn nếu đều cùng,  
Như vậy biết hữu thể.*

Nay tôi trả lời kệ này.

Kệ nói:

*Nếu nói nhân 3 thời,  
Trước bình đẳng như vậy.  
Như vậy nhân 3 thời,  
Vội nói không: phù hợp.*

Kệ này nói nghĩa gì ? Nếu ngăn 3 thời ngôn ngữ của nhân này, điều này trước đã trả lời, nên hiểu như vậy. Bởi vì sao ? Vì nhân bình đẳng. Nếu ngăn 3 thời, kia sẽ không phù hợp. Lời nói kia cũng ở trong ngăn, bị ngăn. Nếu ý ông bảo không ngăn, bị ngăn nên được ngăn, tôi đã ngăn rồi. Nhân 3 thời này phù hợp với ngôn ngữ người nói không. Thế là thế nào ? Trước đã nói rồi. Như đã có kệ nói:

*Tôi chẳng có chút vật,  
Cho nên tôi không ngăn.  
Như vậy ông vô lý,  
Uổng nhọc chất vấn tôi.*

Nếu ông lại bảo rằng 3 thời ngăn thành, thấy nhân thời trước, thấy nhân thời sau, thấy nhân đồng thời. Nhân thời trước như cha

con, nhân thời sau như thầy trò, nhân đồng thời như như đèn và ánh sáng. Nay tôi nói điều này: Đây không phải như trước đã nói 3 thứ như vậy. Trong 3 thứ kia mỗi thứ lại có 3 thứ sai lầm. Điều này trước đã nói. Lại tuần tự ngăn. Ông lập tông sai, như vậy tự thể ngăn thành.

Kệ nói:

*Nếu ai tin nơi không,  
Người ấy tin tất cả.  
Nếu ai không tin không,  
Là không tin tất cả.*

Kệ này nghĩa thế nào ? Nếu người tin không, thì người ấy tin tất cả pháp thế gian xuất thế gian. Bởi vì sao ? Nếu người tin không, thì tin nhân duyên hòa hợp mà sinh. Nếu tin nhân duyên hòa hợp mà sinh, thì tin 4 đế. Nếu tin 4 đế, thì người ấy tin tất cả thắng chứng. Nếu người có thể tin tất cả thắng chứng, thì tin Tam Bảo là Phật pháp tạng. Nếu tin nhân duyên hòa hợp mà sinh, thì người ấy tin pháp nhân pháp quả. Nếu người ấy có thể tin pháp nhân pháp quả, tin phi pháp nhân phi pháp quả, thì tin phiền não phiền não hòa hợp, phiền não pháp vật. Như vậy người ấy đều tin tất cả. Như vậy trước nói người ấy tin thiện hành ác hành. Nếu người ấy có thể tin hành pháp thiện ác, thì biết phương tiện vượt qua 3 ác đạo. Như vậy người ấy có thể tin tất cả các pháp thế gian. Như vậy vô lượng không thể nói hết.

*Không, tự thể, nhân duyên,  
Ba, nói một trung đạo.  
Tôi quý mạng kính lễ,  
Vô thượng đại trí tuệ.*

Giải thích xong nghĩa của Luận Hồi Tranh.

Làm luận này là A-xà-lê Long Thụ Bồ-tát ma-ha-tát. Có thể giải thích nghĩa của tất cả các luận./.

**HẾT**



SỐ 1632  
**LUẬN PHƯƠNG TIỆN TÂM**

*Tam tạng Cát-ca-dạ dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

**Phẩm 1: NÓI RÕ VIỆC TẠO LUẬN**

*Nếu hiểu được luận này,  
Rõ thấu các luận pháp.  
Như vậy nghĩa sâu xa,  
Nay sẽ rộng nói rõ.*

Hỏi: Không nên tạo luận. Sở dĩ vì sao ? Tất cả những người tạo luận phần nhiều khởi sân hận kiêu căng phóng túng cao ngạo, tâm tự nhiễu loạn, ý ít nhu hòa, cố phơi bày cái xấu dở của người tự khen mình tốt. Những tội lỗi này người trí quả trách, cho nên tất cả các thánh hiền dùng vô lượng phương tiện dứt trừ tranh luận, thường thích xa lìa tranh luận như vất bỏ thứ độc hại.

Lại nữa, người tạo luận, trong phải thật điều hòa nhu thuận, ngoài phải quán sát nhiều lỗi lầm. Cho nên nếu muốn lợi mình lợi người thì nên bỏ phương pháp tranh luận này.

Đáp: Không phải như vậy. Nay tạo luận này không phải vì hơn thua, vì danh lợi, chỉ muốn làm rõ các tướng thiện ác nên tạo luận này. Đòi nếu không có luận, người mê lầm đông, bị tà trí biện luận xảo quyết của thế gian lừa dối làm mê hoặc, khởi các nghiệp bất

thiện, luân hồi ác thú mất lợi ích chân thật. Nếu thấu đạt luận thì tự mình phân biệt tướng không của thiện ác. Các ma ngoại đạo, người tà kiến không thể quấy nhiễu phá hoại làm chướng ngại. Cho nên tôi vì muốn lợi ích chúng sinh tạo chính luận này. Lại nữa muốn chính pháp lưu bố ở đời, như để sửa sang chăm sóc cho quả Yêm-bà-la mà trồng rộng nhiều rừng gai góc để phòng hộ cho quả. Tôi nay tạo luận cũng như vậy, muốn hộ chính pháp mà không cầu tiếng tăm. Việc tranh luận mà ông nói là không phải như vậy. Đây là vì hộ pháp mà tạo luận.

Hỏi: Ông nói hiểu luận này thì rõ thấu các luận pháp, xin nói tướng ấy.

Đáp: Luận này phân biệt có 8 nghĩa. Nếu hiểu thông suốt nghĩa lý có thể hiểu rộng các luận khác. Như trồng lúa dùng nước tưới thì cây lúa tốt tươi, không nhổ bỏ loài cỏ gạo, lúa tốt không sinh. Nếu người tuy nghe 8 nghĩa này mà không hiểu nghĩa của nó thì với các luận đều sinh nghi hoặc. Nếu hiểu rõ 8 nghĩa này chắc chắn có thể thấu đạt tất cả luận pháp.

Hỏi: Ông nói hiểu luận này quyết định rõ luận pháp. Nay các ngoại đạo có luận pháp hay không có luận pháp ?

Đáp: Có. Như Vệ-thế sư có 6 đế. Đó là Đà-la-phiêu, Cầu-na, tông đế, biệt đế, tác đế, bất tác đế. Những thứ đó đều gọi là luận pháp. Tuy khéo thông suốt hãy còn không rõ các kinh luận khác, như 8 thứ luận pháp sâu xa vi diệu tôi sẽ lược nói, để khai mở cửa ngõ các luận để dứt trừ hý luận: 1. Thí dụ. 2. Tùy sở chấp. 3. Nói tốt. 4. Nói sai. 5. Biết nhân. 6. Nói hợp thời. 7. Tự nhân phi nhân. 8. Tùy nói mà hỏi lại.

Dụ có 2 thứ: một là dụ đầy đủ, hai là dụ một phần ít. Tùy sở chấp gọi là nghĩa cứu cánh. Nói tốt, nghĩa là nói thuận với nghĩa. Nói sai, là nói trái với lý. Biết nhân, là có khả năng biết 2 nhân: một

là sinh nhân, hai là liễu nhân. Nói hợp thời, là nếu trước nói giới nhập, sau nói 5 âm là nói không hợp thời. Nếu khéo thông suốt thứ tự của ngôn ngữ, gọi là nói hợp thời. Tự nhân là như sóng năng tựa như nước mà thật chẳng phải nước. Nếu có luận giả traу chuốt ngôn từ cho là nước, đó gọi là tự nhân. Tùy theo câu nói mà nạn vấn, như nghe nói cái áo mới thì liền nạn vấn hỏi lại rằng cái áo không phải là thời gian, sao gọi là mới ? Những lối nói bắt bẻ như vậy gọi là tùy nói mà hỏi lại.

Tôi đã lược nói nghĩa của 8 thứ này. Nay sẽ lần lượt làm rõ tướng của chúng.

Hỏi: Trước ông nói dụ, nay lập dụ thì làm phương tiện gì ?

Đáp: Nếu nói dụ thì phải phàm thánh đồng hiểu, sau mới có thể nói. Như nói tâm động phát ra nhanh như gió. Tất cả phàm phu đều biết gió động cho nên liền biết rõ tâm là nhẹ nhàng mau lẹ. Nếu không biết thì không được làm dụ.

Hỏi: Vì sao không chỉ nói nghĩa chính mà còn nói dụ ?

Đáp: Nói dụ là để làm sáng tỏ nghĩa chính.

Hỏi: Ông có nói phàm thánh đồng hiểu mới được làm dụ. Thế nào là đồng thể nào là khác ?

Đáp: Như trước thí dụ gió là đồng. Thánh được Niết-bàn nhưng phàm không được, đó gọi là khác.

Hỏi: Đã nói tướng của dụ, vậy thể nào là chấp tướng ?

Đáp: Tùy theo chỗ chấp, rộng dẫn nhân duyên, lập nghĩa vững chắc, gọi là chấp tướng.

Hỏi: Chấp pháp có bao nhiêu ?

Đáp: Có 4: 1. Tất cả đồng. 2. Tất cả khác. 3. Ban đầu đồng sau khác. 4. Ban đầu khác sau đồng.

Hỏi: Ông nay nên nói 4 tướng này.

Đáp: Phạm muốn lập nghĩa phải căn cứ vào 4 thứ thấy biết. Những gì là 4 ? 1. Hiện thấy. 2. So sánh biết. 3. Dùng dụ biết. 4. Theo kinh sách.

Tất cả đồng, là như người nói nói không ngã ngã sở, người hỏi cũng nói không ngã ngã sở, gọi là tất cả đồng. Tất cả khác, là người nói nói khác, người hỏi thì nói một, đó gọi là đều khác. Ban đầu đồng sau khác, là như người nói bảo rằng hiện pháp đều có. Thần chẳng phải hiện thấy nhưng cũng là có. Người hỏi thì hoặc nói các pháp hiện thấy có thể gọi là có. Thần nếu chẳng phải hiện thấy sao là có được ? Nếu nói so sánh mà biết có thần, thì phải trước hiện thấy sau mới có thể so sánh. Thần chẳng phải hiện pháp làm sao so sánh được ? Nếu lại dùng dụ để làm rõ có thần, thì có pháp tương tự sau mới dụ được. Thần là loại gì mà làm dụ ư ? Nếu theo kinh sách chứng minh có thần, thì điều đó không thể được. Ý kinh sách cũng khó hiểu. Có khi nói có, có khi nói không, làm sao tin ? Đó gọi là ban đầu đồng sau khác. Ban đầu khác sau đồng, là như người nói thì nói không ngã không sở, mà người hỏi thì nói có ngã có nhân, trong khi 2 luận giả này đều tin Niết-bàn. Đó gọi là ban đầu khác sau đồng. Lại nữa chấp pháp tùy theo nghĩa có vô lượng tướng. Như 12 nhân duyên, khổ tập diệt đạo, 37 phẩm, 4 quả Sa-môn. Những pháp như vậy gọi là chính nghĩa của Phật. Như nói sáng sớm lễ kính sát sinh tế tự, đốt các loại hương mộc, hiến các đèn dầu. Bốn thứ như vậy là ngoại đạo thờ lửa. Nghĩa của 4 câu 63 chữ là ngoại đạo âm thanh. Nói rõ thuốc có 6: 1. Tên thuốc. 2. Đức tính của thuốc. 3. Vị của thuốc. 4. Sức mạnh của thuốc. 5. Hòa hợp. 6. Thành thực. Đó là y pháp. Như 6 đế của Vệ-thế sư có một nghĩa nhiều ngã giải khác nhau, đó là tăng-già có bát vi: 4 đại và không, ý, minh, vô minh, bát tự tại: 1. Làm nhỏ lại. 2. Làm lớn lên. 3. Nhẹ nâng. 4. Đi xa. 5. Tùy ý muốn. 6. Phân thân. 7. Tôn thắng. 8. Ẩn mắt. Đó là ngoại đạo Du-già. Có mạng, không có mạng, tội, phúc, lậu, vô lậu, giới cụ túc giải phược, 5 trí: văn trí, tư trí, tự giác

trí, tuệ trí, nghĩa trí, 6 chương: bất kiến chương, khổ thụ chương, ngu si chương, mạng tận chương, tính chương, danh chương, 4 trước: sân, mạn, tham, siểm, đó đều gọi là pháp Ni-càn-đà.

Lại có thuyết nói tất cả các pháp đều là có, nên phải biết là một. Lại tất cả pháp đều là có, Cầu-na cũng gọi là một. Lại nữa tất cả pháp từ tối tăm mới sinh, nguồn gốc là một nên phải biết là một. Lại nữa đầu chân v.v... thành thân với thân là một. Lại chỗ căn cứ là không, nên phải biết là một. Các chủ trương như vậy gọi là ngoại đạo chấp một.

Lại có thuyết nói tất cả pháp là khác nhau. Sở dĩ vì sao ? Như đầu, chân v.v... với thân là khác. Lại nữa các tướng khác biệt như bò chẳng phải ngựa v.v... nên biết các pháp khác nhau. Các chủ trương như vậy gọi là ngoại đạo chấp khác.

Nếu nói tất cả pháp có, cho nên là một, thì có 2 thứ: một hữu giác, hai vô giác. Thế nào là một ? Vì nhân bất đồng. Các pháp như vậy đều đã tổng phá. Luận giả nói: Nếu có người nói khổ tập diệt đạo, 12 nhân duyên, các pháp hữu vô v.v... là một là khác đều không phải chính nhân. Sở dĩ vì sao ? Nếu nói một tức rơi vào khổ biên. Nếu nói khác tức rơi vào lạc biên. Cho nên có người nói nếu là một là khác ắt rơi vào nhị biên, chẳng phải nghĩa của Phật pháp. Lại nữa như có thuyết nói: Tính của Niết-bàn không khổ không lạc. Lấy gì biết được ? Phạm tất cả các pháp bởi hữu giác nên có khổ lạc. Niết-bàn vô giác làm sao nói lạc ? Lại có thuyết nói là hữu lạc. Sở dĩ vì sao ? Lạc có 3 thứ: 1. Lạc thụ lạc. 2. Vô não hại. 3. Vô hi cầu. Vì trong Niết-bàn là vô sở cầu, cho nên được gọi Niết-bàn là lạc.

Lại hỏi: Tôi trước đã biết Niết-bàn là thường. Nay với các hành là khác chẳng ?

Đáp: Nếu ông trước đã biết Niết-bàn là thường, sao bảo là đồng với các hành ? Tính của các hành là lưu chuyển bại hoại. Thế của Niết-bàn là thường là lạc. Có kẻ trí giả nào nói đồng với các hành ?

Lại hỏi: Tính của thân ngã tuy có hình sắc mà chưa phân biệt thường với vô thường.

Đáp: Nếu tất cả pháp có đối ngại thì đều là vô thường. Như cái bình có ngại thì có thể phá vỡ. Ngã nếu như vậy thì ắt cũng vô thường. Nhưng ngã hữu hình là không có đạo lý, chẳng có kinh nào chép như vậy, giống như lấy gạch ngói đất cát gọi là châu báu. Ông nói nhiều điều hư vọng cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao ông nói ngã là vô hình ?

Đáp: Tôi trước đã nói cái bình có hình ngại cho nên có thể phá vỡ. Ngã nếu như vậy cũng phải tiêu mất. Sao lại hỏi vì sao nói ngã là vô hình ?

Lại nữa lại có bất định chấp tướng, như hỏi: Lấy vật làm thanh, thì thường hay vô thường ?

Đáp: Phân chia thành, thì đều vô thường. Thanh cũng phân chia thành, lẽ nào một mình thường được.

Hỏi: Vật thanh là gì ?

Đáp: Nếu chưa phân biệt thì sao lại hỏi ?

Hỏi: Mạng với thân ta, vào đời sau riêng thụ khổ lạc hay cùng thân thụ ?

Đáp: Thân này diệt rồi, ngã thụ thân khác.

Hỏi: Cái gì là ngã thụ khổ lạc đời sau ?

Đáp: Ông trước đã nói ngã, sao lại hỏi có ngã hay không ? Thế là không đúng đạo lý.

Hỏi: Đã nói chấp nghĩa, sao gọi là khéo nói tướng ?

Đáp: Không trái lý, không tăng không giảm, khéo hiểu chương cú, ứng tướng nói pháp, diễn nói thí dụ mà không trái nghịch, không thể khinh khi chê trách, vì nhân duyên đó gọi là khéo nói.

Hỏi: Không trái với lý, việc ấy thế nào ?

Đáp: Có người chấp thức là ngã. Bởi các hành là không, vô ngã, cho nên chẳng phải tất cả hành đều ở nơi thức. Đây chẳng phải đạo lý. Hành là nhân của thức. Nhân vô ngã cho nên thức làm sao là ngã được ?

Hỏi: Tất cả các pháp đều vô thường. Thanh chẳng phải tất cả, cho nên là thường ?

Đáp: Ông nói tất cả thanh có nghĩa gì ? Chẳng phải tất cả sao ? Thuyết này chẳng phải nhân. Lại nữa tất cả pháp có tạo tác đều vô thường. Giống như lửa truyền dẫn v.v... thanh cũng vậy, cho nên vô thường. Đó gọi là tướng không trái nhau.

Hỏi: Thế nào gọi là nói không tăng giảm ?

Đáp: Tôi phải trước nói về tướng tăng giảm. Giảm có 3 thứ: 1. Nhân giảm. 2. Ngôn giảm. 3. Dụ giảm. Nếu nói 6 thức vô thường, giống như cái bình v.v..., không nói nhân duyên, đó gọi là nhân giảm. Nếu nói là thân vô ngã vì các duyên làm thành, thì thanh cũng vô ngã vì từ duyên mà có, đó gọi là dụ giảm. Nếu nói 4 đại vô thường, như cái bình tạo tác, đó gọi là ngôn giảm. Trái với trên, gọi là đầy đủ. Lại nữa đầy đủ, là nếu người nói ngã thì nên hỏi rằng cái ngã ông nói là thường hay vô thường. Nếu vô thường thì đồng với các hành, tức đoạn diệt. Nếu khiến thường, tức Niết-bàn lại cần gì phải tìm cầu ? Đó gọi là tướng của đầy đủ.

Hỏi: Sao gọi là tăng ?

Đáp: Tăng cũng có 3 thứ: 1. Nhân tăng. 2. Dụ tăng. 3. Ngôn tăng. Nếu nói thanh pháp vô thường, vì hòa hợp mà thành, như cái bình có tạo tác nên vô thường. Lại nói thanh là cầu-na của không. Không chẳng phải đối ngại, thanh là sắc pháp, làm sao nương tựa nhau ? Đó là nhân tăng. Nếu nói 5 căn vô thường, như tiếng dội của tiếng kêu. Là pháp tạo tác nên thanh cũng như vậy. Sao biết được ? Là do môi miệng

v.v... phát ra. Đó gọi là dụ tăng. Như nói vi trần nhỏ, hư không to lớn biến khắp. Hai pháp như thế gọi là thường. Thanh thì không như vậy nên nói là vô thường. Đó gọi là dụ tăng. Lại nói thanh là vô thường, vì các duyên thành, nếu nói thường là không đúng. Sở dĩ vì sao ? Có 2 thứ nhân: 1. Từ hình phát ra. 2. Vì căn liễu. Nói thường là thế nào ? Lại nữa pháp đồng khác đều vô thường. Đó gọi là ngôn tăng.

Hỏi: Nói thế nào có thể khiến người đời tin nhận ?

Đáp: Nếu là người ngu phân biệt nghĩa sâu, như nói các pháp thấy đều trống vắng, không ngã, không nhân, như ảo như hóa, không có chân thật. Những nghĩa sâu này người trí mới hiểu. Phàm phu nếu nghe sẽ mê đắm đọa lạc. Đó gọi là lời nói không hợp thời. Nếu nói các pháp có nghiệp có báo, và trói buộc giải thoát v.v..., người tạo tác người lãnh thụ, người trí cạn nghe liền tin thụ, như cái dùi lửa và bụi nhụi phối hợp tác động thì sinh lửa. Nếu diễn thuyết hợp với thính chúng thì sẽ sinh tin nhận. Như vậy gọi là tùy thời mà nói.

Hỏi: Sao gọi là ngôn chứng ?

Đáp: Tuy nói nhiều, khéo nghĩ nhớ được, nếu giảng các nghĩa sâu được tướng của nó, chỗ lập luận vững chắc khiến người yêu thích, như nói các pháp đều không, không chủ thể, vì hiện thấy vạn vật do các duyên mà thành. Đó gọi là ngôn chứng.

Hỏi: Sao gọi là ngôn thất ?

Đáp: Mâu thuẫn với trên gọi là ngôn thất, tức lời nói sai. Lại có 2 thứ nói cũng gọi là sai. Những gì là 2 ? 1. Nghĩa không khác mà phân biệt nhiều lần. 2. Từ không khác mà phân biệt nhiều lần. Thế nào là một nghĩa mà phân biệt nhiều lần ? Như nói Kiều-thi-ca, rồi cũng nói trời Đế Thích, rồi cũng nói Phú-lan-đà-na. Đó là nghĩa một tên khác mà phân biệt nhiều lần. Danh nghĩa đồng, là như nói Nhân-đà-la. Lại nói Nhân-đà-la. Đó là danh nghĩa không khác mà phân biệt nhiều lần. Lại nữa tất cả ngôn thuyết chỉ trau chuốt văn từ không có



nghĩa lý, đều gọi là sai lỗi. Lại nữa tuy có nghĩa lý mà không thứ tự, cũng gọi là sai lỗi. Như kệ nói:

*Như người khen ngợi,  
Trời Đế Thích nữ,  
Tên là Kim Sắc,  
Tay chân tuyệt đẹp,  
Mà đem nói với  
Thích-đề-hoàn-nhân.  
Phá A-tu-la  
Ba thứ thành trì  
Như vậy gọi là  
Nói không thứ tự.*

Hỏi: Sao gọi là biết nhân ?

Đáp: Biết nhân có 4: 1. Hiện thấy. 2. So sánh biết. 3. Thí dụ biết. 4. Theo kinh sách. Trong 4 cách biết đây, hiện thấy là trên hết.

Hỏi: Vì nhân duyên gì hiện thấy là trên hết ?

Đáp: Vì 3 thứ biết sau là do hiện thấy, nên gọi là trên hết. Như thấy lửa có khói. Sau thấy khói liền biết có lửa. Cho nên hiện thấy là hơn cả. Lại như thấy sóng nắng liền được thí dụ cho nước. Cho nên biết trước đã hiện thấy nên sau được thí dụ. Sau khi hiện thấy mới biết chân thật.

Hỏi: Đã biết 3 việc do hiện nên biết. Nay hiện thấy đây cái gì là thật nhất ?

Đáp: Cái do 5 căn biết có khi hư ngụy. Chỉ có trí tuệ chính quán các pháp mới là tối thượng. Lại nữa như khi nóng thấy sóng nắng, vòng lửa, thành Càn-thát-bà. Đó tuy gọi là hiện thấy mà chẳng phải thật. Lại nữa tướng không rõ ràng nên thấy sai lầm, như ban đêm thấy cái cây trụi nghi là người. Lấy ngón tay ấn lên mắt thấy có 2 mặt trăng. Nếu được không trí mới gọi là thật thấy.

Hỏi: Đã biết hiện tướng. Tướng so sánh thế nào ?

Đáp: Trước đã phân biệt, nay nói rõ. Tướng biết do so sánh có 3: 1. So sánh trước. 2. So sánh sau. 3. So sánh đồng thời. So sánh trước, là như thấy đứa trẻ có 6 ngón tay trên đầu có vết sẹo, sau lớn lên nghe ĐỀ-bà-đạt, liền nghĩ nhớ vốn có 6 ngón tay là như nay thấy. Đó là so sánh trước. So sánh sau, là như uống nước biển biết mặn. Sau khi biết rồi, cho rằng tất cả nước đều mặn. Đó là so sánh sau. So sánh đồng thời, tức như người này đi đến nơi kia, mặt trời mặt trăng trên trời mọc phương Đông lặn phương Tây, tuy không thấy nó động nhưng biết chắc nó di chuyển. Đó là so sánh đồng thời.

Hỏi: Nghe thấy như thế nào ?

Đáp: Nếu thấy chân thật kỳ cựu trường lão tôn túc chư Phật Bồ-tát, theo các hiền thánh nghe kinh pháp lãnh thụ có thể sinh tri kiến. Đó gọi là nghe thấy. Ví như lương y giỏi biết các phương thuốc, từ tâm truyền dạy. Đó gọi là khéo nghe. Lại các hiền thánh chứng nhất thiết pháp, có trí tuệ lớn, theo các bậc ấy mà nghe. Đó gọi là khéo nghe.

Hỏi: Tướng dụ như thế nào ?

Đáp: Nếu tất cả đều không, vắng lặng, như huyễn như hóa, tướng như sóng nắng, hành như cây chuối, tướng của tham dục như mụn nhọt, như độc. Đó là thí dụ. Bốn việc như vậy gọi là nhân. Có thể thông thấu, gọi là biết nhân.

Hỏi: Tự nhân là thế nào ?

Đáp: Tất cả nhân tương tự là lỗi lớn trong pháp luận lý cần phải hiểu biết và loại bỏ nhanh chóng. Tôi sẽ nói rõ các tự nhân này. Tự nhân tùy theo tướng có vô lượng nghĩa. Sơ lược chỉ có 8: 1. Tùy theo nói ngang ngược làm sinh lỗi. 2. Với đồng khác làm sinh lỗi. 3. Nghi ngờ tự nhân. 4. Nói quá thời. 5. Đồng loại. 6. Nói đồng. 7. Nói khác. 8. Mâu thuẫn.

Hỏi: Phải phân biệt rộng 8 pháp này.

Đáp: Như nói na-bà, có tất cả 4 tên: 1. Mới. 2. 9. 3. Chẳng phải sở hữu của ông. 4. Không mặc. Có người nói: Cái tôi đang mặc là áo na-đà.

Lại hỏi: Ông đang mặc đó là 1 áo, sao nói 9 ?

Đáp: Tôi nói na-bà là áo mới mà, đâu phải là 9 !

Lại hỏi: Sao gọi là mới ?

Đáp: Làm bằng lông na-bà nên gọi là mới.

Hỏi: Thật có vô lượng lông mà sao nói lông na-bà ?

Đáp: Tôi trước đã nói là mới, na-bà chẳng phải số lượng mà !

Lại hỏi: Nay biết áo này là sở hữu của ông, sao ông nói: Chẳng phải áo của tôi ?

Đáp: Tôi nói áo mới, không có ý nói vật này chẳng phải sở hữu của ông !

Lại hỏi: Nay hiện thấy ông mặc áo này, sao nói không mặc áo ?

Đáp: Tôi nói áo mới, không nói không mặc áo ! Đó gọi là tự nhân, cũng gọi là tùy nói mà sinh lỗi.

Lại nữa, tùy nói mà sinh lỗi, là như nói đốt núi.

Lại hỏi: Thật ra đốt cây cỏ, sao nói đốt núi ? Đó gọi là tùy nói mà sinh lỗi. Cho đến các pháp cũng đều như vậy.

Lại nữa, tùy nói mà sinh lỗi có 2 thứ: 1. Như trước nói. 2. Nơi đồng khác mà sinh lỗi. Như nói các pháp hữu vi đều không, tịch diệt như hư không.

Lại hỏi: Như vậy cả 2 đều là không vô. Pháp vô tính tức đồng hư không. Như vậy gọi là đồng khác sinh lỗi.

Hỏi: Vì sao gọi là sinh ?

Đáp: Vì có nên gọi là sinh. Như đất bùn có tính cái bình nên được sinh cái bình.

Lại hỏi: Nếu đất bùn có tính cái bình thì đất bùn tức là cái bình khỏi cần nhờ đến thợ làm gốm cùng các thứ dụng cụ hợp tác mới có. Nếu đất bùn có, nên sinh cái bình thì nước cũng là có, cũng phải sinh cái bình. Nếu nước là có mà không sinh cái bình, đất bùn làm sao riêng sinh cái bình được ? Đó gọi là đồng khác sinh lỗi.

Hỏi: Sinh nghi tự nhân, tướng ấy thế nào ?

Đáp: Như có một cái cây trụi tựa như con người đứng, nếu ban đêm trông thấy liền nghĩ đây là cái cây hay người vậy. Đó gọi là sinh nghi tự nhân .

Hỏi: Thế nào là quá thời tự nhân ?

Đáp: Như nói thanh là thường, vì kinh điển Vĩ-đà phát xuất từ thanh nên cũng gọi là thường.

Lại hỏi: Ông nay chưa lập nhân duyên của thanh thường, làm sao nói Vĩ-đà thường ?

Đáp ; Như hư không không có hình sắc nên thường. Thanh cũng không hình, nên là thường. Nói tuy sau nhưng nghĩa cũng thành tựu.

Lại hỏi: Lời nói này quá thời, như nhà đã cháy hết mới đem nước đến cứu. Ông cũng như vậy. Đó gọi là quá thời.

Hỏi: Loại đồng là thế nào ?

Đáp: Ngã với thân khác nhau nên ngã là thường, như cái bình khác với hư không cho nên cái bình vô thường.. Đó gọi là loại đồng.

Lại hỏi: Nếu ngã khác với thân mà gọi là thường, thì cái bình cũng khác với thân nên cái bình phải là thường. Nếu cái bình khác

với thân mà hãy còn vô thường thì ngã dẫu khác thân làm sao thường ? Đó gọi là loại đồng.

Hỏi: Thuyết đồng là thế nào ?

Đáp: Như nói hư không là thường, vì không có chạm xúc. Ý thức cũng vậy. Đó là thuyết đồng.

Hỏi: Sao gọi là ngôn dị ?

Đáp: Như nói 5 trần vô thường là vì căn nhận biết nên 4 đại cũng vậy, cho nên vô thường.

Lại hỏi: Lông rùa, mùi thơm của muối là vô sở hữu, vì ý thức mà có sở đắc, lẽ nào là vô thường sao ? Đó gọi là ngôn dị.

Hỏi: Sao gọi là mâu thuẫn ?

Đáp: Mâu thuẫn có 2 thứ: 1. Dụ mâu thuẫn. 2. Lý mâu thuẫn. Như nói ngã là vô thường vì không hình ngại, như con bò. Đó gọi là dụ sai. Lý sai, là như Bà-la-môn nắm giữ vương nghiệp, dạy làm nghề đồ tể và săn bắt v.v... Sát-lợi thì ngồi thiền niệm định. Đó là lý sai. Như 2 pháp này, người ngu không biết cho là thật. Đó gọi là mâu thuẫn.

Hỏi: Những gì là không mâu thuẫn ?

Đáp: Khác 2 pháp trên là không mâu thuẫn. Đó gọi là tự nhân.

## **Phẩm 2: NÓI RÕ PHỤ XÚ**

Luận giả nói: Đã nói 8 thứ luận pháp như trên, lại có nhiều phụ pháp nay sẽ nói rõ.

Hỏi: Sao gọi là ngữ pháp ?

Đáp: Như nói 4 đại là giả danh. Sở dĩ vì sao ? Vì do sắc pháp v.v... tạo thành. Lại có người nói 4 đại là thật có. Làm sao biết ? Bền chắc là tính của đất, cho đến năng động là tính của gió, cho nên biết

là thật. Lại mâu thuẫn nhau lại sinh tranh cãi, như có thuyết nói đất là nhân duyên thành thân. Các đại khác cũng vậy.

Lại hỏi: Đất v.v... cũng thành tất cả vật. Sao chỉ nói thành thân ? Đó gọi là phi ngữ. Nếu không như vậy thì gọi là ngữ.

Hỏi: Sao gọi là phụ ?

Đáp: Như nói thanh thường vì không hình sắc như hư không.

Lại hỏi: Thanh tuy vô hình nhưng là căn nhận biết, có đối có ngại như cái bình tạo tác, còn tính hư không chẳng phải là tác pháp sao được làm dụ ? Đây gọi là phụ nghĩa lập nói cái bình là hữu hình có thể là vô thường, còn thanh là pháp vô hình sao được làm dụ ?

Lại hỏi: Thanh tuy khác cái bình nhưng là căn nhận biết, được tai nghe, cho nên là vô thường.

Hỏi: Các hành với thức tạo tác cho nên vô thường. Niết-bàn phi tạo tác nên thường. Câu nói này có ý nghĩa chân chính, gọi là chẳng phải phụ xứ.

Hỏi: Những câu nói gì có thể vặn hỏi lại ?

Đáp: Nếu nói diên đảo, lập nhân bất chính, dẫn dụ bất đồng. Như thế có thể vặn hỏi lại, như nói tướng có thể đoạn kết.

Người hỏi nói: Làm sao dùng tướng đoạn kết ? Bởi trước không nói trí, từ tướng phát nói thẳng là tướng. Lời nói này diên đảo thì có thể vặn hỏi lại.

Hỏi: Vì nhân duyên gì nên nói lại câu này ?

Đáp: Muốn khiến người biết rằng lập nghĩa vô chấp ắt hẳn rơi vào phụ xứ nên nói. Lại nữa nên hỏi không nên hỏi, nên đáp không nên đáp, 3 thuyết pháp yếu không khiến người hiểu, tự 3 thuyết pháp không phân biệt hiểu biết, đều gọi là phụ xứ. Lại nữa cùng người luận nghĩa kia thiếu sót mà không biết. Những người khác bảo rằng

nghĩa này sai lầm ông không biết sao ? Như vậy tức rơi vào phụ xứ. Lại nữa nghĩa đúng của người mà làm sinh lỗi, cũng rơi vào phụ xứ. Lại nữa có người nói: Mọi người đều rõ mà một mình không hiểu, cũng rơi vào phụ xứ. Hỏi cũng như vậy. Những chỗ phụ xứ như thế là những gai góc trong nghị luận, là làm lỗi sâu nặng cần phải biết mau chóng tránh xa, nếu không sẽ thua bại.

Hỏi: Hỏi có mấy thứ ?

Đáp: Có 3 thứ: 1. Thuyết đồng. 2. Nghĩa đồng. 3. Nhân đồng. Nếu các luận giả không dùng 3 thứ này làm vấn đáp thì gọi là sai lầm. Trong 3 câu đáp này nếu thiếu 1 tức không đầy đủ. Nếu nói tôi không thông hiểu rộng 3 câu hỏi này, theo chỗ tôi hiểu hãy hỏi tương đương, đó cũng không lỗi. Thuyết đồng, là như nói vô ngã, trở lại y như câu nói này sau mới làm câu hỏi. Đó gọi là ngữ đồng. Nghĩa đồng, là chỉ lấy ý đó, gọi là nghĩa đồng. Nhân đồng, là biết chỗ khởi nhân của ý thú kia, đó gọi là nhân đồng. Nếu được như vậy, gọi là phi phụ xứ. Nếu như nói “khinh tật” người nghe không rõ nghĩa cũng rơi vào phụ xứ.

Hỏi: Chỉ những thứ này thôi hay còn gì khác ?

Đáp: Còn. Như là nói nói ít, nói nhiều, nói lời vô nghĩa, nói không đúng lúc, nghĩa trùng lặp, bỏ bản tông v.v... đều gọi là phụ xứ. Dùng những cách như vậy nói với người cũng rơi vào phụ xứ.

Hỏi: Sao gọi là trái với bản tông ?

Đáp: Như nói thức là thường pháp. Sở dĩ vì sao ? Thức thể có 2 thứ: 1. Thức thể sinh. 2. Thức thể dụng. Bình cũng có 2 thứ: 1. Bình thể sinh. 2. Bình thể dụng. Nhưng khi thức sinh thì liền có dụng, nên gọi là thường. Bình thể sinh rồi sau mới có dụng, nên là vô thường.

Lại hỏi: Nếu sinh thì liền có dụng mà cho là thường, thì khi cái đèn sinh thì liền có dụng vậy cũng là thường ?

Đáp: Đền là mắt thấy, thanh là tai nghe, làm sao làm dụ ? Đó là bỏ bản tông, là rơi vào phụ xứ.

Lại nữa có thuyết nói thần thường. Làm sao biết được ? Chẳng phải do căn nhận biết, cho nên như hư không. Không vì căn nhận biết nên thường.

Lại hỏi: Vì trần không do căn được mà là vô thường ?

Đáp: Thần chẳng phải tạo tác nên thường. Vì trần là tạo tác nên vô thường.

Lại hỏi: Trước ông nói chẳng phải nhận biết, nay nói không tạo tác, là trái bản tông.

Đáp: Ông nói tôi trái. Ông trái câu tôi nói, lẽ nào không trái ư ?

Lại hỏi: Tướng như thế có thể có lý này. Tôi nói trái, là điều ông nói tự trái với nghĩa trước, nên nói là trái. Lại nữa trước ông đã nói vì không phân biệt nhiều nên tôi sinh nghi, chẳng phải tôi trái ông. Như vậy nghi là trái, cũng rơi vào phụ xứ.

### **Phẩm 3: BIỆN CHÍNH**

Luận giả nói: Nếu người nói có chúng sinh, cho đến cũng có thọ, có mạng. Làm sao biết được ? Vì căn nhận biết. Như vô dư Niết-bàn không do căn nhận biết cho nên không. Chúng sinh không như vậy, nên biết là có. Thần là thường pháp. Bởi vì sao ? Như quả A-la-hán, chỉ đương khi ấy là có, mà trước sau là không, cho nên biết là không. Như cái đầu thứ 2, cái tay thứ 3 v.v..., vốn không nay có, cho nên biết trước không, có rồi lại diệt mất nên biết là sau không. Thần không như vậy cho nên biết là thường.

Lại hỏi: Như rễ cây, nước dưới đất, không thấy nói không, thì A-la-hán cũng vậy. Chẳng phải là pháp không có. Ông tự không chứng nên lập luận nói không đúng. Nước là bởi đất che lấp nên



không thấy. Nay A-la-hán có gì chướng ngại mà không thấy, cho nên biết là không.

Lại hỏi: Ông lấy cái đầu thứ 2 cái tay thứ 3 không thể thấy nên nói là không có A-la-hán, điều đó không đúng. Tuy không có 2 đầu, nhưng chẳng phải không có cái thứ nhất. Còn nói không có A-la-hán là hoàn toàn không. Làm sao thí dụ được ? Lại nữa ông nói vì không giác trí không có Niết-bàn, điều này cũng không đúng. Như nước biển lớn không biết có bao nhiêu giọt, có thể nói là không chăng ? Nếu không biết số giọt mà biển vẫn có, thì Niết-bàn cũng vậy. Tuy không thể biết thật mà tự có. Mà nói không, thì phải nói nhân duyên. Nếu không thể nói, là nghĩa ông tự hổng. Đó gọi là luận lý đúng như pháp.

Lại nữa nếu do không biết mà nói là không Niết-bàn, thì người khác sẽ sinh nghi. Như ban đêm thấy cái cây, tâm liền sinh nghi đó là cái cây hay người đứng ? Phải biết rằng cái cây này chẳng nhất định nhân là người, chẳng nhất định nhân là cái cây. Nếu khiến không biết nhất định với Niết-bàn là không nhân, thì không nên sinh nghi. Lại nữa, các nghiệp báo không thể hủy diệt nên có Niết-bàn. Sở dĩ vì sao ? Ví như hỏa hoạn lớn đốt cháy núi rừng nên lửa là nhân của diệt. Nay nghiệp báo này là nhân của diệt gì mà được diệt ? Nếu được Niết-bàn thì liền tan hoại. Lập luận rằng: Thật có nhân của diệt, vì chướng ngại không thấy.

Lại hỏi: Cũng có Niết-bàn, chỉ bởi si chướng ngại nên không thấy. Lại nữa, ông nay nếu không phân biệt các nghiệp có nhân của diệt, thì nghĩa của ông tự hổng. Nếu nhân của diệt không, cố mà không nói thì cũng không chướng ngại cần gì phải nói ? Do bởi các duyên biết nghiệp không diệt. Đó gọi là luận lý như pháp.

Lập luận nói: Ông nếu vì nước biển có mà thành có Niết-bàn, lẽ nào lại có thể khiến có 2 đầu sao ? Nếu giả sử 2 đầu không thể có, làm sao Niết-bàn riêng có được ? Cái thí dụ nước biển của ông còn không thể lập được, Niết-bàn là có sao có thể thành có 2 đầu ?

Lại hỏi: Nếu ý ông bảo Niết-bàn không, thì có là không hay là phải không không ? Nếu không không, thì làm sao biết không có Niết-bàn ? Nếu có cái không này, thì làm sao nói là đều vô sở hữu ? Nếu nói tuy có là pháp không Niết-bàn hãy còn tự không, huống nữa có là không. Vì sao không được có Niết-bàn ? Phải nói nhân duyên, nếu không thể nói thì phải biết Niết-bàn quyết định thật có. Đây cũng gọi là luận lý như pháp.

Hỏi: Thần là thường hay là vô thường ?

Lập luận nói: Thần là phi tạo tác nên thường, cái bình v.v... là pháp tạo tác nên vô thường.

Lại hỏi: Nếu do không tạo tác nói thần là thường, điều đó không đúng. Làm sao biết ? Vì làm người sinh nghi. Nếu phi tạo tác, thần tức thường, thì không nên sinh nghi là thường, vô thường, bởi sinh nghi nên phải biết có lỗi.

Lập luận nói: Lỗi này chẳng phải chỉ riêng một mình tôi có, tất cả luận giả đều có lỗi này. Như nói thanh thường vì không hình sắc, có thân đời trước vì trí tức mạng biết. Lập nghĩa như vậy như trước sinh nghi, cho nên tất cả xứ đều có là lỗi.

Lại hỏi: Dụ thì quyết nghi. Chỗ dẫn dụ của ông khiến tôi sinh nghi là không thành dụ. Dụ không thành thì nghĩa tự hỏng, tức rơi vào phụ xứ, mà ông lại nói tất cả có lỗi chẳng phải riêng một mình tôi. Đây là mình lỗi, chẳng phải lỗi người khác. Sở dĩ vì sao ? Như người bị vu mà không tự biện minh, còn nói tất cả đều là trộm cắp. Phải biết người này tức tự mình là trộm cắp. Ông cũng như vậy, nên rơi vào phụ xứ. Nay nếu ông muốn tự nói rõ, lý là trước nhất, muốn nói lại thì rơi vào nhiều lỗi. Ông thứ nhất lập, thứ 2 đã phá, nghĩa thứ 3 tôi lại hỏi muốn dùng thứ 5 mà ngăn lỗi, thì không ra khỏi ban đầu và nghĩa sau của ông. Đó tức là trùng lặp. Nếu có lỗi trùng lặp tức rơi vào phụ xứ.

Hỏi: Thiết lập thứ 6 người ta lại có thể hỏi chăng ?

Đáp: Người thứ 5 đã thành lỗi, sao có thứ 6 được mà hỏi ? Nếu phải nói thì đồng với lỗi trước. Hỏi đã có lỗi, đáp phải làm tỉnh. Lại nữa, lỗi của người thứ 6 mà người thứ 5 không cật vấn được, sở dĩ vì sao ? Vì do thứ 5 nên người thứ 6 mới được hỏi. Đã tự có lỗi sao do lỗi người kia ? Như vậy gọi là luận chính pháp.

#### **Phẩm 4: TƯƠNG ƯNG.**

Hỏi: Ông đã phân biệt chính luận như pháp. Thế nào là nghĩa tương ưng ?

Đáp: Vấn đáp có 20 thứ tương ưng. Nếu người có thể dùng 20 nghĩa này trợ giúp phát triển chính lý, thì người đó là hiểu luận chân thật. Nếu không như vậy, không gọi là thông đạt phép nghị luận. Hai mươi thứ này, toát yếu có 2: một khác, hai đồng. Lấy đồng hiển thị nghĩa gọi là đồng. Lấy khác hiển thị nghĩa gọi là khác. Tất cả là nghĩa ắt căn cứ vào 2 pháp này. Hai pháp này thông cả 20 pháp.

Sao gọi là đồng ? Như nói chỗ phiền não hết là vô sở hữu. Tính của hư không cũng vô sở hữu. Đó gọi là đồng. Sao gọi là khác ? Như nói Niết-bàn phi tạo tác nên thường, thì biết các hành tạo tác nên là vô thường. Đó gọi là khác.

Hỏi: Cái nghĩa đồng khác này hỏi như thế nào ?

Đáp Muốn hỏi đồng, thì nói như thế này: Sắc dùng mắt thấy thanh dùng tai nghe làm sao nói đồng ? Nếu sắc khác thanh, sắc tự vô thường thanh phải là thường. Nếu hỏi khác thì: Bởi sắc do căn nhận biết nên vô thường, ngã chẳng do căn nhận biết nên thường. Cái bình và ngã đều có hữu thể, nếu đồng thì cái bình vô thường, ngã cũng phải vậy. Nếu nói hữu thể của cái bình khác hữu thể của ngã thì có thể nói ngã thường mà cái bình vô thường. Thường hữu

đã đồng thì ngã cũng phải vô thường. Những câu hỏi như thế có 20 thứ: 1. Tăng nhiều. 2. Tồn giảm. 3. Nói đồng khác. 4. Hỏi nhiều đáp ít. 5. Đáp nhiều hỏi ít. 6. Nhân đồng. 7. Quả đồng. 8. Khấp đồng. 9. Không khấp đồng. 10. Thời đồng. 11. Không đến. 12. Đến. 13. Mâu thuẫn. 14. Không mâu thuẫn. 15. Nghi. 16. Không nghi. 17. Dụ phá. 18. Nghe đồng. 19. Nghe khác. 20. Không sinh. Đó là 20 pháp vấn đáp.

Hỏi: Nên phân biệt nói 20 pháp này.

Đáp: Tăng nhiều, là như nói ngã thường, vì chẳng phải căn nhận biết. Hư không chẳng phải biết cho nên là thường. Tất cả những gì không bị căn nhận biết đều là thường. Ngã chẳng phải biết được, chẳng là thường sao ?

Lại hỏi: Hư không vô tri nên thường. Ngã hữu tri sao nói thường ? Nếu hư không là hữu tri thì phi đạo lý. Nếu ngã vô tri có thể đồng như hư không. Nếu như cái tri ấy đều là vô thường, đó gọi là tăng nhiều.

Tồn giảm, là nếu hư không vô tri, ngã hữu tri, làm sao lấy hư không dụ cho ngã ? Đó gọi là tồn giảm.

Đồng khác, là như lập ngã, thường dẫn hư không làm dụ. Hư không với ngã là một, một pháp thì sao được lấy hư không thí dụ cho ngã ? Nếu khác thì không được thí dụ cho nhau. Đó gọi là đồng khác.

Lại nữa, ông lập ngã thường, nói là phi căn giác, như hư không phi căn giác nên thường. Nhưng phi căn giác bất tất đều là thường. Lấy gì chứng minh ? Đó gọi là hỏi nhiều đáp ít.

Lại nữa, ông lập ngã thường, nói là phi căn giác. Pháp phi căn giác có tất cả 2 thứ. Vì trần phi giác mà là vô thường. Hư không phi giác mà là thường pháp. Ông làm sao có thể nói được vì phi giác nên thường ? Đó gọi là thứ 5 hỏi ít đáp nhiều.

Lại nữa, ông lấy phi giác làm nhân, nên biết ngã là thường. Hư không khác ngã, làm sao đều lấy phi giác làm nhân ? Đó gọi là nhân đồng.

Lại nữa, 5 đại thành thủy đều vô thường. Hư không với ngã cũng 5 đại thành, làm sao nói thường ? Đó gọi là quả đồng.

Lại nữa, ông cho rằng vì hư không phi giác nên thường. Nhưng hư không biến khắp mọi nơi. Lẽ nào vật biến khắp mọi nơi là phi giác ? Đó gọi là biến đồng.

Lại nữa, vi trần không biến khắp, mà phi căn giác, là pháp vô thường. Ngã phi căn giác thì sao là thường ? Đó là bất biến đồng.

Lại nữa, ông lập ngã thường, nói là phi căn giác, đó là hiện tại quá khứ hay vị lai ? Nếu nói quá khứ quá khứ đã diệt, nếu nói vị lai vị lai chưa có, nếu nói hiện tại thì không làm nhân, như 2 cái sừng cùng sinh không làm nhân cho nhau được. Đó gọi là thời nhân.

Lại nữa, ông lập ngã thường, bởi phi căn giác. Đến nên làm nhân hay là không đến ? Nếu không đến thì không thành nhân. Như lửa không đến thì không thể đốt cháy. Như dao không đến thì không thể cắt. Không đến với ngã làm sao làm nhân ? Đó gọi là không đến.

Lại nữa, nếu đến nhân thì đến tức là không có nghĩa của nhân. Đó gọi là đến.

Lại nữa ông cho rằng tất cả vô thường, ngã chẳng phải tất cả nên thường, thì ngã tức là hữu, cho nên phải vô thường. Như ít cháy, vì nhiều không cháy nên nói không cháy. Đó gọi là mâu thuẫn.

Lại nữa, ông cho rằng ngã phi căn giác đồng với hư không. Hư không không nhận biết, ngã cũng phải như vậy. Nếu ngã nhận biết thì hư không cũng phải nhận biết đối với khổ lạc, vì hư không với ngã không có khác. Đó là không mâu thuẫn.

Lại nữa, ngã đồng hữu cho nên không nhất định là thường, có thể sinh nghi là thường hay vô thường. Đó gọi là nghi.

Lại nữa, ông nói có ngã chẳng phải căn nhận biết nên có thể sinh nghi. Có chướng gì mà căn không nhận biết ? Phải nói nhân duyên. Nếu không nhân duyên, nghĩa của ngã tự hoại. Đó gọi là không nghi.

Lại nữa, ông cho rằng ngã phi căn giác nên là thường, thì rễ cây, nước dưới đất cũng phi căn giác mà là vô thường, ngã làm sao thường ? Đó gọi là dụ phá.

Lại nữa, ông lấy kinh nói ngã phi giác nên biết là thường, thì trong kinh cũng nói vô ngã ngã sở. Trong pháp Ni-càn nói ngã phi thường, ngã định thường, là các kinh không phải có khác có đồng. Đó gọi là nghe đồng.

Lại nữa, nếu ông tin một kinh cho ngã là thường, cũng phải tin các kinh nói ngã là vô thường. Nếu tin cả 2 thì 1 ngã phải cũng thường cũng vô thường. Đó gọi là nghe khác.

Lại nữa, ông cho rằng có nhân nên biết có ngã, Ta-la thụ tử đã là hữu nên phải sinh Đa-la. Nếu cho là vô mà biết là không, thì trong Đa-la tử không có hình tướng của cây, phải không sinh được. Nếu hữu cũng không sinh, vô cũng không sinh, thì ngã cũng như vậy. Nếu nhất định là hữu, thì không cần lấy căn không nhận biết làm nhân. Nếu ngã nhất định vô, thì lấy việc căn không nhận biết cũng không thể khiến cho hữu được. Đó gọi là không sinh.

Nếu lại có người lập thanh là thường, cũng lấy 20 thứ pháp đồng khác như trên mà phá.

Hỏi: Hai mươi thứ này lại có nhân duyên tự giải thuyết chẳng ?

Đáp: Tự có. Nên phải hỏi rằng: Do hữu ngã nên ông phá ngã. Nếu vô ngã ông phá cái gì ? Bởi có năng phá nên có sở phá.

Lại hỏi: Lý thật không có ngã, ông chấp ngang là có, nên tôi lại hỏi ông: Ông nói bởi có sở phá nên có ngã, thì bởi có năng phá nên biết không có ngã. Nếu ông nói chấp ngã nghĩa để làm rõ vô ngã, điều đó không đúng, chẳng phải dùng nghĩa của ông. Nay ông tự dùng chỗ sở chấp của tôi đó.

Lập luận nói: Ông làm sao biết tôi chấp nghĩa của ông phải nói nhân duyên ?

Lại hỏi: Tôi trước đã nói chẳng phải chấp nghĩa của ông, chấp chỗ người khác lập, vì sao lại hỏi: Làm sao biết tôi chấp nghĩa của ông ư ? Lời nói của ông mâu thuẫn tức rơi vào phụ xứ. Lại nữa ban đầu cho rằng căn không nhận biết nên biết thật có ngã. Sau lấy các pháp làm chứng minh. Lập nhân bất định, trái mất tông nghĩa cũng rơi vào phụ xứ, nghĩa của ông đã hỏng. Nếu tôi lại nói không ngoài lúc đầu. Thụ ngôn nhiều lỗi, phạm vấn đáp thì đáp cùng lắm là đến 5, quá đây nói nữa đều gọi là lỗi. Nếu có trí tuệ tư duy nghĩa lý sâu, rộng nói thí dụ có thể rõ nghĩa. Nhưng cách lập luận không ra ngoài pháp này.

Luận giả nói: Đã nói pháp yếu của các thuyết như trên. Chỗ cốt yếu của luận này là căn bản của các luận. Do luận này cố phát sinh rộng vấn đáp tăng trưởng trí tuệ. Ví như hạt giống nếu gặt đất tốt cây mọc tươi tốt. Nếu gieo trồng nơi ruộng xấu sẽ không có quả hạt. Pháp này cũng vậy. Nếu có trí tuệ khéo tư duy suy lường thì rộng sinh các luận. Nếu người ngu si ít trí tuệ, tuy tập luận này không thể thông suốt thì không gọi là tri kiến tốt chân thật. Cho nên nếu muốn sinh thật trí phân biệt thiện ác phải siêng tu tập luận chính pháp này./.

**HẾT**

SỐ 1633

**LUẬN NHƯ THẬT PHẨM PHẢN CHẤT VẤN***Tam tạng Chân Đế dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt***Phẩm 1: LUẬN NẠN VỀ KHÔNG ĐẠO LÝ TRONG  
PHẨM PHẢN CHẤT VẤN**

Luận nói: Ông bảo rằng tôi nói không đạo lý. Nếu vậy ông nói cũng không đạo lý. Nếu ông nói không đạo lý thì tôi nói có đạo lý. Nếu ông nói có đạo lý mà bảo rằng tôi nói không đạo lý thì không đúng nghĩa.

Lại nữa, không đạo lý thì trong tự thể có đạo lý. Cho nên không có cái gọi là không đạo lý. Nếu trong tự thể không đạo lý thì cái gọi là không đạo lý cũng không. Cho nên ông nói tôi không đạo lý, là không đúng nghĩa. Lại nữa nếu ông bảo tôi nói không đạo lý là tự chứng tỏ ông là vô trí. Bởi vì sao ? Vô đạo lý tức là vô sở hữu. Ngôn thuyết với vô đạo lý là một hay khác ? Nếu một thì ngôn thuyết cũng không, làm sao ông bảo ngôn thuyết của tôi là vô đạo lý ? Nếu khác thì ngôn thuyết có đạo lý, sao ông lại bảo ngôn thuyết của tôi vô đạo lý ?

Lại nữa, ngôn thuyết tự phá lẫn nhau, cho nên ngôn thuyết ông hỏi với ngôn thuyết của tôi là đồng thời hay không đồng thời ? Đồng thời thì không thể phá ngôn thuyết của tôi. Ví như sừng bò, tai ngựa,



đồng thời sinh nên không thể phá lẫn nhau. Nếu không đồng, thì ông hỏi trước tôi nói sau, tôi chưa nói ra ông lấy gì chất vấn ? Cho nên không thành chất vấn. Nếu tôi nói trước ông chất vấn sau thì việc tôi nói đã thành còn chất vấn cái gì ? Nếu đồng thời thì tôi nói, ông hỏi, là hỏi, là có thể hỏi, không thể phân biệt. Ví như nước sông nước biển đồng thời hòa hợp không thể phân biệt.

Lại nữa, ông hỏi là hỏi tự nghĩa hay là không hỏi tự nghĩa ? Nếu hỏi tự nghĩa, tự nghĩa tự hoại, điều tôi nói tự thành. Nếu không hỏi tự nghĩa thì câu hỏi không thành tự. Bởi vì sao ? Vì trong tự nghĩa không thành tự câu hỏi. Nếu thành tự thì tự nghĩa hoại mà tha nghĩa thành.

Lại nữa, ông bảo rằng ngôn thuyết của tôi là vô đạo lý, thì chẳng phải ngôn thuyết, nếu là ngôn thuyết thì không được vô đạo lý. Có ngôn thuyết, không đạo lý, 2 cái này mâu thuẫn nhau. Ví như bé gái có con. Nếu là bé gái thì không có con được. Nếu có con thì không phải bé gái. Bé gái và có con, 2 điều này mâu thuẫn. Cho nên nói có ngôn thuyết không đạo lý là không đúng nghĩa.

Lại nữa, mâu thuẫn với chứng trí. Ông nghe ngôn thuyết của tôi mà bảo là không đạo lý, thì nếu ông đã nghe tức là chứng trí được thành tự. Chứng trí sức mạnh, lời nói của ông hỏng. Ví như có người nói thanh không được do nhĩ thức. Nhĩ thức đã được thì thanh là chứng trí được thành tự. Chứng trí sức mạnh, lời nói này hỏng.

Lại nữa, mâu thuẫn với tỷ trí nên nếu ông bảo rằng tôi có sở đắc ngôn thuyết tỷ trí thì biết có đạo lý, nếu không đạo lý ngôn thuyết cũng không. Nếu có ngôn thuyết biết có đạo lý. Ví như có người nói thanh thường trụ vì từ nhân sinh. Tất cả những gì từ nhân duyên sinh thì không thường trụ. Ví như đồ gốm từ nhân sinh nên không được thường trụ. Thanh nếu từ nhân sinh không được thường trụ. Nếu thường trụ thì không được từ nhân sinh. Không thường trụ là tỷ trí

được thành tựu. Tỷ trí sức mạnh thường trụ thì hồng. Có đạo lý, là nếu có ngôn thuyết thì có đạo lý. Có đạo lý là tỷ trí được thành tựu, không đạo lý thì hồng.

Lại nữa, mâu thuẫn với thế gian nên ông bảo rằng ngôn ngữ của tôi không đạo lý, đó là lời nói mâu thuẫn với thế gian. Bởi vì sao ? Trong thế gian được lập 4 thứ đạo lý: 1. Đạo lý nhân quả. 2. Đạo lý tương đãi. 3. Đạo lý thành tựu. 4. Đạo lý như như. Đạo lý nhân quả là như hạt giống với mầm. Đạo lý tương đãi là đối đãi nhau như dài đối với ngắn cha đối với con. Đạo lý thành tựu là như 5 phần nói nghĩa thành tựu. Đạo lý như như có 3 thứ: 1. Vô ngã như như. 2. Vô thường như như. 3. Tịch tĩnh như như. Trong thế gian, ngôn thuyết là quả đạo lý là nhân. Trong thế gian nếu thấy quả thì biết có nhân, nếu thấy ngôn thuyết thì biết có đạo lý. Ông bảo rằng ngôn thuyết của tôi không đạo lý, nghĩa ấy mâu thuẫn với thế gian. Nếu có ngôn thuyết mà không đạo lý là không có chỗ đó. Ông bảo rằng vì ngôn thuyết của tôi lạ lùng không phù hợp. Nay tôi cùng ông biện luận giải quyết chỗ này. Nếu người nói khác tức là có lỗi. Nghĩa của ông tự lập khác với nghĩa của tôi, tức là tự thuyết, tức là dị thuyết, cho nên ông bị lỗi. Nếu nghĩa của ông khác với tự thuyết của tôi thì cái lỗi khác là ở nơi ông không liên quan đến tôi. Nếu không khác thì ông đồng với tôi, tức không có khác. Ông nói tôi khác là nói sai.

Lại nữa, khác với khác không khác, cho nên không khác. Nếu khác với khác mà khác, thì tức là không khác. Ví như người với bò là khác. Người không phải là bò. Nếu khác với khác mà không khác, tức là một. Nếu một thì không có khác, vì sao ông nói tôi là khác ?

Lại nữa, đạo lý ấy là tôi đang cùng tranh luận trong đạo lý của ông cho nên tôi nói có khác. Nếu ông với tôi không khác thì đã không cùng tranh luận với ông. Tôi nói nghĩa của ông, nên nếu tất cả sở thuyết là khác thì ông cũng có sở thuyết. Cho nên ông nói khác, là lỗi ở ông. Nếu ông nói không nói khác, thì tôi cũng nói không nói khác.

Ông nói tôi nói khác là nghĩa không đúng, là ông nói sai. Các nghĩa khác như trước đã nói.

Ông bảo rằng nghĩa tôi nói không thành tựu. Nay tôi cùng ông tranh biện giải quyết chỗ này. Nếu nói không thành tựu là nói thuyết không thành tựu. Nếu sở thuyết không thành tựu thì không được nói. Nếu không được nói, ông làm sao nói sở thuyết không thành tựu ? Nếu sở thuyết được nói thì phải thành tựu. Ông nói không thành tựu là không đúng nghĩa. Nếu tất cả sở thuyết không thành tựu thì ông nói lên chất vấn hỏi tôi, chất vấn đó tức không thành tựu. Nếu chất vấn ông nói chẳng phải không thành tựu, thì thuyết của tôi cũng như vậy chẳng phải không thành tựu. Ông nói tôi không thành tựu là không đúng nghĩa. Cái không thành tựu, thành tựu trong tự thể, cho nên không có không thành tựu. Nếu không thành tựu, ở trong tự thể không có thành tựu, thì cũng phải không có không thành tựu. Nếu có thành tựu thì không có không thành tựu. Cho nên ông nói tôi không thành tựu, là không có chỗ đó. Nếu ông nói không đọc kỹ câu hỏi của tôi thì không nắm được ý tôi. Nếu không nắm được ý tôi thì không được vặn hỏi tôi. Nay tôi cùng ông tranh biện giải quyết chỗ này. Nếu chưa đọc kỹ câu hỏi của tôi thì không được nói câu hỏi của ông. Ông đọc kỹ câu hỏi có thể hỏi hay chưa đọc kỹ câu hỏi mà hỏi ? Nếu ông không đọc kỹ mà được hỏi thì tôi cũng không đọc kỹ mà được hỏi. Nếu ông đọc kỹ câu hỏi được nói câu hỏi thì thường đọc kỹ câu hỏi. Bởi vì sao ? Trong câu hỏi lại sinh câu hỏi, thì câu hỏi vô cùng, không có lúc không đọc kỹ câu hỏi, không có lúc được nói câu hỏi.

Lại nữa, từ nạn danh lại có nạn danh, nếu thông nạn danh này nên được nói nạn danh, không đọc kỹ không được nói nạn danh, thì chỉ được sau thông nạn danh trước, nạn danh tiếp chưa được đọc kỹ thứ 3 mới được đọc kỹ nạn danh thứ 2, thứ 4 mới được đọc kỹ nạn danh thứ 3. Như vậy thì hằng đọc kỹ vô tận. Nếu nay ông không đọc kỹ mà được nói nạn danh, thì nạn danh đầu tiên cũng phải không

đọc kỹ mà được nói nạn danh. Nếu nạn danh đầu tiên không đọc kỹ không được nói nạn danh, thì thứ 2 cũng phải không đọc kỹ nạn danh được nói nạn danh. Thứ 2 không đọc kỹ nạn danh được nói nạn danh, thì ban đầu cũng phải không đọc kỹ nạn danh được nói nạn danh, mà nay nạn danh ban đầu quyết phải đọc kỹ mới được nói nạn danh, nạn danh thứ 2 cũng quyết phải đọc kỹ mới được nói nạn danh, không nên không đọc kỹ mà nói.

Lại nữa nếu không đọc kỹ câu hỏi mà nói, thì câu hỏi rơi vào chỗ thua bại. Ông không đọc kỹ câu hỏi của mình ông nói câu hỏi cũng rơi vào chỗ thua bại. Nếu ông không đọc kỹ câu hỏi mà nói câu hỏi, nói câu hỏi không rơi vào chỗ thua bại thì tôi cũng không đọc kỹ câu hỏi mà nói câu hỏi cũng không rơi vào chỗ thua bại.

Lại nữa, nếu ông bảo rằng nói câu hỏi tôi tôi đều phải đọc kỹ, tôi hỏi hỏi ông ông đều phải đọc kỹ. Chỉ được cùng nhau lãnh thông thì không được biệt lập câu hỏi. Nếu hằng lãnh đọc kỹ nhau thì mất nghĩa chính. Ví như 2 chiếc thuyền buộc vào nhau khi nước lên dất nhau bồng bênh.

Lại nữa lời nói của ông đều là âm thanh, ra khỏi miệng là diệt mất, làm sao đọc kỹ được lời nói của tôi ? Âm thanh đã là pháp diệt mất không được trở về lại, không được đọc lại. Nếu âm thanh tồn tại thì không thể đọc, vì là thường thanh. Nếu lời nói diệt mất thì không có gì để đọc, vì nó không có. Nếu âm thanh đã diệt mất, ông khiến tôi đọc đúng như ông nói, đó là tư duy sai lầm.

Ông nói lời tôi nói trước phá sau. Nay tôi cùng ông biện luận giải quyết chỗ này. Nếu lời tôi nói trước phá sau, đó là đạo lý. Bởi vì sao ? Lời nói tôi trước lời nói ông sau. Nếu lời nói của tôi phá lời nói sau thì nghĩa của tôi thắng, lời nói của ông hỏng.

Lại nữa, nếu ông bảo rằng tất cả lời nói trước phá sau, thì lời nói ông nói ra cũng trước phá sau. Nếu lời ông nói trước không phá sau, thì lời tôi nói ra cũng trước không phá sau.

Lại nữa, trước phá sau, là đối với tự thể không có trước sau phá. Nếu ở nơi tự thể có trước phá sau thì trước sau đều không. Cho nên ông nói trước phá sau, nói thể không đúng. Nếu nơi tự thể không có trước phá sau, thì vì không có nhân nên trước phá sau cũng là không. Ông bảo rằng lời nói của tôi trước phá sau, đó là tư duy sai lầm.

Ông bảo rằng tôi nói nhân khác. Nay tôi và ông biện luận giải quyết chỗ này. Nếu người bỏ nhân trước lập nhân khác tức rơi vào chỗ thua bại, thì ông rơi vào chỗ thua bại. Bởi vì sao ? Vì ông cũng bỏ nhân trước lập nhân khác. Nếu ông lập nhân khác không rơi vào chỗ thua bại, tôi cũng vậy.

Lại nữa, nhân tôi nói với nhân ông nói khác nhau. Nếu tôi nói nhân khác thì tôi có đạo lý. Nếu không nói nhân khác, tức là tôi nói nhân của ông, chẳng phải mâu thuẫn đối trị, tức đồng với ông nói. Ông bảo rằng tôi nói khác nhân là tà tư duy. Nếu tôi lập nhân đồng với ông, ông phá nhân của tôi tức tự phá nhân của ông.

Lại nữa, nếu tất cả lời nói là biệt nhân, thì lời ông nói ra cũng là biệt nhân, cho nên ông rơi vào chỗ thua bại. Nếu ông nói ra không rơi vào chỗ thua bại, ông nói tôi lập nhân rơi vào chỗ thua bại là không đúng nghĩa.

Nếu ông bảo rằng tôi nói biệt nghĩa, nay tôi cùng ông biện luận giải quyết chỗ này. Chỗ lập nghĩa của tôi khác với nghĩa của ông, tức là đạo lý. Tôi nay cùng ông đối trị trái nhau, cho nên nói biệt nghĩa. Nếu ông nghĩ nghĩa của tôi với nghĩa của ông không khác thì nghĩa của tôi không cùng đối trị trái nhau với nghĩa của ông. Nếu ông phá nghĩa của tôi tức là ông tự phá.

Lại nữa, nghĩa khác ở trong tự thể không có nghĩa khác. Nghĩa khác tức là không. Nếu nghĩa khác ở trong tự thể có nghĩa khác, thì nghĩa khác cũng là không. Cho nên ông bảo rằng tôi nói nghĩa khác, là không đúng.

Lại nữa, nếu tất cả những gì nói ra đều là nghĩa khác, thì điều ông nói ra cũng phải là nghĩa khác. Nếu những gì ông nói không nói là nghĩa khác, thì ông bảo rằng tất cả những gì nói ra đều là nghĩa khác, là không đúng.

Ông bảo rằng những gì tôi nay nói cũng như những gì nói trước kia không có gì khác. Nay tôi cùng ông biện luận giải quyết chỗ này. Lập nghĩa của tôi đối trị mâu thuẫn với lập nghĩa của ông. Nếu tôi nói tự lập nghĩa đối trị với nghĩa của ông, đó là đúng đạo lý. Bởi vì sao ? Tất cả mọi nơi tôi nói là phá nghĩa của ông. Cho nên tôi nói không có khác. Nếu tôi phải nói nghĩa khác thì nghĩa của ông lập khác với nghĩa của tôi. Nếu tôi nói nghĩa khác tức là nói nghĩa của ông, thế là không trái nhau với ông, ông chỉ trích tôi tức tự chỉ trích nghĩa của mình.

Lại nữa, như tôi trước nói thanh vô thường, câu nói này tự diệt, tự chấm dứt. Nay lại nói câu nói khác. Ông bảo rằng tôi nói câu nói trước. Đó là tư duy không đúng.

Lại nữa, nếu ông bảo tôi nói không khác, nếu tôi nói khác tức là khác. Nếu tôi nói không khác tức không khác. Nếu tôi nói là không được thành là ông nói tôi không khác, nghĩa ấy không đúng. Nếu ông bảo rằng tất cả những gì nói ra tôi đều không chấp nhận, tôi nay cùng ông biện luận giải quyết chỗ này. Ông bảo rằng không chấp nhận tất cả. Câu nói này là nhập vào tất cả số hay không nhập vào tất cả số ? Nếu nhập vào tất cả số, là ông tự không chấp nhận những gì ông đã nói. Nếu tự không chấp nhận tức là ông chấp nhận nghĩa của tôi, nghĩa của tôi tự thành, những gì ông nói thành hổng. Nếu không nhập vào tất cả số thì không tất cả. Nếu không tất cả ông không chấp nhận tất cả. Nếu không chấp nhận tất cả thì nghĩa của tôi chẳng phải điều mà ông không chấp nhận. Nghĩa của tôi cũng thành, những gì ông nói rất cuộc thành hổng.

## Phẩm 2: LUẬN NẠN VỀ ĐẠO LÝ TRONG PHẨM PHẢN CHẤT VẤN

Luận nói: Vấn nạn có 3 thứ lỗi: 1. Vấn nạn điên đảo. 2. Vấn nạn nghĩa không thật. 3. Vấn nạn mâu thuẫn. Nếu vấn nạn có 3 thứ lỗi thì rơi vào chỗ thua bại.

1. Vấn nạn điên đảo, là lập vấn nạn không phù hợp nghĩa đúng, gọi là vấn nạn điên đảo. Vấn nạn điên đảo có 10 thứ: 1. Đồng tướng nạn. 2. Dị tướng nạn. 3. Trường tướng nạn. 4. Vô dị nạn. 5. Chí bất chí nạn. 6. Vô nhân nạn. 7. Hiển biệt nhân nạn. 8. Nghi nạn. 9. Vị thuyết nạn. 10. Sự dị nạn.

1. Đồng tướng nạn, là đối vật đồng tướng lập vấn nạn. Đó gọi là đồng tướng nạn.

Luận nói: Thanh vô thường, vì do công sức sinh, không trung gian sinh. Ví như đồ gốm do công sức sinh ra, sinh ra rồi vỡ mất. Thanh cũng như vậy nên thanh vô thường. Như vậy nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: Nếu thanh vô thường vì đồng tướng với đồ dùng, thì thanh thường trụ vì đồng tướng với hư không. Cho nên giống như hư không, thanh cũng thường trụ. Đồng tướng là cũng không có thân.

Luận nói: Lại nữa, thanh vô thường vì do công sức sinh, không có trung gian sinh. Nếu vật thường trụ không do công sức sinh, ví như hư không thường trụ không do công sức sinh. Thanh không như thế, cho nên thanh vô thường. Như vậy nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: Nếu thanh với hư không thường trụ không đồng tướng cho nên thanh vô thường, thế thì thanh đi đâu? Còn nếu đồng tướng với hư không thì thanh là thường. Cái đồng tướng đó là không có thân cho nên thường.

Luận nói: Hai luận nạn này đều là điên đảo, luận nạn bất thành. Bởi vì sao? Quyết định pháp một vị lập làm nhân hiển thị tất cả vật

do công sức sinh nên vô thường, là hiển thị vô thường do quyết định một vị. Cho nên vô thường bất động. Muốn hiển thị đồng loại của nó nên nói thí dụ đồ gốm v.v... Ngoài dựa vào không quyết định một vị lập nạn vẫn rằng nếu ông dựa vào đồng tướng lập nghĩa thanh vô thường, tôi cũng dựa vào đồng tướng lập nghĩa thanh thường. Nếu nghĩa của ông thành tựu nghĩa của tôi cũng thành tựu.

Luận nói: Luận nạn của ông không phù hợp. Bởi vì sao ? Ông lập nhân không quyết định thường vô thường hiển thị cho khắp tất cả. Tôi lập nhân 3 thứ tướng, là pháp căn bản. Đồng loại thì bao gồm khác loại thì tách rời nhau. Cho nên lập nhân thành tựu bất động. Nhân của ông không phù hợp cho nên nạn vẫn của ông là điên đảo. Nếu ông lập nhân đồng với nhân của tôi thì nạn vẫn của ông thành nạn vẫn đúng. Nếu lập nghĩa vô thường vẫn nạn nghĩa thường, là vẫn nạn thành tựu. Bởi vì sao ? Lập nhân thường nạn vẫn lập nhân vô thường là cực kỳ không thể rõ vô thường, lỗi điên đảo vì nhân thường không quyết định một vị, nhân vô thường quyết định một vị.

2. Dị tướng nạn, là đối vật không đồng tướng lập vẫn nạn, gọi là dị tướng nạn.

Luận nói: Thanh vô thường. Bởi vì sao ? Vì do nhân duyên sinh. Nếu có vật dựa vào nhân duyên sinh tức là vô thường. Ví như hư không, hư không là thường trụ không dựa vào nhân duyên sinh. Thanh không như vậy cho nên thanh vô thường.

Ngoại đạo nói: Nếu thanh với hư không thường trụ không đồng tướng cho nên vô thường thì lại đi đến đâu ? Nếu với đồ gốm không đồng tướng, thanh tức thường trụ. Không đồng tướng, là thanh không có thân đồ gốm có thân. Cho nên đồ gốm vô thường, thanh là thường.

Luận nói: Thanh vô thường vì dựa vào nhân duyên sinh. Ví như đồ gốm dựa vào nhân duyên sinh nên vô thường. Thanh cũng vậy.



Ngoại đạo nói: Nếu ông lập thanh vô thường với đồ gồm đồng tướng, thì đi đến đâu ? Thanh tức thường trụ với đồ gồm không đồng tướng cho nên không đồng tướng là vì thanh không thân đồ gồm có thân.

Luận nói: Hai luận nạn này đều điên đảo. Bởi vì sao ? Vì tôi lập nhân vô thường quyết định một vị. Ông lập nhân thường không quyết định một vị, vì thường vô thường hiển lộ khắp cả. Cho nên nhân bất định không thể luận nạn với nhân quyết định. Nhân tôi lập, là y vào nhân duyên sinh nên thanh vô thường. Nhân này là pháp căn bản: Đồng loại thì bao gồm khác loại thì tách rời nhau. Đây đủ 3 tướng nên không thể động. Nhân ông lập là không có thân, cho nên thanh thường trụ. Pháp căn bản của nhân này là đồng loại khác loại đều bao gồm, cho nên không thành nhân.

3. Trường tướng nạn, là trong đồng tướng hiển biệt tướng, gọi là trường tướng nạn.

Luận nói: Thanh vô thường vì do công sức sinh. Ví như đồ gồm. Cho nên thanh vô thường.

Ngoại đạo nói: Ông lập thanh với đồ gồm đồng tướng vì do công sức sinh có nguyên do riêng: 1. Có thể nung chín không thể nung chín. 2. Mắt trông thấy được mắt không trông thấy được v.v... Như vậy thanh và đồ gồm đều có nguyên do riêng. Thanh do công sức sinh thường trụ, đồ gồm do công sức sinh vô thường. Cho nên thanh thường trụ.

Luận nói: Thế là luận nạn điên đảo. Bởi vì sao ? Nhân tôi lập không tách rời vô thường, tách rời với thường. Rõ ràng nhân này là trí so sánh vô thường. Ví như lửa trí so sánh là khói. Khói với lửa là không tách rời nhau. Cho nên nhân tôi lập không thể chuyển động. Ông cho rằng thanh khác không thể nung chín cho nên thường, thì đục, sân, khổ, lạc, gió v.v... không thể nung chín mà là vô thường. Cho nên không thể nung chín không thể lập là nhân thường, mắt không thấy

được cũng không thể lập là nhân thường. Bởi vì sao ? Dục, sân, khổ, lạc, gió v.v... mắt cũng không thể trông thấy được mà là vô thường. Nhân của ông bao gồm đồng loại khác loại nên không thành. Nếu nhân của ông đồng với nhân của tôi thì có thể luận nạn với nghĩa tôi lập. Nghĩa tôi lập dựa vào nhân của 3 thứ tướng, cho nên không đồng. Không đồng mà ông nói đồng, cho nên luận nạn của ông điên đảo.

4. Vô dị nạn, là cho rằng tất cả đồng tướng, cho nên lập tất cả không có nguyên do, đó gọi là vô dị nạn.

Luận nói: Thanh vô thường, dựa vào nhân duyên khác nên thanh thành khác. Ví như ngọn đèn thấp lớn thì sáng lớn thấp nhỏ sáng nhỏ, nghĩa ấy đã lập.

Ngoại đạo nói: Nếu dựa vào đồng tướng, đồ gồm v.v... vô thường thanh cũng như vậy, thì tất cả vật không khác với tất cả vật. Bởi vì sao ? Vì tất cả vật với vật khác có đồng tướng. Cái gì đồng tướng ? Có một là có thể biết v.v..., gọi là đồng tướng. Nếu có đồng tướng tất cả vật khác với vật khác thì thanh cũng như vậy. Có đồng tướng với đồ gồm v.v... thanh là thường đồ gồm v.v... vô thường. Bởi vì sao ? Vì trong tất cả có đồng tướng có tự tính khác. Như đèn, thanh, người, ngựa, nếu dựa vào đồng tướng so sánh biết thì không thành tự.

Luận nói: Luận nạn đó điên đảo. Bởi vì sao ? Trong tất cả vật có đồng tướng như nhau, tôi cũng không bỏ, tôi xét có riêng khác. Đồng tướng đầy đủ 3 tướng là lập nghĩa vô thường. Nói đây là nhân vô thường không chỉ lấy đồng tướng. Nếu không tư duy lựa chọn như vậy thì đạo lý sẽ không có đạo lý khác. Bởi vì sao ? Không có một vật gì không đồng không khác với một vật khác. Cho nên nếu có đồng tướng thì bao gồm đồng loại, tách rời tất cả khác loại. Nếu lấy đây lập nhân thì nhân thành tự. Chỉ đồng tướng lập nhân thì không thành tự cho nên điên đảo.

Lại nữa luận nói: Thanh vô thường vì dựa vào nhân duyên sinh. Ví như đồ gốm v.v... cho nên thanh vô thường.

Ngoại đạo nói: Nghĩa của nhân và lập, 2 không không khác. Bởi vì sao ? Dựa và nhân sinh là nghĩa gì ? Nhân chưa hòa hợp thanh chưa sinh. Chưa sinh nên không có, đó là nghĩa. Thanh vô thường là nghĩa gì ? Thanh chưa sinh được sinh. Sinh rồi liền diệt. Diệt nên không có, đó là nghĩa. Nhân với lập nghĩa đều không có.

Luận nói: Đó là luận nạn điên đảo. Bởi vì sao ? Tôi lập nghĩa không có, là hoại diệt không có. Tôi lập nhân không có, là chưa sinh không có. Chưa sinh không có, là điều mà tất cả thế gian tin nhiều cho nên thành tựu, lập làm nhân vô thường. Diệt hoại không có, là Tăng-khư v.v... không tin nên không thành tựu. Để khiến thành tựu nên lập làm nghĩa. Nếu lấy thành tựu lập nghĩa không thành tựu làm nhân, luận nạn của ông sẽ thắng, không điên đảo. Tôi nói tất cả vật đời trước chưa có đời sau thấy không. Cho nên thanh đời trước là không đời sau cũng không. Nếu ông không tin đời trước không, thì ông tự suy nghĩ nếu đời trước có thanh mà không ngại, thì sao tai không nghe ? Cho nên ông biết là đời trước không, như chân con rắn. Có người tranh thắng tâm không thể thành tựu nghĩa ý, muốn thành tựu mà không đạo lý thì nên bỏ nghĩa ấy.

5. Chí bất chí nạn, là nhân là đạt tới chỗ lập nghĩa hay là không đạt tới chỗ lập nghĩa ? Nếu nhân đạt tới chỗ lập nghĩa thì không thành nhân. Nếu nhân không đạt tới chỗ lập nghĩa cũng không thành nhân, đó gọi là chí bất chí nạn.

Ngoại đạo nói: Nếu nhân đạt tới chỗ lập nghĩa, xen tạp cùng chỗ lập nghĩa thì không thành lập nghĩa. Ví như nước sông vào trong nước biển không còn là nước sông nữa. Nhân cũng như vậy cho nên không thành nhân. Nếu chỗ lập nghĩa chưa thành tựu, nhân không thể đạt tới. Nếu đạt tới chỗ lập, nghĩa đã thành tựu thì còn dùng nhân

làm gì ? Cho nên nhân không thành tựu. Nếu nhân không đạt tới thì không có công năng. Ví như không có lửa đến không thể thiêu đốt, không có đao đến không thể cắt chặt.

Luận nói: Đó là luận nạn điên đảo. Nhân có 2 thứ: 1. Sinh nhân. 2. Hiện bất tương ly nhân. Ông hỏi nếu dựa vào nhân sinh thì thành luận nạn. Nếu dựa vào hiện nhân thì thành điên đảo. Bởi vì sao ? Tôi nói nhân không là sinh, chỗ lập nghĩa được người khác tin, có thể hiện chỗ lập nghĩa ví không tách rời nên lập nghĩa đã có ở trong lập nghĩa như nghĩa trí chưa khởi. Bởi vì sao ? Vì ngu si. Cho nên nói có thể hiện nhân. Ví như đã có sắc dùng đèn để hiển thị chứ không phải để sinh. Cho nên hỏi sinh nhân trong hiện nhân là luận nạn điên đảo.

6. Vô nhân nạn, là trong 3 đời nói không có nhân, đó gọi là vô nhân nạn.

Ngoại đạo nói: Nhân ở trong chỗ lập nghĩa là trong đời trước hay trong đời sau hay cùng đời ? Nếu nhân ở đời trước lập nghĩa ở đời sau, thì chưa có lập nghĩa lấy gì làm nhân ? Nếu ở đời sau lập nghĩa ở đời trước, thì lập nghĩa đã thành tựu còn dùng nhân làm gì ? Nếu đồng đời cùng sinh thì chẳng phải là nhân. Ví như sừng bò, mầm hạt v.v... có cùng một thời không được nói cái này sinh cái kia cái kia sinh cái này. Cho nên là đồng thời thì không có nhân.

Luận nói: Đó là luận nạn điên đảo. Bởi vì sao ? Đời trước đã sinh, dựa vào nhân là sinh. Ví như thắp đèn để hiển thị vật đã có, không phải làm sinh ra vật chưa có. Ông dùng sinh nhân mà nạn vấn hiện nhân của tôi, là luận nạn điên đảo không thành tựu. Nếu ông hỏi nhân ấy nếu là hiện nhân trí tuệ chưa có là nhân, thì nhân đó là nhân gì ? Cho nên không thành hiện nhân. Nếu làm luận nạn như thế là chưa được tên nhân, cho đến sự chưa có. Nếu sự có tức được tên nhân. Đó là có thể hiển sự, bấy giờ được tên nhân. Câu nói ấy ở trước chưa được tên nhân, ở sau mới được tên nhân. Nếu nói nhân trước sự sau thì không có lỗi. Có người vặn hỏi rằng nếu như vậy thì sự

không từ nhân sinh. Đây cũng không thành luận nạn. Bởi vì sao ? Là vật trước, sau được tên nhân. Nếu vật đã diệt sau sự mới sinh thì luận nạn này thành tựu. Đã không như vậy trước có chưa được tên, sau có mới được tên. Cho nên quả từ nhân sinh.

7. Hiện biệt nhân nạn, là dựa vào biệt nhân pháp vô thường hiện, nên đây là chẳng phải nhân, đó gọi là hiện biệt nhân.

Ngoại đạo nói: Nếu dựa vào công sức thanh vô thường, thì chỗ không công sức phải là thường. Như điện, ánh sáng, gió v.v... không dựa vào công sức sinh, cũng gồm trong vô thường. Cho nên lập vô thường không phải căn cứ vào công sức, vì công sức chẳng phải là nhân. Nếu vậy nhân là lia công sức, những chỗ khác phải là không vô thường. Ví như lia lửa lập khói, khói là chính nhân của lửa, vì khói và lửa không tách rời nhau. Công sức thì không như vậy. Cho nên không thành nhân. Lại nữa, công sức không thể lập nghĩa vô thường. Bởi vì sao ? Không biến khắp nên dựa vào công sức sinh. Nếu biến khắp được lập vô thường, nếu không biến khắp thì không được lập vô thường. Ví như có người lập nghĩa tất cả cây đều có thần thức. Bởi vì sao ? Vì cây có thể ngủ. Ví như cây Thi-lợi-sa. Có người vặn rằng thần thức của cây là không thành tựu. Bởi vì sao ? Do không phổ biến. Một cây Thi-lợi-sa ngủ các cây khác không ngủ. Thế là ngủ không phổ biến tất cả cây. Cho nên ngủ không thể lập cho rằng tất cả cây có thần thức. Việc căn cứ công sức sinh ra cũng như vậy. Không biến khắp tất cả vì vô thường. Cho nên không thể lập vô thường.

Luận nói: Luận nạn ấy điên đảo. Tôi nói không như thế, không nói dựa vào công sức sinh là nhân có thể hiện thị tất cả vô thường, các nhân khác không thể. Nếu có một biệt nhân có thể hiện thị vô thường thì tôi mừng vì sự của tôi thành, việc lập nhân của tôi cũng có thể rõ, các nhân khác cũng có thể rõ, nghĩa tôi lập thành tựu. Ví như căn cứ vào khói biết có lửa. Nếu nói thấy ánh sáng lửa cũng thành tựu. Nghĩa của tôi cũng như vậy, dựa vào công sức sinh có thể hiện vô thường.

Nếu riêng có nhân có thể hiển vô thường, nghĩa vô thường cũng thành tựu. Cho nên luận nạn của ông điên đảo không như ý tôi hỏi. Nếu tôi nói tất cả vô thường dựa vào công sức sinh, thì ông có thể vặn lại rằng dựa vào công sức sinh là nhân không phổ biến cho nên không thành tựu. Luận nạn này thì thắng. Tôi nói thanh v.v... có dựa vào công sức sinh thì đều vô thường, không nói tất cả vô thường đều dựa vào công sức sinh. Cho nên luận nạn của ông là điên đảo.

8. Nghi nạn, là trong khác loại mà đồng tướng gọi là nghi nạn.

Luận nói: Thanh vô thường vì dựa vào công sức sinh. Nếu có vật gì dựa vào công sức sinh vật đó vô thường. Ví như đồ gốm là nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: Đã sinh dựa vào công sức được hiển lộ. Ví như rễ cây, nước v.v... dựa vào công sức được hiển lộ, chẳng phải dựa vào công sức được sinh. Thanh cũng như vậy. Cho nên lập cái dựa vào công sức làm nhân, không chắc có trong chưa sinh đã sinh. Cho nên dựa vào nhân đây khởi nghi đối với thanh. Thanh này định như thế nào? Là như đồ gốm chưa sinh được sinh, hay là như rễ cây, nước, đã có được hiển lộ, cho nên chẳng quyết định? Nếu căn cứ vào sinh nhân này khởi nghi, phải biết đó chẳng phải là lập nghĩa nhân. Bởi vì sao? Vì có thể sinh, có thể hiển lộ.

Luận nói: Đó là luận nạn điên đảo. Bởi vì sao? Tôi không nói thanh dựa vào công sức được hiển lộ. Tôi nói thanh dựa vào công sức được sinh. Cho nên thanh vô thường. Ông chỉ trích chỗ nào? Nếu ông nói về công sức có 2 thứ: một là sinh hai là hiển. Sinh là đồ gốm v.v... Hiển là rễ cây, nước v.v... Thanh là công sức, cho nên trong đó khởi nghi thường vô thường, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Rễ cây, nước v.v... chẳng phải là công sức cho nên nếu ông nói rễ cây, nước hiển rõ công sức là không thể chỉ trích nghĩa của tôi. Bởi vì sao? Hiển rõ chưa sinh dựa vào công sức được sinh, cho nên công sức đồng một loại là vô thường nên chỉ trích của ông

không đúng. Nếu ông lại nói công sức có 2 loại vô thường: đồ gồm sinh là vô thường, đồ gồm diệt là thường, thanh cũng như vậy, nghi đó cũng không đúng. Bởi vì sao ? Vì không thành tựu. Nếu đồ gồm của ông diệt là có cái có trong diệt. Cái nghĩa có cho nên diệt, tức là không có. Nếu trong diệt không có, tức là không có diệt. Bởi vì sao ? Vì vô thể. Nếu ông nói như tối, trong tối không sáng nên có tối, thì diệt cũng vậy trong diệt không có cho nên có diệt, nghĩa đó không đúng. Trong không hoa, con người thạch nữ, sùng thổ v.v... không có, vậy thì phải có. Nếu ông không chấp nhận không hoa v.v... là có, thì đồ gồm diệt cũng như vậy không thể nói là có. Cho nên một loại công sức đều là vô thường. Ông nghi không đúng, ông không tin. Để được tin nên tôi nói nhân thanh vô thường. Bởi vì sao ? Đòi trước không chướng, dựa vào công sức được hiển sinh, cho nên biết thanh là không có. Ví như đồ gồm. Ông lập dựa vào công sức được, công sức tạo 2 nghĩa có khác, nghĩa đó không đúng. Nghĩa đó là gì ? Tất cả dựa vào công sức mà được tức là vô thường. Bởi vì sao ? Vì chưa sinh được sinh, đã sinh thì diệt. Cho nên rễ cây, nước v.v... cũng như vậy vô thường, cần gì ông lập hiển rõ là thường.

9. Vị thuyết nạn, là trước khi chưa nói chưa có vô thường, đó gọi là vị thuyết nạn.

Luận nói: Nghĩa vốn như trước.

Ngoại đạo nói: Nếu nói ngôn ngữ dựa vào công sức là nhân thanh vô thường, thì đi đến đâu ? Chưa nói ngôn ngữ dựa vào công sức, thanh trước là thường, là nghĩa được đến. Thanh đòi trước đã thường, vì sao nay vô thường ?

Luận nói: Đó là luận nạn điên đảo. Bởi vì sao ? Tôi lập nhân là hiển nghĩa, không là sinh không là diệt. Nếu tôi lập nhân hoại diệt thì luận nạn ông thắng. Nếu ông hỏi tôi rằng trước khi chưa nói, chưa rõ thanh vô thường, đó là luận nạn tương tự. Nếu lấy nhân hoại diệt hỏi tôi, đó là luận nạn điên đảo.

10. Sự dị nạn, là vì sự khác như đồ gồm, thanh không như vậy, đó gọi là sự dị nạn.

Luận nói: Thanh vô thường vì dựa vào nhân duyên sinh. Ví như đồ gồm là nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: Về sự thanh khác với đồ gồm. Về sự đã khác không được đồng là vô thường.

Luận nói: Đó là luận nạn điên đảo. Bởi vì sao ? Tôi không nói đồng sự với khí cụ cho nên thanh vô thường. Tôi nói tất cả vật đồng dựa vào nhân được sinh nên vô thường, không liên quan đến đồng sự. Ví như đồ gồm cho nên thanh vô thường. Khí là vật khác mà có thể hiển thị lửa, đồ gồm cũng như vậy có thể hiển thị thanh vô thường.

Lại nữa người khác nói sự khác khó có nơi khác để nói thanh thường trụ. Dựa vào hư không cho nên hư không là thường trụ, nếu có vật khác dựa vào hư không vật ấy tức thường trụ. Ví như vòng tròn lân hư, lân hư thường trụ vòng tròn dựa vào hư không vòng tròn tức thường trụ. Thanh cũng vậy, dựa vào hư không nên thường trụ.

Lại nữa thanh thường trụ, bởi vì sao ? Vì tai nghe được. Ví như tính đồng khác của thanh tai tiếp nhận nên thường trụ. Thanh cũng vậy cho nên thường trụ. Đó là nghĩa dị lập. Tì-thế sư nói: Nếu thường trụ do nhân được lập, nhân sự nên tức vô thường cho nên thanh vô thường.

Luận nói: Đó là luận nạn điên đảo. Bởi vì sao ? Tôi không nói nhân sinh vô thường. Tôi nói nhân hiển lộ vô thường. Người khác chưa biết. Để cho người khác biết, tôi lập nhân là liễu nhân, chẳng phải sinh nhân. Ông dựa vào sinh nhân mà luận nạn, đó là luận nạn điên đảo.

Lại nữa luận nói: Điều ông nói là lập nghĩa và cũng là chỉ trích. Với tôi, tôi không chấp nhận. Bởi vì sao ? Chúng ta không tin không thích thú nghĩa thường trụ. Cho nên tôi nói nghĩa ấy. Mười thứ đây gọi là đồng tướng v.v... luận nạn điên đảo cho nên do điên đảo mà lập lỗi



lâm. Nếu có luận nạn tương tự với đây tức rơi vào trong luận nạn điên đảo. Hai luận nạn không thật nghĩa, đó là vì vọng ngữ nên không thật. Vọng ngữ là không như nghĩa, không có nghĩa, gọi là luận nạn không thật nghĩa. Có 3 thứ luận nạn không thật nghĩa: 1. Hiện bất hứa nghĩa nạn. 2. Hiện nghĩa chí nạn. 3. Hiện đối thí nghĩa nạn.

1. Hiện bất hứa nghĩa nạn, là ở nơi chứng kiến lại đi tìm nhân. Đó gọi là hiện bất hứa nghĩa nạn.

Luận nói: Thanh vô thường. Bởi vì sao ? Vì dựa vào nhân duyên sinh, ví như đồ gốm, đó là nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: Tôi thấy đồ gốm dựa vào nhân duyên sinh. Nhân gì khiến nó vô thường ? Nếu không nhân lập đồ gốm vô thường, thì thanh cũng phải không dựa vào thường nhân được thường.

Luận nói: Luận nạn này không thật. Bởi vì sao ? Đã hiểu rõ không phải dùng nhân thành tựu nữa. Hiện thấy đồ gốm có nhân chẳng phải hằng thường, đâu cần lại phải tìm nhân vô thường ? Cho nên luận nạn này không thật.

2. Hiện nghĩa chí nạn, là trong nghĩa sở đối, nghĩa này đạt đến nghĩa . Đó gọi là nghĩa chí nạn.

Luận nói: Vô ngã. Bởi vì sao ? Vì không thể hiện thị, ví như con người thạch nữ, nghĩa này đã lập.

Ngoại đạo nói: Nghĩa này đạt, nếu có thể hiện thị định chắc có, không thể hiện thị định chắc không, thì có thể hiện thị hoặc có hoặc không, không thể hiện thị cũng phải như vậy. Ví như vòng lửa, sóng nắng, thành Càn-thát-bà là có thể hiện thị nhưng không thể lập là có. Nếu có thể hiện thị không thể nhất định lập là có, thì không thể hiện thị không thể nhất định lập là không.

Luận nói: Luận nạn này không thật. Có đạo lý nào là đạt nghĩa mà không thể hiện thị vật ? Hoàn toàn không có. Đó là không đạt

nghĩa. Có 2 thứ có thể hiển thị vật: Có đạt nghĩa, có chẳng đạt nghĩa. Có đạt nghĩa, là nếu có mưa ắt có mây. Nếu có mây thì không chắc, hoặc có mưa hoặc không mưa. Do khói biết lửa. Trong đây không chắc có đạt nghĩa. Nếu thấy khói biết có lửa, không khói biết không lửa, đó là nghĩa không đạt. Bởi vì sao ? Nơi miếng sắt đỏ, hòn than đỏ thấy có lửa không có khói. Đó là hiển vật nghĩa chí nạn không thật.

Lại nữa chỉ có sắc tên là vòng lửa, tên sóng nắng, tên thành Càn-thát-bà. Do căn mê tâm đảo nên với hiện đời là có, đời sau là không, chỉ sắc thật có. Căn mê tâm đảo có khi thấy có. Ông nói có thể hiển thị vật không nhất định có, đó là luận nạn không thật.

Lại nữa, tôi dùng đũa con người thạch nữ làm thí dụ phán quyết nghĩa này. Những gì không thể hiển thị là hoàn toàn không động, vật ấy quyết định không có. Ví như đũa con người thạch nữ không thể hiển động chẳng phải là nghĩa của thí dụ. Không thể hiển, là nơi lân hư v.v... hoặc hiển hoặc không hiển. Đối lại nghĩa chí của ông, chỗ nói nghĩa chí của tôi có thể hiển thị hoàn toàn không động là vật nhất định có. Với cái vòng lửa v.v... duy chỉ cái vòng là bất định. Cái vòng bất định, là khi chuyển thì có khi trụ lại thì không, cho nên chẳng phải nghĩa chí. Ông lấy phi nghĩa chí làm luận nạn nghĩa chí, đó là luận nạn không thật.

Lại nữa, có những người khác nói nghĩa chí nạn là nếu thanh với đồ gồm đồng tướng thì thanh vô thường, vì đó là nghĩa chí. Nếu không đồng tướng thì phải là thường. Không đồng, là thanh được tai tiếp nhận không có thân. Đồ gồm được mắt tiếp nhận có thân. Đã không đồng tướng nên thanh là thường.

Luận nói: Nếu như thế là luận nạn đồng tướng, luận nạn nghĩa chí, luận nạn vô biệt thể, nên tôi không chấp nhận. Ba luận nạn cho thấy đối lại nghĩa của thí dụ. Đối lại lực của thí dụ nên thành tựu nghĩa. Đó gọi là đối thí nghĩa nạn.

Ngoại đạo nói: Nếu đồng tướng với đồ dùng vô thường nên thanh vô thường, thì tôi cũng hiển thị là thường trụ. Ví như hư không thường trụ, vì đồng tướng với hư không nên thanh thường trụ. Nếu đồng tướng với thường mà không được thường, thì đồng tướng với vô thường vì sao vô thường ?

Luận nói: Luận nạn này không thật. Bởi vì sao ? Chỉ có không có vật mới gọi là không. Nếu có vật thường trụ thì thí dụ này thành, và luận nạn cũng là thật. Đã không có vật thường trụ, không không có vật, không thể nói thường không thể nói vô thường. Luận nạn này bất thành. Thí dụ là thí dụ phi thí dụ, nên luận nạn này là phi thật. Nếu người tin có vật tên là không, tức là thường trụ, thí đó là luận nạn điên đảo, chẳng phải thật nghĩa luận nạn. Bởi vì sao ? Vì không có thân, bất định. Hư không không có thân thường trụ. Tâm, khổ, vui, ham muốn v.v... không có thân mà là vô thường. Vậy thanh đã không có thân, vì giống như hư không nên là thường chăng ? Hay là vì giống như tâm v.v... mà là vô thường chăng ? Không có thân, là bất định, không được thành nhân, cho nên luận nạn này là điên đảo.

Lại nữa thanh vô thường vì có nhân. Nếu vật gì có nhân tức biết vật đó vô thường, ví như đồ gốm v.v..., nghĩa đã thành lập.

Ngoại đạo nói: Nghĩa này khả nghi. Bởi vì sao ? Đồ vật sinh ra có nhân, là vô thường. Đồ vật diệt mất có nhân, là thường. Thanh đã có nhân, nên sinh nghi đối với thanh phải chăng vì đồng với đồ vật sinh ra có nhân nên vô thường, hay vì đồng với đồ vật diệt mất có nhân nên là thường ?

Luận nói: Luận nạn đó không thật. Bởi vì sao ? Không có thật vật mà có tên là diệt mất, thì tất cả những vật gì từ cây gậy đập vỡ mất đều được gọi tên là thường.

Lại nữa, thanh vô thường. Bởi vì sao ? Vì do căn tiếp nhận. Ví như đồ gốm, là nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: Đây cũng khả nghi. Căn tiếp nhận như tính đồng khác, thì phải là thường. Thanh căn tiếp nhận như tính đồng khác, thanh phải là thường. Nếu như tính đồng khác chẳng phải thường, thì như đồ gốm không được vô thường.

Luận nói: Luận nạn đó không thật. Bởi vì sao ? Con bò v.v... nếu tính đồng khác thật có, thì lia con bò v.v... phải có một biệt thể tiếp nhận được, thấy được, lia con bò tính đồng khác không có biệt thể, không tiếp nhận được, không trông thấy được, cho nên biết là vô thường.

Lại nữa, vô ngã, bởi vì sao ? Vì không thể hiển thị. Ví như cái tai con rắn, đó là nghĩa đã lập.

Ngoại đạo nói: Số lượng giọt nước biển, số cân lượng núi Tuyết là có mà không thể hiển thị. Cái ngã cũng như vậy, có mà không thể hiển thị. Cho nên không thể hiển thị nhân không được lập vô ngã.

Luận nói: Số lượng với tự không có biệt thể. Có thể lường được con số, thì tự lần lượt hiện một con số nào đó. Con số nào đó, là số lượng. Ghi nhớ giữ được tên là một, mười, trăm, ngàn, vạn v.v... Số lượng giọt nước biển, số cân lượng của quả núi đã không có biệt thể nên chẳng phải thật có. Nếu có luận nạn nào khác đồng tương với luận nạn này, thì lập lỗi đó gọi là luận nạn không thật nghĩa.

3. Tương vi nạn, là nghĩa không cùng lập, gọi là trái nhau. Ví như sáng tối, ngồi đứng v.v... không cùng lập gọi là tương vi nạn. Có 3 thứ tương vi nạn: 1. Vị sinh nạn. 2. Thường nạn. 3. Tự nghĩa tương vi nạn.

1. Vị sinh nạn, là đời trước khi chưa sinh không liên quan công sức thì phải là thường. Đó là vị sinh nạn.

Ngoại đạo nói: Nếu dựa vào công sức thanh vô thường, thì khi chưa sinh chưa dựa vào công sức thanh phải là thường.

Luận nói: Đó là nạn tương vi. Bởi vì sao ? Khi chưa sinh thanh chưa có. Chưa có làm sao thường ? Nếu có người nói con người thạch nữ con trai đen con gái trắng. Nghĩa này cũng phải thành tựu. Nếu không có không được thường. Nếu thường không được không có. Không có mà thường thì tự mâu thuẫn. Luận nạn này tương tự với nghĩa chí nạn, không thật nạn. Bởi vì sao ? Vì là luận nạn không thật. Dựa vào công sức thanh vô thường, nghĩa đó đã lập, nghĩa đó đạt được nghĩa chí. Nếu không dựa vào công sức thì phải là thường, nghĩa này không thật. Bởi vì sao ? Không dựa vào công sức có 3 thứ: thường, vô thường, không có. Thường là như hư không. Vô thường là như sấm chớp v.v... Không có là như hoa đốm giữa hư không. Ba thứ này đều không dựa vào công sức mà ông dùng một thứ làm thường, cho nên không thật.

2. Thường nạn, là thường vô thường nên là thanh thường, đó gọi là thường nạn.

Ngoại đạo nói: Nơi vô thường thường có vô thường, vì tất cả pháp không bỏ tính. Trong vô thường có thường, dựa vào vô thường nên được thường.

Luận nói: Đó là nghĩa mâu thuẫn. Bởi vì sao ? Nếu đã vô thường làm sao được thường ? Nếu có người nói trong tối có sáng. Câu nói này cũng phải thành tựu. Nếu không như vậy luận nạn của ông là mâu thuẫn không thật. Bởi vì sao ? Không có một biệt pháp nào gọi là vô thường. tương ưng trong vô thường lại lập là thường. Vô thường không có một thể riêng biệt. Nếu vật chưa sinh được sinh, sinh rồi diệt mất gọi là vô thường, nếu vô thường không thật, y vào vô thường lập thường, thường cũng không thật.

3. Tự nghĩa tương vi nạn, là nếu chất vấn nghĩa của người khác mà nghĩa của mình hồng, đó gọi là tự nghĩa tương vi nạn.

Luận nói: Thanh vô thường vì dựa vào nhân duyên sinh. Ví như mầm cây v.v..., nghĩa đó đã lập.

Ngoại đạo nói: Nếu nhân đến vô thường thì đồng vô thường. Nếu không đến vô thường không thể thành tựu vô thường. Nhân này thì không thành nhân.

Luận nói: Nếu luận nạn của ông đạt tới nghĩa của tôi lập, đồng với nghĩa tôi lập thì không thể phá nghĩa của tôi. Nếu không đạt tới nghĩa của tôi lập cũng không thể phá nghĩa của tôi. Luận nạn của ông trở lại thành phá nghĩa của ông.

Lại nữa, ngoại đạo nói: Nếu nhân trước lập nghĩa sau, lập nghĩa chưa có thì đây là nhân gì ? Nếu lập nghĩa trước mà nhân sau, lập nghĩa đã xong dùng nhân làm gì ? Đây cũng không thành nhân.

Luận nói: Nếu ông luận nạn trước, tôi lập nghĩa sau, nghĩa tôi chưa có ông nạn vấn cái gì ? Nếu tôi lập nghĩa trước, ông vấn nạn sau, nghĩa tôi đã lập rồi ông còn luận nạn gì nữa ? Nếu ông nói ông đã tin luận nạn của tôi nên lấy luận nạn của tôi trở lại chất vấn tôi. Nếu nói như thế cũng không đúng. Bởi vì sao ? Tôi cho thấy rõ luận nạn của ông trở lại phá nghĩa của ông, không dựa vào luận nạn của ông để lập nghĩa của tôi. Nếu có vấn nạn nào khác tương đồng với vấn nạn này, thì lập lỗi gọi là tương vi nạn.

Luận nói: Có 5 thứ luận nạn đúng: 1. Phá nghĩa sở thích. 2. Hiện nghĩa không thích. 3. Hiện nghĩa điên đảo. 4. Hiện nghĩa bất đồng. 5. Hiện nghĩa tất cả vô đạo lý được thành tựu.

Ngoại đạo nói: Có ngã. Bởi vì sao ? Vì tụ tập là cái khác. Ví như đồ nằm v.v... là cái khác tụ tập. Nhãn căn v.v... là cái khác tụ tập. Cái khác đó là ngã, cho nên biết có ngã.

Luận nói: Không có ngã. Bởi vì sao ? Vì không thể hiển thị. Nếu có vật gì nhất định không thể hiển thị, thì vật đó là không. Ví như cái đầu thứ hai của người phi tự tại. Không thể tư duy phân biệt sắc hương tướng mạo cái đầu của cái đầu thứ hai, cho nên chắc chắn không có. Ngã cũng vậy. Ở trong nhãn căn v.v... phân biệt không

hiển lộ cho nên nhất định không. Ông nói có ngã, nghĩa ấy không đúng. Đó gọi là phá nghĩa sở thích.

Lại nữa, nếu ông nói tướng của ngã không thể phân biệt mà là có, thì cái đầu thứ hai không thể phân biệt cũng phải có. Nếu ông không tin có cái đầu thứ hai, tôi cũng vậy. Ông không nên tin. Đó gọi là hiển thị nghĩa không thích.

Lại nữa, nếu ý ông bảo 2 thứ đồng nhau không thể phân biệt, không căn cứ đạo lý nói ngã là có, không nói cái đầu thứ hai là có, thì tôi cũng không căn cứ đạo lý nói có cái đầu thứ hai. Không nói ngã là có, nghĩa ấy phải thành tựu. Nếu nghĩa của tôi không thành, nghĩa của ông cũng không thành. Đó gọi là hiển thị nghĩa điên đảo.

Lại nữa, nếu ông nói ngã với cái đầu thứ hai là đồng không thể phân biệt, mà bất đồng là không. Cái lỗi về bất đồng rơi trên đầu ông. Ví như có người nói như thế này: Con của người thạch nữ có đồ trang sức. Con của người thạch nữ không có đồ trang sức. Câu nói này cũng phải thành tựu. Nếu nói như thế là rơi vào lỗi bất đồng. Ông cũng như vậy. Đó gọi là hiển thị nghĩa bất đồng.

Lại nữa, nếu ông nói: Không căn cứ đạo lý, nhất định có ngã. Không căn cứ đạo lý không có cái đầu thứ hai. Câu nói này thành tựu, thì tất cả những câu nói của con nít, những câu nói điên cuồng vô đạo lý cũng phải thành tựu. Ví như hư không có thể trông thấy, lửa lạnh, gió có thể nắm bắt được v.v... đều là những câu nói điên cuồng không căn cứ đạo lý, như chỗ lập của ông cũng được thành tựu. Nếu không thành tựu, nghĩa của ông cũng vậy. Đó gọi là hiển thị nghĩa tất cả vô đạo lý được thành tựu.

### **Phẩm 3: RƠI VÀO CHỖ THUA BẠI TRONG PHẨM PHẢN CHẤT VẤN**

Luận nói: Có 22 thứ rơi vào chỗ thua bại: 1. Hoại nghĩa tự lập. 2. Lấy nghĩa khác. 3. Mâu thuẫn giữa nhân và lập nghĩa. 4. Bỏ nghĩa tự

lập. 5. Lập nghĩa nhân khác. 6. Nghĩa khác. 7. Vô nghĩa. 8. Có nghĩa không thể hiểu. 9. Nghĩa vô đạo lý. 10. Không kịp thời. 11. Không đầy đủ phần. 12. Trường phần. 13. Nói trùng lặp. 14. Không thể đọc. 15. Không hiểu nghĩa. 16. Không thể luận nạn. 17. Lập phương tiện tránh nạn. 18. Tin chấp nhận luận nạn người khác. 19. Rơi vào chỗ thua bại không biết. 20. Phi xứ nói rơi chỗ thua bại. 21. Sai với tất-đàn. 22. Nhân tương tự. Đó gọi là 22 thứ rơi vào chỗ thua bại. Nếu người rơi vào mỗi một chỗ thua bại thì không cần phải luận nghĩa với họ nữa.

1. Hoại nghĩa tự lập, là nghĩa mình lập chấp nhận nghĩa của đối phương, đó gọi là hoại nghĩa tự lập.

Ngoại đạo nói: Thanh thường. Bởi vì sao ? Vì không thân, ví như hư không, nghĩa đó đã lập.

Luận nói: Nếu thanh với hư không đồng tướng nên là thường, thì nếu không đồng tướng thì phải vô thường. Không đồng tướng thì thanh có nhân hư không không có nhân, thanh do căn tiếp nhận, hư không chẳng phải căn tiếp nhận, cho nên thanh vô thường.

Ngoại đạo nói: Đồng tướng không đồng tướng tôi không chọn lựa. Tôi nói thường đồng tướng. nếu có thường đồng tướng tức là thường.

Luận nói: Thường đồng tướng, thì vật không thân bất định cũng có vô thường, như tâm khổ, lạc v.v..., cho nên nhân của ông không thành tựu. Không đồng tướng thì chắc chắn rõ ràng tất cả vô thường với thường tách rời nhau, cho nên có thể lập vô thường.

Ngoại đạo nói: Tôi cũng tin vô thường có nhân, thường không nhân.

Đó gọi là hoại nghĩa tự lập, rơi vào chỗ thua bại.

2. Lấy khác tự lập nghĩa, là nghĩa của mình đã bị người khác phá liền suy nghĩ lập pháp khác làm nghĩa. Đó là lấy cái khác tự lập nghĩa.

Ngoại đạo nói: Thanh thường. Bởi vì sao ? Vì không chạm xúc, ví như hư không, đó là nghĩa đã lập.



Luận nói: Nếu ông lập thanh thường, dựa vào nhân không chạm xúc. Nhân không chạm xúc thì bất định, như hư không v.v... thường, không như tâm v.v... vô thường, không chạm xúc. Đã bất định thì nhân của ông không thành tựu. Nếu nhân không thành tựu thì lập nghĩa cũng không thành tựu. Thế là nghĩa đã phá.

Ngoại đạo nói: Thanh và thường đều chẳng phải nghĩa của tôi. Tôi lập nghĩa thường cùng với thanh thân nhiếp lẫn nhau. Thanh với thường, thân nhiếp lẫn nhau. Tôi nói thanh là trừ sắc v.v... Tôi nói thường là trừ vô thường v.v... Thường không lia thanh lia sắc v.v... Thanh không lia thường lia tai tiếp nhận v.v... Không lia nhau là thân nhiếp lẫn nhau, là lập nghĩa của tôi. Tôi không lập thanh cũng không lập thường. Ông luận nạn về thanh luận nạn về thường đều không luận nạn nghĩa của tôi. Đó gọi là lấy cái khác tự lập nghĩa, rơi vào chỗ thua bại.

3. Mâu thuẫn giữa nhân và lập nghĩa, là nhân và lập nghĩa không được đồng. Đó gọi là nhân mâu thuẫn với lập nghĩa.

Ngoại đạo nói: Thanh thường trụ. Bởi vì sao ? Vì tất cả vô thường. Ví như hư không là nghĩa đã lập.

Luận nói: Ông nói tất cả vô thường, cho nên thanh thường, thì thanh là gồm trong tất cả hay chẳng phải gồm trong tất cả ? Nếu là gồm trong tất cả, tất cả vô thường thanh phải vô thường. Nếu chẳng phải gồm trong tất cả, tất cả sẽ không thành tựu. Bởi vì sao ? Vì không bao gồm thanh trong đó. Nếu ông nói nhân lập thì nghĩa hỏng. Nếu nói lập nghĩa thì nhân hỏng. Cho nên nghĩa của ông không thành tựu. Đó gọi là nhân mâu thuẫn với lập nghĩa, rơi vào chỗ thua bại.

4. Bỏ nghĩa tự lập, là người khác đã phá nghĩa tự lập, bỏ mà không cứu, đó gọi là bỏ nghĩa tự lập.

Ngoại đạo nói: Thanh thường trụ, bởi vì sao ? Vì căn tiếp nhận. Ví như tính đồng khác, thì căn chấp nhận nên thường. Thanh cũng được căn chấp nhận cho nên thường trụ, đó là nghĩa đã lập.

Luận nói: Ông nói thanh được căn tiếp nhận nên thường trụ. Căn tiếp nhận thì bao gồm với vô thường. Ví như đồ gốm v.v... Đồ gốm v.v... căn tiếp nhận nên vô thường, thanh phải vô thường. Ông nói như tính đồng khác là thường, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Tính đồng khác của bò v.v..., với bò là một hay với bò là khác? Nếu một thì bò là thật, tính đồng khác là không thật. Nếu khác thì lia bò ra tự thể của tính đồng khác phải có thể hiển lộ. Tách rời bò ra đã không thấy tính đồng khác thì thí dụ thường trụ không thành. Ông lập nghĩa không được thành tựu, nghĩa đó đã phá.

Ngoại đạo nói: Ai lập nghĩa này thì gọi là bỏ nghĩa tự lập rơi vào chỗ thua bại.

5. Lập nghĩa nhân khác, là đã lập đồng tướng nghĩa của nhân, sau nói nhân khác. Đó gọi là lập nghĩa nhân khác.

Ngoại đạo nói: Thanh thường trụ, bởi vì sao? Vì không hiển lộ 2 lúc. Tất cả những gì thường trụ đều hiển lộ một lúc. Ví như hư không v.v... thanh cũng vậy, là nghĩa đã lập.

Luận nói: Ông nói thanh thường trụ không hiển lộ 2 lúc, ví như hư không, là nhân không đúng. Bởi vì sao? Không hiển lộ 2 lúc là không nhất định thường trụ. Ví như gió với xúc hiển lộ một lúc mà gió vô thường, thanh cũng vậy.

Ngoại đạo nói: Thanh với gió không đồng tướng. Gió thì thân căn tiếp nhận. Thanh thì nhĩ căn tiếp nhận. Cho nên thanh với gió không đồng tướng.

Luận nói: Trước ông nói không 2 lúc hiển lộ cho nên thanh thường trụ. Nay ông nói thanh với gió không đồng tướng vì do căn khác tiếp nhận. Ông bỏ nhân trước lập nhân khác, cho nên nhân của ông không thành tựu. Đó gọi là lập nghĩa nhân khác, rơi vào chỗ thua bại.

6. Nghĩa khác, là nói chứng nghĩa với lập nghĩa không tương quan, đó là nghĩa khác.

Ngoại đạo nói: Thanh thường trụ. Bởi vì sao ? Sắc v.v...5 âm, 10 nhân duyên, đó gọi là nghĩa khác.

7. Vô nghĩa, là nói khi muốn luận nghĩa thì tụng chú, đó gọi là vô nghĩa.

8. Có nghĩa không thể hiểu, là nếu nói 3 lần mà thính chúng và người đối thoại không hiểu, gọi là có nghĩa mà không thể hiểu. Nếu người nói pháp, thính chúng và người đối thoại muốn được hiểu, nói 3 lần mà hoàn toàn không hiểu. Ví như có người nói trần không thân, sinh hoan hỷ sinh âu sầu, không đến mà có tổn ích, bỏ thì càng nhiều không bỏ thì mất, thanh thường trụ bởi vì sao, vì vô thường là thường. Đó gọi là có nghĩa không thể hiểu rơi vào chỗ thua bại.

9. Nghĩa vô đạo lý, là có nghĩa trước sau không hợp, gọi là nghĩa không có đạo lý. Ví như có người nói ăn 10 thứ quả, 3 thứ nữ, 1 thứ ẩm thực, gọi là vô đạo lý.

10. Không kịp thời, là lập nhân sau khi lập nghĩa đã bị phá, gọi là không kịp thời.

Ngoại đạo nói: Thanh thường trụ, bởi vì sao ? Ví như vòng tròn lăn hư dựa vào thường trụ nên vòng tròn thường trụ. Thanh cũng như vậy.

Luận nói: Ông lập nghĩa thường, không nói nhân, lập 5 phần nói không đầy đủ, thì nghĩa của ông không thành tựu, nghĩa đó đã phá.

Ngoại đạo nói: Tôi có nhân, chỉ không nói tên thôi. Cái gì là nhân ? Vì dựa vào hư không thường trụ.

Luận nói: Ví như nhà bị cháy hết rồi mới xin nước chữa cháy. Lập nhân cứu nghĩa không đúng lúc cũng như vậy. Đó gọi là không kịp thời.

11. Không đầy đủ phần, là trong 5 phần nghĩa có một phần không đủ, gọi là không đủ phần. Năm phần là: 1. Nói lập nghĩa. 2.

Nói nhân. 3. Nói thí dụ. 4. Nói hợp dụ. 5. Nói quyết định. Ví như có người nói thanh vô thường, đó là phần thứ nhất. Bởi vì sao ? Vì dựa vào nhân sinh, đó là phần thứ hai. Nếu có vật dựa vào nhân sinh, vật đó là vô thường. Ví như đồ gốm dựa vào nhân sinh nên vô thường, đó là phần thứ ba. Thanh cũng như vậy, đó là phần thứ tư. Cho nên thanh vô thường, đó là phần thứ năm. Năm phần này nếu một phần không đủ, thì gọi là không đầy đủ, rơi vào chỗ thua bại.

12. Trường phần, là nói nhân nhiều, nói thí dụ nhiều, đó gọi là trường phần. Ví như có người nói thanh vô thường, bởi vì sao , vì dựa vào công sức sinh, vì không có trung gian sinh, vì căn tiếp nhận, vì sinh diệt, vì tạo ra ngôn ngữ, đó gọi là trường nhân, tức nói nhân dài dòng.

Lại nữa, thanh vô thường vì dựa vào nhân sinh. Ví như đồ gốm, ví như y phục, ví như nhà cửa, ví như nghiệp, đó gọi là trường thí, tức nói thí dụ dài dòng.

Luận nói: Ông nói nhiều nhân, nhiều thí dụ. Nếu một nhân không thể chứng nghĩa, sao dùng một nhân nói ? Nếu có thể chứng nghĩa sao dùng nhiều nhân nói ? Nhiều thí dụ cũng vậy. Nói nhiều là vô dụng. Đó gọi là trường phần.

13. Nói trùng lặp, là có 3 thứ nói trùng lặp: 1. Trùng thanh. 2. Trùng nghĩa. 3. Trùng nghĩa chí.

Trùng thanh, là như nói Đê Thích Đê Thích. Trùng nghĩa, là như nói nhãn mục. trung nghĩa chí, là như nói sinh tử thật khổ Niết-bàn thật lạc. Tiếng đầu nên nói, tiếng thứ hai không cần phải nói. Bởi vì sao ? Vì tiếng trước đã rõ nghĩa. Nếu tiếng trước đã rõ nghĩa, tiếng sau làm rõ cái gì ? nếu không làm rõ cái gì thì tiếng sau vô dụng. Đó gọi là nói trùng lặp.

14. Không thể đọc, là nếu nói lập nghĩa đại chúng đã lãnh hội hiểu rõ, nói 3 lần có người không thể tụng trì, đó gọi là không thể đọc tụng.

15. Không hiểu nghĩa, là nếu nói lập nghĩa đại chúng đã lãnh hội hiểu rõ, nói 3 lần có người không hiểu nghĩa, đó gọi là không hiểu nghĩa.

16. Không thể luận nạn, là thấy người khác lập nghĩa đúng lý không thể phá, đó gọi là không thể luận nạn.

Luận nói: Không hiểu nghĩa không thể luận nạn, là 2 thứ không hợp lý, rơi vào chỗ thua bại. Bởi vì sao ? Nếu người không hiểu nghĩa không thể luận nạn thì không nên luận nghị với họ.

Luận nói: Đó là 2 thứ cực xấu, rơi vào chỗ thua bại. Bởi vì sao ? Rơi vào những chỗ thua bại khác, nếu ngôn thuyết có sai lầm có thể dùng phương tiện khác cứu. Hai thứ này không có phương tiện có thể cứu. người này trước thì khởi thông minh kiêu ngạo, sau thì không thể hiện lộ tướng thông minh. Đó là ngu si đáng xấu hổ. Như thế gọi là không thể luận nạn.

17. Lập phương tiện tránh nạn, là biết nghĩa mình lập có lỗi, phương tiện trốn tránh nói sự tương khác. Hoặc nói tôi có việc gấp, hoặc nói tôi muốn đi thăm một người khác gấp bây giờ không đi không xong, tránh người ta chất vấn. Bởi vì sao ? Vì sợ mất tình thân thiện. Đó gọi là lập phương tiện tránh nạn rơi vào chỗ thua bại.

18. Tin chấp nhận luận nạn người khác, là trong luận nạn của người lập tin chấp nhận nghĩa mình lỗi. Đó gọi là tin chấp nhận luận nạn người khác. Nếu có người đã tin chấp nhận nghĩa mình lỗi, tin chấp nhận luận nạn người khác như lỗi của ta, lỗi của ông cũng như vậy. Đó gọi là tin chấp nhận luận nạn người khác.

19. Rơi vào chỗ thua bại không biết, là nếu có người đã rơi vào chỗ thua bại mà không biết đã rơi vào chỗ thua bại, lại muốn lập luận nạn chất vấn. Nghĩa ấy đã hỏng còn chất vấn cái gì ? Luận nạn này không thành tựu. Đó gọi là rơi vào chỗ thua bại mà không biết.

20. Phi xứ nói rơi chỗ thua bại, là người khác không rơi vào chỗ thua bại nói rơi vào chỗ thua bại. Đó là phi xứ nói rơi chỗ thua bại. Lại nữa, người khác hồng, tự lập nghĩa xứ, nếu lấy tự lập nghĩa khác nói người khác rơi vào chỗ thua bại mà không phải. Đó gọi là phi xứ nói rơi vào chỗ thua bại.

21. Sai tất-đàn, là trước đã cùng nhiếp trì 4 thứ tất-đàn, sau không đúng như lý tất-đàn mà nói, gọi là sai tất-đàn. Nếu tự nhiếp trì minh xảo thư xạ với sinh nhân luật sa-môn tất-đàn không nói như lý. Đó gọi là sai tất-đàn rơi vào chỗ thua bại.

22. Nhân tương tự, là như trước nói có 3 thứ: 1. Không thành tựu. 2. Không nhất định. 3. Mâu thuẫn, đó gọi là tương tự.

1. Không thành tựu, là ví như có người lập con ngựa đến. Bởi vì sao ? Vì thấy có sừng. Ngựa không có sừng. Sừng là nhân không thành tựu, không thể lập con ngựa đến.

2. Không nhất định, là ví như có người lập con bò đến. Bởi vì sao ? Vì thấy có sừng. Có sừng không nhất định là con bò. Con dê con nai cũng có sừng. Sừng là nhân bất định, không thể lập con bò đến.

3. Mâu thuẫn, là ví như có người lập ban ngày là ban đêm. Bởi vì sao ? Vì mặt trời lên, mặt trời lên khác với ban đêm. Mặt trời lên là nhân không thể lập ban đêm. Nếu người lập 3 thứ này làm nhân, gọi là nhân tương tự rơi vào chỗ thua bại./.

**HẾT**

SỐ 1634  
LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA  
QUYỀN THƯỢNG

*Bồ-tát Kiên Ý tạo luận  
Tam tạng pháp sư Đạo Thái v.v... dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Nay sẽ giải thích ý nghĩa nhập Đại thừa.

Hỏi: Vì sao nói nghĩa nhập Đại thừa ?

Đáp: Vì tôi muốn ngăn chặn nhân gây khổ cho chúng sinh. Nay ông phải biết nếu có người gần gũi ác tri thức, bị cái xấu ác làm mê lầm thiên lệch theo pháp của mình, chuyên chấp trước tà kiến, tư duy điên đảo không hiểu thật nghĩa, không thuận Phật trí, phỉ báng thánh giáo. Phỉ báng thánh giáo là phá hoại chính pháp. Phá hoại chính pháp bị tội báo nặng. Như Thế Tôn nói: Tội phỉ báng chính pháp nặng hơn ngũ nghịch, ở lâu trong ác đạo chịu khổ báo dài lâu. Như kệ nói:

*Phỉ báng pháp Đại thừa,  
Chắc chắn vào đường ác  
Người này thụ nghiệp báo,  
Như thật trí đã nói.  
Sống đọa trong địa ngục,  
Lửa dữ cháy đốt thân.*

*Thiêu đốt rất đau khổ  
 Tội nghiệp báo phải tin.  
 Cày sắt lớn đở rục,  
 Đủ số năm trăm lần,  
 Cày trên lưỡi tội nhân,  
 Nghiền nát thân khổ nã.  
 Ra khỏi địa ngục rồi,  
 Lại chịu các ác báo.  
 Thường thiếu khuyết các căn,  
 Hằng không nghe tiếng pháp.  
 Dẫn cho có được nghe,  
 Cũng lại sinh phi báng.  
 Do nhân phi báng pháp,  
 Trở lại đọa địa ngục.*

Các chúng sinh phi báng pháp nghe nói như vậy lại sinh tâm nghi ngờ đối với Đại thừa. Như tôn giả Đề-bà có nói kệ rằng:

*Người có phúc mỏng,  
 Thì không sinh nghi.  
 Người sinh nghi thì,  
 Ất phá các hữu.*

Nếu có sinh nghi đều phải nghe pháp, nghe rồi hiểu liền được tỏ ngộ. Được tỏ ngộ rồi tức sinh tín tâm, sinh tín tâm rồi liền sinh hoan hỷ, sinh hoan hỷ rồi như vậy tuần tự sinh văn tư tu, cho đến đầy đủ được nhất thiết chủng trí.

Do phi báng Đại thừa mà đọa ác đạo, và cũng do Đại thừa khởi các thiện nghiệp. Như người do đất té ngã rồi lại nương đất đứng lên. Lại do trí đến đạo Bồ-đề, thì cũng cùng chúng sinh chung hòa hợp mà có, nếu lìa chúng sinh sẽ không có người được đạo Bồ-đề. Từ cảnh giới chúng sinh xuất sinh tất cả chư Phật Bồ-đề. Như tôn giả Long Thụ có kệ rằng:



*Chẳng từ hư không có,  
Cũng chẳng từ đất sinh.  
Chỉ từ trong phiền não,  
Mà chứng thành Bồ-đề.*

Hỏi: Ông nói khéo nhập vào luận Ma-ha-diễn. Như vậy công đức thế nào gọi là Ma-ha-diễn ?

Đáp: Nơi tạng Bồ-tát gọi là Ma-ha-diễn.

Hỏi: Phật chẳng nói 3 thừa cũng là Ma-ha-diễn sao ?

Đáp: Đúng. Trong Đại thừa cũng nói 3 thừa, tức là 3 tạng. Như trong Kinh Bồ tát Tạng có nói: Phật bảo vua A-xà-thế: Tộc tính tử ! Tạng có 3 thứ. Những gì là 3 ? Đó Thanh Văn tạng, Bích-chi-phật tạng và Bồ-tát tạng. Tộc tính tử ! Chẳng phải lấy Thanh Văn thừa gọi là 3 tạng, cũng chẳng phải lấy Bích-chi-phật thừa gọi là 3 tạng, chỉ các Bồ-tát học Đại thừa được gọi là 3 tạng. Bởi vì sao ? Phạm nói pháp đầy đủ 3 thừa mới gọi là 3 tạng. Bởi Bồ-tát có thể thuyết pháp đủ 3 thừa cho nên ta nói là 3 tạng. Tộc tính tử ! Có 3 loại học nhân: Thanh Văn học, Bích-chi-phật học và Bồ-tát học. Thanh Văn thừa thì không học Bích-chi-phật thừa, bởi vì sao ? Vì chẳng phải trình độ kiến giải. Bích-chi-phật thừa thì không học Bồ-tát thừa, bởi vì sao ? Vì cũng chẳng phải trình độ kiến giải. Tộc tính tử ! Chỉ có các Bồ-tát tuy học Thanh Văn, Bích-chi-phật thừa mà không chứng nơi Thanh văn, Bích-chi-phật đạo, học Bồ-tát thừa biết sâu các pháp tu hành của Bồ-tát, thường vui tùy thuận. Vì ý nghĩa đó Bồ-tát thừa gọi là 3 tạng, chẳng phải gọi Thanh Văn Bích-chi-phật thừa. Trong các kinh khác đã phân biệt đầy đủ. Vì vậy nay tôi chỉ nói sơ lược.

Như ý ông cho là chẳng phải 3 tạng, là nay ông chỉ lấy trăm ngàn kệ của Tăng Nhất A-hàm, Trung A-hàm, Trường A-hàm, Tập A-hàm làm 1 tạng, 2 trăm ngàn kệ của Tì-ni A-tì-đàm gọi là 2 tạng, tu tập đủ hết gọi là 3 tạng. Nếu nói như vậy không gọi 3 tạng. Sở

đĩ vì sao ? Các kinh khác v.v... chẳng phải Phật nói có lỗi như vậy. A-hàm, Tì-ni, A-tì-đàm v.v... cũng là 3 tạng. Tạp tạng, Xá-đầu-la Kinh, Thai Kinh, Giác Vương Bản Sinh, Bích-chi-phật Nhân Duyên, 8 vạn 4 ngàn pháp tạng như vậy tôn giả A-nan theo Phật thụ trì tất cả đều có lỗi không phải Phật nói. Nếu không lỗi thì phải biết tất cả đều là Phật nói.

Như vậy những điều được nói nếu đều là tạng thì đây có đến trăm ngàn tạng. Ông nói 3 tạng là tự hoại. Lại có trường hợp A-nan không tiếp thụ. Phật thành đạo 20 năm sau mới ở trong tạng chúng tự nói rằng: Ta nay tuổi đã già cần có người hầu hạ. Nếu ai có thể làm thị giả cho ta hãy tự nói có thể. Bấy giờ đại chúng hòa hợp liền sai A-nan làm thị giả. A-nan liền nói với những người đồng tu: “ Như Lai có 8 vạn 4 ngàn nhóm pháp, nay tôi đều phải thụ trì tất cả. Có điều là 20 năm trước có 2 Tì-kheo đã thụ trì tôi đều không rõ.” Vì ý nghĩa đó biết rằng chỗ thụ trì của A-nan không là đa văn. Trong giáo pháp Phật nói ra, A-nan thật có chỗ không kham nhiệm pháp khí.

Như trong A-hàm nói: “ Thích-đề-hoàn-nhân bảo Uất-đa-la rằng: Tôi được trí tha tâm, quán sát tất cả chúng sinh trong Diêm-phù-đề không ai có thể thụ trì hết tất cả giáo pháp của Phật chỉ trừ tôn giả, ngoài ra đều không có khả năng ấy.” Do nhân duyên ấy phải biết A-nan chẳng phải có thể thụ trì hết tất cả giáo pháp của Phật. Đệ tử Thanh Văn và cho đến A-nan không kham nhiệm pháp khí là điều các kinh Đại thừa đã nói rộng rãi đầy đủ.

Như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật vì vua Tịnh Nguyệt Tạng nói: Chỗ thụ trì của A-nan ít ỏi không đáng nói, chỗ không thụ trì mới nhiều vô lượng. Pháp ta biết trăm ngàn ức phần, nói ra không được một phần. A-nan đối với pháp ta nói ra trăm ngàn ức phần thụ trì không được một. Thiện nam tử ! Ta trong một ngày một đêm, vì 10 phương thế giới nào Phạm Thích, Tứ thiên vương, thiên long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà và các Bồ-tát đến tập hội, nói các bài kệ tụng trí tuệ

Tu-đa-la, các pháp Ba-la-mật cho chúng sinh tu hành, và nói Thanh Văn, Bích-chi-phật thừa chán ghét sinh tử ca ngợi Niết-bàn mãn túc các Ba-la-mật, cho đến vì các thiên tử quảng diễn thuyết pháp một ngày một đêm, giả sử có những người đa văn trí tuệ như A-nan nhiều như số vi trần trong cõi Diêm-phù-đề, trong một ngày một đêm cũng không thể thụ trì đầy đủ được một phần trong trăm ngàn ức. Cho đến số đông nhiều như vi trần đầy khắp 10 phương thế giới đều như A-nan cũng vậy không thể thụ trì hết tất cả.

Nhiều nơi trong các kinh cũng nói A-nan không kham nhiệm làm pháp khí. Vì ý nghĩa đó phải biết A-nan không thể thụ trì hết tất cả giáo pháp của Phật.

Hỏi: Như Lai Thế Tôn không nói A-nan là đa văn đệ nhất sao ?

Đáp: Phật đối trong chúng Thanh Văn giả thuyết A-nan là đệ nhất, chẳng phải bảo là Bồ-tát. Lại nữa đối với A-nan, các ông còn không nghe hết chỗ thụ trì của A-nan huống chi là đối với nghĩa sâu xa đầy đủ của Đại thừa.

Nếu ý ông bảo Thanh Văn thừa tức Đại thừa, việc này không phải như vậy. Bởi vì sao ? Vì khác nhân quả. Nếu nhân của Thanh Văn thừa với nhân của Đại thừa mà không khác thì quả cũng không khác. Hiện thấy quả khác nên biết là nhân cũng khác. Bởi vì sao ? Người học Thanh Văn chỉ đoạn kết chướng, quán hành vô thường, theo người khác nghe pháp. Bồ-tát thì đoạn các tập vi tế, cho đến quán tất cả pháp là cảnh không, không theo người khác nghe pháp mà được trí tự nhiên, trí vô sư. Vì ý nghĩa đó chẳng phải Thanh Văn thừa đồng với Đại thừa.

Hỏi: Vậy Phật không nói giải thoát không khác ?

Đáp: Thanh Văn khi giải thoát rất có thể sai khiến núi Tu-di đều hướng về đạo tràng, đều cúi mình cung kính, ánh sáng chiếu khắp 10 phương thế giới, tất cả ác ma trong 80 do-tuần đều đến

hàng phục chãng ? Bồ-tát giải thoát thì như trên nói tất cả đều được. Vì ý nghĩa đó, trong các kinh Phật tuy nói tướng giải thoát v.v... không khác, nhưng đại tiểu thật có khác. Giống như loại sâu ăn ruột hạt cải làm cho hạt cải trống không. Tuy có tên gọi là không, nhưng cái không đó không đáng một phần cái không trong 10 phương thế giới. Cái không tuy không khác nhưng lớn nhỏ có khác. Lại như ánh sáng đom đóm muốn sánh với mặt trời mặt trăng. Cũng như con muỗi so sánh với chim đại bàng. Như Tì-kheo Bà-lưu-chi nói kệ bản hạnh của Phật:

*Tất cả các ánh sáng,  
Đèn đuốc với điện chớp,  
Trăng sao chiếu khác nhau,  
Mặt trời là sáng nhất.  
Bay chạy các cầm thú,  
Muỗi kiến với loài ong,  
Các chim bay đều khác,  
Không bằng chim đại bàng.*

Vì vậy tuy tương tự chút ít, nhưng đại tiểu có khác nhau. Phải biết nhân đã có khác, lẽ nào quả như nhau. Ông nói giải thoát không khác, quan sát như vậy giải thoát không đồng nhau. Giải thoát của Thanh Văn là giải thoát hết ái, chẳng phải giải thoát tất cả. Chỉ vì chúng sinh độn căn thiếu trí, tạm phân biệt nói. Giải thoát của Đại thừa là đoạn dứt hết tất cả tập phiền não, vì Bồ-tát lợi căn, rộng phân biệt nói. Như nay ông nói giải thoát của Thanh Văn tức giải thoát của Đại thừa thì Như Lai chẳng phải bậc nhất thiết chủng trí, có lỗi như vậy. Như Phật có bệnh nhẹ sai Mục-liên đến nhà Kì-cúc hỏi dùng thuốc gì. Bấy giờ Kì-cúc mất đã 7 ngày sinh lên trời Đao-lợi. Mục-liên liền lên cõi trời ấy, lúc đó Kì-cúc sắp đi ra vườn sau liền hỏi: Như Lai có bệnh dùng thuốc gì ?

Đáp: Dùng thức chế biến sữa.

Thân Như Lai như kim cương, các ác đã diệt, lẽ nào có tật bệnh mà hỏi Kì-cúc ? Như Tì-kheo Bà-câu-la, trong 90 kiếp trước thí cho người đồng tu một loại trái cây làm thuốc mà trong 90 kiếp thân thường không bệnh, thân sau cùng thọ đến 80 tuổi. Ban đầu không có bệnh nhẹ, chính nhờ nhân duyên thí một quả Ha-lê-lặc này còn được không bệnh, hưởng chi Như Lai ức trăm ngàn vạn kiếp A-tăng-ki đầy đủ Đản Ba-la-mật, đủ các công đức, cho đến cắt đứt thân thể tay chân tủy não máu thịt mà thí cho người bệnh. Nhờ nhân duyên đó lẽ nào bị bệnh ư ? Theo như kinh nói thì hiện Như Lai chẳng phải nhất thiết trí. Như Lai cũng có lúc vào thành khát thực mang bát không trở về vì độ cho Đề-bà-đạt-đa khiến cho xuất gia, như Kinh Khô Thụ nói thấy đồng lửa lớn bấy giờ trong các Tì-kheo có người sinh thoái tâm, để độ cho Mã Sư, Mãn Túc nên thường mắng Bà-la-môn, Đoạt-lại-xà, Tát-giá, Ni-kiền, Tôn-đà-lợi v.v... trong 90 ngày chịu ăn lúa ngựa. Mục-liên, Xá-lợi-phất vào nhà làm đồ gốm v.v... có những sự việc như vậy. Theo ý ông nếu bảo đó là nghiệp hữu dư thì không phải. Bởi vì sao ? Như Lai đã tận hết tất cả các ác, đầy đủ tất cả vô lượng công đức, có ác nghiệp hữu dư tức có tội lỗi lớn. Ông từng không nghe trong các kinh nói Như Lai vĩnh viễn đoạn tất cả nghiệp kết tập đó sao ? Như bài kệ Ma-đà-giá-li khen rằng:

*Tất cả kết tập hết,  
Bậc chỉ có cứu đời,  
Có đủ nhất thiết trí,  
Công đức đều thành mãn.*

Có 3 thứ tập. Đó là nghiệp tập, phiền não tập, oai nghi tập. Ba thứ tập này Như Lai đã hết vĩnh viễn, do nhân duyên ấy nếu có nghiệp dư tức có lỗi lớn. Nay nếu ông bảo đó là phương tiện cũng không đúng. Bởi vì sao ? Ý ông trước bảo Phật thân là thật không nói phương tiện và ứng hóa. Ông thường tự nói Phật thân là một, sao còn được có phương tiện ứng hóa ? Ông nghe trong kinh nào nói

phương tiện và ứng hóa ? Trong kinh của ông chỉ nói có hậu biến thân không nói riêng có pháp thân, không có đồng thân với phương tiện ứng hóa. Cho nên trong kinh Đại thừa nói Phật là nhất thiết trí thì không có lỗi. Trong Tiểu thừa ông nói nhất thiết trí thì có sai lầm lớn. Nếu bảo Thanh Văn thừa tức là Đại thừa, điều đó không đúng. Đại thừa với Thanh Văn thừa có sai biệt về rộng lớn. Nếu ý ông bảo trong Thanh Văn thừa hiển thị Đại thừa, như vậy cũng không đúng. Bởi vì sao ? Vì lý mâu thuẫn nhau. Thanh Văn thừa nghe pháp từ người khác. Thừa của Đại tiên tiếp nối dòng giống Tam Bảo không tuyệt dứt. Như ngọc báu Tì-lưu-ly không hoàn toàn từ thủy tinh mà ra, vì thể khác nhau. Cho nên Đại thừa vi diệu rất sâu, tâm Đại thừa rộng lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát tuần tự tu học, ban đầu từ sơ địa cho đến địa thứ 10, đầy đủ tất cả công đức trí nghiệp. Cho nên Phật gọi là Ma-ha-diễn thừa. Nếu Thanh Văn thừa từ Ma-ha-diễn mà ra thì có lý ấy. Cho nên Bồ-tát tu học 10 địa đầy đủ tất cả các Ba-la-mật nên có thể xuất sinh thiện pháp 3 thừa. Như Kinh Thập Địa nói: “ Bồ-tát Kim Cương Tạng nói với Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt: Phật tử ! Ví như chữ nghĩa, chữ là gốc ban đầu. Tất cả văn tự đều gốc từ chữ mà ra. Cũng như vậy, Phật tử ! Tất cả giáo pháp của Phật cũng vậy, lấy địa làm trước nhất rồi cũng từ nơi địa mà được cứu cánh thành tự nhiên trí. Cho nên nói Đại thừa là rất sâu, xuất sinh tất cả công đức Thanh Văn, chẳng phải Tiểu thừa có thể xuất sinh Đại thừa. Phật nói 10 địa giống như vàng tự đầy đủ không mất vì sao không thụ nhận ? Như Lai dùng sức từ bi vì độn căn nên nói Thanh Văn thừa mà ông tin thụ rồi lại tự chấp trước một cách thiên lệch thụ hành pháp nhỏ không tin chính giáo Đại thừa bình đẳng. Cho nên phải biết Phật nói Đại thừa là rất cát tường tối thắng.

Hỏi: Xưa Thế Tôn nói: Sau khi ta diệt độ, đời sau có nhiều chúng sinh nổi các tranh luận đây là Phật nói đây chẳng phải Phật nói. Cho nên Như Lai dùng pháp ấn ấn chứng. Nếu nghĩa nhập Tu-đà-la, tùy thuận Tì-ni, không trái pháp tướng, đó là Phật nói.

Đáp: Phật cũng không nói rằng Thanh Văn thừa chẳng phải Phật nói, cho đến Bồ-tát Đại thừa cũng như vậy Phật nói chẳng khác, vì một tướng bình đẳng dùng pháp ấn ấn chứng. Ông nói nhập là nghĩa nhập Tu-đa-la hay là văn tự nhập ? Nếu lấy văn tự cho là nhập thì không có chỗ đó. Bởi vì sao ? Mười hai bộ kinh, tất cả câu văn câu kệ các chương đều khác, cho nên phải biết chẳng phải văn tự nhập. Nếu lấy nghĩa nhập, không trái lý, nghĩa thì nếu thuận theo nghĩa Tu-đa-la, tương ứng với pháp tướng, nghĩa đó hiển hiện nên gọi là thuận theo Tu-đa-la ư ? Nếu hiển thị pháp Thanh Văn gọi là Thanh Văn thừa tùy thuận nhập Tu-đa-la. Nếu hiển thị pháp Bích-chi-phật gọi là Bích-chi-phật thừa, tùy thuận nhập Tu-đa-la. Nếu hiển thị pháp Bồ-tát gọi là Bồ-tát thừa, tùy thuận nhập Tu-đa-la. Nếu tôi hiển thị công đức 10 địa, nói rõ hạnh Bồ-tát, đó là nói chân thật tùy thuận nhập trong Đại thừa. Nhưng ý ông thiên lệch chỉ riêng nói nhập 3 tạng Tiểu thừa. Trong 3 tạng Đại thừa tôi đã nói nhập, cho nên 3 tạng tức là Đại thừa. Bởi vì sao ? Trong 12 bộ kinh, nói Tì-phật-lược tức là Đại thừa. Như Trung A-hàm nói: Sao gọi là khâu khâu ? Đó là biết pháp để khéo hiểu rõ 12 bộ kinh Tu-đa-la cho đến Ưu-bà-đề-xá. Tì-phật-lược là Ma-ha-diễn. Bởi vì sao ? Kinh Tì-phật-lược là vì các chúng sinh nói pháp tu đối trị, nên gọi là Tì-phật-lược. Cũng có thể xuất sinh vô lượng quả báo lớn, nên gọi là Tì-phật-lược. Chẳng phải đo lường có thể biết được, nên gọi là Tì-phật-lược. Đoạn trừ tất cả các tà kiến, nên gọi là Tì-phật-lược. Nếu ý ông bảo rằng trong pháp Thanh Văn của tôi rộng nói Tu-đa-la kệ tụng chương cú cũng gọi là Tì-phật-lược thì không có chỗ đó. Bởi vì sao ? Nếu dựa vào A-hàm mà nói là Tì-phật-lược thì chỉ nói ngôn ngữ. Nếu chỉ nói ngôn ngữ thì đó chẳng phải đáng tin. Nếu trong Kinh A-hàm chắc chắn có nghĩa này thì chương cú nào nói Thanh Văn là Tì-phật-lược ? Nếu không, thì biết Tì-phật-lược là hiển phát Đại thừa, chẳng phải là Thanh Văn Tiểu thừa thuyết. Trong một bộ kinh Thanh Văn của ông không có đến trăm ngàn câu kệ tán, huống chi lại có nói rộng đến ức vạn. Như

Lai Thế Tôn dạy các Thanh Văn chỉ thị vô thường khiến chán sinh tử, khiến biết gốc khổ, mau cầu Niết-bàn. Từ đầu như vậy cho đến phụng hành câu nghĩa ít ỏi, không có nghĩa sâu xa rộng lớn. Kinh Đại thừa nói việc làm của Bồ-tát sâu xa rộng lớn. Như Kinh Đại Dụ, Kinh Hiền Kiếp Tam-muội, Kinh Giải Thoát, Kinh Hoa Thủ v.v... thấy đều là Ma-ha-diễn, đều gọi là Tì-phật-lược. Như trong Kinh Kết Giải Thoát, đồng tử Thiện Tài đến chỗ thiện tri thức Tì-kheo Hải Tràng, trong 12 năm nhập Đại hải tam-muội, bạch Hải Tràng rằng: Tam-muội này sâu rộng vô biên, có pháp môn nào cũng lớn như Tam-muội này chăng ? Nói xong trong Đại hải Tam-muội thấy một hoa sen lớn có Phật tử trong hoa sen xuất hiện liền dùng tay phải xoa đầu Hải Tràng khen rằng: Hay thay ! Hay thay thiện nam tử ! Có pháp môn Phổ nhãn người phải thụ trì. Hải Tràng liền thụ chương cú pháp môn Phổ nhãn, tuân tự vì người giảng nói rộng rãi, bảo Thiện Tài rằng: Thiện nam tử ! Tôi trong một sát-na có thể thụ trì pháp môn Phổ nhãn, dùng nước biển lớn mài mực, giấy chất như núi Tu-di, cây cỏ trong thiên hạ đem dùng làm bút, tất cả chúng sinh dưới nước trên đất trong 3 ngàn thế giới đều là thợ viết chữ, pháp môn đã thụ trong khoảng một sát-na trăm ngàn phần cũng không thể chép hết một phần, huống chi một ngày một đêm cho đến trong 12 năm đã thụ vô lượng vô biên đại phần yếu nghĩa rất sâu. Đồng tử Thiện Tài theo nghe pháp với một thiện tri thức rồi có thể như vậy đến hơn số ức ngàn vô lượng vô biên, huống chi còn tham vấn vi trần thế giới chư Phật và thụ giáo pháp nơi thiện tri thức. Do nhân duyên ấy đầy đủ Đại thừa gọi là Tì-phật-lược. Vô lượng vô biên chẳng phải Thanh Văn, nghĩa này rất sâu cho nên pháp tu hành của tất cả Thanh Văn đều nhập vào đạo Ma-ha-diễn rất là đại cát tường. Đó gọi là tùy thuận nghĩa Tu-đa-la.

Nay sẽ nói về tùy thuận Tì-ni. Thánh đạo trong 3 thừa đều đồng đoạn tham dục sân nhuế ngu si, gọi là Tì-ni. Tu-đa-la là phân biệt nhân quả. A-tì-đàm là phân biệt pháp tướng, cũng đoạn phiền não.



Ma-ha-diễn là cũng nói đoạn trừ tham dục sân nhuế ngu si tất cả ác pháp phiền não. Phật dạy Thanh Văn làm sạch 3 nghiệp của mình gọi là Tì-ni, vì Bồ-tát nói làm sạch 3 nghiệp của mình cho đến thành Phật và cùng chúng sinh mãn túc tất cả Thi Ba-la-mật. Chỗ hành trì của Bồ-tát là tự tính giới, phát Bồ-đề tâm, được quả chân thật. Cho nên phải biết Ma-ha-diễn, là tùy thuận Tì-ni. Không trái pháp tướng, là kinh điển 3 thừa nói không trái 12 nhân duyên, Đại thừa cũng không trái 12 nhân duyên. Người khéo quán sát có thể biết Đại thừa tức 3 pháp ấn. Nếu không khéo quán sát thì không có Đại thừa, cũng không đủ 3 thừa. Nếu phỉ báng Ma-ha-diễn là tội lỗi lớn. Ông nay nếu nói, đó là ma nói, Phật không nói. Nhưng trong các kinh thật không có lời này. Nếu chỉ nói miệng là Đại thừa thì đó là ma nói hoàn toàn không thể tin. Ý ông nếu bảo là Phật nói thì như trong thân sư tử sinh ra loài trùng trở lại ăn con sư tử. Ba thừa đều như vậy không riêng gì Đại thừa. Cho nên phải biết Ma-ha-diễn chỉ có Phật có thể nói, chẳng ma nào nói được.

Hỏi: Ông chẳng phải ma nói, vậy tôi là ma ư ?

Đáp: Tôi và ông đều chẳng phải ma ư ?

Hỏi: Nếu bảo tôi và ông đều chẳng phải ma nói, thì ma nói nên ngăn lại.

Đáp: Tôi, pháp Đại thừa làm lợi ích chúng sinh, thuận pháp tướng nên nhiều ma sự. Cho nên Như Lai trong Đại thừa nói là ngăn ma. Ông, pháp Tiểu thừa chỉ có thể tự độ, ma không quấy nhiễu cần gì ngăn ? Vì vậy xưa Như Lai trong Kinh Pháp Hoa và Kinh Bát-nhã nói: Trong đời sau có nhiều chúng sinh ưa khởi tật đố cho nên ngăn phỉ báng đọa nơi ác thú. Ông đọc tụng thấy trong kinh nào nói Ma-ha-diễn là ma nói ? Nếu trong kinh của ông không nói Ma-ha-diễn là ma nói thì tự nói rằng ma nói cũng không thể tin. Ý ông nếu bảo rằng trong pháp Thanh Văn cũng có ngăn chặn, có điều là sự việc chấm dứt đã lâu khó có căn cứ chứng minh được. Đó cũng không

đúng. Bởi vì sao ? Vì chẳng có nơi nào cả. Nếu giả sử khiến ngăn chặn, Phật dùng thần lực có thể thủ hộ pháp này trải qua kiếp số cũng không mất. Cho nên phải biết ông nói đã lâu là chỉ có lời nói. Giả sử ma nói mà có thể trừ được hoặc chướng không trái chính pháp thì tuy rằng ma nói tức là chính pháp với lời Phật không khác. Bởi vì sao ? Như Phật đã nói căn cứ vào pháp không căn cứ vào người. Do đó tôi nay chỉ theo chính lý, không chấp lấy danh tự. Lại nữa điều chúng ta cầu là có thể diệt trí chướng phiền não chướng tức là Thế Tôn. Nếu thật là ma thì hoàn toàn không thể nói pháp Bồ-tát. Bởi vì sao ? Ma không thể biết Bồ-tát từ thiền định sinh văn tu tu tuệ, chán lia dục ác các pháp bất thiện. Đó là nghĩa Đại thừa chỉ Phật có thể nói. Từ sơ địa cho đến 10 địa như vậy tuần tự 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 Vô sắc định, diệt thụ tướng định, Bồ-đề tâm, các Ba-la-mật, pháp tùy nghi phương tiện thành thực nhiếp hóa chúng sinh, 10 thiện đạo, giới văn trí tuệ, không phóng dật, 8 pháp ly thế, 8 thánh đạo, chuyển pháp luân, kiên trì Đâu-đà đầy đủ công đức, khổ không vô thường vô ngã tịch diệt, 12 nhân duyên, xuất nhập các thiền, 3 môn giải thoát, các Đà-la-ni, pháp 37 phẩm trợ đạo, các môn thần thông, thật để 4 biện, thiền trí 2 luân để tự trang nghiêm thấy đều hòa hợp, du hí các pháp mà ở trong sinh tử Niết-bàn, không quay lưng sinh tử nhắm hướng Niết-bàn, tâm thường chán ghét chính quán các địa, xuất ly các địa, không rơi vào Thanh Văn, Bích-chi-phật địa, thanh tịnh cõi Phật, tùy thuận pháp nhãn, vô sinh pháp nhãn, , bất thoái chuyển địa, thụ chính vị địa, lực, vô úy, bất cộng pháp, tướng hảo pháp thân, vì chúng sinh nên trụ nơi sinh tử, thuận chuyển, quyết định chuyển, tùy thuận không chuyển, quyết định không chuyển, như vậy tuần tự các pháp nhân quả, pháp bất cộng, pháp phi giác, ma không thể nói vì không phải cảnh giới của ma. Ma có 4 thứ. Nếu bảo ám ma mà nói như vậy, tôi hoàn toàn không nói Phật có ám thân. Lại nữa nếu nói thật là ma nói, nói như vậy Bồ-tát Di-lặc cũng phải ngăn chặn. Lại tôn giả Tân-đầu-lô, tôn giả La-hầu-la v.v... 16 vị các đại Thanh

Văn như vậy ở rải rác các châu lục, trong các kinh khác cũng nói có 99 ức đại A-la-hán đều ở trước Phật lấy thể hộ pháp trụ thọ nơi thế giới. Phương Đông châu Phát-bà-đề, châu mạch, châu túc, châu sư tử, châu Diêm-phù, châu Đại Diêm-phù, xứ Bạt-đề-lê-già, Kế Tân, cho đến ao lớn A-nậu, các hiền thánh đều ở giữ gìn Phật pháp. Nếu nói Ma-ha-diễn là ma nói thì Phật pháp là mối họa lớn, các hiền thánh đều phải ngăn chặn. Cho nên phải biết rằng bảo là ma nói, đều là vọng ngữ, nói không như thế. Lại nữa đại Bồ-tát, các hiền thánh v.v... đều hộ trì Đại thừa là Ma-ha-diễn nối tiếp dòng giống Tam Bảo không để cho tuyệt dứt.

Hỏi: Theo ông nói, nếu Ma-ha-diễn là dòng giống Tam bảo thầy đều ủng hộ Bồ-tát Thanh Văn, như nay sao không ngăn cản người phỉ báng Đại thừa cho họ không đọa địa ngục, không đến ác đạo, không hoại Phật pháp ?

Đáp: Nghiệp báo quyết định không thể đoạn trừ. Nghiệp có 2 thứ: 1. Quyết định tăng trưởng. 2. Quyết định

thụ báo. Chẳng phải chư Bồ-tát Thanh Văn hiền thánh có thể trừ diệt, tạo tác ác nghiệp quyết định thụ báo không thể cứu ngăn được. Như Tì-kheo Cù-ca-li phỉ báng Kinh Ma-ha-diễn là ma nói. Phải biết người này ắt đọa địa ngục không thể cứu vớt.

Hỏi: Ông nói phỉ báng Ma-ha-diễn có thể vào ác đạo, cũng là thô ngữ, tôi chưa tin.

Đáp: Ông bảo Phật nói Ma-ha-diễn là ma nói, tức là phỉ báng Tam thế chư Phật, cũng là đại oán tất cả chúng sinh, nói lời thô độc phải chịu báo nặng ác khẩu bất thiện. Như bài kệ Phật nói:

*Người sinh trong thế gian,  
Như búa ở trong miệng.  
Tự chém hại thân mình,  
Đây đều do ác nghiệp.*

Ông chống báng Ma-ha-diễn lời thô ác như vậy không phải tôi nói. Tôi nay chỉ muốn khiến ông không khởi chống báng là vì lợi ích nên nói như vậy. Giống như người bệnh ăn thứ không nên ăn, thầy thuốc xem bệnh cảm đoán không nghe vì thương xót ông vọng nói thêu dệt bảo Ma-ha-diễn là ma nói. Quá khứ chư Phật đã nói Ma-ha-diễn, vị lai chư Phật sẽ nói Ma-ha-diễn, hiện tại chư Phật nay nói Ma-ha-diễn, đó gọi là luận ngăn cản cảm đoán phi báng Ma-ha-diễn. Bồ-tát vì để đoạn dứt phi báng Đại thừa cho nên diễn nói luận phẩm sơ nhập Ma-ha-diễn.

Hỏi: Ông đã ngăn cản người không cho phi báng, nay làm sao nhập vào hạnh Ma-ha-diễn ?

Đáp: Bồ-tát trước tiên phải đủ chủng tính tùy thuận thiện hạnh, hiểu biết rộng lớn, nội tâm rộng lớn, giới phận rộng lớn, chủng tính rộng lớn. Tính đã đầy đủ, tâm điều hòa nhu thuận, dần giảm tồn phiền não, ít tham sân si, thích tu các thiện, siêng năng tụng tập. Chúng sinh như vậy 6 căn rộng lớn có thể phát nguyện lớn muốn cầu Phật đạo. Chủng tính tương căn như Phật đã nói: Hạ căn hạ tính, hạ phát đạo ý, sở nguyện cũng hạ. Trung căn trung tính, trung phát đạo ý, sở nguyện cũng trung. Thượng căn thượng tính, thượng phát đạo ý, sở nguyện cũng thượng. Cho nên chư Phật tùy theo căn tính mà dùng từ tâm phân biệt dạy dỗ.

Hỏi: Nếu các chúng sinh có các căn tính, làm sao tùy căn tính mà thuyết pháp ?

Đáp: Chúng sinh thượng căn thì nói pháp tạng sâu mầu của Bồ-tát bởi biết căn tính đủ sức kham nhiệm hạnh Bồ-tát nên nói Bồ-tát tạng.

Hỏi: Là Bồ-tát tạng sẽ trụ ở bậc nào ?

Đáp: Có 10 thứ hạnh đến giải thoát địa. Khi có thể nghe Bồ-tát tạng sẽ được 10 thứ pháp hạnh. Rồi giải thoát hạnh liền được nhập vào hạnh Bồ-tát.

Những gì là 10 ? 1. Tu giải thoát hạnh của Bồ-tát. Hoặc ít hoặc nhiều đều phải tu tập. 2. Các pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải ghi chép. 3. Pháp tạng của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải cúng dường. 4. Pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải chuyển đọc. 5. Pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải nghe thụ. 6. Pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải thụ trì. 7. Pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải tập tụng dần dần thông lợi. 8. Pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải vì người phân biệt diễn nói. 9. Pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải tư duy hiểu rõ nghĩa lý. 10. Pháp của Bồ-tát hoặc ít hoặc nhiều đều phải một mình tư duy tu tập thêm sáng tỏ. Đó gọi là 10 hạnh của Bồ-tát. Thứ 8 là Bồ-tát văn tuệ. Thứ 9 là Bồ-tát tư tuệ. Thứ 10 là Bồ-tát tu tuệ.

Hỏi: Bồ-tát được văn tư tu này rồi nhập vào hạnh gì ?

Đáp: Để được địa của mình phải nhập giải thoát môn. Như vậy tuần tự văn tư tu sinh. Để thấy pháp giới, được địa của mình phải tu 3 môn giải thoát.

Hỏi: Những gì là 3 môn giải thoát ?

Đáp: Thực hành không, vô tướng, vô nguyện.

Hỏi: Thế nào là không ?

Đáp: Quán ngã, nhân, chúng sinh, không có tự thể, tính tướng thường vắng lặng.

Hỏi: Thế nào là hiểu rõ ?

Đáp: Phải nhập 12 nhân duyên.

Hỏi: Không giải thoát khác 12 pháp nhân duyên chăng ?

Đáp: Không với 12 nhân duyên như nhau không có tướng khác. Không tức 12 nhân duyên. Mười hai nhân duyên tức là không. Bởi vì sao ? Nhân duyên giả khởi không có tự thể. Như tôn giả Long Thụ có nói kệ:

*Mười hai nhân duyên không,  
 Tôi nay muốn giải thuyết,  
 Giả gọi pháp nhân duyên,  
 Đây tức là trung đạo.*

Tất cả các pháp thấy đều trống vắng. Bởi vì sao ? Vì đều thuộc nhân duyên không có tự tính.

Hỏi: Nếu tất cả pháp nhân duyên sinh vì sao nói không thể tính ?

Đáp: Nói nhân duyên là vì thế để mà nói. Đệ nhất nghĩa để thì không thể tính, cũng không có sinh. Đã không có sinh cũng không có diệt. Không sinh không diệt tức chân tịch diệt. Chân tịch diệt tức là tất cả các pháp tịch diệt. Cho nên tôi nói tất cả các pháp không có thể tính. Như trong Kinh Lão Mẫu, Thế Tôn nói: Này chị ! Ví như nhân con người, nhân cái dùi trống, nhân cái trống, các duyên hòa hợp thì có tiếng phát ra. Âm thanh như thế không tồn tại 3 đời, cũng chẳng phải trong ngoài và trung gian, tính nó trống vắng, không sinh không diệt. Nay chị phải biết thể tính tất cả các pháp cũng vậy. Trong Kinh Lão Mẫu, Phật tự nói không, cho nên Bồ-tát trong vô lượng kiếp tu tập phúc đức thiên định trí tuệ thấy đều nhập vào 3 pháp môn giải thoát, khéo quán sát sinh diệt thấy đều trống vắng giống như ảo hóa, sóng năng, thành Càn-thát-bà, đều đồng chiêm bao ảo hóa. Như Phật nói:

*Sơ giác 12 duyên,  
 Chúng sinh thấy đều không.  
 Chỉ trong khoảnh sát-na,  
 Huyền, diệm, thành Càn-thát.*

Như vậy tuần tự nhập không giải thoát môn, trong tâm sung sướng đạt được nghĩa lợi.

Hỏi: Ngoại đạo đều chấp ngã kiến, làm sao ngăn cản đoạn trừ ?

Đáp: Ngoại đạo như vậy đối với sắc nội ngoại đều sinh nhiễm trước, chấp ngã ngã sở, thuận dòng sinh tử. Họ chấp ngã, là cái ngã

có thể thí cho vật âm thực, tài lợi. Như vậy các thứ y chỉ vào ngã kiến, chúng sinh kiến v.v... Ngã ngã sở của họ, là sự tạo tác của ngã, là cái bình, đồ vật của cái ngã. Những thứ như vậy gọi là y chỉ ngã sở. Họ tạo nghiệp hoặc một hoặc khác, hoặc một khác, hoặc chẳng một chẳng khác, chấp thủ thiên lệch, chỉ lấy lời nói lừa gạt mê hoặc người đời và tự thân mình. Vì nghĩa ấy nên lưu chuyển sinh tử, không hiểu nhân duyên các pháp tính không.

Hỏi: Các ngoại đạo ấy không hiểu nhân duyên nên khởi 4 chấp. Những gì là lỗi ?

Đáp: Tăng-khur nói: Có lỗi chấp một: Tác với tác giả là một, tướng với tướng giả là một, phần với hữu phần là một. các thứ như vậy v.v... đều gọi là một. Ưu-lâu-khur chấp khác. Ni-kiền-đà chấp một khác. Nhã-đề tử chấp chẳng phải một chẳng phải khác. Tất cả ngoại đạo và Ma-tha-la v.v... chấp khác nhau, đều không ra ngoài 4 thứ như vậy.

Hỏi: Người của phái Tăng-khur nói tác với tác giả là một có lỗi gì ?

Đáp: Nói có 2 nên không thể bảo là một. Tác là nhân, tác giả là quả. Sự việc không đồng nhau sao nói là một. Đó tức là điên đảo. Bởi vì sao ? Vì lấy tác giả tức là tác. Tác với tác giả trước sau khác thời sao nói là một ?

Hỏi: Trước sau một công dụng, như gieo mầm giống, thời gian tuy có trước sau nhưng tương tự liên tục cho nên gọi là một.

Đáp: Đây cũng có lỗi. Nếu tác ở trước, tác giả ở sau, sinh chưa sinh khác, làm sao là một ? Ví như có cái bình không thể cùng được. Như sừng con bò không nhân sinh nhau. Tác và tác giả cũng như vậy. Lại nữa, sở dĩ tác với tác giả không được là một, thanh khác, nghĩa khác, nhân duyên khác, thời gian khác, chữ khác, thể khác, nếu như vậy tức có nhiều lỗi. Nếu chỉ là một, không nên có 2 tên. Vì thanh, nghĩa, thể, tướng trước sau khác nhau không được là một. Nếu tác

với tác giả là một, như lấy đất bùn, thợ làm gốm, bánh xe, dây thừng, bơ sữa v.v... các vật đều được. Vì không thể được nên phải biết không phải một. Như ngã và tâm không được là một. Nếu là một, thì tâm vô thường nên ngã cũng phải vô thường. Vì nghĩa đó nên tác với tác giả, tướng với tướng giả, lượng với lượng giả, phần với phần giả đều bị phá. Có một cái bình v.v... cũng phải phá ngã. Như sắc với bình là một, và lông trắng lá xanh, dài ngắn, vuông tròn những vật làm ra như vậy đều phải ngã.

Hỏi: Tì-xá sư chấp khác, có lỗi gì ?

Đáp: Nếu tác với tác giả khác cũng có lỗi lớn.

Hỏi: Xin nói cho biết lỗi như thế nào ?

Đáp: Nếu cái bình với bùn khác, khi làm cái bình nên dùng dây sợi, làm nĩa làm dĩa nên dùng bùn. Vì làm bình không dùng sợi nên phải biết là không khác. Lại nữa, khối bùn do vi trần làm thành, cái bình do khối bùn làm thành. Nếu cái bình khác khối bùn thì cái bình là vô thể. Khối bùn thành cái bình nên không được là khác. Khối bùn đối với vi trần là tác giả, đối với cái bình là tác. Nếu tác với tác giả khác, bùn với vi trần, cái bình chỉ là khác tên, không nên có 2. Vì vậy tác với tác giả không được là khác. Nhân sợi thành nĩa dĩa, nhân lác cối thành chiếu cũng đều nói như vậy. Lại nữa nếu có một bình khác thì tất cả pháp hoại. Bởi vì sao ? Nếu có một chẳng phải bình, lìa phải có bình. Nếu có một là bình thì là nhiều bình. Có một chẳng phải nên khác cũng chẳng phải, thế là không bình. Vì ý nghĩa đó, ông chấp khác tức hoại tất cả pháp.

Hỏi: Nói như vậy chẳng phải hoại tất cả pháp. Bởi vì sao ? Có một dựa vào bình thành lập cho nên có một bình đều thành.

Đáp: Nếu có một hợp với bình, có một phải là bình. Nếu bình hợp với có một, bình cũng phải gọi là có một. Bởi hợp với có một cho nên không được khác.



Lại nữa, có một khác thì như nữ dạ trắng, đây cũng có lỗi. Bởi vì sao? Trắng là không phải nữ, nữ cũng chẳng phải trắng. Trắng với nữ khác. Các vật khác cũng vậy. Như khi đốt nữ, trắng không nên đốt. Nếu khi đốt nữ, trắng cũng đốt thì không được là khác. Nay ông nói vật khác là tướng khác, điều đó không đúng. Ông trước nói 6 việc đều khác, thế thì nên ngăn.

Hỏi: Ni-kiện-đà trước nói một khác, có lỗi gì?

Đáp: Ông nói một khác, là hoặc nói tác lấy tác với tác giả làm một, hoặc nói tác với tác giả là khác. Đó cũng có nhiều lỗi.

Hỏi: Có những lỗi gì?

Đáp: Nếu tác tức là tác giả thì sự không thành. Nếu tác với tác giả khác sự cũng không thành. Bởi vì sao? Nhân quả đều khác. Một thì thế nào? Vì các duyên thành quả nên không được là khác. Tác tướng tác giả tướng cũng đều như vậy.

Hỏi: Như phá tướng cái bình mà thể không phá. Vì thể không phá nên cũng được là khác. Bởi thấy thể tồn tại mà tướng phá, cho nên nếu khi phá cái bình vốn thành thể không, không được là khác.

Đáp: Nếu nói một, đồng Tăng-khư phá. Nếu nói khác, đồng Tì-xứ sư phá. Như lá xanh, nữ trắng cũng đều phá.

Hỏi: Nhã-đề tử chấp chẳng một chẳng khác có lỗi như thế nào?

Đáp: Ba trường hợp trước mỗi trường hợp đều có sở chấp. Ông nói chẳng phải một thì phải là khác. Nếu nói không khác, tức phải là một. Sở chấp thế nào mà nói chẳng một chẳng khác? Nếu không sở chấp mà vọng có sở thuyết tức hoại pháp tướng.

Hỏi: Ông nói Đại thừa cũng không có sở chấp, là ông cũng hoại tất cả pháp tướng.

Đáp: Sở chấp của tôi thế gian hiện thấy. Đó là pháp nhân duyên. Sở thuyết của ông chỉ là điên đảo không thuận pháp tướng.

Hỏi: Pháp tướng là cái gì mà nói tôi hoại pháp tướng ?

Đáp: Vô thể tướng tức là thể tướng.

Hỏi: Sao vô thể tướng là thể tướng ?

Đáp: Không, gọi là tướng vô thể.

Hỏi: Sao gọi là không ? Là không hữu vi hay là không vô vi ?

Đáp: Tôi không lấy nghĩa hữu, nên gọi là không. Cũng không lấy nghĩa vô, nên gọi là không. Bởi lia hữu vô nên gọi là không. Như tôn giả Long Thụ có nói kệ:

*Chấp hữu gọi là thường,  
Chấp vô tức là đoạn.  
Nếu lia hết hữu vô,  
Tức là chân thật không.*

Lại nữa trong Trung Luận, Long Thụ có nói kệ:

*Chấp hữu, thủ thể tướng.  
Chấp vô, chấp vô thể.  
Không ở nơi hữu vô,  
Tức là chân thật quán.*

Vì vậy lia hữu vô gọi là không, lia đoạn thường gọi là trung đạo. Nếu có thể giác ngộ pháp tướng như vậy nên gọi là Phật. Cho nên nghĩa của 12 nhân duyên gọi đó là không.

Hỏi: Mười hai nhân duyên lấy gì chứng minh biết là không ?

Đáp: Ví như cái bình, đất bùn, bánh xe, sợi và thợ làm gốm, các duyên hòa hợp sau mới thành cái bình, không phải cục bùn là cái bình, cũng không phải lia cục bùn mà có cái bình. Chỉ là giả danh nói cái bình, thuộc các nhân duyên không có thể tướng. Không thể tướng nên không sinh, không sinh nên thể tướng vắng lặng. Nhân duyên tạo thành cho nên vô thể. Nếu các pháp có tự thể cố định không nhờ nhân

duyên là điều không thể có. Bởi không có tự tướng nên không có cái bình. Cái bình không, nên tất cả các pháp cũng không. Như tôn giả Đề-bà có kệ rằng:

*Một pháp nếu hữu thể,  
Các pháp cũng như vậy.  
Tất cả pháp vốn không,  
Nhân duyên thấy đều không.  
Chân thật quán một pháp,  
Các pháp không hai tướng.  
Hiểu rõ chân lý không,  
Thì thấy tất cả không.*

Hỏi: Pháp nhân duyên sinh tức là thể tướng ?

Đáp: Việc đó không đúng. Bởi vì sao ? Dù có thể tướng, dù không có thể tướng, chẳng phải điều ông có thể đạt tới. Như chỗ ông nói, lấy nhân duyên làm thể tướng thì nhân duyên là từ cái khác sinh làm sao có thể ? Nói thể tướng là tự tính khởi không thuộc nhân duyên. Nếu thuộc nhân duyên tức không tự tính. Ví như vay mượn không phải tự có. Cho nên nhân duyên là mượn cái khác làm thành không có tự thể. Như tôn giả Long Thụ có nói kệ rằng:

*Pháp nhân duyên sở sinh,  
Tức là không tự tính.  
Nếu là không tự tính,  
Làm sao có thể tướng ?*

Hỏi: Thể tướng các pháp thế gian hiện trong thấy sao nói là không ?

Đáp: Việc đó không đúng. Cái kẻ phàm ngu vọng thấy không thể tin. Pháp sinh diệt hoàn toàn là không. Sinh diệt trôi qua rất nhanh không lúc nào tạm dừng tương tự như liên tục vọng thấy là thật. Giống như ngọn đèn từng mỗi niệm mỗi niệm sinh diệt, người phàm ngu gọi là một ngọn đèn. Cũng như dòng nước chảy nhanh,

bóng, vang, ảo hóa, sóng năng, như Phật nói ảo hóa và trò ảo hóa đều không có mà chỉ vọng thấy gọi đó là thật. Nếu là thật thì ngọc quý sẽ không thấy nước là lửa, cát đá máu mỡ các chúng sinh do thiện ác tùy theo nghiệp mà thấy. Nếu có chúng sinh lợi căn tịnh tâm thì có thể thấy không. Dạ-xoa ngọc quý xa thấy nước gần thấy lửa liền sinh nghi hoặc. Nếu vật có thật không nên có 2 cái thấy khác nhau. Bởi có 2 cái thấy nên biết chẳng phải thật, chỉ là vọng thấy. Phải biết tất cả các pháp đều không thể tướng. Vì không thể tướng nên đều không sinh diệt.

Hỏi: Nếu tất cả pháp không sinh không diệt sao có lỗi đến đi chấp đoạn chấp thường ?

Đáp: Do thấy chúng tử liền chấp đến đi. Nếu được pháp không tức lìa đoạn thường. Như nhân hạt giống có mầm cọng nhánh lá hoa quả, tuần tự mà thấy mầm sinh nên hạt diệt ... liên tục không dứt cho đến quả sinh nên hoa diệt, cũng là lỗi vô thường. Như tôn giả Đề-bà có kệ nói rằng:

*Các pháp liên tục có,  
Thì chẳng phải đoạn diệt.  
Nhân diệt nên quả sinh,  
Không được gọi là thường.*

Vì vậy thấy nhân duyên không, tức lìa đoạn thường.

Hỏi: Si nhân duyên hành, làm sao lìa được đoạn thường ?

Đáp: Vì nhân vô minh nên có hành thiện ác, cho đến nhân sinh nên có lão tử. Phạm phu không rõ nhân duyên liên tục vọng chấp là thật. Vô minh thể không, nên hành cũng thể không, cho đến sinh thể không, nên lão tử thể không. Bởi thế gian giả danh có liên tục nên không có lỗi đoạn diệt, niệm niệm không dừng trụ không có lỗi thường. Do chúng sinh phạm phu chết đây sinh kia, chỉ lấy giả danh của thế đế nói nên thức là chúng tử, hành nghiệp là ruộng, lấp bằng

đất mạn, bốn phân bằng vô minh, tưới bằng nước ái. Tinh khí cha mẹ, các duyên hòa hợp sinh mầm danh sắc. Cho nên danh sắc không có tự thể. Giống như cái chân giường nhờ nhau mà dùng. Ban đầu là Ca-la-la, hai là An-phù-đà, ba là cục thịt, bốn là cứng chắc, năm là các tế bào trương lớn, sáu là xúc lần lượt sinh pháp, nương nhau mà có không gọi là đoạn. Bồ-tát khéo hiểu rõ pháp nhân duyên nên biết là không. Vì nhân duyên không nên tất cả pháp không, hiểu pháp không, nên không có lỗi đoạn thường. Như trong Kinh Xuất Thai, Phật có nói bài kệ rằng:

*Tùy mượn danh tự,  
Mà được các pháp.  
Trong danh không pháp,  
Tức là chân thật.*

Vì vậy phi ngôn thuyết nên có pháp. Nếu tùy theo danh tự có các pháp thì pháp có nhiều thể. Giống như pháp không, không một không nhiều.

Hỏi: Nếu tất cả pháp là vô thể thì lời ông nói có lỗi vì hiện thấy có.

Đáp: Nếu pháp là có, nói không thì lỗi. Pháp đã chẳng phải có làm sao nói lỗi? Vì vậy các pháp như lúc đầu sau cũng vậy. Nếu các pháp nhất định có thể tướng, sau khi Niết-bàn phải là đoạn diệt. Nếu trước chẳng phải là không, sau nói không tức là tà kiến, phá hoại chính pháp, cũng không giải thoát. Như tôn giả Đề-bà có nói kệ rằng:

*Chẳng không mà thấy không,  
Ta phải được Niết-bàn.  
Tà kiến phi Niết-bàn,  
Đó là Như Lai nói.*

Các pháp vốn không, nên hằng thấy là không. Như quá khứ Phật thấy tướng không, nay cũng vậy. Cho nên tôi nói pháp nhân

duyên không, tức là không có lỗi. Như vậy trước lập đệ nhất nghĩa đế, sau phân biệt thể đế, ta và chúng sinh, tác với tác giả cho đến một khác tức không có lỗi. Như tôn giả Long Thọ có nói kệ rằng:

*Không nói phân biệt đế,  
Không được nơi thật đế.  
Nếu không được thật đế,  
Thì không được Niết-bàn.*

Lại nói kệ rằng:

*Chư Phật diễn thuyết pháp,  
Thường y nơi hai đế.  
Phân biệt nơi thể đế,  
Và với đệ nhất nghĩa.  
Nếu không thể phân biệt,  
Chân tục hai thánh đế.  
Như vậy là không biết  
Phật pháp nghĩa rất sâu.*

Cho nên nhân duyên pháp không, gọi là chân như. Thật tế pháp tính tức là tu tập đệ nhất nghĩa thiên. Thấy nhân duyên không, tức không giải thoát môn. Nếu thấy không, tức không thấy tướng các pháp. Đó gọi là vô tướng giải thoát môn. Thấy vô tướng nên không cầu sở nguyện. Đó gọi là vô nguyện giải thoát môn. An trụ ba môn giải thoát như vậy, chủng tử của thức trong ba cõi sẽ không sinh mầm danh sắc v.v... Thức không thủ trước, diệt khổ ba hữu. Ba hữu diệt nên được Niết-bàn tịch diệt. Như tôn giả Đề-bà có nói kệ rằng:

*Thức là nghĩa chủng tử,  
Du hành trong sáu xứ.  
Nếu thấy các trần không,  
Có mầm thì đoạn diệt.*

Hỏi: Bồ-tát độ không, ra khỏi sinh tử, sao có thể hơn Thanh Văn được ?

Đáp: Bồ-tát được lợi thế gian, lợi xuất thế gian, độ nhĩ diệm địa, cho nên tuy xuất thế gian có thể trụ thế gian giáo hóa chúng sinh. Thanh Văn không như vậy, sợ sinh tử, cầu mau diệt độ để ra khỏi thế gian, thấy ở trong pháp giới, thấy pháp giới rồi đến bờ Niết-bàn. Bồ-tát không như vậy. Bởi vì sao ? Bồ-tát thấy chúng sinh khổ khởi tâm đại bi, vì muốn độ chúng kiên trụ trang nghiêm, trong a-tăng-kì kiếp tu hành xuất thế gian đạo, trong khoảng khắc một niệm quán tất cả pháp giới, quán pháp giới rồi duyên chúng sinh nên không thủ quả chúng mới có thể độ thoát. Như Phật nói trong Kinh A Nậu Đại Trì: Ví như có hai người rơi từ đỉnh núi, một người có sức mạnh lại có phương tiện nhờ phương tiện khéo léo nên tuy rơi lại đứng dậy được lên đỉnh núi. Một người thiếu sức lại không phương tiện ở núi rơi không đứng dậy được. Bồ-tát trong pháp vô vi không chúng không đấm trước, như người có phương tiện tốt được lên đỉnh núi. Người Thanh Văn vì chúng mà đấm trước vô vi, như người thiếu phương tiện rơi mà không đứng dậy. Như người trưởng giả chỉ có một người con vì nghèo đói đi đến một xứ xa trải qua vài mươi năm. Về sau người trưởng giả ở một thành phố lớn nhà rất giàu có chứa nhiều châu báu, dần dần được sức làm mướn trở về nước cũ. Bồ-tát có vô lượng vô biên a-tăng-kì công đức đến bậc nhĩ-diệm hướng đến Niết-bàn, vì thương chúng sinh trở lại vào sinh tử trong a-tăng-kì kiếp chịu cần khổ lâu dài. Bồ-tát Ma-ha-tát thừa, đại khổ thừa, cầu vô thượng thừa không thể nghĩ bàn, vượt quá tất cả Thanh Văn Bích-chi-phật đầy đủ tất cả công đức trí tuệ. Cho nên siêu việt bậc nhĩ-diệm.

Sao gọi Bồ-tát thừa là đại khổ thừa ?

Ví như có người đi thuyền vào biển gặp cơn gió dữ mạnh sóng nổi như núi, gặp vô lượng tai nạn như vậy, những người đi thuyền

rất hoảng sợ. Bấy giờ thuyền trưởng là người phúc đức khéo léo giữ buồm đưa mọi người qua khỏi cơn tai nạn thu hoạch được nhiều trân bảo. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong biển sinh tử cũng như vậy, bị các ác tri thức không tin làm cho hướng đến đường ác, trong kiếp a-tăng-kì thứ nhất tu tịnh địa hạnh, cầu tịnh giải thoát, kiếp a-tăng-kì thứ hai tu tịnh thiên định hạnh, kiếp a-tăng-kì thứ ba tu tịnh trí tuệ hạnh, trừ chướng bậc nhĩ-diệm. Cho nên Bồ-tát thừa gọi là khổ thừa, đầy đủ mười bậc được không nghi không chướng, đầy đủ các hạnh, được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên do trí nhĩ-diệm được thành quả lớn.

### QUYỀN THƯỢNG HẾT



## LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA

### QUYÊN HẠ

#### Phẩm 2: BÀI BÁC VỀ LUẬN KHÔNG

Hỏi: Trước ông nói điều thuận thừa, đại khô thừa được quả báo tốt, cảnh giới Bồ-tát đạt được thật khó biết rõ.

Đáp: Hành xử của Bồ-tát vi diệu rất khó, trong ba kiếp a-tăng-kì mới có thể thành tựu. Vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp ở trong phàm phu không có pháp xuất thế. Như tôn giả Đề-bà có nói kệ rằng:

*Trong vô lượng ức kiếp,  
Ở địa vị phàm phu,  
Ngày nay ông phải biết,  
Đời sau cũng như vậy.*

Cho nên hành xử của Bồ-tát rất rộng lớn và cũng khó được. Chúng sinh tán loạn, được nghe là rất khó, nói được cũng khó huống nữa là tu hành. Như tôn giả Đề-bà có nói kệ rằng:

*Sinh gặp chính pháp khó,  
Được nghe cũng là khó.  
Sống chết tuy vô cùng,  
Mà nghe pháp có hạn.*

Hỏi: Tôn giả trước nói 10 địa, xin phân biệt giảng nói những gì là 10 địa của Bồ-tát.

Đáp: 1. Hoan hỷ địa. 2. Ly cầu địa. 3. Minh địa. 4. Diệm địa. 5. Nan thắng địa. 6. Hiện tiền địa. 7. Thâm viễn địa. 8. Bất động địa. 9. Thiện tuệ địa. 10. Pháp vân địa.

Sao gọi là hoan hỷ địa ? Vì thoát ra khỏi phàm phu, được xuất thế gian đạo không thể nghĩ bàn, tâm sinh vui mừng nên gọi hoan hỷ địa.

Sao gọi là ly cầu địa ? Vì xa lìa sự phá giới như bản nên gọi ly cầu địa.

Sao gọi là minh địa ? Vì dựa vào 12 môn thiền định được trí tuệ sáng suốt, nên gọi minh địa.

Sao gọi là diệm địa ? Vì được tăng thượng giác ý, phân biệt đạo phẩm, đốt cháy củi phiền não, rục rở công đức nên gọi diệm địa.

Sao gọi là nan thắng địa ? Vì tu tập 10 trí, tuy dè bẹp phiền não mà chưa thể thắng, nên gọi nan thắng địa.

Sao gọi là hiện tiền địa địa ? Vì có thể quán nghịch thuận 12 nhân duyên, được pháp hiện tiền, nên gọi hiện tiền địa.

Sao gọi là thâm viễn địa ? Vì yêu mến công đức trí tuệ của Phật, các tâm tuần tự không gián đoạn đi sâu vào pháp tướng nên gọi thâm viễn địa.

Sao gọi là bất động địa ? Vì lìa các sắc tướng v.v... vững chắc khó dao động nên gọi bất động địa.

Sao gọi là thiện tuệ địa ? Vì đi vào 4 tài biện luận, hiểu tất cả âm thanh, tùy theo chỗ hỏi chỉ trong sát-na đều có thể giải đáp nên gọi thiện tuệ địa.

Sao gọi là pháp vân địa ? Vì có thể tiếp thụ tất cả Phật pháp như đám mây lớn, có thể rưới cơn mưa pháp nên gọi pháp vân địa.

Như vậy gọi là đầy đủ 10 địa của Bồ-tát. Mười địa này là hành xứ, là nơi an trụ của Bồ-tát, cũng có thể đầy đủ trọn vẹn tất cả trí

tuệ, như có nói rộng trong Kinh Thập Địa. Nếu biết được 10 địa của Bồ-tát như vậy tức hiểu biết tốt chỗ an trụ hành xứ, cũng biết tốt chỗ công đức rộng lớn của Bồ-tát, cũng có thể biết tốt chỗ công đức rộng lớn vô lượng của Như Lai. Nếu không biết được như thế thì tôi chắc chắn rằng người này hoàn toàn không hiểu gì đối với pháp của Bồ-tát, pháp của Như Lai.

Bồ-tát Ma-ha-tát từ mới phát tâm cho đến 10 địa thường tu 4 hạnh, như Kinh Bảo Đảnh nói: Biết tốt hạnh vô minh, hạnh các Ba-la-mật, hạnh phán biệt đạo phẫm, hạnh thành thực chúng sinh. Bốn hạnh đó đều nhập vào 2 luân là phúc luân và trí luân. Bồ-tát địa có đầy đủ 2 thứ trí quả và phúc quả.

Hỏi: Thành tựu 2 quả như thế nào ?

Đáp: Phúc quả sơ địa làm vua Diêm-phù-đề. Phúc quả địa thứ hai làm chuyển luân thánh vương, chủ 4 thiên hạ. Phúc quả địa thứ ba làm trời Đế Thích. Phúc quả địa thứ tư làm Diêm-ma thiên vương. Phúc quả địa thứ năm làm Đâu-suất-đà thiên vương. Phúc quả địa thứ sáu làm Hóa lạc thiên vương. Phúc quả địa thứ bảy làm Tha hóa tự tại thiên vương. Phúc quả địa thứ tám làm Phạm thiên ngàn thế giới. Phúc quả địa thứ chín làm Phạm thiên 2 ngàn thế giới. Phúc quả địa thứ mười làm Tịnh cư thiên vương 3 ngàn đại thiên thế giới. Như Kinh Hoa Nghiêm có nói rộng Như Lai xuất sinh quả báo và nhiếp thụ thế giới gọi là phúc luân của Bồ-tát.

Thế nào là trí luân của Bồ-tát ?

Bồ-tát sơ địa trong khoảng một sát-na được một trăm Tam-muội thấy thần thông của trăm chư Phật, có thể qua một trăm cõi Phật, có thể động một trăm thế giới Phật, ánh sáng chiếu khắp một trăm thế giới của Phật, có thể thành tựu trăm chúng sinh, có thể biết một trăm kiếp quá khứ một trăm kiếp vị lai, có thể vào một trăm pháp môn, có thể hiện một trăm thân, rồi làm một thân, dùng một

trăm Bồ-tát trang nghiêm quyên thuộc. Nếu dùng nguyện lực còn quá hơn đây trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên cũng không thể tính toán thí dụ biết được. Hoặc thân lực, hoặc quang minh lực, hoặc thần thông lực, hoặc nhãn lực, hoặc thanh lực, hoặc hành lực, hoặc trang nghiêm lực, hoặc trụ trì lực, hoặc giải thoát lực tạo các thiện nghiệp gọi là Bồ-tát sơ trụ địa trong khoảng sát-na thành tựu vô lượng công đức như vậy. Bồ-tát trụ địa thứ hai được một ngàn Tam-muội rộng nói như vậy. Bồ-tát trụ địa thứ ba được 10 vạn Tam-muội, ngoài ra cũng nói rộng như sơ trụ. Bồ-tát trụ địa thứ tư được một ức Tam-muội, ngoài ra cũng nói rộng như sơ trụ. Bồ-tát trụ địa thứ năm được ngàn ức Tam-muội, ngoài ra cũng nói rộng như sơ trụ. Bồ-tát trụ địa thứ sáu được vạn ức Tam-muội, ngoài ra cũng nói rộng như sơ trụ. Bồ-tát trụ địa thứ bảy được ức trăm ngàn na-do-tha Tam-muội, ngoài ra cũng nói rộng như sơ trụ. Bồ-tát trụ địa thứ tám được 10 ba ngàn đại thiên thế giới số vi trần Tam-muội, ngoài ra cũng nói rộng như sơ trụ. Bồ-tát trụ địa thứ chín được 10 thế giới Phật, trăm ngàn a-tăng-kì số vi trần Tam-muội, các công đức khác cũng nói rộng như sơ trụ. Bồ-tát trụ địa thứ mười được 10 thế giới Phật không thể nói không thể nói ức trăm ngàn na-do-tha số vi trần Tam-muội, các công đức khác cũng nói rộng như sơ trụ, trong khoảng một sát-na cho đến thấy 10 thế giới Phật không thể nói không thể nói ức trăm ngàn na-do-tha số vi trần chư Phật, như sơ trụ Bồ-tát trong khoảng một sát-na thấy một trăm thế giới Phật cho đến thành tựu một trăm chúng sinh, Bồ-tát trụ địa thứ mười cũng vậy.

Hỏi: Như Phật nói, trong một thế giới không có 2 Phật xuất thế, làm sao Bồ-tát thấy 10 thế giới Phật không thể nói không thể nói ức trăm ngàn na-do-tha số chư Phật như vi trần ?

Đáp: Chư Phật nói trong một thế giới không có 2 Phật là vì các chúng sinh độn căn tiểu tâm chứ không vì lợi căn đại tâm mà nói. Cũng như trong kinh của ông nói một thế giới không có hai chuyển

luân thánh vương, không hai Phật xuất thế. Nhưng các 4 thiên hạ có rất nhiều chuyển luân thánh vương, chư Phật xuất thế cũng vậy.

Hỏi: Phật Thích-ca Mâu-ni cũng có thể biến khắp tất cả cõi Phật hà tất các Phật khác ?

Đáp: Nếu như ông nói chỉ một Phật có thể biến khắp tất cả thế giới thì không cần có quá khứ Đại Thích-ca Mâu-ni Phật, 7 Phật xuất thế được thành chính giác. Do đó tôi nói nhiều Phật là không có lỗi. Giả sử thần lực của Phật Thích-ca Mâu-ni có thể biến khắp tất cả thế giới khiến vô lượng các Bồ-tát rộng tu muôn hạnh, công đức đầy đủ đều sẽ thành Phật, không có riêng một người thành chính giác mà trở ngại các Bồ-tát không cho thành Phật là không có chuyện như vậy. Như A-hàm, Khô Thụ Pháp Luân và các kinh khác. Khi nói kinh này, có 60 Tì-kheo hết các lậu, ý hiểu đều được quả A-la-hán, các Bồ-tát cũng vậy công hạnh đều bằng nhau đồng thời thành Phật. Phải biết 10 phương có vô lượng chư Phật. Lại nữa Kim Sa, A-hàm 2 bộ kinh nói có Phật mới thành, có Phật hiện tại, có Phật diệt độ. Lại nữa nói kệ rằng:

*Quá khứ vô lượng Phật,  
Vị lai cũng như vậy.  
Và nay thành Phật thì  
Đều diệt hết sáu u.  
Tất cả pháp tôn trọng,  
Nay vốn đều tu hành.  
Vị lai cũng như vậy  
Pháp chính giác như thế.*

Đàm-vô-cúc-đa cũng nói kệ rằng:

*Đảnh lễ nhất thiết Phật,  
Bậc lậu tận vô thượng.  
Vô lượng các Phật thân,  
Bậc tối thắng chính giác.*

Nơi chính giác sở sinh,  
 Và đạt được Bồ-đề.  
 Chuyển bánh xe chính pháp,  
 Nhập Niết-bàn vô lậu.  
 Hoặc đứng hoặc kinh hành,  
 Hoặc Như Lai an tọa,  
 Nằm như sư tử vương,  
 Con nay đều kính lễ.  
 Trên dưới chư Thế Tôn  
 Phương chính và phương bàng,  
 Pháp thân với xá-lợi,  
 Kính lễ tháp chư Phật.  
 Phương Đông và phương Bắc,  
 Tại thế lưỡng túc tôn.  
 Tên Phật là Nan Thắng,  
 Phật ấy có nói kệ.  
 Nếu dùng kệ tụng này,  
 Thương xưng tán Thế Tôn  
 Trong trăm kiếp sinh tử  
 Sẽ không sa đường ác.

Như Phật vì tôn giả Mục-liên nói: Chẳng phải ông thoát thân  
 túc. Chỉ là Xá-lợi-phất dùng thần lực lấy y buộc vào tòa ngòai của Nan  
 Thắng. Như vậy Phật mà trong kinh ông tự nói như thế hướng Ma-ha-  
 diên biện minh chư Phật vô lượng vô biên bằng như pháp giới, đồng  
 với hư không giới. Các thế giới Phật đều có chư Phật. Bồ-tát sơ địa  
 thánh hành thanh tịnh tuy có kết sử mà không thể nhiều loạn. Bồ-tát  
 trụ địa thứ 7 không gọi là đoạn kết cũng không nói là có kết. Sao gọi  
 là không có kết không đoạn kết ? Vì không bị kết sử nhiều loạn nên  
 gọi không kết. Yêu thích công đức của Phật nên gọi có kết. Đây đủ  
 a-tăng-kì thứ 2 được địa thứ 8, đủ tất cả hạnh, không có sở tác, hết tất  
 cả kết sử nên được thành Bồ-đề, ở không tính trụ được diệt tận định

như A-la-hán được tịch diệt vô dư, lia sinh tử được 10 tự tại. Mười tự tại là: thọ mạng tự tại, đắc tâm tự tại, chúng cụ tự tại, tác nghiệp tự tại, sinh xứ tự tại, giải thoát tự tại, thần thông tự tại, nguyện tự tại, pháp tự tại, trí tự tại. Được tự tại như vậy khéo tu như ý túc cho nên hàng phục 4 ma. Bốn ma là : ám ma, phiền não ma, tử ma, thiên ma. Vì chúng sinh nên thấy đều một vị được vô duyên từ, giống như ngọc như ý, như cây thuốc tùy sở nguyện của chúng sinh đều cho thành tựu.

Hỏi: Sao Bồ-tát tự thân tác nghiệp có thể khiến chúng sinh được tùy nguyện ?

Đáp: Bồ-tát lấy từ tâm làm thể, giống như thấy độc mà có thể sát nhân. Chúng sinh thấy Bồ-tát nên liền được lợi ích.

Hỏi: Bồ-tát trụ địa thứ 8 đã hết kết sử, sao thân sau cùng Bồ-tát sinh La-hầu-la ?

Đáp: Thật như đã nói. Nếu thân sau cùng Bồ-tát thật có dục thì cho đến không được Phật hưởng chi La-hầu-la.

Hỏi: Sao không Phật ?

Đáp: Nếu hủy giới không Thi Ba-la-mật. Nếu không Thi Ba-la-mật thì không có các Ba-la-mật. Như Phật đã nói: Nếu không giới thì không có thí, không thí thì không nhẫn, không nhẫn thì không tinh tiến, không tinh tiến thì không thiên định, không thiên định thì không trí tuệ, không trí tuệ thì không tất cả các công đức, không tất cả các công đức thì không Phật, không Phật thì không La-hầu-la. Sao ông nghi sinh La-hầu-la là có kết ? Bồ-tát trụ địa thứ 8 không kết, không có các phiền não như A-la-hán, dùng sức phương tiện nên hiện thụ ngũ dục làm các tội ác, bỏ địa vị chuyển luân vương trong 4 thiên hạ khiến tâm chúng sinh được tâm chán lìa. Như Tì-kheo Ta-lưu-chi nói bài kệ bản hạnh của Phật:

*Một thân làm nhiều thân  
Đã làm rất thù thắng.*

*Chẳng thật cũng chẳng hư,  
 Mỗi mỗi đều vui mừng.  
 Buông bỏ ý sinh dục,  
 Do cường tráng cuồng loạn.  
 Hiện đồng hành nơi dục,  
 Dẫn khiến đến bờ kia.  
 Thiền trí đốt diệt hết,  
 Các kết sử cõi Dục.  
 Dục kết rất điên cuồng,  
 Thị hiện được nơi tâm.*

Bồ-tát quán cái dục biết như ảo mộng, cho nên lấy đó khiến chuyển tâm ý. Bồ-tát đại bi làm các ảo thuật mà giáo hóa tâm ý.

Hỏi: Thế nào là làm ảo thuật này đánh lừa chúng sinh ?

Đáp: Bồ-tát thường dùng 4 nhiếp pháp phương tiện giáo hóa tất cả chúng sinh đồng sự lợi ích. Để phá kết sử nên như Sí Thiêu Bồ-tát bản sự nhân duyên bởi dục làm cuồng tâm vác tử thi chạy la múa hát. Bồ-tát phương tiện thị hiện như thế kia để trừ mối hoạn lửa dục bốc cháy của người đàn bà kia, nên hiện đồng sự không gọi là vọng ngữ. Tất cả Bồ-tát phương tiện đồng sự đều không phải vọng ngữ. Huyền thuật thế gian có chút lợi ích là Bồ-tát được vô lượng giải thoát như huyền Tam-muội môn. Những việc ra làm có thể đem lại lợi ích thành tựu chúng sinh cho nên không có lỗi.

Hỏi: La-hầu-la là ứng hóa hay là thật ?

Đáp: Cả hai đều không lỗi. Thân Bồ-tát là thân trời. Như Kinh Bản Khởi nói: Phật bảo A-nan: Như Lai vì chúng sinh nên xuất hiện ra đời, không dùng thân trời mà chuyển pháp luân. Bởi vì sao ? Vì muốn khiến chúng sinh không biếng nhác. Phật dùng thân trời được thành chính giác không phải phàm phu chúng ta có thể thành được. Cho nên đáng thiên trung thiên vì thương chúng sinh mà xuất hiện thế



gian có cha mẹ vợ con thân quyến. Nếu là huyễn hóa mà có La-hầu-la cũng không có lỗi, nếu thật là người cũng không có lỗi. Phương tiện của Bồ-tát được giải thoát không thể nghĩ bàn, trụ nơi đại địa thành trụ chúng sinh cùng nhau hóa sinh cha mẹ anh em vợ con.

Hỏi: La-hầu-la là Bồ-tát chăng ?

Đáp: Không chỉ riêng La-hầu-la là Bồ-tát, các đồng tử dòng họ Thích ở thành Ca-tì-la-vệ như A-nan-đà, Đề-bà-đạt-đa, A-nâu-lâu-đa v.v... đều là đại lực Bồ-tát không thoái chuyển. Như Bà-la-lâu-chí có nói kệ trong Kinh Bản Hạnh như sau:

*Hoặc là đại trượng phu,  
Hoặc là do Phật hóa,  
Như Đề-bà-đạt-đa  
Là đồng bạn Đại tiên.  
Hoặc lại là cha con  
Hay thường làm quyến thuộc.  
Bồ-tát có sức lớn  
Hay quyền biến như thế.  
Với Phật và người khác,  
Bồ-tát các Đại tiên  
A-nan và Nan-đà,  
Na-luật, Thích-ma-nam,  
Bạt-đà với Chất-sa,  
Và Ưu-ba-chất-lê ...  
Làm cha con quyến thuộc,  
Đều cùng chung quây quần.*

Hỏi: Đề-bà-đạt-đa trong 5 trăm thân thường làm đại oán của Bồ-tát, sao lại gọi là Bồ-tát ?

Đáp: Đề-bà-đạt-đa không phải kẻ oán của Phật. Bởi vì sao ? Nếu Đề-bà-đạt-đa là kẻ oán của Phật, Bồ-tát tu thiện Đề-bà-đạt-đa

thường tạo các ác làm sao đời đời được cùng Bồ-tát gặp nhau ? Chính vì nghĩa đó Đề-bà-đạt-đa chẳng phải kẻ oán của Bồ-tát. Ví như 2 người cùng đi, một người đi về hướng Đông một người đi về hướng Tây quay lưng với nhau làm sao cùng nhau gặp gỡ ? Nếu Đề-bà-đạt-đa là kẻ oán của Bồ-tát thì Như Lai Thế Tôn phải có lỗi lớn.

Hỏi: Có lỗi gì vậy ?

Đáp: Nếu vậy Phật chẳng phải nhất thiết trí, cũng không có thần lực, là ngu si thì không thể ủng hộ chúng sinh được, chẳng phải thân kim cương Như Lai phải có dư nghiệp không thể đoạn hết.

Sao biết Phật chẳng phải nhất thiết trí ? Như Lai khi ở trong núi Kì-xà-quật bị Đề-bà-đạt-đa xô đá đè mà không hay biết, cho nên biết Như Lai chẳng phải nhất thiết trí.

Sao gọi là không có thần lực ? Đề-bà-đạt-đa cầm chày đánh muốn làm hại mà không ngăn chặn được, cho nên biết là không có thần lực.

Sao gọi là ngu si ? Hiện thấy kẻ hại đến mà không biết tránh, cho nên biết là ngu si.

Sao gọi là không thể ủng hộ chúng sinh ? Đề-bà-đạt-đa tạo tội ngũ nghịch mà không cứu độ, cho nên biết không thể ủng hộ chúng sinh.

Sao gọi là chẳng phải thân kim cương ? Chuyển luân thánh vương ít phúc báo mà không bị oán hại huống chi Như Lai. Chuyển luân vương bị đá đè thấy thân chảy máu, cho nên biết Như Lai chẳng phải thân kim cương.

Sao gọi là có dư nghiệp không thể đoạn hết ? Bị người đánh, cho nên biết Như Lai dư nghiệp chưa hết. Nếu muốn khiến Phật không có lỗi ấy, Như Lai phải diệt hết oán địch, chỉ dùng phương tiện khéo léo muốn khiến chúng sinh khởi tâm chán ghét hiện làm nghịch

hại đọa vào địa ngục. Muốn hiển thị nghiệp báo không thể mất nên lại muốn làm cho những kẻ đọa địa ngục quy y Như Lai xin Phật cứu hộ. Lại vì đời sau những người hào quý vào trong Phật pháp, nếu có người cậy thế lực lại dùng roi gậy đánh người, khiến các chúng sinh này nghĩ rằng thân Như Lai còn bị hủy hại huống chúng ta phàm phu phúc mỏng. Ông nói nghịch tội chỉ là Bồ-tát khéo quyền phương tiện. Nghịch tội như vậy tên tuy có 5 mà thật có 2: phá tăng, hại Phật. Các nghiệp như vậy thế gian không có. Đề-bà-đạt-đa là Bồ-tát Đại Tân-già-la vì để ngăn chúng sinh khởi tội nghịch nên hiện làm 2 nghiệp đọa vào địa ngục. Bồ-tát Ma-ha-tát tùy chỗ nên làm để hóa chúng sinh cho đến hiện đồng ma nghiệp khiến ma Ba-tuần dùng 3 ngọc nữ hiện hiện tướng không dục của Như Lai, lại mưa đao kiếm độc nhọn giáo dài để hiện hiện tướng không giận dữ của Như Lai, cũng không có tướng ngu si tham ái.

Hỏi: Ý của thiên ma đến là muốn phá hoại tâm chính giác của Như Lai, sao ông nói hiển hiện đức tính không tham sân của Như Lai ?

Đáp: Không phải để ngăn cản. Bởi vì sao ? Nếu Như Lai xuất quá mà còn bị ma ngăn cản, Đại Phạm thiên vương cũng xuất ma giới sao không ngăn cản Bồ-đề ? Đó là diệu quả của đạo không ai có thể đoạt được cũng không ai cho được, cho nên không thể phá hoại. Nói ma nhiều loạn có 2 nghĩa. Những gì là 2 ? Một là thật có ác nghiệp bị ma khuấy nhiễu. Hai là vì xúc tiến kẻ tân học khiến tâm kiên cố nên làm ma bức hiếp để thử thách. Kỳ thật là Bồ-tát chân thiện tri thức hiện làm ma đến tăng ích công đức. Ví như đường đi vì sợ nên gắng đi nhanh vượt qua hiểm nạn, như con bò khôn chỉ một chút roi vọt đã tốt rồi.

Hỏi: Thiên ma cũng có là Bồ-tát ư ?

Đáp: Chẳng phải chỉ ở thế giới này có ma là Bồ-tát, 10 phương thế giới có nhiều ma vương là Bồ-tát. Như trong Kinh Duy-ma-cật có

nói: Mười phương thế giới những người làm ma vương nhiều người là Bồ-tát trụ bất tư nghị giải thoát, có thể xin tay chân đầu mắt tùy nã. Nói vậy họ đều là Bồ-tát trụ bất tư nghị giải thoát ? Bởi vì sao ? Nếu chẳng phải Bồ-tát chưa làm nổi việc ấy. Ví như bước đi của con voi, con lừa không thể bì kịp. Duy chỉ các Bồ-tát có thể thực hành, như trong đó có nói rộng. Do ý nghĩa ấy phải biết Bồ-tát biết rõ các hành vi của chúng sinh, vì muốn hiển thị sức phương tiện trí tuệ công đức nên hoặc hiện làm kẻ sát hại kẻ đi xin.

Hỏi: Nếu La-hầu-la thật sự là Bồ-tát sao lại nói là Thanh Văn A-la-hán ?

Đáp: Bồ-tát cũng gọi là Thanh Văn, cũng gọi là A-la-hán. Bởi vì sao ? Vì khiến tất cả chúng sinh nghe A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nên gọi là Thanh Văn. Ứng thụ cúng dường trong tất cả trời người A-tu-la nên gọi là Ứng cúng. Bồ-tát Ma-ha-tát vì hóa độ chúng sinh nên hiện làm Thanh Văn A-la-hán.

Hỏi: Các Thanh Văn khác cũng là Bồ-tát chăng ?

Đáp: Các Thanh Văn khác cũng có vị là Bồ-tát, như trong Kinh Pháp Hoa, Xá-lợi-phất v.v... 5 trăm đệ tử đều là Bồ-tát đều sẽ thành Phật. Tất cả Thanh Văn đều là Bồ-tát A-bệ-bạt-trí như trong Kinh Bất Thoái Chuyển Pháp Luân có nói rộng. Cho nên phải biết Bồ-tát đều hiện làm Thanh Văn.

Hỏi: Tất cả Thanh Văn đều thành Phật chăng ?

Đáp: Thanh Văn thành Phật, nói thế cũng không lỗi.

Hỏi: Sao là không lỗi ?

Đáp: Trước đoạn kết chương, sau đoạn trí chương, tu trị sạch các địa, hướng đến nhất thiết trí. Cho nên là không lỗi.

Hỏi: Thiêu diệt kết sử như mầm lúa cháy, sao thành Phật được ?

Đáp: Nếu như ông nói đoạn diệt kết sử không được thành Phật, vậy ông và tất cả chúng sinh đều đủ các phiền não tức phải là Phật rồi ? Nếu ý ông bảo người đủ phiền não không phải là Phật thì người lìa phiền não phải là Phật chứ ? Ông nói đốt cháy phiền não kết, như mầm lúa cháy mà không thành Phật, cũng không có chỗ đó. Tôi không muốn khiến cho đầy đủ giống phiền não sinh mầm Phật pháp. Ông ngu si vô trí, hiểu điên đảo mới bảo phiền não là giống Phật pháp. A-la-hán ban đầu đoạn phiền não, sau trừ trí chướng tu đạo Bồ-đề được thành chính giác. Trong số A-la-hán có vị đoạn một ít trí chướng, có vị không đoạn, có vị được Vô tránh Tam-muội, có vị không được Vô tránh Tam-muội, có vị được 5 thần thông, có vị không được 5 thần thông, có vị được 4 biện, có vị không được 4 biện, có vị được xuất nhập thiền tự tại, có vị không được xuất nhập thiền tự tại. Bởi vì sao ? Vì không đoạn tất cả trí chướng.

Hỏi: Sao gọi là trí chướng ?

Đáp: Vô minh xuất thế gian gọi là trí chướng. Như trong Ta-la-lu-chi Bản Hạnh có nói kệ rằng:

*Vô minh có 2 thứ,  
Thế gian, xuất thế gian.  
Thế gian vô minh hành,  
Hiền thánh đã lìa xa.  
Ngu si không hiểu rõ,  
Không biết được như thật.  
Y chỉ tâm thức này,  
Pháp giới các chỗ hiểm.  
Chưa đến được bản nguyên  
Làm sao quyết định xuất ?  
Pháp thân chứng Niết-bàn,  
Duy chỉ Phật biết được.*

Phật Bà-già-bà mới có thể biết được thể tính trí tuệ đó, và đại bi đoạn kết đó là trí chướng sở đoạn của Thanh Văn. Thanh văn có 2 thứ: một là người độn căn thì siêng tu thiên định, hai là người lợi căn thì hồi hướng Bồ-đề có thể đoạn trí chướng. Người chỉ ưa thích hành thiên, như Kinh Bảo Lương nói giống như thủy tinh không thể thành ngọc báu ma-ni, Thanh Văn tu thiên cũng như vậy, hoàn toàn không thành quả Bồ-đề. Đây là cảnh giới chư Phật, chẳng phải chúng ta có thể biết được.

Một thừa nhiều thừa, nay chỉ nêu sơ lược ý nghĩa để rõ điều Phật dạy không trái nghịch nhau với những gì ta chưa rõ. Ví như có trường giả đi xa mệt nhọc hiện làm hóa thành. Trong kinh này nói chỉ có một thừa, thật không có ba. Phật cũng tự nói chỉ có một thừa không có hai ba.

Hỏi: Như Lai hành pháp gì đoạn được kết sử mà thành Phật ?

Đáp: Trong kinh có nói: Phật bảo A-nan người có thể tu tập 4 như ý túc, hoặc trụ một kiếp, hoặc trụ nhiều kiếp mới hết sinh tử. Tất cả các kinh đều nói như vậy. Nếu ông nói không phiền não thì tôi cũng vậy. Nếu có thân ái tin nơi tôi, tôi sẽ nói cho ông.

Hỏi: Thế nào là trụ thọ ?

Đáp: A-la-hán không phiền não đồng với Bồ-tát trụ địa thứ 8, khéo tu như ý túc nên có thể tùy ý trụ thế cho đến hết sinh tử. La-hầu-la, Tân-đầu-lư v.v... tận trụ ở đời.

Như vậy là lấy thân này trụ thế hay lại trụ bằng thân khác ? Nếu dùng thật thân này trụ ở đời là vô nghĩa. Nếu biến hóa thân trụ thọ nhiều kiếp thì có điều đó. Cũng như trong Tăng-kì nói Thanh Nhãn Như Lai v.v... vì giáo hóa Bồ-tát nên trụ ở trời Quang Âm cùng với các chúng Thanh Văn vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. Như trong cõi trời kia Thanh Văn trụ thọ nhiều kiếp thì biết ở cõi này cũng có Thanh Văn có thể trụ thọ như vậy. Thanh Văn không kết, có thể trụ thọ như vậy, thì biết Bồ-tát địa thứ 8 cũng có thể tận sinh tử trụ như vậy.

Hỏi: Phật nói Bồ-tát Di-lặc nhất sinh bồ xứ, do đó biết rằng Bồ-tát cũng có sinh, sao được gọi là vô sinh ?

Đáp: Nói có sinh, là pháp hý luận. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng sức phương tiện thị hiện thụ sinh chẳng phải chân thật. Như Duy-ma-cật bảo Bồ-tát Di-lặc: Không có cái sinh nào có thể có được, sao Như Lai thụ ký cho nhân giả là một đời sẽ được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ? Vạy đời đó là đời quá khứ hay đời vị lai hay đời hiện tại ? Nếu quá khứ sinh thì đời quá khứ đã diệt, vị lai sinh thì đời vị lai chưa đến, đời hiện tại cũng không trụ, cho nên nếu quán quá khứ vị lai hiện tại sinh đều không thể được. Cho nên tôi nói Bồ-tát trụ địa thứ 8 trong kiếp a-tăng-kì thứ 2 hết các hạnh hữu tác, trụ hạnh vô tác như A-la-hán đoạn kết sử mà nói kệ rằng:

*Từ sơ phát ý đến,  
 Phương tiện hành các địa.  
 Đến được địa thứ 8,  
 Tự tại hết các kết.*

### **Phẩm 3: THUẬN TU CÁC HẠNH**

Hỏi: Như trước đã nói Bồ-tát địa thứ 8 khéo đoạn phiền não tất cả kết sử, làm sao thành Phật được nhất thiết trí ?

Đáp: Bồ-tát Ma-ha-tát trừ các ác của thân, tịch diệt kết sử, lìa khỏi sinh tử du hý tự tại, kim cương lực sĩ thường theo hộ trợ, được thân kim cương thanh tịnh. Như trong Kinh Như Lai Tạng có nói rộng: Được 4 biện trí, tịnh trị địa thứ 9, trong 2 ngàn Phạm chúng được sức tự tại có thể giỏi thuyết pháp làm đại pháp sư, có thể nhập vào tạng bí mật của Như Lai, tịnh trị địa thứ 10 được vô lượng vô biên cấm chú phương thuật có thể khiến tất cả tự tại vô ngại, làm Ma-hê-thủ-la thiên tử, cũng làm y chỉ cho tất cả thế gian.

Hỏi: Nói Ma-hê-thủ-la là đồng với Ma-hê-thủ-la của thế gian hay khác ?

Đáp: Là Tịnh cư Tự tại, chẳng phải thế gian Tự tại. Ông nói Ma-hê-thủ-la tên gọi tuy đồng nhưng người không phải một. Có Tịnh cư Ma-hê-thủ-la, có Tì-xá-xà Ma-hê-thủ-la, Tịnh cư kia như là Bồ-tát gần với Phật địa như chỉ cách một màn the mỏng. Trong khoảng một sát-na có thể biết rõ số pháp như vi trần trong 10 phương thế giới, có thể dùng miệng thổi động 10 phương thế giới, lại dùng một thân biến khắp tất cả cõi Phật, cũng như hoàng thái tử khi mới thụ chức, vì đã có nghiệp lực nên tự nhiên hóa ra hoa sen báu lớn, thụ địa vị nhất thiết chủng trí, ngồi vương tòa hoa sen báu có vô lượng Bồ-tát cũng ngồi trên hoa sen vây quanh, ngồi hoa sen báu rồi chư Phật 10 phương thế giới phóng chiếu ánh sáng lớn, Bồ-tát này thụ quán đảnh vị, như khi người con trưởng của chuyên luân thánh vương thụ vương vị. Thụ quán đảnh rồi ngay nơi tòa ấy đoạn trừ chướng của vi tế trí cảnh, được Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, Tì-lăng-nghiêm Tam-muội, Pháp hoa Tam-muội, được tất cả Bảo pháp quyết định Tam-muội, Bất khả tư nghị giải thoát Tam-muội, Thậm thâm vô úy hải thủy Tam-muội, Vi diệu thanh tịnh ly cấu Tam-muội, các pháp bình đẳng vô ngôn thuyết Tam-muội, cho đến Kim cương Tam-muội. Được các Tam-muội như vậy rồi, hoàn toàn không chướng ngại, thỏa mãn tất cả các hạnh, biết tất cả trí cảnh thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thành chính giác rồi được Như Lai 10 lực, được 4 biện trí, 18 pháp không chung, có thể biến khắp đến tất cả cõi Phật, được pháp thân bất hoại của chư Phật biến mãn tất cả pháp giới, tất cả nghiệp tướng của thân khẩu ý đều diệt trừ hết, được chỗ vô vi tịch diệt.

Bước lên địa vị Như Lai có 2 nhân duyên: một là hiển hiện sắc thân trong tất cả thế gian đều lấy bản nguyện vô tác nghiệp lực, hai là vì chúng sinh phân biệt tướng khác nên có thể làm các sắc tượng thấy đều ứng. Đó gọi là pháp thân vô ngại của Như Lai.



Hỏi: Như trong kinh nói từ mới xuất gia có thể trụ Phật pháp gọi là pháp thân ?

Đáp: Việc này không đúng. Nếu ông lấy đó là pháp thân, duy chỉ pháp, không Phật thì không có tam quy. Nếu muốn khiến đủ 3 quy y thì bắt đầu từ sơ địa cho đến địa thứ 10 ở trời Tịnh cư thành chính giác ứng hóa tự tại gọi là pháp thân đầy đủ Tam bảo.

Hỏi: Nếu cho như vậy là pháp thân thì hư dối không thật. Bởi vì sao ? Như Lai đầy đủ công đức, bỏ trời Đâu-suất xuống Diêm-phù-đề sinh vào vương cung ở thân sau cùng được thành Bồ-đề, sao nói nơi trời Tịnh cư được thành Phật đạo gọi là pháp thân ?

Đáp: Không phải Diêm-phù-đề thành Phật. Công đức 10 địa không phải là pháp của Dục giới, hưởng chi được thành chính giác nơi Diêm-phù-đề. Trước tôi đã chẳng nói Bồ-tát trụ địa thứ 8 đã hết tất cả kết lậu, có thể làm Phạm vương một ngàn thế giới, Bồ-tát trụ địa thứ 9 làm Phạm vương 2 ngàn thế giới, Bồ-tát trụ địa thứ 10 làm Phạm vương 3 ngàn đại thiên thế giới. Vì sức thệ nguyện nên sinh trời Tịnh cư là có như vậy, còn ở nơi Diêm-phù-đề thật thân thành Phật thì chẳng phải nghĩa đó. Vì ý nghĩa đó phải biết là Tịnh cư thiên thành Phật chẳng phải là Diêm-phù-đề sao ?

Hỏi: Giả sử sinh nơi Diêm-phù-đề được thành Phật cũng có thể được tự tại trong 3 ngàn đại thiên thế giới ?

Đáp: Việc này không đúng. Bởi vì sao ? Quả báo phúc đức quyết định có nơi. Vì ông không biết nên nói như thế. Nếu Phật Thích-ca Mâu-ni sinh nơi Diêm-phù-đề được tự tại trong 3 ngàn đại thiên thế giới thì cũng phải tự tại trong tất cả 10 phương thế giới.

Hỏi: Dầu cho khiến 10 phương đều tự tại thì có lỗi gì ?

Đáp: Nếu vậy chỉ là một thế giới Phật. Mười phương chư Phật thì không y quả. Lại nữa như các kinh nói đều gọi Thích-ca Như Lai

vương lãnh 3 ngàn đại thiên thế giới, không nói cho đến 10 phương thế giới. Nếu như ông nói thì không nhân quả. Như trong kinh nói: Chư Phật xuất thế, quốc độ chúng sinh đều là y báo, đều có giới hạn. Cho nên phải biết tại trời Tịnh cư thành chính giác, lãnh 3 ngàn đại thiên thế giới chứ chẳng phải Diêm-phù-đề.

Hỏi: Nếu Phật chẳng phải thành chính giác ở Diêm-phù-đề thì 4 tháp của Như Lai là không lợi ích

Đáp: Tôi trước đã chẳng nói sao ? Nếu bởi nhân duyên kết sử mà thụ thân thì không thành đạo, không Thi Ba-la-mật. Nếu không Thi Ba-la-mật thì không các Ba-la-mật. Nếu không các Ba-la-mật thì không Phật. Nếu không Phật thì không 4 tháp.

Hỏi: Điều ông nói đều phi nghĩa lý. Bởi vì sao ? Luận sư các bộ đều nói tất cả chư Phật đều từ Diêm-phù-đề xuất sinh, Thích-ca Như Lai sinh ở vườn Lâm-di-ni, tại thành Già-da ngôi nơi đạo tràng thành đấng chính giác, chuyển pháp luân ở Ba-la-nại, nhập Niết-bàn ở thành Câu-thi-na. Cho nên lời ông nói không đúng.

Đáp: Việc đó không phải như vậy. Bởi vì sao ? Ý tôi không muốn khiến các Như Lai ở đây mà xuất sinh tại trời Thủ-đà-hội mà thành chính giác. Nếu Thủ-đà-hội thành chính giác thì không có sinh vương cung cũng không xuất gia cũng không thành đạo. Bởi vì sao ? Nếu vậy Như Lai không có thân tộc cũng không nơi sinh cũng không có diệt. Như Kinh Pháp Hoa, Kinh Trí Chiếu, Kinh Như Lai Xuất Sinh đều có nói rộng Như Lai không sinh không diệt. Ca-diếp cũng tự nói rằng: Tôi y nhất thiết chủng trí xuất gia. Phải biết nghĩa này tức là thị hiện Như Lai không sinh trong kim quan mà đưa chân ra cho Ca-diếp được chiêm lễ là rõ ràng Như Lai không diệt. Cho nên phải biết pháp thân Như Lai không sinh không diệt.

Hỏi: Như Lai đều không chút sinh diệt nào chẳng ?

Đáp: Tôi nay y theo lý nói một cách đúng đắn rằng Như Lai thật không sinh diệt, chẳng phải hư vọng. Như Lai chỉ dùng phương tiện thị hiện sinh diệt, là điều không thể nghĩ bàn vì hóa độ chúng sinh. Như trong Kinh Tu Lại, Phật nói: Ta ở thế giới Ta-bà nếu hiện thật thân thì không có một người thụ giáo hóa của ta. Cho nên chỗ này rất thậm thâm, cũng là bí mật, cũng gọi hiển hiện đều vì chúng sinh hạ căn trí tuệ cạn cợt không thể biết được pháp thậm thâm, cho nên phương tiện hiện ra việc này mà dùng kệ tụng rằng:

*Đại thừa rất sâu rộng,  
Hiển hiện dễ khả thuyết.  
Độn trí tâm yếu kém  
Nghe thì sinh kinh nghi.  
Đích thị là con Phật  
Biết được kia rất sâu  
Nay mới chân thật nói  
Chỉ vì người cầu Phật.  
Thành tựu nơi nhị thừa,  
Nhân thiên các lợi căn  
Thụ phúc nhờ thừa này  
Gọi là Đại thừa đạo.  
Đại thừa năng xuất sinh  
Thanh Văn Duyên Giác đạo.  
Nếu ngăn Đại thừa thì  
Làm sao được các quả ?  
Giống như chữ và sách,  
Bỏ sách không có chữ.  
Nếu lìa Ma-ha-diễn  
Cũng không tất cả thừa.  
Người độn căn thiếu trí  
Không tin tưởng Đại thừa.*

*Vì không thể tin nên  
 Không có tất cả thừa.  
 Tự lợi mà lợi tha,  
 Gọi là vô thượng thừa.  
 Cho nên phải thân cận  
 Cho đến thành Phật đạo.*

Nghĩa này rất sâu khó có thể hiển hiện không nên cứ mỗi mỗi vì người mà nói.

Hỏi: Tuy không nói được tất cả mọi chỗ nhưng nên vì người hiểu được mà nói. Nếu phát đại tâm tăng trưởng trí tuệ nên vì người ấy phân biệt đầy đủ như trước đã nói.

Đáp: Có 4 điều không nghĩ bàn là Phật không nghĩ bàn, thiên định không nghĩ bàn, long thần không nghĩ bàn, nghiệp báo không nghĩ bàn. Phật không nghĩ bàn nên rõ hiện pháp chỉ có chúng sinh lợi căn, từ Phật Lô-xá-na đến nay các pháp nói ra đều kham thụ.

Hỏi: Sao được từ Phật ấy làm tuần tự cho đến nay ư ?

Đáp: Pháp thân Như Lai có 4 phương tiện để hóa độ chúng sinh. Những gì là 4 ? 1. Đa-đàn-đa-la-ba-la-tì-địa. 2. Đa-đàn-đa-la-ni-tì-trí. 3. A-đản-đa-ba-la-tì-trí. 4. A-đản-đa-la-tì-trí ( Bốn thứ thâm diệu này, tiếng Hán không có để dịch nên còn nguyên văn tiếng Phạn ).

Hỏi: Nếu pháp thân Như Lai thường tịch diệt vô tướng vô vi, làm sao tùy thuận hữu tướng được ?

Đáp: Vì do sức bản nguyện. như Tì-kheo nhập diệt tận định tuy không tâm tướng, vì trước hết tâm là chủ yếu, nếu đánh kiên chùy tiếng phát ra đến tai, theo tiếng phát ra liền được xuất định. Bồ-tát cũng vậy phát tâm Bồ-đề sức bản thể nguyện nếu khiến ta được pháp thân tịch diệt, bấy giờ tâm thức tuy vô tướng nhưng vì dùng sức vô tác giáo hóa chúng sinh, cho nên pháp thân vô tướng của Như Lai có thể ứng hiện khắp tất cả mà tùy thuận hữu tướng. Như 3 ngàn đại

thiên thể giới, trăm ức trời Đâu-suất, trăm ức trời Diệm-ma đều đồng thời thị hiện sắc thân. Hiện sắc thân rồi hoặc lại xả thọ mạng, hoặc hiện nhập thai, hoặc hiện sơ sinh, hoặc làm Thích Phạm Tử thiên vương v.v... tiếp sự hai bên, hoặc hiện đi 7 bước, hoặc hiện tiếng rống sư tử, hoặc tự nói tôn quý nhất trên trời và trong cõi người thân sau cùng dứt sinh già bệnh chết, hoặc hiện đồng tử, hoặc hiện vào cung, hoặc hiện xuất gia, hoặc hiện khổ hạnh, hoặc hiện ngồi đạo tràng, hoặc hiện hàng ma, hoặc hiện mới thành Phật, hoặc hiện giác ngộ chúng sinh, hoặc hiện thành Phật đã lâu, hoặc hiện Đế Thích Phạm thiên thỉnh chuyển pháp luân, hoặc hiện chúng sinh thành thực không thành thực, hoặc hiện độ thoát người đã thành thực, hoặc hiện sẽ nhập Niết-bàn, hoặc hiện đã nhập Niết-bàn, hoặc hiện Diệm-phù-đề toàn thân xá-lợi phân thân xá-lợi, hoặc hiện từ Đâu-suất xuống, cho đến hiện độ thoát chúng sinh thành thực tùy ứng chỗ thấy đều được hiện hình, hoặc lại thường thường thị hiện, hoặc lại tạm thời thị hiện, nói như vậy gọi là chân thật nghĩa.

Hoàn toàn không 3 kiếp a-tăng-kì tu hành các Ba-la-mật mà thành 40, 50 quả liền diệt hết ư ? Sao nói nhân như núi Tu-di-chỉ-la v.v... quả như một phần vi trần của hạt cải ? Cho nên điều ông nói là điên đảo. Như trong pháp của tôi mới có thể khiến nhân như hạt cải quả như núi lớn Tu-di-chỉ-la. Đây hợp với nghĩa này. Cho nên nhân 3 a-tăng-kì được hết tất cả quả báo sinh tử, pháp thân thường còn ứng hóa chúng sinh. Như phẩm thọ lượng trong Kinh Pháp Hoa nói rõ. Cũng như nói trong phẩm thụ ký Văn-thù-sư-lợi: Sao gọi là Đa-đần-đa-la-ni-tì-trí ? Như Phật nói: Ta làm Phật sự đã xong báo các Tì-kheo giờ Niết-bàn của ta đã đến. Cũng vậy, 10 phương chư Phật cũng vậy, vì hóa độ chúng sinh nên nói lời như vậy, kỳ thật không diệt. Tất cả cõi Phật thân thông biến hóa đều bằng như pháp giới hư không. Cho nên phải biết pháp thân là thường, sắc thân ứng hóa nên vô thường. Nếu dùng sắc thân mà quán sát Phật, không gọi là thấy Như Lai. Như Phật có nói bài kệ rằng:

*Nếu lấy sắc thấy Phật,  
 Âm thanh cầu Như Lai,  
 Là người hành tà đạo  
 Không gọi là thấy Phật.*

Chính vì nghĩa đó, lấy pháp thân quán Phật là chân thật thấy Như Lai. Như Tì-kheo-ni Liên Hoa thấy sắc thân Phật, liền có ý nghĩ rằng ta là người thấy Phật trước tiên. Phật nói: Người không thấy ta trước tiên. Chỉ Tu-bồ-đề biết pháp thân đã thấy ta trước tiên. Cho nên phải biết rằng ở bậc thập trụ gọi là thấy pháp thân. Nếu lễ pháp thân tức lễ tất cả sắc thân. Như Phật nói trong Kinh Pháp Hoa: Nếu có người xưng niệm danh hiệu cúng dường pháp thân Quan Thế Âm, công đức hơn cúng dường 62 ức sắc thân chư Phật. Bởi vì sao ? Bởi vì bậc thập địa được pháp thân Phật, cũng gọi là Bồ-tát, cũng gọi là Phật. Vì vậy cho nên biết pháp thân là gốc, vô lượng sắc thân đều y nơi pháp thân mà hóa hiện ra. Cho nên Phật mới giảng thuyết 62 ức hàng hà sa sắc thân không bằng cúng dường một pháp thân đó sao ? Như Phật có nói trong Kinh Bảo Tích: Cũng giống như vậy Ca-diếp, như người đòi khi trăng mới xuất hiện thì cung kính lễ bái, đến khi trăng tròn thì không cung kính. Bởi vì sao ? Vì từ lúc mới bắt đầu đến khi viên mãn, như vậy Ca-diếp nếu thiện nam tử muốn cung kính ta trước phải kính lễ Bồ-tát. Bởi vì sao ? Vì Phật là từ Bồ-tát địa mà được viên mãn cho đến trải qua sinh tử biến hóa sắc tượng lợi ích chúng sinh. Vì nghĩa đó kia đã được Phật quả là Phật chân thật nói không phải hư vọng.

Hỏi: Nếu người chưa nhập Bồ-tát địa, thụ giới cụ túc làm Tì-kheo, được làm lễ chăng ?

Đáp: Lễ được. Bởi vì Bồ-tát mới phát tâm còn hơn cả Thanh Văn Bích-chi-phật. Như tôn giả La-hầu-la có nói kệ rằng:

*Nếu phát thâm tâm,  
 Ất sinh Bồ-đề.*

*Nên được tất cả  
Cung kính đánh lễ.*

Hỏi: Sao Tì-kheo thụ cụ túc giới mà lễ bái Bồ-tát không cụ túc giới chưa nhập chính vị ?

Đáp: Phải lễ Bồ-tát. Bởi vì sao ? Giới Thanh Văn cần phải thụ được tận thọ mạng mới xả. Bồ-tát phát tâm thành tựu tự tính đệ nhất nghĩa giới, giải thoát giới, cho nên Thanh Văn tuy thụ cụ túc giới vẫn phải đánh lễ Bồ-tát chưa nhập chính vị. Bởi thể tính Bồ-tát là không sát hại, xa lìa đao gậy cho đến con trùng con kiến đều không có tâm sát hại. Lại có tâm tầm quý, nói rộng như vậy, thể tính không trộm cắp cho đến thể tính không tà kiến, như giới Ba-la-đề-mộc-xoa khi mạng chung xả, khi đạo hoàn tất xả. Bồ-tát đại sĩ tính giới thành tựu cho đến đạo tràng, hoàn toàn giữa chừng không xả. Vì ý nghĩa đó tuy thụ cụ túc giới vẫn phải tác lễ.

Hỏi: Người thành tựu tính giới mới có thể cúng dường, không nên lễ bái ?

Đáp: Không phải vậy. Vì có công đức của giới, nên cũng phải lễ bái, lễ nào chỉ cúng dường mà thôi.

Ông nói Bồ-tát không thụ giới không nên lễ. Nay tôi sẽ nói rõ cho ông. Không chỉ lấy bạch 4 Yết-ma mà cho là thụ giới cụ túc. Như trong Tì-ni Tì-bà-sa nói có 10 thứ thụ cụ túc giới. Bồ-tát có nhiều thứ thụ giới. Những gì là 10 ? Như Phật tự bảo: Thiện lai Tì-kheo ! Thế là tự nhiên đã được thụ giới cụ túc. Như Ma-ha Ca-diếp tự thọ nhân duyên thụ giới cụ túc. Như Kiêu-trần-như kiến đế nên thụ giới cụ túc. Như Tì-kheo-ni Ba-xà-ba-đề lấy 8 pháp thụ giới cụ túc. Như Tì-kheo-ni Đạt-ma-đề-na sai sứ thụ giới cụ túc. Như Sa-di Tu-đà-ni luận nghĩa thụ giới cụ túc. Như Tì-kheo Da-xá v.v... thiện lai thụ giới cụ túc. Như Bạt-đà-la-ba-lăng-già Tam quy thụ giới cụ túc. Như biên địa đệ ngũ luật sư thụ giới cụ túc. Trung quốc bạch

4 Yết-ma thụ giới cụ túc. Do đó Bồ-tát thường thụ giới cụ túc chưa bao giờ lia bỏ.

Hỏi: Nếu Bồ-tát mặc pháp phục có được lễ Bồ-tát bạch y không ?

Đáp: Bồ-tát phương tiện đầy đủ ngũ thông tùy thuận tất cả hình tướng chúng sinh mà đồng phục, cũng tùy tất cả chúng sinh vào trong các thú mà đồng hình trạng chủng loại. Các đại Bồ-tát tùy nghiệp báo chúng sinh biến hóa thụ thân, như tôn giả Câu-ma-la-đà có nói kệ:

*Các thú đều biến hóa,  
Chỉ trừ trời Tịnh cư.  
Tùy nghiệp chuyển các thú,  
Xứ nào chẳng thụ sinh.*

Như vậy cho nên biết chư Bồ-tát thường đồng lợi ích, tùy theo đó thụ sinh để hóa đạo, dùng sức phương tiện chỉ vì chúng sinh, không tùy theo phiền não nghiệp báo mà bị trôi buộc. Như tôn giả Đề-bà có nói kệ:

*Hoặc hiện làm sư trưởng,  
Hoặc lại làm đệ tử,  
Dùng các thứ phương tiện,  
Để hóa độ phàm ngu.  
Tự tại nơi các thú,  
Thường được chúng cung kính.  
Nếu ai không cung kính,  
Là nghiệp kiêu mạn nặng.*

Vì vậy nên Bồ-tát dầu hình trạng y phục tại tục, phải được lễ kính. Cũng như Như Lai vì hóa độ chúng sinh hóa làm nhiều hình tướng. Như hóa làm Phát-ca-la vương, làm hình tướng người Tì-kheo già, làm người thợ gốm, làm người lực sĩ, làm thầy đàn, cũng hiện nhiều hình tướng người tại gia. Tuy làm vô lượng các thứ hình



trạng, tất cả đều phải cung kính lễ bái. Cho nên tuy đồng sắc phục người tục cũng phải lễ kính. Như Phật có nói kệ:

*Nghiêm sức các hành mà tịch diệt,  
Điều phục quyết định tu phạm hạnh.  
Đối với chúng sinh bỏ đao gậy,  
Gọi là Sa-môn Bà-la-môn.*

Vì vậy đối với các Bồ-tát không nên chấp hình trạng tướng mạo mà sinh phân biệt. Bồ-tát chỉ vì chúng sinh trong 3 cõi làm tòa nhà lớn, hoặc hóa làm Phật, hoặc hóa làm trời, cho đến hóa làm các thứ súc sinh, tất cả đều phải đánh lễ công đức vi diệu của Bồ-tát, không nên có tâm niệm kính lễ cái tướng mạo như người thế gian chỉ kính cái hình tượng mà không biết kính pháp thân. Lễ đâu đi tôn thờ cái khối kim loại đá đất cây gỗ ư? Cho nên Bồ-tát dùng các phương tiện làm các nội hình ngoại hình lợi ích chúng sinh, thì lễ bái cũng không lỗi gì. Vì vậy Như Lai chẳng phải Niết-bàn, chẳng phải không Niết-bàn. Như La-hầu-la có nói kệ:

*Khổ sinh tử lâu xa,  
Nên phải nhập Niết-bàn.  
Dùng sức đại từ bi,  
Ở lâu mà không bỏ.*

Cho nên phải biết tùy sinh tử lâu xa, pháp thân thường trụ. Sắc thân ứng hiện giống như đèn tắt, cho nên pháp thân Bồ-tát hơn sắc thân chư Phật. Sắc thân chư Phật ở Dục giới thành chính giác. Pháp thân Bồ-tát trụ ở Tịnh cư. Pháp thân Bồ-tát trụ ở nhất thiết chủng trí của chư Phật. Sắc thân chư Phật vì hóa độ chúng sinh khiến các Thích Phạm Tứ thiên vương v.v... thấy đều cung kính. Vì vậy Phật nói cúng dường 62 ức hằng hà sa sắc thân chư Phật không bằng cúng dường một pháp thân Bồ-tát. Như trong Kinh Tập Nhất Thiết Phúc Đức Tam-muội có nói hỷ lạc chính pháp, hoàn toàn không nói Phật nhập Niết-bàn. Như bài kệ trong Kinh Pháp Hoa nói:

*Thường tại núi Linh Thứu,  
Và các trụ xứ khác,  
Người phàm ngu không trí,  
Tuy có mà không thấy.*

Như trong Kinh Nhập Nhất Thiết Thế Giới Đại Trang Nghiêm Tam-muội nói: Thiện nam tử ! Người có thấy pháp thân Như Lai chăng ? Bạch: Thưa Thế Tôn ! Vâng đã thấy. Nơi một lỗ chân lông thấy ức trăm na-do-tha thế giới chư Phật. Thân khẩu nghiệp v.v... biến mãn tất cả thế giới chư Phật. Lại Như Lai trong Mật Tạng nói Bồ-tát Trì Tốc Tật quán trên danh Như Lai đến vô lượng thế giới chư Phật còn không thể thấy. Như Mục-liên tầm soát âm thanh thuyết pháp của Như Lai cho đến thế giới đã mã cũng không thể hết được âm thanh của Phật. Như trong Kinh Thủ Lăng-nghiêm có nói Như Lai ở trong cung mà hiện vô lượng thế giới, sơ sinh, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn. Như trong Kinh Mật Tạng nói: Pháp thân Như Lai trụ trong thân tất cả chúng sinh, ảnh sáng hiện ra ngoài giống như vẻ trong suốt trong ngọc ma-ni không gì che khuất. Cho nên phải biết pháp thân Như Lai biến khắp trong tất cả chúng sinh. Như Phật có nói: Cho đến cây khô gỗ cháy cũng đều không nên sinh tâm làm hại huống chi những loài khác. Cho nên không nên đả đo cân nhắc chúng sinh, trừ các Như Lai không ai có thể biết. Như Duy-ma-cật có nói tất cả cõi Phật thầy đều nghiêm tịnh. Thế giới Ta-bà này cũng vậy. Vì đại tâm chúng sinh có Như Lai tạng. Thích-ca Như Lai dùng phương tiện khéo léo khiến các đại đệ tử Thanh Văn hiện đời ngũ trược, các ngoại đạo v.v... tuy có những người chấp một chấp khác v.v... nhưng tất cả trong thân cũng có pháp thân đều sinh từ phương tiện khéo léo của Bồ-tát, đều để hiển phát đạo Ma-ha-diễn. Cho nên phải biết Bồ-tát trong 3 ngàn đại thiên thế giới giáo hóa chúng sinh, nên thứ thứ không đồng. Nếu là lợi căn chúng sinh thì khen ngợi Đại thừa mà không ngại ngùng khiến tâm dễ hiểu. Nếu là độn căn chúng sinh vào rừng tà kiến đắm trước lưới ngu si,

thì vì nhân duyên được gặp Phật Bồ-tát nên diệt các tà kiến mới vào Đại thừa. Cho nên trong các thừa Ma-ha-diễn là căn bản nhất. Nếu có chúng sinh thụ trì tin hiểu Đại thừa này, phải biết người này nghiệp báo phiền não thấy đều tiêu trừ. Như trong Kinh Thế Tôn Vì Vua A-xà-thế Giải Các Nghi Hối có nói về quang tướng: Chớ nên nói như vậy. Bởi vì sao ? Ông ở thế giới các Phật khác 10 kiếp tu các thiền định không bằng ở thế giới Ta-bà này có thể tu hạnh từ tâm trong khoảng một bữa ăn. Bởi vì sao ? Ở các thế giới khác đoạn trừ phiền não cũng không bằng ở thế giới Ta-bà này tu tập thiện nghiệp trong khoảng một bữa ăn. Như đã có nói trong phẩm thụ ký cho Văn-thù-su-lợi và các kinh khác đều phân biệt đầy đủ. Nếu có chúng sinh phỉ báng chính pháp, như Kinh Bát-nhã, Kinh Pháp Hoa có nói rộng, phỉ báng pháp còn nặng hơn tội ngũ nghịch. Nếu có thể thụ trì tin hiểu Đại thừa thì cho đến tội ngũ vô gián v.v...cũng thấy đều tiêu hết, như bài kệ Phật nói:

*Đã tạo nghiệp ác nặng,  
Nếu sâu tự hối trách,  
Tin kính pháp Đại thừa,  
Nhỏ trừ các gốc tội.*

Phật nói như vậy chân thật pháp tướng tín tâm liên tục thấy đều không tịch, tội ác đã tạo từ trước liền có thể tiêu diệt. Như Thế Tôn nói trong Kinh Giải Trừ Nghi Hối: Đại vương hãy quan sát tâm của đại vương là giết cha bằng tâm nào ? Là tâm quá khứ, là tâm vị lai hay tâm hiện tại ? Nếu là tâm quá khứ thì tâm quá khứ đã diệt. Nếu tâm đã diệt thì không phương sở cũng không chỗ trụ. Nếu tâm vị lai thì tâm vị lai chưa đến. Nếu tâm hiện tại thì tâm hiện tại không dừng trụ. Ví như ảo hóa chẳng phải xanh vàng đỏ trắng tím, sắc pha lê thể tính thuần tịnh, cho đến chẳng phải tướng gì có thể thấy được. Nói rộng như vậy tức được thắng thú. Cho nên phải biết Ma-ha-diễn là căn bản thừa. Như trong Kinh Di-lặc Trang Nghiêm nói: Việc phát

tâm Bồ-đề, hiểu tâm Bồ-đề, trụ tâm Bồ-đề được lợi ích lớn không đọa ác thú. Hiểu tâm Bồ-đề, tịnh tâm Bồ-đề, từ địa này đến địa khác dần dần tăng ích mà được pháp thân, có thể hiện thân thông, như Phật Lô-xá-na làm các biến hóa mà nói kệ rằng:

*Nếu được thân vô cấu,  
Thì sắc tượng vô lượng.  
Hoặc xuất hiện Diêm-phù,  
Hoặc ở trời Đâu-suất.  
Từ nơi Phật Định Quang  
Mời hết bờ sinh tử.  
Biết thời và phi thời,  
Phải biết Định Quang hóa.  
Chẳng phải bởi hình sắc,  
Cũng chẳng phải vô tướng,  
Đều do nơi bản hạnh  
Như mặt trăng trong nước.  
Thân khẩu ý đều mật  
Đều là pháp không chung.  
Tất cả các thế giới  
Sắc thân hiện giải thoát.  
Trì Thế các thiên nhân  
Muốn quán thấy Phật đảnh  
Vô biên không nghĩ bàn  
Quá hơn ức thế giới.  
Mục-liên các đệ tử  
Chỉ tâm tìm tiếng Phật  
Cũng quá trăm ngàn cõi  
Tâm thanh không biên giới.  
Nghiệp công đức pháp thân  
Tất cả không thể biết.*

*Không thể dùng hình loại  
Hay ngôn từ phô diễn.  
Thấy nghe chỉ Phật lực,  
Chẳng phỉ cảnh giới ta.  
Muốn nghĩ báo ơn Phật  
Đầu đội tin phụng hành.  
Ngày nay tôi nói pháp  
Hồi hướng thí chúng sinh.  
Đều diệt phiền não kết  
Được chứng đạo vô thượng./.*

**QUYỂN HẠ HẾT**

**SỐ 1635**  
**LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA**  
**QUYỂN 1**

*Pháp Hộ v.v... dịch  
 Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Quy mạng 10 phương không giới hạn,  
 Hiện trụ tất cả trong thế giới,  
 Quá hiện vị lai như Như Lai,  
 Bồ-tát Thanh Văn Duyên Giác chúng.*

Người có trí phải biết thân người khó được, trong khoảng sát-na thành tựu các thắng hạnh lại càng khó. Nếu trong đó không khởi tư duy làm việc lợi ích thì uổng một đời. Làm sao có thể đối với ngôn giáo thanh tịnh của Như Lai phát tâm dũng mãnh siêng năng lãnh nạp nghe thụ. Đây có 2 việc gọi là thân người khó được, chính pháp khó nghe, gặp Phật ra đời lại càng rất khó.

Hỏi: Trong đây lấy gì ấn chứng rằng gặp Phật rất khó ?

Đáp: Trong vô số kinh đều nói như vậy. Đây là định lượng. Hơn nữa, theo Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: Phật nói: Các Bí-sô ! Như Lai ứng cúng chính đẳng chính giác trải qua trăm ngàn câu-chi kiếp na-dữu-đa thời kỳ lâu xa như vậy hoặc có hoặc không Như Lai xuất thế. Đây là rất khó như hoa Ưu-đàm một lần hiện vậy.

Kinh Quyết Định Vương nói: Phật nói: A-nan ! Chư Phật xuất thế đồng thời với hoa Ưu-đàm xuất hiện. Hoa ấy như vàng có ánh sáng diệu tịnh nở ra có mùi hương lạ tỏa ra trong một do-tuần. Ánh sáng hoa ấy có thể phá trừ tối tăm, có thể khiến người nghĩ đến liền được thanh tịnh, có thể dứt bệnh khổ, có thể soi sáng, có thể xua đuổi mùi ô ứ, có thể cho ra mùi thơm. Mùi hương ấy có thể dứt sự tăng tồn trong 4 cõi. Hoa ấy cũng không theo chuyển luân vương xuất hiện khắp các nơi, chỉ có kim luân vương mới có thể ứng hiện, huông chi với các loại hữu tình phá giới. Chỉ có Phật xuất thế hoa ấy mới cùng xuất hiện.

Trong đó làm sao biết được hoa Ưu-đàm kia trong thời gian lâu xa hoặc có hoặc không ? Như trong Duyên Khởi có nói phía Bắc ao lớn Vô nhiệt nào có quả núi tên Ngũ phong, trên núi có rừng hoa Ưu-đàm. Nếu khi Phật Thế Tôn từ thiên cung Đâu-suất giáng sinh nhân gian đầu vào thai mẹ thì hoa Ưu-đàm kia mới chớm ra hoa, khi Phật Thế Tôn xuất thai hoa tăng trưởng có dáng hoa nở, khi Phật Thế Tôn thành quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề hoa Ưu-đàm kia nở rộ, khi Phật Thế Tôn xả bỏ thọ mạng và duyên hành thì hoa héo, khi Phật Thế Tôn nhập Niết-bàn thì hoa quả điêu tàn rơi rụng. Hoa ấy lớn bằng bánh xe.

Kinh Giác Trí Phương Quảng nói: Đại Danh Xung tiên vương báo chúng tiên rằng: Các nhân giả ! Nếu Bồ-tát tạm thời được gặp Như Lai xuất thế thuyết pháp giáo hóa tức thì tương ứng.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong câu-chi kiếp gặp Phật xuất thế nghe thụ chính pháp tôn trọng tin phụng, đây chân thật là rất khó được.

Kinh Hiền Kiếp nói: Sau kiếp Hiền này 65 kiếp không có Phật ra đời. Sau đó có kiếp gọi là Đại Danh Xung. Trong một kiếp ấy có 10 ngàn Phật xuất hiện ở đời. Sau kiếp Đại Danh Xung 80 ngàn kiếp không có Phật ra đời. Sau đó có kiếp gọi là Tinh Dụ. Trong một kiếp

đó có 80 ngàn Phật xuất hiện ra đời. Sau kiếp Tinh Dụ trải qua 3 trăm kiếp không có Phật ra đời. Sau đó có kiếp tên là Công Đức Trang Nghiêm. Trong một kiếp đó có 8 vạn 4 ngàn Phật xuất hiện ra đời.

Trong đây hỏi: Làm sao biết thân người khó được ?

Đáp: Trong các khế kinh đều nói như vậy. Như Kinh Tạp A-hàm nói: Phật nói: Các Bí-sô ! Ví như nước chảy tràn đầy cõi đại địa, có người dùng một khúc cây khoét một lỗ rồi thả xuống nước. Khúc cây ấy nhẹ nổi trôi theo gió. Gió Đông thì trôi về hướng Tây, gió Tây thì trôi về hướng Đông, Nam Bắc gió thổi cũng như vậy. Có một con rùa chột sống trong nước đó thọ mạng đến vô số trăm tuổi. Cứ một trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần chui vào lỗ bọng cây. Các Bí-sô ! Các vị nghĩ sao ? Con rùa chột mắt kia sống lâu như vậy, trăm năm mới nổi lên một lần có thể gặp được lỗ bọng cây nổi chăng ? Các Bí-sô nói: Thưa Thế Tôn không. Phật nói: Các Bí-sô ! Gặp Phật ra đời thuyết pháp hóa độ giác ngộ chính đạo được đến Niết-bàn cũng cực kỳ khó như vậy. Hoặc được thân người, thời phần đầy đủ cũng khó.

Trong đây hỏi: Làm sao biết thời phần đầy đủ là khó được ?

Đáp: Trong các khế kinh đều nói như vậy. Như Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Phật nói: Các Bí-sô ! Có 8 cái khó không biết thời nhân không nên tu phạm hạnh. Những gì là 8 ? Nếu khi Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu hóa độ hữu tình khiến đến Niết-bàn mà có một loại hữu tình đang ở trong địa ngục. Đó là cái khó thứ nhất về thời phần tu phạm hạnh. Nếu khi Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu hóa độ hữu tình khiến đến Niết-bàn mà có một loại hữu tình đang ở trong loài súc sinh. Đó là cái khó thứ hai về thời phần tu phạm hạnh. Nếu khi Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu hóa độ hữu tình khiến đến Niết-bàn mà có một loại hữu tình đang ở trong ngã quỷ. Đó là cái khó thứ ba về thời phần tu phạm hạnh. Nếu khi Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu hóa độ hữu tình khiến đến Niết-bàn mà có một loại hữu



tình đang ở trong cõi trời Trường thọ. Đó là cái khó thứ tư về thời phần tu phạm hạnh. Nếu khi Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu hóa độ hữu tình khiến đến Niết-bàn mà có một loại hữu tình đang ở nơi biên địa ác nhuế hại xứ. Đó là cái khó thứ năm về thời phần tu phạm hạnh. Nếu khi Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu hóa độ hữu tình khiến đến Niết-bàn mà có một loại hữu tình tuy ở giữa trung nguyên mà tâm điếc, các căn không đủ không hiểu nghĩa thiện ác. Đó là cái khó thứ sáu về thời phần tu phạm hạnh. Nếu khi Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu hóa độ hữu tình khiến đến Niết-bàn mà có một loại hữu tình sinh ở trung nguyên, không tâm điếc, các căn đầy đủ, có thể biết thiện ác nhưng khởi tà kiến chấp trước điên đảo cho rằng không thí, không lợi, cũng không thờ lửa, không làm các nghiệp thiện ác quả báo, không có đời này không có đời khác, không cha không mẹ, không thế gian Sa-môn Bà-la-môn, không chính thú chính đạo, không có trí giải A-la-hán, đời này đời khác dùng sức thần thông tự mình chứng quả thánh. Đó là cái khó thứ bảy về thời phần tu phạm hạnh. Hoặc lại có một loại hữu tình sinh ở trung nguyên, không tâm điếc, 6 căn đầy đủ, biết thiện ác, lại có chính kiến không chấp điên đảo bảo rằng có thí có lợi, cho đến có A-la-hán chứng thánh quả, nhưng Phật không xuất thế không thuyết pháp yếu. Đó là cái khó thứ tám về thời phần tu phạm hạnh.

Các Bí-sô ! Phải biết có một thứ thời phần hòa hợp nên tu phạm hạnh là Phật xuất thế tuyên thuyết pháp yếu, sơ thiện trung thiện hậu thiện, văn nghĩa sâu xa thuần nhất không xen tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong trắng, mà có một loại hữu tình sinh ở trung nguyên, không tâm điếc, 6 căn đầy đủ, biết thiện ác, chính kiến đầy đủ không khởi điên đảo kế chấp cho rằng có thí có lợi cũng có thờ lửa, có quả báo nghiệp làm thiện làm ác, có đời này có đời khác, có cha có mẹ, có thế gian Sa-môn Bà-la-môn, có chính thú chính đạo, có trí giải A-la-hán nơi đời này đời khác dùng tự thông lực mà chứng thánh quả. Đó là một thứ thời phần hòa hợp.

Phẩm Nguyệt Tạng trong kinh Đại Tập nói: Các nhân giả ! Thời phần hòa hợp như cây hương thụ đúng thời, cực kỳ khó được.

Trong đây nên hỏi: Kia nói như vậy được thân người làm sao có thể được thanh tịnh bình đẳng, thanh tịnh sở thuyết ?

Đáp: Có 10 thứ công đức. Nếu có thể viên mãn thì được thân người thanh tịnh bình đẳng. Những gì là 10 ?

Như Kinh Siêu Việt Hạ Tộc nói:

1. Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân trong phát tâm Bồ-đề rồi tức sinh tịnh tín.

2. Rộng nhiều thanh tịnh muốn thấy thánh hiền.

3. Ưa nghe chính pháp.

4. Không sinh xan tham tật đố khắp hành đại thí.

5. Thân đoan chính buộc giữ niệm vui đạo Niết-bàn.

6. Đem tâm không ngại thiện tâm rộng thí.

7. Tin có các nghiệp và các nghiệp báo.

8. Không khởi phân biệt.

9. không cầu vô ngại cũng không nhiễm tuệ.

10. Không phá hoại nghiệp quả thiện ác.

Nếu hiểu biết 10 thứ như vậy rồi, đối với mạng duyên này chớ làm các ác.

Trong đây nên hỏi: Sao gọi là tin ?

Đáp: Tin nghĩa là thuận hướng thánh hiền không làm các ác.

Như Kinh Pháp Nhiễm Tuệ nói: Trong các thiện pháp, tin là dẫn đầu. Trong đó tin có nghĩa gì ? Là nghĩa tin thuận. Đây có thể đầy đủ trí không chướng ngại của Như Lai mà có thể tuyên thuyết chính pháp rất sâu khó thấy khó biết. Vĩnh viễn đoạn dứt các trói buộc của ái, nghĩa là không hãm không nhân diệt, không nhĩ tử thiệt thân ý,

không nhĩ tử thiệt thân ý diệt. Không trụ chẳng phải không trụ, không ý lạc chẳng phải không ý lạc. Đủ 60 thứ âm thanh văn cú, lần lượt ngữ nghiệp thanh tịnh trắng sạch, thân cực tịnh, tâm hiện các thứ sắc tướng mà Phật Như Lai không chỗ nào không biết không chỗ nào không thấy, không gì không thành chứng, không gì không hiểu rõ. Như Lai dùng mắt thanh tịnh, mắt phổ biến, vĩnh đoạn lỗi lầm, xa lìa tham ái, phá các si ám hơn cả mắt thịt có thể quán chiếu đánh tướng rất sâu, tuyên thuyết vô thượng đệ nhất nghĩa đế. Tất cả Phật pháp tuy phân biệt mà không chống báng duyên khởi. Đó gọi là tin.

Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Sao gọi là sức tin ? Nghĩa là trong tất cả Phật pháp hiện tiền ấn thuận, tin hiểu không nghi cũng không tìm cầu gì khác. Quyết định thật tin vào nghiệp và nghiệp báo. Lòng tin không xen tạp. Trong không vô tướng vô nguyện ra làm các hạnh và sinh lòng tin thanh tịnh tất cả các pháp. Nghĩa là bố thí có quả của bố thí, giữ giới có quả của giữ giới, nhẫn nhục có quả của nhẫn nhục, tinh tiến có quả của tinh tiến, thiền định có quả của thiền định, trí tuệ có quả của trí tuệ. Kia nói như vậy là tướng thanh tịnh có thể sinh lòng tin thanh tịnh tín trong sự hiểu tốt Đại thừa. Đó là tín lực. Nếu lại hiểu rõ các chấp trước, gọi là tín căn. Hoặc căn hoặc lực gọi chung là tin.

Lại nữa trong đây sao gọi là tín lực ? Tín nghĩa là ấn thuận, có thể tin tiếng người khác. Sao tu Bồ-tát là tin tiếng người khác ? Như là nghe người chỉ dạy phát tâm Bồ-đề tu hạnh Bồ-tát. Bồ-tát y chỉ vào Ba-la-mật-đa, phương tiện khéo léo và 4 nhiếp pháp. Tất cả Phật pháp, Bồ-tát pháp v.v... nghe tiếng từ người khác rồi rất sinh tịnh tín. Đó gọi là tín lực.

Kinh Bồ-tát Tạng nói: Phật nói: Xá-lợi tử ! Tu hạnh Bồ-tát đây là trong phát tâm Bồ-đề rồi tức sinh tịnh tín, rộng nhiều thanh tịnh muốn thấy thánh hiền ưa nghe chính pháp, tin một cách quyết định có các nghiệp và quả báo của nghiệp, đoạn 10 nghiệp bất thiện tu 10

ngiệp thiện, tin có Sa-môn Bà-la-môn và chính thú chính đạo mà lại nghe nhiều, sở văn tương ưng tâm ý hòa hợp, siêu việt nghi hoặc không thụ hậu hữu. Đối với chư Phật Bồ-tát và Thanh Văn v.v... là các bậc chân thiện tri thức, thường thân cận khởi tâm ái trọng, tin các thiện tri thức ấy nói về các nghiệp và quả báo của nghiệp. Biết các pháp khí ấy đã vì nói các ngôn luận rất sâu, như luận về không vô tướng vô nguyện, vô hành vô sinh vô khởi, luận về vô ngã vô nhân, vô hữu tình vô thọ giả và luận duyên sinh. Nghe các ngôn luận ấy rồi tâm không nghi ngờ, cũng không chấp, tùy nhập vào tất cả pháp uẩn xứ giới v.v... đều không nhiễm trước. Tin tất cả pháp tự tính đều không, dùng Phật trí suy tìm, thuần nhất không phóng dật.

Sao gọi là không phóng dật ? Nghĩa là nếu khi các căn khởi tán loạn phải tự tâm điều phục, tha tâm tùy hộ.

Kinh Nguyệt Quang Bồ-tát nói: Có các hữu tình khởi tịnh tín tâm đối với Tam Bảo mà thật khó được. Ví như ngọc báu như ý khó tìm được.

Kinh Nhập Như Lai Công Đức Trí Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: Thánh Trừ Cái Chướng Bồ-tát bạch Diệu Cát Tường Bồ-tát rằng: Có 5 pháp các Bồ-tát Ma-ha-tát phải hiểu thật ưu việt. Hoặc đây hoặc kia a-tăng-kì công đức tối thắng đều đạt được hết.

Những gì là 5 ?

1. Tất cả pháp không.
2. Tất cả pháp không đối trị.
3. Tất cả pháp không sinh.
4. Tất cả pháp không diệt.
5. Tất cả pháp không thể ghi nói.

Năm pháp như vậy phải hiểu rõ một cách ưu việt. Như số các oai nghi và chỗ tác dụng hơn cả số vi trần của cõi Diêm-phù-đề, Như Lai hoàn toàn không phát ngộ cũng không phân biệt, nhưng tùy theo

tâm ý chúng sinh, hoặc đúng thời không đúng thời tất cả thường chuyển. Các Bồ-tát Ma-ha-tát đối với đây phải sinh thắng giải.

Kinh Tinh-hạ-tao-na-nhĩ Duyên Khởi nói: Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai vì hóa độ hữu tình làm việc lợi ích, trong số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già trải tu các hạnh hiện thành chính giác, các Bồ-tát Ma-ha-tát đối với sự việc này phải sinh tin hiểu. Lại nữa, Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai được thụ ký nơi Phật Nhiên Đăng, trong khoảng giữa trải tu các thắng hạnh, khắp vào cảnh giới chư Phật trải kiếp số không giới hạn cho đến nay hiện thành chính giác, đối với sự việc này phải sinh tin hiểu. Lại nữa, Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai thấy nhân duyên sát hại dòng họ Thích, vì hóa độ hữu tình làm việc lợi ích nên trải kiếp số vô biên tu thắng hạnh hiện thành chính giác, đối với sự việc này phải sinh tin hiểu. Cho nên phải biết tất cả hữu tình nếu phát tâm Bồ-đề là điều khó được,

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề thật khó được. Vậy làm sao có thể phát khởi ?

Đáp: Có nhiều kinh nói. Và lại theo Kinh Hoa Nghiêm nói: Hữu tình trong thế gian nếu phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thật là khó được. Phải biết tâm Bồ-đề như hạt giống của thế gian, bởi thế gian tất cả thiện pháp đều phải gieo trồng như tất cả cảnh giới Phật pháp. Vì tất cả việc làm ác có thể đốt cháy hết, giống như kiếp hỏa tai tất cả pháp bất thiện có thể tiêu hoại. Giống như đại địa, tất cả nghĩa có thể thành tựu. Như ma-ni bảo vương, tất cả ý lạc đều viên mãn. Giống như hiền bình vớt ra khỏi dòng sinh tử. Như lưỡi câu và mồi tốt, tất cả thế gian trời người A-tu-la cho đến tất cả Phật pháp, tất cả công đức Phật đều ngợi khen công đức tâm Bồ-đề, như đèn tháp Phật. Bởi vì sao ? Vì trong đó có đủ các cảnh giới thắng hạnh của Bồ-tát. Lại nữa tâm Bồ-đề này xuất sinh tất cả chư Phật quá khứ vị lai hiện tại. Thiện nam tử ! Ví như có thứ thuốc tên là thiết kim quang, một lượng thuốc này có thể hóa một ngàn lượng sắt thành vàng, không phải một ngàn lượng sắt có thể hoại một lượng thuốc

thánh này. Người phát tâm Bồ-đề cũng như vậy. Nếu một khi có thể phát thì sẽ được hồi hướng trí nhiếp thụ thiện căn vi diệu thánh được của tâm nhất thiết trí, có thể khiến tất cả nghiệp phiền não chướng đều thành vàng nhất thiết trí của tất cả pháp, chứ không phải tất cả nghiệp phiền não kia có thể nhiễm ô cái tâm nhất thiết trí. Thiện nam tử ! Lại như cầm đuốc vào trong nhà tối, bao nhiêu tối tăm tích chứa trăm ngàn năm trong căn nhà kia đều bị phá tan và được chiếu sáng. Phát tâm Bồ-đề cũng như vậy. Như cầm cây đuốc đại quang minh của tâm nhất thiết trí vào trong căn nhà tâm ý tối tăm của hữu tình, khi vào thì vô minh tối tăm của tất cả nghiệp phiền não chướng tích tụ không thể nói từ trăm ngàn kiếp đến nay thấy đều tiêu trừ vì ánh sáng đại trí xuất sinh chiếu sáng. Thiện nam tử ! Lại như chiếc mào đội đầu bằng ngọc đại như ý diệu bảo của Đại long vương, không bị oán địch đến xâm hại khủng bố. Các Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vậy, chiếc mào đội đầu diệu bảo của tâm Bồ-đề và tâm đại bi không bị tất cả các ác của ác thú dám đến xâm hại khủng bố. Lại như có tất cả vàng bạc châu báu tràng hoa y phục các thứ thắng diệu lạc ở nơi ánh sáng của nhật nguyệt viên tịnh chiếu soi, tập hợp tất cả cũng không bằng giá trị của như ý bảo vương. Tâm phát Bồ-đề cũng như vậy, tất cả thiện căn hoặc hữu lậu hoặc vô lậu của tất cả hữu tình, tất cả trời người và tất cả Thanh Văn Duyên Giác ứng hiện nơi tận cùng của trí nhất thiết trí chiếu soi đạo tràng trong pháp giới trong 3 đời đều không thể sánh bằng giá trị của tự tại bảo vương của tâm phát Bồ-đề. Lại như sữa bò sữa dê đầy trong biển lớn, nếu sữa sư tử chùng bằng một dấu chân rơi vào trong biển thì sữa bò sữa dê không thể ngưng kết cũng không hòa hợp. Tâm Bồ-đề cũng như vậy, các nghiệp phiền não tích chứa không thể nói trăm ngàn kiếp như biển lớn, Như Lai đại trọng phước sư tử phát tâm nhất thiết trí như một giọt sữa rơi vào trong biển thì các nghiệp phiền não vĩnh viễn hết không còn sót, giải thoát của tất cả Thanh Văn Duyên Giác cũng không hòa hợp. Lại như thân cận người dũng mãnh thì tất cả oán ác không thể xâm hại.

người phát tâm Bồ-đề cũng như vậy, nếu thân cận Bồ-tát dũng mãnh thì tất cả oán ác tác không thể xâm hại. Lại như ngọc kim cương tuy có khuyết điểm hoặc không hoàn chỉnh nhưng vẫn hơn các ngọc báu khác và có thể làm ra các đồ trang sức có giá trị. Ngọc báu kim cương đó cũng không mất danh tiếng của nó, có thể cứu tế cho người nghèo khổ. Tâm Bồ-đề thiếu phần cũng vậy, giống như ngọc báu kim cương có khuyết điểm, tuy chưa trọn vẹn hoàn toàn nhưng công đức trang nghiêm còn quá hơn tất cả Thanh Văn Duyên Giác. Bồ-tát ấy danh tiếng cũng không mất, có thể cứu giúp kẻ nghèo thiếu không có thánh tài.

Thắng Quân Vương Vấn Kinh nói: Phật nói: Đại vương ! Hay thay hay thay, Đại vương có thể yêu thích mong cầu đối với Phật pháp. Như Đại vương hiện nay trị vì nước Kiêu-tát-la làm lợi ích an lạc tất cả nhân dân, cứu vớt tế độ an ủi dắt dẫn khiến về với chính đạo. Nếu Đại vương có thể rộng làm lợi ích hữu tình khiến phát tâm nhất thiết trí, viên mãn tất cả Phật pháp đến chứng đạo A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đó là lợi ích lớn. Lại nữa Đại vương, nơi rừng Kì-đà kia thường có vô số trăm ngàn thánh hiền ẩn cư trong đó sinh tưởng tôn trọng. Đại vương ! Các thánh hiền ấy đối với chính đẳng giác thích muốn tin cầu nguyện khen ngợi sinh tâm tùy hỷ. Các thánh hiền ấy hoặc thân ngữ ý hỷ rất sinh tin tưởng tôn trọng. Bởi vì sao ? Đại vương ! địa phương ấy có vô số trăm Phật xuất hiện, vô số trăm lần chuyển pháp luân, vô số trăm thánh chúng liên tục được độ. Như vậy cho đến vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chư Phật xuất hiện như số cát sông Khắc-già chuyển bánh xe chính pháp hóa độ thánh chúng. Các thánh hiền ấy đều thấy đều thích muốn tin cầu nguyện phát sinh Bồ-đề.

## QUYỂN 1 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỂN 2

Kinh A-xà-thế Vương nói: Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Bồ-tát Diệu Cát Tường: Ví như con sư tử vừa mới sinh liền có sức mạnh, nó đi đến đâu nếu có bầy nai vừa mới nghe mùi sư tử liền bỏ chạy trốn. Dẫu cho voi lớn nghe mùi sư tử cũng kinh sợ kéo giật xích khóa, xích khóa đứt thì rông chạy 4 hướng tìm hang núi ẩn trốn. Cho đến loài thủy tộc chim trời nghe mùi sư tử cũng đều kinh sợ.

Diệu Cát Tường ! Nếu các Bồ-tát đầy đủ sức tuệ cũng vậy. Các Bồ-tát mới phát tâm kia vừa phát tâm đại Bồ-đề liền có thể quá hơn tất cả Thanh Văn Duyên Giác, ma cung chấn động tất cả thiên ma đều sinh run sợ. Vì run sợ nên đều không dám ở yên trong cung điện của mình.

Kinh Bảo Tích nói: Phật nói: A-nan ! Ý ông nghĩ sao ? Ví như có người đứt cả tay chân có sống được chăng ? A-nan đáp: Tay chân tuy đứt nhưng mạng vẫn sống. Phật nói: A-nan ! Nếu như có người cắt bỏ tim có sống được chăng ? A-nan đáp: Thừa không Thế Tôn. Phật nói: A-nan, ông phải biết đệ tử của ta Đại Mục-kiền-liên và Xá-lợi tử giống như tay chân, còn các Bồ-tát giống như tim của ta. A-nan ! Nếu có Bồ-tát ngồi trên xe báu lớn dùng công đức ngũ dục làm các thần thông du hí mà không có ai ngăn cản. Bấy giờ Như Lai vì Bồ-tát ấy ngăn chặn lại cho xe đi tới. Nếu Xá-lợi tử và Mục-kiền-liên tu 3 môn giải thoát trải qua một kiếp hoặc quá một kiếp Như Lai không phải làm cho siêng năng sách tiến.



Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói: Các Bí-sô ! Có chư Như Lai số nhiều như cát sông Khắc-già trong số kiếp như cát sông Khắc-già khen ngợi các công đức tặng người phát tâm tương ưng nhất thiết trí kia cũng không thể nói hết được. Bởi vì sao ? Như Lai thuở xa xưa tu hạnh Bồ-tát chưa bao giờ tạm thời không phát tâm ấy, nhiếp thụ tất cả hữu tình, tùy nhiếp thụ rồi đối với các hữu tình cũng không khởi tướng hóa độ. Có vô lượng hữu tình giới, Như Lai khắp trong hữu tình giới đó trải tu các thắng hạnh rộng lớn của Bồ-tát, mỗi mỗi phát tâm chứa nhóm các phúc uẩn. Sở dĩ vì sao ? Các Bí-sô ! Hữu tình giới là vô tận. Vì hữu tình giới vô tận nên Như Lai rộng tu các thắng hạnh của Bồ-tát, mỗi mỗi phát tâm chứa nhóm các phúc uẩn cũng vô tận.

Kinh Như Lai Bí Mật nói: Nếu các Bồ-tát phát tâm Bồ-đề tu thắng hạnh khiến dòng giống Tam Bảo không đoạn tuyệt. Lại nói: Tâm Bồ-đề sinh phúc uẩn Bồ-tát đều đem hồi hướng tất cả hữu tình. Như vậy công đức hồi hướng đầy hư không giới mà còn quá hơn. Phúc uẩn mà tất cả hữu tình có được đều do tâm Bồ-đề của Bồ-tát chuyển.

Kinh Pháp Tập nói: Bồ-tát phát tâm Bồ-đề giác ngộ tất cả pháp, biết tất cả pháp cùng pháp giới v.v... mà tất cả pháp không phải từ đâu đến, không dừng trụ ở đâu cũng không thể biết. Nhưng dùng trí như lượng biết pháp tính không, khiến tất cả hữu tình cũng giác liễu như vậy. Nếu Bồ-tát phát tâm như vậy, đó gọi là tâm Bồ-đề, tâm lợi lạc tất cả hữu tình, tâm vô thượng, tâm đại từ nhu nhuyễn, tâm đại bi không mệt mỏi, tâm đại hỷ không thoái lui, tâm đại xả không cấu uế, tâm không không làm gì khác, tâm vô tướng vắng lặng, tâm vô nguyện vô trụ của Bồ-tát.

Trong đây nên hỏi: Làm sao dùng một ít căn lành hồi hướng nhất thiết trí, cho đến khi ngồi đạo tràng Bồ-đề mà trong khoảng giữa không hết ?

Đáp: Như Kinh Vô Tận Ý nói: Phật bảo tôn giả Xá-lợi tử: Ví như một giọt nước vào trong biển lớn cho đến cùng kiếp trong

khoảng giữa cũng không hết. Bồ-tát dùng một ít căn lành hồi hướng nhất thiết trí cũng như vậy. Cho đến khi ngồi ở đạo tràng Bồ-đề trong khoảng giữa cũng không thể hết.

Kinh Thiện Xảo Phương Tiện nói: Như có một Bồ-tát thấy kẻ nghèo khổ khởi tâm bi mẫn thí cho một ít cơm. Như Phật nói, tâm này rộng lớn gọi là thí cao tột, huống chi là thí pháp. Thí ấy tuy ít mà công đức của tâm nhất thiết trí vô lượng.

Kinh Hiền Kiếp nói: Tinh Vương Như Lai nơi Thanh Thụ Như Lai sơ phát tâm Bồ-đề. Đức Tinh Vương Như Lai kia xưa là người chăn bò, vì nhân duyên cúng thí hoa Mạt-câu-la từ đó phát tâm. Danh Xung Như Lai ở nơi Điện Quang Như Lai sơ phát tâm Bồ-đề. Đức Danh Xung Như Lai xưa là người thợ dệt, do nhân duyên cúng thí một đoạn hàng dệt từ đó phát tâm. Minh Diệm Như Lai sơ phát tâm Bồ-đề nơi Vô Biên Quang Như Lai. Đức Minh Diệm Như Lai kia xưa là người bảo vệ thành, do nhân duyên cúng thí một ngọn thảo đăng từ đó phát tâm. Nan Thắng Như Lai sơ phát tâm Bồ-đề nơi Kiên Cố Bộ Như Lai. Đức Nan Thắng Như Lai kia xưa là người tiều phu, do nhân duyên cúng thí cây làm tăm xỉa răng từ đó phát tâm. Công Đức Tràng Như Lai sơ phát tâm Bồ-đề nơi Diệu Xung Như Lai. Đức Công Đức Tràng Như Lai xưa là người đi lấy nước, do nhân duyên cúng thí đồ đựng nước từ đó phát tâm. Lực Quân Như Lai sơ phát tâm Bồ-đề nơi Đại Tỷ Như Lai. Đức Lực Quân Như Lai kia xưa là thầy thuốc, do nhân duyên cúng thí một quả Yêm-ma-lặc từ đó phát tâm.

Kinh Bảo Tích nói: Nếu như có người vì cầu quả A-la-hán nên dùng ngọc báu ma-ni đầy cả vô biên thế giới đem bố thí, có người Bồ-tát thừa thấy rồi phát tâm tùy hỷ tương ưng nhất thiết trí, mà phúc uẩn tương ưng tùy hỷ này so với phúc uẩn bố thí trước, thì phúc uẩn bố thí trước trăm phần không được một, cho đến ô-ma-ni-sát-đàm phần cũng không được một.

Hỏi: Làm sao Bồ-tát có thể thắng hơn bồ thí trước ?

Đáp: Vì hồi hướng nhất thiết trí. Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Phật nói: Xá-lợi tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn thắng hơn tất cả Thanh Văn Duyên Giác tu bồ thí trì giới nhẫn nhục tinh tiến thiền định trí tuệ thì phải phát tâm tùy hỷ tương ưng nhất thiết trí, tu học Bát-nhã Ba-la-mật-đa, lấy tâm đại bi dẫn đầu mà chừa Bồ-tát nhiên hậu phát tâm Bồ-đề. Cho nên phải biết tâm đại Bồ-đề là lấy đại bi làm dẫn đầu.

Điều này làm sao biết ?

Như Kinh Bồ-tát Tạng nói: Nếu các Bồ-tát muốn cầu Bồ-đề phải lấy đại bi làm dẫn đầu. Ví như sĩ phu có mạng căn là lấy hơi thở ra vào làm dẫn đầu. Các Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vậy, trong việc tập hợp pháp Đại thừa lấy tâm đại bi làm dẫn đầu. Lại như chuyên luân thánh vương, trong các báu lấy cái báu của bánh xe làm dẫn đầu. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vậy, trong tất cả Phật pháp lấy tâm đại bi làm dẫn đầu. Lại nói: Các Bồ-tát đối với lỗi lầm của mình thường tự quán sát, đối với lỗi lầm của người thì hộ niệm bằng tâm đại bi.

Kinh Vô Úy Thọ Sở Vấn Đại Thừa nói: Phật nói: Trưởng giả ! Nếu các Bồ-tát vì muốn thành tựu đại Bồ-đề phải khởi tâm đại bi đối với tất cả hữu tình, đối với thân mạng mình không sinh ái trước. Cho đến tất cả tiền bạc lúa thóc nhà cửa vợ con, cái ăn cái mặc xe cộ giường ghế hương hoa dầu thơm v.v... tất cả mọi thứ đều không nên tham đắm. Bởi vì sao ? Trưởng giả ! Nhiều các hữu tình đối với thân mạng v.v... đều sinh tham đắm. Do tham đắm nên tạo nhiều tội nghiệp đọa trong ác đạo. Nếu lại có hữu tình khởi đại bi rồi, đối với thân mạng v.v... không sinh tham đắm, do không tham đắm nên sinh thiện thú. Lại có thể đối với tất cả hữu tình kia vận dụng tâm rộng hành các hạnh bồ thí v.v... tất cả thiện pháp tương ưng mà làm. Tu Bồ-tát là dùng tâm đại bi mà thành thân.

Điều này làm sao biết ?

Như Kinh Bảo Vân nói: Phật nói: Thiện nam tử ! Nếu các Bồ-tát đủ 10 pháp thì được đại bi thành thân. Những gì là 10 ?

1. Thấy tất cả hữu tình bị khổ bức bách không cứu không nơi nương tựa không chỗ về, thấy rồi nên phát tâm đại Bồ-đề làm nơi nương cậy.

2. Phát tâm Bồ-đề rồi khiến hữu tình kia được pháp thành tựu.

3. Tùy chỗ đắc pháp vì các hữu tình làm đại lợi ích.

4. Khiến các hữu tình xan lẫn trụ vào bố thí.

5. Nếu hủy cấm giới khiến tu tịnh giới.

6. Nếu nhiều giận dữ khiến trụ nhẫn nhục.

7. Nếu nhiều biếng nhác khiến phát tinh tiến.

8. Nếu nhiều tán loạn khiến tu tĩnh lự.

9. Những người không trí tuệ khiến được thắng tuệ.

10. Tất cả hữu tình bị cực khổ bức bách, Bồ-tát khắp vì dứt trừ khiến không bị chướng nạn đối với Bồ-đề.

Như vậy gọi là 10 pháp.

Tổng Trì Tự Tại Vương Vấn Kinh nói: Bồ-tát nếu thấy một loại hữu tình bị tham ái trói buộc sinh đam nhiễm vợ con quyến thuộc, bị ái nhiễm ràng buộc không được tự tại Bồ-tát nên vì nói pháp yếu khiến cởi bỏ trói buộc của ái nhiễm được tự tại. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên nếu thấy một loại hữu tình khởi tâm giận dữ làm thương tổn nhau sinh nhiều tội lỗi, Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến dứt trừ tội lỗi nóng giận. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên nếu thấy một loại hữu tình bị bạn ác lôi cuốn nên xa lìa bạn lành thường tạo tội nghiệp, Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến thường được thân cận bạn lành xa lìa bạn ác. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi

nên nếu thấy một loại hữu tình vô cùng tham ái không biết chán đủ xa lìa thắng tuệ, Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến dứt tham ái phát sinh thắng tuệ. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên nếu thấy một loại hữu tình cho rằng không có nghiệp báo, chấp đoạn chấp thường, Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến nhập thậm thâm duyên khởi biết các hành nghiệp. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên nếu thấy một loại hữu tình bị vô minh si ám che lấp, chấp trước ngã nhân hữu tình thọ giả, Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến mắt tuệ thanh tịnh dứt các kiến chấp. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên nếu thấy một loại hữu tình đắm mùi vị sinh tử, chấp trước 5 uẩn như sát hại v.v..., Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến thoát ly tất cả 3 cõi. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên nếu thấy một loại hữu tình bị ma trói buộc, hoặc yêu hoặc ghét đều sinh trụ trước, Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến giải thoát trói buộc của ma trừ tâm trụ trước yêu ghét. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên nếu thấy một loại hữu tình đóng cửa Niết-bàn mở cửa ác thú, Bồ-tát phải vì nói pháp yếu khiến mở cửa Niết-bàn đóng cửa ác thú. Bồ-tát vì các hữu tình khởi tâm đại bi nên phát tâm Bồ-đề nếu đối với pháp nhãn của Bồ-tát có kẻ hủy báng, chúng sinh tâm khinh mạn gây chướng nạn đối với pháp muốn làm cho Bồ-tát xa lìa pháp nhãn, Bồ-tát phải biết đó là ma sự khởi.

Kinh Tín Lực Nhập Ân Pháp Môn nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Giả sử có người gây chướng nạn cho tất cả hữu tình có thiện căn trong tất cả thế giới như vi trần, nếu lại gây chướng nạn đối với một Ưu-bà-tắc không khác sư tôn tu đủ 10 thiện nghiệp có chút ít thiện căn, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì. Giả sử có người gây chướng nạn cho các Ưu-bà-tắc có thiện căn, trong tất cả thế giới như vi trần, lại có người gây chướng nạn cho một Bì-sô có chút ít thiện căn, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì. Như vậy tuần tự đối với người hành tùy tín, người hành

tùy pháp, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, bát nhân địa và người Duyên Giác, người Bồ-tát đi xe dê, người Bồ-tát đi xe voi, người Bồ-tát du hành bằng thần thông mặt trời mặt trăng, người Bồ-tát du hành bằng thần thông Thanh Văn v.v... Hoặc nếu có người gây chướng nạn cho các người Bồ-tát du hành bằng thần thông Thanh Văn có thiện căn trong tất cả thế giới như vi trần, nếu lại có người gây chướng nạn một thiện căn cho một Như Lai du hành bằng thần thông nơi Bồ-tát khởi tâm khinh mạn sinh giận dữ, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì. Giả sử có người móc lấy mắt tất cả hữu tình trong 10 phương tất cả thế giới như vi trần và cướp lấy tất cả tài vật của cải, nếu lại có người đối với một Bồ-tát khởi tâm khinh mạn giận dữ mắng nhiếc chê bai gây rối, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì. Nếu hoặc có người ở nơi Bồ-tát vì lý do gì đó khởi tâm khinh mạn giận dữ, do tội nghiệp ấy đọa địa ngục gào thét lớn, thân bằng 5 trăm do-tuần có 5 trăm cái đầu, mỗi đầu có 5 trăm cái lưỡi, mỗi cái lưỡi có 5 trăm cái cày cày xới trên cái lưỡi đó có lửa dữ đốt cháy. Giả sử có người ở nơi tất cả hữu tình trong 3 ngàn đại thiên thế giới đều dùng đao gây đánh đập chặt chém, lại cướp lấy tất cả tài sản của cải, nếu lại có người đối với Bồ-tát khởi tâm khinh mạn giận dữ làm tổn hại, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì. Giả sử có người phát tâm cực ác, tâm không lợi ích tất cả hữu tình, trong thế giới nhiều như số cát sông Khắc-già, trong mỗi thế giới đều giết hại tất cả A-la-hán số nhiều như cát sông Khắc-già, lại phá hoại tất cả tháp miếu chư Phật, các bảo sở nơi có xây dựng lan can trang trí cờ phướn, nếu lại có người ở nơi Bồ-tát tin hiểu Đại thừa cùng gieo trồng giống Đại thừa rồi, vì lý do gì đó khởi tâm khinh mạn sinh giận dữ mắng nhiếc chê bai quấy rối, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì.

Bởi vì sao ? Vì Bồ-tát có thể sinh các Như Lai khiến dòng giống Phật không dứt. Cho nên nếu ai hủy báng Bồ-tát tức hủy báng chính pháp. Nếu ai hủy báng Bồ-tát người ấy không có pháp nào nhiếp thụ

được. Vì chỉ có pháp Bồ-tát mới có thể nhiếp thụ. Giả sử có người sinh phần nộ với các hữu tình trong 10 phương tất cả thế giới, nếu lại có người đối với Bồ-tát sinh phần nộ rồi bỏ đi không thèm thấy mặt, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì. Giả sử có người giết hại tất cả hữu tình trong Diêm-phù-đề lại cướp lấy tất cả của cải, nếu lại có người ở nơi một Bồ-tát mà sinh hủy báng, như vậy tội sau nhiều hơn tội trước gấp số a-tăng-kì.

Kinh Từ Thị Sư Tử Hồng nói: Nếu Bồ-tát ở nơi tất cả hữu tình đầy trong 3 ngàn đại thiên thế giới đều sinh giận dữ máng nhiếc đánh đập mà vị Bồ-tát kia cũng không bị tổn thất hủy hoại, nếu Bồ-tát này hoặc ở nơi một Bồ-tát khởi tâm giận dữ cho dầu rất ít vị Bồ-tát này liền bị tổn thất.

Bởi vì sao ? Bồ-tát kia đã trải qua nhiều kiếp mặc áo giáp nhẫn nhục, thường xuyên không xa lìa tâm nhất thiết trí. Cho nên Bồ-tát này không nên ở nơi Bồ-tát ấy sinh phần nộ trong giây lát.

Kinh Diệu Cát Tường Thần Thông Du Hý nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Nay ông phải biết, nói các tổn hại là trong trăm kiếp tích chứa các thiện căn tu tập đều hoại mất hết gọi là tổn hại. Người tu hạnh Bồ-tát phải biết như vậy. Nếu ở nơi Phật Thế Tôn làm việc không lợi ích bị tội báo lớn, làm các việc lợi ích được phúc uẩn lớn.

## QUYỂN 2 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỀN 3

Kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Giả sử có người móc mắt tất cả hữu tình trong tất cả thế giới 10 phương đến mãn một kiếp, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân đối với các hữu tình nói trên khởi tâm từ mẫn khiến tất cả được mắt bình phục như cũ đến mãn một kiếp.

Diệu Cát Tường ! Nếu lại có người ở nơi Bồ-tát tin hiểu Đại thừa phát tâm thanh tịnh chỉ chiêm ngưỡng một lúc, như vậy phúc uần người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Giả sử có người đi đến khắp 10 phương có hữu tình ở trong lao ngục đều giải trừ lao ngục lại khiến được thành chuyển luân thánh vương hoặc Đệ Thích thiên chủ hưởng thụ diệu lạc.

Diệu Cát Tường ! Nếu lại có người ở nơi Bồ-tát tin hiểu Đại thừa phát tâm thanh tịnh chiêm ngưỡng tán thán, như vậy phúc uần người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì.

Kinh Tín Lực Nhập Ấn Pháp Môn nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân ở nơi các hữu tình trong tất cả thế giới như vi trần, ngày ngày dùng trăm vị ẩm thực của trời và y phục trời tốt đẹp bố thí khắp như số cát sông Khắc-già, nếu lại có người ở nơi một Ưu-bà-tắc không khác sư tôn, tu đủ 10 thiện nghiệp, khởi ý nghĩ rằng đây là người tu học Phật pháp có giới hạnh, trong



một ngày cúng thí một bữa ăn, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Tuần tự như vậy, hoặc một Bí-sô, hoặc người hành tùy tín, hoặc người hành tùy pháp, cho đến hoặc Duyên Giác cúng thí gấp bội bội lần, nếu lại có người chỉ thấy một tượng Phật vẽ, hoặc tượng vẽ Như Lai trong kinh, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Huống chi còn chấp tay tôn trọng, hoặc dùng hoa hương dầu thơm đèn sáng tịnh tâm cúng dường, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Lại nữa nếu có người ở nơi chư Phật Thế Tôn và chúng Thanh Văn nhiều như số cát sông Khắc-già, ngày ngày thường dùng trăm vị ẩm thực của trời và y phục trời tốt đẹp bố thí cúng dường trong số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già, nếu lại có người ở nơi một Bồ-tát đi bằng xe dê, theo một vị Phật nào đó gieo trồng thiện căn, tịnh tâm đầy đủ nhiếp thủ người này, trong một ngày cúng thí một bữa ăn, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Nếu có người ở nơi các Bồ-tát đi bằng xe dê trong tất cả thế giới nhiều như số cát sông Khắc-già, ngày ngày thường dùng trăm vị ẩm thực của trời và y phục trời tốt đẹp bố thí cúng dường trong số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già, nếu lại có người ở nơi một Bồ-tát đi bằng xe voi, trong một ngày cúng thí một bữa ăn, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Nếu có người ở nơi các Bồ-tát đi bằng xe voi trong tất cả thế giới nhiều như số cát sông Khắc-già, ngày ngày thường dùng trăm vị ẩm thực của trời và y phục trời tốt đẹp bố thí cúng dường trong số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già, nếu lại có người ở nơi một Bồ-tát du hành bằng thần thông mặt trời mặt trăng, trong một ngày cúng thí một bữa ăn, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Nếu có người ở nơi các Bồ-tát du hành bằng thần thông mặt trời mặt trăng trong tất cả thế giới nhiều như số cát sông Khắc-già, ngày ngày thường dùng trăm vị ẩm thực của trời và y phục trời tốt đẹp bố thí cúng dường trong số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già, nếu lại có người ở nơi một Bồ-tát du hành bằng thần thông Thanh

Văn, trong một ngày cúng thí một bữa ăn, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì. Nếu có người ở nơi các Bồ-tát du hành bằng thần thông Thanh Văn trong tất cả thế giới nhiều như số cát sông Khắc-già, ngày ngày thường dùng trăm vị ẩm thực của trời và y phục trời tốt đẹp bố thí cúng dường trong số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già, nếu lại có người ở nơi một Bồ-tát du hành bằng thần thông Như Lai , trong một ngày cúng thí một bữa ăn, như vậy phúc uẩn người này hơn trước gấp bội số a-tăng-kì.

Trong đây nên hỏi: Sao gọi là người Bồ-tát đi bằng xe dê, cho đến người Bồ-tát du hành Như Lai thần thông ?

Đáp: Như Kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Bồ-tát có 5 hạnh là dương xa hạnh, tượng xa hạnh, nhật nguyệt thần thông hạnh, Thanh Văn thần thông hạnh và Như Lai thần thông hạnh. Trong đây 2 người Bồ-tát dương xa hạnh và tượng xa hạnh đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề có chỗ thoái chuyển. Còn 3 người Bồ-tát là nhật nguyệt thần thông hạnh, Thanh Văn thần thông hạnh và Như Lai thần thông hạnh đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề không còn thoái chuyển.

Thế nào là người Bồ-tát dương xa hạnh ?

Ví như có người muốn qua các thế giới số như vi trần của 5 cõi Phật, rồi tự nghĩ ta nên đi một chiếc xe dê. Nghĩ rồi lên xe theo đường mà đi. Thời gian hết sức lâu lắc trải nhiều gian lao đi được trăm do-tuần, chợt bị gió mạnh thổi giật lui 80 do-tuần.

Diệu Cát Tường ! Ý ông nghĩ sao ? Người đi chiếc xe dê kia trải qua một kiếp cho đến không thể nói hết số kiếp có thể qua đến các thế giới ấy hay một thế giới chăng ? Diệu Cát Tường nói: Thừa không Thế Tôn. Qua được là điều không thể có. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Đúng vậy đúng vậy. Hoặc có Bồ-tát trước phát tâm đại Bồ-đề rồi, sau ở trong pháp Đại thừa không trì không tụng, trở lại yêu thích tu tập

trong pháp Thanh Văn cũng như khen ngợi thụ trì đọc tụng giải thích nghĩa ấy, lại khiến người khác thụ trì tu tập giải rõ. Do nhân duyên ấy trí tuệ chậm lụt yếu kém, có chỗ thoái chuyển đạo vô thượng trí. Bồ-tát ấy tuy trước tiên tu tập tâm đại Bồ-đề, tuệ căn tuệ nhãn, bởi trí tuệ trở thành cùn nhụt yếu kém nên có chỗ hỏng mất. Đó gọi là người Bồ-tát đi bằng xe dê.

Sao gọi là người Bồ-tát đi bằng xe voi ?

Ví như có người muốn đi qua số thế giới nhiều như vi trần của các cõi Phật như trước bèn tự nghĩ ta nên đi xe voi tốt 8 chi đầy đủ. Nghĩ rồi liền lên xe theo đường mà đi, trải qua trăm năm đi được 2 ngàn do-tuần, chợt có gió lớn thổi lui ngàn do-tuần.

Diệu Cát Tường ! Ý ông nghĩ sao ? Người này có thể đi qua cho đến được một thế giới chăng ? Diệu Cát Tường nói: Thưa không Thế Tôn. Qua được là không thể có chuyện đó. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Đúng vậy đúng vậy. Hoặc có Bồ-tát trước phát tâm đại Bồ-đề rồi, sau ở trong pháp Đại thừa không trì không tụng, trở lại yêu thích tu tập trong pháp Thanh Văn cho đến thụ trì đọc tụng giải thích. Đó gọi là người Bồ-tát đi bằng xe voi.

Sao gọi là người Bồ-tát đi bằng thần thông nhật nguyệt ?

Ví như có người muốn đi qua số thế giới nhiều như vi trần của các cõi Phật như trước, người này làm thần thông đi như mặt trời mặt trăng rồi theo đường mà đi.

Diệu Cát Tường ! Ý ông nghĩ sao ? Người này có thể đi qua các thế giới như vậy chăng ? Diệu Cát Tường bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Người này có thể qua được nhưng trải thời gian rất lâu và cực khổ. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Đúng vậy đúng vậy.

Nếu có Bồ-tát trước phát tâm đại Bồ-đề rồi, không ưa thích tu tập trong pháp Thanh Văn, cho đến một bài kệ 4 câu cũng không

thụ trì đọc tụng, duy chỉ yêu thích đọc tụng giải thích hiểu rõ trong pháp Đại thừa. Đó gọi là người Bồ-tát đi bằng thần thông như mặt trời mặt trăng.

Sao gọi là người Bồ-tát đi bằng thần thông của Thanh Văn ?

Ví như có người muốn đi qua số thế giới nhiều như vi trần của các cõi Phật như trước, người này làm thần thông Thanh Văn rồi theo đường mà đi.

Diệu Cát Tường ! Ý ông nghĩ sao ? Người này có thể đi qua các thế giới như vậy chăng ? Diệu Cát Tường bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Người này có thể qua được. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Đúng vậy đúng vậy.

Nếu có Bồ-tát phát tâm đại Bồ-đề rồi, yêu thích tu tập trong pháp Đại thừa rồi lại ở nơi các người Bồ-tát, người tu Đại thừa, người tin hiểu Đại thừa, người trì tụng Đại thừa, người tiếp nhận Đại thừa, tin phụng quy hướng thân cận họ, mong cầu Đại thừa thụ trì đọc tụng, cho đến gặp phải nhân duyên khiến mất mạng cũng không tạm xả lìa Đại thừa, lại còn đối với những người khác tu Đại thừa thì dùng hương hoa cúng dường tôn trọng, với người chưa học Bồ-tát cũng không khởi tâm khinh mạn. Đó gọi là người Bồ-tát đi bằng thần thông Thanh Văn.

Sao gọi là người Bồ-tát đi bằng thần thông của Như Lai ?

Ví như có người muốn đi qua số thế giới nhiều như vi trần của các cõi Phật như trước, cho đến người này cầu thần thông của Phật rồi theo đường mà đi.

Diệu Cát Tường ! Ý ông nghĩ sao ? Người này mau có thể đi qua các thế giới như vậy chăng ? Diệu Cát Tường nói: Thế Tôn ! Người này trong khoảng một sát-na khi phát tâm như vậy liền có thể mau qua được các thế giới như vậy. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Đúng vậy đúng vậy.

Nếu có Bồ-tát phát tâm đại Bồ-đề rồi, cho đến hiểu rõ nghĩa lý to lớn sâu rộng cao tột của Đại thừa, thường vì cứu độ tất cả hữu tình, phát tâm đại Bồ-đề từ bi nhiếp thụ, đối với 6 Ba-la-mật-đa 4 nhiếp pháp v.v... phát tâm siêng năng dũng mãnh rồi, lại làm cho người khác cũng được an trụ như vậy. Đó gọi là người Bồ-tát đi bằng thần thông của Như Lai.

Trong đây nên nói: Nếu có người hủy báng chính pháp, tức gây chướng nạn đối với pháp tội rất lớn. Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Nếu có người tu Bồ-tát thừa tuy từng được thấy trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chư Phật Như Lai, rộng làm bố thí nơi chư Phật cho đến tu tập trí tuệ mà khởi tâm có sở đắc, tuy đến trong các pháp hội của Phật nghe thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa không sinh tôn trọng, hoặc thân hoặc tâm đều không thanh tịnh khởi nhiễm ô tuệ thành đại tội nghiệp, tức sinh hủy báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa. Do hủy báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa này, tức hủy báng quá khứ vị lai hiện tại chư Phật Thế Tôn và nhất thiết trí của Phật. Do nhân duyên ấy nên làm đại chướng nạn đối với pháp. Nghiệp này tương tục đọa đại địa ngục. Trải câu-chi na-dữu-đa trăm ngàn năm từ một địa ngục ra lại vào một địa ngục. Như vậy cứ lần hồi thành hoại, ra địa ngục rồi lại đọa nga quý và nẻo súc sinh. Xá-lợi tử bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Tội nghiệp chướng chính pháp này tương tục sẽ đọa địa ngục ngũ vô gián. Nay có thể nói tội nghiệp này không thể so sánh chăng ? Phật nói: Xá-lợi tử hãy thôi. Ông không nên nói.

Lại nữa các người tu hạnh Bồ-tát có nhiều thứ ma sự. Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Lại nữa Tu-bồ-đề ! Nếu có thiết lập các danh tự, Bồ-tát phải biết đó là ma sự. Nếu có ma đến chỗ Bồ-tát nói như thế này: Ông Bồ-tát này hiện thành chính giác thiết lập tên ấy. Bồ-tát bấy giờ tùy khởi quán sát kỹ, nếu trụ tướng không thoái chuyển, tức ma kia không dám tùy tiện, nếu khởi tâm phân biệt cho rằng mình đã được thụ ký, tức sinh tâm kiêu mạn, khởi khinh mạn

đôi với các Bồ-tát khác. Đó là phương tiện xảo quyết của ác ma muốn làm cho Bồ-tát xa lìa Bát-nhã, không thu nhận bạn tốt chạy theo bạn xấu, hoặc rơi vào Thanh Văn địa, hoặc rơi vào Duyên Giác địa. Người khởi tâm tương ưng với khinh mạn mắc tội rất nặng quá hơn 4 căn bản. Bồ-tát phải biết đó là ma sự.

Kinh Diệu Cát Tường Thần Thông Du Hý nói: Diệu Cát Tường nói: Thiên tử ! Tùy theo có sự nghiệp mà thành thì đều là ma sự. Hoặc sở cầu, hoặc có sở thủ, hoặc có sở xả, đều là ma sự. Hoặc có sở dục, hoặc có tưởng tượng, hoặc có lãnh nạp, hoặc có so đo, đều là ma sự. Lại nữa, Thiên tử ! Nếu đôi với tâm Bồ-đề có chỗ chấp trước đều là ma sự. Đôi với các tâm bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tiến thiền định trí tuệ có chỗ chấp trước đều là ma sự. Lại nữa thí mà khởi tâm khinh mạn, giới mà trụ phân biệt, nhẫn mà sinh giận tức, tinh tiến mà hý luận, thiền định mà chấp tướng, trí tuệ mà tác ý thì đều là ma sự. Nếu khởi tâm chán bỏ, thích ở trong vắng lặng, đó là ma sự. Nếu thực hành không, hành vô tướng, hành vô nguyện, hành vô hý luận, hành viễn ly, thực hành ngôn giáo của Như Lai mà khởi tâm ngã mạn có phân biệt, đều là ma sự. Thiên tử ! Cho đến hoặc có phân biệt hoặc không phân biệt, khi sinh ý niệm thấy nghe hay biết, đều là ma sự. Thiên tử hỏi: Diệu Cát Tường ! Vì nhân gì khởi các ma sự đó ? Diệu Cát Tường nói: Thiên tử ! Các ma sự đều từ tương ưng tăng thượng khởi. Bởi vì sao ? Các ma sự dòm ngó trong các pháp tương ưng tăng thượng tìm kiếm chỗ sơ hở để thuận tiện khởi lên, nếu không phải tương ưng tăng thượng pháp thì ma không làm gì được. Thiên tử nói: Diệu Cát Tường ! Những gì là tương ưng tăng thượng những gì là không tương ưng tăng thượng của Bồ-tát ? Diệu Cát Tường nói: Thiên tử ! Nếu 2 pháp tương ưng, tức là tương ưng tăng thượng. Bởi vì sao ? Vì 2 pháp tương ưng là làm hòa hợp y chỉ cho thể gian. Cái tương ưng tăng thượng này tức là chính tương ưng tăng ngữ. Cái chính tương ưng này tức bắt tương ưng tăng ngữ. Cái bắt tương ưng này tức vô hý luận tăng ngữ. Cái vô hý luận này tức

chính tương ưng tăng ngữ. Hoặc tương ưng hoặc bất tương ưng kiến lập trung đạo. Cho nên Thiên tử ! Không có nhân tương ưng, không có sắc tương ưng, cho đến không có ý tương ưng, không có pháp tương ưng. Đó gọi là chính tương ưng của Bồ-tát.

Lại nữa , Thiên tử ! Phải biết các Bồ-tát có 20 pháp theo đó khởi ma sự khiến ma hung hãn. Những gì là 20 ?

1. Với người tu sự nghiệp giải thoát, với người sợ sinh tử, với người tu tương ưng thắng hạnh, phương tiện gần gũi phụng sự cúng dường, những việc như vậy đều là ma sự đối với Bồ-tát.

2. Nếu chỉ biết quán không, xả bỏ hữu tình, là ma sự đối với Bồ-tát.

3. Nếu chỉ quán vô vi mà sinh biếng nhác với thiện căn hữu vi, là ma sự đối với Bồ-tát.

4. Tuy khởi định ý mà không tu định hạnh, là ma sự đối với Bồ-tát.

5. Nói pháp thì thích nói, mà nghe thì không khởi đại bi, là ma sự đối với Bồ-tát.

6. Đối với người có giới có đức thì cầu hành bố thí, với người phá giới thì sinh hủy báng, là ma sự đối với Bồ-tát.

7. Ưa nói ngôn luận Thanh Văn Duyên Giác mà ẩn giấu ngôn luận Đại thừa, là ma sự đối với Bồ-tát.

8. Ẩn giấu ngôn luận sâu xa ưa nói ngôn luận chung loại, là ma sự đối với Bồ-tát.

9. Tuy biết đạo Bồ-tát mà không cầu tu đạo Ba-la-mật-đa, là ma sự đối với Bồ-tát.

10. Lấy sự khen ngợi tương ưng tăng thượng mà dạy cho những loại hữu tình không tương ưng, là ma sự đối với Bồ-tát.

11. Tuy gieo trồng căn lành mà quay lưng với tâm Bồ-đề, là ma sự đối với Bồ-tát.

12. Tuy đối với tương ưng quán hạnh, tương tục thực hành mà không dạy cho các hữu tình, là ma sự đối với Bồ-tát.

13. Tuy cầu hết các phiền não vô dư, chán lìa phiền não sinh tử tiếp nối, là ma sự đối với Bồ-tát.

14. Tuy quán sát kỹ thắng tuệ mà không thủ cảnh sở duyên của đại bi, là ma sự đối với Bồ-tát.

15. Nếu không đủ phương tiện đối với tất cả thiện hạnh, là ma sự đối với Bồ-tát.

16. Tuy mong cầu pháp Bồ-tát tạng mà lại ưa thụ trì sách vở của ngoại đạo Lộ-già-da, là ma sự đối với Bồ-tát.

17. Tuy có đa văn nghe pháp mà thường tiếm giấu không cho người biết, là ma sự đối với Bồ-tát.

18. Tuy đa văn mà lấy duyên thế gian dạy người đổi lấy tài lợi không làm việc nghĩa lợi, là ma sự đối với Bồ-tát.

19. Ở nơi các pháp sư Đại thừa mà không thân cận tôn trọng phụng sự, trái lại ở nơi những người Thanh Văn Duyên Giác thừa những người không phải đồng phân mà cùng khen ngợi, là ma sự đối với Bồ-tát.

20. Nếu khi Bồ-tát ý có của cải oai đức dồi dào, hoặc Thiên Đê Thích, hoặc Phạm vương, hoặc Hộ thế, hoặc vua và trưởng giả đều không thân cận tôn trọng phụng sự vì oai đức dồi dào, là ma sự đối với Bồ-tát.

Đó là 20 pháp tùy khởi ma sự khiến ma hung hãn.

Kinh Hải Ý nói: Nếu có Bồ-tát đầy đủ tiếng tăm lớn, phong phú dồi dào tự tại, chủng tộc cao sang hơn người, quyến thuộc nhiều, có



đủ phúc hạnh, do đó mà sinh biếng nhác không lấy trí cầu thắng hạnh tương ưng, kiêu ngạo phóng túng, hoặc thấy Bồ-tát xuất gia viên mãn, thường dùng trí hạnh cầu pháp tương ưng, cần lao nhẩn khổ, gió to nóng lớn đều cam chịu, máu thịt tiêu hao hình dung xấu xí, người Bồ-tát trước thấy vậy nghĩ rằng mình hơn, sinh tâm kiêu mạn nên kia có thuyết pháp hay, cũng không chịu nghe lại còn thêm kiêu ngạo. Đó là Bồ-tát bị ma lực kèm chế.

Lại nói, có 4 pháp có thể làm chướng nạn đối với Đại thừa:

1. Phơi bày cái đức của mình.
2. Ẩn che đức của người khác.
3. Ngã mạn quá mạnh.
4. Giận dữ ngoan cố.

Lại các Bồ-tát không nên lấy việc phát tâm Bồ-đề mà vui mừng thỏa mãn mà phải rộng tu các thắng hạnh tương ưng.

Trong đây nên hỏi: Bồ-tát tại gia hành trì như thế nào ?

Đáp: Như Dũng Thụ Trưởng Giả Vấn Kinh nói: Phật nói: Trưởng giả ! Bồ-tát tại gia tuy sống với gia đình, thường tu các nghiệp người chính sĩ làm, không làm những gì không phải chính sĩ làm. Y theo pháp thụ dụng không dùng phi pháp. Gian khổ để tự mưu sinh không sống bằng tà mạng, không nào hại người khác. Được điều lợi tuy thường thụ dụng mà khởi quán vô thường, rộng dùng thật pháp thực hành bố thí đại xả không lẫn tiếc. Tôn kính thờ phụng cha mẹ. Đối với vợ con, người giúp việc nhà, người làm công, cho đến bạn bè quen biết, thường dùng chính pháp mà chỉ bảo nhau.

Lại nữa, những gì là Bồ-tát tại gia hành bất chính ?

Như Kinh Xuất Gia Chướng Nạn nói: Phật bảo tôn giả Đại Danh: Ông nay phải biết những người mù bẩm sinh, người câm điếc, và Toàn-đà-la bất tri lạc, người nhiều hủy báng, người siểm nịnh,

người ái nam, người thường làm nô bộc, người chuyên nữ thân, lạc đà, lừa, heo, chó v.v... các loại như vậy đời đời kiếp kiếp không ưa thích Phật giáo. Lại nữa, Đại Danh ! Bò-tát tại gia nếu có 4 pháp là việc khó:

1. Các loại hữu tình ở trước Phật từng trồng căn lành và người có tâm cầu xuất ly, người có tâm ưa thích thánh đạo, với họ nếu gây chướng nạn đó là việc khó thứ nhất đối với Bò-tát tại gia.

2. Tham đắm của cải, con cái, quyền thuộc không tin nghiệp báo, hoặc nam hoặc nữ hoặc vợ con v.v... các thân quyền thuộc trong cảnh giàu sang mà xả bỏ muốn xuất gia, nếu gây chướng nạn cho họ là việc khó thứ hai đối với Bò-tát tại gia.

3. Bò-tát tại gia hủy báng chính pháp, tuy nghe pháp chưa nghe, nghe rồi không tin lại sinh hủy báng, đây là cái khó thứ ba đối với Bò-tát tại gia.

4. Khởi tâm tổn hại và tâm gieo nhiều tội lỗi đối với Sa-môn Bà-la-môn đủ giới đức là việc khó thứ tư đối với Bò-tát tại gia.

Bốn thứ như vậy và các pháp chướng nạn khác cho đến đời đời đều là việc khó đối với Bò-tát tại gia. Như có một người rơi xuống một giếng bần bèn gọi mọi người bảo rằng: Cái giếng này thích quá có nước trong sạch. Mọi người nghe nói rồi, nước bần mà tưởng là nước trong, không cho nước bần đó là không trong sạch. Các hữu tình nhiễm dục cũng như vậy. Tự mình nhiễm bần dục mà lại dạy bảo người khác cũng nhiễm, tự nghĩ mùi hôi dạy người khác cũng vậy, tự rơi vào chỗ hiểm nạn tham san si v.v... mà dạy người khác cũng rơi xuống.

Lại nữa, như có người bị kẻ oán địch ném xuống hầm lửa, lửa đó cháy mạnh cao đến 7 người không cúi không khổi. Những người nhiễm dục cũng như vậy, lân la bên phụ nữ tán tỉnh nói những chuyện dục nhiễm rơi vào hầm lửa dục mà lại dạy bảo khiến người

khác cũng rơi xuống, khiến người kia rơi xuống rồi bệnh khổ lo âu thường bức bách.

Lại như một người dạy khiến những người khác lên chóp núi đao để hưởng khoái lạc mà bảo rằng: Núi này bằng phẳng không hiểm trở có thể lên núi này hưởng thú. Ở thế gian cha mẹ thương con cái cũng như vậy. Vì thương con nên đối với việc dục nhiễm tùy sinh chấp trước mà pháp dục nhiễm thật là đại ác như rắn độc. Người đó nhiễm tâm lại dùng lời hay đẹp khen việc dục nhiễm. ba đường dữ rất nguy hiểm đáng sợ thế mà lại dùng lời hay nói khéo. Người nói như vậy sẽ đọa vào đường địa ngục ngạ quỷ súc sinh.

### QUYỂN 3 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỀN 4

Như Nhật Tử Vương Sở Vấn Kinh nói: Phật nói: Đại vương ! Người nhiễm dục kia tham đắm việc dục, ưa thấy người nữ hành pháp nhiễm dục, không thích gần gũi Sa-môn Bà-la-môn đủ giới đức vì bị người có giới đức chán ghét. Giảm mất các pháp tín, giới, văn, xả, tuệ, các thứ ô uế mùi hôi bất tịnh tràn đầy nên sinh đam nhiễm không biết chán bỏ, ở nơi ô uế như loài giòi trùng, xa lìa sự hổ thẹn, diệt mất pháp nhân thiên, tàn phế thân mạng, người trí quở trách, bị nữ nhân hàng phục, làm nô lệ cho phụ nữ, lấy đờm dãi các thứ bất tịnh làm vị ngon, ở trong cảnh bất tịnh cùng bò dê gà lợn chồn và lừa v.v... đồng sở hành, xa lìa tình yêu thương hiếu thảo với cha mẹ Sa-môn Bà-la-môn, giảm nhẹ tịnh tín với Phật pháp phải đọa trong loài địa ngục ngạ quỷ súc sinh, leo lên cây sắt chia ba bên bờ hiểm nguy sợ hãi rơi xuống đại địa ngục A-tì như đặng hoạt, hắc thăng, chúng hợp hiền kiêu, đại hiền kiêu, viêm nhiệt, đại viêm nhiệt đều do nữ nhân kia. Quen thân đùa giỡn luyến ái vui cười say sưa hoan lạc ca xướng múa hát, chỉ biết nghĩ những chuyện như vậy nên không nghĩ cầu xuất ly.

Lại nữa, không nghĩ cha mẹ sinh ra nuôi nấng rất khó nhọc, 10 tháng cưu mang chịu đựng dơ dáy gian khổ, đến khi sinh ra rồi lại thêm nhiều khổ não nuôi dưỡng bú mớm thương yêu cho đến trưởng thành dạy dỗ các sự nghiệp trong Diêm-phù-đề muốn cho con được

yên ổn lợi lạc. Bây giờ cha mẹ vì muốn con được yên ổn lợi lạc nên lựa chọn dòng họ thượng lưu cưới vợ cho con. Con thương yêu vợ không nghĩ tôn trọng hiếu dưỡng bỏ phế mẹ cha. Sau cha mẹ già yếu con còn tìm cách khiến cha mẹ ra khỏi nhà mình. Phật nói: Đại vương ! Đại vương hãy quan sát người ấy không có lòng thương yêu, sinh tâm lia bỏ, khởi tâm tổn hại, không nghĩ cha mẹ sinh để nuôi dưỡng gian khó lại vì con thường tạo sự an lạc, con lại bội ơn đui cha mẹ ra khỏi nhà mình để được tự do với vợ con, ăn mặc sung sướng phủ phê. Do nhân duyên ấy xả bỏ nẻo thiện làm điều phi pháp, chắc chắn phải đọa trong các ác thú.

Lại nữa nói rõ tất cả hữu tình cùng làm tà hạnh, chỉ có Bồ-tát mới không làm. Đó là sát sinh trộm cắp dục tà hạnh v.v... Làm như vậy rồi chắc chắn phải gặp quả không ưa thích. Như Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội có bài kệ rằng:

*Người ngu mê đắm các việc dục,  
Gần gũi nữ nhân thân nhiễm bản.  
Trở lại vào trong nhiễm bản kia  
Theo nghiệp đọa tại các nẻo ác.  
Phật chẳng khen ngợi việc dục nhiễm,  
Cũng chẳng cho gần gũi nữ nhân.  
Sợi dây sợ hãi bị trời buộc,  
Dây dục phụ nữ rất bền chắc.  
Lửa dục đốt cháy phải lìa xa,  
Nhu rấn độc dữ trí phải biết.  
Người nữ không tin không thể nhờ,  
Người trí đường này ắt phải biết.  
Quán sát Bồ-đề đạo tối thắng,  
Đó là trước gần gũi Phật.  
Quán rồi tròn thánh đạo Bồ-đề,  
Đạt được chư Phật trí vô thượng.*

Như Kinh Chính Pháp Niệm Xứ nói: Tội nhân trong các địa ngục các ngục tốt thường ngày ngày nói rằng tội nhân các người tự tạo ác nghiệp quyết định không mất, tùy theo chỗ tạo, vô số nghiệp hành bất thiện cũng vậy nay chịu vô số các khổ tương đương với nhân mà nhận lấy quả không khác, do các chủng tử nên thụ quả cũng vậy. Do đó tội nhân các người nay đọa trong đại địa ngục viêm nhiệt là do tự mình tạo nhân bất thiện nghiệp nhầy đầy mà nay chịu quả nghiệp bất thiện cũng nhầy đầy như vậy. Như vậy trải trăm ngàn năm do tội đã tạo, ở nơi bất tử không lợi lạc dục. Bấy giờ tội nhân kia chịu tội địa ngục mãn rồi hoặc tạm phóng thích liền cầu cứu hộ. Tội nhân xa thấy như đám mây đen to lớn vô cùng, lại có bầy chó dữ mồm như kim cương lớn tiếng gào sủa chạy đến bao vây, tội nhân thấy rồi bỏ chạy bốn hướng, tức thì bầy chó đuổi theo cắn tấp ăn thịt tội nhân da thịt rách nát thân thể đứt lìa rơi ra từng đoạn cho đến khi ăn hết không sót chút nào. Bị ăn như vậy rồi, do nghiệp lực duy trì nên sinh trở lại lần hồi lớn lên rồi lại bị ăn. Tất cả những nghiệp quả báo đó là do sát sinh ăn thịt hại hữu tình mà có quả báo như vậy.

Lại nữa, quả báo của nghiệp trộm cắp là như tội nhân kia tuy thấy tạo nghiệp quả báo thật sự mà vì ác nghiệp mê hoặc theo đuổi không thôi, xâm phạm lấy của người khác làm của mình. Do tội này mà ngục tốt bắt lấy tội nhân dùng đao bén cắt đứt tay chân, đứt rồi liền lại. Thấy các tội nhân cũng đều bỏ chạy bị các ngục tốt bắt lại hoặc dùng kiếm nhọn, hoặc thước-cát-đế, hoặc đô-ma-la, hoặc chày giã, đều có lửa cháy, chặt chém đánh đập các cách trị phạt. Tất cả đây là quả báo nghiệp bất thiện của trộm cắp. Trải qua vô số trăm ngàn năm ở trong địa ngục này, cho đến tan hoại hết nghiệp quả trộm cắp mãn hạn rồi mới được phóng thích.

Lại nữa, nói về quả báo của dục tà hạnh. Người nhiễm dục thấy người nữ kia ở trong địa ngục sông tro khi nổi khi chìm kêu gào sợ hãi mà địa ngục ấy sôi sục rất dữ trạng như dòng nước. Bấy giờ

người nữ kia khóc lóc kêu người ấy rằng: Tôi tự tạo nghiệp nay đọa nơi địa ngục sông tro hiểm ác này không ai cứu không nơi nhờ cậy xin cứu hộ tôi. Bấy giờ người nhiệm dục nghe tiếng người nữ kêu khóc, nghiệp si mê nổi dậy, tức thời chạy đến nhảy vào dòng sông ấy. Người này nhảy vào, dòng nước nóng chạm thân khắp người tan chảy không sót tí nào, rồi nghiệp lực duy trì chết xong sống lại. Lại nữa, như trước thấy người nữ kia nơi sông tro kêu cứu, người ấy thấy vậy cũng chạy đến nắm người nữ thì người nữ kia trở lại nắm lấy người ấy dùng cây gậy bằng sắt nóng đánh đập máu chảy đầm đìa toàn thân tan nát. Người nhiệm dục kia do nghiệp lực duy trì chết rồi sống lại. Nhiệm nhân quá nặng nên lại trở lại kéo người đàn bà như trước cùng ở nơi sông tro. Trong đại địa ngục trải vô số trăm ngàn năm cho đến nghiệp quả nhiệm dục mới được phóng thích. Rồi lại hoàn sinh như kinh nói rõ.

Trong đây phải biết chớ nên chấp đắm của cải giàu có cho đến thọ mạng. Người sinh đắm trước tức là tà hạnh.

Như Thắng Quân Vương Sở Vấn Kinh nói: Phật nói: Đại vương ! Ví như thế gian hoặc nam hoặc nữ chiêm bao thấy nào là vườn rừng nào núi non, nhân dân, phố xá đẹp đẽ đáng yêu, khi thức dậy tất cả đều không có. Đại vương ! Lại như các rừng cây trái chồi nhánh thân lá lúc đầu xanh tươi dần biến sắc đỏ, lần lượt trở hoa, hoa nở không lâu rồi kết trái, trái rụng rồi thấy điêu tàn. Như trước hoa quả đều vô sở hữu. Nay Đại vương cũng vậy. sự sung sướng của bậc vương giả trên thế gian là sự giàu có sung túc ngũ dục lạc. Nói rộng là voi ngựa xe cộ kho lẫm của cải lúa thóc cung điện vườn tược vàng bạc châu báu văn võ bá quan cung phi mỹ nữ đồng nam đồng nữ cho đến tất cả vương tộc thân chi. Tất cả những thứ như vậy đều nên xả bỏ mà cầu xuất ly. Tất cả những thứ ấy đều là vô thường, không bền chắc, không cứu cánh, là pháp biến đổi, không chân thật, không ở lâu, là dao động, sát-na tan mất. Rốt cuộc là tội, là mất hết, là tiêu diệt, cực

hạn là pháp giảm mát, là sợ hãi, là sâu não sinh nhiều ưu khổ, là tổn, là đọa, là đoạn, là phá, là pháp chia tan. Đại vương phải biết như vậy.

Lại như có 4 núi lớn từ 4 phương đến. Núi ấy vững chắc không phá không vỡ chóp đỉnh đầy đủ từ trên hư không nhất thời rơi xuống đất. Bây giờ các loại hữu tình trên đất cho đến tất cả cây cối thảo mộc đều bị phá hủy. Các loài hữu tình và cây cối thảo mộc không thể tránh khỏi. Dầu cho có sức mạnh cũng không thể chạy trốn, cũng không có phương cách nào có thể ngăn chặn được. Đại vương ! Bốn sự sợ hãi lớn lớn kia nếu đến cũng như vậy. Tất cả hữu tình đều không thể tránh. Dầu có sức mạnh cũng không thể chạy trốn, cũng không có phương cách nào ngăn chặn được.

Những gì là 4 ? Nỗi sợ hãi của cái già đến phá hoại tướng thanh xuân. Nỗi sợ hãi về bệnh tật đến phá hoại pháp an lạc. Nỗi sợ hãi về cái chết đến hoại diệt mạng sống. Tà hạnh nếu sinh phá mất chính hạnh.

Đại vương ! Lại như sư tử là chúa trong các loài thú, nếu muốn vào trong bầy thú bắt lấy một con ăn thịt thì tùy ý muốn chẳng có gì khó. Nhưng sư tử kia tuy có sức mạnh lớn, nếu vào trong miệng của bầy chim đại ác thì không tự tại chút nào mà còn bị ăn không sót.

Đại vương ! Mũi tên độc bắn chết người cũng vậy. Trúng phải tên này thì người sinh mê loạn không cứu chữa được, lóng đốt muốn đứt máu huyết cạn khô, khát nước rất ngặt mặt trông khủng khiếp tay chân rời rã không còn sức lực, nước dãi nước mắt chảy trào đại tiện nhơ nhớp khắp thân, mắt tai mũi lưỡi thân ý các thức không hoạt động, cổ họng nghẹt muốn nói không được, thầy thuốc bó tay không chữa được, không làm sao ăn uống. Người này lúc bấy giờ theo nghiệp lực muốn chạy nẻo đường khác. Từ vô thủy đến nay sinh già bệnh chết luân hồi lưu chuyển tuần hoàn không thôi. Thức này bỏ thức khác lại dựa, dư nghiệp mạng này lại lấy thân khác. Diêm-ma ngục tốt thật là đáng sợ, thường ở trong đêm dài tăm tối, khi sắp xả thức hơi thở ra vào dần dần yếu đi một mình đơn độc không bạn bè,



thế giới này mãn rồi đi thế giới khác, độc hành trên đường rộng dài thật kinh sợ mà sinh cực kỳ kinh sợ, đi trên đường sâu thẳm vào nơi hết sức tối tăm rất gian nan hiểm trở, chìm trong biển lớn sinh tử, gió nghiệp thổi phiêu dạt vô định chẳng biết phương hướng chẳng biết đến đâu. Bây giờ không ai cứu không nơi quy về.

Phật nói: Đại vương ! Bây giờ chỉ có thiện pháp mới là chỗ quy về nương tựa mới là kẻ cứu hộ. Đại vương ! Sự giàu có sung sướng của thế gian đều là vô sở đắc chớ sinh đắm trước, mọi tạo tác đều là tà hạnh, cho nên đại vương phải tu chính hạnh.

Nói chính hạnh là, như Phẩm chân thật nói: Nếu nhà vua thực hành 8 thứ tướng tức là chính pháp tương ưng hộ thế. Những gì là 8 ?

1. Những người cô độc không con cái thì tướng mình như con.
2. Giúp đỡ bạn ác tướng như cứu người bệnh.
3. Thấy khổ khởi tướng cứu giúp.
4. Thấy vui khởi tướng hoan hỷ.
5. Với kẻ oán đối tùy quán nhân duyên khởi tướng lia tội lỗi.
6. Với các bạn lành khởi tướng theo hộ.
7. Thấy các giàu có sung sướng tướng như thuốc chữa bệnh.
8. Với thân khởi tướng vô thường.

Lại như Kinh Pháp Ác Tuệ nói: Nếu nhà vua có thể đầy đủ 4 pháp nên thụ vương quán đảnh, tức thành pháp không thoái đọa mau chóng được Như Lai ứng cúng chính đẳng giác, ái niệm đạt được phú lạc rộng lớn đầy đủ. Những gì là 4 ?

1. Hộ trì giáo pháp Như Lai khiến được trụ lâu.
2. Xả bỏ tội pháp bất thiện.
3. Giữ lấy pháp môn không vô tướng vô nguyện.
4. Phát khởi tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Trong đây sao gọi là xả bỏ tội pháp bất thiện ?

Như Phẩm Nhật tạng nói: Phật nói: Đại vương ! Trong đời vị lai các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, nơi họ một loại tu hành chính pháp mà xâm phạm đoạt lấy tất cả nhà cửa ruộng vườn tôi tớ đồ dùng nằm ngồi thuốc thang cho đến tứ túc v.v... hoặc tự dùng hoặc cho người khác dùng, các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà này ngay trong đời hiện tại gặp phải 20 pháp không được ưa thích.

Những gì là 20 ?

1. Hiền thánh lia bỏ.
2. Đi đến đâu cũng bị chê bai.
3. Bạn tốt xa lia.
4. Sinh nhiều oán đối.
5. Cửa cái vật dụng bị phá hoại.
6. Sinh nhiều tán loạn.
7. Thân phần tàn khuyết.
8. Mất ngủ.
9. Sầu não bức bách.
10. Uống bị trúng độc.
11. Bạn bè khinh khi.
12. Thường tranh cãi với người.
13. Cha mẹ vợ con tôi tớ bà con giáo lệnh không thi hành.
14. Những gì che giấu, cửa cái bí mật bị người phát giác.
15. Những người mình giữ bí mật những việc bí mật bị người khác nói.
16. Cửa cái tiêu tan 5 phần.
17. Bị bệnh nhẹ bệnh nặng xâm nhập.
18. Người chăm sóc thuốc thang đều lia bỏ.

19. Máu thịt cạn khô chịu các khổ não.

20. Thân thể bê bết đại tiểu tiện mà chết.

Đại vương ! Như vậy 20 pháp không được ưa thích hiện đời họ mau gặp phải do họ đã xâm đoạt của người tu hành chính pháp để tự thụ dụng hoặc cho người thụ dụng. Do nhân duyên ấy chết rồi đọa địa ngục A-tì, hết một kiếp khát uống nước đồng sôi đói nuốt hoàn sắt nóng thân mặc áo lửa chịu các khổ lớn như vậy. Hết một kiếp rồi từ địa ngục ra lại sinh vào loài ngựa quý ở nơi đồng hoang đất đai khô cằn đầy hiểm nạn. Bốn phương lửa cháy gió thổi, đất cứng như sắt, trải vô số trăm ngàn năm chịu khổ nơi đó. Sau đó tạm thời hoặc đã diệt rồi làm một cục thịt ở trong biển lớn đến trăm do-tuần do nghiệp nhân đời trước khiến chung quanh trăm do-tuần biển kia đều thành nước đồng sôi. Như vậy trải nhiều trăm ngàn năm chịu khổ địa ngục ở trong biển lớn. Từ biển ấy diệt rồi trở lại sinh nơi đồng hoang lớn đầy hiểm nạn này hóa thành cục thịt to bằng quả núi bị gió nóng 4 phía thổi, các loài chim bay thú chạy 4 phương kéo đến ăn. Qua thời gian dài hoặc tạm diệt trở lại sinh trong địa ngục lớn. Địa ngục diệt rồi thường thường thụ khổ quả đại ác ấy. Sau đó xong một kiếp mới được thân người. Tuy sinh trong cõi nước Phật nhưng đủ 5 thứ ô trược không có trí tuệ, mắt lé lại câm điếc.

Đại vương ! Tất cả như vậy đều do xâm đoạt của kẻ tu hành chính pháp kia.

Như Phạm Nguyệt tạng nói: Các nhân giả ! Người xuất gia trong pháp của ta, khởi đại tội là sát sinh, trộm cắp, dục tà hạnh, vọng ngữ v.v... các nghiệp cực kỳ bất thiện. Nghĩa là Sát-đế-lợi kia, la-nhã cho đến châu thành, làng xóm, quan thuộc ở nơi người xuất gia hoặc đất nước, châu thành trụ xứ, chùa chiền tinh xá làm những việc ngăn cấm không cho cư trú, hoặc dùng lời ép buộc, tiếng xấu mắng nhiếc, hoặc ngược đãi thân thể như đánh đập, tất cả những nơi kia tuần hoàn

đều không giải thoát, đối với cõi trời cõi người có chỗ giảm mát, phải đọa địa ngục lớn A-tì.

Bấy giờ chư thiên cho đến Yết-tra-bồ-đơn-na v.v... tùy đến nơi tất cả đại chúng đều phát tâm thanh tịnh cao tột đối với Tam Bảo, dùng các tướng cực kỳ tôn trọng đồng nói rằng: Chúng con từ nay trở đi thề hộ vệ tất cả trong giáo của Thế Tôn. Nơi nào có Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, dưới đến người phá Phật giới, dưới đến người không giữ giới hạnh trong Phật pháp chỉ cạo tóc mặc ca-sa chúng con đối với họ cũng khởi tưởng đại sư đều vì hộ trợ tất cả phương tiện sinh hoạt. Nếu lại có ở địa phương nào hoặc có quan chức đối với người cạo tóc mặc ca-sa mà dùng các duyên uy hiếp đánh đập, chúng con sẽ bỏ cảnh giới của họ mà không hộ giúp, trong nước nếu có xảy ra các thứ đua nịnh không thật, đấu tranh, sát hại, tật dịch, đói kém, binh nước khác xâm lấn quấy nhiễu, mưa gió thất thường, hạn hán lụt lội, giống má thất thoát, có những sự nhiễu hại như vậy chúng con không ngăn chặn. Chúng con sẽ bỏ trống cảnh giới mà đi sang nước khác có đệ tử Phật để hộ giúp.

Như Kinh Địa Tạng nói: Phật nói: Địa Tạng ! Quá khứ có nước tên Bán-tả-la, vua tên Tối Thắng Quân. Bấy giờ theo luật pháp nước ấy có người bị tội tử hình. Để hộ mạng, người ấy lén cạo râu tóc dùng tám ca-sa y quấn nơi cổ. Bấy giờ quan thi hành án tử hình bắt tội nhân trói 5 chỗ lại đuổi đi đến khu rừng hoang vắng mệnh mông tên Vĩ-thê-yết-lam-phước-ca bỏ đó mà về. Đêm đó trong khu rừng ấy có La-sát nữ tên Ác Nhân cùng 5 ngàn quyến thuộc đến vào rừng chợt thấy người kia bị trói 5 chỗ, râu tóc cạo quấn tám ca-sa, thấy rồi liền đi nhiễu quanh bên phải đánh lễ rồi ra khỏi rừng. Tiếp đến có La-sát nữ tên Khư-nhĩ-la-nại-đế cùng một ngàn quyến thuộc, tiếp đến có La-sát nữ tên Tranh Nanh Phát, tiếp đến có La-sát nữ tên Kiếm Khẩu lần lượt đến vào trong rừng đều thấy người kia râu tóc cạo quấn tám

ca-sa, thấy rồi tuy chúng đang đói rất ngặt nhưng không dám ăn thịt đánh lễ rồi bỏ đi.

Lại nữa, quá khứ có vua tên Tối Thắng Phúc. Vua ấy có một bề tôi mưu trí giao kẻ tử tội cho con voi say. Người ấy dùng tám ca-sa đổ lên mặc lên người. Khi con voi say đưa vòi cuốn 2 chân tội nhân tận lực sắp vật xuống đất, bấy giờ voi thấy tội nhân thân mặc tám ca-sa đỏ, thấy rồi liền sinh tâm thanh tịnh bèn đặt nhẹ tội nhân trên đất quỳ phục xuống trước tội nhân chảy nước mắt sám hối tạ tội, rồi dùng vòi chùi rửa 2 chân. Phật nói: Địa Tạng ! Hơn nữa hãy xem con voi kia tuy thụ thân bàng sinh thấy người mặc tám ca-sa còn bỏ đi không tạo tội nghiệp, huống chi đời vị lai có Chiên-đà-la La-nhã và quan chức, Sa-môn, Bà-la-môn, trưởng giả v.v... là người Chiên-đà-la vốn thật ngu muội làm ra thông minh khinh mạn dùng lời lẽ nịnh hót lừa gạt người đời nói ta là người cầu vô thượng Đại thừa. Bọn chúng là người Chiên-đà-la ngu si không biết sợ, không thấy quả báo đời sau. Ở trong pháp của ta, nơi những người xuất gia, dù là pháp khí dù chẳng phải pháp khí, nếu dùng mọi cách để dò xét dòm ngó lỗi lầm, dùng lời ác khắc trách hay roi vọt đánh đập, cấm cản sinh hoạt, lại dùng các thứ tục sự mà đặt ra điều lệ quy chế, hoặc trì hoãn kéo dài thời gian, hoặc lên thừa công việc tìm kiếm lỗi lầm mà đặt điều quy chế, như vậy cho đến hại mạng, những người như vậy trong 3 đời tất cả chư Phật Thế Tôn sinh tội lỗi rất lớn phải đọa trong địa ngục lớn A-tì liên tục đốt cháy đoạn dứt thiện căn, tất cả người trí thường xa lánh.

## QUYỂN 4 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỂN 5

Như Kinh Địa Tạng nói: Lại nữa có Sát-đế-lợi Chiên-đà-la cho đến trưởng giả Chiên-đà-la đối với những thứ được làm cho 4 phương tăng như tạo lập chùa chiền tinh xá vườn rừng đài quán ruộng đất người giúp việc v.v... ẩm thực y phục đồ nằm thuốc thang, hoặc cây ăn trái, cây thuốc nhuộm, cây hương liệu, cây che mát cho đến các thứ dụng cụ hoặc tự xâm phạm chiếm đoạt, hoặc sai người xâm đoạt, hoặc tự thụ dụng hoặc khiến người thụ dụng, đối với nơi người xuất gia trong pháp của ta hoặc sinh giận dữ, mắng nhiếc, cảm can, khinh khi gây chướng nạn đối với chính pháp, quấy rối pháp sư thuyết pháp, những việc làm như thế sinh tội lỗi rất nặng trong 3 đời tất cả Phật Thế Tôn, cho đến tất cả người trí đều xa lánh.

Lại nữa trong đó Thế Tôn có nói ta chấp nhận cho các Bồ-tát Ma-ha-tát bậc nhẫn địa được thụ dụng Sát-đế-lợi vương quán đánh và phú lạc. Bồ-tát Kim Cương Tạng bạch Phật: Thế Tôn ! Vua Sát-đế-lợi thụ quán đánh, nếu chẳng phải Bồ-tát được nhẫn sẽ phải đọa những ác thú nào ? Phật nói: Kim Cương Tạng ! Nếu chẳng phải Bồ-tát được nhẫn thì chỉ có thể tu tập 10 thiện nghiệp đạo, thụ Sát-đế-lợi vương quán đánh và thụ dụng phú lạc ta cũng chấp nhận. Bồ-tát Kim Cương Tạng bạch Phật: Thế Tôn ! Nếu chẳng phải Bồ-tát được nhẫn, lại không tu đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo, Chiên-đà-la Sát-đế-lợi La-nhã kia ở trong giáo thậm thâm của Thế Tôn khiến giảm mất,

phải đọa trong địa ngục lớn A-tì, làm sao được giải thoát ? Phật nói: Thiện nam tử thụ Sát-đế-lợi vương quán đánh, nếu mặc áo giáp tín lực kiên cố, sinh tịnh tín rộng rãi trong Tam Bảo, lại không đối với 3 thừa pháp xuất ly của ta mà sinh hủy báng, dưới đến một bài kệ 4 câu cũng không khinh chê, với người giữ giới phá giới hoàn toàn không quấy rối, nếu là vật thuộc chúng tăng hoặc thuộc của riêng, tất cả vật thụ dụng đều không xâm đoạt cấm cản, thường nghe thụ pháp 3 thừa xuất ly, tùy sức tu hành, thường thân cận các Bí-sô tu hành 3 thừa, nguyện lực kiên cố không khởi tâm trái nghịch, dạy dỗ hữu tình pháp Đại thừa khiến vào an trụ, nếu là vua Sát-đế-lợi có thể đủ các tướng như vậy thì nên thụ dụng quảng đại phú lạc mà không thoái đọa. Chư Phật Như Lai trước đều chấp nhận, ta nay cũng chấp nhận việc này.

Lại nữa trong đó nói như thế này: Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện trưởng giả, hoặc nay hiện tại hoặc đời vị lai cho đến 5 trăm năm khi pháp gần diệt, hoặc tự mình hoặc người khác làm công việc hộ vệ, trong giáo pháp thanh tịnh của Phật kiên cố giữ gìn, lại nữa với người an trụ Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Đại thừa, các Bồ-đặc-già-la tu đầy đủ giới đức thanh tịnh rộng lớn, nếu là pháp khí hoặc chẳng phải pháp khí, cho đến người chỉ cạo râu tóc mặc ca-sa đều bảo hộ. Lại bảo hộ giữ gìn chùa tháp và các vật sở thuộc không xâm đoạt hoặc tự thụ dụng hoặc cho người khác thụ dụng, ai xâm phạm thì liền ngăn cản, phúc uẩn như vậy vô lượng vô số không có hạn lượng.

Bấy giờ trong hội, tất cả thiên chủ cho đến Tất-xá-tả chủ đồng nói rằng: Thế Tôn ! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện trưởng giả có đầy đủ công đức như vậy chúng con đều ủng hộ khiến đủ 10 việc tăng trưởng.

Những gì là 10 ?

1. Tăng trưởng tuổi thọ.
2. Tăng trưởng không tai nạn.

3. Tăng trưởng không bệnh tật.
4. Tăng trưởng quyền thuộc.
5. Tăng trưởng tiền bạc của cải.
6. Tăng trưởng đồ dùng sinh hoạt.
7. Tăng trưởng tự tại.
8. Tăng trưởng tiếng khen.
9. Tăng trưởng bạn lành.
10. Tăng trưởng trí tuệ.

Chúng con và quyền thuộc chúng con thường bảo hộ chân thiện Sát-đế-lợi vương kia đến tận biên giới của đất nước, bảo hộ khiến xa lìa 10 thứ.

Những gì là 10 ?

1. Binh địch của nước khác.
2. Binh địch trong nước.
3. Người tạo nghiệp có tội.
4. Người sát hại.
5. Mưa trái mùa.
6. Gió chướng thời tiết nóng.
7. Cục ác tinh tú.
8. Nạn đói kém.
9. Ác bệnh chết yểu.
10. Tà kiến.

Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: Phật nói: Nếu các thiên long Dạ-xoa ở trong giáo pháp ta làm kẻ hộ trì, thì đó là đại thí chủ khiến pháp nhãn của ta tồn tại lâu dài, dòng giống Tam Bảo không tuyệt dứt. Các Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di những đưa con sinh từ miệng ta, từ pháp hóa sinh và các tịnh tín thiện nam tử thiện nữ nhân



vì pháp thắng nghĩa để cho đến vì câu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thấy đều hộ trì. Ta nay tự thân phú chúc cho các người thiên long Dạ-xoa đại thí chủ và Từ Thị v.v... các Bồ-tát Ma-ha-tát trong đời hiện kiếp làm kẻ hộ trì như ta đã sắc bảo. Ai muốn an trụ tu hành chính pháp liền được thiện tâm.

Sao gọi là được thiện tâm ?

Như Kinh Bảo Vân nói: Bồ-tát được thiện tâm, trong đó sao gọi là thiện tâm ? Nghĩa là nếu có thể thân tâm ly tức được thiện tâm. Nên sinh tâm như vậy mà thâm xét quán sát sẽ dùng pháp gì là pháp tâm mình sẽ thực hành. Lại nữa lấy gì gọi là thiện ? Nếu thực hành nơi thiện tức tâm hoan hỷ thanh tịnh. Do tâm hoan hỷ nên hành thiện, có thể sinh nhiều thứ chán lìa, có thể khởi nhiều thứ quán sát mà các pháp bất thiện đều diệt mất.

Kinh A-xà-thế Vương nói: Các Bồ-tát không nên sinh tâm như vậy. Nếu tâm có chỗ sinh thì các ác ma dò xét được chỗ tiện. Chư Phật Như Lai cũng không ưa thích, hiền thánh không sinh tâm hoan hỷ, phần thiện căn của mình cũng giảm mất. Nếu sinh tâm mà không có chỗ sinh tức các ác ma dòm ngó không thấy chỗ tiện, chư Phật Như Lai đều ưa thích, hiền thánh hoan hỷ, phần thiện căn của mình không giảm mất. Nếu tu hành như vậy tức nơi tất cả xứ sinh tâm, sinh tâm chuyên pháp luân, pháp nói ra không tạp loạn.

Như Kinh Khai Phát Nội Tâm nói: Phật nói: Từ Thị ! Nếu các Bí-sô thuyết pháp tạp loạn, tuy dù có đa văn trở lại sinh kiêu ngạo mê say quên mất, nội tâm tán loạn không chuyên chú, tâm siểm khúc liên tục sinh, xa lìa Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na không được người tôn trọng, thiên long Dạ-xoa cũng không tùy thuận, chỗ tu chính hạnh không thành tựu. Nếu chỗ thực hành đều vô sở đắc, đó là chính hạnh. Nếu muốn biết rõ chính hạnh, tức là siêng thực hành tu tập, đa văn an tọa. Lại nữa, trong đó nói như thế này: Nếu có Bồ-tát siêng tu thắng

hạnh mà làm tổng lãnh tạo tháp 7 báu đầy 3 ngàn đại thiên thế giới ta cũng không chấp nhận. Nếu lại có người nghe thụ chính pháp một bài kệ 4 câu tương ứng với Bát-nhã Ba-la-mật-đa ta liền tôn trọng ngợi khen. Bởi vì sao ? Đa văn có thể sinh Bồ-đề chư Phật, lại từ thế gian không sinh thủ trước. Nếu có Bồ-tát siêng tu thắng hạnh làm tổng lãnh nên vì người khác thuyết pháp dạy dỗ. Bồ-tát với sự dạy dỗ đó khiến các pháp ràng buộc không sinh ràng buộc, đạt được phúc uân rộng lớn vô lượng nghiệp chướng tiêu tan.

Từ Thị ! Giả sử Bồ-tát tu thắng hạnh tổng lãnh đầy cả Diêm-phù-đề, các Bồ-tát ấy nếu có thể với một Bồ-tát siêng năng thuyết pháp giảng dạy, phụng sự cúng dường, lại nếu Bồ-tát đầy Diêm-phù-đề siêng tu thuyết pháp giảng dạy mà đều với một Bồ-tát cần hành an tọa, thừa sự cúng dường, như vậy Phật đều chấp nhận và tùy hỷ. Bởi vì sao ? Sự nghiệp trí tuệ là trên hết trong những sự nghiệp khó làm, cao hiển nhất trong tất cả 3 cõi.

Lại nữa, người tuyên thuyết chính pháp hạnh, như Kinh Bảo Tích nói: Phật nói: Ca-diếp ! Ví như một chủ nhà buôn muốn vào biển lớn tìm của báu vô giá trước quan sát kỹ thuyền bè có chắc chắn không, cho đến đến được chỗ báu rồi về lại nhà mình. Ca-diếp ! Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vậy, muốn vào biển nhất thiết trí trước phải quán sát siêng tu 6 Ba-la-mật-đa cho đến vượt qua tất cả ngu phu, dị sinh, địa vị Thanh Văn, Duyên Giác nhiên hậu trụ quả vị Phật.

Kinh A-xà-thế nói: Phật nói: Đại vương ! Tâm nhất thiết trí không đứt mất căn bản. Như vậy căn bản đó phải khởi tinh tiến siêng năng cố gắng chỉ dạy. Bồ thí không chán đủ lấy đó hồi hướng trí nhất thiết trí. Trì giới không chán đủ vì hồi hướng tất cả hữu tình. Nhẫn nhục không chán đủ vì cầu sắc tướng Phật. Tinh tiến không chán đủ vì siêng tu tập các thiện căn. Thiên định không chán đủ vì sở duyên tương ứng. Trí tuệ không chán đủ vì đối với mọi nơi tư duy lựa chọn kỹ, vì pháp lợi. Phú lạc thọ mạng đối với tất cả mọi chỗ đều không

lỗi lầm. Với lại người tu chính hạnh phải khởi tâm bình đẳng vì tất cả hữu tình.

Như Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: Phật nói: Đồng tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát phải đầy đủ một pháp. Nếu thành công đức ấy tức mau chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Một pháp là những gì ? Đồng tử ! Là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tất cả hữu tình khởi tâm bình đẳng, tâm lợi ích, tâm không chướng ngại, tâm không độc. Đó là một pháp. Người muốn tu chính hạnh phải xả bỏ các việc lợi dưỡng.

Như Kinh Khai Phát Nội Tâm nói: Cần phải quan sát các việc lợi dưỡng vì đấng trước thì mất chính niệm. Nếu khi khởi si thì thành tự lợi. Nếu khi khởi siểm nịnh thì không thể tùy thuận những gì Phật dạy. Khi kiêu ngạo khởi thì cứ chỉ làm căn bản hiểm ác. Những thứ này phá hoại mất các thiện căn, nên người trí cần phải quan sát kỹ lợi dưỡng. Tuy hiện thụ thấy có sở đắc nhưng quả lợi đời sau là hoàn toàn không. Vô lượng thiên định đều xa lìa hết phải đọa các nẻo địa ngục ngạ quỷ súc sinh. Người trí phải quan sát kỹ lợi dưỡng. Như dòng nước chảy liên tục không dứt. Đã quan sát kỹ rồi như vậy sinh tâm thiếu dục tri túc.

Như Kinh Tạp A-hàm nói: Ví như có một bầy dê cầm đi vòng quanh rừng Ni-câu-luật-đà kia. Trong đó có một con dê cầm một mình đi đến chỗ người chăn dê trong sườn núi có bầy dê, đi đến trước bầy dê kia ngúc đầu quỳ xuống ngòai xin ăn và cầu che chở. Như vậy xong trở về bọn dê cầm đều khinh chê. Đây có một loại Bí-sô ngã mạn ca tụng lợi dưỡng cũng như vậy, khởi tâm không chán xa lìa chúng vì cái ăn một mình vào làng xóm tuần hành khát thực lại cầu mời thỉnh, được món ẩm thực thanh tịnh tối thượng, tự mình ăn rồi còn mang về cho chúng Bí-sô nói: Chư tôn giả ! Hôm nay tôi được nhà bạch y mời được món thanh tịnh tối thượng, nay tôi có mang về các thứ khát thực được là trường thực pháp, là dĩ xả pháp. Các tôn giả nếu muốn ăn thì tùy ý. Nói như vậy xong các Bí-sô thiếu niên đều

sinh khinh mạn. Người trí phải biết, nếu phát lời thô ác nói như vậy là vì những sự lợi dưỡng, như kinh có nói rộng.

Trong đây thế nào là xa lìa 2 pháp siểm nịnh lừa gạt ?

Như Kinh Vô Nhiệt Não nói: Có 2 pháp làm chướng ngại tâm nhất thiết trí. Đó là lừa gạt và siểm nịnh. Có 2 pháp không chướng ngại. Đó là ngay thẳng và không nịnh bợ. Nếu muốn hoàn tất các chính hạnh thì phải thường thân cận thiện tri thức. Do thiện tri thức nên thành các chính hạnh.

Những kinh nào nói điều này ?

Như Kinh Thắng Sinh Thắng Man Giải Thoát nói: Các Bồ-tát Ma-ha-tát do thiện tri thức nên lưu xuất tất cả pháp Bồ-tát hạnh. Thiện tri thức có uy lực lớn có thể thành tựu viên mãn các Bồ-tát. Thiện tri thức có thể xuất sinh các thiện căn tất cả Bồ-tát. Thiện tri thức có thể kết tập sở hành tu học tất cả Bồ-tát. Thiện tri thức là căn bản có thể khiến tất cả Bồ-tát thâm tâm thanh tịnh. Thiện tri thức có thể bảo vệ tăng trưởng tất cả phúc uẩn. Thiện tri thức là nơi yêu thích vì đạt được tất cả Phật Bồ-đề. Thiện tri thức có thể nhiếp trì khiến các Bồ-tát không đọa ác thú, khiến không thoái chuyển nơi Đại thừa, không vượt học xứ của Bồ-tát, xuất quá hàng ngu phu, dị sinh, cũng không xả bỏ pháp Thanh Văn Duyên Giác mà lại còn che chở hộ giúp. Thiện tri thức có thể khiến những người làm đường trở về chính đạo, nghe chính pháp dẫn dắt khiến hiểu, ngộ nhập tất cả Phật pháp. Thiện tri thức như người mẹ có thể khiến tất cả đều sinh trong nhà Phật. Thiện tri thức như người cha rộng vì hữu tình nuôi lớn lợi ích. Thiện tri thức như người vú nuôi khéo bảo hộ tất cả khiến lìa tội nghiệp. Thiện tri thức như người giúp việc siêng năng dũng cảm có thể vào trong biển sinh tử đại phiền não làm công việc cứu vớt. Thiện tri thức như người chèo thuyền có thể chở hữu tình đến vùng đất rộng lớn quý báu của trí nhất thiết trí. Những người tu chính hạnh nếu muốn đến chỗ thiện tri thức nên tác ý như thế khiến

cho thân tâm thanh tịnh siêng năng dững mãi. Tâm phải như đại địa có thể gánh các gánh nặng. Tâm như người giúp việc, tùy ý muốn có thể sai làm. Tâm như con chó thường sủa để giữ nhà. Phải quán tự thân tưởng như người bệnh. Thiện tri thức tưởng như thầy thuốc. Các pháp dạy dỗ tưởng như phương thuốc. Y theo chỉ dạy thực hành, tưởng như trừ bệnh. Tất cả những việc như vậy đều do thiện tri thức nên tâm được thanh tịnh. Đã theo các giáo lệnh của thiện tri thức mà tu hành tốt, tức có thể tăng trưởng tất cả thiện căn. Như núi chúa Tuyết Sơn nơi nương tựa của tất cả cỏ thuốc cây rừng. Nương tựa thiện tri thức cũng vậy, có thể thành pháp khí lớn của tất cả chư Phật. Lại như biển lớn, nơi quy về của các dòng chảy. Bồ-tát nhân thiện tri thức, từ thiện tri thức xuất sinh nên được thành tựu viên mãn tất cả hành pháp của Bồ-tát và tất cả Phật pháp.

Như Kinh Bảo Tích nói: Phật nói: Ca-diếp ! Như người đi thuyền vào trong biển lớn kia, đi giữa chừng chợt thuyền vỡ, trong đó có người nhờ một miếng ván hoặc các khúc cây nương vào đó mà được đến bờ yên ổn. Ca-diếp ! Bồ-tát thừa đối với chiếc thuyền tâm nhất thiết trí cũng như vậy. Thoạt giữa dòng hoại mất pháp Bồ-tát thừa, nếu gặp thiện tri thức mà y chỉ tức được trở lại tâm nhất thiết trí. Bằng các pháp Ba-la-mật-đa chở đi đến miền pháp giới. Ca-diếp ! Có pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà đều y chỉ thiện tri thức, cho nên đối với các thiện tri thức thì cúng dường phụng sự là trên hết. Nếu Phật tại thế, nếu sau khi Niết-bàn, cần phải siêng năng tu hành mới được phúc hạnh viên mãn quả báo rốt ráo mới làm xong.

Như Kinh Hoa Tích nói: Nếu thấy Sư Tử Du Hý Như Lai, thấy rồi phát tâm thanh tịnh cúng dường. Lại nữa, nếu sau khi Phật ấy nhập Niết-bàn nhặt lấy xá-lợi như hạt cải mà cúng dường, như vậy quả báo đạt được đều bằng nhau không sai biệt.

Như Kinh Đại Bi nói: Phật nói: A-nan ! Nếu có người hiện tiền cúng dường ta lại còn thiết trí việc đó, lại nữa nếu có người sau khi

ta Niết-bàn thân lấy xá-lợi bằng như hạt cải làm các cúng dường rồi cũng thiết trí việc đó, lại nữa nếu có người trong pháp của ta tạo lập bảo tháp lại cũng thiết trí việc đó, hoặc nếu có người dùng một cái hoa rải ném lên không trung quán tưởng cúng dường chư Phật, ta nói người này do thiện căn đây cuối cùng sẽ chứng quả đại Niết-bàn. A-nan ! Nói tóm lại, dưới đến các hữu tình trong loài bàng sinh nếu có thể tưởng niệm chư Phật, ta nói chúng nhờ thiện căn ấy cuối cùng cũng thành đại quả Niết-bàn. A-nan ! Ông quán nơi Phật Thế Tôn thực hành những bố thí nào mà được tối đại, những phát tâm gì là uy lực lớn ? A-nan ! Nếu có người có thể một xung niệm Na-mô Phật-đà-da, đó là thắng nghĩa. Bởi vì sao ? Là vì Phật Thế Tôn đủ đại danh xưng bất không. Nghĩa bất không này là Na-mô Phật-đà-da. Bởi ở nơi chư Như Lai có bao nhiêu thiện căn cực ít mà không hoại mất. Dưới đến một khi phát tịnh tâm, tất cả đây cho đến cuối cùng chứng đến Niết-bàn. A-nan ! Ví như người đánh cá muốn đánh bắt cá trong ao lớn tức dùng câu dùng mồi thả xuống nước, cá đua nhau bơi đến ăn. Người đánh cá biết có cá lại dùng cần câu cứng dây chắc câu nơi nước sâu, được cá rồi đưa lên bờ tùy ý sử dụng. Thế gian có một loại hữu tình cũng như vậy, trước ở nơi Phật Thế Tôn phát tâm thanh tịnh gieo trồng các thiện căn, cho đến khi phát tịnh tín rồi hữu tình ấy sau lại làm việc ác, nghiệp chướng che khuất sinh nơi nạn xứ, sau lại được gặp Phật Thế Tôn dùng trí Bồ-đề và lưới câu dây nhợ 4 nhiếp cứu vớt hữu tình kia ra khỏi dòng sinh tử đặt lên bờ Niết-bàn.

Hải Long Vương Vấn Kinh nói: Phật nói: Long vương ! Các Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có thể đủ 8 pháp tức được thường không lìa chư Phật.

Những gì là 8 ?

1. Chỉ dạy quán hình tượng Phật.
2. Phụng sự Như Lai.

3. Thường ngợi khen Như Lai.
4. Tạo hình tượng Phật.
5. Chỉ dạy quán sắc tướng Phật.
6. Tùy cõi Phật nào nghe danh hiệu Phật liền trong cõi Phật ấy phát sinh thắng nguyện.
7. Không sinh tâm hạ liệt.
8. Khởi tâm quảng đại cầu trí Phật.

Như Kinh Bồ-tát Tạng nói: Nếu có thể làm trang nghiêm thanh tịnh tháp miếu Phật sẽ được 4 thứ tối thượng thệ nguyện thanh tịnh.

Những gì là 4 ?

1. Được thệ nguyện thanh tịnh sắc tướng tối thượng.
2. Được thệ nguyện thanh tịnh đầy đủ các tướng tối thượng.
3. Được thệ nguyện thanh tịnh tu tập kiên cố tối thượng.
4. Được thệ nguyện thanh tịnh tối thượng quán thấy Như Lai.

Kinh ấy lại nói: Nếu có người nơi tháp miếu Như Lai rải hoa bôi xức hương thơm cúng dường, người này được 8 pháp không hoại mất.

Những gì là 8 ?

1. Không hoại mất sắc tướng.
2. Không mất sự giàu có an vui.
3. Không hoại mất quyền thuộc.
4. Không hoại mất tịnh giới.
5. Không hoại mất đa văn.
6. Không hoại tịch định.
7. Không hoại trí tuệ.
8. Không hoại thệ nguyện.

Nếu ai muốn tạo hình tượng Như Lai thì nên tùy ý tạo hoặc đất đá cây gỗ kim loại, hoặc ngà voi, hoặc vàng bạc lưu ly thủy tinh châu đỏ, san hô, mã não, ngọc kha, vỏ ốc các thứ hương quý v.v... hoặc vẽ hoặc trên ván trên tường, hoặc trên giấy trên lụa, hoặc tạo mới hoặc chỉnh sửa làm mới hình tượng Như Lai đã hư cũ. Làm như vậy đời sau sẽ không sinh trong dòng tộc hạ cấp, không sinh trong dòng tộc ác nghiệp, không sinh trong dòng tộc tà kiến, thân thể không tàn khuyết. Cho dầu tạo đủ tội ngũ vô gián, mà ở nơi Như Lai có thể phát tịnh tín tạo lập hình tượng Như Lai, người này đời sau có nghiệp báo địa ngục cũng chuyển nặng thành nhẹ, trong pháp 3 thừa hoặc các thừa khác mà được xuất ly. Như người thân thể ô uế bắt tịnh mà có thể tắm rửa làm sạch sẽ tỏa xức hương thơm, thì mùi ô uế tiêu tan không sót, tạo tội nghiệp ngũ vô gián cũng vậy, nhờ tạo Phật tượng nên các tội nghiệp tiêu diệt không sót. Nếu có tạo đủ 10 nghiệp bất thiện mà nơi Như Lai phát tâm tịnh tín các tội nghiệp kia cũng đều tiêu diệt. Như bỏ cho vào lửa thì cháy thành lửa ngọn, nghiệp tiêu tan không sót cũng như vậy. Huống chi người đầy đủ tâm Bồ-đề tối thắng và những người xuất gia đủ tịnh giới.

## QUYỂN 5 HẾT



## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỂN 6

Như Kinh Bảo Tích nói: Giả sử tất cả hữu tình đầy trong 3 cõi, các hữu tình đó đều tạo lập tháp miếu Như Lai, các sắc tướng đều cao hiển như núi chúa Tu-di mà các hữu tình trong số kiếp như cát sông Khắc-già đều tôn trọng cúng dường tháp ấy. Nếu có Bồ-tát không lìa tâm nhất thiết trí, chỉ đặt một cành hoa cúng dường được phúc uẩn còn hơn phúc uẩn trước gấp bội.

Kinh ấy lại nói: Giả sử tất cả hữu tình trong 3 ngàn đại thiên thế giới đều trụ Đại thừa mà đều thành chuyển luân thánh vương lập đèn dầu thơm như nước biển lớn, chất chứa cỏ thơm đốt đèn lượng bằng núi Tu-di đều thắp đèn sáng lớn cúng dường tháp miếu Như Lai. Nếu có Bồ-tát xuất gia dùng cỏ đốt đèn cho vào một ít dầu thắp cúng dường nơi tháp miếu Phật, người này được phúc uẩn còn hơn phúc uẩn bố thí đèn sáng trước, trăm phần không được một, cũng không được một phần ô-ba-ni-sát-đàm. Lại nữa, nếu các chuyển luân thánh vương kia đều ở nơi Phật và chúng Bí-sô khắp thí tất cả các thứ thụ dụng, nếu có Bồ-tát xuất gia tự mang bát khát thực, trước giảm bớt phần ăn thí cho người rồi sau mới ăn, người này được phúc uẩn hơn phúc uẩn trước rất lớn. Lại nữa, các chuyển luân thánh vương kia chất chứa y phục tốt, lượng bằng núi Tu-di khắp thí Phật và chúng Bí-sô, nếu có Bồ-tát xuất gia chỉ dùng 3 y hoặc thí cho Bồ-tát 10 tín tâm, hoặc thí Phật và các chúng Bồ-tát, hoặc thí trong tháp miếu Như Lai, người này được

phúc uẩn rất thù thắng hơn bố thí trước. Lại nữa, nếu các chuyên luân thánh vương kia mỗi mỗi đều dùng hoa đẹp đầy cõi Diêm-phù-đề cúng dường rộng rãi các tháp miếu Như Lai, lại có Bồ-tát xuất gia chỉ dùng một cành hoa cúng dường tháp miếu Như Lai, người này được phúc uẩn so với bố thí trước hơn đến trăm phần không được một, cho đến cũng không được một phần ô-ba-ni-sát-đàm.

Kinh Thứ Đệ Xuất Sinh nói: Phải quán sát Bồ-tát được 4 thứ hiền thiện ngợi khen ứng với căn sách cúng dường nơi Như Lai.

Những gì là 4 ?

1. Tự làm bố thí cúng dường tối thượng, khiến các hữu tình khác cũng làm thắng hạnh cúng dường như vậy.

2. Siêng năng chí thành cúng dường chư Như Lai rồi lại kiên cố tâm Bồ-đề.

3. Hiện tiền chiêm ngưỡng 32 tướng đại trượng phu.

4. Gieo trồng thiện căn tăng hơn nhiều.

Bốn pháp này là pháp tối thượng phụng sự cúng dường chư Như Lai.

Hải Tuệ Vấn Kinh nói: Phật nói: Hải Tuệ ! Có 3 pháp tối thượng phụng sự cúng dường Như Lai.

Những gì là 3 ?

1. Phát sinh tâm đại Bồ-đề.

2. Nhiếp thụ chính pháp Như Lai.

3. Rộng vì hữu tình khởi tâm đại bi.

Các pháp này là thắng nghĩa của hạnh cúng dường.

Kinh Từ Thị Sư Tử Hống nói: Không có Phật có thể tưởng, không có Phật có thể quán, huống chi có Phật có thể cúng dường. Có sở đắc, là không có chỗ đó. Trong đây những gì là cúng dường Phật

? Nói chân thật cúng dường là nên khởi tâm vô tướng vô tướng. Nếu không có tâm tâm sở tác ý không có tướng Phật, không có tướng pháp, không có tướng chúng sinh, không có tướng Bồ-đặc-già-la, không có tướng tự tha. Cúng dường như vậy là chân thật cúng dường chư Phật Như Lai.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Phật nói: Thiên chủ ! Giả sử trong số thế giới như cát sông Khắc-già chứa đầy xá-lợi Như Lai đặt ở trên sát tràng, nếu có người biên chép Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa đủ để dâng hiến cúng thí, trong 2 phần đó người sẽ lấy phần nào ? Đế Thích bạch Phật: Thế Tôn ! Trong 2 phần đó con sẽ lấy phần Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Bởi vì sao ? Bát-nhã có thể sinh xá-lợi của Như Lai. Nếu người có cúng dường tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa tức cúng dường xá-lợi Như Lai. Phật nói: Đế Thích ! Nếu các hữu tình tin hiểu Như Lai như thật Niết-bàn thì rất khó được. Trong đây những gì là chư Như Lai như thật Niết-bàn. Trong vô số kinh có nói như vậy.

Kinh Như Lai Hưng Hiển nói: Phật nói: Phật tử ! Nếu các Bồ-tát muốn biết Đại Niết-bàn của Như Lai, dùng tuệ quán sát trước sẽ hiểu biết tính tự tính của pháp. Tự tính của pháp là chân như thật tế, pháp giới hư không giới tự tính thanh tịnh tế, vô tướng tế, ngã tự tính tế, tất cả pháp tự tính như như Niết-bàn. Phải hiểu biết Niết-bàn như thật của Như Lai là như vậy. Bởi vì sao ? Phật tử ! Các pháp từ xưa đến nay là như vậy không sinh , không được sinh. Nếu pháp từ xưa nay như vậy không sinh không được sinh cho nên không một thiếu pháp nào có thể được. Nhưng Phật Như Lai có được sinh, chỉ vì hữu tình hỷ lạc tương tục nên mới có sinh. Như Lai nhập Niết-bàn là cũng vì hữu tình chán mệt sự sinh, mà thật ra Như Lai vốn không sinh cũng không Niết-bàn. Đó là pháp giới thường trụ của Như Lai. Phật tử ! Ví như vàng mặt trời quang minh xuất hiện chiếu sáng khắp tất cả thế giới, trong mỗi đồ đựng nước trong sạch thấy bóng mặt trời. Chẳng phải mặt trời biến đi khắp mọi nơi theo vào trong đồ đựng

mới có hiện mặt trời. Nếu đồ đựng nước trong sạch kia lại hoặc khi bị vỡ, hoặc nước bị vẩn đục hoặc giảm ít sẽ không thấy bóng mặt trời kia. Bóng mặt trời tuy không hiển hiện trong đồ đựng không phải lỗi ở mặt trời, mà vì đồ đựng kia bị vỡ. Phật tử ! Như Lai cũng vậy. Mặt trời pháp giới rộng lớn quang minh thường xuất hiện trong pháp giới, tùy thuận chiếu sáng khắp tất cả thế gian. Nếu tâm hữu tình liên tục thanh tịnh, ảnh tượng Như Lai tức xuất hiện. Tuy tất cả hữu tình thường thấy bóng mặt trời Như Lai xuất hiện không phải Như Lai biến khắp mọi nơi mà xuất hiện. Nếu có hữu tình như đồ đựng bị vỡ, tâm không thanh tịnh, liên tục nghiệp phiền não che khuất thì không thấy bóng sáng mặt trời của Như Lai. Các hữu tình kia liền khởi tướng Như Lai nhập Niết-bàn. Nhưng Như Lai nhập Niết-bàn chẳng phải lỗi của Như Lai. Chỉ vì cái thiện căn liên tục của hữu tình bị phá vỡ. Hoặc vì dùng pháp Đại Niết-bàn có thể hóa độ các hữu tình nên Như Lai hiện nhập Niết-bàn mà kỳ thật Như Lai không đến không đi không sở trụ.

Phật tử ! Ví như tất cả thế gian đều có hỏa hoạn, sau đó có làng xóm đất xứ thành ấp hết hỏa hoạn. Nhưng không phải tất cả thế gian đều hết hỏa hoạn. Phật tử ! Như Lai cũng như vậy, khắp tất cả thế giới tùy thuận làm tất cả Phật sự, nếu trong các cõi Phật khác làm Phật sự xong hiện nhập Niết-bàn, không phải chư Phật tất cả thế giới đều nhập Niết-bàn. Như nhà ảo thuật học giỏi các pháp thuật, biết rõ các chú thuật, trong tất cả 3 ngàn đại thiên thế giới đều hiện thân làm các ảo thuật. Tất cả làng xóm xứ sở thành ấp đều hiển thị khắp, tùy sức ảo thuật hoặc trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp. Nếu ở các làng xóm thành ấp khác làm các việc ảo thuật xong tự ẩn thân tướng, đó không phải tất cả việc ảo thuật trên thế gian đều xong mà ẩn. Phật tử ! Như Lai cũng vậy, dùng trí vô lượng như huyễn khéo dùng phương tiện thắng tuệ, trí minh, Như Lai tùy hiện thị hiện huyễn sự tất cả pháp giới, nhưng thân Như Lai rốt ráo an trụ pháp giới và hư không giới. Tất cả hữu tình đều sự nghiệp bình đẳng, tùy thuận làm Phật sự

ở các cõi khác nhau xong thị hiện Niết-bàn, nhưng không phải nhập Niết-bàn trong một cõi Phật là đều nhập Niết-bàn trong tất cả pháp giới Như Lai.

Phật tử ! Các Bồ-tát phải biết như vậy chư Phật Như Lai nhập Đại Niết-bàn nên sở tri vô lượng hoàn toàn không chấp trước, pháp giới vô biên cũng không có ở giữa như cõi hư không tự tính rộng lớn. Chân như không sinh cũng không diệt an trụ thật tế nhưng dùng phương tiện tùy thời thị hiện. Cho nên phải biết chớ nên sinh mệt mỏi tất cả thế gian, tùy hạnh nguyện trước mà tự an trụ.. Tất cả thế gian, tất cả cõi nước mà làm xong các thắng pháp hạnh.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói Đại Niết-bàn là tự tính không.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: Phật nói: Ca-diếp ! Nếu có thể hiểu rõ tính bình đẳng tất cả các pháp tức là Đại Niết-bàn. Kinh ấy lại nói: Phật nói: Thiện nam tử ! Những việc Như Lai làm đều đã làm xong, thành Phật đến nay rất lâu xa, thọ mạng vô lượng. Như Lai thường trụ không nhập Niết-bàn. Vì độ hữu tình nên thị hiện Niết-bàn. Bởi vì sao ? Vì phải dùng duyên như vậy thành thực hữu tình.

Kinh Đại Bi nói: Phật nói: Đại phạm ! Như vậy đời này nghiệp hết, phiền não hết, khổ hết. Khổ duyên dứt diệt, tịch nhiên xuất ly. Đó là Niết-bàn. Đại phạm ! Trong đây lại không có người hiểu Niết-bàn này là nghiệp phiền não hết tự tính thanh tịnh.

Phẩm xuất thế nói: Chư Phật phương tiện khai thị vô biên pháp Niết-bàn.

Phạm Vương Vấn Kinh nói: Phạm vương bạch Phật: Thế Tôn ! Những người xuất gia nếu có thể chấm dứt chỗ thích muốn trong tất cả tướng, đó là Niết-bàn. Phật nói: Đại phạm ! Đây là duyên nhau mà thành lập.

Kinh Giác Trí Phương Quảng nói: Phật nói: Đại Mục-kiền-liên ! Quá khứ có Phật hiệu Danh Xưng Cao Hiền. Trong cõi Phật đó chỉ

có chúng Thanh Văn. Khi ấy có một Bí-sô tên Đẳng Quán Chư Sở Duyên trụ hạnh Đại thừa. Người này từng ở nơi vô lượng câu-chi na-dữu-đa chư Phật gieo trồng thiện căn, từng không thoái chuyển tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, an trụ trong pháp Đại thừa vô thượng, muốn làm trang nghiêm thanh tịnh không thể nói hết không thể nói hết cõi Phật, trong cõi Phật ấy không có hữu tình khác phát tâm Bồ-đề. Khi ấy vị Bí-sô kia tuy rộng gieo trồng thiện căn nhưng trong pháp thâm thâm sinh tâm khinh mạn. Do duyên đó nên sinh vào trời Trường thọ. Bấy giờ Danh Xưng Cao Hiển Như Lai làm Phật sự đã xong liền khắp quán sát các cõi Phật trong những cõi Phật nào hữu tình không làm Phật sự, trở lại tự quán thấy trong cõi của mình có một Bí-sô trụ hạnh Đại thừa là Bồ-đề khí nhưng Bí-sô kia có chướng nạn đã sinh trời Trường thọ nên thân khí của người ấy không thể kham nhiệm khiến gieo trồng thiện căn Bồ-đề. Người ấy sau khi mạng chung phải đọa trong đại địa ngục A-tì, cũng lại không thể kham nhiệm gieo trồng thiện căn Bồ-đề. Ra khỏi địa ngục rồi sinh trong loài người lại bị câm điếc, có làm việc gì thì đưa tay chỉ hoặc nhờ duyên khác mới hiểu được. Bấy giờ Danh Xưng Cao Hiển Như Lai vì muốn hóa độ Bí-sô kia nên khéo dùng phương tiện trong 60 câu-chi na-dữu-đa kiếp chịu khổ nhọc làm các việc hóa độ khiến cho thành thực. Phật nói: Đại Mục-kiền-liên ! Ông hãy quán tâm đại bi của Như Lai kia, vì một hữu tình trải thời gian chịu lao khổ như vậy cho đến khi Bí-sô kia cơ duyên thành thực an trụ bậc không thoái chuyển. Đại Mục-kiền-liên ! Ý ông nghĩ sao ? Danh Xưng Cao Hiển Như Lai khi ấy không phải ai khác, tức Hiện Nhất Thiết Nghĩa Như Lai đó. Bí-sô Đẳng Quán Chư Sở Duyên kia tức Vô Lượng Quang Như Lai đó.

Phẩm tiên hành, Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói: Phật nói: Điều Cát Tường ! đời quá khứ trong kiếp luân hồi vô lượng a-tăng-kì không thể nghĩ bàn không thể so sánh không giới hạn ban đầu kia, bấy giờ có Như Lai tên Đế Trạng, trải qua thế giới cõi Phật như số cát sông

Khắc-già, các loại hữu tình trong các cõi Phật đó đều được 5 thứ thú vui. Hoặc có hữu tình được thú vui dục lạc, hoặc được cái vui xuất ly, hoặc được cái vui thiên định, hoặc được cái vui Tam-ma-địa, hoặc được cái vui A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà hữu tình ấy thụ hưởng thú vui nhưng không trói buộc đắm trước. Như chim bay trên trời rộng tự tại, các hữu tình ấy hưởng thụ thú vui cũng vậy đều không nhiễm trước. Diệu Cát Tường bạch Phật: Thế Tôn ! Đế Tràng Như Lai khi ấy tức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng con đó.

Bài tụng trong Kinh Nhập Lăng-già nói:

*Ta không quán tịch tĩnh,  
Cũng không khởi hành tướng.  
Lại không tâm phân biệt,  
Nên ta chứng Niết-bàn.*

Trong đây phải biết tin hiểu nhất thừa là điều rất khó được. Nhất thừa đây là, như trong các kinh đều nói.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: Ta phát khởi nhất thừa vì hữu tình nói pháp. Đó là Phật thừa, không hai không ba, 10 phương tất cả thế giới pháp nhĩ như thị. Bởi vì sao ? Như đời quá khứ 10 phương tất cả thế giới chư Phật Như Lai đều phát khởi nhất thừa vì hữu tình nói pháp. Như đời vị lai 10 phương tất cả thế giới chư Phật Như Lai cũng phát khởi nhất thừa vì hữu tình nói pháp. Như nay hiện tại 10 phương tất cả thế giới chư Phật Như Lai lại phát khởi nhất thừa vì hữu tình nói pháp. Đó gọi là Phật thừa. Vì duyên đó nên 10 phương thế giới còn không có thể kiến lập 2 thừa huống chi có 3.

Phẩm chân thật nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Do xưa trong nhân cảnh giới nhất thừa có thể đầy đủ cho nên nay trong cõi Phật duy chỉ pháp nhất thừa là xuất ly mà không thiết lập 2 thừa Thanh Văn Duyên Giác. Bởi vì sao ? Vì Như Lai đã lia các tướng. Nếu có người nói Như Lai hoặc nói pháp Đại thừa, hoặc nói Duyên Giác

thừa, hoặc nói Thanh Văn thừa, người ấy đối với Như Lai khởi tâm chấp trước, tâm không bình đẳng, tâm không thanh tịnh.

Kinh Đại Bi nói: Phật nói: Nếu ta nói có các thứ tướng tức ở trong pháp tự sinh siểm nịnh không chính trực. Nhưng ta vì các hữu tình mà nói pháp đều muốn khiến cho ưa thích Bồ-đề muốn được pháp Đại thừa gồm nhất thiết trí, khiến các hữu tình đồng đến bậc trí nhất thiết trí. Cho nên không thể thiết lập phần vị cho các thừa kia. Ta cũng không thiết lập các địa, cũng không thiết lập việc Bồ-đặc-già-la, cũng không thiết lập thiếu hạnh với vô lượng hạnh. Lại nữa không thể phân biệt 3 thừa, tính không phân biệt ấy nhập vào cửa pháp giới. Nhưng vì thế tục đế nên khai thị phương tiện dẫn dắt mà nói. Trong thẳng nghĩa để duy chỉ có pháp nhất thừa không có hai.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Phật nói: Thiên chủ ! Nếu các thiên tử chưa phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ta sẽ khiến phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu lại có người không thể quyết định phát tâm Bồ-đề, ta cũng sẽ khiến tùy hỷ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bởi vì sao ? Vì chúng ở trong dòng sinh tử liên tục không dứt, ta không muốn các phần thiện căn của chúng ẩn mất, nên khiến chúng có chỗ sở đắc trong pháp tối thẳng kia.

Phẩm đại tập hội nói: Nhất thừa thâm nhiếp tất cả thừa kia. Vì nhất thừa thâm nhiếp tất cả thừa nên đồng quy vào một lý, khắp nhập vào tính không phân biệt của pháp giới.

Tổng Trì Tự Tại Vương Vân Kinh nói: Phật không nói có các thứ tướng. Phật ra đời làm tất cả Phật sự đều đồng một vị, pháp giới không chướng ngại dung nạp tất cả hữu tình, tự thành chính giác rồi chuyển pháp luân khiến các hữu tình cũng được giác ngộ, gọi là bánh xe không thoái chuyển. Ví như người thợ ngọc đến chỗ có ngọc chỉ lấy những thứ giống lưu ly, trước dùng nước tro chà rửa cho sạch bóng, tiếp dùng tóc đen chà đánh không biết mệt, sau dùng nước



thịt và lựa chà bóng, lại dùng nước đại dược và vải mịn lần lượt chà đánh cho đến khi sáng bóng giống như lưu ly thật. Như Lai cũng vậy, biết hữu tình giới vốn không thanh tịnh mới vì nói pháp bất tịnh: vô thường, khổ, vô ngã khiến khởi tướng chán lia luân hồi, sau dùng thánh pháp điều phục phương tiện khai đạo, Như Lai cũng không chút mệt mỏi. Sau vì tuyên thuyết pháp không, vô tướng, vô nguyện khiến khai giác Như Lai nhãn, Như Lai cũng không chút mệt mỏi. Sau vì tuyên thuyết bất thoái chuyển luân và thuyết tam luân thanh tịnh dắt dẫn hữu tình khiến vào trong cảnh giới Như Lai, bình đẳng siêu việt các thứ nhân tính, đều chứng pháp tính thanh tịnh của Như Lai. Đó là cứu cánh thế gian được quả vô thượng.

Kinh A-duy-việt-trí nói: Bánh xe pháp bất thoái chuyển là bình đẳng nên chư Phật thuyết pháp cũng bình đẳng. Cho nên Như Lai vì các hữu tình tin hiểu thấp kém không thể hiểu pháp nhất thừa nên mới xuất hiện trong thời ngũ trược nơi thế giới Ta-bà dùng phương tiện khéo léo vì hữu tình kia kiến lập Phật sự khiến thành Phật quả.

Kinh Thắng Man Sư Tử Hồng nói: Chư Phật Như Lai phương tiện tuyên thuyết pháp Niết-bàn này, từ trong 3 thừa xuất sinh các thừa, nhưng do pháp nhất thừa thủ chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Kinh Nhập Lăng-già nói: Các chúng tử phiền não nhập Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề, như thật giác liễu trụ vô lậu giới, lại nhập trong vô lậu giới của Thanh Văn Duyên Giác, làm xong viên mãn thắng hạnh xuất thế, được pháp thân tự tại không thể nghĩ bàn. Như Lai vì giáo hóa hữu tình thành tựu các thiện hạnh nên phương tiện nói các thừa. Cho nên Như Lai trong các giới không chỉ nói 3 thừa mà còn nói pháp các thừa khác.

## QUYỂN 6 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỂN 7

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong thế giới cát tường giải thoát Đại Tì-lô-giá-na, Phổ Biến Trí Diệm Công Đức Tràng Như Lai kiến lập vô lượng hữu tình trụ Thanh Văn địa, vô lượng hữu tình thành thực Duyên Giác Bồ-đề, vô lượng hữu tình thành thực biện tài nhanh chóng xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình thành thực vô cấu tinh tiến tràng xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình thành thực pháp biện tài xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình thành thực căn thanh tịnh biện tài xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình thành thực 10 lực các hạnh viên mãn xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình thành thực an trụ pháp thành, hiện tiền cảnh giới nhất thừa xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình trong mọi nơi tùy hiện các thứ thần thông nhất thừa lý pháp xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình kiến lập các hạnh bao gồm khắp vô lượng phương tiện xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình an trụ Tam-ma-địa phần vị lý pháp xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình an trụ tất cả cảnh giới sở duyên thanh tịnh đạo tràng lý pháp xuất sinh Bồ-đề, vô lượng hữu tình phát tâm Bồ-đề, vô lượng hữu tình trụ Bồ-tát đạo, vô lượng hữu tình an trụ thanh tịnh Ba-la-mật-đa đạo, vô lượng hữu tình trụ Bồ-tát sơ địa cho đến trụ Bồ-tát 10 địa.

Trong đây phải biết Bồ-tát thường lấy chính pháp nhiếp thụ tất cả. Những gì là chính pháp nhiếp thụ ?

Như Kinh Tín Lực Nhập Ân Pháp Môn nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Chính pháp nhiếp thụ nên Bồ-tát nhiếp thụ. Bồ-tát nhiếp thụ nên chính pháp nhiếp thụ. Chính pháp nhiếp thụ nên tất cả hữu tình nhiếp thụ. Tất cả hữu tình nhiếp thụ nên dòng giống Phật không đoạn dứt, việc làm thành tựu. Lại nữa nếu muốn khiến dòng giống Phật không dứt, muốn phá tất cả nghiệp phiền não của hữu tình, muốn đóng tất cả các cửa nẻo ác, muốn hưởng thụ vô lượng vô số thú vui thượng diệu của chuyển luân thánh vương và Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế, muốn đoạn dứt tất cả sợi dây ác ma, cho đến muốn thành quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, ắt phải dùng chính pháp nhiếp thụ.

Trong đây nên hỏi: Bồ-tát mới phát tâm, thiện căn ít làm sao nhiếp thụ chính pháp ?

Như Kinh Bồ-tát Tạng nói: Bồ-tát nếu đủ 4 pháp thì không giảm Bồ-đề, chuyển sinh sẽ làm chuyển luân thánh vương. Như theo nguyện lực liền được tất cả thiện căn tùy chuyển được thân đại lực kiên cố như na-la-diên. Được chuyển luân thánh vương rồi tu 4 phạm hạnh, sinh trời Phạm thế làm Phạm thiên chủ. Những gì là 4 ?

1. Bồ-tát thấy tháp miếu Như Lai hư cũ phát tâm dựng mãinhiệm năng sửa sang cho đến hiển cúng một cục bùn.

2. Ở 4 góc đường phố xây dựng tháp Như Lai cao đẹp, hoặc miếu tượng, hoặc cột cờ, hoặc trụ biểu, hoặc đặt tượng Như Lai, hoặc bố trí riêng rẽ các tượng Như Lai như tượng chuyển pháp luân, tượng vượt thành xuất gia, tượng thành chính giác dưới cội Bồ-đề, tượng hiện đại thần thông hàng phục ma quân, tượng thị hiện nhập Đại Niết-bàn, tượng từ trời Đạo-lợi giáng thân.

3. Nếu thấy trong chúng đệ tử Thanh Văn có sự chia rẽ thì tạo hòa hợp.

4. Trong giáo pháp Như Lai nếu thấy chính pháp sắp giảm diệt, mà dựng mãinhiệm trì cho đến một bài kệ 4 câu khiến lưu thông không

cho quên mất. Lại nữa đối với chính pháp hoặc thầy thuyết pháp đều vì nhiếp thụ cho dấu tổn đến thân mạng cũng không bỏ pháp.

Kinh Bảo Vân nói: Phật nói: Thiện nam tử ! Bồ-tát nếu đủ 10 pháp tức có thể nhiếp thụ chính pháp.

Những gì là 10 ?

1. Vào đời mạt pháp 5 trăm năm sau khi chính pháp suy giảm, trong giáo pháp Như Lai xảy nhiều việc tạp loạn, các hữu tình phần nhiều ở trong tà đạo, tất mất đèn trí tuệ không thầy chân chính trao cho. Bấy giờ nên dùng kinh điển rộng lớn, đủ uy lực lớn, bao gồm nghĩa rộng lớn, như mẹ của tất cả pháp mà tôn trọng cúng dường, thụ trì đọc tụng giảng nói giải thích.

2. Dùng kinh điển thậm thâm vì người giảng nói, giải thích chỉ bày khiến hiểu rõ.

3. Đối với người tu hành chính đạo thì phát sinh tâm thanh tịnh hoan hỷ.

4. Hoan hỷ rồi nhiếp thụ họ.

5. Dùng tâm không chấp trước vì người thuyết pháp khiến nghe.

6. Đối với người thuyết pháp thì khởi ý tưởng tôn trọng như bậc thầy.

7. Đối với chính pháp, khởi tưởng như cam lộ.

8. Lại đối với chính pháp khởi tưởng như thuốc hay.

9. Mong cầu chính pháp không tiếc thân mạng.

10. Đắc pháp rồi như thuyết tu hành.

Đó là 10 pháp.

Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến nói: Phật nói: Hiền Hộ ! Bồ-tát nếu đủ 4 pháp tức có thể nhiếp thụ chính pháp.

Những gì là 4 ?

1. Không đắm trước thú vui của mình.
2. Thí cho người điều vui thú nhất,
3. Đủ tâm đại bi.
4. Cầu pháp không chán.

Kinh ấy lại nói: Thuở quá khứ có vua Vô Cấu Oai Quang ở nơi Đại Cao Như Lai trồng các thiện căn trong một ngàn năm dùng các thứ hỷ lạc cúng dường Phật ấy và dùng 4 việc cấp thí 8 vạn 4 ngàn các chúng Bí-sô. Như vậy trải qua một ngàn năm rồi đức Đại Cao Như Lai bảo vua Vô Cấu Oai Quang rằng: Đại vương ! Hành các pháp bố thí nơi Như Lai đủ một ngàn năm như vậy, nếu so sánh với việc cần hành cầu pháp Bồ-tát chỉ trong một hơi thở ra vào được thiện căn còn hơn trăm phần không được một, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng không được một. Huống chi trong chính pháp cho đến một bài kệ 4 câu cần hành tuyên thuyết giải thích nghĩa, phúc ấy vô biên ta không nói hết. Đại vương ! Hãy để lại việc đó. Giả sử như vậy đủ một ngàn năm làm hết tất cả việc bố thí cúng dường gom lại thí cho một du phương Bí-sô, hoặc thí cho các chúng Bí-sô, nếu ở nơi Bồ-tát cần hành tuyên thuyết giảng dạy, vì ưa chính pháp nên sinh tôn trọng Bồ-tát ấy khởi tịnh tín đem vật ẩm thực sinh tâm như vậy: Ta vì cầu chính pháp nên hiến thí vật ẩm thực này, thiện căn đây so với bố thí trước gấp một trăm phần không được một, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng không được một.

Kinh Như Lai Bí Mật nói: Phúc uẩn của Bồ-tát nếu so sánh với phúc uẩn nhiếp thụ chính pháp thì đây lại nhiều gấp bội hơn. Giả sử tất cả chư Phật cần cù tuyên thuyết trải câu-chi kiếp còn không thể được một mé phúc uẩn của thụ trì chính pháp. Những chính pháp gì ?

Như Kinh Thắng Man Sư Tử Hồng nói: Chính pháp đây tức tạng ngữ của Đại thừa. Bởi vì sao ? Vì Đại thừa xuất sinh Thanh Văn Duyên Giác thừa và tất cả thiện pháp thế gian xuất thế gian.

Kinh Pháp Tập nói: Nhiếp thụ chính pháp là trong tất cả kinh điển rất sâu của tất cả Như Lai nói, tuyên thuyết, giảng giải chuyên chú tư duy, đó là nhiếp thụ chính pháp. Phải biết các Bồ-tát nếu dựa vào chấp trước có hạnh sở đắc thì dầu trải vô lượng thời gian cúng dường chư Như Lai, nhưng ở chỗ các Phật kia không được thụ ký, hướng chi thành Bồ-đề.

Như Phạm Vương Vấn Kinh nói: Phật nói: Đại phạm ! Ta trong một kiếp hoặc quá một kiếp tuyên thuyết danh hiệu chư Như Lai kia, nếu ta cúng dường chư Như Lai ấy, hoặc ở nơi chư Phật kia ta tu phạm hạnh và tu 6 Ba-la-mật-đa, ta ở nơi chư Phật kia chưa được thụ ký. Bởi vì sao ? Vì ta có chấp trước dựa vào hạnh sở đắc, nếu ta lúc bấy giờ ở nơi Nhiên Đăng Như Lai vừa thấy Phật ấy liền được pháp nhẫn vô sinh, Phật Thế Tôn ấy thụ ký cho ta. Ta lúc bấy giờ siêu quá tất cả hạnh có sở đắc mà lại viên mãn 6 Ba-la-mật-đa, trong pháp rất sâu có thể sinh tin hiểu, các thắng hạnh tự lợi lợi tha của chư Bồ-tát đều được chu tất.

Kinh Đại Tập, Phẩm Nguyệt Tạng nói: Phật nói: Nguyệt Tạng ! Thắng nghĩa đế kia tức có thể thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, không chung với sở hữu của tất cả Thanh Văn Duyên Giác. Cho nên thế tục đế không thể thành tựu thiện căn tối thượng và làm các thắng hạnh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nguyệt Tạng ! Như người đem cây đuốc không thể làm khô cạn biển sâu. Thế tục đế kia cũng như vậy, còn không thể làm cạn biển phiền não của mình, hướng chi vì các hữu tình khác. Trong đây làm sao có thể tin hiểu pháp rất sâu.

Như Kinh Bồ-tát Tạng nói: Bồ-tát có 2 thứ tuệ, một là nghe thanh từ người khác, hai là tự tâm tác ý sâu. Những gì là nghe thanh từ người khác ? Nếu có Bồ-tát tuy thích tu tập các hạnh tương ưng nhưng trong chính pháp Bồ-tát tạng không thích nghe thụ, lại không thích nghe pháp luật các thánh, trong định đạt được chút ít vui mừng

cho là đủ, tâm ngã mạn đốt cháy nên rơi vào tầng thượng mạn. Bồ-tát ấy không thể giải thoát sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não, cũng không giải thoát 6 thú luân hồi, lại còn không thể giải thoát khổ uẩn. Do duyên ấy Như Lai nói nghe thanh từ người khác, mà những điều nghe đây không thể giải thoát các pháp lão tử. Những gì là tác ý sâu ? Nghĩa là Bồ-tát tự tác là học, không có pháp nào là hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Đó là hạnh sâu kiên cố. Hạnh sâu kiên cố này là chẳng phải hành tăng ngữ. Âm thanh như thế kia, hoặc thời gian trước, hoặc thời gian sau xét kỹ như thật từ đâu sinh từ đâu diệt. Lại nữa hoặc lời nói hoặc nghĩa lý hoặc đoạn hoặc chứng hoặc đã nói hoặc sẽ nói xét kỹ tất cả những thứ đó không có tướng quá khứ không có tướng vị lai không có tướng hiện tại nào có thể được, tức tất cả pháp tự tính tịch diệt, tự tính tịch tĩnh, tự tính viên mãn, rốt ráo không sinh không khởi không thật, phải quán các pháp rốt ráo Niết-bàn. Nếu quán được như vậy tức không có sở quán, cũng chẳng phải không quán. Đó gọi là chính quán. Huống chi tất cả pháp như thật có thể quán được sao ? Đó tức là không có sở quán. Cái không có sở quán này cũng tức là không sinh tăng ngữ. Nếu tất cả pháp không sinh tức không vượt chính lý. Nếu tất cả pháp bình đẳng tức Phật pháp bình đẳng. Nói như vậy là không vượt chính lý. Nói thế là tác ý sâu kiên cố. Như vậy mới có thể ngộ nhập chính pháp vô thượng thậm thâm.

Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói: Phật bảo vua Tịnh Phạn rằng: Đại vương ! Nếu hoặc ở trong kiếp không, hoặc có lầu gác của Phạm thiên xuất hiện ra trước, bảy báu tạo thành, tính nó chắc thật, nếu khi sinh khởi nó từ đâu đến ? Như vậy ở Dục giới trời Tha hóa tự tại, trời Hóa lạc, trời Đâu-suất, trời Dạ-ma, trời Đao-lợi, trời Tứ đại vương lầu gác các trời ấy đều hiện 7 báu làm thành. Lại núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, vững chắc một khối kim cương làm thành, các núi có tính chắc thật kia từ đâu đến ? Lại núi Tu-di, núi Nhĩ-dân-đạt-la, núi Trì Song, núi Trì Trục, núi Trì Kim Cương, núi Khiết-na-lí-thiền,

núi Vĩ-na-đát-cô, núi Mã Nhĩ, núi Thiện Kiến, núi Đại Thiện Kiến, núi Ô-cửu-nga-lô, núi Hương Túy, núi Tuyết Sơn và các núi Hắc Sơn khác đều hiện ra trước cho đến tất cả 3 ngàn đại thiên thế giới thấy đều xuất hiện. Và núi chúa Tu-di cách đất 8 vạn do-tuần, vậy tính chắc thật kia đều hợp hiện ra trước là từ đâu đến ? Đại vương ! Nếu sau khi thế giới này thành, lửa cháy, nước trôi, gió đập. Lửa cháy đốt tiêu hết như bơ hoặc dầu cho vào lửa cháy hết chẳng còn gì. Nước trôi cuốn đi hết như muối cho vào nước tiêu hết chẳng để lại vết tích. Gió đập không vật gì còn được như khi gió Tì-lam thổi không còn thấy một bóng chim bay. Ba ngàn đại thiên thế giới này cũng vậy, khi lửa cháy nước cuốn gió đập không còn gì thấy được nữa. Cái tính chân thật bền chắc kia cũng hoại diệt như vậy thì nó đi đâu ? Đây nói ngoài địa giới trong địa giới cũng vậy. Và các cõi khác hoặc trong hoặc ngoài cũng đều như vậy. Cho nên tất cả pháp khi sinh không từ đâu đến, khi diệt cũng không đi đâu. Chúng có sinh quyết định đều không, sinh rồi tự tính cũng đều không.

Kinh A-xà-thế Vương nói: Khi ấy vua A-xà-thế ở trong cung dâng cơm cúng Phật Thế Tôn và các đại chúng Bồ-tát Thanh Văn, rửa tay xong đến trước Bồ-tát Diệu Cát Tường cung kính ngồi nghe chính pháp. Vua nói: Bồ-tát nay xin vì tôi giải trừ việc làm ác. Diệu Cát Tường nói: Đại vương ! Giả sử chư Phật Thế Tôn như số cát sông Khắc-già cũng không thể vì ông giải trừ việc làm ác. Vua A-xà-thế nghe nói vậy kinh sợ không cứu được ngắt xiêu xuống đất. Bấy giờ tôn giả Đại Ca-diếp nói: Thôi thôi Đại vương ! Chớ nên kinh sợ, Bồ-tát Diệu Cát Tường này có thể vì vua có thể nói nhân duyên. Vua nên hỏi như thế này: Vì nhân duyên gì Bồ-tát nói như vậy ? Bấy giờ vua A-xà-thế từ đất đứng dậy bạch Bồ-tát Diệu Cát Tường rằng: Vì duyên gì Bồ-tát nói như vậy ? Diệu Cát Tường nói: Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Tâm của vua có sở duyên quán Phật Thế Tôn chăng ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Sao nay vua sinh quán tâm



? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Quán tâm diệt chướng ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Quán pháp hữu vi chướng ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Quán Phật Thế Tôn đối với pháp hữu vi có biểu thị chướng ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Đại vương ! Ý vua thế nào ? Nếu trong các pháp không pháp có thể quán mà chấp nhận có pháp có thể giải trừ chướng ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Đại vương ! Vì duyên đó nên tôi nói như vậy. Giả sử chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát sông Khắc-già cũng không thể vì vua giải trừ việc làm ác.

Lại nữa Đại vương ! Nếu không trung này, hoặc khói hoặc bụi muốn làm bẩn cái hư không, ý vua thế nào, khói bụi kia có thể nhiễm cái hư không chướng ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Đại vương ! Lại như có người nói thế này: Ta muốn làm cho hư không trong sạch. Vậy hư không kia có thể sạch chướng ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Đại vương ! Như Lai cũng như vậy, giống như hư không nói tất cả pháp vốn từ xưa nay tự tính liên tục không nhiễm. Hư không kia không có một pháp nào hoặc nhiễm hoặc tịnh thật sự có thể quán, vậy thì trong đó có cái gì để mà giải trừ ? Đại vương ! Tôi như thật chính quán nghĩa ấy nên nói như vậy. Giả sử chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát sông Khắc-già cũng không thể vì vua giải trừ việc làm ác.

Lại nữa, Đại vương ! Chư Phật Thế Tôn nội tâm chẳng phải có sở đắc, chẳng phải có chỗ khởi, ngoài cũng phi sở đắc phi sở khởi. Bởi vì sao ? Tất cả pháp tự tính vô sở khởi. Nếu tự tính của pháp là vô sở khởi nên không có chỗ dung nạp tính hữu sở khởi. Bởi vì sao ? Tự tính tất cả pháp vô sở khởi nên vô sở thành. Tất cả pháp vô sở thành nên vô sở tập. Tất cả pháp vô tập nên không xuất sinh. Tất cả pháp không xuất sinh nên pháp lìa tính. Tất cả pháp lìa tính nên không thể làm hành. Tất cả pháp không thể làm hành nên không có sinh. Tất cả pháp không có sinh nên không có pháp dị thực. Tất cả pháp không

có dị thực nên không khởi tác. Tất cả pháp không khởi tác nên không bị nhiễm. Tất cả pháp không nhiễm nên tự tính sáng tỏ. Tất cả pháp tự tính sáng tỏ nên pháp thanh tịnh. Tất cả pháp thanh tịnh nên như hư không. Tất cả pháp như hư không nên không đối trị. Tất cả pháp không đối trị nên lìa 2. Tất cả pháp lìa 2 nên lìa 2 bên. Tất cả pháp lìa 2 bên nên pháp không biên giới. Tất cả pháp không biên giới nên không bờ bến. Tất cả pháp không bờ bến nên không cứu cánh. Tất cả pháp không cứu cánh nên không sở duyên. Tất cả pháp không sở duyên nên ở tất cả nơi không điên đảo trụ. Tất cả pháp ở tất cả nơi không điên đảo trụ nên thường lạc ngã tịnh đều không thể được. Tất cả pháp là thường nên tương ưng không động chuyển. Tất cả pháp là tịnh nên tự tính sáng tỏ. Sở thành tất cả pháp là lạc nên tương ưng không phân biệt. Tất cả pháp tự tính ngã nên vô ngã biểu thị tương ưng. Tất cả pháp không làm ác nên nội tâm tịch chỉ. Tất cả pháp không thật nên thắng nghĩa đế không chỗ an lập. Tất cả pháp vắng lặng nên biến khắp tướng vắng lặng. Tất cả pháp vô ngã nên ngã ngã sở lìa nhau. Tất cả pháp không mùi vị nên là tướng giải thoát. Tất cả pháp lìa tên gọi nên tên sai biệt là không thể được. Tất cả pháp không phân biệt nên lìa các thứ tính. Tất cả pháp là một vị nên giải thoát bao gồm tất cả. Tất cả pháp lìa tướng nên không có tướng. tất cả pháp không có tướng nên là không hiểu rõ sở duyên thanh tịnh. Tất cả pháp đều không, nên đều lìa tất cả những gì thấy có làm. Tất cả pháp là vô nguyện nên siêu việt 3 đời. Tất cả pháp đoạn dứt 3 đời nên quá khứ vị lai hiện tại đều không thể được. Tất cả pháp Niết-bàn bao gồm khắp nên rốt ráo không sinh.

Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Nếu pháp không sinh, lại không tích tập thì trong đó có cái gì là bị nhiễm không ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Lại có pháp có thể giải trừ không ? Vua nói: Không. Diệu Cát Tường nói: Đại vương ! Do đó nên Như Lai biết tất cả pháp với Niết-bàn là như nhau. Cho nên trong đó không có việc

làm ác có thể giải trừ. Cho nên Đại vương ! Tương ưng với sâu kiên cố kia phải thực hành như vậy, dùng tâm không điên đảo phải quán sát kỹ như thật. Như quán kỹ rồi tùy khi quán sát không chút pháp nào có thể thủ có thể xả không có pháp có thể cộng trụ. Nếu tất cả pháp không cộng trụ nên khinh an. Nếu pháp khinh an tức pháp tịch tĩnh. Nếu pháp tịch tĩnh tức tự tính của pháp. Nếu pháp tự tính tức không tự tính. Tất cả pháp không tự tính nên tức không chủ thể. Đại vương ! Trong đó nên làm nhẫn pháp. Tức đây cũng lại không pháp có thể làm. Bởi vì sao ? Đại vương ! Sở tác tịch tĩnh nên hiểu như vậy sẽ chứng Niết-bàn. Trong đây cũng lại không có pháp có thể làm, cũng không phải không làm. Làm không làm đây đều quy về Niết-bàn tịch tĩnh.

## QUYỂN 7 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỀN 8

Khi ấy vua A-xà-thế đem chiếc áo thượng diệu giá trị trăm ngàn hiển thí Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát không nhận, nhà vua liền dùng y này đắp lên người của Bồ-tát Diệu Cát Tường, y chưa chạm thân Bồ-tát liền ẩn mình không hiện. Vua không trông thấy Bồ-tát, chỉ nghe trong không trung có tiếng nói: Đại vương ! Nếu vua có thể thấy thân tướng của Bồ-tát Diệu Cát Tường tức có thể thấy được những việc ác vua đã làm. Nếu thấy việc ác đã làm như vậy tức thấy tất cả pháp kia. Nếu thấy tất cả pháp cũng vậy có thể thấy cái y nhà vua cúng thí. Nếu nhà vua không thể thấy cũng vậy như là thấy. Đại vương ! Nếu vua có thể thấy có thân tướng như vậy mới dùng y cúng thí. Vua tức thời dùng y đều thí khắp tất cả đại chúng Bồ-tát Thanh Văn, mà cung nhân thể nữ quyền thuộc đều không thấy các thân tướng kia. Vua liền nhập định quán sát mắt không thấy một sắc gì, không một cảnh tướng nào hiện, trong đó chỉ còn tự thân tướng chuyển. Lại nghe trong không có tiếng nói rằng: Nếu vua có thể thấy tướng tự thân, như vậy hãy dùng y phụng thí. Vua liền tự quán tướng cũng không thấy tướng tự thân. Bấy giờ liền lia tất cả sắc tướng. Lại nghe trong không có tiếng nói: Đại vương ! Nếu như vậy vua không thấy một chút sắc tướng nào dù thô dù tế thì phải thấy việc làm ác cũng như vậy, cũng phải thấy tất cả pháp như vậy. Nếu vua không thấy kia tức lia kiến, trong lia kiến kia nếu vua có thể thấy đây tức

phi kiến. Đại vương ! Nếu phi kiến nêu phi bất kiến, đó là chính kiến. Nếu như vậy thấy tất cả pháp tức cũng là phi kiến. Đại vương ! Cái phi kiến này là chính kiến.

Bấy giờ vua A-xà-thế liền được lìa xa nghi hoặc đối với tất cả pháp, từ trong định khởi, rồi trở lại quán tất cả đại chúng cũng đều không thấy.

Kinh Huyền Sĩ Nhân Hiền nói: Bồ-tát có 4 pháp tư duy nghĩa kinh.

Những gì là 4 ?

1. Duyên pháp sinh khởi, chẳng phải không tác nhân.
2. Không có pháp sinh cũng không có tính Bồ-đặc-già-la.
3. Nếu pháp là duyên sinh thì sinh kia vô tính.
4. Trong pháp rất sâu, không có pháp môn sai biệt, cũng không hoại Bồ-đề.

Kinh Bồ-tát Thập Trụ nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Các Bồ-tát có 5 pháp khiến được an ổn, có thể thanh tịnh sơ địa.

Những gì là 5 ?

1. Nếu an trụ trong trí giải thoát không có sở duyên rồi, lại làm cho người khác cũng đều an trụ trong trí giải thoát không sở duyên. Đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

2. Trí giải thoát không sở duyên này tức không hai, không hai thanh tịnh duyên pháp không sinh. Tự an trụ trong giải thoát này rồi, lại làm cho người khác đều an trụ trong pháp giải thoát duyên pháp không sinh. Đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

3. Duyên pháp không sinh kia tức không sinh tự tính các duyên, tất cả pháp không có chỗ sở hữu. Tự an trụ trong giải thoát này rồi, lại làm cho người khác cũng đều an trụ trong pháp giải thoát, tất cả pháp không có chỗ sở hữu. Đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

4. Tất cả pháp không có chỗ sở hữu kia tức các phần vị sai biệt đều không tự tính, trí quán như hư không. Tự an trụ trong giải thoát này rồi, lại làm cho người khác cũng đều an trụ trong pháp giải thoát như trí hư không. Đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

5. Trí như hư không này tức trí không tạp loạn, không y chỉ, lia tâm ý thức. Tự an trụ trong giải thoát này rồi, lại làm cho người khác cùng an trụ trong pháp giải thoát, trú lia tâm ý thức. Đó là Bồ-tát được pháp an ổn.

Phải biết trong đó cái trí lia tâm ý thức tức không phát ngộ trí có sở đắc. Đó là 5 pháp.

Thăng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh nói: Phạm thiên hỏi Bồ-tát Quang Vãng: Tất cả pháp là sâu xa kiên cố chẳng hay tất cả pháp chẳng phải sâu xa kiên cố ? Bồ-tát nói: Như vua Phạm thiên. Rồi nói: Sao gọi tất cả pháp là sâu xa kiên cố ? Phạm thiên nói: Nếu phi tư duy tức tất cả pháp sâu xa kiên cố. Nếu tâm với tư duy có chỗ hòa hợp tức chẳng phải sâu xa kiên cố. Lại tất cả pháp lia tướng, đó tức sâu xa kiên cố. Nếu lại trong cái lia có chỗ hòa hợp, đó tức là sai biệt sở hành. Nếu trong sai biệt có sở hành, tức các sở tác đều chẳng phải sâu xa kiên cố. Bồ-tát nói: Nếu vậy thì làm sao các pháp có thể sinh ? Phạm thiên nói: Thiện nam tử ! Nếu tự cảnh giới lia thanh tịnh trong thật tế các pháp mới sinh.

Kinh Thất Bách Tụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Khi ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, ông trụ ở đâu mà tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ? Diệu Cát Tường bạch Phật: Thế Tôn ! Khi con tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều không trụ chỗ nào mà tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Không trụ làm sao tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa ? Diệu Cát Tường nói: Thế Tôn ! Khi con tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thật không có pháp nào có thể trụ. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Khi ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có những thiện căn

nào hoặc tăng hoặc giảm ? Diệu Cát Tường nói: Thế Tôn ! Con trong khi ấy không có chút thiện căn nào hoặc tăng hoặc giảm. Thế Tôn ! Những người tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều không có pháp hoặc tăng hoặc giảm.

Phẩm Diệu Cát Tường Bồ-tát thần biến, nói: Có Thiên tử bạch Bồ-tát Diệu Cát Tường: Như chỗ ngài nói, ít có người có thể hiểu được nghĩa ấy. Diệu Cát Tường nói: Thiên tử ! Bởi điều tôi nói là Phật trí rất sâu, hoặc ít hoặc nhiều không thể hiểu rõ. Bởi vì sao ? Phật trí không chấp trước, không phân biệt, không thể ghi, không thể nói, phi tác dụng, phi ngôn ngữ, lìa tâm ý thức, hoặc biết chút ít hoặc biết khắp chẳng dễ hiểu rõ. Thiên tử nói: Nếu Phật trí không thể biết thì các Thanh Văn làm sao có thể hiểu rõ ? Bồ-tát làm sao trụ không thoái chuyển ? Diệu Cát Tường nói: Thiên tử ! Như Lai dùng phương tiện khéo léo mượn trí văn tự tùy mà khai ngộ. Cái trí không văn tự ấy ví như kiếm lửa trong lửa thì được cái gì ? Thiên tử ! Như Lai cũng vậy, nếu tối sơ liền nói Phật trí rộng lớn thì không có hữu tình nào hiểu được Phật trí. Cho nên tuyên thuyết các chủng loại ngôn ngữ để khai ngộ trí ấy. Đó là trí không văn tự. Thiên tử nói: Diệu Cát Tường ! Những gì là các chủng loại ngôn ngữ ? Diệu Cát Tường nói: Thiên tử ! Nếu nói giữ giới và pháp chế chỉ, hoặc nói pháp tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật-đa, hoặc nói pháp nhập giải Bồ-đề phần. Những thuyết giáo như vậy là các chủng loại ngôn ngữ. Thiên tử ! Nếu nói pháp lìa sinh lìa diệt, nói lìa tạp phi tạp, nói lìa nhiễm lìa tịnh, nói không chán lìa sinh tử, nói không ưa thích Niết-bàn, không biết, không đoạn, không tu, không chứng, không đắc, cũng không hiện tiền Tam-muội có thể chuyển. Những cách nói như vậy là lời nói chân thật thanh tịnh, là âm thanh không thể nghĩ bàn.

Kinh Nhất Thiết Pháp Quyết Định Vô Sở Đắc nói: Phật hỏi Diệu Cát Tường: Chư Như Lai nói các cảnh giới bất tư nghị bất tư nghị là như thế nào ? Diệu Cát Tường nói: Cảnh giới bất tư nghị bất

tư nghị này là chư Như Lai nói. Thế Tôn ! Cảnh giới lia tư duy chẳng phải cảnh giới của tâm hành, chẳng phải cảnh giới tâm có thể lường đạc được, chẳng phải tâm pháp lựa chọn. Thế Tôn ! Tâm này như vậy tức đó là cảnh giới bất tư nghị. Bởi vì sao ? Không có tâm có thể tư duy, vì tâm này lia tư duy, tức tự tính của tâm cũng vô sở hữu, mà cái tâm không tư duy này là tâm như thật. Thế Tôn ! Đây mới là cảnh giới bất tư nghị.

Kinh này lại nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Ông chớ nên vội mặc áo giáp này mà hóa độ hữu tình. Diệu Cát Tường nói: Thế Tôn ! Nếu biết cảnh giới hữu tình không tăng không giảm thì trong đó nào có hữu tình mà có thể hóa độ khiến nhập Niết-bàn ? Thế Tôn ! Nếu hư không kia có người có thể độ thì cảnh giới hữu tình kia cũng có thể hóa độ. Lại nữa muốn dùng tâm Bồ-đề để có thể hóa độ thì hữu tình kia cũng có thể phát khởi làm việc hóa độ. Thế Tôn ! Tất cả pháp là Bồ-đề, cũng chẳng phải Bồ-đề có thể nhiễm tịnh được. Cho nên Thế Tôn nói như vậy: Ông chớ nên mặc áo giáp này mà hóa độ hữu tình. Thế Tôn ! Hữu tình chẳng phải nhiễm. Con cũng không trụ tâm độ hữu tình. Bởi vì sao ? Thế Tôn ! Nếu có hữu tình tức có biểu thị nhiễm tịnh. Đã không có hữu tình lẽ nào có nhiễm tịnh có thể biểu thị ? Thế Tôn ! Nếu pháp có, là từ duyên sinh, tức không mâu thuẫn. Thế Tôn ! Trong pháp duyên sinh thật không nhiễm tịnh có thể có được. Bởi tự tính tất cả pháp là không thật, là tính duyên sinh. Nếu trong duyên cũng không có nghĩa duyên nhiễm tịnh có thể được, Thế Tôn ! Đây không có nghĩa, nghĩa của duyên sinh. Người trí hiểu biết. Lại nữa, nghĩa của duyên sinh như vậy người trí đều không phân biệt. Nếu trong nghĩa không phân biệt tức không nhiễm tịnh. Ví như nhà ảo thuật hoặc đệ tử nhà ảo thuật làm ra lầu gác nhà cửa ảo có lửa lớn cháy dữ lan rộng. Có người nói: Sức dũng cảm của ta có thể ngăn chặn dập tắt. Người ấy luống cực nhọc cho đến tổn hoại thân mình không làm được. Phật nói: Diệu Cát Tường ! Đúng vậy đúng vậy. Diệu Cát Tường nói: Thế Tôn ! Nếu mặc áo



giáp tinh tiến hóa độ hữu tình cũng như vậy, luống cực nhọc mà không được gì.

Kinh ấy lại nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Ông phải quán sát kỹ như thật là pháp tăng ngữ gì. Diệu Cát Tường nói: Nói quán sát kỹ như thật, nhưng trong quán sát kỹ như thật kia không có một tính, không có các thứ tính có thể tạo tác. Thế Tôn ! Nếu trong cái không chủng loại không phân biệt làm quán sát kỹ như thật, tức chẳng phải quán sát kỹ như thật. Thế Tôn ! Tức chẳng phải quán sát kỹ như thật mà là tăng ngữ. Cho nên nếu quán sát kỹ như thật xong rồi, trong đó không khởi cái thấy ta là phàm phu ta là thánh nhân. Bởi vì sao ? Các pháp không có sở quán. Nếu pháp không lập cái thấy phàm phu thánh nhân, tức được quán sát kỹ như thật thành tựu. Thế Tôn ! Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân có thể trụ được như vậy tức được tương ưng pháp giới, trong đó không có chút pháp nào là bình đẳng là sai biệt có thể được. Nếu bảo pháp phàm phu sai biệt cũng không sinh phân biệt. Nếu bảo pháp thánh nhân bình đẳng cũng không sinh phân biệt. Bởi vì sao ? Vì sở duyên là không thể được. Nếu trong sở duyên có sở thủ bình đẳng hoặc sai biệt, tức đó là phân biệt, là tính phân biệt, đều không sở hữu. Nếu trong các sở duyên kia có bình đẳng sai biệt có thể thủ đắc, tức có sai biệt pháp của ta pháp của người kia. Tất cả như vậy phải biết nhất định là không có pháp khả thủ.

Kinh Duy-ma-cật nói: Cái gì là gốc của bệnh tật ? Có phan duyên tức gốc của bệnh tật. Có phan duyên tức có bệnh. Phan duyên cái gì gọi là 3 cõi ? Nếu không phan duyên thì kia biểu thị cái gì ? Nếu không phan duyên được tức không có sở đắc. Thế nào là không có sở đắc ? Là không có sở đắc 2 kiến. Hai kiến là gì ? Là nội kiến và ngoại kiến, kia không có sở đắc.

Kinh ấy lại nói: Bồ-tát Ái kiến nói: Sắc không là 2, sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt không, tính của sắc tự không. Như vậy

cho đến thức tức là không, chẳng phải thức diệt không, tính của thức tự không. Nếu hiểu rõ 5 uẩn này là vào pháp môn không 2.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Xá-lợi tử hỏi tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, làm sao biết được phương tiện thiện xảo ? Tu-bồ-đề nói: Tôn giả Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, không hành sắc, không hành thụ tướng hành thức. Không hành sắc hữu tướng, cho đến không hành thụ tướng hành thức hữu tướng. Không hành sắc phi thường phi vô thường, phi khổ phi lạc, phi ngã phi vô ngã, phi tịch phi động, phi không phi bất không, phi tướng phi vô tướng, phi nguyện phi vô nguyện, phi ly phi bất ly. Như vậy cho đến không hành thức phi thường phi vô thường, cho đến phi ly phi bất ly. Năm uẩn như vậy có giới, xứ, duyên sinh, pháp Bồ-đề phần, thần thông Ba-la-mật-đa, lực, vô úy, vô ngại giải, Phật pháp không chung v.v... Cho đến phi ly phi bất ly mà đều không hành.

Bởi vì sao ? Tôn giả Xá-lợi tử ! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Cho đến thức chẳng khác không, không chẳng khác thức. Thức tức là không, không tức là thức. Như vậy giới, xứ, duyên sinh, cho đến Phật pháp không chung chẳng khác không, không chẳng khác Phật pháp không chung. Phật pháp không chung tức là không, không tức là Phật pháp không chung. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu như vậy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa tức có thể biết phương tiện thiện xảo, mà Bồ-tát kia đối với Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng nghĩ ta thực hành, chẳng nghĩ ta chẳng thực hành, chẳng nghĩ ta cũng thực hành cũng chẳng thực hành, chẳng nghĩ ta chẳng phải thực hành chẳng phải chẳng thực hành. Bởi vì sao ? Vì tự tính vô tính tức Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Kinh ấy lại nói: Phật nói: Kiêu-thi-ca ! Thiện nam tử thiện nữ nhân khi tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa, hoặc có người phi báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Những gì là phi báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa

? Là nếu nói sắc là vô thường, là khổ, vô ngã bất tịnh. Như vậy thụ tướng hành thức và giới, xứ, thiền định, vô lượng vô sắc định, niệm xứ, chính cần, thần túc, căn, lực, giác đạo, thánh đế, vô sở úy, vô ngại giải, bất cộng Phật pháp, cho đến nhất thiết tướng trí là vô thường, là khổ, vô ngã bất tịnh. Nếu thực hành như vậy là thực hành Bát-nhã Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Người nói như vậy là phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Những gì là không phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa ?

Là nếu nói: Thiện nam tử ! Khi ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa chớ nên quán sắc vô thường, chớ nên quán sắc là khổ, vô ngã, bất tịnh, cho đến tất cả tướng trí cũng như vậy. Bởi vì sao ? Tự tính của sắc là không. Cho nên nếu tự tính của sắc là không đó tức Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa không có sắc là thường có thể được, vì sắc kia như vậy là không sở hữu, hưởng chi là có thể được thường hay vô thường. Thụ tướng hành thức cho đến tất cả tướng trí cũng như vậy. Người nói như vậy là không phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, nếu nói: Thiện nam tử ! Khi ông tu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chớ bảo là có pháp có thể vượt qua, chớ bảo có pháp có thể an trụ. Bởi vì sao ? Vì Bát-nhã Ba-la-mật-đa là vô sở hữu trong tất cả pháp. Nếu pháp không vượt qua không chỗ trụ, tức tự tính các pháp đều không. Nếu tự tính của pháp là không, tức pháp là vô tính. Nếu pháp vô tính, tức Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, tức không có pháp hoặc xuất hoặc nhập hoặc sinh hoặc diệt. Người nói như vậy tức không phỉ báng Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Tu-bồ-đề lại bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Bát-nhã Ba-la-mật-đa thế nào là có sở đắc thế nào là không sở đắc ? Phật nói: Tu-bồ-đề ! Nếu pháp có 2 tức có sở đắc. Nếu pháp không 2 tức không có sở đắc. Tu-bồ-đề nói: Thế Tôn ! Thế nào là 2 ? Phật nói: Tu-bồ-đề ! Nhãn, sắc, là 2. Ý, pháp, là 2. Cho đến Bồ-đề pháp, Phật pháp, là 2. Tu-bồ-

đề nói: Thế Tôn ! Có sở đắc là không sở đắc chăng, hay không sở đắc là không sở đắc chăng ? Phật nói: Tu-bồ-đề ! Chẳng phải kia có sở đắc là không sở đắc, cũng chẳng phải không sở đắc là không sở đắc. Tu-bồ-đề ! Nếu có sở đắc không sở đắc đều bình đẳng, đó tức là không sở đắc. Lại nữa, Tu-bồ-đề nói: Thế Tôn ! Lẽ nào không trụ trong thắng nghĩa để chứng quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ? Phật nói: Không phải. Tu-bồ-đề nói: Trụ trong pháp điền đảo u ? Phật nói: Không phải. Tu-bồ-đề nói: Nếu không trụ trong thắng nghĩa để, cũng không trụ trong pháp điền đảo thì người thành chính giác lẽ nào chẳng phải Như Lai chẳng chứng quả Bồ-đề sao ? Phật nói: Tu-bồ-đề ! Ta chứng quả Bồ-đề nhưng trong cảnh giới hữu vi cảnh giới vô vi đều không chỗ trụ. Lại nữa, Phật nói: Tu-bồ-đề ! Ta không thể lấy cái vô tính trong vô tính mà thành chính giác. Tu-bồ-đề nói: Thế Tôn ! Lẽ nào không lấy vô tính trong vô tính có thể thành chính giác ? Phật nói: Không phải. Lại nữa, Tu-bồ-đề ! Trong Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa ta từng bảo ông: Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Như Lai được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chăng ? Như Lai có thuyết pháp chăng ? Tu-bồ-đề nói: Như chỗ con hiểu nghĩa Phật nói thì không có pháp Như Lai được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cũng không có pháp Như Lai có thể nói. Bởi vì sao ? Nếu có pháp được Như Lai nói thì đó là không thể thủ lấy, không thể nói, là phi pháp phi phi pháp. Sở dĩ vì sao ? Tất cả hiền thánh đều bởi vô vi pháp mà có sai biệt. Như Lai chỉ vì hóa độ hữu tình nên khéo dùng phương tiện khai mở các pháp môn, tuyên thuyết chính pháp rất sâu như vậy.

## QUYỂN 8 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỂN 9

Như trong Kinh Nhập Lăng-già nói: Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về Như Lai tạng, Phật nói: Đại Tuệ ! Vì sao hôm nay ông hỏi Như Lai tự tính sáng suốt thanh tịnh, bản lai thanh tịnh ? Như Lai đủ 32 tướng ở trong thân tất cả hữu tình như viên ngọc báu vô giá bọc trong áo rách bẩn. Cái áo uẩn xứ giới quần bọc cũng vậy. Kia là tham sân si kế chấp không thật. Cấu nhiễm này là pháp vô thường, là không bền chắc, là không cứu cánh. Đại Tuệ bạch Phật: Thế Tôn ! Ngoại đạo có nói về thần ngã, sao không thể so sánh với Như Lai tạng ? Bởi ngoại đạo nói thần ngã là thường. Ngã có thể tạo tác, lia sự ràng buộc, tự tại mà vĩnh viễn bất diệt. Ngoại đạo kia nói thần ngã là như vậy. Phật nói: Đại Tuệ ! Ngoại đạo nói ngã không thể so sánh với Như Lai tạng. Đại Tuệ ! Nhưng ta nói thật tế Niết-bàn không sinh với các cú nghĩa không, vô tướng, vô nguyện v.v... Như Lai ứng cúng chính đẳng giác vì những người ngu khiến lia pháp kinh sợ vô ngã cho nên dùng phương tiện nói Như Lai tạng môn không phân biệt, không đối ngại. Trong đây cũng chẳng phải vị lai hiện tại các Bồ-tát Ma-ha-tát chấp ta sở tác. Đại Tuệ ! Ví như thợ làm gạch làm góm lầy đất trộn nước thành bùn rồi dùng dây và dụng cụ làm thành các thứ đồ vật. Như Lai cũng vậy, trụ pháp vô ngã, lia tướng phân biệt, cho nên dùng các thắng tuệ tương ưng phương tiện thiện xảo, hoặc nói Như Lai tạng, hoặc nói pháp vô ngã, dùng nhiều ngôn từ câu văn xảo diệu thí dụ mà nói. Vì duyên

đó cái tiếng ngã ngoại đạo nói, không thể so sánh với tiếng Như Lai tạng. Đại Tuệ ! Lại nữa, ta nói tiếng Như Lai tạng chỉ vì hàng phục các ngoại đạo chấp ngã nên dùng phương tiện nói Như Lai tạng. Sao chúng cố chấp cái chủ thể không thật. Nếu ưa thích đầy đủ đối với 3 môn giải thoát tức có thể mau chứng quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy Như Lai ứng cúng chính đẳng chính giác nói pháp Như Lai tạng với tiếng ngã của ngoại đạo là không thể so sánh. Cho nên Đại Tuệ ! Để làm cho ngoại đạo lia các kiến chấp khiến sẽ được tùy thuận tạng pháp vô ngã của Như Lai nên nói đây là pháp cứu cánh thành tựu vô thượng, là pháp không, không sinh, không hai, không tự tính của chư Bồ-tát, là pháp rất sâu. Nếu tuyên thuyết và thụ trì tức có thể bao gồm nghĩa rất sâu trong tất cả kinh Đại thừa. Bởi vì sao ? Pháp rất sâu này thâm nhiếp trong tất cả pháp, tất cả kinh.

Kinh ấy lại nói: Đại Tuệ ! Cái tướng không, không sinh, không hai, không tự tính này gồm thâm khắp tất cả chư Phật và tất cả kinh điển. Trong Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội, Như Lai có nói kệ rằng:

*Trong 3 ngàn đại thiên thế giới,  
Ta từng giảng nói các kinh điển,  
Tất cả các câu đều một nghĩa,  
Cho nên không thể nói khắp giáp.  
Cho đến tất cả chư Như Lai  
Và rộng giảng thuyết nhiều thứ pháp.  
Ở trong một câu tu học rồi,  
Tất cả tu tập được thành tựu.  
Tất cả các pháp đều không tính,  
Nếu ai với nghĩa hiểu rõ ràng  
Trong cú nghĩa này học thành tựu  
Thì các Phật pháp chẳng khó được.  
Với pháp rất sâu tin hiểu được,  
Là được tất cả thắng phúc sinh.*

*Các cõi thế gian xuất thế gian,  
Hoàn thành tác sự đến thành Phật.*

Kinh Bảo Thụ nói: Lại nữa Diệu Cát Tường ! Nếu Bồ-tát trải trăm ngàn kiếp khéo tu 6 Ba-la-mật-đa, đủ phương tiện thiện xảo, nếu có người trong chính pháp này cần cầu nghe thụ, so với phúc uẩn trước đây nhiều gấp bội. Huống chi với tâm vô sở cầu nghe thụ sao chép vì người giảng nói.

Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Phật nói: Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao ? Số cát trong sông Khắc-già, mỗi mỗi hạt cát kia là một sông Khắc-già thì tất cả số ấy có nhiều chăng ? Tu-bồ-đề nói: Các sông Khắc-già còn nhiều vô số, huống chi cát của các sông ấy. Phật nói: Tu-bồ-đề ! Ta nay nói thật với ông rằng thiện nam tử thiện nữ nhân trong thế giới như số cát các sông Khắc-già, dùng 7 báu đầy trong các thế giới ấy cúng dường chư Phật Như Lai. Do nhân duyên ấy thiện nam tử thiện nữ nhân ấy được phúc nhiều chăng ? Tu-bồ-đề nói: Rất nhiều thừa Thế Tôn ! Rất nhiều thừa đấng Thiệt Thệ ! Phật nói: Tu-bồ-đề ! Nếu có người đối với chính pháp này cho đến thụ trì một bài kệ 4 câu vì người giảng nói, phúc này còn hơn kia.

Kinh Phạm Vương Hồi Phật, nói: Nhân giả ! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân ưa thích làm việc phúc nơi Như Lai, nên đối với chính pháp nghe hiểu tin tưởng thụ trì, tức có thể được sắc tướng phong phú nhiều quyền thuộc và trong pháp được tự tại, hưởng các hạnh phúc trong cõi người cõi trời.

Kinh Xá-lợi Tử Nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nói: Xá-lợi tử bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Nếu lại có người được nghe Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, nghe rồi tin hiểu, người này đối với Bồ-đề liền được không thoái chuyển. Bồ-tát Từ Thị nói: Nếu có người nghe nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, nghe rồi tin hiểu, Bồ-tát ấy liền được gần quả vị Phật. Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Thế Tôn ! Nếu có người nghe nói

Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, nghe rồi tin hiểu, thấy Bồ-tát này phải tương như Phật, tất cả tội nhiễm, việc làm ác đều được giải trừ, tất cả nghiệp chướng đều được thanh tịnh, có thể hiểu rất tốt pháp rất sâu.

Kinh Như Lai Tạng nói: Phật nói: Ca-diếp ! Cùng cực của 10 nghiệp bất thiện, đó là:

1. Giả sử có người Duyên Giác là cha mà đi sát hại là tội sát sinh nặng nhất.
2. Xâm đoạt của cải Tam Bảo là tội không cho mà lấy nặng nhất.
3. Giả sử có người A-la-hán là mẹ mà sinh nhiễm trước là tội tà nhiễm nặng nhất.
4. Hoặc nói ta là Như Lai v.v... là tội vong ngữ nặng nhất.
5. Tạo sự ly gián trong thánh chúng là tội hai lưỡi nặng nhất.
6. Chê bai thánh chúng là tội ác khẩu nặng nhất.
7. Muốn trau chuốt lộn xộn làm chướng chính pháp là tội nói thêu dệt nặng nhất.
8. Chính hướng đến chính đạo mà có lợi dưỡng khởi tâm xâm đoạt là tội tham dục nặng nhất.
9. Ca ngợi nghiệp ngũ vô gián, là tội sân nhuế nặng nhất.
10. Khởi ác kiến, là tội tà kiến nặng nhất.

Ca-diếp ! Mười nghiệp bất thiện đây đều là tội cực đại. Ca-diếp ! Nếu có một hữu tình làm đủ 10 nghiệp bất thiện đó, Như Lai liền nói pháp nhân duyên hòa hợp khiến hiểu rõ ngộ nhập. Bấy giờ cũng không có tướng ngã nhân, hữu tình, thọ giả. Nếu có thể hiểu rõ pháp này là pháp vô tác vô vi như huyền, lia nhiễm thanh tịnh tự tính sáng suốt, hiểu tất cả pháp bản lai thanh tịnh, đối với tất cả pháp hiểu rõ có lòng tin thanh tịnh, ta không nói hữu tình ấy đọa vào đường ác. Bởi vì sao ? Không có tính tụ các phiền não, sinh rồi tất cả liền phá



tan, cho nên biết một khi các phiền não tụ nhân duyên hòa hợp sinh, sinh rồi liền diệt. Nếu khởi tâm khiến trừ thì các phiền não theo đó có sinh. Nếu tin hiểu như vậy thì kia nào có tội gì, vì không có chỗ dung nạp. Nếu nói có các tội chướng có thể trụ, là không có chỗ đó.

Trong Phẩm hàng ma, tôn giả trì luật Ưu-ba-li hỏi: Người các ác ma ! Thế nào là Bí-sô chân chính giữ luật ? Ma nói: Tôn giả ! Nếu Bí-sô biết rõ tất cả pháp rốt ráo điều phục, các tội bản lai không biên giới trước sau vì lìa biên giới, nếu phạm đọa tội và các ác tác khác mà đều giải trừ chớ sinh cố chấp, đem pháp như vậy khai thị cho người khác thì người ấy có tạo tội ngũ vô gián cũng đều trừ sạch, huống chi là chút ít phá giới cấu nhiễm. Hiểu pháp luật như vậy thì không bị khách trần phiền não nhiễm, sinh tướng xuất ly, biết các phiền não chẳng trong chẳng ngoài cũng chẳng ở giữa, chẳng phải trí lìa nhiễm có thể trừ phiền não, tính lìa nhiễm cũng chẳng thể khiến trừ. Người trí như thật quán các phiền não giống như mây nổi gió thổi tiêu tan, tùy theo phương hướng thích đâu trụ đó. Lại nữa, các phiền não như trăng dưới nước. Ảnh tượng biến kế đối hiện ra trước. Lại nữa các phiền não là cảnh giới tối tăm, đèn tuệ sáng soi có thể chiếu phá. Lại nữa, giặc cướp phiền não làm hại sắc tướng như Dạ-xoa La-sát. Nếu tác ý sâu sắc vững chắc quán sát như thật, tức không có chỗ trụ. Lại nữa, các phiền não thường rình chỗ sơ hở để lợi dụng, nếu không tác ý sâu sắc vững chắc, tức phiền não tăng trưởng, trong pháp trí tuệ không vô tướng vô nguyện tức không trái hại. Lại nữa, ở trong các phiền não như vậy, người trí dùng trí đối trụ trước các hữu tình nhiễm trước phiền não kia khởi tâm bi mẫn vì nói pháp vô ngã vô hữu tình khiến chúng lìa nhiễm. Đó chính là chân thật giữ luật.

Kinh A-xà-thế Vương nói: Phật nói: A-nan ! Nay ta bảo thật ông nếu có người tạo tội ngũ vô gián được nghe chính pháp như vậy rồi có thể sinh thẳng giải, ta không nói người ấy có nghiệp và nghiệp

chương. A-nan ! Nói tóm lại chính pháp rất sâu được nói này nên sinh thắng giải khen ngợi rộng lớn thường trong các kinh kia chuyên cần nghe thụ, không lìa phương tiện khéo léo, Bồ-tát nên siêng năng nói pháp rất sâu như vậy. Cho nên tuệ và phương tiện không lìa 2 pháp. Đó là chính pháp tương ứng của Bồ-tát.

Kinh Duy-ma-cật nói: Không phương tiện tuệ trí, có phương tiện tuệ cõi. Sao gọi là có phương tiện tuệ cõi ? Nếu Bồ-tát có thể dùng tướng hảo trang nghiêm cõi Phật thành thực hữu tình, trong pháp không vô tướng vô nguyện điều phục tâm mình, siêng tu tập không mệt mỏi. Đó tức là có phương tiện tuệ cõi. Sao gọi là không phương tiện tuệ trí ? Nếu Bồ-tát đối với các kiến chấp phiền não sinh khởi theo đuổi bám trụ, nhưng lại phát khởi tất cả thiện căn hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Đó tức là không tuệ phương tiện trí. Sao gọi là có tuệ phương tiện cõi ? Nếu Bồ-tát đối với các kiến chấp phiền não sinh khởi theo dõi đoạn các chấp trước mà phát khởi tất cả thiện căn hồi hướng vô thượng Bồ-đề thì hoàn toàn không có chấp thủ. Đây tức là có tuệ phương tiện cõi. Các tuệ và phương tiện này 2 pháp hòa hợp, phải biết đều là hạnh Bồ-tát.

Thế nào là hạnh Bồ-tát ?

Là chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh hiền thánh. Là hạnh Bồ-tát, ở trong sinh tử không bị nhiễm ô ở Niết-bàn không vĩnh viễn tịch diệt. Là hạnh Bồ-tát tuy cầu trí 4 đế cũng không phi thời thủ chứng Niết-bàn. Là hạnh Bồ-tát tuy quán nội không mà thường tư duy nghĩ nhớ thị hiện thụ sinh trong tam hữu. Là hạnh Bồ-tát tuy quán vô sinh mà không nhập chính vị. Là hạnh Bồ-tát tuy nhiếp hóa tất cả hữu tình mà không nhiễm trước. Là hạnh Bồ-tát tuy thực hành pháp không mà thường cần cầu các tướng công đức. Là hạnh Bồ-tát tuy thực hành vô tác mà siêng tu tất cả thiện hạnh đạt được khinh an. Là hạnh Bồ-tát tuy tu hạnh chỉ quán mà không hoàn toàn đọa nơi tịch diệt. Là hạnh Bồ-tát tuy chuyển pháp luân thị hiện Đại Bát-niết-bàn

mà không bỏ hạnh của Bồ-tát làm. Là hạnh Bồ-tát tất cả như vậy đều là hạnh của Bồ-tát làm.

Kinh Hàng Ma nói: Lại nữa có các chính hạnh cao tột của Bồ-tát Ma-ha-tát. Tức trí thắng tuệ tăng thượng tương ưng. Nếu trí phương tiện tức bao gồm tất cả hạnh thiện pháp. Trí thắng tuệ tức vô ngã, vô nhân, vô hữu tình, vô thọ giả, vô nho đồng v.v... Trí phương tiện tức hạnh thành thực tất cả hữu tình. Trí thắng tuệ tức hạnh phổ biến bao gồm các pháp. Trí phương tiện tức hạnh nhiếp thụ chính pháp. Trí thắng tuệ tức hạnh không phân biệt tất cả pháp giới Phật. Trí phương tiện tức hạnh tôn trọng cúng dường phụng sự tất cả Phật pháp. Trí thắng tuệ tức hạnh như hư không tất cả cõi Phật. Trí phương tiện tức hạnh làm thanh tịnh trang nghiêm, công cụ trang nghiêm công đức tất cả cõi Phật. Trí thắng tuệ tức hạnh tu vô vi của tất cả hiền thánh. Trí phương tiện là đối với tất cả sự trường khởi tâm tôn trọng ra làm các hạnh tác dụng. Trí thắng tuệ là hạnh quán sát Phật thân vô lậu. Trí phương tiện là hạn tu Phật tướng hảo. Trí thắng tuệ là hạnh quán sát tất cả hành không sinh không khởi. Trí phương tiện là hạnh thường tư duy thị hiện thụ sinh trong tam hữu.

Kinh Vô Tận Ý nói: Những gì là phương tiện của Bồ-tát ? Và những gì là thắng tuệ của Bồ-tát ? Là nếu khi nhập định khởi tâm đại bi sở duyên sâu xa vững chắc quán sát hữu tình đó là phương tiện, nếu trong định trụ tịch biến tịch đó là thắng tuệ. Nếu khi nhập định khởi tâm đại bi tùy thuận Phật đạo đó là phương tiện. Nếu y chỉ vô sở hữu quán sát là thắng tuệ. Nếu khi nhập định quán sát bao gồm khắp tất cả pháp kia đó là phương tiện. Nếu quán pháp giới không phân biệt đó là thắng tuệ. Nếu khi nhập định tác Phật thân trang nghiêm hiện tiền đó là phương tiện. Nếu quán sát pháp thân phần vị tức thắng tuệ.

Kinh Duy-ma-cật nói: Phật nói: Từ Thị ! Bồ-tát có 2 tướng: một là tin ưa những câu văn trau chuốt, hai là không sợ pháp rất sâu. Hiểu rõ ngộ nhập như thật, đó là 2 tướng. Nếu Bồ-tát tin ưa tôn trọng

những câu văn bóng bẩy, phải biết đó là sơ học Bồ-tát. Nếu với kinh điển rất sâu thanh tịnh bao gồm khắp cả các thứ văn nghĩa pháp môn sai biệt, nghe thụ tuyên thuyết sinh thắng giải, phải biết đó là Bồ-tát tu phạm hạnh đã lâu. Lại có 2 pháp là tự hủy thương của sơ học Bồ-tát, đối với pháp rất sâu không điều phục tâm mình: Một là đối với kinh điển rất sâu xưa chưa được nghe, nghe rồi sợ hãi sinh nghi cũng không tùy thuận, lại sinh khinh chê nói: Tôi xưa chưa nghe pháp này từ đâu đến. Hai là đối với bậc đại pháp khí tuyên thuyết pháp rất sâu thì thiện nam tử không thích thân cận cũng không tôn trọng, hoặc có khi trong đó thậm nói lỗi. Đó là 2 pháp. Lại có 2 pháp tuy Bồ-tát tin hiểu pháp rất sâu cũng tự hủy thương không thể mau chứng pháp nhãn vô sinh. Một là khinh chê sơ học Bồ-tát không thiếp thụ, không quyết trạch cũng không dạy bảo. Hai là tuy tin hiểu pháp rất sâu mà không học tập cũng không tôn trọng, không thực hành tài thí pháp thí nhiếp thụ hữu tình. Đó là 2 pháp. Trong đây phải biết nếu các hữu tình hiểu ngộ sức oai đức lớn của chư Phật Bồ-tát, đây rất khó được. Những gì là sức oai đức lớn của Bồ-tát ?

Kinh Duy-ma-cật nói: Duy-ma-cật nói: Đại Ca-diếp ! Nếu có 10 phương thế giới hiện làm ma vương điều trụ cảnh giới giải thoát bất tư nghị của Bồ-tát dùng phương tiện khéo léo thành thực hữu tình nên hiện tướng ma. Lại nữa 10 phương thế giới hoặc có Bồ-tát theo xin tay chân tai mũi máu thịt gân cốt đầu mắt thân phần vợ con tôi tớ nhân dân quốc ấp voi ngựa xe cộ, tất cả những thứ ấy nếu có người cầu xin đều thí cho. Bồ-tát dùng các tướng như vậy nên thực hành bức não, tất cả như vậy trụ bất khả tư nghị giải thoát Bồ-tát. Ca-diếp ! Ví như rồng voi dẫm đạp, sức con lừa không làm nổi. Phạm phu cũng vậy không thể bức não Bồ-tát, mà chỉ có Bồ-tát mới có thể bức não Bồ-tát như vậy.

## QUYỂN 9 HẾT

## LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

### QUYỂN 10

Kinh Hoa Nghiêm nói: Pháp giới hạnh nguyện phần vị tuyên thuyết Bồ-tát vô tận Phật chủng thế giới Thế Tôn phổ biến trí cảnh giới Âm Thanh Như Lai từ trong cõi kia đến trước Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai, xuất hiện thân tướng oai đức của Bồ-tát như tất cả thân phần, tất cả tướng hảo, tất cả chân lông, tất cả trang nghiêm, tất cả y phục dụng cụ v.v... tất cả Bồ-tát quyển thuộc đầy đủ, có Thế Tôn Đại Tì-lô-giá-na Như Lai, tất cả Như Lai trụ trong quá khứ đời trước, tất cả Như Lai vị lai đã thụ ký và chưa thụ ký hoặc trụ trong đời sau, tất cả Bồ-tát an trụ khắp tất cả cõi Phật 10 phương trong hiện tại xưa tu tập bố thí Ba-la-mật-đa tương ưng tiên hành hải, tất cả thụ giả và vật bố thí đều ảnh hiện, tất cả thân tướng, các tướng hảo tất cả lỗ chân lông v.v... cũng đều đối hiện biểu thị. Lại nữa các phần vị của thân và đường ngôn ngữ, tất cả y phục vật trang sức cũng đối hiện mỗi mỗi biểu thị. Lại nữa xưa tu tập nhẫn nhục Ba-la-mật-đa thị hiện cắt đứt các thân phần tương ưng tiên hành hải. Lại các Bồ-tát gia hành tinh tiến tương ưng tiên hành hải. Lại các Như Lai làm việc tĩnh lự rộng lớn tương ưng tiên hành hải. Lại chư Như Lai chuyển bánh xe pháp lớn pháp sự làm xong xả các thân tướng tự tại các môn ảnh hiện mỗi mỗi biểu thị tương ưng tiên hành hải. Lại chư Như Lai hoan hỷ thấy các Bồ-tát đạo, tất cả thế gian tối thượng ái lạc tương ưng tiên hành hải. Lại các thắng nguyện hải, các pháp môn tăng thượng rộng

lớn trang nghiêm của các Bồ-tát tương ứng tiên hành hải. Lại các Bồ-tát, lực Ba-la-mật-đa các hành làm xong thanh tịnh tương ứng tiên hành hải. Lại các Bồ-tát, pháp giới rộng lớn tất cả mây thần biến rộng lớn tạo các cảnh giới trí của Bồ-tát tương ứng tiên hành hải. Thừa như vậy 10 Ba-la-mật-đa ảnh hiện biểu thị pháp giới rộng lớn, tất cả các mây thần biến rộng lớn đều đến chỗ Phật. Ở đó Bồ-tát cùng quyền thuộc đánh lễ Phật xong trụ ở phương trên hóa hiện ngời kết già trên tòa kim cương để thanh liên hoa sư tử trong lầu gác lớn kim cương để bảo tâm trang nghiêm tạng, hiện các lưới báu diệm ma-ni vương che bên trên. Lại dùng chuỗi anh lạc âm thanh bảo vương của 3 đời tất cả Như Lai treo thả rủ xuống trang nghiêm, đầu đội mũ ma-ni bảo, hiện thân Bồ-tát gia trì mà trụ. Mà Bồ-tát này và quyền thuộc đều xuất sinh từ hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Trong căn môn nơi chân tất cả Như Lai biểu hiện thanh tịnh. Trí nhãn quán nghe lý pháp âm thanh thắng hải trong kinh pháp luân của tất cả Như Lai khắp nhiếp tất cả Bồ-tát được tự tại, và được tối thượng Ba-la-mật-đa. Tất cả Như Lai đều vân tập, trong sát-na sát-na hiện nhiều thần biến, xuất hiện các thân hữu tình cảnh giới rộng lớn. Trong thân tất cả Như Lai đến họp trong đạo tràng ánh sáng phát ra chiếu khắp tất cả thế giới. Trong một thế giới bao gồm khắp ảnh hiện. Tướng các cảnh giới như vi trần tụ lại. Có tất cả hữu tình thiện căn thành thực đáng được hóa độ thì đều ứng thời có thể đến ứng hiện. Mây chuyển pháp luân của tất cả Như Lai, cảnh giới tiếng rống của tất cả lỗ chân lông, phổ biến tất cả thế giới, tất cả thiện căn xuất sinh, sinh rồi tức thì thân các hữu tình đều bình đẳng, tất cả phương phân mây biển nhất tâm sát-na rộng hiện thân biến.

Kinh ấy lại nói: Sức đại oai đức là khi ấy đồng tử Thiện Tài quán sát kỹ thân tướng Bồ-tát Phổ Hiền mới thấy mỗi mỗi các phần vị trong thân Bồ-tát mỗi mỗi các phần vị trong thân đều phân minh, mỗi mỗi giới thể mỗi mỗi phần nhỏ của giới thể đều phân minh, mỗi mỗi phần vị riêng biệt trong thân phần, mỗi mỗi phần vị riêng biệt

trong thân phần đều phân minh, mỗi mỗi y tụ mỗi mỗi y tụ phân minh, mỗi mỗi lỗ chân lông, mỗi mỗi lỗ chân lông phân minh. Hiện 3 ngàn đại thiên thể giới có các phong hỏa địa giới này và biển lớn châu lục sông hồ núi báu và núi Tu-di, núi Thiết vi v.v... đất xứ thành ấp làng xóm phương xứ cây rừng nhà cửa, và nhân dân, các nẻo địa ngục nga quỷ súc sinh, cảnh giới A-tu-la, rồng, Ca-lâu-la, cỡi người, trời, Phạm thiên, cỡi Dục, Sắc, Vô sắc. Các cảnh giới ấy đều dùng thần lực gia trì mà trụ. Cho đến hình sắc, hiển sắc, mây, điện, tinh tú, ngày đêm, trọn tháng nửa tháng, thời gian, năm, trụ kiếp hoại kiếp, hiện như vậy các tướng thế giới xong, có tất cả thế giới phương Đông cũng quán như vậy, tất cả thế giới phương Nam, Tây, Bắc, 4 phương chính 4 phương bàng và trên dưới như ứng đối hiện cũng quán như vậy. Lại nữa, chư Phật giáng sinh, chúng hội đạo tràng, và hữu tình của thế giới Ta-bà này trong đời quá khứ trước tất cả thế giới tất cả cùng nhau đều thấy tướng đại nhân mỗi mỗi trong thân Bồ-tát Phổ Hiền, với chư Phật giáng sinh, tất cả Bồ-tát chúng hội đạo tràng, và hữu tình, nhà cửa, ngày đêm, kiếp số v.v... tất cả thế giới cõi Phật đời vị lai sau v.v... phổ biến tất cả cũng vậy đều thấy tất cả thế giới trong đời trước đời sau như thế giới Ta-bà này, tất cả ảnh tướng đều trông thấy nhau. Như vậy tất cả thế giới đời trước đời sau trong 10 phương đều thấy nơi tướng đại nhân mỗi mỗi trong thân Bồ-tát Phổ Hiền, trong mỗi mỗi lỗ chân lông, mỗi mỗi phân minh không lẫn lộn nhau, đều thấy Bồ-tát Phổ Hiền ngồi trên tòa sư tử đại bảo liên hoa tạng, hiện thần thông du hý trước Thế Tôn Đại Tì-lô-giá-na Như Lai. Khi ấy Hiền Cát Tường Như Lai nơi thế giới Liên hoa cát tường ở phương Đông thấy hiện thần thông du hý như vậy, ở phương Đông như vậy, khắp 10 phương thế giới cũng vậy đều thấy trong căn môn nơi chân tất cả Như Lai đều có Bồ-tát Phổ Hiền ngồi trên tòa sư tử đại bảo liên hoa tạng hiện thần thông du hý. Và tất cả thế giới 10 phương đều thấy trong căn môn nơi chân tất cả Như Lai có Bồ-tát Phổ Hiền ngồi trên tòa sư tử đại bảo liên hoa tạng hiện thần thông du

hý. Khi ấy khắp tất cả cõi Phật 10 phương số như vi trần, mỗi mỗi số vi trần đều là Phật hội đạo tràng của pháp giới rộng lớn đều thấy trong căn môn nơi chân tất cả Như Lai có Bồ-tát Phổ Hiền ngồi trên tòa sư tử đại bảo liên hoa tạng hiện thân thông du hý. Bảy giờ mỗi mỗi thân tướng đều được tất cả ảnh tướng sở duyên biểu thị, có ảnh hiện biểu thị tất cả cõi nước, tất cả hữu tình, chư Phật giáng sinh, chư Bồ-tát chúng hội đạo tràng. Khi ấy nghe khắp tất cả ngôn ngữ hữu tình, âm thanh tất cả Phật, tất cả Như Lai chuyển pháp luân lớn, tất cả tuyên thuyết dạy bảo thân thông biến hóa, tất cả âm thanh cảnh tướng du hý của chư Phật và Bồ-tát tập hội đều tổng lược như đã nói. Phải biết đó đều là sức oai đức lớn của Bồ-tát Ma-ha-tát.

Trong đây nên hỏi những gì là sức oai đức lớn của Như Lai ?

Như Kinh Bồ-tát Thập Địa nói: Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát Kim Cương Tạng rằng: Phật tử ! Cảnh giới chư Bồ-tát hành như vậy, thần lực gia trì còn vô lượng làm sao có thể nhập vào cảnh giới Như Lai hành ? Bồ-tát Kim Cương Tạng nói: Phật tử ! Ví như có người trong thế giới 4 đại châu lấy vài ba viên đá nhỏ như hạt đậu mà nói như thế này: Thế giới đại địa nhiều hơn đây chẳng hay nhiều vô lượng chẳng ? Nói như vậy cũng giống như ông ngày nay lấy vô lượng trí pháp của chư Như Lai ứng cúng chính đẳng chính giác đem so sánh với pháp Bồ-tát. Phật tử ! Thế giới 4 đại châu như những viên đá bằng vài ba hạt đậu rất ít ngoài ra có vô lượng. Cảnh giới của Như Lai cũng như vậy. Hơn nữa Bồ-tát bậc Pháp vân địa có công đức trải vô lượng kiếp còn không thể nói được một phần ít hướng chi vô lượng trí cảnh của Như Lai. Phật tử ! Nay tôi bảo thật ông, ở trước Như Lai vì tôi tác chứng. Giả sử 10 phương vô biên thế giới như vi trần v.v... tất cả cõi Phật đầy khắp cả số người chúng Bồ-tát địa như lúa mè tre lau mía như rừng rậm. Các Bồ-tát kia trải vô biên kiếp tuyên thuyết khai thị một cảnh giới trí của Như Lai trăm phần không được một, cho đến câu-chi na-do-tha trăm ngàn phần thí dụ cũng không được một.



Kinh Nhập Như Lai Công Đức Trí Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Nay trong hội này hoặc có hữu tình cho rằng Phật Như Lai mới bắt đầu xuất gia, hoặc cho rằng xuất gia đã lâu, hoặc cho rằng tu các khổ hạnh, hoặc ngồi Bồ-đề tràng thành đẳng chính giác, hoặc phá các ma quân, hoặc Phạm vương Đế Thích, Hộ Thế khuyến thỉnh chuyển đại pháp luân, hoặc nghe tuyên thuyết pháp Thanh Văn thừa, hoặc thuyết pháp Duyên Giác thừa, hoặc thuyết pháp đại thừa, hoặc thấy thân Phật cao chừng một tầm, hoặc thấy thân Phật cao một câu-lô-xá, hoặc thấy thân Phật cao hơn các do-tuần trăm ngàn số lượng, hoặc thấy thân Phật như sắc vàng ròng, cho đến hoặc thấy như sắc ngọc ma-ni, hoặc thấy thân tướng Như Lai tịch tĩnh, hoặc thấy tướng Như Lai nhập Niết-bàn, hoặc thấy Như Lai một thân tướng, hoặc thấy phn bố xá-lợi của Như Lai, hoặc cho bảo 10 năm thành đẳng chính giác, hoặc bảo 10 năm nhập Đại Niết-bàn, hoặc bảo ở trong giáo của Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai được viên mãn, hoặc ẩn mất, hoặc bảo 10, 20, 30, 40, cho đến trăm ngàn câu-chi na-do-tha kiếp nhập Đại Niết-bàn. Hoặc bảo Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai thành chính giác trong không thể nói không thể nói kiếp số.

Diệu Cát Tường ! trong các tướng sai biệt như vậy, Như Lai đều chẳng phân biệt chẳng phải lìa phân biệt, mà Phật Như Lai lấy sự không phát ngộ pháp không phân biệt, thường tùy theo tâm hữu tình làm các hành tướng.

Kinh Bồ-tát Thập Trụ nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Có nhiều thuyết nói, như có thuyết nói có ao lớn vuông vức 50 vạn do-tuần, bờ ao bằng phẳng nước ao trong ngọt, lại có hoa sen che rợp trong ao, nếu có người dùng sắt làm thành xe có một ngàn bánh kéo bằng tuần mã chạy nhanh hơn Ca-lâu-la, xe chạy không chạm nước ao, chân ngựa cũng không đạp nhằm hoa sen. Diệu Cát Tường ! Như Lai cũng như vậy, cõi xe lớn dạo nơi ao lớn kia, có độc xà đạp nước

vùng lên, chỉ một sát-na con rắn độc kia đã tụt sau xe, xe tức thời vòng bên phải 7 vòng thì rắn độc kia chỉ vòng bên phải xe có một vòng, xe kia tức thời vòng bên phải vô số vòng. Như A-nan v.v... các Đại Bí-sô nói pháp cũng vậy. Có khi A-nan nói 10 thứ pháp biểu thị nghĩa ấy, nếu A-nan nói một pháp tức thì Xá-lợi tử nói 1 ngàn thứ pháp biểu thị nghĩa ấy. Nếu Xá-lợi tử nói 1 thứ pháp tức thì Đại Mục-kiền-liên quá hơn 8 vạn thế giới. Nếu Đại Mục-kiền-liên quá 1 thế giới tức thì Như Lai trong 10 phương thế giới tối thượng tự tại vượt cõi hư không biến khắp tất cả thế giới hải, mỗi một thế giới, mỗi mỗi châu bãi, mỗi mỗi trong đạo phàm phu, thị hiện từ Đâu-suất thiên cung xuống nhân gian, nhập thai, trụ thai, xuất thai, Phạm vương Đế Thích thừa tiếp mộc dục trang nghiêm, đi 7 bước quán sát 10 phương cất tiếng rống sư tử, tập học tất cả công xảo kỹ nghệ minh luận sự nghiệp hiện ở ngôi Thái tử, ở trong vương cung hưởng thụ thú vui, du ngoạn vườn rừng, xuất gia khổ hạnh, dùng bát cháo sữa xong, đến ngồi Bồ-đề trường thành chính giác, xô dẹp ma quân, quán cây kinh hành, Đại Phạm thiên vương thỉnh chuyên pháp luân, vào cung trời Đao-lợi v.v..., cõi nước phân lượng tên kiếp tuần tự, oai đức thân tướng thọ lượng nhiều ít, chúng hội trang nghiêm, cõi Phật thanh tịnh, giáo pháp trang nghiêm, phát tâm Bồ-đề, tu các hạnh nguyện, thành Ba-la-mật-đa, viên mãn các địa, thần thông trí nhãn, đủ tổng trì Tam-ma-địa các môn giải thoát, Như Lai vô lượng, các việc cúng dường vô lượng, Như Lai và Bồ-tát pháp cảnh giới vô lượng, mây pháp rộng lớn, sở hành phân lượng, thành thực hữu tình, lượng phương tiện phần vị sai biệt, khởi đại du hý thần thông biến hóa, thị hiện nhất thừa Đại Bát-niết-bàn, phân bố xá-lợi, phân biệt giáo pháp, trụ thời và pháp diệt thời lâu hay gần, đều từ ao đại pháp như thế mà xuất hiện.

Lại nữa đối với chỗ tu hành của các ngoại đạo và những việc tất cả hữu tình phải làm, Như Lai dùng tâm không phát ngộ không phân

biệt đồng thời đều hiện nơi phần vị rốt ráo ở đời sau, cần dừng thị hiện. Tất cả như vậy chỉ trong sát-na đồng thời 10 phương tất cả mỗi mỗi trong lỗ chân lông tự thân có khắp các phương 3 đời tất cả Như Lai và biến chúng hội các Bồ-tát, tất cả cõi Phật rộng lớn công đức trang nghiêm, làng xóm nhà cửa các hữu tình rộng lớn trang nghiêm, các hữu tình tự nhiên nhĩ tử thiết thân ý xú thi thiết rộng lớn, các hạnh Bồ-tát đều được tích tập rộng lớn trang nghiêm, tất cả cảnh giới Như Lai rộng lớn trang nghiêm. Tất cả các tướng như vậy Như Lai đồng thời dùng tâm không phát ngộ, không phân biệt thị hiện khắp cả. Vào thời sau rốt ráo cần dừng sát-na đồng thời khắp gồm tất cả 10 phương thế giới, cho đến trong đạo phàm phu có hết không hết không lại sót thừa. Tất cả hữu tình của hữu tình giới, mỗi mỗi hữu tình mỗi mỗi thân tướng hình sắc hiển sắc âm thanh ngôn ngữ thí dụ thuyết pháp, tất cả phân lượng sai biệt Như Lai đồng thời dùng tâm không phát ngộ không phân biệt thị hiện khắp cả, tùy các hữu tình tâm ý riêng khác, vào thời sau rốt ráo cần dừng, tùy ứng biểu thị tùy chỗ ra làm.

Diệu Cát Tường ! Ví như giữa đêm 15 trăng tròn, khắp Diêm-phù-đề tất cả con trai con gái, bé trai bé gái đều thấy vàng trắng trước mặt mà vàng trắng kia không phân biệt. Như Lai cũng vậy dùng tâm không phát ngộ không phân biệt làm các hành tướng. Do thành tựu Phật pháp không chung nên tùy tâm ý hữu tình tùy ứng hóa độ, tất cả hữu tình đều hiện tiền khắp thấy Như Lai mà tâm Như Lai cũng không phân biệt. Cho nên phải biết dù có phân biệt dù không phân biệt, chư Phật Như Lai đều không phát ngộ mà thành tựu Phật pháp không chung, cho nên tùy ứng ra làm tất cả hành tướng. Trong đây phải biết trong các kinh rộng lớn rất sâu mà chỉ riêng hiển hiện nói sức đại oai đức của chư Phật Bồ-tát. Nếu có ai có thể sinh tin hiểu sâu sao chép đọc tụng tôn trọng cúng dường, người ấy được phúc rộng lớn vô lượng.

Kinh ấy lại nói: Phật nói: Diệu Cát Tường ! Ví như núi chúa Tu-di hơn các núi khác chiếu rọi rõ đẹp đẽ vừa cao vừa rộng và lớn nhất.

Diệu Cát Tường ! Nếu Bồ-tát tin hiểu chính pháp này cũng như vậy, hơn tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát. Bởi 10 phương tất cả thế giới các chúng Bồ-tát như vi trần nếu đối với chính pháp này sinh tin hiểu thì có các thiện căn xuất sinh từ 5 Ba-la-mật-đa, trong kiếp a-tăng-kì có thể tích tập, chiếu rọi rộng rãi vừa cao vừa rộng và lớn nhất.

Diệu Cát Tường ! Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân có tất cả hữu tình trong tất cả thế giới 10 phương mà đều khuyến phát tâm Bồ-đề. Lại có thiện nam tử thiện nữ nhân tin yêu vô dư y Niết-bàn thì phúc đức đạt được đây so với trước gấp bội không thể đếm kể.

Diệu Cát Tường ! Giả sử thiện nam tử thiện nữ nhân khuyến khắp tất cả hữu tình tin yêu vô dư y Niết-bàn. Nếu lại thiện nam tử thiện nữ nhân có thể sinh tin yêu chính pháp này, hoặc tự mình sao chép, hoặc khiến người khác sao chép, hoặc tự đọc tụng hoặc khiến người khác đọc tụng, cho đến chỉ có thể tin yêu thụ trì dùng hương hoa đèn phẩm vật các thứ cúng dường, phúc đức đạt được đây gấp bội so với trước không thể đếm kể./.

### **TRỌN BỘ 10 QUYỂN HẾT**

SỐ 1636  
**LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC**  
*( Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát )*

**QUYỂN 1**

*Bồ-tát Pháp Xứng tạo luận  
 Sa-môn Pháp Hộ v.v... dịch  
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

**Phẩm 1: TẬP HỢP HỌC XỨ VỀ BỐ THÍ 1**

*Tôi nghe địa ngục thật hiểm nghèo,  
 Nỗi khổ vô cùng như lửa đốt.  
 Vì xưa tâm từng không vắng lặng  
 Nên thích nghe nhiều pháp Đại thừa .  
 Nghe rồi xa lìa các tội ác,  
 Sám hối các tội trước đã tạo.  
 Tôi chưa thường được điều thiện lợi,  
 Trong đây ít nhiều bị giảm mất.  
 Bồ-tát diệu lạc hơn tất cả,  
 Chỉ Phật chứng đủ lý bình đẳng.  
 Hiếm có khó lường trong pháp bảo,  
 Xin trong giây lát nghe tôi nói.  
 Ba cõi đều đến Chủ thành tựu,  
 Long thiên bát bộ các quyển thuộc*

*Đều sinh khát ngưỡng khởi từ tâm  
 Hoan hỷ lắng nghe lời an ổn.  
 Như Lai, chính pháp và Phật tử  
 Khéo vào giới Phật được sinh thân.  
 Tôi nay tập giải lời Phật nói  
 Mừng vui chí thành cung kính lễ.  
 Tôi vốn từ xưa không chút hiểu  
 Không dạy, không giảng, chẳng có tài,  
 Cũng không lợi lạc được cho ai,  
 Chỉ muốn một lòng làm bạn pháp.  
 Nhưng tôi yêu thích pháp thanh tịnh  
 Để khiến trưởng dưỡng các thiện căn.  
 Xin được cùng tôi xem văn này  
 Nếu nghĩa chưa đạt mong chỉ dạy.*

Luận nói:

Muốn thành tựu nghĩa của trượng phu đầy đủ trong sát-na là việc khó được. Nếu tư duy không ổn định làm sao có được hạnh chính đẳng này ?

Như Kinh Hoa Nghiêm nói:

Thiện Tài ở chỗ Bà-la-môn Thắng Nhiệt suy nghĩ như vậy: Được thân người khó, thoát các nạn khó, được không nạn khó, trong sát-na đầy đủ thanh tịnh khó, gặp Phật ra đời khó, các căn đầy đủ khó, được nghe Phật pháp khó, được gặp người tốt khó, gặp chân thiện tri thức khó, thụ chính giáo đúng như lý khó, sống chân chính khó.

Luận nói:

Một số chính hạnh đây đã biết rồi, nếu có đại sĩ quán sát như vậy tôi nghĩ người ấy sẽ thoát nỗi khổ sợ hãi, không quá yêu thích thân mình, vì có gì đặc biệt tốt đẹp ? Chi hộ trì Thi-la cứu vớt hết các

gốc khổ của giới hữu tình, xây dựng nhân Bồ-đề mong cầu hạnh diệu lạc, phát tâm kiên cố không hoại tín căn.

Như Bảo Quang Minh Đà-la-ni có nói kệ rằng:

*Tin thuận chư Phật và Phật pháp,  
 Cũng tin Phật tử tu đạo hạnh,  
 Tin nơi vô thượng Đại Bồ-đề.  
 Bồ-tát lấy đây phát tâm trước.  
 Tin là dẫn đạo, mẹ công đức,  
 Nuôi lớn tất cả pháp thắng thiện,  
 Dứt trừ lưới nghi, dòng khát ái.  
 Tin hiển thị được hạnh an nhĩ,  
 Tin không nhiễm trước, khiến tâm tịnh,  
 Trừ bỏ ngã mạn, vốn cung kính.  
 Tin như tay sạch giữ gìn nhân,  
 Bày thánh pháp tài vô thượng hạnh.  
 Tin hoan hỷ xả được tất cả.  
 Do tin nên vui nhập Phật pháp.  
 Tin là xuất sinh trí công đức.  
 Theo chỗ Phật nói đều thông suốt.  
 Tin: Góc sáng sạch, rất bén nhọn,  
 Như thật vĩnh đoạn gốc phiền não.  
 Tin: Sức kiên cố không thể hoại,  
 Duy nhất để, tin Phật công đức.  
 Tin nơi tương ưng, chẳng tương ưng,  
 Sát-na xa lìa các nhiễm trước.  
 Tin hay siêu xuất các cảnh ma,  
 Làm rõ tối thượng đạo giải thoát.  
 Tin là không hoại giống công đức,  
 Là hay tăng trưởng mầm Bồ-đề.  
 Tin là xuất sinh môn thắng trí.*

Ứng hiện mười phương đấng Giác ngộ.  
 Nếu thường tin vững nơi Phật bảo,  
 Không giới, không học, đều lìa xa.  
 Lìa xa được kẻ không giới, học,  
 Là người ngợi ca công đức Phật.  
 Nếu thường tin vững nơi Pháp bảo,  
 Thì nghe Phật pháp không biết chán.  
 Nếu nghe Phật pháp không biết chán,  
 Thì tin hiểu pháp không nghĩ bàn.  
 Nếu thường tin vững nơi Tăng bảo,  
 Trong chúng thanh tịnh không thoái lui.  
 Với chúng thanh tịnh không thoái lui,  
 Thì nơi sức tin không lay chuyển.  
 Nếu với sức tin không lay chuyển,  
 Thì được các căn sạch sáng nhay.  
 Nếu được các căn sạch sáng nhay.  
 Người ấy lìa xa các bạn xấu.  
 Nếu ai lìa xa các bạn xấu,  
 Được bạn pháp lành liền nhiếp thụ.  
 Nếu bạn pháp lành nhiếp thụ rồi,  
 Thì thường tu tập thiện pháp lớn.  
 Nếu thường tu tập thiện pháp lớn,  
 Thì được hoàn tất sức nhân lớn.  
 Nếu được hoàn tất sức nhân lớn  
 Người ấy tin hiểu vượt trội nhất.  
 Nếu được tin hiểu vượt trội nhất,  
 Tức được chư Phật thường hộ niệm.  
 Nếu được chư Phật thường hộ niệm,  
 Tức phát khởi được tâm Bồ-đề.  
 Nếu phát khởi được tâm Bồ-đề,  
 Thì siêng tu tập công đức Phật.



Nếu siêng tu tập công đức Phật  
 Thì được sinh vào nhà Như Lai.  
 Nếu được sinh vào nhà Như Lai,  
 Giải thoát chấp trước, không chấp trước.  
 Chấp trước, không chấp trước hết rồi,  
 Thì thâm tâm được tin thanh tịnh.  
 Nếu thâm tâm được tin thanh tịnh,  
 Thì được vượt trội cao tột nhất.  
 Được vượt trội cao tột nhất rồi,  
 Thường hành Ba-la-mật sâu mầu.  
 Nếu hành Ba-la-mật sâu mầu  
 Thì ngộ nhập được Ma-ha-diễn.  
 Nếu ngộ nhập được Ma-ha-diễn,  
 Thì biết như pháp cúng dường Phật.  
 Nếu biết như pháp cúng dường Phật,  
 Thì sẽ niệm Phật tâm không động.  
 Niệm Phật được tâm không động rồi,  
 Thì thường quán Phật không nghĩ bàn.  
 Nếu thường quán Phật không nghĩ bàn,  
 Thì Phật không sinh, không chỗ trụ.  
 Nếu Phật không sinh, không chỗ trụ,  
 Thì biết pháp này hằng không diệt.

Luận nói:

Trong đó công đức sơ phát tín căn rộng lớn vô lượng. Đây chỉ lược nói một ít trong số công đức đó. Lại nữa với sinh thân của các phàm phu thì khó tin hiểu pháp như vậy. Nếu thâm tâm thanh tịnh gieo trồng tư lương phúc đức thì sức của tín nhân đó được trụ trong mười cõi Phật với kiếp số chúng sinh như vi trần, hưởng thụ phúc báo vi diệu an lạc. Nên sinh tin hiểu đối với pháp như vậy.

Như Kinh Thập Pháp có nói kệ rằng:

*Tin là xe vượt trội  
 Chở người đến chính giác.  
 Cho nên với đức tin,  
 Người trí nên gìn giữ.  
 Nếu người không tin căn,  
 Không sinh các thiện pháp.  
 Như hạt giống bị cháy  
 Thì không thể nảy mầm.*

Lại nữa, Kinh Đại Thiện Dụ nói:

Khi ấy Như Lai bảo A-nan: Nếu hiểu rõ tín pháp thì phải phụng hành.

Luận nói:

Thực hành đức tin này trong khoảng sát-na sẽ được tín căn kiên cố, tức tâm Bồ-đề kiên cố có thể thụ nhận tất cả phúc báo.

Như Kinh Sư Tử Vương Sở Vấn nói: Khi ấy Thái tử Tinh-hạ-na bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Làm sao khiến các chúng sinh ở nơi sinh ra thường được yêu thích nhiếp thụ các pháp ?

Phật nói: Muốn giải thoát chúng sinh phải phát tâm Bồ-đề, thường sinh khiêm nhường cung kính. Đó gọi là thường được yêu thích nhiếp thụ các pháp.

Lại như Kinh Hoa Nghiêm nói:

Thiện nam tử ! Tâm Bồ-đề như hạt giống có thể sinh tất cả các Phật pháp. Tâm Bồ-đề như ruộng tốt có thể làm tăng trưởng pháp thanh tịnh của chúng sinh.

Như đại địa làm nơi nương tựa duy trì cho tất cả thế gian. Cho đến tâm Bồ-đề như người cha lành dạy dỗ bảo hộ các Bồ-tát, như Tì-sa-môn có thể dứt trừ sự bần cùng nghèo khổ, như ngọc ma-ni làm nên các lợi lạc.

Tâm Bồ-đề như Hiền bình làm thỏa mãn tất cả mong cầu việc thiện.

Như cái chày Độc cổ có thể đập tan oan khiên phiền não.

Như chính pháp có thể đoạn trừ các tác ý trong thâm tâm.

Như kiếm bén có thể chặt đầu tất cả phiền não. Tâm Bồ-đề như búa bén có thể đốn phạt tất cả cây khổ não. Như binh khí phòng ngự tất cả khổ nạn.

Như cần câu giết chúng sinh ra khỏi biển luân hồi.

Như cuồng phong gió xoáy lớn thổi ngã tất cả chướng ngại, xua tan mây mù, bay hết cỏ rác.

Tâm Bồ-đề như Tòng lâm tụ họp các hạnh nguyện Bồ-tát.

Như chùa tháp Phật, nơi tất cả thế gian người trời A-tu-la tôn kính.

Thiện nam tử ! Tâm Bồ-đề làm nên vô lượng công đức vượt trội như vậy.

Luận nói:

Làm sao biết các phàm phu phát tâm Bồ-đề ? Trong đây dẫn lời Phật không phải chỉ nói trong một kinh.

Như Kinh Duy-ma-cật Sở Thuyết nói:

Tuy khởi kiến chấp về thân lớn như núi Tu-di, còn có thể phát tâm Bồ-đề và sinh Phật pháp.

Lại như Kinh Bảo Khiếp nói về nghĩa phàm phu Bồ-tát rằng:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ví như con chim non Ca-lăng-tần-già chưa ra khỏi trứng đã có thể hót hay.

Văn-thù-sư-lợi ! Bồ-tát cũng vậy, tuy chưa đoạn trừ ngã kiến, chưa ra khỏi ba cõi, còn ở trong cái vỏ vô minh, nghĩa là còn mang

thân xác phàm phu, đã có thể có được âm thanh vi diệu của chư Phật. Đó là âm thanh của không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát v.v...

Lại nữa, Kinh Tỳ Thuyết Chư Pháp nói:

Khi ấy Bồ-tát Thắng Tuệ nhập Niết-bàn ở Địa Kham, được thụ sinh ở thành ấp lớn, vì Bồ-tát ấy tin hiểu nơi tính không, làm pháp đối trị.

Lại nữa Kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Sao gọi là Bồ-tát đi bằng xe dê ? Ví như có người đi qua số thế giới như vi trần của năm cõi Phật. Người ấy lên đi bằng xe dê kéo, lên đường mà đi. Đi qua nhiều đời lâu xa trải trăm du-thiện-na gặp trận cuồng phong thổi lui tám vạn du-thiện-na. Sau người ấy ở thế giới kia lại lên xe dê, như vậy cho đến không thể nói bao nhiêu kiếp mới vượt qua được một thế giới chẳng ?

Văn-thù-sư-lợi nói: Thưa không, Thế Tôn. Phật nói: Nếu người Đại thừa phát tâm Bồ-đề rồi, không nên thụ trì đọc tụng giáo pháp Thanh Văn thừa, hoặc cùng ở chung với các Thanh Văn tu tập Thanh Văn thừa. Hoặc trong tâm cho rằng đã được họ dạy cho giáo pháp của thừa ấy, thậm chí hiểu rằng đã ngộ được trí tuệ của họ, do đó mà thoái lui mất nơi đạo vô thượng. Bồ-tát này những gì đã đạt được tuệ căn tuệ nhãn nơi tâm Bồ-đề đều bị họ phá hoại hết. Văn-thù-sư-lợi ! Ta gọi đó là hạng Bồ-tát đi bằng xe dê.

Luận nói:

Nếu Bồ-tát yêu thích Đại thừa, tin hiểu tính không, được viên mãn tín giải hành. Thánh ngôn lượng này duy chỉ Bồ-tát bậc tín giải hành thấy được điều đó.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Dùng trí giải thoát thần thông du hí của vô số tổng trì Tam-ma-địa môn biết rõ vô biên pháp tụ, bình đẳng siêu vượt tất cả hành báo

của phàm phu. Cho đến đời sau không vì lợi dưỡng, những nhu cầu cho sinh hoạt được thụ dụng trên thế gian trong câu-chỉ kiếp, tâm không tham đắm cũng không phân biệt, đầy đủ trang nghiêm như hoa sen nở. Lại nữa, trong vô lượng trăm ngàn câu-chỉ na-dữu-đa kiếp, an trụ Đại thừa soi rõ thắng nghĩa, hành trang phúc trí không chút giảm mất. Đối với sự xuất ly, trước đều đã tu tập đầy đủ trăm ngàn hành môn tương ưng.

Luận nói:

Thế nào là liễu nghĩa ? Là người mới phát tâm Bồ-đề nói trụ ở địa vị này. Không liễu nghĩa, là một phần ít tướng tiêu biểu đã được không nghi hoặc. Thánh ngôn lượng này do pháp tín giải hành phát sinh nghĩa của lời nói. Như hiểu trung bình, hiểu rộng, hiểu sơ lược về tín giải hành.

Lại nữa, Kinh Như Lai Bí Mật nói:

Phật nói: Khi ấy vua A-xà-thế bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Làm sao phát tâm Bồ-đề ấy ?

Phật nói: Đại vương ! Là thâm tâm không thoái chuyển.

Vua nói: Thế Tôn ! Làm thế nào thâm tâm không thoái chuyển ?

Phật nói: Đại vương ! Là có thể phát khởi đại bi.

Vua nói: Thế Tôn ! Làm sao có thể phát khởi đại bi ?

Phật nói: Đại vương ! Là đối với các chúng sinh không khởi tâm chán bỏ.

Vua nói: Thế Tôn ! Làm sao đối với chúng sinh giữ được tâm không chán bỏ ?

Phật nói: Đại vương ! Nếu không đắm trước cái vui của riêng mình, sẽ giữ được tâm không chán bỏ.

Luận nói:

Ở đây, tâm Bồ-đề nghĩa là khuyên phát đại bi, có nghĩa là hoan hỷ kính ái. Nếu ai không y trong giáo pháp Như Lai tương ưng thì người ấy không có xuất ly. Nếu ai thấy chán tâm Bồ-đề này, người đó không gọi là kẻ phát tâm Bồ-đề.

Như Kinh Thập Pháp nói:

Thiện nam tử ! Nếu các Bồ-tát, khi thể tính phát tâm Bồ-đề được gặp Như Lai và chúng Thanh Văn giáo hóa khuyên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là niềm vui ban đầu của tướng phát tâm Bồ-đề.

Nếu ai nghe nói về Bồ-đề và tâm Bồ-đề rồi, liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thì đó là niềm vui thứ hai của tướng phát tâm Bồ-đề.

Nếu có chúng sinh không nơi nương tựa, không ai cứu vớt, thấy hai trường hợp đó mà trụ tâm đại bi, cho đến phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó là niềm vui thứ ba của tướng phát tâm Bồ-đề.

Nếu thấy Như Lai đầy đủ các tướng liền sinh kính ái, đó là tướng thứ tư phát tâm Bồ-đề.

Luận nói:

Tâm Bồ-đề có hai loại: một là tâm nguyện Bồ-đề, hai là tâm trụ Bồ-đề.

Như Kinh Pháp Hoa nói:

Thiện nam tử ! Lại có chúng sinh ở trong cõi chúng sinh nguyện chứng tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề khó được. Lại có chúng sinh trụ nơi tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề khó được này.

Luận nói:

Một là nguyện chứng làm Phật. Một là nguyện trụ thụ sinh.

Lại nữa, Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói:

Nhân nơi đức Phật nào đó phát tâm Bồ-đề, sao lại chỉ làm chút ít thiện căn ư ?

Như Kinh Hiền Kiếp nói:

Xưa Tinh Tú Vương Như Lai, khi đầu tiên phát tâm Bồ-đề nơi Thí Âm Như Lai, là người chẵn bò đã đem một ít lá trầu cúng thí đức Phật ấy. Vô Lượng Danh Xưng Như Lai, khi đầu tiên phát tâm Bồ-đề nơi Điện Quang Như Lai, là người thợ dệt, đã cúng thí đức Phật kia một tấm áo tốt. Diệm Quang Như Lai, khi đầu tiên phát tâm Bồ-đề nơi Vô Lượng Quang Như Lai, ở trong thành ấp đã cúng thí đức Phật kia một bó thuốc cỏ. Nan Thắng Như Lai, khi đầu tiên phát tâm Bồ-đề nơi Kiên Cố Bộ Như Lai, là người hái củi, đã cúng thí đức Phật ấy một ít loại cây làm tăm xia răng. Công Đức Tràng Như Lai, khi đầu tiên phát tâm Bồ-đề nơi Diệu Cát Tường Xưng Như Lai, là thầy thuốc, đã cúng thí đức Phật ấy một quả xoài.

Luận nói:

Sự phát tâm Bồ-đề này chẳng phải là hạnh đầy đủ. Tuy có sự chán mỗi đáng trách, nhưng cũng có thể giải thoát luân chuyển được vô lượng an lạc.

Như Kinh Từ Thị Giải Thoát nói:

Thiện nam tử ! Ví như có thứ ngọc báu gọi là kim cương có thể làm đứt hết tất cả bàn cùng nghèo khổ.

Thiện nam tử ! Cái tâm nhất thiết trí này cũng vậy, có thể đoạn đứt tất cả khổ luân hồi.

Luận nói:

Nên biết chỉ có người phát tâm Bồ-đề này được gần quả kia.

Lại nữa, Kinh Thiện Giác nói:

Phật nói: Đại vương ! Nếu Đại vương bảo trong nhiều việc làm có thể làm nhiều việc chưa ? Nếu ta thì trong tất cả hạnh làm tất cả hạnh, trong tất cả mọi nơi lợi tất cả mọi nơi. Nghĩa là học bố thí Ba-la-mật-đa như vậy cho đến học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Đại vương ! Cho nên Đại vương đối với Tam-miêu Tam-bồ-đề cũng như vậy, ưa thích phát sinh lòng tin thanh tịnh, ý nguyện lợi tha, đi đứng nằm ngồi, khi tỉnh giấc, lúc uống ăn, thường đầy đủ tùy niệm tác ý. Quán sát thân chư Phật, Bồ-tát, Thanh Văn, Duyên Giác, các phàm phu tích chứa tất cả thiện căn quá khứ vị lai hiện tại, cân nhắc rồi, hòa hợp, rồi nên tùy hỷ thì tự hiện tiền tùy hỷ. Cho đến khắp cả cõi hư không, khắp cả cõi Niết-bàn cũng tự tùy hỷ. Lại nữa tùy hỷ tất cả chư Phật, Bồ-tát, Duyên Giác và chúng Thanh Văn làm sự nghiệp cúng dường, bình đẳng hồi hướng cho tất cả chúng sinh, cho đến làm cho các chúng sinh được trí nhất thiết trí, đều viên mãn thiện pháp của chư Phật, mỗi ngày ba thời hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề. Đại vương ! Với chính hạnh như thế thì không phải bỏ ngôi báu cầu hạnh Bồ-đề cũng được viên mãn. Còn nói về phúc báo thì này Đại vương ! Do phát tâm Bồ-đề nên nghiệp báo của thiện căn trải qua số vô lượng thường sinh cõi trời làm trời Đế Thích, hoặc sinh làm người thì làm bậc đế vương.

Đại vương ! Duy chỉ có sức thiện căn của phát tâm Bồ-đề mà không có nghiệp nào khác nữa, phải biết là viên mãn hoặc chưa viên mãn mà thôi. Tóm lại, Phật nói:

Đại vương ! Chỉ có duy nhất phát tâm Bồ-đề là cứu độ tất cả chúng sinh, giải thoát tất cả chúng sinh, an ổn tất cả chúng sinh, rất ráo khiến các chúng sinh đến Niết-bàn, được vô lượng vô số thiện căn.

Đại vương ! Đâu còn nói là có thể làm nhiều thứ trong nhiều thứ phải làm ư ?



Luận nói:

Về hành tướng của tâm Bồ-đề, trong kinh có nói: Quá khứ hiện tại khởi tâm nguyện Bồ-đề như vậy thì vào địa thứ mấy Bồ-tát đắc giới ? Có kinh nói địa thứ chín.

Kinh Hư Không Tạng nói:

Tiếng khen và lợi dưỡng là nguồn gốc của tội lỗi.

Kinh Thập Địa nói:

Bồ-tát bậc sơ địa không chút gì lưu luyến mong cầu lợi dưỡng. Nếu có chúng sinh đến gặp mình, cần gì thì cấp thí cho nhiều hơn.

Luận nói:

Theo đó thì Bồ-tát vào Cực hỷ địa được tương ưng với Thiện trụ và Bất động, sinh vào nhà Như Lai, chắc chắn hướng tới thành Đẳng chính giác.

Lại nữa Kinh Hư Không Tạng nói:

Thanh Văn thừa không thể được như vậy, chỉ trừ những người yêu thích Đại thừa.

Như Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Xan tham tật đố là trói buộc, biểu hiện đầy đủ sự tu học này là bậc Cực hỷ địa. Xa lìa ý tưởng về ngã, không khởi chấp ngã thì đâu còn chấp tất cả những gì là cần thiết, như nói thí cho đầu, mắt v.v...

Luận nói:

Như vậy các kinh ấy biểu thị chính thức sự tu học của Bồ-tát từ vào sơ địa trở đi. Nếu luận khắp chỗ tương ưng tu tập của Bồ-tát thì hoặc dừng lại không nên làm vội vì Bồ-tát chưa thể tu học. Phải biết hai thứ này phổ biến khắp các học xứ. Lại nữa, một loại tu học đối

với thành tựu tác dụng là không thể học được thì không tu tập cũng không tội lỗi.

Kinh Vô Tận Ý nói:

Khi thực hành bố thí rộng lớn, xả Thi-la thanh tịnh không bị giải đãi, bởi vì trước chưa nói, cũng không tích tập việc làm như sức gần gũi vậy.

Lại Kinh Thập Địa nói:

Giả sử phạm giới dục tà hạnh, hoặc bị nhiễm nhẹ do thích tâm Bồ-đề. Xả-lợi tử ! Giới biệt giải thoát của Bồ-tát thành tựu bốn pháp. Nghĩa là Bồ-tát ấy được chân thật ngữ trong tu tập. Xả-lợi tử ! Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề rồi vui thích tinh tiến có ý chí siêng năng cầu thiện pháp, tập các nghị luận, kiên trì cấm giới, tu tập đầy đủ pháp học của Bồ-tát. Do gần gũi với người có học giới như vậy, hoặc có khi lỡ sai có ý chê thầy thì rất xấu hổ nên rất sợ hãi, người ấy lại được thương yêu tôn trọng, thành tựu trọn vẹn giới pháp bình đẳng như vậy. Đối với giới học của chư Phật Như Lai hiện tiền, Bồ-tát ấy phát sinh yêu thích chính hạnh thì nên truyền dạy riêng. Bồ-tát ấy nếu trường hợp không có thiện tri thức, có thể hướng trước hiện tại Phật Bồ-tát, chuyên tâm niệm Phật quán tưởng cân nhắc tùy theo sức mình. Sau khi đã kiên trì giới ấy rồi thì chớ nên khinh khi lừa dối tất cả Phật, chúng Bồ-tát trong trụ mười phương và người, trời ở thế gian ấy.

Kinh Chính Pháp Niệm Xứ nói:

Trước thiếu tư duy, sau cạnh tranh, không thí sẽ đọa vào loại ngã quý. Nói thí rồi mà không thí sẽ đọa địa ngục. Huống chi đầy đủ vô thượng Bồ-đề hứa thí cho không sót các chúng sinh nào trên thế gian.

Như Kinh Pháp Tập nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát phải tôn trọng thật đế. Bởi vì sao ? Thiện nam tử ! Vì tích tập thật đế gọi là pháp tập. Thiện nam tử ! Sao gọi là thật đế ? Là nếu Bồ-tát phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cho đến xả bỏ thân mạng không xả bỏ tâm này, không xả bỏ chúng sinh, đó gọi là thật đế của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề rồi, sau lại xả bỏ tâm ấy, xả bỏ các chúng sinh, thì Bồ-tát ấy là đại vọng ngữ, thật đáng trách.

Lại nữa Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn Tịnh Ấn Pháp Môn nói:

Phật nói: Hải Ý ! Ví như thế gian có vua hoặc quan muốn mở tiệc thết đãi tất cả nhân dân trong thành ấp, tập họp rồi bỏ đó không sửa soạn bày biện thức ăn thức uống. Thế là lừa dối đối với nhân dân. Họ lớn tiếng giận dữ bỏ đi mà chẳng có chút ăn uống gì cả.

Phật nói: Hải Ý ! Bồ-tát ấy cũng như vậy. Đối với các chúng sinh chưa độ phải khiến được độ, không nên chỉ sửa soạn lời nói hay ho hùng biện sắc bén, cho đến không siêng tu học hỏi tích chứa các thiện pháp Bồ-đề phần. Thế là Bồ-tát ấy dối gạt chư thiên và người đời. Như trước Phật đã nói đó là điều các thánh quả trách. Đối với trí tuệ, đều rất khó đạt được đại trí, vô thượng trí. Cho nên phải biết rằng Bồ-tát không nên chỉ dùng lời nói mà dối gạt tất cả trời, người trong thế gian.

Lại nữa Hải Ý ! Nếu khi có người đến mời thỉnh thuyết pháp làm việc nghĩa lợi, Bồ-tát ấy phải tùy lời mà nói, thậm chí có phải xả bỏ thân mạng mình tu hạnh Bồ-tát cũng không dối gạt tất cả chúng sinh. Nên biết như vậy.

## HẾT QUYỂN 1

# LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

## QUYỂN 2

### Phẩm 1: TẬP HỢP HỌC XỨ VỀ BỐ THÍ 2

Luận nói:

Cho nên biết rằng sức của tự mình tập hợp, tùy theo hành tướng với một thiện đạo cũng phải giữ gìn.

Như Kinh Địa Tạng Thập Luận nói:

Như vậy con đường mười thiện nghiệp Phật đã chứng quả nếu ai không chân thật gìn giữ hộ trì một con đường thiện nghiệp cho đến khi lâm chung mà tự xưng rằng mình là người chân thật tu hạnh Đại thừa, mình là người cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, phải biết người đó là cực kỳ dối trá, là đại vọng ngữ, đối trước mười phương Phật Thế Tôn dối gạt thế gian, nói không, nói đoạn kiến lừa dối người ngu si, thân hoại mạng chung đọa các đường dữ.

Luận nói:

Cho đến khi mạng chung, có thể trong chốc lát nói về sự tích tập các thiện phẩm và cũng phải tu tập tạo tác.

Như Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang nói:

Nếu thấy chúng sinh có tâm Đại Bồ-đề, như nghe khổ hạnh khó làm và trí tuệ thắng diệu của Bồ-tát, cho đến hiểu sâu, phát đại dũng mãnh, gánh vác gánh nặng cứu hộ chúng sinh hết các gốc khổ, lễ bái cúng dường, nói về tội lỗi và phúc đức tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật trụ thế thuyết pháp, cho đến hồi hướng Bồ-đề, vì thiện tri thức khuyến thỉnh thuyết pháp, hoặc vui vẻ tự giảng nói, phải biết người như thế gọi là kẻ chỉ đường.

Như Kinh Văn Thù Sư Lợi Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức nói:

Thế Tôn ! Diệu Cát Tường này kiếp xưa khi có nhân duyên bản hạnh phát tâm Bồ-đề cũng phát tâm như đã nói. Cho tới trước tiên tu hạnh xa lìa biên tế của luân hồi, rồi làm lợi ích chúng sinh như vậy. Tôi ở nơi Thế Tôn phát tâm Bồ-đề, hiện tiền khuyến thỉnh làm cho các thế gian thoát khỏi khổ báo bản cùng, và các tâm phần nô giận hờn tham lam tật đố khi ta được Bồ-đề đều không hiện khởi, cho đến thường tu phạm hạnh thoát các tội lỗi ham muốn, theo Phật học giới thanh tịnh, yêu thích tôn trọng Đại Bồ-đề, không mau chóng thủ quả chứng. Tôi ở đời sau trong các chúng sinh một tướng không khác. Bấy giờ mười phương thế giới tuy chưa nghe tên tôi mà vô lượng không thể nghĩ bàn các quốc độ thấy đều nghiêm tịnh. Đó là vì nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, vì các việc làm đều thanh tịnh. Hơn nữa tất cả mọi thời, kiên trì tịnh giới cho đến tận cùng sinh tử không các tội ác.

Lại nữa, Kinh A Súc Như Lai Bản Nguyên Thụ Ký nói:

Thời xa xưa khi A-súc Như Lai làm Bồ-tát có nói như thế này: Nếu đời đời kiếp kiếp ta không xuất gia tức ta đối gạt tất cả chư Phật Như Lai.

Xá-lợi tử ! Như vậy Bồ-tát cũng phải theo học nơi A-súc Như Lai.

Lại nữa Xá-lợi tử ! Các Bồ-tát Ma-ha-tát đời đời xuất gia, dù gặp chur Như Lai ra đời hay không ra đời cũng đều bỏ nhà thế tục xuất gia và tu học như vậy.

Sở dĩ vì sao ? Xá-lợi tử ! Nếu bảo rằng việc xả tục xuất gia là tội thượng, cho đến không sinh ái nhiễm đấng trước nam nữ quyền thuộc như ta lúc sinh thời là không các tội lỗi.

Luận nói:

Hãy tạm ngưng những điều nói trên. Nếu nói tội tướng của thí và giới giống nhau và những việc tương ưng với tội tướng nên tự xả bỏ, thì nếu là hành tướng riêng biệt cũng không phải không tội. Nhưng trong hành tướng riêng biệt không nhiếp thụ mà Bồ-tát đối với chúng sinh có thể khiến được giải thoát tất cả khổ não đời vị lai, khiến được tăng trưởng tất cả diệu lạc. Nếu thân ngữ ý không siêng năng tinh tiến, thuần thực các phương tiện, gặp duyên thuận lợi không thích khuyến hóa, hoặc tiêu tan cũng chẳng tìm cầu, phiền não nhiều ít cũng không khởi đối trị, đối với nghĩa lợi lớn, nghĩa lợi nhỏ hoặc chẳng phải nghĩa lợi không có tâm làm tổn giảm hay tăng ích, sát-na đều bỏ hết. Vậy là tội. Còn sơ lược nói về không tội, nghĩa là tự lực có thể ở nơi cảnh giới sự, đều không quả báo. Còn nếu chấp như vậy nơi cái học biểu thị thể tính của tướng, thì đó là tội. Nếu như tự lực có thể cảnh giới tương ưng thì không có tội. Cũng như nói tội đối với tướng giải thoát. Đó là nói về cái học của Bồ-tát đối với thân bình đẳng rộng lớn vô lượng kiếp về sau.

Lại nữa ở đây lược nói Bồ-tát có hai thứ tội. Nếu như thành biện tương ưng phi tương ưng, khả tác bất khả tác đều không lựa chọn hay bỏ, cho nên là tội. Nghĩa là rốt ráo siêu xuất tâm tứ, hiểu lầm nghĩa như Chiên-đà-la nô v.v..., cho nên là tội.

Đó là thể nào ?

Kinh Thâm Tâm Giáo Giới nói:

Từ Thị ! Bốn thứ biện tài trong nhân là lời chư Phật. Những gì là bốn ?

1. Chọn lấy pháp có nghĩa lợi, loại bỏ pháp phi nghĩa lợi.
  2. Chọn lấy chính pháp này, loại bỏ phi pháp kia.
  3. Phá trừ phiền não, chẳng làm tăng trưởng phiền não.
  4. Ưa thích công đức Niết-bàn, không thích công đức trong luân hồi.
- Đó là bốn thứ.

Nói tóm lại, nếu vậy sao Từ Thị trong nhân nói là bốn thứ biện tài ? Nghĩa là thiện nam tử thiện nữ nhân có lòng tin phát sinh ý tưởng về chư Phật, ý tưởng về nghị luận mà nghe thiện pháp.

Sở dĩ vì sao ? Nghĩa là nếu Từ Thị khéo nói lời nói của chư Phật thì ai đối với biện tài này của Từ Thị mà sinh phỉ báng, cho rằng chẳng phải lời chư Phật nói, rồi không tôn trọng, tức những kẻ ác kia phỉ báng biện tài của chư Phật. Do hủy diệt thiện pháp chiêu cảm tội báo phải đọa vào các ác thú.

Luận nói:

Lại nữa tu tập thiện xảo phát khởi ái lạc, vì mong cầu quả lớn cần phải tu học tập học tác dụng tối thắng trong pháp môn tu hành này.

Như Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến nói:

Lại nữa Văn-thù-sư-lợi ! Nếu Bồ-tát ở nơi chư Phật nhiều như cát sông Khắc-già, mỗi chư Phật có số cõi Phật nhiều như cát sông Khắc-già, dùng ngọc báu ma-ni Tụ tại vương đầy trong đó đem bố thí trải qua số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già, nếu các Bồ-tát đối với pháp tướng như vậy nghe rồi nhất tâm tư duy rằng ta phải tu học.

Văn-thù-sư-lợi ! So với phúc báo vô học trước thì chưa bằng thí cho Bồ-tát còn ở trong học địa đang muốn cầu học này. Phúc báo này rất lớn.

Luận nói:

Bồ-tát ấy tuy thấy công đức này chưa nói đến việc theo đó tu tập, lại như kinh ấy nói:

Văn-thù-sư-lợi ! Giả sử giáo hóa chúng sinh như vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, mỗi mỗi chúng sinh trở thành vua của Diêm-phù, hoặc dùng các âm thanh khen ngợi người thụ trì đọc tụng kinh Đại thừa theo đó tu hành, trong một ngày một đêm cắt đứt thịt thân thể cho đến khi mạng chung nhất tâm phụng hành.

Văn-thù-sư-lợi ! Do nhân duyên Bồ-tát ấy bố thí tâm không khiếp nhược, không sợ không hãi, hoàn toàn nhất tâm, sinh ý tưởng gần gũi, không hối không nghi cũng không phân biệt, nhiếp thụ tương ưng chính pháp tối thượng, tâm ý vui thích đọc tụng theo đó tu hành.

Văn-thù-sư-lợi ! Vì Bồ-tát ấy tâm dũng mãnh nên bố thí dũng mãnh, giữ giới dũng mãnh, tinh tiến dũng mãnh, thiền định dũng mãnh, trí tuệ dũng mãnh, tất cả Tam-ma-địa dũng mãnh.

Văn-thù-sư-lợi ! Bồ-tát ấy dẫu ở trong đám người xấu ác cũng không sinh tâm giận dữ, tâm chán ghét và các lầm lỗi.

Văn-thù-sư-lợi ! Bồ-tát ấy dẫu cho Đê-thích, Phạm vương cũng không làm lay động.

Luận nói:

Nay chính là lúc phải nhất tâm tu học mong cầu quả báo lớn.

Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội có kệ rằng:

*Nếu trong hằng sa nhiều ức kiếp,  
Cúng dường trăm ức na-do Phật  
Thanh tịnh tín tâm cúng trai phạn,  
Cũng cúng hoa đèn cùng phước lộc,  
Nếu khi chính pháp thời suy mạt  
Là lúc Phật pháp sắp tiêu diệt*



*Ngày đêm tu học giữ hạnh này  
Thì phúc báo này thắng hơn kia.*

Luận nói:

Cho nên một lòng siêng tu theo nghĩa Bồ-tát học, được nói trong kinh Phật.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát trong sự tu học của Bồ-tát kiên trì tịnh giới, tu tập giác quán như vậy. Nếu không ở trong giới biệt giải thoát của Bồ-tát, ta làm sao có thể chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ?

Lại nữa sao không ở trong các kinh Đại thừa của Như Lai mà rõ được hạnh của Bồ-tát, tập hợp được cái học của Bồ-tát ? Ta phải tu tập rộng lớn như vậy.

Luận nói:

Chúng ta không biết, ở đây nói rộng Bồ-tát ngăn cấm không cho khởi tư tưởng tà ác. Sao không phải lý này? Trong chỗ tu tập hoàn toàn không có lỗi lầm, sao nói nơi tu tập nếu ở nơi thân có sự thụ dụng ba đời ? Hành thanh tịnh xả, hộ các chúng sinh khiến thanh tịnh tăng trưởng. Thụ giới Bồ-tát ấy rồi, nếu Bồ-tát này bám trụ vào chỗ tu tập gọi đó là tội tướng.

Như Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Con đường của Bồ-tát là nhiếp thụ tất cả chúng sinh làm cho hết các nẻo khổ, con đường của Bồ-tát nhiếp thụ trụ vững quá vô số kiếp duy chỉ một phát tâm là thân cận và làm an ổn. Bồ-tát phát tâm như vậy phải biết đối với các chúng sinh hoàn toàn nhiếp thụ nhiều thứ trụ xứ.

Như Luật Văn Thù Thanh Tịnh nói:

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi nói với Thiên tử Tịch Âm rằng: Bồ-tát đầy đủ năm thứ không gián đoạn này, sẽ mau được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Những gì là năm ? Bồ-tát tác ý sâu xa vững chắc cầu đạo vô thượng. Phát tâm không rơi vào địa vị Thanh Văn Duyên Giác, đó là phát tâm không gián đoạn đầu tiên. Bỏ tất cả những gì sở hữu của mình, không chung cùng với tâm keo kiệt, đó là tâm không gián đoạn thứ hai. Ta phải cứu độ tất cả chúng sinh, không sinh tâm biếng nhác muốn thoái lui, đó là tâm không gián đoạn thứ ba. Hiểu rõ tất cả pháp là chẳng phải không, chẳng phải có, không sinh, không diệt, trong đó không rơi vào các kiến chấp, đó là tâm không gián đoạn thứ tư. Đối với các pháp trí hòa hợp một tướng. Như vậy trong phát tâm không trụ ở một chỗ nào, do không trụ lại ở một chỗ nào nên đối với tất cả trí đều gọi là vô sở đắc, đó là tâm không gián đoạn thứ năm.

Luận nói:

Nói thân thụ dụng phúc báo không dứt, nghĩa là đối với sự xả, hộ khiến thanh tịnh tăng trưởng.

Như trong Du Già Quán Tướng nói:

Trong nghĩa của xả kia là chấp nhận chịu tội lỗi. Trong pháp môn quán tướng, xả bỏ lìa bỏ ý tưởng tham, đó là công đức của quán xả.

Như Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội có bài kệ rằng:

*Thân không chắc, thế mà,  
 Người ngu tâm yêu thích.  
 Tuổi thọ nào có thường,  
 Sát-na như mộng ảo.  
 Vì tạo các nghiệp ác,  
 Tội báo thường theo đuổi.  
 Do nhân vô minh này,  
 Chết đọa vào đường dữ.*

Lại như Kinh Vô Lượng Môn Đà La Ni nói:

Vì sao chúng sinh bị nhân đấu tranh ? Vì căn bản là tham đắm tài lợi. Phải xả bỏ. Nếu lia tham ái tức được Đà-la-ni này.

Lại nữa, Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Lại nữa, Xả-lợi tử ! Bồ-tát đối với tất cả pháp không sinh tha tưởng cho dù một phần nhỏ hết sức vi tế.

Sở dĩ vì sao ? Vì sợ chấp thủ.

Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Nghĩa là nếu là kẻ bỏ thí thì không keo kiệt, người chấp trước thì thường giữ lấy. Lại nữa người bố thí thì hết tham ái, người chấp trước thì tăng trưởng tham ái. Người bố thí không có các biến kế, người chấp trước có các biến kế. Người bố thí không có sợ hãi, người chấp trước có nhiều sợ hãi. Người bố thí trụ ở đạo Bồ-đề, người chấp trước trụ ở cảnh giới ma. Người bố thí thường tưởng không bao giờ hết, người chấp trước thường tưởng có ngày hết.

Lại nữa người bố thí được các diệu lạc, người chấp trước thường bị bức bách. Người bố thí xả lia phiền não, người chấp trước tăng trưởng phiền não.

Lại nữa người bố thí được giàu có sung túc, người chấp trước thường rất nghèo thiếu.

Người bố thí là người hiền lành có sự nghiệp, người chấp trước là người dữ hay cố chấp.

Người bố thí được chư Phật khen ngợi, người chấp trước chỉ người ngu ca tụng.

Cho đến người bố thí sinh con ra không khởi đấm trước, không có sự yêu thương như các chúng sinh khác. Phải biết tự tâm có ba loại. Những gì là ba ?

1. Bò-tát đối với đạo Bò-đề tương ưng với chân chính, chẳng phải tương ưng với tà vạy sai trái.

2. Bò-tát đối với đạo Bò-đề khởi tâm bình đẳng, chẳng phải tâm cao thấp.

3. Bò-tát đối với đạo Bò-đề không có các thứ hạnh khác nhau, chẳng phải có hạnh khác nhau.

Đó là ba loại tự tâm đã nói.

Luận nói:

Nghĩa là đối với con mình sinh ra khởi ý tưởng chẳng phải bạn lành. Đã chẳng phải bạn lành nên chẳng phải bạn của ta. Nếu vì lợi ích theo Phật dạy là gánh lấy gánh nặng, cho nên đối với con mình sinh ra không sinh đấm trước ái lạc chẳng phải như các chúng sinh khác mà sinh khởi lòng lân mẫn. Nên biết rằng đã phát tâm này rồi, nếu phát sinh từ ái đối với con mình thì đối với tất cả chúng sinh cũng tùy thuận phát sinh từ ái. Như vậy thâm tâm quán sát hiểu ngộ con mình đã không khác với tất cả chúng sinh, thì tất cả chúng sinh đều là con mình. Có chúng sinh hoặc mình hoặc người cho đến cư sĩ, tại gia, Bò-tát đối với tài lợi, hoặc chẳng phải chúng sinh nhiếp thụ, chớ nên đấm trước. Chẳng phải pháp xuất ly lại chẳng nên ái lạc tùy thuận nhiễm dục.

Lại nữa Bò-tát tại gia nếu có kẻ đến xin điều gì thì tùy theo nhu cầu của họ mà phát tâm dừng cảm bố thí cho họ. Lại nữa suy nghĩ như thế này: Tài lợi này của ta dù xả thí hay không xả thí, rốt cuộc rồi cũng tiêu tan mất, làm sao khi xả thụ mà được vô dục. Nghĩa là ngã và ngã sở đều được nhận rốt ráo, với vật xả thí lìa thai tạng khổ, tâm trụ chính niệm hoan hỷ ái lạc không sinh tùy chuyển.

Lại nữa có thể xả thí được như vậy, nghĩa là vật xả thí và người xin phải biết có bốn thứ tướng. Những gì là bốn? Nghĩa là vì khiếp nhược nên không thể thuần thực thiện căn, các nghiệp tạo trước trong Đại thừa tâm không tự tại vì thấy có thủ có xả.

Lại nữa, nếu ngã và ngã sở trụ nơi sức an nhẫn, tự mình với người lành tốt không khởi hối não, tu tập như vậy, phần khởi như vậy, tinh tiến như vậy, vì thỏa mãn chỗ mong cầu của tất cả chúng sinh. Như vậy Bồ-tát tại gia đối với người đi xin kia nên nghĩ tưởng như vậy. Nếu người đi xin trở lại tăng thêm tội lỗi, Bồ-tát ấy nên dùng lời lẽ khéo léo an ủi khuyến bảo.

Lại nữa, kẻ đi xin không biết ơn, Bồ-tát ấy cũng không khởi keo kiệt tật đố là không tội. Đó là Thế Tôn vì các Bồ-tát hạ chủng.

Như trong Bồ Tát Biệt Giải Thoát có nói:

Xá-lợi tử ! Bồ-tát có bốn pháp. Những gì là bốn ?

1. Bồ-tát không có tâm không tin.
2. Bồ-tát không có xan tham.
3. Bồ-tát không có hai lưỡi tật đố.
4. Bồ-tát không có tâm biếng nhác trễ nãi. Nghĩa là nói ta không thể chứng được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Xá-lợi tử ! Nếu ta có bốn pháp này thì những người trí kia biết như thế rồi sẽ cho là tà mạng, siểm nịnh cầu phi pháp, nhiễm pháp, nặng tài lợi thế gian. Đó là thứ nhất ăn trộm của tín thí.

Lại nữa Xá-lợi tử ! Bồ-tát có tâm dũng mãnh như vậy cho đến đầu mắt tay chân các phần trong thân thể nam nữ quyến thuộc là những thứ diệu lạc yêu thích nhất, tất cả những sở hữu nhà cửa làng xóm đất nước đều có thể xả bỏ hết.

Lại nữa, như Kinh Na La Diên Sở Vấn nói:

Nếu đối với của cải phát tâm xả như vậy thì nên biết rằng tài lợi không sinh chấp thủ, xả mà chưa khởi trí, nếu đối với nhiếp thụ không khởi tâm xả, thì đối với phi nhiếp thụ cũng thường chấp trước. Nếu tùy theo ý của kẻ ăn xin, đối với nhiếp thụ phát sinh trí, với quyến thuộc cũng không chấp thủ, cái mình quý trọng tôn sùng nhất

cũng không chấp thủ, của báu thụ dụng cũng không chấp thủ. Bồ-tát nếu đối với của cải không khởi tâm xả, cho đến phần nhỏ nhất, phải biết đó là chấp thủ.

Lại nữa, thiện nam tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát nên phát tâm như vậy, nghĩa là thân phần của ta đây còn có thể xả bỏ cho chúng sinh huống chi là của cải vật dụng bên ngoài. Lại nữa, nếu đối với chúng sinh nếu cần gì đều có thể thí cho. Nghĩa là nếu có kẻ hành khát đến xin cần tay thì lấy tay cần chân lấy chân cần mắt lấy mắt, cho đến máu thịt và các thân phần tùy đó mà thí cho.

Sao lại gọi là của cải vật dụng bên ngoài ? Nghĩa là kho lẫm của cải tư sinh các thứ, vàng bạc báu vật đẹp đẽ trang nghiêm, voi ngựa xe cộ đất nước cung điện, thành ấp làng xóm quan lại dân chúng nô tì người làm việc sĩ phu nam nữ quyền thuộc, nếu các chúng sinh có những việc mà chúng sinh kia cần có những thứ ấy ta sẽ cấp cho họ mà không hối tiếc hay phiền não chán nản, không mong cầu quả báo và sự nịnh bợ giả dối. Lại nữa, ta bố thí đây là vì tùy thuận tất cả chúng sinh, vì thương tất cả chúng sinh, vì làm lợi ích chúng sinh, vì nhiếp thụ tất cả chúng sinh, như ta nhiếp thụ chúng sinh vì biết pháp đó là được Bồ-đề. Nói tóm lại, thiện nam tử ! Ví như cây thuốc, nào rễ, thân, nhánh, lá, hoa, quả, vỏ, hạt, hoặc toàn thể hoặc từng phần tùy người lấy, không sinh phân biệt.

Lại nữa, khi độ thoát chúng sinh khỏi nạn bệnh khổ cũng không phân biệt tính thượng trung hạ.

Thiện nam tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như vậy, phải biết đối với cái thân do bốn đại chủng hợp thành, nên sinh tưởng như cây thuốc có thể làm lợi ích cho chúng sinh kia, cần tay lấy tay cần chân lấy chân, tùy người lấy như cây thuốc nói ở trước không sinh phân biệt.

## HẾT QUYỂN 2

# LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

## QUYỂN 3

### Phẩm 1: TẬP HỢP HỌC XỨ VỀ BỐ THÍ 3

Như Phật nói trong Kinh Vô Tận Ý:

Bồ-tát phải quán sát tự thân, đối với chúng sinh nên làm gì ? Nghĩa là bốn đại chủng, đất nước lửa gió, có nhiều thứ cửa ngõ, có nhiều thứ tác động, có nhiều thứ hệ thuộc, có nhiều thứ khí cụ, có nhiều thứ thụ dụng, tùy theo chúng sinh hành động, hoặc toàn phần hoặc từng phần. Thân này của ta do bốn đại hợp thành cũng vậy, có nhiều thứ cửa ngõ, có nhiều thứ tác động, có nhiều thứ hệ thuộc, có nhiều thứ khí cụ, có nhiều thứ thụ dụng, làm chỗ nương tựa to lớn đối với chúng sinh, cho nên dẫu thân có khổ cũng không mệt mỏi chán nản.

Luận nói:

Xả thụ dụng phúc, như Kinh Kim Cương Tràng nói:

Bồ-tát dùng các thứ bố thí mười phương vô lượng người bần cùng khốn khổ. Người thụ thí tin hạnh của Bồ-tát, nghe tiếng Bồ-tát, duyên vào lời nói của Bồ-tát đều đến hợp. Vì Bồ-tát bố thí trước có phát thệ nguyện. Do nghe Bồ-tát tâm có nguyện xả bỏ tất cả mà bố thí lòng hoan hỷ không chán, làm cho người xin thỏa mãn toại nguyện. Tùy theo người đến mà phát tâm sám tạ.

Như có bài kệ rằng:

*Ta nên đến người thi,  
 Người biết không thể được.  
 Các người từ xa đến,  
 Không cực nhọc hay sao ?*

Như vậy đối với người đi xin, phải cúi đầu đánh lễ trình bày sấm tạ, tắm rửa thân thể sắp đặt chỗ ngồi rồi tùy theo yêu cầu mà cấp cho tất cả. Như là xe có nạm ngọc mặt-ni, đầy đủ các đồ trang sức của các bà quý phái trong Diêm-phù-đề. Hoặc thí xe dát vàng có thị vệ theo hầu và đầy đủ các thứ trang sức của các cô gái thanh tân. Hoặc xe có khảm ngọc phệ lưu ly cùng với đầy đủ như trước các thứ âm nhạc ca vịnh khả ái nhất. Hoặc xe nạm ngọc pha-chi-ca, bốn mặt hiện bốn cô gái đẹp cầm các đồ trang hoàng, sắc tướng tuyệt trần và cũng đầy đủ như trước nói.

Xe có nạm ngọc mặt-ni trên giăng lười báu thả rũ, do voi trắng kéo và nài voi ăn mặc đẹp đẽ uy nghiêm. Tượng bảo luân tương xứng với xe. Lại nữa trên xe tôn trí tòa sư tử, trang trí các báu vật, có che lọng báu, bốn chung quanh trang hoàng tương báu. Bốn mặt có trồng trụ phướn, đốt và trát các thứ hương thơm, rải khắp các hoa đẹp. Lại nữa bên trên có trăm ngàn kỹ nữ múa hát, nhịp nhàng hòa theo bước đi của người đánh xe. Cho đến các loại hương bột hòa quyện, khiến nghe mùi hương này tâm ý vui thích, nam nữ tính hạnh điều hòa.

Lại như kinh ấy nói vì các chúng sinh mà xả thân mình, thừa sự chư Phật, nhiếp thụ chúng sinh. Hoặc xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, đất đai thành trì cung điện, tất cả những gì quý báu uy nghiêm. Như có người xin cũng xả bỏ, cả đến quyền thuộc nam nữ thê thiếp nhà cửa nhân dân, toàn bộ hay một phần cũng đều xả thí tất cả. Như vậy, những thức ăn uống trân cam mỹ vị cũng đều xả bỏ, mà các thứ đắng cay mặn nhạt trở thành điều hòa thích hợp thân tâm, sắc lục an



trụ, đèn đầu thì khiến bệnh khỏi, đều được an lạc. Cũng vậy, đèn sáng hương thơm tràng hoa y phục giường ghế phòng nhà, đồ nằm thuốc chữa bệnh Bồ-tát tùy theo đó cấp cho. Cho đến những dụng cụ khác như những thứ báu vật đựng đầy trong vô lượng vô số bát bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng cúng dường Phật Thế Tôn khởi tâm tin hiểu tôn trọng không thể nghĩ bàn. Hoặc cúng thí Bồ-tát thiện tri thức v.v... phát tâm hi hữu. Hoặc cúng thí tất cả thánh chúng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-đặc-già-la, những người ở trong giáo pháp của Phật phát tâm thanh tịnh. Hoặc thí cha mẹ, A-xà-lê, và các sư trưởng, phát khởi tâm tôn trọng thân cận thừa sự cầu học. Hoặc thí những người thiếu thốn khôn khổ, đối với các chúng sinh phát tâm từ mẫn không ngại. Nói tóm lại, nếu Bồ-tát muốn thí xe voi thì bảy chi tiết trụ vững, cao sáu mươi thước, có đủ sáu ngà, mặt mắt thanh tịnh như sắc hoa sen, dây vàng đan lưới trang sức thân tướng, cùng các báu trang sức khác, vòi của nó nhấc lên ném các thứ màu vòng rồng rất đẹp, đi hàng ngàn du-thiện-na người xem không chán mắt. Nếu thí xe ngựa thì tùy ý đi bốn phương, bước đi ngay ngắn, thân được an ổn, người đánh xe cùng nô bộc đi theo ăn uống đầy đủ, trang nghiêm như cõi trời. Thí hàng trăm hàng ngàn hoặc thí thiện tri thức, cha mẹ, sư trưởng những bậc tôn trọng, cho đến những kẻ thiếu thốn khôn khổ tất cả thế gian đều có thể nhận thí, tâm không lẫn tiếc, cũng không chấp trước. Đại bi đại xả là tâm thanh tịnh sâu xa của Bồ-tát, phát sinh công đức nhiều như vậy. Cho đến Bồ-tát hoặc thí giường, tòa ngồi, như hiền vương tòa và bực gác chân bằng phệ lưu ly, ghế báu, giường sư tử, có dây vàng màn báu rủ xuống đó đây, nệm êm với nhiều đồ trang sức, xông ướp các thứ hương thơm, dựng cột cờ cao đẹp, bằng ngọc báu đại ma-ni và trang nghiêm bằng nhiều thứ quý báu, vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-tha, thả rủ các lưới báu, mỗi mỗi mắt lưới treo các chuông báu nhỏ, gió thơm thổi động phát ra tiếng nghe vui tai. Hoặc thí tòa ngồi lớn, ngược mắt nhìn lên cao, có vô số hàng dây rợp đất, tất cả quốc vương Đại tự tại chủ, ngồi ở các tòa đó làm lễ quán

đánh được vô ngại luân, ra lệnh cho các tiểu vương phụng hành y theo giáo lệnh. Như vậy cho đến Bồ-tát thí lọng báu lớn cũng dùng các thứ báu trang hoàng như thân báu, chuông báu dây báu lưới báu rũ xuống quá tai quá cổ. Lại nữa chung quanh kết các tua chuỗi bằng ngọc phệ lưu ly, ngọc mặt-ni v.v... Lại nữa trong các lưới như nan nhĩ thiên ( ? ) phát ra âm hưởng vi diệu thanh tịnh hòa nhã với những đóa báu trang nghiêm số đến trăm ngàn như kho báu họp lại. Lại nữa bốn chung quanh đốt các thứ hương vô giá như chiên đàn, trầm thủy trăm ngàn câu-chi na-do-tha các hương quý. Lại có lọng báu thanh tịnh như sắc vàng Diêm-phù-đàn tụ lại, cũng dùng vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa trang hoàng nghiêm sức. Dùng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-tha nhiều lọng, đem tâm bố thí các người đến xin, đứng trước mặt tùy người xin mà cấp cho. Hoặc thí tháp miếu trang nghiêm chân thật sau khi chư Phật diệt độ. Hoặc thí Bồ-tát cầu pháp, các thiện tri thức và hiện sinh Bồ-tát pháp sư. Nếu cha mẹ, tăng bảo, vâng theo lời dạy của Phật cho đến tất cả đều có thể là người thụ thí, đều dùng thiện căn như vậy mà hồi hướng. Như ban đầu khi mới có các thiện, đều phải thân cận phát nguyện thiện căn này thường được trụ ở thế gian làm chỗ nương tựa, được chính tự tại nơi pháp thanh tịnh. Nếu các chúng sinh, do thiện căn này, tội báo địa ngục đều được trừ diệt, súc sinh Diêm-ma-la giới dứt các khổ tự.

Kia dùng các thiện căn như vậy hồi hướng, ta đối với các thiện căn cũng như vậy.

Khi ở trong phòng trong nhà, nguyện các chúng sinh diệt các khổ tự.

Khi gặp trường hợp cứu vớt, nguyện các chúng sinh thoát các phiền não.

Khi gặp nơi nương tựa, nguyện các chúng sinh lìa các sợ hãi.

Nếu khi đi đâu, nguyện các chúng sinh đến được mọi nơi.

Nếu khi đối hướng, nguyện các chúng sinh được nhẫn rất ráo.  
Khi thấy ánh sáng, nguyện các chúng sinh được tuệ không tăm tối.  
Khi thấy ánh sáng chớp, nguyện các chúng sinh phá tối vô minh.  
Khi được đèn đuốc, nguyện các chúng sinh rất ráo tịnh trụ.

Gặp lúc mạnh mẽ, nguyện các chúng sinh nhập sâu chính lý, pháp không thể nghĩ bàn.

Khi gặp dưng tướng, nguyện các chúng sinh được trí uẩn vô ngại. Cho đến lời nói không trau chuốt trống rỗng, ý sâu kiên cố hồi hướng, tâm một cảnh hồi hướng, tâm hoan hỷ hồi hướng, tâm cực hỷ hồi hướng, tâm nhu nhuyễn hồi hướng, tâm đại từ hồi hướng, tâm ái lạc hồi hướng, tâm nhiếp thụ hồi hướng, tâm thủ hộ hồi hướng, tâm an ổn hồi hướng, dùng tất cả như vậy mà hồi hướng.

Lại nữa thiện căn này của ta nguyện cho các chúng sinh được thành tựu đến nơi thanh tịnh, được thành tựu chỗ sinh thanh tịnh, được thành tựu phúc tướng nghiêm thân thanh tịnh, được thành tựu không tổn hoại, được thành tựu bố thí rộng rãi, được thành tựu tâm lâu xa, được thành tựu không mất niệm, được thành tựu thông đạt tuệ giải, được thành tựu vô lượng giác ngộ, được thành tựu viên mãn tất cả công đức trang nghiêm của thân nghiệp ý nghiệp.

Lại nữa dùng vô lượng thiện căn cùng các chúng sinh cúng dường chư Phật. Do cúng dường rồi được không tổn giảm. Ở nơi Phật Thế Tôn sám các tội ác, thân cận Như Lai ứng cúng chính đẳng chính giác nghe thuyết pháp, nghe rồi lìa các nghi hoặc, thụ trì các pháp đã được nghe, được liên tục đầy đủ chính hạnh. Do cúng dường Như Lai nên được thành sự nghiệp, tâm siêng năng tu tập không các tội ác.

Lại nữa, ta trông gốc thiện này cuối cùng lìa các bản cùng được đầy đủ bảy thứ thánh tài. Theo chư Phật học được thiện căn vượt trội, có thể thành tựu khắp tín giải rộng lớn, ngộ nhập trí nhất thiết trí.

Trong các thế gian có con mắt không ngại, đủ tướng trang nghiêm, thân thanh tịnh nhiếp thụ tất cả công đức, lời nói trang nghiêm nên thành tựu các căn. Mười lực buộc nơi tâm, phân biệt tích tập, đối với hạnh đi du hóa đó đây hay dừng trụ lại một nơi nào, không hạnh nào không viên mãn.

Lại nữa, đối với chỗ thành tựu diệu lạc của chư Như Lai, nguyện cho các chúng sinh cũng đều được như vậy.

Như trong Lục Thập Hội Hương Nghi Quỹ có nói:

Nguyện các chúng sinh đạt được sự ăn uống trí tuệ, tâm hiểu rõ khắp cả những gì không nên ăn, ăn quyết định không lựa chọn, vui vẻ không ăn thịt, cho đến không sinh ưa muốn.

Nguyện các chúng sinh như mây đồ mưa, được một pháp vị.

Nguyện các chúng sinh được các vị ngon, đối với tối thượng pháp lạc được dùng nghỉ sung mãn. Tất cả Phật pháp hết sức khéo tư duy, không sinh chấp tướng, đó là cỗ xe không hư hoại, là cỗ xe cao tốt, là cỗ xe vượt trội hơn cả, là cỗ xe nhanh chóng, là cỗ xe có sức mạnh vĩ đại.

Nguyện các chúng sinh vui thấy chư Phật không chán đủ.

Nguyện các chúng sinh được gặp thiện tri thức không gián đoạn.

Nguyện các chúng sinh không thấy thuốc độc.

Nguyện các chúng sinh dứt trừ phiền não.

Nguyện các chúng sinh thấy vàng mặt trời thanh tịnh.

Nguyện các chúng sinh phá tối tăm rồi tùy ý lạc mà nói, như vậy thân tướng chiếu rõ tự tính.

Nguyện các chúng sinh thấy ánh quang minh thù thắng, không thấy các não hại chỉ thấy thích ý, yêu thích hiền thiện mong muốn niềm hoan hỷ tội độ được đến nơi chư Phật.

Nguyện các chúng sinh huân tu bồ thí, xả hết tất cả. Nguyện các chúng sinh huân tu nhẫn nhục, được tâm không động.

Nguyện các chúng sinh huân tu tinh tiến, mặc áo giáp tinh tiến lớn.

Nguyện các chúng sinh huân tu tĩnh lự, y hiện tại trước Phật được Tam-ma-địa.

Nguyện các chúng sinh huân tu Bồ-tát hồi hướng.

Nguyện các chúng sinh huân tu tất cả bạch pháp, giải thoát tất cả pháp bất thiện.

Nguyện các chúng sinh được các thứ tư cụ của trời.

Nguyện các chúng sinh khởi hạnh đại trí, được tư cụ của thánh giả.

Nguyện các chúng sinh dùng tâm Bồ-đề huân tập các phàm phu được các thứ diệu lạc.

Nguyện các chúng sinh lìa các hành khổ luân hồi được các thứ an ổn.

Nguyện các chúng sinh được trụ cõi Phật thanh tịnh, chứng các pháp xúc. Nghĩa là được công đức trụ, tương ưng trụ, rộng lớn bất động tối thượng của chư Phật trụ.

Nguyện các chúng sinh được gần với du chỉ của Phật.

Nguyện các chúng sinh được vô lượng ánh sáng chiếu các pháp Phật.

Nguyện các chúng sinh được ánh sáng vô ngại, có thể dùng một ánh sáng chiếu các pháp giới.

Nguyện các chúng sinh được thân an lạc, được thân Như Lai.

Nguyện các chúng sinh giống như vua của ngành dược, có thể luận rớt ráo các phương thuốc.

Nguyện các chúng sinh giống như cây thuốc được không tổn hại.

Nguyện các chúng sinh như thầy thuốc hay, ở đời diệt trừ các bệnh tật, được nhất thiết trí đến chỗ an lạc.

Nguyện các chúng sinh là vị thuốc hay ở đời, như trong thâm tâm già già hòa hợp.

Nguyện các chúng sinh trừ các bệnh khổ. Nguyện các chúng sinh được thân có sức mạnh.

Nguyện các chúng sinh được sức mạnh làm nát núi Luân Vi.

Nguyện các chúng sinh được lượng khí vô hạn tận cõi hư không, niệm căn rộng lớn, tất cả những gì nói ra đều bao gồm thể gian xuất thể gian, ẩn trì được không mất niệm.

Nguyện các chúng sinh được thiện tịnh khí, liễu ngộ chư Phật trong ba đời, phân biệt thanh tịnh không chấp trước ngoan cố.

Nguyện các chúng sinh chỗ muốn đi đến, được đi đến tất cả mọi nơi trên đất Phật.

Nguyện các chúng sinh đối với tất cả chúng sinh khác được tâm không tổn hại.

Nguyện các chúng sinh trong một sát-na tâm duyên các pháp giới và đi đến tất cả thế giới không mệt nhọc vất vả, do không chán mệt được thân thông luân.

Nguyện các chúng sinh được hạnh diệu lạc cùng các Bồ-tát đi đến đạo tràng.

Nguyện các chúng sinh đối với thiện tri thức và vô lượng thiện căn được tâm không lìa bỏ, biết ơn báo ơn tùy chỗ giữ gìn.

Nguyện các chúng sinh cùng thiện tri thức đồng một lợi lạc.

Nguyện các chúng sinh tâm tâm hoan hỷ, chỉ nhiếp thụ điều thiện, cùng thiện tri thức an lạc ở chung tùy tu phúc hạnh.

Nguyện các chúng sinh đối với thiện tri thức có các thiện căn thanh tịnh nghiệp báo đồng một đại nguyện. Nguyện các chúng sinh trụ hạnh Đại thừa, vĩnh viễn xa lìa u ám, đối với nhất thiết trí được vô cùng tận.

Nguyện các chúng sinh sâu giữ thiện căn, được chư Như Lai che chở.

Nguyện các chúng sinh giữ gìn trí đức, giải thoát tất cả hoặc nhiễm thế gian.

Nguyện các chúng sinh đầy đủ bạch pháp, không khởi tán loạn, ở trong Phật pháp được hạnh bất hoại.

Nguyện các chúng sinh mở rộng mười lực, che chở bao bọc tất cả.

Nguyện các chúng sinh được thâm tâm lớn hiểu rõ rốt ráo.

Nguyện các chúng sinh ngồi tòa sư tử được thân thông của Phật, ở trong thế gian quán sát như vậy.

Như Kinh Hư Không Tạng nói:

Ta tích chứa thiện căn pháp trí thiện xảo, không thứ gì không làm y trụ cho chúng sinh.

Luận nói:

Xả bỏ sự thụ dụng quá khứ và vị lai, như Kinh Vô Tận Ý nói: Nếu tâm sở pháp của thiện tâm, niệm niệm hồi hướng Bồ-đề, đó là thiện xảo. Nếu vị lai thiện căn quyết định Bồ-đề, thì hiện tiền nơi các sự nghiệp khởi thiện tâm, đều dùng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Luận nói:

Như vậy tu tập tâm tâm sở pháp, tín giải viên mãn, tất cả xả thí. Lại nữa hành động của tâm và phương tiện của thân xả bỏ các nghiệp thụ. Ở đây nói nhiếp thụ tức giải thoát gốc khổ của tam hữu. Trong đó

những thứ đã tạo trong vô lượng kiếp a-tăng-kì chiêu cảm vô lượng phú lạc thế gian và xuất thế gian, đối với thân tự nhiên thụ dụng như ý. Ta phải dùng tài lợi cứu vớt các chúng sinh lên bờ kia. Ngoài ra, Bồ-tát hành thí đối với đạo Bồ-đề như có nói trong Kinh Bảo Vân.

## Phẩm 2: VỀ GIỚI HỘ TRÌ CHÍNH PHÁP 1

Luận nói:

Người này đối với thân đã xả, sao còn gọi là hộ ? Nghĩa là nếu đem cái mình tự thụ dụng thí cho các chúng sinh. Thế nào là thụ dụng ? Những gì là thí ? Nếu không thụ dụng cũng không bảo vệ giữ gìn. Cho nên hộ tự thân thì nên đem sự thụ dụng làm lợi ích chúng sinh.

Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Xả-lợi tử ! Hộ người khác tức hộ tự thân. Xả-lợi tử ! Hành tướng như vậy nếu Bồ-tát thành tựu hộ người khác, giả sử gặp trường hợp bị mất mạng, đối với nghiệp này ta tất không nên làm.

Lại nữa Kinh Vô Úy Thụ Sở Vấn nói:

Như cái xe lớn chở rất nặng, chỉ người trí mới hiểu rõ đối với pháp.

Kinh Vô Tận Ý cũng nói như thế này:

Vì hộ các chúng sinh, dầu thân có khổ cũng không sinh mệt mỏi, huống chi xả bỏ thiện tri thức ư ?

Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát do thiện tri thức hộ trì, không đọa vào đường ác. Do thiện tri thức mà đầy đủ siêu vượt học xứ của Bồ-tát. Do thiện tri thức dạy dỗ dắt dẫn mà được xuất ly thế gian. Do thiện tri thức mà được thân cận Bồ-tát không quên mất hạnh. Do thiện tri thức mà được nhiếp thụ tất cả hạnh ít có của Bồ-tát. Do thiện tri thức



nương theo con đường chính giác trừ nghiệp hoặc chường ra khỏi thành trì sinh tử đến nơi thanh tịnh.

Thiện nam tử ! Cho nên thân cận thừa sự thiện tri thức phải tác ý như vậy.

Nghĩa là tâm mình như đất đai gánh chở tất cả không biết mệt mỏi, tâm như kim cương chí nguyện không thể hư nát. Tâm như núi Luân Vi dầu gặp khổ nhọc cũng không khuynh động.

Tâm như kẻ nô bộc tùy công việc mà làm không kể hèn mọn.

Tâm như người làm thuê rửa sạch bụi nhơ, không kiêu mạn.

Tâm như cỗ xe lớn chở nặng đi xa không hư hỏng.

Tâm như con ngựa tốt không hung bạo.

Tâm như thuyền bè qua lại không mệt.

Tâm như đứa con hiếu đối với cha mẹ luôn có sắc mặt kính thuận vâng lời.

Lại nữa, thiện nam tử ! Đối với bản thân khởi tưởng bệnh khổ, đối với thiện tri thức khởi tưởng như vua của các thầy thuốc, tùy theo giáo lệnh khiến có ý tưởng như điều chế thuốc hay, tu các chính hạnh tưởng như chữa bệnh.

Lại nữa, thiện nam tử ! Đối với bản thân khởi tưởng sợ hãi. Đối với thiện tri thức khởi tưởng dũng kiện, tùy theo giáo lệnh tưởng như binh khí, tu các chính hạnh tưởng như phá oán.

Lại nữa, trong Giải Thoát Quán Ưu Bà Di có nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát đối với thiện tri thức, tùy chỗ dạy bảo nên suy nghĩ như cúng dường chư Phật Thế Tôn. Bồ-tát đối với thiện tri thức không nói trái nghịch, vì được gần nhất thiết trí. Đối với thiện tri thức không nghi ngờ, không lia tác ý, được gần các thiện tri thức được các lợi ích hiện tại.

Lại như Thiện Tài đến gặp Tì-kheo Kiên Cố Tràng, đầu mặt làm lễ dưới chân, đi nhiều bên phải trăm ngàn vòng rồi lui đứng sang một bên. Bấy giờ Tì-kheo Kiên Cố Tràng quan sát lễ kính, rồi lại quán sát kỹ lại cũng lễ kính như vậy, tư duy quan sát khắp rồi hỏi: Người từ đâu đến làm tướng như vậy ? Đối với công đức lợi ích hiện tiền cầu niệm kiên cố vô lượng hạnh nguyện, không bỏ ý này, hi vọng thấy tướng và nhận được âm thanh, cho đến lúc làm lễ mà đi buồn bã khóc lóc mong gặp thiện tri thức thấy nhất thiết trí, đến nơi Tì-kheo Hải Vân rồi làm lễ mà đi.

Lại nữa, Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Xả-lợi tử ! Bồ-tát ưa muốn thiện pháp, trân bảo của thế gian không gì không xả bỏ, đem thân thừa sự không gì không cung kính, cung cấp sai bảo và bao nhiêu ngữ nghiệp không gì không mạnh mẽ, đối với Hòa thượng A-xà-lê hết sức tôn trọng.

Sở dĩ vì sao đến như thế ? Vì đoạn dứt trói buộc mà cầu pháp như vậy. Vì đoạn sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não mà cầu pháp như vậy. Phát tâm như của báu trừ nghèo cùng khốn khổ của chúng sinh mà cầu pháp như vậy. Phát tâm như thuốc men làm an lạc tất cả chúng sinh mà cầu pháp như vậy.

Kinh Tối Thượng Thụ Sờ Vấn nói:

Lại nữa trưởng giả ! Hoặc ở nơi Bồ-tát được nghe một bài kệ bốn câu, thụ trì đọc tụng vì người giảng nói, và tích tập các hạnh tương ưng của Bồ-tát như bố thí, trì giới, nhsãn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Phải sinh tôn trọng pháp A-xà-lê, cho đến dùng văn chương kệ tụng ngợi khen. Nếu trong một kiếp ở nơi A-xà-lê thân cận phụng sự thường hành chính trực thì tất cả tài lợi thụ dụng cúng dường trưởng giả cũng chưa đủ đối với sự tôn trọng A-xà-lê.

Luận nói:

Thế nào là tôn trọng đối với pháp ?

Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa nói:

Thiện nam tử ! Người nên khởi tâm tôn trọng yêu thích thiện tri thức. Bấy giờ Thường Thâm Bồ-tát Ma-ha-tát tác ý muốn tôn trọng hành tướng như vậy. Tiếp đến đi vào một thành, vào trong thành rồi nghĩ rằng ta sẽ bán thân ta để lấy được thứ gì cúng dường Pháp Thượng Bồ-tát Ma-ha-tát. Nhưng ta ở trong đêm dài, vì dục nhân duyên mà thụ thân sinh tử, lưu chuyển các thú vô lượng vô biên, chưa từng vì pháp và làm lợi ích chúng sinh.

Rồi Bồ-tát Thường Thâm cất cao tiếng rao rằng:

Nghe đây ! Ai mua người này không ? Ai mua người này không ? Tóm lại khi ấy ma Ba-tuần từ chỗ ngồi đứng dậy làm cho các Bà-la-môn, trưởng giả không nghe được tiếng rao kia nên muốn tự bán mình cũng không được.

Bồ-tát ấy một khi đến đâu đều không ai nghe cả bèn khóc lóc tự than rằng: Quái lạ tiền bạc sao mà khó kiếm như vậy, ta muốn bán thân mà cũng không được ! Bấy giờ có một vị vua trên cõi trời tên Thước-ca-la giả dạng làm một Phạm chí đến nói với Bồ-tát Thường Thâm rằng:

Thiện nam tử ! Vì sao người ở đây buồn thảm khóc lóc như thế này ?

Bồ-tát Thường Thâm nói: Nay Phạm chí ! Nay tôi ưa muốn thiện pháp, vì muốn làm pháp cúng dường tôi tự bán thân mà không ai mua.

Phạm chí nói với Bồ-tát Thường Thâm: Tôi không cần người vì không làm gì cả, chỉ cần tim máu xương tủy của người, ông có bán không ?

Bấy giờ Thường Thâm Bồ-tát tự nghĩ: Nay ta thỏa mãn sẽ được thiện lợi lớn, nhất định sẽ hiểu biết phương tiện thiện xảo của Bát-

nhã Ba-la-mật-đa. Thân ta còn bán được, tiếc gì tim máu xương tủy ! Rồi phát tâm phẫn khởi, tâm phân biệt rõ, tâm cực hoan hỷ thừa Phạm chí rằng: Đây thân này xin tùy ý. Bồ-tát Thường Thâm tay phải cầm đao bén đâm vào cánh tay chảy máu, cắt thịt cánh tay xong chẻ xương mà đứng đó.

Khi ấy có người con gái một trưởng giả ở trên lầu cao xa trông thấy sự việc liền đến nơi Bồ-tát Thường Thâm kia hỏi rằng: Sao người làm khổ thân mình đến thế ?

Khi người con gái nghe nói đến việc cúng dường bèn nói: Thiện nam tử ! Việc cúng dường ấy có những công đức thiện lợi ra sao ?

Đáp: Thừa đồng nữ ! Vị Bồ-tát kia vì ta dạy rõ cho ta học được phương tiện thiện xảo của Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Học như vậy là vì chúng sinh làm chỗ quay về. Nói tóm tắt như vậy.

Lại nữa, đồng nữ bảo Bồ-tát Thường Thâm rằng:

Thiện nam tử ! Ở nơi A-xà-lê để cầu pháp rộng lớn như vậy, cứ mỗi một pháp nghĩa thì phải xả thân cho đến số kiếp nhiều như cát sông Khắc-già để cầu, bởi vì pháp kia rộng lớn.

Này thiện nam ! Nay tôi có đủ vàng bạc ngọc báu mật-ni, phệ lưu ly v.v... người có thể đến nơi Bồ-tát Pháp Thượng rộng làm việc thiện lợi. Rồi cùng với cô gái nhỏ với năm trăm quyến thuộc đồng đến nơi Bồ-tát Pháp Thượng.

Bấy giờ Pháp Thượng Bồ-tát Ma-ha-tát liền từ tòa ngồi đứng dậy vào nhà, rồi như vậy bảy năm nhập Diệu Tam-ma-địa. Bồ-tát Thường Thâm cũng bảy năm không khởi dục, không khởi phỉ báng, không khởi hại tâm, không đấm trước vị ngon, chỉ nghĩ một niệm là khi nào Bồ-tát Pháp Thượng sẽ xuất định. Như vậy đến trước pháp tòa nơi thuyết pháp và hết các chỗ khác rải các thứ hoa các thứ trân bảo. Khi ấy trưởng giả nữ cùng năm trăm quyến thuộc cũng học làm theo các oai nghi của Bồ-tát Thường Thâm.

Bấy giờ trên hư không có tiếng báo Bồ-tát Thường Thâm rằng: Bồ-tát Pháp Thượng này sau bảy ngày sẽ xuất định đến trong thành kia tùy nghi thuyết pháp. Bồ-tát Thường Thâm nghe tiếng nói ấy rồi rất vui mừng đẹp ý quét đất dọn dẹp sạch sẽ. Bấy giờ trưởng giả nữ cùng năm trăm quyến thuộc trang trí trước pháp tòa các thứ bảy báu rất đẹp. Còn Bồ-tát Thường Thâm thì tưới nước quét dọn các nơi tìm khắp chung quanh không có nước. Nơi đó có ma Ba-tuần tên là Âm Tương giấu hết nước để làm cho Bồ-tát tâm sinh khổ não mà thoái lui mất ý đạo tăng thêm gốc chẳng lành. Bấy giờ Bồ-tát Thường Thâm biết là ma Ba-tuần giấu rồi liền cắt thân tưới máu trên đất. Vì sao vậy? Vì nơi đây đất có nhiều bụi sẽ làm bản thân Bồ-tát Pháp Thượng, ta nay vì pháp đầu phá bỏ thân này nào có tiếc chi! Lại nữa ta xưa kia vì nhân duyên dục nhiễm mà qua lại luân hồi trong sinh tử, chưa bao giờ vì pháp xả thân. Nghĩ vậy rồi cầm dao bén đâm vào mình chảy máu rưới khắp trên đất, các quyến thuộc của nữ trưởng giả cũng học được như vậy. Bấy giờ ma Ba-tuần chẳng làm gì được.

Cho nên kinh Đại Thừa Tứ Pháp có nói:

Phật bảo các Tỳ-kheo rằng Bồ-tát trọn đời, cho đến gặp phải nhân duyên mất mạng nhất định không được bỏ thiện tri thức.

### HẾT QUYỂN 3

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 4

#### Phẩm 2: HỌC XỨ VỀ GIỚI HỘ TRÌ CHÍNH PHÁP 2

Luận nói:

Với kinh điển ấy thì không bỏ các thiện tri thức như gìn giữ thân mình.

Với kinh điển ấy thì vui học Bồ-tát trong từng sát-na.

Với kinh điển ấy các hạnh Bồ-tát được tập hợp.

Đối với Bồ-tát học phải lựa chọn những lời kia nói, quán sát kỹ càng không rơi vào tội lỗi, thấy chỗ vô trí thì không ưa thích.

Thấy kinh ấy thường vui thích tôn trọng.

Thấy kinh ấy thì không bỏ các thiện tri thức, vì nói hộ trì tất cả chính pháp.

Như Kinh Hải Ý nói:

Nhưng thiện nam tử ! Nói không thể nói, nghĩa là dùng văn tự ngôn ngữ không thể nói được pháp vô sinh. Nếu dùng văn tự ngôn ngữ giải thích pháp môn Tổng trì thì mới có thể nói. Đó gọi là hộ trì chính pháp.

Lại nữa, thiện nam tử ! Có vị sư thuyết pháp đối với biển kinh rất sâu như vậy như thuyết tu hành, nếu ai đối với vị pháp sư này thân cận cung kính tôn trọng thừa sự hộ trì các thứ âm thực y phục tọa cụ, cúng thí các thứ thuốc men chữa bệnh, ủng hộ bằng các việc lành và bằng lời nói, dù cho có người phỉ báng cũng vì đó giấu che. Đó gọi là hộ trì chính pháp.

Cho đến thiện nam tử ! Đối với người không tranh cãi mà có thể thắng, không có pháp gì để nói, người này với pháp đều không chấp. Đó gọi là hộ trì chính pháp.

Lại nữa thiện nam tử ! Đối với các chúng sinh, trong tuệ giải thoát không sinh tổn giảm, không vì tâm tài lợi mà pháp thí cho người. Đó gọi là hộ trì chính pháp.

Lại nữa thiện nam tử ! Hoặc nhân nghe pháp, hoặc nhân thuyết pháp mà chuyên trụ, cho đến một bước đi, một hơi thở ra vào. Đó gọi là hộ trì chính pháp.

Tóm lại, này thiện nam tử ! Nếu trong cảnh giới sắc tâm không có các phan duyên, điều phục chỉ tức, trong một cảnh tính duy nhất. Đó gọi là hộ trì chính pháp.

Lại nữa thiện nam tử ! Cho đến nếu gọi pháp này đối với pháp, là pháp có thể chuyển, thì pháp đó không có chỗ chấp thủ. Đó gọi là hộ trì chính pháp.

Luận nói:

Vị sư thuyết pháp kia tuy nói thân cận thiện tri thức và không lìa bỏ tướng thiện tri thức, nhưng nếu không hộ trì chính pháp tức là không giữ gìn, là không thanh tịnh, là không tăng trưởng, tức chẳng phải Bồ-tát quyết định hộ trì chính pháp như vậy.

Kinh Thắng Man Sư Tử Hồng nói:

Phật nói: Bồ-tát có hằng hà sa số vô lượng hạnh nguyện đều nên nhập vào trong một nguyện lớn. Đó gọi là hộ trì chính pháp. Hộ trì chính pháp là cảnh giới to lớn.

Kinh ấy cũng nói:

Ví như có một đại lực sĩ, ai chạm vào người anh ta sẽ bị tổn hại.

Phật nói: Thắng Man ! Người có một ít hộ trì chính pháp cũng như vậy, khiến ma Ba-tuần bị sầu não rất lớn. Ta không thấy có một thiện pháp nào khác có thể khiến ác ma sinh ưu não như thế này. Như là người có chút ít hộ trì chính pháp.

Lại nói: Ví như núi chúa Tu-di đốn chính đặc thù, so với các Hắc sơn là núi cao nhất.

Phật bảo Thắng Man: Như vậy Đại thừa xả bỏ thân mạng tài sản để giữ cái tâm hộ trì chính pháp hơn những người khác, trụ nơi Đại thừa mà không xả bỏ thân mạng tài sản để gìn giữ tất cả thiện pháp.

Như bài kệ trong Kinh Hải Ý nói:

*Người hộ trì chính pháp Như Lai,  
Sẽ được Thế Tôn thường nhiếp thụ.  
Chư thiên, long vương, Khẩn-na-la,  
Phúc đức trí tuệ đều gồm đủ.*

Cho đến người hộ trì chính pháp của Như Lai thì sinh vào nước nào cũng không luống qua một cách trống không, tất cả trong mọi cuộc đời sinh ra đều được gặp Thế Tôn, gặp rồi liền được tâm thanh tịnh.

Người hộ trì chính pháp Như Lai được túc mạng nhiều lần sinh trong pháp ta, xuất gia thiện lợi có thể thành tựu tu hạnh chân thật thanh tịnh.

Lại nói: Người thụ trì chính pháp Như Lai được đại tổng trì và thiện lợi, cho đến trăm kiếp không được nghe, do đủ biện tài hoàn toàn vô ngại.



Người hộ trì chính pháp cho đến làm Đế Thích, Phạm vương, trời Hộ Thế v.v..., trong loài người lại được làm chuyển luân vương, được niềm vui an ổn ngộ Bồ-đề.

Người hộ trì chính pháp của Như Lai thân đủ ba hai tướng đặc thù vi diệu, đại trí trang nghiêm hỷ lạc, người trông thấy không sinh chán.

Người hộ trì chính pháp không lìa bỏ tâm Bồ-đề, không hủy bỏ hạnh Ba-la-mật, đều có thể nhiếp thụ nhiều thứ thiện pháp.

### Phẩm 3: HỌC XỨ VỀ HỘ PHÁP SƯ

Luận nói:

Có ba phương tiện bảo hộ. Đó là bảo hộ thân miệng được lìa các việc khó. Người hành giả hộ trì chính pháp tư duy, thủ hộ không làm cho người khác bị tổn hại. Xa lìa các việc khó này như trong Kinh Hư Không tạng, các bồ-tát hộ trì chính pháp đồng nói bài kệ rằng:

*Lưỡng túc tôn cao tốt,  
Từ đây diệt độ rồi  
Đều sinh tâm dũng mãnh,  
Không tiếc thân mạng mình.*

*Hộ trì chính pháp Phật,  
Xả bỏ mọi lợi dưỡng,  
Và lìa các quyến thuộc,  
Vi cầu chứng Phật trí.*

*Không bỏ chính pháp này.  
Bị mạng nhứt làm nhục,  
Cho đến lời độc địa,  
Vi hộ trì chính pháp.,*

*Chúng ta đều nhẫn nhịn,  
Hoặc chọc gheo khinh miệt,*

Chê bai chẳng ngợi khen,  
 Vì hộ trì chính pháp.  
 Tất cả đều nhân nhịn.  
 Nói chung hay tóm lược,  
 Vì mặt pháp chúng sinh,  
 Ta phải giữ chính pháp.  
 Tì-kheo ác ở đời,  
 Có sức tăng thượng lớn,  
 Với kinh điển vi diệu,  
 Chẳng đọc cũng chẳng nghe,  
 Tự cho mình là thầy,  
 Chấp sai quấy khác lạ.  
 Với giáo nghĩa thậm thâm,  
 Đều thuận quả giải thoát,  
 Trong chính pháp như vậy,  
 Tâm không ưa phân biệt.

Cho đến:

Dùng từ niệm chúng sinh,  
 Hoặc không trụ pháp ấy  
 Vì khởi tâm bi mẫn  
 Nên được trì kinh ấy.  
 Nếu thấy người phá giới  
 Tham đắm nơi lợi dưỡng,  
 Ta phải tâm thương xót,  
 Phương tiện khiến lìa bỏ.  
 Nếu thấy người tâm ác  
 Hủy báng nơi chính pháp,  
 Ta dùng tâm từ nhẫn,  
 Chính kiến khiến hoan hỷ.

*Như sức hộ người kia,  
Khéo thành tựu ngữ nghiệp.  
Hoặc cũng không phải nói,  
Kia sẽ tự an trụ.*

*Sau dùng bốn nhiếp sự,  
Thành thực người như vậy.  
Đối với tội ác hành,  
Dắt dẫn khiến khai ngộ.*

*Hoặc bỏ được ồn ào,  
Lặng ở cảnh giới thiện,  
Như nai chúa tự tại,  
Thiếu dục và tri túc.*

Cho đến kệ nói:

*Nếu vào trong xóm làng,  
Tâm điều nhu chính trực,  
Nếu có người cầu pháp,  
Vì nói pháp sâu mâu.  
Khiến ở A-lan-nhã,  
Ưa thích pháp tịch tĩnh.  
Do trong thiện lợi này,  
Mà thường được pháp lạc.  
Nếu có người mê lầm,  
Thường xuyên hiện ra trước,  
An trụ trong pháp lạc,  
Cần phải tự quan sát,  
Ta chỉ đường cho đời  
Không nhiễm pháp thế gian.  
Đối với sự chê khen,  
Như Tu-di chẳng động.*

Các Tì-kheo phá giới,  
 Dẫn đến hủy báng nữa,  
 Nên tự nhẫn việc này.  
 Cần thận chớ quan tâm.  
  
 Lại trong các pháp này,  
 Ta nói vô sở hữu.  
 Với hạnh chính pháp này,  
 Chẳng sinh tưởng oán báo.  
  
 Giả làm tướng Sa-môn,  
 Thật không đức Sa-môn.  
 Nghe Ôt-đà-nam này,  
 Ất phỉ báng chính pháp.  
  
 Chư Tì-kheo mai sau,  
 Người hộ trì chính pháp,  
 Lấy đây làm chướng nạn.  
 Không cho nghe pháp này.  
  
 Hoặc phép vua ép buộc,  
 Trích phạt trong đại chúng,  
 Ta nguyện thừa Phật lực,  
 Khiến đều nghe pháp này.  
  
 Mai sau khi đời ác,  
 Thà tan thân mất mạng,  
 Để hộ trì chính pháp,  
 Làm lợi ích chúng sinh.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng nói như thế này:

Nên trụ hành xứ  
 Và thân cận xứ.  
 Thường xa quốc vương,  
 Và con quốc vương,

*Đại thân, quan trưởng,  
 Dân chơi hung hãn,  
 Cùng Chiên-đà-la,  
 Ngoại đạo, Phạm-chí,  
 Cũng không thân cận.*

*Người tăng thượng mạn,  
 Tham đắm Tiểu thừa,  
 Học giả ba tạng,  
 Tì-kheo phá giới,  
 Danh tự La-hán,  
 Và Tì-kheo-ni  
 Ưa thích vui đùa,  
 Các Ưu-bà-di  
 Tham mê ngũ dục,  
 Đều chớ thân cận.*

*Nếu những người đó  
 Ý tốt mà đến  
 Ở nơi Bồ-tát  
 Để nghe Phật đạo,  
 Bồ-tát nên đem  
 Lòng không sợ sệt,  
 Vì họ nói pháp,  
 Không mong gì khác.  
 Gái góa, gái tơ,  
 Những kẻ ái nam,  
 Chớ nên gần gũi  
 Để mà làm thân.*

Cho đến:

*Bán thịt nuôi sống,  
 Buôn bán bán hương,*

*Những người như thế  
Chớ nên gần gũi.*

*Các trò hung hiểm  
Đánh đấm làm vui,  
Những gái lăng lơ  
Chớ nên gần gũi.*

*Đừng ở chỗ vắng  
Giảng dạy đàn bà.  
Nếu vì nói pháp  
Không nên cười cợt.*

Luận nói:

Lại nói về các nạn, nghĩa là ma sự.

Kinh Bát-nhã nói:

Nghĩa là đối với những người trụ ở Bồ-tát thừa chưa được bao lâu, khi tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa này thì ma Ba-tuần nổi thế lực mạnh làm cho người tu tập khiếp sợ.

Lại nói: Lại nữa A-nan-đà ! Nếu khi Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì có ác ma đến chỗ Bồ-tát hiện ra các việc đáng sợ để quấy nhiễu như hóa ra sấm sét lửa cháy mười phương muốn làm cho Bồ-tát rớt người khiếp sợ để trong một niệm thoái lui mất tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Lại nữa hóa hiện ra bày trò biên chép đọc tụng, nhưng người này không muốn bỏ lợi dưỡng bỏ chỗ mà đi, tạo cuồng loạn như vậy làm trò đùa.

Lại nữa bày trò biên chép đọc tụng để khởi lên các việc ma như có ý đi tìm xóm làng thành ấp, Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ, tri thức để kết đảng làm thân, hoặc khởi tâm chiếm đoạt y phục của cải.

Lại nữa hoặc có sư thuyết pháp Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa thì bày trò biên chép đọc tụng nghe pháp rồi sinh biếng nhác gây điên đảo nơi chỗ pháp sư, khiến người nghe đi chỗ khác nghe pháp khác.

Lại pháp sư muốn nói pháp rộng lớn thì khiến người nghe chỉ mong cầu chút ít thôi. Hoặc pháp sư chỉ nói sơ lược thì người nghe lại đòi hỏi cho nhiều.

Tất cả những điều như vậy là ma sự.

Lại nữa Kinh Hư Không Tạng nói:

Cho đến xả bỏ thiện pháp thích làm mười nghiệp bất thiện. Như vậy tất cả đều là ma sự.

Kinh Hải Ý nói:

Thế Tôn ! Lại nữa Bồ-tát ở nơi A-lan-nhã, thích ở nơi vắng vẻ tịch tịch cho là đủ. Tuy lìa tục xuất gia, thiếu dục tri túc nhưng không cầu học hỏi nhiều về hạnh diệu lạc, cũng không hóa độ chúng sinh. Nơi có giảng pháp thì không thích nghe, trong đó tùy nghi nói các nghĩa quyết định, đối với chỗ phải gần gũi thì không hỏi han tư vấn, một chút thiện hạnh cũng không mong cầu. Tuy ở nơi vắng vẻ tịch tịch mà thích ồn ào tụ tập các hạnh phiền não, chỉ tích tặc là rời khỏi tòa, không tự hiểu biết, không tu tập, làm hỏng pháp môn đạo quán, không tự lợi lợi tha.

Thế Tôn ! Đó gọi là Bồ-tát trụ A-lan-nhã như ma sự thứ bảy.

Tóm lại, thưa Thế Tôn ! Bồ-tát có ác tri thức thân cận thừa sự. Các ác tri thức này thể tướng không khác với thiện tri thức, nhưng thậm chí chúng có thể đoạn dứt bốn nhiếp sự, đoạn dứt việc tu phúc nghiệp, đoạn dứt việc hộ trì chính pháp, chỉ tu trí tuệ hẹp hòi thiếu dục tri túc, giảng dạy vì nói Thanh văn Duyên Giác.

Có khi Bồ-tát lìa hạnh Đại thừa, thế là việc làm của Bồ-tát có cân nhắc tính toán, chỉ tu trí tuệ hẹp hòi như đã nói. Nếu Bồ-tát dừng

mãnh tinh tiến không biếng trễ đối với đạo Bồ-đề, thì tám hoặc chín kiếp sẽ được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhưng không được quả Bồ-đề này.

Thế Tôn ! Bồ-tát ấy dũng mãnh tinh tiến, đối với sự chấp trước này chắc chắn không có, chỉ ở nơi nhàn tĩnh được quả này.

Thế Tôn ! Đó gọi là ma sự thứ mười của Bồ-tát đối với thể tướng của thiện tri thức. Nếu người đối với Bồ-tát thừa này bị ma kèm chế, duyên theo pháp hạnh khác cùng nhau ưa tu tập, như chuyển theo thân cận hạ liệt tu theo hạnh hạ liệt, đó gọi là hôn mê không biết hướng về đâu, như con dê câm. Đó là ma sự thứ mười một.

Luận nói:

Bồ-tát không học tinh tiến dũng mãnh như vậy thì đối với mọi thời mọi nơi tu tập cũng như không tu tập.

Kinh Bảo vân nói:

Nghĩa là các Bồ-tát đối với các oai nghi đi đứng phát hạnh tinh tiến, thân tâm thường không giải đãi, đó gọi là Bồ-tát rốt ráo tinh tiến.

Làm sao đối với tinh tiến này lại sinh lười biếng mệt mỏi được ? Hoặc không đúng lúc mà tu hành những việc quá nặng nên vội sinh khiếp nhược, hoặc còn chưa thành thực tín giải nên khó thực hành các khổ hạnh, nên bảo rằng thí thật của thân mình đâu được đem thí cho chúng sinh thụ dụng không đúng lúc. Do đó mà Bồ-tát sinh giải đãi mệt mỏi đối với các chúng sinh, tức thì sẽ tổn mất chủng tử tích tập cho đại quả của tâm Bồ-đề.

Kinh Hư Không Tạng lại nói:

Không đúng lúc mà cố đòi hỏi, đó là ma sự. Nghĩa là không đúng lúc mà nơi thân chợt khởi lên tâm xả như thế. Nếu trước không tu tập cũng chớ thí cho chút ít. Trụ tâm như vậy tức lấy sự ngu si mà tự hại mình, trái với sự thuần thực của tâm Bồ-đề.



Cho nên những việc xả bỏ thịt của thân mình phải khéo giữ gìn như khéo giữ gìn cây thuốc hiện tại vậy. Có thể lấy rễ, hạt thí cho trường hợp không đúng lúc. Việc khéo giữ gìn cây thuốc chính giác này cũng giống như vậy.

Luận nói:

Đối với ma sự, bình đẳng là việc khó.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Phật bảo: Thiện nam tử ! Làm sao lia các ma sự mà không hư hỏng việc thiện ? Nghĩa là Bồ-tát này tất cả mọi lúc mọi nơi trước hết phải xa lia các ác tri thức, cũng chẳng đối địch. Đến chỗ của chúng luận nói việc thế tục, thân cận lợi dưỡng, cúng dường cung kính, nhiều thứ như vậy mọi lúc mọi nơi đều phải lánh xa. Lại nữa nếu có những phiền não vi tế có thể làm chướng ngại đạo Bồ-đề thì mọi lúc mọi nơi đều phải tránh xa. Biết rõ như vậy, đó là cách đối trị.

Kinh ấy cũng nói về tướng của ác tri thức. Nghĩa là người phá hủy chính giới, đó là ác tri thức cần phải tránh xa. Cũng giống như vậy, người phá hủy chính kiến, chính hạnh, chính mạng, đều phải tránh xa. Những kẻ ưa ồn ào náo nhiệt, kẻ nhiều lời biếng, kẻ đăm trước sinh tử, kẻ quay lưng với cửa ngõ Bồ-đề, kẻ ưa thích ở nhà bà con, đều là những ác tri thức cần phải xa lia.

Thiện nam tử ! Tuy muốn xa lia các ác tri thức này nhưng đối với chúng không phát khởi ác tâm có ý làm tổn hại. Phải trụ tâm như vậy.

Lại nữa Thế Tôn nói: Ở trong cảnh giới chúng sinh phá trừ sự hợp tập cho nên ta phải xa lia những thứ này.

Luận nói:

Mất tâm Bồ-đề là điều khó khăn.

Cho nên Kinh Bảo Tích nói:

Lại nữa, này Ca-diếp ! Bồ-tát có bốn pháp mất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn ?

1. Đối với A-xà-lê và các sư trưởng đã không tôn trọng lại còn lừa dối.
2. Chỗ không nghi hối làm cho sinh nghi hối.
3. Người trụ Đại thừa mà không khen ngợi còn mạ nhục.
4. Làm việc với người mà có tâm xảo trá không ngay thẳng.

Lại nữa Ca-diếp ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì nơi sinh ra được không lìa bỏ tâm Bồ-đề, liên tục hiện tiền cho đến khi ngồi Bồ-đề trường. Những gì là bốn ?

1. Dầu gặp nhân duyên mất mạng cũng không quên tươi cười nói năng thân cận.
2. Làm việc với người giữ tâm ngay thẳng không xảo trá.
3. Đối với các Bồ-tát khởi tướng nghị luận, tùy chỗ bốn phương mà khen ngợi.
4. Hóa độ chúng sinh, chí không cầu gì khác.

Tất cả đầy đủ khiến trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phật nói: Ca-diếp ! Đó gọi là bốn pháp.

Kinh Sư Tử Vương Sở Vấn có bài kệ rằng:

*Nếu người làm pháp thí,  
Cũng không bị tan mất.  
Người ấy mau được vào  
Trong chư Phật tập hội.  
Như Thái tử Tinh Hạ,  
Đòi đòi nghĩ pháp thí  
Lại đòi đòi kiếp kiếp,  
Cho đến trong chiêm bao*

*Không bỏ tâm Bồ-đề,  
Huống nay được giác ngộ.*

Kinh ấy lại nói:

*Nếu ở nơi đi đến,  
Hoặc thành phố xóm làng,  
Cũng không bỏ tâm ấy,  
Giáo hóa khiến giác ngộ.*

Kinh Văn Thù Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức nói:

Bồ-tát thành tựu bốn pháp không mất bản nguyện, cho đến lìa được kiêu mạn, xan tham, tật đố, hoặc thấy người khác an ổn giàu có thì vui mừng thay cho họ.

Luận nói:

Cho nên như vậy đối với tâm Bồ-đề khai phát không hư vọng lỗi lầm.

Như Kinh Bảo Tích nói:

Tất cả oai nghi đi đứng đều là sự nghiệp của tâm Bồ-đề. Tâm này là do tâm Bồ-đề từ quá khứ.

Lại nữa Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội có bài kệ rằng:

*Nếu người nhiều nghi ngờ,  
Nên nhận điều ta dạy.  
Do được thâm tâm này,  
Thoát khỏi nghi ngờ kia.*

Luận nói:

Xa lìa sự không trong sạch thuần hậu là khó.

Kinh Bảo Vân nói:

Bồ-tát phát tâm như vậy để ta tinh tiến. Vì khiếm nhược, thấp hèn và lười biếng nên việc tu tập Bồ-đề tự cho là khó đạt được. Như

vậy tích chứa trong vô lượng trăm ngàn kiếp như cứu lửa cháy đầu mới chứng Bồ-đề. Ta nay hủy bỏ gánh nặng ấy.

Sao Bồ-tát có thể phát ngôn như vậy ? Có ba đời Như Lai chính đẳng chính giác là có tinh tiến tu hành mới hiện chứng chính đẳng giác. Cho đến như vậy chẳng phải chẳng trường thời gian mới hiện thành chính giác sao ?

Ta nay cũng phải hộ trì trong nhiều kiếp, vì các chúng sinh tích chứa sự tinh tiến thì sẽ được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Luận nói:

Trở lại nói về cái khó này.

Kinh Bảo Tích nói:

Đối với chúng sinh chưa thành thực mà đồng phương tiện thiện xảo, là Bồ-tát sai lầm.

Đối với hạng chúng sinh phi pháp khí, mà chỉ bày bằng các pháp Phật nhiệm mầu sâu rộng, là Bồ-tát sai lầm.

Đối với chúng sinh có lòng tin hiểu rộng lớn, mà dạy bày hạ liệt thừa, là Bồ-tát sai lầm.

Luận nói:

Không tin hiểu là khó.

Như Kinh Hộ Quốc nói:

Nghĩa là đối với Phật pháp tăng bảo không sinh tin hiểu, cũng không tin học hiểu, ngăn chặn nhiều hạnh, cũng không tin hiểu những việc tội phúc, những người ở trong tội lỗi như vậy thì dẫu sau khi chết sinh làm người cũng sẽ chịu báo si ám, sau chịu các khổ địa ngục ngạ quỷ súc sinh.

Luận nói:

Để lìa khỏi điều này, Kinh Bảo Tích có nói:

Nếu người đối với pháp rất sâu không có chỗ hiểu, không sinh phỉ báng, Như Lai chứng tri như vậy.

Lại nói, nhưng ta không thể hiểu, chỉ đối với vô lượng chư Phật Bồ-đề có các thứ tin hiểu, cho nên Như Lai vì hạng chúng sinh này nói chính pháp hạnh.

Luận nói:

Phải biết rằng bỏ việc quản sự là khó.

Cho nên Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Đối với Tì-kheo hành pháp, nghe diệu pháp, thân cận việc doanh sự để cúng dường Phật.

Luận nói:

Làm việc quản sự, như trong Kinh Bảo Tích nói:

Phật nói: Tì-kheo làm quản sự đối với các chúng Tì-kheo phải hộ trì tâm này: Nếu Tì-kheo A-lan-nhã ưa ngồi nơi yên tĩnh vắng vẻ thì Tì-kheo quản sự bất cứ lúc nào bất cứ nơi đâu không nên sai bảo việc gì.

Giả sử mỗi khi Tì-kheo A-lan-nhã nhập chúng học mà bị sai bảo thì Tì-kheo quản sự này phải làm thay công việc cho Tì-kheo ấy, hoặc mời một Tì-kheo khác làm thay cho Tì-kheo ấy.

Nếu có Tì-kheo đi khát thực, Tì-kheo quản sự phải cung cấp các thức ăn tốt.

Lại nữa Ca-diếp ! Nếu có Tì-kheo thoát khỏi sự khống chế, Tì-kheo quản sự thấy tùy theo chỗ cần thiết mà cung cấp đầy đủ, như ăn mặc đồ nằm thuốc thang.

Nếu Tì-kheo thoát khỏi sự khống chế ở chỗ nào, không nên nói lớn tiếng, Tì-kheo quản sự nên nằm ngồi gần gũi để phòng hộ và tùy theo sở thích mà cung cấp thức ăn tốt.

Lại nữa nếu có Tì-kheo đa văn thì phải dừng cảm bảo vệ.

Nếu có Tì-kheo thuyết pháp, phải vì pháp đến ngồi nghe, vào trong pháp hội hoặc ở trong trường luận nghị thanh tịnh. Cho đến ba lần xướng: Hay thay !

Tóm lại, không nên đối với vật sở hữu mà có tư tưởng tự do tự tại. Dầu có chút việc phải làm, chúng cho phép mới làm, chớ nên tự cho phép sử dụng. Cho đến vật của hiện tiền tăng, vật của tứ phương tăng không được lẫn lộn. Với vật của chùa tháp Phật không được đồ đồng lộn xộn, phải ngăn chặn sự đảo lộn như vậy. Nếu nghi ngờ có sự lẫn lộn vật của tứ phương tăng với vật của hiện tiền tăng, Tì-kheo quản sự phải bạch chúng rằng: Những lợi dưỡng của hiện tiền tăng và tứ phương tăng này xin đồng ý xả thí để tu sửa Phật tháp hư nát, nên cầu xin xả thí để ra làm. Đó là điều Phật đã có dạy bảo.

Lại nữa Ca-diếp ! Nếu như vật của Phật tháp có nhiều, Tì-kheo quản sự không được phân chia ra cho hiện tiền tăng và tứ phương tăng.

Sở dĩ vì sao ? Vì vật của tháp Phật dầu là một phần mười cũng đều là của tịnh tín, sao có thể lấy nhiều được ? Chư thiên, người đời sinh ý tưởng về tháp Phật, hướng chi lại là châu báu đều là báu vật.

Nếu lấy y áo nơi tháp Phật do Như Lai đã chế ra thì thà để cho gió mưa làm hư hại không nên dùng tiền bạc mua y áo này. Y áo nơi tháp Như Lai không ai có thể ra giá là bao nhiêu, lại nữa Phật cũng chẳng dùng tiền đó làm gì.

Phật nói: Ca-diếp ! Nếu Tì-kheo quản sự có ác tâm đối với người trì giới, chính tay cung cấp sai bảo tự do, bởi nghiệp bất thiện đó phải đọa địa ngục. Dầu được làm người sẽ làm thân tôi tớ để kiếm sống, bị người sai bảo mắng nhiếc đánh đập. Tóm lại, hoặc đối với Tì-kheo lại lập quy chế mới, vì sợ trách phạt là sai bảo không đúng lúc, Tì-kheo quản sự ấy do căn bất thiện đọa địa ngục lớn gọi là nhiều đinh, cho đến cả ngàn cái đinh đâm vào người đốt cháy mãnh liệt tạo

thành đồng lửa lớn. Lại nói chung là lưỡi tội nhân rộng dài đến trăm do-tuần, trên lưỡi có trăm ngàn cây đinh bốc cháy rực rỡ không thể chịu nổi.

Phật nói: Ca-diếp ! Tì-kheo quản sự hoặc đến hoặc đi được lợi dưỡng của tăng mà xan lẫn cất giấu, hoặc cho đúng lúc hay không đúng lúc, hoặc khốn khổ mới cho, hoặc không cho, Tì-kheo quản sự như vậy, do căn bất thiện chết đọa vào loài ngạ quỷ ăn những viên phân. Có một con quỷ có uy thế lớn mang đến đưa ra. Ban đầu chẳng dám đến gần, nhưng ngược mắt nhìn những viên phân, trải qua đôi khát trăm ngàn năm không được ăn uống. Dầu có được chút ít, nhưng do hành nghiệp hiểm ác mà tất cả hóa thành phân nhơ.

Lại nữa trong Kinh Tăng Hộ Duyên Khởi có nói về khổ nạn này.

Phật bảo Tì-kheo Tăng Hộ rằng: Như ông thấy đó, thật sự không phải là bức tường mà đó là người địa ngục, là người xuất gia thời Phật Ca-diếp, vô cớ nhỏ nước bọt lên vách tường nơi chư tăng ở, do nghiệp báo đó thụ khổ báo làm bức tường bằng thịt bị lửa đốt đến nay chưa dứt.

Lại nữa như ông thấy đó thật chẳng phải là cây cột nhà, mà là người địa ngục. Cũng giống như trước, vô cớ nhỏ nước bọt lên cột nhà nơi chư tăng ở mà chịu khổ báo làm cây cột bằng thịt đến nay chưa dứt.

Lại nữa như ông thấy, đó thật sự chẳng phải là cây lá hoa quả, mà là người địa ngục. Cũng giống như trước, người này phi lý thụ dụng trước cây lá hoa quả nơi tăng chúng ở hoặc đem cho người thế tục mà chịu khổ báo làm cây thịt đến nay chưa dứt.

Lại nữa, ông thấy đó thật sự không phải sợi dây căng, mà là hình người địa ngục. Cũng giống như trước người này phi lý lấy dây nơi tăng chúng ở, trước đem dùng riêng hoặc đem cho người thế tục mà chịu khổ báo làm sợi dây thịt đến nay chưa dứt.

Lại nữa ông thấy đó thật sự chẳng phải cái cán gáo múc nước, mà là hình người địa ngục.

Thời Phật Ca-diếp có một Sa-di bunn xin đang cầm cái cán gáo gãi, khi ấy có một khách Tì-kheo đến, Sa-di kia trông thấy quay lưng.

Khách Tì-kheo nói: Trong chúng đây có nước uống không ?

Sa-di có tâm bunn xin kia đáp: Ông không thấy tôi cầm cán gáo mà gãi đây sao ? Muốn kiếm nước uống còn chưa có !

Khách Tì-kheo lặng thinh không xin được đồ mặt bỏ đi. Do nghiệp báo này chịu khổ làm cái cán cái chuôi bằng thọt đến nay chưa dứt.

Lại nữa ông thấy đó, thật sự đây không phải cái chày cái cối, mà là hình người địa ngục.

Thuở Phật Ca-diếp có một Sa-di mang ấn ký đến chỗ vị Tì-kheo chủ sự thu thập vật dụng. Vị Sa-di này là một A-la-hán.

Có một Tì-kheo đến bảo Sa-di rằng: Ta cần cái chày cái cối.

Sa-di nói: Xin Thượng tọa hãy chờ cho giây lát, con có chút việc, sau hãy giã.

Tì-kheo kia nổi giận bảo Sa-di: Ta mà được cái chày cái cối này ta sẽ ném ngươi vào cối mà giã như thế này, đừng nói tới cối chày !

Khi ấy Sa-di biết Tì-kheo kia nói lời mắng nhiếc ác độc, nghĩ rằng nếu ta đáp lại ắt sẽ làm tăng thêm giận dữ nên lặng thinh.

Sau khi thấy sự tức giận đã nguôi bèn đến vị Tì-kheo kia khuyên hối lỗi rằng Đại đức Thượng tọa như vậy là phiền não.

Kia nói: Ngươi biết trong pháp luật Phật Ca-diếp này Sa-di xuất gia ta là Thượng tọa.

Sa-di Tì-kheo nói: Nếu như vậy những người xuất gia chúng ta làm sao đoạn trừ tất cả phiền não, giải thoát tất cả kết sử ? Nói ra lời



nói ác phải khéo đối trị bằng pháp hồi tội. Đó gọi là tùy theo trường hợp khiến tội tiêu nhẹ.

Bấy giờ Tì-kheo Thượng tọa không trả lời, vì còn giận không hồi cải. Do nghiệp báo này hóa làm cái cối chày bằng thịt chịu khổ không dứt.

Lại nữa ông thấy đó thật sự không phải cái nồi gang.

Có một Tì-kheo đến hỏi: Có dùng cái nồi gang này không ?

Sa-di đáp: Xin ngài chờ cho một chút, con đang săn sóc thầy Tì-kheo bệnh, dùng cái nồi gang này sắc thuốc.

Tì-kheo kia không ưa câu nói đó, do ác tâm đập vỡ cái nồi gang rồi bỏ đi, chịu khổ báo hóa làm cái nồi gang bằng thịt đến nay chưa dứt.

Lại nữa ông thấy đó ở giữa thì bị đứt chỉ liên kết lại bằng sợi dây mỏng manh, đó là hình người địa ngục. Do người này trước đây chủ việc chăm lo đời sống chúng tăng, do tâm tham lam bòn sẻn tráo đổi vật của chúng tăng, mùa này mùa kia tráo đổi cho nhau mà cấp dữ, do nghiệp báo đây chịu khổ không dứt.

#### **Phẩm 4: HỌC XỨ VỀ KHÔNG 1**

Luận nói:

Lại nữa kinh nói các nghĩa quan trọng.

Như Kinh Hư Không Tạng nói:

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Vua quán đánh Sát-đế-lợi có năm tội căn bản. Nếu phạm tội này sẽ đốt cháy tiêu các giống thiện căn đời trước, hướng đến đường ác đọa vào các thẳng xứ khác, xa lìa tất cả sự hưởng lạc cõi trời cõi người. Những gì là năm ?

Thiện nam tử ! Nếu nhân danh vua quán đánh Sát-đế-lợi mà lấy vật của tháp Phật, vật của tứ phương tăng, tự mình lấy, sai bảo người khác lấy, đó là tội căn bản thứ nhất.

Nếu hủy báng pháp Thanh Văn thừa, pháp Duyên Giác thừa, hủy báng pháp Đại thừa, ẩn giấu các tệ nạn, đó là tội căn bản thứ hai.

Nếu người y vào pháp ta xuất gia, cạo râu tóc mặc ca-sa, dù có học dù không học, dù giữ giới dù phá giới, mà buộc họ cởi áo ca-sa hoàn tục hoặc còn thêm đánh đập xiềng trói giam nhốt trong ngục hoặc giết chết, đó là tội căn bản thứ ba.

Sát hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, dùng ác tâm làm thân Phật chảy máu, tùy theo làm một việc nào đều là năm nghiệp vô gián, đó là tội căn bản thứ tư.

Nếu hủy báng cho rằng không nhân quả, không sợ đời khác, tự làm mười nghiệp đạo bất thiện hoặc chuyển dạy cho nhiều người khác, tự bản thân mình và dạy bảo người khác kiên trụ mười nghiệp đạo bất thiện, đó là tội căn bản thứ năm.

Cho đến nói chung là nếu ưa phá hoại đất nước làng xóm nhà cửa nhân dân, đó gọi là các tội căn bản.

Tóm lại, lại nữa thiện nam tử thiện nữ nhân người mới thực hành trụ Đại thừa, có tám tội căn bản. Người mới thực hành trụ Đại thừa này đối với tội căn bản mà có sai lầm, thì đốt cháy mất tất cả giống thiện căn đời trước, hướng đến nẻo ác rơi vào các thẳng xú, xa lìa cái vui của trời người và Đại thừa, ở lâu trong luân hồi, rồi bỏ thiện tri thức. Những gì là tám ? Các chúng sinh này nhân đời trước làm các việc ác mà sinh vào đời ác năm trước đầy hiểm nạn, nhờ chút thiện căn được gần thiện tri thức, được nghe kinh điển Đại thừa rất sâu, người ấy trí cận liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nhưng mới thực hành Bồ-tát, nghe nói về pháp không của kinh điển rất sâu, rồi thụ trì đọc tụng như đã nghe, được người trí cận trước như thật khai thị văn nghĩa hay ho, cảnh giới rộng lớn, kẻ phàm phu ngu muội kia nghe nói như vậy tâm sinh sợ hãi. Do tâm sợ hãi nên thoái lui mất tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề

mà phát tâm Thanh Văn thừa. Đó là tội căn bản thứ nhất của người mới thực hành Bồ-tát.

Thiện nam tử ! Do phạm tội nên đốt cháy tiêu tất cả giống thiện căn đời trước, hướng đến đường ác, rơi vào các thẳng xứ khác, xa lìa cái vui của nhân thiên và Đại thừa, phá hủy tâm Bồ-đề. Cho nên Bồ-tát đối với hữu tình Bồ-đặc-già-la khác phải có tâm và chí nguyện sâu xa, trước biết rồi thực hành như tâm chí mình, sau tùy theo đó mà dần dần vì người nói pháp. Ví như những con sông dần dần đi vào biển lớn. Tóm lại, lại nữa người mới thực hành Bồ-tát nếu nói như thế này: Người không thể tu tập sáu hạnh Ba-la-mật được, cũng không thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Người phải mau phát tâm Thanh Văn, Bích-chi-phật thì người có thể mau được xuất ly sinh tử, cho đến nói như trước. Đó gọi là tội căn bản thứ hai của người mới thực hành Bồ-tát.

#### HẾT QUYỂN 4

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 5

#### Phẩm 4: HỌC XỨ VỀ KHÔNG 2

Lại nữa, người mới thực hành Bồ-tát nói như thế này: Sao người lại kiên trì gìn giữ giới Ba-la-đề-mộc-xoa và luật nghi ? Nên mau phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đọc tụng kinh điển Đại thừa thì nếu thân ngữ ý có tích tập phiền não, nghiệp báo bất thiện thấy đều được thanh tịnh. Cho đến nói như trước.

Đó gọi là tội căn bản thứ ba của người mới thực hành Bồ-tát.

Lại nữa, người mới thực hành Bồ-tát nói như thế này: Thiệt nam tử ! Nếu có thể xa lìa đừng nghe đừng thụ trì đọc tụng pháp Thanh Văn thừa, cũng đừng vì người khác nói pháp Thanh Văn thừa này vì không thể được quả báo lớn, không thể vĩnh viễn đoạn trừ phiền não. Phải tin kinh điển Đại thừa, nghe thụ đọc tụng vì người khác nói kinh Đại thừa này, có thể sám hối trừ tội báo tất cả ác đạo, mau được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như người ấy nói chấp thủ kiến chấp ấy thì cả hai đều bị tội.

Đó gọi là tội căn bản thứ tư của người mới thực hành Bồ-tát.

Lại nữa, người mới thực hành Bồ-tát có hai lối nói. Như thấy kinh điển Đại thừa vì lợi dưỡng nên rộng ca ngợi việc thụ trì đọc

tụng, nghe nghĩa lý rồi vì người giảng nói mà nói rằng: Tôi là người tu Đại thừa. Thấy người khác được lợi mà tật đố. Lại nữa người kia được hoặc hoàn toàn hoặc một phần, liền sinh chê bai hủy báng miệt thị. Do tật đố tự cao nên nói pháp ta chứng đắc vượt quá hơn người, ở trong Đại thừa có những diệu lạc như vậy. Người này do tài lợi nên mắc tội nặng lớn, hướng đến đường ác rơi vào thẳng xứ khác. Ví như có người muốn vào biển lớn sắm sửa thuyền bè sắp đến miền đất quý mà tự hủy hoại chiếc thuyền để tan thân mất mạng. Người mới thực hành Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như vậy. Muốn vào trong biển lớn Đại thừa, nhưng do bởi tật đố nên tạo nhân duyên vọng ngữ hủy hoại chiếc thuyền của niềm tin và đoạn dứt mạng sống trí tuệ. Đây là hạng tiểu Bồ-tát ngu si ấu trĩ mới thực hành, do đố kỵ nên mắc phải đại trọng tội.

Đó gọi là tội căn bản thứ năm.

Lại nữa, thiện nam tử ! Trong đời vị lai sẽ có người tại gia xuất gia mới thực hành Bồ-tát đối với Không nghĩa rất sâu của kinh điển, các việc đại trang nghiêm của Tam-muội, tổng trì, các nhẫn các địa, thiện nhân Sa-môn và Bồ-tát thực hành kinh điển Đại thừa này, thụ trì đọc tụng rộng vì người nói. Nhưng đối với pháp ấy ta tự chứng được, do vì xót thương nên ta vì người nói. Cần phải tu tập thì người cũng chứng được pháp rất sâu như tri kiến của ta. Người kia nói không thật, chỉ có thể đọc tụng pháp rất sâu này và nói cho người khác, mà đối với pháp sâu xa này kỳ thật chưa chứng, vì mong cầu lợi dưỡng nên nói dối là ta chứng được pháp của ba đời chư Phật đã chứng, Bồ-tát thánh nhân không có ai hơn, mắc phải đại trọng tội. Tức là lừa gạt chư thiên người đời, đối với Thanh Văn thừa còn chưa có khả năng chứng đắc, huống chi ngộ nhập hiểu được thắng hạnh Đại thừa và A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ư ? Ví như có người sống ở nơi hoang dã đang ở dưới một cây ăn quả lớn đói khát rất cần ăn uống. Cây này có đầy đủ trái thơm ngon, vậy mà người

này bỏ đi đến dưới một cây có trái độc ăn phải trái cây độc mà chết. Ta nói người này cũng giống như vậy. Trong cái khó được, đã được làm thân người, nương tựa thiện tri thức, gặp được pháp Đại thừa, nhưng vì tham lợi dưỡng giả dối đạo đức cho người là ti tiện, hành tướng như vậy mắc đại trọng tội. Do mắc trọng tội nên chắc chắn phải đến đường ác. Người như vậy sẽ bị tất cả Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà và những người trí xua đuổi, đều chớ nên gần gũi. Thiện nam tử !

Đó gọi là tội căn bản thứ sáu của Bồ-tát.

Lại nữa, thiện nam tử ! Trong đời vị lai có vua Sát-đế-lợi có quốc sư Chiên-đà-la thật sự là hạng ngu xuẩn mà tự cho là trí tuệ sáng suốt khởi tâm kiêu mạn, có nhiều của cải và được thụ dụng lớn, bố thí các thứ để tu tạo nghiệp phúc. Ý thị bố thí nên tăng thêm ngã mạn, đến vua Sát-lợi phân biệt Sa-môn vô lượng lỗi lầm, cậy thế lực của vua trị phạt một cách phi lý bắt ép thuế khóa. Bấy giờ các Tì-kheo bị ép buộc hoặc lấy vật của tháp Phật, hoặc vật của tứ phương tăng, hoặc vật của hiện tiền tăng mà giao cho, các Chiên-đà-la đem dâng lên vua. Như vậy hai thứ đều bị trọng tội.

Thiện nam tử ! Đó gọi là tội căn bản thứ bảy của Bồ-tát.

Lại nữa, có vua Sát-đế-lợi cùng Sa-môn Chiên-đà-la cùng lập qui chế hạn định lấy phi pháp làm pháp, pháp nói là phi pháp, bỏ việc học các khế kinh Tì-nại-da, không y thời thuyết pháp và thuyết pháp rộng rãi, xả bỏ con mắt đại bi, các học xứ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, học xứ phương tiện thiện xảo, và các học xứ nói trong các khế kinh. Xả bỏ hành tướng như vậy, các Tì-kheo hành pháp kia làm rối loạn những gì trước đã tu tập. Do làm rối loạn nên tổn hại mạng sống trí tuệ, bèn xả bỏ Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na, khuyến khích làm những việc khác để được nhiều lợi lộc. Bấy giờ Tì-kheo kia không lấy gì chế phục các kết phiền não.

Lại nữa các Tì-kheo hoặc khi ấy hủy bỏ thâm tâm, khởi nhiều lỗi lầm về giới đức, tri kiến và phạm hạnh v.v..., thật sự chẳng còn là Sa-môn mà gọi Sa-môn, chẳng còn phạm hạnh mà tự gọi là phạm hạnh, thuyết pháp vắn nạn thì như tiếng ốc, làm cho vua đại thần cung kính cúng dường, đến nhà thế tục nói Tì-kheo hành pháp có vô lượng tội lỗi khiến vua và đại thần lập ra các hạn chế, thu lấy những dụng cụ sinh hoạt mà các Tì-kheo hành pháp thụ dụng. Như vậy cả hai thứ đều mắc tội nặng.

Sở dĩ vì sao ? Tì-kheo thiên định là ruộng phúc tốt, là chỗ nương tựa của người tạo nghiệp phúc, là công cụ để cầu Tam-muội tổng trì các nhân các địa, gìn giữ ứng khí làm ánh sáng cho đời, khai thị chính đạo. Nơi nghiệp phiền não địa, khiến các chúng sinh trụ Niết-bàn đạo.

Thiện nam tử ! Đó gọi là tội căn bản thứ tám của Bồ-tát.

Luận nói:

Như kia còn dẫn các khế kinh khác nói nếu các Bồ-tát nghe tên Bồ-tát Hư Không Tạng rồi, không nghi ngờ, muốn được trông thấy, sợ đọa đường ác mà sám hối tội nặng kia thì đến trước Bồ-tát Hư Không Tạng xưng niệm danh hiệu cung kính lễ bái.

Thiện nam tử ! Nếu như có phúc lực đứng trước người ấy hoặc thấy bản thân mình hoặc hiện thân Phạm vương, cho đến hoặc hiện thân đồng nam đồng nữ v.v... khiến sơ hành Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy sám hối những tội đã phạm và vì diển nói phương tiện thiện xảo sâu xa của hạnh Đại thừa, cho đến trụ bậc không thoái chuyển.

Lại nữa, nói chung dấu không hiện tiền trước mặt sơ hành Bồ-tát kia, thì đứng trước thiên tử A-lỗ-noa ở phương Đông thấp hương khuyến thỉnh như thế này:

Này A-lỗ-noa thiên có từ bi lớn đủ oai đức lớn soi khắp Diêm-phù-đề bi mẫn che chở, mau khuyến thỉnh Bồ-tát Hư Không Tạng khởi đại bi mẫn nói cho ta giác ngộ, phương tiện hiển thị trong chiêm

bao, cho ta biết tội báo đã phạm, cho ta sám hối để được trí tuệ phương tiện của thánh Đại thừa.

A-lỗ-noa thiên kia khi xuất hiện Diêm-phù-đề cùng đến với Bồ-tát Hư Không Tạng, dùng bản sắc tướng hiện ở trong chiêm bao, đứng trước người ấy sám các trọng tội nơi tướng ấy, nghĩa là phương tiện đại trí, phương tiện tri kiến, phương tiện trí thiện xảo, sơ hành Bồ-tát kia được Tam-ma-địa, gọi là không mất tâm Bồ-đề. Y vào Đại thừa này được kiên cố trụ.

Luận nói:

Hoặc kinh ấy có nói về nghi thức niệm chân ngôn khuyến thỉnh như sau: Đến nơi rừng sâu xa xôi vắng vẻ đốt hương trầm thủy, hương Đa-già-la, hương Kiên hắc các thứ khắp mười phương năm vóc lễ kính, chấp tay tụng chân ngôn như sau:

( *Phiên âm Hán:* )

*Đát tha tô một lý xá tô một lý xá ca lô ni cát tả la tả la vĩ tả la  
tán tả la ca lô ni cát mâu lô lô mâu la vĩ nga đà lý ma tả nhị bột lỗ  
nhã ma đa ca lô ni cát tiến đa ma ni bố la cát ca lô ni cát tát lý phược  
sa di tát tha ba dã a nghệ dã đà lý tát phổ ngưng lỗ để vĩ vi cát ngưng  
niết lý sắt trí vĩ vi cát ngưng bố la dã ca lô ni cát bố la la diễn đồ ma  
ma xá tát lý phược bát thám tả a du cát nga để tát phược hạ*

( *Phiên âm Phạn:* )

*Tadyathā sumṛṣa sumṛṣa kāruṇika caratu caratu vicara sañcara  
kāruṇika murara murara vegadhāri namucame bhujayata kāruṇika  
cintāmaṇi pūraya kāruṇika sarvāsāṃ me sthāpāya ājñādhārī sphugu  
sphugu rativivekagu dṛṣṭivivekagu pūraya kāruṇika pūrayantu  
mamāsāṃ sarvathā cāsokagati svāhā.*

Nói về nghi thức chân ngôn trước là tất cả bệnh khổ, tất cả sợ hãi, tất cả não hại thấy đều tiêu diệt, mọi sự mong cầu đều thành tựu.



Luận nói:

Nếu là Sát-đế-lợi, nếu là Bồ-tát, thế nào là tội lỗi và thắng phương tiện ?

Hoặc là người trì giới, thế nào gọi là tội, thế nào là lỗi lầm ?

Nghĩa là người trì giới, người không có lỗi lầm, khởi nhiều đả phá gọi là chấp lấy kiến giải của mình. Do đó dần dà sinh sợ diệt các tội. Nếu đối với tính tội lớn này, nhờ bỏ gốc khổ hoàn toàn không tạo, thì có thể kham nổi giới Bồ-đề tâm, như thật quán sát liên tục tư duy.

Cho nên Kinh Phương Tiện Thiện Xảo nói về tội căn bản này như sau:

Thiện nam tử ! Đối với biệt giải thoát giới học, Thức-xoa-ma-na trong trăm ngàn kiếp chỉ ăn củ quả, giải thoát tất cả chúng sinh, nhịn chịu lời nói ác. Nếu đối với Thanh Văn Bích-chi-phật hành tương ưng tác ý, đó gọi là tội nặng căn bản của Bồ-tát.

Thiện nam tử ! Người bị tội căn bản này, ví như Thanh Văn mà không kham nhiệm đối với hữu dư y Niết-bàn.

Thiện nam tử ! Tội nói ở đây đối với Thanh Văn Duyên Giác tác ý thì không xuất ly, cũng như vậy không kham nhiệm Niết-bàn Phật địa.

Luận nói:

Các tội nặng này là do chấp ngã. Trì giới là điều lạc là nghĩa thế nào ?

Nhiếp Luận Thích nói:

*Phá hoại vật Tam Bảo,  
Dầu nhỏ như hạt cải,  
Báng chính pháp: hai tội.  
Là Mâu-ni đã nói.*

Nếu Tì-kheo phá giới,  
 Còn mặc áo ca-sa,  
 Chẳng nghe theo xuất gia,  
 Đánh đập trói nhốt ngục,  
 Tạo tội ngũ vô gián.  
 Lại hoặc chấp tà kiến,  
 Và phá hoại xóm làng,  
 Đó là căn bản tội.

Như Thế Tôn đã nói.  
 Chỉ thích nói không suông,  
 Kỳ thật không hiểu biết.  
 Dẫu ở trong trí Phật,  
 Không tu đường chính giác,  
 Bỏ biệt giải thoát này,  
 Mong vào quả Đại thừa,  
 Lại khiến các người học,  
 Chẳng dứt trừ tham chấp.  
 Chỉ muốn đến người khác,  
 Rêu rao đức của mình.  
 Muốn mình sáng hơn người  
 Để thu nhiều lợi dưỡng.  
 Hoặc nói điều tà vọng:  
 Ta được nhãn rất sâu.  
 Hoặc trách phạt Sa-môn  
 Nên lấy vật Tam Bảo.  
 Do lấy như vậy rồi  
 Rồi bỏ Xa-ma-tha.  
 Hoặc Tì-kheo hành pháp,  
 Với sở thích thụ dụng.  
 Đó là căn bản tội.  
 Đọa vào đại địa ngục.

Lại nữa Bồ-tát Hư Không Tạng đứng trước Phật nói việc sám hối trong chiêm bao xả bỏ tâm Bồ-đề có kệ rằng:

*Nếu có người đến xin,  
Tham tiếc chẳng bỏ thí.  
Đã vậy còn phẫn nộ,  
Đánh đuổi các chúng sinh.  
Người nhất tâm thanh tịnh,  
Cũng không được cung kính.  
Vị bị tâm nhiễm dục,  
Mà phi báng chính pháp.*

Kinh Địa Tạng nói:

Phật bảo Đại Phạm: Nếu người y theo lời dạy của ta xuất gia mà phạm giới làm việc ác trong ôm sự hủ bại như con ốc sên ô ứ, tự xưng Sa-môn thật chẳng phải Sa-môn, tự xưng phạm hạnh thật chẳng phải phạm hạnh, thường bị các thứ phiền não làm khuynh đảo bại hoại.

Tì-kheo như vậy tuy phá cấm giới làm các ác hạnh, vẫn còn được tất cả trời, rồng, con người v.v... chỉ bày việc làm phúc đức. Cho nên thiện tri thức này tuy chẳng phải pháp khí mà cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa, đối với chúng sinh mở đường các thứ thiện căn. Do gần sinh nẻo thiện hiển thị đường chính, cho nên nếu người nương theo giáo pháp ta mà xuất gia, giữ giới hoặc phá giới, ta còn không cho phép Chuyển luân thánh vương dựa vào pháp luật thế tục mà đánh đập thân thể, xiềng xích giam nhốt lao ngục hành hình giết chết, huống chi là những điều phi pháp khác. Tì-kheo như vậy theo pháp ta trong Tì-nại-da gọi là cái cây chết.

Lại nói người kia như con bò có ngưu hoàng, như con xạ có hương.

Lại nói:

Nếu người y theo giáo pháp của ta mà xuất gia dầu là khí hay phi khí không nên não hại. Não hại tức hủy phạm ba đời chư Phật, mắc tội lỗi lớn đốt cháy thiện căn đọa ngục vô gián.

Kinh ấy lại nói:

Mặc áo ca-sa hình tướng giải thoát, đó là do chư Như Lai lập ra.

Bấy giờ lại có vô lượng trăm ngàn chúng Thanh Văn và Bồ-tát nghe Phật nói đều sám hối tội nghiệp chướng xưa đã tạo.

Hoặc nói: Thế Tôn ! Con xưa kia ở trong thánh ngôn lượng của Như Lai và đệ tử Phật là khí phi khí, có nhiều hành vi phần hận mắng nhiếc sỉ nhục các thứ chê bai, tạo nghiệp tội chướng đọa ba đường ác thụ các thứ khổ khó chịu đựng khó kham nổi. Tóm lại, thưa Thế Tôn ! Con nay xin sám hối tất cả nghiệp chướng như vậy.

Hoặc nói: Thế Tôn ! Con nhớ xưa kia ở trong giáo pháp Thanh Văn và đệ tử Phật là khí phi khí, gây khủng bố sợ hãi nói lời ác mắng nhiếc đánh đập.

Lại nữa hoặc nói xâm đoạt y bát trong đệ tử Phật không cho thụ dụng.

Lại nữa hoặc nói đối với người xuất gia ép buộc hoàn tục phi lý sai sử.

Lại nữa hoặc nói đối với đệ tử Phật là khí phi khí, có tội không tội, gông cùm giam nhốt, tội nghiệp chướng đó trong nhiều kiếp đọa các đường ác, thụ các thứ khổ khó chịu đựng khó kham nổi.

Cho đến bạch rằng: Thế Tôn ! Các tội nghiệp chướng này nay xin sám hối tất cả không dám tạo trở lại. Xin Thế Tôn bi mẫn nhiếp thụ cứu vớt tội báo rộng lớn của chúng con.

Kinh Chương Ngại Xuất Gia cũng nói:

Nếu người có bốn pháp đại xá, sinh ra gặp các nạn này. Đó là mù bẩm sinh, ngu si, câm, hoặc Chiên-đà-la ưa hủy báng chẳng có gì

hay tốt, thường làm nô bộc, hoặc làm nữ nhân Phiền-trà Bán-trạch-ca v.v..., làm thân lạc đà, lừa, heo, chó, rắn độc.

Những gì là 4 ? Đại xá này là quá khứ chư Phật làm sức tăng thượng khiến chúng sinh phát tâm xuất ly, tâm xuất gia, tâm thánh đạo, nhưng làm chướng ngại, đó là thứ nhất. Lại nữa ưa tham của hối lộ, tham con cái, không tin nghiệp báo, nghĩa là với những sự giàu có thì tự do tự tại, còn đối với nam nữ thế thiếp có xuất gia thì gây khó khăn, đó là thứ hai. Còn lại hai thứ là phi báng chính pháp và làm hại Sa-môn, Bà-la-môn v.v...

Luận nói:

Mười nghiệp bất thiện là ách nạn, có khổ báo rất lớn.

Kinh Chính Pháp Niệm Xứ nói:

Về tội báo sát sinh, nay lược nói: Trong địa ngục lại có loại chim gọi là chim bay đi trong lửa không bị đốt cháy, thấy người trong địa ngục thì mừng lắm, trước tiên mổ đầu người rồi uống máu. Lại có loài chim gọi là chim phá đầu lâu ăn não tủy.

Lại có loài chim ăn lưỡi, ăn lưỡi tội nhân, ăn rồi lại mọc lưỡi khác mềm mại hơn trước như lá hoa sen, nghĩa là tùy tướng mà sinh ra.

Lại có các thứ chim như nhỏ răng, rút cổ họng, nhỏ lông, ăn phổi, ăn nội tạng, ăn xương sống, ăn chỗ kín, phá xương ống hút tủy.

Lại có loại chim mổ như cây kim chỉ rút máu. Lại có các thứ chim ở trong xương, chim nhỏ móng tay móng chân, chim ăn gân mạch, chim nhỏ tóc chỉ ăn gốc sợi tóc. Như vậy trong đại địa ngục A-tì ba ngàn do-tuần là nơi ở của ác Dạ-xoa và các giống chim. Trong trăm ngàn năm cứ ăn rồi cái khác lại sinh, chịu khổ não lớn.

Kinh ấy lại nói:

Tất cả lưới khổ bao vây chung quanh. Lại có địa ngục gọi là rơi từ bờ vực hiểm nghèo. Khi rơi xuống đó hy vọng kêu cứu chung

quanh thì chỉ toàn có lửa chẳng có bạn bè. Chỉ có dây oan nghiệp theo đuổi trôi buộc khiến vào các địa ngục lớn.

Lại nữa rơi vào bờ vực hiểm nghèo thì khi bỏ chân xuống bị lửa đốt cháy tiêu, nhấc chân lên thì sống lại mềm nhũn hơn trước, bởi mềm nhũn nên chịu rất khổ thống. Kinh sợ như vậy, đầu mất tay chân tất cả chi tiết thân phần đều cháy tiêu. Những chỗ như thế này trên đời thật ít có, gọi là rơi vào bờ vực hiểm nghèo.

Lại nữa nói về chỗ rơi này có gió nghiệp thổi cao đến ba ngàn du-thiện-na. Sau khi rơi xuống đất có giống điều hâu kên kên giành nhau mổ thịt ăn, cho đến gió thổi tung lên lại rơi xuống đất, trải trăm ngàn năm chịu khổ như vậy.

Kinh ấy lại nói:

Tiếp đến có chỗ rơi xuống bánh xe quay, có đến cả ngàn bánh xe ít có trên đời, lửa mạnh cháy dữ dội, dầu kim cương cũng không làm hư hoại được. Các bánh xe này quay rất nhanh cho đến các thân phần đều bị đốt cháy. Nhấc chân bước đi thì bị đinh đâm, như vậy đi vào núi Nương-cô-tra thì có giống trùng Nương-cô-tra ăn thịt tội nhân. Bị ăn thịt rồi lại sinh nhiều hơn trước chịu rất thống khổ. Sinh rồi lại ăn ăn rồi lại sinh, thân nhục lại nhiều hơn trước, đó là do tạo sát sinh mà bị quả như vậy.

Luận nói:

Quả báo của tội không cho mà lấy. Nay ta sẽ nói về nghiệp ác này.

Ở trong địa ngục có rất nhiều dụng cụ như vòng lửa quay tròn, thành Càn-thát-bà, tương tự như con nai khát nước. Do ác nghiệp si thấy có nhiều thứ châu báu y phục của cải. Do nghiệp si nên cố chạy vào trong chỗ lửa cháy để lấy những vật ấy. Rồi cũng chính nghiệp mình tạo ra Diêm-ma-la ngục tốt cầm dao bén đến trong lưới sắt cắt đứt chi phần thiêu đốt tất cả chỉ còn lại xương. Đó là do từ vô thủy đến nay không xả tài vật mà chịu khổ báo này.

Luận nói:

Nay ta sẽ nói về tạo dục tà hạnh. Người tạo tội này vừa tạm thoát ở nơi chỗ khổ trước rồi ác nghiệp xoay chuyển tăng hơn lửa tự lại đọa vào nơi ác tà kiến. Do nghiệp đã tạo thấy có người như người trước đã gặp. Thấy rồi tức thì lửa tham từ vô thủy phát sinh liền chạy đến người nữ ấy. Do nghiệp đã tạo người nữ ấy biến thành sắt, bị người ấy cắn vào môi rồi ăn thịt, ăn cho đến hết chỉ còn chùng bằng một hạt cải, ăn rồi lại sống, sống rồi lại bị ăn. Người ấy bị lửa tham thiêu đốt chịu rất khổ thống khó có thể nhin nổi. Bị lửa dục thiêu đốt như vậy nên đối với người nữ bị làm như vậy mà chẳng nghĩ gì khổ não. Người nữ kia đều là sắt cứng như kim cương thân bốc lửa rực rỡ, tóm lấy tội nhân bóp nát như cái kén, tất cả thân phần đều cháy tiêu. Cháy tiêu tan rồi trở lại sống lại như trước.

Lược nói như bài kệ rằng:

*Nữ sắc: Tội căn bản,  
Phá hủy các tài lợi.  
Nếu ai tham nữ sắc,  
Làm sao được an lạc.*

Cho đến

*Đời này và đời khác,  
Tội nữ sắc: số một.  
Xa lìa nữ sắc thì  
Thân được vui yên ổn.*

Luận nói:

Nay nói về nghiệp vọng ngữ. Có ngục tốt Diêm-ma-la nắm lấy tội nhân dùng dao rạch miệng rút lưỡi. Đó là quả báo của vọng ngữ. Vì sức của nghiệp ác nên lưỡi rộng đến năm trăm du-thiện-na. Khi kéo lưỡi ra, các ngục tốt Diêm-ma-la cùng nhau trải lưỡi lên trên nền đất bằng sắt nóng. Do nghiệp tự tạo mà có trăm ngàn lưỡi cày bằng

sắt, đầu lưỡi cày nóng đỏ, có những con bò to lớn khỏe mạnh kéo cày cày qua cày lại trên lưỡi tội nhân máu me đầm đìa. Cày xong lưỡi thụt vào. Nói tóm lại, rồi lưỡi lại kéo ra mềm mại hơn trước như tướng lưỡi của trời, tội nhân khóc lóc rất đau khổ trải vô lượng trăm ngàn năm khó kham chịu nổi. Tội nhân nơi địa ngục kia khi lưỡi tạm rút vào rất kinh hoàng, với tướng trạng ác ấy chạy đi khắp nơi lại rơi vào hầm lửa đốt cháy. Trong lúc đau khổ như vậy hy vọng kêu cứu thì lại có ngục tốt Diêm-ma-la tay cầm cán đao bừa tội nhân từ đầu xuống chân nát ra như bụi.

Luận nói:

Tội nói hai lưỡi đâm thọc cũng như tội vọng ngữ. Lưỡi bị kéo ra ba trăm du-thiện-na, ngục tốt Diêm-ma-la cầm đao nóng đỏ cắt lấy lưỡi, chồn sói đã can đánh hơi tìm kiếm ăn. Tội nhân kêu khóc rất đau đớn. Lưỡi cắt rồi lại mọc ra cái khác như trước nói.

Luận nói:

Nay nói về quả báo của ác khẩu. Ngục tốt Diêm-ma-la nắm lấy tội nhân dùng dao rạch miệng cắt lưỡi. Do đói khát cầu xin ăn uống khiến tự ăn lấy lưỡi mình và uống lấy máu mình. Do nghiệp lực của ác khẩu, lưỡi cắt rồi lại mọc, quần quai trên đất kêu khóc, trông mắt đảo vòng rất khổ thống. Ngục tốt Diêm-ma-la quả trách rằng do tự mình làm ai chịu thay cho người. Rồi nói bài tụng rằng:

*Lưỡi phóng như bông cung,*

*Lời nói như tên độc.*

*Ai hay nói lời ác,*

*Đến đây xem quả báo.*

Luận nói:

Nay nói về quả báo của nói thêu dệt. Ngục tốt Diêm-ma-la cầm dao rạch miệng tội nhân rót nước đồng sôi, trước đốt cháy lưỡi, rồi đốt cháy yết hầu, rồi đốt cháy tim gan, rồi đốt cháy ruột rà cho đến



nội tạng rồi theo xuống dưới ra ngoài. Ngục tốt Diêm-ma-la nói bài tụng rằng:

*Trước sau chẳng liên hệ,  
Vô nghĩa chẳng tương ưng.  
Chẳng liên hệ người nói,  
Quả kia đến nay chịu.  
Thường không tụng kinh Phật,  
Không thích lời chân thật,  
Thì kia đâu phải lười,  
Khác chi mới thật bầm.*

Luận nói:

Nay nói về quả báo của sự xan tham. Tội nhân trong địa ngục ấy do nghiệp tạo ra vọng thấy trên đất đầy cả của báu có người bảo vệ. Tội nhân nơi địa ngục kia do nghiệp si ác từ vô thủy đến nay cho nên tham, ưa làm nhiều nghiệp bất thiện, đối với quả địa ngục khởi cái thấy điên đảo. Thấy vậy rồi vì tham lấy nhiều nên tay cầm dao bén vội đến chỗ các báu vật kia. Những người khác ở địa ngục ấy cũng cầm dao bén mau mau đến giao chiến cướp đoạt, thậm chí ăn thịt lẫn nhau đến hết cả thịt chỉ còn lại chùng bằng hạt cải, chỉ xương còn lại thốt ra tiếng kêu khóc. Bài kệ kia sơ lược nói như sau:

*Thấy người khác giàu có,  
Nghĩ mình cũng muốn được.  
Là tham sinh quả độc,  
Mà nay đến nơi đây.*

Luận nói:

Nay nói về quả của sân giận do nghiệp sân tạo ra. Sư tử, rắn, cạp đứng trước mặt tội nhân, quá sợ hãi bỏ chạy khắp nơi nhưng vì nghiệp bất thiện không nơi nào thoát khỏi bị chúng bắt được trước ăn cái đầu rồi đến hai nách, rắn thì phun nọc độc tranh ăn với bò cạp,

cọp ăn nơi lưng, rồi lửa đốt hai chân, ngực tốt Diêm-ma-la từ xa đâm và bắn, như vậy v.v...

Luận nói:

Tà kiến có vô lượng quả báo. Chỉ nói sơ lược một ít. Nghĩa là trong địa ngục có những trận mưa đao kiếm sắc nhọn và mưa đá cứng như kim cương để đâm chém tàn phá. Lại có mười một nơi lửa tụ lại, như lửa đói khát từ trong miệng phát ra đốt cháy chung quanh.

Luận nói:

Những dục vọng này là nguồn gốc của tội lỗi cần phải sám hối. Lại như kinh nói: Có địa ngục lớn gọi là cái lu bằng lửa. Chúng sinh tạo nghiệp gì đọa vào đó? Nghĩa là nếu thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, hoặc nghe tiếng người nữ ca múa mà tâm tác ý không tỉnh ngộ, do nghe tiếng ca điệu múa mà khoái thích đến xuất bất tịnh, nói tóm lại do đó đọa vào địa ngục bị những cơn mưa hoàn sắt nóng làm cho tứ chi thân thể nát như bụi, rồi lại có những trận mưa nước sôi nấu đốt như vậy.

Lại nữa nghĩ nhớ xưa kia dục tà hạnh nói có địa ngục gọi là Bát-nột-ma, nghĩa là do nghĩ nhớ trong chiêm bao làm những dục tà hạnh. Tùy theo địa ngục đó tội nhân bị nấu trong vạc lửa. Ngực tốt Diêm-ma-la cầm chĩa ba bằng sắt lớn mà đánh mà đâm, như kinh kia nói rộng.

Lại nữa có trường hợp tu phạm hạnh mà lại hồi hướng nguyện sinh trong chúng thiên nữ, nói là đọa địa ngục tên Đại Bát-nột-ma, nơi đó có bờ sông gọi là sông nước mặn sôi sục tràn đầy như nước kim loại tan chảy khiến thân thể cháy tiêu lông tóc như cỏ, thịt nát như bùn, xương tụ lại như đá, ruột rà như là cá v.v... ở trong địa ngục này trải qua thời gian vô lượng.

Lại nữa tà dục là hai người nam có vô lượng tướng hủy hoại chính hạnh. Như kinh ấy nói, người hủy hoại chính hạnh như vậy

thấy trong sông nước mặn kia có đũa tre nít lặn hụp. Do ác nghiệp xưa sinh ra rất ưa thích liền vào trong sông tức thì bị các khổ trôi buộc bức bách.

Lại nữa nói dục tà hạnh có những quả báo cực ác, nghĩa là khởi tính tội đối với loài bàng sinh, trong địa ngục kia có bò, nai v.v... bằng sắt nóng tương rất bất thiện. Dục tâm nổi lên muốn tiếp cận với chúng súc sinh đó, đầy bụng lửa cháy bị thiêu đốt nung nấu, trải trăm ngàn năm, cho đến như kinh ấy nói rộng.

Lại nữa tà dục cưỡng bức Tì-kheo-ni tịnh giới v.v... hủy hoại chính hạnh đọa đại địa ngục, rộng như kinh ấy nói.

Lại nữa tà hạnh hành dục một cách phi đạo, do lửa dục của mình quá mạnh xâm hại thô bạo người khác, hoặc đối với hàng cận trụ tại gia nam nữ thụ tám giới, hoặc xưng là thầy dạy mà hủy hoại chính hạnh đọa đại địa ngục chịu vô lượng khổ quá hơn trước đã nói.

Kinh Thất Chúng Hợp Tập nói:

Có người Ba-la-môn nói với người đồng tu phạm hạnh rằng: Tôi biết nhà anh ta hai căn hòa hợp. Có khi ở nhà anh ta thấy cử chỉ đi đứng mà khởi yêu thích. Đó là nói Bà-la-môn phạm hạnh hợp tập, chẳng phải lìa pháp hòa hợp, nhưng tu phạm hạnh mà không thanh tịnh. Ở nhà như vậy cùng chung vui đùa hoặc tâm ý yêu thích, đó là phạm hạnh mà không thanh tịnh. Ở nhà như vậy yêu thích thừa sự có các thứ trang nghiêm có tiếng ca điệu múa, ở giữa hai vách mà khởi yêu thích, đó gọi là hòa hợp. Trong năm dục lạc như vậy quan sát mà sinh yêu thích hồi hướng phạm hạnh nguyện sinh về thiên xứ, đó gọi là pháp hợp tập mà chẳng phải lìa hòa hợp.

Luận nói:

Nếu nghĩ muốn đến cảnh giới dục như vậy, đó là ách nạn.

Kinh Ha Dục nói:

Phật nói: Tì-kheo ! Phải sợ con đường này mà đoạn trừ dục tâm kia. Phải khởi tâm hết sức sợ hãi như chông gai. Hai con đường này là cực kỳ hiểm ác, chỉ có người bất thiện mới gần gũi con đường như vậy. Đó là con đường mà người chính sĩ lìa xa. Các người chớ nên có chút suy nghĩ ham muốn. Thế Tôn nói đây là nhiều khổ, nhiều nạn, nhiều tội lỗi đáng khinh bỏ.

Phật nói: Tì-kheo ! Lại nữa dục nhiễm này như bệnh ung thư trong chứa độc bản, như cái móc câu tài lợi là nguồn gốc các tội. Dục như mộng寐, là pháp hư vọng, là chết, là không, là vô thường, là tội lỗi. Sao người ngu lại yêu thích nó ? Thậm chí nó như con nai bị bao vây, con cá mắc lưới, con bướm sa vào lửa đèn, như con khỉ bị vấy phân, như Bà-la-môn bị giới thủ trói buộc. Dục nhiễm cũng giống như thế.

Nói chung, kẻ tìm cầu dục lạc ví như bầy thú đi suốt đêm để rồi vào miệng sư tử không biết bao nhiêu mà kể, bò chết trong miệng cọp không biết bao nhiêu mà kể, cho đến không biết bao nhiêu ếch nhái đã vào miệng hàng trăm con rắn.

Lại như đêm dài lén gần dục sự như làm đạo tặc bị bắt chặt đầu không kể xiết, như xâm nhập làng xóm sát hại nhân dân cho đến bị nhốt bị trói chặt đầu không kể xiết, chịu đau khổ cực hình máu ra lai láng đến nước bốn biển hãy còn ít. Tóm lại, huống chi thân này có nhiều điểm đáng chê, như gân xương tụ lại da thịt gói bọc, lỗ chân lông có nhiều trùng đục ăn như ung thư đầy như nhọt.

Lại nữa thân này có bao nhiêu thứ bệnh khổ như đau mắt, đau tai cho đến bệnh trĩ bệnh lậu mụn nhọt ghẻ lở. Kinh ấy còn nói: Thân này là khổ, là sầu não, sự già nua bức bách chân tay run rẩy lưng còng không còn sức lực, mặt nhăn tóc bạc, các căn đã quá muối khổ hoại theo luật suy tàn mau chóng. Cho đến thân thể hôi hám đáng chán ghét không thể đến gần.

Tóm lại, Phật nói: Ti-kheo ! Sao đối với dục lại có thể tham ái mà triền miên đắm trước theo đuổi tìm cầu ? Nếu sau khi ta diệt độ, chính pháp sắp suy tàn, các người hãy cẩn thận đối với ái dục chớ nên gần gũi, sẽ phải đọa vào đường dữ kia, đâu có đợi đến già chết ta mới răn dạy cho.

Phật nói: Dừng lại ! Dừng lại ! Phải đoạn trừ dục tâm. Nghĩa là nếu không đúng thời cầu dục, không bằng đúng thời cầu pháp.

Lại nữa Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Phải biết xa lìa dục tà hạnh, vui vẻ bằng lòng với vợ mình, không có sự thèm muốn nhìn ngắm người khác, chắm dứt ý ấy, chỉ một khổ duy nhất là nhẫn chịu đê bẹp ý tưởng tác ý tương đương với dục. Nếu khởi dục hãy theo đó quán bất tịnh. Phải biết gần gũi với kẻ dục thì ý dục nhiễm sẽ dễ bộc phát. Thường lìa sự trói buộc, chớ khởi tham đắm, quán tưởng bất tịnh đối với thân vô thường. Giữ giữ niệm trụ như vậy như ta đã làm, khởi phân biệt đúng đắn chớ sinh thèm muốn đối với dục nhiễm, huống chi không nên biểu thị bộc lộ cái ác.

Kinh ấy lại nói:

Bồ-tát đối với quyền thuộc của mình phải có ba ý tưởng. Những gì là ba ?

Là tạm thời cùng vui vẻ nhưng không cùng với đời sau.

Chỉ cùng chung ăn uống nhưng không cùng chung lãnh thụ nghiệp báo.

Chỉ cùng sung sướng không cùng khổ não.

Cho đến điều này lại còn ba thứ là tướng phá giới, tướng phá định, tướng phá tuệ. Lại có ba thứ nữa là tướng như giặc cướp, tướng như oan gia, tướng như ngục tốt ở địa ngục.

## HẾT QUYỂN 5

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC ( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 6

#### Phẩm 4: HỌC XỨ VỀ KHÔNG 3

Cũng như Kinh Nguyệt Thượng Đồng Nữ Sở Vấn nói:

Bấy giờ Đồng nữ Nguyệt Thượng thấy nhiều người muốn đến gần gũi, tức thì đứng giữa hư không cao bằng một cây đa-la nói bài kệ với những người này rằng:

*Các người quán thân ta,  
Sắc vàng ròng chói sáng,  
Chẳng do tâm nhiễm dục,  
Cảm chất thanh tịnh này.*

*Dục sinh vào cảnh giới,  
Như hầm lửa cháy dữ.  
Nhãn dục, điều sáu căn,  
Tịnh tu các phạm hạnh.*

*Nếu nhìn thấy phụ nữ,  
Sinh tướng mẹ hoặc em.  
Sau được thân đoan chính,  
Mọi người thường muốn thấy.*

*Trong các chân lông ta  
Mùi thơm khắp thành quách.  
Do tâm không tham nhiễm,  
Huân tu thiện quả này.*

*Vốn không sinh tâm tham,  
Không dục sao sinh dục ?  
Mâu-ni hiện chứng minh  
N hư thật không hư dối.*

*Ngươi xưa là cha ta,  
Hoặc ta là mẹ ngươi.  
Đắp đổi làm cha mẹ,  
Sao tình sinh dục nhiễm ?*

*Ta hoặc thường hại ngươi,  
Người khác lại hại ta.  
Bạn thù giết hại nhau.  
Tình nào sinh nhiễm dục ?*

*Đoan chính chẳng do tham,  
Tham chẳng sinh nẻo thiện.  
Tham không thể xuất ly,  
Cho nên phải xả bỏ.*

*Lại nhân tham dục này,  
Mau đọa ba đường ác.  
Dạ-xoa, Tì-xá-xà,  
Và chúng A-tu-la,  
Các quý Cưu-bàn-trà,  
Đều do nơi tham dục.*

*Hoặc đui mù câm điếc,  
Và thân thể lùn xấu,*

*Các tội lỗi thế gian  
 Đều do hành tham dục.  
 Hoặc được Chuyển luân vương,  
 Hoặc Đế Thích Thiên chủ,  
 Phạm vương, Đại tự tại,  
 Do rộng tu phạm hạnh.  
 Như voi, ngựa, bò, cạp,  
 Lạc đà, lừa, heo, chó,  
 Tính chẳng biết thân sơ,  
 Nên thường tìm nhiễm dục.  
 Sát-lợi và vua tôi,  
 Hoặc tín sĩ trưởng giả,  
 Nhà giàu có sang quý,  
 Do rộng tu phạm hạnh.  
 Nếu gông xiềng giam nhốt,  
 Các tai nạn nước lửa,  
 Hoặc móc mắt xẻo tai,  
 Hoặc chặt đứt chân tay,  
 Hay bắt làm đày tớ,  
 Đây là do tham dục.*

Lại Kinh Tử Vương Sở Vấn có bài kệ nói về nghĩa quả trách dục nhiễm như sau:

*Nói về người nhiễm dục,  
 Như ruồi thấy ghẻ lở.  
 Cũng giống như heo chó  
 Đánh hơi tìm thịt thối.  
 Vô trí khoái đàn bà,  
 Chạy theo cũng như vậy.*



*Ngu si không hiểu rõ,  
Thè lưỡi liếm ô uế.*

*Ngu si mê đàn bà  
Thì đủ các hắc ám.  
Hiện ở cảnh giới ma,  
Chết sẽ đọa đường ác.*

*Lại như trùng nhà xí  
Tham đắm mùi tướng ngon.  
Nhu vẽ bình đựng phân,  
Bề ngoài trông đẹp đẽ.*

*Như gió thổi trong túi  
Đựng đầy các ô uế,  
Ghèn nước mũi nước dãi,  
Đại tiểu tiện bất tịnh.*

*Thân như dây đựng bản,  
Người ngu cho là đẹp.  
Toàn thân chỉ có xương,  
Được da thịt bọc gói.*

*Chỉ có một cái mặt,  
Giống như ung nhọt lớn,  
Cũng giống miệng ghẻ lở  
Đầy cả các thứ trùng,  
Và các thứ bất tịnh,  
Thân này cũng như vậy.*

*Bụng như một bao lớn  
Trong chứa các tạng phủ.  
Và đầu xương gân mạch,  
Máu tủy các chất bản.*

Có tám vạn thứ trùng  
 Tiềm ẩn trong toàn thân.  
 Trong lòng lưới si mê  
 Nên người ngu chẳng thấy.

Lại từ trong chín lỗ,  
 Tiết bất tịnh hôi hám.  
 Hoặc nếu thấy nghe nói,  
 Người ngu sinh chấp tướng.

Tất cả chỗ xấu nhơ,  
 Yêu thích nên chẳng biết.  
 Mũi dãi làm thức ăn  
 Đây cảnh giới người ngu.

Hoặc mò hôi hai nách,  
 Ô uế thật đáng chán,  
 Thích chuyện đáng chán này,  
 Như ruồi thấy ghẻ lở.

Ở trong pháp hạ liệt,  
 Tham dục là thấp nhất.  
 Người tạo ác nghiệp này,  
 Chết đọa vào đường ác.

Đọa ngục vô gián rồi,  
 Chịu các đại khổ báo.  
 Phật nói các người nữ,  
 Trong xấu cực kỳ xấu.  
 Cho nên khi chung đặng,  
 Phá tướng hạ liệt này.

Nếu như khởi chấp trước,  
 Chỉ người ngu đua đòi.

*Tạo ác nghiệp này nên  
Phải lãnh quả như vậy.*

Kinh ấy cũng nói:

Những hành tướng như vậy mà khổ sở tìm cầu cho được để tự nuôi sống bao che giữ chặt không bỏ. Thậm chí đôi cơm rách áo bần cùng đi ăn xin còn bị đàn bà hàng phục tóm lấy, tự do sai sử như sai khiến đày tớ, trẻ con. Bởi đàn bà ham thích hưởng lạc và nuông chiều, ắt không thể tu bố thí trì giới và các thiện phẩm khác. Hơn nữa còn bị đàn bà ác mắng nhiếc yêu sách ràng buộc, nhưng do tâm tham đắm chấp trước nên nhịn chịu phục tùng. Hoặc đến nhà đàn bà khởi tâm tham dục nhìn ngắm thân xác, do nhân duyên dục mà chuyển tự tại.

Phật nói: Đại vương ! Người thêm khát ái dục là không thanh tịnh, là rất xấu ác, đối với hạnh thế gian đó còn là tội lỗi. Cho đến kệ nói:

*Chung đụng với đàn bà,  
Thấy, làm, và tùy hỷ,  
Nghe rồi ý ưa thích,  
Người ấy không xuất ly.*

*Lân la các khổ dục,  
Thế thật là hèn hạ.  
Do nghe pháp này nên,  
Khéo nói, ngu si nói.*

*Tâm chạy theo đàn bà  
Không khác chuột theo mèo.  
Hoặc nghe Phật thuyết giáo,  
Tạm thời được tỉnh ngộ.*

*Sau lại như tham này,  
Như uống độc La-la,*

*Lại như heo thấy phân,  
Là phát sinh ưa thích.*

*Tạm được trong giây lát,  
Trở lại sinh chán sợ.  
Người ngu đắm dục lạc,  
Xa lìa điều Phật dạy.*

*Gần gũi dục thấp hèn,  
Chết sẽ đọa đường ác.  
Đam mê say dục lạc  
Hủy giới phá tịnh mạng.*

*Tạo tác các tội nghiệp,  
Chết sẽ đọa đường ác.  
Nếu với chính pháp này,  
Biết rõ các cảnh dục.*

*Không sinh tâm phóng dật,  
Thường sinh cõi Tịnh thiên.  
Với vô thượng Bồ-đề,  
Đây chẳng phải khó được.*

*Nếu nghe pháp này rồi,  
Giây lát được chính tuệ  
Ngộ pháp môn xuất gia,  
Xa lìa việc ham muốn.*

Luận nói:

Lại nói về ách nạn này.

Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến nói:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Giả sử nếu có người tàn sát tất cả hữu tình trong Diêm-phù-đề và đoạt lấy của cải,

Văn-thù-sư-lợi ! Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân đối với Bồ-tát đoạn một thiện tâm tức gán đọa vào nẻo bàng sinh. Đối với khi tức đoạn lấy như đồng với sự đọa lạc kia. Vì đoạn thiện căn nên tội ấy quá hơn trước số a-tăng-kì.

Sở dĩ vì sao ? Đoạn thiện căn tức là đoạn diệt Phật xuất thế.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Lại nữa, chủng loại khác khi đối với Bồ-tát khởi xan tham tật đố, do nhân duyên đó phải biết tức là cầu ba thứ sợ hãi.

Những gì là ba ? Là sợ đọa địa ngục, sợ mù bẩm sinh, và sợ sinh nơi biên địa.

Kinh ấy lại nói:

Nếu được làm người thì nói không thành thật mà ưa phỉ báng, ác khẩu, giận dữ gây phiền não cho người. Sau thân này mạng chung lại đọa đại địa ngục sinh làm giống vật không có chân chịu nhiều khổ não quần quại đến năm trăm du-thiện-na, bị các loài trùng nhỏ cắn rút thịt. Đó là loài rắn đáng sợ có ngàn cái đầu, do tội phỉ báng. Mỗi cái đầu của nó có năm trăm cái lưỡi. Mỗi cái lưỡi thè ra là năm trăm lưỡi cày sắt rục lửa. Đó là tội ngữ nghiệp bị lửa dữ đốt nấu.

Lại nữa nếu khởi tâm không điều hòa nhu thuận làm bức não Bồ-tát thì người này còn khó được sinh vào đường súc sinh, mà đọa vào đại địa ngục trải trăm ngàn câu-chi na-dữu-tha kiếp. Ở nơi địa ngục kia chết rồi làm thân con rắn độc lớn cực ác đáng sợ. Đói khát bức bách tạo các ác nghiệp, dầu được ăn uống cũng không no đủ. Ở đây chết rồi dầu sinh làm người cũng bị mù lòa bẩm sinh, không có trí tuệ, ác tâm không dứt, nói lời ác độc chống báng không kính thánh hiền. Sau khi làm người chết rồi lại đọa ác đạo trải ngàn câu-chi kiếp sinh ra không gặp Phật.

Kinh ấy lại nói:

Văn-thù-sư-lợi ! Bồ-tát ở nơi chỗ Bồ-tát cho đến khi phát tâm minh tịnh mà hoặc tâm coi thường thì cho đến nhiều kiếp ở trong đại địa ngục như mặc áo giáp. Văn-thù-sư-lợi ! Nghiệp của Bồ-tát ấy chắc chắn không thể đọa, chỉ trừ việc phi báng.

Văn-thù-sư-lợi ! Bồ-tát ví như kim cương ma-ni bảo không có gỗ đá nào có thể phá hủy. Văn-thù-sư-lợi ! Nghiệp của Bồ-tát ấy cũng như vậy, chắc chắn không thể đọa chỉ trừ phi báng Bồ-tát kia.

Trong Kinh Tín Lực Tài Nhập Ấn cũng nói như vậy:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu lại có người đối với chúng sinh trong tất cả thế giới mười phương khởi giận dữ trói buộc thì đọa vào nơi tối tăm.

Văn-thù-sư-lợi ! Nếu đứng trước Bồ-tát cách chừng một cánh tay co duỗi, mà khởi tâm giận dữ thì tội còn nặng hơn trước đến số a-tăng-kì.

Văn-thù-sư-lợi ! Lại nữa nếu có người cướp hết tất cả của cải trong các Diêm-phù-đề, nếu người ở nơi Bồ-tát sinh mạng nhiếp thì tội này hơn tội trước số a-tăng-kì.

Kinh ấy lại nói:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Giả sử có người đốt phá tháp Phật điện thờ Phật nhiều như số cát sông Khắc-già, nếu lại có người đối với Bồ-tát Ma-ha-tát tin hiểu Đại thừa, mà khởi tâm giận dữ lại còn thêm mạ nhục phi báng, tội này hơn tội trước số a-tăng-kì.

Sở dĩ vì sao ? Vì từ các Bồ-tát xuất sinh chư Phật Thế Tôn, từ chư Phật mới có tháp Phật điện thờ Phật, sinh các lợi lạc và chư thiên v.v... Nếu khinh chê hủy báng chư Bồ-tát tức khinh chê hủy báng chư Như Lai. Nếu cung kính chư Bồ-tát tức cung kính chư Như Lai. Muốn cầu pháp cúng dường cao tột thì nên cúng dường chư Bồ-tát. Đó tức cúng dường chư Như Lai.

Luận nói:

Phúc báo của cúng dường này, như Kinh Tịch Tĩnh Quyết Định Thần Biến nói:

Nếu người hộ pháp và thuyết pháp tức xa lìa tất cả ác đạo được làm Thiên Đế Thích và Phạm Thế Chủ, Dạ-ma, Đâu-suất, Tự Tại Thiên v.v... Sau sinh làm người thì làm Chuyên luân thánh vương, trưởng giả, cư sĩ, đầy đủ của cải, niệ m tuệ tương ưng, an ổn không có nỗi lo sợ.

Luận nói:

Những Bồ-tát nào đối với Bồ-tát trong việc làm thiện mà khởi ác tâm ? Đó là các dị sinh.

Như Kinh Tín Lực Tài Nhập Ân nói:

Văn-thù-su-lợi ! Nếu có người trong tất cả thế giới chúng sinh số như vi trần, ngày ngày dùng trăm vị ẩm thực của trời và y phục của trời bố thí như biển kiếp của cát sông Khắc-già, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân đối với người thành tựu thập thiện cúng dường như vậy, như người Thanh Văn, người Bích-chi-phật, người Đại thừa, người trụ Đại thừa giới đức tương ưng lạc thuyết biện tài cùng người vô trí hý luận tư vấn khuyên bảo nghe thụ, đều phải cúng dường, cho đến như vậy diệt được bao nhiêu tội ?

Phật nói: Thiện nam tử ! Ví như có người buổi sáng dùng các của báu đầy cõi Diêm-phù-đề bố thí cho đệ tử Phật. Giữa ngày và cuối ngày cũng làm như vậy, bố thí như vậy mỗi năm trăm ngàn năm, người ấy được phúc nhiều chăng ?

Bạch rằng: Rất nhiều, thưa Thế Tôn ! Người ấy phúc nhiều vô lượng vô số. Phúc đức ấy không ai có thể lường được, chỉ có Như Lai mới biết mà thôi.

Phật nói: Thiện nam tử ! Nếu có vua Sát-đế-lợi chân thiện, cũng làm cúng dường như trước nói, được phúc nhiều chăng ?

Như vậy nói chung phúc báo nhiều hơn trước số vô lượng a-tăng-kì.

Phật nói: Năm trăm năm sau người bảo hộ chính pháp nhân, khéo bảo hộ mình bảo hộ người và bảo hộ đời, đối với những người làm đệ tử trong giáo pháp của ta, dù đó là hạng pháp khí hay chẳng phải pháp khí, chỉ cạo tóc mặc áo ca-sa, đều phải bảo hộ tốt chớ gây náo hại, thì cõi nước mình và người đều được sung túc an lạc diệt trừ tội xấu, chư thiên chư tiên gia tăng bảo vệ thọ mạng dài lâu, mình và người phiền não đều tàn diệt, trụ nơi chính giác đạo của sáu Ba-la-mật lia các tội ác, không chìm đắm lâu trong biển luân hồi, thường lia bạn ác gần thiện tri thức, cùng phụng sự chư Phật và chúng Bồ-tát, an lạc nơi các cõi Phật, không bao lâu sẽ được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bấy giờ trong chúng tất cả nghiệp đạo, một Ưu-bà-tắc trong một ngày có thể thí ẩm thực, với đệ tử Phật cũng bố thí như vậy, công đức bố thí này quá hơn phúc báo trước đến số a-tăng-kì.

Văn-thù-sư-lợi ! Nếu ở nơi các Ưu-bà-tắc thành tựu mười thiện nghiệp đạo số như vi trần trong tất cả thế giới, ngày ngày dùng trăm vị ẩm thực của trời y phục của trời nhiều như biển kiếp của số cát sông Khắc-già mà bố thí, nếu lại có người nơi một Tì-kheo có thể thí ẩm thực trong một ngày, phúc đức này hơn trước đến số a-tăng-kì.

Kinh Nhập Định Bất Định Ấn nói:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Giả sử có hữu tình trong tất cả mười phương thế giới đều bị móc mắt đến mãn một kiếp, lại có thiện nam tử thiện nữ nhân khởi tâm thương xót đối với các hữu tình, làm cho mắt trở lại bình phục mãn một kiếp.

Văn-thù-sư-lợi ! Nếu lại có người ở nơi Bồ-tát tin hiểu Đại thừa, đem tâm thanh tịnh mà đến chiêm ngưỡng, thì phúc báo hơn trước vô lượng a-tăng-kì.



Văn-thù-sư-lợi ! Giả sử có người có thể làm cho tất cả chúng sinh bị giam nhốt trong lao ngục khắp mười phương được thoát, lại được hưởng diệu lạc của Chuyển luân thánh vương, hoặc lạc thú của Phạm thiên, nếu lại có người ở nơi Bồ-tát tin hiểu Đại thừa, đem tâm thanh tịnh chiêm ngưỡng ngời khen, phúc báo này hơn trước vô lượng a-tăng-kì.

Lại nữa Kinh Địa Tạng nói:

Thế Tôn ! Nếu vua Sát-đế-lợi chân thiện, cư sĩ chân thiện, tể tướng quan liêu chân thiện, Sa-môn chân thiện, Bà-la-môn chân thiện v.v... tự bảo hộ bảo hộ người khác bảo hộ cho đời, đối với đệ tử Phật dù pháp khí dù chẳng phải pháp khí, cho đến chỉ cạo tóc mặc một tí áo ca-sa, đều phải bảo hộ.

Thiên chủ và quyền thuộc của chư thiên, cho đến người tùy tùng cùng gia nhân quyền thuộc đều đứng dậy chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Nếu đời vị lai cho đến năm trăm năm sau có vua Sát-đế-lợi chân thiện, cư sĩ chân thiện, tể tướng quan liêu chân thiện, Sa-môn chân thiện, Bà-la-môn chân thiện v.v... bảo vệ chính pháp nối tiếp dòng giống Tam Bảo hưng thịnh như vậy, tóm lại, có bao nhiêu quyền thuộc chúng con như vua Sát-đế-lợi chân thiện, cư sĩ chân thiện, tể tướng quan liêu chân thiện sẽ tặng thưởng mười thứ bảo vệ.

Những gì là mười ?

1. Tặng ích thọ mạng.
2. Rộng hộ trì chính pháp.
3. Thường không bệnh khổ.
4. Có nhiều quyền thuộc.
5. Cửa cải đầy kho.
6. Thọ mạng không yếu.

7. Giàu sang tự tại.
8. Tiếng khen đồn khắp.
9. Có bạn lành.
10. Đầy đủ trí tuệ.

Đó là mười thứ, như đã nói rộng.

Luận nói:

Phải biết quả báo rộng lớn này là nhập vào thánh địa.

Cho nên Kinh Quan Âm nói:

Phát tâm chính giác là thiện lợi tất cả chúng sinh. Cho nên nếu chỉ đi nhiều bên phải tháp Phật ta còn nói công đức đó rộng lớn.

Các Phật tử ! Nếu ai chẳng thích chừa thiên xa lìa người thiện thì đó là cảnh giới địa ngục, như trước đã nói rộng.

Luận nói:

Chưa thể khai thị cho người khác thì hãy chấm dứt sự phân biệt này.

Kinh Tịnh Chư Nghiệp Chướng nói:

Tất cả những gì nói chướng ngại đều là ách nạn cả.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Sao gọi là chướng ngại ? Nghĩa là tham là chướng, sân là chướng, si là chướng, bố thí là chướng, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ đều là chướng ngại.

Sở dĩ vì sao ? Phạm phu khi bố thí, vì bòn sẻn hồi tiếc không khởi tịnh tín. Do không khởi tịnh tín nên phát sinh tâm tổn hại. Do tổn hại nên sinh hồi hận rầu buồn tội đọa địa ngục. Người hộ giới vì chê bai những người phá giới, khiến những người khác nghe thấy tội lỗi rồi không sinh tịnh tín. Do không tịnh tín liền đọa ác đạo. Người tu nhẫn kia do nhẫn kiêu ngạo, hôn mê vẫn đục trong tâm, do nhẫn hôn mê là gốc của phóng dật liền đọa chốn khổ. Người phát

ting tiến liền khởi ngã mạn, nói các Tì-kheo khác tu hành biếng nhác, không cùng ăn của tín thí và dùng chung ly nước. Do phát tinh tiến mà khởi ngã mạn khinh chê người khác như kẻ ngu phu. Người tu thiền định do nơi tĩnh lự Tam-ma-bát-đề phát sinh ái lạc, liền cho như vậy là ta được hạnh Tam-ma-địa còn các Tì-kheo khác là tâm hành tán loạn làm sao thành Phật được, rộng như trong kinh ấy nói.

Lại nữa Kinh Tùy Chuyển Chư Pháp Kinh nói:

Chỉ dạy Bồ-tát trừ tội nghiệp chướng thì được Bồ-đề còn xa.

Chỉ dạy oai nghi thì được Bồ-đề còn xa.

Chỉ dạy oai nghi đạo hạnh thì được Bồ-đề còn xa.

Nhưng Bồ-tát kia ở nơi Bồ-tát sinh tướng hạ liệt, tự thân phát ý tướng tự cao tự đại cho rằng ta trừ được một ít nghiệp chướng. Bồ-tát này ở nơi Bồ-tát kia hoặc dạy khiến nên trụ Phật tướng. Bồ-tát ở nơi Bồ-tát chớ nên khởi tâm chê bai vì kia không bỏ Bồ-đề.

Phật nói: Thiên tử ! Bồ-tát như vậy không đoạn một phần nhỏ thiện căn, nếu Bồ-tát trong hạnh không hai, dầu không phát tâm Bồ-đề dưới đến Bồ-tát thông minh lanh lợi còn không khởi tâm khinh miệt, huống chi là người phát tâm Bồ-đề.

Như Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội nói:

Phật bảo Bồ-tát Kiên Ý rằng: Làm sao người chưa phát tâm Bồ-đề mà được thụ ký ? Nếu người được sinh trong năm nẻo luân hồi như trời, người, bàng sinh, địa ngục, cõi Diêm-ma-la, người này các căn lanh lợi tin hiểu rộng lớn, Như Lai biết rõ người này cho đến bao nhiêu trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp sẽ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cho đến như vậy trăm ngàn a-tăng-kì kiếp thì được quả Bồ-đề.

Tóm lại, Phật nói: Kiên Ý ! Đó là nói Bồ-tát này là trường hợp chưa phát tâm Bồ-đề mà đã được thụ ký.

Bấy giờ tôn giả Đại Ca-diếp-ba đến trước Phật bạch rằng: Thế Tôn ! Từ đây về sau đối với tất cả chúng sinh phải khởi tưởng như Thế Tôn.

Sớ dĩ vì sao ? Vì chúng con không có trí tuệ như vậy làm sao biết chúng sinh nào sẽ thành thực căn Bồ-đề, chúng sinh nào thì không ?

Thế Tôn ! Chúng con không biết hành tướng như vậy. Nếu đối với chúng sinh khởi tưởng hạ liệt sẽ tự thương tổn.

Phật nói: Hay lắm, Đại ca-diếp-ba ! Ông khéo nói lời này. Vì ý nghĩa đó chính quán tự tại lời nói của ta trong pháp này. Không xác định một cách không đúng về xuất gia tại gia về người nam người nữ. Nếu xác định không đúng sẽ tự tổn thương. Chỉ có Như Lai mới ứng lượng đúng chúng sinh mà thôi.

Đại Ca-diếp-ba ! Nếu các Thanh Văn và Bồ-tát nên đối với tất cả chúng sinh khởi tưởng Thế Tôn.

Luận nói:

Bồ-tát đối với các Bồ-đặc-già-la sao có phần ít không hóa độ, không hộ thân ? Thấy có như vậy là vì phiêu tướng ( ? ) quyết định được Bồ-đề. Đối với Phật tử ấy không nên khinh miệt mà phải bảo hộ.

Như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói:

*Hoặc là dựng miếu đá,  
Chiên đàn và trầm hương  
Gỗ mật cùng thứ khác  
Gạch ngói hoặc đất sét.  
Hoặc ở nơi hoang dã,  
Đắp đất làm miếu Phật,  
Dù trẻ con chơi đùa  
Vun cát làm tháp Phật  
Những hạng người như vậy  
Đều đã thành Phật đạo*

Cho đến:

*Hội họa vẽ tượng Phật  
Trăm phúc tướng trang nghiêm  
Tự làm khuyên người làm  
Đều đã thành Phật đạo.*

*Dù trẻ con chơi đùa  
Dùng cỏ cây hoặc bút,  
Hoặc dùng ngón tay, móng tay  
Mà vẽ làm tượng Phật  
Những hạng người như vậy  
Đều đã thành Phật đạo*

*Nếu người nơi tháp miếu  
Tượng báu và tượng vẽ,  
Dùng hoa hương phướn lọng,  
Tâm cung kính cúng dường,  
Hoặc khiến người tấu nhạc  
Đánh trống thổi sừng ốc,  
Tiêu, địch, cầm, không hầu,  
Tì bà cùng phèn la,  
Âm nhạc hay như vậy  
Đem dâng trọn cúng dường.  
Hoặc dùng tâm hoan hỷ  
Ca ngâm khen đức Phật  
Cho dù một tiếng nhỏ  
Đều đã thành Phật đạo.*

*Hoặc người tâm tán loạn  
Dù dùng một bông hoa  
Cúng dường nơi tượng vẽ  
Sẽ thấy vô số Phật.*

*Hoặc có người lễ lạy  
 Hoặc chỉ có chấp tay  
 Hay chỉ đưa một tay  
 Hoặc chỉ hơi cúi đầu  
 Như để cúng dường tượng  
 Sẽ thấy vô số Phật*

Lại nói:

*Nếu người tâm tán loạn  
 Vào ở nơi tháp miếu,  
 Một tiếng Nam mô Phật  
 Cũng đã thành Phật đạo.  
 Nơi chư Phật quá khứ  
 Tại thế hay diệt rồi  
 Có người nghe pháp này  
 Đều đã thành Phật đạo.*

Lại nữa Kinh Đại Bi nói:

Phật bảo A-nan: Ví như người đánh cá đặt câu và mồi trong ao nước lớn để bắt cá khiến cá ăn mồi. Cá đã ăn mồi rồi.

Sở dĩ vì sao ? Biết cá này còn ở trong ao không lâu sẽ lấy ra.

Lại nữa biết như vậy vì lưỡi câu cần câu dây nhợ chắc chắn lại buộc vào cây trên bờ. Bấy giờ người câu cá đến nơi thấy biết được cá liền kéo câu lên bờ rồi tùy ý muốn mà thu dùng.

Phật bảo A-nan: Ta nay cũng vậy, làm cho chúng sinh đối với Phật Thế Tôn tâm sinh tịnh tín trông các gốc thiện. Cho đến dùng một tín tâm các chúng sinh kia tuy ác nghiệp khác che khuất sát-na đọa lạc, nếu Phật Thế Tôn đối với các chúng sinh kia dùng trí Bồ-đề giữ lấy sợi dây thì sẽ kéo chúng sinh ra khỏi biển luân hồi đặt lên bờ Niết-bàn.

Luận nói:

Cho nên đều phải lễ kính, tưởng như Phật. Phải biết đây cũng còn có nghĩa là làm lễ trong ý tưởng. Nếu là người mới phát tâm Bồ-đề thì đem thân đánh lễ. Như Đồng tử Thiện Tài nơi Đại Bồ-tát Bảo Vân mới phát đạo ý đã đem thân kính lễ. Tất cả đó là nghĩa rất ráo.

Như Kinh Thâm Tâm Giáo Giới nói:

Vì các Bồ-tát đối với chỗ độ sinh mà cung kính lễ bái, còn nói một nơi nào đó, thì lễ không lễ không mâu thuẫn. Do vậy sự lễ kính có các liên quan liên hệ, nếu không lễ như vậy sẽ không có phúc báo. Làm sao lễ một lễ mà được thấy chư Phật, không có chuyện đó.

Luận nói:

Nếu bảo rằng đây là học xứ của Bồ-tát, đây chẳng phải học xứ của Bồ-tát, đều là hủy báng chính pháp, và đó gọi là một chướng nạn.

Cho nên trong Kinh Tập Chư Pháp Phương Quảng có nói:

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Vì sao đối với một ít phần pháp Như Lai đã nói hoặc khởi tịnh tưởng và bất tịnh tưởng đều là hủy báng pháp? Kẻ hủy báng chính pháp tức là hủy báng khinh mạn chư Phật pháp tạng. Hoặc nói đây là giải thoát, đây chẳng phải giải thoát đều là hủy báng chính pháp.

Ta chẳng nói riêng có pháp thuộc Thanh Văn thừa, thuộc Duyên Giác thừa, thuộc Đại thừa. Những người ngu si trong pháp ta làm ra đủ thứ nói đây là Thanh Văn, đây là Duyên Giác, đây là Bồ-tát. Do khởi các tưởng khác như vậy nên sinh hủy báng chính pháp nói đây là học xứ của Bồ-tát, đây chẳng phải học xứ của Bồ-tát.

Hủy báng chính pháp là nói vị pháp sư này có biện tài này, hay không có biện tài này cũng gọi là hủy báng pháp.

Lại nữa nói đây là pháp, đây là phi pháp, đều gọi là hủy báng pháp.

Nói quá khứ Phật xuất thế không có được tông tri nào, cũng gọi là hủy báng pháp.

Nói sư thuyết pháp cũng không có tông tri, đều gọi là hủy báng pháp.

Đối với sư thuyết pháp nói đó là hạnh sai lầm, cũng là hủy báng pháp.

Nghĩa là nói sư thuyết pháp không có đầy đủ biện tài này, là hủy báng pháp.

Dạy vẽ phóng túng, là hủy báng pháp.

Dạy vẽ oai nghi đạo hạnh, là hủy báng pháp.

Dạy giới không đúng, là hủy báng pháp.

Thiếu biện tài, là hủy báng pháp.

Không hiểu rõ pháp sáng suốt, là hủy báng pháp.

Không hiểu rõ triệu thỉnh chân ngôn Đà-la-ni, là hủy báng pháp.

Với giáo thuyết của Như Lai chỉ biết văn tự mà không hiểu ngộ, đều gọi là hủy báng pháp.

## HẾT QUYỂN 6



# LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

## QUYỂN 7

### Phẩm 4: HỌC XỨ VỀ KHÔNG 4

Bảo khế kinh này mâu thuẫn với khế kinh khác, đều gọi là hủy báng pháp.

Bảo Già-đà này trái với Già-đà khác, cũng là báng pháp. Cái gì khởi tin hiểu cái gì thì không, đều là hủy báng pháp.

Đối với pháp do sư thuyết pháp chuyển thành ý hiểu khác biệt, đó là hủy báng pháp.

Làm sự nghiệp này mà không để mắt quan sát, nói cười đùa cợt, đó là hủy báng pháp.

Đây là có hạnh kia là vô hạnh, đó là hủy báng pháp.

Nói đức Phật này nói Tam-muội có giải thoát này, Phật kia nói Tam-muội có giải thoát này, cũng gọi là hủy báng pháp.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Cho đến tất cả sự diễn tiến, đều gọi là hủy báng pháp.

Nếu Tì-kheo, Tì-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ... đối với sư thuyết pháp có hành tướng như vậy, có tư duy như vậy, tất cả đều là hủy báng chính pháp.

Kinh ấy cũng nói:

Phật nói: Thiện nam tử ! Nếu sau khi Như Lai diệt độ, đối với trong giáo pháp ta đã nói, tùy chỗ ưa thích, nếu như tin hiểu vì chúng sinh nói, trong pháp hội đó nếu có một chúng sinh hoan hỷ rợn người hoặc xúc động rơi lệ, phải biết là được chư Phật ấn khả. Người ngu si kia nói đây là Bồ-tát, đây chẳng phải Bồ-tát, phải biết đó là lỗi của Bồ-tát, vì vọng nói pháp ba thừa như vậy cho nên đối với pháp ta nói làm sao hiểu ngộ. Thậm chí có người đối với Bồ-tát khởi chê bai miệt thị. Ta nói người ấy ở địa ngục không biết đến bao giờ.

Sở dĩ vì sao ? Nếu Bồ-tát đối với sự thuyết pháp khởi phỉ báng, tức xa lìa chư Phật, hủy báng chính pháp và Tì-kheo tăng. Lại nữa nếu khinh miệt các sự thuyết pháp không khởi tôn trọng, tức không sinh tôn trọng đối với Phật Như Lai. Không muốn gặp sự thuyết pháp, tức không sinh tưởng muốn gặp Phật Như Lai. Không ca ngợi sự thuyết pháp, tức không khởi tâm ca ngợi Phật Như Lai. Như vậy là xa lìa Phật.

Nếu có ý nào hại người sơ phát tâm Bồ-tát, cho đến như Phật nói: Từ Thị ! Nếu ở nơi các Bồ-tát chính hạnh trong sáu Ba-la-mật của ta, có người ngu si kia nói lời hư vọng như thế này: Phải biết chỉ có Bát-nhã Ba-la-mật-đa là học xứ của Bồ-tát. Cần gì học các Ba-la-mật-đa khác ? Nói các Ba-la-mật khác là người kia đã sai lầm.

Phật nói: Từ Thị ! Ý ông nghĩ sao ? Khi là vua Thước-ca-thi ta đã thí thịt thân ta cho cho cọp con, thế là vô trí ư ?

Từ Thị bạch rằng: Thưa không, Thế Tôn.

Phật nói: Từ Thị ! Nếu tu hạnh Bồ-đề thì sáu hạnh Ba-la-mật là tương ưng nhau. Người phát thiện tâm, thế chẳng là khá nghiêng về thành thực thiện căn sao ?

Từ Thị bạch rằng: Thưa không, Thế Tôn.

Phật nói: A-dật-đa ! Ông cũng ở trong sáu kiếp tập hợp thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Tất cả đều hợp chung thực hành. Cũng có người ngu si nói như thế này: Chỉ có một chính lý là đạo Bồ-đề, là thực hành tính không. Chính lý đó được bản nhiên thanh tịnh.

### **Phẩm 5: TẬP HỢP LÀ CÁC CHƯỚNG NẠN VỀ HỌC GIỚI 1**

Luận nói:

Lược nói về các chướng nạn cần phải xa lìa.

Như Kinh Thâm Tâm Giáo Giới nói:

Các chướng nạn như vậy nghe rồi sợ hãi, đó là người mới hành Bồ-tát mà thụ trì.

Nói về việc lợi ích, bạch rằng: Thế Tôn ! Con nay trước tiên ở trước Như Lai thụ trì như vậy.

Thưa Thế Tôn ! Nếu con từ nay ở nơi Bồ-tát kia và người được giáo hóa nói các lỗi lầm, dù thật hay không thật, sẽ là kẻ lừa dối Như Lai chính biến tri.

Thế Tôn ! Lại nữa con từ nay ở nơi Bồ-tát kia và người được giáo hóa khinh chê miệt thị, dù tại gia hay xuất gia phóng túng tự tại thụ năm thứ dục lạc, thấy vậy rồi đối với người kia không sinh tịnh tín và hổ thẹn, không tôn trọng, không sinh tưởng như Phật, thân tâm bức não, giáo hóa nhà tri thức thụ hạ chủng thí, thấy vậy rồi nếu không chỉ dùng lời tốt đẹp, ngày đêm không ba thời quy hướng, thì đó là kẻ lừa gạt Như Lai chính biến tri.

Thế Tôn ! Nếu con từ nay thụ trì cấm giới, hoặc làm đế vương mà đối với thân mạng tài sản không xả thí, khinh miệt Thanh Văn

Duyên Giác và người được giáo hóa, bảo rằng ta hơn, hoặc có tâm hành như Chiên-đà-la, tự nâng cao mình hạ thấp người khác, hoặc gặp đấu tranh mà chẳng sợ chạy hơn một do-tuần hoặc trăm do-tuần, tức là kẻ dối gạt Như Lai chính biến tri.

Thế Tôn ! Nếu con từ nay thân giữ giới cụ túc, hoặc không vì đa văn biết riêng công đức đầu-đà và các công đức khác xuất sinh từ lạc hạnh của thân, che giấu việc thiện phơi bày việc ác của người, thì đó là dối gạt Như Lai chính biến tri...

Bấy giờ Thế Tôn bảo Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát rằng: Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân muốn làm sạch các nghiệp chướng, nên thụ trì như vậy như sơ hành Bồ-tát.

Lại nữa, Kinh Tùy Chuyên Chư Pháp nói:

Nghĩa là nếu đối với Bồ-tát ngày đêm ba thời lễ kính, đối với việc làm của người ấy chớ chút nào dòm ngó tìm kiếm sai lầm. Dẫu cho thường thấy đấm say năm dục lạc cũng chớ chút nào dòm ngó tìm kiếm lỗi lầm. Người tu hành Bồ-đề khi tu vô lượng công đức lợi ích thù thắng mới thủ chúng, do đó tu đạo dần dần, thành Phật dần dần. Giả sử tu hành một phần phược-la mà trong vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp ở trong địa ngục cũng như mặc áo giáp.

Kinh ấy cũng nói:

Thiện nam tử ! Hành tướng như vậy xa lìa tội nghiệp. Bồ-tát kia trong tất cả các hạnh đều không hai hạnh. Cần phải tin hiểu rằng tất cả sự tu hành phải phát tâm như vậy. Nhưng ta hiểu biết không khó đối với tha tâm. Giáo hóa chúng sinh là tu hạnh như vậy.

Lại nữa thiện nam tử ! Tự tại quán sát khắp các thuyết pháp của Như Lai như vậy, không có ai cân nhắc xác định được điều này. Nếu ai hiểu điều ta nói tức là thấy ta.

Thiện nam tử ! Muốn giữ gìn thân mình phải không nghi hoặc trong hạnh này. Nếu việc làm không phá hoại điều thiện của kẻ khác, người cầu Phật pháp phải biết ngày đêm tư duy hiểu rõ chính pháp.

Như Kinh Địa Tạng nói:

Bấy giờ lại có vô lượng trăm ngàn chúng sinh thông tuệ đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng: Đại đức Thế Tôn ! Chúng con hiện tiền phát nguyện như thế này: Cho đến bao lâu còn lưu chuyển trong sinh tử chưa được nhần vị, chúng con nguyện không ở địa vị vua quan tướng soái các thành ấp xóm làng, cho đến không ở địa vị chủ hãng buôn, sư trưởng, cư sĩ, chủ Sa-môn nắm luật phán quyết, các địa vị giàu sang tôn quý. Chừng nào chưa được nhần vị mà chúng con nếu ở trong hành tướng như vậy tức chúng con là những kẻ ngu ác tuệ không thể tu tập trong giáo pháp của Phật Thế Tôn.

Luận nói:

Nói rộng về sự xa lìa chướng nạn này, Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội có bài kệ nói rằng:

*Trẻ dại không cung kính,  
Nên biết không có tội.  
Mẹ thường hay dạy con  
Sau con nên làm thế.  
Muốn cần một chút ít,  
Khởi tôn trọng với ta.  
Nếu nhân vô thượng đạo,  
Mỗi một việc hóa độ,  
Hỏi han bậc tôn trưởng,  
Và đại đức, tôn giả.  
Đầu mặt tiếp chân lạy,  
Làm hạnh tôn trọng này.  
Chớ dòm ngó sai lầm,*

Chỉ quán nơi Bồ-đề.  
 Thường vui khởi từ tâm,  
 Cũng chớ làm tổn hại.  
 Giả sử thấy sai lầm,  
 Cẩn thận không nói lỗi.  
 Nếu ưa nghiệp thiện này,  
 Cũng sẽ được đạo quả.  
 Nhỏ bé trước tôn túc,  
 Mắt sáng như trăng trong,  
 Thường yêu thích lợi này,  
 Mạnh mẽ đẹp ngã mạn.  
 Ăn uống và y phục,  
 Vì đây sinh thương xót,  
 Thí với tâm như vậy,  
 Tất cả được điều phục.  
 Nếu phát tâm Bồ-đề,  
 Hoặc chẳng tin chẳng trọng,  
 Kia nên tự phòng hộ,  
 Kẻo đọa nơi đường ác.  
 Thấy chẳng thấy: hoan hỷ.  
 Tự sạch tâm loạn đục.  
 Tâm là tính phân biệt,  
 Kham nhiệm được sự nghiệp.

Như Kinh Hoa Nghiêm nói:

Khi ấy Bồ-tát Từ Thị quán sát công đức phát tâm Bồ-đề của  
 Đồng tử Thiện Tài, dùng kệ khen rằng:

Nếu thấy các chúng sinh,  
 Già bệnh khổ ép bức,  
 Và lo sợ sinh tử,  
 Phát đại bi lợi hành.

Do thấy đời khổ ngặt,  
Thường lưu chuyển năm nẻo,  
Vì cầu trí sắc bén,  
Phá vòng khổ các nẻo.  
Nếu thấy tham dục lạc,  
Tội lỗi nhều chông gai,  
Vì làm lưỡi cày bén,  
Cày xới đất chúng sinh.  
Sáng thế gian si hoại,  
Và mất tuệ chính đạo  
Làm thầy dắt quần manh  
Chỉ cho nơi an ổn.  
Kiếm trí đẹp oán tặc,  
Giải thoát ba pháp nhãn.  
Làm đạo sư thế gian,  
Khiến được lìa lo sợ.  
Hoặc như chủ thuyền pháp,  
Khiến đi qua biển trí,  
Làm đạo sư ba cõi,  
Đến bảo sở thắng nhãn.  
Trí sáng vòng đại nguyện:  
Xuất hiện mặt trời Phật  
Sáng trùm pháp giới không,  
Chiếu quần sinh tăm tối.  
Vòng bạch pháp tròn đầy:  
Xuất hiện mặt trăng Phật  
Từ, định, sáng mát mẻ.  
Bình đẳng chiếu các cõi.  
Lại như biển thắng trí,  
Xuất sinh các pháp bảo,  
Hạnh Bồ-đề cao dần,

Trụ thâm tâm kiên cố.  
 Phát tâm như chúa rồng  
 Bay lên cõi hư không,  
 Mưa cam lồ mây pháp,  
 Tăng trưởng quả giống lành.  
 Lại như thấp đèn pháp,  
 Thứ chính niệm kiên cố,  
 Từ ái sáng không nhơ,  
 Trừ sạch tối ba độc.  
 Lại tâm Bồ-đề này,  
 Ví như Yết-la-la,  
 Bi:bào. Từ: bé-thi.  
 Đến Bát-la, Kiện-nam,  
 Bồ-đề phân dân sinh  
 Khiến Phật tạng tăng trưởng,  
 Phúc đức tạng cũng vậy.  
 Được trí tạng thanh tịnh,  
 Rồi khai phát tuệ tạng.  
 Nếu nguyện tạng xuất sinh,  
 Pháp tính từ bi này  
 Giải thoát chúng sinh vậy.  
 Thế gian trong trời, người,  
 Tịnh ý khó có được.  
 Cây quả trí hiếm có  
 Trồng tốt gốc sâu vững,  
 Các hạnh dần nảy nở  
 Khấp che cả ba cõi.  
 Muốn trưởng dưỡng công đức  
 Cầu hỏi tất cả pháp,  
 Dứt trừ tất cả nghi,  
 Thịnh cầu thiện tri thức.



Muốn phá ma phiền não,  
 Trừ kiến chấp nhiễm trần,  
 Giải thoát các chúng sinh,  
 Cầu đây người đại trí.  
 Muốn trừ sạch nẻo ác,  
 Hiện thị đường nhân thiên,  
 Mở cửa trí giải thoát,  
 An trụ đường công đức.  
 Muốn thoát các nẻo khổ,  
 Dứt dây trói các cũi  
 Cho các nẻo an ổn,  
 Đó là chân Phật tử.

Luận nói:

Dùng ý quán sát xa lìa chướng nạn này thì chẳng lấy gì làm khó.

Như Kinh Thâm Tâm Giáo Giới nói về xa lìa chướng nạn này như sau:

Phật nói: Từ Thị ! Với Bồ-tát và người được hóa độ kia sẽ thành tựu bốn pháp. Sau năm trăm năm khi chính pháp diệt không bị tổn hại và nhục mạ kia tự nhiên giải thoát.

Những gì là bốn ?

1. Quán sát những gì đã sai.
2. Với Bồ-tát và người được hóa độ kia không nói khuyết điểm của người khác.
3. Không đến giáo hóa nhà tri thức không phải thân thuộc láng giềng.
4. Không nói lời ác. Đó là bốn thứ như trước đã nói.

Lại có bốn thứ.

Những gì là bốn ?

1. Xa lìa chúng sinh không có kiên thức ít học hỏi.
2. Quyển thuộc nhưng không chấp trước.
3. Thường thích ở rừng núi đồng ruộng.
4. Tự thực hành Xa-ma-tha. Chỗ tương ưng này, đó là bốn thứ.

Kinh ấy lại nói:

Phật nói: Từ Thị ! Sơ hành Bồ-tát này được sức trí tuệ xa lìa những gì là tiếng tăm lợi lộc không thuộc phần của mình. Những danh lợi kia là lỗi lầm. Thấy những lời vô ích, thấy ngôn ngữ thế tục, ngủ nghỉ thế tục, sự nghiệp thế tục, sự vô nghĩa của thế tục, đều phải xa lìa, vì đó là lỗi lầm.

Tóm lại, Phật nói: Từ Thị ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nên quan sát những tiếng tăm lợi lộc là phát sinh tham nhiễm phá hoại chính niệm thì đối với chúng được không được chớ lấy làm quan trọng.

Lại nữa phải quán sát tiếng tăm lợi lộc làm khởi lên ngu si tối tăm, tham lam, phát sinh lừa gạt để lợi cho thân mình, không biết xấu hổ, xa lìa bốn giống thánh. Như chư Phật nói, phải quan sát kỹ tiếng tăm và lợi lộc, khởi các tâm kiêu mạn khinh mạn sư trưởng, chính đó là ma, một bề phóng túng phá hoại thiện căn, như mưa đá và lửa sấm sét. Người danh lợi giáo hóa nhà tri thức thì ưa muốn nhiều thứ, đến nơi không phải thân thuộc láng giềng thì khởi não loạn mê lấp hiểu biết, nhắm đến điều mình yêu thích mà càng sinh ưu sầu phiền não.

Lại nữa người danh lợi mất bốn niệm xứ, giảm thiểu bạch pháp, hủy hoại bốn chính cần. Do trước sau lợi dưỡng phá hoại thân thông, xa lìa người thiện, gần ác tri thức, thường ưa hội họp với quyến thuộc người khác.

Lại nữa xa lìa vô lượng thiện định, đọa đại địa ngục, Diêm-ma-la giới, thai tạng súc sinh. Phải quan sát tiếng tăm lợi dưỡng như nước Thiên thụ.

Phật nói: Từ Thị ! Tiếng tăm lợi dưỡng kia có những hành tướng như vậy, Bồ-tát phải quan sát như thật. Nhờ quan sát nên không chán sợ cũng không hối não.

Sở dĩ vì sao ? Người không chán, không sợ những hành tướng như vậy không bị lỗi lầm, chỉ vui Phật pháp không gián đoạn, tại gia xuất gia bảo hộ giữ gìn, nào trời nào người trụ tâm thanh tịnh, được không sợ hãi. Giả sử rơi vào tất cả đường ác, cũng không bị bức não, xa lìa thư chú trừ ếm, giải thoát cảnh ma không bị khuynh động, được những người say mê kính trọng ngưỡng mộ, được người trụ nơi định học muốn gặp, đoạn trừ sự nịnh bợ lừa dối, được ngay thẳng, thấy năm đục lạc là tội lỗi, an trụ nơi dòng giống thánh như thuyết tu hành. Các nhà tu hành phạm hạnh rất vui được gặp.

Từ Thị ! Người trí hiểu biết hành tướng công đức như vậy. Bồ-tát thâm tâm trụ nơi thiểu dục. Người ưa thiểu dục thì dứt bỏ hết mọi tiếng tăm lợi dưỡng.

Luận nói:

Nay sẽ nói về lời nói vô ích. Xa lìa tội lỗi tham độc ngu si, không trụ nơi lời nói vô ích, nhất tâm được hiểu rõ một cách quyết định. Còn như tìm những câu nói đùa cợt, thích nói những câu nói vô ích, đó là tội lỗi. Không tu tập oai nghi và các hạnh nhỏ nhặt, nếu nói những lời vô ích, yêu thích cuộc đời không bền chắc là nói thuận theo kẻ ngu si. Nếu nghe Tì-kheo nói không như lý mà sinh ưa thích rồi thường tìm kiếm, tức tăng trưởng tội lỗi đó. Cho nên xả bỏ những lời nói không như lý, thường biết pháp lạc, khi lâm chung tự bỏ ngàn thân cầu đạo Bồ-đề, nghe pháp không chán, dầu cho mỗi một. Do nghe pháp cho nên tất cả mọi lúc mọi nơi đều xa lìa những lời nói không như lý, không thích nói. Đối với tối thượng pháp lạc sinh tưởng khó được. Trải vô lượng kiếp ở trong núi rừng, phải biết công đức lợi ích, nơi người chó tìm khuyết điểm. Nếu cho

rằng ta là vượt trội hơn tất cả, chớ nên chấp thủ tâm ấy. Tâm khinh mạn ấy là gốc các phóng dật. Với Tì-kheo hạ liệt này cũng chớ nên khinh miệt, dần dần như giáo thuyết ấy, vì chẳng phải chỉ một đời mà chúng được Bồ-đề.

Luận nói:

Nay tôi sẽ nói về lời nói thể tục. Kia nghe say mê ưa khởi đầu tranh, không tôn trọng do lời nói mất chính niệm và không biết đúng đắn, đó là lỗi lầm.

Do lời nói nhiều cạnh tranh, tiếng tăm cao, quá xa vời, nội dung khiến người phải suy tư làm cho thân hoặc tâm không được nhẹ nhàng, đó là lỗi lầm.

Do lời nói ngu muội, tự tâm sinh mờ tối, thô lỗ tư duy vào chính pháp, xa lìa Tì-bát-xá-na và Xa-ma-tha, đó là lỗi lầm.

Do lời nói thường khởi ái lạc đối với của cải công đức, không tôn trọng, trụ không bền, trí tuệ hẹp hòi yếu kém, đó là lỗi lầm.

Do lời nói giảm mất sự hiểu biết, chur thiên không kính trọng không yêu thích, đó là lỗi lầm.

Do lời nói đối với người trí và quyền thuộc hiện thân mạng chẳng có nghĩa lợi, đó là lỗi lầm.

Do lời nói ngu si lo khi mạng chung: Ta làm gì mà bị khổ như thế này, giảm mất sự hiểu biết, không được hiểu rõ, đó là lỗi lầm.

Do lời nói như thảo động thực vật ( ? ) quyết không sinh thật trí, đó là lỗi lầm.

Do lời nói như người diễn kỹ trong rạp hát, riêng nói công lao tự cho là được, giảm mất sự hiểu biết, đó là lỗi lầm.

Do lời nói xa bầy thứ thánh tài, nịnh bợ đối gạt lẫn nhau, đây mắt kia được, đó là lỗi lầm.

Do lời nói thì tư duy sâu, nghiên cứu tinh vi, mà thích những việc yếu đuối hèn nhát, không tự biết động vốn vô thể, đó là lỗi lầm.

Cho đến không như thật nói: Ta thích nhất một câu nói này đã tư duy từ rất lâu còn chưa biết rõ, mà nói ta thích được vô lượng cú nghĩa. Vị như cây mía vỏ cứng mà trong có vị ngọt. Người ăn vỏ mía không được vị ngọt của mía. Cho nên người nói rộng giống như vỏ mía. Chỉ người thích thần biến tư duy lựa chọn nghĩa lý như vị ngọt của mía thường không mê say.

Luận nói:

Nói về người tham đắm ngủ nghỉ như có kệ nói:

*Nếu ưa thích ngủ nghỉ,  
Tạo nhiều kiến chấp đây.  
Nếu kiến chấp, nghỉ ngơi,  
Lười si càng thêm lớn.*

*Nếu người ưa mê ngủ,  
Trí tuệ đều yếu đuối,  
Mà trong sự hiểu ngộ  
Thường khi đều giảm mất.*

*Nếu người ưa mê ngủ,  
Lười biếng không trí tuệ,  
Dẫu ở trong rừng sâu,  
Chẳng ích gì ai cả.*

*Nếu người ưa mê ngủ,  
Tức ưa dục phi pháp,  
Thiện tâm thường không thêm,  
Láy gì được pháp lạc.*

*Nếu người ưa mê ngủ,  
Dục ngu che thiện pháp,*

*Hoại công đức bạch pháp,  
Khấp nhập chỗ tối tăm.*

*Nếu người ưa mê ngủ,  
Đóng chặt không biện tài,  
Tâm thường sinh phóng dật,  
Thân mỗi mệt triền miên.*

*Nếu người ưa mê ngủ,  
Ta biết vì biếng nhác,  
Nên ghét người siêng năng,  
Hủy báng sự tinh tiến.*

Cho đến:

*Nếu trừ các khổ ám,  
Tức là nơi gốc tội,  
Thường gần gũi siêng năng,  
Được chư Phật khen ngợi.*

Luận nói:

Nay tôi sẽ nói về việc thế tục.

Như có kệ nói:

*Sư hối là lời ác,  
Chấp là chẳng giáo giới,  
Chóng hủy phạm Thi-la,  
Ưa việc lỗi lầm này.*

*Mỗi nghĩ việc thế tục,  
Thì thường thường sót sẩn,  
Không tu các thiện định,  
Ưa việc lỗi lầm này.*

*Do tham sinh quá lớn,  
Trói buộc trong trói buộc,*

*Hạ liệt chẳng dừng đũa,  
Ưa việc lỗi lầm này.*

*Rất vui trong đại chúng,  
Là trừ các khổ não,  
Như lừa đi đường hiểm,  
Ưa việc lỗi lầm này.*

Cho đến:

*Tâm này suốt ngày đêm,  
Chẳng ưa các công đức,  
Chỉ ham lợi ăn mặc,  
Ưa việc lỗi lầm này.*

*Chẳng ưa lời tương ưng,  
Thuận điều không phù hợp,  
Hỏi han chuyện thế tục,  
Ưa việc lỗi lầm này.*

Nói tóm lại, lúc bấy giờ Từ Thị Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Bồ-tát ít trí tuệ do xả bỏ pháp tối thượng, giảm mất thắng tuệ làm các việc hạ liệt.

Phật nói: Từ Thị ! Đúng vậy đúng vậy. Đúng như người nói Bồ-tát được ít trí tuệ là do xả bỏ pháp tối thượng, rồi làm những việc thấp kém.

Phật nói: Từ Thị ! Lại nữa Bồ-tát kia đã xuất gia trong giáo pháp của Như Lai rồi, mà không thiên định, không chính đoạn chính cần, không học hỏi, không mong cầu.

Phật nói: Từ Thị ! Đây lại quan sát thiên định, chính đoạn, biết giáo pháp của Như Lai, biết tướng hữu vi, Tam-ma-hứ-đa là chỗ tương ưng, chớ nên kinh doanh sự nghiệp của bạch y, quán sát những việc đó là không hợp đạo lý. Phải biết Bồ-tát kia là phát khởi yêu thích luân hồi sinh tử, kinh doanh công việc thế tục tạo tác nhân xa lìa pháp tài.

Phật nói: Từ Thị ! BỒ-tát kinh doanh sự nghiệp thế tục kia, giả sử có tu tạo tháp bảy bầu đầy ba ngàn đại thiên thế giới, đối với BỒ-tát đó ta cũng không sinh cung kính tôn trọng ngợi khen. Cho đến đầy cả Diêm-phù-đề tất cả đều là BỒ-tát kinh doanh sự nghiệp cũng không bằng một BỒ-tát khởi tâm thừa sự đọc tụng như pháp tu hành.

Lại nữa nếu có số BỒ-tát đọc tụng như thuyết tu hành của một Diêm-phù-đề, cũng không bằng một BỒ-tát ở yên thực hành BỒ-tát làm công việc phụng sự.

Sở dĩ vì sao ? Vì đó là việc khó. Đó là nghiệp trí tuệ. Trong ba đời, đây là nghiệp hơn cả, cao tột hơn cả không gì hơn.

Phật nói: Từ Thị ! Cho nên BỒ-tát muốn phù hợp với nghĩa siêng năng tinh tiến thì phải tu thắng tuệ.

Luận nói:

Nay tôi sẽ nói về hý luận thế tục. Hý luận là vô nghĩa, phi lý. Làm việc hý luận thường bị lỗi lầm, bị chướng nạn. Nghĩa là không xa lìa tám nạn. Cũng không được sát-na đầy đủ thù thắng. Cho đến người trí hiểu đúng đều lìa các hý luận. Làm các hý luận này chóng gặp các nạn.

Cho nên đều không ở chung, thà khiến ở với vợ con tội ác hơn trăm do tuần, đối với người khác hý luận dù trong giây lát cũng không nên gần gũi.

Cũng không ở chung với những kẻ lợi dụng công đức xuất gia cầu tài hỏi lộ, thế là ác tâm khởi các đấu tranh.

Chớ làm ruộng nương, kinh doanh buôn bán, nếu cầu tài lợi tức là hý luận.

Chớ có nam nữ thê thiếp bạn bè quyến thuộc nô bộc hầu hạ giàu có sung túc khởi các đấu tranh.



Đã xuất gia rồi, mặc áo ca-sa tin thuận tịch tĩnh, đến cực kỳ tịch tĩnh. Lại quán sự tịch tĩnh này là thắng tịch, cận tịch, lìa hý luận nên khởi nhãn như vậy.

Người không xa lìa hý luận ví như rắn độc che giấu ác tâm, sau đọa địa ngục súc sinh cõi Diêm-ma-la. Cho nên tinh tiến khởi nhãn như vậy. Cho đến được thừa ấy, đối với các nghiệp chướng làm sạch không sót, phá sức ma oán. Những người có trí khởi nhãn như vậy.

Luận nói:

Sơ lược nói về các nạn.

Phật nói: Từ Thị ! Cho nên Bồ-tát thừa này, nếu thiện nam tử thiện nữ nhân sau năm trăm năm khi chính pháp tiêu diệt khiến không lưu nạn mà được sự tốt lành, thoát các nghiệp chướng, trừ hết tội dục.

Phải biết chớ nên ưa tụ tập ở A-lan-nhã, nên ở đồng hoang rừng vắng mà tu hành.

Với các chúng sinh khác thì nên xa lìa.

Chỉ phản tỉnh cái sai của mình, không tìm kiếm cái sai của người khác.

Mặc nhiên tin vui hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Cho nên Kinh Bảo Vân cũng nói như vậy: Khi đi khát thực cho đến gặp những việc như vậy, trừ những nơi hiểm ác như nhà có chó dữ, nhà có bò con còn bú, đều thuộc thể tính phạm giới. Với các súc sinh ấy còn lìa tổn hại, huống chi đối với nam nữ đồng nam đồng nữ, khởi ý nghĩ xấu xa. Tất cả những lúc, những nơi ấy, đều phải xa lìa.

Luận nói:

Nếu thấy những hành động xấu như vậy, cẩn thận chớ nên đến xem, thì lìa được tội ấy.

Lại nữa, nói lia những chướng nạn như vậy làm sao được quả ? Lia cái lợi không quả thành cái nghĩa lợi tha. Cho nên phải biết xa lia cái lợi không quả.

Như Kinh Nguyệt Đăng nói:

Nghĩa về thân giới là kín đáo giữ gìn tay chân, khiến không hư động.

Lại nữa Kinh Thập Pháp nói:

Tay chân loạn động, qua lại nhảy nhót, là nói thân nghiệp thô trọng.

Luận nói:

Như Bồ-tát vì lợi tha, soi thấu rõ mà chẳng phân biệt dư nghiệp.

Cho nên Kinh Pháp Tập nói:

Thế Tôn ! Chư Bồ-tát có nghiệp thân khẩu ý, đều vì lợi các chúng sinh mà khởi đại bi tăng thượng, an ủi chúng sinh làm cho chúng sinh thân ý vui thích. Tâm tâm là như vậy, tư duy như vậy, tùy theo tu hạnh gì mà thực hành bình đẳng, làm cho chúng sinh được an ổn khoái lạc. Nói tóm lại, Bồ-tát biết quán mười hai xứ như làng xóm trống không, với những nơi như vậy không nơi nào không vui vẻ xả bỏ.

## HẾT QUYỂN 7

# LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

*(Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát)*

## QUYỂN 8

### Phẩm 5: TẬP HỢP LÌA CÁC CHUỐNG NẠN VỀ HỌC GIỚI 2

Lại nữa Kinh Hư Không Tạng nói:

Ví như âm thanh vào trong khe hở. Bồ-tát cũng vậy, nếu tâm có khe hở thì ma sẽ lợi dụng kẽ hở đó. Cho nên Bồ-tát làm cho tâm thường không có kẽ hở. Nếu tâm không kẽ hở thì các tướng viên mãn và viên mãn tính không.

Luận nói:

Hướng chi các tướng lại viên mãn, tức hạnh Bồ-đề. Cũng không bỏ tu tập quán các tính không, rộng như Kinh Bảo Kế nói.

Lại nữa, như Kinh Vô Tận Ý nói:

Nghĩa là muốn phát khởi đoạn trừ pháp ác bất thiện, nói kia lại có các tâm tán loạn. Tam-ma-địa uẩn là thực hành đối trị, nói đây là Tam-ma-địa phần, cho đến là pháp ác bất thiện.

### Phẩm 6: HỌC XỨ VỀ HỘ THÂN 1

Đây nói về việc xa lìa hư vô quả lợi.

Làm sao làm được ? Thường chính niệm thì được xa lìa hư vô quả lợi. Tức là nói không trái sự dạy bảo của Như Lai, giữ gìn quả báo, tôn trọng chính niệm, trong tất cả thân không động tự tính, an trụ chính niệm lợi ích chúng sinh, tùy theo chỗ làm, kiên cố chính niệm, thấy các người trí thì vui vẻ đối với việc họ làm, không động chính niệm, chẳng sợ thì giờ.

Với thân thuộc thì giữ lễ nghi chế độ.

Với bản thân thì giải thoát, chính niệm.

Với bốn oai nghi thì kiểm sát chính niệm.

Với oai nghi thì yên ổn ngay thẳng, giữ gìn không loạn, đủ sức chính niệm.

Khi nói cười, cẩn thận chớ lớn tiếng. Cử chỉ dung mạo thì đoan chính nhã nhặn, thành khẩn nghiêm túc giữ chính niệm.

Nếu nghe người nói thì biết tiếng người kia không cao không thấp một tiếng chính niệm cùng thực hành với người học chớ đi chỗ khác làm cho người sinh sợ hãi mà sinh lầm lỗi. Tự tâm cung kính làm cho người sinh tịnh tín. Giữ gìn tâm chính niệm như giữ con voi say, thường dùng Xa-ma-tha cột giữ lại. Đó là chính niệm.

Trụ nơi quan sát phải chiếu soi cái tâm ấy, đó là chính niệm. Ở trong chúng đời dào phong phú, xả lìa các việc khác, gìn giữ một tâm niệm như đã nói. Đó là chính niệm.

Người thành tựu được chính niệm như vậy gọi là xa lìa hư vô quả lợi. Lại nữa, đối với chính niệm này rất được tôn trọng. Sự tôn trọng ấy, tất cả quan sát sự khinh chê hủy báng là sở đối trị, như vậy biết tôn sùng này rồi thì có sự bình đẳng rộng lớn.

Sao gọi là bình đẳng ?

Kinh Vô Tận Ý nói:

Xa-ma-tha, thế nào là Xa-ma-tha vô tận ? Nếu tâm không loạn gọi là tịch cận, tịch mật. Giữ gìn các căn tính không cao ngạo. Khéo giữ sâu sự căn mật không dao động. Chỉ một cảnh tính vô sinh vô tác, riêng ở nơi vắng lặng yên tĩnh xa lìa ồn ào, thân xa lìa chuyện vui chơi, tâm không loạn động, ý ưa trống vắng cũng không tìm cầu việc ác, cho đến giữ gìn oai nghi, biết thời biết lượng và biết dừng đủ, dễ dưỡng thành dễ viên mãn.

Luận nói:

Thế nào là đối với tôn trọng bình đẳng mà không thể sinh trí như thật ? Nghĩa là quá khứ Mâu-ni đã nói nếu nơi Tam-ma-hứ-đa tức biết là như thật.

Như Kinh Pháp Tập nói:

Nơi tâm đẳng dẫn, thấy được như thật. Thấy như thật là Bồ-tát ở nơi chúng sinh chuyên tâm đại bi, ta được pháp môn Tam-ma-địa như vậy, đối với tất cả pháp đều thấy như thật, vì thành tựu tất cả chúng sinh đem đại bi huân tu tăng thượng giới định tuệ học viên mãn, chúng thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên ta đối với tịnh giới khéo an trụ không động, được không một mối.

Luận nói:

Xa-ma-tha này đối với tự tha tôn quý đều bình đẳng, siêu vượt vô lượng tội khổ, được vô lượng phú lạc thế gian xuất thế gian. Ta phải đến họ thỉnh cầu phát ý siêng năng tu tập, đến ngôi nhà đang cháy mà xin được nước cứu hỏa, rất được tôn trọng. Các đệ tử tu học phải trụ nơi hành tướng chính niệm như vậy. Cận chính niệm thì được xa lìa việc vô quả lợi. Nếu người xa lìa vô quả lợi thì nạn kia không sinh. Cho nên muốn giữ gìn thân, phải suy tìm gốc của niệm vì gần với chính niệm.

Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Bồ-tát tại gia nói người không ham vui đắm trước đối với các thứ rượu gạo, rượu trái cây, rượu mía và những nơi phóng dật thì không say sưa, không li bì, không ồn ào náo động cũng không quên mất, không cuồng loạn cao ngạo và lời ác mắng nhiếc v.v... vì do cận trụ chính niệm chính tri.

Kinh ấy cũng nói:

Bồ-tát xuất gia chính niệm chính tri mà không tán loạn.

Lại nữa Kinh Bảo Kế nói:

Nếu chính niệm thì tất cả phiền não không sinh. Nếu chính niệm thì tất cả việc ma đều không được tự tiện. Nếu chính niệm thì không thể rơi vào tà đạo ác đạo. Nếu chính niệm thì như người trấn thủ cửa ải, tất cả các pháp tâm tâm sở bất thiện đều không thể xâm nhập. Đó là nói về chính niệm chính tri.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói:

Đi biết là đi, đứng biết là đứng, ngồi biết là ngồi, nằm biết là nằm. Đối với thân đó là chính tri. Cho đến không trái với hạnh chính tri, nghĩa là có thể quan sát không thể quan sát, mặc y cầm bát, hoặc uống hoặc ăn hoặc ngủ hoặc thức, và với mỗi mệt, lấy bỏ, co duỗi, đi lại, đứng ngồi, nói nín v.v... đều an ổn tu hạnh chính tri.

Luận nói:

Giới và định thành tựu cho nhau.

Như Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói:

Nghĩa là công năng thanh tịnh vô cầu của giới này mau chóng được đăng trì. Do định nhập vào thì tương ưng với giới cũng nhập vào. Cho nên do giới chính niệm chính tri được Tam-ma-địa. Do Tam-ma-địa nhất tâm cho nên được tịnh Thi-la.

Kinh ấy cũng nói:

Trong công năng thiền định được trụ trong vô hành cũng phi vô hành. Vì tương ứng với hành nên xa lìa cảnh giới. Vì không cảnh giới nên không khởi tập nhiễm. Như vậy là làm xong việc bảo hộ chặt chẽ cửa ngõ các căn.

Luận nói:

Đây là do tâm hoàn thành việc tu tập. Giới và định hai thứ đan vào nhau tăng trưởng. Đây là nói cái học của Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh. Nghĩa là lấy sự hoàn thiện cái tâm làm căn bản.

Cho nên Kinh Bảo Vân nói:

Biết tất cả pháp đều dựa vào tâm.

Tâm là dẫn đường đi trước nên duyên khắp các pháp. Lại nữa thế gian do tâm quyết định mà không thấy chỗ sở duyên của tâm.

Tâm làm cho nghiệp thanh tịnh, nếu thanh tịnh rồi thì tâm không lưu chuyển.

Tâm không lưu chuyển tức tâm như ngọn lửa cháy, như dòng nước chảy xiết. Như vậy tâm có thể quan sát khắp thì được trụ chính niệm, tâm không duyên khắp thì tâm được tự tại.

Tâm tự tại nên đối với tất cả pháp tự tại.

Lại nữa Kinh Pháp Tập nói:

Nghĩa là nếu có pháp thì pháp không có nơi chốn cũng không có phương phần, tức đã là tự tâm tức là pháp được tôn kính, tức gọi là pháp. Cho nên ta khiêm kính tự tâm, xây dựng cực kỳ thù thắng, phải biết khéo phát khởi sự nhiếp thụ này.

Sở dĩ vì sao ? Nghĩa là nếu ở nơi tâm có công đức tội lỗi này, không công đức tội lỗi này, Bồ-tát đối với hai thứ tâm ấy chỉ cầu làm xong công đức mà không tạo tội lỗi. Nói tâm như vậy là pháp được tôn kính. Pháp được tôn kính tức là Bồ-đề.

Thế Tôn ! Con đối với pháp ấy khai diễn thành tựu chính giác an ổn như vậy.

Lại nữa Kinh Hoa Nghiêm nói:

Nghĩa là nơi tự tâm xây dựng tất cả hạnh Bồ-tát, tự tâm xây dựng việc độ thoát tất cả chúng sinh. Cho đến, thiện nam tử ! Nơi tự tâm ta phải an trụ như vậy. Phải biết tự tâm đầy đủ tất cả thiện căn. Phải nơi tự tâm trị sạch Pháp vân địa. Phải nơi tự tâm kiên cố pháp không chướng ngại.

Lại nữa như Thiện Tài khuyên tu tinh tiến muốn thấy Ma-da phu nhân, thấy chủ thành thân tên là Bảo Nhãn, dạy dỗ nhiều ích nói như thế này:

Thiện nam tử ! Phải giữ gìn tâm mình như bảo vệ thành trì, nghĩa là xua đuổi tất cả cảnh giới sinh tử luân hồi.

Phải trang nghiêm thành trì tâm của mình, nghĩa là chuyên tâm cầu đến mùi lực của Như Lai.

Phải trị sạch thành trì của tâm, nghĩa là rút ráo đoạn trừ xan tham tật đố nịnh bợ lừa gạt.

Phải tăng trưởng thành trì của tâm, nghĩa là tăng trưởng hạnh đại tinh tiến cầu nhất thiết trí.

Phải phòng hộ thành trì của tâm, nghĩa là đập nát bánh xe ma, ngăn cản tất cả chúng ma phiền não và ác tri thức. Mở rộng lớn thành trì của tâm, nghĩa là dùng đại bi phò cập tất cả thế gian.

Phải che mát thành trì của tâm, nghĩa là dùng cái lọng rộng đại pháp đối trị các pháp bất thiện.

Phải bảo hộ chặt chẽ thành trì của tâm, nghĩa là ngăn tất cả sở hữu trong ngoài thế gian không cho xâm nhập.

Phải giữ nghiêm túc thành trì của tâm, nghĩa là muốn xua đuổi các pháp bất thiện.



Cho đến, thiện nam tử ! Do Bồ-tát tịnh tu được thành trì của tâm như vậy thì có thể tích chứa tất cả thiện căn.

Sở dĩ vì sao ? Do Bồ-tát tịnh tu thành trì của tâm nên không có các chướng ngại, nghĩa là hiện tiền không trụ, hoặc duyên Phật duyên nghe pháp v.v...

Luận nói:

Cho nên trụ nơi Bồ-tát học này, đối với tâm hành được tâm không động v.v...Không động ngoại cảnh, không khởi vọng niệm bất chính tri, nghĩa là đối với Tam-ma-hứ-đa tâm kia loạn động, hoặc đối với cảnh khác mà có phan duyên, nếu được chính niệm chính tri thì ngoại cảnh không chuyển, vì kia tự tại không một phan duyên, cho đến cầu kia an trụ như trước đã nói công dụng rộng lớn làm lợi ích giải thoát chúng sinh, được tu tịnh tín như vậy.

Thế nào là được nhất thiết xứ ? Hy vọng nhuận trạch không gấp không hoãn, dạy phúc hạnh này không bỏ chúng sinh. Nói không bỏ chúng sinh tức là làm hạnh Bồ-tát.

Như Kinh Pháp Tập nói:

Bồ-tát Hỷ Kiến bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Bồ-tát dùng hạnh như vậy, chúng sinh thấy đều sinh vui mừng hoan hỷ.

Bởi vì sao ? Thế Tôn ! Bồ-tát chỉ có việc làm duy nhất là hóa độ chúng sinh không làm việc gì khác.

Thế Tôn ! Đó gọi là Bồ-tát pháp tập.

Luận nói:

Như vậy lại tạo lỗi lầm gì ư ?

Nghĩa là khinh chê hủy báng chư Phật và khinh thế gian đọa trong địa ngục như tro nóng phủ lúa non, đốt cháy nung nấu, cẩn thận chớ nên khinh chê hủy báng, như trước đã nói nhiều.

Tạo quả báo này như Kinh Bảo Vân nói:

Kinh chê hủy báng giới cấm, không sinh tịnh tín, nhất tâm xả bỏ các chúng sinh v.v....

Lại như kia nói thế nào là học xứ của Bồ-tát ?

Cho đến vì các Bồ-tát không đi đến nơi không nên đi, không nói không phải lúc, biết thời biết phương, nếu không như vậy tức làm cho chúng sinh không khởi tịnh tín. Huống chi là hộ trì chúng sinh và vì oai nghi đạo hạnh của thân mình cầu lợi ích Bồ-đề, đầy đủ viên mãn sự vui mừng điều hòa nhu thuận, đối với hiện tiền hợp tập không nhiều chấp trước.

Lại nữa Kinh Pháp Tập nói:

Nếu hộ trì cấm giới tức hộ trì các chúng sinh nên sợ phương kia. Nghĩa là ở nơi nhà người nữ chớ cùng ở nơi vắng vẻ, bảo hộ thế gian không cho phép cố làm. Lại nếu sử dụng dưới nước trên đất v.v.. những vật đại tiện, đờm dãi đồ khạc nhổ vật bất tịnh phải bỏ nơi kín đáo vắng vẻ, có tâm lợi ích bảo hộ trời người không cho phép cố làm.

Kinh Chính Pháp Niệm Xứ nói:

Bồ-tát còn không dùng đồ ăn thừa thí cho người khác. Nếu cố vất bỏ đồ thừa sẽ đọa vào loài ngựa quý.

Lại nữa Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Hướng đến thanh tịnh, không nên vất tằm xỉa răng trước người khác, cũng không trước người khác khạc nhổ đờm dãi. Như vậy là biết xấu hổ đối với người tôn trọng. Tất cả những chỗ thấy đó đều là chẳng phải phạm hạnh.

Rốt lại kinh nói:

Người tu phạm hạnh thấy nghĩa này rồi sợ phải tội nặng. Lại như kinh ấy nói không nên nói lớn tiếng, nói lớn tiếng cũng không phải phép tắc.

Như Kinh Phạm Thiên Sở Vấn nói:

Phải biết Bồ-tát như người phụ nữ mới về làm dâu.

Lại nữa, Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Xa lìa những điều mà người thế gian không thích làm, như là không ăn đầy miệng, không ăn nhai ra tiếng, không ngồi sai chân, không để hở nách.

Luận nói:

Như vậy tự phải xa lìa. Người thấy nghe rồi, không vui vẻ giữ gìn. Lại nữa bỏ đi chẳng muốn nói chuyện cũng chẳng hỏi, tùy theo nghĩa có thể thấy mà hiểu.

Cho nên Kinh Hải Ý nói:

Không nói lời yếu ớt, không nói lời thô bạo, không nói lời nóng nảy, không nói lời không thật, không nói lời tham thuận thấp hèn, không nói lời thấp hèn, không nói lời che giấu, không nói lời sân hại, không nói lời động loạn, không nói lời đùa cợt, không dối mặt nói lời đấu tranh.

Lại nữa Kinh Như Lai Bí Mật nói:

Lại nữa thiện nam tử ! Bồ-tát không nói lời ái trước, lời bạo ác, lời si loạn, lời nhiễm ô, lời ghi nhớ thiếu sót, lời tự mình cao cường, lời ly tán kẻ khác, lời tự khen công năng của mình, lời phá hoại công năng kẻ khác, lời không cứu giúp, lời ghi nhận tặng thượng mạn.

Kinh Thập Địa cũng nói như vậy: Nghĩa là nếu phát ngôn vui cho quyến thuộc mình mà phá hoại quyến thuộc kẻ khác thì hãy dứt bỏ những lời nói như vậy.

Nghĩa là phải phát ngôn dịu dàng mềm mỏng đẹp ý dễ nghe, vui vẻ rõ ràng không sai lầm, người nghe hiểu thấu, nhiều người ưa thích hoan hỷ. Bình đẳng ngợi khen lợi ích an vui tất cả chúng sinh, quyến

thuộc mình và người đều vui mừng phấn khởi, diệt tham sân si tất cả phiền não. Hành tướng như thế nếu phát ngôn cho đến đối với người, trước nên tươi cười nên trừ tổn hại

Lại nữa, Kinh Hư Không Tạng nói:

Vì bậc tôn trưởng mà nói thì suy nghĩ kỹ càng, vì người mà nói thì không che giấu. Phải vui vẻ tiếp thụ những lời như vậy.

Kinh Pháp Tập nói:

Phật bảo Bồ-tát Hư Không Tạng rằng: Bồ-tát không nói lời nói khiến người sinh giận, không nói lời nói khiến người sinh phiền não, không nói lời nói khiến người không hiểu biết, không nói lời nói khiến người vô ích, không nói lời nói khiến người không sáng suốt, không nói lời nói khiến chúng sinh không hoan hỷ vui thích. Bồ-tát không nên nói những lời nói như vậy.

Lại nữa, Kinh Hải Ý nói:

Lược nói đối với người không sinh hỷ hộ rằng lại có một pháp nhiếp thụ Đại thừa. Nghĩa là tự mình lầm lỗi mà thường quan sát, đối với các chúng sinh tùy chỗ có thể bảo hộ giữ gìn.

Luận nói:

Sự hộ thân này không làm nào hại người khác. Và như vậy người khác cũng không làm nào hại ta.

Ở đây luận về sự tích tập lợi ích rộng lớn của Bồ-tát. Phải biết thường giữ ý này. Tức là yên tĩnh, không động, tôn trọng, yêu thích, hổ thẹn, sợ sệt đối với sự tịch tĩnh của người khác. Một lòng thân cận và thường tự tại đối với chúng sinh. Những sự tịnh tín v.v... hoặc biến hoặc hóa hãy giữ như ý này. Sự hộ thân làm sao không có thuốc thang và quần áo. Thuốc thang gồm có hai thứ là thuốc dùng thường xuyên và thuốc dùng vì bệnh.

Thuốc dùng thường xuyên là như Kinh Bảo Vân nói:

Cho nên người đi khát thực phải chia làm bốn phần, một là phân chia cho người đồng tu phạm hạnh, hai là thí cho người nghèo khổ, ba là cho ngựa quỳ súc sinh, bốn là phần cho mình ăn. Nhưng trong khi ăn uống chớ khởi tâm ham muốn, cũng không cầu nhiều, cho đến nuôi cho bản thân có sắc lực. Xem sự ăn uống là để không mệt mỏi, không làm cho thân nặng nề.

Sở dĩ vì sao ? Người mệt mỏi thì đối với cái vui của thiện phần này sau hoặc bị thân nặng nề và hay buồn ngủ. Phải biết những người khát thực như thế này hiện tiền được thiện phần như vậy.

Kinh Bảo Tích nói:

Nếu Ti-kheo vào thành phố làng xóm khát thực, nên dùng pháp trang nghiêm mà đi khát thực.

Sở dĩ vì sao ? Nghĩa là nếu thấy sắc khả ái hay không khả ái, thấy rồi không nên khởi ý trái hay thuận. Cũng vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả ái hay không khả ái, thấy rồi đều không nên khởi ý trái hay thuận.

Phải nhiếp giữ các căn khiến không tán loạn, nhìn chăm chú phía trước khoảng một tầm, không bỏ tác ý pháp đang tư duy. Không lấy cái ăn che lấp cái tâm mà đi khát thực. Nếu nơi được thức ăn không sinh đấm trước. Nơi không khát thực được không sinh giận. Nếu đi đến mười nhà hoặc quá mười nhà mà không khát thực được chớ sinh buồn rầu. Trong tâm phải nghĩ rằng các trưởng giả và Bà-la-môn này vì bận nhiều việc không thí thực cho ta, cho đến chưa từng nhiếp thụ nơi họ hưởng chi là thí thực cho ta. Như vậy người đi khát thực sẽ không sinh buồn rầu.

Lại nữa khi khát thực thấy có chúng sinh hoặc nam hoặc nữ, đồng nam đồng nữ cho đến súc sinh phải khởi tâm từ bi.

Nếu các chúng sinh thấy ta hành khát và thí cho ta bữa ăn thì đều sẽ sinh thiên.

Nếu được thức ăn ngon dở, nhận rồi nhìn xem bốn phía người bần cùng trong thành phố làng xóm này, ta sẽ dùng thức ăn này phân chia cho họ.

Nếu thấy có người bần cùng thì sẽ phân chia cho họ.

Nếu không thấy có người bần cùng cũng phát tâm này: Ta đã chân thật quan sát các nơi xem chúng sinh, ta sẽ thí cho các thức ăn trung thượng vị đã khát thực được.

Rồi mang thức ăn đi đến A-lan-nhã, người tu hạnh đầu-đà rửa tay chân sạch sẽ, đầy đủ nghi thức của Sa-môn, oai lực gia trì ngồi kết già mà thụ thực.

Trước khi ăn nghĩ rằng: Trong thân này có tám vạn trùng cùng được bữa ăn này đều được an ổn. Ta nay dùng bữa ăn này nhiếp thụ cho các trùng. Ta được Bồ-đề lại dùng pháp hóa độ. Nếu không đủ thì phát tâm như vậy: Nếu ăn thiếu thì thân ta được nhẹ nhàng, bớt đi đại tiện, dứt các tội lỗi, thân tâm nhẹ nhàng yên ổn, lại ít buồn ngủ.

Cho đến khát thực được nhiều thì phân khát thực phải làm xả pháp. Đối với chỗ khát thực được, phát tâm như thế này: Loài chim bay hay loài thú như nai cũng cần ăn uống ta sẽ thí cho chúng.

Lại nữa Tì-kheo khát thực đối với các vị ẩm thực không nên sinh tưởng ăn ngon. Cho đến như Chiên-đà-la đồng tử nên tịnh thân tâm không nên tịnh thực.

Bởi vì sao ? Ăn món ăn ngon rồi, tất cả sẽ thành ô uế bất tịnh. Cho nên nay ta không nên cầu ăn ngon. Cho đến không khởi tâm rằng đây là người nam thí thực chẳng phải người nữ thí, đây là người nữ thí thực chẳng phải người nam thí. Đồng nam đồng nữ cũng như vậy. Lại nói đây là món ăn ngon không phải món ăn dở.

Nếu vào làng xóm phải được cung kính chẳng phải chẳng cung kính, nên được nhà giàu, hoặc nam hoặc nữ đồng nam đồng nữ các thứ thức ăn ngon chứ chẳng phải được thức ăn của nhà nghèo hèn.

Không được khởi tất cả các ý nghĩ không tốt như vậy. Cho đến nếu có chúng sinh đấm trước sự ăn uống tạo ác nghiệp rồi đọa vào địa ngục.

Lại nữa có người tri túc không tham đắm mùi vị ăn uống, bỏ ngon nhận cái dở mà thiệt căn vẫn cảm thấy đủ vui. Nếu người tiết chế sự ăn uống khi mạng chung được sinh lên cõi trời cõi người hoặc các nẻo thiện khác thụ hưởng thức ăn ngon cõi trời cõi người.

Ca-diếp-ba ! Như vậy Tì-kheo hành khát thực, xa lìa sự tham ái mùi vị, điều phục tâm mình. Giả sử ăn đậu nấu cũng không buồn rầu.

Bởi vì sao ? Vì cầu thánh đạo mà nuôi sống thân mạng nên mới ăn.

Nói tóm lại, Phật nói: Nay Ca-diếp-ba ! Nếu Tì-kheo hành khát thực gặp lúc mưa lớn mây mù không thể khát thực được, hãy tư duy pháp trang nghiêm, lấy lòng từ làm thực phẩm. Trụ trong tác ý như vậy nhịn ăn đến hai hoặc ba đêm, nên tưởng như thế này: Các loài naga quỷ đọa trong cõi Diêm-ma-la kia do làm ác nên hàng trăm năm muốn ăn đến khô cổ cũng không được. Ta nay an trụ trong pháp rất sâu, không nên phát khởi ý nghĩ là thân tâm sẽ ốm yếu. Huống chi siêng tu thánh đạo, nay ta kham chịu sự đói khát này.

Nói một cách chung là khiến người tại gia sửa soạn tịnh thực, còn mình thì trải tòa ngồi thuyết pháp. Khi kia làm tịnh thực, thụ thực xong, đứng dậy mà đi.

Ca-diếp-ba ! Tì-kheo khát thực không nên tự khoe khoang nịnh bợ. Thế nào là nịnh bợ ? Nếu nói với người cúng dường là thức ăn dở mà lại không đủ, hoặc nói mang về cho chúng cùng ăn, hoặc nói ăn thiếu khiến đói khát. Biểu thị những hành tướng như vậy gọi là nịnh bợ, các Tì-kheo khát thực phải bỏ những điều này.

Thế nào là chân thật ? Nghĩa là ăn hết trong bát dầu dờ dầu ngon dầu tịnh bát tịnh đều nên ăn hết không sinh phiền hà. Chỉ tịnh nội tâm dùng pháp điều phục. Vì trụ trong thánh đạo, để nuôi sống thân này nên mới đi khát thực.

Kinh Tối Thượng Thọ Sử Vấn nói:

Nếu người khát thực nơi người quen thân, có thể tùy theo chỗ hiểu biết mà làm trọn vẹn lợi ích tự tha. Bồ-tát hành khát thực nói khát thực không phải vì hộ thân mà như uống thuốc.

Kinh Nhập Lăng Già nói về ý nghĩa không ăn cá thịt là Bồ-tát tu hạnh đại từ nên tất cả thịt đều không được ăn.

Đại lược như bài kệ rằng:

*Quán tướng thịt từ đâu ?  
 Từ máu mủ bất tịnh.  
 Người tu hạnh thanh tịnh,  
 Phải lià bỏ ăn thịt.  
 Tất cả thịt và hành,  
 Không uống các thứ rượu,  
 Và họ, tôi cũng vậy,  
 Tu hành phải lià xa.  
 Nằm tư thế Cát tường,  
 Xa lià chuyện đồ dầu.  
 Lỡ hồng các chúng sinh  
 Trong đó thật sợ hãi.*

Cho đến:

*Vì lợi giết chúng sinh,  
 Hoặc kinh doanh bán thịt.  
 Hai loại tội nghiệp này,  
 Chết đọa Đại hào khiếu.*

Lược tóm lại:

*Hôi hám thật đáng chán,  
 Thường sinh ngục Đảo huyền,*



*Và sinh Chiên-đà-la,  
Hoặc thợ săn, đồ tể,  
Sinh trong La-sát nữ,  
Ăn thịt các chủng loại,  
Mèo, chồn cùng Dạ-xoa...  
Người này sinh nơi ấy.*

Luận nói:

Nếu biết đầy đủ thì trong các Phẩm cấm ăn thịt có nói là vì thành tựu lợi ích rộng lớn, nói là không lỗi lầm. Nếu Tì-kheo ở Diêm-phù-đề khi sắp hoai diệt nói câu Tam-ma-địa này thường khiến chúng sinh đoạn trừ được việc ăn thịt và cũng được Tam-ma-địa này. Tu đại từ bi thì không lỗi lầm.

Kinh Bảo Vân nói:

Phải biết không ăn thịt ở nơi hoang dã phát sinh lợi ích chúng sinh như vậy. Như thấy trong các Tì-nại-da khác có nói ăn ba thứ tịnh nhục nhưng cuối cùng đều phải một lòng xả bỏ. Được tịnh các kiến, đoạn trừ ngã mạn. Người ưa tu phúc dần dần dạy bảo lìa bỏ ăn thịt.

Như Kinh Nhập Lăng Già nói:

Vì các người học kia đọc tụng giải thuyết, dần dần hệ thuộc nương tựa vào câu văn hay. Người tu hành kia hệ thuộc vào ba thứ. Ta vì họ nói để đoạn trừ, tức là đoạn trừ cái tính gắn với sự giết hại kia. Cho nên nói là thứ thuốc thường dùng.

Còn thuốc dùng vì bệnh duyên, thì như Thanh Văn Tì Nại Da nói:

Cho đến ta vì lợi ích phạm hạnh, hóa chúc y bát, chữa trị cho thân, hưởng chi còn khắp cứu tất cả chúng sinh. Do đó Bồ-tát thấy cái thân khó được, nên trong sát-na được thắng phúc này. Thế Tôn thấy lợi ích này làm tự y được. Đối với người tu hành đó là thắng kiến.

Cho nên Kinh Bảo Vân nói:

Nếu đoạn được ba thứ ăn, khi ấy chân thật hoặc không chân thật, những hành tướng như vậy là trụ giữ thân mạng, chớ lấy chớ ăn. Còn như bơ dầu, khoai củ, cọng, nước trái cây, dầu cho thấy khởi tâm đối trị mà không thể ăn, nhưng nếu Bồ-tát bị bệnh nặng thì có thể ăn.

Còn như tật bệnh đến gần chết thì chớ nên làm ác mà đoạn mất phần thiện kia, không khởi nghi hoặc đoạn trừ tâm ấy, phải coi như uống thuốc.

Kinh Tội Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Thụ dụng y để mặc, với Sa-môn có ý nghĩa là sự hổ thẹn, cho nên dùng y che thân, chớ để phơi bày thân thể. Người, trời, A-tu-la trông thấy y ca-sa tướng như tháp Phật. Phải biết như giữ tháp Phật. Nếu không tu đối trị lìa tham nhiễm để được thanh tịnh thì tăng trưởng phiền não. Phá hoại y ca-sa bị tội này vì không thích tu hành trong pháp phục trang nghiêm, trong việc làm thiện trở lại thành làm ác. Y ca-sa này vì cầu thánh đạo, biết đối trị, nên trong một sát-na, thân cũng phải thụ trì.

Như Kinh Bảo Tích nói:

Nguyên nhân sự việc này là Phật bảo Ca-diếp-ba: Nếu muốn trang nghiêm thân mà không giữ gìn kín đáo, là làm mất công đức của Sa-môn. Pháp là y ca-sa. Tuy mặc trên thân mà tâm không tôn trọng.

Lại nữa, Ca-diếp-ba ! Sắc tướng như vậy thì tên giống như Sa-môn, nhưng vì nhân duyên đó phải đọa địa ngục.

Ca-diếp-ba ! Vì sắc tướng tương tự Sa-môn, nên ở trong địa ngục mặc áo sắt nóng trùm trên đầu, bát và tọa cụ đều làm bằng sắt. Có bao nhiêu dụng cụ thụ dụng đều bốc lửa rực cháy. Kinh ấy nói Sa-môn sắc tướng tương tự chịu khổ như vậy.

Lại nữa, Kinh Bảo Vân nói:

Nếu Bồ-tát vì người có tật bệnh, cơ thể yếu đuối không ở trong tăng phường, phải phát tâm rõ ràng như vậy: Nghĩa là công đức đầu-đà của Phật Như Lai để lựa chọn đối trị phiền não. Ta cũng tu tập đoạn các phiền não như ở trong tăng phường. Nhưng ta không thích ở trong tăng phường và cũng không xin. Giả sử có được cho như vậy và tùy chỗ tiếp nhận, phải biết đó cũng chẳng phải làm thỏa mãn vì ta.

Kinh ấy lại nói:

Về nghi thức ngọa cụ thì phải hai chân chồng lên nhau nằm nghiêng hông bên phải, pháp phục đắp lên người, chính niệm chính tri, khởi tướng sáng suốt. Không đắm trước ngũ nghê làm thích, cũng không thích hông bên kia hông bên này và thoải mái tay chân, cho đến an trụ bốn đại chủng trong hơi thở điều hòa. Tất cả mọi sự thụ dụng ở đó đều được tạo lập vì lợi ích chúng sinh. Nếu ta thích thụ dụng thái quá, thì sẽ sinh mệt mỏi chán nản và tội lỗi.

Như Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói:

Được thức ăn mùi vị ngon là thức ăn không tương ưng giải thoát. Nghĩa là được thức ăn kia thí trói buộc, như con voi con nầm, chẳng phải hạnh đầu-đà.

Lại, Kinh Bảo Tích nói:

Lại nữa Thế Tôn nói về việc thụ dụng của tín thí. Lúc bấy giờ trong chúng có Tì-kheo đã thoát khỏi ách, nghe pháp luật này rồi buồn khóc mà nói rằng:

Thế Tôn ! Con nay thà chịu chết không muốn đắc quả, cũng không muốn thụ dụng một bữa ăn của tín thí.

Phật nói: Hay lắm, hay lắm, này thiện nam ! Lời nói thanh tịnh này, hành tướng như vậy xấu hổ đủ việc làm ác, sợ tội thế gian.

Phật nói: Ca-diếp-ba ! Ta biết tín thí đây có hai thứ gọi là giải thoát. Những gì là hai ? Nếu Tì-kheo thoát khỏi ách và các Tì-kheo khác học theo cách làm của ta thấy các hành là vô thường, lãnh nạp các thụ là khổ, tin hiểu các pháp là vô ngã, cầu Niết-bàn tịch tịnh thì đầu ăn của tín thí lượng như núi Tu-di và các thí khác cũng hoàn toàn thanh tịnh.

Nếu thụ vật của thí chủ và thức ăn của tín thí mà đủ đại quang minh thì được đại phúc báo.

Sở dĩ vì sao ? Vì dùng cái tăng thượng xan tham khiến làm việc phúc. Đó là tâm từ Tam-ma-bát-đề.

Lại nữa, Ca-diếp-ba ! Nếu Tì-kheo thụ y phục ẩm thực của thí chủ thí rồi, tư duy nhập vô lượng Tam-ma-địa, làm cho việc làm phúc cầu quả báo của thí chủ cũng được vô lượng. Ca-diếp-ba ! Giả sử nước biển của ba ngàn đại thiên thế giới khô hết, phúc báo này cũng không hết được.

## HẾT QUYỂN 8

**LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC**  
*( Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát )*

**QUYỂN 9**

*Sa-môn Nhật Xứng v.v... dịch  
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

**Phẩm 6: HỌC XỨ VỀ HỘ THÂN 2**

Như vậy người đi khát thực đối với việc thí thực khởi ba thứ niệm trụ. Là thương xót các con trùng tập trung ở trong thân, vì thành tựu lợi ích tất cả chúng sinh mà nhiếp thụ chính pháp. Lại nữa, Như Lai dạy bảo rằng các việc làm đều phải đầy đủ chính niệm. Trước tiên dùng tiếng chân ngôn để bảo vệ. Nên trước là nói lợi ích của mình chú Mạn-noa-la của Đê-ly Tam-muội-da vương nói.

Nay nói chú:

*( Phiên âm Hán: )*

*Na mô tát lý phược, một đà mạo, đề tát đỏa, nẫm áng, vĩ la nhã  
 vĩ la nhã ma ha, phược lý, tát đả sa, la đề sa, la đề đát la, dĩ đát la,  
 dĩ vĩ đà mạt đề tam bạn, nhã nhĩ đả la mạt đề tát đà, ngật lý, đát lã m,  
 tát phược hạ.*

*( Phiên âm Phạn: )*

*Namaḥ sarvabuddhabodhisattvānāṃ om viraji viraji  
 mahācakraviraji, sata sata sārata sārata trapi trapi vidhamani, sabh  
 ajani, saṃbhajani, taramati, siddha agre traṃ svāhā.*

Tụng chú này sẽ được nhập vào tất cả Mạn-noa-la. Hoặc đây là niệm Như Lai tâm tám ngàn biến.

Sao gọi là tất cả ? Nghĩa là Mạn-noa-la cao tột thế gian xuất thế gian. Tất cả đều có thể nhập vào.

Lại nói chân ngôn:

(*Phiên âm Hán:* )

*Na mô tất đễ lý, dã đễ vĩ ca năm, đát đà nga đa năm, tát lý phược, đát la, bát la, đễ cát đa, phược, bát đễ, đát lý ma, đa, mạt lãng na, a tam ma tam ma tam mãn đa đô, nan, đát đa, phược, bát đễ, xá, tát nhĩ cát la cát la tam ma, la tam ma, la noa vĩ nghiêp đa la, nga một đà đát lý ma, đễ tát la tát la đát ma mạt la, cát sa cát sa đát la, dã đát la, dã nga nga na ma hạ, phược la lạc xoa ni nhập phược, la nhập phược, la na sa, nghiêp lý tát phược hạ.*

(*Phiên âm Phạn:* )

*Namastraiyabdhikanam Tathagatanam svartrapratihatavapti dharmatapalinam om asamasama samantato nantanavaptisasani hara smara smarana vigataragabuddhadharmate sara sara samabala hasa hasa trayatrayaganamahacalaraksana jvala jvalana sagare svaha*

Phải biết đây là tất cả thân Như Lai rất được rất tôn trọng không có gì trên. Người mới thực hành đối với Phật và chúng sinh khi vô lượng tu tác, các ma đồng khởi tệ ác, cần phải lấy đây làm bảo vệ cao tột. Nghĩa là hoặc dùng võ tay, hoặc tro, hoặc cải trắng, hoặc nước trong v.v... tùy ý thấy rồi mới làm kết giới.

Lại nữa nếu là người bệnh thì làm chân ngôn gia trì vào thuốc nước cho uống. Hoặc ở trong rừng hay nơi đồng nội, dùng hoa Côtô-ma đặt nơi tháp Phật chùa Phật an trí trước hình tượng kinh điển chính pháp mà cúng dường, quán Phật Bồ-tát tâm an lạc lợi ích tất

cả chúng sinh. Bệnh tật này ắt được các Dược-xoa hộ trì sẽ được thoát khỏi.

Lại nữa, trước tiên niệm tu theo nghi thức hành pháp Phổ Hiền. Trong nghi quỹ này mới thấy biên giới cùng tận. Nghĩa là với Đê-lí Tam-muội-da này thì dầu không tắm gội, rửa mặt súc miệng và bắt tịnh, hoặc ăn cá thịt đều không có lỗi.

Nhưng người làm ân khế, tức bắt ấn bằng các ngón tay, thì đều không được ăn, vì không trái với bản nguyện, và cũng không ngồi cùng giường ghé nệm với những người khác, cũng không nhảy nhót. Học hạnh tín giải này không khuynh động cũng chớ nên nghi hoặc. Nếu trước phá giới, đây cũng thành tựu, có trí không trí chắc chắn đều thành.

Lại như kia nói nếu tâm Bồ-đề kiên cố được ý chuyên chú, nên lìa bỏ sự nghi hoặc này thì hoàn toàn thành tựu.

Luận nói:

Tâm Bồ-đề kiên cố, là nhất định nói lợi ích các dị sinh v.v... khiến tâm không thoái lui tùy theo người chưa nhập địa. Nói như vậy là muốn được đem ánh sáng bình minh chiếu rọi vào nơi đầy tăm tối.

Nếu lại mong cầu thành tựu thì như thế nào gọi là phúc tốt? Muốn thành tựu này phải trừ bỏ tâm biếng nhác. Nhưng nhập vào thánh địa tích tập vô lượng phúc, vượt qua các ác đạo không bị chìm đắm rộng lớn, nói trước được đó là lỗi lầm. Hoặc không chân ngôn mà niệm tụng không biết văn tự tăng giảm, đây không có tội lỗi. Nếu như tăng giảm quên mất thứ lớp đều không có lỗi. Huống chi tin tâm Bồ-đề xả bỏ tự lợi ra làm tính toán quan sát mà chuyển, chắc chắn được thấy chư Phật và Bồ-tát v.v... được thành tựu đây. Hoặc dùng chân ngôn Chấp kim cương làm người bảo hộ.

Chân ngôn nói:

( *Phiên âm Hán:* )

*Na mô tát đễ lí, dã thễ vĩ, ca, nã, đát đà, nga đa, nã, tát lí  
phước, phước nhĩ la, đạt la, noãn, tán noa tán noa mạt la mạt la  
phước nại la, phước nại la, phiến, đa na phiến, đa na phả la phả la  
phước la phước la ma, la noa ma, la noa phước nhĩ la, nại la tả tát  
phổ, tra, la lệ đa thi kha la tam mãn đa phước nhĩ lí, nê nhập phước, la  
nhập phước, la na mô tốt đồ, a ngọt lỗ, nga la, xá, tát na, nã, la noa  
la noa hồ la hồ la phả la tát phát, tra, phước tổ lô, đồ di tát phước, ha.*

( *Phiên âm Phạn:* )

*Namastraiyabdhikanam Tathagatanam sarvavajradharanam  
candala candala cala cala vajra vajra santana santana phalana  
phalana cara cara marana marana vajradalakata lalitasikhara  
samantavajrini jvala jvala namostu te agrograsasananam rana rana  
ham phula sphata vajrottame svaha*

Tụng chú này trong khoảng sát-na những thứ gây chướng ngại như Tần-na-dạ-ca thấy đều chạy tan. Chư thiên long v.v... đều dùng ẩm thực y phục ngọa cụ phụng sự cúng dường, cho đến gia trì tịnh thủy, hoặc tùy ý chỗ thấy mà bảo hộ.

Lại nữa mọi việc ra làm thì tụng Tâm chân ngôn của Bất Động minh vương như sau:

( *Phiên âm Hán:* )

*Na mô tam mãn đa, phước nhĩ la, noãn, đát la, tra a mô, khư  
tán noa ma ha, lỗ sắt, noa tát phổ, tra, dã hồng, đát la, tra, hạ. Án  
mạt lãng nại nhĩ đế nho, ma, lệ nhĩ tát phước, hạ.*

( *Phiên âm Phạn:* )

*Namah samanta vajranam trata amogha candamaharosana  
sphataya hum phramaya phramaya hum trata hum mam palam dade  
te jomalini svaha.*



Khi mới bắt đầu ăn, tụng chân ngôn này bảy biến sau đó mới ăn, chư Phật Dược Vương và chúng Bồ-tát do niệm tụng làm tiêu các độc loại.

Chân ngôn như sau:

(*Phiên âm Hán:* )

*Đát, đà, y lệ mật đế để lệ mật đế y lệ đế lệ mật đế nỗ nhĩ nỗ phược, lê, đệ đát lí kế, đát lí cát, la ni ma ma lí nhĩ, ma lí ma, la ni cát tát di, lí cát tát di, la mục ngật đế, a khư nhĩ a khư na khư nhĩ y lệ y lê duệ a kha, dĩ, duệ a bà, y duệ vĩ để tát vĩ, đa đôn ni a na, nỗ la sát tá phược, hạ.*

(*Phiên âm Phạn:* )

*Tadjatha ilimitte ilimitte ilimitedumbe duhse duhsaliye dumbaliye takke tarkkarane marmme marmaranekasmire kasmiramukye aghane aghanaghane ilimiliye akahpye apapye svete svetatunde ananu rakase svaha.*

Lại nữa, nếu nghe minh chú này trong bảy năm không bị rắn độc cắn. Giả sử bị cắn thì đầu rắn vỡ làm bảy phần như ngọn cây lan hương. Nếu người trì minh chú này thì trọn đời không bị rắn độc cắn vào người. Câu chân ngôn này chớ đọc trước rắn. Vì sao vậy? Vì rắn sẽ bị chết.

Chân ngôn như sau:

(*Phiên âm Hán:* )

*Đát, đà, y la, tức la, tá cô, phược cô, cô ni, cô, ni để nhĩ cô lô noa, nhĩ cô lô ni để bố, noa, bố, ni để bỏ lô noa, bỏ lô ni để phổ tra la hứ phổ tra định, noa la hứ na, nghiệt la hứ na, nghiệt tra định noa lạt hứ tát lí ba, lạt hứ tát lí ba, đa phược đa lệ yết la lí yết la lí đàn ni đàn ni đát ni, đát ni đa, ni đa, ni mật la mật la tát phổ, tát phổ, tra, phát tra, tát phược, ha, y để hứ mịch xoa vu cữu, ngô liêm, vĩ, diêm la tát*

đà, ô nại, yết lí, đà, diêm, tát lí phược, phỏ đà tam ma, nghiệt nhĩ tát lí ban, đát đà, a na đán đà, phỏ đăm tát đà a vĩ bát lê, đăm a vĩ bát lí dã, tát đăm, y nại vĩ sa ma vĩ sam bà phược đở nại đà, lăm nghiệt xán đở năng sắt tra la, lăm nghiệt xán đở a ngật nhĩ, nghiệt xán đở hạ lam nghiệt xán đở tát đăm, bông nghiệt xán đở cô tra dã, nghiệt xán đở phỏ minh nghiệt xán đở phiến, đĩnh nghiệt xán đở tát phược, ha.

(Phiên âm Phạn:)

*Tadyatha illa cilla cakko bakko koda kodoti nikuruda nikurudeti poda podeti moda modeti puruda purudeti phataraha phudatanda rahe naga rahe nagatatanda rahe sarpa rahe sarpatatandarahe chala visasate sitacattale halale halale tandi tandi tada tada tadi tadi mala mala sphuta sphuta phutu phutu svaha.*

*Iti hi phiksavo jangulyam vidyayam udahrtayam sarvabhutasamagate sarvam tathavitathananyathabhutam satyamaviparitamaviparyastam idam visamavisam bhavatu dataram gacchatu damstraram gacchatu agnim gacchatu jalam gacchatu sthalam gacchatu stanbham gacchatu kudyam gacchatu bhumim samkramatu santim gacchatu svaha.*

Lại nữa, nếu bị giặc xâm hại thì tụng chân ngôn Ma-lợi-chi như sau:

(Phiên âm Hán:)

Đát, đà, a lí ca, ma tỉ ma lí ca, ma tỉ phược na ma tỉ át đà lí đà, na ma tỉ bát thể nhĩ la xoa ô đát ba, thể nhĩ la xoa hạ na đò, nhĩ la xoa la, hạ đò, nhĩ lạc xoa tô, la đò, nhĩ lạc xoa tinh hạ đò, nhĩ lạc xoa dương, khát la, đò, nhĩ lạc xoa na, nghiệt đở, nhĩ lạc xoa tát lí ba, đò, nhĩ lạc xoa tát lí phược, đò, nhĩ lạc xoa lạc xoa, tát lí phược, bà duệ-tì dược, tát lí vũ, ba nại la, vũ, ba tát lí ngô, bá, dã, tế-tì dược, tát phược, ha. Án, phược để lệ phược để lệ tát lí phược, nột sắt tra, năm, ngật lăm, đĩnh măn đà, nhĩ tát phược, ha. Na mô, la đát na, dạ,

*dã. Na mô, ma, lí, tãi nhĩ phược đả, dị ma, lí, ta, nhĩ phược đả, dã, ngật lí, nại diêm ma, phược lí đả, duệ xa, nhĩ đát, đà, phược đả lệ phược nại, lệ phược la, lệ phược la, ha mục khế tát lí phược, nột sất tra, nẫm, mẫi đà mục khám tát phược, ha.*

(*Phiên âm Phạn:* )

*Tadyatha parakramasi udayamasi vairamasi arkamasi markamasi vanamasi antarddhanamasi pathe me raksa utpathe me raksa janato me raksa cairato me raksa rajato me raksa simhato me raksa vyaghrato me raksa nagato me raksa sarpato me raksa sarvato me raksa raksa raksa mam sarvasattvamsca sarvaphayebhyah sarvopaye sopasargebhvah svaha. Um vaeili umvadili sarvadustanam granthim vandami svaha.*

*Namo ratnatrayaya namo maricyai devatayai maricya detaya hrdayamavartayisyami. Tadyatha battali badali badali barali vara hamukhi sarvadustanam nivaraya bandha mukham svaha.*

Do niệm minh chú này xuất sinh vô lượng đại đức oai quang. Lại nữa năm bảy chữ thuộc Trì Minh Tạng, đối với các sự sợ hãi bảo hộ lợi ích.

Chân ngôn như sau:

(*Phiên âm Hán:* )

*Đát, đà, yết chi mạt chi na chi cô na chỉ tra chỉ xá la chỉ xá la chỉ ô lô mạt để lô lô mạt để đồ lô hứ lệ nhĩ lệ tát lí phược, nghệ dã, nễ ba nại nga. Na mô, tát lí phược, tam ma tam một đà, noãn tất điệi đô nhĩ mẫi đát la, bát nại, tát phược, ha.*

(*Phiên âm Phạn:* )

*Tad yatha atte batte natte ku natte take thake tharake uru mati ruru matitu ru hi li mi li sarvajno dupadagga namo sabba samma sam buddhanam me manta padah svaha.*

Luận nói:

Việc hộ thân này là dùng thuốc thang y phục v.v... vì lợi ích chúng sinh trước làm như thế này. Nghĩa là đối với những vật đã thụ dụng khởi tội nhiễm ô, do đó Bồ-tát đối với các chúng sinh tất cả đều phải xả bỏ.

Lại nữa nếu không mong cầu vật gì khác, không đấm trước những vật đã dùng thì chỉ có khởi tội nhiễm ô đối với việc ăn uống. Tuy không nghĩ đến ăn uống, đối với việc chúng sinh hoặc không yêu thích, nghĩa là đối với vật ăn uống khởi tưởng là vật khác thì không tội nhiễm ô. Nhưng chỉ tự lợi là đầy đủ tội. Đối với biệt giải thoát bị tội Ba-la-di.

Lại nói chỗ thụ dụng này thì tất cả chúng sinh kia là chủ hay tất cả chúng sinh này là chủ? Nếu hộ thân như thế thì đều làm lỗi. Không phải như kẻ nô lệ thường phục dịch cho một chủ sai khiếm. Vật gì là sở hữu của mình tức cũng là sở hữu của người khác.

Nhưng trong Kinh Pháp Tập nói:

Bồ-tát ví như đưa trẻ đi ở mướn, thay thế cho tất cả chúng sinh mà làm việc.

Luận nói:

Chẳng phải nói đối với một chủ là vì lợi tha. Giả sử nếu đưa trẻ ở mướn bị bệnh, chủ chưa nói mà hoặc trước cho ăn không bị lỗi ư? Bồ-tát tu như vậy tạo sự thân cận mà không biết việc đó. Nếu tâm có thể biết rõ lý thanh tịnh này hành quảng đại xả, nhưng đối với lý ấy chớ nên nghi hoặc, tất cả đều nên xả bỏ. Như trước Phật nói là trường hợp khẩn cấp, bảo hộ thân này là vì lợi chúng sinh, phải hiểu rõ nghĩa này, khai thị hợp lý để không quên mất.

## Phẩm 7: HỌC XỨ VỀ HỘ THỤ DỤNG PHỨC 1

Luận nói:

Như thế đã giải thích hộ thân nên biết. Nay sẽ nói về người thụ dụng sự bảo hộ.

Lại nữa khởi thiện tu tác, trong đó dùng trí quan sát. Các học xứ này việc hộ thụ dụng không khó.

Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Các học xứ này bình đẳng thấy các việc thiện mà làm. Làm các việc thiện là quán sát rất xa bỏ các thụ dụng.

Luận nói:

Xa-ma-tha này dung nạp thời sau, nhưng đối với lý này hiểu như đã nói tức thành tựu. Nghĩa là như tiết bỏ sự thụ dụng mà đối với sự việc này thành tựu thật sự tự nhiên hơn các thụ dụng rộng nhiều khác. Tôn mà có thể xả bỏ, ngoài ra không có gì khác.

Lại nữa, như Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Vợ con, tôi tớ, người làm công là những người chính đáng được thụ dụng. Hoặc tự hoặc tha, nghe Bồ-đề phân cấm tuyệt việc làm này. Bỏ hay không bỏ không thành vấn đề, phải rất cân nhắc đối với lợi ích chúng sinh. Và Bồ tát là người phải rất khéo giỏi cân nhắc nên cấm tuyệt không làm việc làm này, bỏ hay không bỏ không thành vấn đề, đây được thành tựu.

Về chỗ nghi ngờ này, trong Bồ Tát Biệt Giải Thoát cũng có nói như vậy:

Lại nữa Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát xuất gia cầu Bồ-đề phân phải biết nói về thí.

Sao gọi là thí ? Nghĩa là hoặc sắc thí cho đến pháp thí. Là người pháp thí, Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát tại gia dùng bảy báu đầy trong các

cõi Phật số như cát sông Khắc-già đem bỏ thí Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác.

Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát xuất gia dùng một bài kệ bốn câu như thuyết tu hành, cho đến vì người giảng nói, phúc đức này hơn kia.

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Lẽ nào đối với người xuất gia chư Như Lai không nói đến tài thí ?

Nói tóm lại, Xá-lợi tử ! Nếu được thức ăn đầy bát và dư nên phân chia cho những người đồng phạm hạnh.

Nếu họ lại đến cầu xin hoặc y hoặc bát, thì như Phật dạy nếu có nhiều hơn ba y thì tùy nên xả thí.

Nếu thiếu ba y hoặc vì y chỉ trụ tu tịnh phạm hạnh thì trường hợp này không nên xả.

Sở dĩ vì sao ? Vì Như Lai hoàn toàn không nói thí ba y này.

Xá-lợi tử ! Bồ-tát khi dùng ba y kia thí cho người cầu xin, nhưng không thiếu sự gần gũi.

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Bồ-tát xuất gia chỉ nên vì pháp mà gần gũi. Kia nếu có cầu xin thì phải biết tiếp nhận. Chỉ một chúng sinh mà chưa đem lại lợi ích nói gì nhiều chúng sinh. Cho nên Bồ-tát đối với chúng sinh phải có tâm sâu xa tu tập làm việc lợi ích. Nếu giẫm mất lợi lớn thì diệt mất việc thiện. Như vậy là nói vì một sát-na mà xa lìa thiện phần rộng lớn. Cũng vậy, cho đến vấn đề xả bỏ hay không xả bỏ.

Lại nữa, như Kinh Hải Ý nói:

Người Đại thừa cắt đứt nhiều tài lợi. Cho đến ta quyết định nói Bồ-tát phải làm được như vậy.

Do đâu có thể vào làm được ?

Như Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn có nói rộng.

Luận nói:

Nếu nói tu hành vị tha thì phải xả kỷ.

Như Kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết nói:

Hỏi: Duy-ma-cật ! Sợ sinh tử nên dựa vào đâu ?

Đáp: Văn-thù-sur-lợi ! Bồ-tát sợ sinh tử nên dựa vào công đức của Như Lai.

Hỏi: Muốn nương vào sức công đức của Như Lai nên dựa vào đâu mà trụ ?

Đáp: Phải trụ vào chỗ giải thoát tất cả chúng sinh. L a i như Kinh Pháp Tập nói:

Bồ-tát Thương Chủ bạch rằng: Thế Tôn ! Nếu Bồ-tát ưa muốn Bồ-đề, thì trước hết là vì tất cả chúng sinh chứ không vì mình. Thế Tôn ! Đó gọi là pháp tập.

Luận nói:

Bỏ cái này tức thành tự lợi.

Hỏi: Vì sao giảm mất lợi ích chúng sinh ?

Nghĩa là ôm tâm sợ sệt không vì chúng sinh mà tự gánh vác nhiệm vụ nặng. Do giảm mất nên không quan sát lợi tha, nào có khác chi chỉ ở thế gian tu hạnh tự lợi. Nghĩa là nếu Bồ-tát không xả bỏ cái đức của mình để làm thành điều thiện cho người khác, hoặc sợ mình thụ khổ não nơi đường ác. Đây là hai loại, nghĩa là nếu là khổ thì ta hoặc sẽ thụ, nên không nên bỏ. Như kinh đã nói bị tội báo lớn.

Như Kinh Bảo Tích nói:

Phật nói: Ca-diếp-ba ! Có bốn pháp gọi là tương tự Bồ-tát. Nghĩa là tự lợi cầu an và không té độ chúng sinh khổ não v.v...

Lại nữa, Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói như sau:

Nếu nói trước không có ngã chấp, tức là học xứ của Bồ-tát.

Cũng như Kinh Pháp Tập nói:

Cụ thọ Tu-bồ-đề bảo Bồ-tát Vô Sở Phát rằng:

Thiện nam tử ! Bồ-tát phải trụ như thế nào ?

Đáp: Nếu vì chúng sinh không bỏ chính hạnh.

Hỏi: Thế nào là vì chúng sinh không lìa chính hạnh ?

Đáp: Nghĩa là không bỏ đại từ đại bi.

Tu-bồ-đề nói: Thế nào là đại từ của Bồ-tát ?

Đáp: Nếu đem thân mạng và các gốc thiện thí cho tất cả chúng sinh mà không cầu báo.

Lại hỏi: Thế nào là đại bi của Bồ-tát ?

Đáp: Nếu Bồ-tát ưa thích Bồ-đề thì trước tiên là tất cả chúng sinh, mà không tự mình thủ chúng.

Kinh ấy lại nói:

Tất cả học xứ của Bồ-tát đây lấy đại bi làm gốc. Thế Tôn rất ráo khiến các Bồ-tát kia không đoạn dứt lợi tha, đó là nghĩa của Bồ-tát. Cho nên chắc chắn cứu cánh không phải nhất định cứ một mặt vì hại sinh tử, mà ta phải quán như biển phúc lớn với nghĩa thí lợi ích rộng lớn.

Lại nữa Kinh Quyết Định Tịch Tĩnh Thần Biến nói:

Xưa có một ông vua thấy một Tì-kheo nhập Diệt tận định trong một ngàn năm. Vì nhân duyên ấy, có các Tì-kheo đọc tụng kinh điển cầu hạnh Bồ-tát, tôn trọng pháp muốn thụ tín thí thực, phát tâm như thế này: Ta vì cầu pháp dùng thiện căn này vì pháp xả thí nào tiền bạc cùng các thứ diệu lạc, tuần tự như trước nói là không làm lỗi, hoặc đều nói là phúc hộ thụ dụng.



Luận nói:

Lại nữa rộng vui quả báo tự lợi giữ gìn thanh tịnh.

Như Kinh Na La Diên Sở Vấn nói:

Người giữ gìn giới chẳng phải nguyên nhân là vì quốc vương, chẳng phải vì sinh về cõi trời, chẳng phải vì Thước-ca-la, chẳng phải vì thụ dụng, chẳng phải vì giàu có sung sướng, chẳng phải vì hình dung sắc tướng, chẳng phải vì hiển sắc, chẳng phải vì tiếng khen. Cho đến người giữ gìn giới không sợ địa ngục, cũng không sợ súc sinh, giới Diêm-ma-la. Nói tóm lại người giữ giới chỉ trừ được trụ Phật nhãn. Cho đến người giữ gìn giới là vì lợi lạc tất cả chúng sinh. Vì nghĩa tương tự, giới uẩn của Bồ-tát có hành tướng như vậy được đầy đủ mùi pháp không giảm mất.

Những gì là mùi ? Đó là được Chuyển luân thánh vương mà không giảm mất. Cầu Phật Bồ-đề cũng không tạp loạn, được Thước-ca-la cũng không giảm mất. Nguyên thủy chư Phật được không chướng nạn. Như vậy làm Phạm thiên vương cũng không giảm mất. Nghe diệu pháp được không thoái đọa, cho đến như chỗ được nghe đọc tụng kinh pháp, đủ hạnh Bồ-tát đều không giảm mất. Đối với các thiện pháp không dứt mất biện tài, cầu thiền định sâu cũng không giảm mất. Cho đến như vậy trụ trong giới uẩn của Bồ-tát Ma-ha-tát. Thường được tất cả lễ kính. Nghĩa là trời rồng Dạ-xoa Càn-thát-bà v.v... cúng dường cung kính ca tụng ngợi khen. Cũng được các long vương, A-tu-la vương v.v... thường tôn trọng, các Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ thân cận, và các người trí khen ngợi ngưỡng mộ, được Phật khen ngợi hỏi han, nào trời nào người tất cả chúng sinh thương mến. Cho đến không làm bốn hạnh, chỉ trừ hạnh hóa độ chúng sinh.

Những gì là bốn ? Đó là không làm hạnh vô tướng, cũng không làm trống rỗng các cõi Phật, cũng không sinh vào nhà tà kiến và đọa các cõi ác.

Luận nói:

Như trước đã xả bỏ sức phiền não và kiêu mạn, giữ gìn phúc báo, lại hành bố thí, nhưng đối với phúc ấy không mong cầu báo. Đây muốn gìn giữ là chỉ vì lợi tha mà sau không hối hận.

Như Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn nói:

Nếu đã bố thí rồi, dù cho tâm không sinh hối tiếc nhưng còn vương vấn theo, hoặc nghĩ ngợi buồn rầu hay không nghĩ ngợi buồn rầu v.v... đều gọi là truy hối, giảm mất phúc báo khiến tội tăng trưởng. Nếu che giấu không phát lộ sám hối trước Phật, thì việc làm thiện kia trở thành tính tội. Lại nữa, đối với tội ấy nếu hành sám hối diệt trừ thì do đó không tội mà được phúc hỷ.

Luận nói:

Lợi ích chúng sinh, là không đem cái tâm vì tài lợi ra mà phát lộ.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Ví như thầy thuốc giỏi tự giải thích về tài đức của mình, đó không phải điều lầm lỗi.

Lại nói người muốn gìn giữ phúc thì đối với hạng Bò-tát vì tiếng tăm lợi dưỡng thường phải tránh xa không đề cao, dùng pháp thanh tịnh xả bỏ ngu si ám chướng.

## HẾT QUYỂN 9

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC ( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 10

#### Phẩm 7: HỌC XỨ VỀ HỘ THỤ DỤNG PHÚC 2

Kinh Bảo Tích nói:

Phật nói: Ca-diếp-ba ! Nếu Bồ-tát đủ bốn pháp đây thì diệt mất thiện pháp chưa sinh, thiện pháp đã sinh thì không tăng trưởng.

Những gì là bốn ? Là đắm sâu thế gian, quá mạn, lời lẽ giả dối, tham đắm lợi dưỡng. Ưa thích chủng tính, không ưa khen ngợi Bồ-tát. Đối với kinh điển chưa giảng nói, chưa nghe đã vội phỉ báng.

Lại nữa Thuyết nhất thiết hữu bộ nói:

Như vậy nếu thấy tháp thờ tóc, móng tay hoặc thân phần của thân thể, thấy rồi sinh lòng tin thanh tịnh, phát tâm cung kính, các Đại đức Tì-kheo, Tì-kheo-ni ấy từ mặt đất trở xuống quá tám vạn bốn ngàn du-thiện-na cho đến vòng kim luân, Tì-kheo ấy có phúc báo thụ dụng gấp ngàn lần bao nhiêu Chuyển luân thánh vương nhiều như số cát. Cho đến Cụ thọ Ưu-ba-li đến trước Như Lai chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Như Phật đã nói thiện căn của Tì-kheo này rộng lớn như vậy. Thế Tôn ! Làm sao có thiện căn như vậy mà Thế Tôn bảo rằng: Ông đối với thiện căn này còn có thể tiêu tan diệt mất ?

Phật nói: Ưu-ba-li ! Nghĩa là nhẫn sự động loạn này mà tùy theo chỗ thấy, như phạm hạnh kia thân với phạm hạnh. Ưu-ba-li ! Do thiện căn đây cũng rộng lớn. Nhưng ông với thiện căn này còn có thể tiêu tan diệt mất.

Ưu-ba-li ! Cho nên phải học như vậy. Lại nữa nếu chứa củi để đốt, tâm có thể không hư hoại huống chi là thức thân kia.

Kinh Văn Thù Thân Biến nói:

Bị đối hại, nghĩa là trong trăm kiếp tích chứa điều thiện, việc thiện đó giảm mất gọi là đối hại.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

Khấp cứu giúp chúng sinh như trước đã nói trong nhân duyên của dạ thần Diệu Đức.

Luận nói:

Ngay cùng lúc đó cùng nhau phi báng, tăng gốc bất thiện, giảm thọ, sắc lực an ổn đều giảm thiểu, không cho thấy chút nào lợi ích, chỉ nói đến theo đuổi tìm cầu tiếng tăm lợi dưỡng làm những việc cao ngạo.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Phật nói: Thiện nam tử ! Bồ-tát nhận của bố thí trân báu nhiều như núi Tu-di, Bồ-tát cũng nhận của bố thí những vật tẻ lậu xấu kém.

Sở dĩ vì sao ? Bồ-tát suy nghĩ như thế này: Do đây mà chúng sinh tham lam tật đố, tiếc vật của mình của người mà thường tranh giành. Do nhân duyên ấy chìm đắm trong biển sinh tử. Ta muốn chúng ở trong đêm dài kia được lợi ích an lạc cho nên thụ của thí của chúng, nhưng cuối cùng không lấy làm của mình, cũng không khởi tâm tham đắm, chỉ vì cúng dường chư Phật pháp tăng, rồi cũng chuyển thí cho tất cả chúng sinh, như kẻ bần khổ được có nuôi thân, cũng làm cho người thí được rất hoan hỷ, đầy đủ như trong kinh ấy nói được thí thì không kiêu mạn.

Kinh ấy lại nói:

Giả sử có người đến đem nhân duyên bồ thí ca tụng ngợi khen, người ấy không sinh cao ngạo cũng không kiêu mạn.

Lại nữa, nếu đối với ta ca tụng ngợi khen thì khởi rồi liền diệt không tồn tại lâu.

Giả sử có hai ba lần lúc này lúc khác chỗ này chỗ khác ca tụng ngợi khen thì phải có trí hiểu biết như thế nào ? Là phải biết rằng các pháp vô thường không trụ, không có sức mạnh, làm cho tâm hạ thấp chớ sinh cao ngạo cũng không kiêu mạn. Như vậy, Bồ-tát đối với những sự ca tụng ngợi khen về tiếng tăm lợi dưỡng đều phải trụ nơi chính niệm.

Kinh ấy cũng nói:

Ví như đứa Chiên-đà-la lang thang trên cõi đời tự nghĩ thân phận thấp hèn mà không kiêu mạn, ở đâu cũng nghĩ mình là đứa ăn xin.

Kinh ấy lại nói:

1. Bồ-tát nếu bỏ nhà xuất gia, bị thân bằng quyến thuộc lia bỏ, nghĩ mình như đã chết rồi, do đó mà đê bệch được ngã mạn.

2. Đã hủy hoại cái vẻ đẹp đẽ bề ngoài, mặc áo tu, thân hình khác tục, do đó mà đê bệch được ngã mạn.

3. Cạo bỏ râu tóc, cầm cái bát ăn xin, đi xin khắp nơi không kể người thân hay không thân, do đó mà đê bệch được ngã mạn.

4. Như đứa Chiên-đà-la hạ tiện đi xin ăn, do đó mà đê bệch được ngã mạn.

5. Do xin ăn nên được sống thành ra hệ thuộc vào người khác, do đó mà đê bệch được ngã mạn.

6. Tuy bị người khinh chê là kẻ ăn xin nên cũng được người ta thí cho, do đó mà đê bệch được ngã mạn.

7. Tôn trọng cúng hiến A-xà-lê, do đó mà đê bệch được ngã mạn.

8. Oai nghi đi đứng thông thả ngay ngắn khiến người phạm hạnh trông thấy hoan hỷ, do đó mà đê bẹp được ngã mạn.

9. Đối với Phật pháp chưa được, nguyện rồi sẽ được, do đó mà đê bẹp được ngã mạn.

10. Đối với tâm giận dữ, thực hành nhiều nhẫn nhục trong hữu tình, do đó mà đê bẹp được ngã mạn.

Lại nữa Kinh Hải Ý nói:

Nếu Bồ-tát được thân thanh tịnh, đủ tướng trang nghiêm tay chân mềm mại, thù diệu khả ái, được phúc sinh thân, các căn không thiếu, thân phần viên mãn. Nhưng đối với thân hình đẹp đẽ cũng không say mê kiêu ngạo, không lấy sự trang nhã cao sang mà cầu thú vui trong sự chạm xúc. Nếu các chúng sinh có các thứ sắc tướng thì Bồ-tát bấy giờ vì cầu pháp nên khiêm tốn hạ mình cung kính.

Kinh ấy lại nói:

Ví như biển lớn ở vùng đất thấp có các sông ngòi và các dòng chảy đều mau chóng đổ vào.

Thế Tôn ! Bồ-tát kính trọng sư trưởng tâm không làm cao, cũng giống như vậy. Tất cả pháp môn rất sâu và các thiện pháp vi tế mau chóng vào tai.

Thế Tôn ! Cho nên Bồ-tát an trụ chính niệm. Nếu ngã mạn làm cao không trọng sư trưởng, cũng không cung kính lễ bái, phải biết là Bồ-tát đã bị cái móc câu của ma chế ngự rồi.

Lại nữa, như Phạm xuất thế gian nói:

Phật nói: Phật tử ! Bồ-tát có mười thứ việc ma. Những gì là mười ?

1. Đối với Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn trụ nơi chính hạnh hướng đến chính đạo mà không khởi tôn trọng, đó là việc ma.

2. Với các pháp sư nói pháp thù thắng, nói pháp rộng lớn, trong Đại thừa biết Niết-bàn đạo, và các khế kinh được tông tri vương không ngừng nghĩ, thế mà đối với pháp sư không khởi tôn trọng và không làm thiện xảo đối với những gì được nghe, đó là việc ma.

3. Ở trong pháp hội nghe thuyết đại pháp mà đối với pháp sư không khen ngợi không khởi tịnh tín, đó là việc ma.

4. Hay khởi quá mạn, giữ lấy kiên chấp của mình khinh miệt người khác, hiểu biết sai lầm tâm không lựa chọn, đó là việc ma.

5. Hay khởi quá mạn tự không hiểu biết, đối với A-la-hán Bồ-đặc-già-la thật có đức hạnh mà lại che giấu cho rằng không bằng mình, đáng ngợi khen thì không ngợi khen, đó là việc ma.

6. Biết rõ pháp ấy luật ấy đúng là Phật nói, nhưng vì ghét người mà thành ghét pháp người ấy nói, hủy báng chính pháp rồi thụ trì khác đi, đó là việc ma.

7. Tự cầu chỗ ngồi trên, cho rằng mình hành đạo pháp không nên gần với những người chấp sự. Đối với bậc kỳ cựu đại đức tu hành phạm hạnh đã lâu, không đứng dậy đón tiếp, đó là việc ma.

8. Cau mày khó chịu diện mạo không ôn hòa cung kính, nói năng thô tháo để tâm dò xét lỗi lầm, đó là việc ma.

9. Do tăng thượng mạn nên ưa đùa giỡn, không thân cận người có đức, không sinh cung kính, cũng không tư vấn hỏi han cho biết những gì là thiện những gì là bất gthiện, những gì nên làm những gì không nên làm. Lại nữa làm những gì thì trong đêm dài được lợi ích an lạc. Lại nữa làm những gì thì trong đêm dài không được an lạc lợi ích. Si mê u tối hung hiểm là do tăng thượng mạn níu giữ không cho ra nơi sáng suốt, đó là việc ma.

10. Do tăng thượng mạn che khuất, dẫu Phật ra đời cũng lại xa lìa, làm hư hoại thiện căn đời trước, hoàn toàn không khởi cái mới,

nói những điều không nên nói gây nhiều đấu tranh. Nghĩa là pháp hành này trở lại thành chỗ sa vào tà ác lớn. Đối với tâm Bồ-đề, căn, lực, thánh tài, đây đều không đạt được, trong trăm ngàn kiếp thường không gặp Phật hưởng chi là nghe pháp.

Đó là mười thứ việc ma.

Phật nói: Phật tử ! Bồ-tát bỏ mười thứ việc ma này sẽ được mười thứ nghiệp trí tuệ.

Luận nói:

Trong đây nghiệp trí tuệ là nói khéo trụ trong việc hóa độ tất cả chúng sinh.

Kinh Hộ Quốc nói:

Người kia đọa vào tội ác Miệt-lệ-xa, sinh nơi biên địa bần cùng hạ tiện, mù lòa câm điếc, đần độn không có oai đức, gần gũi kẻ ngu mê chấp trước ngã mạn.

Lại như Kinh Pháp Tập nói:

Nghĩa là các Bồ-tát muốn có cõi Phật thì lấy cõi chúng sinh làm cõi Phật. Do đó được các Phật pháp. Không hoại chính pháp, nghĩa là thiện hạnh, ác hạnh, không hạnh nào không y chỉ vào chúng sinh mà chuyển. Cho nên người làm ác dựa vào tội ác khởi. Người làm thiện dựa vào nhân thiện v.v...

Kinh Bảo Quang Minh Đà La Ni nói:

Phật nói: Phật tử ! Bồ-tát sơ phát tâm này trước đối với tất cả chúng sinh phát mười thứ tâm. Những gì là mười ? Đó là tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm thương xót, tâm nhuận trạch, tâm ái lạc, tâm nhiếp thủ, tâm bảo vệ, tâm bình đẳng, tâm dạy dỗ, tâm ngợi khen. Mười thứ phát tâm này là để đi vào sức tin hiểu.

Kinh Tài Ấn nói:



Ta đã được tất cả chúng sinh làm đệ tử, lại khiến các chúng sinh ấy được tất cả chúng sinh làm đệ tử, cho nên đều được an ổn. Nói tóm lại, ta đã trước trụ tâm nơi cung kính lễ bái, rồi cũng giáo hóa tất cả chúng sinh phải trụ tâm nơi cung kính lễ bái.

Lại nữa Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết nói:

Nếu lạc thuyết thế gian thanh tịnh không khó thì tùy chỗ hóa độ điều phục tất cả hữu tình sinh về cõi Phật thanh tịnh.

Luận nói:

Nếu ngồi xôm rửa chân suy nghĩ nên làm sao có thể yêu thích tôn trọng ?

Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói:

Bấy giờ có một ông vua tên là Pháp Âm Cái ở trong đại chúng ngồi tòa sư tử, có nhiều người đồng thời chấp tay đứng trước mặt cung kính làm lễ nhà vua. Cho đến khi ấy vua Pháp Âm Cái trông thấy các người đi xin, sinh đại hoan hỷ và rất thương xót.

Giả sử trong ba ngàn cõi đều là Chuyển luân thánh vương trải vô số kiếp được các diệu lạc quá hơn trước nói, cho đến vua trời Tịnh Cư tròn số kiếp không giới hạn tu hành pháp môn tịch tĩnh giải thoát cũng quá hơn trước nói, thiện nam tử ! Ví như có người chỉ thực hành yêu thương nuôi dưỡng cha mẹ anh em chị em bạn bè nam nữ thê thiếp, một thời gian lâu chia cách sau tình cờ gặp nhau ở một nơi hoang dã cùng nhau an ủi hỏi han, cực kỳ yêu mến quý trọng nhìn nhau không rời.

Thiện nam tử ! Vua Pháp Âm Cái này cũng như vậy, trông thấy các người đến xin rất yêu thích tâm sinh hoan hỷ, phát sinh vô cùng hy hữu, cho đến đối với những người đến xin này tưởng như con mình, sinh tưởng như cha mẹ, sinh tưởng như phúc điền, tưởng như thiện tri thức, tưởng như sức kiên cố, tưởng như rất khó được gặp,

tưởng như làm được việc khó làm, tưởng như làm nhiều, tưởng như đã hoàn thành được việc cao tốt, tưởng như trụ gần đạo Bồ-đề, tưởng như được A-xà-lê răn dạy. Nếu như những người đến biết chỗ thừa sự của tính chúng sinh thì bình đẳng không ngại xả bỏ tất cả, dẫu bỏ thân mình cho ý muốn của chúng, như lau chùi làm cho nơi ấy sạch sẽ trang nghiêm xả bỏ sự lợi lạc của riêng mình v.v...

Luận nói:

Nếu chủ nhân là tịnh tín thì người hầu hạ kẻ tùy tùng cũng phải có lòng tin thanh tịnh, dạy dỗ đầy đủ lợi ích. Phải có ý nghĩ như vậy. Từ trước đến nay mỗi khi Tì-kheo có bệnh, xưa Phật Thế Tôn còn làm việc giúp đỡ.

Như Tì Kheo Tạp Tụng Luật nói:

Phật nói: Phật tử ! Người chớ nên ghét bỏ Tì-kheo bệnh này. Ta là bậc tôn quý trong hàng Tì-kheo mà còn phục vụ giúp đỡ, chăm y áo cho Tì-kheo bệnh này cho đến giặt giũ tắm rửa.

Nghe Phật nói thế, bấy giờ Cụ-thọ A-nan-đà bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Như Lai chớ nên giặt y cho Tì-kheo bệnh này, vì nó che đậy đồ bất tịnh. Xin để con giặt.

Phật bảo A-nan: Ông hãy giặt y cho Tì-kheo bệnh này. Như Lai sẽ tự tay dội nước cho.

Bấy giờ Cụ-thọ A-nan-đà giặt y cho Tì-kheo bệnh, trong khi Như Lai tự tay dội nước v.v... Rồi Cụ-thọ A-nan-đà nói với Tì-kheo bệnh: Được rồi ! Thầy nên ngồi dậy, tôi sẽ đưa thầy ra ngoài tắm rửa.

Trong khi tự tay dội nước, Như Lai nói với A-nan bài kệ rằng:

*Ông phục vụ rộng lớn,  
Giúp đỡ sinh hoan hỷ.  
Đừng ưu khổ tổn não  
Mà lia bỏ chúng sinh.*

Nếu người tịnh tín này,  
Thành tựu ruộng phúc tốt,  
Sở hữu trong thế gian,  
Chẳng ngoài các chúng sinh,  
Ví như ý, hiền bình,  
Muốn rượu, sữa, nước ép,  
Tôn trọng lời chư thiên,  
Cho nên sinh cung kính.  
Giống như cô dâu mới,  
Làm việc quên nghỉ ngơi.  
Cứu vô lượng chúng sinh,  
Rồi sau mới giải thoát.  
Nếu hiện tiền tôn trọng,  
Cung kính đội trên đầu.  
Chúng sinh trong bụi tóc,  
Nhất tâm không dám động.  
Dẫu đọa ngục A-tì,  
Nếu nay tạo, phải tạo.  
Cửa cứu độ rộng lớn,  
Tu hành thiện như vậy.  
Tự ngã là chủ tể,  
Nghĩa ngã không thể được.  
Với các tạo tác kia,  
Không bị mạn sai khiến.  
Hỷ lạc tịnh các căn,  
Khổ nên vào phiền não.  
Do hỷ, mặc các căn  
Vì làm hóa độ này.  
Chúng sinh nếu tại khổ  
Toàn thân như lửa cháy  
Tâm vui theo các dục,

Có phương tiện thương xót.  
Thương những kẻ tạo khổ,  
Nên ta cầu khổ đây.  
Nếu mệt mỏi nhẫn chịu,  
Nếu tội phải sám hối.  
Dẫu ở nơi Thế Tôn,  
Đầu chân đều tan hoại.  
Ta bỏ các thế gian  
Vì phụng sự Như Lai.  
Ta tạo các chúng sinh,  
Thương xót không nghi hoặc.  
Thấy những người như vậy,  
Mà sao không tôn kính ?  
Ta phụng sự Như Lai,  
Chính thành nơi tự lợi.  
Vì trừ khổ thế gian,  
Nên ta giữ tịnh giới.  
Giả như có người mạnh,  
Xô ngã cả đám đông.  
Nguyện luôn thấy chúng sinh,  
Không bị ai làm được.  
Lại nếu đám người mạnh,  
Thế lực đều như vua,  
Hướng không uy như vậy,  
Sao có thể trị phạt.  
Dẫu gặp thời bạo chúa,  
Quan cai trị, ngục tốt,  
Ra sức tâm bi mẫn,  
Cứu giúp các hữu tình.  
Quá giận thì làm gì ?  
Thà đồng địa ngục khổ.

*Nếu bức não chúng sinh,  
 Tạo ra cũng phải chịu.  
 Đại hỷ thí cái gì ?  
 Lẽ đâu cho chính giác.  
 Nếu hoan hỷ chúng sinh,  
 Tạo đây cũng phải chịu.  
 Người sau sẽ thành Phật,  
 Ra cứu độ chúng sinh.  
 Sao không tạm quán tưởng,  
 Hiện tiền trụ xưng tán.  
 Nguy nga thân thanh tịnh,  
 Và tuổi thọ dài lâu.  
 Rồi được nhãn sinh tử,  
 Diệu lạc Chuyển luân vương.  
 Nếu từ tâm cúng dường,  
 Là Đại thân chúng sinh.  
 Do Phật tịnh phúc báo,  
 Là Phật bậc Đại thân.*

Luận nói:

Tu từ tâm quán, như Kinh Nguyệt Đăng nói:

Cho đến cúng dường vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức không thể đếm kể ca-la, tần-bà-la các cõi Phật, cúng dường như vậy rồi, không bằng dùng một từ tâm như vậy lần lượt cúng dường cung kính, thường được xa lìa sự làm cao ngạo và tác ý không đúng lý.

Luận nói:

Giải thích về người có nhất tâm, như Kinh Bảo Vân nói:

Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ-tát tác ý không đúng lý ? Nghĩa là Bồ-tát này một mình ở chỗ nhàn tĩnh không tạp loạn mà có ý nghĩ như thế này: Ta do một mình ở chỗ vắng vẻ yên tĩnh không tạp loạn

cho nên chỉ một mình ta có thể thuận theo pháp luật của Như Lai. Còn các ông Tì-kheo, Bà-la-môn v.v... đều ở nơi tạp loạn, đa số tham đắm nghiệp luân hồi, không thể tùy thuận pháp luật của Như Lai. Đó là Bồ-tát có tác ý không đúng lý.

Kinh ấy cũng nói:

Khi Bồ-tát khởi tinh tiến, đối với sự tinh tiến này không chống lại giáo hội, nghĩa là không tự khoe khoang cái đức của mình, cũng không miệt thị người khác. Như vậy gọi là thiện tuệ phát sinh, tự mình tu tập mà cũng cầu hỏi người khác. Bồ-tát như vậy là được khiêm hạ tinh tiến.

Luận nói:

Đây đã lược nói về sự hộ thụ dụng phúc. Nếu hồi hướng Bồ-đề thì như Kinh Vô Tận Ý nói:

Phật nói: Xá-lợi tử ! Nếu người đem chút ít thiện căn hồi hướng Bồ-đề, cho đến khi ngôi Bồ-đề đạo tràng không bị tan mất. Ví như một giọt nước rơi vào biển lớn, cho đến kiếp số không cùng tận cũng không mất.

## **Phẩm 8: HỌC XỨ VỀ THANH TỊNH 1**

Luận nói:

Nói về hộ thân có 3 thứ thanh tịnh. Nay sẽ nói nghĩa này. Thế nào là thân mình thụ dụng thanh tịnh đều được an ổn ? Nếu người nào nơi thân thị hiện ẩm thực thanh tịnh thì thành thực chính đẳng Bồ-đề.

Như Kinh Bí Mật Đại Thừa nói:

Lại nữa Bồ-tát ở trong một thành lớn hoặc trong một nơi hoang dã có vô số trăm ngàn chúng sinh ở trong đó mà Bồ-tát Ma-ha-tát hiện tướng chết với một thân chúng sinh trong cõi bàng sinh to lớn

đủ cho chúng ăn thịt xác thân. Sau khi mạng chung được sinh cõi trời và các nẻo thiện. Do nhân duyên đó cho đến sau cùng nhập Niết-bàn. Đó gọi là nguyện đời trước thanh tịnh của Bồ-tát.

Ở trong đêm dài sinh tử này báo đáp nguyện đời trước làm việc lợi ích, đến khi lâm chung khiến ăn thịt xác thân, do nhân duyên đó được sinh cõi trời, cho đến cuối cùng nhập Niết-bàn. Nghĩa là nếu thành tựu trì giới, thành tựu tư duy, thành tựu chỗ mong cầu, nguyện đời trước là như vậy.

Kinh ấy lại nói:

Hiện ánh sáng pháp thân vì các chúng sinh làm việc lợi ích, Tịch Huệ phải biết, ví như vị y vương cứu đời gom các thứ thuốc tốt, giã rây hòa hợp làm thành hình một người nữ đẹp đẽ ai cũng thích nhìn, đi đứng ngồi nằm đoan chính mà hay làm các việc bố thí. Có các quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng, trưởng giả, cư sĩ đến nơi vị y vương cứu đời này, thì người nữ được tạo thành bởi các thứ thuốc tốt này tiếp đón hầu hạ. Do tiếp đón hầu hạ mà tất cả đều được nhẹ nhàng an ổn được hết bệnh khổ.

Phật bảo Tịch Huệ: Người hãy quan sát vị y vương cứu đời này trông sâu diệu lạc trừ bệnh cho thế gian mà các y sư đều không có trí như vậy.

Tịch Huệ ! Bồ-tát hiện ánh sáng pháp thân cũng như vậy. Cho đến nam tử nữ nhân, đồng nam đồng nữ và các chúng sinh bị tham sân si đốt cháy nung nấu khắp thân. Nếu trong khoảnh khắc một cái khảy móng tay tất cả phiền não xa lìa sự thiêu đốt thì thân được an ổn nhẹ nhàng. Đó gọi là nguyện đời trước của Bồ-tát cực kỳ thanh tịnh.

Luận nói:

Ý nghĩa thanh tịnh của thân đây, ví như cây lúa bị cỏ bao phủ không tươi tốt được. Đó là mầm Bồ-đề bị phiền não phủ che cũng

không phát triển. Nếu không tư duy đối trị, làm sao có thể giải thoát, khiến được phát triển. Người hãy nhất tâm quan sát kỹ các thế gian. Tội nghiệp thanh tịnh thì thân này thanh tịnh, gọi là chính giác.

Lại nữa về người tội thanh tịnh, Kinh Tứ Pháp nói:

Phật nói: Từ Thị ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu bốn pháp, thì diệt được các tội lỗi tích tụ do trước tạo ra. Những gì là bốn ?

1. Sám hối tội lỗi, thực hành đối trị, sức ngăn chặn, sức y chỉ. Lại nữa, sám hối tội lỗi là cải hối những nghiệp bất thiện đã làm.

2. Thực hành đối trị đã tội tội bất thiện rồi giờ đây phải tạo nhiều thiện nghiệp, và đối đãi bằng các việc lợi ích.

3. Ngăn chặn, tức do đọa tụng cấm giới nên không bị hủy phạm.

4. Sức y chỉ, nghĩa là quy y Phật pháp tăng bảo, cũng không hủy bỏ tâm Bồ-đề. Do có thể y chỉ sức này nhất định diệt được các tội kia.

Phật nói: Từ Thị ! Đó là Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu bốn pháp diệt các tội lỗi đã tạo tích tụ từ lâu.

## HẾT QUYỂN 10



**LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC**  
( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

**QUYỂN 11**

**Phẩm 8: HỌC XỨ VỀ THANH TỊNH 2**

Luận nói:

Lại nữa, phải biết sám hối tội lỗi.

Như Kinh Kim Quang Minh có bài kệ như sau:

*Mười phương trụ thế,  
Lưỡng túc Thế Tôn  
Dùng tâm bi mẫn,  
Chứng biết cho con.*

*Nếu con trước tạo,  
Tội nghiệp rộng lớn,  
Trước Thập lực này,  
Đều xin sám hối.*

*Khi chưa biết Phật,  
Chưa biết mẹ cha,  
Chưa biết thiện ác,  
Con tạo tội này.*

*Tự ý dòng họ,  
Và ý của cải,*

*Tuổi trẻ nghênh ngang,  
Con tạo tội này.*

*Tâm nghĩ miệng nói,  
Tạo các ác nghiệp,  
Bảo không thể thấy,  
Con tạo tội này.*

*Ngu si làm ác,  
Phiền não che tâm,  
Tối tăm không trí,  
Gần ác tri thức,  
Đam vui du hý,  
Hoặc buồn hoặc giận,  
Của tiền không chán,  
Con tạo tội này.*

*Bần cùng xảo trá,  
Tật đố tham lam,  
Chẳng gần thánh nhân,  
Con tạo tội này.*

*Do dục sinh sợ,  
Những lúc đứng đi,  
Không được tự tại,  
Con tạo tội này.*

*Vì dục giận dữ,  
Náo động trong tâm,  
Đói khát bức bách,  
Con tạo tội này.*

*Ăn uống y phục,  
Do 3 thứ đây,*

*Nhiệt não các kết,  
Con tạo tội này.*

*Thân ngữ ý nghiệp,  
Ba thứ ác hành,  
Đủ tướng như vậy,  
Con đều sám hối.*

*Nếu trong Phật pháp,  
Và chúng Thanh Văn,  
Không khởi tôn trọng,  
Con đều sám hối.*

*Lại nếu Duyên Giác,  
Và chúng Bồ-tát,  
Không sinh cung kính,  
Con đều sám hối.*

*Hoặc người có đức,  
Các sư thuyết pháp,  
Không dậy nghinh tiếp,  
Con đều sám hối.*

*Phỉ báng chính pháp,  
Mà thường vô trí,  
Không kính cha mẹ,  
Con đều sám hối.*



*Mười phương Phật ba đời,  
Quán sát hộ niệm con.  
Tâm vận vô duyên bi,  
Nhận cho con sám hối.*

Con ở trong trăm kiếp,  
 Nếu trước tạo các tội,  
 Thường ôm tâm lo sợ,  
 Thương xót nguyện tiêu trừ.  
 Lại tâm thường khiếp nhược,  
 Sợ các tội lỗi đây,  
 Ở trong bốn oai nghi,  
 Chưa hề tưởng hoan lạc.  
 Chư Phật đủ đại bi,  
 Trừ thế gian sợ hãi.  
 Nay xin nguyện tiếp thụ,  
 Giải thoát các sợ hãi.  
 Con trước tạo các tội,  
 Trước Như Lai phát lồ,  
 Xin nước Phật đại bi,  
 Tẩy rửa như phiền não.  
 Lại nếu tội ác này,  
 Tất cả đều sám hối.  
 Nếu các tội đã làm,  
 Đều chẳng dám giấu che.  
 Còn như nghiệp chưa làm,  
 Tất cả không tạo nữa.  
 Là ba thứ thân nghiệp,  
 Và ngữ bốn lỗi làm,  
 Với ba độc ý nghiệp,  
 Tất cả đều sám hối.

Luận nói:

Bồ-tát bị các tội phạm, đại lược có nặng nhẹ.

Cho nên Kinh Ưu Ba Li Sở Vấn nói:

Đối với tội căn bản mà nói thì những gì so sánh nói là nặng ?

Phật nói: Ưu-ba-li ! Bồ-tát trụ Đại thừa, nếu phạm tội tham, nhiều như số cát sông Khắc-già, với một tội sân, trong Bồ-tát thừa mà so sánh hai tội này, chỉ có sân là tội nặng. Sở dĩ vì sao ?

Ưu-ba-li ! Người khởi sân thì lia bỏ chúng sinh, nhưng người khởi tham thì ái hộ chúng sinh.

Ưu-ba-li ! Nếu ái hộ chúng sinh thì không bị phiền não.

Với Bồ-tát, không có các sự sợ hãi tai họa. Cho nên Ưu-ba-li ! Cho đến nếu có phạm tội tham, đều gọi là vô tội.

Nghĩa ấy như thế nào ? Ái hộ chúng sinh thì tăng trưởng như trước, cho nên ta nói thâm tâm có từ bi lân mẫn này.

Phật nói: Ưu-ba-li ! Bồ-tát nếu không có phương tiện thiện xảo thì sợ phạm tội tham. Nếu Bồ-tát có phương tiện thiện xảo này thì sợ phạm tội sân, mà không sợ phạm tham ái kia.

Bởi vì sao ? Phương tiện thiện xảo là đủ hai thứ bi và trí, và không lia bỏ chúng sinh. Nếu bỏ chúng sinh thì chỉ có một trí tuệ duy nhất, ngộ giải khổ không, hoặc duy nhất có tâm bi mẫn, không bao lâu sẽ bị phiền não làm giảm mất.

Như Kinh Phương Tiện Thiện Xảo nói:

Thiện nam tử ! Ví như người thụ trì minh chú bị quyển sách kia trói buộc năm chỗ, nhờ chân ngôn vương đối với chỗ cầu pháp tức có thể siêu vượt. Bởi sức của một chân ngôn minh chú đều có thể đoạn trừ tất cả pháp trói buộc.

Thiện nam tử ! Bồ-tát phương tiện thiện xảo thụ năm thứ dục lạc cũng như vậy, nhưng trong việc làm không loạn chính hạnh. Nghĩa là nếu dùng một trí lực biến khắp tất cả trí tâm, tịnh các dục lạc sẽ sinh trời Phạm Thế.

Luận nói:

Nghĩa của sân như thế nào ? Nghĩa là bản tính là đại tội, vì do phân biệt quá rộng không sinh phương tiện bi mẫn. Người giận dữ chẳng có lợi ích.

Sao gọi là lỗi lầm ? Vì dung chứa nó thì nuôi lớn phiền não, làm giảm mất bi mẫn. Đó là lầm lỗi. Đoạn trừ căn này sau sẽ thấy. Nếu như Bò-tát mất tâm bi mẫn đối với chúng sinh, thì sự lợi ích rộng lớn đối với chúng sinh liên tục giảm mất.

Cho nên Phẩm Thánh đế nói:

Phải biết khởi tâm bi mẫn như cha gặp con. Nghĩa là nếu loại bỏ sự lợi lạc bi mẫn của thế gian, tức cũng xa lìa những người có trí. Lại nữa nếu Bò-tát khuyên làm nơi dục giảm mất lợi ích. Cho nên nói tội lỗi của tham có hai thứ nạn. Người tham đắm dục kia ví như người mù không có mắt, sát hại cha mẹ, đối với cái dục thấp hèn mà sinh khổ não tổn giảm cõi chư thiên. Lại nữa, người tham đắm dục lạc hủy phạm cấm giới, xa lìa cảnh giới con người.

Cho nên mong cầu cái vui cho mình, chán bỏ cái khổ của người khác, chẳng phải là cái thấy chân thật. Phải lấy cái khổ não của người khác, như khổ não của chính mình. Nhưng không tự tu tập thì sinh hai lỗi.

Như Kinh Nguyệt Đăng nói:

Phật bảo A-nan: Giả sử có người từ chân đến đầu cháy như một đồng lửa. Lại có một người đến nói như thế này: Ta khuyên người cùng ta thụ ngũ dục ca múa vui chơi.

Phật bảo A-nan: Ý ông nghĩ sao ? Người ấy có theo lời khuyên cùng thụ ngũ dục ca múa vui chơi chăng ?

A-nan bạch rằng: Thưa không, Thế Tôn.

Phật bảo A-nan: Người ấy đối với sự ca múa vui chơi, do phân biệt chột khởi, khuyên cùng thụ ngũ dục ca múa vui chơi. Như Lai

không như vậy. Ngày xưa khi tu hạnh Bồ-tát, thấy các chúng sinh khổ sở bần cùng trong ba đường ác trong lòng không vui.

Luận nói:

Thế gian có những đứa con không thấy cái ơn lớn của cha mẹ mang nặng khổ đau này, chỉ thấy cái vui của riêng mình, hoặc thân chẳng phải thân, thương tiếc che giấu. Người gìn giữ lá cờ thiện pháp chớ làm việc tà dục. Điều này đối với chúng sinh, có thể là lợi ích cũng có thể là tổn hại. Nghĩa là trói buộc vào thị hiếu dục lạc kia tức là tội lỗi. Đủ chính phạm hạnh làm việc lợi ích, nên nếu Trì-Kheo vào hành xứ như vậy, phải biết cung cấp hầu hạ như đối với mẹ với chị gái, không nên như loại phạm hạnh đối với người khác, để thành tựu chúng sinh cố nhiên phải xa lìa.

Như Kinh Vô Tận Ý nói:

Dù đúng lúc hay không đúng lúc, xả bỏ việc làm ấy nếu thấy chúng sinh tăng thượng lợi ích, thì cũng phải trụ nơi học xứ này.

Lại nữa, Kinh Phương Tiện Thiện Xảo nói:

Xưa Phạm chí Quang Minh nghiêm trì phạm hạnh đã bốn vạn hai ngàn năm, đã bỏ đi bảy bước, rồi phát sinh lòng thương xót nghĩ rằng: Ta dẫu phạm cấm giới chịu khổ địa ngục, chớ không nên bỏ người kia cho đến chết.

Thiện nam tử ! Phạm chí Quang Minh này liền nắm tay phải cô gái ấy nói: Chị hãy đứng dậy. Tôi sẽ theo ý muốn của chị.

Nói tóm lại, thiện nam tử ! Như vậy trong cái dục thâm diệu khởi tâm đại bi. Rồi trong mười ngàn kiếp chịu khổ luân hồi, sau trở lại tu phạm hạnh.

Thiện nam tử ! Bồ-tát do phương tiện thiện xảo được sinh cõi trời Phạm Thế.

Kinh ấy lại nói:

Nếu có Bồ-tát vì một chúng sinh phát thiện căn thì như sắc tướng tội phải đọa trong địa ngục chịu khổ đốt nấu trăm ngàn kiếp.

Thế Tôn ! Nhưng Bồ-tát kia khởi tội này không có khổ địa ngục, nghĩa là do với một chúng sinh cũng không bỏ thiện căn này.

Kinh ấy lại nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát có phương tiện thiện xảo này có tội rất nặng, nghĩa là có khi gặp ác tri thức khiến đến uẩn này thủ chứng Niết-bàn, nhưng sau lại không kham nổi mặc chiếc áo giáp này, làm sao hóa độ tất cả chúng sinh, cho nên ta không khởi tâm ấy như kia luân chuyển hóa độ chúng sinh. Lại nữa nếu giả sử có tội ấy, thì cứ tu hành như pháp khiến không tội lỗi.

Thiện nam tử ! Nếu Bồ-tát xuất gia phân biệt tất cả những việc tạo bốn trọng tội, nếu là người Bồ-tát đủ phương tiện thiện xảo tùy khởi liền hối thì nói là vô tội.

Như Kinh Bảo Vân có nói rõ:

Người tạo cực vô gián, nghĩa là làm cho người chết, trong Luật Thanh Văn gọi là tội căn bản. Lại nữa nếu khởi bi mẫn thả con nai, thì nói là vô tội. Đây nói tham được, nghĩa là nếu Bồ-tát khởi tham hãy còn được sinh nẻo thiện, thế thì không nên giận dữ. Như nói Bồ-tát phương tiện thiện xảo thích làm tham ám, đối với nữ sắc đẹp đẽ rất thích làm, thường thường nguyện cầu sinh làm người nữ. Chán tâm tham, bỏ thân nữ rồi được tướng trượng phu thành thân to lớn.

Phật bảo A-nan: Ông thấy công đức như vậy không ? Tự các chúng sinh tuy làm như vậy khởi tham mạnh mẽ, nhưng do xuất ly khổ khí, sinh cõi người cõi trời cho đến như Dược Vương Đại sĩ.

Thế nào là Bồ-tát khởi sân ? Nghĩa là nếu phát sinh phiền não thì làm sao thí các diệu lạc ?

Luận nói:



Nếu vì tiếng tăm như vậy, đối với các chúng sinh lợi ích phương tiện, đâu khởi tham cũng nói là vô tội. Bồ-tát phương tiện thiện xảo này tạo lợi ích mà không bỏ chúng sinh, rộng như kinh ấy nói, nhưng chẳng phải đắc địa lục độ diệu hạnh. Ở đây phải quán sát cực thiện tương ưng, nên không cho phép sân giận v.v...

Lại Kinh Ưu Ba Li Sở Vấn nói:

Phật nói: Xá-lợi tử: Bồ-tát có hai đại tội. Những gì là hai: Nghĩa là tâm liên quan với sân giận và tâm liên quan với si mê. Cho đến, Xá-lợi tử ! Phải trước tiên chí thành sám hối mười tội ác và năm lỗi lầm. Nghĩa là tay nắm, mắt nhìn, tâm khó chế ngự, hoặc với một chúng sinh gồm cả hai loại. Lại nói có năm tội nặng vô gián. Nghĩa là phạm đủ tội này Bồ-tát hoặc khi đối với phụ nữ nhiễm hạnh phi pháp, đoạn mạng căn, hoặc lấy của tháp Phật, vật của tứ phương tăng. Bồ-tát bấy giờ nếu phạm tội ấy phải hướng đến trước ba mươi lăm Như Lai trong một ngày đêm sám hối rằng: Con tên là ... quy y Phật quy y pháp quy y tăng.

Na mô Thích-ca Mâu-ni Phật

Na mô Kim Cương Tiêu Phục Hoại Tán Phật

Na mô Bảo Diệm Phật

Na mô Long Tự Tại Vương Phật

Na mô Dũng Mãnh Quân Phật

Na mô Cần Dũng Hỷ Phật

Na mô Bảo Hỏa Phật

Na mô Bảo Nguyệt Quang Phật

Na mô Bất Không Kiến Phật

Na mô Bảo Nguyệt Phật

Na mô Ly Cấu Phật

Na mô Dũng Thí Phật

Na mô Phạm Đức Phật  
 Na mô Phạm Thí Phật  
 Na mô Thủy Vương Phật  
 Na mô Thủy Thiên Phật  
 Na mô Hiền Cát Tường Phật  
 Na mô Chiên Đàn Cát Tường Phật  
 Na mô Vô Biên Oai Đức Phật  
 Na mô Quang Cát Tường Phật  
 Na mô Vô Ưu Cát Tường Phật  
 Na mô Na La Diên Phật  
 Na mô Hoa Cát Tường Phật  
 Na mô Tịnh Chiếu Minh Du Hý Thần Thông Phật  
 Na mô Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật  
 Na mô Tài Cát Tường Phật  
 Na mô Niệm Cát Tường Phật  
 Na mô Thiện Danh Xung Cát Tường Phật  
 Na mô Nhân Đà La Võng Tràng Vương Phật  
 Na mô Thiện Du Bộ Cát Tường Phật  
 Na mô An Tường Hạnh Phật  
 Na mô Thắng Du Bộ Phật  
 Na mô Phổ Biến Quang Nghiêm Cát Tường Phật  
 Na mô Bảo Liên Hoa Thắng Du Bộ Phật  
 Na mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật

Như vậy hiện tiền cho đến tất cả thế giới Như Lai Ứng cúng Chính đẳng Chính giác duy chỉ Phật Thế Tôn quán sát hộ niệm. Con trong đời này hoặc ở các đời khác và từ vô thủy đến nay luân chuyển trong sinh tử tạo các nghiệp chướng tội chướng. Hoặc tự làm hoặc

bảo người làm hoặc thấy làm vui theo, hoặc trộm vật của tháp Phật, hoặc vật của tứ phương tăng. Năm nghiệp vô gián, mười nghiệp đạo bất thiện, hoặc tự mình làm hoặc bảo người làm hoặc thấy làm vui theo. Do các nghiệp chướng này phá hủy cấm giới phải đọa địa ngục hoặc bàng sinh, cảnh giới Diêm-ma. Nếu sinh biên địa và Miệt-lê-xa, sinh trời Trường Thọ. Giả sử được làm người các căn không đủ, chấp sâu tà kiến, xa Phật xuất thế. Các nghiệp chướng của con đây Phật dùng tuệ chân thật, mắt chân thật, chứng minh chân thật, đo lường chân thật đều thấy đều biết tất cả, nay đều sám hối không dám giấu che. Như con hủy phạm cấm giới các tội xin Phật Thế Tôn xót thương quán sát. Nếu con đời này hoặc đến các đời khác và vô thủy đến nay luân chuyển trong sinh tử cho đến trong loài bàng sinh, hoặc thường thí một nắm cơm, hộ trì một tịnh giới, nếu tu phạm hạnh có được thiện căn, hóa độ chúng sinh phát tâm Bồ-đề và vô thượng trí như đã xác định rồi, không gì không hồi hướng quả tối thượng, tối thắng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Con nay cũng hồi hướng như quá khứ vị lai hiện tại chư Phật. Kệ rằng:

*Sám trừ tất cả tội,  
Các phúc đều tùy hỷ,  
Và khuyến thỉnh chư Phật,  
Diễn thuyết đạo vô thượng.  
Quá khứ và vị lai,  
Hiện trụ nhân trung tôn,  
Biển vô biên công đức,  
Tất cả quy mạng lễ.*

Xá-lợi tử ! Bồ-tát ấy đối trước ba mươi lăm Như Lai sám hối xong, chư Như Lai chứng tri phát tâm tác ý nên tội được thanh tịnh. Do tội được thanh tịnh nên chư Phật Thế Tôn này hiện tiền hiện các tướng hảo giải thoát lợi ích chúng sinh như vậy. Do đó hạng ngu phu dị sinh đối với sự hóa độ này liền sinh nghi ngờ... Cho đến tất cả Thanh Văn

và chúng Duyên Giác mà không thể làm cho chỗ ác tạo tội kia thành ra thanh tịnh. Nếu có Bồ-tát thường trì niệm danh hiệu chư Phật Như Lai, ngày đêm ba thời chuyển chính pháp hạnh, xuất ly tội kia được Tam-ma-địa, nói như vậy tức là sám hối tội lỗi và tu hạnh đối trị.

Luận nói:

Đọc tụng kinh điển thậm thâm diệt được tội kia.

Như Kinh Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa nói:

Lại nữa Tu-bồ-đề ! Thiện nam tử thiện nữ nhân thụ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh chê, sở dĩ vì sao ? Là vì người ấy đời trước tạo các tội nghiệp phải đọa ác đạo, do gặp pháp này và vì đời nay bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước được tiêu diệt được Phật Bồ-đề v.v...

Luận nói:

Tin hiểu tính không, thì tội ác được thanh tịnh.

Kinh Như Lai Tặng nói:

Phật nói: Ca-diếp-ba ! Có mười nghiệp đạo bất thiện là tội lớn. Trong đây tội sát sinh lớn nhất là như giết cha, đoạn mạng Duyên Giác. Tội không cho mà lấy lớn nhất là đoạt lấy của Tam Bảo. Tội dục tà hạnh lớn nhất là khởi ô nhiễm với mẹ và vô học ni. Tội vọng ngữ lớn nhất là như nói ta là Như Lai. Tội nói hai lưỡi đâm thọc nặng nhất là nói lời ly gián gây chia rẽ trong thánh chúng. Tội ác khẩu nặng nhất là hủy báng thánh hiền. Tội nói thêu dệt nặng nhất là lời nói trau chuốt xảo trá làm loạn các pháp dục. Tội tham nặng nhất là khởi tâm xâm lấn cướp đoạt tài lợi trong chính đạo. Tội giận dữ nặng nhất là không có tâm bi mẫn đối với ngũ vô gián. Tội tà kiến nặng nhất là khởi tà chấp ngang ngược, thậm hiểm ác kiến.

Ca-diếp-ba ! Nếu một chúng sinh có đầy đủ các tội lớn của mười nghiệp đạo bất thiện như vậy, Như Lai vì nhân duyên đó nói

rõ pháp yếu để làm cho ngộ nhập vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô mạng, vô tác, vô thụ. Hành vi tạo tác là huyễn hóa, nhưng tính các pháp là tính phiền não, ngộ nhập hiểu được các pháp thì tự thể trong sáng, tin hiểu các pháp thì mọi thứ thanh tịnh, nên ta không nói có chúng sinh đọa ác đạo.

Lại nữa, Kinh Tịnh Chư Nghiệp Chương nói:

Lại nữa, Văn-thù-sur-lợi ! Nếu Bồ-tát quán phi luật là luật thì sẽ thấy tội là phi tội, quán cảnh giới luân hồi tức cảnh giới Niết-bàn thì thấy các phiền não là duyên sinh. Phải biết người như thế được nghiệp chương thanh tịnh.

Lại nữa, Kinh Đề Lí Tam Muội Da Vương nói về hạnh đối trị rằng:

Nếu nhắm mắt quán chư Phật Bồ-tát, tụng một trăm minh chú Đà-la-ni tám ngàn biến rồi mở mắt ra thấy đủ Phật Bồ-tát được lìa khỏi tội. Hoặc đi vòng bên phải tháp Phật tụng tám ngàn biến. Hoặc trước tháp tượng kinh điển tùy theo đó thực hành, như nghi thức có nói rộng.

Lại nữa Kinh Tôn Na Đà La Ni nói:

Nếu tụng niệm xong cho đến khi ngủ mơ thấy các tướng thì được diệt tội, như mơ thấy thiên nữ trao cho cơm sữa thì lìa được tội ấy. Hoặc thấy mặt trời mặt trăng mọc lên giữa không trung, thấy lửa cháy mạnh, thấy trâu và người đàn ông đen sợ chạy. Hoặc mơ thấy chúng Tì-kheo, Tì-kheo-ni, cây nhũ mộc, voi trắng, bò trắng, núi non, thuyền bè, đèn đài, tòa sư tử, nghe thuyết diệu pháp. Phải biết tất cả đều là tướng diệt tội.

Lại nữa, trong Phẩm Hình Tượng Như Lai có nói về hạnh đối trị rằng:

Ví như có người dùng đồ bất tịnh bôi vào mình hôi thối không chịu được. Dùng nước tắm rửa thoa dầu thơm hảo hạng, mùi hôi kia

liên tiêu hết. Cũng như vậy, tạo tội ngũ vô gián đủ khắp nghiệp đạo mười bất thiện, nếu tin hiểu Như Lai, tạo hình tượng Phật thì được khỏi tội kia. Do không tội nên trí tuệ thù thắng, đủ tâm Bồ-đề. Do thù thắng mà hoặc xuất gia kiên trì tịnh giới..

Kinh Hoa Tích Đà La Ni nói:

Bấy giờ Sư Tử Du Hý Như Lai đang trụ thế, trải trăm ngàn năm thí các diệu lạc. Sau khi Như Lai ấy Bát-niết-bàn dựng tháp xá-lợi. Nếu ai với tâm Bồ-đề mang một cành hoa cúng dường Như Lai, chấp tay xưng niệm danh hiệu, hoặc rưới nước làm sạch, và một tràng hoa, hương xoa, hoa đèn cho đến thân hành đi một bước chỉ xưng niệm Nam Mô Phật, đối với đức Như Lai Sư Tử Du Hý kia chớ nên nghi ngờ, thì người này trong một kiếp trăm ngàn kiếp trở lại đọa vào ác đạo, là không có chuyện đó.

Lại nữa, Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Vương nói:

Nếu giữ năm giới, mười giới, bốn trọng giới Bồ-tát, hai trăm năm mươi giới xuất gia Tì-kheo, năm trăm giới Tì-kheo-ni, nếu có hủy phạm giới đã thọ sự đọa ác đạo, nếu người đó chuyên niệm danh hiệu và cúng dường Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, người đó quyết định không đọa ác thú.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan rằng: Nếu ta ca ngợi công đức của đức Phật Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai kia là cảnh giới rất sâu của chư Phật, ông có sinh lòng tin thật, không nghi ngờ chăng ?

Cụ-thọ A-nan-đà bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Con không nghi ngờ tất cả những gì trong kinh Như Lai đã nói. Sở dĩ vì sao ? Tất cả các thiện hạnh tập hợp trong thân ngữ ý của Như Lai không gì không thanh tịnh.

Thế Tôn ! Vàng mặt trời mặt trăng là rất cao xa, đủ sức ánh sáng lớn có thể chiếu đến đất. Núi Diệu Cao sơn vương cũng có thể nghiêng động. Nhưng lời chư Phật hoàn toàn không khác.

Thế Tôn ! Nhưng có chúng sinh không đủ tín căn, nghe nói cảnh giới rất sâu của chư Phật liền phát ngôn nói rằng làm sao niệm danh hiệu một Như Lai mà được công đức thù thắng đến như vậy ? Do không tin đó liền sinh phi báng khiến đem dài thoái mất lợi lạc.

Phật bảo A-nan: Nếu nghe danh hiệu Phật ấy mà đọa ác thú là không có chuyện đó. A-nan ! Đây là cảnh giới rất sâu của chư Phật, khó có thể tin hiểu. A-nan ! Ông tin hiểu thì phải biết đó đều là oai thần của Như Lai kiến lập, chứ chẳng phải của các Thanh Văn Duyên Giác chưa đăng địa, chỉ trừ Bồ-tát Ma-ha-tát nhất sinh sở hệ mà thôi.

Cho nên kinh ấy lại nói:

Nếu các tịnh tín thiện nam tử thiện nữ nhân, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tu-ca đầy đủ tám phần trai giới, một năm ba năm thụ học xứ này. Nhờ thiện căn này nguyện sinh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Trước mặt đức Vô Lượng Thọ Như Lai, nếu được nghe danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, người này khi sắp lâm chung có tám Đại Bồ-tát đều dùng thần thông đến chỉ đường. Lại có các hoa sen báu có nhiều màu sắc trên đời ít có tự nhiên hóa sinh. Hoặc sinh cõi trời, như vậy nơi sinh đã được trồng các căn lành đời trước không cùng tận và cũng không sợ đọa ác đạo. Mãn phúc báo cõi trời lại sinh làm người, làm Chuyển luân vương thống lãnh bốn châu thiên hạ.

## HẾT QUYỂN 11

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 12

#### Phẩm 8: HỌC XỨ VỀ THANH TỊNH 3

Cùng với vô lượng trăm ngàn vạn câu-chi chúng trụ nơi mười thiện nghiệp đạo, sau lại sinh trong các chủng tộc lớn như Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, tiền của dồi dào, kho lẫm chất đầy, sắc tướng đẹp đẽ quyến thuộc đầy đủ.

Kinh ấy lại nói:

Nếu có người nữ được nghe danh hiệu và thụ trì Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai này sau được chuyển đổi nữ thân.

Lại nữa, Kinh Văn Thù Trang Nghiêm Phật Sát Công Đức nói:

Diệu Cát Tường nói: Ta cũng cung kính Bồ-tát Huệ Thượng, Bồ-tát Quang Tràng, Bồ-tát Như Ý Nguyên, Bồ-tát Tịch Căn. Nếu có người nữ trì niệm danh hiệu bốn Bồ-tát này sẽ được chuyển nữ thân sau không thụ trở lại.

Luận nói:

Hạnh đối trị sơ lược như trước đã nói. Nay sẽ nói về sức ngăn chặn.

Như Kinh Địa Tạng nói:



Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát lia sát sinh tức là cho tất cả chúng sinh được sự không lo không sợ và không sầu não kinh hoàng. Do quả báo thiện căn này mà đời trước ở trong vòng ngũ thú đắm chìm trong biển sinh tử do nhân sát sinh, tạo tất cả nghiệp chướng thân ngữ ý, hoặc tự mình làm, bảo người làm, hoặc tùy hỷ cho làm, do đây xa lia vòng sát sinh nên tất cả tiêu diệt cho đến không bị thụ báo. Hiện thân được sống lâu, chư thiên và người đều yêu mến.

Lại nữa, thiện nam tử ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát cho đến suốt đời lia bỏ hành vi không cho mà lấy, tức là cho tất cả chúng sinh được sự không lo không sợ và không sầu não, không sinh loạn động. Đối với tài lợi của mình vui vẻ biết vừa đủ, hoàn toàn không mong lấy lợi phi pháp. Do thiện căn này, cho đến do xa lia hành vi không cho mà lấy, nên tất cả nghiệp chướng tiêu diệt, không sót không thụ quả báo. Nói tóm lại, cũng như vậy mười nghiệp đạo bất thiện cũng có thể làm sụp đổ tất cả chỗ tu thiện của mình.

Như Kinh Nguyệt Đăng nói:

Nghe sân diệt tội, là nói phạm ngu không thật, giận mắng phi báng thì an trụ nhẫn phục hết những tội nghiệp đã tạo xưa kia và đã khởi sân đối với Bồ-tát.

Luận nói:

Sức ngăn chận như trước đã nói. Nay sẽ nói về sức y chí.

Cho nên Chư Duyên Khởi Trung Thích nói:

Nếu có thể quy y Phật thì không đọa ác đạo, bỏ thân người rồi được sinh cõi trời. Cũng như vậy nếu với pháp với tăng.

Lại nữa, Kinh Từ Thị Giải Thoát nói:

Bồ-tát làm sạch các tội nghiệp. Các pháp bất thiện thì khắp tất cả như đại địa, nhưng khi kiếp hỏa nổi lên thì tất cả không gì không bị đốt cháy. Cho đến ví dụ như có người dùng một vài giọt Hạt-tra-ca ( thủy

ngân ) thép một ngàn lạng sắt làm thành vàng. Chẳng phải sắt nhiều mà làm cho thủy ngân ít thành ra sắt. Ở đây phát tâm nhất thiết trí cũng vậy. Dùng một thiện căn hồi hướng trí, có thể nhiếp thụ tất cả nghiệp phiền não chướng thành nhất thiết pháp trí. Chẳng phải các nghiệp phiền não chướng có thể làm cho tâm nhất thiết trí thành phiền não.

Thiện nam tử ! Lại nữa nếu có người bung một ngọn đèn vào soi trong căn nhà tối, tức thì có thể phá diệt bóng tối ngàn năm. Đây phát tâm nhất thiết trí cũng vậy. Vào trong tâm một chúng sinh như một căn nhà vô minh tăm tối, phát trí sáng suốt có thể phá trừ nghiệp phiền não chướng, xa xưa trăm ngàn kiếp không thể nói.

Thiện nam tử ! Như Đại long vương đầu đội mào có ngọc báu ma-ni thì không sợ oán địch nào khác, tâm Bồ-đề này cũng như vậy. Nếu Bồ-tát đầy đủ tâm đại bi thì không sợ oán địch ác đạo.

Kinh Ưu Ba Li Sở Vấn nói:

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ Đại thừa này vào đầu ngày có tội hủy phạm mà giữa ngày không bỏ thực hành tâm nhất thiết trí, Bồ-tát này được giới uẩn đầy đủ. Nếu giữa ngày có tội hủy phạm mà cuối ngày không bỏ thực hành tâm nhất thiết trí thì giới uẩn của Bồ-tát cũng đầy đủ. Ta lại phải nói tuần tự như vậy.

Phật nói: Ưu-ba-li ! Đây là nói Bồ-tát trụ Đại thừa, có khi xả giới học xứ, nhưng Bồ-tát ấy chớ nên khởi ác tác, cũng chớ nên tùy chuyển. Còn nếu với Thanh Văn thừa mà nói thì có tội hủy phạm, và người Thanh Văn như vậy gọi là mất giới uẩn. Phải biết như vậy cho đến nói rộng.

## **Phẩm 9: HỌC XỨ VỀ NHÃN NHỤC**

Luận nói:

Sự không xa lìa này có nhiều môn chuyển mà khéo giữ gìn cho giới được trưởng dưỡng. Như vậy lìa nghiệp chướng trói buộc,

phá phiền não cố kết, cho đến nghe nhãn không nhãn giảm mất tinh tiến lười biếng nên hoặc không nghe không biết phương tiện đẳng trì. Do không có phương tiện làm sạch các phiền não, cho nên biếng nhác thoái lui. Chỉ nghe tu tập, hiểu hạnh tạp loạn là tụng tập cần khổ nương ở nơi núi rừng. Người tu hành ấy tạm dứt tạp loạn mà tâm không đẳng trì. Nhưng sự dừng nghỉ cũng có đẳng trì, còn không chút kết quả hưởng chi làm sạch các phiền não. Giả sử tu quán này cũng mất một ít thiện, cho đến nói làm sạch các phiền não.

Kinh Pháp Tập nói:

Nói nhãn có ba thứ là nhãn chịu sự khổ, kiên nhẫn quán sát pháp và nhẫn nại sự oán hại. Nhẫn chịu sự khổ thì cuối cùng đối trị được sự sợ khổ và trừ bỏ được tính đam mê ái lạc. Còn hai thứ phiền não nữa là gì ? Là giận dữ và lười biếng.

Kinh Nguyệt Đăng nói:

Người đắm trước cái vui cũng không bỏ khổ.

Lại nữa Kinh Bảo Vân nói:

Người trong lòng ôm sự lo buồn khổ não thì trụ nơi phương tiện điều phục mà nhẫn chịu.

Kinh Tối Thượng Thọ Sở vẫn nói:

Lại nữa Trưởng giả ! Bồ-tát tại gia cần phải xa lìa các tổn hại không đúng. Chớ nên đắm trước vào tám pháp thế gian, có vợ con và thụ dụng của cải tiền bạc sung túc không lấy đó làm cao ngạo phóng dăng. Giả sử có suy vi cũng không hạ thấp mình hay sầu não. Phải quán sát rằng các tướng hữu vi đều do ảo hóa tạo ra thì sự cao ngạo sẽ dứt, tội báo tiêu diệt. Nghĩa là cha mẹ vợ con nô tì nô bộc bà con bạn bè, họ đã không phải là ta, ta cũng chẳng phải họ.

Như có kệ rằng:

*Nếu có tập hợp được,  
Sao khởi lên sâu não ?  
Nếu không tập hợp được,  
Sao cũng khởi sâu não ?*

Vì tập hợp là do si mê, giận dữ, muộn tụyệt, mệt mỏi, lười biếng nên nếu chấp trước mạnh mẽ thì khởi tội lỗi lớn. Si mê hối hận giây lát yếu thọ cần phải xa lìa. Đây là vô ích là khó.

Luận nói:

Làm sao xả bỏ sâu não này ? Là phát tâm nhẹ nhàng nhu nhuyễn.

Như Kinh Tối Thượng Vấn nói:

Xa lìa đây thì làm cho tâm mềm mại như bông vải.

Lại nữa, Kinh Hoa Nghiêm nói:

Phải như đồng nữ của vua Thắng Tài phát tâm như vậy diệt các phiền não. Dùng cái tâm không gì có thể thắng nổi, phá các sự giận dữ. Dùng cái tâm bất động ở trong biển chúng sinh mà không thoái đọa cảnh giới của thâm tâm.

Luận nói:

Tu tập đây không lấy gì làm khó. Ngay cả như người ngu dốt cũng vậy thậm chí như phu khuân vác, người cày ruộng, người săn bắt khắc khổ tu tập gánh vác những công việc thấp hèn mong cầu một kết quả nhỏ nhoi, bụi bặm bất tịnh mà tâm không phiền muộn hối hận, hướng chi lại được các hạnh diệu lạc này. Cái vui của các Bồ-tát là việc tối thắng đến quả vô thượng.

Lại như những kẻ ti tiện chẳng được chút lợi ích gì, đối với thân khó làm còn không phé bỏ, chỉ giữ một niệm cương lãnh nạt như quyết hơn thua, hướng chi những kẻ này thời gian dài chịu các khổ não một cách vô ích, do đâu mà đối với của cải thiện pháp chẳng

chút mong cầu ? Địa ngục trị phạt thế gian giặc hại, ngục tốt chấp giữ trị tội không sót, tùy chỗ gặp gỡ rất là khổ não chớ chẳng kêu oan.

Trong thời gian lâu xa không các trói buộc, cực nhọc chịu khổ phá giặc phiền não làm sạch hết không sót. Trong ba cõi mặc áo giáp đội mũ trụ cầm binh khí đánh bại các ma oán cõi trói cho chúng sinh, do trước tu tập nhờ một ít khắc khổ mà được thành tựu.

Đối với các chúng sinh tu tưởng khổ vui. Nghĩa là khi khổ sinh, tu tập ý tưởng như vui. Trụ nơi ý tưởng vui tức có thể làm thành quả này, được Tam-ma-địa, gọi là siêu vượt các pháp lạc.

Như Kinh Phụ Tử Tập Hội nói:

Phật nói: Có Tam-ma-địa gọi là vượt qua các pháp lạc. Nếu Bồ-tát được Tam-ma-địa này thì đối với các sự duyên cảm thụ như vậy là vui là không khổ không vui. Chẳng phải một nhân duyên như nơi đó mà cảm được tưởng vui. Ví như có người vì nhân duyên nên chặt tay chân và cắt tai mũi v.v... tai mũi cắt rồi như ở nơi đó mà cảm được tưởng vui. Cho đến roi gậy đánh đập lại có tưởng vui. Hoặc bị giam nhốt trong lao ngục tra khảo, cắt xẻ, đốt thui bằng đèn dầu, ép như ép mía cũng trụ trong ý tưởng vui. Bị chim cú mổ vào mặt, bị ném vào hàm sư tử, bị xoắn vặn phơi nắng, bị nấu đúc tiền, bị làm thức ăn, bị cho voi say dày xéo, cũng như tưởng vui. Hoặc bị móc mắt, phá nát thân thể, làm rơi đầu, lại như tưởng vui, chứ không phải vô cảm.

Sở dĩ vì sao ? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát này đã nguyện tu tập từ lâu như vậy. Nếu tôi làm các loài thú chạy thì xin được gần sự diệu lạc. Nếu tôi là kẻ tội phạm thì cũng nguyện phụng sự tôn trọng cúng dường, tất cả mọi lúc mọi nơi đều được gần sự diệu lạc. Nếu gặp lời nói ác mắng nhiếc, đâm đánh bằng đao gậy, hoặc cắt xẻ đến hại mạng, tất cả những thứ đó đều được cái vui Bồ-đề, chứng thành quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đầy đủ tác ý như vậy, sự nghiệp như vậy, nguyện lực như vậy. Và cũng đầy đủ tất cả chúng sinh tùy

biết tướng vui, gạn gũi tu tập, đối với nghiệp báo kia phần nhiều tu tập được siêu vượt các pháp lạc Tam-ma-địa. Nếu khi Bồ-tát được đạt đến tất cả pháp lạc Tam-ma-địa, thì được đại bất học động, hoại các ma sự. Do phương tiện này viên mãn tất cả xả thí, thành tựu tất cả khổ hạnh khó làm, vững chắc tất cả nhẫn nhục, thúc đẩy tất cả sự tinh tiến, trợ giúp tất cả thiền định trí tuệ cho nên thường vui hoan hỷ.

Như Kinh Nguyệt Đăng nói:

Thường hoan hỷ tôn trọng, thường an trụ trong chính kiến.

Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói:

Những gì là niềm vui ?

Là niềm vui nghĩ đến pháp thanh tịnh tin vui, phát tâm phần khởi không sinh biếng nhác, không nóng nảy sâu não, không cầu thú vui ngũ dục, không lìa tất cả pháp lạc. Do tâm tạo nên sự hoan lạc của thân thể, cái hỷ lạc của sự tinh giác, sinh khởi ý lạc.

Là thân Như Lai tướng hảo trang nghiêm, mong cầu thiện xảo, nghe pháp không chán, y theo thật pháp tu hành. Do pháp sinh niềm vui yêu thích tịnh tín. Nhưng đối với chúng sinh giác liễu không ngại, đem lòng mong muốn ưu việt nhất cần cầu Phật pháp, không bỏ lòng mong cầu đối với pháp.

Là niềm vui tin hiểu rộng lớn các Phật pháp, chỉ bày cỗ xe giải thoát.

Là niềm vui phát tâm cao tột trừ tâm keo kiệt. Nếu mới phát tâm thì thanh tịnh hoàn toàn ba bước: thí, sẽ thí, thí rồi, mà hoan hỷ bố thí.

Đối với Thi-la cũng thường thanh tịnh. Do trì tịnh giới, nhiếp giữ không hủy phạm cấm giới mà thường siêu vượt sự sợ hãi các ác đạo, hướng đến cấm giới của Phật kiên cố không hủy phạm.

Giả sử có người ác đến mạ nhục cũng không đáp trả, tâm không nghĩ báo, vui vẻ nhẫn nhịn mà còn tôn trọng không kiêu mạn, về mặt bình thân ôn hòa lễ độ không cau có. Trước tiên dùng lời nói năng khả ái, không dèm pha nịnh bợ, tâm ý thanh tịnh không tà vạy, không thô lỗ.

Thấy người hơn mình cũng không uốn cong không đê nén, không dòm ngó dò xét chỗ sai lầm nêu lỗi của người, tu pháp hòa kính.

Đối với chúng Bồ-tát, tôn kính như Phật.

Đối với Phật pháp tiếc hơn cả thân mạng mình.

Đối với các sư trưởng, coi như cha mẹ mình. Bảo hộ chúng sinh như săn sóc con mình.

Đối với Hòa thượng, A-xà-lê, kính tưởng như Phật.

Đối với các chính hạnh coi như cái đầu của mình, các Ba-la-mật thì giữ gìn như tay chân.

Đối với thuyết pháp sư, coi như cái gì quý báu vi diệu. Các sự dạy bảo coi như năm thứ ước muốn cần thiết nhất.

Đối với hạnh hoan hỷ, biết vừa đủ, coi như không bệnh, không phiền não. Mong cầu diệu pháp như cầu thuốc hay.

Đối với sự phát lồ sám hối co như được gặp thầy thuốc giỏi. Như vậy mà điều phục ngự trị các căn không để cho biếng nhác. Những điều nói trên đó là niềm vui.

Luận nói:

Nói về an trụ khổ nhẫn, như Kinh Hải Ý nói:

Có ba thứ nhẫn.

Phật nói: Hải Ý ! Bồ-tát Ma-ha-tát này nếu phát tâm nhất thiết trí quý báu mà hoặc bị phi nhân hủy phạm tịnh giới, nghĩa là các ma, dân ma, ma trên trời, hậu phi của ma vương khiến sứ giả của ma đến

xâm hại chân động đã kích. Trong lúc ấy Đại Bồ-đề này phát tâm sâu xa kiên cố khiến không bị hoại.

Cũng không phá hoại được sức đại bi tinh tiến giải thoát tất cả chúng sinh.

Cũng không phá hoại được việc làm cho dòng giống Tam Bảo hưng thịnh không dứt.

Cũng không phá hoại được việc tương ưng tích tập gốc lành trong các pháp Phật.

Cũng không phá hoại được việc hoàn thành tướng hảo tu tập phúc hạnh.

Cũng không phá hoại được sức dũng mãnh tinh tiến làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật.

Cũng không phá hoại được việc cầu tất cả pháp không tiếc thân mạng.

Cũng không phá hoại được việc độ các chúng sinh không đam mê cái vui riêng mình. Trong đó thâm tâm có đầy đủ các ý như vậy.

Nếu bị tất cả chúng sinh ghét bỏ khinh chê, hoặc gặp trường hợp giận dữ mắng nhiếc đánh đập đều có thể nhẫn chịu. Cho đến nếu tất cả chúng sinh với ác tâm đến bức bách đè ép cũng đều chịu đựng tất cả không mệt mỏi không thoái lui, không mất đức nhẫn nhục. Mạnh mẽ tinh tiến, cứng cỏi tiếp nhận chịu lao khổ.

Lại nữa nếu có người với ác tâm đến, hoặc giận dữ hoặc mắng nhiếc đánh đập bách hại, đều không đem tâm đáp lại. Cho đến giả sử có người từ mười phía đến cầm binh khí đuổi theo sau. Ở đâu có người hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, trong đó nếu gặp có một người phát tâm Bồ-đề, tâm tu bố thí, cho đến tâm tu trí tuệ nghe có phát khởi một thiện căn, ta sẽ đến đó cho dầu thân thể bị chặt cắt băm vằm như lá táo ta cũng kham nhẫn chịu.



Lại nữa, tất cả chúng sinh trên thế gian đều nổi giận dữ, phát ngôn mắng nhiếc khinh chê, lại thêm hại mạng bầm vằm như lá táo, trong lúc đó tâm ta đối với các chúng sinh này hoàn toàn không khởi một chút nào dao động. Sở dĩ vì sao ? Thân ta trong quá khứ vô lượng vô số sinh tử lưu chuyển lẽ nào không tạo nghiệp hoặc ở địa ngục, súc sinh hay thế giới Diêm-ma. Cho đến ngày nay ở trong loài người tham đắm ăn uống, thụ dụng các dục nghe thụ phi pháp, gian khổ truy cầu mưu sinh bằng tà mạng, bị nhiều bức bách, nhưng đối với thân mạng chưa từng được lợi lạc. Tuy tạo tác nhiều do đó không thể tự lợi lợi tha. Giả sử đến cuối cùng sinh tử, khiến các chúng sinh cắt xẻ thân ta thành từng mảnh, ta thà chịu khổ nhất định không bỏ tâm nhất thiết trí. Cũng không bỏ tất cả chúng sinh và lòng mong cầu thiện pháp.

Sở dĩ vì sao ? Thân ta có chịu nhiều thứ bức bách khổ não đến hủy hoại, so với nổi khổ địa ngục cũng không bằng một phần trăm phần ngàn cho đến một phần ưu-ba-ni-sát-đàm. Lại nữa, trong Phật pháp không bỏ tâm đại bi sở duyên tất cả chúng sinh.

Nói tóm lại, nếu có nhân duyên khởi giận dữ, ta sẽ dùng pháp đoạn trừ.

Pháp ấy như thế nào ? Đó là sự yêu thích đối với thân, sự lệ thuộc nơi thân, sự chấp thủ đắm trước nơi thân. Xả bỏ thân này tức xả bỏ giận dữ.

Phật nói: Hải Ý ! Nhập vào các pháp tụ hợp ấy tức có thể chịu đựng được sự bức bách não hại của tất cả chúng sinh. Cho đến không tiếc thân mạng mới có thể xả bỏ, cũng không yêu thích tức có thể tu Bồ thí Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, nếu gặp khi thân sắp hoại mà lòng đại từ không bỏ tất cả chúng sinh, tức có thể tu trì giới Ba-la-mật-đa. Nếu gặp lúc thân sắp hoại mà chịu nhẫn thụ như nghĩa giải thoát, phát hiện nhẫn lực

tâm cũng không dao động, tức có thể tu nhẫn nhục Ba-la-mật-đa. Đem sức siêng năng dũng mãnh không bỏ, nhiếp thụ tâm nhất thiết trí, trong sinh tử phát các thiện hạnh, tức có thể tu tinh tiến Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, nếu khi thân hoại, trong tâm phát hiện tất cả trí bảo, không bỏ BỒ-ĐỀ, như thật quán sát trống tịch, tịch tĩnh, tức có thể tu tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Nếu khi thân sắp hoại, quán thân là pháp như huyễn giống như cỏ cây tường vách gạch ngói, hiểu thân là vô thường là khổ là vô ngã là tịch diệt, quán sát kỹ thân như vậy tức có thể tu thắng tuệ Ba-la-mật-đa. Cho đến giả sử lại có người đem ác tâm đến giận dữ mạ nhục, thì liền tâm niệm như thế này: Người này do biếng nhác mà xa lìa thiện pháp, ta nay phát khởi tinh tiến cần cầu tu tập, trông các gốc lành, chớ nên sinh chán cho là đủ. Rồi nguyện cho người này trước ngôi nơi đạo tràng còn ta sẽ sau cùng thành chính giác.

Nói tóm lại, những chúng sinh này là những kẻ chưa điều phục, kẻ chưa tịch tĩnh, kẻ chưa bảo vệ căn mật, kẻ chưa đến gần trạng thái tịch tĩnh. Để làm nghĩa lợi phải trang bị bằng áo giáp, cho đến ta dựa vào pháp này.

Thế nào là giận, thế nào là chẳng phải giận ? Trong hai cái đó quan sát kỹ đều không thể được. Lại nữa, nếu là giận chẳng phải giận nếu là mình nếu là người giận với người giận đều không thể được. Đây còn lìa cái kiến chấp không thể được, đó tức gọi là nhẫn.

Lại nữa Bát Nhã nói:

Nếu có các chúng sinh cạnh tranh, ta sẽ khuyên họ hãy cố gắng. Ta nay đối với sự cạnh tranh này sẽ không gặp khó khăn. Nếu người cạnh tranh và vấn đề cạnh tranh, ta sẽ vì các chúng sinh làm cây cầu nối. Nếu ta bị họ mắng nhiếc chê bai nói rằng ông chỉ là người ngu, sao người ta nói vậy mà không đáp trả ? Và nói như con dê câm

không biết đấu tranh. Hoặc họ ác tâm dùng lời xấu xa đến mạ nhục, ngôn ngữ đạo tâm cũng không tổn hại, gần gũi họ ta nên nói khéo léo chứ không nói sai lầm tội lỗi như chúng. Cho đến ta nghe biết sai lầm tội lỗi của chúng, ta cũng không giống như chúng.

Sở dĩ vì sao ? Tâm ý ta không giận. Lại nữa, nếu tất cả chúng sinh cần sự diệu lạc, ta sẽ diệu lạc cùng chúng sinh kia, cho đến Niết-bàn thành chúng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhưng ta đối với họ hoàn toàn không sinh giận và không khởi hạnh ngu si phân biệt tự tha, chỉ tu tinh tiến vững chắc. Do tinh tiến cho nên hủy hoại thân mạng mà không giận dữ không sầu não, không sinh cau có khó chịu.

Lại nữa, Kinh Bồ Tát Biệt Giải Thoát nói:

Nếu đối với chúng sinh giận dữ, thì an ủi vỗ về, an ủi thật khéo, nếu trụ vào nhân này sẽ được tùy thuận pháp hỷ.

## HẾT QUYỂN 12

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 13

#### Phẩm 10: HỌC XỨ VỀ TINH TIẾN BA-LA-MẬT-ĐA

Luận nói:

Tuy đã nghe trụ nhần này phát sinh tinh tiến, nhưng chưa nghe ở đây cũng còn phát sinh hủy phạm cấm giới.

Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

*Ngạo pháp không hộ giới,  
Thì được bao nhiêu phúc ?  
Phá giới dẫu đa văn,  
Cũng không khỏi đường ác.*

Luận nói:

Do nghe mà đầy đủ năng lực thù thắng.

Kinh Na La Diên Sở Vấn nói:

Thiện nam tử ! Như do nghe hiểu được tính trí tuệ thù thắng. Nếu nghe thì dứt trừ phiền não, khiến ma phiền não không được tự do tùy tiện.

Trong đó rộng như Kinh Tối Thượng Đại Tiên Bản Khởi nói:

Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ thâm tâm tôn trọng muốn cầu pháp, trụ các thế giới, hiện trước chư Phật tùy chỗ nghe pháp. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tinh tiến muốn cầu pháp, ở trong núi rừng chứa giấu giáo pháp, được pháp môn của vô lượng kinh điển như đặt trong lòng bàn tay.

Lại nữa các Bồ-tát tinh tiến muốn cầu pháp mà được Phật hiện tiền cùng chư thiên với Phật biện tài. Cho đến khi mạng sống gần chấm dứt, được Phật Thế Tôn và chư thiên tăng thêm thọ mạng, cùng với sắc lực, ở đời cả ngàn năm mà vốn chẳng mong cầu. Đó là được sức gia trì của Phật và chư thiên cho đến cầu trụ một kiếp.

Lại nữa, các Bồ-tát sinh tâm tôn trọng pháp, được Phật Thế Tôn trừ khổ già bệnh, được thụ chính niệm và thông đạt biện tài. Cho đến được thụ chính kiến tùy chỗ chính kiến có thể nói.

Lại nữa, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tinh tiến muốn cầu pháp không sợ tất cả oán địch khác, cho nên tinh tiến đa văn, tư lương thiện xảo, Bồ-tát tu tập được những thứ như vậy.

Luận nói:

Bồ-tát nghe bao nhiêu thứ hạnh mà ngộ nhập hiểu được Tì-nại-da ?

Kinh Vô Tận Ý nói:

Do nghe tám mươi thứ hạnh có thể ngộ nhập hiểu Tì-nại-da. Đó là hạnh mong cầu, hạnh tâm sâu sắc, hạnh tâm kiên cố, hạnh rất tương ưng, hạnh không kiêu ngạo, hạnh không phóng túng, hạnh cung kính, hạnh rất tôn trọng, hạnh lia danh tướng, hạnh nói điều thiện, hạnh phụng sự, hạnh nghe lợi ích, hạnh tác ý, hạnh không tán loạn, hạnh vô trụ, hạnh tưởng như của báu, hạnh tưởng như thuốc chữa bệnh, hạnh tiêu trừ tất cả tật bệnh, hạnh nghĩ mình như một phương tiện, hạnh thấu hiểu, hạnh tâm ý hoan hỷ, hạnh ngộ nhập, hạnh nghe Phật pháp không chán, hạnh xả bỏ rộng rãi, hạnh biết điều

phục, hạnh thích gần gũi nghe học hỏi nhiều, hạnh vui vẻ chấp nhận việc làm, hạnh khỏe mạnh phấn khởi, hạnh tâm vui vẻ, hạnh nghe không mỗi mệt thoái lui, hạnh nghe nghĩa lý, hạnh nghe pháp, hạnh nghe các oai nghi, hạnh nghe người nói, hạnh nghe các diệu pháp chưa được nghe, hạnh nghe các thần thông, hạnh không thích các thừa khác, hạnh nghe các Ba-la-mật-đa, hạnh nghe tạng Bồ-tát, hạnh nghe các nhiếp sự, hạnh nghe các phương tiện thiện xảo, hạnh nghe các thiện xảo chưa phát sinh, hạnh quán bất tịnh, hạnh quán từ, hạnh quán duyên sinh, hạnh quán vô thường, hạnh quán khổ, hạnh quán vô ngã, hạnh quán tịch diệt, hạnh quán không vô tướng vô nguyên, hạnh vô tác, hạnh làm các điều thiện, hạnh kiến lập chân thật, hạnh không giảm mất, hạnh cô đơn một mình, hạnh gìn giữ tâm mình, hạnh tinh tiến không giải đãi, hạnh quán sát kỹ các pháp, hạnh đối trị phiền não, hạnh mong cầu tự phần thiện pháp, hạnh hàng phục tha phần phiền não, hạnh y chỉ vào bảy thánh tài, hạnh đoạn dứt các bản cùng, hạnh ca ngợi người có trí, hạnh vui thích người trí, hạnh bình đẳng đối với thánh chúng, hạnh phi thánh tịnh tín, hạnh kiến đế, hạnh xa lìa lỗi lầm các uẩn, hạnh cân nhắc lỗi lầm hữu vi, hạnh căn cứ vào nghĩa, hạnh nương tựa vào pháp, hạnh tất cả ác tác, hạnh làm lợi ích mình và người, hạnh làm các việc thiện không tạo các nghiệp khác, hạnh hướng đến sự thù thắng, hạnh được tất cả Phật pháp.

Kinh ấy lại nói:

Nếu có pháp hộ trợ tương ưng thì được nghiệp trí như vậy.

Thế nào là pháp hộ trợ tương ưng ? Nghĩa là nếu ít tha thiết ít mong cầu, thận trọng ngôn ngữ thận trọng hành vi, đầu hôm cuối đêm nghe các việc thế gian mà thuận lý tương ưng, cân nhắc lợi tha thường thường tìm kiếm, tâm không nhiễm trước, trừ các chướng ngại che, đối với các sự phạm tội, dùng trí thoát khỏi, không khởi việc làm ác, phát khởi hướng đến chính hạnh kiên cố, ưa thích pháp, kính trọng pháp vì pháp tích tụ gìn giữ, tinh tiến rất mực như cứu

lửa đốt đầu, mong cầu trí tuệ làm nơi đi đến nơi dừng nghỉ, không đọa cảm giới, không bỏ gánh nặng, phát chí hướng đến thù thắng, xả bỏ các đám đông vô ích, thích đi một mình nơi A-lan-nhã, hiện tiền tác ý và công đức Đầu-đà của chúng tử thánh, vui mừng biết vừa đủ không loạn, vui thích niềm vui của pháp, không nghĩ nhớ ngôn ngữ thế gian, cầu pháp yếu xuất thế và thông đạt nghĩa lợi không vọng niệm, tùy thuận theo đường chân chính, biết tri giới, lấy sự biết hổ thẹn mà trang nghiêm mình, lấy trí kiên thật phá hoại vô trí, lấy con mắt thắng tuệ cực diệu thanh tịnh rõ biết sự trói buộc của vô minh si ám. Đó là sự rõ biết rộng lớn, rõ biết không tà vạy, rõ biết phân biệt, rõ biết hiện chứng, không phải được từ bên ngoài, giữ gìn công đức của mình, khen ngợi công đức của người, khéo tu tập tạo tác không đọa nghiệp báo. Đó là nghiệp trí thanh tịnh.

Lại nữa, trong Bát Nhã nói:

Trong kinh luận Phương quảng nên nghe học chỗ nào ? Nên học như thế này và cũng phải xa lìa hạng người không có nghĩa lợi. Các luận như Thế gian xứ luận, Tiên phúc luận, Cổ độc luận, Mặc trí luận, Đồng tử hý kịch luận, cho đến Biệt bộ giải thoát luận v.v... đều là những luận thuyết tạo thành sự si mê ám chướng, người khéo trụ tất cả Bồ-tát thừa đều phải lìa xa.

Lại như Kinh Vô Tận Ý nói:

Có bốn loại thí mà pháp sư thuyết pháp làm hành trang của trí tuệ để được thành tựu. Những gì là bốn ?

1. Giấy, bút, mực, kinh.
2. Trang nghiêm pháp tòa.
3. Đủ các tiếng tăm lợi dưỡng.
4. Nhiếp thụ pháp không vì khen ngợi nịnh bợ.

Lại có bốn sự hộ trợ . Những gì là bốn ?

1. Hộ trợ bản thân.
2. Hộ trợ điều thiện.
3. Hộ trợ các thế gian.
4. Hộ trợ việc lợi ích.

Lại có bốn loại trụ tâm làm hành trang cho trí tuệ để được thành tựu. Những gì là bốn ?

1. Trụ tâm nơi sư thuyết pháp.
2. Trụ tâm nơi pháp.
3. Trụ tâm nơi lợi dưỡng.
4. Trụ tâm nơi giác ngộ.

Đó gọi là bốn loại.

Lại nữa, Kinh Hoa Lô Các nói:

Nếu có người đem bảy báu lượng bằng núi Tu-di bố thí cho Bồ-tát tại gia, không bằng đem một ngàn đồng tiền phụng thí cho Bồ-tát xuất gia. Hoặc do tin hiểu công đức xuất gia mà thí một lóng tay tu hạnh khó làm. Nếu có các sở hữu chỉ trừ xuất gia là được quả lớn. Như Lai tối thượng tối thánh, chẳng phải người tại gia có lý như vậy. Lại nữa hướng chỉ người tại gia vô trí, tâm không đầy đủ.

Như Kinh Tối Thượng Vấn nói:

Nghĩa là nếu nhất tâm đối với các tội về quyền thuộc của người khác có thể xa lìa, gọi là vô tội. Nếu không thể, đó là vì khó điều phục tính xa lìa, nên đối với người tại gia lập thành tội.

## **Phẩm 11: HỌC XỨ VỀ A-LAN-NHÃ 1**

Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Y chỉ ở nơi A-lan-nhã. Vì ở nhà có tính lỗi lầm.



Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

*Không khởi tham dục,  
Xa lìa bà con,  
Xả bỏ gia đình,  
Được đạo vô thượng.  
Nếu xa lìa dục,  
Như tránh hầm lửa,  
Sợ cảnh tại gia,  
Xa lìa quyến thuộc,  
Vô thượng Bồ-đề,  
Chẳng phải khó được.  
Chưa có ba đời  
Chư Phật Như Lai  
Do thường tại gia  
Trụ nơi chỗ dục  
Mà lại đạt được  
Thắng diệu Bồ-đề.  
Xả bỏ ngôi vua  
Như bỏ đờm dãi.  
Ở nơi cảnh tịnh  
Xa lìa các dục  
Dứt bỏ phiền não  
Hàng phục ma oán  
Ly cấu vô vi  
Ngộ đạo Bồ-đề.  
Các thứ ăn mặc,  
Xông ướp hương hoa  
Mà được phụng sự  
Thánh trong loài người.  
Nếu xuất gia rồi*

*Phụng hành chính pháp.  
 Nếu được như vậy  
 Người cầu Bồ-đề  
 Lợi ích chúng sinh.  
 Chán việc hữu vi,  
 Đến nơi yên tĩnh  
 Cho đến bảy bước  
 Được các phúc báo  
 Tối thắng khôn sánh.  
 Nếu lại gặp được  
 Phi chúng đồng phân,  
 Thích ở trong chúng,  
 Sợ kẻ tài lợi  
 Đi theo chúng sinh  
 Lìa bỏ chốn kia  
 Là nạn si ám.*

Kinh ấy còn có kệ rằng:

*Trí chẳng tranh với ngu,  
 Hung bạo nên xả bỏ,  
 Lìa tâm cực ác này,  
 Chớ cạnh tranh với ngu.  
 Trí chẳng gán với ngu  
 Hiểu biết bản tính ngu,  
 Là thể tính si tối,  
 Tự phải cầu phá bỏ.  
 Do đó các phàm phu,  
 Sao có thiện tri thức ?  
 Nếu cùng nói về pháp,  
 Không thuận, sân, tội lỗi.  
 Ngu pháp thâm độc này,  
 Nên người trí không giữ.*

*Chỉ ngu hợp với ngu,  
 Như phân với bất tịnh,  
 Trí thì hợp với trí,  
 Như sữa ở trong sữa.*

Kinh ấy lại nói:

*Thường trong thế gian,  
 Ở nơi rất vui,  
 Không có chút nào,  
 Vui hay chẳng vui.  
 Chỉ vui suốt rùng  
 Tùy thích thụ dụng.  
 Vui của Sa-môn,  
 Nếu là sở hữu,  
 Tất cả đều không.  
 Chẳng có tơ hào  
 Là điều ràng buộc.  
 Như gió giữa trời,  
 Như Độc Giác đi.  
 Cho đến thế gian,  
 Các vui cao tốt.  
 Tâm thường như gió,  
 Không chỗ trói buộc  
 Hoặc vui chẳng vui  
 Chẳng có hợp nhau.  
 Nói đây khổ não,  
 Chẳng thích an trụ.  
 Nói nếu thích kia  
 Không khổ không nghịch.  
 Vì là hai bên  
 Chỉ pháp lạc này,  
 Người thường không có.*

Kinh ấy lại nói:

*Kia được thường khi,  
 Làm tương ưng nhỏ,  
 Là khỏi các lỗi,  
 Không tranh chút nào.  
 Lý tương ưng kia:  
 Ở A-lan-nhã,  
 Được công đức này,  
 Mà thường đạt được.  
 Chẳng cầu hữu vi,  
 Chẳng thích thế gian,  
 Chẳng tăng hữu lậu.  
 Người ở núi rừng,  
 Được thắng năng này.  
 Không khởi phân lỗi.  
 Thường ưa vắng lặng,  
 Kín thân giữ ý,  
 Và hạnh viễn ly.  
 Người ở cảnh tịnh,  
 Được nhiều công đức,  
 Được chán lìa kia,  
 Mau ngộ giải thoát,  
 Tịch tĩnh giải thoát.  
 Người ở núi rừng,  
 Tức trụ giải thoát,  
 Các A-lan-nhã,  
 Được công đức này  
 Nương tựa suối rừng,  
 Mà thường lìa xa,  
 Thành thị làng xóm.*

*Ưa xa lìa rồi,  
Thường như Độc Giác,  
Không có bạn bè,  
Chỉ không bao lâu,  
Được thắng định này.*

Lại nữa Kinh Hộ Quốc có kệ rằng:

*Xả bỏ tại gia,  
Vô lượng tội lỗi,  
Cũng thường không yêu,  
Thâm hiểm tư lự,  
Được thích núi rừng,  
Các căn diệu lạc.  
Công đức tịch tĩnh,  
Không có nam nữ,  
Nói năng đùa cợt.  
Không có người đến,  
Như Độc Giác đi.  
Tâm sạch không nhớ,  
Không ưa tài lợi.  
Ý không đam mê,  
Nơi nơi ít muốn.  
Phải xa lìa đây  
Siểm cầu cung kính.*

Kinh Tối Thượng Vấn nói:

Ta chẳng nên làm cho chúng sinh tập hợp, chẳng phải vì đối với một chúng sinh mà khởi thiện căn. Hoặc trước đã được nghe đầy đủ trong một sát-na trời buộc vào tài lợi tâm không thanh tịnh thì hoặc trời hoặc người đều bỏ đi, giả sử một người trời cũng bỏ đi.

Lại như Kinh Bảo Lô Các nói:

Phật nói: Ca-diếp-ba ! Ví như có người nổi trôi trong dòng nước lớn mà bị chết khát.

Ca-diếp-ba ! Sa-môn Bà-la-môn này cũng vậy. Ở trong nhiều pháp thụ trì đọc tụng mà không thể đoạn trừ nổi khát khao của tham sân si, đi trên biển đại pháp mà phải chết vì khát ái các phiền não, sau đọa vào đường ác.

Luận nói:

Cho nên nhất định nương vào A-lan-nhã và những nơi tương tự.

Lại nữa Kinh Bảo Vân nói:

Nếu ở nơi nương tựa đi khát thực không gần không xa, có suối nước ao tắm, trong sạch không như bản, lại ít có điều đáng sợ, có cây lá hoa quả, xa lìa hiểm ác, có nhiều hang động thanh vắng nhất, Bồ-tát nên nương tựa những nơi như vậy. Trước hết phải ngày đêm sáu thời tụng kinh. Tiếng tụng kinh không ca không thấp. Khéo đóng kín các căn, không cho tâm rong ruổi bên ngoài. Ở đây sống thanh tịnh, buộc niệm thụ trì, khéo giữ các tướng không cho tham đắm ngủ nghỉ.

Nếu có vua quan Sát-lợi Bà-la-môn và các thuộc quan hoặc đích thân đến nơi A-lan-nhã, các Tì-kheo nên nói như thế này: Hay thay Đại vương đã đến đây ! Như chỗ sắp đặt xin mời Đại vương ngồi tạm.

Khi nhà vua ngồi, Tì-kheo cũng ngồi. Nếu vua không ngồi, Tì-kheo cũng đứng không ngồi.

Nếu vua có vẻ không ổn, nên trấn an khen vua rằng: Đại vương được thiện lợi lớn, trên lãnh thổ của vua có các Sa-môn Bà-la-môn học rộng, đủ giới đủ đức, đất nước không bị kẻ ác giặc giã quấy rối làm hại.

Nếu vua tâm thanh tịnh an ổn, thấy có thể thuyết pháp được thì thuyết pháp thiện xảo.

Nếu thấy nhà vua không thích pháp thiện xảo thì nói pháp yếm ly, nếu thấy không thích pháp yếm ly thì nên làm cho nhà vua biết. Như Lai có từ bi lớn, đủ oai đức lớn.

Với các Sát-lợi Bà-la-môn cùng các quan tùy tùng thì tùy theo chỗ thích hợp mà hóa độ. Nếu họ là người có kiến thức đa văn có thể kham nhiệm pháp khí thì cho họ nghe diệu pháp để hàng phục tâm họ. Các chúng sinh ấy tin thích pháp này được niềm vui lớn.

Kinh Tối Thượng Thụ Sở Vấn nói:

Lại nữa, Trưởng giả ! Bồ-tát xuất gia ở A-lan-nhã nên quan sát nghĩa như thế này: Sao ta phải ở nơi A-lan-nhã ? Ở đây đâu phải chỉ có tướng Sa-môn mà còn bao nhiêu thứ bạo ác, chẳng kín đáo, chẳng yên tĩnh, chẳng luật nghi, chẳng tương ưng, chẳng nguyện cầu đều ở chung chạ. Như nào là phi nhân, chim ác, thú dữ, giặc cướp, Chiên-đà-la v.v... cũng chung chạ. Chúng đâu có đầy đủ công đức của Sa-môn. Trong khi ta ở A-lan-nhã ta phải sống trọn vẹn với nghĩa Sa-môn này.

Cho đến Trưởng giả ! Hạnh Bồ-tát xuất gia ở A-lan-nhã phải quan sát như thế này: Ta đến A-lan-nhã vì ý nghĩa gì ? Ta vì những sợ hãi này. Sợ hãi gì vậy ? Là sợ ở trong đám đông ồn ào, sợ tụ họp, sợ tham sân si, sợ kiêu mạn che giấu, sợ keo kiệt đố kỵ tài lợi, sợ sắc hương vị xúc, sợ uẩn ma, sợ phiền não ma, sợ tử ma, sợ thiên ma, sợ vô thường điên đảo chấp là thường, sợ vô ngã điên đảo chấp là ngã, sợ bất tịnh điên đảo chấp là tịnh, sợ khổ điên đảo chấp là vui, sợ tâm ý thức, sợ lia chướng khởi chướng, sợ thân kiến, sợ ngã ngã sở, sợ nghi ngờ ba đời, sợ bạn ác, sợ quyền thuộc ác, sợ tiếng tăm lợi dưỡng, sợ không thấy nói thấy, sợ không nghe nói nghe, sợ không hay nói hay, sợ không biết nói biết, sợ Sa-môn như nhóp, sợ giận dữ lẫn nhau, sợ ba cõi, sợ sinh các thú, sợ ba đường ác. Nói chung là sợ tất cả tác ý bất thiện. Ta vì sợ các hành tướng ác như vậy mà đến ở A-lan-nhã.

Cho đến, lại nữa, Trưởng giả ! Bồ-tát xuất gia ở A-lan-nhã phải học như thế này: Nếu khi phát sinh sợ hãi, phải biết rằng tất cả đều do ngã chấp khởi lên.

Nói tóm lại, ở A-lan-nhã xa lìa ngã chấp thì không có ngã, không có ngã sở, không ngã tướng, không ngã ái, không ngã tưởng, không ngã kiến, không bị cái ngã nắm giữ, không bị cái ngã so đo chấp trước, xả lìa cái ngã chẳng cần giữ gìn. Ở A-lan-nhã những thứ này chẳng có lợi ích.

Lại nữa, Trưởng giả ! Ở nơi thanh tịnh thì không có tướng về mình, không có tướng về người. Nếu đối với các pháp không nói thì với các pháp không xen tạp. Nói tóm lại, Trưởng giả ! Ví như ở nơi A-lan-nhã các loại cỏ thuốc cây rừng không kinh, không hãi, không sợ, cũng không khủng khiếp đến dựng lông.

Người Bồ-tát xuất gia ở A-lan-nhã cũng có hạnh như vậy: Đối với thân mình phát khởi ý tưởng như cỏ thuốc, như cây rừng, như tường gạch ngói. Tâm như huyễn hóa, những gì sinh ra nào có phân biệt và kinh sợ đến dựng lông. Đem tâm sâu xa như vậy mà quán sát thân này thì thân không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, dưỡng giả, ý sinh, nho đồng, do hư vọng chấp khắp cả. Sự sợ hãi này chỉ có giả danh, hư vọng chấp khắp cả, không nên phân biệt. Cũng như nơi A-lan-nhã kia cỏ thuốc cây rừng không có chủ tể cũng không thuộc về ai, thì A-lan-nhã này cũng vậy không nhiếp thuộc về ai cả. Đối với tất cả pháp đã hiểu như vậy rồi, thì nên phát khởi hạnh như vậy. Sở dĩ vì sao ? Người ở nơi vắng vẻ thanh tịnh giống như tử thi không ai thừa nhận.

Cho đến, lại nữa, Trưởng giả ! Bồ-tát xuất gia như ở nơi vắng vẻ thanh tịnh, biết vậy rồi nương theo Phật nói ở A-lan-nhã tức được viên mãn pháp thanh tịnh trong sâu căn lành, sau đó mới vào thành thị xóm làng, vào cung vua mà thuyết pháp.



Lại nữa, Trưởng giả ! Bồ-tát xuất gia đọc tụng diễn thuyết giải thích nghĩa lý, vào trong chúng sẽ được cung kính. Mặc dù thân cận Hòa thượng, A-xà-lê và các bậc kỳ cựu, nhưng đối với Tì-kheo mới học cũng nên tôn kính không giải đãi, tất cả tự làm lấy việc của mình không làm phiền ai, cũng không nên sai sử bắt ai tôn trọng cung phụng mình. Phải nên quan sát như vậy.

Lại nữa, Như Lai Ứng đẳng chính giác được trời, người, Ma Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng sinh tôn trọng cúng dường, nhưng cho đến có những việc làm đều tự mình làm lấy mà không đợi người cung phụng. Huống chi ta nay muốn cầu vô học như vậy, để phụng sự tất cả chúng sinh. Nếu ta phụng sự họ cung cấp tất cả thì những gì ta phải làm đều tự làm xong, không cần cầu người khác phụng sự cung cấp mình.

Sở dĩ vì sao ? Trưởng giả ! Sự tôn trọng phụng sự này, trong pháp công đức của Tì-kheo là hủy phạm nhiếp thủ. Người tạo nhiếp thủ này là vì được phụng sự. Ta chớ nên do pháp ấy mà tạo nhiếp thủ này.

Kinh ấy lại nói:

Lại nữa, Trưởng giả ! Pháp Bồ-tát ở A-lan-nhã kia, nếu thấy nghe Hòa thượng, A-xà-lê có bệnh, dù ở nơi hoang dã xa xôi cũng phải đến thăm viếng hỏi han. Nghĩa là nếu đi đến đó vào buổi sáng, nên phát tâm như vậy: Giả sử kia có mời đọc tụng giải thuyết khiến ở lại tăng phường, thì cũng coi như mình ở A-lan-nhã vậy, tâm chớ nên đắm trước thụ dụng. Ở A-lan-nhã là như vậy, cầu pháp không chán, tưởng tất cả mọi sự đều trống vắng.

### HẾT QUYỂN 13

## **LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC** ( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### **QUYỂN 14**

#### **Phẩm 11: HỌC XỨ VỀ A-LAN-NHÃ 2**

Kinh Bảo Tích nói:

Lại nữa về hạnh A-lan-nhã, nếu các phàm phu dị sinh chưa đắc quả thấy cọp sói đến chớ sinh sợ hãi, phải phát tâm như thế này: Ta vốn đến A-lan-nhã này là đã coi như xả bỏ thân mạng không còn sợ hãi. Vì khởi tâm từ xa lìa tội lỗi nên không còn sợ hãi. Nếu cọp sói giết chết ăn thịt ta, thì nên khởi tâm như thế này: Ta sẽ được thiện lợi, vì cái thân không bền chắc sẽ được kiên cố. Lại nữa, nếu không ăn thịt ta được, liệu chúng có vui chăng ?

Nói tóm lại, khi thực hành hạnh A-lan-nhã có phi nhân đến, dù đẹp dù xấu không nên yêu thích, cũng không nên làm tổn hại.

Nếu có các chư thiên xưa đã từng gặp Phật, nay đến A-lan-nhã này vẫn nạn Tì-kheo, Tì-kheo nên tùy theo năng lực, tùy theo pháp đã học mà vì chư thiên giải đáp.

Nếu khi có những câu vấn nạn khó hoặc nghĩa lý sâu, Tì-kheo A-lan-nhã chưa giải đáp được mà làm cho kia không sinh cung kính, thì nên nói với họ rằng: Tôi nay chưa đạt đến bậc vô học. Tôi sẽ siêng năng theo Phật dạy học hỏi nghe pháp rồi sẽ có

thể giải đáp tất cả câu hỏi. Hiện tại tôi chỉ mới nghe được pháp như thế v.v...

Nếu ở A-lan-nhã cỏ thuốc cây rừng còn không lấy thì làm sao có sinh có diệt ? Nên quán sát như thế này: Thân này là vô ngã, không có chủ tể, không có người tạo ra nó, không có người nhận chịu. Ai sinh ai diệt ? Rốt cuộc không có ai sinh diệt. Thân này cũng như vậy. Ví như cỏ cây tường ngói gạch đá là vô ngã, vô chủ tể, vô tác giả, vô thụ giả, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà sinh, nhân duyên chia tan thì diệt. Lại nữa, theo thắng nghĩa thì không có một pháp nào là sinh là diệt.

Kinh ấy lại nói:

Tu hành hạnh A-lan-nhã nên phát tâm như thế này: Ta đến A-lan-nhã này độc một thân một mình không bè không bạn. Ta có làm thiện làm ác, bấy giờ thiên long Dược-xoa Phật Thế Tôn chứng biết cho thâm tâm ta. Còn như ở trong A-lan-nhã này mà với tâm bất thiện, tự tại phóng túng, nếu đến nơi xa xôi như thế này không bạn bè không người thân cận, phải giác quán như thật vô ngã vô thủ, phải giác quán như thật những dục, sân, hại và các pháp bất thiện khác, nếu ta ở đây mà chẳng khác nào những đám đông ham vui, những loại hữu tình ồn ào náo nhiệt, tức là khinh dối thiên long Dược-xoa và chư Phật Thế Tôn. Nếu làm những điều gì không bị thiên long Dược-xoa giận trách thì chư Phật Thế Tôn đều hoan hỷ.

## **Phẩm 12: HỌC XỨ VỀ TRỊ TÂM 1** ( *Phụ thêm: Thiền định Ba-la-mật-đa* )

Luận nói:

Tu ở A-lan-nhã là tu tập thiền định.

Kinh Bát Nhã nói:

Người tu thiền định Ba-la-mật-đa được tâm không tán loạn, lợi ích chúng sinh. Sở dĩ vì sao ? Tu định theo thế gian còn được tâm không tán loạn huống chi là tu định A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên đã được tâm không tán loạn cho đến chứng quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Kinh ấy lại nói:

Lại nữa, Tu-bồ-đề ! Bồ-tát Ma-ha-tát sơ phát tâm, khi thực hành tu tập thiền định Ba-la-mật-đa, tác ý tương ưng với tất cả tướng trí, thì khéo nhập tốt vào thiền định.

Nếu mắt thấy sắc không lấy tướng của nó, cũng không chấp lấy hình dáng đẹp đẽ, nếu đối với nhãn căn không biết ngăn chặn thì sẽ dựa vào tà vọng làm tổn não, các tâm ác bất thiện theo đó mà lưu chuyển.

Người biết thủ hộ nhãn căn ngăn chặn hết các thứ này. Cũng giống như vậy, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc, ý nhận biết pháp, đều không lấy cái tướng bên ngoài, cũng không chấp lấy hình dáng tốt đẹp thơm tho ngọt ngào dịu êm hay ho.

Nếu đối với ý căn không biết ngăn chặn, thì các tâm ác bất thiện phi pháp theo đó mà lưu chuyển. Người biết thủ hộ ý căn ngăn chặn hết các thứ này, thì đi đứng ngồi nằm, nói nín, lúc nào, nơi đâu đều không xa lìa Tam-ma-hứ-đa, chân tay không dao động, miệng không nói loạn xạ xen tạp, cũng không cười đùa, các căn không rối loạn.

Thân cũng như tâm không quên mất sự vắng lặng ba nghiệp. Như trong luật nghi, hiển lộ cũng như kín đáo, cho đến hỷ lạc tri túc, dễ trưởng dưỡng dễ viên mãn, khéo nhập vào hành xứ, xa lìa ồn ào, đối với được không được không sinh tâm cao thấp, bình đẳng không phân biệt.

Cũng như vậy đối với khổ vui, chê khen, ca ngợi không ca ngợi, chết yểu sống thọ, cũng không sinh tâm cao thấp, bình đẳng không phân biệt. Tâm thường bình lặng trong trẻo, đối với sự oán thù hay

thân thiết. Là thánh hay chẳng phải thánh, giữa hai tiếng đó chẳng có gì lẫn lộn. Đối với vui chẳng vui cũng như một tướng không cao không thấp, bình đẳng không sai biệt, vượt qua tất cả những gì là thuận hay nghịch.

Sở dĩ vì sao ? Nếu thấy tự tướng là không như, là chẳng chân thật, tức thấy được các pháp không sinh không diệt. Cho đến nói rộng ra cũng vậy.

Luận nói: Người ưa thích tu tập, thì xa các sự biếng nhác thoái lui, mà lại thường tác ý dứt trừ sự đề cao. Hai thứ này là pháp đối trị.

Kinh Hộ Quốc có bài kệ rằng:

*Vô lượng vô số kiếp,  
Có chư Phật ra đời.  
Do đó bậc Đại Tiên  
Sát-na làm lợi ích.  
Xa lìa các phóng túng,  
Giải thoát các dục nhiễm,  
Cái có là hư vọng,  
Như thấy trong ảo mộng.  
Sai trái chẳng trụ lâu,  
Các ái cũng không thường.  
Nếu ra sức mong cầu  
Các bậc Ba-la-mật  
Cho đến ngộ Bồ-đề  
Tinh tiến không nghi hoặc.*

Kinh Đại Hý Lạc có nói rộng bằng một bài kệ rằng:

*Khô già bệnh chết,  
Như lửa đốt thiêu ,  
Ba cõi bùng cháy,  
Không định không lường.*

Chưa lìa luân chuyển  
Thường ở ngu tối.  
Như con ong điên  
Bị nhốt trong lọ.

Ba cõi vô thường  
Như trò hý kịch,  
Như mây trời thu,  
Sinh đó diệt đó.

Đời người qua mau  
Còn hơn sơn thủy.  
Mau chóng lệ làng  
Ngang trời sét đánh.

Trong cõi hư không  
Khấp ba đường dữ.  
Vô minh thoát khỏi  
Có ái hữu sinh.

Luân chuyển ngũ thú.  
Bàn xoay thợ gốm.  
Thường ưa sắc đẹp  
Với âm thanh hay,  
Hương vị thơm ngon,  
Xúc chạm trơn láng.  
Tham đắm thứ này  
Như bị nhốt tù,  
Như nai sa lưới,  
Như khỉ bị trói,  
Thường ôm lo sợ  
Tưởng như oan gia.

Thứ dục lạc này  
Gây nhiều ưu não

*Như lưỡi đao nhọn,  
Cũng như thuốc độc.  
Người trí xa lìa  
Như bỏ bình phân.  
Ngu nên tham đắm,  
Là nhân lo sợ,  
Và là gốc khổ.  
Bị ái ràng buộc  
Chóng đến lão suy.  
Người thường tham dục  
Sợ không nương về.  
Xưa có thánh nhân  
Biết rõ dục này,  
Sợ như lửa dữ.  
Như bãi bùn lớn,  
Mật trên lưỡi đao,  
Tránh kiếm trên không.*

*Lại các người trí  
Biết rõ dục này  
Như bình phân nơ,  
Như đầu rắn độc,  
Như con lừa gỗ,  
Như máu vấy người,  
Như đầu chó chết,  
Như ác oan gia.*

*Lại các thánh trí  
Biết rõ dục này  
Như trăng trong nước,  
Tiếng vang hang núi,  
Như ảnh trong gương,*

*Như người diễn tuồng,  
Như thấy chiêm bao.*

*Lại đục lạc này,  
Người trí hiểu rõ:  
Ảo hóa, sóng nắng,  
Như là bóng nước,  
Phút chốc rồi tan,  
Do chấp khởi lên  
Hư vọng không thật.  
Chỉ có tuổi trẻ  
Là có sắc tướng.  
Yêu thích cái này  
Là chỉ người ngu.*

*Khi già bệnh đến  
Ôm sàu nuốt khổ  
Mát hết sắc tươi  
Như sông cạn nước.  
Tài lực dồi dào,  
Kho lẫm đầy ắp,  
Yêu thích cái này  
Là chỉ người ngu.  
Đến khi hết của,  
Bệnh tật rồi chết,  
Lìa bỏ mọi người  
Như khu vườn trống.*



*Ví như cây hoa quả,  
Người ưa thích muốn hái.*



*Khi nghèo khổ lão suy  
Ghét bỏ như cú mèo.*

*Tuổi trẻ nhiều tiền của  
Yêu đời và sống vui,  
Khi nghèo khổ lão suy  
Chán bỏ như thây chết.*

*Lại tướng lão suy này  
Theo thời gian tàn lụi,  
Ví như lửa điện chớp  
Đốt cháy các cây khô.*

*Lão suy này đáng sợ,  
Như ngôi nhà hủ mục.  
Cho nên Đức Mâu-ni  
Bảo mau cầu ra khỏi.*

*Lại như rừng Sa-la  
Bị dây mây leo quấn.  
Như nam nữ quyến thuộc  
Khô cằn chóng suy hủ.*

*Lại như chìm vũng bùn  
Khốn đốn không đủ sức.  
Tướng già nua cũng vậy  
Không nhanh nhẩu lạ lùng,*

*Già rồi hình hài xấu  
Sức oai hùng còn đâu.  
Bao lâu tìm diệu lạc  
Đến chết thật tiêu điều.*

*Đây trăm thứ bệnh nã  
Nào phải yên ổn vui.*

*Tướng đờ trong thế gian  
Mãnh liệt như thú dữ.*

*Quán như lão khổ bệnh  
Là khổ não thế gian,  
Thôi không tìm lạc thú  
Khuyên mau cầu ra khỏi.*

*Lại như sương như tuyết  
Hại sắc tươi cỏ cây,  
Bệnh khổ với thế gian  
Hoại mạng căn sắc lực.*

*Kho lẫm chất chứa đầy  
Tìm cầu không giới hạn.  
Thường như người bị bệnh  
Hay cầu gắt giận hờn.*

*Và oan gia thù nghịch  
Nóng nảy như nắng trời,  
Đến khi nhắm mắt rồi  
Tiền của, mạng sống mất.  
Nước chảy không trở về  
Quả trên cành đã rụng.  
Như cành cây trôi sông  
Nổi lên rồi chìm xuống.*

*Theo nghiệp quả khó dừng  
Độc hành không bè bạn.  
Về pháp tử diệt này  
Giống như cá Ma-kiệt  
Ăn nuốt vô lượng chúng,  
Như Kim sủy ăn rỗng,  
Và sư tử đánh voi,*

*Như lửa dữ thiêu đốt  
Cháy rụi mọi cỏ cây.*

Lại nữa Kinh Giáo Thị Thắng Quân Đại Vương nói:

Phật nói: Đại vương ! Ví như bốn phương có bốn núi chuyển động đến, kiên cố vây bọc chung quanh hợp lại thành một tổng thể khép kín không khuyết hở, tất cả động thực vật trên không trên đất ở trong đó đều bị nghiền nát, không một ai một vật gì có thể đào thoát được và không có sức thần chú phép thuật dược thuật tài vật có thể làm chuyển đổi được.

Phật nói: Đại vương ! Trên đời cũng có bốn thứ sợ hãi lớn giống như vậy, không một ai một vật gì có thể đào thoát được và không có sức thần chú phép thuật dược thuật tài vật có thể làm chuyển đổi được. Những gì là bốn ? Đó là suy, già, bệnh chết.

Phật nói: Đại vương ! Một là khi thế lực của sự suy yếu đến thôi thúc bức bách phá hoại sự hưng thịnh. Hai là khi tướng già hiện ra thôi thúc bức bách phá hoại tuổi thiếu niên cường tráng. Ba là khi bệnh khổ hợp nhau đến thôi thúc bức bách phá hoại sự điều thích của thân thể. Bốn là khi sự tử diệt xâm phạm thôi thúc bức bách phá hoại tuổi thọ. Đây là thế nào ?

Phật nói: Đại vương ! Cũng như sư tử là vua trong các loài thú, sắc tướng, sức mạnh đều đầy đủ, móng vuốt bén nhọn vào trong bầy nai muốn bắt con nào cũng được. Còn nai thì dù chạy nhảy cũng không thể thoát khỏi miệng mãnh thú.

Phật nói: Đại vương ! Người bị mũi tên độc bắn cũng như vậy, dẫu có sức mạnh cũng không chạy thoát, không nơi về, không ai cứu, không chỗ gửi nhờ, khắp châu thân máu thịt khô kiệt, đói khát nóng bức, há to miệng mà thở, tay chân run rẩy, không cầu cứu được gì cả, nước miếng nước dãi, đại tiểu tiện bất tịnh tuôn ra bôi đầy thân thể mạng sống giảm dần. Bây giờ thân trung hữu hiện lên, theo nghiệp

duyên mà khởi, thấy sứ giả Diêm-ma trước mặt, chỉ một hơi thở cuối cùng là hết, đi trong đêm đen, một mình độc hành không bè không bạn, quay lưng cuộc đời thoát sang đời khác, chạy trên con đường hiểm, vào trong một vùng rất tối tăm, băng qua đồng hoang, đến khu rừng rậm, gió nghiệp thổi rơi xuống, nổi trôi trên biển lớn, hướng đến một nơi tối tăm hoang vắng, không có mốc giới, không nơi quay về, không nơi cầu cứu, không nơi nương nhờ.

Phật nói: Đại vương ! Chỉ có pháp với pháp là chỗ quy về, là nơi cứu giúp, là chỗ gỡ gắm.

Phật nói: Đại vương ! Thiện pháp này như lạnh gặp lửa, như nóng gặp gió mát, như người khát uống nước trong mát, người đói gặp bữa cơm ngon, người bệnh được thuốc hay, người sợ hãi gặp được người bạn có sức mạnh. Đó là chỗ quy về nơi cứu giúp.

Phật nói: Đại vương ! Các thiện pháp này có thể lực lớn cũng giống như vậy, làm chỗ quy về làm nơi cứu giúp cho người không chỗ quy về không nơi cứu giúp, làm chỗ trú ẩn cho người không nơi ẩn núp.

Đại vương ! Cho nên phải biết có hiện vô thường, có hiện diệt tận, pháp là như vậy. Chỉ có chết là vì sợ hãi.

Phật nói: Đại vương ! Đại vương trông cậy vào những điều mình làm, nhưng những điều đó đều chẳng phải thiện pháp.

Sở dĩ vì sao ? Đại vương ! Thân này từ xưa đến nay, cho dầu giữ gìn bảo vệ đến mấy, trau chuốt trang sức đến mấy, ăn uống thịnh soạn thỏa mãn đến mấy, khi mạng chung không khỏi đói khát bức bách mà chết. Cũng như vậy thân này tuy dùng bao nhiêu thứ y phục lông lẫy đẹp đẽ xa hoa, đi đứng ngồi nằm tùy ý trang sức, khi mạng chung bao nhiêu là ô uế bất tịnh lưu xuất ra.

Đại vương ! Thân này tắm gội với bao nhiêu là hương xoa, hương bột, hương xông, trang sức với bao nhiêu hoa đẹp hương

thơm, khi mạng chung không lâu sẽ bốc lên mùi xú uế. Lại nữa thân này vây quanh bao nhiêu hậu phi thể nữ quyến thuộc, nào ca múa hát xướng tấu nhạc mua vui, với kẻ hầu người hạ thích ý hưởng lạc, đến khi mạng chung không khỏi sợ hãi và các khổ não.

Phật nói: Đại vương ! Đến như thân này tuy ở trong cung điện đèn đài lầu gác, gấm thêu trang sức, hoa thơm đèn sáng, màn trướng bình phong, tòa ngồi đệm lót, đốt các danh hương, rải các hoa đẹp, bình báu xông hương bày la liệt khắp nơi, và châu ngọc đá quý gấm vóc các đồ trân ngoạn, đến khi mạng chung nằm trong mộ địa xương thịt tóc lông máu mủ hôi hám, tử thi nằm đó nào có biết chi.

Phật nói: Đại vương ! Lại nữa thân này thường đi xe ngựa xe voi, đánh trống thổi tù và, tấu âm nhạc lớn, trưng cờ che lọng, cầm quạt phát trần, có binh tướng hùng mạnh như tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh tiền hô hậu ủng, trăm ngàn quan chức nhân dân trong thành thị làng xóm chấp tay cung kính, nhưng tử thi nằm trên xe thì không lâu phải được người mang ra khỏi cửa thành, cha mẹ vợ con anh em chị em nô tỳ người giúp việc đau lòng sâu não, đầu bù tóc rối lấy tay đập đầu kêu khóc thảm thiết, với ta không còn ai cứu giúp, không ai thân không ai là chủ, người trong thành thị làng xóm luyến tiếc sầu thương tiễn đưa đến mộ địa, rồi hoặc bị quạ diều kên kên chồn sói dã can ăn thịt, cho đến xương chất như củi để đốt, hoặc chôn xuống đất, gió mưa dãi dầu, nát như tro bụi, phát tán khắp nơi.

Phật nói: Đại vương ! Thân này ảo hóa chung quy hoại diệt, tất cả các hành đều vô thường. Cho đến nói rộng ra đều như vậy.

Luận nói:

Tất cả khối phiền não là tham sân si v.v..., nếu đối trị tu tập phải lấy sự xa lìa làm nhân.

Cho nên Kinh Bảo Vân nói:

Đối trị tham là phải xa lìa nguyên nhân khởi tham.

Sao gọi là đối trị tham và đối trị nguyên nhân khởi tham ? Tham là nếu biết rõ. Đối với nguyên nhân khởi tham thì tu quán bất tịnh.

Sao gọi là quán bất tịnh ? Nghĩa là nếu đối với thân thể tóc lông móng răng da máu thịt gân mạch xương tủy mỡ não màng mô hôi nước mắt đờm dãi họng tim phổi gan mật lá lách thận ruột non ruột già phân nước tiểu mủ, Bồ-tát đối với những vật ấy mà khởi quán sát thì biết đối với đứa trẻ con ngu si chẳng biết gì còn không khởi tâm yêu thích những vật ấy hướng chi người trí. Đó là Bồ-tát tu quán bất tịnh.

Lại như Kinh Bát Nhã nói:

Lại nữa, Thiện Hiện ! Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, biết rõ như thật thân này.

Thiện Hiện ! Ví như thợ mổ bò và học trò người thợ mổ bò, sau khi giết bò xong lại dùng dao bén xẻ làm bốn phần, rồi hoặc ngồi hoặc đứng mà quan sát như thật.

Thiện Hiện ! Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng như vậy. Quan sát như thật yếu tố đất, nước, lửa, gió của thân này.

Lại nữa, Thiện Hiện ! Cho đến như người nông phu hoặc Trưởng giả có đủ tất cả các thứ hạt giống ngũ cốc như đậu, lúa mì, lúa gạo, hạt mè, hạt cải v.v... Có người tỏ rõ, có thể xem phân biệt đúng các thứ ngũ cốc, như đây là đậu đây là lúa mạch, đây là lúa gạo đây là đây là hạt cao lương, đây là hạt mè đây là hạt cải v.v...

Thiện Hiện ! Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng như vậy, xem thân này từ đầu đến chân nào tóc lông răng

móng các thứ đầy những bất tịnh. Bồ-tát quán sát như thật thân này chỉ có những thứ bất tịnh như tóc lông răng móng đầu mắt mũi tủy gan mật lá lách thận ruột non ruột già ghèn v.v...

Cho đến nếu đến bãi tha ma quán sát các tướng, như các tử thi đã bỏ qua một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày thân thể trương phình xanh bầm hôi thối, da rách thịt rữa máu mủ chảy ra, thấy như vậy rồi thì ta với thân này cũng thể thối. Thân này, pháp là như thế, bản tính là như thế. Như vậy pháp tính chưa từng giải thoát. Nói tóm lại, nếu quán tử thi bỏ ở bãi tha ma, thấy giò trùng lúc nhúc, bất tịnh hôi thối thì ta và thân này cũng thể thối, ngoài ra như trên đã nói.

Cho đến bi thảm mà quán sát những tử thi vắt bỏ, thấy thịt tiêu mất xương lòi ra, gân quấn dính máu bầm, thì ta với thân này cũng thể thối, ngoài ra như trên đã nói.

Lại nữa nói đến chỗ bi thảm mà quán sát tử thi bị vắt bỏ, thấy máu thịt hết sạch, hiện ra bộ xương người còn buộc bởi những dây gân, thì ta với thân này cũng thể thối, ngoài ra như trước đã nói.

Lại nữa nói đến chỗ bi thảm mà quán sát những tử thi bị vắt bỏ, thấy chỉ còn xương mỗi nơi một thứ, như xương đầu xương chân xương sống xương cổ xương cánh tay v.v... thì ta với thân này cũng thể thối, ngoài ra như trước đã nói.

Lại nữa, Thiện Hiện ! Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đến chỗ bi thảm mà quán sát tử thi bị vắt bỏ, thấy chỉ còn xương phơi, mưa sa gió tấp, trắng bạch như vỏ ốc, thì ta với thân này cũng thể thối, ngoài ra như trên đã nói.

Lại nữa, Thiện Hiện ! Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đến chỗ bi thảm mà quán sát tử thi bị vắt bỏ, thấy chỉ trơ xương trải qua nhiều năm biến màu thành xanh đen như bùn, nát vụn thành bụi, thì ta với thân này cũng thể thối. Thân này, pháp là như vậy, bản tính là như vậy. Như vậy pháp tính chưa từng giải thoát.

Luận nói:

Lấy quán bất tịnh đối trị tham, thì quán tu từ đối trị giận dữ. Đây là bình đẳng. Nếu không thích quán chúng sinh thì hoặc vì một sự ăn uống mà phát sinh yêu thích, thì đối với những thứ diệu lạc người ta mong cầu ngợi khen, thứ nào mà chẳng yêu thích ?

Từ là độ tham dục, là nhân duyên không nhiễm trước tham ái. Nghĩa này có ba thứ .

Kinh Vô Tận Ý nói: Nghĩa là Bồ-tát sơ phát tâm, thì tu chúng sinh duyên từ. Bồ-tát đã tập hạnh, thì tu pháp duyên từ. Bồ-tát được vô sinh pháp nhẫn, thì tu vô duyên từ.

## HẾT QUYỂN 14



## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 15

#### Phẩm 12: HỌC XỨ VỀ TRỊ TÂM 2

( *Còn tên là Phẩm thiên định Ba-la-mật-đa* )

Nói về từ còn có Phật duyên từ, Bồ-tát duyên từ, Thanh Văn duyên từ, Độc Giác duyên từ và chúng sinh duyên từ.

Chúng sinh duyên từ, nghĩa là trước tiên thích ban cho sự lợi ích an vui, dùng thiên định mà ban cho tâm từ. Cho nên nếu có khách tri thức đến ở gần thì xem cư dân nơi địa phương mình cũng như cư dân của địa phương kia vậy, thậm chí coi như cùng một nơi giải thoát. Như vậy là nguoi duyên đến mười phương Phật cũng không chán.

Như Kinh Kim Cương Tràng Hồi Hương nói:

Người tu tập đầy đủ hạnh Bồ-tát nếu thấy sắc thì đối trị với ái. Cũng như vậy cho đến thanh hương vị xúc pháp cũng đối trị với ái, như thế là không phạm tội, là thanh tịnh, là thiện hạnh, là sự sáng sạch cao tốt, siêu vượt các thứ diệu lạc, sinh tâm ý vui thích, khởi niềm tin vui thanh tịnh, phát sinh sự phấn khởi, an trụ trạng thái cực kỳ hoan hỷ. Đối với tâm phân biệt, không sinh phiền não thoái lui, tâm ý điều hòa nhu thuận, các căn mạnh mẽ, nhạy bén thường thụ diệu lạc. Như vậy hồi hương tất cả chư Phật, chuyển đến hồi

hướng Bát-nhã chư Phật, được đầy đủ không thể nghĩ bàn, hạnh diệu lạc của Phật. Nhưng chưa khéo nhiếp thụ cái an lạc Tam-ma-địa như Phật. Do năng lực này dần dần được vô lượng diệu lạc của Phật, đầy đủ vô lượng niềm vui giải thoát của Phật, nhiếp thụ vô lượng cái vui thần thông của Phật, được khéo nhiếp thụ hạnh vui không đấm trước của vô số chư Phật, được sự tự tại của Phật, như cái vui tuyệt vời của con bò chúa đi đây đi đó rất nhanh chóng. Cuối cùng được vô lượng Phật lực, được niềm vui biết tất cả là vắng lặng, không sinh không diệt. Đối với hạnh không đấm trước, thường được tại định đẳng dẫn, được cái diệu lạc không giận, hạnh không hai của chư Như Lai. Đó là Bồ-tát thường dùng các thiện căn như vậy mà hồi hướng Như Lai.

Hồi hướng Bồ-tát, nghĩa là đối với người chưa viên mãn ý lạc, thì hồi hướng viên mãn nơi nhất thiết trí, người chưa thanh tịnh, thì thâm tâm thanh tịnh tất cả Ba-la-mật-đa, người chưa làm xong, thì khiến làm xong việc phát tâm Bồ-đề. Như kim cương khiến cho người mặc áo giáp nhất thiết trí, không thoái lui khuất phục. Khiến người mặc áo giáp nhất thiết trí không thoái lui khuất phục thì được khinh an với Bồ-đề diệu lạc, không thoái lui các nẻo đường thiện, an trụ bình đẳng tất cả thế gian, viên mãn đại nguyện, tu tập tất cả hạnh Bồ-tát, biết rõ lợi căn thần thông của Bồ-tát, do thiện căn đây chứng nhất thiết trí, vì ý nghĩa thiện căn này hồi hướng Bồ-tát.

Lại nữa nếu là người học Phật thì tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... cũng đem thiện căn này hồi hướng như vậy. Nếu có chúng sinh trong khoảnh khắc nghe Phật pháp và tôn trọng chúng hiền thánh, đem thiện căn này hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, như hồi hướng niệm Phật viên mãn, hồi hướng niệm pháp phương tiện, hồi hướng tôn trọng thánh chúng, hồi hướng không rời thấy Phật, hồi hướng tâm thanh tịnh, hồi hướng thông suốt Phật pháp, hồi hướng đã tu vô lượng công đức, hồi hướng thanh tịnh tất cả thần thông thiện

căn, hồi hướng đoạn trừ các pháp nghi. Đó là hồi hướng của Thanh Văn, Bích-chi-phật là những người học Phật.

Lại nữa, Bồ-tát cũng dùng thiện căn hồi hướng tất cả chúng sinh, như hồi hướng xa lìa đường địa ngục, hồi hướng đoạn trừ đường súc sinh, hồi hướng diêu lạc cõi Diêm-ma-la, hồi hướng đoạn trừ việc đọa các đường ác, hồi hướng khiến chúng sinh ưa muốn tăng trưởng vô thượng Bồ-đề, hồi hướng khiến thâm tâm được tâm nhất thiết trí, hồi hướng việc không hủy báng tất cả Phật pháp, hồi hướng thành tựu rốt ráo bậc nhất thiết trí, hồi hướng rốt ráo thanh tịnh tất cả chúng sinh. Bồ-tát dùng vô lượng trí hồi hướng tất cả chúng sinh, cho đến việc ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc thang bệnh tật. Đối với thân thì việc phụng sự như đi đến, ngồi đứng, mọi tác nghiệp đều giữ đúng luật nghi, trong luật nghi không sinh giận dữ, thân ngữ ý nghiệp tu tạo việc thiện, nghiêm mật các căn mà nghỉ ngơi hay làm các việc xoa bóp, ăn uống các thứ hoặc mở miệng ngậm miệng, hoặc quán hay chẳng quán, hoặc nằm ngủ hoặc thức, tự thân phải đến phục vụ. Bồ-tát đối với duyên nhất thiết trí, bình đẳng tương ưng thì không gì không hồi hướng. Tâm nhất thiết trí ấy ưa thích làm việc lợi lạc chúng sinh, cho đến ý thường cứu hộ tất cả thế gian, phát khởi thiện căn, xa lìa kiêu căng phóng dật.

Nói tóm lại là làm cho các phiền não không hiện khởi nữa, được các Bồ-tát gìn giữ, nhất định cần cầu con đường nhất thiết trí, ưa thích gần gũi người trí, cho đến có thể tu tập tất cả thiện căn, mau được viên mãn liên tục các hạnh.

Nói tóm lại, các loài súc sinh, hoặc thiếu ăn có thể thí cho chúng, khiến chúng tất cả được sinh về nẻo thiện. Như vậy là hồi hướng lợi ích giải thoát. Các súc sinh kia là biên khổ, là nhận lấy cái khổ, là khổ uẩn. Đó gọi là khổ thụ. Tức là nơi tụ hội các khổ, là khổ di chuyển đổi dời, là giới hạn của khổ, là gốc rễ của khổ, là nơi căn cứ của khổ. Với chúng sinh kia, hồi hướng không thoái lui.

Lại nữa duyên với tất cả chúng sinh, nghĩa là đối với chúng sinh hiện tiền tác ý, vì do trước các thiện căn đã làm, phát tâm Bồ-đề hồi hướng nhất thiết trí, nên không đọa luân hồi, lìa các hiểm nạn, được diệu lạc của Phật hiện tiền không ngại, vượt biển luân hồi, vĩnh đoạn liên tục chiếu sáng Phật pháp khởi đại từ. Như Từ Bi Tạng Già-đà trong Kinh Tối Thắng Kim Quang Minh nói:

*Là ánh sáng vàng,  
Trống vàng tối thắng,  
Phát tiếng nhiệm màu,  
Khắp ba ngàn cõi,  
Dứt được địa ngục,  
Và Diêm-ma-la,  
Cho đến cõi người  
Các bản cùng khổ.  
Lại trống vàng này  
Diệt trừ thế gian  
Tất cả chướng ão,  
Cũng nguyện chúng sinh  
Trừ được sợ hãi.  
Như Đức Mâu-ni,  
Tịch tĩnh vô úy.  
Như các thánh nhân,  
Trong biển sinh tử,  
Tu nhất thiết trí.  
Như kia đạt được  
Thắng tuệ, đấng trì,  
Và Bồ-đề phần,  
Công đức biển lớn.  
Lại tiếng trống đây  
Nguyện các chúng sinh  
Nghe tiếng Phạm này*

Như Phật chứng rồi,  
Thắng diệu Bồ-đề  
Chuyển tịnh pháp luân  
Trụ vô số kiếp  
Thuyết pháp lợi sinh  
Diệt tham sân si  
Các khổ phiền não.  
Nếu có chúng sinh  
Ở trong ác đạo  
Bị lửa thiêu đốt  
Thân thường thông thoáng  
Nghe tiếng trống này  
Như lời răn dạy  
Khiến quy Phật bảo.  
Lại khiến chúng sinh  
Được nhớ đời trước  
Trong trăm ngàn ức  
Kiếp số câu-chi  
Nhớ Đức Mâu-ni  
Nghe thậm thâm pháp.  
Lại tiếng trống này,  
Thường được gần Phật  
Tịnh tu hạnh lành  
Xa lìa tội ác.  
Cho đến kệ nói:  
Lại các cõi nước  
Tất cả chúng sinh  
Dứt trừ thế gian  
Tất cả các khổ.  
Lại nếu chúng sinh  
Thân phận thấp kém,

Hoặc thiếu các căn,  
Được có các căn  
Thấy đều đầy đủ.  
Nếu người bệnh tật,  
Thân hình yếu đuối  
Tùy theo nơi ở  
Không chỗ nương nhờ,  
Giải thoát các bệnh  
Đều được nhẹ yên  
Căn lực sung mãn.  
Lại nếu chúng sinh,  
Bị vua phép nước  
Sinh các sợ hãi  
Và nhiều sầu khổ  
Các chúng sinh kia  
Nếu nạn khổ đến  
Những chuyện ác nhất  
Trăm thứ sợ hãi  
Đều khiến giải thoát.  
Hoặc bị đánh đập  
Gông cùm xiềng xích  
Đủ thứ khổ hình  
Bức bách thân thể.  
Lại có vô lượng  
Trăm ngàn chủng loại  
Lo sợ sầu than  
Nảo nuốt trong lòng.  
Lao ngục trời nhốt  
Đánh khảo độc hại  
Tất cả giải thoát.  
Sắp bị gia hình

Mạng sống nguy kịch.  
Các khổ tuy đến  
Được không hãi sợ.  
Lại nếu chúng sinh  
Đòi khát bức nã,  
Khiến được vị ngon  
Ăn uống no đủ.  
Người mù được thấy  
Sắc tướng đẹp đẽ.  
Kẻ điếc được nghe  
Âm thanh thích ý.  
Những kẻ lòa lờ  
Được y phục tốt.  
Chúng sinh nghèo khổ  
Được của chôn giấu  
Kho lẫm dồi dào  
Trang sức các báu  
Tất cả chúng sinh  
Được diệu lạc này  
Không một chúng sinh  
Chịu các khổ báo.  
Các tướng đoan trang  
Ai cũng ưa nhìn.  
Ăn uống sung túc  
Phúc đức đầy đủ  
Thường được thụ dụng  
Vô lượng diệu lạc.  
Không hầu, tiêu, địch  
Các âm thanh hay  
Tùy theo ý nghĩ  
Có ngay tức thì,

*Nghĩ nước có nước,  
Ao hồ trong sạch.  
Hoa sen sắc vàng,  
Và Ưu-bát-la  
Che rợp bên trên  
Tùy theo ý nghĩ  
Tức thì hiện tiền.  
Cho đến kệ nói:  
Hương xoa, tràng hoa  
Hòa cùng hương bột  
Mỗi ngày ba lần  
Trên cây mưa xuống.  
Chúng sinh thu lấy  
Đều sinh hoan hỷ.  
Cúng dường mười phương  
Không thể nghĩ bàn  
Tất cả Như Lai  
Bồ-đề diệu pháp.  
Các Đại Bồ-tát  
Xa lìa trần cấu.  
Các chúng Thanh Văn  
Được lìa tất cả  
Chủng tộc thấp hèn  
Và nơi tám nạn  
Thường không gặp nạn.  
Vua trong tối thắng  
Thường được gần gũi  
Chư Phật Như Lai.  
Cho đến kệ nói:  
Nguyện các người nữ*



*Được làm thân nam  
 Kiên cường mạnh mẽ  
 Trí tuệ thông minh  
 Và thường tu tập  
 Con đường Bồ-tát  
 Sáu Ba-la-mật.  
 Thấy mười phương Phật  
 Ở dưới cây báu  
 Ngồi tòa lưu ly  
 An ổn khoái lạc  
 Cung kính vây quanh  
 Mà nghe diệu pháp.*

Luận nói:

Đây là nói sơ lược về hạnh từ đối trị với sân, lấy quán duyên sinh đối trị với si. Nay sẽ nói nghĩa duyên sinh ở trong đó.

Kinh Đạo Can nói:

Thế nào là pháp nội duyên sinh hệ thuộc vào nhân ? Nghĩa là vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử. Nếu không có vô minh thì biết không có hành. Cho đến không có sinh thì biết không có lão tử.

Lại nữa, nếu thật vô minh diệt thì hành diệt. Cũng như vậy cho đến sinh diệt thì lão tử diệt.

Lại nữa, vô minh không nghĩ rằng mình từ hành khởi, hành cũng không nghĩ rằng mình được khởi từ vô minh. Cũng như vậy cho đến sinh cũng không nghĩ rằng mình được khởi từ lão tử, lão tử cũng không nghĩ rằng mình được khởi từ sinh. Nếu thật vô minh khởi thì hành khởi không thể được. Cũng như vậy cho đến sinh khởi thì lão tử khởi cũng không thể được. Phải biết đó là pháp nội duyên sinh, hệ thuộc nơi nhân.

Còn pháp nội duyên sinh nào hệ thuộc nơi duyên ?

Nghĩa là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới hòa hợp bên trong, hệ thuộc nơi duyên.

Thế nào là địa giới ? Nghĩa là làm cho thân này tụ tập mà chuyển, cứng chắc làm tính, gọi là địa giới. Lại nữa, làm cho thân gìn giữ tạo tác, gọi là thủy giới. Lại nữa, làm cho thân có tính ấm nóng, làm cho thức ăn uống tiêu hóa, gọi là hỏa giới. Lại nếu nơi thân tạo ra hơi thở ra vào, gọi là phong giới. Lại nữa, nếu trong thân có những lỗ hờ, gọi là không giới. Nghĩa là danh sắc này giống như những cây lau giao nhau, làm cho năm thức thân tương ưng hệ thuộc. Ý thức hữu lậu gọi là thức giới. Nếu không có duyên này thì thân không chuyển. Nếu bên trong không khuyết địa giới, cũng vậy thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng không khuyết giảm, chúng hòa hợp lẫn nhau thì nhất định thân chuyển. Nhưng địa giới này không nghĩ rằng mình có thể làm cho thân thành tụ lại bền chắc. Thủy giới không nghĩ rằng mình có thể làm cho thân gìn giữ tạo tác. Hỏa giới không nghĩ rằng mình có thể làm cho thân nóng ấm, ăn uống được tiêu hóa. Phong giới không nghĩ rằng mình rằng mình có thể làm cho thân tạo nên hơi thở ra vào. Không giới không nghĩ rằng mình có thể làm thành các lỗ hờ cho thân. Thức giới không nghĩ rằng mình là duyên sinh, do duyên này nên nhất định làm cho thân được chuyển.

Lại nữa, địa giới này không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả, không ý sinh, không nho đồng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, cũng chẳng phải phi nam, cũng chẳng phải phi nữ, không tự tại, không chủ tể, không đây, không kia, và không có sở hữu.

Lại nữa, vô minh là nghĩa như thế nào ?

Nghĩa là trong sáu giới này khởi lên một tướng như tướng hợp, tướng bền chắc, tướng thường lạc ngã tịnh, tướng chúng sinh thọ giả

ý sinh nho đồng tự tại chủ tế v.v... các thứ tướng như vậy là vô trí, gọi là vô minh. Do vô minh này cho là có cảnh thật hữu, rồi khởi tham sân si, tức cảnh tham sân si kia gọi là hành. Đối với sự, biểu lộ sự hiểu biết, gọi là thức. Khi cùng sinh với thức, bốn thủ uẩn kia gọi là danh sắc.

Lại nữa, các căn mà danh sắc này nương vào gọi là sáu chỗ. Ba pháp hòa hợp gọi là xúc. Do xúc có lãnh nạp gọi là thụ. Thụ rồi đấm trước, gọi là ái. Ái sâu rộng, gọi là thủ. Từ thủ sinh ra hữu. Hữu lại sinh ra nhân. Do uẩn này khởi, gọi là sinh. Uẩn chín muồi là già. Uẩn diệt gọi là chết. Si, giận, nhiễm trước, sợ chết gọi là âu lo. Truy cảm thương than gọi là buồn. Năm thức tương ưng lãnh nạp bất thường gọi là khổ. Tác ý hòa hợp cực khổ gọi là não. Như vậy dẫn sinh các tùy phiền não v.v... Đại lược như vậy.

## HẾT QUYỂN 15

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 16

#### Phẩm 12: HỌC XỨ VỀ TRỊ TÂM 3

Lại nữa, đây nói về hành chân thật và hành tà vọng, nghĩa là vô trí vô minh. Do vô minh này khởi ba thứ hành vi là phúc hành, phi phúc hành và bất động hành. Đó là nói vô minh duyên hành.

Lại nữa, phúc hành, phi phúc hành và bất động hành này tùy theo sở đắc do thức chiêu tập. Đó là nói hành duyên thức. ( *Nay nói rõ chỗ này phải có một đoạn kinh nói về thức duyên danh sắc. Thiếu nguyên bản tiếng Phạn* ) Như vậy danh sắc và danh sắc tăng trưởng nơi sáu cửa ngõ khởi các tạo tác, gọi là danh sắc duyên sáu xứ.

Lại nữa, sáu xứ này chuyển theo sáu xúc nơi thân, gọi là sáu xứ duyên xúc. Nếu khi xúc sinh, khiến cảm thụ khởi lên, gọi là xúc duyên thụ. Nếu thụ vị ngon, đắm trước sâu vào hỷ lạc, gọi là thụ duyên ái. Say đắm vị nên thích nơi sắc, khi sắc lìa tan thì thường tìm cầu không bỏ, gọi là ái duyên thủ. Như vậy theo đuổi tìm cầu khiến sau đó khởi thân ngữ ý nghiệp, gọi là thủ duyên hữu. Nếu nghiệp biến đổi làm uẩn sinh khởi, gọi là hữu duyên sinh. Lại nữa, nếu sinh rồi biến đổi làm chín muồi và hoại diệt, gọi là sinh duyên lão tử. Cho đến trong đó do tự thể của thức làm hạt giống, tự thể của nghiệp làm ruộng tốt, tự thể của vô minh ái v.v... làm phiền não. Do nghiệp phiền

não v.v... làm cho hạt giống của thức sinh. Nghĩa là nghiệp này làm ruộng cho hạt giống thức, ái làm cho hạt giống thức tốt tươi, vô minh làm cho hạt giống thức phát triển. Nhưng nghiệp không nghĩ rằng mình là ruộng của hạt giống thức. Ái cũng không nghĩ rằng mình làm cho hạt giống thức tốt tươi. Vô minh không nghĩ rằng mình làm cho hạt giống thức phát triển. Hạt giống thức cũng không nghĩ mình được các duyên sinh, nhưng hạt giống thức ở trên đất nghiệp, nhờ ái mà tốt tươi, do vô minh làm nảy nở sinh ra mầm danh sắc. Mầm danh sắc này chẳng phải tự làm, chẳng phải cái khác làm, chẳng phải cả hai cùng làm, chẳng phải trời Tự Tại hóa ra, chẳng do thời gian biến đổi, chẳng phải một nhân sinh, chẳng phải không có nhân mà sinh, chẳng phải chẳng liên hệ nhân duyên cha mẹ hòa hợp liên tục đằm nhiệm. Hạt giống thức này sinh mầm danh sắc trong bụng mẹ, nhưng pháp này là như vậy, không có chủ thể, không ngã, không thủ, như hư không, thể tướng huyễn hóa, nhân duyên không thiếu. Do năm thứ duyên phát sinh nhãn thức. Những gì là năm ? Nghĩa là khi nhãn thức sinh, nhờ con mắt và sắc duyên hư không, duyên ánh sáng, duyên với tác ý. Trong đó, nhãn thức thì con mắt là chỗ dựa, sắc là đối tượng sở duyên, ánh sáng thì chiếu soi, hư không thì tạo sự không chướng ngại, đồng thời tác ý là phát giác cảnh báo. Thiếu duyên này thì nhãn thức không sinh. Nghĩa là nếu không thiếu nhãn căn bên trong, cũng vậy không thiếu sắc và hư không, ánh sáng, tác ý các duyên, cho nên tất cả chúng hòa hợp thì sinh nhãn thức. Vậy mà con mắt không nghĩ rằng mình với con mắt là chỗ dựa cho sắc, sắc cũng không nghĩ rằng mình làm đối tượng sở duyên cho nhãn thức. Hư không cũng không nghĩ rằng mình tạo sự không chướng ngại cho nhãn thức. Ánh sáng cũng không nghĩ rằng mình chiếu soi cho nhãn thức. Tác ý không nghĩ rằng mình làm cảnh báo phát giác cho nhãn thức. Cũng như vậy nhãn thức không nghĩ rằng mình từ duyên sinh. Nhưng khi nhãn thức sinh, thật sự nhờ các duyên hòa hợp mới sinh. Lần lượt các căn sinh thức, cũng theo đó mà nói như vậy. Nhưng không có pháp từ đời này

đền được đời khác, mà chỉ do nghiệp quả nhân duyên không thiếu lập nên. Ví như không có củ thì không sinh lửa. Nghiệp phiền não sinh hạt giống, thức cũng như vậy. Các chỗ sinh kia liên tục hòa hợp sinh ra mầm danh sắc. Pháp là như vậy đó, không có chủ tể, không ngã, không thủ, như hư không v.v... thể tướng huyễn hóa nhân duyên không thiếu.

Phải biết pháp nội duyên sinh có năm thứ. Những gì là năm ? Đó là không thường, không đoạn, không chỗ hướng đến, nhân ít quả nhiều, tương tự liên tục.

Thể nào là không thường ? Nghĩa là nếu bên này uẩn chết, bên kia uẩn sinh, tức chẳng phải uẩn bên chết là uẩn bên sinh kia. Đó gọi là không thường.

Lại nữa, không diệt uẩn bên chết mà khởi uẩn bên sinh, cũng chẳng phải không diệt uẩn bên chết nhưng khởi uẩn bên sinh. Ví như hai đầu cân thấp cao, gọi là không đoạn.

Lại nữa, đối với sinh thân của chúng sinh dị loại, chẳng phải chúng đồng phần khởi uẩn bên sinh. Đó gọi là không chỗ hướng đến.

Lại nữa, nay tạo một ít nghiệp nhân thiện ác, đời vị lai được nhiều quả báo. Đó gọi là nhân ít quả nhiều.

Lại nữa, nếu đời này tạo nghiệp thì vị lai thụ báo. Đó là tương tự liên tục.

Phật nói Xá-lợi tử ! Pháp duyên sinh này dùng chính tuệ như thật, thường tu vô ngã, vô nhân, chúng sinh, thọ giả, nếu như không điên đảo thì không sinh không diệt, không tạo không tác, không đối không ngại, không sợ không đoạt, không siêng năng không lười biếng.

Quán sát tự tính đó là không chắc thật, như bệnh, như ung nhọt, như đau đớn, như tổn hại, là khổ, không, vô thường, vô ngã.

Lại nữa, quán đời trước không lưu chuyển, như cái ngã từng có trong đời quá khứ chẳng ? Ai bảo cái ngã từng có trong đời quá khứ ?

Lại nữa, đời sau không lưu chuyển, như cái ngã sẽ có trong đời vị lai chẳng ? Ai bảo cái ngã sẽ có trong đời vị lai ?

Lại nữa, trong đời hiện tại không lưu chuyển, như nay cái ngã có hiện hữu chẳng ? Ai bảo cái ngã có hiện hữu ? Cái ngã hiện hữu như thế nào ?

Kinh Thập Địa nói:

Trong đó vô minh, ái, thủ là phiền não. Cái hành hữu lưu chuyển không dứt là nghiệp. Các chi phiền não lưu chuyển không dứt là khổ lưu chuyển không dứt. Lại nữa, nói vô minh duyên hành là quán đãi của đời trước. Thức và thụ v.v... là quán đãi hiện tại. Ái và hữu v.v... là quán đãi của đời sau.

Tất cả những điều nói trên đều gọi là lưu chuyển. Cho đến như do hệ thuộc nên gọi là lưu chuyển, nếu lìa hệ thuộc thì không lưu chuyển. Do hòa hợp nên lưu chuyển, nếu lìa hòa hợp thì không lưu chuyển. Do đó biết trong các hữu vi có nhiều lầm lỗi. Cho nên nay ta phải cắt đứt sự hệ thuộc và hòa hợp kia. Nhưng vì hóa độ tất cả chúng sinh, không hoàn toàn dứt trừ các hạnh hữu vi.

### **Phẩm 13: HỌC XỨ VỀ NIỆM XỨ 1**

Luận nói:

Nghiệp trị tâm kia lược nói về duyên sinh đối trị si. Tiếp đến sẽ giải thích về bất tịnh của thân niệm xứ.

Kinh Pháp Tập nói:

Lại nữa thiện nam tử ! BỒ-tát trụ nơi thân niệm xứ, nghĩa là suy nghĩ về thân của ta đây từ chân, ngón chân, gót chân, mắt cá,

ông chân, đầu gối, bắp đùi, xương chậu, lưng, xương sống, bụng, sườn, ngực, cạnh sườn, tay, ngón, khuỷu tay, cổ tay, vai, cánh tay, cổ, gáy, đầu, gò má, đầu lâu v.v... các phần tích tụ tức là nghiệp hữu. Do nghiệp hữu này tạo tác các thứ phiền não và tùy phiền não trăm ngàn chủng loại. Còn phân tích thân này chỉ thấy có tóc, lông, móng, răng, máu, thịt, da, gan, mật, lá lách, thận, tim, phổi, bao tử, ruột non, ruột già, mỡ, não, màng, ghèn, nước mắt, đờm dãi, đại tiểu tiện rất nhiều thứ bất tịnh hợp lại. Lấy cái gì gọi là thân ? Do quan sát đó, thân như hư không thì thấy tất cả các pháp đều không, tức là không niệm xứ.

Hiểu biết thân này là do hai thứ niệm: đó là lưu tán và không lưu tán. Là thân này đến không phải từ đời trước, đi không phải đi đến đời sau, cũng không dừng trụ ở giữa hai đời. Chỉ là từ điên đảo hòa hợp tạo ra, do đó mà lãnh thọ thân, trong đó căn bản là sự tồn tại. Nhưng thật ra không có chủ thể, cũng không nhiếp thuộc vào một cái gì nhất định, chỉ từ khách trần làm tác sự trước. Thân thể hình dạng làm chỗ nương tựa cho sự thụ dụng. Thân này chỉ có trắng đỏ của cha mẹ hòa hợp, hôi hám bất tịnh kết vào nhau làm tự thể. Ba độc, lo âu sầu não thường là giặc làm hại thân, là pháp chia tan phá hoại. Thân là hang ổ của trăm ngàn các thứ bệnh tật sầu não.

Như Kinh Bảo Kế nói:

Thân này vô thường không giữ được lâu, chết là đời sau. Biết rõ đây rồi, đối với thân không nên sinh tà mạng. Phải đem thân tu ba thứ tịnh thí. Những gì là ba ? Đó là thân tịnh thí, thọ mạng tịnh thí và thụ dụng tịnh thí. Thân này là vô thường, phải đến với tất cả chúng sinh gần gũi phụng sự. Làm những việc gì ? Là hoặc như người sai bảo, hoặc như đệ tử, lia các lỗi lầm của thân như dối gạt nịnh bợ. Thân này là vô thường, nguyên nhân của mạng sống chỉ ở trong hơi thở ra vào, sao lại tạo tội ác ? Thân này là vô thường, đối với sự yêu thích thụ dụng không nên mê đắm, nên xả tất cả.



Lại nữa, thiện nam tử ! Bồ-tát lấy thân này quán thân niệm xứ, nên quán tự thân mình và thân tất cả chúng sinh đều đồng với thân Phật. Do oai thần gia trì được lia khỏi trói buộc. Quán tự thân và thân tất cả chúng sinh với thân Như Lai pháp tính vô lậu không khác nhau. Phải biết như vậy.

Lại nữa, Kinh Vô Úy Thụ Sở Vấn nói:

Thân ta đây chẳng phải được tụ họp trước, dần dần tan hoại ví như vi trần, chín lỗ tuôn chảy như miệng ghẻ lở. Lại như các lỗ chân lông có Phược-la-nhĩ-ca giống như rắn độc ở trong đó.

Thân như bọt nước tụ lại thể tính mong manh, như bong bóng trên mặt nước mới nổi liền vỡ tan, như sóng nắng vốn không tụ thể.

Thân như cây chuối, bên trong không có thật.

Thân như ảo hóa do người khác điều khiển.

Thân như bạn ác gây nhiều tranh tụng.

Thân này tính lệ làng như khí không yên.

Thân này như kẻ thù lúc nào cũng dòm rình chỗ nhược điểm.

Thân này như giặc, cơ mưu xảo trá, tham lam vợ vét.

Thân này như người tù thường bị trói nhốt hành hạ.

Thân này như oan gia không thể yêu thích, cũng như kẻ sát nhân có thể giết mạng người.

Lại nữa, thân này không có ngã, như làng xóm trống không hoang vắng, như cái bàn xoay của thợ làm gốm không lúc nào ngừng, như cái bô đựng đồ bất tịnh.

Thân như ung thư chỉ biết đau đớn khổ sở.

Thân như căn nhà nát sẽ sụp đổ không lâu.

Thân như chiếc thuyền lủng không thể chuyên chở cứu vớt.

Thân như cái phôi của thợ đúc sẽ bị đập phá.

Lại nữa, thân này như cây trên bờ sông chắc chắn sẽ bị nước xói mòn cuốn trôi.

Thân này như lũ khách qua đêm gặp nhiều gian khổ.

Thân như quán nhỏ phải đón tiếp chúa tể, như kẻ trộm dòm rình thường sinh bạo ác. Cho đến thân này như đứa trẻ nhỏ ngu si cần phải trông coi.

Kinh ấy lại nói:

Như vậy cái thân đủ thứ bất tịnh, do ngã mạn ngu si mà vọng cho là sáng sủa sạch sẽ. Người trí trông thấy nó như cái bô đựng đồ bất tịnh. Mắt mũi miệng ghen mũi dãi chảy ra, làm sao những thứ này mà tham lam, mà kiêu ngạo được !

Lại nữa, kinh ấy có bài kệ rằng:

*Như đứa trẻ ngu si,  
Muốn rửa than cho trắng.  
Dẫu đến hết đời này,  
Cầu trắng cũng không được.*

*Như người không có trí,  
Muốn tắm thân cho sạch,  
Cứ tắm mãi tắm hoài,  
Đến chết cũng không sạch.*

*Bỏ-tát quán thân này,  
Chín lỗ miệng ghẻ lở.  
Tắm vụn thứ vi trùng  
Nương thân làm chỗ ở.*

*Bỏ-tát quán thân này,  
Giống như tượng khắc gỗ.*

*Giả gân xương liên kết,  
Mà thật không có chủ.*

*Bồ-tát quán thân này,  
Thụ ẩm thực của người.  
Cũng giống như chó sói,  
Đến ăn thịt ta vậy.*

Luận nói:

Do ăn uống giúp cho sự nuôi dưỡng mà thành hạnh rộng lớn. Như vậy nơi nơi cần phải biết rõ thụ niệm xứ.

Như Kinh Bảo Kế nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát lấy sự thụ dụng quán thụ niệm xứ, biết rõ chúng sinh y chỉ vào đại bi được niềm vui như vậy. Nếu tất cả chúng sinh chẳng có giải thoát, cần phải tu tập lấy sự thụ dụng quán thụ niệm xứ.

Ta sẽ mặc áo giáp đại bi nhiếp thụ điều phục tất cả chúng sinh, làm cho chúng vui diệt trừ các khổ.

Ta sẽ dùng đại bi làm cho các chúng sinh tham lam hiểu biết thế nào là lạc thụ để xa lìa tham nhiễm.

Ta sẽ dùng đại bi làm cho chúng sinh giận dữ hiểu biết thế nào là khổ thụ để xa lìa lỗi lầm.

Ta sẽ dùng đại bi làm cho chúng sinh si mê hiểu biết thế nào là bất khổ bất lạc thụ, xả bỏ si câu sinh.

Lại nữa lạc thụ kia không hoại, khổ thụ không giảm, bất khổ bất lạc thụ lìa nơi đối trị thì không có vô minh.

Nếu không vô minh sao gọi kia là thụ ? Làm sao biết tất cả là vô thường và vô ngã v.v... ?

Lạc thụ này là tính vô thường. Khổ thụ tức tính bức bách. Bất khổ bất lạc thụ tức tính tịch tĩnh. Do đó biết là lạc, là khổ, là vô thường, là vô ngã v.v...

Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói:

Nếu khi thụ khổ, nên nghĩ đến chúng sinh trong tất cả ác đạo mà sinh khởi tâm đại bi, dứt trừ sân, lìa bỏ sự phân biệt điên đảo về thụ.

Lại nữa, Kinh Pháp Tập có kệ rằng:

*Nói thụ là lãnh nạp,  
Lại lãnh nạp là gì ?  
Người thụ lìa nơi thụ,  
Thì không có sai biệt.  
Người trí quán sát thụ,  
Trụ niệm xứ như vậy,  
Tướng ấy như Bồ-đề,  
Sáng suốt khắp vắng lặng.*

## HẾT QUYỂN 16

# LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

## QUYỂN 17

### Phẩm 13: HỌC XỨ VỀ NIỆM XỨ 2

Luận nói:

Đã lược nói thụ niệm xứ, nay tiếp nói tâm niệm xứ.

Như Kinh Bảo Tích nói:

Phật nói: Ca-diếp-ba ! Nghĩa là đối với tâm này, hoặc sinh yêu thích, hoặc khởi chán nản, hoặc nhiều chấp trước, trong ba trường hợp đó làm sao quán sát ? Nếu quá khứ thì đã diệt, hiện tại không dừng, vị lai chưa đến, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải trung gian, đều không thể được.

Lại nữa, tâm này không thể thấy bằng màu sắc, chẳng phải biểu thị bằng sở thuyên, cũng chẳng phải đối trị, chẳng phải quán, chẳng phải chiếu, không dừng trụ, không đeo bám. Nhưng cái tâm này tất cả Như Lai còn không thấy, cái gì khác có thể quán ? Không có cảnh giới nào khác, chỉ có pháp tướng chuyên.

Ca-diếp-ba ! Tâm ấy như huyễn, kể chấp khắp tất cả không thật. Do có thủ nên được sinh các thứ.

Tâm như hư không, bị các khách trần phiền não tùy phiền não che khuất.

Tâm như dòng sông sinh diệt không dừng trụ.

Tâm như ngọn đèn sáng do nhân duyên khởi.

Tâm như điện chớp, một sát-na không dừng trụ.

Tâm như người bạn ác có thể sinh các khổ.

Tâm như người đánh cá, khổ tưởng là vui.

Tâm như loài quỷ mị chuyên làm các quấy rối.

Tâm như Dược-xoa rình ăn tinh khí.

Tâm như giặc loạn phá hoại các thiện căn.

Tâm như con thiêu thân thường tìm ánh đèn.

Tâm như trống trận chỉ cảnh báo khi chiến đấu.

Tâm như kẻ nô tỳ nô bộc tham thức ăn thừa.

Tâm như ruồi thích bu những thứ có mỡ tanh.

Tâm như con heo ở chỗ bất tịnh cho là thơm sạch.

Phật nói: Ca-diếp-ba ! Tìm cầu cái tâm đó là không thể được. Do không thể được nên không có cái để được. Trong quá khứ hiện tại vị lai đều không thể được, tức có thể siêu vượt ba đời hữu phi hữu v.v...

Lại Kinh Bảo Kế nói:

Nhưng cái tâm này chẳng phải có ở bên ngoài nên không thể thấy. Cũng không thể thấy nơi uẩn xứ giới.

Như vậy tìm cầu không thấy, thì do đâu mà duyên thường khởi được ?

Nghĩa là tâm kia duyên việc như vậy làm sao nói tâm là không thể thấy ? Phải biết rằng tâm đó như mũi kiếm bén làm sao có thể tự đâm mình ? Lại nữa, tâm này cũng như đầu ngón tay, không thể tự chỉ mình. Tâm không thể thấy cũng như vậy. Cho đến như người

đi xa, thân nhẹ nhàng mau lẹ như gió, đi đến nơi nào cũng chẳng trở ngại.

Thiện nam tử ! Nếu người này nơi cảnh giới sáu xứ này, tự tha hệ thuộc, tâm không ái trước, thân không tán loạn, thì tâm Xa-ma-tha nơi một cảnh tính được không chướng ngại. Đó là tâm niệm xứ.

Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói:

Dùng hạnh tương ưng tu tập trang nghiêm, đối với pháp tính, tâm không giảm mất.

Trang nghiêm như thế nào ?

Tâm của pháp tính kia đồng như ảo hóa. Nghĩa là nếu tự xả bỏ tất cả sở hữu mà có thể hồi hướng tâm pháp tính kia, tức là làm trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật.

Pháp niệm xứ, là như kia nói Bồ-tát đối với pháp không quán pháp hành, vì pháp không thể quán. Nếu chẳng phải Phật pháp, chẳng phải đạo Bồ-đề, thì tất cả pháp đều chẳng phải xuất ly. Hiểu rõ đây rồi được đại bi Tam-ma-địa, đối với tất cả pháp chẳng phải có phiền não, chẳng phải không phiền não, được ba luân không tướng.

Sở dĩ vì sao ? Rõ tính các pháp không có hai tướng, là các phiền não không có tính tích tụ, không có tính tham, không có tính sân, không có tính si. Nếu có thể ngộ Bồ-đề như vậy, thì rõ tính phiền não tức tính Bồ-đề. Đó là pháp niệm xứ.

Lại như Kinh Bảo Kế nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát dùng pháp quán pháp niệm xứ. Nếu pháp khởi tức sinh, pháp tàn tạ tức diệt. Nghĩa là pháp là như vậy, ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, dưỡng giả, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, ý sinh, nho đồng, sinh, lão, tử v.v... nếu tập tức tập hành, nếu bất tập

tức bất tập hành. Nếu thiện, bất thiện và bất động hành chưa có một thiếu pháp nào không có nhân duyên của nó mà được sinh khởi. Cho đến nói pháp xứ này quán sát kỹ sâu vì không bỏ tâm Bồ-đề nhất thiết trí.

Như Kinh Đại Hý Lạc nói:

Hành hữu vi chỉ tâm tạo tác như cái phôi của cái bình, vô thường tan hoại.

Hành như thành trì bỏ trống bị gió mưa làm sụp đổ, như đồng bùn không cứng chắc dần dần bị hao mòn, cũng như cát bờ sông bị nước chảy xói mòn.

Hành như đèn trước gió sinh diệt không trụ lâu.

Hành như đám bọt nước không thể cầm nắm được.

Hành như cây chuối, ở trong không có thật.

Lại như cái nắm tay không, gạt người ngu. Cho đến hoặc cỏ hoặc dây bìm xoắn lại làm thành sợi dây, nung vào cái bình làm con lăn mà có thể kéo nước lên, chưa bao giờ cái gì độc một mình có được tác dụng đó.

Tất cả hữu chi, nung tựa nhau tụ tập mà chuyên. Thời gian trước sau đều không thể được, như người hai tay dùi cây lấy lửa, cần cù không nghỉ tay mới ra lửa được. Nếu lia các duyên thì lửa liền tắt mất. Hành như vậy là phù hợp. Dầu mình hay người tức có thể siêu vượt các hành đoạn thường. Như người đi buôn có trí ở các con đường hiểm, đi đến phương nào cũng đều thông suốt.

Luận nói:

Do vô minh, ái v.v... các nghiệp duyên phiền não chiêu tập mà thành uân xứ giới, nhưng trong thắng nghĩa thì đều không thể được.



## Phẩm 14: HỌC XỨ VỀ TỰ TÍNH THANH TỊNH 1

Luận nói:

Đã nói xong niệm xứ. Tiếp đến giải thích Bồ-đặc-già-la. Quyết định thành tựu, tương ưng tính không, đoạn căn bản rồi, ngoài ra các phiền não v.v... không tập hành trở lại.

Kinh Như Lai Bí Mật nói:

Phật nói: Tịch Tuệ ! Ví như có một loại cây tên là Bát-la-xa, nếu cắt đứt rễ thì tất cả nhánh lá đều khô héo.

Tịch Tuệ ! Đây cũng vậy, nếu đoạn thân kiến tức có thể diệt trừ tất cả phiền não.

Luận nói:

Phân biệt tính không có vô lượng hành tướng.

Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

*Nếu ai tin hiểu pháp Như Lai,  
Học giới Phật thì không hủy phạm.  
Đều phải xa lìa các người nữ,  
Biết pháp tự tính thường vắng lặng.  
Rút tất cả mũi tên ưu khổ,  
Hoặc cho thuốc thang khiến an ổn.  
Mau được viên thành lương tức tôn,  
Biết pháp tự tính thường vắng lặng.  
Nếu nơi thân mạng đoạn từng khúc,  
Cây gậy đánh đập không giận buồn.  
Sức nhẫn cao tột như mặt trăng,  
Biết pháp tự tính thường vắng lặng.*

*Dẫu sinh trăm kiếp trong đường ác,  
Vẫn giữ gìn được diệu sắc thân.  
Và cũng đạt được năm thân thông,  
Lại thường an trụ nơi chư Phật.*

Lại nữa, Kinh Bát Nhã nói:

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát muốn thành tựu thân Phật có ba mươi hai tướng đại nhân và tám mươi vẻ đẹp thì ở trong tất cả chúng sinh phải nghĩ nhớ tâm Bồ-đề, không cho tổn hoại, đối với hạnh Bồ-tát không được quên mất, xa lìa ác tri thức và các tội lỗi, gần gũi tất cả chúng Bồ-tát của Phật và thiện tri thức v.v... Muốn hàng phục chúng thiên ma, làm sạch các nghiệp chướng, đối với tất cả pháp được không chướng ngại, phải học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát phát một tâm niệm như vậy đều có thể siêu vượt tất cả mọi nơi trong thế giới nhiều như cát sông Khắc-già ở phương Đông mà học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát dẫu ở trong mười phương cõi Phật cũng nói phải học Bát-nhã Ba-la-mật-đa như vậy. Cho đến rộng như các pháp vô ngã, diệt nghiệp chướng trôi buộc, thì thấy các pháp tự tính không diệt.

Như Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói:

Phật nói: Đại vương ! Như vậy sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám chỗ ý thâm xét, là do Bồ-lô-sa làm duyên mà được sinh.

Sáu giới là gì ? Là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới.

Sáu xúc xứ là gì ? Là nơi mắt tiếp xúc mà thấy sắc, nơi tai tiếp xúc mà nghe tiếng, nơi mũi tiếp xúc mà nghe mùi, nơi lưỡi tiếp xúc mà nếm vị, nơi thân tiếp xúc mà cảm sự đụng chạm, nơi ý tiếp xúc mà biết pháp.

Mười tám chỗ ý thâm xét là gì ? Là mắt thấy sắc rồi hoặc sinh khoái thích, hoặc sinh âu sầu, hoặc giữ lấy hay bỏ, như vậy sáu căn mỗi mỗi đều duyên có ba trường hợp, gọi là mười tám chỗ ý thâm xét.

Đại vương ! Thế nào là nội địa giới ?

Là ở trong thân sinh các thứ có tính cứng, nhám như tóc, lông, móng, răng v.v... Nếu nội địa giới không sinh cũng không có diệt thì không có tập hành.

Đại vương ! Nếu khi người nữ trong nội thân suy nghĩ về Bồ-lô-sa kia và Bồ-lô-sa kia cũng sinh yêu thích, do hai bên hòa hợp sinh ra Yết-la-lam.

Lại như sự suy nghĩ tương tự hòa hợp mà được sinh là không có chuyện đó.

Nếu là hai người nữ cũng không có chuyện đó.

Hai Bồ-lô-sa cũng không có chuyện đó.

Nếu chỉ có suy nghĩ bên này hoặc bên kia mà được sinh cũng không có chuyện đó.

Bởi vì tự thể không thật, chẳng phải tương ưng.

Sao gọi đây là tính cứng chắc ?

Đại vương ! Tính cứng chắc này tương tự mà lập ra, rốt cuộc thân này rữa nát tiêu tan thì chỉ trở về nơi nghĩa địa mà thôi. Tính cứng chắc kia không từ đâu đến, và bốn phương trên dưới cũng không đi về đâu.

Đại vương ! Phải biết nội địa giới là như vậy.

## HẾT QUYỂN 17

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 18

#### Phẩm 14: HỌC XỨ VỀ TỰ TÍNH THANH TỊNH 2

Đại vương ! Tính cứng chắc của địa giới bên ngoài là như khi thế gian mới xây dựng cung điện của Phạm Thiên, làm xong cơ sở báu vĩ đại, rồi đến cung điện của các trời Tha Hóa Tự Tại cũng đều làm bằng bảy báu.

Đại vương ! Nếu không có tính cứng chắc của địa giới sinh ra thì chúng từ đâu đến ?

Lại tạo thành cõi đại địa có bề dày tám vạn bốn ngàn du-thiện-na, rộng sáu vạn du-thiện-na.

Lại sinh ra núi Luân vi, núi Đại luân vi, trụ vững như kim cương.

Lại sinh ra núi Tô-di-lô, núi Dữu-kiện-đà, núi Ninh-dẫn-đà, núi I-xá-đà, cho đến núi Hắc sơn.

Như vậy ba ngàn Đại thiên thế giới tuần tự thành lập xong trụ vững kiên cố. Nếu không có tính cứng chắc của địa giới sinh ra thì chúng từ đâu đến ?

Đại vương ! Khi thế giới này sắp hoại diệt, hoặc bị lửa cháy, hoặc bị nước trôi, hoặc bị gió thổi. Khi đại địa này bị lửa cháy, ví

như bơ lỏng ngọn lửa càng cháy mạnh cho đến cháy tàn không còn thấy gì.

Hoặc bị nước trôi như ném muối vào muối liền tiêu tan.

Hoặc khi bị gió Tì-lam thổi thì ba ngàn Đại thiên thể giới kia đều tan nát sạch không sót thứ gì.

Đại vương ! Ngoại địa giới này khi sinh vốn không, khi diệt cũng không, vì tự tính của nó là không, không có tướng nam cũng không tướng nữ, chỉ hiển thị bằng lời nói mà thôi. Như vậy địa giới và tính của địa giới đều không thể được. Chính tuệ như thật mới biết rõ điều đó.

Thế nào là nội thủy giới ?

Là trong thân này có giữ tính thấm ướt. Nghĩa là sao ? Là những vật như nước miếng, mồ hôi, nước mắt, đờm dãi, mỡ, máu, mủ, các thứ bài tiết đại tiểu tiện v.v... gọi là nội thủy giới.

Đại vương ! Như khi chợt gặp người thân yêu mà rơi lệ, hoặc bị khổ não bức bách mà chảy nước mắt, hoặc nghe pháp sâu xa, tin tưởng tôn trọng chảy nước mắt, hoặc bị gió lạnh thổi làm chảy nước mắt. Thủy giới đó từ đâu đến ? Khi khô rồi nước đi đâu ? Cho đến khi cõi đây hoại diệt, khắp nơi mây đen nổi lên bao phủ ba mươi hai lớp ba ngàn Đại thiên thể giới, từ trên không mưa lớn đổ xuống, giọt mưa lớn bằng con voi, ngày đêm liên tục đổ xuống không dứt. Như vậy thời gian trải qua năm trung kiếp, nước mưa chứa đầy đến trời Phạm Thế.

Đại vương ! Đại thủy giới này từ đâu đến ?

Lại nữa, khi thế giới này sắp hoại diệt, có hai mặt trời xuất hiện. Hai mặt trời xuất hiện rồi, những sông suối nhỏ đều cạn khô. Khi ba mặt trời xuất hiện, bốn con sông từ ao Vô Nhiệt Não chảy ra cũng đều khô kiệt. Khi bốn mặt trời xuất hiện, nước biển lớn giảm đi một du-

thiện-na, hoặc hai hoặc ba, dần dần giảm thiểu đến mười du-thiện-na, hoặc hai mươi du-thiện-na, lần lượt khô kiệt đến tám mươi du-thiện-na. Nước còn lại hoặc sâu bằng một cây Đa-la, hoặc sâu đến ngực, hoặc sâu bằng vũng chân bò, cho đến nước ít còn chừng một lóng tay, trong lúc ấy nước các biển lớn đều khô kiệt không còn một giọt.

Đại vương ! Tướng của thủy giới này sinh không từ đâu đến, diệt chẳng đi đến đâu. Khi sinh vốn không, khi diệt cũng không, vì tính nó là không, không có tướng nam cũng không tướng nữ, chỉ dùng ngôn thuyết biểu thị mà thôi. Như vậy thủy giới với tính của thủy giới đều không thể được.

Thế nào là thân nội hỏa giới ?

Là trong thân này có giữ tính ấm nóng. Là như thế nào ? Là ấm nóng bốc hơi nóng, ngậm nhai uống ăn tiêu hóa biến hoại, khiến an lạc trong sức nóng, gọi là nội hỏa giới.

Thế nào ngoại hỏa giới ?

Là không chấp nhận sinh tướng ấm nóng. Như có người ở trong hoang dã tìm kiếm lửa, hoặc dùng cỏ khô, hoặc phân bò hoặc bông vải, kéo lửa được rồi, hoặc đốt cỏ cây núi rừng làng xóm và các nơi khác đều bị đốt cháy.

Đại vương ! Hỏa giới ấy sinh không từ đâu đến, diệt không đi đến đâu, vì từ xưa đến nay là tự tính.

Thế nào là thân nội phong giới ?

Là tính nhẹ và động. Đó là thế nào ? Là nội phong này khi đi lên, hoặc khi đi xuống, hoặc khi ở trong bụng, nơi hông, nơi lưng, hoặc nổi mụn, hoặc nổi cục, hoặc như dao rạch, hoặc như kim châm, hơi thở ra vào, biến khắp toàn thân.

Ngoại phong giới là như gió từ bốn phương đến, hoặc gập như tên bắn, hoặc sắc như dao. Nếu cuồng phong bạo phong nổi lên làm gãy

đổ cây rừng, làm sạch lở vách núi. Nếu gió nhẹ cũng làm áo bay, hay lay động cây Đa-la, gọi là ngoại phong giới, ngoài ra như trước đã nói.

Thế nào là nội không giới ?

Là như thân nội da thịt máu v.v... hiển hiện tăng trưởng, là tính chướng ngại về vật chất. Thế là thế nào ? Nghĩa là như hốc mắt, lỗ tai, miệng, cổ họng, khi ăn uống nuốt vào đưa dẫn thức ăn đến dạ dày ruột rồi ra ngoài. Nếu khi nghiệp duyên dẫn sinh sáu xứ, sinh các xứ rồi vây quanh không giới. Đó gọi là nhập vào số nội không giới. Nhưng không giới kia từ đâu đến ? Nếu lại hiển hiện, là tính trở ngại về vật chất, gọi là ngoại không giới.

Đại vương ! Nếu sắc biến mất thì tất cả đều không. Sở dĩ vì sao ? Vì hư không giới này vốn vô tận, an trụ bất động giống như Niết-bàn, biến khắp các nơi không chướng ngại.

Đại vương ! Ví như có người đào ao đào giếng trên cao nguyên kia. Ý vua thế nào ? Cái tướng trống không của ao của giếng kia từ đâu đến vậy ?

Vua nói: Không từ đâu đến cả.

Phật nói: Đại vương ! Giả sử người ấy lấp đất lại. Ý vua nghĩ sao ? Cái trống không kia bây giờ đi đâu rồi ?

Vua nói: Cái trống không kia không đi đâu cả. Sở dĩ vì sao ? Vì hư không giới không đến không đi, không có tướng nam không có tướng nữ.

Đại vương ! Ngoại hư không giới bản lai không động. Sở dĩ vì sao ? Vì là tự tính. Chính tuệ như thật mới có thể biết rõ.

Lại nữa, Đại vương ! Thế nào là thức giới ?

Là như nhãn căn là chủ, duyên riêng biệt các hiển sắc, hình sắc và biểu sắc, gọi là nhãn thức giới. Nếu sáu căn là chủ duyên riêng biệt sáu cảnh, gọi là sáu thức giới.

Thức giới này lại không bám nơi căn, không trụ nơi cảnh, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài và chẳng phải trung gian giữa trong và ngoài, nhưng thức giới này phân biệt hiểu biết các việc rồi thì liền diệt mất. Khi phát sinh không phải từ đâu đến, khi diệt mất cũng không phải bỏ đây mà đi đâu.

Đại vương ! Thức khi sinh là không, khi diệt cũng không, vì tự tính là không. Không trụ tướng nam, cũng chẳng phải tướng nữ, chỉ do ngôn thuyết hiển thị mà thôi.

Như vậy thức giới và tính của thức giới đều không thể được. Chính tuệ như thật mới có thể biết rõ.

Đại vương ! Sao gọi là nhãn xứ ?

Là bốn đại chủng gồm địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới tạo ra tịnh sắc. Nếu địa giới thanh tịnh thì nhãn xứ thanh tịnh. Nếu thủy hỏa phong giới thanh tịnh thì nhãn xứ thanh tịnh.

Bởi vì sao ? Do địa giới thanh tịnh nhãn xứ được sinh. Trong đó chẳng có pháp nào có thể được. Cũng như vậy cho đến do phong giới thanh tịnh nhãn xứ được sinh. Trong đó không có pháp nào có thể được.

Bởi vì sao ? Vì không có chủ thể, không tạo tác. Giống như Niết-bàn, vì tự tính thanh tịnh.

Đại vương ! Như vậy cứ mỗi mỗi đi tìm kiếm nhãn xứ đều không thể tìm được. Sở dĩ vì sao ? Bởi địa giới không, nên địa giới thanh tịnh. Cho đến phong giới không, nên phong giới thanh tịnh. Nếu các pháp tự tính vốn không, thì giới kia, nào có gì thanh tịnh, cũng không phân tranh, thanh tịnh phân tranh đều không thể được.

Lại nữa, nào có sắc gì có thể thấy ư ? Phải biết nhãn xứ rốt ráo là không, nên tự tính cũng không. Đời trước đời sau đều không thể được. Vị lai tạo cũng không thể được.



Bởi vì sao ? Vì lia tự tính. Nếu không có tự tính thì không có tướng nam cũng không có tướng nữ, làm gì có sự yêu thích ? Nếu sinh yêu thích tức là cảnh giới của ma. Nếu không yêu thích là cảnh giới Phật.

Bởi vì sao ? Vì nếu không có yêu thích tức có thể xa lia tất cả các pháp.

Đại vương ! Sao gọi là nhĩ xứ ?

Là bốn đại chủng tạo ra tịnh sắc. Cho đến, Đại vương ! Các pháp giải thoát quyết định hiện tiền như pháp giới không, không thể ra làm, không thể hiển thị, không thể ghi nhận, không chỗ mong cầu.

Đại vương ! Các căn mỗi mỗi yêu thích đấm trước cảnh giới. Khi mắt duyên sắc sinh yêu thích đấm trước. Cho nên nói sắc là cảnh giới của mắt. Lại nữa, nhãn căn duyên sắc cảnh thấy có ba tướng: sắc khả ái thì khởi tưởng tham, sắc không khả ái thì khởi tưởng giận, sắc chẳng đáng yêu đáng ghét thì khởi tưởng xả. Cũng như vậy cho đến ý đấm trước pháp xứ, làm cảnh giới của ý, nếu ý xứ kia duyên sắc khả, ái khởi tâm yêu thích thì bị nó dẫn dắt sinh hành vi tham, với sắc không khả ái sinh hành vi giận, với ái phi ái khởi hành vi si. Như vậy thanh v.v... ba tướng phan duyên lãnh nạp, cũng dựa theo trước mà nói.

Đại vương ! Phải biết các căn như huyễn, cảnh giới như mộng. Ví như có người ngủ chiêm bao thấy cùng thể nữ hoan lạc. Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Khi mộng tỉnh rồi nhớ nghĩ người thể nữ cùng hoan lạc trong chiêm bao là có thật chăng ?

Vua nói: Không, thưa Thế Tôn.

Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Người ấy nằm mơ mà chấp cho là thật, có phải là người trí chăng ?

Thưa không, Thế Tôn. Bởi vì sao ? Những thể nữ thấy trong chiêm bao đều hoàn toàn không có, hưởng chi cùng họ hoan lạc.

Phải biết người ấy luống tự mệt nhọc nghĩ nhớ cảnh trong mộng cũng chẳng có được.

Phật nói: Đại vương ! Đúng vậy đúng vậy. Phạm phu ngu si mắt thấy sắc rồi tâm sinh yêu thích, lại khởi chấp trước, bị nó lôi kéo tạo nghiệp tham, làm ba thứ thân nghiệp bốn thứ ngữ nghiệp ba thứ ý nghiệp. Trước tiên tạo tác, sát-na diệt mắt không nương vào phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn phương bàng với trên dưới mà trụ, đến khi chết mạng căn diệt, tất cả nghiệp báo của mình đều hiện ra, giống như tỉnh mộng nhớ chuyện trong chiêm bao.

Đại vương ! Thức là chủ, nghiệp là phan duyên, nhân hai thứ tướng này, sinh khởi thức ban đầu. Rồi hoặc đến địa ngục, hoặc đọa bàng sinh, vào cõi Diêm-ma-la và A-tô-la hoặc người hoặc trời. Thức ban đầu sinh, mỗi mỗi thụ báo, tâm phàm đồng phân liên tục chuyển theo. Cuối cùng thức diệt gọi là tử uẩn. Thức khởi đầu tiên gọi là sinh uẩn.

Đại vương phải biết, không có một pháp nào từ đời này đến được đời khác. Sở dĩ vì sao ? Vì tính nó sinh diệt.

Đại vương ! Khi thân thức sinh không từ đâu đến, diệt không đi đâu. Khi nghiệp kia sinh không từ đâu đến, diệt không đi đâu. Khi thức ban đầu sinh không từ đâu đến, diệt không đi đâu. Bởi vì sao ? Vì lìa tự tính. Như vậy biết rõ thân thức là thân thức không, tự nghiệp là tự nghiệp không, sơ thức là sơ thức không. Nếu diệt là diệt không, nếu sinh là sinh không, biết rõ nghiệp buộc, chẳng có ai tạo tác, chẳng có người thụ nhận, chỉ có danh tướng mà thôi.

Lại nữa, Đại vương ! Ví như có người trong chiêm bao thấy chiến đấu cùng oán địch. Ý vua nghĩ sao ? Người ấy tỉnh dậy nhớ lại việc chiến đấu trong chiêm bao cho là có thật chăng ?

Vua nói: Thưa không, Thế Tôn.

Phật nói: Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Người ấy chấp việc trong mộng cho là thật, là người trí chăng ?

Thưa không, Thế Tôn. Bởi vì sao ? Trong chiêm bao hoàn toàn không có oán địch, huống chi còn cùng họ chiến đấu. Người ấy chỉ luống âu lo sầu não, đều không có thật.

Phật nói: Đại vương ! Đúng vậy đúng vậy. Phàm phu ngu si mất thấy sắc xấu liền sinh sầu não, chán bỏ, phá hoại, chê bai, lỗi lầm tạo nghiệp sân giận, ngoài ra như trước đã nói.

Lại nữa, Đại vương ! Ví như có người chiêm bao thấy bị quỷ Tì-xá-giá nhiều hại, tâm sinh sợ hãi, si mê ngất xỉu.

Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Người này tỉnh rồi, nhớ chuyện trong mộng bị quỷ nhiều hại có cho là thật chăng ?

Thưa không, Thế Tôn. Trong mơ hoàn toàn không có quỷ nào hại huống chi si mê.

Phật nói: Đại vương ! Đúng vậy đúng vậy. Phàm phu ngu si mất thấy sắc ấy, si mê không rõ, tạo các nghiệp si, ngoài ra như trước đã nói.

Lại nữa, Đại vương ! Ví như trong mơ được nghe nhiều người ca hay diễn tấu âm nhạc như đàn không hầu, đàn dây, ống tiêu ống sáo v.v...

Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Người này tỉnh rồi, nhớ chuyện trong mộng có âm nhạc ca hát cho là thật chăng ?

Vua nói: Thưa không, Thế Tôn.

Phật nói: Đại vương ! Ý vua nghĩ sao ? Người ấy chấp chuyện trong mộng là thật, vậy là người trí chăng ?

Thưa không, Thế Tôn. Bởi vì sao ? Những người trong mơ còn không có huống chi là ca nhạc hay. Người ấy luống mệt nhọc mà rốt cuộc không có.

Phật nói: Đại vương ! Đúng vậy đúng vậy. Phàm phu ngu si nghe âm thanh vừa lòng vừa ý, nghe rồi khoái thích lại sinh yêu thích

đắm trước tạo nghiệp tham. Cũng như vậy đối với mùi hương v.v... đều có ba thứ, theo như trước nên biết.

Cho đến , Đại vương ! Ở trong pháp này khéo tự an ổn tâm ý, nên nghĩ rằng trong cõi người cõi trời ta phải làm sao làm con mắt cho đời, làm ngọn đèn lớn chiếu sáng, làm người thuyền trưởng đưa người đến bờ kia, làm đại thương chủ dẫn người đến chỗ có báu vật. Người chưa giải thoát khiến được giải thoát. Người chưa yên ổn khiến được yên ổn. Người chưa Niết-bàn khiến chứng Niết-bàn.

Đại vương phải biết các căn như huyễn, cảnh giới như mộng. Ngu phu trói buộc không chán đủ. Cho đến quá khứ vô lượng kiếp có Chuyển luân vương tên Vô Lượng Xung, oai đức tiếng tăm giàu sang tự tại, thống lãnh bốn Đại châu, một mình là cao quý hơn cả, tùy ý thích thụ dụng gì cũng được. Tất cả rừng cây thường có hoa quả. Nhân dân bấy giờ sống yên ổn không có gì buồn khổ. Lại thường hay mưa xuống nước thơm, các thứ đồ dùng vàng bạc châu báu, các thứ nhu cầu đều được sung túc.

Thoạt có một hôm lên trời Đao-lợi, vua trời Đế-thích chia tòa mời ngồi. Nhưng vì tham dục không chán, muốn chiếm ngôi vị. Dấy lên ý nghĩ đó liền bị thoái đọa. Quần thần vây quanh trông thấy giống như bơ mà đặt trên cát, chẳng được bao lâu mạng chung. Bấy giờ có một ông vua tên Tác Ái thấy việc như vậy nói: Ta làm sao nói rõ việc này cho thế gian biết. Lúc đó Vô Lượng Xung bảo Tác Ái rằng: Đời vị lai vua nên nói như vậy: Vô Lượng Xung này vì tham lam không chán nên tự chuốc lấy cái chết.

Cho nên Đại vương ! Các căn như huyễn, cảnh giới như mộng. Hãy tự an ổn tâm ý chớ sinh tin thuận theo căn cảnh. Thân như sóng nắng không có tự tính. Sắc thụ tướng hành, tự tính không thật cũng giống như vậy.

## HẾT QUYỂN 18

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

*(Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát)*

### QUYỂN 19

#### Phẩm 14: HỌC XỨ VỀ TỰ TÍNH THANH TỊNH 3

Luận nói:

Đây là nói thiết lập các pháp dựa vào thể tục đế và thắng nghĩa đế. Phải biết như vậy.

Khi Thế Tôn dùng nhất thiết trí quán sát thế gian hiện chứng hiểu biết, dựa vào thể tục mà nói có sáu cõi, như trời, người, A-tô-la, địa ngục, ngạ quỷ và bàng sinh. Chúng tộc trên dưới, thụ báo giàu nghèo, suy thịnh khổ vui và chê khen, sắc vô sắc v.v... có các tướng.

Khi Như Lai xuất hiện thế gian, các chúng sinh phát sinh lòng tin thanh tịnh nơi đấng Thiện Thế, muốn nghe nói thắng nghĩa đế, bấy giờ Như Lai vì lợi chúng sinh, như chúng mà nói các pháp thật không có tạo tác, không có phân biệt, không có giác tri, không có hiển bày, cũng không ngôn thuyết.

Như vậy các pháp tất cả đều không.

Nếu vậy sao Thế Tôn lại nói thụ ký vô thượng chính đẳng Bồ-đề ? Trong pháp này lấy gì làm sắc ? Và lấy gì làm thụ tướng hành thức mà có thể thụ ký vô thượng chính đẳng Bồ-đề ?

Do đó biết rõ sắc vốn không cho nên Bồ-đề không sinh. Cho đến thức vốn không, nên cũng nói như vậy là trong các pháp đều không có sở đắc.

Sao gọi là Phật ? Sao gọi là Bồ-đề ? Sao gọi là Bồ-tát ? Sao gọi là thụ ký ?

Nếu sắc là sắc không, cho đến thức là thức không, chỉ dựa vào thể tục thiết lập trong một sát-na. Như vậy ngôn thuyết chỉ là danh tướng, người trí chớ sinh sân giận phiền não điều này.

Như Thế Tôn nói thật tế các pháp rốt ráo là vô tận. Trời Lạc Biến Hóa kia không rõ nghĩa sâu, chấp ngã là có cũng không chướng ngại.

Thế Tôn lại nói: Các pháp lìa tự tính Bồ-đề. Nếu hiểu rõ tức gần với vô lượng Bồ-đề. Sở dĩ vì sao ? Nếu lìa Bồ-đề thì không có Niết-bàn. Nếu không có Niết-bàn lạc dục thì không có luân hồi đáng sợ.

Thế Tôn ! Như trời Lạc Biến Hóa chấp có ngã còn không thể được, huống chi lại có được thực tế ư ?

Bấy giờ vị giới chủ thế giới Ta-bà nghe Phật nói liền lĩnh hội, nói Già-đà rằng:

*Như người chiêm bao bị đói khổ,  
Dầu ăn trăm thứ nào có no.  
Rõ tướng mộng rồi, bản lai không,  
Tự tính các pháp cũng như vậy.  
Như người khéo nói các ngôn luận,  
Nghe rồi đều sinh tâm yêu thích.  
Hoặc nói, hoặc yêu, hai đều không,  
Trong đó không được sinh nghi hoặc.  
Ví như cầm sắt phát âm thanh,  
Tiếng kia tự tính là không có.*

*Biết rõ uẩn ái cũng như vậy,  
Diệu tuệ suy ra không thể được.*

*Ví như réo rất tiếng cung thương,  
Nghe rồi tìm kiếm từ đâu sinh.  
Tiếng kia tự tính bản lai không,  
Thì hiểu tất cả pháp của Phật.*

*Ví như món ngon đồ thịnh soạn,  
Ăn rồi thân thể được khỏe mạnh.  
Như vậy, thân vị bản lai không,  
Thì hiểu tất cả pháp của Phật.*

*Ví như vua trời hiện cờ báu,  
Chư thiên trông thấy đều yêu thích.  
Biết là tướng ấy bản lai không,  
Thì hiểu tất cả pháp của Phật.*

*Ví như có người chia địa giới,  
Cường gọi thành ấp, bản lai không.  
Cũng như thân, thành không tự tính,  
Thì hiểu tất cả pháp của Phật.*

*Ví như người tập họp đánh trống,  
Mọi người nghe xong đều thích thú.  
Tiếng kia tự tính bản lai không,  
Thì hiểu tất cả pháp của Phật.*

*Lại như đánh trống nhờ duyên sinh,  
Nếu không bị ướt tiếng càng lớn.  
Tìm cầu tướng ấy đến từ đâu,  
Thì hiểu tất cả pháp của Phật.  
Ví như đánh trống phát tiếng lớn,  
Kia không tư duy, không mời gọi.  
Như vậy, phân biệt bản lai không,  
Thì hiểu tất cả pháp của Phật.*

Luận nói:

Đây lại làm rõ nghĩa trước . Nghĩa là nhãn v.v... các pháp không có tự tính. Nếu các pháp không có thì không thành công. Nếu không thành công thì không sinh diệt. Cho đến nhãn căn duyên ba tướng ái phi ái v.v... đều không thể được, không có ngôn thuyết cũng không biểu thị. Ví như đưa nắm tay không lên gạt con nít. Chỉ là dối gạt, hoàn toàn không có thật. Thậm chí tên gọi, số lượng cũng không thể được. Thắng nghĩa không này nhất định không có. Như người thấy trong chiêm bao bị Đại Tiên kia hiện tướng oai dũng chặt đầu. Người trí giác ngộ rồi, biết rõ tất cả đều do thức của mình biến hiện, do đó mà giải thoát.

Như Đại Thụ Khẩn-na-la vương hỏi Thế Tôn rằng: Nếu chỗ thuyết pháp đều là không, sao Thế Tôn thụ ký cho con ? Con cũng chẳng biết mình ở nơi lầu gác không thêm không bớt, cũng không hư hao, thụ dụng không hết. Đó là tướng gì ?

Phật nói: Người cần phải biết, tất cả pháp kia tự tính thanh tịnh, pháp giới vốn không. Giống như ảnh tượng hiện trong gương. Như làm cái bánh xe gom các thứ lại mà thành. Ta nói tự tính của sự tác nghiệp cũng như vậy. Lại nữa như cây rừng do gió thổi hai cây cọ xát vào nhau mà phát ra lửa. Tư duy như vậy thì lửa do cái gì mà được ? Ta nói tác nghiệp cũng như vậy. Như nói có người sống đủ một trăm tuổi. Phải biết không có cái năm cái tuổi cụ thể dồn lại có thể thấy được.

Lại nữa, như Kinh Pháp Tập nói:

Mắt với sắc vốn không tranh nhau. Cũng như vậy tai và âm thanh, cho đến ý và pháp không có tranh nhau. Vì sao mắt và sắc không tranh nhau ? Vì hai thứ đó hòa hợp không mâu thuẫn nhau. Cho đến ý và pháp hai tướng hòa hợp cũng như vậy. Nếu không hòa hợp thì có tranh nhau.



Thế Tôn ! Pháp không có hai, nên không tranh nhau. Các pháp không hai, đều không biết nhau. Do không biết nhau thì không phân biệt. Nếu lìa phân biệt thì không sinh diệt, không có tăng giảm, không sinh yêu thích cũng không chán chê, không trụ luân hồi, không đắm Niết-bàn.

Thế Tôn ! Nếu đối với các pháp không ưa thích không chán chê, phải biết thế thì không có các tướng nhiễm tịnh.

Thế Tôn ! Nếu nói ta biết như vậy, ta giác ngộ như vậy, đều là hư vọng phân biệt.

Thế Tôn ! Nếu đối với nhãn v.v... các pháp đã hiểu rõ rồi, không khởi ý niệm ta có thể phân biệt. Phải biết người này không cùng với vật gì tranh, tức có thể tùy thuận hành đạo Sa-môn, là người thấy pháp, là người thấy Phật, là người thấy chúng sinh, là người thấy tính không.

Thế Tôn ! Thấy cái không chỗ thấy, gọi là các pháp không thấy.

Kinh ấy lại nói:

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi: Như như không, đối với pháp nói như thế nào ?

Phật nói: Cái như như không kia, không sinh không diệt. Nếu như vậy là các pháp đều không.

Bấy giờ Bồ-tát Vô Sở Phát nói: Đúng vậy đúng vậy. Cho nên Thế Tôn nói tất cả pháp đều không sinh diệt.

Thế Tôn ! Vì sao lại nói các pháp hữu vi đều sinh diệt ? Nếu như vậy thì đền tháp chư Phật nhất định sinh diệt.

Thiện nam tử ! Như Lai đại bi vì trừ sự sợ hãi cho chúng sinh trong thế gian, tùy thuận nói pháp sinh diệt, trong đó không có một pháp nào có thể được, huống chi là sinh diệt.

Như Kinh Bát Nhã nói:

Cụ-thọ Tu-bồ-đề ! Nói pháp vô sinh, sao gọi là vô sinh ?

Tu-bồ-đề nói: Xá-lợi tử ! Sinh cái không được sinh, là pháp vô sinh.

Luận nói:

Đây gọi là tích tập phúc hạnh thanh tịnh mà thành Bồ-đề. Bởi dùng tâm từ thanh tịnh, duyên nơi hữu tình, khéo quán sát không có tướng chúng sinh rồi, nếu lại cúng dường mười phương Thiện Thệ, thì Lương Túc Tôn kia đã lìa cầu nhiễm cũng không thể thấy, nên phải cúng dường chúng sinh khổ não.

Đó là điều đáng Điều Ngự Sư đã dạy bảo lấy sự cúng dường trên hết trong con người mà thí cho, đem tâm đại bi bạt trừ các khổ, được vui an ổn, phát sinh tịnh tuệ, đoạn trừ phiền não. Hiểu rõ chính lý này rồi, phải lìa nghi hoặc. Như vậy quả cúng dường không khó đạt được.

Hiểu rõ chính giáo của Phật, đúng như giáo quán thân, nghĩ nhớ tám thánh đạo, đoạn các si nhiễm, phải xả thân mình thừa sự chư Phật, chẳng mong cầu diệu lạc chư thiên thế gian, tu Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, tịch tĩnh biến khắp tịch tĩnh, là ra khỏi đường khổ.

Thế nào là thiết lập các pháp thế tục ? Nghĩa là nơi hư vọng hòa hợp tương ưng phạm phu si mê điên đảo. Nghĩa là tưởng như con, nương tựa thành tựu. Nói chỗ thắng nghĩa không, thì không có tướng ấy bởi tất cả pháp vốn không sinh.

Như Kinh Vô Cấu Xứng nói:

Văn-thù-sư-lợi hỏi Duy-ma-cật rằng: Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc ?

Đáp: Tưởng điên đảo làm gốc.

Lại hỏi: Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc ?

Đáp: Vô trụ làm gốc.

Lại hỏi: Vô trụ lấy gì làm gốc ?

Đáp: Vô trụ thì không có gốc. Văn-thù-sur-lợi ! Từ cái can bản vô trụ có thể thiết lập tất cả các pháp.

Lại nữa, Kinh Bát Nhã nói:

Phải từ bỏ gia đình, an trụ dũng mãnh, đoạn trừ phiền não, tâm tịnh bình đẳng tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Kinh Pháp Tập nói:

Khéo hiểu nghĩa không, thì tâm không dựa vào thế gian nào lợi hại, khen chê, vui buồn, hủy báng nịnh bợ. Đối với các khổ não không sinh chán ghét. Đối với sự khoái lạc không sinh tham ái. Không bị pháp thế gian phá hoại.

Khéo hiểu nghĩa không, thì hiểu rõ tính không, không có tí chút pháp nào mà sinh tâm lấy hoặc bỏ. Nếu không lấy bỏ thì không tham không chán. Đó gọi là người khéo thấy cái không, khéo biết cái không. Đối với tất cả pháp không chấp trước. Không chấp trước thì đối với các pháp không có gì để tranh nhau.

Luận nói:

Ở đây nói rõ tâm sát-na được thanh tịnh. Nghĩa là do ngã mạn khinh bỏ chúng sinh. Biết rõ ngã kiến, bản lai không có. Nếu nhất tâm chuyên chú có thể đoạn được tâm ngã mạn khinh bỏ chúng sinh kia, thì người ấy mau chóng được tâm thanh tịnh. Như vậy quan sát chúng sinh ở tất cả mọi nơi, thường tôn trọng lia phan duyên và phân biệt, mình và người bình đẳng không trái nhau. Học hạnh như vậy không có gì khó.

Ví như ngọc báu như ý ma-ni được người yêu quý chứ nó không tự coi mình là quý. Vì vậy nên đối với người phải sinh tôn trọng. Nghĩa là do điên đảo phân biệt chấp trước, đối với hữu tình

sinh bòn sên keo kiệt, sinh chê bai là do ngã mạn trời buộc. Do nhân duyên đó sinh nhiều khen chê, tăng trưởng sự nóng nảy sâu não như A-tì đốt cháy vậy.

Âm thanh đó vô tâm đối với sự ngợi khen, sao lại vì vọng tuệ mà sinh ưa thích, sao lại sinh yêu thích lời nói của người. Đó là người vui mà sinh ra, chẳng phải ta tự có. Thường ưa bình đẳng, tự giữ lấy sự an tĩnh, cởi bỏ phân biệt trời buộc, xa lìa tướng khen chê, biết những việc như vậy đều không có quả lợi.

Lại nữa, đối với tài lợi sinh nhiều vui mừng hay sâu não, quen tập xan lẫn, tật đó, mưu mô xảo quyệt để mong cầu, thuận hay trái cả hai đều bị tội nặng. Thuận theo chính lý phải khởi đối trị, xô sập núi ngã mạn thì tâm mau thanh tịnh, lìa lỗi nói năng, thường ưa im lặng, chỉ trừ dạy dỗ là liên tục chỉ bày, biết các pháp là hư vọng không chân thật bền chắc, là gốc sinh khổ không trụ được lâu.

## **Phẩm 15: HỌC XỨ VỀ CHÍNH MẠNG THỤ DỤNG 1**

Lại nữa Trưởng giả nếu là Bồ-tát tại gia phải yêu thích chính mạng, bình đẳng thụ dụng, xa lìa lối sống tà mạng phi pháp.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Thế nào là Bồ-tát đối với thí chủ không dùng thân nghiệp giả hiện oai nghi. Như khi nhắc chân không giả bộ bước đi từ từ, khi hạ chân xuống không làm bộ xem xét làm ra vẻ tư duy.

Thế nào là Bồ-tát không nói lời kiêu ngạo dối trá ? Là không vì lợi dưỡng mà làm ra vẻ ăn nói nhỏ nhẹ, nói dịu dàng, nói lời ưu ái, nói lời tùy thuận.

Thế nào là tâm Bồ-tát không siểm nịnh, quanh co ? Là không vì lợi dưỡng mà làm ra vẻ thiếu dục, mà tâm rộng tham cầu, trong ôm sự nóng nảy bức não ?

Thế nào là Bồ-tát khéo có thể lia bỏ sự vì lợi dưỡng mà làm ra vẻ hiện tượng khác thường ? Nếu gặp thí chủ, dứt khoát không tự nói tôi thiếu áo xống, đồ nằm, thức ăn uống, bệnh mà không thuốc thang xin làm ơn thí cho.

Thế nào là Bồ-tát khéo lia bỏ tính vì lợi dưỡng mà cố nói những lời khoa trương trống rỗng. Như thấy thí chủ, không nói lời xảo trá rằng xin thí chủ ... ( tên gì đó ) hãy đem vật này thí cho tôi, tôi sẽ trả ơn. Lại nói: Vì tôi ít ham muốn, giữ giới, học hỏi nghe nhiều nên thí. Tôi khởi bi tâm mà nhận lãnh.

Cho đến thân làm việc ác, vì lợi dưỡng nên bôn tẩu ngược xuôi mà phá cấm giới. Như gặp những người khác đồng tu phạm hạnh được lợi dưỡng thì sinh tâm làm tổn hoại. Đó là Bồ-tát lia nơi hiểm ác mà cầu lợi dưỡng.

Thế nào là lia bỏ sự lợi dưỡng phi pháp ? Nghĩa là Bồ-tát này không vì cân nhắc so đo mà làm việc lừa dối. Người tin tưởng ủy thác việc gì không sinh xâm phạm tổn hại.

Thế nào là Bồ-tát lia bỏ những lợi dưỡng không sạch sẽ ? Nghĩa là Bồ-tát này không lạm dụng xen lẫn vật của chùa, tháp, hoặc vật sở hữu của pháp của tăng. Nếu có được cũng không nên nhận.

Thế nào là lia bỏ sự tham đắm lợi dưỡng ? Nghĩa là Bồ-tát này có được vật gì, không giữ làm của riêng của mình, không khoe mình giàu có, cũng không tích chứa, tùy lúc thí cho Sa-môn, Phạm chí, Bà-la-môn v.v..., hoặc thí cha mẹ, bà con, bạn bè, hoặc tự thụ dụng.

Khi thụ dụng không sinh tham nhiễm đắm trước. Nếu khi Bồ-tát không được lợi dưỡng, tâm không sinh khổ sở cũng không nóng nảy lo sầu. Hoặc thí chủ không có gì để thí, Bồ-tát cũng không giận họ.

Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói:

Không có chúng sinh nào không cần nhận thí. Nếu đã hứa thì đem thí cho. Có người đến xin, không bực bội mà thí, không vì người khác ép buộc mà thí, không thí một cách miễn cưỡng uể oải, không thí với tướng khác thường, không thí với thái độ khinh thường, thí không quay mặt, không vất ném mà thí, không thí với thái độ bất kính.

Thí không phân biệt, không thí thứ gì mà không do tự tay mình đưa ra, không thí thứ gì không đúng thời đúng lúc, không thí một cách không bình đẳng, không thí mà làm buồn lòng chúng sinh.

Lại nữa như Kinh Tối Thượng Thọ Sữ Vấn nói:

Bồ-tát khi hành bố thí Ba-la-mật-đa, nếu có người cầu xin vật gì cần thiết, nên cấp cho họ như chính ta cần vậy. Nếu có người nghiện rượu thì khiến họ sinh chính niệm rồi cho họ uống xong khiến họ chừa rượu. Như vậy là Bồ-tát phương tiện thanh tịnh nhiếp thọ chúng sinh.

Nếu trong tâm người kia yêu thích không bỏ, Bồ-tát dùng nhiều cách quở trách nói cho họ biết lỗi lầm của rượu như dao kiếm bén, nhất định phải lìa xa không nên tiếp tục. Như vậy người thí mới không có tội.

Luận nói:

Đây là dần dần khiến đi vào hạnh thí thanh tịnh. Như nhiều kinh có nói rộng về cách ngăn chặn và đoạn dứt.

Như Kinh Hư Không Tạng nói:

Như nói ngã thanh tịnh thí, ngã sở thanh tịnh thí, nhân thanh tịnh thí, kiến thanh tịnh thí, tướng thanh tịnh thí, các tính thanh tịnh thí, sát-na quả báo thanh tịnh thí, tâm bình đẳng như hư không thanh tịnh thí, cho đến ví như hư không không có ranh giới, Bồ-tát thực hành bố thí cũng như vậy.

Ví như hư không cao rộng không ngại, Bồ-tát hành thí rộng lớn hồi hướng cũng như vậy.

Ví như hư không không có sắc tướng, Bồ-tát lìa sắc tướng hành thí cũng như vậy.

Ví như hư không không tướng, không tạo tác, không biểu lộ, không có tướng, Bồ-tát hành thí cũng như vậy.

Ví như hư không biến khắp các cõi Phật, Bồ-tát đại từ duyên các hữu tình, hành thí rộng lớn cũng như vậy.

Ví như hư không, bao hàm tất cả, Bồ-tát hành thí thâm nhiếp các hữu tình cũng như vậy. Cho đến như người biến hóa thí các biến hóa, không thụ dụng cũng không phân biệt, ý đạt tới các pháp mà không mong cầu, lìa ngã ngã sở, tự tính thanh tịnh, dùng trí tuệ vượt trội đoạn các phiền não, dùng trí phương tiện không bỏ hữu tình.

Đó là Bồ-tát tu hành bố thí Ba-la-mật-đa giống như hư không vậy.

## HẾT QUYỂN 19

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 20

#### Phẩm 15: HỌC XỨ VỀ CHÍNH MẠNG THỤ DỤNG 2

Luận nói:

Đây nói về Thi-la thanh tịnh.

Như Kinh Hư Không Tạng nói:

Xa lìa tâm Thanh Văn, Bích-chi-phật, không thoái chuyển tâm Bồ-đề thì Thi-la được thanh tịnh.

Thiện nam tử ! Ví như hư không, thể tính thanh tịnh, Bồ-tát trì giới cũng thanh tịnh như vậy.

Hư không không cấu bẩn, Bồ-tát giữ giới cũng không cấu bẩn như vậy.

Hư không vắng lặng, Bồ-tát giữ giới cũng vắng lặng như vậy.

Hư không không hư hoại, Bồ-tát giữ giới cũng không hư hoại như vậy.

Lại như hư không không gì có thể vượt hơn, Bồ-tát giữ giới không hữu tình nào hơn.

Lại nữa, như hư không thanh tịnh bình đẳng, Bồ-tát tu hành nhẫn nhục đối với hữu tình cũng bình đẳng hòa hợp thanh tịnh như vậy.



Ví như có người tay cầm rìu bén vào rừng Ta-la chặt nhánh lá, nhưng cây kia không giận dữ, không phân biệt ai đã chặt, cũng không phân biệt bị ai chặt, Bồ-tát tu hành nhẫn nhục cũng như vậy.

Đó là nhẫn nhục cao tột của Bồ-tát ví như hư không.

Lại nữa, Kinh Bảo Kế nói:

Thân tinh tiến thanh tịnh, nghĩa là nếu thân này giống như cái bóng như tiếng vang, có nói năng gì tự tính đều vô ký, biết tâm rốt ráo trống vắng, phải lấy đại bi mặc áo giáp, đội mũ trụ của từ tâm, đầy đủ các hạnh, tu thiền định sâu, không khuyết giảm các pháp công đức, đem tâm Bồ-đề quán các chúng sinh không khuyết giảm, vui làm bố thí cho đến phương tiện không khuyết giảm, thâm tâm tương ưng với từ bi hỷ xả không khuyết giảm, với bố thí ái ngữ lợi hành đồng sự không khuyết giảm, với chính niệm chính tri không khuyết giảm, với niệm xứ chính căn thân tức căn lực giác chi thánh đạo không khuyết giảm, cho đến Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na không khuyết giảm, xả nghiệp phiền não tự tính vô tri, tu hành kiểm thúc thân tâm không cho phóng túng, thường siêng làm Phật sự, thành thực hữu tình đều được thanh lương an trụ tịch tĩnh.

Thiện nam tử ! Đó gọi là Bồ-tát tu hành thanh tịnh thiền Ba-la-mật-đa. Phải biết cho đến trí tuệ Ba-la-mật-đa cũng như vậy.

## **Phẩm 16: HỌC XỨ VỀ TĂNG TRƯỞNG THẮNG LỰC 1**

Luận nói:

Đây nói về ba thứ tăng trưởng thắng lực. Nghĩa là việc làm thường không chán đủ, độ chúng sinh không sinh biếng nhác thoái lui, cầu trí tuệ Phật thì kiên cố dững mãi. Đó là ba thứ năng lực mà Thanh Văn không làm được.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Vì các chúng sinh tự tính khiếp nhược, chỉ có Bồ-tát hiện rõ tăng trưởng.

Lại như Kinh Như Lai Bí Mật nói:

Bấy giờ vua A-xà-thế bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Bồ-tát tu đủ bao nhiêu pháp thì được thắng lực này ?

Phật nói: Đại vương ! Bồ-tát nếu tu mười pháp sẽ được thắng lợi này. Những gì là mười ?

1. Bồ-tát thà bỏ thân mạng nhất định không bỏ chính pháp vô thượng.
2. Bồ-tát khiêm hạ với tất cả chúng sinh, tâm không kiêu mạn.
3. Đối với chúng sinh yếu đuối, sinh tâm thương xót không làm tổn hại.
4. Thấy chúng sinh đói khát cho ăn uống tử tế.
5. Thấy chúng sinh sợ hãi, làm cho hết sợ.
6. Thấy chúng sinh bệnh tật, cho thuốc và cứu chữa.
7. Thấy chúng sinh nghèo thiếu, thí cho đầy đủ.
8. Thấy chùa tháp hình tượng Phật, lau quét sạch sẽ.
9. Nói lời hoan hỷ an ủi chúng sinh.
10. Thấy chúng sinh chở nặng mệt nhọc khổ não, bớt cho gánh nặng.

Bồ-tát nếu đủ mười pháp như vậy tức có thể được sức vượt trội.

Lại nữa, Kinh Hải Ý nói:

Nếu Bồ-tát có thể phát khởi tinh tiến, thường kiên cố siêng năng làm việc, tinh tiến không thôi nghỉ, thì các Bồ-tát ấy đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề không có gì khó đạt được.

Bởi vì sao ? Hải Ý ! Do tinh tiến nên được Bồ-đề. Nếu lười biếng thì với Phật Bồ-đề đã xa lại càng xa hơn. Người không biếng nhác có thể hành bồ thí, cho đến người không biếng nhác có thể tập trung trí tuệ.

Như Kinh Nguyệt Đăng nói:

Như trong nước sinh hoa Ưu-bát-la. Phải biết muốn lần lượt được tăng trưởng phải dần dần tu học các hạnh bồ thí v.v...

Như Kinh Năng Đoạn Kim Cương nói:

Nếu Bồ-tát khéo trụ nơi bồ thí, phúc tụ đạt được không thể lường.

Lại như Kinh Đại Bát Nhã nói:

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ưa thích tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chẳng phải bồ thí chút ít mà được viên mãn, phải thí cho tất cả chúng sinh vàng bạc châu báu vườn rừng nhà cửa các thứ cần thiết tùy theo ý thích. Đem tất cả tướng trí phương tiện thiện xảo có thể hồi hướng tất cả chúng sinh trong vô lượng a-tăng-kì, nên phải học Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Luận nói:

Đây nói đại bi không tạng tự tính thanh tịnh, thụ dụng phúc tụ mau chóng tăng trưởng. Nếu không đại bi chẳng phải hạnh Bồ-tát. Đây là căn bản xây dựng các thiện. Như vậy thâm tâm kiên cố, đại bi hiện tiền, dũng mãnh tu các hạnh tương ưng, là có thể đạt được Thi-la thanh tịnh. Cho nên có bài tụng rằng:

*Như người giỏi chiến đấu,  
Sức mạnh vũ khí tốt.  
Nếu biếng nhác thoái lui,  
Ắt bị đối phương bắt.*

Lại như Thiện Tài đến chỗ thiện tri thức Thánh Từ, tự nghĩ rằng: Thân ta trong đời quá khứ không có tâm dũng mãnh, không có

ý kiên cố, không có nhân thanh tịnh nên chịu các luân chuyển. Tâm ưa trôi nổi điên đảo phân biệt, tư duy tà vạy ưa tập dục hạnh, chấp trước thế gian không lợi sự nghiệp. Nếu nơi tự thân có được nghĩa lợi thì khởi bất bình đặng đều xả bỏ hết.

Trong đời hiện tại khởi đại dũng mãnh, lựa chọn phân biệt chân thật tư duy, phải siêng tu tác các chính hạnh của Bồ-tát, đối với chúng sinh khởi tâm tăng thượng làm nhiều lợi ích. Ở nơi chư Phật phát tinh tiến lớn, làm thiện lợi lớn, trang nghiêm các căn, tăng trưởng nguyện lực, đọc tụng kinh điển, tâm thanh tịnh tin hiểu, giữ gìn thân tâm không sinh cao ngạo, thường muốn ra khỏi biển khổ lo sầu của sinh già bệnh chết.

Đời sau ưa tu hạnh Bồ-tát, phải đi đến tất cả các cõi Phật cung kính lãnh thụ sự dạy dỗ của Như Lai, gần gũi cúng dường các sư thuyết pháp, ưa cầu tương ưng chính pháp chư Phật, phụng sự cung cấp các thiện tri thức, khai thị diễn thuyết tất cả Phật pháp.

Bồ-tát nếu có thể tư duy quan sát như vậy thì có thể tăng trưởng trí thân, độ thoát chúng sinh trông các gốc đức.

Như Kinh Vô Tận Ý nói:

Bồ-tát đơn độc một mình không bè bạn, dũng mãnh kiên cố, cuối cùng nhiếp thủ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thâm tâm tự mình tu hành không nhờ ai tu cho mình, tự trang nghiêm bằng áo giáp tinh tiến, như các chúng sinh tạo tác thiện nghiệp.

Ta cũng ắt phải làm như vậy, và các Bồ-tát tu hành các hạnh từ sơ phát tâm, ta cũng phải làm.

Thí không phải là bạn của ta, mà ta là bạn của thí.

Giới nhẫn tinh tiến thiên định trí tuệ không phải bạn của ta, mà ta là bạn của chúng.

Các Ba-la-mật không thể sai khiến ta, mà ta có thể vận dụng các Ba-la-mật.

Tất cả thiện căn cũng đều như vậy. Cho đến đạo tràng ngồi tòa kim cương phá các ma chúng, trong một sát-na dùng tuệ bình đẳng tương ứng, được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Như Kinh Kim Cương Tràng nói:

Như Nhật Thiên Tử xuất hiện thế gian, độc nhất không bạn bè, trải qua các cảnh giới không thoái chuyển, với người mù bẩm sinh không sinh chán nản lo âu, với A-tu-la vương La-hầu không sinh chán nản lo âu, với thành Càn-thát-bà không sinh chán nản lo âu, với Diêm-phù-đề ô uế xấu xa không sinh chán nản lo âu, với bốn thiên hạ địa giới vi trần không sinh chán nản lo âu, với các núi cao khói mây che chướng không sinh chán nản lo âu.

Bồ-tát Ma-ha-tát xuất hiện thế gian cũng như vậy. Lấy trí vô phân biệt chính niệm hiểu biết, nếu bị chúng sinh làm tổn hại không sinh chán nản lo âu, tâm không thoái chuyển.

Nếu chúng sinh bị cấu uế tà kiến làm nhiễm ô, Bồ-tát đối với chúng không sinh chán nản lo âu, tâm không thoái chuyển.

Nếu thấy chúng sinh thường bị giận dữ trói buộc, Bồ-tát đối với chúng cũng không xa lìa.

Nếu thấy chúng sinh ngu si che chướng phiền não cấu nặng, mà lại phá hoại hạt giống Bồ-đề, tất cả thế gian không thể cứu hộ, Bồ-tát đối với chúng không sinh khinh mạn.

Bởi vì sao ? Vì Bồ-tát đại bi không thấy chúng sinh có lỗi lầm. Giống như mặt trời xuất hiện trên thế gian đều làm cho sáng rõ không nơi nào tối tăm.

Nếu chúng sinh lại bị ngu si che khuất không tin chư Phật, không nghe chính pháp, không biết ruộng phúc điền tăng, tự mình tạo các nhân khổ, hoặc đọa địa ngục bàng sinh quý giới, bấy giờ Bồ-tát thấy chúng sinh kia tạo nghiệp ấy rồi, tâm không động loạn, cũng

không lựa chọn, không sợ hãi, phát tâm kiên cố dũng mãnh không thoái chuyển, quyết định thay chúng chịu các khổ não. Sở dĩ vì sao ?

Ta phải gánh vác các chúng sinh kia, cho đến các nạn khổ não của sinh già bệnh chết của thế gian, nạn tám vô hạ, nạn luân hồi, nạn các ác kiến, nạn hoại thiện pháp, nạn sinh vô trí.

Ta phải hoàn toàn làm cho thoát nạn này. Đó là vì các chúng sinh bị vô minh che khuất, bị đắm trước trong lưới ái, bị các hữu kết trói buộc, bị các khổ giam nhốt không biết, không cầu thoát ra, thường ôm nghi hoặc, trái nghịch với nguyện, cứ chìm nổi trong biển luân hồi.

Ta phải an trụ nhất thiết trí, làm cho chúng sinh thành tựu nghĩa lợi, đều được giải thoát. Chỉ có một mình ta có thể làm việc cứu hộ.

Giả sử tất cả thế giới đều là cõi ác, trong đó đầy cả chúng sinh thụ khổ, đem tất cả thiện căn của ta hồi hướng bình đẳng, không ai không ban phát cho, cho đến trải qua thời gian cuối cùng, mỗi mỗi cõi ác tiêu diệt không sót, mỗi mỗi chúng sinh đều được giải thoát.

Giả sử còn một người chưa lìa khổ, ta phải đem thân làm cho ra khỏi. Nguyện các chúng sinh, nhân thân ta được hết khổ, được vui an ổn, mỗi mỗi đều vui vẻ nói lời chân thật, không lừa gạt nhau không làm tổn hại nhau.

Ta phải làm cho phát tâm nhất thiết trí, lìa cảnh ngũ dục, hành Bồ-tát hạnh, rốt ráo an trụ vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Sở dĩ vì sao ? Các chúng sinh ấy do tham dục nên lệ thuộc vào ma cảnh, bị chư Phật Thế Tôn quở trách. Phải biết tham dục là gốc khổ. Do nhân duyên ấy mà hoặc gây tranh tụng, hoặc đánh nhau, khởi các phiền não, sau đọa địa ngục ngạ quỷ súc sinh, cho đến cắt đứt nghiệp sinh cõi trời, xa lìa chư Phật.

Do đâu có thể phát vô thượng trí ? Các chúng sinh này bị tham dục đánh chìm, vô lượng tội lỗi đốt cháy nung nấu. Ta đem thiện căn

hồi hương bình đẳng, khiến các chúng sinh đều được lìa bỏ, ưa cầu Phật trí, được vui Niết-bàn. Ta phải vì chúng làm đại đạo sư, đem trí phương tiện làm cho đạt đến bờ kia.

Lại như mặt trời xuất hiện chiếu sáng bốn đại châu, làm các cảnh giới đều hiện rõ, như cung điện nhà vua, làng xóm thành ấp, nhân dân qua lại sinh hoạt, lúa thóc chín, cây cỏ tốt tươi. Đó là oai đức ánh sáng của Nhật Thiên Tử độc nhất xuất hiện thế gian chắc chắn không có hai.

Cũng như vậy Bồ-tát từ sơ phát tâm, thấy các chúng sinh không gieo căn lành, liền nghĩ rằng:

Ta phải cứu hộ tất cả chúng sinh.

Ta phải giải thoát tất cả chúng sinh.

Ta phải chiếu sáng tất cả chúng sinh.

Ta phải dạy dỗ tất cả chúng sinh.

Ta phải nhập giải tất cả chúng sinh.

Ta phải nhiếp thụ tất cả chúng sinh.

Ta phải thành thực tất cả chúng sinh khiến đều được an ổn, dứt các nghi hoặc.

Lại như mặt trời xuất hiện thế gian, ánh sáng chiếu khắp không phải có người cầu.

Bồ-tát Ma-ha-tát cũng vậy, xuất hiện thế gian, thấy chúng sinh khổ liên cứu độ không đợi ai mời thỉnh, không một thiện căn ít ỏi nào mà không hồi hướng, vì các chúng sinh mà trang nghiêm.

Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói:

Bồ-tát cầu Bồ-đề không kể kiếp số. Từ gốc sinh tử cho đến ngày nay trải qua thời gian không thể tính kể, trong bao nhiêu kiếp làm trang nghiêm, cho đến một khi gặp chư Phật, một khi phát đạo tâm,

trải qua chur Phật nhiều như cát sông Khắc-già thừa sự cúng dường không mệt mỏi, mới có thể hiểu rõ tất cả tâm hành của chúng sinh.

Đó gọi là Bồ-tát trang nghiêm vô tận. Tu tập Đản Ba-la-mật Bồ-đề phân pháp như vậy có thể đầy đủ tướng hảo trang nghiêm.

Lại nữa, Kinh Bảo Vân nói:

Bồ-tát thấy các chúng sinh mù lòa không có mắt tuệ, cảm thương khó điều phục, đủ cả các ác như phá giới, biếng nhác. Bấy giờ Bồ-tát rất chán bỏ, cầu sinh Tịnh độ, nguyện ta không nghe tên các ác. Khởi ý niệm như vậy rồi liền suy nghĩ rằng: Các chúng sinh này ngu si cam đố, không có phần Niết-bàn, không sinh tín tâm, xa lìa chur Phật, ta phải điều phục mà cứu vớt chúng. Khi phát tâm như vậy thì tất cả ma cung đều chấn động, mười phương chur Phật đồng thanh khen ngợi: Người này không lâu sẽ ngồi đạo tràng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Luận nói:

Lần lượt tư duy quan sát như vậy thì có thể tăng trưởng vô lượng phúc tụ, cần phải thâm tâm chân chất ngay thẳng, kiên cố tu tập.

Như Kinh Pháp Tập nói:

Trong Phật pháp, chân chất ngay thẳng là gốc. Nếu các Bồ-tát tâm không chân chất ngay thẳng thì xa lìa tất cả Phật pháp. Nếu đầy đủ thâm tâm kiên cố, sinh lòng khát ngưỡng đối với pháp sâu xa nhiệm màu chưa từng được nghe, thì hoặc từ hư không, trong núi rừng tự nhiên nghe phát ra tiếng diệu pháp mà được hiểu rõ. Cho nên Bồ-tát phải làm như vậy.

Như người có chân có thể du hành. Bồ-tát nếu có đủ thâm tâm chân chất ngay thẳng, có thể tu hành tất cả Phật pháp.

Như người có thân thì có mạng sống. Bồ-tát nếu có đủ thâm tâm chân chất ngay thẳng có thể đạt được Bồ-đề của chur Phật.



Như người có mạng sông thì có tài lợi. Bồ-tát nếu có đủ thâm tâm chân chất ngay thẳng có thể được thánh tài của chư Phật.

Ví như cây đuốc lớn thì ngọn lửa cháy mạnh. Bồ-tát nếu có đủ thâm tâm chân chất ngay thẳng có thể sáng tỏ các Phật pháp.

Ví như có mây thì sẽ có mưa. Bồ-tát nếu có đủ thâm tâm chân chất ngay thẳng có thể tuyên bố pháp vũ của chư Phật. Cho nên Bồ-tát phải biết tự giữ gìn thâm tâm chân thật ngay thẳng.

Ví như rễ cây hủ mục thì không thể sinh nhánh lá hoa quả. Bồ-tát nếu không có thâm tâm chân chất ngay thẳng thì các thiện pháp sẽ không sinh nữa, cũng không thể có được Bồ-đề của chư Phật.

## HẾT QUYỂN 20

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 21

#### Phẩm 16: HỌC XỨ VỀ TẶNG TRƯỞNG THẮNG LỰC 2

Luận nói:

Sao gọi là thâm tâm giác liễu ?

Kinh Vô Tận Ý nói:

Lại nữa, tâm này đối với các việc ra làm lìa đối trá. Lìa đối trá thì không khởi siểm nịnh, không khởi siểm nịnh thì có thể quyết định, có thể quyết định thì trừ lừa dối không thật, trừ lừa dối không thật thì trụ thanh tịnh, trụ thanh tịnh thì thường ngay thẳng, thường ngay thẳng thì không tà vạy, không tà vạy thì tính sáng tỏ, tính sáng tỏ thì hiểu ngộ tốt, hiểu ngộ tốt thì được chân thật, được chân thật thì không thể hư hoại, không thể hư hoại thì được bền chắc, được bền chắc thì được bất động, được bất động thì không bỏ chúng sinh.

Cho nên nói là thâm tâm giác liễu.

Kinh ấy lại nói:

Tu tập thâm tâm tối thượng thù thắng, an trụ nơi vắng lặng dùng tâm từ che chở chúng sinh, cung kính tôn trọng bậc hiền thiện, đem tâm bi cứu vớt kẻ không hiền thiện, cứu hộ kẻ không ai cứu hộ,

làm chỗ nương tựa cho kẻ không nơi nương tựa, làm nơi cõn bãi cho kẻ nổi trôi, làm người chủ cho kẻ vô chủ, làm bạn cho kẻ cô đơn, làm cho người tà vay trở nên ngay thẳng, làm cho kẻ tà ác thành nhu thuận, làm cho kẻ nịnh bợ thành trung chính, làm cho kẻ dối gạt trở nên thành thật, kẻ gian ngoan thành thuần chất, kẻ vong ân thành biết ơn, kẻ khổ não được an ổn, kẻ không lợi ích làm lợi ích, ngạo mạn thành khiêm tốn, chê bai thành khen ngợi, dạy dỗ kẻ sai lầm, bảo vệ kẻ không ai che chở, làm cho kẻ mâu thuẫn nhau không thấy trái chống, khởi hạnh thanh tịnh đối với sự trưởng, đem tâm phương tiện thiện xảo cung kính, ghi nhớ không quên những điều dạy bảo.

Luận nói:

Như vậy dần dần tu tập thâm tâm tức có thể tăng trưởng thắng lực, đại bi hiện tiền.

Như Kinh Pháp Tập nói:

Khi ấy Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật rằng: Thế Tôn: Bồ-tát tu học không cần phải nhiều pháp. Nếu thụ trì một pháp tức có thể biết rõ tất cả Phật pháp. Một pháp đó là đại bi. Nếu Bồ-tát có thể thực hành đại bi thì có thể nhiếp thủ Phật pháp như nắm trong tay.

Thế Tôn ! Như Chuyển luân vương có các xe báu, tùy theo đi đâu đều có thể đi. Bồ-tát nếu khởi đại bi tức đối với Phật pháp có thể đạt được một cách tự nhiên như vậy.

Thế Tôn ! Ví như mặt trời xuất hiện ánh sáng chiếu thế gian, các loài hữu tình tùy theo công việc làm đều được kết quả. Bồ-tát đem đại bi chiếu soi nơi tất cả Bồ-đề phần pháp thì cũng dễ tu hành như vậy.

Thế Tôn ! Ví như các căn lấy ý làm gốc, đều có thể thủ lấy tự phần cảnh giới, Bồ-tát trụ nơi đại bi tức đối với tất cả Bồ-đề phần pháp, mỗi mỗi tu tập thực hành như lý.

Thế Tôn ! Ví như dựa vào mạng căn có các căn khác, Bồ-tát nếu có đại bi tức có thể tu các Bồ-đề phân pháp.

Lại nữa, Kinh Vô Tận Ý nói:

Ví như mạng sống con người lấy hơi thở ra vào làm gốc. Cũng như vậy, Bồ-tát tu học Đại thừa tức lấy đại bi làm gốc.

Lại như trưởng giả chỉ có một người con, rất mực yêu thương chưa bao giờ tạm bỏ, Bồ-tát đạt được đại bi, đối với các chúng sinh yêu thương như con cũng giống như vậy.

Luận nói:

Đây quán như thế nào ? Nghĩa là tu tâm từ. Đối với chúng sinh yêu như con mình. Quá khứ có vô lượng khổ não. Hiện tại đang ở trong biển bệnh khổ. Vị lai dài lâu luân hồi hiểm nạn.

Như Kinh Thập Địa nói:

Hạng phạm phu ngu si vô trí, có vô số thân đã diệt, hiện đang diệt và sẽ diệt. Như vậy thân diệt rồi không sinh chán chê, trở lại chuyển tăng thêm cơ quan các khổ, theo dòng sinh tử không thể thoát ly, không thể xả bỏ. Các uẩn chấp chứa không thể xa lìa rắn độc đại chủng, không thể quán sát sáu xứ không tụ, không thể đoạn trừ ngã và ngã sở, không thể rút ra mũi tên độc ngã kiến ngã mạn, không thể dập tắt ngọn lửa tham sân si, không thể phá trừ vô minh tam tối, không thể làm khô kiệt con sông lớn khát ái, không cầu mười lực của Đại thánh đạo sư, vào trong rừng tà, chạy theo đảng ma, cứ một bề chìm nổi trong biển luân hồi, bị cái vỏ dày vô minh bao bọc, cái khổ già bệnh chết thường bức bách rất ngặt.

Ta nay vì thương xót hữu tình làm việc cứu hộ, tích chứa vô lượng phúc trí tư lương, dùng thiện căn này làm cho được rốt ráo thanh tịnh.

Kinh ấy lại nói:

Các hữu tình này rong ruổi trên đường ác hiểm nạn địa ngục bàng sinh và Diêm-ma-la giới. Ngu si che tối, thiếu đại đạo sư, cho đến chìm trong biển ái xoay vần lưu chuyển, không rảnh thức tỉnh diệt dục, nhuế, hại, tầm, không làm sao xả bỏ tập khí tham dục, thân bị La-sát bắt giữ, ngã mạn nên không có cồn bãi làm chỗ nương tựa, không siêu vượt được sáu chỗ như xóm làng, không có chút thiện căn để được tế độ. Cho nên ta nay dùng sức đại bi vớt chúng sinh kia khiến thoát khổ nạn lìa cấu uế được tịch tĩnh, phải làm cho được an trụ nơi đại châu lục quý báu của trí nhất thiết trí. Các hữu tình này ưu sầu khổ não tùy chuyển liên tục, trói buộc trong ngục hình của tham ái, vô minh siểm nịnh trường thời gian che khuất, không cầu ra khỏi ngục ba cõi. Ta phải làm cho thoát khỏi các thứ sợ hãi khổ não hiện tiền, khiến được an ổn khoái lạc không chướng ngại.

Luận nói:

Như vậy thâm tâm kiên cố đối với người có thể làm tăng trưởng đại bi phúc hạnh.

Lại nữa, Kinh Tối Thượng Vấn nói:

Ngày đêm sáu thời mặc áo mới sạch sẽ, thường sinh tôn trọng lễ kính chư Phật. Lần lượt tu tập hoàn thành hạnh Phổ Hiền.

Lại Kinh Tam Tụ nói:

Đầu mặt sát chân, lễ kính chư Phật, có thể sám trừ tất cả tội cấu. Tam tụ là sám hối, khuyến thỉnh và phúc tùy hỷ.

Lại nữa, trong Kinh Ưu Ba Li Sở Vấn chỉ nói một thứ nghĩa lợi là khuyến thỉnh, cởi được các lưới ma, ngộ vô thường, nên cũng lễ kính tất cả chư Phật.

Như Kinh Vô Tận Ý nói:

Tự tha sám hối được phúc hạnh, như có nói trong bốn Già-đà của hạnh Phổ Hiền. Tùy hỷ phúc hạnh như kinh Nguyệt Đăng nói trong Phẩm tùy hỷ. Trong các kinh khác nói rõ có ba thứ.

Tiếp đến nói về hành tướng hồi hướng cúng dường rộng lớn.

Như Kinh Bảo Vân nói:

Nếu các Bồ-tát dùng hoa tươi và hương đốt, như cây hương chiên đàn, cây Kiếp-ba, các loại cây báu, cho đến các thứ vô chủ, không ai giữ lấy, ngày đêm sáu thời vận tâm cúng dường Phật Bồ-tát .

Lại nữa, Kinh Tam Tam Muội Da nói:

Các cõi nước trong mười phương thế giới, có núi báu từ đất sinh, có núi báu từ nước sinh, nơi đó tất cả loại thuốc hay, nước trong sạch, các thứ ẩm thực ngon, các thứ vàng báu cho đến ở châu Bắc Câu-lô có những hương rừng, vị đất, hương lúa tự nhiên, các thứ thụ dụng yêu thích nhất, thời gian dài vận tâm cúng dường như trước.

Luận nói:

Như trên đã nói thân cận thừa sự cúng dường rộng lớn chư Phật Bồ-tát. Nghe như vậy rồi, hoàn toàn nhất tâm y theo giáo pháp phụng hành, phát nguyện hồi hướng, như có nói trong Kinh Phổ Hiền Hạnh, Kinh Kiến Kim Cương Tràng, hoặc Kinh Thập Địa.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát trụ Cự hỷ địa, dẫn phát mười thứ thể nguyện rộng lớn. Đó là thừa sự cúng dường tất cả Như Lai mà thành tựu được thắng giải thanh tịnh. Hành tướng như vậy đồng với pháp tính hết cõi hư không, tất cả số kiếp, hết đời vị lai có chư Phật ra đời đều cúng dường rộng lớn không thôi nghĩ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ nhất.

Vì muốn thụ trì tất cả pháp nhãn Như Lai đã nói, bảo vệ tốt chính giáo của chư Phật, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tất cả số kiếp hết đời vị lai nhiếp thụ chính pháp không thôi nghĩ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ hai.

Vì nơi chư Phật xuất hiện thế gian, trước tiên an trụ cung trời Đâu-suất, rồi giáng thần, thác ảm, trụ thai, đản sinh, trưởng thành, xuất gia, tu khổ hạnh, ngồi Bồ-đề tràng, hàng phục các ma, chuyển bánh xe chính pháp, thị hiện tướng Niết-bàn. Trước tiên gia công tu hành đi đến cùng đường tất cả các nơi, đồng thời chuyển bánh xe pháp cao tốt, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai những nơi Phật xuất hiện trên thế gian, thỉnh chuyển pháp luân không thôi nghỉ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ ba.

Vì muốn dẫn phát các hạnh rộng lớn vô lượng của Bồ-tát và viên mãn thanh tịnh các Ba-la-mật không phân biệt, thâm nhiếp tướng chung tướng riêng của các địa, tướng giống nhau tướng khác nhau, tướng thành tựu tướng hoại diệt như thật không điên đảo, làm rõ sự dạy dỗ các hạnh Bồ-tát khiến phát tâm, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai làm các chính hạnh không thôi nghỉ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ tư.

Vì muốn thành thực các loại hữu tình, như loài có hình sắc loài không hình sắc, loài biết suy tưởng loài không biết suy tưởng, loài chẳng phải biết suy tưởng chẳng phải không biết suy tưởng, loài sinh trướng, sinh thai, sinh nơi ẩm ướt, loài hóa sinh trối buộc trong ba cõi sáu đường, gồm trong danh sắc, đều làm cho dứt trừ vĩnh viễn, tất cả mọi loài đều vào trong pháp Phật, rốt ráo an trụ trong trí nhất thiết trí, khiến không thừa sót, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai thành thực hữu tình không thôi nghỉ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ năm.

Vì muốn liễu giải ngộ nhập mười phương thế giới, hoặc rộng hoặc hẹp hoặc thô hoặc tế, hoặc trụ tạp loạn hoặc úp hoặc ngừa,

giống như lưới của cung trời Đê-thích có các phân vị đều khác nhau, đem trí tương ưng hiện tiền biết rõ, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai đều có thể hiểu rõ ngộ nhập thế giới như vậy không thôi nghỉ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ sáu.

Vì muốn làm trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật đều dùng ánh sáng trang sức khắp giáp, lia các phiến não thành cõi thanh tịnh trong đó đầy cả hữu tình có trí tuệ lớn, vào khắp cảnh giới rộng lớn của chư Phật, tùy theo ý muốn quy hướng của các hữu tình mà hiển thị bình đẳng khiến được hoan hỷ, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai và số cõi Phật đều làm cho trang nghiêm thanh tịnh không thôi nghỉ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ bảy.

Vì muốn cùng với các chúng Đại Bồ-tát đồng một ý muốn tích tập thiện căn, đồng một sở duyên, trụ tính bình đẳng, thường được gặp chư Phật Bồ-tát, tùy theo ý muốn không lìa bỏ nhau, hiển thị oai lực của Phật, đồng phát tâm, được thần thông không thoái chuyển tức có thể đi đến tất cả thế giới, hiện thân đồng loại trong đại chúng, tu tập các chính hạnh của Bồ-tát, ngộ nhập diệu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai bình đẳng với các Bồ-tát ngộ nhập Đại thừa không thôi nghỉ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ tám.

Vì muốn điều khiển bánh xe không thoái chuyển của các hạnh Bồ-tát, nên không làm mất nghiệp thân ngữ ý. Nếu vừa thấy đó là việc làm trong Phật pháp thì liền quyết định. Nếu vừa nghe âm thanh liền sinh lòng tin thanh tịnh có thể khởi chính trí, vĩnh viễn dứt trừ phiến não thì nguyện thân này làm cây thuốc lớn cứu chữa các bệnh khổ, như ngọc báu như ý giúp các người nghèo thiếu, tu hạnh Bồ-tát



rộng lợi ích chúng sinh, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai các hạnh không trống rỗng và không thôi nghỉ.

Đó là phát khởi đại nguyện thứ chín.

Vì sẽ chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề, trong số các chúng sinh phạm phu được hóa độ dù một dù nhiều, đều có thể thị hiện giáng sinh, xuất gia, thành đẳng chính giác, chuyên đại pháp luân và nhập Niết-bàn, hiển thị cảnh giới Phật, oai lực của trí tuệ, tùy theo ý muốn của các hữu tình, trong một sát-na đều làm cho giác ngộ, hết cả cảnh giới chúng sinh chân thật hồi hướng Bồ-đề duy nhất, Niết-bàn rộng lớn. Đều dùng một âm thanh tuyên thuyết pháp yếu, làm cho các hữu tình tâm sinh vui mừng, dùng sức thần thông đều làm cho tất cả thế giới sung mãn, thị hiện sức đại trí có thể thiết lập tất cả các pháp, thị hiện đại Niết-bàn mà không tuyệt mất các hạnh, đồng với pháp tính hết cõi hư không, tận cùng kiếp số đời vị lai thành tựu Tam-bồ-đề và không thôi nghỉ.

Đó là dẫn phát mười thế nguyện rộng lớn.

Luận nói:

Như vậy quán tưởng thâm tâm tinh tiến, tất cả mọi chỗ đều làm hồi hướng này.

Như Kinh Quán Âm Giải Thoát nói:

Đem tất cả thiện căn ta đã làm, hồi hướng bình đẳng cho các chúng sinh lìa khỏi sợ hãi của sự đọa lạc, làm cho chúng sinh thoát khỏi nỗi sợ ân ái của các quyền thuộc, làm cho chúng sinh diệt được sự lo sợ của ngu si, làm cho chúng sinh dứt trừ nỗi sợ của sự trói buộc, làm cho chúng sinh lìa khỏi sự lo sợ của đoạn mạng, làm cho chúng sinh lìa khỏi cái lo sợ của sự nghèo cùng, làm cho chúng sinh lìa khỏi lo sợ chết yếu, làm cho chúng sinh lìa khỏi lo sợ của sự hủy báng, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ của sự luân hồi, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ oai đức của đại chúng, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ chết, làm cho

chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ các đường ác, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ của sự tối tăm, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ phải gặp cảnh oán ghét, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ chia lìa với những người thương yêu, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ của sự oán ghét tật đố, làm cho chúng sinh lìa khỏi nỗi sợ bức bách sầu não của thân tâm, làm cho chúng sinh đoạn trừ nỗi sợ của sự lo buồn khổ não.

Lại nữa, ở đây sơ lược nói về hồi hướng, như bài kệ trong Kinh Phổ Hiền Hạnh nói:

*Thanh tịnh dưỡng mãnh đức Văn-thù,  
Phổ Hiền thắng đức cũng như vậy.  
Hai vị Đại sĩ nói hồi hướng,  
Con nay thuận theo mà tu học.  
Mười phương ba đời các Như Lai,  
Đã nói thanh tịnh dạy hồi hướng.  
Con nay tích tập các thiện căn,  
Đồng với Phổ Hiền hạnh tối thượng.*

## **Phẩm 17: HỌC XỨ VỀ CUNG KÍNH TÁC LỄ 1**

Luận nói:

Đây nói về tuân tự lễ kính chư Phật được tăng trưởng phúc hạnh. Phải biết như thế nào ?

Như Kinh Quán Sát Thế Gian có kệ rằng:

*Nếu trong một sát-na,  
Thừa sự nơi chư Phật,  
Ta nói được phúc báo,  
Hằng lìa khỏi tám nạn.  
Hình sắc rất đẹp đẽ,  
Thành tựu tướng trang nghiêm.*

An trụ trong Phật pháp,  
Không còn các biếng nhác.  
Người này trong hiện tại,  
Thụ dụng đều đầy đủ.  
Thường được người tôn kính,  
Không bệnh, thân sáng sạch.  
Sau sinh nhà trưởng giả,  
Tôn sùng không ai bằng.  
Rộng làm việc bố thí,  
Của báu không lẫn tiếc.  
Lại làm Chuyển luân vương,  
Ngự trị bốn thiên hạ.  
Nhân dân đều quy thuận,  
Nước giàu sung túc vui.  
Sức oai đức đầy đủ,  
Bảy báu nhiều vô lượng.  
Trong tất cả mọi thời,  
Thường siêng tu cúng dường.  
Được sinh trời Đao-lợi,  
Tự tại trên đỉnh cao.  
Làm Đế-thích thiên chủ,  
Phụng trì thanh tịnh giáo.  
Nếu ai nơi tháp Phật,  
Chấp tay nhiễu bên phải,  
Thì trong câu-chi kiếp  
Hưởng phúc không thể hết.  
Nếu cũng nơi tháp Phật,  
Phát tâm cung kính lễ,  
Thì trong vô lượng kiếp,  
Không mù lòa què quặt.  
Kiên cố các thiện căn,

Đủ dũng mãnh tinh tiến.  
Mau được thành Bồ-đề,  
Do lễ tháp Phật này.  
Nếu ở trong đời ác,  
Hướng về quy mạng Phật,  
Tức là đã gần gũi,  
Trăm ngàn câu-chi Phật.  
Người này ở thế gian,  
Cao tốt chẳng ai hơn,  
Tự tại tiên trên đời,  
Đoan chính không ai sánh.  
Nếu ai đem tràng hoa,  
Dâng cúng nơi tháp Phật,  
Sau khi mãn kiếp người,  
Sinh trời Ba mươi ba.  
Đi xe giá tốt đẹp,  
Trang sức các ngọc báu,  
Ở lầu gác cung điện,  
Có thiên nữ hầu hạ.  
Có ao hồ trong sạch,  
Đầy nước tám công đức.  
Đáy ao lót cát vàng,  
Bờ lưu ly pha lê.  
Hưởng khoái lạc thượng diệu,  
Thọ mạng được dài lâu.  
Hết thọ mạng cõi trời,  
Sinh vào nhà hào quý.  
Trong trăm ngàn ức kiếp,  
Hưởng thắng phúc tốt bậc.  
Thường dùng tràng hoa tốt,  
Đem cúng dường khắp nơi.

Làm Chuyển luân thánh vương,  
Và Đê-thích thiên chủ.  
Thiên tử Đại Tự Tại,  
Làm vua Đại Phạm vương.  
Do hành bố thí đây,  
Được công đức như trên.  
Đem áo lông thượng diệu,  
Thí Phật Đại đạo sư,  
Người này ở trên đời,  
Đều thành tựu nghĩa lợi.  
Dùng y phục, anh lạc,  
Đem cúng dường tháp Phật,  
Xa lìa dòng hạ tiện,  
Không còn sinh nơi ấy.  
Bà con thường sum vầy,  
Không có khổ biệt ly.  
Thường được Đại quốc vương  
Cúng dường và ca ngợi.  
Hoặc sinh hàng thiên long,  
Và người trí thế gian,  
Đủ oai thần dũng mãnh,  
Phúc báo chẳng ai bì.  
Nếu quốc thành chủng tộc,  
Nơi tháp miếu Thế Tôn,  
Chỉ dùng một tí hương,  
Nhỏ bằng một hạt cải,  
Khởi tín tâm quyết định,  
Mà đem đến cúng dường,  
Thì công đức đạt được,  
Nay nghe ta nói đây:  
Vĩnh viễn lìa cấu uế,

Tâm kiên cố thanh tịnh,  
Trừ tật bệnh lo buồn,  
Dung nghi thật cao đẹp.  
Được làm Chuyển luân vương,  
Đủ oai đức đại trí.  
Tùy chỗ đi đến đâu,  
Phúc lực đều thành tựu.  
Nào vua nào nhân dân  
Đều vui thường phụng thờ.  
Dem y phục thượng diệu,  
Dâng cúng nơi tháp Phật,  
Người ấy vào đời sau,  
Thân thể rất sáng sạch.  
Áo trời Ca-thi-ca,  
Đồng thời cùng hiển hiện.  
Thường toát ra hương thơm,  
Người nghe sinh hoan hỷ.  
Lại còn dùng chỉ vàng  
Dệt thành áo rất đẹp,  
Bố trí rất khéo léo,  
Các hình tướng sư tử.  
Sau sinh vào cõi trời,  
Nguyện nào cũng kết quả.  
Các trân bảo anh lạc,  
Theo ý nghĩ có ngay.  
Nếu người dùng phước báu,  
Dem treo cúng tháp Phật,  
Tùy ý nguyện người kia,  
Vãng sinh các nước Phật.  
Sẽ được thân sắc vàng,  
Các tướng đều đầy đủ.

Các mỹ vị thịnh soạn  
Đều mang đến hiến cúng.  
Lại dùng lụa lông thú,  
Dệt thành y phục quý.  
Bông vải Ca-thi-ca  
Làm tràng phan cúng Phật.  
Người này vào đời sau,  
Kho tàng đều dư dật.  
Là quyến thuộc nào hại,  
Kiên cố vô lượng trí.  
Trên dưới đều đoan nghiêm,  
Chúng thường ưa chiêm ngưỡng.  
Không bị lửa thiêu đốt,  
Và đao gậy làm hại.  
Nếu đem một đèn sáng  
Cúng dường nơi tháp Phật  
Do làm cúng thí này  
Được thọ mạng dài lâu.  
Tâm thanh tịnh sáng tỏ,  
Hình sắc đều viên mãn.  
Người này thân đời sau  
Sinh cõi tịnh Kim Hà.  
Cánh tay phát ánh sáng  
Có sức kiên cố lớn.  
Du hành trong thế gian,  
Mà không các sợ hãi.  
Giả sử na-do-tha  
Bao nhiêu các cõi Phật  
Trong chứa đầy hạt cải  
Tính kể biết số lượng.  
Ta nói phúc báo này,

Cùng kiếp không thể hết.  
 Dùng lọng lớn bằng lụa  
 Dem cúng thí tháp Phật.  
 Người này không lâu được  
 Đủ ba mươi hai tướng.  
 Thường phát ra ánh sáng,  
 Khôn sánh khó nghĩ bàn.  
 Ánh sáng kia rực rỡ  
 Trong sáng như Kim Hà.  
 Như hoa Câu-tô-ma  
 Đua nở cùng trang điểm.  
 Tiếng đồn khắp các nơi  
 Đủ thần thông đặc biệt.  
 Thụ dụng không giới hạn,  
 Được an ổn cao tốt.  
 Thường được người cõi trời  
 Thân cận để thừa sự.  
 Đủ oai nghi thiếu dục,  
 Kiên trì giữ tịnh giới.  
 Ở trong rừng tĩnh lặng  
 Ưa tu tập thiền định.  
 Trí tuệ không khuyết giảm,  
 Không bỏ tâm Bồ-đề.  
 Biết đủ không cầu nhiều,  
 Tu hạnh từ bình đẳng.  
 Nếu người diễn tấu nhạc,  
 Cúng dường Nhân Trung Tôn.  
 Lìa phiền não buồn lo,  
 Được thanh tướng viên mãn.  
 Mắt cực kỳ sáng suốt,  
 Thấy rõ không tạp loạn.



Tai thường nghe tiếng hay,  
Tâm thanh tịnh vui thích.  
Mũi cao đẹp và thẳng,  
Đầy đủ tướng trang nghiêm.  
Lưỡi kia thường mềm mại,  
Sắc hồng như san hô.  
Tiếng vang như người trời  
Nghe đến một câu-chi.  
Lìa báo không lưỡi, hôi  
Hằng không sinh loài rắn.  
Thân tối thượng thù thắng  
Ngay thẳng không cong queo.  
Thường sinh ý thiện tịnh  
Không lúc nào gián đoạn.  
Các người trời, long thần,  
Với Ma-hầu-la-ca  
Thường đi trong thế gian,  
Để an ủi bảo hộ.  
Do hành thí như vậy,  
Được phúc báo như trên.

## HẾT QUYỂN 21

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 22

#### Phẩm 17: HỌC XỨ VỀ CUNG KÍNH TÁC LỄ 2

*Nếu ai sau khi ta diệt độ,  
 Mà hay sửa sang tháp miếu Phật,  
 Trong trăm ngàn na-do-tha kiếp,  
 Vội vạy thân tướng rất đoan nghiêm.  
 Tối thượng thích ý chiêm đàn hương,  
 Hợp thành cung điện và xe kiệu.  
 Tuy được phúc báo không đếm trước,  
 Đây do sửa sang nơi tháp Phật.  
 Chính pháp của Phật khi sắp diệt,  
 Không sinh các nước cõi Diêm-phù,  
 Tùy theo ý muốn ở thiên cung,  
 Đây do sửa sang nơi tháp Phật.  
 Chán bỏ năm dục các cầu nhiễm,  
 An trụ thanh lương tịnh giới uẩn.  
 Rộng tu khắp cả các tịnh hạnh,  
 Đây do trát hương nơi tháp Phật.  
 Từ đây diệt rồi sinh cõi trời,  
 Khoái lạc dồi dào lường không hết.*

Lại hay giáo hóa các người trời,  
Đây do trát hương nơi tháp Phật.  
Diện mạo viên mãn thường tươi vui.  
Nếu có phát ngôn sinh các thiện.  
Người thấy đều sinh lòng kính ái,  
Đây do trát hương nơi tháp Phật.  
Xa lìa vô biên đường ác khổ  
Thường được thân cận chư Như Lai,  
Rộng tu tịnh nghiệp lợi quần sinh  
Đây do trát hương nơi tháp Phật.  
Nếu ai chỉ trong một sát-na,  
Ở nơi tháp Phật quét bụi bặm,  
Phúc báo người này thật khó lường,  
Hằng lìa tám nạn sống không khó.  
Dũng mãnh thông minh trí sáng suốt,  
Vời cảnh năm dục không truy cầu.  
Thường hay ra khỏi các luân hồi,  
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật.  
Đầy đủ cấm giới không khuyết phạm,  
Nghe pháp sâu xa sinh ngưỡng mộ.  
Hằng không thoái chuyển tâm Bồ-đề,  
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật.  
Người này thường ở trong đời ác,  
Lìa được khen chê các lỗi lầm.  
Tích tập rộng lớn phúc tuệ tốt,  
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật.  
Được các thứ vị ngon thịnh soạn,  
Y phục đẹp đẽ tự trang nghiêm.  
Tiếp xúc các căn thường thích hợp,  
Đây do tịnh tâm quét tháp Phật.

Nếu nơi tháp Phật sinh hoan hỷ,  
 Đẹp bỏ tất cả hoa héo khô.  
 Do nương mười lực Đại đạo sư,  
 Được liả năm dục rất oán hại.  
 Hình nghi đĩnh đạc đời ít có,  
 Mọi người chiêm ngưỡng không chán mắt.  
 Vương giả thường sinh tâm ái kính,  
 Do dọn hoa héo nơi tháp Phật.  
 Đầy đủ Bồ-tát các giới phẩm,  
 Diệt trừ tất cả đường hiểm ác.  
 Ý thường sáng suốt xa si mê,  
 Do dọn hoa héo nơi tháp Phật.  
 Vất bỏ phiền não các chướng nhiễm,  
 Hằng không bệnh khổ trôi buộc nhau.  
 Ở tất cả nơi được an lạc,  
 Do dọn hoa héo nơi tháp Phật.  
 Được nhận người đời đệ nhất thí,  
 Lại dùng tới thượng các cúng dường,  
 Thanh tịnh phúc tuệ trang nghiêm thân,  
 Do dọn hoa héo nơi tháp Phật.  
 Lại đem các thứ hoa tươi mới,  
 Hoặc Mạn-đà-la, Bát-trá-la,  
 Thay các hoa héo nơi tháp Phật,  
 Người này sẽ được phúc báo tốt.  
 Nếu ai thường nơi các tháp Phật,  
 Tinh cần chấp tay thân kính lễ.  
 Người kia Phật đức khéo xưng dương,  
 Khiến ai trông thấy cũng cúi đầu.  
 Chư thiên long thần Ma-hầu-la,  
 Vua quan nhân dân sinh tin trọng.  
 Ví như hoa đẹp nở trên đời,

Mà hay khéo nói các pháp yếu.  
Do kia khéo nói chính pháp nên  
An trụ trí Phật không khuyết giảm.  
Khiến các chúng sinh lia nẻo ác,  
Tăng trưởng nghĩa lợi của trời người.  
Phúc lực niệm tuệ đều đầy đủ,  
Quyển thuộc rộng nhiều thường hòa thuận.  
Ta nói người này ở thế gian,  
Tùy theo ý muốn, tâm an ổn.  
Thường dùng tiếng nhu hòa nhỏ nhẹ,  
Day dỗ quần sinh khiến thoát ly.  
Đối với giàu có chẳng sinh tham,  
Đây do chấp tay lễ tháp Phật.  
Thường hành bố thí và ái ngữ,  
Lợi hành bình đẳng cũng như vậy.  
Bị người chê bai chẳng sinh giận,  
Đây do chấp tay lễ tháp Phật.  
Hoặc lên cõi trời làm Đế-thích,  
Hoặc ở thế gian làm đế vương.  
Muốn đi đến đâu thì tùy ý,  
Đây do chấp tay lễ tháp Phật.  
Với các cảnh dục không đắm nhiễm,  
Ở đời giàu sang thường dùng chân.  
Hằng không đọa vào trong nẻo ác,  
Đây do chấp tay lễ tháp Phật.  
Nói năng điều gì giàu ý nghĩa,  
Và đều phù hợp với kinh điển.  
Thường sinh vào dòng các quý tộc,  
Đây do chấp tay lễ tháp Phật.  
Nếu dùng tâm thanh tịnh tối thượng,  
Dem hoa tung rải cúng dường Phật,

*Sẽ được phúc báo làm đế vương,  
 An trụ như trước làm việc thiện.  
 Kia đã hiểu rõ nơi năm dục,  
 Thì không bị lo rầu bức bách.  
 Thân tướng đoan nghiêm người thích ngắm,  
 Tự tính vắng lặng không hãi sợ.*

Như Kinh Đại Bi nói:

A-nan ! Nếu có chúng sinh trong hiện tại có thể cúng dường ta, nếu sau khi ta diệt cúng dường xá-lợi bằng như hạt cải, hay lại vì ta tạo lập hình tượng tháp miếu.

A-nan ! Hãy để lại việc đó mà nói giả sử có người trong giây lát có thể phát khởi lòng tin thanh tịnh duyên niệm chư Phật, đem một cái hoa tung lên hư không mà cúng dường Phật, người ấy sẽ được làm Chuyển luân thánh vương, Đế-thích thiên chủ, Đại Phạm thiên vương, có thể siêu vượt vô tri đời trước, và lưu chuyển sinh tử trong kiếp vị lai.

A-nan ! Hãy để lại việc đó mà nói giả sử có người trong chiêm bao thấy dùng một cái hoa tung lên hư không mà cúng dường, ta nói người này do thiện căn này sẽ được phúc báo không có biên giới.

Lại nữa, Kinh Ta Già La Long Vương Sở Vấn nói:

Nếu Bồ-tát thân cận chư Phật, có thể đạt được tám pháp tăng thượng. Những gì là tám ?

1. Giáo hóa chúng sinh thấy tướng tốt của Phật.
2. Thừa sự cúng dường nơi Như Lai.
3. Ca ngợi thắng đức của Phật trong các chúng hội.
4. Tạo lập hình tượng tưởng niệm Như Lai .
5. Khuyến hóa chúng sinh thường không rời Phật.

6. Tùy nơi chỗ đến thường nghe danh hiệu Phật.
7. Thường nguyện sinh về các cõi nước Phật.
8. Chí không khiếm nhược, ưa cầu trí Phật.

Đó là tám pháp tăng thượng.

Luận nói:

Lại còn có nghĩa lợi tăng trưởng thù thắng. Nghĩa là thừa sự nơi Phật sẽ được Bồ-đề.

Như bài kệ trong Kinh Hoa Nghiêm nói:

*Vô lượng ức ngàn kiếp,  
 Khó được nghe hiệu Phật.  
 Huống chi được thân cận,  
 Hằng đoạn các nghi hoặc.  
 Như Lai sáng thế gian,  
 Thông đạt tất cả pháp.  
 Khắp sinh phúc ba đời,  
 Khiến chúng sinh thanh tịnh.  
 Phật xuất hiện thế gian,  
 Cho đời ruộng phúc lớn.  
 Dắt dẫn khắp hàm thức,  
 Khiến được tập phúc hạnh.  
 Nếu ai cúng dường Phật,  
 Hằng khỏi sợ ác đạo.  
 Tiêu diệt tất cả khổ,  
 Thành tựu thân trí tuệ.  
 Ai gặp Lương Túc Tôn,  
 Mà phát tâm rộng lớn,  
 Người ấy thường gặp Phật,  
 Tăng trưởng sức trí tuệ.*

Kinh ấy lại nói:

*Như Lai đại từ bi,  
 Xuất hiện trên thế gian,  
 Khấp vì các quần sinh,  
 Chuyển pháp luân vô thượng.  
 Như Lai vô số kiếp,  
 Càn khổ vì chúng sinh.  
 Thế gian làm thế nào  
 Báo đền ơn Đại sư.  
 Thà trong vô lượng kiếp,  
 Chịu khổ các đường ác,  
 Quyết không bỏ Như Lai,  
 Mà cầu được xuất ly.  
 Thà ở nơi nẻo ác,  
 Thường được nghe hiệu Phật,  
 Không ở trong đường thiện,  
 Phật hiệu chẳng được nghe.  
 Vì sao nguyện ở lâu,  
 Trong tất cả đường ác ?  
 Để được thấy Như Lai,  
 Tăng trưởng sức trí tuệ.  
 Nếu được trông thấy Phật,  
 Giảm trừ tất cả khổ.  
 Có thể vào cảnh giới  
 Đại trí chư Như Lai.  
 Nếu được trông thấy Phật,  
 Liìa bỏ tất cả chướng.  
 Nuôi lớn phúc vô tận,  
 Thành tựu đạo Bồ-đề.*

Luận nói:



Thấy hình tượng trong giấy lát còn được phúc báo ấy hưởng chi đích thân thấy sắc tướng Như Lai, tin thụ Như Lai dạy bảo được phúc rất nhiều.

Như Kinh Tín Lực Nhập Ấn nói:

Văn-thù-sư-lợi ! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân có thể ở nơi Bích-chi-phật số như vi trần trong tất cả thế giới, ngày ngày đem trăm thức ăn uống ngon y phục đẹp mà cúng dường trong hà sa kiếp.

Văn-thù-sư-lợi ! Nếu lại có người có thể chiêm ngưỡng kính phụng một bức tượng Phật và các kinh điển, phúc báo này hơn trước vô lượng a-tăng-kì. Huống chi chấp tay đem một cành hoa hay một nén hương, hoặc hương xoa, hoặc thắp một ngọn đèn để cúng dường, phúc báo này hơn trước vô lượng a-tăng-kì.

Luận nói:

Đây nói về công đức của phương tiện tăng trưởng.

Như Kinh Bồ Tát Tạng nói:

Nếu ai có thể sửa sang lại tháp Phật cũ, sẽ được thanh tịnh bốn nguyện lớn:

1. Sắc tướng tối thượng không ai sánh bằng.
2. Thụ trì kinh điển tinh tiến không biếng trễ.
3. Nơi sinh ra được thấy Như Lai.
4. Thân sau được đầy đủ các tướng.

Kinh ấy lại nói:

Nếu ai có thể dùng các loại hoa thơm và các loại hương xoa cung kính cúng dường nơi tháp Như Lai lại được tám thứ không giảm:

1. Sắc tướng không giảm.
2. Thụ dụng không giảm.

3. Quyền thuộc không giảm.
4. Giới phẩm không giảm.
5. Định lực không giảm.
6. Đa văn không giảm.
7. Trí tuệ không giảm.
8. Thắng nguyện không giảm.

Lại như Kinh Bảo Tích nói:

Giả sử có chúng sinh đầy trong ba cõi, mỗi mỗi chúng sinh đều tạo tháp miếu Như Lai cao rộng như núi Tu-di-lô, trong số kiếp như cát sông Khắc-già đều dùng các thứ thượng phẩm cúng dường.

Nếu Bồ-tát dùng tâm không bỏ nhất thiết trí, đem một cành hoa phụng thí nơi tháp Phật, được phúc uẩn còn quá hơn kia.

Kinh ấy lại nói:

Giả sử có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, mỗi mỗi đều được Chuyển luân thánh vương an trụ Đại thừa, mỗi mỗi Chuyển luân vương dùng lượng như biển làm đèn, như núi Di-lô làm tim đèn, đều đem cúng dường tháp Phật.

Nếu Bồ-tát xuất gia có thể dùng một ít dầu bôi làm đuốc đem cúng dường tháp miếu Như Lai được công đức hơn thí đèn ở trước, trăm phần, ca-la phần cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần không được một.

Lại nữa, Chuyển luân thánh vương kia có thể hiện tiền trước chúng Tì-kheo của Phật dùng các nhạc cụ bố thí.

Nếu Bồ-tát xuất gia thường đi khát thực, khát thực được nếu có trông thấy thì chia ra mà cho ăn, công đức này còn hơn so với trước.

Lại nữa, Chuyển luân thánh vương kia dùng y phục ca-sa chứa nhiều như núi Tu-di có thể đem bố thí cho hiện tiền chúng Tì-kheo của Phật.

Nếu Bồ-tát xuất gia ngoài ba y có thứ dư thừa nên phụng thí cho các Ti-kheo tăng an trụ Đại thừa nơi hiện tiền chư Phật và tháp Như Lai, được phúc đức gấp bội công đức thí ở trước.

Lại nữa, Chuyển luân thánh vương kia mỗi mỗi đều đem các thứ hoa quý đầy cả Diêm-phù-đề cúng dường tháp Phật.

Nếu Bồ-tát xuất gia đem một cành hoa cúng thí tháp Như Lai còn hơn cúng dường trước, trăm phần, ca-la phần, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần không được một.

Luận nói:

Nếu nói rộng hành tướng, như Phẩm Thứ Đệ Siêu Việt nói:

Bồ-tát xuất gia kia biết như vậy rồi, nếu có thể hiện tiền cúng dường Như Lai sẽ được bốn thứ công đức hiền thiện:

1. Thường được tối thượng cung kính cúng dường.
2. Người trông thấy tùy thuận theo học.
3. Có thể làm kiên cố tâm Đại Bồ-đề.
4. Tăng trưởng thiện căn, hiện tiền được thấy ba mươi hai tướng đại tượng phu.

Lại nữa, Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn nói:

Lại nữa, Hải Ý ! Có ba pháp gọi là cúng dường thừa sự Như Lai. Những gì là ba ?

1. Phát tâm Bồ-đề không thoái chuyển.
2. Có khả năng nhiếp trì chính pháp.
3. Phát khởi đại bi đối với tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Kinh Bảo Vân nói:

Thiện nam tử ! Bồ-tát thành tựu mười pháp, ở trong thai tạng không nhiễm cấu uế. Những gì là mười ?

1. Dùng tâm tịnh tín, tạo tượng Như Lai.
2. Sửa sang các tháp miếu cũ của Phật.
3. Sơn phết bôi thoa các loại hương thơm.
4. Đem các thứ dầu thơm tắm Như Lai.
5. Quét dọn rưới nước trong tháp Phật.
6. Tự thân phụng sự cha mẹ sinh thành.
7. Tự thân cúng dường Hòa thượng A-xà-lê.
8. Thường hay cung cấp cho những người đồng tu phạm hạnh.
9. Hành thí không mong báo đáp.
10. Đem thiện căn này làm cho hữu tình ở trong thai tạng sinh ra không nhiễm cấu uế.

Thiện nam tử ! Nếu có thể đủ mười pháp như vậy thì có thể phát khởi tâm tâm tùy hỷ.

Như Kinh Bát Nhã nói:

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát an trụ Đại thừa, cần phải trước tiên phát tâm tùy hỷ. Các Bồ-tát này có thể thực hành hạnh này thì đối với Đại thừa được không thoái chuyển.

Phật nói: Kiêu-thi-ca ! Giả sử có người có thể cân đo ba ngàn đại thiên thế giới và biết được là bao nhiêu, còn công đức chư Bồ-tát phát tâm tùy hỷ đạt được không thể tính kể.

Bấy giờ thiên chủ Đế-thích bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Nếu các Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến được thành chính đẳng chính giác, trong đó đã làm vô lượng thiện căn tùy hỷ, nếu các Bồ-tát không nghe, không biết cũng không giữ lấy, phải biết người này bị ma nắm giữ.

Phật nói: Kiêu-thi-ca ! Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân muốn mau chứng được Như Lai ứng cúng chính đẳng chính giác, cần phải

phát tâm tùy hỷ nơi Đại thừa. Nhưng đối với Thanh Văn và Bích-chi-phật thừa cũng chẳng phải yêu thích cũng chẳng phải lia bỏ, mà có thể cùng chúng khởi tâm tùy hỷ. Phải biết rằng người này ở nơi sinh ra thường gặp mười điều thiện, tức có thể được cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Đối với sắc thanh hương vị xúc không thứ gì gặp mà không vừa ý, vĩnh viễn lia nẻo ác được sinh cõi trời. Sở dĩ vì sao ? Những lợi ích người này làm ra, khiến chúng sinh đều được khoái lạc. Do thiện căn này có thể khiến số người vô lượng a-tăng-kì phát tâm tùy hỷ, sẽ được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Kinh ấy lại nói:

Tu-bồ-đề ! Giả sử tất cả chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới số như cát sông Khắc-già đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, mỗi mỗi đều ở trong số kiếp như cát sông Khắc-già tu bốn thiên định, an trụ vắng lặng, lìa động loạn tưởng, nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có thể dùng phương tiện thiện xảo nhiếp thủ chỗ tu định tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến, của chư Phật trong quá khứ vị lai hiện tại, có thể nhiếp thủ sở hữu giới định tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến của Duyên Giác thừa và Thanh Văn thừa. Như vậy tập hợp cân lường tất cả các thứ thiện căn, đem tâm tôi thượng, tôi cực, tôi thắng, tôi diệu, rộng lớn vô lượng vô đẳng đẳng thảy đều tùy hỷ. Rồi lại đem thiện căn tùy hỷ đó hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Phúc đức đạt được đây, hơn công đức tu định của Bồ-tát ở trước, không thể so sánh, trăm phần, ca-la phần, cho đến ô-ba-ni-sát-đam phần không được một.

Luận nói:

Đây nói xong hạnh hồi hướng. Về công đức khuyến thỉnh, như Kinh Tối Thượng Sở Vấn nói:

Nếu có thể nhiếp thụ chính pháp tức đã hộ trì thọ mạng của Phật trong vô lượng vô số các cõi Phật.

## Phẩm 18: HỌC XỨ VỀ NGHĨ NHỚ TAM BẢO 1

Luận nói:

Nói về hạnh hiền thiện tuân tự tăng trưởng. Đây không phải do một nhân đặc biệt nào có thể đạt được. Nghĩa là thường phải tu tập trong tín v.v...

Như Kinh Bí Mật Đại Thừa nói:

Phật nói: Đại vương ! Nay Đại vương phải biết có bốn pháp, nếu có thể như lý tu hành, tức an trụ Đại thừa, hướng đến con đường thắng lợi, được thiện pháp không hư hoại. Những gì là bốn ?

Đại vương ! Một là tin có thể hướng đến con đường thắng lợi. Sao lại gọi là tin ? Bởi vì có tin nên có thể tùy thuận các thánh chủng. Cái gì không nên làm thì nhất định không làm. Hai là tôn trọng có thể hướng đến con đường thắng lợi. Vì tôn trọng cho nên lắng nghe lãnh thụ diệu pháp do thánh giả nói. Ba là không kiêu mạn có thể hướng đến con đường thắng lợi. Vì không kiêu mạn nên có thể cung kính đánh lễ tất cả thánh chúng. Bốn là tinh tiến có thể hướng đến con đường thắng lợi. Vì tinh tiến nên thân tâm đều được an ổn nhẹ nhàng, mọi thiện pháp đều được hoàn thành.

Luận nói:

Đây nói về tin, là thường tu tập như vậy. Nói riêng về tín v.v... có năm căn, như Kinh Vô Tận Ý nói: Thế nào là năm căn ? Đó là tín căn, tiến căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

Sao gọi là tín căn ? Nghĩa là nhẫn nhục sâu và ưa thích bốn pháp.

1. Ở trong sinh tử làm chính hạnh, tin nơi nghiệp báo, do tạo nghiệp nên nhất định có quả báo, cho đến mất mạng nhất định không tạo tội.

2. Tin ưa các chính hạnh của Bồ-tát, không cầu các thừa khác, không theo các kiến chấp.

3. Trong thắng nghĩa, hiểu rõ không có ngã, chúng sinh, thọ giả, Bồ-đặc-già-la. Đối với các pháp không, vô tướng, vô nguyện, có thể tin hiểu sâu. Bốn là đối với Phật công đức lực, vô úy v.v... sinh lòng tin quyết định, dứt trừ lưới nghi.

Đó là tín căn.

Sao gọi là tiền căn ? Nếu pháp tín căn thâm nhiếp pháp này thì siêng năng dũng mãnh không gián đoạn.

Đó là tiền căn.

Sao gọi là niệm căn ? Nếu pháp tiền căn tu tập pháp này thì hoàn toàn không quên mất.

Đó là niệm căn.

Sao gọi là định căn ? Nếu pháp niệm căn thâm nhiếp pháp này thì nhất tâm bất loạn.

Đó là định căn.

Sao gọi là tuệ căn ? Nếu pháp định căn thâm nhiếp pháp này thì tự quán chiếu, không liễu giải từ cái khác, từ ai khác.

Đó là tuệ căn.

Năm căn này khởi liên tục có thể viên mãn tất cả Phật pháp.

Luận nói:

Lại nữa, đối với các pháp tín, lực v.v... thường phải tu tập.

Như Kinh Bảo Kế nói:

Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ-tát lực hành thanh tịnh ? Nghĩa là đối với các căn không khiếm nhược, tất cả ác ma không thể động loạn, Thanh Văn Duyên Giác không thể thoái chuyển, tất cả phiền não không thể phá hoại mà có thể kiên cố an trụ Đại thừa, nguyện đời trước viên mãn, tâm thanh tịnh dũng mãnh, mật hộ thân căn được thanh tịnh vượt trội.

Luận nói:

Như vậy tín v.v... căn, lực, thường hay tu tập, tu hạnh từ, tăng trưởng công đức.

Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

*Trong na-do-tha ức cõi Phật,  
Sở hữu các thứ cúng dường Phật,  
Đều đem cúng dường chư Như Lai,  
Chẳng bằng tâm từ một phần ít.*

**HẾT QUYỂN 22**



**LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC**  
*( Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát )*

**QUYỂN 23**

**Phẩm 18: HỌC XỨ VỀ NGHĨ NHỚ TAM BẢO 2**

Luận nói:

Do tin v.v... cho nên có thể nghĩ nhớ công đức chư Phật.

Như Kinh Hộ Quốc Tôn Giả Sở Vấn có kệ rằng:

*Cúi đầu đánh lễ thân kim sắc,  
 Mặt như trăng rằm trong sáng sạch,  
 Công đức thánh trí khó nghĩ bàn,  
 Ở trong ba cõi khôn ai sánh.*

*Mâu-ni nhục kế sắc xanh biếc,  
 Cao rõ thanh tịnh như Tu-di.  
 Hào tướng giữa mày chiếu sáng khắp,  
 Vô kiến đánh tướng nào ai hay.*

*Như Lai mắt đẹp tựa sen xanh,  
 Như hoa Quán-na, ngọc và trắng.  
 Xót thương quán sát các hữu tình,  
 Vì vậy con nay xin kính lễ.*

*Như Lai tướng lưỡi tựa màu đồng,  
 Rộng có thể trùm kín khuôn mặt.*

*Diễn pháp cam lộ nhuận chúng sinh,  
Vị vậy con nay xin kính lễ.*

*Như Lai bốn mươi răng đều khít,  
Trắng sạch chắc chắn tựa kim cương.  
Nói lời chân thật và trong sáng,  
Vị vậy con nay xin kính lễ.*

*Như Lai sắc tướng rất đặc thù,  
Oai quang chiếu sáng trăm ngàn cõi.  
Thích, Phạm, Hộ thế và chư thiên,  
Không có nơi nào không thấy sáng.*

*Như Lai bấp đùi tựa nai chúa,  
Ngực rộng nở khỏe như sư tử,  
Cúi nhìn bước đi như voi chúa,  
Toàn cõi núi sông đều chấn động.*

*Như Lai thân tướng rất đoan nghiêm,  
Rực rỡ ánh vàng mà tươi nhuận.  
Trong các thế gian không thể sánh,  
Chúng sinh không chán thường chiêm ngưỡng.*

*Như Lai xưa kia trăm ngàn kiếp,  
Thứ gì yêu thích đều thí cho.  
Từ bi thương xót các hữu tình,  
Vị vậy con nay xin kính lễ.*

*Như Lai chí thích tu các độ:  
Giới, thí, nhẫn, tiến thật kiên cố,  
Thiền định, trí tuệ đều viên minh.  
Vị vậy con nay xin kính lễ.*

*Như Lai cất tiếng sư tử rống,  
Dũng mãnh phá sập các dị luận.*

Ba độc như bản đều trừ hết,  
 Vì vậy con nay xin kính lễ.

Mâu-ni ba nghiệp vượt ba cõi,  
 Ví như cây sen không nhuốm bùn.  
 Ca-lăng-tần-già tiếng hót hay,  
 Vì vậy con nay xin kính lễ.

Biết rõ thế gian đều ảo hóa,  
 Như kẻ diễn tuồng đổi hình sắc.  
 Cũng như sóng nắng và chiêm bao,  
 Không ngã, không nhân, không thọ giá.

Pháp vốn trống vắng, vốn không sinh,  
 Nếu không giác ngộ, thành lưu chuyển.  
 Đại từ dẫn dắt các người mê,  
 Phương tiện tùy cơ nói chính pháp.

Quán sát thế gian các khổ não,  
 Tham giận si mê đủ tật bệnh.  
 Như Lai vô thượng đại lương y,  
 Mỗi mỗi chữa trị khiến bệnh khỏi.

Cho thấy sinh, già, bệnh, chết khổ,  
 Thương yêu chia lìa, các hoạn nạn.  
 Mâu-ni cứu hộ khắp thế gian,  
 Điều khiến chán lìa đều trừ dứt.

Địa ngục, quỷ, súc đường hiểm ác,  
 Các loại hữu tình thường lưu chuyển.  
 Thương không thân thích không thầy dạy,  
 Chỉ rõ ngu mê, lên đường chính.

Quá khứ chư Phật hiện ra đời,  
 Tự tại dạy cho pháp nghĩa sâu.

*Thế Tôn ngày nay cũng như vậy,  
Là khiến chúng sinh chứng thánh đạo.*

*Tiếng Phật sâu xa quá Phạm Thiên,  
Âm vang nhuần thấm sinh phúc lành.  
Càn-thát-bà cùng Khẩn-na-la,  
Tấu lên tiếng nhạc đều không hiện.*

*Chứa nhóm thanh tịnh các công đức,  
Diễn thuyết vô biên chân thật ngữ.  
Trăm ngàn na-do-tha chúng sinh,  
Nghe rồi đều phát tâm ba thừa.*

*Nếu hay cúng dường nơi Như Lai,  
Sẽ được các hạnh phúc thắng diệu.  
Giàu sang tự tại mọi người kính,  
Sau làm đế vương ở thế gian.*

*Hoặc làm Luân vương trị bốn châu,  
Đầy đủ bảy báu đều khác lạ.  
Thường đem mười thiện lợi chúng sinh,  
Do nơi Như Lai khởi tịnh nghiệp.*

*Hoặc làm thiên chủ trời Đao-lợi,  
Hoặc vua Dạ-ma, Đố-sử-đà.  
Cho đến Tha Hóa, Đại Phạm thiên,  
Do nhân duyên cúng dường Như Lai.*

*Như vậy thấy Phật cúng dường xong,  
Và được nghe pháp sinh tin kính.  
Đều hằng đoan được các nhân khổ,  
Được chứng tịch tịnh lìa trần cấu.*

*Thế Tôn hiểu rõ, đạo phi đạo,  
Mà hay dứt dứt đều về lành.*

*Nay khiến chúng sinh được cát tường,  
Đều được an trụ nơi thánh đạo.*

*Nếu ai cầu phúc cúng dường Phật,  
Thường được kho thặng phúc vô tận.  
Trong câu-chi kiếp không thể lường,  
Cho đến sẽ chứng quả Bồ-đề.*

*Cõi nước trang nghiêm thắng vi diệu,  
Như trời Tha Hóa cực khả ái.  
Tùy theo nguyện lực được an trụ,  
Nghiep thân miệng ý, thường thanh tịnh.*

*Như vậy các thứ phúc báo tốt,  
Đều do cúng dường nơi Như Lai.  
Người này tuy ở trong thế gian,  
Mà như hưởng lạc thiên, long cung.*

*Như Lai đủ danh xưng rộng lớn,  
Tất cả các cõi đều nghe biết.  
Thường ở trong vô biên đại chúng,  
Mười phương chư Phật đều ngợi khen.*

*Hằng lia các nhiệt não thế gian,  
Hiện thị đại bi không sánh ví.  
Tối thượng tịch tĩnh Nhân Trong Tôn,  
Vì vậy con nay xin kính lễ.*

*Con nay đạt được năm thần thông,  
Trụ giữa hư không tán thán Phật.  
Kính lay đáng đạo sư dừng mãi,  
Phân biệt các pháp sạch không nhơ.*

*Nay chốn trời người đại tập hội,  
Ca ngợi công đức đáng Thiên Thệ.*

*Có ruộng phúc tốt thật rộng lớn,  
Đều cho chúng sinh thành chính giác.*

Lại nữa, như Kinh Pháp Tập nói:

Lại nữa, thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn đủ phúc trí lớn để trang nghiêm, đem từ bi lớn làm phương tiện thực hành, làm kẻ cứu hộ trong các thế gian, làm vị đại y vương khéo nhỏ mũi tên độc, thường trụ trong Tam-ma-địa vắng lặng, không bám trụ nơi sinh tử cũng như Niết-bàn, cho đến đối với các hữu tình như bậc cha mẹ, đem tâm đại từ thương yêu bình đẳng tất cả thế gian không ai hơn thế, dùng trí tương ưng chiếu sáng cho đời, được hữu tình đại trí mến mộ, tất cả nhân dân thường ưa thừa sự. Xa lìa sự vui thú riêng mình, dứt trừ khổ cho người khác, nắm giữ chính pháp, lấy pháp làm chủ, được tự tại đối với pháp, lấy pháp làm thức nuôi sống, lấy pháp làm thuốc thang, đem pháp bố thí, tất cả đều xả bỏ. Dùng trí lựa chọn, thường không phóng túng, làm chiếc cầu ở nơi hiểm nạn, như đường vua đi bằng phẳng không chướng ngại. Cho đến sắc thân thanh tịnh, người trông thấy chiêm ngưỡng không chán. Chư Phật Thế Tôn có những công đức vô lượng như vậy, ta phải thành tựu các thứ nghĩa lợi ấy.

Đó gọi là Bồ-tát nghĩ nhớ Phật.

Sao gọi là nghĩ nhớ pháp ? Bồ-tát hiểu rõ công đức vô biên của chư Phật Thế Tôn đều từ pháp sinh, từ pháp hóa, từ pháp được, từ pháp tăng thượng, từ pháp mà có, từ pháp làm cảnh giới, từ pháp nương tựa, từ pháp thành tựu. Cho đến tất cả hạnh phúc thế gian xuất thế gian cũng từ pháp sinh, từ pháp thành tựu. Cho nên ta cầu Bồ-đề của chư Phật thì phải tôn trọng pháp, dựa vào cảnh giới của pháp, quay về nương tựa pháp, nương vào pháp quyết định, nương vào pháp mà kiên cố, y theo pháp mà tu hành.

Nói như vậy là Bồ-tát nghĩ nhớ pháp.

Lại nữa, Bồ-tát đối với các chúng sinh phải bình đẳng mà thuyết pháp, vì pháp không có cao thấp. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp không vì ngoài mặt mà nói, bởi pháp không có bè đảng. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp không vì thời tiết mà nói, bởi pháp là nội tâm lãnh thụ. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp chẳng phải vì kẻ hơn mà nói, vì người kém mà không nói, bởi pháp đều có thể liễu giải ngộ nhập. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp không phải vì người thanh tịnh mà nói, không phải vì người không thanh tịnh mà không nói, bởi vì pháp lia nhiệm ô. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Lại nữa pháp chẳng phải vì thánh nhân mà nói, còn với phàm phu thì không nói, bởi pháp lia các kiến chấp. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp chẳng phải nói ban ngày mà không nói ban đêm, cũng chẳng phải nói ban đêm mà không nói ban ngày, bởi pháp thường được gia trì. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp chẳng phải điều phục cũng không trái vượt, bởi pháp không chấp thủ chấp trước. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp chẳng phải giảm mất cũng chẳng tăng thêm, bởi pháp như hư không. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp không chán chúng sinh, chúng sinh có thể hộ pháp. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp chẳng tìm cầu chỗ quy về mà làm chỗ quy về nương tựa cho đời. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp không tổn não, bởi pháp lia tướng tổn hại. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp không oán hận tạt đổ, bởi pháp lia các kết sử. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy.

Pháp chẳng phải sợ luân hồi cũng chẳng ham thích Niết-bàn, bởi pháp không phân biệt. Nên tâm ta bình đẳng đồng với pháp ấy. Bò-tát tích tập chính niệm như vậy, gọi là nghĩ nhớ pháp.

Sao gọi là nghĩ nhớ tăng ? Trong đây lại nói tăng là người thuyết pháp, là người thực hành pháp, là người tư duy pháp, là người làm pháp phúc điền, là người nắm giữ pháp, là người y chỉ pháp, là người cúng dường pháp, là người làm đúng như pháp, là người làm cảnh giới pháp, là người hành xứ pháp, là người thành tựu pháp, là người tự tính chân chất ngay thẳng, là người tự tính thanh tịnh, là người tùy thuận dạy dỗ, là người phát khởi đại bi, là người có thể lựa chọn cảnh giới trí, là người thường tu thiện pháp thanh tịnh.

Luận nói:

Bò-tát nghĩ nhớ tăng như vậy tức có thể hoàn thành công đức chân thật cho tất cả chúng sinh.

Như Kinh Vô Cấu Xứng có kệ rằng:

*Thị hiện già bệnh chết,  
Thành tựu các quả sinh.  
Biết rõ như ảo hóa,  
Thông suốt không trở ngại.*

*Hoặc hiện kiếp hỏa thiêu,  
Đất trời đều trống rỗng.  
Người đời tưởng là thường,  
Chiếu đây biết vô thường.*

*Vô số ức chúng sinh,  
Đều đến thỉnh Bò-tát,  
Xin một lần đến nhà,  
Dạy khiến đến đạo Phật.*



*Kinh thư, cấm, chú, thuật,  
Các kỹ nghệ công xảo,  
Đều hiện các làm việc,  
Giúp ích các quần sinh.*

*Các đạo pháp thế gian,  
Đều ở trong xuất gia,  
Vì để giải nghi hoặc  
Mà không đọa tà kiến.*

*Hoặc làm Nhật Nguyệt Thiên,  
Phạm vương, Thế giới chủ,  
Có khi làm địa, thủy,  
Rồi hoặc làm hỏa, phong.*

*Trong kiếp có dịch bệnh,  
Hiện làm các dược thảo.  
Nếu như có người uống,  
Trừ bệnh tiêu các độc.*

*Trong kiếp có nạn đói,  
Hiện các thứ ẩm thực,  
Trước cứu người đói khát,  
Sau nói pháp cho nghe.*

*Trong kiếp có giặc giã,  
Vì đó khởi từ bi,  
Dạy các chúng sinh kia,  
Thôi không đánh nhau nữa.*

*Nếu có trận chiến lớn,  
Hai bên ngang sức nhau,  
Bồ-tát hiện thế mạnh,  
Hàng phục khiến hòa giải.*

Trong tất cả các nước,  
Các cõi có địa ngục,  
Liên đi qua nơi đó,  
Giúp khỏi các khổ não.

Trong tất cả các nước,  
Súc sinh ăn thịt nhau,  
Đều hiện sinh nơi đó,  
Vì chúng làm lợi ích.

Thị hiện hưởng ngũ dục,  
Cũng thị hiện hành thiên,  
Khiến tâm ma rối loạn,  
Chẳng biết thật hay giả.

Trong lửa hóa hoa sen,  
Được gọi là hi hữu,  
Tại dục mà hành thiên,  
Cũng hi hữu như vậy.

Hoặc hiện làm dân nữ,  
Lôi kéo kẻ háo sắc,  
Trước dùng dục dắt đi,  
Sau khiến vào trí Phật.

Hoặc làm người chủ ấp,  
Hoặc làm người chủ buôn,  
Quốc sư và đại thần,  
Để hộ giúp chúng sinh.

Có các người nghèo khổ,  
Hiện kho tàng vô tận,  
Nhân đó mà khuyến hóa,  
Khiến phát tâm Bồ-đề.

Người chấp ngã kiêu ngạo,  
Thì hiện đại lực sĩ,  
Diệt trừ các tự cao,  
Đem về đạo vô thượng.

Nếu dám đông sợ hãi,  
Ở trước xoa dịu chúng,  
Trước tiên làm hết sợ,  
Sau khiến phát đạo tâm.

Hoặc hiện lừa dâm dục,  
Làm tiên có thần thông,  
Dắt dẫn các quần sinh,  
An trụ giới, nhẫn, từ.

Thấy ai làm cúng thí,  
Hiện làm bé sai vặt,  
Để cho kia vui vẻ,  
Mà phát khởi đạo tâm.

Tùy theo kia cần dùng,  
Được vào trong Phật đạo.  
Dùng sức phương tiện tốt,  
Khiến cung cấp đầy đủ.

Như vậy đạo vô lượng,  
Tu hành không bờ bến.  
Trí tuệ không biên giới,  
Độ thoát vô số chúng.

Giả sử tất cả Phật,  
Trong vô số ức kiếp,  
Ca ngợi công đức kia,  
Cũng không thể hết được.

Về công đức cúng dường Bồ-tát tu tập, như bài kệ trong Kinh Bảo Quang Minh Đà La Ni nói:

*Chuỗi tràng trang nghiêm phóng ánh sáng,  
Vi diệu chuỗi tràng như biển mây,  
Như vậy chuỗi tràng khắp nơi nơi,  
Cúng dường rộng rãi làm Phật sự.*

*Hương thơm trang nghiêm phóng ánh sáng,  
Vi diệu hương thơm như biển mây,  
Như vậy hương thơm đều khắp giáp,  
Cúng dường rộng rãi làm Phật sự.*

*Bông hoa trang nghiêm phóng ánh sáng,  
Bông hoa vi diệu như biển mây,  
Bông hoa như vậy đều khắp giáp,  
Cúng dường rộng rãi làm Phật sự.*

*Anh lạc trang nghiêm phóng ánh sáng,  
Anh lạc vi diệu như biển mây,  
Anh lạc như vậy đều cùng khắp,  
Cúng dường rộng rãi làm Phật sự.*

*Phóng ánh sáng lớn hiện cò báu,  
Xanh vàng đỏ trắng sắc xen nhau,  
Các thứ châu báu cùng hợp lại,  
Dùng để trang nghiêm nơi cõi Phật.*

*Ma-ni ngọc báu màu ánh chiếu,  
Treo các tràng phan cùng lọng báu,  
Rũ tua anh lạc diễn pháp âm,  
Trang nghiêm che pháp tòa Như Lai.*

*Nơi một Như Lai mở cúng dường,  
Trong tay phụng thí trang nghiêm cụ.*

*Vô lượng chư Phật cũng đồng nhau,  
Tự tại biến hiện Tam-ma-địa.*

*Thần thông trí lực thật khó lường,  
Rộng làm lợi lạc các hàm thức,  
Tối thượng thần biến Tam-ma-địa,  
Mà hiện trăm ngàn phương tiện môn.*

*Nơi các Như Lai: Cúng dường môn.*

*Tất cả năng xả: Bồ thí môn.*

*Đỗ-đa công đức: Trì giới môn.*

*Vô tận bất động: Nhẫn nhục môn.*

*Siêng tu dũng mãnh: Tinh tiến môn.*

*An trụ tịch tĩnh: Thiền định môn.*

*Đạt các nghĩa thú: Thắng tuệ môn.*

*Tịnh tu Phạm hạnh: Thần thông môn.*

*Hành bốn nhiếp sự: Hoan hỷ môn.*

*Tích tập phúc trí: Lợi tha môn.*

*Bốn đế, Duyên sinh: Giải thoát môn.*

*Tu tập căn, lực: Thắng đạo môn.*

*Ngộ Thanh Văn thừa: Giải thoát môn.*

*Quán Duyên Giác thừa: Thanh tịnh môn.*

*Tu tối thượng thừa: Thần biến môn.*

*Hoặc hiện vô thường: Khổ não môn.*

*Hiểu rõ vô ngã: Thọ giả môn.*

*Tu bất tịnh quán: Ly tham môn.*

*Chứng chân thường lạc: Tam-muội môn.*

*Như vậy các thứ phương tiện môn,*

*Bình đẳng cùng khắp các chúng sinh,*

*Đều hay chứng được Giải thoát môn.*

*Hiện các hình loại ứng các cơ,*

Thân thông thuyết pháp khó nghĩ bàn,  
 Tùy thuận thành thực các hữu tình,  
 Đều sinh ái kính đều an lạc.  
 Thường nghĩ thoát ly nhân thế gian,  
 Cầu chứng thanh tịnh Tam-ma-địa.  
 Khi cơ cảm người lâm nạn đói,  
 Tùy theo cấp đủ mọi nhu cầu.  
 Rộng hay thương xót các hữu tình,  
 Lìa các âu lo thường an ổn.  
 Cùng với thượng diệu thức uống ăn,  
 Các thứ y phục các kho tàng.  
 Quốc thành sủng ái có thể mất,  
 Nên hành đại thí cho thế gian.  
 Hoặc hiện thân tướng rất đặc thù,  
 Các thứ trang nghiêm đủ uy thế,  
 Hương xoa, cùng với hoa tràng đẹp,  
 Ngụy nga sắc tướng chẳng ai bì.  
 Như vậy hình sắc và oai nghi,  
 Ai nấy thấy rồi thích chiêm ngưỡng.  
 Rồi làm phương tiện diễn pháp âm,  
 Khiến khắp quần sinh phát đạo tâm.  
 Hoặc hiện tiếng Ca-lăng-tần-già,  
 Câu-kế-la và tiếng Câu-noa,  
 Cùng tiếng trống của Khẩn-na-la,  
 Đều diễn Như Lai nghĩa giải thoát.  
 Phật hiện thế gian vì nói pháp,  
 Tám muôn bốn ngàn chân pháp tạng.  
 Như vậy phân biệt các pháp môn,  
 Đều làm lợi ích cho chúng sinh.  
 Hoặc hiện hạnh phúc hay khổ não,

Và làm nghĩa lợi, phi nghĩa lợi,  
Tùy nghi dắt dẫn khiến phát tâm,  
Đều hay cho chúng đồng tu học.  
Hoặc thấy chướng nạn các nguy ách,  
Các thứ bức bách khó chịu nổi,  
Phải đem dừng cảm tâm đại bi,  
Thay chúng sinh kia chịu các khổ.  
Nếu ở nơi không pháp giải thoát,  
Cũng không A-lan-nhã xuất ly,  
Dùng phúc lực vua hưng chính pháp,  
Khiến cho tất cả tịnh tín sinh.  
Nếu lìa tại gia tham ái buộc,  
Đó là siêu vượt nhân thế gian.  
Ở nơi dục cảnh tận tiêu trừ,  
Chính vì thế gian người chiếu sáng.  
Nếu hay đầy đủ các công đức,  
Tức là hành pháp đại trọng phu.  
Mâu-ni diệu hạnh đều tu tập,  
Là người sẽ sinh nước Cực Lạc.  
Thọ mạng dài lâu không cùng tận,  
Hưởng phúc diệu lạc hết các mê.  
Sinh già bệnh khổ không xâm phạm,  
Ở trong vô thường được tự tại.  
Hiển thị tham sân các lỗi lầm,  
Hùng hực đốt cháy không thôi nghi.  
Như vậy bốn tướng đều như thế,  
Khiến khắp quần mê được giác ngộ.  
Như Lai mười lực, bốn vô úy,  
Mười tám không chung, các công đức,  
Con nay xưng tán nguyện quy y,  
Thường ở thế gian làm nghĩa lợi.

*Ví như các nhà ảo thuật gia,  
 Thường hay biến hóa các hình tướng,  
 Như Lai xuất hiện ở thế gian,  
 Thần thông hóa hiện cũng như vậy.  
 Hay dùng quyền xảo các phương tiện,  
 Rộng làm lợi ích các hữu tình.  
 Thanh tịnh ý lạc khó nghĩ bàn,  
 Ví như hoa sen không nhiễm đục.*

*Hoặc hiện hý luận các ngôn từ,  
 Anh lạc trang nghiêm cùng vũ kỹ,  
 Các thứ nghệ thuật cho chúng xem,  
 Rõ ràng sắc tướng đều như huyễn.*

*Hoặc làm thôn trưởng hoặc già làng,  
 Hoặc làm trưởng giả, hoặc thương nhân,  
 Hoặc làm tế tướng hoặc đại thần,  
 Biện luận ai bì người đại trí.*

*Hoặc nơi đông hoang làm đại thụ,  
 Hoặc làm vô tận kho châu báu,  
 Ngọc Ma-ni như ý sở cầu,  
 Với kẻ lạc đường làm hướng dẫn.*

*Hoặc hiện ra làm các công việc,  
 Các thứ thù thù và công xảo,  
 Kinh doanh trồng trọt cạnh tranh nhau,  
 Khiến rõ thế gian không vĩnh cửu.*

*Hoặc hiện oán thân không yêu ghét,  
 Điều khiến an ổn được tốt lành.  
 Hiểu rõ nghề thuốc giúp quần sinh,  
 Phương tiện dạy người về Phật đạo.*

*Hoặc diễn tối thượng pháp Mâu-ni,  
 Khiến khắp nhân thiên là hoặc, si,*



*Khiến người xuất gia nơi đạo khác,  
Phát tâm quay về nhất thiết trí.*

*Như vậy khổ hạnh các ngoại đạo,  
Thường giữ im lặng, Kiêu-đáp-ma,  
Lỗa hình ly hệ thành Sa-môn,  
Đều phụng hành theo điều Phật dạy.*

*Hoặc kẻ thường làm nghiệp xấu thân,  
Chấp là tối thượng chẳng gì hơn,  
Kết tóc để dài, Đồng tử giới,  
Đều hay tuân phụng theo Phật dạy.*

*Hoặc năm thứ nóng chích vào thân,  
Hoặc thụ cảm giới bò và chó,  
Hoặc thường ăn mặc áo da nai,  
Đều hay tuân phụng theo Phật dạy.*

*Hoặc thường ưa chuộng thiên trung trí,  
Không thiện không ác cũng không nhân,  
Chỉ dùng củ quả nước suối trong,  
Đều hay tuân phụng theo Phật dạy.*

*Có người ngồi xồm, đứng co chân,  
Hoặc nằm trên gai, trên bùn tro,  
Chống gậy chịu tang tâm chẳng đổi,  
Đều hay tuân phụng theo Phật dạy.*

*Cho đến mỗi mỗi các ngoại đạo,  
Chúng giới chịu đựng các khổ hạnh.  
Dạy khiến vĩnh đoạn các nhân khổ,  
Đem hết thâm tâm cầu giải thoát.*

*Như vậy thế gian các dị kiến,  
Đều do nương tựa nơi Phật dạy.*

*Ta nay tiếp nhận đám tà kia,  
Khai thị Như Lai nghĩa chân thật.*

*Hoặc diễn Đại thừa câu vi diệu,  
Hoặc tuyên bí mật câu chân ngôn,  
Hoặc hiện nói thẳng câu hiển giáo,  
Hoặc nói bằng câu ngôn ngữ thuận.*

*Hoặc dùng văn tự câu phân biệt,  
Quyết định diệu nghĩa câu Kim cương,  
Dùng trí dẹp tan câu dị luận,  
Vứt bỏ phi pháp câu ngôn luận.*

*Hoặc cho người thấy câu minh chú,  
Hoặc hiện chư thiên câu thẳng diệu,  
Thiên long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà,  
A-tô-la và câu Bộ-đa.*

*Khẩn-na-la cùng Nga-lô-noa,  
Ma-hầu-la-già ... các câu nói,  
Đều hay hiểu được ngôn ngữ kia,  
Giảng nói Như Lai pháp giải thoát.*

*Vì do ngộ được nghĩa chân thật,  
Ở trong Phật pháp tâm quyết định.  
Ngôn ngữ trí cảnh thật khó lường,  
Đây là tối thượng Tam-ma-địa.*

*Vì do đạt được Tam-ma-địa,  
Mà hay phóng được tịnh quang minh.  
Ánh sáng nhiếp hóa các cơ nghi,  
Khiến được khinh an thường tịch tĩnh.*

*Hoặc phóng ánh sáng tên thiện hiện,  
Chúng sinh nhờ đó khởi tín tâm,*

*Đều hay quán sát các nhân lành,  
Đầy đủ bất không vô thượng trí.*

*Do ánh sáng đây khắp chiếu rọi,  
Được thấy vô biên Phật pháp tăng.  
Tháp miếu Như Lai các linh tích,  
Mỗi mỗi xưng tán phụng cúng dường.*

*Lại phóng ánh sáng tên thắng đấng,  
Ánh sáng rực rỡ không thể sánh,  
Vì muốn nghiêm tịnh nơi thế gian,  
Phá hết vi trần các hắc ám.*

*Ánh sáng chiếu rọi chúng sinh rọi,  
Mỗi mỗi cầm đèn dâng cúng Phật.  
Cúng dường Như Lai không nghĩ bàn,  
Lại dùng các đèn mà cúng thí.*

*Hoặc dùng đèn bơ hay đèn dầu,  
Hoặc dùng nhựa thông và tre, lau,  
Cho đến các đèn hương thơm báu,  
Cúng rọi nguyện được Phật thụ ký.*

*Lại phóng ánh sáng tên câu triệu,  
Đều hay cảnh giác các hữu tình,  
Do đây dạy dỗ các quần mê,  
Giải thoát luân hồi biển ái hữu.*

*Như vậy từ quang khắp chiếu rọi,  
Đều khiến chúng sinh được khai ngộ,  
Sẽ khiến hàng là bốn dòng thác,  
Hiện trừ ưu não thường an lạc.*

### HẾT QUYỂN 23

## LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### QUYỂN 24

#### Phẩm 18: HỌC XỨ VỀ NGHĨ NHỚ TAM BẢO 3

*Đường sá sông ngòi nơi các cõi,  
Hay xây dựng cầu, tạo thuyền bè,  
Khấp vì lợi lạc các chúng sinh,  
Xưng tán tịch tĩnh khiến hoan hỷ.*

*Phóng ánh sáng tên trừ khát ái,  
Ánh sáng giác ngộ các hàm thức,  
Khiến chúng xả lìa nơi ngũ dục,  
Chuyên cầu giải thoát pháp sâu mầu.  
Hay dùng mưa cam lồ của Phật,  
Diệt khắp thế gian các khát ái.  
Thí cho ao giếng và dòng suối,  
Siêng cầu vô thượng đạo Bồ-đề.  
Chê bai ngũ dục khen thiên định,  
Nên ánh sáng tên trừ khát ái.*

*Phóng ánh sáng lớn tên tác ái,  
Ánh sáng giác ngộ các chúng sinh,  
Người gặp khiến mộ Phật Bồ-đề,  
Phát tâm nguyện chúng vô sư trí.*

Tạo lập Như Lai đại bi tượng,  
 Các tướng trang nghiêm trên tòa sen,  
 Thường khen công đức Phật tối thắng,  
 Nên ánh sáng này tên tác ái.

Phóng ánh sáng lớn tên hân lạc,  
 Ánh sáng giác ngộ các chúng sinh,  
 Khiến tâm ưa thích nơi chư Phật,  
 Và dùng pháp lạc vui chúng tăng.  
 Hiện trong thánh hội các Như Lai,  
 Đạt thành vô sinh pháp nhẫn sâu.  
 Khai ngộ chúng sinh không số lượng,  
 Khiến khắp niệm Phật pháp tăng bảo.  
 Và cũng phát tâm làm công đức,  
 Nên ánh sáng này tên hân lạc.

Phóng ánh sáng lớn tên phúc tụ,  
 Ánh sáng giác ngộ các chúng sinh,  
 Khiến chúng tu tập các bố thí,  
 Lấy đó nguyện cầu đạo vô thượng.  
 Mở đại thí hội không giới hạn,  
 Các người đến xin đều thỏa mãn,  
 Không thấy trong tâm còn thiếu thốn,  
 Nên ánh sáng này tên phúc tụ.

Phóng ánh sáng lớn tên đủ trí,  
 Ánh sáng giác ngộ các chúng sinh.  
 Nơi một pháp môn hiểu nhiều pháp,  
 Trong nhiều pháp môn sát-na hiểu.  
 Vì các chúng sinh phân biệt nói,  
 Quyết định hiểu rõ nghĩa chân thật.  
 Khéo hay rộng nói không tổn giảm,  
 Nên ánh sáng này tên đủ trí.

Phóng ánh sáng lớn tên đèn tuệ,  
 Ánh sáng giác ngộ các chúng sinh,  
 Khiến biết chúng sinh tính không tịch,  
 Tất cả các pháp không sở hữu.  
 Pháp không chủ tớ, bản lai không,  
 Ảo thuật, sóng nắng, trăng trong nước,  
 Như cảnh chiêm bao và hình bóng,  
 Nên ánh sáng này tên đèn tuệ.

Phóng ánh sáng tên pháp tự tại,  
 Ánh sáng giác ngộ các chúng sinh.  
 Khiến được vô tận Đà-la-ni,  
 Hộ trì tất cả tạng Như Lai.  
 Cung kính cúng dường người trì pháp,  
 Hầu hạ bảo hộ như chư tiên.  
 Đem các thứ pháp thí chúng sinh,  
 Nên ánh sáng tên pháp tự tại.

Phóng ánh sáng lớn tên xả hết,  
 Ánh sáng giác ngộ chúng xan tham.  
 Khiến biết của cải đều vô thường,  
 Ưa làm bố thí không lẫn tiếc.  
 Khéo hay điều phục tính keo kiệt,  
 Của cải như mộng, như phù vân,  
 Tăng trưởng huệ thí tâm thanh tịnh,  
 Nên ánh sáng này tên xả hết.

Phóng ánh sáng lớn tên trừ nhiệt,  
 Ánh sáng giác ngộ người phá cấm.  
 Khiến được an trụ giới thanh tịnh,  
 Phát tâm nguyện chứng trí vô sư.  
 Khuyến khích chúng sinh đều gìn giữ,  
 Mười thiện nghiệp đạo thường thanh tịnh.

Lại còn khuyến phát tâm Bồ-đề,  
Nên ánh sáng này tên trừ nhiệt.

Phóng ánh sáng lớn tên nhẫn nghiêm,  
Ánh sáng giác ngộ người nóng giận.  
Khiến trừ giận dữ và ngã mạn,  
Ưu tu nhẫn nhục thường nhu hòa,  
Chúng sinh bạo ác khó tu nhẫn,  
Vì Bồ-đề nên tâm bất động.  
Ca ngợi công đức nhẫn trên hết,  
Nên ánh sáng này tên nhẫn nghiêm.

Phóng ánh sáng lớn tên cần dũng,  
Ánh sáng giác ngộ người biếng nhác.  
Khiến họ thường ở nơi Tam Bảo,  
Cung kính cúng dường không mệt mỏi.  
Nếu họ thường ở nơi Tam Bảo,  
Cung kính cúng dường không mệt mỏi,  
Thì vượt khỏi được bốn cảnh ma,  
Mau thành vô thượng Phật Bồ-đề.  
Khuyến các chúng sinh phát tinh tiến,  
Thường nơi Tam Bảo vui cúng dường,  
Khi pháp gần diệt chuyên hộ trì,  
Nên ánh sáng này tên cần dũng.

Phóng ánh sáng lớn tên tịch tĩnh,  
Ánh sáng giác ngộ người loạn tâm.  
Khiến họ xa lìa tham sân si,  
Tâm không dao động nương chính định.  
Lìa bỏ tất cả ác tri thức,  
Nói năng vô nghĩa, hành tạp nhiễm.  
Ca ngợi thiền định A-lan-nhã,  
Nên ánh sáng này tên tịch tĩnh.

Phóng ánh sáng lớn tên tuệ nghiêm,  
 Ánh sáng giác ngộ người ngu mê.  
 Khiến chứng giác ngộ lý duyên khởi,  
 Các căn trí tuệ đều thông suốt.  
 Nếu chứng giác ngộ lý duyên khởi,  
 Các căn trí tuệ đều thông suốt  
 Thì được mặt trời Tam-ma-địa,  
 Trí tuệ quang minh thành Phật quả.  
 Của cải bao nhiêu đều bỏ được,  
 Vì Bồ-đề nên cầu chính pháp.  
 Nghe rồi vì chúng rộng diễn giảng,  
 Nên ánh sáng này tên tuệ nghiêm.

Phóng ánh sáng lớn tên Phật tuệ,  
 Ánh sáng giác ngộ các hàm thức.  
 Khiến thấy vô lượng trăm ngàn Phật,  
 Đều ngồi trên bảo tọa hoa sen.  
 Khen Phật oai đức và giải thoát,  
 Nói Phật tự tại các thần thông.  
 Hiện thị Phật lực thật khó lường,  
 Nên ánh sáng này tên Phật tuệ.

Phóng ánh sáng lớn tên vô úy,  
 Ánh sáng chạm đến trừ sợ hãi.  
 Chẳng ai đánh khảo hay bắt trói,  
 Tất cả tai nạn đều tan biến.  
 Với các chúng sinh thí vô úy,  
 Gặp các nạn hại đều chấm dứt.  
 Cứu giúp người cô đơn ách nạn,  
 Nên ánh sáng này tên vô úy.

Phóng ánh sáng lớn tên an ổn,  
 Ánh sáng chiếu đến người tật bệnh.



Khiến các đau khổ tận tiêu trừ,  
 Đều được vui Thắng định Tam-muội.  
 Thí cho thuốc hay cứu các bệnh,  
 Tuổi thọ dài lâu thân tỏa hương.  
 Trong tay tự hiện các ẩm thực,  
 Nên ánh sáng này tên an ổn.

Phóng ánh sáng lớn tên thấy Phật,  
 Ánh sáng giác ngộ người sắp chết.  
 Tùy theo nghĩ nhớ thấy Như Lai,  
 Mạng chung được sinh về cõi Tịnh.  
 Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật,  
 Lại bày tôn tượng khiến chiêm bái,  
 Khiến nơi có Phật sinh quy ngưỡng,  
 Nên ánh sáng này tên thấy Phật.

Phóng ánh sáng lớn tên vui pháp,  
 Ánh sáng giác ngộ các quần sinh.  
 Khiến với chính pháp thường ưa thích,  
 Lắng nghe, đọc tụng và biên chép.  
 Khi pháp sắp tận hay diễn thuyết,  
 Khiến người cầu pháp tâm sung mãn.  
 Với pháp yêu thích khuyên tu tập,  
 Nên ánh sáng này tên vui pháp.

Phóng ánh sáng lớn tên diệu âm,  
 Ánh sáng khai ngộ các Bồ-tát.  
 Khiến trong ba cõi có nghe tiếng,  
 Thì đó đều là tiếng Như Lai.  
 Dùng âm thanh lớn xưng tán Phật,  
 Cúng thí chuông linh các âm nhạc.  
 Khiến khắp thế gian nghe tiếng Phật,  
 Nên ánh sáng này tên diệu âm.

Phóng ánh sáng lớn tên cam lộ,  
 Ánh sáng khai ngộ các chúng sinh.  
 Khiến bỏ tất cả hạnh phóng dật,  
 Tu tập đầy đủ các công đức.  
 Biết pháp hữu vi không an ổn,  
 Chứa đầy vô lượng các khổ não.  
 Thường ưa ca ngợi hạnh tịch diệt,  
 Nên ánh sáng này tên cam lộ.

Phóng ánh sáng lớn tên tối thắng,  
 Ánh sáng khai ngộ các chúng sinh.  
 Khiến nơi có Phật khắp thấy nghe,  
 Giới định trí tuệ pháp tăng thượng.  
 Thường ưa xưng tán Đại Mâu-ni,  
 Thắng giới, thắng định và thắng tuệ.  
 Như vậy vì cầu đạo vô thượng,  
 Nên ánh sáng này tên tối thắng.

Phóng ánh sáng lớn tên bảo nghiêm,  
 Ánh sáng giác ngộ các quần sinh.  
 Khiến được kho báu không cùng tận,  
 Mà đem cúng dường chư Như Lai.  
 Đem các thứ châu báu thượng diệu,  
 Cúng thí nơi Phật và tháp Phật.  
 Và cũng thí cho người nghèo thiếu,  
 Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên hương nghiêm,  
 Ánh sáng giác ngộ các chúng sinh.  
 Khiến ai nghe được lòng vui thích,  
 Quyết định sẽ thành công đức Phật.  
 Hương quý trời người đem trang sức,  
 Cúng dường đáng tối thắng cao tột.

Cũng đem tạo tháp và tượng Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn diệu trang nghiêm,  
Phước dài lộng báu nhiều vô số.  
Đốt hương tung hoa diễn tấu nhạc,  
Trong ngoài thành áp đều đầy đủ.  
Bởi đem các thứ âm nhạc hay,  
Cùng với hương hoa và phước lộng,  
Các thứ trang nghiêm cúng dường Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên nghiêm tịnh,  
Khiến đất bằng phẳng như bàn tay.  
Trang nghiêm tháp Phật và nơi đó,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên mây lớn,  
Phủ kín bầu trời mưa nước thơm.  
Dùng nước thơm này rưới tháp Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên nghiêm cụ,  
Khiến kẻ lỏa lồ có áo tốt,  
Thí cho áo tốt để che thân,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên vị ngon,  
Khiến người đói khát được no đủ.  
Dùng các thịnh soạn mà thí cho,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên thắng tài,  
Khiến người nghèo thiếu được kho báu.  
Dùng vật vô tận thí Tam Bảo,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

*Phóng ánh sáng lớn tên tịnh nhãn,  
Khiến người mù lòa trông thấy sắc.  
Dùng đèn cúng Phật và tháp Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

*Phóng ánh sáng lớn tên tịnh nhĩ,  
Khiến người tai điếc được nghe rõ.  
Tấu nhạc cúng Phật và tháp Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

*Phóng ánh sáng lớn tên tịnh tỷ,  
Hương chưa được nghe đều nghe được.  
Dùng hương cúng Phật và tháp Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

*Phóng ánh sáng lớn tên tịnh thiệt,  
Trừ lời thô ác và bất thiện.  
Do dùng tiếng hay khen ngợi Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

*Phóng ánh sáng lớn tên tịnh thân,  
Khiến người thiếu căn được đầy đủ.  
Đem thân lễ Phật và tháp Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

*Phóng ánh sáng lớn tên tịnh ý,  
Khiến người mất niệm được chính niệm.  
Do tu Tam-muội sức tự tại,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

*Phóng ánh sáng lớn tên tịnh sắc,  
Diệu tướng khó nghĩ đều khiến thấy.  
Hoa đẹp cúng Phật và tháp Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

Phóng ánh sáng lớn tên tịnh thanh,  
Quán thanh duyên khởi như tiếng vang.  
Biết rõ tính thanh bản lai không,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên tịnh hương,  
Khiến các xú uế đều sạch thơm.  
Nước thơm tắm Phật và tháp Phật,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên tịnh vị,  
Trừ được tất cả vị trúng độc.  
Thường cúng Phật tăng và cha mẹ,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên tịnh xúc,  
Hay khiến cứng ráp thành mềm dịu,  
Giáo, gương, thương, kích đồ như mưa,  
Đều khiến biến thành tràng hoa đẹp.  
Bởi xưa từng ở trên đường đi,  
Xoa hương rải hoa trái y phục,  
Nghinh đón Như Lai bước đi qua,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

Phóng ánh sáng lớn tên tịnh pháp,  
Hay khiến trên thân lỗ chân lông,  
Đều diễn pháp môn khó nghĩ bàn,  
Người nghe đều vui mong giải thoát.  
Tự tính vô sinh, từ duyên khởi,  
Pháp tính thường trú như hư không.  
Hiểu rõ Phật thân tức pháp thân,  
Cho nên thành được ánh sáng này.

*Như vậy các thứ quang minh môn,  
Như số vi trần không thể lượng.  
Đều từ Như Lai mao khổng phát,  
Ra làm các việc đều sai biệt.*

*Như một mao khổng phát ánh sáng,  
Do như hư không số vi trần.  
Tất cả mao khổng đều như vậy,  
Đó là Như Lai sức Tam-muội.*

*Như chỗ tu tập các công đức,  
Tùy theo túc duyên đồng Phạm hạnh.  
Nay phóng quang minh nên như vậy,  
Đó là Như Lai trí tự tại.*

*Xưa kia đồng tu nghiệp thắng phúc,  
Hay sinh ái lạc đều tùy hỷ.  
Ngày nay ra làm cũng như vậy,  
Cho nên thành được ánh sáng này.*

*Nếu ai tự tu các phúc nghiệp,  
Thường hay cúng dường nơi chư Phật.  
Lại nơi Phật đức thường cần cầu,  
Do ánh sáng này được khai giác.*

*Như mù bầm sinh không thấy sáng,  
Chẳng phải thế gian không mặt trời.  
Những người sáng mắt đều thấy biết,  
Đều tùy công việc mà ra làm.*

*Đại sĩ sáng suốt cũng như vậy,  
Người có trí tuệ thấy đều thấy.  
Phàm phu tà kiến người kém hiểu,  
Với ánh sáng này không thấy đâu.*

Ma-ni cung điện và xe kiệu,  
 Bảo vật hương thơm dùng trang sức.  
 Đủ các thắng phúc đều tự nhiên,  
 Chẳng phải không đức được hưởng thụ.

Đại sĩ sáng suốt cũng như vậy,  
 Người có trí sâu đều mong chiếu.  
 Tà tín, kém hiểu với người ngu,  
 Không được ánh sáng này chiếu tới.

Nếu ai nghe được ánh sáng này,  
 Mà sinh thanh tịnh hiểu tin sâu.  
 Hằng đoạn tất cả các lưới nghi,  
 Mau thành vô thượng công đức tràng.

Lại hiện tối thượng Tam-ma-địa,  
 Quyến thuộc trang nghiêm đều tự tại.  
 Mười phương tất cả trong cõi nước,  
 Phật tử chúng hội đều vây quanh.

Có hoa sen đẹp sáng trang nghiêm,  
 Sánh bằng ba ngàn đại thiên giới.  
 Sắc thân đoan tọa đều đầy khắp,  
 Hiện sức thân thông Tam-muội này.

Lại có mười cõi, số vi trần,  
 Hoa sen báu đẹp dùng trang sức.  
 Các Phật tử đều trụ ở trong,  
 Đó là thần lực Tam-muội này.

Đời trước thành tựu nhân duyên lành,  
 Tu hành đầy đủ công đức Phật.  
 Như vậy được chúng hội vây quanh,  
 Đồng chấp tay cung kính chiêm ngưỡng.

Trong thân đồng tử nhập Tam-muội,  
 Nơi thân tráng niên từ định khởi.  
 Trong thân tráng niên nhập Tam-muội,  
 Nơi thân lão niên từ định khởi.  
 Trong thân lão niên nhập Tam-muội,  
 Thân cận sự nữ từ định khởi.  
 Thân cận sự nữ nhập Tam-muội,  
 Thân cận sự nam từ định khởi.  
 Thân cận sự nam nhập Tam-muội,  
 Thân Tì-kheo-ni từ định khởi.  
 Thân Tì-kheo-ni nhập Tam-muội,  
 Nơi thân Tì-kheo từ định khởi.  
 Trong thân Tì-kheo nhập Tam-muội,  
 Thân học vô học từ định khởi.  
 Thân học vô học nhập Tam-muội,  
 Nơi thân Duyên Giác từ định khởi.  
 Trong thân Duyên Giác nhập Tam-muội,  
 Hiện thân Như Lai từ định khởi.  
 Trong thân Như Lai nhập Tam-muội,  
 Nơi thân chư thiên từ định khởi.  
 Trong thân chư thiên nhập Tam-muội,  
 Nơi thân đại long từ định khởi.  
 Trong thân đại long nhập Tam-muội,  
 Nơi thân Dạ-xoa từ định khởi.  
 Trong thân Dạ-xoa nhập Tam-muội,  
 Nơi thân Bộ-đa từ định khởi.  
 Trong thân Bộ-đa nhập Tam-muội,  
 Trong một mao khổng từ định khởi.  
 Trong một mao khổng nhập Tam-muội,  
 Tất cả mao khổng từ định khởi.



Tất cả mao không nhập Tam-muội,  
Đầu một sợi lông từ định khởi.  
Đầu một sợi lông nhập Tam-muội,  
Đầu tất cả tóc từ định khởi.  
Đầu tất cả tóc nhập Tam-muội,  
Trong một vi trần từ định khởi.  
Trong một vi trần nhập Tam-muội,  
Trong một vi trần từ định khởi.  
Nơi tất cả trần nhập Tam-muội,  
Trong tất cả trần từ định khởi.  
Trong tất cả trần nhập Tam-muội,  
Nơi Kim cương tế từ định khởi.  
Trong Kim cương tế nhập Tam-muội,  
Nơi ma-ni bảo từ định khởi.  
Nếu ma-ni bảo nhập Tam-muội,  
Trong ánh sáng Phật từ định khởi.  
Nếu trong Phật quang nhập Tam-muội,  
Ở trong thủy đại từ định khởi.  
Nếu trong thủy đại nhập Tam-muội,  
Ở trong hỏa đại từ định khởi.  
Nếu trong hỏa đại nhập Tam-muội,  
Ở nơi phong đại từ định khởi.  
Nếu trong phong đại nhập Tam-muội,  
Ở trong địa đại từ định khởi.  
Nếu trong địa đại nhập Tam-muội,  
Nơi cung điện trời từ định khởi.  
Nếu cung điện trời nhập Tam-muội,  
Nơi không khởi định tâm chẳng loạn.  
Gọi là giải thoát không nghĩ bàn,  
Công đức tự tại Tam-ma-địa.

Mười phương tất cả chư Như Lai,  
 Nơi vô lượng kiếp nói không hết.  
 Tất cả Như Lai cùng tuyên thuyết,  
 Nghiệp báo chúng sinh rỗng biển hóa.  
 Chư Phật tự tại thần thông lớn,  
 Và sức nhập định không nghĩ bàn.

Thanh Văn tâm trụ tám giải thoát,  
 Có thể một thân hiện nhiều thân.  
 Lại lấy nhiều thân làm một thân,  
 Ở trong hư không nhập hỏa định.  
 Kia không đầy đủ đại từ bi,  
 Không vì chúng sinh cầu Phật đạo.  
 Còn hiện hóa được không nghĩ bàn,  
 Huống chi bậc nhiều ích rộng lớn.

Ví như nhật nguyệt đạo hư không,  
 Ánh sáng chiếu khắp mười phương xứ.  
 Nước trong suối ao các đồ đựng,  
 Báu vật nơi sông biển đều hiện.  
 Sắc tượng Bồ-tát cũng như thế,  
 Mười phương hiện khắp không nghĩ bàn.  
 Đều do sức Tam-muội tự tại,  
 Chỉ có Như Lai năng hiện chứng.

Trong biển có thần tên Thiện Âm,  
 Âm kia khắp thuận biển chúng sinh.  
 Bao nhiêu ngôn ngữ đều hiểu rõ,  
 Khiến cho tất cả đều hoan hỷ.  
 Thần ấy có đủ tham sân si,  
 Mà còn hiểu được những gì nói.  
 Huống chi sức tổng trì tự tại,  
 Mà không làm chúng sinh hoan hỷ.

Như ảo thuật gia giỏi ảo thuật,  
Hóa hiện bao nhiêu thứ xảo thuật.  
Giấy lát hiện làm vàng nhật nguyệt,  
Thành áp tốt tươi rất an lạc.  
Ảo thuật gia đủ tham sân si,  
Mà còn mua vui cho thế gian.  
Huống chi các thiên định giải thoát,  
Mà không làm chúng được hoan hỷ.

La-hầu, A-tu-la biến hiện,  
Đạp biển kim cương mà đứng vững.  
Nước biển tuy sâu chìm nửa thân,  
Ngảng cổ cao bằng núi Tu-di.  
Chúng có tham dục sân nhuế si,  
Còn hay hiện được đại thân biến.  
Huống hàng ma đền chiếu thế gian,  
Mà không sức oai thần tự tại.

Khi trời chiến đấu cùng Tu-la,  
Thần lực Đế-thích được tự tại.  
Tùy theo số lượng các quân binh,  
Hiện thân khiến kia không địch nổi.  
Các A-tu-la liền suy nghĩ,  
Thích-đề-hoàn-nhân mà đến đây,  
Ất bắt thân ta năm thứ trời,  
Do đó bọn chúng đều lo sợ.

Đế-thích hiện thân có ngàn mắt,  
Tay cầm kim cương phát lửa mạnh.  
Mặc giáp cầm trượng đủ oai nghiêm,  
Tu-la xa thấy đều lui trốn.  
Kia do chút ít phúc lực thôi,  
Còn phá dẹp được oán địch lớn.

*Hướng là người cứu độ tất cả,  
 Lễ đâu công đức chẳng tự tại.  
 Như gió nổi mây đổ mưa lớn,  
 Cũng dứt diệt được các khí mây.  
 Cũng thành thực được bao lúa má,  
 Cũng an lạc được các quần sinh.  
 Kia chẳng hay học Ba-la-mật,  
 Cũng không học các công đức Phật.  
 Còn làm được việc không nghĩ bàn,  
 Hướng chi người đầy đủ các nguyện.*

Luận nói:

Những gì chư Bồ-tát làm đều vì lợi lạc các chúng sinh, nên từ đây nói rõ thêm về nhân tăng trưởng phúc.

Như Kinh Bảo Vân có kệ rằng:

*Nếu các Bồ-tát,  
 Nghiêm trì hương hoa,  
 Phụng hiến Như Lai,  
 Và tháp miếu Phật.  
 Lấy đây hồi hướng,  
 Nguyện các chúng sinh,  
 Là như phá giới,  
 Được giới hương Phật.  
 Nếu các Bồ-tát,  
 Dùng nước thơm sạch,  
 Rưới quét thoa đất,  
 Lấy đây hồi hướng,  
 Nguyện các chúng sinh,  
 Là oai nghi xấu,*

*Tu các pháp lành,  
Chỉnh đốn viên mãn.*

*Nếu các Bồ-tát,  
Nghiêm trì lọng hoa,  
Mà đem phụng cúng,  
Lấy đây hồi hướng,  
Nguyện các chúng sinh,  
Lìa nóng phiền não.*

*Nếu vào Già-lam,  
Phát tâm như vậy:  
Khiến các chúng sinh,  
Vào thành Niết-bàn.*

*Khi ra Già-lam,  
Phát tâm như vậy:  
Nguyện khiến chúng sinh,  
Vượt ngục sinh tử.*

*Khi mở cửa sổ,  
Phát tâm như vậy:  
Nguyện khiến chúng sinh,  
Mở cửa thánh trí.*

*Khi đóng cửa sổ,  
Phát tâm như vậy:  
Nguyện khiến chúng sinh,  
Đóng cửa ác thú.*

*Nếu khi an tọa,  
Phát tâm như vậy:  
Nguyện khiến chúng sinh,  
Ngồi Bồ-đề tràng.*

Nếu khi nằm thì  
 Phát tâm như vậy:  
 Nguyện khiến chúng sinh,  
 An trụ Niết-bàn.

Nếu khi nằm dậy,  
 Phát tâm như vậy:  
 Nguyện khiến chúng sinh,  
 Là chúng trời cõi.

Đi đại tiểu tiện,  
 Phát tâm như vậy:  
 Nguyện khiến chúng sinh,  
 Đến đường đại giác.

Khi đại tiểu tiện,  
 Phát tâm như vậy:  
 Nguyện khiến chúng sinh,  
 Nhỏ bỏ ba độc.

Nếu khi gảy tịnh,  
 Phát tâm như vậy:  
 Nguyện khiến chúng sinh,  
 Rửa bản phiền não.

Nếu khi rửa tay,  
 Phát tâm như vậy:  
 Nguyện khiến chúng sinh,  
 Là nghiệp uế trước.

Nếu khi rửa chân,  
 Phát tâm như vậy:  
 Nguyện khiến chúng sinh,  
 Là chúng bụi trần.

*Tước tâm xĩa răng,  
Phát tâm như vậy:  
Nguyện khiến chúng sinh,  
Bỏ các cấu nhiễm.*

*Lại nữa Bồ-tát,  
Nếu thân ra làm  
Tất cả thiện nghiệp,  
Đem dùng hồi hướng  
Lợi ích an lạc  
Tất cả chúng sinh.*

*Nếu lễ Như Lai  
Và tháp miếu Phật,  
Phát tâm như vậy:  
Nguyện khiến chúng sinh,  
Thường được trời người  
Cung kính đánh lễ.*

## HẾT QUYỂN 24

## **LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC** ( *Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát* )

### **QUYỂN 25**

#### **Phẩm 18: HỌC XỨ VỀ NGHĨ NHỚ TAM BẢO 4**

Luận nói:

Nghĩa là các Bồ-tát hoặc do nhân duyên gặp các nạn, phải chính niệm đối trị không sinh sợ hãi.

Như Kinh Bát Nhã nói:

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát gặp phải tai nạn thú dữ không sinh sợ hãi buồn rầu.

Bởi vì sao ? Bồ-tát này liền suy nghĩ: Ta phải vì lợi ích chúng sinh mà bỏ tất cả. Nếu các thú dữ muốn ăn thịt ta, ta thí cho chúng sẽ mau được viên mãn hạnh thí Ba-la-mật. Nguyên khi ta thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cõi nước được thanh tịnh không còn nghe tên thú dữ trùng độc.

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong nạn oán tặc không sinh sợ hãi sầu não.

Bởi vì sao ? Là Bồ-tát nếu mình có thứ gì đều có thể bỏ, nên liền suy nghĩ: Nếu giặc cướp đến cần thứ gì ta sẽ cho. Cho đến cướp lấy mạng ta, thân ngữ ý nghiệp cũng không sân hận, sẽ mau viên



mãn giới Ba-la-mật, và đầy đủ nhãn Ba-la-mật. Nguyên ta khi thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cõi nước được thanh tịnh không còn nghe tên oán tặc như vậy.

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đang bị nạn khát nước cũng không sợ.

Bởi vì sao ? Là Bồ-tát chỉ được pháp lợi ích không lo rầu, liền suy nghĩ rằng: Ta nay sẽ vì chúng sinh nói rõ pháp yếu, để đoạn trừ khát ái. Giả sử thân ta bị cảnh khát ép ngặt đến chết, thì đời sau khởi tâm đại bi than cho chúng sinh này phúc đức mỏng manh, nên trở lại sinh trong nạn thiếu nước uống này, khiến tu chính hạnh đầy đủ thắng tuệ, mà có thể viên mãn tinh tiến Ba-la-mật-đa. Nguyên ta về sau khi được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cõi nước được thanh tịnh không còn nghe tên khát thiếu nước uống, trong đó chúng sinh đầy đủ phúc đức, tự nhiên có được nước tám công đức.

Lại nữa, Xá-lợi tử ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong nạn đói không sinh sợ sệt.

Bởi vì sao ? Là Bồ-tát mặc áo giáp tinh tiến, kiên cố không giải đãi, nên suy nghĩ như thế này: Nay đây chúng sinh đang bị nạn đói thật rất thương xót. Nguyên ta khi thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cõi nước sẽ không có tên nạn đói, các chúng sinh được hóa độ sẽ vui thích an ổn, hạnh phúc tự nhiên như trời Đao-lợi, tất cả muốn gì tùy tâm liền có, thọ mạng bền vững an trụ tịch tĩnh.

Luận nói:

Làm như vậy tức có thể tăng trưởng rộng lớn nhân phúc của cảnh giới cao tốt. Cũng đồng như có nói trong Kinh Thanh Tịnh: Nếu dùng pháp thí mà không sinh tâm mong đợi sẽ được phúc báo tốt. Xem Kinh Thâm Tâm Giáo Giới, nếu ai không mong cầu tiếng tăm tài lợi có thể pháp thí, sẽ được hai mươi thứ công đức từ tâm:

1. An trụ chính niệm.
2. Có thể sinh giác ngộ.
3. Phát hướng đến thắng đạo.
4. Tự giữ gìn được các thiện.
5. Tăng trưởng tuệ mạng.
6. Đạt được trí xuất thế.
7. Trừ lỗi lầm của tham.
8. Trừ lỗi lầm của sân.
9. Trừ lỗi lầm của si.
10. Ma không thể tùy tiện.
11. Chư Phật gia trì.
12. Chư thiên bảo hộ, nhan sắc đẹp đẽ.
13. Phi nhân, bần ác không được tùy tiện.
14. Thường được thiện hữu tri thức kính ái.
15. Nói lời chân thật.
16. Không bị sợ hãi.
17. Ý thường vui vẻ.
18. Tiếng khen đồn khắp.
19. Nhớ rõ không quên.
20. Thường ưa pháp thí.

Đó gọi là công đức của từ tâm.

Lại nữa, Kinh Bát Nhã nói:

Lại nữa A-nan ! Nếu người Thanh Văn đem pháp Thanh Văn khắp vì ba ngàn đại thiên thế giới tất cả chúng sinh diễn nói như chỗ đã chứng đều khiến đạt được quả A-la-hán.

A-nan ! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đem các cú nghĩa tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật-đa, vì tất cả chúng sinh khai thị diễn nói, công đức

quá hơn ba ngàn đại thiên thế giới tất cả chúng sinh chứng A-la-hán ở trước.

Lại nữa, công đức bồ thí trì giới các A-la-hán kia tích tập, ý ông nghĩ sao, có nhiều chăng ?

A-nan bạch rằng: Rất nhiều, thưa Thế Tôn. Rất nhiều, thưa đáng Thiện Thệ.

Phật nói: A-nan ! Phúc ấy tuy nhiều nhưng không bằng Bồ-tát đem pháp môn tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật-đa này vì người diễn nói, phúc này hơn kia.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát với pháp môn rất sâu của Bát-nhã Ba-la-mật-đa này, có thể khéo vì người phân biệt tuyên thuyết trong một ngày, cho đến một giờ, một khắc, một giây lát.

A-nan ! Bồ-tát kia pháp thí như vậy, không thể đem thiện căn của Thanh Văn Duyên Giác mà tỉ du so sánh được.

Bởi vì sao ? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát kia đã được không thoái chuyển nơi A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, lại dùng pháp bồ thí.

Như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có kệ rằng:

*Bồ-tát có khi  
Vào trong tịnh thất,  
Dùng chính ức niệm,  
Tùy nghĩa quán pháp.  
Bồ-tát thường ưa  
Thuyết pháp an ổn,  
Nơi chỗ thanh tịnh,  
Mà mở sàng tòa,  
Dùng dầu xoa mình,  
Tắm gội sạch sẽ,  
Mặc áo sạch mới,*

Trong ngoài đều sạch,  
 Ngồi yên pháp tọa,  
 Tùy hỏi mà nói.  
 Nếu có Tì-kheo,  
 Và Tì-kheo-ni,  
 Trừ ý biếng nhác,  
 Bỏ tưởng mỗi mết,  
 Lià các lo rầu,  
 Từ tâm thuyết pháp.  
 Ngày đêm thường nói,  
 Đạo giáo vô thượng,  
 Dùng các nhân duyên,  
 Vô lượng thí dụ,  
 Khai thị chúng sinh,  
 Đều được hoan hỷ.  
 Y phục đồ nằm,  
 Ăn uống thuốc thang,  
 Mà trong các thứ,  
 Chẳng chút mong cầu,  
 Chỉ một tâm niệm,  
 Nhân duyên thuyết pháp,  
 Nguyên thành Phật đạo.  
 Khiến chúng cũng vậy,  
 Đó là lợi lớn,  
 Cúng dường an lạc.

Kinh ấy lại nói:

Do thuận theo pháp nên không nhiều không ít, cho đến người rất mến pháp cũng không vì thế mà nói nhiều.

Lại nữa, Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

Nếu kỳ túc thừa hỏi,  
 Muốn cầu xin pháp thí.  
 Trước nên nói kia rằng:  
 Sở học tôi không rộng.  
 Rồi lại nói thế này:  
 Tôn giả rất thông tuệ,  
 Lễ nào trước đại đức,  
 Tôi đâu dám nói phô.  
 Khi nói chớ sáng sót,  
 Biết chọn khí, phi khí,  
 Đã thăm định căn cơ,  
 Thì không hỏi cũng nói.  
 Nếu ở trong đại chúng,  
 Thấy có người phá giới,  
 Chớ nên khen trì giới,  
 Nên khen hạnh bố thí.  
 Nếu thấy người thiếu dục,  
 Với trì giới tương ưng,  
 Thì khởi tâm đại bi,  
 Khen thiếu dục, trì giới.  
 Được bạn bè tốt rồi  
 Mới nên khen trì giới.

Luận nói:

Như vậy pháp sư phải tắm gội mặc áo sạch mới lấy tâm từ tu thân, vì chúng mà diễn nói. Tất cả các ma sẽ không được tùy tiện.

Kinh Hải Ý có Đà-la-ni như sau:

(Phiên âm Hán Việt: )

Đát tha thiết di thiết ma phược để thiết di đa thiết đót lỗ áng cổ  
 lí ma la để cát la nị chỉ du lí ô yết phược để ô hô cát dã để vĩ du đà nễ

*nễ lí ma lê ma la bát na duệ ô khát lí khát lỗ nga la tế bát la tát nễ hệ  
mục khế a mục khế thiết duệ đa nễ tát lí phược đát la nga la hạ mãm  
đà na nễ khát lí hệ đa tát lí phược ba la bát la phược nhĩ na vĩ mục  
ngật đa ma la bá xá tất tha tất đa một đà mẩu nại la tam mẩu nại già  
để đa tát lí phược ma la a đô lê đa bát nại bát lí thú vĩ nga sa để tát  
lí phược ma la cát lí ma ni.*

( Phiên âm Phạn: )

*Tadyatyā, same, samavati, śamitaśatru, añkure, manñkure,  
mārajite, karāṭe, keyūre, oghavati, ohokayati, viśaṭhanirmale,  
malāpanaye, okhare, kharograse, grasane, hemukhī, parāñmukhī,  
śamitāni sarvagrahābandhanāni, nigrhītāḥ sar vaparapravādināḥ,  
vimuktā mārāpāsāḥ, sthāpitā buddhamudrāḥ samudghātītāḥ  
sarvamārāḥ, acalitapadapariśuddhyā vigacchanti sarvamārakarmāṇi.*

Pháp sư thuyết pháp ấy trì tụng chân ngôn này xong ngòi nơi pháp  
toạ quán sát khắp trong chúng hội, vận tâm từ rộng lớn, ngay nơi thân  
mình khởi tưởng như y vương, tưởng pháp như thuốc, tưởng người  
nghe pháp như bệnh nhân. Đối với chư Như Lai khởi tưởng chính sĩ.  
Đối với chính pháp nhãn khởi tưởng cứu trụ. Do chân ngôn này hiện  
tiền tác pháp, vì nói pháp chính lý. Bấy giờ chu vi trong khoảng một  
trăm do-tuần, các thiên ma không thể đến làm các việc ma. Giả sử các  
ma vương đến pháp hội cũng không thể gây chướng nạn.

Luận nói:

Như vậy pháp thí bình đẳng có thể tăng trưởng tâm Đại Bồ-đề.

Như Kinh Bảo Khiếp nói:

Văn-thù-sư-lợi ! Ví như rừng cây nhánh lá tốt tươi đều do bốn  
đại mà được sinh trưởng.

Văn-thù-sư-lợi ! Cũng vậy, Bồ-tát dùng các thứ pháp môn tập  
hợp các thiện căn, tất cả đều thâm giữ trong tâm Bồ-đề. Đối với nhất  
thiết trí, lấy hồi hướng Bồ-đề làm tăng trưởng.

Luận nói:

Nếu các Bồ-tát muốn hiển thị một cách rộng lớn cảnh giới tu học Phật, trước tiên phải an trụ chính niệm chính tri. Như vậy tức có thể thành tựu chính đoạn và không phóng dật. Nghĩa là do phát khởi niềm vui tinh tiến mà phòng hộ, không khởi các pháp ác bất thiện chưa sinh. Các pháp ác bất thiện đã sinh, thì có thể vĩnh đoạn khiến thanh tịnh. Thiện pháp chưa sinh thì khiến phát khởi, thiện pháp đã sinh lại làm tăng trưởng thêm. Thường an trụ trong pháp không phóng dật, là căn bản trong các thiện pháp.

Như Kinh Nguyệt Đăng có kệ rằng:

*Như ta đã nói các thiện pháp,  
Là giới, văn, xả và nhẫn nhục,  
Lấy không phóng dật làm căn bản.  
Đó là Thiện Thệ tối thắng tài.*

Sao gọi là phóng dật ? Nghĩa là đối với tà giáo và bạn bè xấu, do theo đuổi tìm cầu mà sinh ra. Như người bung thuốc cho vua uống, thuốc đựng đầy trong đồ đựng, lại đi qua đoạn đường hiểm trơn trượt. Phải biết người này lo sợ biết chừng nào làm sao dám phóng dật ?

Như Kinh Như Lai Bí Mật nói:

Sao gọi là không phóng dật ? Nghĩa là có thể trước hết giữ các căn điều hòa, mắt thấy sắc v.v... không thủ lấy hình tướng, không đắm trước vẻ đẹp. Cũng như vậy cho đến ý đối với pháp cũng thế. Hiểu biết như vậy rồi thì đều không thủ trước, không sinh nhiễm ái, thường cầu xuất ly.

Lại nữa, đối với tự tâm khéo điều phục rồi, cũng có thể tùy ứng mà nhiếp hộ cho tâm người khác, khéo có thể làm chấm dứt phiền não nhiễm ái cho người. Đó gọi là không phóng dật. Nếu ai tin hiểu pháp không phóng dật tức có thể tùy thuận các việc tinh tiến, cũng tích tập công đức tịnh tín. Do tu tịnh tín và pháp tinh tiến không

phóng dật, tức có thể tu tập chính niệm chính tri. Do chính niệm chính tri nên không hư hoại mất tất cả pháp Bồ-đề phần. Nếu ai đầy đủ tịnh tín, không phóng dật, tinh tiến, chính niệm, chính tri, thì có thể siêng tu pháp thâm sâu bền vững. Bồ-tát nếu hiểu rõ đối với pháp thâm sâu bền vững, có thể giác liễu như thật đối với hữu đối với vô, cho đến trong thế tục để nói nhân v.v... là thật có.

Kinh ấy có kệ rằng:

*Thường không phóng dật: pháp cam lồ.  
Lợi chúng sinh: phát tâm Bồ-đề.  
Sâu vững, vắng lặng: tâm cũng vậy.  
Căn bản thú vui: không chấp thủ.*

Luận nói:

Nếu có thể tích tập các hành tương ưng, tức đối với mình với người được tăng trưởng thắng phúc. Ở đây có bài tụng rằng:

*Học tự tha bình đẳng,  
Kiên cố tâm Bồ-đề.  
Đối tự thành đối tha,  
Đắp đời không có thật.  
  
Như đứng bên bờ kia,  
Do đây thành đối đãi.  
Kia đã bỏ lại không,  
Tính ta làm gì có ?  
  
Không phòng hộ cái khổ,  
Thì bị khổ đeo bám.  
Như vậy người tu pháp,  
Làm sao không phòng hộ ?  
  
Khởi tà vọng phân biệt,  
Chấp ngã cho là thường.*



*Nếu ngã vốn như vậy  
Sao hiện có sinh diệt ?  
Kia nếu như có sinh,  
Vì ai tu phúc nghiệp,  
Kinh doanh cầu tài lợi,  
Và hưởng thụ khoái lạc ?  
Hiện thấy thân yếu già,  
Không lâu rồi chết mất.  
Lại sinh làm ấu nhi,  
Đồng niên rồi niên thiếu.  
Trong từng mỗi sát-na,  
Chóng tàn rồi biến mất.  
Chỗ nào gọi là thân ?  
Móng, tóc đều tan rã.  
Thức trước gá thai mẹ,  
Sinh ra là hài nhi.  
Tuổi xanh rồi suy lão,  
Cuối cùng là nắm tro.  
Đây nói thân tự tính,  
Phần vị giả an bài.  
Rốt cuộc chẳng có chi,  
Hình tướng nào sống mãi.  
Lại nữa tám thân này,  
Không nói cũng tự biết.  
Vì tướng khác đổi thay,  
Nghĩ kỹ, ta nào có.  
Do phần vị hòa hợp,  
Thế tục hiển hiện ra.*

*Trong chính lý của Phật,  
Tùy tương ưng mà đoạn.*

*Nếu kia không có thức,  
Thì không thể thiết lập,  
Cũng không tham sân si,  
Làm sao có công đức ?*

*Ngoài chín thứ thế gian,  
Mỗi mỗi có ba thứ,  
Không thức và chỗ nương,  
Làm sao sinh lạc thú ?*

*Chỗ nương chẳng lạc thú,  
Đó là từ nhân sinh,  
Lạc thú chỗ nương sinh  
Tướng ấy chưa hề có.*

*Cho nên chính giáo lý  
Nói các hành vô thường,  
Hiện chứng và tư duy,  
Do nhân duyên hòa hợp.*

*Thấy quyền thuộc của mình,  
Sao nói là thường có,  
Tìm kiếm khắp nơi nơi,  
Một mảy may chẳng thấy .*

*Như cây đèn dầu hết,  
Biết dầu đó đi đâu ?  
Quán sát như vậy rồi,  
Sát-na không dừng trụ.*

*Tụ hợp các quyền thuộc,  
Trang sức bao nhiêu lớp,*

Vọng chấp là ta có,  
Nào biết là ai vui.

Biết rõ chúng sinh kia,  
Không gì tích tập được,  
Tự tha đã có khác,  
Vội khổ cũng không được.

Như vậy không tương ưng,  
Người, ta, nơi nào có,  
Nếu mình có khả năng,  
Nên thường thường khai thị.

Thế gian các chúng sinh,  
Nhiều khổ thường bức bách,  
Phải khởi tâm đại bi,  
Vì chúng nên thương xót.

Khéo quán sát như vậy,  
Bình đẳng mà cứu độ,  
Dẫn phải vào A-tì,  
Như ngỗng lội ao sen.

Vì muốn các hữu tình,  
Thường ở biển hoan hỷ,  
Tự không vui giải thoát,  
Cứu chúng sinh không chán.

Làm lợi ích vậy rồi,  
Mà chẳng sinh ý lại,  
Cũng không chút mỏi mệt,  
Không mong cầu quả báo.

Nếu mười phương phúc tu,  
Người, mình chắc sẽ được,

*Không sinh tâm đố kỵ,  
Người vui như mình vui.*

*Nếu lại mình và người,  
Đồng tu pháp sám hối,  
Khuyến thỉnh Phật Thế Tôn,  
Và tùy hỷ phúc nghiệp.*

*Làm hồi hướng như vậy,  
Bình đẳng không phân biệt,  
Tùy theo phúc mà thí,  
Vô tận cõi chúng sinh.*

*Bồ-tát tu hạnh này,  
Thì làm nhiều lợi ích,  
Tăng trưởng tâm đại bi,  
Được an ổn cùng tốt.*

*Được cầm chày kim cương,  
Thường theo Phật Thế Tôn,  
Làm công việc hộ trì,  
Chúng ma đều khiếp sợ.*

*Là con của pháp vương,  
Chư thiên đều ngợi khen,  
Đi xe Bồ-đề tâm,  
Dạo khắp các đường tốt.*

*Chúng sinh khéo tu tập,  
Dứt trừ khổ tự tha,  
Nên ta không đả trước,  
Tất cả đều phải xả.*

*Ai bị ái trói buộc,  
Thì khổ cực vô cùng.*

*Phiền não từ đó sinh,  
Tổn hoại luống hồi hận.*

*Lửa khô đốt chúng sinh,  
Đốt cháy khắp tất cả,  
Dưới đến chi tiết nhỏ,  
Với ta chút nào vui.*

*Là nhất thiết ngã ái,  
Là gốc khổ đệ nhất.  
Đốt cháy sạch chẳng còn,  
Vì lợi các hàm thức.*

*Vui vợ con quyến thuộc,  
Cuối cùng đều vất bỏ,  
Tư duy nhân duyên sinh,  
Với thân cũng không ái.*

*Những ai có đủ trí,  
Hai thứ kia nên bỏ,  
Biết rõ thân và tâm,  
Sát-na sai biệt khởi.*

*Là thường không có thường,  
Ly cấu vốn vô cấu,  
Tự chứng đắc Bồ-đề,  
Kia cũng thành chính giác.*

*Chẳng nghĩ dùng thế pháp,  
Làm lợi ích chúng sinh,  
Pháp dược và Phật tượng,  
Như vậy ta nên thí.*

*Dùng tuệ tự lựa chọn,  
Làm các việc tương ưng,*

Gìn giữ của cải mình,  
Tích tụ để ban phát.  
Hoặc thân mình thân người,  
Hoặc ít khổ nhiều khổ,  
Như vậy đều khiến được,  
Các hạnh phúc thượng diệu.  
Chúng sinh nơi cảnh dục,  
Phòng hộ chướng não sinh,  
Như rắn ở trong hang,  
Khiến rớt ráo thanh tịnh.  
Cũng giống như ruộng tốt,  
Thành thực các lúa má,  
Trừ được khổ đói kém,  
Đầy đủ các phúc báo.  
Nếu ai không xa lìa,  
Danh lợi và ngũ dục,  
Nói năng không thành thật,  
Vớ họ không nên giận.  
Họ đã mất tự lợi,  
Nhẫn, giận họ ích chi,  
Như vậy không sinh giận,  
Là không dứt lợi tha.  
Khéo hành nhẫn chân thật,  
Như xạ tự có hương,  
Của mình, người xâm phạm,  
Lại gặp tay thợ săn.  
Dùng phương tiện tư duy,  
Khoái lạc không chủ tế,

*Mình đã chẳng thụ dụng,  
Kia sao không dạy bảo ?*

*Như vậy Phật tử kia,  
Mỗi niệm trừ phiền não,  
Rõ cảnh giới các căn,  
Ví như ung nhọt lớn.*

*Nghĩ người giận dữ kia,  
Vi lợi ích dạy bày.  
Tự tính lia điều nhu,  
Ở khổ, vui sao được ?*

*Lại năm đại chủng kia,  
Chỉ cưỡng ép gọi tên.  
Cho đến trụ hữu tình  
Đều thành việc nghĩa lợi.*

*Lợi sinh, không lười biếng  
Thì không tạo các ác,  
Nên ta khuyên tu tập  
Sáu cõi không suy não.*

*Đến rốt ráo hư không,  
Và thế gian biên giới,  
Ta ở lợi chúng sinh,  
Khiến trí tâm thành thực.*

*Thân làm A-xà-lê,  
Khéo học lia các khổ,  
Không hỏi năng lực mình,  
Chỗ nào chẳng phòng hộ ?*

*Nếu tự tạo khổ não,  
Do đâu sinh sợ hãi,*

Theo thầy mình biết rõ,  
Ngã mạn các lỗi lầm.  
Trụ cảnh giới đại bi,  
Không tham lam quả báo.  
Thường gần gũi tu học,  
Bình đẳng nào có ngã.  
Kẻ mù kiến, si, dối,  
Bước đi nhiều sai lạc,  
Hoặc rơi nơi đường hiểm,  
Tự tha thường lo rầu.  
Vì tìm kiếm kia nên,  
Cùng nạn mà cứu hộ,  
Như vậy hành tương ưng,  
Thì thấy công đức lớn.  
Lỗi lầm ta không ít,  
Nó sâu như biển lớn,  
Nếu tự tha lại tạo,  
Làm sao được giải thoát ?  
Nếu kia khéo dạy dỗ,  
Xấu hổ các lỗi lầm,  
Thường cúi nhận dạy bảo,  
Tất cả đều phải học.  
Nghe kia oán sinh sợ,  
Chớ nói cho ai biết,  
Kia và ta như nhau,  
Kia vui, đây không thẹn.  
Các phiền não oán địch,  
Mình ta chiến đấu được,



Nếu ở trong tâm này,  
Tổn hoại, không an ổn.

Quy mạng Quán Tự Tại,  
Đại bi khôn sánh ví,  
Tóc xanh vấn xoắn ốc,  
Rồi làm tràng thả rủ.

Trong mười phương cõi nước,  
Ngón tay tuôn biển sữa,  
Cứu địa ngục quý thú,  
Các thống khổ luân hồi.

Lại các chúng sinh thiện,  
Cũng tâm thanh cứu hộ,  
Bà-trĩ A-tu-la,  
Được thoát các oán hại.

Rất tối thắng trang nghiêm,  
Đời chưa từng trông thấy,  
Ngu trí các hữu tình,  
Chiêm ngưỡng được mừng vui.

Rồi lại cung kính lễ,  
Đại sĩ Diệu Cát Tường,  
Tập hợp kho chính pháp,  
Năng lợi lạc thế gian.

Đại y vương khôn sánh,  
Khéo tiêu các độc nạn,  
Cho vui và thọ mạng,  
Nên con nay kính lễ.

Vô biên khổ nóng bức,  
Hiện rộng lớn suối trong,

*Khiến tâm sinh vui thích,  
Sẽ trừ được khát ái.*

*Các thế giới mười phương,  
Đều hiện Kiếp-ba-la,  
Chúng sinh cầu thỏa mãn,  
Khấp hiện mắt sen xanh,*

*Vô lượng các Bồ-tát,  
Xưng tán đến rợn người.  
Quy mạng đức Văn-thù,  
Tối thắng chẳng ai kịp.*

*Tất cả hi hữu hạnh Bồ-tát.  
Kết tập sở hữu các công đức.  
Tự tha sẽ được phúc vô cùng,  
Đều làm Văn-thù chân Phật tử.*

*Biên chép chính pháp này,  
Ta có chút thiện nhỏ,  
Vì thương xót hữu tình,  
Khiến tăng trưởng thắng tuệ.  
Các pháp từ duyên sinh,  
Hết duyên pháp liền diệt.  
Thầy ta Đại Sa-môn,  
Thường đã nói như vậy./.*

**HẾT QUYỂN 25, TRỌN BỘ**

SỐ 1637

**LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG**  
( *Luận tập hợp các tướng của Đại thừa* )**QUYỀN THƯỢNG**

*Bồ-tát Giác Cát Tường Trí tạo luận  
Thí Hộ dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Kính lễ Diệu Cát Tường Bồ-tát Ma-ha-tát con nay sơ lược giải thích các tướng của Đại thừa.

Từ tâm Bồ-đề xuất sinh đại bi tương ưng, gọi là tất cả pháp. Như vậy tức phải hiểu rõ tất cả pháp là vô ngã.

Đây là tướng sở tri, cho nên nay nói về tướng này.

Sao gọi là tất cả pháp ?

Như là uẩn, xứ, giới, duyên sinh, Ba-la-mật-đa, địa, không, Bồ-đề phần, Thánh đế, tĩnh lự, vô lượng hành, Vô sắc v.v... cho đến giải thoát, Tam-ma-bát-đề, tiên hành, giải thoát môn, thần thông, Đà-la-ni, lực, vô sở úy, vô ngại giải, đại từ, đại bi, Phật bất cộng pháp, các quả Thanh Văn, biết rõ tất cả tướng chân như thật tế, pháp giới vô tướng v.v... Đó là tất cả pháp.

Nói uẩn, tức 5 uẩn. Những gì là 5 ? Là sắc thụ tướng hành thức.

Sắc có 5 căn 5 cảnh. Căn là mắt tai mũi lưỡi thân. Cảnh là sắc, tiếng, mùi, vị, sự chạm xúc. Cái mà nhãn thức nương tựa là thanh tịnh nhãn căn, nhĩ thức nương tựa là thanh tịnh nhĩ căn, tỷ thức nương tựa là thanh tịnh tỷ căn, thiệt thức nương tựa là thanh tịnh thiệt căn, thân thức nương tựa là thanh tịnh thân căn.

Có 2 loại sắc: hiển sắc và hình sắc. Hiển sắc là như màu xanh v.v... Hình sắc là như dài v.v...

Có 3 loại thanh: chấp thụ đại chủng, không chấp thụ đại chủng và đều là đại chủng.

Có 2 loại hương: mùi thơm và mùi hôi.

Có 6 thứ vị: đắng, chua, ngọt, cay, mặn, nhạt.

Có 11 loại chạm xúc: cứng, loãng, thấm ướt, ấm nóng, khô ráo, động nhẹ, nặng nhẹ, trơn láng, thô ráp, mềm, đói khát. Các sự chạm xúc như vậy, nói chung có 3 thứ là vừa ý, không vừa ý và trung gian.

Như vậy do nhãn v.v... sinh ra. Nếu là giới thú thì phân biệt có 3 đời, phân biệt có vô biên phần, các hành tướng vi tế sai biệt. Phải biết những thứ như vậy sơ lược gọi là sắc uẩn.

Thụ uẩn như thế nào ?

Có 3 thứ thụ uẩn: khổ thụ, lạc thụ và phi khổ phi lạc thụ. Nhưng 3 thụ này nếu dựa vào mắt v.v... mà phân biệt thì có 6 phần. Như vậy theo phân biệt đó thì thụ có 18. Như trong hạ giới nói riêng về hành tướng này thì thụ uẩn này là nếu các giới thú phân biệt thì có vô biên phần hành tướng. Phải biết những thứ như vậy sơ lược gọi là thụ uẩn.

Tướng uẩn như thế nào ?

Có 6 thứ tướng uẩn. Hành tướng này nghĩa là dựa vào mắt v.v... phân biệt cảnh tướng sở thủ. Có 6 thứ tướng sở thủ là sắc v.v... Nhưng tính sở y thì không thể phân biệt. Hoặc phân biệt hoặc không phân biệt tức là 2 pháp sắc thụ. Những thứ này đều từ tự loại của ngã uẩn

khởi. Tướng uẩn này nếu các giới thú phân biệt thì có vô biên phần hành tướng. Phải biết những thứ như vậy sơ lược gọi là tướng uẩn.

Hành uẩn như thế nào ?

Nghĩa là tâm sở hữu pháp như tín v.v... các thiện phần, tham sân si v.v. các phiền não phần. Như vậy tâm sở pháp, các phần vị của tâm có hành tướng dựa vào nhãn v.v... chuyển. Hành uẩn này nếu các giới thú phân biệt thì có vô biên phần hành tướng. Phải biết những thứ như vậy sơ lược gọi là hành uẩn.

Thức uẩn như thế nào ?

Là 6 thức thân. Thức uẩn này nếu y vào nhãn v.v... căn sắc v.v... cảnh phân biệt và tướng của thức kia, cho đến thiện, bất thiện, vô ký v.v... phân biệt có vô biên hành tướng. Phải biết những thứ như vậy sơ lược gọi là thức uẩn.

Nói chung như trên gọi là 5 uẩn.

Nói xứ tức là 12 xứ. Gồm 6 xứ bên trong là mắt tai mũi lưỡi thân và ý, 6 xứ bên ngoài là sắc thanh hương vị xúc và pháp.

Trong đây nên biết mắt v.v... 5 căn, sắc v.v... 5 cảnh gọi là 10 sắc xứ. Ý xứ tức các thức. Ngoài ra các pháp khác gọi là pháp xứ.

Nói giới tức 18 giới. Đó là 6 căn giới, 6 cảnh giới và 6 thức giới.

Trong đây nhãn thức v.v... phân biệt có 6 thức, tức có 6 xúc, là nhãn xúc... cho đến ý xúc. Còn sắc thức v.v... có 3 tướng, là thiện bất thiện và trung gian.

Hành tướng này như nhãn xúc v.v... là nhân tính sinh 3 thụ. Tức là 3 thụ kia từ nhãn xúc v.v... sinh ra 6 thứ. Sáu thứ kia mỗi mỗi phân biệt làm 3 thứ là khô, lạc và phi khô lạc.

Như vậy nói chung xúc thụ đều có 18 thứ. Như trên thụ uẩn đã cho thấy, hành tướng cũng như vậy.

Lại nữa, các tướng địa thủy hỏa phong không thức, gọi là 6 giới.

Nói duyên sinh, hành tướng như thế nào ? Tức 12 duyên sinh.

Những gì là 12 ?

Tức là vô minh cho đến lão tử.

Vô minh là đối với nghiệp quả, nó là bất chính hành trong thật pháp, cho nên do vô minh này khởi các phiền não. Vì vậy trong vô ngã chấp ngã uân v.v... mà có sở đắc.

Vô minh duyên hành. Có 3 thứ hành: phúc hành, tội hành và bất động hành. Phúc hành là 10 thiện nghiệp đạo. Tội hành là 10 bất thiện nghiệp đạo. Bất động hành là vô sắc, đẳng chí. Các hành ấy do vô minh làm nhân mà có các hành sinh khởi.

Hành duyên nơi thức nên nhãn v.v... các thức sinh trường chủng tử của quả ái, phi ái.

Thức duyên danh sắc. Danh sắc này là do thức nên đặt ra tên ấy là có sinh xứ. Cho nên thụ v.v... 4 uân là danh sắc, tức như ứng y danh mà lập.

Danh sắc duyên 6 xứ. Nghĩa là 6 xứ ấy do danh sắc mà nhãn v.v... 6 xứ được kiến lập.

Sáu xứ duyên xúc. Xúc là như nhãn v.v... sắc v.v... như trước đã nói.

Xúc duyên thụ. Có 3 thứ thụ cũng như trước đã nói.

Trong đây phải biết hành tướng của xúc thụ.

Thụ duyên ái. Ái là do vô minh.

Ái duyên thủ. Thủ là sắc v.v... sở thủ mà sinh lạc hành.

Thủ duyên hữu. Hành tướng của hữu là như trước nói các tướng của hành thức.

Hữu duyên sinh. Nghĩa là các danh sắc có sinh khởi. Do vô minh nên có sinh pháp. Tự tính của vô minh này cũng không có phần vị.

Sinh duyên lão tử. Lão là các uẩn suy thoái. Tử là các uẩn hoại diệt. Sinh pháp sau biến đổi mà không có thật, trước được thân rồi cuối cùng rời bỏ thân. Nhưng cái vô minh kia lại tùy chuyển ở trong uẩn sau, tăng trưởng tất cả lỗi lầm phiền não. Chúng đều là nhân của nghiệp vô minh tự loại phiền não. Cho nên sinh ra nghiệp phiền não.

Ba cái này không dứt thì luân hồi tiếp tục lưu chuyển. Biết như vậy phải khởi đối trị thật pháp, hiểu rõ vô minh v.v... tự tính không có ngã. Đó là sơ lược nói 12 duyên sinh.

Nói Ba-la-mật-đa, hành tướng như thế nào ?

Có 10 Ba-la-mật-đa.

Thí có 3 thứ: pháp thí, vô vọng thí và từ thí.

Giới có 3 thứ: nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới.

Nhẫn nhục có 3 thứ: đề sát pháp nhẫn, oán hại nhẫn và an thụ khổ nhẫn.

Tinh tiến có 3 thứ: bị giáp tinh tiến, gia hành tinh tiến và tất cánh thành tựu tinh tiến.

Định có 3 thứ: ly quá thất định, dẫn phát định và biện sự định.

Tuệ có 3 thứ: văn sở thành tuệ, tư sở thành tuệ và tu sở thành tuệ.

Phương tiện có 3 thứ: ly quá phương tiện, chẵn tể phương tiện và tốc chứng lạc phương tiện.

Nguyện có 3 thứ: tự hành thành tựu nguyện, giải chúng sinh phược nguyện và thanh tịnh Phật độ nguyện.

Lực có 3 thứ: thành biện sự nghiệp lực, diệt trừ phiền não lực và hàng phục ma oán lực.

Trí có 3 thứ: vô phân biệt trí, phân biệt bình đẳng giác liễu trí và diệt chúng sinh tội trí.

Như vậy thí v.v... các Ba-la-mật lấy tâm Bồ-đề làm đầu, trước tiên đối với chúng sinh khởi quán từ tâm, đối với các sở hành trong các thế gian không có hành tướng cũng không sở đắc, đối với xuất thế uẩn v.v... đó là tướng vô ngã giải thoát, như lý mà quán chân thật sở chứng.

Nói địa, tức 10 địa:

Hoan hỷ địa tu thí Ba-la-mật-đa.

Ly cấu địa tu giới Ba-la-mật-đa.

Phát quang địa tu nhẫn nhục Ba-la-mật-đa.

Diệm tuệ địa tu tinh tiến Ba-la-mật-đa.

Nan thắng địa tu định Ba-la-mật-đa.

Hiện tiền địa tu tuệ Ba-la-mật-đa.

Viễn hành địa tu phương tiện Ba-la-mật-đa.

Bất động địa tu nguyện Ba-la-mật-đa.

Thiện tuệ địa tu lực Ba-la-mật-đa.

Pháp vân địa tu trí Ba-la-mật-đa.

Như vậy pháp sở đắc của các địa là lý vô ngã, đều do tâm từ chúng đắc, nên đều không sai biệt, mà việc tu thí v.v... các Ba-la-mật-đa được an trụ thắng thượng thanh tịnh, thành tựu phổ biến nguyện lực rộng lớn, và không chung với tất cả Thanh Văn. Cho nên tướng sở duyên các Ba-la-mật-đa này không sai biệt, vì nhân cũng như pháp đều lia tướng, đều không.

Nói không, tức 18 không.

Nghĩa là nhãn v.v... không, là nội không.

Sắc v.v... không, là ngoại không.



Nhãn v.v... , sắc v.v... , trí quán bình đẳng, là nội ngoại không.

Phương đẳng các phần tướng khí thể gian, mỗi mỗi quán sát mỗi mỗi đều không, gọi là đại không.

Đối với các phân biệt lìa tính thủ xả, gọi là không.

Cái không này cũng không, gọi là không không.

Đối với thắng nghĩa để không thể quán được, gọi là thắng nghĩa không.

Đối với thí v.v... hành các pháp hữu vi đều bình đẳng, gọi là hữu vi không.

Các pháp vô vi không có tướng phát ngộ, gọi là vô vi không.

Ở trong pháp không, không có một chút pháp nào thật có thể chuyển, tan mà không nhóm họp, gọi là tán không.

Tất cả pháp không có ranh giới, gọi là vô tế không.

Trong tất cả pháp hoàn toàn không một pháp nào là chẳng không, gọi là tất cánh không.

Uẩn v.v... các pháp tự tính như thị, không sinh khởi, lìa tướng tự thủ xả, gọi là tự tướng không.

Tất cả pháp không kia, là không sai biệt, gọi là nhất thiết pháp không.

Ở trong ngã uẩn không thể thủ xả, gọi là bất khả đắc không.

Cái bất khả đắc này là bất khả đắc của sắc v.v... các tướng, cho nên chỉ có tính của các nghiệp, gọi là vô tướng không.

Hoặc nhân, hoặc pháp, tự tính nó là không, gọi là tự tính không.

Ở trong các tính, lìa tính thủ xả, gọi là vô tính không.

Cái vô tính kia là lìa uẩn v.v... không có tính riêng biệt. Cho nên nếu lìa uẩn v.v... tự tính khởi phân biệt không, đó là tướng đối ngại, tức gọi là vô tính tự tính không.

Nếu phân biệt như vậy hết các xứ tức có thể giải thoát các trói buộc của sắc v.v... không phân biệt có vô biên phần, lia các thủ xả của uẩn v.v... Đó tức là một tướng, mà tính một tướng kia không có hai. Do vậy nên an trụ một cảnh trong Ba-la-mật-đa. Tướng tự tính không lý, lia hý luận tức là vô ngã chân như thật quán.

Nói Bồ-đề phần, tức 37 Bồ-đề phần. Đó là 4 niệm xứ cho đến 8 chính đạo.

Bốn niệm xứ là 4 điều phải luôn luôn nghĩ nhớ. Đó là thân, thụ, tâm và pháp.

Thân niệm xứ là quán sát thân này không thật có, do các thứ tụ họp mà thành nên không chấp đắm, lia tướng thủ xả. Đó là thân niệm xứ. Thụ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng quán như vậy.

Lại nữa, trong pháp niệm xứ này nếu phân biệt trong, ngoài và trung gian thì có 3 thứ: tinh tiến, định và chính niệm. Ba thứ này tương ưng nhau tức có thể quán sát tâm Bồ-đề tối thắng của các Bồ-tát và thí v.v... các thiện hạnh. Trong tất cả pháp được vô ngã tương ưng với niệm tối thắng này.

Lược nói như vậy gọi là 4 niệm xứ. Ngoài ra các pháp khác cũng hiểu như vậy.

Bốn chính đoạn, là đối trị những thứ chẳng phải Bồ-đề phần. Tức đã sinh thì đoạn trừ, chưa sinh thì làm cho không sinh. Đây gọi là siêng năng đoạn trừ 2 bất thiện. Chẳng phải đối trị là Bồ-đề phần. Chưa sinh thì làm cho sinh, sinh rồi thì làm cho tăng trưởng. Đây gọi là siêng năng tu tập 2 thiện.

Như vậy đã nói sơ lược về 4 chính đoạn.

Bốn thần túc, là dục, tinh tiến, Tam-ma-địa và tuệ. Như vậy tương ưng thực hành tăng thượng đạt được quả. Lấy quả sở đắc mà quán dục v.v... các sở duyên là 4 thứ Tam-ma-địa mà thân tâm lia các chỗ y trụ, lia tướng tham, y chỉ vào tịch diệt hạnh vô sở tác.

Như vậy đã nói sơ lược về 4 thân túc.

Năm căn, 5 lực, là hiểu rõ quả của tất cả tướng. Nghĩa là căn và lực tương ứng tăng thượng của tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ.

Như vậy đã nói sơ lược về 5 căn và 5 lực.

Lại nữa trong đây phải tu 2 phần giác liễu là noãn vị và đỉnh vị. Noãn vị tu 4 niệm xứ. Đỉnh vị tu 4 chính đoạn. Lại có 2 phần thắng giác liễu là nhãn và thế đệ nhất pháp. Nhãn vị tu 4 thân túc. Thế đệ nhất vị tu 5 căn 5 lực. Những thứ đó là hạnh vô sở tác. Tối thượng chân thật như tín v.v... căn, lực là hành tướng duyên kiến đạo. Phải biết kiến đạo phải tu là 7 giác chi.

Bảy giác chi, tức niệm giác chi cho đến xả giác chi.

Niệm giác chi, là tướng chính niệm hiện tiền, không quên mất nguyện làm lợi ích chúng sinh chúng Bồ-đề.

Trạch pháp giác chi, là đối với tự tính của ngã pháp, quyết định lựa chọn là tướng.

Hỷ giác chi, là tự mình tu đạo được nhân vô lậu nên sinh vui mừng.

Khinh an giác chi, là chứng chân thật pháp tính, xả bỏ những chướng tử không phải Bồ-đề phần nên nghiệp của thân, nghiệp của tâm được yên ổn nhẹ nhàng.

Định giác chi, là 4 vô lượng tâm và Bồ-đề nguyện nhập vào một cảnh tướng thuần nhất của trí chân như.

Tinh tiến giác chi, là tuy quán pháp môn công đức tịch tĩnh thắng thượng mà không đắm trước mùi vị và tiến tu các hạnh không biếng trễ nghỉ ngơi.

Xả giác chi, là nghĩ nhớ làm lợi ích chúng sinh, nếu cần phải điều phục thì tùy theo đó mà thực hành các pháp công đức của Ba-la-mật-đa. Bình đẳng phân biệt quán không đến không đi, vì an trụ bình đẳng.

Như vậy đã lược nói 7 giác chi.

Tức hành 7 giác chi là chính trí phân. Còn như hành tướng có thể đối trị phiền não chướng và sở tri chướng phải tu 8 chính đạo.

Tám chính đạo, là chính kiến cho đến chính định.

Chính kiến là hiểu rõ tướng của tất cả pháp là vô ngã, trụ nơi bình đẳng, khổ v.v... điên đảo là 2 phần quán thắng tuệ của tướng vi diệu.

Chính tư duy, là khởi liên tục tư duy về tác nhân, như nguyên nhân mà chứng quả.

Chính ngữ, là nói năng lia hư vọng phân biệt, nói như thật.

Chính nghiệp, là những việc làm không điên đảo, không hại chúng sinh, cứu vớt chúng sinh, lia vọng mà tu.

Chính mạng, là sống thanh tịnh lia các tà vọng, tự tu tự mình chứng.

Chính cần, là tuy đến tối thượng địa mà vẫn tăng tiến, thân không mệt mỏi, tâm dũng mãnh phấn chấn.

Chính niệm, là như thật mà quán các niệm xứ, lấy tâm từ trang nghiêm nguyện của mình, phương tiện đối với tất cả pháp không quên mất.

Chính định, là thân nghiệp v.v... thường y chỉ vào công đức tối thắng, an trụ trí vô phân biệt, tức tương ưng bình đẳng với các tướng tĩnh lự.

Như vậy là đã nói sơ lược 37 Bồ-đề phần pháp. Tùy theo chỗ thích ứng mà tổng lược hành tướng.

## HẾT QUYỂN THƯỢNG

## LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG

( *Luận tập hợp các tướng của Đại thừa* )

### QUYỂN HẠ

Lại nữa, nói thánh đế, tức 4 thánh đế: khổ, tập, diệt và đạo.

Khổ thánh đế, là uẩn v.v... các tướng điên đảo, tính của nó là trái với thánh pháp.

Tập thánh đế, là như đã nói khổ do vô minh, hành v.v... các nghiệp phiền não tập hợp làm duyên, với sinh v.v... các khổ làm tính của nhân.

Diệt thánh đế, là đối với tất cả pháp, cái tướng như thật vô phân biệt, vô sinh là tính. Đối trị si ám thế gian, diệt như chỗ chứng.

Đạo thánh đế, là các pháp từ tâm và pháp niệm xứ nhằm hướng đến Bồ-đề. Tổng lược gồm các thánh đế đây, duyên bình đẳng đối với các pháp.

Đó là lược nói 4 thánh đế.

Nói tứ tịnh lự, tức 4 tịnh lự. Ly sinh hỷ lạc là sơ tịnh lự. Định sinh hỷ lạc là tịnh lự thứ hai. Ly hỷ diệu lạc là tịnh lự thứ ba. Xả niệm thanh tịnh là tịnh lự thứ tư.

Như vậy cả 4 tịnh lự đều là tướng tịch chỉ. Dục giới v.v... tâm tham không lưu động gọi là tịnh lự. Nhưng các Bồ-tát cũng không

tham đắm mùi vị của các vui tĩnh lự. Rốt ráo không bỏ chúng sinh, viên mãn pháp Bồ-tát đạo, thành tựu vô lượng hành.

Như vậy là đã lược nói 4 tĩnh lự.

Nói vô lượng hành, tức 4 vô lượng hành: từ, bi, hỷ và xả. Cả 4 hành đây đều duyên vô lượng chúng sinh làm cảnh giới.

Từ vô lượng hành, là rốt ráo làm lợi lạc tất cả chúng sinh, việc tu các hành đều hoàn toàn lìa tướng, xa lìa điên đảo thuận đạo Bồ-tát.

Bi vô lượng hành, là không để cho chúng sinh có một khổ. Tính của bi này có thể đối trị để không khởi não hại.

Hỷ vô lượng hành, là chúng tất cả pháp vô ngã bình đẳng, có được thí v.v... các thiện thì trụ tâm Bồ-đề vì lợi lạc rộng rãi tất cả chúng sinh, phương tiện ra làm như có sinh hỷ thì đó là tướng của hỷ thụ.

Xả vô lượng hành, là trong ba cõi phân biệt bình đẳng, khởi hạnh rộng lớn cứu giúp chúng sinh, đối với mình được cái vui Tam-ma-địa mà không tham đắm mùi vị. Đây có thể đối trị lỗi lầm phóng dật, tâm trụ thật tướng. Nếu phải điều phục tất cả chấp tướng của thế gian v.v... tâm đã có thể an trụ tịch tĩnh. Đối với các sắc tướng, đối trị thật pháp. Lại nữa, đối với vô lượng pháp môn được pháp bình đẳng, trụ pháp vô ngã mà chúng như lý, được tất cả bình đẳng pháp lạc. Đó gọi là được tối thắng tự tại.

Như vậy là đã lược nói 4 vô lượng hành.

Nói Vô sắc đẳng chí, có 4 thứ: không vô biên xứ cho đến phi tướng phi phi tướng xứ.

Không vô biên xứ đẳng chí, là lìa tướng đối ngại các thứ sắc, quán vô biên không mà tương ưng, xả các hữu tướng, tâm trụ một cảnh.

Lại nữa, thức vô biên xứ đẳng chí, vô sở hữu xứ đẳng chí, phi tướng phi phi tướng xứ đẳng chí, tất cả đều hành tịch tĩnh như tương

ung ban đầu, quán tướng vô tham làm sở duyên, ngoài ra còn quán sát vô trước, vô ngại. Như thích ứng, tối thượng vô tướng xuất sinh.

Như vậy là đã lược nói 4 Vô sắc đẳng chí.

Nói giải thoát, tức 8 giải thoát. Nghĩa là nội hữu sắc quán ngoại sắc giải thoát, cho đến diệt thụ tướng giải thoát.

Nội hữu sắc quán ngoại sắc giải thoát là bên trong quán tướng hữu sắc liả sự tham sắc bên ngoài. Đó gọi là nội hữu sắc quán ngoại sắc giải thoát.

Lại nữa, như hành tướng nội vô sắc tướng, liả ngoại sắc tham, gọi là nội vô sắc quán ngoại sắc giải thoát.

Lại nữa, đối với sắc v.v... trụ thanh tịnh không tham, gọi là tịnh giải thoát.

Lại nữa, không vô biên xứ giải thoát, thức vô biên xứ giải thoát, vô sở hữu xứ giải thoát, phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát, như vậy là 4 Vô sắc xứ giải thoát đều trụ nơi hành tướng mà quán như thật.

Lại nữa, hành tướng giải thoát của diệt thụ tướng cũng hiểu như vậy.

Như vậy đã lược nói 8 giải thoát.

Nói Tam-ma-bát-đề tiên hành, nghĩa là muốn trụ nơi các Tam-ma-bát-đề của không vô biên xứ kia v.v..., trước tiên phải diệt các hành tướng, trụ pháp tự tính bình đẳng tịch tĩnh, sau phải an trụ các Tam-ma-bát-đề. Đó gọi là tiên hành.

Lại nữa, phải biết 4 Vô sắc đẳng chí và diệt tận đẳng chí này mà các Bồ-tát Ma-ha-tát trong Mạo-lí-nhã-đa vị nhập Sư tử du hý Tam-ma-địa hiện tiền mà quán. Không bị cái tâm chẳng phải Tam-ma-hứ-đa làm gián đoạn. Cũng không bị các tĩnh lự ban đầu làm gián đoạn. Diệt tận đẳng chí này là tướng không động.

Trong đây các Tam-ma-bát-đề vì sao thứ tự như vậy ? Nghĩa là vì thành thực chúng sinh nên phải quán thứ tự như vậy.

Lại nữa, phải biết đây là tối thượng lạc môn, đạt được cái lạc này thì liễu ngộ ngã là không thật. Ngã không thật nên tự tâm vắng lặng. Tu tập các thần thông Ba-la-mật v.v... đều quán thắng tuệ như thật sinh ra.

Đây là tóm lược tướng tất cả pháp.

Nói giải thoát môn, tức 3 môn giải thoát: không, vô tướng và vô nguyện.

Không giải thoát môn, là hoặc người, hoặc pháp, các uẩn v.v... lìa tướng phân biệt mà các uẩn kia hoặc nhiễm hoặc tịnh, trong tướng phân biệt hoàn toàn vô tính, trong pháp không thì lìa tướng thủ xả, mà trí vô nhiễm như thật đối trị.

Vô tướng giải thoát môn, là đối với uẩn v.v... hoàn toàn vô tướng. Do vô tướng nên không thể thủ. Trí vô nhiễm kia như thật đối trị, không đeo bám các tướng.

Vô nguyện giải thoát môn, là đối với tất cả môn thanh tịnh giải thoát, uẩn xứ giới và Ba-la-mật-đa viên mãn thắng hạnh tối thượng, tất cả các tướng đều biết như thật, như thật xuất sinh, hiện tiền bình đẳng lìa các sở thủ, vì tâm nguyện lạc.

Như vậy là lược nói 3 môn giải thoát.

Nói thần thông, có 6 thứ. Nghĩa là thiên nhãn thông, cho đến lậu tận thông.

Thiên nhãn thông là đối với các sắc tướng chính quán vô ngại, tối thắng thanh tịnh.

Thiên nhĩ thông, là đối với tất cả âm thanh có thể nghe thanh tịnh.

Tha tâm thông, là đối với tất cả hành tướng trong tâm người khác, có thể biết như thật.



Túc trụ thông, là các việc quá khứ của mình của người khác đều có thể nghĩ nhớ.

Thần cảnh thông, có 3 thứ. Nghĩa là ẩn, hiển và tự tại, tùy các thể giới hiện các thứ thân. Qua lại trong hư không không trở ngại, ứng hiện tùy theo việc làm. Tùy theo thích ứng làm các thần thông mà không hiện thân tướng.

Lậu tận thông, là các vô minh như tham v.v... phiền não, gọi là lậu. Trí đoạn trừ hết không còn sót gọi là lậu tận. Như vậy tối thắng 6 thông, an trụ tâm Bồ-đề, lia trí hý luận. Đó là chỗ tu tập thắng thượng của các Bồ-tát, không cùng chung với tất cả Thanh Văn đạo v.v... Viên mãn vô tướng, tính vô phát ngộ. Đó là đạo hạnh bình đẳng của các Ba-la-mật-đa, bao gồm tất cả pháp tự tu, tất cả nguyện lực, tất cả tướng cho nên dũng mãnh tinh tiến làm tiên phong, an trụ tối thượng thanh tịnh, tâm một cảnh tính. Sơ tĩnh lực v.v..., như tên như nghĩa tùy ứng sai biệt tổng lược gồm vô biên hành tướng, cho nên được Tam-ma-da giữ gìn.

Như vậy là đã lược nói về 6 thông.

Nói Đà-la-ni, là tất cả tướng và tất cả pháp, tất cả pháp tính tùy thích ứng thâm nhiếp thanh, tên, câu, văn làm tướng của các nghĩa. Có vô lượng niệm, vô biên biện tài và các Tam-ma-địa môn. Trí vô tướng đều có thể chứng nhập đối trị hữu tướng, hữu ngại tâm nên là Đà-la-ni môn được tối thắng vô thượng Bồ-đề. Mà tất cả Tam-ma-địa Đà-la-ni kia Kim cương dụ định hiện tiền chứng nhập tức tất cả tướng phổ biến bình đẳng, nhập vô tướng trí chân thật mà chứng, xả ly tất cả chũng tập, trí quán bính đẳng đại bi tương ứng, chỗ làm kiên cố. Đối với các pháp tính như thật giải thoát, thắng báo hiện tiền, bình đẳng an trụ, đại viên kính trí như thật xuất sinh, tất cả nguyện lực đều được viên mãn.

Như vậy là đã lược nói về Đà-la-ni.

Nói lực là nói 10 lực của Phật. Tức xứ phi xứ trí lực cho đến lậu tận trí lực.

1. Xứ phi xứ trí lực, là trong tất cả mọi xứ, nhân quả quyết định hay không quyết định, trí hiểu biết như thật. Hoặc Phật, hoặc Phạm vương, hoặc Chuyển luân thánh vương, trí kia quyết định được thắng báo, gọi là xứ. Phi xứ, là nhân quả không quyết định hành tướng.

2. Nghiệp báo trí lực, là chúng sinh tạo các thiện nghiệp ác nghiệp sinh về nẻo thiện nẻo ác. Các nghiệp báo này, trí biết như thật.

3. Chủng chủng giới trí lực, là trí biết như thật các cõi, các nẻo đến sai biệt của chúng sinh.

4. Chủng chủng thắng giải trí lực, là các Thanh Văn v.v... ở trong các pháp khởi các thứ thắng giải, lìa các nhiễm pháp, hướng đến tướng vắng lặng. Trí như thật biết các điều như vậy.

5. Liễu biệt chur căn trí lực, là trí biết như thật các thứ sai biệt của tín v.v... các căn của chúng sinh.

6. Chủng chủng định trí lực, là trí biết như thật các Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề của sơ tĩnh lự v.v... Như tên gọi, nghĩa, vô biên hành tướng.

7. Chí xứ đạo trí lực, là đạo có 2 thứ: phi ái lạc đạo, tức vô minh v.v..., và khả ái lạc đạo tức tịch diệt v.v... Mà diệt kia trí biết như thật các chỗ chứng sai biệt của Thanh Văn Duyên Giác và chur Bồ-tát.

8. Sinh diệt trí lực, là trí biết như thật các thứ sinh diệt của chúng sinh.

9. Túc trụ tùy niệm trí lực, là ghi nhận nghĩ nhớ như thật các việc quá khứ.

10. Lậu tận trí lực, là trí đại viên kính của chur Phật Thế Tôn quán sát tự tính lìa các chương nhiễm phân biệt bình đẳng.

Như vậy xứ phi xứ v.v... các lực Như Lai thần thông du hý đã chứng. Các lực này đầy đủ nên quán tạng thượng tất cả pháp.

Như vậy là đã lược nói 10 lực.

Nói vô úy, tức 4 vô sở úy:

1. Nhất thiết trí vô úy.
2. Lậu tận vô úy.
3. Thuyết chướng đạo vô úy.
4. Xuất khổ đạo vô úy.

Các vô úy này hoặc khác hoặc chẳng phải khác, những gì nói ra đều vô sở đắc vô úy tự tại. Bốn vô úy này đều lấy bình đẳng tính trí mà quán sát. Như ngọc báu như ý, tùy ý muốn của chúng sinh mà phổ biến bình đẳng. Pháp này cũng vậy, ngã tướng thanh tịnh, lia các chấp hữu.

Như vậy là đã lược nói 4 vô sở úy.

Nói vô ngại giải, là: nghĩa, pháp, lạc thuyết và biện tài.

Nghĩa vô ngại giải, là đối với tất cả chúng sinh không có tướng ngã, đem trí vi diệu bình đẳng mà quán sát.

Pháp vô ngại giải, là tùy các tướng hiểu biết các pháp, trí quán bình đẳng.

Lạc thuyết vô ngại giải, là tùy theo chỗ thích nói, năng thuyết sở thuyết không lia tự tính.

Biện tài vô ngại giải, là trong vô lượng pháp môn, tùy thích ứng phân biệt thông suốt vô tướng.

Các pháp vô ngại giải này cùng với tất cả pháp tương ưng tăng thượng đều nhiếp hóa những kẻ ngu si khiến được điều phục mà an trụ trong các pháp ly tướng bình đẳng. Bốn pháp này đều lấy trí diệu quán sát mà quán sát.

Như vậy là đã lược nói về 4 vô ngại giải.

Nói đại từ đại bi, là từ tức cho chúng sinh sự an lạc, trụ tâm tịch tĩnh, không tướng phát ngộ, rộng lớn vượt trội là tướng bình đẳng. Bi là bạt khổ, điều phục cái khó điều phục, không bỏ chúng sinh, là các hữu tướng. Đại từ đại bi này đều dùng trí thành sở tác mà quán sát.

Như vậy là đã lược nói về đại từ đại bi.

Nói Phật bất cộng pháp, là 18 pháp không chung. Nghĩa là Như Lai thân không lỗi, cho đến hiện tại tri kiến vô trước vô ngại.

Thân Như Lai không lỗi, là không có sự mỗi mệt, là các lỗi của thân.

Lời nói Như Lai không lỗi, không lời nói nào không phải ái ngữ, là các lỗi về nói năng.

Ý Như Lai không lỗi, là không mất niệm, là các lỗi của ý.

Ba nghiệp như vậy làm cho kẻ ngu si sinh tịnh tín.

Tâm không dị tướng, là đối với tất cả chúng sinh, trụ tâm bình đẳng.

Tâm không bất định, là khiến chúng sinh ngu si trừ tưởng tán loạn.

Tâm không gì không biết xả, là các việc của chúng sinh không có gì không biết mà xả bỏ.

Sáu pháp trên đây là do giới học tăng thượng sinh ra, làm nhân cho vô trụ Niết-bàn.

Tin không giảm, là trong vô trụ Niết-bàn không hư hỏng niềm tin.

Dục không giảm, là không ái trước vô trụ Niết-bàn.

Tinh tiên không giảm, là đối với lợi dưỡng, mạng sống, tu hành, đều không bám trụ.

Tuệ không giảm, là rốt ráo việc trưởng dưỡng chúng sinh trong các thế gian, không gì không thông suốt.

Giải thoát không giảm, là không thủ tướng Niết-bàn của Thanh Văn v.v...

Giải thoát tri kiến không giảm, là vì trí lợi ích chúng sinh, phá tướng hý luận, khiến các chúng sinh đều bình đẳng chứng đắc vô thượng Niết-bàn.

Sáu pháp trên đây do từ định học tăng thượng sinh ra, duyên với vô trụ Niết-bàn.

Thân nghiệp hành động theo trí tuệ, là trong mọi nơi các tướng như cử động, hoặc dừng nghỉ, hoặc đi kinh hành v.v... thường cùng với trí tuệ tương ưng. Cho nên trí tuệ là dẫn đầu.

Ngữ nghiệp hành động theo trí tuệ, là tất cả nói năng lìa hư vọng phân biệt, thường cùng với trí tuệ tương ưng. Cho nên trí tuệ là dẫn đầu.

Ý nghiệp hành động theo trí tuệ, là đối với chúng sinh trụ tâm bình đẳng, tùy theo lợi ích mà làm không sai biệt, thường cùng với trí tuệ tương ưng. Cho nên trí tuệ là dẫn đầu.

Vô trước vô ngại đối với các tri kiến quá khứ, là trong không có tính gọi là vô trước, ngoài lìa các trói buộc gọi là vô ngại. Đối với tất cả pháp quá khứ đều biết bình đẳng, phá tướng hý luận.

Vô trước vô ngại đối với các tri kiến vị lai, là đối với tất cả pháp vị lai đều biết bình đẳng, phá tướng hý luận.

Vô trước vô ngại đối với các tri kiến hiện tại, là đối với tất cả pháp hiện tại đều biết bình đẳng, phá tướng hý luận.

Sáu pháp trên đây do tuệ học tăng thượng sinh ra. Các pháp này là vô thượng thắng trí, chỉ Phật Như Lai mới thành tựu viên mãn, vì lợi ích chúng sinh mà tùy chuyển với chúng sinh, là trí pháp giới thanh tịnh sinh ra, mà các Thanh Văn không cùng có trí này.

Như vậy đã lược nói 18 pháp không chung.

Nói quả Thanh Văn, tức 4 quả của Thanh Văn, là Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán.

Tu-đà-hoàn là hạng chán khổ cầu vui, tùy ứng mà đoạn trừ phiền não, 7 lần sinh tử kiến khổ để v.v... ngộ nhân vô ngã hướng đến Niết-bàn.

Tu-đà-hàm là hạng chán khổ cầu vui, tùy ứng mà đoạn trừ phiền não, một lần trở lại cõi này, kiến khổ để v.v... ngộ nhân vô ngã hướng đến Niết-bàn.

A-na-hàm là hạng chán khổ cầu vui, không còn sót phiền não Dục giới để đoạn không trở lại Dục giới. sắc giới Vô sắc giới tùy ứng giải thoát, kiến khổ để v.v... ngộ nhân vô ngã hướng đến Niết-bàn.

A-la-hán là hạng đã đoạn hết phiền não ba cõi, tận cùng biên giới của khổ, ngộ lý vô ngã, tùy ứng giải thoát hướng đến Niết-bàn.

Như vậy là đã lược nói 4 quả Thanh Văn.

Nói liễu tri tất cả tướng, là chư Phật Như Lai hiểu rõ như thật tất cả tướng hiện tiền bình đẳng.

Tất cả tướng, tức tất cả pháp. Chư Phật Như Lai vì lợi ích thế gian, tất cả đều phương tiện tùy ứng, được pháp không quên mất, trụ tướng kiên cố.

Trong đây 3 thân cũng gọi là nhất thiết tướng. Pháp thân là trí tướng của tự tính vô ngã, vì không sai biệt. Báo thân là tướng tối thắng, vì là tính sở y của trí nhất thiết tướng. Hóa thân là tướng sở tác sự, trong tất cả mọi nơi thì thiết ứng hiện để hóa độ.

Lại nữa, nhất thiết tướng tuy có liễu tri mà không phân biệt, vì lợi ích chúng sinh mà tùy ứng. Tướng này vắng lặng, không duyên, tự tính tất cả bình đẳng. Tất cả tướng của các uẩn cũng vô biên hoặc ở trong ba cõi hoặc ra ngoài ba cõi. Phải hiểu biết như thật các tướng là bất khả đắc.

Như vậy là hiểu biết tất cả tướng.

Nói chân như, là tự tính tất cả pháp, lìa thủ xả. Dầu trí, dầu ngu, dầu sắc, dầu tâm, trụ nơi tính bình đẳng, lìa vọng, không phân biệt. Đó gọi là chân như.

Nói thật tế, tức tính Bồ-đề, tất cả như lượng, như thật, lìa các phân biệt. Trong đây phải biết như Phật nói tính của ngã uẩn v.v... hoàn toàn là vô sở đắc. Còn ở tha lượng thì không thể nói. Đó gọi là thật tế.

Nói vô tướng, tức nói chân như kia là không có tướng. Mà chân như cũng chỉ là giả mượn danh tự để phân biệt, cho nên trong danh tự thì tính của nó cũng bất khả đắc. Phải biết tính của ngã v.v... tức tự tính các pháp. Cho nên trong đây hoặc nhân hoặc pháp phải lìa tất cả các tướng mà chỉ đồng một tướng. Cái một tướng này tức tướng không đối ngại của tất cả pháp, lìa các phân biệt, trong đệ nhất nghĩa, tự tính không động. Đó là vô tướng.

Nói pháp giới, tức quả pháp và các nhân pháp của 10 lực, cho đến chỗ sở y của tự tính tất cả pháp. Đó là pháp giới. Trong pháp giới này xa lìa tất cả tướng hư vọng điên đảo phân biệt. Trí tuệ sáng suốt như thật chiếu rõ hiện tiền.

Đó gọi là pháp giới.

Lại nữa, phải biết trong đây chân như v.v..., trí đại viên kính v.v... tức vô sở tác môn của tất cả pháp. Vô sở tác môn của chân như kia tức tự tướng môn của các pháp.

Lại nữa, phải biết trong đây chân như và 10 lực đều lấy đại viên kính trí mà quán sát. Chứng thật tế và 4 vô sở úy đều lấy bình đẳng

tính trí mà quán sát. Tính vô tướng vi diệu thanh tịnh và 4 vô ngại giải đều lấy diệu quán sát trí mà quán sát. Tính chân thật sở chứng sở y của tất cả pháp trong pháp giới và đại từ đại bi đều lấy thành sở tác trí mà quán sát. Tất cả mọi nơi các quán pháp tăng thượng thấy đều an trụ trong pháp giới thanh tịnh trí.

Như vậy tất cả pháp thấy đều như lượng, chính ngữ tương ưng với tâm Bồ-đề. Đại từ tùy thuận tất cả chúng sinh là sở duyên bình đẳng đồng nhất của tất cả pháp, tương ưng pháp môn tối thượng vô tướng bao gồm tất cả pháp Ba-la-mật-đa. Cho nên tùy chỗ làm mà tương ưng như lượng. Vì tương ưng này nên gọi tất cả pháp vô ngã. Người trí phải biết Phật nói pháp là từ giải thoát môn như thật mà ra.

*Trí tuệ chư Phật không gì trên,  
Nói ra nhân tính cũng vô biên.  
Nơi vô biên kia biết như thật,  
Tất cả tương ưng mà biểu thị.  
Pháp môn tương ưng hiển các tính,  
Túy nghi phương tiện mà xuất sinh.  
Đại tuệ sở tác đều viên thành,  
Ta vì lợi lạc nên diễn nói.*

**HẾT QUYỂN HẠ**



SỐ 1638  
**LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO  
TỐI THƯỢNG NGHĨA**  
( *Luận tập hợp nghĩa tối thượng các pháp bảo* )  
**QUYỀN THƯỢNG**

*Bồ-tát Thiện Tịch tạo luận  
Thí Hộ dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Quy mạng nhất thiết Phật.

Quy mạng chư pháp bảo.

Đánh lễ nhất thiết trí, lý rất sâu rộng lớn.

Con nay tạo luận tên Bảo Thượng. Đó là thắng nghĩa quyết định chân thật cao tột trong các pháp.

Luận nói: Nào người, nào trời và các loài hữu tình từ vô thủy đến nay do si ám, có đường ngôn ngữ là gốc rễ hướng đến nẻo ác. Nếu có người muốn vào cõi nhất thiết trí thanh tịnh, nên quy mạng Phật là sáng suốt.

Trong đây thế nào gọi là lìa tính ngã v.v... và tất cả nhân ? Phải biết tất cả nghiệp phiền não sinh các pháp tạp nhiễm. Không có bắt đầu, không dừng trụ, không thật thể, tuy có sinh nhưng giống như mộng ảo. Giống như mộng ảo nên từ phân biệt khởi lên.

Phải biết các pháp đều từ duyên sinh. Cho nên trong nghĩa duyên sinh, chư Phật tuyên thuyết các pháp, các vật tính không, không có tự tính, mà cũng không nên trong đó có tướng không thật. Cho nên thanh tịnh A-lại-da thức tuy có thụ mà không thủ trước. Nghĩa này rất sâu và rộng lớn. Trong các kinh giáo đều nói như vậy.

Những người muốn cầu giải thoát phải hiểu rõ như thật đối với các pháp. Phải biết các pháp không tách rời thức. Nếu tách rời thức thì đoạn mất tính. Cho nên trong pháp không có tính thật hữu. Như trong Kinh Pháp Tập có nói.

Nếu pháp là thật, nếu pháp là không thật, nếu có tự tính nếu không tự tính, đó là hai không, cho nên đem huyền dụ v.v... Các pháp chẳng phải hữu tính cũng chẳng phải vô tính. Trong đây nói nếu thật vô tính thì vô tính là không không, tức thành đoạn. Nếu thật hữu tính thì tính là thường. Phải biết nói không với phi không khác nhau, lia không, phi không cũng không sờ đắc.

Lại nữa sáng tối hai cái không hợp nhau. Lìa tối lìa sáng đều vô sờ đắc. Cho nên phải biết trong đây có nói cái sáng không hiện tiền thì làm sao lìa cái tối. Trí và ngu hai cái không hợp nhau. Lìa trí lìa ngu cũng vô sờ đắc. Phi trí phi ngu, hai trung gian đó ngã tướng đều không. Tất cả các pháp không trong không ngoài cũng không trung gian, không có pháp có thể lấy, không có pháp có thể bỏ. Trong Kinh Bảo Tích có nói như vậy.

Nếu nói hữu là một bên, nếu nói vô là hai bên. Hoặc một hoặc hai hoặc trung gian, đều không có tướng có thể thấy. Không có tướng thấy nên cũng không thể nói. Không hình không tượng có thể biểu thị. Pháp không chủng loại không chỗ thâm giữ cũng chẳng phải trung biên có chỗ an lập. Những gì nói trong đây là nói chân thật. Tính và vô tính bản lai như thị. Hiểu như vậy thì chân quán thánh để có thể lia tham v.v... các lỗi lầm phiền não. Giả sử có sinh khởi phiền não thì trong thánh để không có chấp trước. Nếu biết như vậy hiểu như vậy

tức được thân Như Lai công đức tụ, rỗng tiếng rỗng sự tử, chuyển bánh xe pháp lớn.

*Khiến khắp tất cả đều được thấy nghe  
Như trong Kinh Lăng-già có nói vậy.  
Lời ta vô tướng mà không thể thủ  
Như trong Kinh Chuyển Thức có nói vậy.  
Liã thức có pháp: lý chẳng phù hợp  
Như trong Kinh Thụ Ký có nói vậy.  
Phải biết thức tâm khắp tất cả pháp  
Như trong Kinh Thập Địa có nói vậy.  
Sắc pháp không thật không thể lấy bỏ  
Như Kinh Na-nậu-câu-lê nói vậy.*

Nếu hiểu tính các pháp là chẳng phải do trí biết cho nên trong đây vô thật là khả đắc. Phải biết thể của trí là vô thật, như huyền. Trong các kinh giáo đều có nói như vậy.

Chư Bồ-tát tùy theo các tướng chuyển. Tướng đó không có thật nghĩa, là vô sở đắc. Trong thắng nghĩa để nói là không thể lập. Như trong Kinh Bảo Vân có nói như vậy.

Nếu vốn là không thì không thể nói là có. Thức liã phân biệt gọi là không thể lập. Trong thắng nghĩa để, chân lý là ly ngôn, mà tính của các vật là thật không sở đắc. Nói như vậy là nói quyết định. Ý Phật nói phá các vô trí. Trong Kinh Hiện Ái có nói như vậy.

Nếu nói có vật là không, thì nghiệp báo chúng sinh phải có nhiễm tịnh. Nếu có nhiễm tịnh là có tạo tác. Nếu có tạo tác tức các thứ tướng tùy theo thế gian mà chuyển. Có tướng chuyển nên thấy có tạo thành. Nếu có thể an trụ nơi tướng không điên đảo, tức biết tính của vật không có thật thể riêng biệt.

Nghĩa này Bồ-tát Từ Thị hỏi: Thế Tôn ! Như thật nói ngã vốn vô biên thì Bồ-đề cũng vô biên. Bồ-đề vô biên nên không thể có

được Bồ-đề. Ngã là vô biên nên không có người cầu Bồ-đề, cũng không có một chút pháp nào trí biết được. Chỉ có Phật trí mới có thể chiếu rõ. Pháp chân như là vô tính. Vô tính tức là Như Lai. Như Lai tức là tính vô sinh. Trong Kinh Táp-bát-đa-thiết-đa có nói như vậy.

Tất cả pháp nếu nói có là nói thường, nếu chấp không tức thành đoạn kiến. Nếu chẳng có chẳng không thì trung gian cũng chẳng lập. Như trong Kinh Bảo Tinh có nói như vậy.

Tham v.v... phiền não tất cả nhiễm pháp nếu giải thoát là tướng vô tận. nếu có thể hiểu rõ tự tính phiền não bản lai thanh tịnh, trong thẳng nghĩa để là thoát vô sở thoát. Nếu muốn chân thật quán Như Lai thì phải quán Như Lai giải thoát sở sinh, không từ nhân sinh không từ duyên sinh, chẳng phải có tướng sinh, chẳng phải phân biệt sinh, xa lìa tất cả danh ngôn sai biệt, chẳng phải sắc tướng chẳng phải sắc chân như, cho đến chẳng phải thức tướng chẳng phải thức chân như, chẳng phải tối chẳng phải sáng, phi tức phi ly, phi kiến phi tri, lìa các pháp thức, chẳng phải chỗ liễu biệt, không trụ ở trong tất cả pháp thức. Nếu có thể quán Như Lai được như vậy gọi là chính quán. Nếu quán khác là tà quán. Bởi tà quán nên không thể thấy được Như Lai chân thật. Trong đây nói nghĩa chân thật là ly hữu ly vô, phi tính phi vô tính. Như vậy là chân thật thấy Như Lai. Như trong Kinh Vô Cấu Xứng có nói như vậy.

Trong Kinh Hoa Nghiêm có một nhà thông thái hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường: Thế nào là lời nói thật, lời nói không thật? Làm sao điều phục tất cả phiền não?

Diệu Cát Tường đáp: Như người chiêm bao thấy một con rắn lớn. Người ấy tuy thấy nhưng không bị độc làm hại. Phiền não tuy sinh nhưng không có thật tính, mà tính thanh tịnh tự điều phục. Đó là lời nói thật, chẳng phải lời nói không thật.

Lại nữa, Bồ-tát Hải Tuệ hỏi Phạm thiên Bất Tur Nghị: Pháp vốn không chứng cũng không có pháp nói ra. Vì sao có Phật và các pháp của Phật ?

Phạm thiên Bất Tur Nghị đáp: Nếu Phật Như Lai xuất hiện ra đời và nói pháp phần của chư Phật, hoặc có hoặc không vốn tự như vậy. Bản lai không nói pháp cũng không pháp được chứng. Không nói nên không nghe. Không chứng nên không đắc. Chỉ vì nghiệp phiền não của chúng sinh, sinh tính quả báo, dẫn sinh tâm Đại Bồ-đề của chư Phật, trụ nơi cảnh giới bí tâm của chư Bồ-tát. Nếu các chúng sinh tự có thể điều phục các tính phiền não, có các hành mà không thường hành, không cầu, không nguyện mà tính phiền não đều thanh tịnh thì chư Phật cũng không chứng, không thuyết pháp.

Lại nữa Đồng tử Thiện Tài nói: Phải biết các pháp đều như huyễn. Ta ở trong huyễn mà cầu giải thoát. Các nghĩa như vậy có nói trong Kinh Hoa Nghiêm.

Phải biết các pháp như huyễn, như chiêm bao, như sóng nắng, như đám bọt nước, như thành Càn-thát-bà. Tất cả các pháp trong ba cõi từ tâm thức sinh ra. Tâm như huyễn nên ba cõi như huyễn. Nếu có một vật có thật thể thì nói thể không phù hợp với lý huyễn dụ. Trong Kinh Tam-ma-địa Vương có nói như vậy.

Các nghĩa trên đây có nói trong các kinh.

Lại nữa, nay tôi dựa vào kinh sơ lược giải thích các nghĩa khác.

Như Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Bồ-đề không dùng thân được, không dùng tâm được. Nếu không tâm tức không thân. Lìa thân tâm nên vô vi vô tác, như huyễn như hóa. Nếu nói như vậy là Bồ-đề tức là chư Phật nói là Bồ-đề này có thể nhập vào cảnh giới bình đẳng của chư Phật. Cho nên mới có thể gọi là trí trang nghiêm mà không trang nghiêm nhất thiết trí. Vì tính của nhất thiết trí là bất khả đắc. Bồ-đề

không sinh cũng không diệt, không một không khác, chẳng phải đây chẳng phải kia. Chư Phật Như Lai đều nói như vậy.

Lại như tất cả hạt giống trong thế gian có thể sinh trưởng mầm chồi, nếu không hạt giống mầm chồi không sinh. Bồ-tát Thích-ca ngồi Bồ-đề tràng thành đặng chính giác, nghĩa đó cũng như vậy. Chỉ theo duyên pháp mà sinh khởi. Tuy có chỗ chứng nhưng không có thật. Đó tức là nói thần thông du hý. Cho nên phải biết không có pháp bên ngoài. Chư Phật Như Lai cũng không có tính. Cho nên lia thức thật không có một pháp. Nếu lia thức thì pháp không sinh, nên nếu tâm có thể sinh tâm tức là vô sinh. Nếu pháp sinh pháp cũng là vô sinh. Chính vì nghĩa đó chư Phật Như Lai ở trong tâm vô sinh nói nghĩa Bồ-đề.

Phật nói thức tâm có thể sinh Bồ-đề, cũng chẳng phải thức tâm mà có thể sinh.

Bởi vì sao ? Vì tính của thức là không.

Diệu Cát Tường nói cái chân thật tối thượng này là từ trong tự Phật cảnh giới mà nói như thật.

Lại nữa các pháp đều từ duyên sinh, mà cái được sinh kia cũng không tự tính. Cho nên các pháp thấy đều như huyễn. Nói như huyễn là nói như thật.

Bồ-tát Từ Thị hiện trụ trong như huyễn Tam-ma-địa. Cho nên Thế Tôn ở trong Tam-ma-địa đó mà thụ ký để biểu thị.

Lại nữa Thế Tôn trong vô số kinh tuyên thuyết các pháp từ thức biến hiện, lia sinh lia diệt, chẳng có tướng, chẳng thủ giữ, không khởi tạo tác, không dừng nghỉ, chẳng có chẳng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Phải biết tính của trí đều như huyễn hướng chi là các pháp còn có phân biệt. Nếu có chấp trước đoạn thường, thì đó chẳng phải chính hạnh, Phật không chấp nhận.

Nếu biết các pháp chẳng phải đoạn chẳng phải thường, đó là chính phù hợp gọi là chân thật. Ngoài tự phần không có pháp nào có thể chấp trước, cũng chẳng có pháp nào là đối tượng của tâm. Tuy có nhiều cách nói về pháp, nhưng đó là tùy theo các pháp mà biểu thị. Phải biết là tự thức mà không phải thức nào khác. Đối với nghĩa bên ngoài, không có chút pháp nào đáng được yêu thích. Tự thức vô tính, tha thức vô tính, với tự với tha đều không có tính khác. Trí chân thật lia hữu lia vô. Phải biết thức của ta cũng phi hữu, mà nó thâm giữ trong uẩn ngữ của Bồ-đặc-già-la. Cho nên phải biết tất cả Phật, tất cả pháp đều có tự phần. Nếu lia tự phần không thể tìm được, tức đây nói lia hữu lia vô. Đó là nghĩa rất sâu. Chư Phật đều nói pháp vi diệu này, xa lia tất cả chấp thủ chấp trước phân biệt. Lia đây rồi cũng không có gì khác để nói. Những kẻ mê lầm nếu chấp nơi hữu tức có hai thứ giới thú thiện ác sai biệt. Nếu chấp nơi vô tức không có tướng sát-na sinh khởi. Cho nên chấp hữu chấp vô đều không phù hợp. Chư Phật Như Lai phương tiện bi tâm tuyên thuyết nghĩa này. Nghĩa là tất cả pháp lia hữu lia vô. Như vậy đã nói câu tối thượng. Cho nên đây nói các pháp chân thật. Tính của pháp là không bám dính, chẳng phải các sở quán. Cái tính không đeo bám ấy lia hữu lia vô. Nếu biết như vậy là người đại trí. Phải quán hư không, không tăng giảm, không phân lượng, không giới hạn. Hư không này sinh ra tất cả. Tâm thức thanh tịnh cũng như vậy. Cái tâm vô tâm này sinh ra tất cả. Cũng như ngọc báu tịnh ma-ni, vì nó vô tâm nên ánh hiện tất cả.

Nếu có người hỏi vì sao phần vị mà không thể thủ ?

Nên đáp như thế này. Nghĩa là hư không kia không tạo ra ranh giới nên không thể thủ.

Nếu hư không không tạo ra biên giới thì làm sao có lượng ?

Phải biết tất cả cõi chúng sinh như đồng vi trần tụ lại. Một hư không có thể dung chứa mà các chúng sinh như cõi hư không không

có tăng giảm. Nếu tất cả hữu tính và tất cả phương phần, tất cả chúng loại, tất cả hình tướng, mỗi mỗi phân biệt, trong đó thật không có một tính có sinh khởi. Chính vì nghĩa đó nên chẳng phải một tính, chẳng phải nhiều tính, một, nhiều, trung gian cũng đều vô tính. Nếu nói một tính, nhất định có sở đắc, tức các thứ tính có sai biệt. Có tính sai biệt tức sinh phân biệt. Cho nên một tính nhiều tính, tính đó bình đẳng. Nếu đối với ngoại nghĩa không chấp thủ chấp trước thì đối với trí cũng không có sở đắc. Nếu đối với ngoại nghĩa không chấp thủ chấp trước thì đối với trí cũng không sinh khởi. Nếu biết thức tâm là các hữu tướng thì ngoại pháp nào có phân lượng gì ? Nếu biết thức tâm là các hữu tướng thì ngoại pháp là phân lượng gì ? Cho nên biết rằng ngoại pháp kia thật không có một tính có thể sinh khởi. như chiêm bao v.v... pháp không có tác dụng thật. Nếu nói các pháp là đây, đây không có tự tướng. Nếu nói các pháp là kia, kia cũng không thật. Nếu nơi tự tâm có liễu tri, tức tự tâm này cũng là không thật. Nếu biết như thật, gọi là giác liễu thức tướng. Nếu có tất cả tâm thô trọng phân biệt khởi, phải biết đều là phiền não sai biệt sinh. Nếu có thể biết tính phiền não là tâm phân biệt thì sinh tử Niết-bàn cả hai đều thanh tịnh. Tính thanh tịnh này tức tính của các pháp. Tính này cũng gọi là chân như, gọi là thật tế, cũng gọi là không. Trong các tính này hoặc nhiễm hoặc tịnh, quán bằng thật trí đều thấy bình đẳng.

Hoặc có người hỏi trong tất cả pháp pháp gì là không hoại diệt ? Nên đáp rằng tự nhân các pháp không hoại.

Sao không hoại ?

Vì nhân tính không hoại. Dầu pháp là hữu tính dầu pháp là vô tính, không lia tự tính.

Nơi hai nghĩa, nghĩa nào có thể an lập ?

Nếu nhân các pháp và các tác dụng có hoại, thì lý không phù hợp ở tất cả mọi nơi.



Thật tính các pháp làm sao tùy chuyển ?

Nghĩa là vì thật tính kia không có chỗ trụ.

Các pháp vô tính làm sao có nhân ?

Vì lia nhân cũng không có tính nào khác.

Lại nữa, thật tính các pháp không hoại, thì cái tên gọi là hoại cũng không trụ. Trong đây cũng không có tính nhân sai biệt, vì tính hoại diệt kia không có phần vị. Chân thật các pháp là tính thường trụ. Tính thường trụ kia chẳng phải là tính vô thường. Nếu lia thật tính thì lý biệt nghĩa tác dụng không phù hợp. Nhưng tính của các vật cũng không giảm. Lại nữa, tính phi vô thường là tính chân thật.

Trong tính chân thật có nghĩa gì ?

Là tính tác dụng không sai biệt, không thể phân biệt. Nó thường phổ biến tất cả mọi nơi.

Lại nữa, tính phi vô thường là tính chân thật.

Trong tính chân thật làm sao được tướng ? Các không chân thật làm sao lập ? Các tính dị biệt làm sao hiện ? Cho nên tính phi vô thường nên biết như vậy.

Lại nữa, phải biết tính vô thường là ở trong tính của các vật tự loại mà chuyển, vì là nhân sai biệt hiện các tự loại, vì dục là nhân của sinh khởi. Hoặc nếu lấy các tính vô thường kia mà nói quyết định ở đây thì không phù hợp với nghĩa lý duy thức. Tính vô thường kia là không quyết định nên nếu pháp không hoại cũng chẳng phải không hoại, vì hữu pháp sát-na sinh khởi. Nếu nói không hoại thì sao gọi là tính vô thường ? Nếu chẳng phải không hoại, sao lại gọi là tính nhân ? Pháp quá khứ vị lai cũng như vậy, đều không vật tính định thật phân biệt các pháp tùy chuyển.

Tùy theo phần vị, đây là nhân gì ?

Nghĩa là vì không trụ, nên trong các hữu vi hiện tiền có sự diệt. tức kia sau lại có sự sinh khởi lại. Trước không thể phân biệt dẫn sinh phần sau. Sau không thể phân biệt, từ phần trước sinh. Nếu nói các pháp đây có sở đắc, tức trong đây khởi nhân phân biệt. Nếu nói các pháp kia có sở đắc, tức trong kia khởi nhân phân biệt. Quá khứ vị lai không trụ cũng như vậy. trong đó không nên có phân biệt. Trong pháp sát-na có thể nói về nghĩa có hoại không hoại chẳng phải là pháp sát-na. Nếu hiểu biết nhân kia như vậy thì không thể phân biệt trước sau khoảng giữa.

### **QUYỀN THƯỢNG HẾT**

## LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA

( *Luận tập hợp nghĩa tối thượng các pháp bảo* )

### QUYÊN HẠ

Lại nữa, nay nói về sinh trụ dị diệt. Bốn tướng này chuyển từng mỗi sát-na, nên tướng chẳng tương ưng và không thật. Trong cái tướng chẳng tương ưng không thật, không thể khởi hai phân biệt, không thể nói là cùng một thời, không thể nói là khác thời, vì một thời khác thời không sinh khởi.

Lại nữa, không thể nói là không có thời, vì lý trái nhau. Nếu khi nói hoại thì hoại tức không sinh. Cho nên phải biết khi sinh không trụ, khi trụ lại cũng không sở đắc.

Tính không trụ kia làm sao có diệt ?

Sinh và trụ kia gọi là dị.

Nếu vốn không sinh làm sao có trụ ? Nếu pháp không trụ thì làm sao được ? Bởi không sinh và không trụ nên trong nghĩa nào mà nói có diệt ?

Nếu pháp có trụ thì trong tụ pháp có thể nói dị tính.

Pháp đã không trụ làm gì có dị tính ?

Trong tính vô dị không nên phân biệt. Phải biết dị tính mà không phải trụ tính. Thật không có một tính có thể phân biệt. Cho

nên các tướng và tâm phân biệt, đây là hai loại. Nếu không các tướng tức không phân biệt. Nếu các tướng kia nếu tâm phân biệt có phân biệt thì cả hai đều phân biệt. Nghĩa như thật là không tướng không phân biệt. Nếu sinh trụ dị diệt mà có tính thì trong mọi lúc, mọi nơi, tất cả pháp sơ trung hậu phần không thể an lập. Nếu có thể tư duy như lý như vậy, Phật gọi người đó là đại trí.

Các tính sơ phân trung phân hậu phân, trong ba phần thật không có một tính có sinh khởi. Cho nên các pháp chẳng phải một tính chẳng phải nhiều tính. Một hay nhiều hay khoảng giữa đều không sở đắc.

Nếu tất cả pháp lìa một tính, lìa nhiều tính, tức thường cùng vô thường không có chỗ phân biệt. Cho nên phi vô thường, phi phi vô thường. Không nên trong đó khởi hai phân biệt. Phải biết sơ phân trung phân hậu phần không câu sinh, không câu hữu. Như tính của người khác tức mình không có. Nếu thể tính của mình, người khác làm sao có ? Trong đây có nói tự tính còn không, tha tính làm gì có. Cho nên tự cũng vô tính, tha cũng vô tính.

Phải biết các pháp hành động tạo tác không lìa nhân tính. Hoặc hoại diệt không hoại diệt chẳng phải do tâm tư duy, không thể phân biệt. Sơ trung hậu phần như thật tư duy đều là tướng vô vi, tướng vô dị biệt.

Không nên phân biệt các pháp kia mỗi mỗi chủng tử đều có mỗi mỗi tính. Mỗi mỗi không lìa chủng tử trí sinh, sát-na sát-na thời phần chuyển dịch. Cho nên tính của tất cả pháp kia làm sao tâm có thể tư duy sinh khởi sự tướng sai biệt trong tất cả pháp ? Phải biết không nhân cũng không sai biệt.

Các pháp bản lai không tạo tác. Mặc dù tác dụng liên tục làm sao có thật. Cho nên các pháp sở tri và người năng tri, hai cái này trong sát-na không thể hòa hợp.

Tính như vậy, thật không thể thủ. Trong đó không có sở hữu cũng không có sở đắc. Phải quán các pháp sinh rồi liền hoại. Nếu pháp không hoại tức không phải sinh pháp. Bởi pháp hoại nên không sở đắc. Không hoại là tính thường trụ. Tức tính thường trụ cũng lìa. Tức nói lìa là trong đó cũng lìa. Nếu biết như vậy tức rõ các pháp tính sai biệt là nhân thường trụ. Tính không sai biệt cũng như vậy.

Các pháp hữu vi liền sinh liền diệt, nên gọi là không trụ. Nếu có trụ thì phải có sở đắc. Bởi tướng không trụ là không sở đắc, nên pháp không trụ kia tương ưng với các hành sai biệt trong tất cả hành. Nếu tính kia có sở đắc thì làm sao đối trị với hành không sai biệt ? Cho nên trong hành sai biệt không có tính nào sinh.

Lại nữa, phải biết nhãn v.v... các thức có tính hiện lượng. Đức thầy Đại Mâu-ni đã nói rõ điều đó. Nếu lìa tính hiện lượng mà riêng lấy lượng, phi lượng thì làm sao được ? Ở thế gian trước khi làm việc gì đều không có sở y. Nếu như các việc làm không có tính tác dụng, những việc như vậy hiện tiền, cho dầu hiện tiền cũng không thành. Trong đó nếu có làm và chẳng phải làm, đều mâu thuẫn với nghĩa tác dụng. Cho nên tất cả những việc làm không thật, đều như hư không, thường với vô thường đều không nên chấp.

Phải biết các pháp đều từ duyên sinh. Tuy sinh cũng không chút pháp nào đáng gọi là đắc. Duyên như huyễn nên cái sinh ra cũng như huyễn. Tức các pháp xuất sinh như vậy. Vì ý nghĩa đó, các pháp là vô tính mà cũng chẳng phải vô tính. Đấng Chính đẳng chính giác tuyên thuyết nghĩa như thật.

Phải biết tất cả pháp là vô trước vô ngại. Đây là nghĩa chân thật nói trong Đại thừa. Biết như vậy tức tâm Bồ-đề bản lai bình đẳng. Mười phương thế giới tất cả Như Lai biết như thật, nên xuất sinh phương tiện tuyên thuyết tất cả pháp môn rất sâu. Như tùy chỗ thích

ứng mà có danh ngôn phân biệt. Cho nên mỗi mỗi tuyên thuyết là biểu thị các pháp sinh xuất. Như là pháp tứ đế, pháp duy thức.

Tuy có dùng ngôn thuyết nhưng thường chân thật. Tất cả các pháp ấy đều như huyễn. Bởi như huyễn nên không thể tìm, không thể xét, không thể biết, không biểu thị, không thâm giữ. Nếu lìa tất cả như vậy tức biết pháp chân thật. Do biết chân thật mà tâm Bồ-đề mau được giải thoát. Nếu tâm Bồ-đề giải thoát như vậy tức chư Phật cũng vậy, chúng sinh cũng vậy, sinh tử cũng vậy, Niết-bàn cũng vậy, pháp giới cũng vậy. Cho nên Phật với chúng sinh cả hai đều bình đẳng. Sinh tử Niết-bàn cũng bình đẳng.

Nếu trong đó hiểu được nghĩa như thật như vậy, Phật nói đó là chư Phật Bồ-đề. Thế mới làm xong tất cả sở hành sở tác. Nghĩa nói đó là đệ nhất nghĩa. Lìa đây không có đệ nhất nghĩa nào khác. Đệ nhất nghĩa này bao gồm tất cả pháp. Đó là ngữ hành chân thật, không thể nghĩ bàn, ly hữu ly vô, phi trí phi ngu, phi thiếu phi đa, vô tướng vô tính, không chỗ soi tới, trí không thể biết, thức không thể nhận ra, không tức tự tính không lìa tự tính, không lấy không bỏ, lìa tướng lấy bỏ, từ trí như thật sinh ra, tùy chỗ sinh ra, tùy chỗ nói năng, không có tướng chấp thủ, không thâm giữ, chẳng phải do tâm tư duy, vì không thể biết, chẳng phải do mắt thấy, vì không thể thấy.

Bởi vì sao ? Vì tâm không tự tính. Do tâm không tự tính tức tất cả pháp không tự không tha. Do không có hai thứ tự tha sai biệt tức tất cả pháp tự tính tương ưng không sinh không diệt, không tự không tan, chẳng phải trí chẳng phải ngu, không có một chút pháp nào có biểu thị có soi tới.

Phải biết các chủng tử Bồ-đề mà biểu thị rõ rệt tướng của chúng, nếu có thể nơi chúng quán tướng vô ngã thì chủng tử Bồ-đề cũng không sinh. Chư Bồ-tát Ma-ha-tát tự tính chân thật, dùng phương tiện khéo léo xuất hiện thế gian, khởi tâm đại bi thị hiện có chứng đắc. Nhưng chư Bồ-tát tự tính chân thật không sinh không diệt.

Phải biết thức pháp xa lìa nghi hoặc, không có một chút pháp nào có thể sinh khởi. Ngã ngã sở là không, không có tướng hiển rõ biểu thị. Thức tướng sáng suốt mà không có tự tính, nhưng tính sáng suốt kia tính tự thường như vậy. Cho nên tính ngã tướng là không có sáng suốt.

Trong cái không sáng suốt làm sao có thể nói có tướng sáng suốt ?

Như các thứ ánh sáng có thể phá trừ tối tăm. Nhưng sáng và tối không gần nhau, không hợp nhau.

Không gần thì sáng làm sao phá, không hợp thì tối làm sao bị phá ?

Nếu sáng tối cách xa nhau thì lại cả hai đều không sở đắc. Cho nên phải biết cái sáng có thể phá tối là bất tức bất ly, không thể trong đó quyết định thật phân biệt. Tối tuy có phá nhưng không có pháp năng phá. Pháp năng phá kia không có phân lượng nào cả. Bởi vì sao ? Vì cái gọi là phá đó không trụ. Do đó phải biết tất cả pháp do nhân duyên hòa hợp mà có sinh. Do duyên sinh nên thành như huyễn.

Trong pháp như huyễn các si ám kia v.v... cũng chẳng phải phiền não. Chỉ vì trí chướng nên không hiểu rõ. Cho nên lìa thức phân biệt cũng chẳng phải có sinh khởi sáng suốt. Hai thật tính này đều vô phân biệt. Trong đây bên chấp kiến mà thật là không sở đắc.

Lại nữa, phải biết xúc tác ý thụ tướng tư, dục thắng giải niệm định tuệ, các tâm sở hữu pháp đó đều là tướng của Bồ-đề, và mỗi mỗi tự tính của chúng là thanh tịnh. Nếu có một pháp nào chẳng phải tướng Bồ-đề thì lý không hợp với tự thể. Phải như hư không, tự tính thanh tịnh, và trí tính của nó cũng thanh tịnh như vậy. Nếu biết tướng của ngã là vô sở hữu thì tâm thức của nó cũng không sinh.

Nếu thức không sinh thì làm sao có tất cả các pháp ?

Cho nên phải biết các pháp đều từ chân thật sinh ra. Nhân duyên hòa hợp thì các pháp sinh. Tuy sinh mà không thật, không sở hữu.

Các pháp như huyễn. Thức tâm như huyễn. Duyên cũng như huyễn. Do như vậy nên thức theo duyên sinh.

Phải biết trí tính cũng như huyễn, không có phân biệt, không có liễu tri. Tự tướng các pháp chẳng phải trí có thể biết. Chỉ là ngôn thuyết, đều không phù hợp. Trong đây nếu có thể lia các phân biệt, nào sinh nào diệt đều xa lìa hết.

Duyên sinh như huyễn. Cái được sinh ra cũng như huyễn. Làm sao trong cái như huyễn mà thật có sinh ?

Phải biết thức tâm như huyễn nên trí cũng như huyễn. Trí như huyễn nên cái biết cũng như huyễn. Trí và sở tri đều như huyễn nên pháp sinh ra cũng vậy. Sinh pháp như huyễn nên các pháp cũng vậy. Như người trông thấy huyễn thuật tạo các hình tượng, nếu có sinh ra tức có ba việc. Các hành của thế gian cũng vậy, nếu có sinh cũng có ba việc. Nếu nơi tâm này có thấy, tức có ngôn thuyết và có sở tác sự. Nếu hoàn toàn vô tâm, không tư duy.

Vô tâm vô tư làm sao có pháp ?

Nếu có ngã tướng và có ngã sở, có thể nói có thấy. Không ngã ngã sở làm sao nói thấy ? Tướng Bồ-đề kia cũng làm sao chứng ?

Phải biết tướng vô ngã này là như vậy. Tất cả huyễn pháp là vô sở hữu. Như huyễn hiện ra gọi là có. Tính có, tính không, tính tự tính của nó, tính này không đeo bám, mà hiện khắp mọi nơi.

Nếu pháp là có, tức không được là không. Cái có này cũng hiện tiền vô thể. Nếu pháp là không, tức không được là có. Cái không này lại cũng hiện tiền có thật. Cho nên không sinh cũng không thâm giữ. Do đó phải biết nếu pháp mà nói có thì không phải như thị hữu. Nếu không như thị hữu, tức phải là không. Trong đây nói có, lại cũng không thể ghi nhận nhất định. Tự tính của pháp giới nên nói như vậy.



Nếu các sắc pháp là thật hữu thể, nhưng đối với đệ nhất nghĩa là vô sở hữu. Cho nên trong đây các việc ra làm đều do từ huyền hóa phân biệt khởi. Cho nên nếu pháp là hữu tính, nếu pháp là vô tính, vốn tự như vậy. Nếu phi hữu tính, nếu phi vô tính cũng như vậy. Hữu tính, vô tính, tự tính tương ưng. Tính với vô tính chẳng phải tâm phân biệt.

Hoặc có thuyết nói các pháp là mỗi mỗi không có tự tính. Hoặc có thuyết nói các pháp là khác nhau không có tự tính. Trong tất cả pháp tính vô tự tính là không thể nói được. Chư Phật tùy theo ba đời mà chuyển, khiến tất cả chúng sinh trong thế gian đều được giải thoát mà các cõi Phật không có nhân tăng trưởng, kia cũng không có tính tăng trưởng, trong tính chân thật chư Phật thường hữu.

Phải biết tất cả pháp có bốn thứ phân biệt là có, không, hai, chẳng phải hai. Thế gian như huyền, tâm cũng như huyền. Sao không thuyết mà có sở thuyết? Tất cả pháp không, lia các chấp trước. Không cũng không lia tính chân như của nó. Trong đó không nên phân biệt hý luận. Vì ý nghĩa đó các pháp vô tính nên nói như vậy.

Phải biết chư Phật chính đẳng chính giác, phi tính phi vô tính, vì tính với vô tính đều lia chấp trước. Đây tức phi không cũng phi bất không, không có trung gian cũng không chỗ lập. Cho nên tất cả pháp vô sinh vô tính. Do vô sinh vô tính nên tùy theo hữu tướng mà biểu thị nơi nơi.

Nhưng nghĩa chấp tướng là vô sở đắc. Thủ tính vô thật tức là chân thật. Các pháp không sinh cũng không diệt. Tất cả các pháp đều đồng một tướng. Trong đây do đồng một tướng nên tất cả pháp không nhiễm không tịnh.

Nếu nói các pháp có sinh có diệt thì phải biết là đều từ chủng tử phiền não hư vọng sinh khởi. Nếu nói các pháp là không sinh, nói thế là đoạn kiến tăng ngữ. Nếu nói các pháp là không diệt, nói thế là

thường kiến tăng ngữ. Cho nên phải biết các pháp là ly ngôn, không thể nói sinh không thể nói diệt.

Trong tất cả pháp hoặc sinh hoặc diệt, thật không có một chút pháp nào có sở đắc. Nếu có thể lia hai thứ tăng ngữ thì tất cả pháp chẳng phải đoạn chẳng phải thường. Tính hữu tính vô tính tự chân thật. Trong đây không có một chút pháp nào là tướng sở đắc. Không có một sự việc thật có thể chuyển. Các pháp tuy sinh mà vô sở hữu, trong đó cũng là cảnh giới vô thật. Trí như hư không lia các hữu tướng. Trí với hư không đều bình đẳng.

Phải biết tất cả phân biệt sai biệt là lưới phiền não chướng ngại tính thanh tịnh. Chân như vô tướng lia các sở duyên, tự tính thanh tịnh có đại quang minh. Cho nên phải biết chư Phật Thế Tôn bản tính chân như là Phật bảo. Lấy nhân thanh tịnh chỉ bày pháp thanh tịnh, khai sinh chính giải, tự tính nhiệm trì, đó là pháp bảo. Chỉ cho thấy con đường chân thật, tự thể tương ưng, đó là tăng bảo. Như vậy Tam Bảo đều là tướng vô vi, chẳng phải uẩn pháp, không nhóm họp, không sở hữu, không hữu tướng, không phân biệt.

Cho nên chư Phật Thế Tôn trụ nơi thắng nghĩa đế, từ con đường như thật mà đến một cách như thật, nên gọi là Như Lai. Như thật hiểu rõ các pháp vô ngã v.v... cho nên hiện các sắc tướng và pháp công đức. Từ sơ phát tâm tu các thắng hạnh được không thoái chuyển, cho đến tối hậu nhất sinh bồ xứ, thành đẳng chính giác. Sở nhân này từ chân như vô cấu hiện các Phật thân. Các hiện thân này là phương tiện sinh. Tuyên thuyết các pháp mà là vô thuyết tướng.

Bởi vì sao ? Vì vô tính, vô sở hữu, thức tâm thanh tịnh. Thức này tức có các việc sở tác cũng hiện như vậy. Tuy hiện vô thủ mà cũng vô thuyết, vì thắng nghĩa đế là bất khả thủ, bất khả thuyết. Tức vô thủ vô thuyết này tính thể tự chân thật cũng bất khả thuyết. Bởi bất khả thuyết tức vô phân biệt. Tính vô phân biệt là thắng nghĩa đế.

Trong thắng nghĩa để tùy sự phân biệt sở hữu sở hữu các pháp thanh, như thị như thị các pháp thuyết.

Các pháp vô thuyết tướng kia, pháp tính các pháp đều bình đẳng. Các pháp vô ngã cũng vô tự tính. Hữu tính vô tính, các tự tính kia là hữu là vô, bất khả thủ mà cũng bất khả thuyết. Trong đây như vậy hoặc hữu hoặc vô, ngữ nghĩa rất sâu, là tướng mà nói. Các pháp không có tướng tướng. Đó gọi là chính đẳng giác.

Các pháp là thuyết tướng, đó gọi là chân thật thuyết. Không sinh cũng không diệt, các pháp nghĩa rất sâu, mỗi mỗi các cảnh giới vô ngã và không chuyển. Ngoại pháp không thể chuyển. Ngoại pháp không thể thủ. Các pháp thí, giới v.v... tuy nói mà vô tướng. Cho nên trong tất cả pháp không có tướng sở thủ, tức vô sở trước.

Trong đây cũng không có tác dụng nào khác. Dầu có sở tác sự cũng gọi là không. Tác dụng không, cho nên vô thật hành tướng. Trong vô thật hành tướng, pháp không tăng không giảm. Nếu đối với các pháp hư vọng phân biệt, phải biết tâm ấy chuyển trong chấp tướng, khởi nơi tâm ấy. Cho nên người ngu si chấp trước tính phiền não, không giải thoát. Nếu không khởi các hư vọng phân biệt thì các sở tác đều vắng lặng, có thể như thật được giải thoát. Không phân biệt cho nên tâm tâm tính thường vắng. Cho nên các pháp từ duyên mà sinh, tuy có sinh mà gọi là không. Phải quán tự pháp mà không có tướng. Đấng Chính đẳng chính giác đã nói như vậy.

Phải biết các pháp không tụ tập không tan rã, không tụ không tha, không có chút pháp nào có thể thủ tướng, như trước cũng như sau, trước sau tương ứng, mà tính chân như kia chiếu sáng.

Nếu có thể chiếu thấu tính chân như kia thì các pháp duyên sinh hiện mà không chướng ngại. Như huyền sinh, cũng nói như vậy. Đây nói Đại thừa xuất sinh, phải biết tất cả pháp hoặc sinh hoặc diệt, chẳng phải do tìm kiếm dò xét có thể biết.

Bởi vì sao ? Vì không chấp trước nơi ngữ nghĩa, vì tính chân thật kia là bất khả tri. Cho nên hiện tiền không chấp thủ chấp trước. Người trí như thật lia các ngôn thuyết.

Tâm phân biệt là lưới vương mắc, lia phân biệt tức được giải thoát. Tâm giải thoát kia bình đẳng như hư không. Nói như vậy là nói pháp rất sâu.

Nếu trong đây như thật tin hiểu, đó là người đại trí. Cái tâm tin hiểu kia sánh bằng ba cõi. Tâm ấy thanh tịnh lia các trần cấu, lại có thể xa lia tất cả nhiễm trước, tức đối với các pháp không lấy không bỏ, tất cả chấp trước ngu si đều xa lia, có thể đạt được mười thứ tự tại.

Đối với tự pháp giác liễu tự tính. Trong vô tự tính cũng vô sở trụ, đối với các pháp như thật tin hiểu, như chỗ tin hiểu mà trụ như thật. Ví như hư không phổ biến khắp tất cả không thiếu nơi nào. Tất cả pháp viên mãn xuất sinh cũng như vậy. Pháp đó bình đẳng phổ biến khắp tất cả. Trong đó không có pháp hoặc đến hoặc đi. Không đến không đi nên các pháp hiện tiền. Biết được nghĩa này là thông đạt Phật giáo.

Tất cả sinh pháp đều không chấp trước. Khác đây cũng không có một pháp nào khác. Đây là con đường trọng yếu của các pháp Đại thừa, tối thượng thậm thâm như thật mà chuyển. Thức tâm tịnh nên không chấp trước tất cả, lý không mâu thuẫn với tất cả pháp. Cho nên phải biết tất cả chấp tâm đều ở nơi hữu pháp.

Pháp rất sâu kia chẳng phải trí quán, chẳng phải chỗ liễu tri. Hữu vô hai chỗ đều không thể lập. Vì ý nghĩa nghĩa ấy chư Phật Bồ-đề không có người năng chứng, không có chỗ sở chứng. Trong pháp Bồ-đề không có chỗ an lập. Nếu có thể như thật chứng Phật nơi tự mình thì tự tương ưng cùng tất cả pháp.

Các pháp không nhân cũng không sở tác, những kẻ ngu si tự duy phân biệt nếu chấp không nhân thì lại không thể tập hợp các việc

phúc, khởi tâm niễm trước cảm báo ác thú. Cho nên người trí trong pháp vi diệu rất sâu này như thật tin hiểu tôn trọng cung kính tức được vô lượng phúc tụ cao tốt. Đó gọi là người chân thật tu Đại thừa.

Cho nên nếu người giác liễu đường lối này là con đường như thật, con đường không chấp trước, tối thượng tối thắng mà có thể phát sinh lòng tin thanh tịnh thì được chư Phật ngợi khen. Nếu có những người vô trí, tà kiến, ngoại đạo không thể xả bỏ tâm chấp trước, thì không nên vì họ mà nói pháp rất sâu này. Nói cũng chẳng lợi ích gì vì lý không thích ứng.

*Con đã ngợi khen pháp tối thượng,  
Sơ trung hậu thiện lý tương ưng.  
Gồm thấu chân thật câu cao tốt,  
Vi diệu rất sâu không nghĩ bàn.  
Gồm các công đức thật vô biên,  
Thí cho chúng sinh tất cả cõi./*

## QUYỂN HẠ HẾT

SỐ 1639

**LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT PHÁ LĂNG GIÀ KINH  
TRUNG NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA TỨ TÔNG**  
( *Luận Bồ-tát Đề-bà phá chấp 4 tông của ngoại đạo  
Tiểu thừa trong Kinh Lăng-già* )

*Bồ-tát Đề-bà tạo luận  
Bồ-đề-lưu-chi dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Hỏi: Ngoại đạo có lập 4 tông pháp, trái ngược với Phật pháp, đó là gì ?

Đáp: Có các ngoại đạo nói tất cả pháp là một.

Có các ngoại đạo nói tất cả pháp là khác.

Có các ngoại đạo nói tất cả pháp là như nhau.

Có các ngoại đạo nói tất cả pháp không như nhau.

Đó là các ngoại đạo hư vọng chấp trước vì cho là thật có vật.

Hỏi: Các ngoại đạo nào nói tất cả pháp là một ?

Đáp: Luận sư ngoại đạo Tăng-khư nói tất cả pháp là một.

Luận sư ngoại đạo Tì-thế sư nói tất cả pháp là khác.

Luận sư ngoại đạo Ni-kiền tử nói tất cả pháp là như nhau.

Luận sư ngoại đạo Nhã-đề tử nói tất cả pháp là không như nhau.

Hỏi: Ngoại đạo Tăng-khur nói tất cả pháp là một như thế nào ?

Đáp: Ngoại đạo Tăng-khur nói hai pháp ngã và giác là một. Bởi vì sao ? Vì hai tướng sai biệt là không thể được.

Hỏi: Vì sao hai tướng sai biệt là không thể được ?

Đáp: Như bò và ngựa là hai pháp khác nhau. Hai tướng khác nhau đó có thể thấy có thể thủ. Nói đây là bò và đây là ngựa.

Nhưng ngã mà lìa giác thì không thể có ngã, lìa ngã không thể có giác. Như trong kinh có nói: Thể tướng của ngã và giác như lửa và cái nóng. Hai pháp không thể sai biệt.

Hỏi: Vì sao không thể sai biệt ?

Đáp: Vì pháp đó không thể nói là khác. Ví như xấp vải trắng, không thể nói đây là trắng, đây là xấp vải. Hai pháp sai biệt như xấp vải trắng. Nhân quả tất cả pháp cũng như vậy.

Hỏi: Ngoại đạo Tì-thế sư nói tất cả pháp khác thế nào ?

Đáp: Họ nói khác, là ngã và giác khác nhau. Bởi vì sao ? Vì nói pháp khác.

Hỏi: Sao gọi là nói pháp khác ?

Đáp: Như nói đây là trắng, đây là xấp vải, đây là Thiên đức, đây là xấp vải Thiên đức. Ngã và giác khác nhau cũng như vậy. Đây là ngã, đây là trí.

Hỏi: Có gì khác nếu nói pháp ấy không thể nói là một ?

Đáp: Ví như xấp vải trắng, đây là trắng đây là xấp vải. Như vậy tất cả nhân quả đều khác, nên không thể nói là một.

Hỏi: Ngoại đạo Ni-kiền tử nói tất cả pháp như nhau là thế nào ?

Đáp: Nói tất cả pháp như nhau, là như ngã và giác không thể nói là một, không thể nói là khác.

Lại có nghĩa khác là vì có thể nói là một có thể nói là khác.

Hỏi: Sao gọi là chẳng phải một chẳng phải khác, cũng một cũng khác ?

Đáp: Như ngã với sinh mạng, dụng và tướng có khác vì phương tiện khác nên nói. Như tham sân si v.v... được nói là có khác. Ví như đèn sáng, được nói là một, được nói là khác. Bởi có đây thì có kia, không có đây thì không có kia, nên được nói là một. Đèn khác xứ, sáng khác xứ, nên được nói là khác. Giống như nhân quả của đèn sáng, xấp vải trắng, tất cả pháp cũng như vậy, cũng được nói là một, cũng được nói là khác, cho nên nói là như nhau.

Hỏi: Ngoại đạo Nhã-đề tử nói tất cả pháp không như nhau thế nào ?

Đáp: Không như nhau, nghĩa là tất cả pháp không thể nói một không thể nói khác, là vì lỗi kiến chấp một bên. Bởi các luận sư nói một, khác, như nhau đều có lỗi. Cho nên người trí không lập ba pháp như vậy.

Hỏi: Lỗi như thế nào ?

Đáp: Nếu tách rời trắng không có xấp vải. Trắng mất xấp vải cũng phải mất. Nếu khác trắng mà có xấp vải thì phải có xấp vải chẳng phải trắng, có trắng chẳng phải xấp vải. Cho nên các pháp một, khác, như nhau, tôi đều không lập.

Hỏi: Tuy nhiên một, khác, như nhau v.v... tất cả pháp không thể nói không ?

Đáp: Đây là các ngoại đạo hư vọng phân biệt. Đó là tướng tà kiến, không phải tướng trí. Đều là bất thiện.

Nghĩa này là thế nào ?

Lại nữa, một v.v... là pháp hư vọng phân biệt. Do không được nói tức pháp đó, pháp đó một không được nói cái bình. Bình một, vì



bình tức là bình. Cho nên cũng không được nói pháp khác. Pháp khác một, bởi không được nói chung với bình. Xấp vải một, bởi tướng bình khác, tướng xấp vải khác. Lấy pháp khác là pháp khác, pháp khác không được một không được khác. Bởi pháp khác không thành pháp khác. Bởi pháp khác không được nói pháp khác. Nếu hai pháp nói một nói khác, hai pháp đó phải nói một nói khác. Nếu không nói một không nói khác thì đây là hư vọng phân biệt. Nếu hai pháp đó là một thì không được nói pháp đó là khác.

Nếu không hai sao nói một ?

Bởi pháp đó đợi nhau thành nên dựa vào thể để hư vọng phân biệt. Trong đệ nhất nghĩa để không có lỗi hý luận hư vọng phân biệt của ngoại đạo.

Trên đây là giải đáp chung bốn tướng tà kiến của ngoại đạo.

Từ đây trở xuống giải đáp riêng bốn nghĩa. Như vậy mỗi mỗi quan sát nghĩa hư vọng phân biệt không thành tựu của các ngoại đạo Ca-tì-la, Ưu-lâu-khư v.v...

Nghĩa ấy như thế nào ?

Nói tất cả pháp là một, nghĩa ấy không đúng. Bởi diệt thì phải diệt, không diệt thì không được diệt.

Đều diệt đều không diệt là nghĩa thế nào ?

Ông trước đã nói tướng của ngã và giác sai biệt là không thể được, như xấp vải trắng. Tôi đã phá nghĩa này rồi. Bởi vì sao ? Vì nghĩa này không phù hợp với các kinh luận. Ông nói các pháp sai biệt không thể được, nghĩa này không đúng. Như bàn tay móng tay, pháp đó hai tướng sai biệt không thể được.

Đó là nói nghĩa gì ?

Như móng tay, ngón tay gọi là bàn tay. Nếu khác pháp này thì không thể được bàn tay. Như vậy xấp vải trắng là một không thể

được, cũng như bàn tay với ngón tay. Nếu cái này diệt cái kia cũng phải diệt.

Nghĩa ấy như thế nào ?

Nếu cái trắng mắt, xấp vải cũng phải mất. Như chặt bàn tay tức chặt ngón tay. Nếu ý ông bảo cái trắng mắt xấp vải không mất thì nghĩa ấy không đúng. Nếu xấp vải không mất thì trắng cũng phải không mất. Cũng giống như chặt bàn tay mà còn ngón tay, thì chặt ngón tay bàn tay cũng phải còn.

Nếu ý ông bảo xanh vàng đỏ v.v... chỉ mất màu trắng mà không mất xấp vải thì sao gọi là một ? Nếu không như vậy thì xanh vàng đỏ v.v... các màu không mất. Không như vậy xấp vải không mất thì các màu xanh vàng trắng v.v... cũng phải không mất.

Hỏi: Xanh vàng đỏ v.v... phủ lên màu trắng mà không diệt mất cái trắng. Nghĩa này thế nào ?

Đáp: Xấp vải cũng vậy, phủ lên xấp vải mà không diệt mất xấp vải. Lại nghĩa này cũng không phải vậy. Giặt xấp vải rồi trở lại thấy màu trắng. Cho nên xấp vải cũng vậy. Phủ lên xấp vải mà không diệt mất xấp vải. Cho nên trắng tức là xấp vải, xấp vải tức là trắng.

Nếu xấp vải mất rồi làm sao thấy các màu xanh vàng đỏ trắng ? Nếu ý ông bảo trắng diệt mất lớp phủ chẳng phải diệt mất xấp vải, diệt mất lớp phủ xấp vải không diệt mất trắng. Nếu vậy là có pháp diệt lớp phủ, có pháp không diệt không phủ, thì sao nói là một ? Cho nên nghĩa một là bất thành.

Đã giải đáp xong chủ trương nói tất cả pháp là một của luận sư ngoại đạo Tăng-khư.

Hỏi: Luận sư ngoại đạo Ca-na-đa nói tất cả pháp khác nhau, nghĩa là ngã với giác khác nhau. Bởi nói pháp khác, nên đây là ngã đây là giác. Như xấp vải trắng, đây là trắng đây là xấp vải.

Đáp: Nghĩa này không đúng, vì không có thí dụ. như người nói đây là bàn tay đây là ngón tay. Người ấy tuy nói lời này không thể nói pháp khác. Cho nên không được nói ngã giác khác. Như xấp vải trắng bởi thấy thể gian có hai thứ sai biệt: một là tướng hai là xứ. Tướng sai biệt là sắc hương vị xúc không khác vì tướng có tướng khác. Xứ sai biệt là như thóc đậu v.v... có xấp vải trắng không khác tướng có sai khác. Như sắc hương vị xúc kia. Nếu không vậy thì có bốn lỗi.

Nghĩa này thế nào ?

Trắng mất xấp vải cũng mất. Như sắc hương vị xúc kia. Ví như lửa hòa hợp nung đốt cái bình thành màu đỏ rồi lại làm màu xanh. Hương vị cũng vậy. Nếu không vậy thì sắc hương vị xúc cũng phải không diệt. Như xấp vải trắng kia không thể khác được. Nếu trắng diệt xấp vải cũng phải diệt. Xấp vải không diệt trắng cũng không diệt.

Hỏi: Nghĩa này không đúng. Căn cứ vào pháp kia có pháp này. Ví như bức họa vẽ trên vách. Nung nơi vách mà có bức họa. Vách mất bức họa cũng mất. Họa mất vách không mất, ví như trắng mất mà xấp vải không mất, nghĩa cũng như vậy.

Đáp: Ví dụ này của ông sự việc không tương tự. Vách có trước, bức họa là làm sau, còn xấp vải trắng kia không có trước sau. Không thể nói cái trắng này có trước, xấp vải làm sau.

Đã trả lời xong về nghĩa tất cả pháp khác của luận sư ngoại đạo Vệ-thế sư.

Hỏi: Luận sư ngoại đạo Ni-kiền tử nói tất cả pháp như nhau. Luận sư Ca-tì-la đều có lỗi vì nói một khác. Cho nên tôi nói như nhau mà không như nhau. Ví như đèn sáng. Có cái này là có cái kia, có cái kia là có cái này. Không cái này là không cái kia, không cái kia là không cái này. Như có đèn có sáng, có sáng có đèn. Không đèn

không sáng, không sáng không đèn. Khác là năng chiếu sở chiếu. Bởi đèn khác xứ, sáng khác xứ. Cho nên nói khác. Như ngã giác, xấp vải trắng v.v... cũng được nói một cũng được nói khác. Ví như màu trắng nơi xấp vải không thể nói hai cái đó có chỗ riêng biệt đây là trắng đây là xấp vải như thế gian chỉ đây là con bò đây là con ngựa v.v... xấp vải trắng không như vậy. Cho nên tôi không nói khác cũng không nói là một. Nếu một thì trắng mất xấp vải cũng phải mất. Lại nữa, nếu một thì cũng không nên nói xấp vải đỏ, xấp vải đen v.v... Cho nên tôi được nói là một được nói là khác.

Nghĩa này thế nào ?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Như trước đã nói lỗi của Tăng-khur, Tì-thế sư v.v... với đây cũng không khác.

Những nghĩa nào là Tăng-khur một, như trước nói ? Những nghĩa nào là Tì-thế sư khác, như trước nói ? Trước nói như thế nào ?

Như trước nói đèn sáng một, là đèn tức là sáng, sáng tức là đèn. Đây chỉ số khác nhau mà nghĩa không khác.

Nếu vậy đèn cũng phải sáng, sáng cũng phải là đèn. Nếu hai pháp này một thì sao khác xứ ?

Như tay với ngón tay không sai biệt. Chân với tay có sai biệt.

Tay với ngón tay không sai biệt, nếu một sao nói là khác ?

Cho nên không được nói một nói khác. Nghĩa một khác đây bất thành.

Đã trả lời xong về nghĩa tất cả pháp như nhau của luận sư ngoại đạo Ni-kiền tử.

Hỏi: Luận sư Nhã-đề tử nói các luận sư Tăng-khur v.v... nói tất cả pháp là một, khác, như nhau đều có lỗi. Tôi, Nhã-đề tử không nói tất cả pháp là một, khác, như nhau. Như trong luận của tôi không

chấp nhận nghĩa này, chỉ chấp nhận không như nhau. Cho nên tôi không có các lỗi như Tăng-khư v.v...

Tuy nhiên không được nói không chẳng như nhau.

Nghĩa này là thế nào ?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì không có thí dụ. Bởi không thí dụ, tôi nói thế để có pháp như vậy, còn trong đệ nhất nghĩa để không có tướng như vậy. Cho nên đây thành nghĩa của tôi nói.

Đây là nói nghĩa gì vậy ?

Bởi không pháp kia tức không pháp này, không pháp thể kia cũng không pháp thể này. Bởi pháp này không thành pháp kia, pháp kia không thành pháp này. Bởi pháp này rất ráo chẳng phải pháp kia, pháp kia cũng rất ráo chẳng phải pháp này. Bởi trắng chẳng phải xấp vải, bởi xấp vải chẳng phải trắng. Bởi diệt không phải diệt. Bởi một thì tức trắng là xấp vải, xấp vải tức là trắng. Không vậy thì diệt là diệt, không diệt là không diệt.

Nếu vậy thì sao gọi là hư vọng phân biệt ?

Pháp đó là một, khác, như nhau, không như nhau. Nếu vậy xấp vải cũng phải chẳng phải xấp vải, chẳng phải không phải xấp vải. Trắng cũng phải chẳng phải trắng, chẳng phải chẳng trắng. Cho nên chẳng phải trắng chẳng được trắng. Như vậy một, khác, như nhau, không như nhau đều là hư vọng phân biệt. Chỉ là lời nói không có thật nghĩa. Như vậy ngã giác nhân quả v.v... các nghĩa cũng đều như vậy.

Đã trả lời xong về nghĩa tất cả pháp không như nhau của luận sư ngoại đạo Nhã-đề tử./.

**HẾT**

SỐ 1640

**LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT THÍCH LĂNG GIÀ  
KINH TRUNG NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA  
NIẾT BÀN**

*( Luận Bồ-tát Đề-bà giải thích Niết-bàn của ngoại  
đạo Tiểu thừa, trong Kinh Lăng-già )*

*Bồ-tát Đề-bà tạo luận  
Bồ-đề-lưu-chi dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Hỏi: Ngoại đạo gọi Niết-bàn là gì ?

Đáp: Ngoại đạo nói Niết-bàn có 20 thứ. Đó là các hư vọng phân biệt của ngoại đạo. Do nguyên nhân đó mà sinh vào lục đạo. Để ngăn chặn các tà kiến đó, Như Lai nói chính nghĩa nhân quả của Niết-bàn.

Hai mươi thứ là những gì ?

1. Tiểu thừa ngoại đạo luận sư
2. Phương luận sư
3. Phong tiên luận sư
4. Vi-đà luận sư
5. I-xa-na luận sư
6. Lỗa hình ngoại đạo luận sư

7. Tì-thế luận sư
8. Khổ hạnh luận sư
9. Nữ nhân quyển thuộc luận sư
10. Hành khổ hạnh luận sư
11. Tịnh nhân luận sư
12. Ma-đà-la luận sư
13. Ni-kiền tử luận sư
14. Tăng-khur luận sư
15. Ma-hê-thủ-la luận sư
16. Vô nhân luận sư
17. Thời luận sư
18. Phục thủy luận sư
19. Khẩu lực luận sư
20. Bản sinh an-đồ luận sư.

Hỏi: Ngoại đạo nào nói các ấm hết như đèn tắt, hạt giống hư, gió ngừng gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ nhất: Tiêu thừa ngoại đạo luận sư nói.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói phương vị là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 2: Ngoại đạo phương luận sư nói trước tiên sinh các phương. Từ các phương sinh người thế gian. Từ người sinh trời đất. Trời đất diệt mất trở lại nhập vào xứ kia gọi là Niết-bàn. Cho nên phương luận sư nói phương vị là thường, là nhân của Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói gió là nhân của Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 3: Ngoại đạo phong tiên luận sư nói gió có thể sinh trưởng mạng vật, có thể giết chết mạng vật. Gió tạo vạn vật, có thể phá hoại vạn vật, gọi gió là Niết-bàn. Cho nên phong tiên luận sư nói gió là thường, là nhân của Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói Phạm thiên là nhân Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 4: Ngoại đạo Vi-đà luận sư nói từ nơi rốn trời Na-la-diên sinh ra hoa sen lớn. Từ hoa sen sinh ra ông tổ Phạm thiên. Phạm thiên kia tạo ra tất cả vật có mạng sống không mạng sống. Từ miệng Phạm thiên sinh Bà-la-môn. Từ hai cánh tay sinh Sát-lợi. Từ hai bắp đùi sinh Tì-xá. Từ hai gót chân sinh Thủ-đà. Tất cả đại địa là giới trường tu phúc đức, sinh tất cả hoa cỏ để cúng dường, hóa làm núi non đồng nội cầm thú, heo dê lừa ngựa v.v... cho con người. Ở trong giới trường giết hại cúng dường Phạm thiên được sinh nơi đó gọi là Niết-bàn. Cho nên Vi-đà luận sư nói Phạm thiên là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói không thấy phân biệt thấy thường vô thường là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 5: Ngoại đạo I-xa-na luận sư quyền thuộc nói như vậy. Luận sư Tôn giả I-xa-na hình tướng biến khắp tất cả không thể thấy. Vì không hình tướng nên có thể sinh tất cả vạn vật có mạng sống không có mạng sống. Vì vậy gọi là Niết-bàn. Cho nên quyền thuộc của I-xa-na luận sư nói như vậy. I-xa-na là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào phân biệt thấy các thứ tướng khác gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 6: Lỗa hình ngoại đạo luận sư nói.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói thấy tự tướng tất cả pháp là đồng tướng, là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 7: Ngoại đạo Tì-thế luận sư nói như vậy. Nghĩa là đất, nước, lửa, gió, hư không, vi trần, vật, công đức, nghiệp, thắng, mười thứ pháp thường, cho nên hòa hợp sinh ra tất cả thế gian vật có tri giác và vật không tri giác. Từ hai vi trần lần lượt sinh tất cả pháp.



Không có chúng thì không có hòa hợp. Không hòa hợp tức ly tán. Ly tán tức Niết-bàn. Cho nên Tì-thế luận sư nói vi trần là thường, có thể sinh tất cả vật, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói thân hết, phúc đức hết là Niết-bàn?

Đáp: Thứ 8: Khổ hạnh luận sư nói.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói tự tính mạng người chuyển đổi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 9: Ngoại đạo nữ nhân quyền thuộc luận sư nói trời Ma-hê-thủ-la tạo ra tám người nữ: 1. A-đề-trí 2. Đề-trí 3. Tô-la-bà 4. Tì-na-đa 5. Ka-tì-la 6. Ma-nậu 7. I-la 8. Ca-đầu.

A-đề-trí sinh chư thiên. Đề-trí sinh A-tu-la. Tô-la-bà sinh rồng. Tì-na-đa sinh các loài chim. Ca-tì-la sinh loài bốn chân. Ma-nậu sinh loài người. I-la sinh tất cả loại ngũ cốc. Ca-đầu sinh tất cả rắn rết bò cạp muỗi mòng rận rệp các loại nhiều chân v.v... Biết như vậy là Niết-bàn. Cho nên nữ nhân quyền thuộc luận sư nói nữ nhân là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói tội phúc hết đức cũng hết nên gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 10: Ngoại đạo hành khổ hạnh luận sư nói.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói phiền não hết nên dựa vào trí, gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 11: Ngoại đạo tịnh nhãn luận sư nói như vậy.

Hỏi: những ngoại đạo nào nói thấy trời Tự Tại tạo ra chúng sinh, gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 12: Ngoại đạo Ma-đa-la luận sư nói, Na-la-diên luận sư nói: Ta tạo ra mọi vật. Ta là tối thắng trong tất cả chúng sinh. Ta sinh ra tất cả vật có mạng sống không có mạng sống trên thế gian.

Ta là núi chúa Đại Tu-di trong tất cả núi. Ta là biển lớn trong tất cả các dòng sông. Ta là vị thuốc trong các loại ngũ cốc. Ta là Ca-tì-la Mâu-ni trong tất cả người tiên. Nếu ai chí tâm dùng nước, hoa cỏ trái cây cúng dường ta, ta không bỏ mất người ấy, người ấy không mất ta. Ma-đà-la luận sư nói, na-la-diên luận sư nói tất cả vật từ ta sinh ra, rồi chết mất trở về nơi kia gọi là Niết-bàn, cho nên gọi là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói chúng sinh cùng một nhân sinh gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 13: Ngoại đạo Ni-kiền tử luận sư nói như vậy. Ban đầu sinh một nam và một nữ. Hai nam nữ đó hòa hợp sinh tất cả các vật có mạng sống và không có mạng sống. Sau ly tán trở lại mất nơi kia gọi là Niết-bàn. Cho nên Ni-kiền tử luận sư nói nam nữ hòa hợp sinh mọi vật là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói chúng đế đạo là nhân Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 14: Ngoại đạo Tăng-khur luận sư nói 25 đế tự tính nhân, sinh các chúng sinh là nhân Niết-bàn. Tự tính là thường, nên từ tự tính sinh đại, từ đại sinh ý, từ ý sinh trí, từ trí sinh 5 phần, từ 5 phần sinh 5 tri căn, từ 5 tri căn sinh 5 nghiệp căn, từ 5 nghiệp căn sinh 5 đại. Cho nên trong luận nói tùy theo những tính gì tu hành 25 đế, biết như thật biết từ tự tính sinh, trở lại nhập vào tự tính, có thể lia tất cả sinh tử được Niết-bàn. Như vậy từ tự tính sinh tất cả chúng sinh. Cho nên ngoại đạo Tăng-khur nói tự tính là thường, có thể sinh các pháp, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói hữu tác và sở tác hòa hợp nhau là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 15: Ngoại đạo Ma-hê-thủ-la luận sư nói như vậy. Quả là Na-la-diên tạo tác. Phạm thiên là nhân. Ma-hê-thủ-la một thể chia làm ba là Phạm thiên, Na-la-diên và Ma-hê-thủ-la. Đất là chỗ dựa.

Chủ ở đất là trời Ma-hê-thủ-la. Trong ba cõi tất cả mọi vật có mạng sống không có mạng sống đều do trời Ma-hê-thủ-la sinh ra. Thân của Ma-hê-thủ-la gồm hư không là đầu, đất là thân, nước là nước tiểu, núi là phân, tất cả chúng sinh là trùng ở trong bụng, gió là mạng sống, lửa là sức nóng, tội phúc là nghiệp. Tám thứ này là thân của Ma-hê-thủ-la. Trời Tự Tại là nhân sinh diệt. Tất cả từ trời Tự Tại sinh ra., từ trời Tự Tại diệt, gọi là Niết-bàn. Cho nên Ma-hê-thủ-la luận sư nói trời Tự Tại là thường, sinh tất cả mọi vật, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói mọi vật do tự nhiên sinh, gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 16: Ngoại đạo vô nhân luận sư nói như vậy. Mọi vật không nhân không duyên sinh, không nhân nhiễm, không nhân tịnh. Trong luận ta nói như gai, kim không có người làm, các màu của chim công v.v... đều không có ai làm. Tự nhiên có, không từ một nhân nào sinh, gọi là Niết-bàn. Cho nên vô nhân luận sư nói tự nhiên là thường, sinh ra tất cả mọi vật, là nhân Niết-bàn,

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói các vật đều do thời tạo ra, gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 17: Ngoại đạo thời luận sư nói như vậy. Thời làm thực tất cả đại. Thời tạo nên mọi vật. Thời làm tan mọi vật. Cho nên trong luận của ta nói: Như bị trăm mũi tên bắn mà thời không đến cũng không chết. Thời đến thì chạm một cọng cỏ nhỏ cũng chết ngay. Mọi vật do thời sinh, do thời chín muồi, do thời diệt. Thời không thể quá, cho nên thời luận sư nói thời là thường, sinh mọi vật, gọi là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói thấy có vật gọi là Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 18: Ngoại đạo phục thủy luận sư nói như vậy. Nước là nguồn gốc vạn vật. Nước có thể sinh ra trời đất, sinh ra mọi vật có sinh mạng và không có sinh mạng, dưới đến địa ngục A-tì trên đến

trời A-ca-ni-tra đều nước làm chủ. Nước có thể sinh ra vật. Nước có thể hoại diệt vật, gọi là Niết-bàn. Cho nên ngoại đạo phục thủy luận sư nói nước là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói thấy không vật là nhân Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 19: Ngoại đạo khẩu lực luận sư nói hư không là nhân của vạn vật. Đầu tiên sinh hư không. Từ hư không sinh gió, từ gió sinh lửa, từ lửa sinh nóng, nóng sinh nước, nước liền đông cứng làm đất. Từ đất sinh các thứ dược thảo, từ các thứ dược thảo sinh ngũ cốc, từ ngũ cốc sinh mạng, cho nên trong luận ta nói mạng là ăn, sau thời lại chết mất, hư không là Niết-bàn. Cho nên ngoại đạo khẩu lực luận sư nói hư không là thường, là nhân Niết-bàn.

Hỏi: Những ngoại đạo nào nói thấy vật có không, là nhân Niết-bàn ?

Đáp: Thứ 20: Ngoại đạo bản sinh an-đồ luận sư nói. Vốn không có mặt trời mặt trăng tinh tú hư không và đất, chỉ có toàn là nước. Bảy giờ Đại an-đồ sinh ra như cái trứng gà màu sắc vàng, khi đã thực rồi vỡ ra làm hai phần, một phần ở trên làm trời, một phần ở dưới làm đất. Ở giữa hai phần đó sinh Phạm thiên, là ông tổ của tất cả chúng sinh, tạo ra tất cả những vật có sinh mạng và không có sinh mạng. Những vật có mạng không có mạng tan mất, nơi đó gọi là Niết-bàn. Cho nên ngoại đạo an-đồ luận sư nói Đại an-đồ sinh ra Phạm thiên là thường, là nhân Niết-bàn./.

**HẾT**

**SỐ 1641**  
**LUẬN TÙY TƯỚNG**  
( *Luận giải thích 16 hành tướng của 4 đế* )

*Pháp Sư Đức Tuệ tạo luận  
Tam tạng Chân Đế dịch  
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Trong luận giải thích nghĩa của 16 đế.

Hỏi chung 16 đế là có 16 vật hay có 16 tên ?

Đáp: Sư Tì-phà-sa giải thích là vì có 16 vật nên lập 16 tên. Vì thể của nó là thật có, nên gọi là vật.

Sư Kinh Ưu-bà-đề-xá giải thích tên có 16, vật chỉ có 7, khổ đế có 4 là vô thường khổ không vô ngã, tập diệt đạo 3 đế mỗi đế đều một, hợp lại là 7.

Phật vốn nói Kinh Ưu-bà-đề-xá để giải thích các nghĩa. Sau khi Phật diệt độ, A-nan, Đại Ca-chiên-diên v.v... đọc lại những điều trước đã nghe.

Để giải thích nghĩa trong kinh, như các đệ tử tạo luận giải thích kinh, nên gọi là Kinh Ưu-bà-đề-xá.

Tì-bà-sa lại từ trong Ưu-bà-đề-xá rút ra, gọi tắt là Ưu-bà-đề-xá và đã lưu truyền, nên không gọi kinh Tì-bà-sa.

Nay trước căn cứ vào thuộc duyên giải thích trước, nên gọi pháp hữu vi vô thường, không có lực không thể tự khởi lên, phải nhờ duyên mới khởi. Như đứa trẻ con không thể tự đứng lên, phải nhờ người dìu đỡ mới đứng được.

Nói duyên, tức tham ái và nghiệp. Phải đủ 2 pháp này 5 ấm mới sinh. Nghiệp có thể sinh quả. Tuy có thể sinh, nếu không tham ái yêu đắm nơi sinh thì quả cũng không khởi. Giống như đất nước có thể làm hạt lúa nảy mầm, nhưng nếu không có người đem hạt lúa đặt vào đất, mầm lúa không nảy được.

Khi chưa khởi tham ái và nghiệp thì quả không khởi. Tham ái và nghiệp nhân duyên hòa hợp, quả mới sinh. Sinh tức hiện hữu. Nếu nghiệp lực hết thì quả diệt mất, trở lại thành không. Tức là trước sau. Trước sau không hệ thuộc nơi duyên, cho nên nói thuộc duyên là vô thường.

Tính của nó là bức não nên nói là khổ. Có 2 thứ bức não: một là bức não vì trái nghịch và hai là bức não vì tùy thuận.

Đối với đệ tử Phật là bức não vì trái nghịch. Đệ tử Phật thường sinh sợ hãi sinh tử. Trong kinh thí dụ như lưỡi kiếm bén nung đỏ rực, người cầm bên mình sắp làm hại, trong mỗi niệm thường sinh rất sợ hãi. Đệ tử Phật sợ sinh tử cũng như vậy. Đó là nghĩa trái nghịch, mà sinh lão bệnh tử thường bức não nên khổ.

Đối với phàm phu là bức não vì tùy thuận. Phàm phu ái trước sinh tử, đó là nghĩa tùy thuận. Như hai anh em, anh rất yêu em, em thì hay quấy nhiễu anh. Tuy anh bị quấy nhiễu nhưng vẫn yêu. Phàm phu ái trước sinh tử, tuy bị khổ nhưng vẫn ái trước, nên tính bức não là khổ.

Đối trị kiến chấp ngã sở cho nên nói không. Phàm phu chấp tất cả pháp là ngã sở. Nay nói rõ tất cả đều không phải ngã sở. Để đối trị kiến chấp này nên nói là không. Đối trị ngã kiến nên nói là vô ngã.

Phàm phu chấp 5 âm cho là ngã. Nay nói rõ tất cả pháp đều không có ngã. Để đối trị kiến chấp này nên nói vô ngã ( Bốn cái này là khổ đế ).

Tiếp đến giải thích 4 tên của tập đế.

Đạo lý của chủng tử pháp nên nói nhân năng sinh quả là chủng tử pháp. Đủ 4 nghĩa, là đạo lý đó. Bốn nghĩa là:

1. Chủng tử phá thì không thể sinh. Như lấy hạt giống đem nghiền cho bể. Dù đủ các duyên không thể sinh mầm. Các phiền não như tham ái v.v... cũng là chủng tử sinh quả. Nếu bị đạo pháp phá trừ thì dù đủ các duyên cũng không sinh quả.

2. Vì cũ quá lâu dù đủ các duyên cũng không thể sinh mầm. Vì hạt giống trải qua thời tiết quá lâu. Tham ái v.v... sinh quả cũng như vậy. Thanh Văn 60 đại kiếp tu hành. Độc Giác một trăm kiếp tu hành. Phật 3 a-tăng-kì kiếp tu hành. Người 3 thừa trước khi chưa phát tâm, ở trong địa vị Nhất-xiển-đề khởi các phiền não tham ái v.v..., phiền não sinh nghiệp, nghiệp cảm quả, khi còn chưa thụ quả mà theo tu hành đã trải nhiều thời gian, công đức trí tuệ đã chuyển sâu rộng, che phủ nhân trước, lực dụng suy yếu, dù đủ các duyên không thể sinh quả.

Kinh Đại Hữu nói: 98 hoặc sinh 1 phiền não, 1 phiền não sinh 98 hoặc. Như nhân tham sinh đủ 98 hoặc, đều có thể sinh tham.

3. Vì thất thời tiết, nên dù đủ các duyên không sinh mầm được. Như mùa xuân gieo trồng thì sinh, mùa đông thì không sinh. Nhân thất thời cũng không thể sinh quả. Như Ương-quật-ma-la do vô minh đoạn hai ngàn mạng, chết ắt phải đọa địa ngục, thế mà hiện thân được thành A-la-hán. Trước đã làm ác nhưng vì thời sai, cho nên dù đủ các duyên mà không được sinh quả.

4. Không đủ nhân duyên, dù không phá bể, không để cũ lâu, không thất thời tiết cũng không sinh mầm. Như đất, nước, nhân công v.v... không đủ các nhân duyên nên không sinh mầm. Nhân sinh quả

cũng vậy. Tuy chưa bị phá, chưa trải thời gian lâu và không thất thời tiết mà nhân duyên không đủ thì không thể sinh quả. Nếu chúng sinh tạo nghiệp có thể dắt dẫn sinh quả phải đủ 3 việc: một là thân cận thiện tri thức, hai là có tâm tin tưởng hướng về, ba là làm công sức. Phải đủ 3 việc, nếu không thì vì nhân duyên không đủ nên không được sinh quả.

Kinh Xú Lộ nói: Nếu chúng sinh tạo nghiệp nguyện sinh trong loài người, vì nhân duyên không đủ nên thụ quả sinh trong loài súc sinh v.v... Nếu tạo nghiệp ác phải thụ sinh trong loài súc sinh v.v..., nhân duyên không đủ bèn thụ quả sinh trong loài người. Như A-la-hán tuy đủ các nghiệp, bởi đoạn hết các nghiệp phiền não, không còn phiền não đi theo nên không dắt dẫn sinh.

Lại nữa như trong diệt A-na-hàm, dụng nghiệp đã hết mà tham ái chưa hết, không được thụ sinh Sắc giới, sinh trong trung âm.

Lại nữa như được sơ quả rồi khởi tu đạo diệt phiền não, phiền não sinh nghiệp, tuy đủ nghiệp phiền não, do đoạn kiến đạo phá phiền não, nên không được dùng nghiệp mới thụ sinh.

Chủng tử pháp thế gian phải đủ 4 thứ đạo lý mới sinh mầm được. Tham ái và nghiệp là chủng tử pháp cũng vậy, phải đủ 4 thứ đạo lý mới có thể sinh quả. Sinh quả nên gọi là nhân.

Hỏi: Nghiệp và phiền não cái nào chính là chủng tử ?

Đáp: Phiền não là chính. Phiền não sinh nghiệp. Nghiệp không thể sinh phiền não, vì phiền não là gốc.

Lại nữa có nghiệp không phiền não không thể dẫn sinh. Có phiền não không nghiệp vẫn được sinh trung âm.

2. Hiện hiện nên gọi là tập khởi. Hiện hiện có 2 nghĩa:

1. Tham ái với nghiệp tương ưng khiến quả được sinh. Khi chưa sinh quả chưa hiện, khi sinh thì hiện hiện.



2. Tham ái có thể hiện nơi cảnh giới. Cảnh giới thật là xấu ác mà tham ái chuyên tâm cho cảnh giới là tốt, tức hiển hiện cảnh giới khiến tốt. Như có một người nữ, mà có 3 nhận thức như sau: Người phạm đến trông thấy cho đó là cảnh khả ái. Cọp chó sói trông thấy thì nghĩ rằng đó là vật có thể ăn được. Thánh nhân thấy gọi đó là kho chứa cốt.

Gọi kho chứa cốt là xứng cảnh mà hiểu. Gọi khả ái, là ăn được, do tham ái hiển hiện cảnh này. Do tham ái hiển hiện ứng sinh xứ cảnh, trong đó khởi nhiễm trước nên nghiệp được sinh quả. Nếu không có 2 hiển hiện này quả sẽ không sinh được. Nói rõ 2 thứ hiển hiện này là giải thích nghĩa của tập khởi.

Ngoại đạo cho rằng tất cả pháp chỉ có một nhân sinh, là trời Tự Tại. Một nhân sinh ra tất cả vật.

Nay để phá kiến chấp này, nói rõ các duyên tụ tập mới có thể sinh quả.

Tuy các duyên tụ tập, nếu không thể khiến quả khởi cũng không phải nghĩa của nhân. Tụ tập mà khiến quả khởi mới được là nhân.

Hai thứ hiển hiện cũng làm rõ nghĩa tụ tập, cũng làm rõ nghĩa khiến quả khởi. Cho nên hiển hiện giải thích tập khởi. Như thợ đồ gốm, đất sét, dây, nước v.v... các duyên tụ tập cùng làm ra cái bình.

Có thể rút ra quả khiến thành tựu nên gọi là duyên. Nhân thì cảm trực tiếp khiến quả khởi. Duyên thì có thể khiến quả sinh. Khiến một thời kỳ quả báo được thành tựu đầy đủ.

Tiếp đến giải thích 4 tên của diệt đế. Năm ấm hết không sinh nên gọi là diệt. Đó là y cứ vào quả báo mà nói. Năm ấm hiện tại hết. Năm ấm vị lai không sinh nên gọi là diệt. Nay lấy diệt gọi là thể của vô vi. Diệt đế tự lấy vô vi làm thể, không lấy 5 ấm diệt không sinh làm thể. Năm ấm diệt không sinh có 3 đời. Thể của diệt đế là vô vi, chẳng phải pháp 3 đời.

Năm âm diệt không sinh có 3 đời là như 5 âm của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... là quá khứ diệt không sinh. Năm âm của phàm phu thì ở vị lai mới diệt không sinh. Nếu 5 âm của thánh nhân hiện tại thì hiện tại diệt không sinh.

Trong pháp vô vi không có 5 âm, vì 5 âm không sinh trong đây. Nghĩa dùng hết không sinh là vô vi. Lại nữa, nếu khi 5 âm diệt hết không sinh mới chứng được vô vi này. Bởi nghĩa hết không sinh gọi là vô vi, cho nên gọi vô vi là diệt.

Có thể diệt 3 lửa nên gọi là tịch tĩnh. Có 2 thứ 3 lửa.

Một là dục, sân, si là 3 lửa. Ba cái này có 3 nghĩa nên gọi là lửa: một là có thể đốt cháy tất cả thiện căn chúng sinh, hai là 3 phiền não này có thể làm tâm nổi nóng, tức có nghĩa tâm nóng, ba có thể đốt cháy ba cõi nên gọi là lửa.

Ba phiền não này phổ biến khắp 3 cõi, từ 6 trần, 6 căn, 6 thức sinh. Phiền não căn trần thức này đều là hữu lưu. Do 3 phiền não đây nên không được an lạc. Ba phiền não như lửa có thể đốt, căn trần thức như củi bị đốt.

Hỏi: Thượng giới không có sân, nay sao có thể nói được là có sân ?

Đáp: Phàm phu sinh thượng giới có đủ kiến để phiền não. Trên thượng giới chẳng phải không có. Chỉ không được khởi cho nên nói không. Nay nói có là về lý mà nói.

Hai là lấy 3 khổ làm 3 thứ lửa. Ba khổ này có thể thiêu đốt chúng sinh khiến không được an lạc. Nếu Dục giới thì đủ 3 khổ. Sắc giới có 2 là hoại khổ và hành khổ. Vô sắc giới chỉ có hành khổ.

Ba khổ tức 3 tai: khổ khổ là hỏa tai, hoại khổ là thủy tai, hành khổ là phong tai.

Có 2 thứ này, 3 lửa thì huyền động. Vì diệt 2 thứ 3 lửa này nên gọi là tịch tĩnh.

Không có 3 loạn động là diêu. Ba loạn động là sinh, lão, tử 3 khổ. Ba khổ này bình đẳng phổ biến khắp 3 cõi, cho nên riêng nói 3 khổ này là 3 loạn động.

Ba cõi đều có sinh nên có sinh khổ. Nếu Dục giới thì có cái già của đầu bạc mặt nhăn. Sáu trời và Sắc giới không có tướng mạo già này, cũng không có nghĩa đối khác. Như bức họa ban đầu thì sáng sủa rõ ràng đáng yêu, lâu thì màu sắc phai nhạt. Sắc thân ở thượng giới cũng có nghĩa này, tức gọi là lão. Vô sắc giới tâm cũng có lão. Khi quả báo sắp hết, tâm dụng đối khác. Xưa thì định tâm kiên cố. Mạng sắp chung định tâm yếu kém, thường muốn thoái đạo. Cho nên 3 cõi đều có lão khổ. Ba cõi đều có mạng chung nên đều có tử khổ.

Sở dĩ gọi đây là loạn động là vì tính của phàm phu thường tìm cầu sự an lạc, do đó tu các việc thiện thế tục là mong được quả báo an lạc. Mà 3 hoạn tai này khiến bị khổ nên 3 khổ là 3 loạn động. Trong vô vi không có 3 loạn động này, cho nên gọi là diêu.

Hỏi: Thượng giới khi sinh tự không khổ, vì sao gọi là khổ ?

Đáp: Vị tất sinh khổ, thụ cho nên gọi là khổ. Sinh là gốc khổ cho nên gọi là khổ. Vô vi không sinh nên không khổ. Sinh tử có sinh nên có khổ. Vì vậy nói sinh là khổ. Như địa ngục là tên của xứ sở. Xứ thì thật chẳng phải khổ. Chỉ vì xứ có thể sinh khổ, cho nên gọi địa ngục là khổ.

Hỏi: Sinh khổ, trong 3 khổ là khổ gì ?

Đáp: Nếu là khổ thụ thì sinh là khổ. Khổ nếu là lạc thụ thì sinh là hoại khổ, xả thụ thì sinh là hành khổ. Dục giới sinh có đủ 3 khổ. Sắc giới sinh có đủ 2 khổ là hoại khổ và hành khổ. Vô sắc giới chỉ có hành khổ.

Lão khổ cũng đủ 3 khổ. Nếu chuyển lạc làm khổ là khổ khổ. Nếu chuyển khổ làm lạc, chuyển lạc làm lạc là hoại khổ. Nếu chuyển lạc làm xả là hành khổ.

Đại khái các loại trong 3 cõi, tử khổ này cũng đủ 3 khổ. Theo như trước có thể hiểu rõ.

Hỏi: Trong kinh nói có bao nhiêu cái khổ ?

Đáp: Nói có vô lượng khổ. Trong đây có nói 8 khổ. Ngoài ra phân biệt lại có các khổ, nhưng chỉ nói 7 khổ thôi. Trong 8 khổ trước đây không nói bệnh khổ, nói 7 khổ xong nói các khổ khác. Sở dĩ không nói bệnh khổ, vì bệnh khổ chỉ trong con người ở Dục giới. Gần đây không thiên về trong trời Dục giới nên không nói. Trong hàng trời sở dĩ không bệnh khổ là vì bệnh do duyên trong ngoài sinh. Ngoài thì các duyên lạnh nóng không bình thường, ăn uống không thích hợp điều độ v.v... Trong thì hoặc đi nhiều làm cho 4 đại suy yếu, hoặc ngồi nhiều khiến 4 đại suy yếu. Bốn đại suy yếu nên thành bệnh. Thượng giới ngoài không có các duyên lạnh nóng bất thường, ăn uống không thích hợp không điều độ. Trong thì 4 đại đã mạnh mẽ, không có duyên đi ngồi quá nhiều, nên không có bệnh khổ. Nếu cố ý giải thích cách khác thì cũng có nghĩa bệnh. Sáu trời làm dục sự, hoặc 3 ngày không ăn, cho đến 7 ngày không ăn, đến ngày thứ 7 thì chết. Trước khi chưa chết 4 đại suy nhược cũng gọi là bệnh khổ .

Hỏi: Còn 4 khổ khác thể nào ?

Đáp: Năm ám khổ thông 3 cõi, cầu không được, yêu chia lìa, oán gặp gỡ, 3 khổ này 2 cõi trên không có. Bởi đều tự trụ nơi quả báo, không có ở xen lộn một chỗ, nên không có 3 khổ đây. Sáu trời Dục giới đều có đủ. Các trời hạ phẩm muốn thượng phẩm không được nên sinh khổ, tức cái khổ vì cầu không được, chiến đấu với A-tu-la tức oán gặp gỡ khổ, chiến đấu không được bị A-tu-la bắt tức ái biệt ly khổ.

Giải thoát tất cả lỗi lầm gọi là vĩnh viễn xa lìa. Tất cả lỗi lầm là nhân duyên quả báo. Nhân là phiền não, duyên là nghiệp, thụ 5 ám

là quả báo. Ba cái này là pháp tội lỗi. Giải thoát rốt ráo 3 cái này chứ không phải giải thoát tạm thời nên gọi là vĩnh viễn lìa khỏi.

Hỏi: Vì sao phiền não gọi là nhân, nghiệp gọi là duyên ?

Đáp: Phiền não là chủng tử có thể dẫn sinh nên gọi là nhân. Nếu không phiền não dù có nghiệp cũng không thể dẫn sinh. Nếu không nghiệp, có phiền não cũng được sinh trung ấm. Nếu phiền não hết, tuy được nghiệp trang nghiêm quả, cuối cùng do phiền não sinh nghiệp nên được quả.

Tiếp đến giải thích 4 tên của đạo đế. Trong đó vì hành nên gọi là đạo. Có 2 giải thích:

Một là tận vô sinh trí là năng hành. Giới định tuệ là sở hành. Từ khổ pháp trí đến đạo tử trí 12 tâm đều đoạn phiền não là tận trí. Tâm thứ 13 là vô sinh trí.

Giới có hữu lưu vô lưu. Vốn là hữu lưu, do 2 trí hành nên thành vô lưu định. Cũng giống như trí này có 3 thứ là văn, tu, tu.

Tu tuệ cũng có hữu lưu vô lưu, cũng do 2 trí hành nên thành vô lưu. Tận trí hành thì khổ lưu pháp trí hiện tiền, đủ 8 phần thánh đạo.

Giới định vốn là hữu lưu. Nay là tận trí hành, cho nên thành vô lưu.

Tận trí có 2 loại: một là chính kiến, hai là chính tư duy, đồng quán vô thường mà có thô và tế. Chính kiến tế, chính tư duy thô, mà 2 cái này có thể sinh lẫn nhau. Nếu lấy chính kiến làm tận trí, cũng có thể nói khiến chính kiến thành vô lưu. Cuối cùng dùng tận trí khiến trí tuệ thành vô lưu. Như nghĩa rõ này thì trong nhất thời bị tận trí hành nên khiến giới định tuệ thành vô lưu. Bởi dị tính nên được đồng thời. Cho đến A-la-hán đều như thế.

Nếu trở lại dùng chính kiến hướng vọng chính kiến, chính tư duy hướng vọng chính tư duy thì không được đồng thời. Phải dùng

chính kiến trước khiến chính kiến sau thành vô lưu. Chính tư duy cũng vậy. Trong một lúc không được có cả hai, vì một tính hai pháp.

Nếu rõ nghĩa như thế thì khác thời nói rõ trí tuệ bị tận trí hành, cho đến A-la-hán đều như thế, bị vô sinh trí hành cho đến A-la-hán đều như thế. Bị vô sinh trí hành cho nên giới định tuệ thành vô lưu, nghĩa là kiến đế có sau 10 tâm. Sau 10 tâm thuộc quả. Nếu là người Tu-đà-hoàn tu quán 12 tâm tức là vô sinh trí khiến đồng thời giới định tuệ và khác thời tuệ thành vô lưu.

Hỏi: Khổ pháp kiến tức là vô sinh trí, sao không nói đến ?

Đáp: Khổ pháp kiến nếu hình đọi khổ pháp trí cũng được gọi là làm vô sinh trí. Nếu hướng vọng khổ loại trí thì lại bị khổ loại trí làm căn bản đoạn phiền não thượng giới lại thuộc tận trí đã không nhất định là vô sinh trí, đều thuộc tận trí. Chỉ có tâm thứ 13 định cho nên có thể nói là vô sinh trí.

Cách giải thích thứ hai nói giới định tuệ là vô lưu. Tâm hành thành vô lưu nên gọi là đạo, nên lấy vô lưu tâm làm năng hành, giới định tuệ làm sở hành. Tận vô sinh trí là trợ tâm pháp cho nên giải thích trước khác giải thích sau.

Nói ở trong, là ở trong giới định tuệ. Tương ưng với lý nên gọi là như. Tức là nếu thông luận thì cùng với đạo lý 4 tương tương ưng nên gọi là như, nếu biệt luận thì cùng với lý bất đoạn, bất thường, trung đạo tương ưng nên gọi là như. Như vậy là trí đặc lý. Nếu dùng tà tư duy bất như mà phá, không thể làm cho thành bất như, cho nên gọi là như.

Do chính kiến sở tác nên gọi chính hành. Nếu người Thanh Văn nghe chính sư nói chính giáo, từ chính thanh danh sinh chính văn, chính văn sinh chính tu, học tập theo thứ lớp như vậy gọi là sở tác.

Nếu là Độc Giác và Phật thì từ chính tư sinh chính tu, không từ chính thanh danh sinh nghĩa chính văn. Bởi hai thừa này căn lợi, tự có thể tư duy được ngộ.

Hỏi: Độc Giác và Phật, căn bản ắt trải qua nghe pháp cho nên được sinh tư duy tu tuệ. Vì sao không chính văn sinh chính tư duy ư ?

Đáp: Đòi trước không phải không trải qua nghe. Nay luận việc hiện tại chẳng phải nhớ lại xưa đã nghe sao ? Thời sư nói thuyết này, y thuyết này, y theo đây mà sinh tư tuệ, trực tiếp tư duy tự được ngộ lý. Thanh Văn thì phải dựa theo lời thầy mà tư duy.

Vĩnh viễn quá độ nên gọi xuất ly. Có 2 cách giải:

1. Giải về quả báo. Do tà tư duy nên sinh phiền não, phiền não sinh nghiệp, nghiệp sinh quả báo, vì những thứ này đều tư duy bất chính. Nếu sinh trí tuệ vô lưu, trí tuệ sinh giới định v.v... đều là chính. Chính và bất chính tương phản nhau. Chính tức quá độ bất chính. Chẳng phải tạm thời quá độ mà là vĩnh viễn quá độ.

2. Một giải thích nữa là phiền não là đảo, trí tuệ là bất đảo. Đảo với bất đảo tương phản nhau. Bất đảo vĩnh viễn quá độ đảo.

Giải thích trước rộng. Giải thích sau sơ lược. Cho nên chỗ dụng khác nhau.

Nhà giải trước lại có một cách giải nữa là 16 danh ngôn chẳng phải pháp tính vĩnh viễn nên gọi là vô thường. Nếu vô vi pháp thì bản lai là hữu, vĩnh viễn không có sinh, vĩnh viễn không trụ diệt. Hữu vi pháp thì tạm sinh tạm trụ tạm diệt. Pháp tính này như vậy nên gọi vô thường, vì từ vô minh sinh. Khổ là vì không rõ thế gian sự. Khổ cận không rõ thế gian sự. Đã tự là khổ rồi huống chi không rõ lý chân thật rất sâu ư ? Lại càng khổ lớn, vô minh căn bản vì khổ do vô minh. Thụ báo sinh tử nên sinh tử không đâu không khổ.

Trung gian con người lìa bỏ nên gọi là không. Sáu căn là trung gian. Phật lấy làng xóm ví với 6 căn. Nay nói trung gian như trung gian của làng xóm. Ngã nhân không ở nơi trung gian này, nên nói người lìa bỏ. Bởi ngã nhân lìa bỏ nên gọi là không.

Không tự tại nên gọi là vô ngã. Tự tại có 2 nghĩa: Một là không nương dựa vào người khác vật khác nên gọi tự tại. Nếu không do người khác vật khác sinh trụ diệt tức tự tại. Hai là tùy ý mình làm nên gọi tự tại. Nếu muốn khiến lửa lạnh lửa liền lạnh, muốn khiến nước không ướt nước liền không ướt, đó là tự tại. Tất cả pháp hữu vi vì dựa vào cái khác nên có sinh trụ diệt. Lại nữa không được như ý. Nếu có thần thông có thể biến chuyển thì hoàn toàn phải dựa vào định v.v... tu học mới có tác dụng này. Đã không khởi nương dựa cho nên không tự tại. Đã không tự tại nên không có ngã. Lai đạo lý nên gọi là nhân. Nay lần lượt nêu các thí dụ giải thích.

Như có hạt giống không nhờ các duyên, tự nó có sức sinh ra cây, cây chưa sinh mà đã có hạt giống, sức có thể sinh, có thể khiến nảy mầm v.v... sau mới đến. Nghiệp hiện tại chia làm 4 phần:

Phần thứ nhất là đương khi tạo nghiệp thiện ác không nhờ các duyên khác, tự có năng lực cảm quả. Quả cho đến mạng chung còn ở vị lai. Nghiệp đã có năng lực cảm quả, có thể khiến quả sau mới đến. Hiện tại có đạo lý khiến đến nên nói lai đạo lý gọi là nhân, xuất đạo lý nên gọi là tập khởi, nghĩa là hạt giống vốn có thể sinh cây. Cây mầm chồi nhánh lá v.v... vốn ở vị lai. Nay nội thổ trong hạt giống này nhờ đất nước v.v... các ngoại duyên mới được nảy mầm. Mầm vừa khởi thì hạt giống hiện tại liền diệt. Nghiệp diệt cũng như thế. Vốn có thể cảm quả. Quả tại vị lai. Báo hiện tại đã hết, trước thụ sinh trung ấm. Trung ấm sinh vừa mới khởi nghiệp thì sơ phần liền diệt mất. Nghiệp có khả năng xuất đạo lý trung ấm, ắt phải nhân duyên tụ tập, trung ấm quả mới sinh cho nên nói là xuất đạo lý gọi là tập khởi.

Hành độ nên gọi là sinh xứ, nghĩa là mầm trước xuất ra hiện tại, từ mầm sinh chồi, từ chồi bắt đầu đến hoa chưa sinh gọi là hành độ. Hành là dần dần tăng trưởng, độ nơi mầm chồi vừa sinh mầm liền diệt mất. Nghiệp cũng như thế, trước thụ mầm trung ấm, xả mầm trung ấm thụ chính sinh bắt đầu từ Kha-la-la đến cuối phần thứ



7 gọi là hành độ. Dần dần tăng trưởng nên gọi hành quá. Trung âm vị nên gọi là độ Kha-la-la. Vừa sinh nghiệp, phần thứ hai liền diệt mất. Kha-la-la v.v... lần lượt sinh nên gọi là sinh. Cái sinh này từ nghiệp sinh nên gọi là nghiệp, là xứ nên nói hành độ, cho nên gọi là sinh xứ nghiệp.

Phần thứ ba tự dụng cường. Nếu không nghiệp dụng, dù có các duyên, sinh quả không khởi được.

Đạo lý sở y nên gọi là duyên. Chồi trước dần lớn nhưng còn chưa sinh hoa. Từ sinh hoa cho đến kết hạt, hạt lại sinh cây vị lai, đều gọi là đạo lý sở y. Hoa quả v.v... đều y vào vị chủng tử này mà được sinh hoa. Vừa sinh chủng tử, phần thứ ba liền diệt mất. Nghiệp cũng như thế, từ ban đầu Kha-la-la đến phần thứ 7 chưa thể làm nhân sinh tử và giải thoát. Đến 6 căn đầy đủ sát-na thứ hai trở đi có thể tạo sinh tử giải thoát. Nhân vị này là nghiệp phần thứ tư. Bắt đầu phần thứ tư này trở đi hoặc khổ lạc, hoặc ác hoặc thiện đều dựa vào nghiệp phần thứ tư. Nghiệp phần thứ tư là dựa vào đạo lý cho nên gọi là duyên. Nghiệp phần thứ tư vừa sinh, nghiệp phần thứ ba liền diệt mất. Nghiệp phần thứ tư tự dụng cũng mạnh, quả đã sinh, nhờ nghĩa các duyên thì yếu. Chính do nghiệp dụng nên quả được đầy đủ. Nếu nghiệp phần thứ hai cảm trung âm sinh, nhân duyên đều yếu. Bởi tham ái làm nhân, nghiệp làm duyên, 2 việc đều yếu không thể lấy chủng tử toàn làm thí dụ, chỉ một phần ít làm thí dụ thôi. Đương khi tác nghiệp đủ có thể cảm 4 vị này. Quả tùy theo thời tiết có khác. Có 4 thứ này đại loại 4 vị này nên chia nghiệp làm 4 phần.

Hỏi: Một nghiệp bất chợt nào đó đều cảm quả này ư ?

Đáp: Tùy một sát-na làm rõ một nghiệp, cũng được nghĩa chia làm 3 phần: phần trước phần sau yếu phần giữa mạnh. Yếu cảm trung âm, mạnh cảm sinh quả. Nếu là nghiệp vô lưu thì trước mạnh sau yếu.

Hỏi: Nghiệp sinh quả với chủng tử là khác chăng ?

Đáp: Nghĩa này không đồng. Nếu y vào Tát-bà-đa bộ nói rõ pháp hữu vi đều sát-na sát-na diệt thì một chủng tử lại căn cứ 10 sát-na. Nếu đương phần luận tướng sinh thì sát-na thứ nhất có thể sinh sát-na thứ hai, sát-na thứ hai có thể sinh hằng lân thứ ba, tiếp đến minh tướng sinh.

Thứ nhất sinh liền diệt không đến thứ hai lẽ nào có thể sinh thứ ba ư ?

Nếu tùy nhân đồng phần thì đại loại liên tục. Sát-na thứ nhất đồng phần nhân, tức có thể sinh sát-na thứ hai trở đi, cho đến gồm cả nhân hoa quả đồng phần. Nghiệp quả này ở vị lai. Sát-na thứ nhất diệt sát-na thứ hai đồng phần liền nhiếp. Sát-na thứ ba trở đi quả ở vị lai. Từ sau trở đi lần lượt giống như thế. Nếu không có sát-na thứ nhất chủng tử làm gốc thì không có sát-na thứ hai sát-na thứ ba. Vì lần lượt liên tục nên chủng tử sát-na thứ nhất được gọi là năng sinh. Các quả sau gọi là nhân đồng phần, nghĩa là 4 đại của chủng tử tức 4 phần đồng có thể sinh một quả cho nên có tên này. Không như nghiệp có đồng tùy được nhiếp vào nhân quả.

Nếu Chính lượng bộ thì sắc chẳng niệm niệm diệt, có nghĩa tạm dừng trụ. Khi chủng tử chưa sinh mầm chỉ là một chủng tử thôi. Nếu đương phần luận sinh quả, chính sinh mầm quả nếu đại loại liên tục cũng có nghĩa sinh chồi lá v.v... từ sau trở đi đều giống như thế.

Nghiệp thì không vậy. Nghiệp dù tự diệt vẫn có pháp không mất nhiếp trong quả khiến không mất.

Nay căn cứ giới thiện. Giới có căn bản. Căn bản có tiền phương tiện và chính phương tiện. Tiền phương tiện có 3 việc: một là đại chúng hòa hợp cho thụ giới, hai là chính khát cầu giới, ba là thời tiết. Thời tiết nghĩa là phải thụ trọn đời chấm dứt tất cả ác. Chính phương tiện là sư vì kia nói, một bạch ba Yết-ma đến Yết-ma thứ ba xong tức được hộ thân khẩu thiện.

Thiện này tức là giới vì phải tâm đẳng duyên nhiếp, lấy đó làm căn bản, tận hình thụ không diệt. Từ đây về sau liên tục hằng lưu. Nếu trung gian tác tội, thì giới không lưu trở lại. Nếu sám hối xong thì lưu trở lại.

Nói lưu, nghĩa là từ căn bản lưu xuất một sát-na giới thiện. Sở lưu xuất thì cũng sinh liền diệt không từ sát-na giới này sinh sát-na giới thứ hai, trở lại từ căn bản lưu xuất sát-na giới thứ ba. Như thế hậu sinh là có thể từ căn bản lưu xuất.

Nếu là nghĩa Tát-bà-đa có giới thiện của đồng tùy đặc hệ, sinh tuy diệt mất đồng tùy đặc hệ nhưng nó trụ trong quá khứ và hệ quả tại vị lai.

Nếu giới thiện của Chính lượng bộ sinh thiện nghiệp này câu sinh với vô thất pháp. Không nói là hữu nghiệp năng nghiệp, thể sinh liền diệt mất. Vô thất pháp không mất, giữ nghiệp quả khiến không mất. Vô thất pháp chẳng phải pháp mỗi niệm mỗi niệm diệt, mà là pháp đợi thời diệt, nó có nghĩa tạm dừng trụ đợi khi quả sinh, thể mới diệt mất. Nếu là định giới thì đều có nghĩa tùy căn bản liên tục lưu. Bồ thí vật thì tùy vật hằng lưu nơi thiện. Nếu vô lưu thiện thì không thể được quả. Không có vô thất pháp câu sinh với thiện. Không có nghĩa vô lưu thiện hằng lưu, xuất tại các tâm khác.

Hỏi: Nghiệp câu sinh với vô thất pháp, đồng là pháp hữu vi, vì sao thể của nghiệp diệt mà vô thất pháp không diệt ư ?

Đáp: Thiện là pháp tương ưng tâm, cho nên sinh thì liền diệt. Vô thất pháp chẳng phải pháp tương ưng tâm, cho nên không niệm niệm diệt, đồng nghĩa Tát-bà-đa.

Tùy đặc cũng niệm niệm diệt, nhưng không phải tâm tương ưng pháp. Chủng loại tự tiếp nối không dứt.

Hỏi: Bồ thí thiện hằng lưu định là thể nào ?

Đáp: Thân khẩu là thể của nghiệp, bởi tướng mạo là nghiệp của thân, nói năng là nghiệp của miệng. Dùng tay nắm đồ vật hoặc nhắc

đồ vật lên, tức là tướng mạo, tức lấy tướng mạo này làm thân nghiệp. Phát ngôn bảo lấy vật gì đưa cho ai. Lời nói này là khẩu nghiệp.

Có 3 thứ duyên phát khởi thân khẩu nghiệp:

1. Ba thiện căn.
2. Từ 3 thiện căn sinh chính tư duy.
3. Từ chính tư duy sinh tác ý. Nghĩa là có ý phát khởi ra.

Nếu dùng tổng luận thì 3 duyên này phát sinh thân khẩu nghiệp. Cận luận thì chính là tác ý phát sinh thân khẩu nghiệp.

Nói bố thí là bởi 3 duyên phát thân khẩu nghiệp, nên gọi là bố thí thiện. Bồ-tát im lặng mà mưa báu diệu pháp, nên ý nghiệp cũng là thí nghiệp.

Có 3 loại ruộng:

1. Ruộng phúc đức. Như Phật, Bồ-tát v.v...
2. Ruộng ân dưỡng. Như cha mẹ v.v...
3. Ruộng nghèo cùng. Tức chúng sinh đói rách v.v...

Nếu thí ruộng phúc đức thì nhiều thiện căn không si. Nếu thí ruộng nghèo cùng nhiều thiện căn không sân. Đối với chúng sinh nghèo cùng khởi tâm từ bi nên nhiều thiện căn không sân. Trong một lúc đủ 3 thiện căn tùy sở đối nên ruộng có khác ít nhiều.

Lại có 2 thứ thí: một là cung kính thí, hai là lợi ích thí. Nếu thiện sinh khi đang cung kính thí, thì thí xong thiện không lưu nữa. Sở dĩ vậy là như Phật đã Niết-bàn, vì cung kính Phật nên dùng y thực v.v... cúng dường. Lại cũng như người đời dùng y thực v.v... cúng dường quá khứ Thế Tôn vì cũng có cung kính. Vì đã không có người thụ dụng vật ấy nên thiện không được tùy sự mà lưu.

Hai, lợi ích thí là vì lợi ích người mà thí có 4 đại, người ấy thụ dụng vật ấy, 4 đại tăng trưởng, cho nên vì lợi ích mà thí thì thiện tùy theo việc mà hằng lưu.

Ba việc là:

1. Ba thiện căn.
2. Dư vật.
3. Chúng sinh.

Trong 3 việc nếu thiếu một việc thì thiện không lưu. Như dư vật tuy chưa hết, chúng sinh còn thụ dụng mà thí chủ đã chết, hoặc khởi tà kiến đoạn thiện căn, thiện không trở lại căn bản thì thiện không lưu trở lại. Nếu thí chủ còn sống, thiện căn không đoạn, người năng thụ dụng chưa mất mà dư vật đã hết, thiện cũng không lưu trở lại. Những người khác tuy dùng, chẳng phải bản tâm thí chủ mong đợi, luống tự thụ dụng mà thiện hoàn toàn không giúp ích. Nếu đàn-việt thí, tâm phổ thông, thì đây tùy dụng đều có thiện giúp ích. Cho nên làm phúc điền thì khi nhận người khác thí cần phải có hẹn, nếu chấp nhận tùy ý dùng thì tùy chỗ mà hồi thí, truyền truyền sinh phúc thì vô cùng. Nếu không vậy thì liền hồi với người khác, trái với tâm của thí chủ. Người hồi thí không những không có phúc mà còn phải tội, cho đến phải đọa đường ác chịu quả báo. Điều này không dễ dãi nên phải cẩn thận.

Hỏi: Đoạn thiện căn rồi, thiện đã không trở lại căn bản, làm sao lại được sinh thiện ?

Đáp: Đây nên chia làm hai.

Hỏi: Tu-đà-hoàn sơ đạo vô lưu, không có chủng loại vô lưu làm căn bản, lấy gì được sinh A-la-hán, thoát khỏi tu đạo phá phiền não, không có bất thiện căn làm gốc, làm sao sinh được ?

Đáp: Sinh có 2 thứ nhân: một là tiên sinh nhân và hai là câu sinh nhân.

Tiên sinh nhân tức 3 thiện căn. Khi chưa tác thiện trước đã có thiện căn này. Có khả năng sinh tác thiện, nên gọi tiên sinh nhân.

Câu sinh nhân, tức là tác ý tư trạch nên thiện sinh. Chỉ khi tư trạch là khi thiện sinh, cho nên gọi câu sinh nhân.

Nếu thiện căn chưa đoạn, khi tác thiện từ 2 nhân sinh. Nếu thiện căn đã đoạn, khi tác thiện thì chỉ từ câu sinh nhân sinh. Nếu khi thiện sinh trở lại tiếp 3 thiện căn khiến được cùng thiện tâm tương ưng. Đoạn thiện căn chẳng phải là thiện căn, thể đều diệt hết, trực tiếp bị tà kiến ngăn cách không có lại thiện tâm, tương ưng với nó gọi là đoạn. Nếu vô lưu đạo sinh thì thể của hữu lưu thiện căn diệt. Tu-đà-hoàn sơ đạo vô lưu, trước đó chưa có vô lưu thiện căn, chỉ từ câu sinh A-la-hán thoái khởi phiền não. Ba bất thiện căn đã hết cũng chỉ từ câu sinh nhân sinh.

Hỏi: Tiểu thừa Phật thụ thí thực, khi dùng vật thực này rồi có đại tiểu tiện không ?

Đáp: Phật không đại tiểu tiện. Phật từ hai bên hàm xuống cổ đều có ngàn sợi gân tiếp thụ tất cả vị thức ăn. Thức ăn đến đây liền biến ra huyết nhục, cho nên không có đại tiểu tiện.

Chuyển luân vương có 2 giải thích, một là có đại tiểu tiện, hai là không có. Ba thừa đồng như phạm phu cũng có đại tiểu tiện.

Nếu 6 trời ăn gọi là Tu-đà. Tu dịch là thiện. Đà dịch là chân thật. Việc ăn uống này tinh diệu cũng không thành đồ đại tiểu tiện.

Không có nghĩa cộng hệ, là nghĩa của diệt. Cộng hệ tịnh hết nên gọi là diệt. Lệ trước chỉ ứng có câu sau, mà có câu trước là Thiên Trúc nói Ni-lô-đà, ở đây một tên có 10 nghĩa. Phúc cũng gọi là Ni-lô-đà. Lan cũng gọi là Ni-lô-đà. Diệt cũng gọi là Ni-lô-đà. Nay đây nói về nghĩa diệt, không nói các nghĩa khác. Dùng câu đầu để phân biệt. Trong Trung A-hàm có giải thích hệ phược. Kinh nói: Phật bảo Tì-kheo: Tham ái ở trong mắt ông, ông phải diệt nó đi. Nếu diệt tham ái, mắt ông cũng diệt. Vì nhãn đối sắc sinh tham ái cộng hệ phược thức. Tham ái tức phiền não hệ phược. Nhãn và

cảnh giới sắc là hệ phược. Nếu diệt tham ái hệ phược, nhãn v.v... hệ phược cũng hoại diệt. Kinh ví dụ đó như dùng xiềng xiềng người cho vào ngục. Xiềng là một hệ phược, ngục là một hệ phược. Nếu đánh bỏ xiềng, lại đốt diệt ngục thì lia 2 hệ phược. Hai phược cùng hệ chúng sinh nên nói cộng hệ.

Giải thoát tham ái nên nói tịnh. Giải thoát cảnh giới nên nói tận. Đây tức là trừ vô dư Niết-bàn. Tham ái diệt là hữu dư Niết-bàn. Cảnh giới diệt là vô dư Niết-bàn. Mắt đã như vậy, tai, mũi v.v... cũng đều như vậy.

Giải thoát 3 tướng hữu vi nên gọi tịch diệt. Có 2 thứ 3 tướng hữu vi: một là 3 đời là 3 tướng hữu vi, hai là sinh lão diệt là 3 tướng hữu vi. Sở dĩ không nói hữu trụ là hữu vi pháp vì trụ vô trụ là tướng vô vi nên không nói.

Do tà tư duy nên khởi phiền não. Phiền não sinh nghiệp. Nghiệp sinh quả báo. Đã có tướng nhân quả sinh nên có 3 đời. Vô vi pháp không có tướng nhân quả sinh nên không có 3 đời.

Hữu vi pháp vốn là không, nên có sinh. Có sinh nên có lão diệt. Vô vi pháp vốn có, nên không sinh. Không sinh nên không lão diệt.

Hữu vi pháp có đủ 2 thứ. Ba tướng huyền động nên chẳng phải tịch tĩnh. Vô vi pháp giải thoát 2 thứ này. Ba tướng đã không huyền động nên gọi tịch tĩnh.

Cứ một phiền não có một giải thoát, 98 phiền não tức có 98 giải thoát. Các pháp bản lai bất sinh, bất sinh tức giải thoát. Chúng sinh do điên đảo nên đối với sắc khởi tham ái, do tham trước sinh nghiệp, nghiệp sinh quả báo. Phiền não tham trước sắc không thể xứng lý sở đối vô vi. Sở đối vô vi tức tham ái này nếu bị đoạn tức chúng đặc vô vi này, cho nên 98 hoặc có 98 vô vi nghiệp và quả báo đi theo. Phiền não không riêng có vô vi.

Chân thật thiện nên gọi là diệu. Thiện có 4 thứ:

1. Chân thật thiện.
2. Tự tính thiện.
3. Tương tạp thiện.
4. Phát khởi thiện.

Chân thật thiện tức là Niết-bàn. Sinh tử là ác pháp. Niết-bàn không ác, không từ nhân duyên sinh, nên gọi chân thật thiện.

Tự tính thiện tức là không tham không sân không si 3 thiện căn. Ba thiện căn này không nhờ các duyên khác, tính có khả năng đối trị tham sân si 3 ác, Niết-bàn không 3 ác nên nó tương xứng với Niết-bàn, vì vậy gọi là thiện. Ví như 3 thứ thuốc, không phải nhờ các duyên khác, tính của nó có khả năng trị bệnh. Dầu có thể trị cảm gió, tía tô có thể trị nhiệt sốt, mật có thể trị đàm.

Tương tạp thiện là ý nghiệp thiện. Do tương ưng với 3 thiện căn nên sinh tín, trí, các thiện. Khi tín, trí sinh, tâm và trợ tâm pháp tương ưng cùng 3 thiện căn nên tất cả đều thành thiện. Khi chưa pha trộn nhau, 3 thiện căn mỗi thứ có thể trị một ác. Tâm và trợ tâm pháp không pha trộn với 3 thiện căn thì không trị tác dụng của ác. Khi pha trộn nhau có thể phá các ác, như các thứ thuốc khi chưa hòa trộn, mỗi thứ đều có thể trị một bệnh, sau khi pha trộn có thể trị nhiều bệnh.

Phát khởi thiện là thân khẩu thiện. Thân khẩu vốn không có thiện, do ý nghiệp thiện phát khởi thân khẩu nên thân khẩu sinh thiện. Ví như nước vốn chẳng phải thuốc. Đem thuốc sắc trong nước, do thuốc phát khởi nước làm cho nước cũng thành thuốc.

Ba thiện căn đều do tùy thuận chân thật thiện nên được thành thiện.

Ác là thô pháp, vô vi không ác, là chân thật thiện, cho nên gọi là diệu hảo.

Hỏi: Khi tâm và trợ tâm pháp tương ưng với 3 thiện căn, trong một lúc có tương ưng với 3 thiện căn không ?



Đáp: Trong một lúc tương ưng đủ với 3 thiện căn. Như khi tín, trí hiện tiền, tâm này được lý tức là không si, tham sân không khởi tức không tham sân.

Hỏi: Khi Tâm và trợ tâm pháp tương ưng với 3 bất thiện căn, trong một lúc có tương ưng đủ với 3 bất thiện căn không ?

Đáp: Khi ác tâm hiện tiền, tâm này trái với lý, hằng tương ưng với vô minh. Khi khổ tương ưng với tham thì không tương ưng với sân, vì tính ác trái nghịch nhau.

Hỏi: Ba thiện căn có phải là tâm pháp chăng ?

Đáp: Chẳng phải tâm pháp. Cho nên có khi không tương ưng với tâm. Như Tăng-kì v.v... các bộ nói. Tâm tính chúng sinh vốn tịnh, khách trần làm ô nhiễm. Tịnh tức là 3 thiện căn. Chúng sinh vô thủy sinh tử đến nay có khách trần tức phiền não. Phiền não tức tùy miên phiền não v.v... Tùy miên phiền não tức 3 bất thiện căn. Do có 3 thiện căn cho nên sinh tín trí v.v... Khi tín, trí v.v... sinh cùng 3 thiện căn phò trợ lẫn nhau, nên gọi là tương ưng. Do có 3 bất thiện căn nên khởi tham sân v.v... các bất thiện. Khi bất thiện sinh cùng 3 bất thiện phò trợ lẫn nhau, nên gọi là tương ưng. Nếu khởi tà kiến đoạn 3 thiện căn, 3 thiện căn tạm diệt không phải vĩnh viễn diệt, sau nếu sinh thiện thì trở lại tiếp tục khiến sinh. Nếu đoạn 3 bất thiện căn thì đoạn tức vĩnh viễn không sinh. Tối thắng dứt trừ nên gọi vĩnh ly, như người ở trong oán tặc thì không được yên ổn. Nếu đoạn dứt lia oán tặc lia chưa xa có nghĩa yên ổn nhưng chẳng phải tối thắng yên ổn. Nếu đều ra khỏi hết cảnh giới đó mới là tối thắng yên ổn. Hợp với bên trong cũng vậy. Nếu ở trong oán tặc phiền não thì đều chưa yên ổn. Tuy có đoạn được một ít chưa hết, có nghĩa yên ổn nhưng chưa phải tối thắng yên ổn. Nếu đoạn hết, vĩnh viễn thoát ra ngoài phiền não mới là tối thắng yên ổn. A-la-hán đều hết phiền não, vĩnh viễn không sinh trở lại, đó là tối thắng yên ổn. Tu-đà-hoàn

kiến để phiền não đều hết, vĩnh viễn không sinh trở lại, cũng là tối thắng yên ổn.

Vì đối trị tà đạo nên gọi là đạo. Chín mươi sáu loại Sa-môn đều hành tà đạo. Sở dĩ gọi tà đạo là hành đạo này thì đi không tới nên gọi tà đạo. Nếu đi con đường ngay thẳng giới định tuệ thì tới được Niết-bàn.

Vì đối trị tà đạo nên nói giới định tuệ là đạo. Lại nữa giải thích nói có thể tìm nên gọi là đạo. Như người muốn đi đến một nơi nào đó trước tiên phải tìm đường. Nếu muốn cầu giải thoát trước phải tìm con đường xuất thế. Giới định tuệ là có thể tìm cho nên gọi là đạo.

Đối trị phi như nên gọi là như. Có 2 giải thích: một là làm rõ lý đối trị phi như, lấy thường lạc ngã tịnh đặt trong sinh tử, lấy vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh đặt trong Niết-bàn. Nay quán sinh tử là vô thường khổ vô ngã bất tịnh, Niết-bàn là thường lạc ngã tịnh, tương ứng với lý tức là như.

Hỏi: Niết-bàn Tiểu thừa thế nào, được gọi là ngã chăng ? Nếu là ngã thì tất cả pháp đều không phải vô ngã.

Đáp: Tiểu thừa nói rõ vô ngã trong tất cả pháp, cho nên gọi là vô ngã.

Niết-bàn hữu thể. Hữu thể tức là pháp ngã.

Đối trị hành bất như thì ngoại đạo có thường kiến đoạn kiến. Thường kiến là chấp ngã bất diệt thụ báo ở vị lai. Vì sự thụ báo vị lai nên trong hiện tại tu khổ hạnh. Có tất cả 11 sự việc:

1. Ngồi luôn, thường ngồi không dậy.
2. Đi luôn không đứng, không tránh núi hang hốc .
3. Không ăn, nhịn đói.
4. Dựa luôn, thường đứng một chỗ.

5. Ngược đầu nhìn mặt trời, sáng nhìn phía Đông nhìn theo mặt trời lên rồi lặn không mỏi.

6. Chích 5 chỗ bằng lửa nóng trên đầu và 4 nơi trên thân.

7. Nằm trên gai. Đặt gai một chỗ rồi nằm trên đó.

8. Nhảy xuống sườn núi.

9. Nhảy vào lửa,

10. Nhảy xuống nước.

11. Cúng dường chư thiên. Tự rút gân mình ra làm dây đàn Tì bà đàn mà cúng dường chư thiên.

Đoạn kiến, là cho rằng thân diệt ngã cũng diệt, không có vị lai hiện tại. Tha hồ tạo tác tội lỗi. Hành này không tương ưng với chính hành nên gọi là bất như hành.

Nay quán trung đạo không thường không đoạn lia nhị biên hành, tương xứng với nước Niết-bàn cho nên gọi là chính hành. Sở dĩ gọi Niết-bàn là nước vì có 2 nghĩa:

Một là vì người đại lực trấn giữ. Người đại lực tức là Phật. Và Độc Giác, A-la-hán chứng đắc Niết-bàn không có lầm lỗi, cho nên gọi là trấn.

Hai là oán tặc không xâm nhập cho nên trong Niết-bàn vĩnh viễn lìa phiền não, tức là bất xâm.

Bất chủng sự có 3 nghĩa:

1. Không chịu đi tới.

2. Đường tà vạy.

3. Đường nghi ngờ.

Nếu khởi ngã kiến thì lấy sinh tử làm nơi cùng cực không muốn tiến lên cầu Niết-bàn nữa, tức là nghĩa không chịu đi. Tuy muốn tiến lên cầu Niết-bàn mà tu giới thủ, tức là đường tà vạy. Với 8 định vô lưu và 8 định hữu lưu không biết đâu là đúng, tức là đường nghi ngờ.

Nếu tu vô lưu tuệ, phân biệt đúng sai tức trừ đường nghi ngờ. Đã trừ đường nghi ngờ, cũng trừ đường tà vạy, không đắm trước sinh tử tức trừ việc không chịu đi tới. Tu vô lưu tuệ có thể trừ ngã kiến, giới thủ, nghi v.v...các phiền não. Niết-bàn không phiền não, tức tương xứng với Niết-bàn. Việc này không tà nên gọi là chính hành. Đối trị tất cả sợ hãi đó là xuất ly. Tất cả sợ hãi là, Phật hỏi vua Ba-tư-nặc: Có người nói có núi lớn từ phương Đông đến, và cũng như vậy lần lượt có người nói 3 phương khác có núi lớn đến, nay vua muốn làm kế gì ?

Vua đáp: Thế Tôn ! Đây không thể dùng ái ngữ mà có thể đẩy lui được, không thể dùng bố thí đẩy lui được, không thể dùng việc sợ hãi đẩy lui được, không thể đem binh đẩy lui được. Chẳng phải 4 phương tiện này có thể đối trị. Như tôi nay chỉ phải nhất tâm gấp tu 8 phần thánh đạo để cầu xuất ly mà thôi.

Phật lại hỏi: Nếu có lửa đến đốt đầu vua đốt cháy áo vua, vua trước phải dập lửa hay trước phải tu 8 phần thánh đạo ?

Vua đáp: Thưa Thế Tôn ! Lửa đốt đầu và áo tôi, nếu tôi dập lửa thì chỉ miễn khổ tạm thời, chẳng phải miễn được vĩnh viễn. Nếu tu 8 phần thánh đạo thì vĩnh viễn lìa khỏi khổ. Tôi phải trước tu 8 phần thánh đạo, không dập lửa trước. Bốn núi 4 phương tức ví cho 4 khổ lão bệnh tử và ái biệt ly. Lão khổ có thể phá hoại tuổi trẻ. Bệnh khổ có thể đoạt lấy sức mạnh. Tử khổ có thể làm sụp đổ mạng sống. Ái biệt ly khổ có thể làm trái nghịch sự phú lạc. Từ trước đến nay đều xuất nghĩa khác. Chỗ chấp của Thiên Thân đồng nghĩa với sự Kinh Ưu-ba-đề-xá.

Luận chủ nói:

Nay tôi sẽ nói theo chỗ tôi tin tôi hiểu.

Có sinh có diệt nên gọi vô thường. Pháp hữu vi có sinh diệt nên không được là thường. Sinh tức có, diệt tức không. Trước có sau không nên là vô thường.

Sinh cái gì nên phi thường sinh, diệt cái gì nên phi thường diệt mà nói sinh diệt là vô thường ?

Giải thích: Sinh hoại nơi diệt nên diệt phi thường, diệt lại hoại sinh nên sinh cũng vô thường. Tính trái chống nhau là khổ. Năm ấm là tụ tập các khổ, hằng trái nghịch tâm chúng sinh khiến chịu khổ. Chúng sinh không ai chẳng yêu thích chỗ thụ thân, đem y phục ẩm thực các thứ nuôi dưỡng nó mà nó có biết ơn này đâu, hằng sinh các khổ, trái nghịch tâm chúng sinh. Ý thức tăng giảm hằng sinh khổ não muốn khiến được yên. Do đó mà ngồi lâu sinh khổ, chán ngồi phải đi, đi lâu lại sinh khổ. Như vậy trong 4 oai nghi thường trái nghịch lẫn nhau. Sở dĩ thường trái nghịch tâm chúng sinh vì cảnh giới sở duyên không chân thật nên trái nghịch sinh khổ.

Thể xa lìa nên gọi là không. Tất cả các pháp đều giả danh. Có tên gọi, có nghĩa nhưng không có thật thể. Hòa hợp năng sinh là nghĩa của nhân. Trong hòa hợp để lập tên nhân, sở sinh là nghĩa của quả. Trong sở sinh để lập tên quả mà nhân quả không có thật thể. Bởi vì sao ? Căn trần hòa hợp có thể sinh thức. Lìa căn trần ra, lẽ nào riêng có cái thể của nhân sao ? Vì hòa hợp nên nói thức sinh. Lìa hòa hợp ra, lẽ nào lại riêng có thể của thức sinh ư ? Có nhân quả không có năng tác năng dụng. Không có nhân quả là có danh nghĩa của nhân quả.

Không năng tác, là nhân không thể, không chân thật năng tác.

Không năng dụng, là quả không thể, không chân thật có thể thụ dụng trong danh nghĩa của khổ lạc.

Không thể, tức thể lìa nghĩa, nên gọi là không.

Không tự nhân nên gọi là có ngã. Phật nói hữu pháp không ra ngoài 18 giới. Nếu nói có ngã thì ngã ở trong giới nào ? Nếu không ở trong 18 giới nên biết là không có ngã. Đây là phá nghĩa của Bạt-tư-phát-đa-la Khả trụ tử bộ.

Cứu nghĩa nói: Ngã biến khắp trong 18 giới, đâu có thể khiến ở riêng trong một giới nào. Chấp ngã nói không một không khác là không thể nói tạng.

Nay lại phá chấp này. Như nhãn căn với sắc trần là sở duyên, nhãn thức là năng duyên. Duyên căn trần nên sinh thức.

Nay trước tiên vào trong sở duyên mà phá. Ngã biến khắp trong căn trần là một hay là khác ? Nếu là khác thì phải sở duyên có căn trần ngã 3 pháp. Có sao Phật chỉ nói 2 mà không nói 3 ? Nếu nói có ngã khác với căn trần mà Phật không nói sở duyên thì cái ngã này là vô dụng.

Lại nữa, nếu nói khác căn trần mà ông nói nghĩa không khác thì đây hoại. Nếu nói ngã với căn trần là một thì chỉ có căn trần chỗ nào có ngã ? Như vậy ông nói nghĩa không phải một lại hỏng.

Tiếp đến năng duyên mà phá. Ngã với thức là một hay là khác ư ? Nếu khác tức có 2 thứ năng duyên là ngã và thức. Nếu có 2 pháp vì sao Phật không nói ? Nếu tuy có nhưng Phật không nói thì ngã là vô dụng. Lại nữa, ông nói nghĩa không khác là hoại. Nếu ngã với thức là một, thức theo duyên sinh đã là hữu vi thì ngã cũng phải hữu vi. Ông lập ngã phi hữu vi phi vô vi thì câu nói này là hỏng. Lại nữa, ông nói không phải một, câu này cũng hỏng.

Nếu phá ngoại đạo chấp ngã, ngoại đạo lập nghĩa của ngã dùng 4 trí chứng biết có ngã: 1. Chứng trí. 2. Tỷ trí. 3. Thí trí. 4. Thanh trí. Dùng 4 trí này chứng biết có ngã.

Ngoại đạo có 2 kiến: đoạn và thường. Nếu là đoạn kiến thì thân này là ngã, cho nên thân diệt ngã cũng diệt. Đã thân là thân hiện thấy, tức chứng trí biết có ngã. Nếu thấy hơi thở ra vào v.v... 5 thứ là ngã tướng, đã thấy tướng đó tức biết có ngã. Đây tức tỷ trí biết có ngã. Nếu thấy tự thân có ngã, biết thân người khác cũng có ngã tức thí trí biết có ngã. Nghe thánh sư nói có ngã thì biết có ngã, là thanh trí biết có ngã.

Nếu thường kiến thì chỉ tử và thanh 2 trí biết có ngã. Người thường kiến nói lân hư và ngã không thể thấy. Không phải chúng trí có thể biết. Lại nữa người thường kiến cũng nói ngã là chúng trí biết được. Người ấy nói trong con mắt bạch tinh là mặt trăng, trong cái trắng xích tinh là mặt trời, trong cái đỏ thanh tinh là không, trong thanh tinh nhân tử là ngã. Ngã là thường, đây cũng có thể thấy, đó là chúng trí biết được. Mặt trăng là mẹ tạo. Mặt trời là cha tạo. Không là trời Tự Tại tạo. Ngã chẳng phải do nhân tạo cho nên là thường. Sở dĩ gọi thanh tinh là không là nếu che khuất thì không thấy biết cái không đó. Thiên Thân tuần tự phá điều đó.

Trí chúng biết được không quá 7 pháp, tức 6 trần và thức. Sáu trần và thức đều chẳng phải là ngã, làm sao chúng trí biết được ?

Tỷ trí biết được là như nhãn sắc không tác ý v.v... các nhân duyên sinh nhãn thức. Thức tức nói rõ cái dụng. Đã thấy có cái dụng của nó, tỷ trí biết ắt có nhãn. Ngã không có dụng riêng, lấy nghĩa gì so sánh biết có ngã ?

Thí trí là như thấy hình dáng bò nuôi ví giống với hình dáng mà biết bò rừng. Hình trạng cũng như vậy. Ngã đã chẳng phải chúng trí biết được, cũng chẳng phải thí trí biết được.

Thanh trí là như chấp ngã là thánh sư nói có ngã. Ta tin tiếng nói của thánh sư nên lập có ngã. Đây cũng chẳng phải vậy. Thầy của ông có 2 thuyết đoạn thường. Nếu như Bạt-bà-lê-kha, A-lại-già-đà, Ưu-lâu-ca 3 ngoại đạo khởi thường kiến chấp nói có ngã, nói có vị lai. Nếu là Ha-lê đa văn, Đà-a-luân, La-da-na 3 ngoại đạo khởi đoạn kiến chấp nói không có ngã, nói không có vị lai. Thầy ông nói hữu vô tự bất định, làm sao lấy đó chúng minh có ngã ? Người nói vô tự, người chấp ngã nói ngã là chủ của 5 âm, ở riêng trong 5 âm. Ví như vua trong một nước, nước là sở hữu của mình không chung với người khác. Nay nói 5 âm không có chủ cho nên nói là người vô tự, cho nên nói là vô ngã.

Hỏi: Ngoại đạo nói ngã có tác dụng gì ? Nếu có thì có thể dùng tỷ trí biết được ?

Đáp: Kia nói ngã ngoại tướng có 5, nội tướng có 9. Đây là Ưu-lâu-ca v.v... chấp kiến chấp này. Ngoại tướng có 5 là: 1. Hoi thở ra. 2. Hoi thở vào. 3. Nháy mắt. 4. Xem. 5. Mạng sống. Dù 5 tướng này thì biết có ngã. Năm tướng tức 5 dụng.

Nay phá chấp đó. Nếu lấy 4 tướng trước biết có ngã thì như cái trướng không có 4 tướng trước, chẳng có ngã sao ?

Cứu nghĩa nói: Tuy không có 4 tướng trước nhưng có tướng thứ 5 nên biết có ngã.

Lại phá chấp đó. Mạng sống ắt trực tiếp với thân. Ông nói khi ngã được giải thoát thì ngã lìa thân, khi ngã lìa thân thì không còn mạng sống, làm sao lấy thọ mạng chứng biết được có ngã ? Nội tướng thì nói ngã là thường, tâm là lân hư, tâm cũng là thường. Riêng có pháp và phi pháp. Pháp là thiện. Phi pháp là ác. Pháp và phi pháp có thể khiến tâm ta hợp chung. ( *Bản đời Minh chú thích là “có thể khiến tâm ta” Nam Tạng thì nói “chẳng phải khiến tâm ta”* )

Tâm ta hợp chung sinh 9 pháp. Từ tâm ta sinh giác vì có thể giác tri. Từ giác sinh khổ vui. Từ khổ vui sinh ưa muốn chán ghét. Với vui sinh ưa muốn. Với khổ khởi chán ghét. Từ ưa muốn chán ghét sinh công lực. Tạo công lực muốn diệt khổ cầu vui. Từ công lực sinh pháp và phi pháp.

Nếu người thường kiến, chấp có vị lai nên trong hiện tại tu các khổ hạnh, gọi đó là pháp.

Nếu người đoạn kiến, chấp không có vị lai nên trong hiện tại phóng tâm tạo ác, gọi là phi pháp.

Từ pháp, phi pháp sinh tu tập. Tu tập thuần thực thì công dụng mau chóng. Tu mau chóng tức sức của nhân. Tu mau chóng nên có thể



nhớ lại việc quá khứ nhanh chóng. Do riêng có pháp phi pháp hợp cho nên trong 9 pháp sinh pháp phi pháp, có lúc làm thiện, có lúc làm ác.

Riêng có pháp phi pháp, tất cả có 5 việc:

1. Có thể khiến lửa bốc lên trên.
2. Có thể khiến gió đi quanh.
3. Có thể khiến đất nước chìm xuống.
4. Có thể khiến lân hư ly hợp.
5. Có thể khiến tâm ta hòa hợp.

Ngoại đạo nói có 2 tai nạn: một là trung gian tai, hai là hỏa tai.

Trung gian tai, là tất cả trải qua ba trăm ngàn câu-chi, tức ba trăm ngàn câu-chi kiếp. Một trăm ngàn câu-chi lửa, một trăm ngàn câu-chi nước, một trăm ngàn câu-chi gió thế giới. Trong lúc hỏa tai, thế giới một kiếp diệt một kiếp sinh. Trong lúc thủy, phong tai cũng vậy.

Diệt thì thô trần diệt, bản lân hư rời nhau mà trụ.

Sinh thì khiến pháp phi pháp hợp chung.

Pháp hợp thành thiện đạo. Phi pháp hợp thành ác đạo. Bản trần đã hợp, từ đó tăng trưởng, lại sinh các trần, nên thành thế giới.

Tâm ta cũng ly hợp theo ngoại trần. Qua ba trăm ngàn câu-chi đủ trung gian tai. Đến lúc hỏa tai lại trải qua ba trăm ngàn câu-chi, thế giới diệt hoàn toàn, bản trần hoàn toàn tách rời mà trụ, tâm ta cũng hoàn toàn tách rời mà trụ, thì ta tạm thời giải thoát.

Trải qua ba trăm ngàn câu-chi đủ hỏa tai, pháp phi pháp trở lại khiến hợp chung.

Hỏi: Vì sao lửa đi lên, gió đi quanh, đất nước chìm xuống ?

Đáp: Lửa có thể làm chín các vật, nếu lửa không đi lên thì chúng sinh không có được thức ăn uống chín. Lại lửa có ánh sáng,

chủ nơi trí tuệ nên ở trên trời Tự Tại thân có đủ 6 đường. Từ tim trở lên là người, trời. Từ tim xuống đến rốn là A-tu-la và quỷ. Từ rốn xuống đến chân là súc sinh và địa ngục. Người, trời sáng suốt có trí tuệ nên ở trên. Lửa có ánh sáng, chủ nơi trí tuệ nên ở trên.

Gió nếu không đi quanh thì chúng sinh không làm sao đi đến được. Như thuyền trên biển, nếu gió chìm xuống hay bốc lên thì thuyền không thể đi tới được. Do gió đi quanh nên có đi đến. Nếu đất nước không xuống thấp thì chúng sinh không có chỗ nương tựa. Đất nước tối sinh hoặc thuộc địa ngục, súc sinh cho nên ở dưới. Địa ngục súc sinh tối mà có hoặc nên ở dưới đất. Đất nước tối sinh hoặc nên ở dưới.

Để muốn vĩnh viễn giải thoát nên tu giới, thí, khổ hạnh, định 4 pháp. Từ 4 pháp sinh chính pháp. Chính pháp là đắc đạo. Từ chính pháp sinh lạc sinh trí. Người trí lạc thụ lạc quả trong cõi trời. Trí tuệ nếu sau đoạn pháp phi pháp, ngã và tâm vĩnh viễn tách rời, 9 pháp vĩnh viễn không sinh trở lại, tức vĩnh viễn được giải thoát. Nếu phá ngã kiến và lân hư, chấp này tự diệt mất.

Luận nói: Có 4 thứ ái dục:

1. Chấp ngã là không phân biệt ái dục.
2. Chấp đương ngã, là không phân biệt lại có ái dục.
3. Chấp đương ngã có hơn kém là phân biệt lại có ái dục.
4. Kết có tương tiếp ái dục.

Nay sẽ lần lượt giải thích:

Thứ nhất, chấp ngã là trong hiện tại chấp nói trong thân có ngã mà không phân biệt chấp một ấm là ngã các ấm khác là phi ngã. Cũng không phân biệt 5 ấm đều phi ngã mà nơi ngã sinh ái, nơi ngã sở sắc hương vị xúc v.v... các cảnh sinh tâm nhiễm trước nên gọi là dục. Ngã và ái thì kiến đạo phá. Dục thì tu đạo phá.

Thứ hai, ái dục. Người thường kiến cho rằng ngã bất diệt, được đến vị lai cho nên gọi là đương ngã phân biệt, không khác trước đã giải thích vị lai nói cánh hữu ngã. Nơi cánh hữu ngã sinh ái, nơi ngã sở 6 trần sinh nhiễm trước nên gọi là dục.

Thứ ba, chấp đương ngã như trước đã giải thích, cũng không phân biệt có hơn kém. Phân biệt đó là phân biệt cái ngã vị lai hoặc thụ khổ hoặc thụ vui, hoặc sinh trên đất, hoặc sinh dưới đất. Đó tức là nghĩa hơn kém. Lại có ái dục không khác với giải thích trước.

Thứ tư, ái dục mà văn luận không nói chấp ngã cũng là ái dục chấp ngã. Chấp ngã không phân biệt không khác giải thích trước. Nghĩa là ngã bất diệt được đến vị lai, nơi sinh vị lai khởi nhiễm trước, nên suy ra thân này tức hậu thân của ái kết. Trước sau 2 hữu mạng tiếp nối nhau không dứt nên nói là kết. Hữu tiếp nối ái dục không khác giải thích trước.

Luận nói: Trong kinh Phật nói 5 âm lấy ái dục làm căn bản. Ái dục là tập khởi. Ái dục là sinh xứ. Ái dục là duyên. Trong kinh lại nói có 4 thứ ái dục. Luận lại tuần tự liệt kê 4 tên trước rồi sau mới giải thích.

Giải thích về nhân: Thứ nhất ái dục là căn bản đầu tiên của 5 âm nên gọi là nhân. Như hạt với quả. Căn bản là nghĩa của nhân cho nên là ban đầu dẫn kinh nói lấy ái dục làm căn bản, tức ái dục là nhân. Nay lấy căn bản giải thích nghĩa của nhân. Nói căn bản đầu tiên là trước ở hiện tại chấp ngã sinh ái dục. Ái dục này tức có sức cảm quả vị lai nên gọi là đầu tiên. Như có hạt giống mới có sức sinh ra quả, cho nên giống như hạt với quả.

Giải thích tập khởi: Thứ hai ái dục là 5 âm tập khởi có thể làm cho quả đến, ví như mầm v.v... với quả. Thứ hai ái dục duyên vị lai hữu ngã và sinh các trần. Vì ái dục hòa hợp có thể khiến đến quả hiện tại nên gọi ái dục là tập khởi. Giống như mầm cho đến hoa có thể sinh quả v.v... nhánh v.v... chồi lá hoa quả tức trái cây.

Giải thích sinh xứ: Thứ ba ái dục là sinh xứ của 5 âm, có thể sinh 5 âm hơn kém. Ví như trái cây với ruộng, nước đất v.v... cho nên có hương vị sức biến đổi từ sống thành chín. Thứ ba ái dục phân biệt vị lai có hơn kém cho nên khi thụ báo có thăng trầm. Do ái dục thứ ba khiến sinh báo vị lai hơn kém nên gọi ái dục thứ ba là sinh xứ.

Thứ hai, thế lấy thật làm quả. Nay nói quả cũng lấy thật làm quả. Quả đã sinh, ruộng và nước đất v.v... làm duyên cho quả tăng trưởng hương vị v.v... Ruộng có tốt xấu không đồng nhau, trong khi sinh quả hương vị tùy theo duyên cũng vậy có khác nhau. Tùy ái dục phân biệt nên được quả có hơn có kém.

Hương, y theo lập nghĩa của Chính lượng bộ và ngoại đạo thì có 3 thứ: một là thơm, hai là hôi, ba là bình thường. Bình thường là không thơm hôi. Nếu vậy các bộ chỉ có thơm và hôi, không có mùi gì khác. Mà thơm hôi mỗi mỗi đều có 2 loại: một tăng, hai tổn. Như xạ hương, nếu người ngửi thì tăng lân hư trần của mũi. Loài trùng nghe hương này thì tổn lân hư trần của mũi. Phân v.v... thì hôi thối, nếu người ngửi thì tổn lân hư trần của mũi, heo chó ngửi thì tăng lân hư trần của mũi.

Vị có 7 thứ, là ngọt, đắng, cay, chua, mặn, chát, vị nước tro. Chát như quả sơn tra sống v.v... Vị tro nói riêng chỉ là vị nhạt.

Lực có 10 thứ, tức nhẹ, nặng, lạnh, nóng, nhám, trơn, cứng, mềm, thấm, khô.

Trái cây chín như loại táo, thịt nó như bột gạo rang.

Trái cây chín có 3 loại: một ngọt, hai chua, ba cay đắng. Đây chẳng phải 3 vị, lấy 3 vị làm tên vậy. Ăn trái cây vào bụng, biến chín thành nhạt gọi là ngọt, biến chín thành nóng gọi là chua, biến chín thành gió gọi là cay đắng. Oai đức, là cây thuốc v.v... tự nó có oai đức, hoặc rễ cây có thể phát ra ánh sáng, hoặc có thể xua đuổi quỷ, hoặc có thể trừ độc. Như nơi có cây thuốc Ma-già mọc thì tất cả cỏ

độc nơi ấy đều không còn độc nữa. Lực của quả tùy theo duyên mà oai đức không đồng, dụ như chúng sinh cảm báo khác nhau vậy.

Giải thích về duyên: Thứ tư ái dục là sinh duyên của 5 ấm. Năm ấm từ đó khởi, nên ví như quả duyên nơi hoa diệt nên sinh. Ái dục thứ tư nhiễm trước sinh xứ vị lai, kết 2 hữu khiến tiếp nối nhau. Năm ấm vị lai duyên đó được khởi nên gọi ái dục thứ tư là duyên. Như duyên nơi hoa diệt mà quả sinh.

Sự đoạn nên gọi là diệt. Sự tức 12 duyên sinh. Đây là căn cứ vào nhân làm sự. Vì nhân đoạn không tiếp tục nữa nên gọi là diệt. Tức nói ái dục thứ nhất đoạn. Nay 16 đế có 16 vật nên diệt. Dưới 4, mỗi mỗi có một pháp làm thể. Không khổ nên gọi là tịch tĩnh. Khổ không căn cứ khổ thụ nói. Từ trước sinh là quả. Gọi quả là khổ. Trước nói nhân đoạn, nay nói quả không. Nếu quả lại sinh thì huyên động không ngớt, đâu gọi là tịch tĩnh. Và do quả không có nên tịch tĩnh. Đây tức nói rõ không có ái dục thứ hai. Ái dục thứ hai sinh từ ái dục thứ nhất, tức là quả vô thượng cho nên gọi là mỹ diệu, tối thắng không hơn không sánh bằng nên nói là vô thượng, tức nói rõ không có ái dục thứ ba. Ái dục thứ ba phân biệt hơn thua. Nay nói chỉ có hơn, không kém, tức trừ sự hơn kém vì ái dục không trở lại nên gọi vĩnh viễn xa lìa. Nếu đã ra khỏi mà còn trở lại thì chẳng phải vĩnh viễn xa lìa. Nay ra khỏi mà không trở lại nên gọi vĩnh viễn xa lìa, tức nói rõ không có ái dục thứ tư. Ái dục thứ tư kết hữu khiến tiếp nối là trở lại sinh tử. Nay đoạn cái kết này không cho trở lại, hành vô lưu tâm nên gọi là đạo.

Đạo tức giới định tuệ làm thể. Từ vô lưu tâm sinh gọi là hành. Vô lưu tâm có 3 thứ một là thực, hai là trực, ba là minh. Thực nên không thoái. Minh nên không mê. Trực nên chân. Tu tuệ lìa tán động nên thực. Thực nên không thoái mất nữa. Nếu tâm tối tăm thì mê cảnh. Do minh nên không mê. Nếu cả tà vạy thì không được gọi là trực. Đi thẳng không xiêng xẹo nên gọi là trực. Ngay thẳng mà không xen tạp nên gọi là trực. Vô lưu tâm đã đủ 3 đức này nên đạo sinh ra cũng đủ 3 đức.

Thông đạt cảnh chân thật nên gọi là như. Tương xứng với cảnh giới chân thật của lý 4 để nên gọi là như.

Quyết định nên gọi là chính hành. Như kinh nói: Chỉ có đây là đạo, không có đạo nào khác. Vì là thanh tịnh kiến, không gì hơn không gì bằng, nên gọi là quyết định. Nếu lại có một pháp nào hơn đây thì thành bất định. Nếu lại có một pháp nào khác bằng pháp này cũng chẳng phải là định. Bất định thì không xứng với chính hành. Luận dẫn kinh để chứng minh nghĩa của định nên nói chỉ có đây là đạo không có pháp nào bằng không có pháp nào hơn. Cho nên nói không có đạo nào khác.

Kiến có 2 thứ: Một là tịch kiến, tức 5 kiến. Hai là chính kiến, tức tận trí. Tận trí tức trí của A-la-hán đạt được do đã đoạn hết phiền não. Có thể đoạn trừ tịch kiến, được chính kiến của A-la-hán nên nói là thanh tịnh kiến. Nếu quanh co giải thích kiến đạo thì tâm thứ 13 cũng được gọi là chính kiến. Bởi có thể thanh tịnh kiến nên gọi là chính hành. Cho nên chỉ chính hành là đạo. Ngoài ra lẽ nào lại có đạo khác ư ?

Rốt ráo độ nên gọi là xuất ly, nghĩa là diệt đế là rốt ráo, vì rốt ráo không sinh. Vô lưu trí đoạn trừ phiền não. Vượt các lưu chứng đắc vô vi, nên gọi là độ. Vô vi đã là rốt ráo, chứng đắc vô vi độ cũng rốt ráo cho nên lấy tên diệt đế rốt ráo gọi độ là rốt ráo. Vì rốt ráo độ cho nên gọi là xuất ly.

Luận nói: Trong kinh lại nói chúng sinh có 4 kiến: một thường kiến, hai lạc kiến, ba ngã sở kiến, bốn ngã kiến. Để phá 4 kiến này nên Phật nói vô thường, khổ, không, vô ngã.

Giải thích câu này là, khi khởi kiến ắt trước khởi ngã kiến. Khi khởi ngã kiến tức khởi đủ 3 kiến khác. Khởi ngã kiến là chấp ngã là thường, tức khởi thường kiến. Ngã đã là thường như dao không thể chặt, lửa không thể đốt. Đã không thể phá hoại thì đó là lạc, tức lạc

kiến. Đã chấp có ngã ngã sở tại xứ tức là ngã sở, tức là ngã sở kiến. Nếu phá ngã kiến thì 3 kiến kia đều bị phá. Tăng-khur và Tì-thế sư v.v... đều có chấp này.

Tăng-khur, Tì-thế sư v.v... lại khởi thường kiến nói: Vô thì không hữu, hữu thì không vô. Tất cả pháp vô thì hằng vô, vô không thành hữu. Hữu thì hằng hữu, hữu không thành vô, cho nên tất cả pháp đều là thường. Hiện thấy tất cả pháp có sinh diệt, đó là chuyển khác, chẳng phải thể của nó mới sinh, chẳng phải thể của nó diệt mất. Như vàng chuyển thành vòng xuyên, thể của vàng không từng sinh diệt. Họ nói tự tính sinh không v.v... 5 đại, 5 đại lại sinh 5 căn.

Cái gì là tự tính sinh không ? Không với âm thanh đều khởi. Không là gốc, âm thanh là ngọn. Âm thanh là đức của không. Không rất vi tế, không có vật gì có thể phá. Tự tính sinh ra gió, cùng khởi với xúc. Gió là gốc, xúc là ngọn. Xúc là đức của gió. Gió thì thô, không thì vi tế. Dem không đến phá gió, gió xen vào trong không. Gió thì đủ cả 2 đức. Tự đức tính là xúc. Tha đức tính là thanh, sắc. Tự tính sinh lửa, lửa cùng sinh với sắc. Lửa là gốc, sắc là ngọn. Sắc là đức tính của lửa. Lửa thô, gió tế. Gió đến phá lửa, lửa xen vào gió. Lửa đủ 3 đức: tự đức là sắc, tha đức là thanh. Tự tính của xúc sinh nước, nước với vị cùng sinh. Nước là gốc, vị là ngọn. Vị là đức của nước. Nước thô, lửa tế. Lửa đến phá nước. Nước xen trong lửa. Nước đủ 4 đức: tự đức là vị, tha đức là thanh. Sắc là xúc. Tự tính sinh đất. Đất với hương cùng khởi. Đất là gốc, hương là ngọn. Hương là đức của đất. Đất thô, nước tế. Nước đến phá đất. Đất xen trong nước. Đất đủ 5 đức: tự đức là hương, tha đức là thanh. Sắc xúc vị, 5 đại làm nhân sinh 5 căn, 5 căn là quả. Không sinh tai, tai trở lại thủ không. Vì tự đức không thủ tha đức. Chỉ nghe tiếng không thấy sắc v.v... Gió sinh da, da tức da thịt, da trở lại thủ gió. Tự đức chỉ thủ xúc không thủ các đức khác. Bởi lửa sinh mắt, bởi nước sinh lưỡi, bởi đất sinh mũi, có thể hiểu giống như 2 thứ trước.

Năm căn đã từ 5 đại sinh, 5 căn diệt trở về lại 5 đại. Nhĩ căn diệt trở về lại không, cho đến tỷ căn diệt trở về lại đất. Cho nên các pháp là thường.

Người phá thường kiến nói chưa có, có rồi diệt, tức là tiên vô hậu vô cho nên là vô thường. Nói vô bất hữu, nay nói vị hữu hữu. Vị hữu là vô. Vốn là vô, nay thành hữu thì vô chẳng hằng vô. Nói hữu bất vô, nay nói dĩ hữu vô. Trước là hữu nay thành vô thì hữu chẳng hằng hữu.

Hỏi: Làm sao lửa có thể phá nước ?

Đáp: Sắc là đức của lửa. Trong nước có sắc tức là lấy lửa phá nước.

Hỏi: Cái gì là tự tính mà nói nó có thể sinh u ?

Đáp: Có 3 pháp: một tên tự tính, hai tên người, ba tên biến đổi khác. Trong 3 thứ, cái đầu tiên chỉ có tên tự tính, người chỉ có tên người, biến đổi khác cũng có tên tự tính cũng có tên biến khác. Sở dĩ như vậy là cái đầu tiên vô tri cho nên không được gọi người, không chuyển nên không được gọi biến khác cho nên chỉ gọi tự tính, người có tri giác không thể thủ không được gọi tự tính, không chuyển nên không được gọi biến khác, chỉ được gọi người. Từ 3 đức trở đi đều vô tri, có thể truyền sinh sau nên gọi là tính, từ cái khác sinh có chuyển nên gọi là biến khác. Như tính vàng không đổi mà có vòng xuyên khác nhau.

Người tức là ngã. Tự tính như người mù có thể đi mà không thấy người đi đường, như người có mắt mà không có chân, có thể thấy nhưng không đi được. Tự tính có thể tạo tác nhưng không có tri giác. Người có tri giác mà không thể tạo tác. Người với tự tính hợp chung lại thì sinh tự tính biến khác.

Có 8 thứ tự tính: 1. Căn bản tự tính. 2. Ba đức tự tính. 3. Đại tự tính. 4. Ngã chấp tự tính. 5. Duy trần tự tính. 6. Đại thật tự tính. 7. Tri căn tự tính. 8. Nghiệp căn tự tính. Cái thứ nhất trong 3 là căn bản tự tính xưa nay vốn có. Từ căn bản tự tính sinh 7 thứ tự tính. Bảy thứ



tự tịnh đều là biến dị tự tính. Từ căn bản tự tính sinh 3 đức tự tính. Ba đức tiếng Thiên Trúc thứ nhất là Tát-đỏa, không có nghĩa tương đương để phiên dịch, nên nói là diệu hữu. Nghĩa là khi sinh thể của nó tinh diệu. Thứ hai là A-la-xã, dịch đúng là trần, động và có thể nhiễm nên gọi là trần. Thứ ba là Đa-ma, dịch đúng là ám, thể của nó là bế tắc. Nếu lấy nghĩa lập thì thứ nhất là khinh quang, thứ hai là động trì, thứ ba là trọng tắc. Tất cả pháp trong ngoài đều không ra ngoài 3 thứ này.

Tiên luận, ngoại luận, ngoại pháp đại loại có 4 đại luận là không đại và hòa đại là khinh quang. Phong đại là động trì mà có thể giữ cho vật không rơi xuống. Địa thủy là trọng tắc, thể của nó nặng mà tối tăm bế tắc.

Đại loại 6 thú thì trời là khinh quang, người là động trì, 4 ác thú là trọng tắc.

Đại loại nội pháp luận thì xả thụ là khinh quang, lạc thụ là động trì, tâm dao động mà đuôi theo cảnh, khổ thụ là trọng tắc. Trí tuệ là khinh quang. Tham là động trì. Sân si là trọng tắc.

Khi mới sinh 3 đức, trong diệu hữu bắt đầu hiển, ngoại pháp chưa hiển, về sau mới hiển. Từ tự tính 3 đức sinh đại tự tính. Đại tức là giác. Giác là gốc của các tri thức, có tác dụng giác sát. Từ đại tự tính sinh ngã chấp tự tính, chấp nói có ngã khác với tha nhân. Nếu theo nghĩa của Tăng-khư thì từ ngã chấp sinh duy trần, duy trần sinh đại thật. Nếu theo nghĩa của Tì-thế sư thì từ đại thật sinh duy trần. Nay hãy y theo giải thích trước.

Nói duy trần là chỉ có 5 trần, các pháp khác chưa hiển. Từ 5 trần sinh đại thật, tức 5 đại. Tất cả pháp không ra ngoài chúng, nên gọi là đại. Thật, là tất cả pháp, quá khứ vị lai đều ở trong đại này. Tất cả pháp tự có biến đổi khác. Thể của chúng thường tại không biến khác. Như nhãn căn hoại trở về lại không đại. Nhãn căn tự nó có hoại, không đại không hoại. Cho đến tỷ căn trở về với địa đại cũng

vậy. Cho nên gọi là thật. Từ đại thật sinh tri căn. Vì nhân v.v... 5 căn có khả năng tri giác. Từ tri căn sinh nghiệp căn.

Có 5 nghiệp căn: 1. Miệng. 2. Tay. 3. Chân. 4. Eo. 5. Nam nữ căn. Miệng có khả năng nói, là ngữ căn, nói tức là khẩu nghiệp. Tay là tróc căn, nắm bắt là thủ nghiệp. Chân là hành căn, đi là cước nghiệp. Eo là phóng căn, có khả năng phóng uế, phóng là cư nghiệp. Nam nữ căn có khả năng sinh con, là sinh tử căn, sinh con là nam nữ căn nghiệp.

Đây là 25 câu thật để nghĩa. Năm nghiệp căn, 5 tri căn, 5 trần, 5 đại là 20, ngã chấp là 21, đại là 22, 3 đức là 23, người là 24, tự tính là 25.

Hỏi: Đại khái lấy 5 đại luận 3 đức, 5 đại chỉ nên thuộc đại thật. Ví như một cái ngà voi chia ra nhiều miếng, miếng thì khắc hình ngựa, miếng khắc hình voi. Ngựa voi tuy khác, thể tính vẫn là ngà. Năm đại cũng vậy. Năm đại tự thuộc đại thật, theo thể tính nhiếp thuộc lẫn nhau, tự thuộc vào 3 đức. Trước nói tự tính sinh không v.v... tức nói căn bản tự tính là năng sinh. Nghĩa của Tăng-khư thì nói trong nhân đủ có quả. Như trong hạt cây Bát-đa đã có đầy đủ nhánh lá hoa quả. Trong tự tính đã đầy đủ 7 thứ biến dị tự tính. Khi người hợp với nó, 7 thứ liên tuần tự hiển hiện, gọi đó là sinh. Chẳng phải trước không sau có gọi là sinh.

Hỏi: Ba đức có trí tuệ và 3 phiền não, duyên vật gì làm cảnh ?

Đáp: Đó là pháp diệu hữu không duyên cảnh khởi. Như 3 thiện căn, ba bất thiện căn của nhà Phật lại có duyên gì khởi ư.

Hỏi: Trong 3 đức có trí tuệ. Đại nói là giác, sao nói biến dị tự tính đều chẳng phải tri ư ? Người là tri. Người có khả tri. Bảy thứ biến dị tự vô tri dụng. Như người có thể chặt nên gọi là đao, vì có thể chặt. Đao thật không thể chặt.

Hỏi: Duy trần là sắc v.v... 5 trần. Sao dùng trần đến hiển thị đại thật ư ?

Đáp: Năm đại đều là lân hư không thể thấy. Sắc v.v... 5 trần là ngọn của 5 đại. Thấy ngọn mới rõ được gốc. Sắc v.v... 5 trần chẳng phải lân hư nên có thể thấy.

Hỏi: Tự tính là năng sinh, cũng là năng biến. Ba đức vọng tự tính là sở sinh sở biến. Vọng đại là năng sinh năng biến. Vì sao tự tính năng sinh được nhận tên sinh, năng biến không được nhận tên biến, mà 3 đức nhận đủ cả 2 tên ư ?

Đáp: Năng biến năng sinh đều là tên của nhân. Sở biến sở sinh đều là tên của quả. Gọi thẳng là biến, gọi thẳng là sinh, đó là tên của quả. Quả khởi mới là biến là sinh. Nhân chưa có biến và sinh.

Nay nói tự tính năng sinh tức là năng biến, nói năng biến là năng sinh. Chẳng phải sở biến nên không được nhận tên biến. Ba đức đủ 2 nghĩa năng sở nên nhận được 2 tên.

Hỏi: Cái gì lấy năng sinh làm tự tính ?

Đáp: Năng sinh là gốc. Gốc là nghĩa của tự tính nên nhận tên tự tính.

Hỏi: Người cũng là gốc, sao không nhận tên tự tính ?

Đáp: Người không tác dụng, không thể biến khác nên không nhận tên tự tính.

Người lạc kiến, là như Ni-kiền tử v.v... khởi chấp kiến bảo rằng chân thật sinh tử là lạc, chân thật Niết-bàn là khổ. Họ suy diễn rằng: Như người không có một tay một mắt là khổ chẳng ? Nếu là khổ thì hoàn toàn không có thân chẳng phải là rất khổ sao ? Niết-bàn đã không có 5 ấm cho nên nói Niết-bàn chân thật là rất khổ. Không một tay một mắt, khi được người chữa trị được lại một tay một mắt thế không phải lạc sao ? Đó là lạc. Được một tay một mắt đã tự là lạc rồi, được một thân đầy đủ lẽ nào chẳng phải cực lạc ? Hiện tại trên đời đã có đủ 5 căn cho nên biết có thân chân thật là cực lạc.

Tăng-khur, Tì-thế sư lại khởi lạc kiến rằng: Sinh tử chân thật có khổ có lạc. Người, trời là chân thật lạc. Địa ngục súc sinh v.v... chân thật là khổ. Họ lấy nhân mà suy diễn: Nhân đã chân thật có thiện có ác, ác có thể cảm khổ, thiện có thể cảm lạc. Vì nhân chân thật cho nên biết quả cũng chân thật.

Phá 2 kiến chấp này là, vì sinh tử đối đãi nhau nên sinh lạc. Vì sao biết? Lấy thô làm lạc, lấy tế làm khổ. Như ngạ quỷ duyên địa ngục là khổ, tự duyên nghiệp báo là lạc. Súc sinh duyên ngạ quỷ là khổ, tự duyên nghiệp báo là lạc. A-tu-la duyên súc sinh là khổ, tự duyên nghiệp báo là lạc. Như trong người, trời cõi Sắc, Vô sắc đối đãi nhau về hình tướng là lạc. Cùng cực đến phi tướng, nếu lấy Niết-bàn mà trông phi tướng thì phi tướng là khổ, Niết-bàn là lạc. Đã không có gì hơn Niết-bàn nên Niết-bàn là chân thật lạc. Sinh tử là chân thật khổ. Nếu Niết-bàn của Đại thừa và 3 thừa có khác nhau, nay đây không luận bàn.

Hỏi: Thường nói tội bậc trên là địa ngục, bậc giữa là súc sinh, bậc dưới là ngạ quỷ. Nay sao lại nói súc sinh hơn ngạ quỷ được?

Đáp: Nếu Tiểu thừa thì như đã dẫn lý luận của Đại thừa súc sinh hơn ngạ quỷ. Ngạ quỷ đội lửa mà đi, chịu khổ nặng, cổ nhỏ bụng to, thường khổ sở vì đói khát. Dầu gặp dòng nước trong cho đó là lửa mạnh. Trong súc sinh không có chuyện như vậy, cho nên biết là hơn.

Phá người có kiến chấp sau, thì sinh tử lấy hữu lưu làm nhân. Dù là thiện nhân, thiện đó cũng là hữu lưu. Đã là hữu lưu nên chẳng phải chân thật. Như có thức ăn ngon tốt mà trúng độc trong đó thì không còn là thức ăn ngon tốt. Đã không phải thiện chân thật lẽ nào lại là lạc chân thật?

Luận nói: Ngã tác khí nên gọi ngã sở, đó là Tăng-khur, Tì-thế sư có kiến chấp này: một là nội tác khí, hai là ngoại tác khí. Ngã là tri giả, tác giả, thụ giả. Tri là ngã pháp, tức giác pháp trong 9 pháp. Tâm là nội tác khí của ngã. Căn là ngoại tác khí của ngã. Trần là tư lương của ngã.

Tri có 5, căn trần đều có 5. Tâm chỉ là một. Tâm và ngã đều thường. Chẳng phải pháp khiến chúng hợp chung, trước đã giải thích lý do.

Gọi tác khí là như thế gian có búa, cưa v.v... đó là tác khí của người thợ dùng chúng để đóng giường ghế v.v... Tâm và căn cũng vậy, ngã dùng chúng để thấy sắc nghe tiếng, nên gọi là tác khí. Do trần sinh tri, nên gọi là tư lương.

Lấy nội tác khí chứng minh có ngã. Lấy ngoại tác khí chứng minh có nội tác khí. Lấy tư lương chứng minh có căn. Ngã pháp đều cùng chứng minh có ngã và tác khí tư lương.

Nội tác khí chứng minh có ngã là, ngã là tác giả, nếu không có ngã ai sai khiến cái tâm ở nơi con mắt, hoặc ở tai mũi lưỡi ư ? Cho nên biết là có ngã.

Ngoại tác khí chứng minh có nội tác khí là, tất cả chứng minh 2 nghĩa:

1. Chứng minh tâm là một. Nếu tâm là nhiều thì tại sao trong một lúc không đều sinh 5 tri giác để nhận biết 5 trần ? Cho nên biết chỉ có một tâm. Ở trong con mắt thì chỉ có thể thấy không thể nghe. Ở lỗ tai thì chỉ nghe không thể thấy sắc. Cho nên 5 căn không dùng chung nhau được.

2. Chứng minh tâm là có. Nếu có tâm thì hằng hữu. Ngã hằng hữu 5 căn, sao không hằng sinh tri giác nhận biết 5 trần ? Khi tâm ở trong căn mới có thể nhận biết trần. Cho nên biết chắc chắn có tâm.

Tư lương chứng minh có ngoại tác khí là, nếu không có ngoại tác khí sao khi căn hoại thì không thấy sắc nữa ? Cho nên biết chắc chắn có ngoại tác khí.

Ngã pháp đều cùng chứng minh 4 việc là, tâm không phải là tri. Căn trần cũng vậy. Nếu không có ngã làm sao có tri. Ngã là tri, cho nên tri là ngã. Pháp đã có ngã, pháp chứng minh có ngã.

Nếu không có tâm thì trong một lúc đều có 5 tri giác. Nếu khi biết sắc không thể biết thanh, cho nên biết chắc chắn có tâm.

Ở trong căn cho nên tri giác được sinh, cũng có thể lấy cái tri giác đó chứng minh tâm là một.

Nếu tâm không phải một, 5 tâm đều cùng ở trong căn thì trong mỗi lúc mỗi lúc phải có 5 sự nhận biết.

Nếu không có căn sao khi căn hoại không sinh tri giác ?

Nếu không có 5 trần thì biết cái gì là sở tri ?

Tâm và ngã hợp chung nên gọi là nội tác khí.

Căn không hợp chung với ngã nên gọi là ngoại tác khí.

Trần là tiền cảnh, có thể giúp sinh ngã pháp, gọi là tư lương của ngã, tức gọi là ngã tác khí, và tư lương của ngã là ngã sở.

Tăng-khư lập có ngã, lấy 5 nghĩa chứng minh:

1. Tụ tập vì người cho nên biết có ngã. Như người đòi đê hoàng pháp nên gom góp kinh sách không phải cho mình mà cho người khác. Như người đòi gom góp giường ghế cũng không phải cho mình mà nghĩ cho người khác. Đã thấy gom góp là vì người tức là có tha nhân. Thân chúng sinh cũng vậy. Năm trần, 4 đại, 5 căn, 5 âm v.v... tụ tập, thấy tụ tập đó thì biết chẳng phải vì mình mà chắc chắn là vì người. Tha tức là ngã cho nên biết có ngã.

2. Thấy tự tính biến đổi khác. Vì 3 đức v.v... 7 pháp cho nên biết có ngã. Tự tính chẳng phải tri, nó không thể biến đổi khác. Vì 3 đức v.v... 7 pháp đã có thể biến khác, vì 3 đức v.v... 7 pháp biết chắc chắn có tri đến hợp mới có được biến khác. Tri tức là ngã, cho nên biết có ngã.

3. Thấy biến đổi khác. Trong có giác nên biết có ngã. Tự tính chẳng phải giác. Tự tính là gốc, biến khác là ngọn. Gốc đã không

giác thì trong ngọn không được có giác. Trong biển khác đã có giác cho nên biết riêng có thể của giác đến hợp với tự tính nên trong biển khác có giác. Giác thể tức là ngã, cho nên biết có ngã. Một việc này tức hiển thị ngã bị trói buộc, bởi từ giác sinh ngã chấp.

4. Thấy có khả dụng nên biết có ngã. Đã có khả dụng thì biết chắc có năng dụng. Tự tính là khả dụng. Ngã là năng dụng. Đã thấy có khả dụng nên biết chắc có năng dụng. Cho nên biết có ngã. Thí dụ như người nữ là khả dụng người nam là năng dụng. Thấy có nữ, tức biết có nam. Tự tính là khả dụng, nên ngã hợp với nó. Vì hợp nên biển khác thành 3 đức v.v... 7 pháp. Bảy pháp trói buộc cái ngã. Sau nghe thầy dạy, được văn tu tu tuệ, biết từ tự tính sinh trói buộc này trụ trong sinh tử. Đối với tự tính và sinh chán ghét trói buộc, đã sinh chán ghét vĩnh viễn lìa trói buộc nên ngã được giải thoát. Thí dụ như người nam ở trong tối hành dục với một người nữ bị bệnh hủi, thường xuyên không biết chán. Sau ở nơi sáng trông thấy người nữ liền sinh chán bỏ. Nếu là người nữ có tính mạnh bạo, người này còn tìm đến với người nam. Nếu là người có tính mềm yếu, một khi bị chán ghét tức không đến nữa. Tuy lúc đó không đến, vẫn còn có nghĩa đến. Tự tính một khi bị chán ghét thì vĩnh viễn không hợp với ngã. Không có một người nữ có tính yếu mềm nào như tính yếu mềm của tự tính.

5. Riêng trụ trong nghĩa chân thật có, cho nên biết có ngã. Đã biết từ tự tính sinh biển khác nên bị trói buộc, tu được trí tuệ, đối với tự tính sinh chán bỏ, tự tính đã lìa bỏ ngã nên ngã trụ một mình, ngã trụ một mình nên ngã được giải thoát.

Nếu không có ngã, thì không có nghĩa trụ một mình. Nghĩa trụ một mình đã chân thật có, cho nên biết có ngã.

Sau sẽ nói riêng về phá ngã chấp. Đây không rườm rà nói cả hai./.

**HẾT**

## SỐ 1642

# LUẬN KIM CƯƠNG CHÂM

*Bồ-tát Pháp Xứng tạo luận  
Pháp Thiên dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Như Bà-la-môn nói trong các kinh điển, 4 Vi-đà ( Veda ) là chính, trong đó niệ̣m là chính. Trong niệ̣m, năng sở thuyện là chính, trong đó năng thuyện là chính. Chỉ kinh điển này là tối thượng không có giáo pháp nào hơn đây.

Ở đời nếu không có đây thì tạo nghiệp ra sao ?

Do năng thuyện này, yêu ghét từ đó sinh. Như tất cả chủng tính, Bà-la-môn là trên hết.

Nay nói nghĩa thuyện này cũng vậy.

Lý này không đúng. Bởi vì sao ? Bà-la-môn kia là chủng tính gì, mạng gì, làm sao biết, hành nghiệp như thế nào, làm sao được tên Bà-la-môn này ?

Lại nữa, sao gọi Vi-đà này là chính ? Nguyên nhân Đê Thích ? Sao là bàng sinh ? Bàng sinh sao sinh nơi Nguyệt thiên ? Nguyên nhân Nhật thiên lại sinh bàng sinh ? Nguyên nhân phong thiên, hỏa thiên, thủy thiên lần lượt qua lại, vì sao như vậy ?

Lại nữa, họ vọng chấp rằng trong cõi trời chết rồi sinh lại cõi trời, trong loài người chết rồi lại sinh làm người, bàng sinh cũng vậy.



Trong 4 Vi-đà tạo ra thuyết như thế đều không đúng chính lý.

Mạng là gì ? Vì nhân gì gọi là mạng ? Bà-la-môn v.v... cũng như vậy.

Lại nữa, ngoại đạo Bà-la-môn các ông nói: Chính điển nói Bà-la-đế sơn sản sinh 7 loại cầm thú. Núi Ta-la-đà và Biệt lộc Ca-lăng-nhã-lí ( Kāliñjara ), các núi đó có chim kéc, cò, ngỗng, nai sinh trong loài người Câu-lô-khất-sái ( Kuru-kṣetra ). Từ đó chết rồi sinh trong Bà-la-môn.

Giải luận 4 Vi-đà.

Các loại cầm thú này nai, ngỗng, oan ương xuất sinh trong loài người, mạng các thú kia là Bà-la-môn hay phi Bà-la-môn ? Sở dĩ vì sao ? Mạng của chúng nếu vậy mà chẳng phải cầm thú, mạng của chúng nếu chẳng phải chúng sinh Bà-la. Lời nói ấy không đúng chính lý.

Bà-la-môn chấp cho rằng luận 4 Vi-đà là gốc của vạn pháp, cũng gọi là chân như, chẳng phải trong các chủng tính khác mà chấp nhận thụ thực.

Ở nơi Thủ-đà thường thụ lợi, chính là trái với tông của mình sao gọi là tịnh hạnh ? Do đó cũng chẳng phải chân thật Bà-la-môn.

Lại nữa, giáo pháp của 4 Vi-đà Bà-la-môn vọng chấp chính mạng và trong chính pháp của dòng Bà-la-môn cũng phi lý sao gọi là chính pháp ? Chủng tính xen tạp sao gọi là tối thượng ?

Sở dĩ vì sao ? Chẳng phải rất xen tạp. Việc ấy như thế nào ?

Như cha tên Na-lạc-khất-xoa mà con tên Bình-ngà-la-tiên. Lại như Cha tên A-ngà-tát-đế ( Agasti, Agastya ), con cũng tên A-ngà-tát-đế. Lại như cha tên Bố-sa-dã-tả mà con tên Kiêu-thi-ca ( Kauśika ). Lại như cha tên Ca-si-na con cũng tên Ca-si-na. Lại như cha tên Bà-tả-ngu-lạp-ma mà con tên Kiêu-đán-ma ( Gautama ). Lại như cha tên Ca-la-xá ( Kalāśa ) mà con tên Nột-lỗ-noa-tả-lí-dã ( Droṇa-ācārya ).

Lại như cha tên Đê-dật-đê-lí ( Tittiri ) mà con tên Đê-đê-lí-ca. Lại như cha tên Nại-la, con tên Tiên Giác. Lại như mẹ tên Dã Lộc người bắt cá sinh con tên Phục-dã ( Vyāsa ) Tăng tử Giác-khất-sái. Cha dòng Thủ-đà mà con tên Vĩ-thấp-di-đát-lãm ( Vīśv~amitra ). Mẹ là Chiên-đà-la ( Caṇḍālā ) con tên Phục-sất-trá ( Vasiṣṭha ). Mẹ tên Ô-lí-phước-thi ( Urvaśī ) người con gái trời sinh, chẳng phải Bà-la-môn.

Như trên đã nói. Nhân đâu cố chấp nói Bà-la-môn là con người cao thượng hơn hết. Lại như chỗ chấp của Kinh Thú-lỗ ( Śruti )-đề, chính cũng phi lý. Cho nên có pháp Bà-la-môn đạo lý cũng sai.

Lại như có chấp pháp Bà-la-môn thịt tươi, tử khoáng và muối v.v... các vật Thủ-đà ( Śūdra ) nên thụ, ông là Bà-la-môn chớ nên thụ nhận, nay sao không thế ?

Lại như họ chấp Bà-la-môn bán sữa, đi hư không đọa lạc, chẳng phải Bà-la-môn. Ăn thịt, đọa không, cũng phi lý như vậy. Cho nên phải biết Bà-la-môn mua bán sữa, thịt , chẳng phải là pháp Thủ-đà. Do đó nên biết tất cả những người chẳng phải ăn thịt sữa v.v... và chẳng phải mua bán đều được gọi chung là Bà-la-môn ư ? Cho nên phải biết sữa, thịt chấp việc bán là chẳng phải Bà-la-môn là vọng chấp phi pháp.

Lại nữa vọng chấp chủng tính tối thượng của thế gian cũng chẳng phải chính pháp. Như Sát-đế-lợi, Tì-xá, Thú-đạt đều chấp tối thượng, đều phải gọi chung là chủng tính Bà-la-môn.

Nếu chấp khổ thân là Bà-la-môn thì những người có khổ thân đều phải gọi là Bà-la-môn.

Lại nữa, họ vọng chấp sát hại Bà-la-môn bị tội nặng. Sát hại quyền thuộc của họ cũng bị tội như vậy. Họ lại chấp rằng họ từ miệng của Tịnh thiên sinh ra, dòng Sát-đế-lợi từ trên thân trời Tịnh thiên, Tì-xá, Thủ-đà từ thân chân sinh ra. Nếu sát hại họ thì bị tội nặng.

Cái chấp của họ là phi lý. Sở dĩ vì sao ? Nếu sát hại các chủng tính khác không có tội thì sát hại các quyền thuộc khác cũng vậy không có tội. Do đó vọng chấp này không đúng chính lý.

Lại nữa, họ chấp cho rằng phá hoại hạnh của họ, phá hoại hạnh bổ thí của họ và người thụ thí, hoặc trí hoặc thân đều bị tội nặng.

Đây không phải vậy. Sở dĩ vì sao ? Trong thân, trong trí, cái gì được danh hiệu là Bà-la-môn ? Vậy Thủ-đà v.v... đều có thân, trí, đều được gọi là Bà-la-môn sao ?

Lại nữa vọng chấp của họ giải thích 4 Vi-đà và Di-bà ( Mīmāṃsā ) tức Thanh luận, cùng Tăng-khư luận ( Sāṃkhya ) tức Số luận, Vĩ-thế-sử-ca ( Vaiśeṣika ) tức Thắng luận, cho đến các luận thầy đều hiểu là Bà-la-môn.

Đây cũng không đúng lý, như Thủ-đà v.v... cũng giải thích theo luận kia hiểu nghĩa như vậy thì đều phải được gọi là Bà-la-môn sao ?

Nếu tu khổ hạnh gọi là Bà-la-môn, thì Thủ-đà kia cũng có thể tu, vậy cũng phải được gọi là Bà-la-môn sao ?

Hiểu các thuật số gọi là Bà-la-môn thì người bất cá kia, và các nhạc công hiểu các thứ thuật số sai biệt cũng có thể được gọi là Bà-la-môn sao ?

Cho nên phải biết hành chẳng phải Bà-la-môn, nghiệp chẳng phải Bà-la-môn, hạnh thí thụ giả chẳng phải Bà-la-môn.

Sát-đế-lợi, Tì-xá, Thủ-đà kia cũng có thể hành đều phải được gọi là Bà-la-môn sao ?

Cho nên phải biết chẳng phải tộc tính, chẳng phải nghiệp, chẳng phải hành, chẳng phải sinh, cho đến với đức mà gọi Bà-la-môn.

Kia nhân đâu lập rằng giống như hoa Quân-na ( Kunda ), cũng giống như trăng tròn sáng ? Là tất cả nhiễm, khéo tu thắng hạnh,

không thiếu oai nghi giới hạnh đầy đủ, khéo phục các căn, đoạn trừ phiền não, không ngã không nhân, lìa các chấp trước, và xa lìa tất cả tham sân si, như vậy mới gọi là chân thật Bà-la-môn.

Lại nữa, lìa ái nhiễm cho đến súc sinh, không sinh tham đắm, tu hạnh thanh tịnh là Bà-la-môn.

Cho nên được biết Đại tiên Cốt-lô có nói: Bà-la-môn này chẳng phải chủng tính, chẳng phải nghiệp, chẳng phải đức, chẳng phải hành, cũng chẳng phải công xảo. Như Chiên-đà-la giới 4 Vi-đà, công xảo nghệ năng đức hạnh đầy đủ mới có thể được gọi là Bà-la-môn.

Cho nên phải biết chẳng phải mạng, chẳng phải chủng tính, chẳng phải trí, chẳng phải thân, cũng chẳng phải nghiệp hành mà gọi là Bà-la-môn.

Lại nữa, như Thủ-đà, khổ hạnh tu học hiểu rõ 4 Vi-đà, được 5 thần thông tiên, ông là Bà-la-môn làm sao phụng sự người hạ chủng tính này ? Lại nữa đạo tiên kia 4 chủng tính đều có thể đạt được, tại sao các chủng tính khác nói là chẳng phải tối thượng ?

Lại nữa, như Đế Thích xưa tu thiện nghiệp được sinh cõi trời kia vốn thuộc chủng tính thấp. Chính văn kinh ấy nói như thế này: Bà-già-bà và Đế Thích họ là chủng tính thấp. Như vậy xin hỏi y theo trước và lại như họ nói Đại Tự Tại thiên và thiên hậu từ trong miệng sinh ra Đế Thích chư thiên và khí thể gian kia, chứ chẳng phải từ thể gian sinh Đại Tự Tại và sinh thiên hậu. Gốc có thể sinh ngọn, chẳng phải ngọn có thể sinh gốc. Cho nên câu nói này trái với chính thuyết của họ. Gốc là hạ chủng tính làm sao vọng chấp là từ kia sinh. Cho nên biết là phi lý.

Lại như Thủ-đà chết rồi sinh trời Đại Tự Tại kia, ông là Bà-la-môn làm sao lại phụng thờ chủng tính thấp kia ?

Lại nữa, như ông nói pháp Bà-la-môn là phục khí nhĩ dục, khổ hạnh tuyệt thực gọi là Bà-la-môn.

Những người Thủ-đà kia cũng có thể làm được điều đó. Vậy phải được gọi là Bà-la-môn sao ?

Lại nữa họ chấp cho rằng ở nơi Thủ-đà trong tay thụ thực trái qua một tháng, hiện thân biến thành thân Thủ-đà, thân sau quả báo quyết định làm chó.

Lại nữa Bà-la-môn lấy con gái Thủ-đà làm vợ thì cha mẹ, gia thân đều lánh xa, chết vào địa ngục.

Chấp này là phi lý. Dòng Bà-la-môn với Thủ-đà kia có gì sai biệt ?

Như Đại tiên Ca-si-na ( Kaṭha, Kaṭhina ) sinh từ bào thai một con nai, khổ hạnh tu học mới chứng đạo tiên. Vị tiên này đâu có từ Bà-la-môn sinh ra ?

Như Đại tiên Phục-dã-ta ( Vyāsa ) được sinh từ người con gái bắt cá ( Kaivarta ) khổ hạnh tu học mà thành đạo tiên. Đây đâu phải dòng Bà-la-môn. Cho nên là vọng chấp không hợp chính lý.

Lại nữa, như Đại tiên Phục-tư-sất-trá ( Vasiṣṭha ) được sinh từ thiên nữ Ô-lí-phước-thi ( Urvaśī ) khổ hạnh tu học mới được đạo tiên. Vị tiên này đâu phải do Bà-la-môn sinh ?

Lại nữa, như Đại tiên Lộc Giác ( Ṛṣya-sṛṅga ) sinh từ bào thai của con nai, tu tập khổ hạnh mà thành tiên đạo. Vị tiên này đâu phải do Bà-la-môn sinh ?

Lại nữa, như Đại tiên Vĩ-thấp-phước-di-đát-lô ( Visva-mitra ) được sinh từ người con gái nhà Chiên-đà-la.

Vị tiên này đâu phải do Bà-la-môn sinh ? Vì vậy cho nên phải biết điều phục các căn không chấp ngã nhân, siêng tu Phạm hạnh xa lìa dục nhiễm, hằng dứt các sai lầm, do đó mới là chân thật Bà-la-môn, mà chẳng phải từ tộc tính kia sinh, làm sao vọng chấp dòng Bà-la-môn là thế gian tối thượng ?

Giới hạnh thanh khiết, tộc tính không tạp, vọng chấp này chẳng phải tối thượng làm tối thượng.

Cho nên phải biết Bà-la-môn kia chẳng phải dòng họ, chẳng phải mạng, chẳng phải tộc tính, chẳng phải hành, chẳng phải nghiệp, chẳng phải sinh là Bà-la-môn.

Lại nữa, như nhiều người vốn là hạ chủng tính, trì giới tu phúc mà được sinh cõi trời, đâu phải do tộc tính mà được sinh cõi trời ?

Lại nữa, như tông của ông, Đại tiên Ca-si-năng, Đại tiên Vĩ-dã-ta, Đại tiên Phục-thi-sắt-trá, Đại tiên Tiên Giác ( Rṣya-śṛṅga=sṚyasṛṅga ), Đại tiên Vĩ-thấp-phước, Đại tiên Di-đát-la, Đại tiên Năng-la-na, các Đại tiên này đều sinh từ chủng tính hạ cấp, khổ hạnh tu nhân mới được đạo tiên, sao vọng chấp chủng tính chẳng phải xen tạp mới là thế gian tối thượng ? Cho nên đó là những lời không thật không nên tin.

Lại nữa, như kia chấp dòng Bà-la-môn sinh từ miệng Phạm vương, Sát-đế-lợi sinh từ cánh tay Phạm thiên, Tì-xá sinh từ đùi Phạm thiên, từ chân Phạm thiên sinh Thủ-đà. Cho nên hư vọng tạo ra nhiều chấp này.

Lại nữa, chấp khổ hạnh giữ chí kiên cố gọi là Bà-la-môn, thì những người bắt cá, thợ nhuộm, thợ da và Thủ-đà v.v... kiên chí khổ hạnh đều phải gọi chung là Bà-la-môn sao ?

Lại nữa, họ chấp việc kết búi tóc, lưng đeo dây thừng tay cầm gậy, nhịn ăn nhịn mặc mà gọi là Bà-la-môn thì bao nhiêu Thủ-đà cũng có thể làm được như vậy, đều phải gọi chung là Bà-la-môn sao ?

Lại nữa, chấp 4 chủng tính đều từ Phạm thiên sinh thì sao cha là một mà con thì khác dòng họ ? Thủ-đà cho đến các tộc khác đều là một cha sinh ra các con mà dòng họ phải khác nhau là không đúng. Sao vậy ?

Lại nữa, Bà-la-môn từ một miệng Phạm thiên sinh ra, vậy mà chị gái em gái anh trai em trai giao hợp nhau người đời còn chê trách, ông có thể làm việc đó thì sao gọi là thanh tịnh ?

Cho nên vọng chấp phi tịnh cho là tịnh.

Như một cha mẹ sinh 4 người con chẳng phải có thể có họ khác, làm sao vọng chấp đây là Bà-la-môn, đây Sát-đế-lợi, đây là Tì-xá, đây là Thủ-đà. Làm sao một cha mà con khác họ nhau ?

Cho nên 4 chủng tính là vọng chấp sai biệt.

Chẳng phải như voi ngựa bò dê lạc đà nai sư tử cọp sói hình dáng chân cẳng đều khác nhau. Đây là dấu chân bò cho đến dấu chân voi có thể phân biệt khác nhau.

Lại như một cây sinh ra hoa quả không thể có khác nhau. Chẳng phải như những hoa khác do sinh nơi không như nhau có thể khiến không giống nhau. Nay đạo lý 4 chủng tính của ông cũng vậy. Nếu Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cho đến Thủ-đà đều từ một cha sinh ra làm sao lại vọng chấp 4 chủng tính sai biệt ?

Lại nữa, có Thiên vương tên Dục-địa-sát-trí-la ( Yudhiṣṭhira ) thành tâm chấp tay đến người tiên Phệ-ta-ba-sái ( Vaiśampāya ) đầu mặt làm lễ dưới chân bạch Đại tiên rằng: Sao được gọi là đức của Bà-la-môn ? Lại nữa, sao gọi là tướng Bà-la-môn ? Có bao nhiêu tướng sai biệt nguyện xin diễn nói cho tôi được hiểu.

Bấy giờ Đại tiên Phệ-ta-ba-sái kia bảo nhà vua rằng: Nhẫn nhục, tinh tiến, tinh lự, Bát-nhã, là đức của Bà-la-môn.

Xa lìa tham sân và các sát hại tất cả hữu tình, đó là tướng thứ nhất của Bà-la-môn.

Với vật sở hữu của người khác tất cả tài vật không tham thụ, đó là tướng thứ hai của Bà-la-môn.

Xa lìa bạo ác tính hạnh ôn hòa, không phân chia ngã nhân, xả bỏ trói buộc và các dục nhiễm, đó là tướng thứ ba của Bà-la-môn.

Với người nữ người cũng như trời cho đến bồng sinh hằng lìa nhiễm trước, đó là tướng thứ tư của Bà-la-môn.

Lại nữa, thành thực tất cả hữu tình, hằng khởi bi mẫn, điều phục các căn thanh tịnh tối thắng, đó là tướng thứ năm của Bà-la-môn.

Đây đủ tất cả 5 thứ gọi là Bà-la-môn. Nếu phân chia người và ta, chẳng đủ 5 tướng, đều gọi là Thủ-đà.

Người tiên lại bảo Dự-địa-sất-sĩ-la: Phi tộc, phi tính và tu khổ hạnh thành Bà-la-môn. Các Chiên-đà v.v... đây đủ 5 tướng cũng được gọi là chân thật Bà-la-môn. Do lý như vậy các Bà-la-môn kia cũng là Thủ-đà, Thủ-đà cũng là chân thật Bà-la-môn.

Dự-địa-sất-sĩ-la kia bạch người tiên rằng: Bà-la-môn kia hành hạnh bất sát được quả thanh tịnh. Đây là thiếu phần Bà-la-môn.

Người tiên lại bảo Dự-địa-sất-sĩ-la nói: Bốn tính này khác nhau đều do nhân duyên quá khứ nghiệp đời trước, giống như thế gian thai sinh hữu tình, tất cả đều từ nơi căn môn ô uế sinh, nào có gì sai biệt? Cho nên giới hạnh lại tu đức nghiệp gọi là Bà-la-môn, cho đến Thủ-đà tu đức hạnh thành Bà-la-môn.

Nếu Bà-la-môn không tu đức hạnh thì đây cũng được gọi là Thủ-đà hạ liệt.

Lại nữa, 5 căn này có thể khởi ác nghiệp hằng phải điều phục. Giống như biển lớn đánh chìm hữu tình phải cầu tế độ khiến siêu bi nạn.

Bấy giờ vua Dự-địa-sất-sĩ-la nghe người tiên nói hiểu rõ vui mừng, đem những điều đã nghe hỏi thí tất cả vô biên hữu tình khiến đều hiểu ngộ, chẳng phải vì tự thân và tham mạng mình.



Ta nay ngày đêm tu tập nhẫn nhục, xa lìa quyền thuộc và tật đố, không đắm trước trở lại tất cả cảnh dục, hằng tu tịnh hạnh hướng cầu giải thoát.

Người tiên lại bảo Dụ-địa-sát-si-la rằng: Không sát hại hữu tình, xa lìa tham sân thanh tịnh vô tử, như vậy gọi là hạnh Bà-la-môn. Điều phục các căn, bố thí nhẫn nhục, chân thật Phạm hạnh, bi niệm mẫn hộ tất cả hữu tình, tu tập trí tuệ, như vậy gọi là hạnh Bà-la-môn. Lìa tà khổ hạnh, ứng cơ các hữu tình có các khổ, như vậy gọi là hạnh Bà-la-môn.

Lại nữa, trong kinh chú của Bà-la-môn Nga-dã-đát-lí ( Gāyatrī=Sāvitrī ) nói: Khổ hạnh lìa chấp, điều phục các căn, tứ thời hành thí, ái niệm hữu tình, lìa bỏ ngủ nghỉ, hằng tu tịnh hạnh trải qua ngàn kiếp mới được gọi là chân thật Bà-la-môn.

Người tiên lại bảo Dụ-địa-sát-si-la rằng: Nếu người hiểu rõ luận 4 Vi-đà gọi là Bà-la-môn, gọi là chủng tính tối thượng. Bao nhiêu người chủng tính Thủ-đà cũng có thể hiểu rõ, sao chẳng phải tối thượng ?

Ví như 4 chủng tính cùng đi dạo nơi thánh cảnh. Các dấu chân không thể phân biệt được là dấu chân người này không phải dấu chân người kia. Một chủng tính 4 chủng tính cũng vậy, do giả lập, vốn không sai biệt.

Lại nữa, như thể gian hình dáng bò ngựa tuy có khác nhưng nam nữ 2 căn của đồng loại không khác. Bà-la-môn với Sát-đế-lợi, Tì-xá, Thủ-đà, một tính 4 tính đối chiếu nhau cũng vậy.

Lại nữa, như một người máu thịt, đại tiểu tiện, tay chân, các căn, với số đông người đồng loại cũng vậy.

Lại nữa, như hoa sen, hoa Sát-đát-lí, trắng, óc, ánh sáng có thể phân biệt khác nhau. Đối với 4 tính sắc tướng không khác làm sao phân biệt ?

Lại nữa, như bò ngựa cho đến voi nai hành dục nhiễm mà chẳng phải giao hợp có thể phân sai biệt. Nay Bà-la-môn cùng với Sát-đế-lợi, Tì-xá, Thủ-đà giao hợp nhau mà hành nhiễm dục đều đồng thai sinh có gì sai biệt ?

Lại nữa, như Bà-la-môn sinh con gái, đổi các Bà-la-môn đồng tính chị em làm sao giao hợp ? Chị em anh em chồng vợ là vậy. Thế gian Thủ-đà phi hành pháp này.

Ví như thế gian cây Ưu-bát-la, hoa quả nhánh lá tuy nhiều nhưng căn thân không khác, chẳng phải có thể phân biệt hoa này hoa kia. Ông là Bà-la-môn cũng như vậy. Chẳng phải có thể giao hợp đồng tính chị em ? Thế gian chê trách không thể hành.

Lại nữa, như lia bỏ thân ngữ bất thiện, hằng tu tịnh nghiệp gọi là Bà-la-môn, thì các Tì-xá v.v... cũng có thể thực hành được, được đại tiên tên Phục-tư-sắt-trá kia.

Lại nữa, như lửa ở thế gian có thể đốt cháy củi mà không phân biệt. Nay Bà-la-môn cũng vậy không khác đối với các chủng tính khác.

Lại nữa, như Đại tiên Di-dã-ta của tông kia vốn cha là người bắt cá sinh ra, cũng chẳng phải là Bà-la-môn sinh ra.

Lại nữa, như vua Bán-noa-phược ( Pāṇḍava ) có 5 anh em đồng một mẹ sinh, mà đều khác tên cha. Đó là do nghiệp đời trước cùng mẹ khác cha chứ không phải do chủng tính mà vọng chấp khác.

Lại nữa, như thế gian muối ở trong nước, hình dáng có thể ẩn mất mà không phải không có vị mặn. Nghiệp đời trước theo thân ẩn hiển cũng vậy. Các vọng chấp như vậy, người có trí phải suy xét kỹ không thể căn cứ vào lời nói./.

**HẾT**

**SỐ 1643**  
**KINH NI CÀN TỬ HỎI NGHĨA VÔ NGÃ**

*Bồ-tát Mã Minh biên tập  
Nhật Xứng v.v... dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Bấy giờ các Ni-càn tử trong lòng có kiến giải khác, phát khởi nghi hoặc, tìm đến chỗ người hiểu Đại thừa. Đến nơi cung kính chấp tay làm lễ hỏi nghĩa vô ngã khiến trừ ám độn:

Như Phật đã nói xin vì tôi khai thị. Nếu nói thân này không có ngã thì tối thượng ngã kia cũng không có. Vì sao trong thân hiện thấy khóc cười mừng vui giận tức ngã mạn tật đố các việc ? Nó có hay không không thể quyết định, xin nhân giả vì tôi dứt trừ.

Người hiểu Đại thừa bảo Ni-càn tử rằng: Cái ngã tối thượng mà ông chấp, chắc chắn là hư vọng. Lấy cái gì gọi là có, lấy cái gì gọi là không ? Cả trong 2 cái này đều không có sở đắc. Nếu lấy tự thân tóc móng da thịt gân xương mỡ tủy ruột rà tay chân tất cả thân chi là cái ngã tối thượng, tìm kiếm trong ngoài nào có thấy đâu ?

Lúc đó Ni-càn tử bạch người trí rằng: Tôi dùng con mắt thịt nên không thấy được. Những người có thiên nhãn có thể thấy.

Người trí nói: Cũng chẳng phải thiên nhãn có thể thấy. Vì tự tính của nó là không, chẳng phải hiển sắc cũng chẳng phải hình sắc, có gì có thể thấy ?

Ni-càn tử nói: Chắc chắn nó là không ư ?

Người trí nói: Nếu nói là không, làm sao hiện thấy từ nhân duyên sinh các tướng khóc cười v.v... ?

Nếu nói là có, hoặc nói là không, cả hai đều tà vọng, chẳng phải chính lý.

Ni-càn tử nói: Nếu có nếu không đều không nên nói, làm sao thân này hiện có trụ ?

Người trí nói: Không có một phần nhỏ nào thấy có tướng trụ.

Ni-càn tử nói: Nếu không trụ, tức đồng hư không.

Người trí nói: Như ông đã nói như hư không.

Ni-càn tử nói: Nếu vậy các tướng khóc cười làm sao điều khiển ?

Người trí nói: Ở trong nghĩa đó có 2 thứ: một là thế tục, hai là thắng nghĩa.

Y theo thế tục mà nói thì có tự tha, mạng giả, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, tác giả, thụ giả, của cải, vợ con, bà con bạn bè, sai biệt như vậy.

Y theo thắng nghĩa mà nói thì không tự tha, mạng giả, cho đến bạn bè v.v... các việc, cũng không có chút phần các tướng sai biệt.

Nếu nói theo thế tục thì có sinh diệt, quả báo thiện ác. Nếu trong thắng nghĩa thì không sinh diệt, quả báo thiện ác. Pháp chân như kia tự tính thanh tịnh, không có phiền não, không có nhiễm ô, cũng không giác liễu, xưa nay vắng lặng. Nói như vậy là tự tính chân như.

Dùng kệ tụng làm rõ lại nghĩa này:

*Nay sẽ nói 2 thứ:*

*Thế tục, thắng nghĩa để.*

*Thế tục tức thế pháp,*

*Thắng nghĩa không gì hơn.*

Hữu tình y thế tục,  
Tăng trưởng nơi phiền não.  
Ở lâu trong luân hồi,  
Không rõ pháp thắng nghĩa.  
Do y thế tục nên,  
Tự tha sinh biến kế.  
Khởi phân biệt nghi hoặc,  
Mà thụ các khổ não.  
Phàm phu ngu si kia,  
Từ lâu chịu bức bách.  
Không tu nhân xuất ly,  
Sao biết lý giải thoát ?  
Người ngu thường y chỉ,  
Pháp thế gian sinh diệt.  
Giống ruồi trong 5 thú,  
Liên miên không dứt được.  
Do không thấu thắng nghĩa,  
Thì không diệt được khổ.  
Lần lữa chịu luân hồi,  
Như tầm tự trói buộc.  
Như mặt trời mặt trăng,  
Xoay vùn không ngừng nghỉ.  
Chúng sinh trong 3 cõi,  
Qua lại cũng như vậy.  
Các hành đều vô thường,  
Biến đổi từng sát-na.  
Xa lìa pháp thế tục,  
Phải cầu thắng nghĩa đế.  
Cho đến ở cõi trời,  
Và cả Càn-thát-bà,

Chẳng khỏi vô thường kia,  
 Đều là quả thế tục.  
 Dạ-xoa cùng quý thân,  
 Được trì minh thành tựu.  
 Chẳng khỏi đọa ác thú,  
 Đều là quả thế tục.  
 Nhân thiên ngũ dục lạc,  
 Chắc chắn phải xả bỏ.  
 Nơi tâm Bồ-đề kia,  
 Thường dùng tuệ quán sát.  
 Tự tính không đấm trước,  
 Tất cả thấy đều không.  
 Siêu vượt các hý luận,  
 Là tướng tâm Bồ-đề.  
 Chẳng cứng cũng chẳng mềm,  
 Chẳng nóng cũng chẳng lạnh,  
 Chẳng xúc, chẳng chấp thụ,  
 Là tướng tâm Bồ-đề.  
 Chẳng dài và chẳng ngắn,  
 Chẳng tròn cũng chẳng vuông,  
 Chẳng vi tế chẳng thô,  
 Là tướng tâm Bồ-đề.  
 Chẳng trắng và chẳng đỏ,  
 Chẳng đen cũng chẳng vàng,  
 Chẳng hình sắc hiển sắc,  
 Là tướng tâm Bồ-đề.  
 Chẳng sắc chẳng ánh sáng,  
 Chẳng động, chẳng trói buộc,  
 Chẳng trụ như hư không,  
 Là tướng tâm Bồ-đề.

Lìa tư duy quan sát,  
Chẳng cảnh giới ngoại đạo,  
Với Bát-nhã tương ưng,  
Là tướng tâm Bồ-đề.  
Không giống, không đối đãi,  
Không sánh, thường vắng lặng,  
Tự tính vốn ngưng đọng,  
Là tướng tâm Bồ-đề.  
Như bọt tụ bóng nổi,  
Như ảo hóa sóng nắng,  
Vô ngã cũng vô thường,  
Tất cả chẳng bền vững.  
Thân này như cái phôi,  
Đựng đầy những hư ảo.  
Cùng 3 độc tương ưng,  
Rốt ráo không, chẳng có.  
Như mặt trăng trong mây,  
Sát-na mà chẳng hiện.  
Dùng Bát-nhã rất sâu,  
Rõ hữu vi như huyễn.  
Chúng sinh khí thế gian,  
Tất cả như chiêm bao.  
Do tự tâm phân biệt,  
Tâm ấy cũng như mộng.  
Nếu ai y chính lý,  
Dùng tuệ mà tu tập,  
Lìa bỏ các chương nhiễm,  
Mau được đạo vô thượng.  
Bát-nhã tối thắng này,  
Chư Phật đều ngợi khen.

*Người trí khéo trừ tính,  
Cần cầu pháp vô thượng.  
Lìa lối làm hữu vi,  
Chứng thắng đức chân thường.  
Do đây được giải thoát,  
Tất cả không nhiễm trước.  
Khi ấy chúng ngoại đạo,  
Nghe rồi sinh hoan hỷ.  
Khéo quan sát trừ nghi,  
Được ngộ trí Đại thừa./*

**HẾT**



SỐ 1644

**LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM***( Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới )***QUYỂN 1**

*Tam tạng Chân Đế dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

**Phẩm 1: ĐỊA ĐỘNG**

Như Phật Bà-già-bà và A-la-hán nói:

Tôi nghe như vậy, một thời Phật Thế Tôn ở đại thành Xá-vệ, tinh xá Tì-xá-khur Ưu-bà-di Lộc tử mẫu, nơi lầu gác Hoa Sen, cùng chúng Đại Tì-kheo, tất cả là A-la-hán đã hết các lậu đạt được tự lợi, hết các kết tâm được tự tại, việc làm đã xong, đã xả bỏ gánh nặng, chính trí giải thoát, chỉ trừ A-nan.

Bấy giờ cả cõi đất chấn động, lúc đó Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử đang ở trong đại chúng liền từ tòa ngồi đứng dậy trích vai áo bên phải, đầu gối phải chầm đất chấp tay cung kính đánh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì đại địa chấn động ?

Phật bảo Tì-kheo Phú-lâu-na: Nay ông hãy nhất tâm nghe kỹ suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì ông phân biệt giải thích.

Có 2 nhân duyên khiến đại địa chấn động. Những gì là hai ?

Tì-kheo ! Đó là địa giới trụ trên thủy giới, là thủy giới trụ trên phong giới, là phong giới trụ nơi không giới.

Tì-kheo ! Có khi đại phong thổi động thủy giới. Khi thủy giới động, tức động địa giới. Đó là một nhân duyên nên đại địa động.

Tì-kheo ! Lại có chư thiên có thần thông oai đức lớn, nếu muốn chấn động đại địa tức có thể khiến động. Nếu các Tì-kheo có đại thần thông và đại oai đức quán địa tướng khiến nhỏ, thủy tướng khiến lớn, muốn khiến địa động cũng có thể làm chấn động. Đó là nguyên nhân thứ hai, cho nên khiến địa động.

Bấy giờ Thế Tôn muốn làm rõ lại nghĩa này, nói kệ rằng:

*Thủy giới làm phong động,  
Địa động do thủy động,  
Là một nhân duyên động.  
Là thật như có nói  
Chư thiên và Tì-kheo  
Đại oai thần làm động.  
Là hai nguyên nhân động.  
Để điều phục người ác.*

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử: Có ngọn gió tên Tì-lam-bà. Gió này thường thổi đều động không ngừng. Sức gió đi lên, có gió thổi xuống, có gió động vòng quanh. Gió ấy bình đẳng chuyển đều đặn chi trì lẫn nhau, dày 9 ức 6 vạn do-tuần, rộng 12 ức 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần, giáp vòng 36 ức 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần. Ranh giới bên trên phong giới này là thủy giới. Thủy giới trên dưới đều hoàn toàn an trụ đứng yên không tràn tán loạn, dày 4 ức 8 vạn do-tuần, rộng 12 ức 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần, giáp vòng 36 ức 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần. Ranh giới bên trên thủy giới này là địa giới. Ranh giới trên

dưới đều hoàn toàn an trụ bất động, dày 2 ức 4 vạn do-tuần, rộng 12 ức 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần, giáp vòng 36 ức 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần.

Phật Thế Tôn nói: Tì-kheo ! Có đại địa ngục tên là Hắc ám. Mỗi mỗi thế giới bên ngoài đều không bao che. Chúng sinh trong đó đưa tay lên xem cũng không trông thấy. Tuy có mặt trời mặt trăng có sức chiếu sáng cũng không chiếu sáng được sắc nơi đó. Phật nói: Như vậy địa ngục Hắc ám trụ ở nơi đâu ? Hai thế giới có ngoại biên là thiết luân, gọi là ngoại giới là địa ngục lạnh: một tên Át-phù-đà, hai tên Niết-phù-đà, ba tên A-ba-ba, bốn tên A-tra-tra, năm tên Ưu-hồng-hồng, sáu tên Uất-ba-lũ, bảy tên Câu-vật-đầu, tám tên Tô-kiện-đà-cổ, chín tên Phân-đà-lợi-cổ, mười tên Ba-đầu-ma.

Phật bảo Phú-lâu-na v.v... các Tì-kheo: Như nước Ma-già-đà lượng bằng 10 Bà-ha-ma, 1 Bà-ha-ma bằng 20 Khur-lợi. Có một lượng mè như vậy dồn vào một nơi, giả sử có một người hết 1 trăm năm đến lấy đi một hạt.

Tì-kheo ! Đống mè ấy còn dễ hết, mà ta còn chưa nói hết thọ mạng ở địa ngục Át-phù-đà.

Gấp 10 lần địa ngục Át-phù-đà là thọ lượng của Niết-phù-đà. Gấp 10 lần địa ngục Niết-phù-đà là thọ lượng của A-ba-ba, cho đến địa ngục Ba-đầu-ma cũng như vậy.

Tì-kheo ! Tì-kheo Cù-đà-li đối với Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sinh ác tâm bất tín, do ác tâm ấy đọa địa ngục Ba-đầu-ma.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ rằng:

*Là người ở thế gian,  
Như búa sinh trong miệng.  
Do nói lời ác mà  
Lấy búa tự chém thân.  
Đáng trách mà lại khen,*

Đáng khen lại chê trách,  
 Khẩu nghiệp nên bị suy,  
 Suy nên không thụ lạc.  
 Nếu kỹ xá thất tài,  
 Tận vật và tự thân,  
 Người ấy tội còn nhẹ.  
 Nếu với Tu-già-đà  
 Sinh ác tâm không tin,  
 Thì tội nặng hơn kia.  
 Trăm ngàn Niết-phù-đà,  
 Át-phù-đà 3 ức,  
 Sáu vạn và 5 ngàn,  
 Nếu phỉ báng thánh nhân.  
 Tạo ác khẩu ác tâm,  
 Như lượng đọa địa ngục.  
 Tì-kheo Cù-già-li  
 Đọa ngục Ba-đâu-ma.  
 Phỉ báng Đại Thanh Văn  
 Xá-lợi và Mục-liên.

Trong đó chúng sinh bàng hành, tưởng hướng thượng. Giống như con tắc kè hăng bò quanh ngoài bìa Thiết luân. Thân lượng đó như Át-đa-đại do chạm gió lạnh thân bị nứt nẻ. Ví như trái dưa chín, như rừng tre bị lửa cháy tiếng nổ lốp bốp. Cũng như vậy chúng sinh bị chạm gió lạnh nứt xương, tiếng nứt răng rắc nghe xa. Do nghe tiếng đó chúng biết có các chúng sinh thụ sinh trong đây. Hoặc khi đi lại chạm nhau. Do đụng chạm nhau mà được biết có các chúng sinh thụ sinh trong đây.

Bây giờ chư Phật Thế Tôn xuất hiện ra đời, lúc đó ánh sáng lớn quá hơn sức đại oai thần của chư thiên chiếu khắp trong đó. Nhân ánh sáng này chúng được trông thấy nhau suy nghĩ rằng có các chúng

sinh thụ sinh trong đây. Nếu có chúng sinh trong đây chết đi phần nhiều sinh nơi địa ngục băng lạnh này ở ngoài Thiết luân. Nếu các thế giới khác có chúng sinh chết đi sinh vào địa ngục băng lạnh, phần nhiều các thế giới kia sinh ở ngoài Thiết luân, trung gian giữa 2 thế giới là nơi rất hẹp 8 vạn do-tuần, dưới không đáy trên không bao che, chỗ rộng nhất là 16 vạn do-tuần.

Bấy giờ Tịnh mạng A-nan đang ở trong đại chúng liền từ tòa ngồi đứng dậy trích vai áo bên phải , gồi phải chắm đất chấp tay cung kính đảnh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Con từ khi theo Thế Tôn được nghe pháp cú này, con từ miệng Thế Tôn thụ trì chính nghĩa này:

Quá khứ có Phật tên Thi-khí, lúc ấy có một Đệ tử thần thông lớn thứ nhất tên là A-tì hồng. Vị Tì-kheo an tọa trong Tứ thiên Phạm xứ dùng ánh sáng của một ngón tay chiếu khắp một ngàn thế giới, bằng một âm thanh thuyết pháp một ngàn thế giới đều hiểu rõ chính nghĩa.

Thế Tôn ! Đệ tử chư Phật oai thần còn như vậy. Chư Như Lai thì lượng ấy như thế nào ?

A-nan hỏi xong, Phật liền đáp:

A-nan ! Tì-kheo A-tì hồng này là địa vị Đệ tử. Còn ở địa vị chư Phật Thế Tôn thì không thể suy lường.

Thứ hai, Tịnh mạng A-nan lại bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Con từ khi theo Thế Tôn được nghe pháp cú này, con từ miệng Thế Tôn thụ trì chính nghĩa này:

Quá khứ có Phật tên Thi-khí, lúc ấy có một Đệ tử thần thông lớn thứ nhất tên là A-tì hồng. Vị Tì-kheo an tọa trong Tứ thiên Phạm xứ dùng ánh sáng của một ngón tay chiếu khắp một ngàn thế giới, bằng một âm thanh thuyết pháp một ngàn thế giới đều hiểu rõ chính nghĩa.

Thế Tôn ! Đệ tử chư Phật oai thần còn như vậy. Chư Như Lai thì lượng ấy như vậy nào ?

A-nan hỏi xong, Phật liền đáp:

A-nan ! Ti-kheo A-ti hồng này là địa vị Đệ tử. Còn ở địa vị chư Phật Thế Tôn thì không thể suy lường. Cho đến hỏi lần thứ ba Phật cũng đáp như vậy.

Đến lần hỏi thứ tư xong, bấy giờ Phật bảo A-nan:

Nếu ở nơi có một mặt trời mặt trăng đi giáp một vòng gọi là một thế giới. Từ một đến một ngàn, trong đó có một ngàn mặt trời mặt trăng, một ngàn núi chúa Tu-di, một ngàn Tứ đại Thiên vương, một ngàn trời Đao-lợi, một ngàn trời Dạ-ma, một ngàn trời Đâu-suất-đà, một ngàn trời Hóa Lạc, một ngàn trời Tha Hóa Tự Tại, một ngàn trời Phạm Phụ, một ngàn trời Phạm Chúng, nơi đây Đại Phạm vương là chủ của một ngàn thế giới. Vua thống lãnh tự tại không lệ thuộc vào ai khác, biết thành việc khác, Sơ thiên thượng thượng phẩm nên được tự tại. Đại Phạm Thiên vương trụ ở nơi đó được gọi là đệ nhất.

A-nan ! Nơi Phạm vương thống lãnh có 4 ngàn đại châu, 4 ngàn đại thụ, 4 ngàn đại long cung, 4 ngàn chỗ ở của kim sùy điều vương, 7 ngàn sông lớn, 9 ngàn núi lớn, 8 ngàn rừng lớn, 8 ngàn địa ngục lớn, một ngàn địa ngục của vua Diêm-la, 2 ngàn biển lớn, 16 ngàn vườn địa ngục, gọi là một Tiểu Thiên thế giới.

Lại nữa, gấp một ngàn lần là một Trung Thiên thế giới. Lại nữa, gấp một ngàn lần là một Đại Thiên thế giới.

A-nan ! Nếu Như Lai tác ý muốn chiếu sáng muốn thuyết pháp, thì ánh sáng chiếu khắp Đại Thiên thế giới mà thuyết pháp tất cả đều hiểu. Nếu lại muốn quá Đại Thiên thế giới thì tùy ý Như Lai, chúng sinh trong đó không ai không thấy nghe phóng quang thuyết pháp.

A-nan ! Nếu Như Lai muốn phóng quang thuyết pháp, ngồi ở nơi A-ca-ni-tra Thiên Phạm, hoặc Đại Thiên hoặc quá Đại Thiên, ánh

sáng chiếu khắp dùng 8 phần tiếng Phạn thuyết pháp cú nghĩa, khắp cả được hiểu rõ.

A-nan ! Ánh sáng này của Như Lai và âm thanh thuyết pháp không chúng sinh nào không thấy không nghe. Khi ấy không có chúng sinh nào không đủ căn tính.

A-nan ! Như Lai ở trên trời A-ca-ni-tra nói âm thanh này, tuyên thuyết danh cú này:

*Các người thụ Phật dạy,  
Khởi cung kính chính cần,  
Quán tu ở trong đó,  
Ra khỏi nạn 3 cõi.  
Trừ diệt quân vua chết  
Như voi phá nhà tranh.  
Nếu trụ trong Phật pháp  
Mà không khởi phóng dật,  
Người ấy xả sinh tử,  
Đến hết biên giới khổ.*

Bấy giờ A-nan liền từ tòa ngồi đứng dậy trích vai áo bên phải gối phải quỳ sát đất chấp tay cung kính đánh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Con nay hy hữu lợi dưỡng. Con nay khéo được lợi hy hữu. Con được đại sư đầy đủ thần thông oai đức rộng lớn.

Khi ấy Tịnh mạng tên Ưu-đà-di đang ở trong đại chúng cách Phật không xa. Tì-kheo Ưu-đà-di bảo A-nan rằng: Nếu đại sư của ông đủ các oai đức đại thần thông, ông được cái gì ? Bấy giờ Thế Tôn bảo Tì-kheo Ưu-đà-di:

Ông chớ nên tác ý trái với tâm của A-nan, nếu trước ta đã không thụ ký cho A-nan đời này được quả A-la-hán. Nhân tín tâm này sinh các nghiệp báo sẽ qua 36 lần làm vua trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến qua

36 lần làm vua trời Đao-lợi, hưởng chi là Chuyển luân thánh vương, đòng vua Sát-lợi thụ chức quán đảnh, cho đến làm vua 4 Thiên hạ .

Ưu-đà-di ! Ti-kheo A-nan ta xưa đã thụ ký. Ta nói trong cõi Dục chúng sinh nhiều nhất là loài sinh trong nước. Loài sinh nơi đất thì ít. Những loài sinh nơi đất thì loài súc sinh nhiều, loài người ít. Trong loài người, hạng phá giới nhiều, hạng giữ giới ít. Trong hạng giữ giới thì phạm phu nhiều thánh đệ tử ít. Trong thánh đệ tử hạng hữu học nhiều hạng vô học ít. Trong hạng vô học giải thoát đúng kỳ nhiều phi thời giải thoát ít. Như vậy A-la-hán phi thời giải thoát, thế gian khó được. Ta thụ ký A-nan được như vậy.

Có các ngoại đạo nói rằng cõi đại địa này hằng đi mãi không ngừng nghỉ. Nên trả lời rằng điều đó không đúng. Nếu thật như vậy thì khi ta ném vật gì lên vật ấy phải rơi xuống phía sau.

Lại nữa các ngoại đạo nói rằng cõi đại địa này hằng rơi xuống phía dưới. Nên trả lời họ rằng điều đó không đúng. Nếu thật như vậy khi ta ném vật gì lên vật đó phải không rơi xuống đất.

Lại nữa các ngoại đạo nói rằng mặt trời mặt trăng tinh tú hằng trụ một chỗ bất di bất dịch. Đại địa tự chuyển thì nghỉ là trời xoay. Nên trả lời họ rằng điều đó không đúng. Nếu như vậy thì bắn không đến đích.

Lại nữa các ngoại đạo nói đại địa hằng nổi lên theo gió qua lại. Nên trả lời họ rằng điều đó không đúng. Nếu thật như vậy đất thường cùng động. Nếu không như vậy tướng đất như thế nào ? Đất trụ bất động. Tôi nghe chư Phật Thế Tôn đã nói nghĩa như vậy.

## **Phẩm 2: NAM DIÊM-PHÙ-ĐỀ**

Phật bảo Ti-kheo có cây tên là Diêm-phù. Nhân tên cây đặt tên cõi đất là Châu Diêm-phù-đề. Cây này mọc ở vùng phía Bắc Diêm-phù-đề,



bờ phía Nam sông Nê-dân-đà-la. Thân chính của cây này ở chính giữa châu. Từ thân chính, góc Đông Tây mỗi bên đều một ngàn do-tuần. Cây này sinh trưởng đầy đủ hình dáng đẹp để nhánh lá che nhau dày kín, lá nhiều giữ lâu không rụng, gió mưa không thể xâm nhập.

Tì-kheo ! Ví như thợ kết tràng hoa trang sức tràng hoa và trang điểm hoa trên tai, hình tượng cây ấy cũng đẹp để như vậy. Bên trên như chiếc lọng hoa lần lượt che nhau cao một trăm do-tuần. Dưới góc to thẳng không tì vết. Năm mươi do-tuần mới có nhánh lá. Đường kính thân cây rộng 5 do-tuần. Chu vi 15 do-tuần. Mỗi nhánh ngang ra 50 do-tuần. Quãng cách giữa khoảng một trăm do-tuần. Giáp vòng 3 trăm do-tuần. Quả chín ngon không gì bằng. Giống như mật ong ngon ngọt không biết chán. Quả lớn bằng cái chậu, hạt nhỏ, giống như hạt của trái Diêm-phù của thế gian, trên có hình chim chóc như hình của cung điện của khi, như voi lớn 60 tuổi. Đó là 2 giống chim thú thường ăn trái cây này. Nhánh phía Đông trái cây phần nhiều rơi xuống đất Diêm-phù-đề, ít rơi xuống nước. Nhánh phía Tây trái cây phần nhiều rơi xuống đất Diêm-phù-đề, ít rơi xuống nước. Nhánh phía Nam trái cây đều rơi xuống đất. Nhánh phía Bắc trái cây đều rơi xuống sông cho cá ăn. Rễ cây đều được cát vàng bao bọc. Vào mùa xuân khi mưa, phía dưới không thấm ướt. Mùa hè thì không nóng. Mùa đông không có gió lạnh. Dưới cây có Càn-thát-bà và thần Dược-xoa ở.

Những việc như vậy làm sao biết ?

Xưa ở thành Vương-xá có 2 Tì-kheo đủ sức thần thông cùng kết bạn với nhau, nghe Phật nói tướng cây Diêm-phù như vậy, 2 Tì-kheo cùng bảo nhau rằng: Chúng ta nên qua Diêm-phù đó xem. Rồi nói: Ta đi. Liền tới chỗ cây thấy trái cây chín rơi xuống đất tự vỡ ra. Một Tì-kheo cho tay vào lỗ cuống, đến tận cánh tay mà không tới hạt, bèn rút tay ra bị trái cây nhuộm đỏ cả cánh tay, giống như vấy nước chiên đàn đỏ. Quả cây ấy có mùi thơm nhiễm tâm người, bấy giờ Tì-kheo ấy dùng mũi ngửi mùi thơm của trái cây. Vị Tì-kheo thứ hai hỏi:

Ông có muốn ăn không ?

Trưởng lão ! Tôi không thích ăn. Việc này hy hữu không thể nghĩ bàn, là lia dục kết rất rộng lớn. Bởi vì sao ? Nếu người chưa lia dục ngửi mùi hương này liền sinh tâm khí mà phát điên cuồng. Có các ngoại đạo lia dục nếu ngửi mùi hương này thì thoái lui mất địa vị ly dục.

Hai vị Tì-kheo ấy trở về thành Vương-xá thuật lại việc này. Lúc đó có một người tên là Trường Hỉnh vốn dòng vua chúa, họ Câu-lợi do quả báo nghiệp đời trước được thần thông. Người này có tướng mạo oai thần như thế này: Nếu đi trong nước, chân trước chưa xuống nước chân sau đã di chuyển. Nếu đi trên cỏ, tuy cỏ chưa rạp bước chân đã dõn. Nếu đi trên lá cây, lá cây chưa xẹp xuống chân sau đã bước qua. Giày dép giẫm đi không gặp khó khăn trở ngại.

Người tên Trường Hỉnh này theo Phật được nghe cây Diêm-phù này như vậy như vậy liền bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Con nay nếu đi sẽ đến được cây Diêm-phù chăng ?

Đáp: Đến được.

Người ấy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều bên phải 3 vòng, mặt hướng về phương Bắc từ đó mà đi. Đi qua các núi: một tên Tiểu hắc sơn, hai tên Đại hắc sơn, ba tên Đa ma ngu sơn, bốn tên Nhật quang sơn, năm tên Ngân sơn, sáu tên Hương thủy sơn, bảy tên Kim biên sơn. Người này lên trên đỉnh núi Kim biên sơn quay mặt hướng Bắc, nhón mình nhìn ra xa chỉ thấy toàn tối tăm sợ hãi mà lui.

Phật hỏi: Ông đã đến cây Diêm-phù chưa?

Đáp: Chưa đến.

Phật hỏi: Ông đã thấy gì ?

Người này đáp : Chỉ thấy tối đen.

Phật bảo: Màu tối đen ấy, chính là cây Diêm-phù.

Người này lại đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều bên phải 3 vòng, rồi lại nhắm hướng Bắc mà đi. Lại đi qua 7 núi: một tên núi Chu-la-ca-la, hai tên núi Ma-kha-ca-la, ba tên núi Cù-hán, bốn tên núi Thủ-la, năm tên núi Khê-la, sáu tên núi Càn-đà, bảy tên núi Tu-bạt-cơ. Lại trải qua 6 nước lớn: một là nước Cưu-lưu, hai là nước Cao-lạp-tì, ba là nước Tì-đề-ha, bốn là nước Ma-ha Tì-đề-ha, năm là nước Uất-đa-la-mạn-đà, sáu là nước Sa-hi-ma-la-dã. Đây là tên của 6 nước lớn. Lại vượt qua 6 rừng cây lớn, giữa rừng có sông, qua khỏi 7 con sông lại qua rừng A-ma-la và rừng Ha-lê-lặc cho đến cảnh phía Nam của cây Diêm-phù-đề. Từ trên cảnh cây phía Nam đi đến cảnh cây phía Bắc người này cúi xuống dòm thấy phía dưới có tướng nước và khác với bình thường, rất trong trẻo thấu suốt tới đáy, không có một vật che chắn.

Người này trông thấy rồi liền nghĩ rằng: Ta có thần thông, nay ở xứ này có thể thành tựu chăng? Nhân đó mới lội chân xuống nước, tay vịn cành cây. Khi chân tiếp nước liền chìm như đá. Đối với thần thông này không thể thành tựu. Đây là nước loại gì vậy? Rất nhẹ rất dịu. Nếu lấy nước ấy đổ vào trong nước sông thì nổi trên mặt nước như bơ như dầu. Nếu lấy nước thông thường đổ vào nước ấy thì nước thông liền chìm như đá.

Người này hái lấy một quả nơi cây Diêm-phù rồi trở lại thành Vương-xá, dâng lên Thế Tôn. Phật nhận quả ấy rồi bẻ ra nhiều miếng đem cho đại chúng và nước của trái kia dính nơi tay Phật. Lúc ấy Phật lấy tay này đánh vào núi đá và cho đến nay màu đỏ ấy vẫn còn như xưa không khác, chỗ ướt cũng không khô và dấu tay còn thấy rõ. Nhân ngày xưa chia quả ấy ra nhiều mảnh vậy. Nhân xưa kia Phật đã chia trái cây ra từng miếng mà đá này có tên là Phiến phiến nham.

Lúc ấy Phật bảo Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp lấy trái cây Diêm-phù-đề này đem cho Ca-diếp:

Ca-diếp ! Ngươi hãy ăn quả này.

Ca-diếp hỏi Phật: Sa-môn Đại Cù-đàm làm sao có quả này ?

Phật bảo Ca-diếp: Đây là quả của cây tên Diêm-phù.

Ca-diếp hỏi: Con không thể ăn quả này. Sa-môn chỉ tự lấy ăn. Lúc ấy chư thiên thần lại gửi quả Diêm-phù đến cúng dường Phật hoặc nơi thành Xá-vệ hoặc thành Vương-xá, nước Ca-tỳ-la-vệ v.v... Phật thụ nhận rồi, phân ra cho đại chúng. Các Tì-kheo khác ở nơi Diêm-phù trở lại nước này nói. Tỳ-kheo Mục-liên cũng từng qua đó, trở lại nơi này, lần lượt vì các Tì-kheo mà nói. Vì nhân duyên đó nên biết việc này.

### Phẩm 3 : SÁU NƯỚC LỚN

Ngoài cây Diêm-phù còn có 2 rừng, như hình bán nguyệt vây quanh cây này. Bên trong có rừng tên Kha-lê-lặc, ngoài tên là A-ma-lặc. Quả A-ma-lặc khi chín vị rất ngon, không cay, không đắng, ngọt như mật ong. Quả hình lớn nhỏ như 2 cái hộc. Hạt này như tự tính của hạt A-ma-lặc. Quả Kha-lê-lặc khi chín vị ngon, không cay, không đắng, như mật ong; quả hình lớn nhỏ. Gấp đôi quả trước, hạt lại cũng như vậy.

Ở phía Nam rừng A-ma-lặc lại có 7 cánh rừng khác, 7 con sông xen cách nhau. Rừng ở tận cùng phía Bắc tên Yêm-la, tiếp tên Diêm-phù, thứ ba tên Ta-la; thứ tư tên Đa-la, thứ 5 tên rừng người, thứ 6 tên rừng thạch lựu, thứ 7 tên rừng Kiếp-tất-tha. Các quả này lúc chín thì không cay không đắng, ngọt như mật ong. Rừng người có quả giống như hình người, như loại người dòng vua chúa ở Diêm-phù, họ Câu-lê. Trang sức đẹp đẽ như khi trai 16 tuổi gái 15 tuổi đi lấy vợ lấy chồng vậy. Quả của rừng người cũng khả ái như vậy. Cuống của quả này có hình thù như búi tóc của người.

Kẻ chưa ly dục mà thấy quả này liền sinh tâm yêu mến. Các ngoại đạo có người ly dục nếu thấy quả này thì thoái lui mất thiền

định, dục tâm liền sinh trở lại. Khi quả này chín, chỉ có chim tranh nhau ăn, chim ăn thừa lại rơi xuống đất. Còn như rừng Thi-đà thì thật đáng chán ghét. Những người thoái định trông thấy tướng này rồi, liền sinh chán lìa và trở về lại định cũ.

Hai rừng này rộng 50 do-tuần; Đông Tây đều giáp biển. Mỗi rừng đều có sông, rộng 50 do-tuần; Đông Tây giáp biển; rừng và sông liên tục tiếp nối trên đất Diêm-phù-đề cây rừng che khuất 7 trăm do-tuần.

Phía Nam rừng Kiếp-tất-tha có 6 nước lớn. Nước phía cực Nam tên Cao Lưu. Kế tiếp là Câu-lạp-bà. Thứ ba là Tì-đề-ha. Thứ tư là Ma-ha Tì-đề-ha; thứ năm là Uất-đa-la-mạn-đà. Phía cực Bắc tên là Xá-hỉ-ma-la-da. Người trong 6 nước này đều ngay thẳng hiền lành; tu 10 thiện pháp. Tự không sát sinh, không sai bảo người khác sát sinh. Những con thú sắp chết, tự đến nơi người, khi tự nó chết rồi người ta mới lấy thịt. Xứ ấy có nhiều bò tót, lông đuôi dùng lợp nhà. Đất này sinh lúa mạch; không cần cày cấy, lúa này thành hạt không có vỏ cám. Người nước này xay nấu làm cơm, mùi vị ngon ngọt; giống như mật ong.

Vì sao mà biết được?

Vì trong quá khứ lâu xa có một vị vua xuất gia. Rồi phu nhân của vua cũng xuất gia. Quốc sư Bà-la-môn cũng xuất gia theo. Sau khi đã xuất gia rồi đều lìa bỏ các tướng, vào núi học đạo. Phu nhân của vua khi có kinh sạch sẽ xong liền đến chỗ vua diện kiến tâu vua rằng:

Đại Vương ! Nay thiếp có kinh. Người xưa rất quý trọng đường con cái, mà vua bỏ đi xuất gia, không phải theo ý của thiếp. Nghĩ sự việc hệ trọng này e không thể được. Rồi cùng hòa hợp để có một đứa con phúc đức. Khi 2 người nam nữ cùng giao hợp là lúc thác thai. Rồi phu nhân bỏ vua mà đi. Trải qua ngày tháng,

sau đó bụng lớn. Từ làng đến quận huyện cho đến các châu, người người đều mắng nhiếc rằng: Người đàn bà này không có đạo tâm gì cả, đã xuất gia mà còn phá giới. Bà vương phi nghe được rất hổ thẹn.

Khi ấy quốc sư Bà-la-môn đã đắc đạo thành người tiên có được 5 thần thông đang ở nơi một khu rừng nọ. Vương phi nghe vị Bà-la-môn đang ở tại rừng kia cho nên đến đó tìm kiếm gặp được quốc sư rồi, quốc sư hỏi vương phi :

Việc mang thai này là ai làm ?

Vương phi đáp: Do vua làm.

Lúc ấy vị tiên nhớ lại vua ngày xưa khi ra đi có làm một cái nhà lá liền bảo vương phi:

Người nên nghỉ lại đây, tôi sẽ đi tìm rau củ trái cây, cung cấp cho người. Vương phi y lời vào ở lại nơi đó. Rồi người tiên như pháp mà nhặt hái rau củ quả cung cấp cho vương phi. Phi mang thai đủ tháng hạ sinh 2 con; một nam một nữ. Đến khi dứt sữa, người tiên đuổi vương phi ra đi bảo : Giờ người nên đi xa, tôi sẽ tùy theo đó mà lo rau củ quả nuôi 2 đứa trẻ này. Phi y lời để lại 2 đứa con ra đi. Người tiên tùy theo đó mà lo rau quả để nuôi dưỡng 2 trẻ này. Hai đứa trẻ khá lớn đã hiểu biết. Lúc ấy người tiên đi lấy những quả sồng và chín để lẫn lộn thử 2 đứa trẻ xem chúng có khả năng tự phân biệt được chăng. Quả chín chúng ăn, quả sồng chúng vất bỏ. Người tiên nghĩ : Những đứa trẻ này đã lớn, tâm đã biết ý thức, có thể phân biệt quả sồng quả chín. Ta nay phải cho chúng ở nước nào giàu có an ổn để lập nghiệp. Do có 5 thần thông nên đã thấy được nơi có lúa mạch, liền dùng thần lực dắt 2 đứa trẻ bay đi trên hư không đến đó đặt chúng xuống đất và dạy cho chúng rằng:

Loại cỏ này gọi là lúa mạch. Rồi người tiên tự cắt lúa xay gạo nấu ăn và dạy nhiều điều khác nữa. Các con từ nay phải y theo

phương pháp này làm lương thực. Các con ở đây chớ nên buồn rầu, ta sẽ thường xuyên đến thăm các con.

Từ đó cả 2 đứa bé sống nơi đất này. Người tiên sau đó đã có nhiều lần đến thăm. Hai đứa trẻ này theo ngày tháng trưởng thành, nam nữ các căn mỗi mỗi thành tựu và chúng kết thành vợ chồng, rồi sinh ra con cháu, chia thành 6 nước.

Bấy giờ Đại vương đã học đạo xong, bỏ thân người, sinh về cõi trời, xả bỏ thân trời lại trở lại làm thân người. Thụ thân người rồi, y theo chính pháp vô thượng của Phật nói xuất gia học đạo cho đến được 6 pháp thần thông vô ngại. Vì có 6 phép thần thông nên đã quán thấy túc mạng đời trước của mình, thấy 6 nước lớn nên mới tác ý suy nghĩ rằng sáu nước này đều là con cháu của ta, vì yêu thương người dân của 6 nước này, nên đến đó khát thực, được com lúa mạch trở về tự ăn một mình bất kể ăn trước các Tì-kheo khác. Các Tì-kheo gọi tên Tì-kheo này mà mạ nhục lớn:

Ngươi là trưởng lão xan tham tật đố. Ôi ! Ngươi là người ác được com lúa mạch này ăn riêng một mình bất kể các Tì-kheo.

Tì-kheo đáp rằng:

Ta nay không phải vì tật đố mà không bố thí cho các ông. Vì sao vậy ? Như thức ăn đây, kẻ chưa ly dục thì không thể ăn được. Lúc ấy vị Tì-kheo qua 3 lần rửa bát, qua 2 lần bỏ đi, lần cuối cùng lấy một ít nước thí cho các Tì-kheo. Diêm-phù-đề không có một mùi vị gì là bằng mùi vị này được. Rồi vị Tì-kheo này, vì các Tì-kheo khác lần lượt nói về nhân duyên của mùi vị món ăn này: Sáu nước lớn kia vốn là con cháu của ta, cho nên để làm lợi ích cho người của nước kia nên đến đó xin ăn. Ngoài ra cũng có Tì-kheo khác đến đó khát thực. Đại Mục-kiền-liên cũng đã đến đó khát thực. Phật Thế Tôn vì các Tì-kheo nói về nhân duyên của 6 nước này; cho nên được biết về việc của 6 nước lớn. Xong phẩm Sáu nước lớn.

## Phẩm 4 : THẦN DẠ-XOA

Thuở ấy trong Diêm-phù-đề có 2 quần thể núi. Phía Nam sông Hằng có núi tên Ta-đa-kì-lợi. Phía Bắc sông Hằng có núi Hê-ma-bạt-đa. Các núi trong quần thể Ta-đa-kì-lợi các núi lớn nhất gồm một tên Tát-xà, hai tên Tần-ha, ba tên Mạt-xa, bốn tên Át-xa-bà, năm tên Gian-ha-kì-lợi, sáu tên Ba-lê-da-đa-la. Trong núi Hê-ma-bạt-đa có những núi lớn nhất như: một tên Chu-la-ca-la, hai tên Ma-ha Ca-la, ba tên Cù-ha-na, bốn tên Tu-la-bà-kế, năm tên Kê-la, sáu tên Càn-đà-ma-đà, bảy tên Tu-bàn-na-bát-sa. Tất cả các thần ở sông phía Nam của núi đều có tên là thần Bà-đa-kì-lợi. Nếu ở sông phía Bắc của núi thì tất cả thần đều có tên là thần Hê-ma-bạt-đa. Thần Bà-đa-kì-lợi này thống lãnh các thần ở sông phía Nam. Cho nên gọi là vương. Còn thần Hê-ma-bạt-đa là thống lãnh các thần ở sông phía Bắc nên cũng gọi là vương.

Vì sao biết được ?

Có một thần vương tên Hê-ma-bàn, sống ở núi Hê-ma-bạt-đa, vị thần vương này là trưởng lão cao niên nhất, và địa vị cao nhất. Khi bị bệnh khốn khổ vị thần kia chết. Vị thần ấy có một Thái tử tên Hê-ma-bạt-đa, gọi đến để chỉ bảo, liền nói với con rằng:

Cha đã được nghe từ xưa thần Dạ-xoa là trưởng lão tối cao đã gặp Phật quá khứ, từng gặp Phật Ca-diếp và nghe nói Phật Thích-ca Mâu-ni sắp xuất hiện ra đời. Như cha xem tướng và thấy được nhân duyên thì Phật Thích-ca này không bao lâu nữa sẽ xuất thế. Nếu cha nỡ chùng bỏ mạng không kịp gặp Phật thì con phải qua yết kiến Phật. Được gặp Phật chắc chắn con sẽ được lợi ích lớn.

Thái tử hỏi: Làm sao khiến con biết được Phật ra đời ?

Người cha đáp: Nơi nhà của con chưa từng có châu báu xuất hiện. Phải biết lúc đó là có Như Lai xuất hiện. Lại có thần vương tên



Ta-đa-kì-lợi, sống ở trong nước Ma- già-đà. Con nên cùng với thần vương ấy kết thành bạn bè, cùng lập thệ nguyện rằng ta cùng người ở chung một nơi nếu khi thấy được những kỳ bảo hy hữu xuất hiện thì báo cho nhau biết.

Sau khi phụ vương dạy bảo cho người con rồi liền xả mạng. Thái tử cúng lễ ma chay cho cha, tôn trọng ghi nhớ di chúc của cha. Nhân đó qua sông, tìm gặp thần vương Ta-đa-kì-lợi. Đến nơi thần rồi, đối diện nói năng cùng nhau hòa hợp tương kính, đồng ngồi một chỗ. Đoạn thần Hê-ma-bạt-đa bảo vua Ta-đa-kì-lợi rằng:

Thưa ngài ! Khi cha ta sắp mất có nói như trên rồi qua đời. Cho nên nay ta nói cho ngài biết việc đó. Khi nào thấy trong nhà có vật quý xuất hiện thì phải báo cho nhau biết.

Ta-đa-kì-lợi đáp: Như vậy. Như vậy.

Hai người lập thệ ước với nhau rồi, mỗi người trở về lại chỗ ở của mình. Sau đó nơi chỗ ở của vua Hê-ma-bạt-đa có vật báu lạ xuất hiện. Đó là hoa sen ngàn cánh, lớn như bánh xe, lúm toàn vàng kim, cọng bằng các thứ báu. Khi ấy có một vị thần thấy hoa sen, vội qua đó thưa với nhà vua:

Vua có biết không ! Thật là trân bảo kỳ lạ đời chưa từng có, nay đã xuất hiện hoa sen ngàn cánh, lớn như bánh xe, lá bằng vàng kim, các thứ báu làm cọng. Đây là vật báu của trời. Xin vua đến xem.

Lúc ấy thần vương nghe nói liền ra hồ thấy hoa sen đầy đủ nghìn cánh, lớn như bánh xe đều gồm những vật báu tạo thành, trang nghiêm kỳ lạ. Sau khi thấy việc ấy rồi; tâm sinh quái sợ, khắp người rờn lông, rồi tự xuống ao cung kính chấp tay đánh lễ 3 lần, đi nhiều chung quanh 3 vòng suy nghĩ. Ta xưa đã từng gặp bạn lành bảo ta rằng : Nơi người ở, nếu có vật quý lạ, nên báo ta biết.

Do đó sai sứ giả qua báo cho thần vương Ta-đa-kì-lợi nói:

Thưa ngài ! Nay nơi trụ xứ của chủ tôi có vật hy hữu đã xuất hiện, đầy đủ tướng báu. Ngài nên cùng tôi đến đó xem.

Bấy giờ là lúc Thế Tôn đã xuất hiện ở đời, chính pháp đã được tuyên thuyết, hoàn toàn tịch tĩnh và bây giờ đang Niết-bàn, hướng đến Bồ-đề. Tu-già-đà có dạy như vậy.

Khi ấy vua Ta-đa-kì-lợi nhớ lại việc này liền suy nghĩ rằng: Ta xưa đã từng có bạn lành đến báo cho ta rằng:

Chỗ ở của ngài là nơi chư Phật Thế Tôn đắc đạo. Nếu Phật xuất thế rồi, ngài nên báo cho ta biết. Đây là điều mong ước. Cho nên ta phải báo tin.

Vua Ta-đa-kì-lợi liền sai sứ đi đến nói với vua rằng:

Thưa ngài ! Nếu một hoa sen, làm được lợi ích gì ? Nếu một trăm hay một ngàn thì được lợi ích gì ? Nơi đất nước của ta chưa từng có vật báu nay đã xuất hiện. Những gì gọi là báu ? Đó là Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri đã xuất thế. Nay ngài nên đến cộng sự việc quý báu này.

Ngày 15 tháng 9 nhân lúc Bồ-tát, Hê-ma-bạt-đa có 500 vị thần cùng vây quanh, cầm hoa sen, mặt hướng phía Nam mà đi, khuất vào không trung mà đi đến nơi Vua Ta-đa-kì-lợi. Vua ấy lại đem 500 chúng thần cùng vây chung quanh đến nghinh đón vua nơi phía Nam sông Hằng cùng nhau tụ tập gặp gỡ rồi, vua Hê-ma-bạt-đa nói kệ hỏi các thần kia rằng:

*Nay mười lăm, ngày tịnh,  
Bốn vua lại đến đây.  
Chúng ta thờ thầy nào ?  
Ngài tin đáng Ứng Cúng.*

Bấy giờ vua Ta-đa-kì-lợi liền nói kệ đáp rằng:

*Đó là Phật Thế Tôn  
Ở thành Ma-già-đà.*

*Vì diệt tất cả khổ  
 Thuyết pháp tất cả trí.  
 Các khổ và khổ tập,  
 Khổ diệt, lại không sinh  
 Tám phần, khổ, diệt, đạo  
 Vô não hướng Niết Bàn.  
 Cho nên ngài và ta  
 Nên đến thờ người ấy.  
 Tất cả không thể sánh  
 Nên ta tin Ứng Cúng.*

Bấy giờ Hê-ma-bạt-đa nghe kệ ấy rồi tâm rất sợ hãi, chân lông đều dựng đứng, hoài nghi chưa tin, ba lần biện luận.

Thưa ngài ! Ngài nói Thế Tôn xuất thế phải không ?

Đáp: Thưa ngài ! Tôi nói Phật bảo đã ra đời.

Sau hai, ba lần hỏi và đều được đáp như vậy.

Lúc ấy vị thần vương núi phía Bắc liền dùng sức suy nghĩ 4 pháp cảnh giới oai nghi đi đứng của chư Phật, rồi hỏi thần vương ở núi phía Nam dùng kệ hỏi rằng:

*Tâm Phật nơi chúng sinh,  
 Được an lập tốt chăng ?  
 Yêu ghét 2 tư duy  
 Đã diệt hết được chăng ?*

Lúc ấy thần vương ở núi phía Nam nói kệ đáp rằng:

*Tâm Phật đối chúng sinh  
 Chân thật được an lập.  
 Yêu ghét 2 tư duy  
 Diệt hết hằng không còn.*

Thần Vương phía núi Bắc liền hỏi lại bằng kệ rằng:

*Phật có nói dối chăng ?  
 Lời nói vô não chăng ?  
 Không nói ly gián chăng ?  
 Nói nghĩa có không chăng ?*

Thần vương núi phía Nam dùng kệ đáp lại rằng:

*Phật không nói vọng ngữ  
 Không nói lời khắc khổ .  
 Không nói lời ly gián  
 Nói nghĩa đúng như lượng.*

Thần vương núi phía Bắc lại hỏi bằng kệ rằng:

*Phật không lấy trộm chăng ?  
 Không tổn hại mạng chăng ?  
 Xa lìa phóng dật chăng ?  
 Không tổn thiên định chăng ?*

Thần vương núi phía Nam nói kệ đáp rằng:

*Phật không trộm của ai.  
 Nên hộ mạng kẻ khác.  
 Xa lìa các phóng dật.  
 Không tổn sâu thiên định.*

Thần vương núi phía Bắc lại hỏi kệ rằng:

*Phật không nhiễm ái dục,  
 Tâm tịnh không nhớ chăng ?  
 Trải qua dòng vô minh  
 Được pháp nhãn tịnh chăng ?*

Thần vương núi phía Nam đáp:

*Không đắm nơi dục trần.  
 Tâm địa rất thanh tịnh.*

*Trải qua dòng vô minh  
Chứng được pháp nhãn tịnh.*

Thần vương núi phía Bắc lại hỏi:

*Phật đủ sáng suốt chăng ?  
Đủ pháp thanh tịnh chăng ?  
Bốn lưu đã dứt chăng ?  
Đời sau đã hết chăng ?*

Thần vương núi phía Nam lại đáp rằng:

*Phật đầy đủ sáng suốt.  
Pháp thanh tịnh đã lâu.  
Bốn lưu đã diệt hết,  
Cho nên không sinh lại .*

Lúc ấy thần vương núi phía Bắc nghe rồi tâm sinh hoan hỷ, liền nói kệ tán thán:

*Trí giả ý thành tựu  
Tất cả việc đã xong.  
Và thân miệng thanh tịnh  
Ca ngợi đủ sáng suốt.*

Thần vương núi phía Nam tâm miệng hoan hỷ nói kệ ca ngợi rằng:

*Tâm Phật tịch thanh tịnh,  
Thân miệng hay lợi người.  
Mười lực không thể sánh,  
Nay theo ngài khen ngợi.  
Trí giả tâm thành tựu  
Cùng với nghiệp thân miệng.  
Đầy đủ pháp sáng suốt.  
Liền cùng ngài qua xem.*

*Hôm nay rằm Bó-tát,  
Lúc 4 vua du hành.  
Tâm giải thoát không nhiễm.  
Ta cùng ngài lễ bái.*

Bấy giờ Thế Tôn đang ở thành Vương-xá, dưới cây Nặc-cù-đề, hai thần vương có ngàn thần vây quanh đến nơi Đức Phật. Khi đến trước Phật, liền trịch vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính, đánh lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên. Lúc ấy vua núi Bắc dùng kệ đề hỏi rằng:

*Hay nói cũng hay làm,  
Độ lưu hằng vô lậu.  
Dáng đi như sư tử  
Phật không nhiễm thế pháp.  
Đưa tất cả qua bờ,  
Mong đợi nên đến hỏi.  
Chúng sinh sinh nơi nào,  
Số số tập có chỗ,  
Chấp giữ là vật gì,  
Mà thụ khổ nơi đâu ?*

Bấy giờ Thế Tôn dùng kệ đề đáp thần vương Hê-ma-bạt-đa rằng:

*Chúng sinh sinh 6 nơi,  
Số số tập 6 chỗ.  
Chấp trì sáu loại pháp,  
Sáu xứ thụ khổ nào.*

Thần vương núi phía Bắc lại hỏi Phật, kệ rằng:

*Thủ ấy là thủ gì ?  
Mà khiến chúng sinh khổ ?  
Xin đáp hỏi xuất ly,  
Làm sao giải thoát khổ ?*

Thế Tôn dùng kệ để đáp lại thần vương Hê-ma-bạt-đa rằng:

*Thế gian có 5 trần,  
Ta nói tâm thứ sáu.  
Trong đó là dục nhiễm,  
Là giải thoát khỏi khổ.  
Chúng sinh được xa lìa,  
Đã nói lượng như lý.  
Vì nay người đã hỏi  
Cho nên đáp xuất ly.*

Thần vương núi phía Bắc lại hỏi Phật rằng:

*Ai qua dòng chảy xiết,  
Ngày đêm không mệt mỏi.  
Thăm thẳm không chỗ vin,  
Dòng sâu ai không chìm ?*

Thế Tôn dùng kệ đáp lại thần vương Hê-ma-bạt-đa rằng:

*Thường giữ giới thanh tịnh.  
Tinh tiến không loạn tâm.  
Suy nghĩ trong chính niệm.  
Do trí qua khó qua.  
Dục tưởng không có dục,  
Đè bẹp sắc trời buộc,  
Hàng diệt tâm hỷ ái,  
Người này quyết không chìm.*

Lúc ấy Nam Bắc cả hai vua núi đồng thời nói kệ để tán thán Phật rằng:

*Chúng con nay thấy tốt,  
Đến đúng nay sáng rõ.  
Chúng con gặp Chính Giác  
Diễn nói đạo cam lồ.*

*Tên không diệt mất, thấy nghĩa thật,  
Thường ưa vấn nạn, không chấp trước.  
Cùng tột trí tuệ ắt giải thoát.  
Đi trên đường Thánh, đại tiên nhân.  
Hơn ngàn chúng Dạ-xoa  
Nghe tên có oai thần  
Tất cả quy y Phật  
Là Vô Thượng Sư ta.*

Lúc đó ba Dạ-xoa đều ngồi ba góc. Cho nên đến bây giờ con đường ấy tên là Lãng Giác. Khi ấy Thế Tôn ở dưới gốc cây, cho nên cây này gọi là Cù-nặc Đàm-cù-đề. Nhân việc của 2 Dạ-xoa này cho nên biết có Nam Bắc hai núi. Xong phẩm Thần Dạ-xoa.

## HẾT QUYỂN 1



## LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

( *Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới* )

### QUYỂN 2

#### Phẩm 5: VOI CHÚA LẬU-XÀ-KÌ-LỢI

Núi Chu-la-ca-la cao một Già-phù-đa rưỡi, rộng cũng vậy, ở giữa cũng vậy.

Núi Ma-ha Ca-la cao 3 Già-phù-đa, rộng cũng vậy, ở giữa cũng vậy.

Núi Cù-ha-na cao một do-tuần rưỡi, bề rộng và ở giữa cũng vậy.

Núi Tu-la-bà-ha cao 3 do-tuần, rộng và ở giữa cũng vậy.

Núi Kê-la-bà cao 6 do-tuần; rộng và ở giữa cũng vậy.

Núi Càn-đà-ma-đà cao 12 do-tuần, rộng và ở giữa cũng vậy.

Núi Tu-bàn-na-bát-ta cao 24 do-tuần, rộng và ở giữa cũng vậy.

Núi Tu-bàn-na-bát-ta vào tháng mùa thu trời trong xanh không mưa. Ánh sáng chói chang. Lại cũng có nhiều người sống ở gần núi tuyết. Tháng 4 có lễ hội Cao bình địa, người tu rủ nhau đến ngắm nhìn trời, đến trên đỉnh núi Ma-ha Ca-la ngửa mặt trông về phía Bắc thì xa thấy núi kia. Ánh sáng chói lòa. Nhân đó bảo nhau đó là núi Tu-di. Ta nay đã thấy trời rồi. Đó là phía Bắc núi Tu-bàn-na-bát-ta, là nơi đẹp nhất lại có ao lớn tên là ao Mạn-đà-cơ-ni, dài 50 do-tuần,

rộng 10 do-tuần. Nước ở đây trong mát, sạch ngọt dịu. Ở trong ao hoa sen mọc đầy. Bờ ao đáy ao đều dùng bằng bạc vàng, thủy tinh, lưu ly gồm 4 thứ báu làm thành bờ lũy của ao. Bạc ở ngoài cùng, tiếp đến chung quanh là nước trong và cùng một màu với các báu. Ao hồ này bốn bên đều có bậc cấp thông đến dưới đáy và cũng làm thành bằng 4 thứ báu. Cạnh phía Đông Nam của ao đi thẳng đến núi. Núi này có đá tên là Nan-đà, dài 50 do-tuần, rộng 10 do-tuần. Đá này đều bằng lưu ly, bằng phẳng và láng dễ yêu trông giống như phòng ốc của cung điện. Màu sắc không giống nhau, có nhiều hình tướng khác nhau, tự nhiên khắc họa tạo thành như tám nệm phương Bắc, nào người, thú, cỏ, cây, không thiếu thứ gì. Màu sắc của vân đá này cũng vậy. Như hoa tai trang sức 7 thứ báu vật. Đất đai ở đây cũng vậy, tất cả đều bằng lưu ly, bằng phẳng mịn màng khả ái, có nhiều màu sắc đẹp. Nếu giẫm chân lên thì liền lún xuống, giở chân lên trở lại như cũ. Đất ở đây mềm nhuyễn như bông mịn màng, như bông vải. Cũng như vậy là núi đá Nan-đà, lúc đạp xuống thì lún chân, giở chân lên trở lại như cũ. Trong đó số đền đài không phải một, có đền bằng vàng có đền bằng bạc, pha lê lưu ly cũng vậy hoặc có 4 châu báu hợp thành. Các đền đài này đều là chỗ ở của các voi chúa. Ở giữa núi đá và ao hồ là nơi thắng cảnh có cây Nặc-cù-đề vương tên là Thiện Lập gốc rễ thân nhánh đầy đủ, hình dáng khả ái. Lá cây sum sê lâu không rụng gió mưa không xâm hại, như các thứ hoa trang sức cài đầu tinh xảo và các thứ hoa tai. Lại như dù che trên dưới, hình dáng cây này cũng vậy. Cây cao một do-tuần. Thân cây như cột, số đến 8 ngàn đều đâm thẳng xuống đất. Cho nên tên là Thiện Lập. Ở bên ngoài ao phía Tây Nam có những cảnh đẹp. Có cây Ta-la vương; tên Thiện Kiến; cành lá thân nhánh đều đầy đủ hình tướng khả ái, có lá sum sê lâu không rụng; gió mưa không xâm hại, như những tràng hoa tinh xảo người đời dùng cài tóc để trang điểm và các thứ hoa tai báu. Lại nữa hình dáng cây này như cây lọng che kín trên dưới. Cây cao 1 do-tuần, thân dưới to lớn và thẳng một nửa do-tuần mới có cành lá. Cây này

có đường kính 5 tầm, chu vi 15 tầm, nhánh ngang tỏa ra bốn phía nửa do-tuần. Ngoài cây này ra còn có rừng cây Ta-la, cao thấp lần lượt, bảy lần vây quanh, cành lá che nhau bên ngoài nhìn vào thấy như là một. Những hàng cây bên trong bao vây 13 tầm. Cứ như vậy lần lượt giảm đi một tầm. Lớp cây ngoài cùng bao vây 7 tầm. Lớp cây bên trong thật cao, bên ngoài thấp dần. Cây này hình tướng gốc rễ thân nhánh đều đầy đủ lại rất khả ái. Lá cây sum sê lâu không rụng, gió mưa không xâm hại, như người đời trang sức trang hoa cài tóc, tinh xảo như hoa tai ngọc báu. Cây này hình dáng giống như cây lọng che trên phủ dưới. Lá héo cành khô rơi xuống thì cây lại mọc kín. Nếu rơi ra ngoài rừng thì bốn bên đột xuất xuất hiện giống như cửa nhà. Đất ở dưới cây này được phủ cát vàng; nước hoa rải khắp, đốt các danh hương, rải các thứ hoa, treo các y báu. Ở dưới gốc cây này phủ đầy hoa Ta-la cùng các hoa khác khắp trên mặt đất, thật là vui thích.

Đây chính là nơi ở của voi chúa Lôu-xà-kì-lợi. Thân voi trắng tinh, bảy chi chống đất; 6 ngà đầy đủ, tùy ý biến hóa, có đại thần thông và đại oai đức.

Cứ mỗi lớp như vậy có 8 ngàn voi. Lớp thứ nhất là voi đực trắng. Lớp thứ hai là voi cái trắng. Lớp thứ ba là voi đực màu vàng. Lớp thứ tư là voi cái màu vàng. Lớp thứ năm là voi đực màu đỏ. Lớp thứ sáu là voi cái màu đỏ. Lớp thứ bảy là voi đực màu xanh. Lớp thứ tám là voi cái màu xanh. Ngoài ra voi đực voi cái màu đen thì không có trong các lớp trùng vây này.

Như vậy khi voi chúa muốn đến tắm nơi ao Mạn-đà- cơ-ni thì những con voi đen bên ngoài liền kéo nhau đi đến đó phòng vệ giữ gìn đường đi và bãi tắm.

Việc phòng bị xong rồi, bấy giờ voi chúa có các voi vây quanh đi đến ao. Các voi cái màu trắng vây quanh voi chúa xuống ao tắm, lấy nước ao kỳ cọ cho voi chúa nào rửa mặt nào rửa tai rồi khắp thân thể đều như vậy.

Trong khi voi chúa tắm, bày voi hái các loại hoa làm thành tràng hoa phụng dâng voi chúa. Hoặc làm hoa tai; hoặc xâu thả rũ, các thứ trang sức khác nhau trang điểm thân voi chúa.

Tắm xong từ ao lên bờ đến dưới cây Nặc-cù-đề hong cho thân khô ráo. Trong quá khứ chỗ này là nơi có một thợ săn đã bắn giết voi chúa. Nhân đây mà trong kinh Bản Sinh có nói rõ về chuyện xưa của Bồ-tát.

Bấy giờ các voi tùy theo màu sắc lần lượt xuống ao tắm. Tắm xong đến dưới cây vây quanh voi chúa. Voi màu đen xuống tắm sau cùng nhỏ lấy ngó sen rửa sạch sẽ rồi trở về dưới gốc cây. Voi đực đen chuyển đưa cho voi cái đen, voi cái đen chuyển đưa cho voi đực xanh, voi đực xanh chuyển đưa cho voi cái xanh, voi cái xanh chuyển đưa cho voi đực đỏ, voi đực đỏ chuyển đưa cho voi cái đỏ. Voi cái đỏ chuyển đưa cho voi đực màu vàng, voi đực màu vàng chuyển đưa cho voi cái màu vàng, voi cái màu vàng chuyển đưa cho đực màu trắng, voi đực màu trắng chuyển đưa cho voi cái màu trắng, voi cái màu trắng chuyển đưa cho voi chúa lớn ăn. Voi chúa ăn xong lấy chỗ ngó sen còn lại lần lượt theo thứ tự phân chia ra cho bày voi. Chỉ voi đen, nếu ăn không đủ thì sai voi đen đến ao hái để ăn cho được đầy đủ. Voi đen chỉ ăn ở ao.

Các voi này ăn ngó sen xong thì thành thân 7 phần. Nếu ăn cỏ cây lá cây thì thành ra phân nước tiểu đều cho voi đen làm thải trừ hay tổng thực cũng vậy.

Voi chúa trắng này 4 tháng ở núi Nan-đà Xuân Đông 8 tháng thì ở dưới cây Ta-la vương Thiện Kiến. Sau đó voi chúa lại cũng thường ở tại núi Nan-đà này; ban ngày thì qua ở tại cây Ta-la vương Thiện Kiến, tắm rồi ăn; tất cả đều ở dưới cây Nặc-cù-đề.

Vì sao biết ?

Xưa kia khi Tịnh mạng đại trí Xá-lợi-phất thân mang bệnh phong. Y sư bảo rằng: Bệnh này của Đại-đức chỉ có thể trị bằng ngó

sen. Bấy giờ có Tịnh mạng thần thông Mục-liên vào thuở xa xưa đã thấy ngó sen này, Đại-đức này liền nói như thế này :

Tôi sẽ qua đó để lấy ngó sen đem về đây. Mục-liên tức thời dùng thần thông qua núi Kim Biên và suy nghĩ rằng: Voi chúa này có thần thông lớn và oai đức lớn, có tâm kiêu mạn, cho nên quyết làm cho voi chúa sợ hãi.

Mục-liên liền hóa thân như một voi lớn, thân cao to gấp đôi voi kia. Lại còn hóa làm bảy voi quỳn thuộc thân hình cũng to lớn gấp đôi vây quanh voi chúa, từ trên không bay xuống. Voi chúa trắng thấy sự việc này rồi, tâm hoài nghi sợ hãi, lông lá đều dựng ngược, nghĩ rằng: Có voi chúa khác, ở xứ khác đến, thần thông oai đức thân hình đều hơn ta, nay sẽ chiếm đoạt nơi ở của ta. Ngay lúc ấy Tịnh mạng Đại Mục-kiền-liên biết được sự sợ hãi này, thấy tướng khác thường, liền xả thần thông đã hiện các biến hóa rồi ngồi kết già ở một nơi khác.

Voi chúa trắng thấy việc ấy rồi liền suy nghĩ rằng: Không có voi chúa nào khác mà là vị Đại Tì-kheo này. Lúc ấy voi chúa tự hóa thân làm một Đồng tử cõi trời, cánh tay trang sức các của báu cõi trời, đầu đội mão trời, trên thân trang sức hoa tai, chuỗi ngọc.

Trong lúc Mục-kiền-liên đang ngồi tĩnh tọa thì Thiên Đồng tử yên lặng chấp tay, 5 vóc gieo xuống đất, kính lễ Đại-đức.

Bấy giờ Mục-liên nói với voi chúa rằng: Trưởng lão voi chúa ! Ngài có thần thông oai đức khó sánh kịp.

Voi chúa đáp: Đại-đức ! Tôi là súc sinh, có thần lực gì đâu, lại không có oai đức. Thánh sư đến đây có ý muốn gì ?

Mục-liên đáp: Ta muốn có ngó sen.

Voi chúa liền bảo voi đen: Người hãy đi lấy ngó sen như ý của Đại-đức.

Voi đen liền xuống ao lấy ngó sen, rửa sạch, rồi dùng một con voi chở ngó sen lên lưng theo Đại Mục-liên bay lên hư không mà đi. Khi Mục-liên đến rồi các Tì-kheo kia liền được ngó sen này. Cho nên từ xưa đến nay nơi này được gọi là nơi voi xuống, cũng có tên là nơi gửi ngó sen, cũng có tên là nơi nhận ngó sen.

Đại-đức Xá-lợi-phất ăn ngó sen này rồi bệnh liền tiêu trừ. Từ khi Xá-lợi-phất hết bệnh cho đến Bát-niết-bàn thân không bệnh nữa. Các Tì-kheo đã ăn ngó sen này rồi cho biết ngó sen có dáng khả ái, vị nó nhiều đậm đặc, không cay đắng; giống như mật ong, cọng tròn dài lớn độ một thước. Mỗi cọng như vậy nước tiết ra đầy một bình bát.

Có các Tì-kheo khác dùng thần thông đến bên núi Kim Biên kia đã thấy sự việc về lại đây nói như vậy.

Bấy giờ Thế Tôn vì các Tì-kheo mà nói nhân duyên này; cho nên biết được sự việc như vậy.

## **Phẩm 6 : BỐN THIÊN HẠ**

Bấy giờ Phật nói: Thiên hạ có 4: một là Diêm-phù-đề, hai là Tây Cù-da-ni, ba là Đông Phát-vu-đãi và bốn là Bắc Uất-đan-việt.

Lúc ấy có Tì-kheo bạch Phật rằng:

Kính bạch Thế Tôn ! Nơi Diêm-phù-đề này đất đai có to lớn không ?

Phật bảo Tì-kheo: Diêm-phù-đề lớn, biên giới phía Đông 2 ngàn do-tuần, Tây Bắc hai bên cũng đều 2 ngàn do-tuần. Biên giới phía Nam chỉ 3 do-tuần. Chu vi 6 ngàn 3 do-tuần. Mặt bằng như xe và tất cả chúng sinh ở nơi ấy mặt giống với mặt đất. Nơi Diêm-phù-đề có đầy đủ sông núi. Ở giữa núi sông là các quốc gia.

Bấy giờ Tì-kheo bạch Phật:

Thế Tôn ! Tây Cù-da-ni hình thể lớn chăng ?

Phật bảo Tì-kheo: Tây Cù-da-ni lớn. Rộng 2 ngàn 3 trăm 33 do-tuần. Lại mỗi do-tuần chia ra một phần ba. Chu vi 7 ngàn do-tuần. Địa hình khối tròn không có núi mà có sông. Ở giữa các sông này là các quốc gia; nhân dân giàu có an lạc, không có trộm cướp, nhiều người hiền lành đầy khắp các nơi.

Khi ấy Tì-kheo lại bạch:

Thế Tôn ! Đông-phát-tì-đề địa hình lớn nhỏ ?

Phật bảo Tì-kheo: Đông-phát-tì-đề lớn. Rộng 2 ngàn 3 trăm 33 do-tuần. Lại mỗi do-tuần chia một phần ba. Chu vi 7 ngàn do-tuần. Địa hình là khối tròn như mặt trăng, có nhiều núi, chỉ có một con sông. Ở giữa các núi ấy là các quốc gia, nhân dân giàu có an lạc, không có trộm cướp, nhiều người hiền lành, đầy khắp các nơi. Tất cả các núi đều là vàng báu. Những dụng cụ làm nông đều bằng vàng ròng. Một trong các con sông ấy tên là Tát-xà. Bờ sông trông rất đẹp mắt. Tịnh mạng Tân-đầu-lô lập Tăng Già-lam ở bên bờ sông ấy.

Vì sao biết được sự việc này ?

Xưa ở nước Ba-la-nại có một Tì-kheo và một Sa-di đều có thần thông từ Ba-la-nại qua Đông Tì-đề hạ xuống. Lúc ấy Sa-di này lấy một viên đá muốn để mài kim, liền mang đá ấy về lại Ba-la-nại để ở trong chùa, đêm đó đá phóng ra ánh sáng lớn. Khi ấy Tì-kheo hỏi Sa-di rằng:

Con có lấy vật gì nơi kia đem về đây không ?

Đại đức ! Con có đem về một viên đá để làm đá mài dao cạo tóc và mài kim may vá.

Tì-kheo liền bảo Sa-di rằng:

Con hãy đem đá ấy trả lại cho nước kia.

Lúc ấy Sa-di theo lời Tì-kheo nói, liền đem đá ấy ném vào dòng nước sâu của sông Ba-la-nại. Liền khi ấy dòng sông kia lại phóng ra

ánh sáng lớn. Tất cả rùa cá các loài thủy tộc đều hiện rõ. Nhân dân nước ấy tranh nhau đến xem đầy dẫy đầy chật ngõ hẻm không có chỗ vào cửa được. Tất cả đều nghĩ là rồng hiện thân thông.

Bấy giờ Tì-kheo cùng Sa-di buổi sáng vào thành khát thực, thấy người ta tụ tập vô số bên bờ sông, cửa thành bít lối, thật khó vượt qua, bèn hỏi Sa-di rằng:

Trước đây con đem đá bỏ ở đâu ?

Sa-di đáp:

Đại đức ! Con đã quăng hòn đá ấy vào sông sâu rồi.

Tì-kheo lại bảo Sa-di:

Con hãy lấy hòn đá ấy đem trả lại chốn cũ.

Sa-di liền theo lời dạy và đến trước chỗ mọi người đang xem lặn sâu xuống nước mà lấy hòn đá ấy. Áo quần không ướt rồi phóng lên hư không bay đi, mang trở lại chỗ cũ.

Các Tì-kheo qua nước ấy về nhiều vô số vô lượng đều nói như vậy.

Bấy giờ Thế Tôn vì các vị Tì-kheo mà nói nhân duyên này. Cho nên được biết.

Bấy giờ Tì-kheo bạch Phật:

Thế Tôn ! Đất nước Bắc Uất-đan-việt lớn nhỏ thế nào ?

Phật bảo Tì-kheo: Bắc Uất-đan-việt lớn. Biên giới phía Đông dài 2 ngàn do-tuần, phía Tây cũng 2 ngàn do-tuần. Phía Nam Bắc cũng vậy. Chu vi 4 bên là 8 ngàn do-tuần. Chung quanh có thành núi bằng vàng bao bọc và đất toàn bằng vàng ròng. Ngày đêm thường sáng sủa.

Đất của Uất-đan-việt này có 4 đức: một là bình đẳng, hai là tịch tĩnh, ba là tinh khiết và bốn là không gai góc.



Nói bình đẳng là ở nước kia không có hầm hố, cũng không có hang động, không nghiêng lệch, không có chỗ cao thấp, không bùn đất lầy lội cho nên gọi là bình đẳng.

Nói tịch tĩnh nghĩa là trong nước kia không có các giống sư tử, hổ báo, gấu, rắn độc, trùng độc hại người cho nên gọi là tịch tĩnh.

Nói tịnh khiết nghĩa là ở trong nước kia không có tử thi của người, xác chết của rắn, xác chết của chó những vật bất tịnh. Người trong nước đó khi đi đại tiểu tiện mặt đất nứt ra thu nhận rồi khép lại nên có tên là tịnh khiết.

Nói không gai góc nghĩa là nước kia không có cây có gai nhọn, không có cây có mùi hôi cho nên gọi là không gai góc. Trong nước đó có cỏ tên là Xa-tì màu xanh đậm hình dáng thật dễ thương giống như lông cổ con chim công, chạm đến thật mịn màng như áo Ca-chân-lân. Áo Ca-chân-lân nghĩa là áo không thể nhiễm ô, mùa hạ mặc mát, mùa đông mặc ấm. Lại như áo A-thời-na đốt không cháy. Cỏ ấy mềm mại cũng giống như vậy. Ở đây cỏ Xa-tì phủ khắp mặt đất; bốn mùa không mọc dài không điều tàn luôn chỉ 4 tấc.

Các con sông của nước này có nước tám công đức. Bờ bãi và đáy sông đều toàn là cát vàng. Nước chảy đều đặn không tăng giảm. Bờ đê bằng vàng kiên cố, không bao giờ sụp đổ. Phật nói như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Tì-kheo: Chim Già-lâu-la ở trong bốn châu. Ở giữa 2 châu Đông Phát-tì-đề và Nam Diêm-phù-đề thì có châu Già-lâu-la. Giữa Nam Diêm-phù-đề và Tây Cù-da-ni có châu Già-lâu-la. Ở giữa châu Cù-da-ni và Bắc Uất-đan-việt có châu Già-lâu-la. Phía Tây Cù-da-ni và phía Bắc Uất-đan-việt có châu Già-lâu-la. Phía Bắc Uất-đan-việt và phía Đông Phát-tì-đề có châu Già Lâu La là những châu có chim chóc, chu vi một ngàn do-tuần. Châu này hình khối tròn. Tất cả đều là rừng song mây Phù lưu và có chim Già-lâu-la ở trong rừng này. Ngoài châu ấy là nước, và là nơi rỗng ở. Rỗng ở tụ nơi đây giống như chim kia chứa thức ăn uống, khi đói lấy ăn.

Chim Ca-lâu-la có tất cả 4 loại: Một là hóa sinh, hai sinh nơi ẩm ướt, ba là sinh trứng, bốn là sinh thai. Tất cả loài rồng cũng có 4 loại sinh. Hóa sinh Ca-lâu-la có thể ăn 4 loại rồng. Thấp sinh Ca-lâu-la ăn 3 loại rồng trừ rồng hóa sinh. Noãn sinh ăn 3 loại khác ăn hai loại sau. Thai sinh ăn 3 loại khác ăn 1 loại sau.

Khi chim ăn 2 cánh xòe ra quạt nước tung lên 50 do-tuần. Nhân đó bắt rồng đem lên trên cây mà ăn. Chim ăn còn thừa giống như xương voi rơi ngổn ngang trên mặt đất cho nên 4 châu thường có mùi hôi.

Giữa 2 châu Đông Phát-tì-đề và Nam Thiệm-bộ có châu chim Ca-lâu-la ở. Nơi ấy có cây tên là Khúc Thâm Phù Luru, gốc rễ thân nhánh đều đủ, hình dáng khả ái, lá cây rậm rạp lâu không tàn, mưa gió không xâm nhập. Cũng giống như những đồ trang sức tinh xảo ở đời như tràng hoa và các đồ đeo tai. Như những cây dù lọng che từ cao đến thấp, hình tướng cây ấy cũng giống như vậy. Cây cao 100 do-tuần, gốc cây to bằng 50 do-tuần, nhánh lá tỏa ra 4 phía che rợp 100 do-tuần. Gốc cây phía dưới đường kính 5 do-tuần chu vi 15 do-tuần.

Ca-lâu-la vương tên là Tì-na-đê-da ở trên cây này và Đại Long vương tên là Ma-na-tur muốn cùng vua chim chơi đùa xuất hiện ra rừng Phù Luru. Khi ấy vua chim bắt rồng này để trên cành cây, mà vua rồng thì quá lớn lại biến hóa có thể làm cho thân dài ra. Thế nên vua chim lại nắm lấy rồng bắt trở lại cây. Thân rồng dài bao khắp cả cây. Rồng nặng nên làm cây gãy ra từng khúc. Lúc ấy vua chim biết sự việc rồi thả rồng ra suy nghĩ: Con rồng Ma-na-tur này làm hỏng chỗ ta ở. Khi ấy vua chim Tì-na-đê-da khởi tâm sân hận, lui về ở một nơi khác thăm ôm sầu não : Rồng Ma-na-tur có thể mạnh hơn ta.

Bấy giờ vua rồng lại biến thành một Đờng tử trên trời, dùng vàng báu cỡi trời trang sức nơi 2 tay; đội mào trời, đeo hoa tai, toàn thân trang sức chuỗi ngọc, đến chỗ vua chim ở mà nói rằng:

Này bạn hiền ! Người có việc chi ưu sầu khổ não mà ở riêng một mình trong lòng không an ?

Vua chim trả lời: Ta bị rồng Ma-na-tur, làm hỏng chỗ ở của ta.

Đồng Tử đáp: Này bạn hiền ! Người lại có thể ăn thịt rồng đó sao ? Làm hỏng chỗ ở của người mà còn khổ não thì với quyền thuộc của rồng khổ não đến thế nào ? Nếu người còn bắt rồng thì chắc chắn chỗ ở của người sẽ không thành.

Thế rồi 2 vua rồng và vua chim cùng thề với nhau vĩnh viễn là bạn lành của nhau không tổn hại nhau. Vì nhân duyên ấy cây này tên là Khúc Thâm Phù Lưu.

Trong 4 cõi Thiên hạ và 4 châu có chim, đất này lớn nhất cho nên nay nói. Còn mỗi mỗi châu như 8 châu bao vây quanh là Ngưu Châu, Dương Châu, Già Tử Châu, Bảo Châu, Thần Châu, Hàu Châu, Tượng Châu, Nữ Châu. Còn 7 châu kia cũng như vậy. Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói, tôi nghe như vậy.

## Phẩm 7 : SỐ LƯỢNG

Bấy giờ Phật bảo Tì-kheo Phú-lâu-na:

Đất đai thế giới này hình khối tròn như mâm đèn đồng, như bàn xoay của thợ đồ gốm. Thế giới này cũng như vậy, giống như mâm đèn ngoài biên nhô lên là núi Thiết Vi. Giống như chính giữa mâm đèn nhô cao lên, như giữa thế giới này có núi chúa Tu-di vậy. Núi Tu-di này do 7 thứ báu hợp thành, hình sắc khả ái, bốn góc ngay ngắn. Ví như người thợ mộc giỏi khéo dùng dây dọi ống mực để dựng trụ cột vuông vắn thẳng ngay thế nào thì núi Tu-di cũng vậy. Phân nửa chìm vào trong nước 8 vạn do-tuần và phân nửa nhô lên mặt nước cũng 8 vạn do-tuần. Chung quanh 4 phía này một bên 8 vạn do-tuần. Chu vi 32 vạn do-tuần. Biển lớn tận cùng bên trong gọi là biển Tu-di. Biển này sâu 8 vạn do-tuần, rộng 4 vạn do-tuần, một bên dài 16 vạn do-tuần. Chu vi 64 vạn do-tuần.

Ngoài biển có núi, tên gọi là Càn-đà; núi này ngầm dưới biển 4 vạn do-tuần và nhô khỏi mặt nước cũng vậy. Bề rộng cũng 4 vạn do-tuần. Núi ấy một cạnh dài 24 vạn do-tuần. Chu vi là 96 vạn do-tuần. Phía bên ngoài biển này cũng có núi tên là Càn-đà, sâu 4 vạn do-tuần, rộng cũng như vậy. Một bên dài 32 vạn do-tuần. Chu vi 1 trăm 28 vạn do-tuần.

Ngoài biển có núi tên I-sa-đà; ngầm sâu trong biển 2 vạn do-tuần và nhô lên khỏi mặt biển cũng vậy, rộng cũng vậy. Một bên dài 36 vạn do-tuần. Chu vi 1 trăm 44 vạn do-tuần.

Ngoài núi có biển cũng tên I-sa-đà sâu 2 vạn do-tuần, rộng cũng như vậy. Một bên dài 40 vạn do-tuần. Chu vi 1 trăm 60 vạn do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên Ha-la-trí ngập sâu trong nước 1 vạn do-tuần và nhô khỏi nước cũng vậy, chiều rộng cũng vậy. Một bên 44 vạn do-tuần. Chu vi 1 trăm 76 vạn do-tuần.

Ngoài núi lại có biển, cũng có tên Ha-la-trí sâu 1 vạn do-tuần, rộng cũng như vậy. Một cạnh dài 36 vạn do-tuần. Chu vi 1 trăm 84 vạn do-tuần.

Ngoài biển lại có núi, tên là Tu-đăng-ta, sâu trong nước 5 ngàn do-tuần, nhô lên khỏi mặt nước cũng như vậy, rộng cũng như vậy. Một bên dài 47 vạn do-tuần. Chu vi 1 trăm 88 vạn do-tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên Tu-đăng-ta sâu 5 ngàn do-tuần rộng cũng như vậy. Một bên dài 48 vạn do-tuần. Chu vi là 1 trăm 92 vạn do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên là A-sa-can-na sâu trong nước 2 ngàn 5 trăm do-tuần, nhô ra khỏi biển cũng vậy, rộng cũng như vậy. Một bên dài 48 vạn 5 ngàn do-tuần. Chu vi 1 trăm 94 vạn do-tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên là A-sa-can-na sâu 2 ngàn 5 trăm do-tuần, rộng cũng như vậy. Một bên dài 49 vạn do-tuần. Chu vi 1 trăm 96 vạn do-tuần.

Ngoài biển lại có núi, tên là Tì-na-đa sâu trong nước 1 ngàn 2 trăm 50 do-tuần, nhô ra khỏi nước cũng như vậy, rộng cũng vậy. Một bên dài 49 vạn 2 ngàn 5 trăm do-tuần. Chu vi 1 trăm 97 vạn do-tuần.

Ngoài núi lại có biển, cũng tên Tì-na-đa, sâu 1 ngàn 2 trăm 50 do-tuần, rộng cũng như vậy. Một bên dài 49 vạn 5 ngàn do-tuần. Chu vi 1 trăm 98 vạn do-tuần.

Ngoài biển lại có núi, tên là Ni-dân-đa sâu dưới nước 6 trăm 25 do-tuần nhô lên mặt nước cũng như vậy, rộng cũng như vậy. Một bên dài 49 vạn 6 ngàn 2 trăm 50 do-tuần. Chu vi 1 trăm 98 vạn 5 ngàn do-tuần.

Ngoài núi lại có biển cũng tên Ni-dân-đa, sâu 6 trăm 25 do-tuần, rộng cũng như vậy. Một bên dài 49 vạn 7 ngàn 5 trăm do-tuần. Chu vi 1 trăm 99 vạn do-tuần.

Ngoài biển lại có núi tên Thiết Vi, sâu dưới nước 3 trăm 12 do-tuần ruổi, nhô lên khỏi mặt nước cũng như vậy, rộng cũng như vậy. Chu vi 36 ức 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần.

Từ phía núi Ni-dân-đa cho đến núi Thiết Vi là 3 ức 6 vạn 3 ngàn 2 trăm 88 do-tuần. Từ biển Ni-dân-đa đến núi Thiết Vi là 3 ức 6 vạn 2 ngàn 6 trăm 63 do-tuần. Từ phía Nam của Diêm-phù-đề đến núi Thiết Vi là 3 ức 6 vạn 6 trăm 63 do-tuần. Từ giữa Diêm-phù-đề đến phía giữa Tây Cù-da-ni là 3 ức 6 vạn 6 ngàn do-tuần. Từ phía Bắc của Nam Diêm-phù-đề đến phía Bắc của Bắc Uất-đan-việt là 4 ức 7 vạn 7 ngàn 5 trăm do-tuần. Từ phía cực Tây của mé nước núi Thiết Vi có nước bao bọc độ 12 ức 2 ngàn 8 trăm 25 do-tuần. Nước chung quanh núi Thiết Vi chu vi là 46 ức 8 ngàn 4 trăm 75 do-tuần. Từ trên đỉnh núi Tu-di bên này đến bên kia đỉnh Tu-di là 12 ức 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần. Từ giữa núi Tu-di này đến giữa núi Tu-di kia là 12 ức 8 vạn 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần. Từ chân núi Tu-di này đến chân núi Tu-di kia là 12 ức 3 ngàn 15 do-tuần.

Nghĩa này Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

## Phẩm 8 : CÔI TRỜI

Phật bảo Tì-kheo: Núi chúa Tu-di này gồm 4 phía Đông Tây Nam Bắc.

Phía Đông được tạo thành bằng vàng ròng; phía Tây bằng bạc, phía Bắc bằng lưu ly, phía Nam bằng pha lê. Ở tất cả các phía đều có những vật báu làm thành. Núi Tu-di có 7 đức tính tối ưu. Ở trên đỉnh núi, ngay giữa thì bằng phẳng, là nơi đẹp hơn cả. Đó là thành Thiện Kiến của trời Đao-lợi. Chu vi 4 phía là 10 ngàn do-tuần. Thành toàn bằng vàng bao bọc chung quanh cao 1 do-tuần. Trên thành có tướng thấp, cao nửa do-tuần, cổng cao 2 do-tuần. Ngoài có cổng 2 lớp cao 1 do-tuần rưỡi. Mỗi mỗi do-tuần đều có cổng.

Bốn mặt thành có hàng ngàn cửa lâu. Các cửa thành này làm toàn bằng các thứ báu, trang sức các thứ ngọc ma-ni. Ví như đất phía Bắc đẹp như tấm thảm dệt, nào hình người, phi nhân, rồng, thú, cỏ cây và các loại hoa đều đầy đủ, lại như hoa tai trang sức đủ các thứ báu. Các cổng thành cũng như vậy, hoặc có tất cả tướng chúng sinh, các loại cây cỏ, tạp hoa trang sức bên ngoài. Phía bên cổng thành thì trang nghiêm những đội quân voi, quân ngựa, quân xa. Trụ tại cổng thành có các Thiên tử mặc giáp cầm binh trượng tụ tập trong đó để giữ nước, hoặc muốn đi thăm viếng, hoặc để cho tôn nghiêm.

Bốn phía ngoài thành có 7 lớp rào báu bao vây chung quanh. Phía sau cùng làm toàn bằng vàng, đến bằng bạc, thứ ba bằng lưu ly; thứ tư là pha-lê. Ba lớp phía ngoài lấy các thứ báu làm gốc. Phía ngoài 7 lớp là 7 hàng cây Đa-la vây bọc.

Cây cuối cùng lấy vàng làm gốc, tiếp đến là bạc, thứ ba là lưu ly, thứ tư pha-lê. Ngoài 3 lớp này, thì lấy các thứ quý giá làm căn bản. Cây Đa-la bằng vàng thì dùng các báu như bạc, lưu ly, pha-lê làm hoa lá và quả cũng vậy. Cây Đa-la bằng bạc thì dùng vàng ròng, lưu ly, pha-lê làm hoa lá và quả cũng vậy. Cây Đa-la bằng lưu ly thì

dùng vàng, bạc, pha-lê làm hoa lá. Cây Đa-la bằng pha lê thì dùng vàng, bạc, lưu ly làm hoa lá.

Ngoài ba lớp hoa lá quả đều là các báu tạo thành. Cây Đa-la này khi gió nhẹ thổi động phát ra những âm thanh vi diệu có thể làm cho chúng sinh khởi lên 5 thứ trói buộc : Một là sinh tâm yêu thích, hai là khởi trói buộc, ba là khởi mê loạn, bốn là sinh chấp trước, năm là không chán lia. Giống như 5 phần âm nhạc, như nhạc sư giỏi cùng tấu lên nhạc 5 âm, có thể khiến chúng sinh khởi 5 thứ dục tâm. Âm thanh của cây này cũng như vậy. Giữa 7 hàng cây ấy nơi nơi đều có những ao hoa báu. Ngang dọc một trăm cung cầu vòng, đầy cả nước trời, 4 thứ báu làm gạch, đáy ao bờ ao toàn làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Bốn bên hồ này dùng gạch 4 thứ báu làm bậc cấp. Ở mỗi ao như vậy đều có vô lượng hoa do 5 thứ báu làm thành là vàng, bạc, lưu ly, pha-lê-kha, kha-lê-đa. Ở trong những ao này có 4 thuyền báu nổi trên mặt nước là vàng, bạc, lưu ly và pha lê.

Lại có đủ 8 thứ phương tiện du hí trên nước: một là thủy lâu, hai là hòm bằng 7 báu đựng nước tắm, ba là đồ đánh nước để tạo ra âm nhạc, bốn là chỗ nước cạn để vui chơi, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là vòng báu của vịt nước, tám là lầu dây văng, quay tròn trong đó nam nữ chư thiên đi thuyền dạo chơi. Trong lúc đó thuyền nhanh chậm tùy theo tâm mình muốn. Nam nữ chư thiên tác ý muốn đi thuyền, thuyền liền đến. Nếu chư thiên có ý muốn hái hoa kia thì hoa liền đến. Do quả báo, tự nhiên nổi gió thổi các thứ hoa rải khắp chư thiên. Lại có loại gió đặc biệt thổi những tràng hoa để trang nghiêm nơi thân và cổ, hoặc làm thành mũ đội đầu, hoặc làm chuỗi anh lạc, hoặc làm nên những đồ trang sức nơi cánh tay, cho đến thắt lưng hoặc cổ chân.

Bốn bên bờ ao có 5 thứ cây báu: một bằng vàng, hai bằng bạc, ba bằng lưu ly, bốn bằng pha-lê-kha, năm bằng kha-lê-đa. Giữa các hàng cây đều có những đèn đài bằng 5 thứ báu làm thành. Chư thiên

nam nữ sống ở trong đó. Ở bên ngoài thành có nhiều chư thiên khắp trong nước. Bên ngoài cây Đa-la có 3 lớp hào báu. Mỗi lớp hào rộng 2 do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, dưới rộng trên hẹp như hình miệng hồ. Ở nơi hào này nước trời đầy khắp và lại do 4 thứ gạch báu tạo thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Ở 4 bờ hào này cũng do 4 thứ gạch báu tạo thành bậc cấp. Mỗi mỗi hào lại có vô lượng hoa 4 thứ báu. Lại có 4 thứ thuyền báu nổi trên ấy, đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành.

Lại có đủ 8 thứ phương tiện du hý trên nước: một là thủy lâu, hai là hòm bằng 7 báu đựng nước tắm, ba là đồ đánh nước để tạo ra âm nhạc, bốn là chỗ nước cạn để vui chơi, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là vòng báu của vọt nước, tám là lầu dây văng, quay tròn trong đó nam nữ chư thiên đi thuyền dạo chơi. Trong lúc đó thuyền nhanh chậm tùy theo tâm mình muốn. Nam nữ chư thiên tác ý muốn đi thuyền, thuyền liền đến. Nếu chư thiên có ý muốn hái hoa kia thì hoa liền đến. Do quả báo, tự nhiên nổi gió thổi các thứ hoa rải khắp chư thiên. Lại có loại gió đặc biệt thổi những tràng hoa để trang nghiêm nơi thân và cổ, hoặc làm thành mũ đội đầu; hoặc làm chuỗi anh lạc; hoặc làm nên những đồ trang sức nơi cánh tay, cho đến thất lung hoặc cổ chân.

Cũng như vậy, ở giữa hào là các đền đài là nơi ở của chư thiên thể nữ. Khoảng giữa các đền đài có bố trí các vạc báu lớn. Trong mỗi vạc như vậy đều trồng các thứ cỏ hoa có 5 màu khác thường, đều xếp thành hàng. Nơi 3 lớp hào này có cây 7 báu bao bọc chung quanh, gồm có vàng, bạc, lưu ly, pha lê, màu quý hoa sen, ốc, đá, kha-lê-đa v.v... Ở trong rừng cây nơi nơi đều có ao hoa 7 báu. Nước trời sung mãn cho đến những thuyền báu dạo chơi và các đền đài là nơi ở của nam nữ Thiên chúng. Có nhiều chư thiên ở khắp cả nước như trên đã nói.

Lúc ấy 7 hàng cây báu ở phía ngoài hào nở 7 cảnh hoa bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê cho đến kha-lê-đa v.v..



Ở trong rừng ấy các Thiên nữ hoan ca tấu nhạc, vô lượng Thiên tử từ thành lớn ra, vào rừng xem nghe. Rồi ở trong thành ấy các Thiên tử cũng vui ca tấu nhạc. Các Thiên nữ bên ngoài cũng vào thành xem nghe. Nhân đó lui tới vui chơi. Thành lớn này chia làm bốn phần. Ở giữa thành bằng vàng là nơi ở của Đế Thích, 12 do-tuần, mỗi mỗi đều có cổng, 4 phía có 4 trăm 99 cửa, lại có 1 cửa nhỏ. Như vậy thành có tất cả 500 cửa. Thành được vệ binh canh giữ 4 bên. Bên bờ hào có các thứ cây, ao, rừng, cung điện để hát xướng vui chơi du hí, tất cả đều trang nghiêm đẹp đẽ như trước đã nói.

Ở giữa thành này là nơi ở của Thích Đề Hoàn Nhân. Lầu báu nhiều tầng gác, tên là Bì-thiên-diên-đa, dài 500 do-tuần, rộng 2 trăm 50 do-tuần, chu vi 1 ngàn 5 trăm do-tuần, cột cao 9 do-tuần đều làm bằng bốn thứ báu. Một là bằng vàng, hai bằng bạc, ba bằng lưu ly, bốn bằng pha lê. Gạch đế chân cột làm bằng 4 thứ báu. Lầu này 4 phía đều có 4 bậc cấp. Tất cả các bờ tường đều làm bằng 4 thứ báu. Cả 3 tầng đều có bao bọc chung quanh. Tầng một bằng vàng, tầng hai bằng bạc, tầng ba bằng lưu ly. Ở mỗi mỗi tầng đều có 3 lớp chuông linh, khi gió thổi động tạo ra tiếng hay, giống như 5 phần âm nhạc. Như trước có nói tiếng cây Đa-la có thể làm cho chúng sinh khởi lên ngũ dục trời buộc. Tòa lầu gác này 4 bên đều có lầu khước địch. Phía Đông có 36. Ba mặt mỗi nơi 25. Tất cả là 101 sở, mỗi mỗi lầu khước địch vuông 2 do-tuần, chu vi 8 do-tuần. Trên mỗi lầu khước địch lại có lầu báu cao nửa do-tuần để làm lầu quan sát. Cứ mỗi lầu khước địch có 7 Thiên nữ và mỗi mỗi Thiên nữ đều có 7 thể nữ. Bên trong các lầu gác có 7 vạn 7 trăm phòng. Mỗi phòng có 7 Thiên nữ; mỗi mỗi Thiên nữ cũng có 7 thể nữ. Các Thiên nữ đều là chính phi của Đế Thích. Các khước địch bên ngoài và các phòng bên trong này có đến 4 ức 9 vạn 4 ngàn 9 trăm. Chính phi có 34 ức 6 vạn 4 ngàn 3 trăm. Thể nữ phi và thể nữ hợp lại là 39 ức 5 vạn 9 ngàn 2 trăm.

Tòa nhà tròn nơi chính giữa trên cùng nhiều tầng lầu gác của Bi-thiên-diên rộng đến 30 do-tuần, chu vi 90 do-tuần, cao 45 do-tuần. Đây là chỗ ở của Thích Đề Hoàn Nhân. Tất cả do lưu ly làm thành. Đất đai đều mềm mại, toàn là những đồ quý báu giống như đất ở phía Bắc được trang trí như những tấm thảm đẹp đẽ. Người và phi nhân, rồng, thú, cỏ, cây cho đến các loài hoa xen tạp không có gì nơi đây không đủ. Lại cũng có những đồ quý giá trang sức như hoa tai rất nhiều. Nơi ở của Đế Thích cũng như vậy. Tất cả đều do lưu ly làm thành các báu trang nghiêm. Đất đai ở đây mịn màng. Chân đạp lên đất liền lún xuống và khi giở chân lên thì trở lại như cũ, giống như bông tơ mịn, như bông vải Đâu-la-miên. Nơi ở của Đế Thích cũng như vậy. Chân xuống liền chìm và khi giở chân thì nổi lên. Các loại hoa bay khắp nơi, hương xông tỏa khắp, treo các áo trời cùng các tràng hoa báu. Thích Đề Hoàn Nhân cùng với các xá-chỉ A-tu-la nữ cùng ở đó. Đế Thích hóa thân cùng ở với các hậu phi. Tất cả các hậu phi đều nghĩ rằng Đế Thích đang sống với ta. Chân thân của Đế Thích đang ở cùng ta.

Trụ xứ 4 bên trong nội thành có đường đi, phố xá, chợ búa tất cả đều ngay thẳng. Các thành này có nơi có 4 nhà tương ứng nhau, có nơi nhiều nhà nhọn cao tầng, có nơi nhiều lầu cao tầng, có nơi nhà cửa chọc lên mây, có nơi 4 bên là khước địch, tùy theo phúc đức mà các thứ báu được tạo thành, ngay thẳng đoan chính.

Đường ở Thiên thành có đến số 500, lối đi thông nhau, hàng nào hàng nấy rõ ràng như đường bàn cờ. Bốn cửa thông nhau, Đông Tây có thể thấy nhau. Phố xá chất đầy hàng hóa. Chợ đầu tiên là chợ bán lúa gạo, chợ thứ 2 bán y phục, chợ thứ 3 bán các hương thơm, chợ thứ 4 bán đồ ăn uống, chợ thứ 5 bán tràng hoa, chợ thứ 6 bán đồ nghề, chợ thứ 7 là chợ dân nữ. Chợ nào cũng có hàng quán và ở trong chợ thì Thiên tử, Thiên nữ tới lui mua bán, trả giá mắc rẻ, kèo nài thêm bớt, tính toán cân đo đủ các cách mua bán. Tuy làm việc ấy nhưng chỉ cốt vui chơi, không lấy không cho, không có tâm thuộc về

mình, phải thoát khỏi sự ham muốn mới ra đi. Nếu nghiệp phù hợp thì tùy ý mà lấy. Nếu nghiệp không phù hợp thì nói: Vật này quý giá, không phải của tôi.

Bốn bên vệ đường được bố trí voi, ngựa, xe, binh lính và các Thiên tử có mặt trong đó, hoặc để bảo hộ, hoặc để vui chơi, hoặc để cho tôn nghiêm. Những đường đi trong chợ tất cả đều bằng lưu ly, mịn láng khả ái, đều do các thứ báu làm thành, giống như đất phía Bắc như những tấm thảm mềm mại được trải ra vậy. Rong, thú, hoa, cỏ đều như trước đã nói. Cho đến xông hương rải hoa cùng treo Thiên y cũng như vậy.

Lại ở các nơi có dựng tràng phan và ở trong đại thành không ngớt nghe các âm thanh như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ốc, tiếng Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trùng-già, tiếng kèn lá, tiếng âm nhạc. Lại cũng có những lời nói như : Hay thay hãy đến đây ! Hay thay hãy đến đây ! Mời ăn uống ăn uống, ta nay xin cúng dường. Đó là thành lớn Thiện Kiến, nơi trụ xứ của Đế Thích.

Lại nữa, trời cũng có châu, quận, huyện và thôn xã. Chu vi khắp trên núi Tu-di. Phía Tây Bắc đại thành Thiện Kiến, từ cổng ra ngoài 20 do-tuần có Thiện Pháp Đường của chư thiên trời Đao-lợi, đường kính 30 do-tuần, chu vi 90 do-tuần, cao 45 do-tuần, đều do lưu ly làm thành. Đất đai mềm mại nhu nhuyễn, đều bằng các thứ báu, giống như tấm thảm đẹp đẽ được trải nơi đất phía Bắc. Hình người và phi nhân, rong, thú, cỏ, cây cùng các hoa tạp có trang trí đầy đủ cả.

Lại như có hoa đeo tai dùng để trang sức thật đầy đủ. Thiện Pháp Diệu Đường cũng như vậy, nhu nhuyễn khả ái. Chân đạp xuống đất liền chìm, nhưng khi giờ chân lên thì trở lại như cũ, các thứ trang nghiêm đầy đủ như đã nói ở trước.

Có 3 lớp bao bọc chung quanh : một làm bằng vàng ròng, hai là bằng bạc, ba bằng lưu ly. Mỗi một tầng có 3 lớp chuông linh báu,

khi gió thổi thì phát ra âm thanh vi diệu, giống như 5 phần âm nhạc, như trước đã nói. Tiếng cây Đa-la có thể làm cho chúng sinh khởi 5 thứ dục ràng buộc.

Ở giữa đền đài có cây cột lớn làm bằng các thứ báu vút thẳng cao khỏi đền đài, trên chót cùng cây cột có tướng bánh xe bằng vàng bằng vàng, trang sức đẹp đẽ. Cây cột lớn ở giữa này chu vi 1 do-tuần, đường kính 1 phần 3. Một rui có 16 cây cột, mỗi cột lại có 16 cột nhỏ vây bọc chung quanh. Mỗi rui có 2 trăm 72 cây cột chống đỡ. Các rui chia làm 3 phần, mỗi một phần có 4 ngàn 52 cây vây quanh. Ba phần là 1 vạn 2 ngàn 1 trăm 56 cây. Cộng chung lại tất cả là 32 ức 6 ngàn 4 trăm 32 cây cột và những cột này thẳng xuống tới đất trên thì không tới rui chừng một sợi tóc. Hoặc có cây, trên tới rui mà dưới không đến đất chừng một sợi tóc. Vì ý nghĩa đó cho nên Thiện Pháp Đường này trụ tại không trung, không thể hiểu rõ được.

Bốn bên cửa nhà là : một là chính Đông, hai là chính Tây, ba là chính Nam, bốn là chính Bắc. Ở bên ngoài Thiện Pháp Đường nơi nơi đều có những ao báu lớn, chứa đầy nước trời, 4 thứ báu làm gạch xây đáy ao bờ ao cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành. Bốn bên ao cũng có gạch báu làm bậc cấp. Trong mỗi ao có vô lượng hoa do 5 báu tạo thành, gồm vàng, bạc, lưu ly, pha lê, pha-lê-đa. Trong các ao này có những chiếc thuyền bằng 4 thứ báu nổi đi trong ao.

Lại có 8 thứ vui chơi dưới nước : Một là thủy lâu, hai là bể đựng nước tắm bằng 7 báu, ba là dụng cụ dùng để kích vào nước tạo ra âm nhạc, bốn là tạo nước chảy xiết để vui chơi, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là vòng báu của vịt nước, tám là lầu dây văng, quay tròn trong đó nam nữ chư thiên đi thuyền dạo chơi. Trong lúc đó thuyền nhanh chậm tùy theo tâm mình muốn. Trên không trung các hoa tự nhiên tụ đến, trang nghiêm thân thể chư thiên, cho đến các chư thiên ở các cung điện cũng đều đầy đủ như vậy.

Ở bên ngoài Thiện Pháp Đường có vườn rừng lớn, bao bọc tường thành bằng vàng chu vi 1 ngàn do-tuần, thành cao 1 do-tuần, nhô lên nửa do-tuần, có cửa cao 2 do-tuần, rộng 12 do-tuần. Mỗi nơi đều có cửa, gồm 99 cửa; mỗi cửa lại có một cửa nhỏ. Các cửa này đều do các báu tạo thành, trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất ở phía Bắc như trải những tấm thảm mịn màng êm dịu, có trang sức hoa văn.

Ở trước cửa lại có 4 quân phòng vệ như trên đã nói. Bên ngoài 7 lớp rào bao bọc như trên đã nói. Có 7 hàng cây Đa-la vây quanh như trên đã nói. Xen giữa các hàng cây có các ao báu, cách nhau 1 trăm đường tên bắn như trên đã nói. Có 5 loại hoa quý như trên đã nói, và thuyề làm bằng 4 thứ báu như trên đã nói. Trên bờ ao có cây 5 thứ báu như trên đã nói. Cho đến các đền đài được làm bằng 4 thứ báu là chỗ ở của nam nữ chư thiên.

Ở bên ngoài thành này là 3 lớp hào cũng toàn bằng các thứ báu như trên đã nói. Mỗi mỗi hào rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi, hình thù như cái miệng ao, dưới rộng trên hẹp, chứa đầy nước trời như trên đã nói. Giữa các hào là đất, có la liên đền đài của các dân nữ. Ở ngoài 3 lớp hào có rừng cây bảy báu bao bọc chung quanh như trên đã nói.

Lúc ấy ở trong rừng tất cả các hoa đều nở đẹp; các tiên nữ ca hát. Các Thiên tử từ thành của Pháp Đường ra đi, vào vườn xem nghe. Trong đó cũng có Thiên tử thối sáo và các Thiên nữ từ Thiện Pháp Đường cũng ra vườn để xem. Nhân đó chư thiên nam nữ hằng vui chơi.

Từ góc cửa phía Tây Bắc của đại thành đến cửa của Thiện Pháp Đường là 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, đất đai bằng phẳng, làm bằng lưu ly mềm dịu khả ái, trang nghiêm các thứ báu, giống như đất phía Bắc đẹp như trải thảm có hoa văn hình người và phi nhân, ngựa, xe, hoa, cây đủ các thứ, lại như hoa tai các báu hợp thành. Đường đi ở

đây cũng cũng vậy, đặt chân xuống thì lún giở chân lên đất trở lại như cũ, mềm mại như bông vải bông dâu-la-miên, đường sá ở đây như vậy. Có 3 lớp báu bao bọc chung quanh bằng 4 thứ báu. Mỗi lớp đều có 3 tầng chuông linh báu vây quanh, mỗi chuông báu như vậy đều do 4 thứ báu tạo thành. Khi gió thổi động, phát ra âm thanh vi diệu, có thể làm cho chư thiên khởi lên 5 dục trói buộc.

Hai bên đường có 2 con sông hẹp gọi là Trường Hình. Cũng dài 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, tự nhiên chứa đầy nước 8 công đức. Hai bên bờ sông này đều xây bằng gạch 4 thứ báu như trước đã nói. Sông này 4 bên đều có đường bậc cấp và đều làm bằng 4 thứ báu như trước đã nói. Trong nước sông này có hoa 5 thứ báu như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 thứ báu nổi trong đó. Có đủ 8 thú vui chơi dưới nước. Khi lên thuyền dạo chơi đi chậm đi nhanh tùy ý thích như trước đã nói.

Ở đây chư thiên cần hoa gì đến thì tùy theo ý muốn liền có hoa đến. Đó là do quả báo thiện mà được như vậy. Mưa các hoa báu rải khắp chư thiên. Lại có gió đặc biệt thổi những tràng hoa, tùy theo thân hình mà trang điểm trên thân, cánh tay, cổ, chân... tự nhiên dính vào.

Hai bên bờ sông lại có 5 thứ cây báu, la liệt đầy khắp như trước đã nói. Xen giữa những hàng cây có các ao báu, và đền đài báu có chư thiên nam nữ vô lượng vô số ở đây trong đó. Lúc ấy nếu Chư thiên cõi Đạo-lợi muốn vào nơi vườn này, thì ở Thiện Pháp Đường có ngọn gió gọi là Hợp tụ, nhóm họp các hoa cũ lại rồi thổi cho ra ngoài. Đất trở nên sạch sẽ không còn hoa héo. Rồi có ngọn gió khác tên gọi là Thế Đạo, thổi hoa mới từ vườn ngoài và nơi các ao hồ, gồm nào hoa màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Khi lấy hoa rồi gió hợp tụ thổi tập trung các hoa ấy vào trong Pháp Đường, trải khắp trên đất, tạo ra nhiều hình tượng khác nhau. Hoặc hiện ra các nghi trượng bằng vàng bạc, hoặc hiện hình hoa sen, hoặc hình những tấm thảm, hoặc hình dê, hoặc hình sư tử đùa giỡn, hoặc hiện ra hình voi, ngựa, xe, bộ binh

v.v... hoặc hiện ra hình hươu nai, hoặc hiện ra hình Ca-lâu long mã. Nhân đó lần lượt trải khắp cả mặt đất nơi Thiện Pháp Đường. Hoa ngập đến đầu gối, trang nghiêm đầy đủ.

Lúc đó chư thiên vây quanh Đế Thích cung kính tôn trọng đi vào phía sau vườn và bên cạnh cây trụ ở giữa Thiện Pháp Đường, nơi có tòa sư tử. Thích Đề Hoàn Nhân lên tòa ngò, tả hữu hai bên mỗi bên có 16 Thiên vương xếp hàng ngò. Chư thiên khác ngò theo thứ tự cao thấp.

Lúc ấy Thiên Đế Thích có 2 Thái tử; một tên Chiên Đàn, hai tên Tu-tì-la là 2 đại tướng quân của trời Đao-lợi, là trời thứ 33, ngò bên trái và bên phải.

Lúc ấy Đề-đâu-lại-trá Thiên vương ngò phía cửa Đông cùng với các Đại thần và quân lính, chư thiên được cung kính vào ngò bên trong.

Lúc đó Tì-lưu-lặc-xoa Thiên vương ngò phía cửa Nam cùng với các Đại thần và quân lính, chư thiên được cung kính vào ngò bên trong.

Lúc đó Tì-lưu-bát-xoa Thiên vương ngò phía cửa Tây cùng với các Đại Thần và quân lính, chư thiên được cung kính vào ngò bên trong.

Lúc đó Tì-sa-môn Thiên vương ngò phía cửa Bắc cùng với các Đại Thần và quân lính, chư thiên được cung kính vào ngò bên trong.

Đây là 4 Thiên Vương ở nơi Thiện Pháp Đường; thế gian lành dữ đều tấu lên cho Đế Thích và trời Đao-lợi.

Lúc ấy Phật Thế Tôn nói việc này rằng : Tì-kheo ! Ngày mồng 8 mỗi tháng là ngày Tứ Thiên vương cùng Đại thần đi vi hành khắp thế gian lần lượt quan sát. Ngay ngày ấy dù ít dù nhiều, tất cả những người thụ trì 8 giới, dù ít dù nhiều đều làm việc bố thí, dù ít dù nhiều

tu hành phúc đức, dù ít dù nhiều cung kính cha mẹ cho đến các Sa-môn Bà-la-môn, bậc tôn trưởng trong gia đình.

Tì-kheo ! Ngày 14 mỗi tháng là ngày Thái tử của Tứ Thiên Vương đi vi hành khắp thế gian lần lượt quan sát. Ngay ngày này, dù nhiều dù ít tất cả những người thụ trì 8 giới, dù nhiều dù ít tất cả đều hành bố thí, dù nhiều dù ít tu hạnh phúc đức, dù nhiều dù ít cung kính cha mẹ cho đến Sa-môn Bà-la-môn, những người tôn trưởng trong gia đình.

Tì-kheo ! Ngày 15 mỗi tháng là ngày Tứ Thiên vương đi vi hành khắp thế gian lần lượt quan sát. Ngay ngày này, dầu nhiều dầu ít, tất cả những người thụ trì 8 giới, dù nhiều dù ít, tất cả hành bố thí, dầu nhiều dầu ít tu hành phúc đức; dù nhiều dù ít cung kính cha mẹ và Sa-môn Bà-la-môn, những người tôn trưởng trong gia đình. Nửa tháng tối trăng cũng vậy.

Tì-kheo ! Lúc ấy nếu không có nhiều người thụ trì 8 giới, nếu không có nhiều người tu hạnh bố thí, nếu không có nhiều người tu hành phúc đức, nếu không có nhiều người cung kính cha mẹ Sa-môn Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong gia đình. Tì-kheo ! Thì lúc đó nơi Thiện Pháp Đường của trời Đao-lợi khi tập họp lại và Tứ Thiên vương đến nơi chính tòa trình lên Đế Thích các việc ở thế gian bạch rằng:

Thiện Tôn ! Không có nhiều người thụ trì 8 giới, không có nhiều người tu hạnh bố thí, không có nhiều người cung kính cha mẹ Sa-môn Bà-la-môn và những người tôn trưởng trong gia đình. Khi ấy chư thiên trời Đao-lợi và Thích Đề Hoàn Nhân nghe việc này rồi sinh tâm ưu não nói như thế này:

Việc này không tốt, việc này không như pháp. Nếu như con người không có nhiều người thụ 8 giới, không có nhiều người tu hành bố thí, không có ai tu hành phúc đức, không nhiều người cung



kính cha mẹ Sa-môn Bà-la-môn và những người tôn trưởng trong gia đình thì quyền thuộc của chư thiên sẽ giảm thiểu và bạn hữu của Tu-la ngày càng tăng nhiều.

Tì-kheo ! Nếu có nhiều người thụ trì 8 giới, tu hạnh bố thí nhiều, tu phúc nhiều, cung kính cha mẹ nhiều Sa-môn Bà-la-môn và người trưởng thượng trong gia đình thì lúc ấy Tứ Thiên vương đến Pháp Đường trình lên Đế Thích những việc của thế gian, bạch rằng:

Thiện Tôn ! Có nhiều người thụ trì 8 giới, nhiều người tu hạnh bố thí, nhiều người tu phúc, nhiều người cung kính cha mẹ Sa-môn Bà-la-môn và những người tôn trưởng trong gia đình, thì lúc ấy Tứ Thiên vương ở cõi trời Đao-lợi nói rằng: Tâm sinh hoan hỷ nói là việc ấy thật tốt, là như pháp. Nếu có nhiều người thụ trì 8 giới, tu hành bố thí nhiều và làm phúc nhiều, cung kính phụ mẫu Sa-môn, Bà-la-môn nhiều và những người tôn trưởng trong gia đình thì quyền thuộc của chư thiên càng ngày càng nhiều; bạn hữu của Tu-la càng ngày càng giảm ít.

Tì-kheo ! Lúc ấy Thích Đề Hoàn Nhân từ tòa ngai của mình, là tòa ngai của chư thiên, nơi chính tòa trung ương, theo tâm của chư thiên khiến hoan hỷ mà nói kệ rằng:

*Mỗi tháng ngày mồng tám  
Mười bốn và mười lăm  
Trong tháng ngày hai ba  
Mười chín và ba mươi  
Ba thời ngày mười lăm  
Thụ trì tám phần giới  
Tĩnh tâm mà nhiếp trì  
Nếu thụ trì bố tát  
Người này tu bảy pháp  
Tương lai sẽ như ta.*

Tì-kheo ! Bài kệ của Thích Đề Hoàn Nhân đây là bài ca tà, không phải là bài ca đúng, là lời nói tà không phải lời nói đúng. Vì sao như vậy ?

Tì-kheo ! Vì Thích Đề Hoàn Nhân chưa giải thoát sinh, chưa giải thoát già, chưa giải thoát chết, chưa giải thoát ưu, chưa giải thoát bi, chưa giải thoát khổ, chưa giải thoát não, chưa giải thoát 5 ấm.

Tì-kheo ! Nếu có Tì-kheo thành A-la-kha, diệt hết các lậu, tu đạo cứu cánh, chính tri giải thoát, dứt hết các kết hữu, Tì-kheo như vậy mới có thể nói kệ này là những lời nói đúng:

*Mỗi tháng ngày mồng tám  
Mười bốn và mười lăm  
Trong tháng ngày hai ba  
Mười chín và ba mươi  
Ba thời ngày mười lăm  
Thụ trì tám phần giới  
Tĩnh tâm mà nhiếp trì  
Nếu thụ trì bố tát  
Người này tu bảy pháp  
Tương lai sẽ như ta.*

Tì-kheo ! Bài kệ của Tì-kheo này mới là bài ca đúng, không phải bài ca tà, mới là lời nói đúng không phải lời nói tà. Vì sao như vậy ?

Tì-kheo này đã giải thoát sự sinh, đã giải thoát sự già, đã giải thoát sự chết, đã giải thoát sự ưu, đã giải thoát sự bi, đã giải thoát sự khổ, đã giải thoát sự não, đã giải thoát 5 ấm. Rồi liền nói lời Kỳ-dạ rằng:

*Tứ Thiên vương Đại thân  
Ngày mừng tám tuần hành.  
Tứ Thiên vương Thái tử  
Mười bốn xem thế gian*

Mười lăm ngày hơn hết  
Tứ vương nghe việc tốt  
Nên tự đến thế gian  
Quan sát việc lành dữ  
Lúc ấy Tứ Thiên vương  
Ở nơi Thiện Pháp Đường  
Chư thiên vân tập lại  
Tấu các việc lành dữ.  
Là ý người thế gian  
Tương ưng cùng đạo pháp.  
Thiện Tôn ! Có nhiều người  
Hành thí, thụ Bố-tát,  
Lại hay siêng tu đạo  
Nam nữ phúc tăng lên.  
Lúc ấy trời Đạo-lợi  
Tin tưởng lòng hoan hỷ  
Thường thường sinh tùy hỷ  
Tứ Thiên vương nói rằng  
Chư thiên thêm quyến thuộc  
Lần lần thêm được nhiều  
Nguyện Tu-la bạn lữ  
Ngày ngày càng giảm đi.  
Tùy nhớ nghĩ chính giác  
Chính pháp nói Thánh chúng  
Chư thiên ở an lạc  
Tâm thường sinh hoan hỷ.  
Thế gian xuất thế gian  
Hay sinh ra làm người.  
Nếu nương Phật Pháp Tăng  
Trụ ở nơi Tam Bảo,  
Ta nay vì các người

*Nói tam hiền thiện đạo.  
 Nếu người cầu chân thật  
 Bỏ ác tu việc lành  
 Không có như bán buôn  
 Do ít mà được nhiều.  
 Như các trời Đạo-lợi  
 Làm thiện ít sinh Thiên  
 Để Thích và chư thiên  
 Đại phúc đức đa văn,  
 Tự tập Thiện Pháp Đường  
 Và các trụ xứ khác,  
 Nam nữ hay hành hương  
 Tứ vương đều tâu bày.  
 Thanh tịnh Thiên yêu mến  
 Huân tập khắp chư thiên*

Chư thiên tử hình sắc không giống nhau, y phục cũng khác nhau, bởi các trang sức quý báu khác nhau. Ở nơi Thiện Pháp Đường có hoa báu 4 màu, người hoa đẹp đẽ, ánh chiếu rực rỡ. Ví như các báu chứa trong những nhà báu thế nào thì Thiện Pháp Đường này cũng đẹp và khả ái như thế ấy.

Vì sao tòa nhà này gọi là Thiện Pháp ? Vì là nơi chư thiên tập trung để phần nhiều ca ngợi tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng, là nơi phân biệt việc tà chính của thế gian, tuyên thuyết nhiều con đường xuất thế. Vườn tược các nơi không có việc này, cho nên gọi nơi đây là Thiện Pháp Đường. Việc này Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

## HẾT QUYỂN 2

## LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

( *Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới* )

### QUYỂN 3

#### Phẩm 9: VƯỜN HOAN HỖ

Ở bên ngoài cửa phía Bắc của Đại Thành Thiện Kiến 20 do-tuần có một vườn cây lớn của các trời Đao-lợi gọi tên là Hoan Hỷ, trong vườn này có ao hồ, cũng tên là Hoan Hỷ, vuông vức 1 trăm do-tuần, sâu cũng như vậy, chứa đầy nước trời, có 4 thứ báu làm thành ao đáy ao bờ ao như trước đã nói. Bốn bên có bậc cấp như trước đã nói; có 5 thứ hoa báu như trước đã nói. Có 4 thứ thuyền báu và 8 thứ vui chơi, nhanh chậm tùy theo ý muốn. Khi chư thiên muốn có hoa gì thì tự nhiên có hoa ấy đến, đó là do quả báo lành vậy. Mưa các hoa báu khắp trời. Lại có gió đặc biệt thổi các tràng hoa, dính lên thân trang sức thân thể, cánh tay, cổ và chân, tự nhiên dính vào.

Bên bờ ao này có 5 thứ cây báu, xếp thành hàng la liệt như trước đã nói. Xen giữa cây này là những đèn đài báu. Chư thiên nam nữ ở đó rất nhiều như trước đã nói. Trong vườn có cây tên là Hoan Hỷ; cây này sinh hoa tên là Mạn-đà-la, hình thù lớn nhỏ như bánh xe trời, màu sắc tương mạo tuyệt đẹp như lửa cháy sáng, hoa này nặng nhẹ như người trong hoa. Cây Hoan Hỷ chỉ có trong vườn này, ngoài ra không đâu có.

Vườn này chu vi 1 ngàn do-tuần, đường kính 3 trăm 33 do-tuần, một phần ba là bờ thành bằng vàng bao bọc; thành cao 1 do-tuần, bờ tường 1 do-tuần rưỡi, cửa thành cao 2 do-tuần; cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần như vậy thì có một cửa. Chín mươi chín cửa như vậy lại có một cửa nhỏ để đủ số 1 trăm. Các cửa này đều do các báu hợp thành, trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất ở phía Bắc như trái thảm mịn màng đẹp đẽ vậy. Có nhiều loại hình được chạm khắc. Ở trước cửa có 4 quân lính phòng vệ như trước đã nói.

Bên ngoài có 7 hàng rào báu bao bọc, như trên đã nói. Có 7 hàng cây Đa-la vây quanh như trên đã nói. Xen giữa những cây này có ao báu, cách nhau 1 trăm đường tên bắn, trang sức các thứ như trên đã nói. Có 5 thứ hoa báu như trên đã nói, và 4 thuyền báu như trên đã nói. Bờ ao có 5 thứ cây báu như trên đã nói. Cho đến đền đài bằng 4 thứ báu, là nơi ở của chư thiên nam nữ.

Ở phía bên ngoài thành có 3 lớp hào làm bằng các báu như trên đã nói, mỗi hào rộng 2 do-tuần; sâu 1 do-tuần rưỡi hình như miệng hồ dưới rộng trên hẹp, chứa đầy nước trời như trên đã nói. Ở giữa những hào là đất có la liệt các cung điện của thế nữ. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói.

Lúc ấy bên ngoài vườn tất cả các hoa đều nở rộ. Các Thiên nữ tấu nhạc ca hát. Lúc ấy các Thiên tử đến vườn Hoan Hỷ vào rừng để xem nghe. Trong khi các Thiên tử ở ngoài rừng tấu nhạc ca hát thì các Thiên nữ trong vườn cũng ra ngoài rừng để xem nghe. Ở trong vườn các Thiên nữ hòa tấu âm nhạc thì các Thiên tử ở ngoài vào vườn để xem nghe. các Thiên tử trong vườn tấu nhạc thì các Thiên nữ ngoài vườn cũng vào vườn để nghe. Do nhân duyên này mà lãnh thụ các vui chơi.

Từ cửa Bắc của Đại Thành Thiện Kiến cho đến cửa Nam của vườn Hoan Hỷ, những con đường ở giữa 20 do-tuần, rộng 10 do-

tuần, đất toàn bằng lưu ly, bằng phẳng nhu nhuyễn, trang nghiêm các báu, giống như đất phía Bắc như trái thắm mềm mại, có trang trí hình người phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa, cỏ v.v... tất cả đều đầy đủ, như hoa tai bằng những thứ báu tạo thành. Hình tượng các con đường này lại cũng như vậy, chân giậm xuống thì lún giờ lên trở lại như cũ, mềm mại như bông vải, như Đâu-la miên. Các con đường này cũng mềm mại như vậy. Có 3 thứ báu bao bọc trang sức. Mỗi lớp bao bọc đều được 4 thứ báu tạo thành. Có 3 tầng chuông linh báu treo chung quanh; mỗi mỗi chuông báu đều do 4 báu tạo thành, khi gió thổi động thì phát ra những âm thanh vi diệu có thể làm cho chư thiên khởi lên 5 dục trói buộc.

Hai bên con đường này có 2 con sông, gọi tên là Trường Hình, cũng dài 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, chứa đầy nước 8 công đức. Hai bên sông này lại có 4 thứ báu tạo thành như trước đã nói. Bốn phía sông đều có 4 con đường bậc cấp báu như trước đã nói. Trong nước của con sông này có 5 loại hoa báu như trước đã nói, thuyền bằng 4 báu nổi trong sông này, có đủ 8 thứ vui chơi dưới nước. Lên thuyền du ngoạn thì chậm mau tùy theo ý thích như trước đã nói. Chư thiên muốn có thư hoa gì thì các hoa tự nhiên bay đến. Đó là do quả báo thiện mà được như vậy. Mưa các hoa báu, rải khắp bầu trời. Lại có ngọn gió đặc biệt thổi các tràng hoa bay đến trên thân, trang nghiêm nơi thân thể, cánh tay, cổ và chân, tự nhiên hoa dính vào.

Hai bên bờ sông có 5 thứ cây báu la liệt đầy khắp như trước đã nói. Khoảng giữa các hàng cây có ác ao báu và đền đài báu. Chư thiên nam nữ đều ở trong đó, vô lượng Thiên chúng ở khắp trong nước.

Vì sao vườn này gọi là Hoan Hỷ ? Vườn này có ao lớn tên là Hoan Hỷ và trong vườn có cây cũng tên là Hoan Hỷ. Hoa cây ấy tên Mạn-đà-la. Ba việc ấy chỉ có vườn này có, ngoài ra không vườn nào có.

Lại vì nhân duyên gì mà có tên là Hoan Hỷ ?

Là vì lúc ấy chư thiên trời Đao-lợi muốn vào vườn này thì sinh đại hoan hỷ vui chơi cực kỳ thích thú. Do đó có tên là Hoan Hỷ.

Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

### **Phẩm 10: VƯỜN CHÚNG XA**

Bên ngoài cửa Đông Đại Thành Thiện Kiến cách 20 do-tuần các trời Đao-lợi có một vườn tên là Vườn các thứ xe. Trong vườn có ao lớn, tên Chát-đa-la, vuông vức 1 trăm do-tuần, sâu cũng như vậy; chứa đầy nước trời, bốn thứ báu làm gạch đáy ao thành ao bờ ao ngoài ra như trên đã nói. Có 4 thứ báu tạo thành đường bậc cấp. Có hoa 5 thứ báu như trên đã nói. Có thuyền 4 báu và 8 thứ vui chơi dưới nước. Trong đó chư thiên nếu muốn có hoa gì thì tự nhiên đến, do quả báo thiện mà được như vậy. Mưa các hoa báu rải khắp chư thiên. Lại có ngọn gió đặc biệt thổi những tràng hoa tự nhiên dính vào thân thể trang nghiêm từ thân mình cho đến tay, cổ và chân.

Ở bờ ao này có 5 thứ cây báu la liệt đầy khắp như trước đã nói. Xen giữa các cây này có những đèn đài báu, nơi chư thiên nam nữ ở đây đầy khắp như trên đã nói. Chu vi vườn này là 1 ngàn do-tuần, một phần ba được bao bọc bởi thành bằng vàng, thành cao 1 do-tuần, tường cao 1 do-tuần rưỡi. Cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần lại có 1 cửa. Chín mươi chín cửa lại có 1 cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này đều làm bằng các báu, trang nghiêm bằng ngọc ma-ni, giống như đất phía Bắc như trái thảm mềm mại đẹp đẽ, có điêu khắc nhiều hình tượng, trước cửa có 4 bình chùng hộ vệ như bên trên đã nói.

Bên ngoài có 7 lớp rào báu như trên đã nói, 7 lớp rừng cây Đa-la vây bọc chung quanh như trên đã nói. Xen giữa các hàng cây có những ao báu cách nhau 1 trăm đường tên bán trang nghiêm các thứ như trên đã nói. Có 5 thứ hoa báu như trên đã nói và có thuyền bằng



4 thứ báu như trên đã nói. Bờ ao có 5 thứ cây báu như trên đã nói, và đèn đài bằng 4 thứ báu, nơi ở của chư thiên nam nữ.

Bên ngoài thành này có 3 lớp hào như trên đã nói. Cứ mỗi một hào rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi, hình như cái miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, chứa đầy nước trời như trên đã nói. Vùng đất khoảng giữa các hào có la liệt các cung điện của các thể nữ.

Bên ngoài 3 lớp hào, có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói. Bên ngoài rừng kia tất cả hoa đều nở rộ, các Thiên nữ tấu nhạc ca hát. Lúc ấy các Thiên tử từ trong Vườn Chúng Xa đi ra rừng cây xem nghe. Khi các Thiên tử ở rừng ngoài tấu nhạc ca hát thì các Thiên nữ trong vườn cũng ra xem nghe. Các Thiên nữ trong vườn lại tấu nhạc. Các Thiên tử bên ngoài vào vườn xem nghe. Các Thiên tử trong vườn lại tấu nhạc thì các Thiên nữ ngoài vườn cũng vào vườn xem nghe. Do nhân duyên ấy, thụ nhận vui chơi.

Từ cửa Đông của Đại Thành Thiện Kiến cho đến cửa Tây của Vườn Chúng Xa có những con đường 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, đất toàn bằng lưu ly, mềm mại nhu nhuyễn, trang nghiêm các thứ báu giống như đất phía Bắc như trải thảm mềm mại nhu nhuyễn đẹp đẽ trang trí hình người và phi nhân, voi, ngựa, thú, hoa, cỏ nhiều loại đủ cả, lại cũng có các báu hợp thành như hoa tai. Hình tướng của con đường này cũng vậy khi bước chân xuống thì đất lún, khi giở chân lên thì đất trở lại như cũ, mềm mại như bông vải, như bông Đâu-la-miên. Con đường này cũng nhu nhuyễn như vậy, lại có 3 lớp bao bọc chung quanh. Mỗi một lớp bao bọc đều bằng 4 thứ báu tạo thành. Mỗi mỗi lớp bao bọc lại có 3 tầng chuông linh báu treo chung quanh. Mỗi mỗi chuông linh báu đều do 4 thứ báu hợp thành. Khi gió lay động đều phát ra những âm thanh vi diệu, có thể làm cho chư thiên khởi lên 5 dục trói buộc.

Hai bên con đường ấy có 2 con sông tên gọi là Trường Hình, cũng dài 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, có nước 8 công đức tự nhiên chứa đầy. Ở hai bên bờ sông này đều xây bằng gạch 4 thứ báu như

trước đã nói. Bốn bên bờ sông có 4 đường bậc cấp làm bằng các thứ báu như trước đã nói. Trong nước sông này lại có hoa 5 báu cũng như đã nói ở trước. Thuyền 4 báu nổi trong sông này. Có 8 thú vui chơi dưới nước. Khi lên thuyền dạo chơi thì chậm nhanh theo ý muốn như trước đã nói. Nếu chư thiên muốn có hoa gì thì tùy theo ý muốn hoa liền đến, đó là do quả thiện mà được như vậy. Mưa hoa báu rải khắp chư thiên. Lại có những cơn gió đặc biệt thổi các tràng hoa đến thân mình để trang sức tự nhiên đỉnh nơi thân, cánh tay, và chân.

Bên trên 2 bờ sông có cây 5 báu, xếp hàng la liệt khắp nơi như trước đã nói. Xen giữa các cây này có các ao báu và đền đài báu, các nam nữ chư thiên cư ngụ ở nơi đây. Vô lượng chư thiên ở đầy khắp nước.

Vì sao mà tên vườn này gọi là Vườn Chúng Xa ?

Ở trong đây có một ao lớn tên gọi là Chát-đa-la, nơi ấy có cây cũng tên Chát-đa-la. Cây này sinh nhiều thứ hoa, duy chỉ vườn này có, ngoài ra vườn khác thì không đâu có. Lại có nhân duyên gọi là Chát-đa-la là lúc ấy chư thiên trời Đao-lợi muốn vào vườn này phải ăn mặc và trang sức những loại vật quý giá và cầm các nghi trượng như lúc lâm chiến rồi lên xe mới vào vườn. Khi ở trong vườn này muốn đi ra thì lấy các thứ hoa đẹp Chát-đa-la trang sức cho xe rồi mới lên xe. Tất cả các xe đều như vậy. Hoa của cây Chát-đa-la này và chuỗi anh lạc đeo thân của chư thiên, các xe báu tỏa ra ánh sáng ánh chiếu lẫn nhau. Do nhân duyên này mà ở nơi vườn quý này có nhiều loại ánh sáng hội tụ bên trong. Vì ý nghĩa đó nên gọi tên là Vườn Chúng Xa. Lại cũng tự nhiên có tên là Vườn Chúng Xa. Ý nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói, tôi nghe như vậy.

### **Phẩm 11: VƯỜN ÁC KHẨU**

Bên ngoài cửa Nam Đại Thành Thiện Kiến cách 20 do-tuần có một vườn tên là Ác Khẩu của các trời Đao-lợi . Trong vườn có ao,

cũng tên là Ác Khẩu, vuông vức 1 trăm đường tên bản, sâu cũng như vậy, có đầy nước trời. Có 4 thứ báu làm gạch xây đáy ao, thành ao và bờ ao như trên đã nói. Có 4 thứ báu làm đường bậc cấp, có hoa 5 báu như trên đã nói. Có thuyền bằng 4 thứ báu và 8 thứ vui chơi dưới nước. Khi chư thiên muốn có hoa gì thì tùy theo ý muốn liền có hoa ấy đến. Đó là quả thiện mà được như vậy. Mưa xuống các hoa báu, rải khắp chư thiên. Lại cũng có gió đặc biệt thổi những tràng hoa để trang nghiêm cho thân, cánh tay và chân, tự nhiên dính vào.

Ở bên bờ ao có cây bằng 5 thứ báu, la liệt khắp nơi như trên đã nói. Xen giữa những hàng cây này có đền đài báu là nơi nam nữ chư thiên ở như trên đã nói. Chu vi vườn này là 1 ngàn do-tuần; một phần ba được bao bọc bởi tường thành bằng vàng. Thành cao 1 do-tuần, tường cao 1 do-tuần rưỡi. Cửa thành cao 2 do-tuần. Cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần lại có một cửa. Có 99 cửa như vậy lại có một cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này đều do các vật báu tạo thành và trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất ở phía Bắc như một tấm thảm mềm mại nhu nhuyến, có nhiều điều khác. Ở tại cửa thành lại có 4 binh chủng phòng vệ như trên đã nói. Ở bên ngoài có 7 lớp rào như trên đã nói. Có rừng cây Đa-la 7 lớp bao bọc cũng như trên đã nói.

Xen giữa các cây này có ao báu cách nhau 1 trăm đường tên bản, trang sức bằng nhiều thứ báu như trên đã nói. Có hoa bằng 5 thứ báu cũng như trên đã nói. Lại có thuyền bằng 4 thứ báu như trên đã nói. Bờ ao có cây bằng 5 thứ báu như trên đã nói, cho đến đền đài cũng bằng 4 thứ báu. Các nam nữ chư thiên sống ở nơi này. Ở bên ngoài bờ thành có 3 lớp hào báu như trên đã nói. Cứ mỗi hào rộng 2 do-tuần, sâu một do-tuần rưỡi, hình tướng như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp; có đầy nước trời như trên đã nói. Trên đất giữa các hào có la liệt cung điện của các thể nữ ở. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói.

Khi ở bên ngoài tất cả những hoa nở rộ, các Thiên nữ trời nhạc ca hát, thì các Thiên tử từ vườn Ác Khẩu vào rừng để xem nghe. Khi các Thiên tử ở ngoài rừng tấu nhạc thì các Thiên nữ trong vườn cũng ra nghe. Các Thiên nữ ở trong vườn tấu nhạc thì các Thiên tử bên ngoài lại vào vườn xem nghe. Trong vườn Thiên tử tấu nhạc thì Thiên nữ ngoài vườn lại vào nghe. Do nhân duyên này để hưởng thụ vui chơi.

Từ cửa Nam của Đại Thành Thiện Kiến đến cửa Bắc vườn Ác Khẩu có những con đường 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, đất toàn bằng lưu ly, bằng phẳng mềm mại, trang nghiêm các cửa báu, giống như đất phía Bắc như trái thảm mềm mại có trang trí hình người, phi nhân, voi, chim, thú, hoa, cỏ các loại đều đầy đủ, lại cũng có những thứ báu như hoa tai hợp thành. Hình tướng con đường này cũng như vậy. Khi chân bước xuống thì lún, giở chân lên trở lại như cũ, mềm mại như bông vải, bông Đâu-la miên. Con đường cũng mềm mại như vậy.

Có 3 lớp trang sức bao bọc. Mỗi lớp đều do 4 thứ báu hợp thành. Mỗi lớp có 3 tầng chuông linh báu treo chung quanh. Mỗi chuông báu đều do 4 thứ báu hợp thành. Khi gió thổi thì phát ra âm thanh vi diệu, có thể làm cho chư thiên khởi 5 dục trói buộc.

Ở hai bên con đường này có 2 con sông tên gọi là Trường Hình, cũng dài 20 do-tuần; rộng 10 do-tuần, tự nhiên đầy nước 8 công đức. Hai bên bờ sông này xây bằng gạch 4 thứ báu như trước đã nói. Có đường bậc cấp bằng 4 thứ báu như trước đã nói. Trong nước ở sông này có hoa 5 thứ báu, như trước đã nói, có thuyền bằng 4 loại báu nổi trên sông. Có 8 thứ vui chơi dưới nước. Khi lên thuyền du ngoạn thì nhanh chậm tùy theo ý muốn như trước đã nói. Khi chư thiên muốn hoa gì thì tùy theo ý muốn hoa ấy liền đến đến. Đó là do quả báo lành mà được như vậy. Mưa hoa báu khắp chư thiên. Lại có gió đặc biệt thổi các tràng hoa tự nhiên dính vào thân mình để trang sức nơi thân, cánh tay, chân.

Ngoài 2 bờ sông có cây 5 thứ báu, la liệt khắp nơi như trước đã nói. Xen giữa những cây này có các ao báu và các đền đài báu. Chư thiên nam nữ đều ở nơi này, vô lượng đại chúng ở khắp đất nước.

Vì sao vườn này gọi là Ác Khẩu ?

Vườn có một ao lớn tên gọi là Ác Khẩu, có cây cũng tên là Ác Khẩu. Cây này có hoa cũng tên Ác Khẩu. Duy chỉ vườn này có, ngoài ra không nơi nào có. Lại có nhân duyên gọi là Ác Khẩu vì lúc bấy giờ chư thiên cõi trời Đao-lợi muốn vào vườn này thường phải đấu tranh, giặc quán tư duy: Chúng ta bây giờ đến đó để công kích, đấu tranh với Tu-la. Lại nữa kia đây cùng nhau tạt đổ, tham trước ngũ dục, tranh nhau trước sau. Nhân sự việc này mà nói lời ác. Do vậy nơi này tên là Vườn Ác Khẩu. Lại tự nhiên có tên là Ác Khẩu.

Ý nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

## **Phẩm 12: VƯỜN TẠP**

Ở bên ngoài cửa Tây của Đại thành Thiện Kiến đến cửa Đông của Vườn Tạp, trong đó có một con đường dài 20 do-tuần. Đó là vườn của trời Đao-lợi, trong vườn có một cái ao vuông, gọi tên là Ao Tạp, bề mặt 1 trăm do-tuần, sâu cũng như vậy, chứa đầy nước trời, 4 báu làm gạch xây thành ao, đáy ao bờ ao như trên đã nói. Có đường bậc cấp bằng 4 báu, có hoa 5 thứ báu như trên đã nói; có thuyền bằng 4 loại báu cho đến 8 thứ vui tiêu khiển dưới nước. Trong đó khi chư thiên muốn có hoa gì thì hoa ấy liền đến. Đó là do quả báo lành mà được như vậy. Mưa hoa báu rải khắp chư thiên. Lại có gió đặc biệt thổi các tràng hoa rơi tự nhiên dính vào thân để trang nghiêm thân, tay, cổ và chân.

Trên bờ ao này có 5 thứ cây báu la liệt như trước đã nói. Xen giữa các cây hoa này có những đền đài báu, là nơi ở của chư thiên nam nữ như trên đã nói. Chu vi ao này 1 ngàn do-tuần, một phần ba

là vàng làm bờ thành bao bọc chung quanh. Thành cao 1 do-tuần, bờ tường cao nửa do-tuần. Cửa thành cao 2 do-tuần. Cửa lâu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần như vậy có một cửa, có 99 cửa. Lại có thêm một cửa nhỏ để đủ số 100. Các cửa này do các thứ báu hợp thành và trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất ở phía Bắc mềm mại như trái vả có điêu khắc nhiều loại. Ở trước cửa lại có 4 bình chũng phòng vệ giống như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 hàng rào như trên đã nói, 7 hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh như trên đã nói. Xen giữa những cây này lại có các ao báu, cách nhau bằng trăm tầm bắn cung, trang sức các thứ như trên đã nói. Có hoa 5 báu và thuyền làm bằng 4 thứ báu, có 8 thứ thú vui dưới nước. Bên bờ ao có cây 5 thứ báu như trên đã nói, cho đến đền đài cũng bằng 4 thứ báu, là nơi ở của chư thiên nam nữ.

Ở bên ngoài thành là 3 lớp hào như trên đã nói. Mỗi hào rộng 2 do-tuần; sâu một do-tuần rưỡi; hình thể như cái miệng hồ, dưới rộng trên hẹp. Có đầy ấp nước trời như trước đã nói. Khoảng giữa những cái hào có la liệt cung điện của các thể nữ.

Bên ngoài 3 lớp hào, có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói. Lúc ấy ở bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở rộ, chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc ca hát. Lúc ấy các Thiên tử từ nơi Vườn Tạt vào rừng để xem nghe. Khi các Thiên tử ở ngoài rừng hòa tấu âm nhạc thì các Thiên nữ bên trong vườn lại ra để xem nghe. Trong vườn các Thiên nữ hòa tấu âm nhạc thì bên ngoài các Thiên tử lại vào vườn để xem nghe. Trong vườn các Thiên tử hòa tấu âm nhạc thì bên ngoài vườn các Thiên nữ lại vào vườn để xem nghe. Do nhân duyên ấy hưởng thụ các thú vui.

Từ cửa phía Tây của Đại Thành Thiện Kiến đến cửa phía Đông của vườn hỗn tạp có một con đường dài 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, đều lưu ly làm đất, mềm mại nhu nhuyễn, giống như đất phía Bắc

mềm mại đẹp đẽ như tấm thảm có khắc họa hình người, phi nhân, voi, chim, thú, hoa, cỏ, các loại đều đầy đủ, và trang sức như những hoa tai báu. Hình tướng của con đường này cũng như vậy. Khi bước chân xuống thì đất lún, khi giở chân lên đất trở lại nguyên như cũ. Con đường này mềm mại cũng như vậy.

Có 3 lớp bao bọc chung quanh; mỗi một lớp đều do 4 báu hợp thành. Mỗi mỗi lớp có 3 tầng chuông linh báu bao bọc chung quanh. Mỗi mỗi linh báu lại do 4 thứ báu hợp thành. Khi gió lay động, phát ra âm thanh vi diệu có thể làm cho chư thiên khởi ngũ dục trói buộc.

Hai bên đường có 2 con sông tên gọi là Trường Hình, cũng dài 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, có nước 8 công đức tự nhiên chứa đầy. Ở hai bên bờ sông này được xây bằng gạch 4 thứ báu như trước đã nói. Bốn bên bờ sông có đường bậc cấp bằng 4 thứ báu như trước đã nói. Trong nước sông này có 5 thứ hoa báu như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 thứ báu nổi trên mặt nước. Có 8 thú vui tiêu khiển dưới nước. Khi lên thuyền du ngoạn chậm nhanh tùy theo ý muốn như trước đã nói. Nếu chư thiên muốn có hoa gì thì tùy theo ý muốn hoa liền hiện đến. Đây là do quả lành mà được như vậy. Mưa hoa báu khắp chư thiên. Lại có gió đặc biệt thổi những tràng hoa tự nhiên đánh vào thân, trang nghiêm nơi thân, tay, cổ và chân.

Ở hai bên bờ sông có 5 thứ cây báu la liệt như trên đã nói. Xen giữa những hàng cây lại có ao báu cùng với các đền đài, nơi ở của chư thiên nam nữ, vô lượng Thiên chúng ở khắp đất nước.

Vì sao vườn này gọi là Vườn Tạp ?

Nguyên nhân là nơi vườn này có một ao lớn, tên là Ao Tạp, cũng có cây tạp, và các hoa tạp mà chỉ vườn này có ngoài ra không nơi nào có. Lại có nhân duyên gọi là Vườn Tạp là lúc ấy chư thiên nam nữ ở cõi trời Đao-lợi đến vào vườn rất hỗn tạp rồi ca xướng múa hát vui chơi rất hỗn tạp. Các vườn khác khi tụ họp, tất cả chư

thiên bên ngoài đều không được vào, hoàn toàn bị cấm đoán. Còn nơi vườn này khi tập họp thì không trở ngại gì cả. Nơi thành lớn và ngoài thành chư thiên đều có thể vào đây vui chơi, lẫn lộn để vui chơi. Cho nên gọi đây là Vườn Tập. Lại cũng tự nhiên có tên là Vườn Tập.

Ý nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

### **Phẩm 13: VƯỜN BA-LỢI-DẠ-ĐA**

Bên ngoài góc Đông Bắc của Đại Thành Thiện Kiến 20 do-tuần có một lâm viên lớn của trời Đao-lợi tên là Ba-lợi-dạ-đa. Vườn này có một cái ao vuông cũng tên là Ba-lợi-dạ-đa, mặt ao 1 trăm do-tuần, sâu cũng như vậy, chứa đầy nước trời. Có 4 thứ báu làm gạch xây đáy ao, thành ao, bờ ao như trước đã nói.

Bên trong đều có đường bậc cấp như trước đã nói. Có 5 loại hoa báu như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 thứ báu và 8 thứ vui chơi giải trí dưới nước, tùy theo ý thích mà thuyền đi chậm hoặc nhanh. Trong ấy chư thiên muốn có hoa gì thì theo ý nghĩ hoa liền hiện đến. Đó là do quả báo lành nên được như vậy. Mưa hoa báu rải khắp chư thiên. Lại có những cơn gió đặc biệt thổi những tràng hoa tự nhiên dính vào thân trang sức nơi thân, cánh tay, cổ và chân.

Ở trên bờ hồ này có 5 thứ cây báu la liệt khắp nơi như trước đã nói. Xen giữa những hàng cây này là những đèn đài báu nơi ở của các nam nữ chư thiên như trước đã nói. Trong vườn có cây tên là Ba-lợi-dạ-đa, cũng gọi là Câu-tì-đà-la. Cây này sinh trưởng đầy đủ; hình dáng khả ái, cành lá sum sê tươi lâu không héo. Tất cả gió mưa đều không xâm nhập, giống như thợ kết tràng hoa trang sức các tràng hoa, lại cũng giống như hoa tai, hình tướng cây này cũng khả ái như vậy. Bên trên giống như cái dù lọng, lần lượt che nhau, cao 1 trăm do-tuần, dưới gốc to thẳng, không có tí vết, 50 do-tuần mới



có cành nhánh. Đường kính thân 5 do-tuần, chu vi 15 do-tuần. Mỗi cành vươn ra 50 do-tuần. Ở khoảng giữa 1 trăm do-tuần, chu vi 3 trăm do-tuần.

Bên dưới có đá quý tên là Bang-trụ-kiếm-bà-la, dài 50 do-tuần; rộng 10 do-tuần, đều làm bằng lưu ly mịn màng khả ái, trang sức các báu giống như đất phía Bắc được trải thảm mịn màng có nhiều khắc họa hình người, phi nhân, voi, chim, thú, hoa, cỏ đầy đủ các loại, cũng giống như những hoa tai báu, Bang-trụ-kiếm-bà-la này cũng như vậy. Khi đặt bước thì lún, giở chân thì nổi, như bông vải, bông đầu-la-miên mịn màng, Bang-trụ-kiếm-bà-la cũng như vậy. Có 3 lớp trang sức bao bọc, mỗi lớp bao bọc do 4 thứ báu làm thành, mỗi lớp bao bọc lại có 3 tầng chuông linh báu vây quanh, mỗi linh báu đều do 4 thứ báu làm thành. Mỗi khi gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, có thể khiến chư thiên khởi lên ngũ dục ràng buộc, như trước đã nói.

Bốn bên đường đi bậc cấp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Nơi nơi trong vườn đều có ao như trước đã nói, cho đến đền đài cũng bằng 4 thứ báu là nơi chư thiên nam nữ ở như trên đã nói. Chu vi vườn này 1 ngàn do-tuần, độ một phần ba đường kính được bao bọc bằng thành vàng, cao 1 do-tuần, bờ tường 1 do-tuần rưỡi, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần lại có 1 cửa. Có 99 cửa và lại có 1 cửa nhỏ để đủ số 1 trăm. Các cửa này đều do các báu hợp thành và trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất phía Bắc như trải thảm mịn màng có điêu khắc nhiều hình ảnh. Trước cửa còn có 4 quân binh chũng phòng vệ như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 lớp hàng rào như trên đã nói, 7 lớp rừng cây Đa-la vây bọc chung quanh như trên đã nói. Xen giữa các cây có những cái ao báu, cách nhau bằng 1 trăm tầm bán cung, trang nghiêm các thứ như trên đã nói. Có hoa 5 thứ báu như trên đã nói. Có 4 thuyền báu cũng như trên đã nói.

Ở trên bờ hồ này có 5 thứ cây báu như trên đã nói, cho đến đến đài 4 thứ báu, nơi chư thiên nam nữ ở. Bên ngoài thành có 3 lớp hào, như trên đã nói. Mỗi một hào rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi; hình thể như cái miệng hồ; dưới rộng trên hẹp; chứa đầy nước trời như trên đã nói. Xen giữa các hào có la liệt cung điện của các thể nữ.

Ngoài 3 lớp hào này, có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói. Lúc ấy ở bên ngoài rừng tất cả loài hoa đều nở rộ. Các Thiên nữ trời nhạc ca hát. Lúc ấy các Thiên tử từ vườn Ba-lợi-dạ-đa ra rừng để xem nghe. Trong khi các Thiên tử ở ngoài rừng tấu nhạc thì các Thiên nữ bên trong vườn lại ra xem nghe. Những Thiên nữ bên trong vườn tấu nhạc và bên ngoài các Thiên tử lại vào vườn để xem nghe. Ở bên trong các Thiên tử tấu nhạc thì bên ngoài vườn các Thiên nữ lại vào bên trong vườn để nghe. Do nhân duyên đó hưởng thụ vui chơi.

Từ góc cửa Đông Bắc của Đại Thành Thiện Kiến đến góc cửa Tây Nam của vườn có một đường đi 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, đất toàn bằng lưu ly, bằng phẳng mềm mại, trang sức các thứ báu, giống như đất ở phía Bắc mìn màng như trái thảm có họa tiết hình người, phi nhân, voi, chim, thú, hoa, như các báu trang trí hoa tai. Hình tướng con đường này cũng như vậy. Khi bước chân xuống thì đất lún, giữ chân lại nổi lên, mìn màng giống như bông vải, bông Đậu-la miên, con đường này cũng mềm mại như vậy. Có 3 lớp bao bọc trang sức, mỗi lớp đều do 4 thứ báu làm thành. Mỗi mỗi lớp có 3 tầng chuông linh báu vây bọc chung quanh. Mỗi mỗi chuông linh báu đều do 4 thứ báu tạo thành. Khi gió nhẹ lay động thì phát ra âm thanh vi diệu làm cho chư thiên khởi lên ngũ dục ràng buộc.

Hai bên con đường lại có 2 con sông gọi là Trường Hình, dài 20 do-tuần, rộng 10 do-tuần, có nước 8 công đức tự nhiên sung mãn. Hai bên bờ sông này đều xây gạch bằng 4 thứ báu như trước đã nói. Bốn bên bờ sông đều có đường bậc cấp như trước đã nói. Trong sông có 5 thứ hoa báu như trước đã nói. Có thuyền bằng 4 thứ báu nổi trên

mặt nước. Có 8 thứ vui chơi dưới nước. Khi lên thuyền du ngoạn thì thuyền đi nhanh chậm tùy theo ý thích như trước đã nói. Trong đó có chư thiên muốn hoa gì thì hoa ấy theo ý nghĩ liền đến. Đó là do quả báo lành mà được như vậy. Mưa các hoa báu, rải khắp chư thiên. Lại cơn gió thổi đặc biệt thổi những tràng hoa tự nhiên đánh vào thân trang trí nơi thân, tay, cổ và chân.

Bên ngoài 2 bờ sông có cây 5 báu la liệt như trước đã nói. Xen giữa những cây ấy có những ao báu cùng những đền đài, nơi chư thiên nam nữ ở. Vô lượng Thiên chúng ở khắp nước. Như vậy Phật Thế Tôn bảo:

Tì-kheo ! Lúc bấy giờ cây Ba-lợi-dạ-đa Câu-tì-đà-la ở cõi trời Đao-lợi lá vàng muốn rụng, lúc ấy chư thiên vô cùng hoan hỷ nói:

Bây giờ cây Ba-lợi-dạ-đa của trời Đao-lợi lá đã chuyển sang màu vàng không còn bao lâu nữa sẽ rụng.

Tì-kheo ! Lúc ấy cây Ba-lợi-dạ-đa của trời Đao-lợi lá đã rụng rồi, chư thiên rất vui mừng nói:

Chư thiên ! Cây Ba-lợi-dạ-đa lá đã rụng rồi, không bao lâu nữa sẽ đâm chồi.

Tì-kheo ! Lúc bấy giờ cây Ba-lợi-dạ-đa đã đâm chồi, tất cả chư thiên đều vui mừng nói:

Bây giờ cây Ba-lợi-dạ-đa đã đâm chồi, không bao lâu nữa sẽ hiện màu xanh.

Tì-kheo ! Lúc ấy lá cây Ba-lợi-dạ-đa đã hiện màu xanh rồi, chư thiên lúc bấy giờ vui mừng nói:

Cây Ba-lợi-dạ-đa đã hiện màu xanh rồi, không bao lâu sẽ hé nụ hoa .

Tì-kheo! Lúc ấy cây Ba-lợi-dạ-đa đã hé nụ hoa và chư thiên lúc ấy vui mừng nói:

Cây Ba-lợi-dạ-đa đã hé nụ rồi, không bao lâu nữa thì hoa sẽ nở. Khi hoa nở rồi chư thiên vui mừng nói:

Cây Ba-lợi-dạ-đa hoa đã nở rồi, không bao lâu nữa thì sẽ nở rộ.

Tì-kheo ! Lúc bấy giờ cây Ba-lợi-dạ-đa đã nở đầy rồi, sắc hoa chiếu khắp 50 do-tuần. Hương thơm xông ngát 50 do-tuần. Nếu khi bên Đông mưa gió thổi hương của hoa này xông đến phía Tây 1 trăm do-tuần. Nếu gió mưa ở phía Tây thổi thì hương của hoa này xông đến phía Đông 1 trăm do-tuần. Nếu mưa gió ở phía Nam thổi thì hương hoa này xông đến phía Bắc 1 trăm do-tuần. Nếu mưa gió ở phía Bắc thổi thì hương hoa này xông đến phía Nam 1 trăm do-tuần.

Tì-kheo ! Cây Ba-lợi-dạ-đa của trời Đao-lợi này có thần lực uy đức như vậy.

Tì-kheo ! Nếu Phật tử y vào chính pháp luật nghi Như Lai nói và do tín căn rời lìa gia đình mình xuất gia tu học và vì việc ấy mà khởi tâm quyết định.

Tì-kheo ! Người này cũng ví như cây Ba-lợi-dạ-đa, lúc cây này lá vàng thì, Tì-kheo, bấy giờ Đệ tử Phật cắt tóc, mặc pháp phục, lìa xa gia đình, tu đạo xuất gia.

Tì-kheo ! Người này cũng ví như cây Ba-lợi-dạ-đa lúc lá rơi rồi.

Tì-kheo ! Nếu Đệ tử Phật lìa các dục trần. lìa các pháp ác, có giác có quán, có hỷ có lạc, từ ly sinh khởi, tu tập Sơ thiền, trụ vào bậc này.

Tì-kheo ! Người ấy cũng ví như cây Ba-lợi-dạ-đa lúc mới đâm chồi.

Tì-kheo ! Lúc ấy giác quán đã tịch diệt cho nên y vào tâm trong lặng thực hành một phương tiện nên không giác, không quán, từ định sinh khởi, có hỷ có lạc, tu tập Nhị thiền trụ vào nơi này.

Tì-kheo ! Người như vậy ví như cây Ba-lợi-dạ-đa đã hiện màu xanh.

Tì-kheo ! Lúc ấy Đệ tử Phật đã ly dục hỷ nên trụ nơi tâm xả, chính niệm chính trí, thân thụ lạc. Cho nên Thánh Sư đã dạy như vậy: Nếu trụ nơi lạc mà có xả có niệm, tu tập Tam thiền trụ vào nơi đó.

Tì-kheo ! Người như vậy ví như cây Ba-lợi-dạ-đa đã ra hoa.

Tì-kheo ! Nếu Đệ tử Phật, khổ diệt tận rồi, lạc cũng đã qua rồi, những ưu não ngày trước đã diệt hết rồi nên không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, tu tập Tứ thiền, trụ vào nơi này, thì người như vậy ví như cây Ba-lợi-dạ-đa vừa ra hoa.

Tì-kheo ! Nếu Đệ tử Phật, các lậu đã hết rồi, tâm vô lậu giải thoát và Bát-nhã giải thoát hiện thể đã chứng, trụ vào nơi này, đời này đã hết, tu đạo cứu cánh, mọi việc đã xong, không sinh lại nữa, cho nên được trí này.

Tì-kheo ! Người này ví như cây Ba-lợi-dạ-đa tất cả hoa đã nở.

Tì-kheo ! Các Tì-kheo này các lậu đã hết, tu đạo cứu cánh, chính tuệ giải thoát, hữu kết đã hết, các trời Đạo-lợi tán thán: Thiện hữu ! Người ở xứ đó, họ ..., tên ..., quận ..., huyện ..., tất cả đất nước đều lia gia đình, xuất gia tu đạo, Tì-kheo ... là Đệ tử xuất gia y chỉ Đệ tử các lậu đã hết cho nên tâm vô lậu giải thoát và Bát-nhã giải thoát, hiện thể đã chứng trụ vào nơi này, đời này đã dứt, tu đạo cứu cánh, các việc đã xong, không sinh lại nữa, cho nên được trí này.

Các Tì-kheo này các lậu đã hết, chính trí giải thoát, hữu pháp đã hết, thần lực như vậy và uy đức đó ví như cây Ba-lợi-dạ-đa ở cõi Đạo-lợi hoa đều nở rộ. Lại có chư thiên bảo hộ vườn đến nơi Đế Thích bạch Đế Thích rằng:

Thiên chủ ! Cây Ba-lợi-dạ-đa hoa đã nở hết rồi cho nên Thiên Tôn phải biết thời tiết. Chư thiên lại có voi chúa tên là I-la-bàn đê

cỡi đi đến vườn. Thân voi dài 9 do-tuần, cao 3 do-tuần hình dáng tương xứng.

Lúc ấy Đế Thích Hoàn Nhân sai sứ bảo voi rằng:

Thiện hữu ! Cây Ba-lợi-dạ-đa đã nở hoa hết rồi ! Chư thiên đang đến đó vào vườn để xem. Vì vậy nay ngươi nên tự trang sức đi.

Voi nghe lời sứ bảo vô cùng hoan hỷ, giống như người mới cầu hôn và đón vợ về, voi chúa vui mừng với tất cả những điềm lành tốt như vậy.

Bấy giờ voi chúa liền hóa ra 33 đầu, mỗi đầu như vậy có 6 ngà, mỗi ngà có ao 7 báu, mỗi ao như vậy đều có 7 hoa sen, mỗi hoa sen đều sinh 7 hoa, mỗi hoa như vậy sinh ra 7 lá và mỗi lá như vậy có 7 Thiên nữ giống như các kỹ nữ của chư thiên và có 7 lớp như vậy quanh hoa sen, hiển hiện khả ái. Do nhân duyên ấy, các hoa trang nghiêm, tất cả đều đầy đủ. Chư thiên trời Đao-lợi cung kính trước Đế Thích. Đế Thích đứng đầu trong đám chư thiên lên ngồi giữa đầu voi. Tả hữu hai bên, mỗi bên 16 chư thiên. Tất cả chư thiên đều tự suy nghĩ rằng ngồi giữa đầu nếu là chân thật thì chỉ có trời Đế Thích ngồi một mình ở giữa 33 trời lên voi rồi trước rồi chư thiên mới lần lượt lên.

Đế Thích có hai Thái tử, một tên là Chiên Đàn, hai tên là Tu-tì, làm Đại Tướng quân của trời Đao-lợi, cũng lên voi. Các Thiên nữ đẹp đẽ nhất, một tên là A-lam-phù-ta, hai tên Mật-xa-kế-thi, ba tên Phân-đà-lợi-kha, bốn tên Ni-la, năm tên A-lâu-na, sáu tên Ế-ni-bát-bà, bảy tên Tu-bát-bà, tám tên Bát-đà-la, chín tên Tu-pha-đà-la, mười tên Ma-đầu-kha-bà-trí. Các Thiên nữ này cũng lên voi.

Lại có các diệ Thiên nam, một tên A-lam-phù, hai tên Đạt-đầu-lâu-mi, ba tên Ntuệ-phù-lâu, bốn tên Thi-khí. Các diệ Thiên này cũng lên voi, ở trên lưng voi ca tấu âm nhạc. Tất cả chư thiên sau khi lên voi rồi, bấy giờ voi chúa vô cùng hoan hỷ giống như các vua thụ lễ quán đảnh cũng giống như thanh niên sắp đến hôn lễ, cử hành

chính pháp rồi dùng các hoa đẹp trang sức đầu cổ, thân, voi chúa cũng vô cùng hoan hỷ như vậy.

Bấy giờ voi chúa rống lên tiếng lớn, trời mưa cam lồ, chói lòa ánh sáng, rồi voi chúa hóa làm các kỹ nữ ca múa tấu nhạc biểu diễn nhiều thứ. Chư thiên kỹ nữ và kỹ nam đều ca múa tấu nhạc. Rồi voi chúa rống lớn tiếng thông thả bước đi như kết tràng hoa. Làm 3 lần như vậy thì đến vườn Ba-lợi-dạ-đa.

Lúc bấy giờ trời Đao-lợi từ trên voi xuống trên bảo thạch Bang-trụ-kiếm-ma-la. Nếu chỗ ngồi không đủ thì miếng đá hóa dài ra đủ cho chư thiên ngồi, vì phúc của chư thiên. Lúc ấy voi chúa A-di-la-bà-na liền biến hóa làm thân một Đồng tử của trời đeo ấn báu nơi cánh tay, đeo hoa tai báu và trang sức đầy đủ các loại, thụ 5 dục trần, tương ưng các thứ vui chơi. Có những Thiên tử lên xe voi, ngựa cùng lâu các khác. Cũng có những Thiên tử đi các thuyền báu từ sông Trường Hình nhanh chậm tùy theo ý muốn cùng vào vườn này. Ở trong vườn này ca hát riêng, múa riêng, đàn sáo riêng, tập hợp riêng. Ở đây chư thiên lấy 4 tháng, thụ ngũ dục trần, tương ưng đầy đủ vui chơi khoái lạc. Nếu so với ngày tháng của loài người là 1 vạn 2 ngàn năm, bằng một phần ba trong 10 năm tuổi thọ của chư thiên. Khi vườn này đã dùng hết thì đi các vườn khác. Các vườn của trời Đao-lợi, vườn này là lớn nhất trong 6 cái. Ngoài ra cũng còn các vườn lớn nhỏ khác đầy khắp các trời.

Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói và tôi đã nghe như vậy.

### HẾT QUYỂN 3

## LUẬN LẬP THỂ A TÌ ĐÀM

( *Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới* )

### QUYỂN 4

#### Phẩm 14: THÀNH ĐỀ-ĐÀU-LẠI-TRA

Núi chúa Tu-di có 4 đỉnh Đông, Tây, Nam, Bắc. Đỉnh phía Đông toàn bằng vàng ròng. Đỉnh phía Tây toàn bằng bạc. Đỉnh phía Bắc toàn bằng lưu ly. Đỉnh phía Nam toàn bằng pha lê. Lại có tất cả các báu tạo thành.

Lại có 7 tính chất là 4 đỉnh đều trên rộng dưới hẹp, giống như hoa sen nở. Nơi hẹp nhất chu vi 1 ngàn 5 trăm do-tuần. Nơi lớn nhất đường kính 7 trăm do-tuần. Chu vi 2 ngàn 1 trăm do-tuần. Ở cả 4 đỉnh đều có các loại thú cũng như chim chóc, sư tử, hổ báo, tất cả đều do hóa sinh. Tất cả đều ăn mùi vị cam lồ của trời, không tàn sát lẫn nhau. Có Kim cương thủ, tất cả chư thiên đều ở nơi đây. Có 4 núi Do-càn-đà. Một ở Đông, hai ở Tây, ba ở Bắc, bốn ở Nam. Núi Do-càn-đà ở phía Đông có 2 đỉnh. Phía Tây Bắc Nam cũng như vậy. Hai đỉnh phía Đông toàn là vàng ròng; 2 đỉnh phía Tây toàn bằng bạc, 2 đỉnh phía Bắc toàn bằng lưu ly, 2 đỉnh phía Nam bằng pha lê. Lại cũng có tất cả các báu khác tạo thành.

Lại có 7 tính chất như trên rộng dưới hẹp, dạng như hoa sen nở. Chỗ hẹp nhất đường kính 3 trăm 50 do-tuần, chu vi 1 ngàn 50



do-tuần, chỗ rộng nhất đường kính 5 trăm do-tuần, chu vi 1 ngàn 5 trăm do-tuần. Ở cả 8 đỉnh đều có các thú, cũng có chim chóc, sư tử, hổ báo; tất cả đều hóa sinh, đều ăn mùi vị cam lồ của trời, không sát hại lẫn nhau. Lại có Kim cương thủ, tất cả chư thiên đều ở nơi đây. Như vậy mỗi núi đỉnh đều gấp đôi. Cho đến núi thứ 7 là Ni-dân-đà thì có 5 trăm 12 đỉnh. Ở núi 7 đỉnh này cao rộng hướng ra ngoài, lần lượt giảm nhỏ lại một nửa.

Ở giữa 2 đỉnh núi Do-càn-đà ở phía Đông lại có một nước tên là Đề-đâu-lại-tra, chu vi 1 ngàn do-tuần, chung quanh có thành vàng bao bọc, cao 1 do-tuần, tường cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lâu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần lại có 1 cửa. Có tất cả 99 cửa, lại có một cửa nhỏ để đủ số 1 trăm. Tất cả các cửa này đều do những các báu tạo thành, trang sức bằng ngọc báu ma-ni. Giống như tấm nệm mềm mại đẹp đẽ có chạm trổ nhiều loại hình khác nhau. Ở cửa thành lại có 4 quân binh chung phòng vệ như trên đã nói. Ngoài có 7 lớp rào báu như trên đã nói. Bảy lớp rừng cây Đa-la bao bọc chung quanh cũng như trên đã nói.

Xen giữa những hàng cây này có các ao báu cách nhau 1 trăm đường tên bản, trang nghiêm các thứ như trên đã nói. Có 5 loại hoa báu như trên đã nói. Cũng có thuyền bằng 4 báu như trên đã nói. Trên bờ ao có 5 hàng cây báu như trên đã nói. Cho đến đền đài cũng bằng 4 báu là nơi ở của chư thiên nam nữ.

Ở bên ngoài thành có 3 lớp hào báu như trên đã nói. Mỗi mỗi hào rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi, miệng hồ dưới rộng trên hẹp đầy nhẫy nước trời như trên đã nói. Giữa các hào là đất la liệt cung điện, nơi ở của các thể nữ. Bên ngoài 3 lớp hào, có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói.

Khi bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở rộ; các Thiên nữ hòa tấu âm nhạc và chư thiên tử từ Đại thành ra xem nghe âm nhạc. Các

Thiên nữ cũng từ thành lớn ra để nghe âm nhạc. Do nhân duyên này mà hưởng thụ thú vui chơi.

Bên góc phía Tây Nam thành Đề-đầu-lại-tra là nơi trụ xứ của Thiên Vương. Chu vi 2 trăm 50 do-tuần, thành vàng vây quanh, cao 1 do-tuần, tường cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lâu cao một do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần lại có một cửa. Có 24 cửa lớn, lại có 1 cửa nhỏ để đủ số 25. Các cửa này đều do các thứ báu hợp thành trang sức bằng ngọc báu ma-ni như tấm thảm có thêu nhiều loại hình khác nhau. Trước cửa thành lại có 4 quân quân binh chủng phòng vệ như trên đã nói. Bên ngoài có 7 lớp hàng rào báu như trên đã nói. Có 7 lớp rừng cây Đa-la vây bọc chung quanh như trên đã nói.

Xen giữa những hàng cây này có các ao báu, cách nhau bằng trăm đường tên bắn, đẹp đẽ trang nghiêm như trước đã nói. Có 5 loại hoa báu như trên đã nói và thuyền 4 báu như trên đã nói. Bên bờ ao có 5 loại cây báu như trên đã nói, cho đến 4 thứ báu làm đèn đài; nơi ở của các nam nữ chư thiên.

Ở bên ngoài thành này có 3 lớp hào báu như trên đã nói. Mỗi một hào rộng 2 do-tuần; sâu một do-tuần rưỡi, hình tướng như cái miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, đầy nhảy nước trời như trên đã nói. Khoảng giữa hào có đất,la liệt các cung điện nơi ở của các thể nữ.

Ngoài 3 lớp hào ấy có rừng cây bằng 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói. Bên ngoài rừng cây ấy tất cả các hoa đều nở rộ. Chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc và các Thiên tử từ trong thành đi ra để xem nghe âm nhạc. Chư thiên nữ cũng từ thành đi ra để xem nghe âm nhạc. Do nhân duyên ấy hưởng thụ các vui chơi.

Ở bốn phía trong thành nội, chợ búa đường sá tất cả đều ngay ngắn. Đây là thành của chư thiên, hoặc có nơi 4 nhà tương ưng, hoặc có nơi nhà lầu nhiều tầng, hoặc có nơi đài quán chọc trời, hoặc có

nơi 4 phía khước dịch. Tùy theo phúc đức, mà các báu tạo thành, ngay thẳng đẹp đẽ.

Ở đây có con đường trời, cả hằng 50 con đường như vậy, 4 bên đều thông nhau thẳng hàng phân biệt, đều như đường bàn cờ, có 4 cửa thông nhau, Đông Tây trông thấy nhau; chợ búa phố xá đầy những báu vật. Một là chợ lúa gạo, 2 là chợ quần áo, 3 là chợ bán các thứ hương, 4 là chợ bán đồ ăn uống, 5 là chợ bán hoa, 6 là chợ bán đồ nghề, 7 là chợ dâm nữ. Nơi nơi đều có quan coi chợ. Trong các chợ có Thiên tử và Thiên nữ đều đến đây để mua bán, trao đổi hàng hóa, trả giá mắc rẻ, kèo nài thêm bớt. Cân đo đong đếm theo pháp mua bán. Tuy làm như vậy nhưng chỉ cho vui chứ không lấy không cho. Không có tâm lo riêng cho mình, thoát khỏi chỗ mong cầu, mới có thể đi. Do nghiệp tương ưng, tùy ý mà lấy. Nghiệp không tương ưng thì liền nói:

Vật này quý hiếm. Đây không phải của tôi cần.

Ngay 4 bên đường đều được bố trí voi, ngựa, xe, lính có các Thiên tử trong đó, hoặc để hộ vệ, hoặc để vui chơi; hoặc để trang nghiêm.

Giữa chợ có đường đi. Tất cả đều bằng lưu ly mềm mại khả ái, trang nghiêm bằng nhiều thứ báu, giống như đất phía Bắc được trải thảm mịn màng, có trang trí rồng, thú, hoa, cỏ như trước đã nói, cho đến đốt hương, rải hoa, treo các áo trời như trước đã nói. Lại ở nơi nơi đều dựng tràng phan.

Ở trong thành lớn nghe nhiều âm thanh không ngớt, nào tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng ốc, tiếng Ba-na- bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trùng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc và lại nghe tiếng: Hay thay đến đây ! Hay thay đến đây! Xin hãy ăn uống, tôi nay cúng dường. Đây là thành Đề-đầu-lại-tra, nơi ở của Thiên tử. Lại có châu trời, quận trời, huyện trời và thôn trời. Bao quanh khắp thành lớn này. Vua trời

Đê-đâu-lại-tra ở trong đây. Lãnh thổ của vua cực lớn, từ phía Đông núi Do-càn-đà đến núi Thiết Vi nơi trời Càn-thát-bà là do vua thống lãnh.

Nghĩa này do Phật đã nói và tôi nghe như vậy.

### **Phẩm 15: THÀNH TÌ-LU'U- LẶC-XOA**

Ở giữa 2 đỉnh phía Nam núi Do-càn-đà có một nước tên là Tì-lu'u-lặc-xoa, chu vi 1 ngàn do-tuần, thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, tường cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lâu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần có một cái cửa. Có 99 cửa và lại có thêm một cửa nhỏ nữa để đủ số 1 trăm. Các cửa này đều được tạo thành bởi các báu có trang sức ngọc báu ma-ni, giống như trái thắm mềm mại, có khắc họa nhiều thứ. Cổng thành có 4 quân binh chủng phòng vệ như trên đã nói. Bên ngoài có 7 lớp rào báu như trên đã nói. Có 7 lớp rừng cây Đa-la bao quanh như trên đã nói.

Xen giữa những cây này có các ao báu, cách nhau 1 trăm đường tên bản có trang sức các thứ như trên đã nói. Có hoa 5 thứ báu như trên đã nói. Có thuyền bằng 4 thứ báu như trên đã nói. Trên bờ hồ có 5 thứ cây báu như trên đã nói, cho đến đền đài bằng 4 thứ báu, nơi mà nam nữ chư thiên ở.

Bên ngoài bờ thành này là 3 lớp hào báu như trên đã nói. Mỗi mỗi hào rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi Hình dạng như cái miệng hồ dưới rộng trên hẹp, đầy nhẫy nước trời như trên đã nói. Giữa hào là đất có la liệt cung điện của các thể nữ.

Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 thứ báu bao quanh như trên đã nói. Lúc bấy giờ ở bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở, chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc, chư thiên tử từ đại thành ra để xem nghe âm nhạc và chư thiên nữ cũng từ đại thành ra để xem nghe âm nhạc. Vì nhân duyên ấy, mà hưởng thụ vui chơi.

Góc phía Tây Nam thành Tì-luu-lặc-xoa là nơi ở của vua trời Tì-luu-lặc-xoa, chu vi 2 trăm 50 do-tuần, có thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, tường cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lâu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần như vậy lại có 1 cửa. Có 24 cửa lớn lại thêm một cửa nhỏ để đủ số 25. Các cửa này cũng toàn là những thứ báu hợp thành, trang nghiêm bằng ngọc báu ma-ni, giống như trái thảm mịn màng có điêu khắc nhiều thứ. Cửa thành có 4 quân binh chũng phòng vệ như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 lớp rào báu như trên đã nói. Bảy lớp rừng cây Đa-la bao quanh như trên đã nói. Ở giữa những cây này có các ao báu cách nhau bằng trăm đường tên bản, trang sức nhiều thứ như trên đã nói.

Trên bờ ao có cây 5 báu như trên đã nói, cho đến 4 thứ đèn đài báu, nơi ở của chư thiên nam nữ. Bên ngoài bờ thành có 3 lớp hào báu như trên đã nói. Mỗi một hào báu rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi, hình dạng như cái miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, đầy nhẫy nước trời như trên đã nói.

Ở giữa những hào này là đất; có la liệt cung điện của các thế nữ. Ở bên ngoài 3 lớp hào lại có rừng cây 7 báu bao bọc chung quanh như trên đã nói. Lúc ấy bên ngoài rừng tất cả hoa đều nở rộ, chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc. Lúc ấy các Thiên tử từ trong thành ra để xem nghe âm nhạc thì các Thiên nữ cũng từ thành ra để xem nghe âm nhạc. Do nhân duyên ấy mà hưởng thụ vui chơi.

Ở bốn bên đại thành là phố chợ buôn bán, tất cả đều ngay thẳng. Đó là thành của chư thiên, có nơi 4 nhà tương ứng nhau, có chỗ có nhà nhiều tầng, có chỗ ở có nhiều lầu cao, có chỗ ở có đài quán chọc trời., có chỗ ở 4 bề khước địch, tùy theo phúc đức mà các thứ báu tạo thành, bằng phẳng đẹp đẽ. Đường nơi thành này có đến 50 con đường, 4 bên thông nhau, thẳng hàng phân minh như đường

bàn cờ. Bốn cửa thông nhau, Đông Tây có thể thấy nhau. Có chợ búa bán đầy hàng hóa báu các loại. Một là chợ bán gạo, 2 là chợ bán y phục, 3 là chợ bán dầu thơm, 4 là chợ bán đồ ăn, 5 là chợ bán hoa, 6 là chợ bán đồ nghề, 7 là chợ dâm nữ, Nơi nơi đều có quan coi chợ. Trong chợ các Thiên tử Thiên nữ vãng lai mua bán, giao dịch hàng hóa, trả giá mắc rẻ, kì kèo thêm bớt, cân đo đong đếm theo phép bàn buôn. Tuy làm như vậy nhưng chỉ cho vui, không lấy không cho, không có tâm cầu về mình, cần thoát dục. Xong rồi lại đi. Nếu nghiệp tương ưng, tùy ý mà lấy. Nghiệp không tương ưng thì nói:

Vật này thật quý; ta không cần đến.

Ở bốn phố phường đều có ngựa, voi, xe, binh lính trang nghiêm. Có các Thiên tử ở trong đó, hoặc để phòng vệ, hoặc để vui chơi, hoặc vì trang nghiêm. Giữa chợ có đường đi, tất cả đều bằng lưu ly, mềm mại khả ái, do các báu hợp thành giống như đất phía Bắc đẹp đẽ như trái thảm, có hình rồng, thú, hoa, cỏ như trước đã nói. Cho đến đốt hương rải hoa, treo y phục cõi trời cũng như vậy. Lại ở nơi nơi đều có dựng tràng phan. Ở trong đại thành không ngớt nghe các thứ tiếng, như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng ốc, tiếng Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trùng-già, tiếng kèn, tiếng âm nhạc, lại nghe có tiếng nói:

Hay thay đến đây ! Hay thay đến đây! Xin hãy ăn uống, tôi nay cúng dường.

Đó là đại thành Tì-lưu-lặc-xoa, nơi ở của Thiên tử. Cũng có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời cùng khắp. Trong thành lớn này có vua trời Tì-lâu-lặc-xoa ở đó. Lãnh thổ của vua cực rộng, từ phía Nam núi Do-càn-đà đến núi Thiết Vi của thần Curu-bàn-trà là lãnh thổ của vua.

Nghĩa áy Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

## Phẩm 16: THÀNH TÌ-LƯU-BÁT-XOA

Nằm giữa 2 đỉnh phía Tây núi Do-càn-đà có một nước tên là Tì-lưu-bát-xoa, chu vi 1 ngàn do-tuần, thành toàn bằng vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, bờ tường cao nửa do-tuần; cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần có một cửa. Tất cả là 99 cửa, lại thêm một cửa nhỏ nữa để đủ số 1 trăm. Các cửa này đều làm thành bằng các báu trang sức ngọc báu ma-ni, như một tấm thảm mịn màng đẹp đẽ, có khắc họa nhiều thứ khác nhau. Cổng thành có 4 quân binh chũng phòng vệ như trên đã nói.

Bên ngoài có 7 lớp rào, 7 hàng cây báu bao quanh. Giữa rừng này có các ao báu, cách nhau bằng trăm đường tên bắn, trang nghiêm nhiều thứ. Có 5 loại hoa báu và thuyền bằng 4 thứ báu. Bên bờ hồ có nhiều cây báu cho đến những đền đài cũng bằng các thứ báu, nơi ở của nam nữ chư thiên như trên đã nói.

Bên ngoài thành này có 3 lớp hào báu. Mỗi hào rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi, hình dạng như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, đầy nhãn nước trôi như trên đã nói. Giữa hào là đất có la liệt đền đài, nơi ở của các thể nữ.

Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 báu bao quanh như trên đã nói. Lúc bấy giờ ở bên ngoài rừng tất cả các hoa đều nở rộ; các Thiên nữ hòa tấu âm nhạc thì các Thiên tử từ đại thành ra để xem nghe và các Thiên nữ cũng từ đại thành ra để xem nghe âm nhạc. Do nhân duyên ấy mà thụ hưởng vui chơi.

Bên góc thành Tây Nam là trụ xứ của vua trời Tì-lưu-bát-xoa, chu vi 2 trăm 50 do-tuần, thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, tường cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần lại có 1 cửa. Cứ 24 cửa lớn lại có một cửa nhỏ để đủ số 25. Tất cả các cửa được làm bằng các thứ báu, trang nghiêm bằng ngọc báu ma-ni như tấm thảm mịn màng

có thêu nhiều loại đẹp đẽ. Cửa thành có 4 quân quân binh chũng phòng vệ.

Bên ngoài có 7 lớp rào bấu, và 7 lớp cây Đa-la vây bọc chung quanh. Xen giữa những cây này có các ao bấu, cách nhau bằng trăm đường tên bấu, trang trí bằng các thứ bấu. Có 5 thứ hoa bấu, có thuyền bằng 4 thứ bấu.

Trên bờ ao có 5 thứ cây bấu, cho đến những đèn đài bằng 4 thứ bấu, nơi nam nữ chư thiên ở như trên đã nói. Bên ngoài thành có 3 lớp hào bấu. Mỗi hào rộng 2 do-tuần; sâu 1 do-tuần rươi, hình như miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, đầy nhẫy nước trời như trên đã nói.

Xen giữa các hào là đất, có la liệt đèn đài nơi ở của các thể nữ. Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 bấu bao quanh đều như trên đã nói. Bên ngoài rừng tất cả hoa đều nở rộ, các Thiên nữ hòa tấu âm nhạc thì các Thiên tử ra khỏi thành cùng các Thiên nữ cũng đến xem nghe. Do nhân duyên ấy mà hưởng thụ vui chơi.

Bên trong nội thành, ở bốn bên đều có chợ búa đường xá ngay ngắn. Đây là thành của chư thiên, có nơi 4 nhà tương ứng, có nơi là nhà cao tầng, có nơi là nhà nhiều tầng lầu cao, có nơi là nhà chọc trời, có nơi bốn bên khước địch, tùy theo phúc đức mà được các bấu hợp thành, ngay ngắn đẹp đẽ.

Đường xá trong thành có đến 50, bốn phía thông nhau, xếp hàng phân minh như đường bàn cờ. Bốn cửa thông thấu Đông Tây trông thấy nhau. Chợ búa phố xá đầy dẫy hàng hóa bấu. Có chợ bán lúa gạo. Có chợ bán áo quần, có chợ bán hương thơm, có chợ bán đồ ăn uống, có chợ bán hoa, có chợ bán đồ nghề có chợ dâm nữ. Nơi nơi đều có một quan coi chợ. Trong chợ Thiên tử Thiên nữ vãng lai mua bán giao dịch hàng hóa trả giá mắc rẻ, kèo nài thêm bớt, cân đong đo đếm theo cách bán buôn ở chợ. Tuy nhiên việc này là để cho vui, không lấy không cho, không có tâm cầu làm của mình, thoát tục là



điều cần yếu xong rồi đi. Nếu nghiệp phù hợp thì tùy ý lấy. Nghiệp không phù hợp thì nói: Vật này hiếm quý, tôi không cần đến.

Ở 4 bên đường có bố trí voi, ngựa, xe, lính tráng. Có các Thiên tử ở đó hoặc để phòng vệ, hoặc để vui chơi, hoặc để cho tôn nghiêm.

Các con đường trong chợ tất cả đều bằng lưu ly mềm mại khả ái, đều do các thứ báu trang nghiêm giống như đất phía Bắc, đẹp đẽ mềm mại như tấm thảm có trang trí hình rồng, thú, hoa, cỏ như trước đã nói. Cho đến đốt hương, rải hoa, treo áo chư thiên cũng như vậy. Lại nữa ở nơi đó cũng có dựng tràng phan. Ở trong thành nội không ngớt nghe các thứ tiếng như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng ốc, tiếng Ba-na-bà, tiếng Mâu-trùng-già, tiếng kèn, tiếng âm nhạc và nghe có tiếng nói:

Hay thay đến đây ! Hay thay đến đây ! Hãy ăn uống, nay tôi cúng dường.

Đây là đại thành của Tì-lưu-bát-xoa, nơi Thiên tử ở. Lại cũng có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời, khắp nơi. Trong thành này là nơi ở của vua trời Tì-lưu-bát-xoa. Lãnh địa của vua cực lớn. Từ phía Tây núi Do-càn-đà đến biên giới Thiết Vi của tất cả các chim rồng Già-lâu-la là lãnh thổ của vua trời.

Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

### **Phẩm 17 : Thành Tì-sa-môn**

Giữa 2 đỉnh núi phía Bắc của Do-càn-đà một nước tên là Tì-sa-môn, chu vi 1 ngàn do-tuần, thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, bờ thành cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần lại có 1 cửa, cứ 99 cửa lại có 1 cửa nhỏ để đủ số 1 trăm. Các cửa này tất cả đều do các báu tạo thành có trang sức ngọc báu ma-ni giống như tấm thảm mịn màng đẹp đẽ có thêu nhiều thứ. Cửa thành có 4 quân binh chũng phòng vệ.

Bên ngoài có 7 lớp rào báu, lại có 7 lớp cây Đa-la bao quanh. Trong rừng này có các ao báu, cách nhau bằng trăm tầm bắn cung, có trang nghiêm nhiều thứ. Có 5 thứ hoa báu và 4 thuyền báu. Ở trên bờ ao có 5 thứ cây báu, cho đến đền đài làm bằng 4 thứ báu là nơi nam nữ chư thiên ở như trước đã nói.

Bên ngoài thành có 3 lớp hào báu. Mỗi một hào rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi, hình thể như cái miệng hồ, dưới rộng trên hẹp, có đầy nhầy nước trời như trên đã nói. Giữa các hào là đất, có la liệt đền đài, là nơi các thể nữ ở. Bên ngoài 3 lớp hào có 7 rừng cây báu bap quanh như trên đã nói. Bấy giờ tất cả các loại hoa đang nở đẹp. Chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc thì các Thiên tử từ trong đại thành ra để xem nghe âm nhạc. Chư thiên nữ cũng từ đại thành ra cũng để nghe âm nhạc. Do nhân duyên ấy mà hưởng thụ vui chơi.

Bên góc thành phía Tây Nam là trú xứ của vua trời Tì-sa-môn. Chu vi 2 trăm 50 do-tuần, thành vàng bao quanh. Cao 1 do-tuần, bờ tường cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần lại có 1 cửa. Cứ 24 cửa lớn lại có 1 cửa nhỏ cho đủ số 25, đều do các báu tạo thành, trang sức ngọc báu ma-ni giống như tấm thảm mịn màng đẹp để có thêm nhiều chim thú. Cổng thành có 4 quân binh chũng phòng vệ.

Ở bên ngoài có 7 lớp rào báu, có 7 lớp cây Đa-la báu bao quanh. Xen giữa rừng này là các ao báu, cách nhau bằng trăm tầm bắn cung, trang sức các thứ. Có 5 thứ hoa báu và thuyền bằng 4 thứ báu. Trên bờ ao có 5 thứ cây báu và đền đài bằng 4 châu báu, nơi nam nữ chư thiên ở; tất cả như trên đã nói.

Ở bên ngoài thành là 3 lớp hào báu. Cứ mỗi một hào như vậy rộng 2 do-tuần, sâu 1 do-tuần rưỡi, đầy nhầy nước trời như trên đã nói. Xen giữa những hào này là đất, la liệt nhiều đền đài là nơi ở của các thể nữ.

Bên ngoài 3 lớp hào có rừng cây bằng 7 báu bao quanh, tất cả đều như trước đã nói.

Bên ngoài rừng tất cả hoa đều nở rộ đẹp đẽ. Khi chư thiên nữ hòa tấu âm nhạc thì các Thiên tử từ trong thành ra. Đồng thời các Thiên nữ cũng cùng ra để xem nghe. Do nhân duyên ấy mà hưởng thụ vui chơi.

Ở bốn bên của đại thành đều có chợ búa. Tất cả đều ngay ngắn. Ở nơi thành trời này có nơi 4 nhà tương ứng nhau, có nơi có nhà cao tầng, có nơi có nhà nhiều tầng, có nơi có nhà chọc trời, có nơi có bốn phía khước địch. Đó là do phúc nghiệp mà được các báu tạo thành, ngay thẳng đoan nghiêm.

Đường xá trong thành có đến 50 đường, 4 bên thông nhau, phân chia rõ ràng như đường bàn cờ; 4 cửa thông nhau, Đông, Tây trông thấy nhau. Phố xá chợ búa đầy hàng hóa báu. Một là chợ bán lúa gạo, 2 là chợ bán y phục, 3 là chợ bán hương thơm, 4 là chợ bán đồ ăn uống, 5 là chợ bán hoa, 6 là chợ bán đồ nghề, 7 là chợ dâm nữ. Nơi nơi đều có quan coi chợ. Trong chợ các Thiên tử và Thiên nữ vãng lai mua bán, trả giá mắc rẻ, kỳ kèo thêm bớt, cân đo đong đếm theo phép bán mua ở chợ. Tuy làm vậy nhưng cốt chỉ để vui, không lấy không cho; không vì thuộc về mình, thoát khỏi sự mong muốn. Xong rồi lại đi. Nếu là nghiệp phù hợp thì tùy ý mà lấy. Nếu nghiệp không phù hợp thì nói: Vật này quý hiếm, tôi không cần.

Bốn bên đường phố có ngựa, voi, xe, quân lính trang nghiêm, và các Thiên tử ở hoặc để phòng vệ, hoặc để vui chơi.

Trong chợ có đường xá, tất cả đều bằng lưu ly, mịn màng khả ái như đất phía Bắc được trải một tấm thảm đẹp đẽ, trên ấy có trang trí những rồng, thú, hoa, cỏ. Tất cả như trên đã nói. Đốt hương rải hoa, treo y phục cõi trời cũng như vậy. Nơi nơi có dựng tràng phan. Ở trong đại thành của chư thiên không ngớt nghe các thứ tiếng như

tiếng voi, ngựa, xe, ốc, v.v... Cả tiếng Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trùng-già, tiếng sáo, tiếng âm nhạc và cũng nghe được tiếng bảo rằng:

Hay thay đến đây ! Hay thay đến đây! Hãy ăn uống ta nay cúng dường.

Đại Thành của Tì-sa-môn này là nơi Thiên tử ở. Lại cũng có châu trời, quận trời, huyện trời, thôn trời, trải khắp trong thành lớn. Vua trời Tì-sa-môn cư trú nơi này. Lãnh thổ của vua cực lớn. Từ phía Bắc núi Do-càn-đà đến biên giới Thiết Vi, tất cả thần Dạ-xoa là lãnh thổ của vua. Thành Tì-sa-môn có rất nhiều thức ăn uống như Khur-đà-ni, Bồ-xà-ni, cho nên cũng có tên là A-la-kha Mạn-đà. Nghĩa ấy Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

#### HẾT QUYỂN 4

## LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

( *Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới* )

### QUYỂN 5

#### **Phẩm 18: CHIẾN ĐẤU GIỮA TRỜI VÀ PHI THIÊN**

Trên đỉnh núi chúa Tu-di đất bằng phẳng, do lưu ly làm thành, mềm mại đáng yêu, trang nghiêm bằng các báu, như đất phía Bắc giống như tấm thảm có thêu nhiều thứ, như hoa tai trang sức bằng các báu. Khi giẫm chân lên thì đất lún xuống, khi gỡ chân thì nổi lên. Như bông vải đầu-la miên đất này cũng mềm nhuyễn như vậy.

Thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, tường thành cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần lại có một cửa. Có 3 vạn 2 ngàn cửa, các cửa thành đều do các báu hợp thành, trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống đất phía Bắc, như tấm thảm mềm mại đẹp đẽ thêu đủ hình người, phi nhân v.v... rồng, thú, cỏ, cây cho đến các hoa khác, không thiếu thứ gì. Lại như hoa tai gồm nhiều thứ báu, đầy đủ, các cửa thành này cũng như vậy.

Bên các cửa thành này có trang nghiêm nào voi, ngựa, xe, lính. Các Thiên tử thì trang bị áo giáp binh trượng tập trung ở trong bảo vệ đất nước hoặc để vui chơi hoặc cho tôn nghiêm. Nơi nơi đều có ao báu; có đầy nhẫy nước trời, có gạch 4 báu bao bọc đáy ao, thành

ao, bờ ao như trên đã nói. Cho đến chư thiên nam nữ đầy khắp nơi ấy cũng như vậy, Núi chúa Tu-di từ đỉnh xuống 2 vạn do-tuần là tầng thứ nhất. Tầng này vươn ra 4 phía 50 do-tuần. Chu vi tăng lên 4 trăm do-tuần, thành vàng bao quanh cao 1 do-tuần, bờ tường cao 1 do-tuần rưỡi, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lâu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần có một cửa, vô số cả hàng ngàn cửa đều do các báu tạo thành, trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất ở phía Bắc như trái thảm mềm mại có trang trí hình người, phi nhân v.v... có cả rồng, thú, cỏ, cây cho đến những hoa tạp không thiếu một thứ gì. Cũng giống như những hoa tai gồm toàn các báu, các cửa thành này cũng như vậy.

Bên các cửa thành có ngựa, voi, 4 quân binh chủng phòng vệ để giữ gìn đất nước, hoặc để vui chơi, hoặc cho tôn nghiêm. Bên ngoài thành có các ao báu, lát bằng gạch 4 báu đến tận đáy ao, thành ao bờ ao. Cho đến Thiên tử Thiên nữ đầy khắp nước cũng như vậy.

Có các Thiên tử tên là Tri Man ở trong thành này. Núi Tu-di này số chu vi tăng thêm 4 trăm do-tuần hợp thành 8 trăm do-tuần. Từ đỉnh trở xuống 4 vạn do-tuần. Đó là tầng thứ 2, vươn ra 4 phía và rộng hơn tầng trên 50 do-tuần. Thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, tường thành 1 do-tuần rưỡi, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lâu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần lại có 1 cửa, có vô số ngàn cửa đều do các báu hợp thành trang sức ngọc báu ma-ni, giống như đất phía Bắc như trái thảm mịn màng đẹp đẽ, có trang trí hình người, phi nhân, rồng, thú, cỏ, cây cho đến những hoa tạp không thiếu thứ gì. Lại cũng giống như hoa tai đủ các báu, các cửa thành này cũng như vậy.

Bên ngoài cửa thành có voi, ngựa, 4 binh chủng phòng vệ để giữ gìn đất nước để vui chơi và để cho tôn nghiêm. Có các ao báu, 4 thứ gạch báu lát đáy ao, thành ao, bờ ao, các Thiên tử ở khắp nước cũng như vậy.

Có các Thiên tử tên là Thường Thắng ở trong thành này. Chu vi núi chúa Tu-di lại tăng 8 trăm do-tuần hợp thành 1 ngàn 2 trăm do-tuần. Từ đỉnh núi nhìn xuống 6 vạn do-tuần là tầng thứ 3, vươn ra 4 phía 2 tầng 50 do-tuần. Thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, tường thành cao 1 do-tuần rưỡi, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần lại có một cửa. Có vô số ngàn cửa đều do các báu hợp thành, trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất phía Bắc như trái thảm mịn màng đẹp đẽ có trang trí hình người, phi nhân v.v... thú, rồng, cỏ, cây cho đến những hoa tạp khác, không thiếu thứ gì. Lại như những hoa tai bằng các báu.

Ở nơi cửa thành cũng như vậy. Bên cửa thành lại có bố trí voi, ngựa, 4 quân binh chủng phòng vệ để giữ gìn đất nước, hoặc để vui chơi hoặc để tăng phần tôn nghiêm. Có các ao báu được bao bọc bằng 4 thứ báu từ đáy ao, thành, ao, bờ ao. Cho đến có nhiều Thiên tử ở trong nước này cũng giống như vậy. Có các Thiên tử tên là Thủ Trì Bảo Khí ở trong thành này. Thành vàng bao quanh, trang trí nhiều thứ như trên đã nói. Cho đến các Thiên tử cũng ở đầy khắp nơi trên nước này cũng như vậy.

Chu vi núi chúa Tu-di tăng thêm 4 trăm do-tuần hợp thành 1 ngàn 6 trăm do-tuần là tầng thứ 4, rộng hơn tầng thứ 3. Bốn phía vươn ra 50 do-tuần. Từ mặt biển hướng lên 50 do-tuần là tầng thứ 4 của núi chúa Tu-di, rộng như tầng thứ 3 là 50 do-tuần, bề dày cũng như vậy. Thành vàng bao quanh, cao 1 do-tuần, tường thành cao 1 do-tuần rưỡi, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần có một cửa, có vô số ngàn cửa làm bằng các báu, trang sức ngọc báu ma-ni, giống như đất ở phía Bắc như trái thảm mịn màng đẹp đẽ, có trang trí hình người, phi nhân, rồng, thú, cỏ, cây cho đến những hoa tạp không thiếu thứ gì. Giống như hoa tai bằng các thứ báu. Nơi cửa thành này cũng lại như vậy.

Ở bên ngoài cửa thành có bố trí voi, ngựa, 4 binh chủng phòng vệ để giữ gìn đất nước hoặc để vui chơi hoặc cho tôn nghiêm. Có các ao báu được lát gạch bằng 4 thứ báu đến tận đáy ao, thành ao, bờ ao. Các Thiên tử cũng ở đây khắp nước như vậy. Tầng thứ 4 này là chỗ ở của lính Tứ Thiên Vương. Bên ngoài tầng này lại vươn ra 4 trăm 50 do-tuần, chu vi 1 ngàn 8 trăm do-tuần là nơi ở của rồng và chim cánh vàng.

Các tầng trên dưới của núi Tu-di đều dày 50 do-tuần. Các tầng ở trong biển đều là chỗ ở của Tu-la. A-tu-la này vì được 5 nhân duyên với chư thiên cho nên đến đây để chinh phạt. Những gì là 5 ?

Một là vị cam lồ của trời, hai là ngang bằng địa vị với chư thiên, ba là có các vườn rừng của chư thiên, bốn là có thành ấp của chư thiên, năm là có các Đồng nữ của chư thiên. Vì năm việc này mà đến công kích với chư thiên. Chư thiên cũng muốn được năm việc ấy nên cũng đến để công kích với A-tu-la. Những gì là năm?

Một là vị cam lồ của A-tu-la, hai là ngang bằng địa vị với A-tu-la, ba là có vườn rừng của A-tu-la, bốn là có thành ấp của A-tu-la, năm là có Đồng nữ của A-tu-la. Vì 5 việc này mà chư thiên đến công kích với Tu-la.

Lúc bấy giờ Tu-la cũng đến công kích chư thiên, trước tiên ở trên nước cùng đấu với rồng và chim. Nếu không xong, liền trở về chỗ cũ. Nếu chiến thắng thì lên tầng dưới cùng với quân của Tứ vương và các rồng, chim lại lên ở trên tầng này cùng đấu. Tu-la không được, lại lui về chỗ cũ. Nếu thắng thì lên tầng hai cùng với quân của Tứ vương và cầm bảo khí chư thiên cùng các rồng, chim chiến đấu. Nếu không được thì lại trở về chỗ cũ. Nếu thắng thì lên tầng ba cùng Thường Thắng Thiên và cầm những bảo khí cùng với quân của Tứ vương cùng rồng, chim v.v... chiến đấu. Nếu không được thì trở về chỗ cũ. Nếu thắng thì lên tầng bốn, chiến đấu với Trì



Mạn Thiên và các trời dưới với quân của Tứ Thiên và rồng, chim v.v... Nếu không được thì trở lại chỗ cũ. Nếu thắng thì lên trên đỉnh của núi Tu-di.

Lúc ấy Trì Mạn Thiên đến nơi của Đế Thích báo cho biết sự việc rằng:

Thiện Tôn ! A-tu-la đã đến.

Đế Thích nghe vậy liền dùng 1 ngàn con ngựa thắng vào một cỗ xe, dùng áo A-la-hán làm cờ xí, voi, ngựa 4 binh chủng không hỗn tạp, quân lính vây quanh để ra chiến trường. Lúc ấy 32 vua trời đều có 4 bộ binh chủng vây quanh cũng đến chiến trường. Hai Thái tử của vua là Diên-đà, và Tu-tì cũng có 4 quân vây quanh đồng đến chiến trường. Lúc ấy Tứ Thiên vương cũng có 4 quân vây quanh, đồng đến chiến trường.

Thái tử Nhật Nguyệt cũng có 4 quân vây quanh đồng đến chiến trường. Như vậy chư thiên cùng với tiên xa tướng quân ở nơi ấy cùng A-tu-la khởi cuộc đại chiến. Quân voi thì đấu với quân voi, quân ngựa và bộ binh cũng như vậy. Lúc chiến đấu, ai đến trước tất tự lui trước. Đúng pháp là như vậy. Việc này Phật Thế Tôn nói : Tì-kheo ! Xưa kia trời chiến đấu với A-tu-la. Khi đánh nhau, quân hai bên giao tranh với nhau bằng dao và quân của chư thiên thắng, còn A-tu-la tan vỡ rút lui.

Tì-kheo ! Lúc Tu-la rút lui, mặt hướng về Nam mà chạy trở lại chỗ ở cũ thì chư thiên mới lui về.

Tì-kheo ! Lúc bấy giờ Tu-la liền suy nghĩ rằng chư thiên đã thắng, chúng ta là kẻ thua. Chư thiên lui về rất gấp, quân ta còn chưa hết, phải quyết chiến trở lại. Lần thứ 2 chư thiên cũng đại thắng và Tu-la lại rút lui. Lúc bấy giờ Tu-la, mặt hướng về Nam mà chạy về lại chỗ cũ. Chư thiên bèn lui về.

Tì-kheo ! Lúc bấy giờ Tu-la lại suy nghĩ: Chư thiên đã thắng, chúng ta đã bại. Chư thiên lui về gấp như vậy chúng ta bây giờ nên đem quân còn lại đánh chắc chắn quyết thắng được.

Tì-kheo ! Lần thứ 3 chư thiên cũng lại thắng, Tu-la tan rã lui trở lại thành cũ của mình đóng công ở trong đó.

Tì-kheo ! Lúc ấy Tu-la liền nghĩ rằng: Ta đã vào trong thành, chư thiên có đến cũng không thể công kích ta được.

Tì-kheo ! Chư thiên lại nghĩ rằng: Bọn A-tu-la đã vào thành rồi, không thể trở lại công kích được. Rồi chư thiên bao vây chung quanh thành, làm cho thành không lối ra. Chư thiên liền được ăn mùi vị cam lồ của Tu-la, rồi chiếm cứ đất bằng cùng các vườn rừng, cho đến đất đai làng xã cùng đồng nữ v.v... Tất cả đều bị chiếm đoạt và thâu lấy tài sản, nắm giữ hộ khẩu nam nữ không sót. Nếu chư thiên có ý nghĩ muốn vào thành ấy thì ta cùng Tu-la phải cùng nhau ăn uống. Đã là chỗ thân thích tức phải thân cận, tùy ý tới lui, ăn uống chuyện trò. Khi vào thành rồi, nếu làm gì không phù hợp thì ra trở lại tự nhiên.

Vì sao như vậy ?

Bởi vì thành này là nơi vô úy của A-tu-la. Rồi chư thiên như ý ở lại nước này. Các Tu-la Đồng Nữ đã bị trói buộc rồi, khi nào muốn đi thì đem về cõi trời. Lúc ấy các Tu-la bọc gói các vị cam lồ đến để chuộc lại người nhà. Vào thành của chư thiên, hỏi khắp các nơi, nếu thấy có quyến thuộc thì cùng chư thiên thương lượng giá cả, nếu chuộc được thì đem trở về. Nếu mà chư thiên thua thì bị bắt trói cũng như vậy.

Đại thành Thiện Kiến trên trời Đao-lợi là nơi trụ xứ của Đê Thích Hoàn Nhân. Còn thành A-tu-la là nơi ở của vua A-tu-la. Nếu như vua Đao-lợi có voi chúa tên I-la-bàn để đi quanh vườn thì A-tu-la cũng có voi chúa tên Bạt-đà-bà-kha để đi thăm các vườn rừng. Nếu như vua Đao-lợi có voi chúa tên Thiện Trụ để cỡi đi chiến

đấu thì A-tu-la cũng có voi chúa tên Nha-la-bà để cỡi đi chiến đấu. Nếu như trời Đao-lợi có châu, quận, huyện v.v... thì cảnh giới của A-tu-la cũng như vậy, trừ Thiện Pháp Đường và tòa nhà lầu Bì-thiên-diên-đa.

Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói, và tôi nghe như vậy.

### **Phẩm 19 : NHẬT NGUYỆT HÀNH**

Từ nơi đất Diêm-phù-đề cao 4 vạn do-tuần là nơi mặt trời, mặt trăng đi nửa núi Tu-di đến núi Càn-đà. Đó là cung điện của mặt trời, mặt trăng, là một khối tròn như cái trống.

Nguyệt cung này dày 50 do-tuần, rộng 50 do-tuần, chu vi 1 trăm 50 do-tuần. Cung điện mặt trăng này đều do lưu ly làm thành và được bao bọc bằng bạch ngân, đa phần là thủy đại. Ở phía dưới là nước cũng rất nhiều, có ánh sáng thật chói chang. Phần bên trên là thành vàng bao bọc, thành cao 1 do-tuần, tường thành cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ 10 do-tuần lại có 1 cửa. Tất cả là 14 cửa lại thêm 1 cửa nhỏ. Các cửa thành đều do các báu làm thành, trang sức bằng ngọc báu ma-ni, giống như đất phía Bắc như trái thảm có thù hình người, phi nhân v.v... cùng rồng, thú, cỏ, cây với các loại hoa khác không thiếu thứ gì. Lại cũng có những thứ báu như hoa tai, các cửa thành này cũng như vậy.

Bên cửa thành có bố trí voi, xe 4 quân binh chủng. Các Thiên tử được trang áo giáp và binh trượng, tập hợp bên trong để bảo vệ đất nước cũng như vui chơi và làm tăng phần tôn nghiêm. Nơi nơi đều có ao báu, đầy nhẫy nước trời, bao bọc bằng gạch 4 thứ báu tận đáy ao, thành ao, bờ ao như trên đã nói. Cho đến chư thiên nam nữ đầy khắp trong ấy cũng như vậy. Cung điện đó gọi tên là Chiên Đàn, là nơi Nguyệt Thiên tử ở. Lại cũng có tên Chiên Đàn là những cung điện

của Thiên tử, tất cả đều có tên là Chiên Đàn. Các cung điện như vậy ở đời hơn 40 kiếp và do chúng sinh nghiệp tăng thượng duyên nên hằng được chiếu sáng. Lúc Thiên tử ở đó thì di chuyển. Nếu Thiên tử không có mặt cung điện cũng di chuyển. Khi Thiên tử về thì tùy theo cung điện mà trụ.

Nhật cung này dày 51 do-tuần, rộng 51 do-tuần: Chu vi 1 trăm 53 do-tuần. Đây là cung điện của mặt trời, bằng pha lê tạo thành; lại có vàng đỏ bao phủ. Đa phần là hỏa đại. Phần lửa bên dưới có ánh sáng nhiều nhất. Ở bên trên có thành vàng bao quanh. Thành cao 1 do-tuần, tường thành cao nửa do-tuần, cửa thành cao 2 do-tuần, cửa lầu cao 1 do-tuần rưỡi. Cứ mỗi 10 do-tuần lại có 1 cửa. Có 14 cửa và thêm 1 cửa nhỏ. Các cửa thành này toàn bằng các báu hợp thành, trang sức ngọc báu ma-ni, giống như đất phía Bắc mềm mại đẹp đẽ như tấm thảm, có thêu hình người, phi nhân và rồng, thú, cỏ, cây cùng những thứ hoa khác không thiếu thứ gì. Cũng giống như hoa tai trang sức, cửa thành này cũng như vậy.

Bên cửa thành có bố trí voi, xe và 4 quân binh chủng hộ vệ hoặc để làm cho tôn nghiêm. Nơi nơi đều có ao báu đầy nhẫy nước trời, có gạch 4 báu lát tận đáy hồ, như trên đã nói. Cũng như vậy, chư thiên nam nữ ở khắp trong đó.

Cung điện này tên là Tu-dã. Đây là nơi Nhật Thiên tử ở. Lại tên Tu-dã là cung điện của các Thiên tử, tất cả đều có tên Tu-dã. Các cung điện này trụ ở đời hơn 40 kiếp, do nghiệp duyên của chúng sinh tăng thượng thì thường hay có ánh sáng chiếu. Lúc Thiên tử có mặt thì cung điện di chuyển. Lúc Thiên tử không có mặt thì cung điện cũng di chuyển. Khi Thiên tử trở lại thì tùy theo cung mà trụ.

Cung điện này đường kính nơi nhỏ nhất là nửa câu-lô-xá, chu vi 1 câu-lô-xá rưỡi. Nơi lớn nhất đường kính là 16 do-tuần, chu vi 48 do-tuần. Trước mặt trời mặt trăng; có các Thiên tử hành lạc. Các

Thiên tử này nếu du hành thì hưởng thụ vui chơi, vì nghiệp duyên của chúng sinh tăng thượng. Cho nên có phong luân hằng thời xoay tròn. Do gió thổi nên Nhật cung Nguyệt cung xoay chuyển không ngừng.

Cung điện mặt trời có 180 đường đi. Cung điện mặt trăng có 15 đường đi. Cứ 12 đường đi của mặt trời là 1 đường đi của mặt trăng. Khi mặt trời mọc lặn trên đường đi 12 ngày thì mặt trăng mọc lặn một ngày. Từ con đường cực Nam đến con đường cực Bắc là 2 trăm 90 do-tuần. Mặt trời và mặt trăng đi ở giữa; không có giảm chiều dài. Mặt trời có 2 đường đi. Một là đường bên ngoài và 2 là đường bên trong. Đường bên trong là từ đường trong Diêm-phù-đề đến đường trong của Uất-đan-việt cách nhau 4 ức 8 vạn 8 trăm do-tuần, chu vi 14 ức 4 vạn 2 ngàn 4 trăm do-tuần.

Con đường ngoài thì cách nhau 4 ức 8 vạn 1 ngàn 3 trăm 80 do-tuần, chu vi 14 ức 4 vạn 4 ngàn 1 trăm 40 do-tuần. Khi mặt trăng di chuyển, đi một bên thì nhanh, đi vòng tròn thì chậm. Khi mặt trời di chuyển, đi giáp vòng thì nhanh, đi một bên thì chậm. Khi mặt trời đi, với mặt trăng lúc hợp lúc lia. Trong một ngày mặt trời đi 4 vạn 8 ngàn 80 do-tuần. Hợp hay lia đều như vậy. Nếu khi hợp thì mặt trời che khuất mặt trăng 3 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần. Vì vậy nên 15 ngày thì tất cả bị che và ánh sáng không hiện. Nếu lúc lia ra, khi mặt trời di chuyển 4 vạn 8 ngàn 80 do-tuần là mặt trời lia mặt trăng 3 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần. Vì vậy nên 15 ngày mặt trăng tròn sáng. Như vậy số lượng mặt trời quay chung quanh nhanh hơn mặt trăng 4 vạn 8 ngàn 80 do-tuần.

Bấy giờ Thế Tôn để làm rõ lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

*Có bốn vạn tám ngàn  
Cùng tám mươi do-tuần  
Mặt trời cùng trăng đi,  
Lìa trăng số cũng vậy.*

Mặt trời di chuyển một do-tuần rưỡi, và 1 phần 9 của một do-tuần. Cứ mỗi một lần mặt trời mọc như vậy, lặn cũng như vậy. Cứ 6 tháng thì mặt trời từ đường trong đến đường ngoài. Còn 6 tháng khác thì mặt trời từ đường ngoài vào đường trong.

Mặt trăng thường di chuyển 19 do-tuần, và 1 phần ba của một do-tuần. Mỗi khi mặt trời mọc cũng như vậy, lặn cũng như vậy. Cứ 15 ngày thì từ đường trong ra đến đường ngoài, và 15 ngày từ đường ngoài vào đường trong.

Mặt trời di chuyển từ đường trong của Đông Phát-bà-đề, đến vùng phía Nam của Đông Phát-bà-đề cách nhau 6 trăm 83 do-tuần, và 1 phần 3 do-tuần thì mặt trời di chuyển đường trong. Khi mặt trời di chuyển đường trong của Diêm-phù-đề đến vùng phía Nam của Diêm-phù-đề cách nhau 3 trăm 50 do-tuần thì mặt trời di chuyển đường trong. Khi mặt trời di chuyển đường trong của Tây Cù-da-ni đến vùng đất phía Nam của Tây Cù-da-ni cách nhau 6 trăm 83 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần thì mặt trời đi đường trong. Khi mặt trời di chuyển đường trong của Bắc Uất-đan-việt đến vùng đất phía Nam của Bắc Uất-đan-việt cách nhau 3 trăm 50 do-tuần thì mặt trời đi đường trong.

Khi mặt trời nếu di chuyển đường ngoài của Đông Phát-bà-đề, từ đất phía Nam đến đường ngoài, cách nhau 3 trăm 93 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần thì mặt trời di chuyển ở giữa. Nếu mặt trời di chuyển đường ngoài Diêm-phù-đề, từ đất phía Nam đến đường ngoài 60 do-tuần thì mặt trời đi đường ngoài.

Khi mặt trời di chuyển đường ngoài của Tây Cù-da-ni đến đất phía Nam đến đường ngoài cách nhau 3 trăm 93 do-tuần và 1 phần 3 của một do-tuần thì mặt trời di chuyển ở giữa.

Khi mặt trời di chuyển đường ngoài phía Bắc Uất-đan-việt đến vùng đất phía Nam 60 do-tuần thì mặt trời di chuyển ở giữa.

Khi mặt trời di chuyển đường trong của Đông Phát-bà-đề, thì đi đường ngoài của Tây Cù-da-ni, thì đi con đường ở giữa của Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đan-việt.

Khi ấy xứ Đông Phát-bà-đề ngày quá dài đến 18 Mâu-huru-đa và khi ấy đêm quá ngắn, chỉ có 12 Mâu-huru-đa. Phía Tây Cù-da-ni thì đêm quá dài đến 18 Mâu-huru-đa, còn ngày thì quá ngắn chỉ 12 Mâu-huru-đa. Xứ Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đan-việt ngày đêm bằng nhau, đều 15 Mâu-huru-đa. Cứ 6 Mâu-huru-đa hằng chuyển động thì 24 Mâu-huru-đa không chuyển động. Nếu mặt trời di chuyển con đường bên ngoài của Đông Phát-bà-đề, tức là di chuyển con đường bên trong Tây Cù-da-ni; tức là di chuyển con đường trong Tây Cù-da-ni; tức là di chuyển con đường ở giữa phía Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đan-việt.

Khi ấy Đông Phát-bà-đề ban đêm lại quá dài đến 18 Mâu-huru-đa và ban ngày thì quá ngắn chỉ 12 Mâu-huru-đa. Phía Tây Cù-da-ni ban ngày quá dài 18 Mâu-huru-đa và ban đêm thì quá ngắn chỉ 12 Mâu-huru-đa. Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đan-việt thì chia ngày đêm ra bằng nhau 15 Mâu-huru-đa.

Khi mặt trời di chuyển đường trong Nam Diêm-phù-đề, thì di chuyển đường ngoài của Bắc Uất-đan-việt, tức di chuyển con đường ở giữa, tức di chuyển giữa Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni. Vậy thì ở Diêm-phù-đề ban ngày quá dài đến 18 Mâu-huru-đa, còn ban đêm quá ngắn 12 Mâu-huru-đa. Phía Bắc Uất-đan-việt thì ban đêm quá dài 18 Mâu-huru-đa, còn ban ngày quá ngắn 12 Mâu-huru-đa. Phía Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni ngày đêm bằng nhau là 15 Mâu-huru-đa.

Khi mặt trời đi đường ngoài của Nam Diêm-phù-đề, thì di chuyển đường trong của Bắc Uất-đan-việt, tức di chuyển con đường ở giữa của Đông Phát-bà-đề với Tây Cù-da-ni.

Khi ấy Diêm-phù-đề ban đêm quá dài đến 18 Mâu-huru-đa và ban ngày quá ngắn chỉ 12 Mâu-huru-đa. Phía Bắc Uất-đan-việt ban ngày quá dài đến 18 Mâu-huru-đa và ban đêm quá ngắn chỉ 12 Mâu-huru-đa. Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni ngày đêm bằng nhau là 15 Mâu-huru-đa. Tây Cù-da-ni và Bắc Uất-đan-việt đều nói như vậy.

Nếu trong thế gian 30 Mâu-huru-đa định là một ngày một đêm thì 1 Mâu-huru-đa có 30 phân, và mỗi phân gọi là 1 La-bà.

Khi ngày tăng thì ngày 1 La-bà. Nếu ngày giảm thì cũng 1 La-bà, ban đêm cũng giống như vậy. Nếu lúc ngày giảm, thì đêm tăng 1 La-bà. Nếu đêm giảm thì ngày tăng 1 La-bà. Nếu ngày quá dài 18 Mâu-huru-đa thì lúc ấy đêm lại quá ngắn 12 Mâu-huru-đa. Nếu đêm quá dài 18 Mâu-huru-đa thì ngày quá ngắn 12 Mâu-huru-đa. Nếu ngày đêm bằng nhau là 15 Mâu-huru-đa. Ban ngày 15 Mâu-huru-đa và ban đêm 15 Mâu-huru-đa.

Nếu đúng 15 tháng 5, Tây Thiên Trúc bắt đầu kết hạ thì đất Hán an cư đã mãn một tháng. Bấy giờ ngày thì quá dài là 18 Mâu-huru-đa và đêm thì quá ngắn 12 Mâu-huru-đa.

Từ ngày 16 giảm đi một La-bà. Một tháng giảm 1 Mâu-huru-đa. Tháng thứ 2 lại giảm 1 Mâu-huru-đa và tháng thứ ba lại giảm 1 Mâu-huru-đa. Đến 15 tháng 8 khi Tây Trúc tự tứ thì đất Hán là lúc thụ y Ca-hi-na. Lúc ấy ngày đêm bằng nhau, đều 15 Mâu-huru-đa. Lại nữa, từ ngày 16 cho đến 1 tháng giảm 1 Mâu-huru-đa, tháng thứ hai lại giảm 1 Mâu-huru-đa, tháng thứ ba lại giảm 1 Mâu-huru-đa, cho đến ngày 15 tháng 11 thì đêm dài nhất 18 Mâu-huru-đa và ngày thì ngắn nhất 12 Mâu-huru-đa. Đêm ấy từ giờ này ngày giảm 1 La-bà, và 1 tháng mặt trời giảm 1 Mâu-huru-đa, tháng thứ 2 lại giảm 1 Mâu-huru-đa tháng thứ 3 lại giảm 1 Mâu-huru-đa, cho đến 15 tháng 2 thì ngày đêm bằng nhau, đều 15 Mâu-huru-đa.



Lại từ ngày 16 cho đến 1 tháng, lại giảm 1 Mâu-huru-đa, tháng thứ 2 lại giảm 1 Mâu-huru-đa, tháng thứ 3 lại giảm 1 Mâu-huru-đa cho đến 15 ngày tháng 5 thì ngày dài nhất 18 Mâu-huru-đa, còn đêm ngắn nhất chỉ 12 Mâu-huru-đa. Lại có sai biệt về thời gian, ở các nước phía Tây là mùa hè tháng thứ nhất, và ngày 9 nửa thứ hai trong tháng, tức là ngày 9 tháng 6 thì ngày dài nhất 18 Mâu-huru-đa và đêm ngắn nhất 12 Mâu-huru-đa. Đến 9 tháng 9 thì ngày đêm bằng nhau đều 15 Mâu-huru-đa.

Ngày 9 tháng 11 thì đêm dài nhất 18 Mâu-huru-đa và ban ngày ngắn nhất 12 Mâu-huru-đa. Ngày 9 tháng 3 ngày đêm bằng nhau, đều 15 Mâu-huru-đa.

Như vậy cứ quay vòng đủ 5 năm thì có 1 du-già, tức 2 tháng nhuận: kỳ 1 theo mặt trăng và kỳ 2 theo mặt trời. Giữa 5 năm có ngày 12, ngày 9, ngày 6, ngày 3, ngày 15 trong đó ngày đêm có dài ngắn. Tháng thì do sự phân biệt theo mặt trăng có 3 cách dùng : một là phân biệt mặt trăng, hai là phân biệt 15 ngày, ba là phân biệt sự tròn đầy. Ngày tức phân biệt theo ngày đêm, phân biệt với mùa hạ, đông, thu, và phân biệt năm. Đây là 3 cách dùng từ mặt trời mà thành. Tháng nhuận có hai. Một là từ mặt trăng và hai là từ mặt trời. Tháng nhuận theo mặt trăng là do mặt trăng tạo nên. Ngày tháng 4 chia ra làm 2 tháng thiếu. Một tháng thiếu là trong nửa thứ 3, tháng thiếu thứ 2 là trong nửa thứ 7. Trong một năm có 6 lần tháng thiếu. Cứ 5 năm lại đủ thiếu 30 ngày. Ba mươi ngày này bổ sung trong 5 năm. Nếu không tạo ra tháng thiếu thì trăng tròn không đúng kỳ.

Tháng thiếu theo mặt trời là theo truyền thuyết của thế gian thì lấy 30 Mâu-huru-đa định là một ngày đêm. Chia 30 Mâu-huru-đa làm 60 phần. Mặt trời đi nhanh nên 59 phần thì giáp, còn thừa một phần. Do sự việc này mà cứ 2 tháng lại dư 1 ngày. Cứ 2 tháng lại dư một ngày nữa cho đến 1 năm, tức dư 6 ngày. Như vậy 5 năm thì dư hơn

1 tháng. Dùng 1 tháng ấy bổ sung vào 5 năm tức là có tháng nhuận. Nếu không tạo ra nhuận thì thời tiết và năm sai lệch không đúng. Lại nữa 5 năm có 2 tháng nhuận. Lần thứ nhất vào năm thứ ba và lần thứ hai vào năm thứ 5.

Nếu mặt trăng ở tại Diêm-phù-đề vào tháng 3 thì mặt trời đến Cù-da-ni và Bắc Uất-đan-việt nhằm vào ngày của tháng 6, Đông Phát-bà-đề nhằm ngày của tháng 9. Nếu giáp 1 năm thì trở lại Diêm-phù-đề.

Trong thiên hạ, một năm có 3 mùa là hạ, đông, xuân. Hạ là theo sau xuân, đông là theo sau hạ, xuân là theo sau đông.

Vào ngày 15 tháng 8 khi ở Đông Phát-bà-đề làm lễ Tụ tứ thì ở Diêm-phù-đề nhằm ngày 15 tháng 5 là lúc kết hạ an cư. Ngày 15 tháng 2 ở Tây Cù-da-ni là ngày 15 tháng 11 ở Bắc Uất-đan-việt. Mùa hạ của Đông Phát-bà-đề đã bắt đầu từ tháng 3 thì Tây Cù-da-ni nằm giữa 2 châu Đông Phát-bà-đề và Nam Diêm-phù-đề mùa xuân tháng 3 chưa đến. Tại Cù-da-ni ở giữa 2 châu Diêm-phù-đề và Cù-da-ni mùa xuân tháng 1 đã bắt đầu; trong khi đó Uất-đan-việt thì mùa đông tháng 2 chưa bắt đầu. Tháng 3 tại Cù-da-ni và Uất-đan-việt, nằm giữa 2 châu, Uất-đan-việt mùa đông tháng 2 đã đến, thì Phát-bà-đề mùa hạ tháng 1 chưa đến. Đó là 3 tháng ở giữa 2 châu Uất-đan-việt và Phát-bà-đề.

Núi chúa Tu-di nằm giữa 4 Thiên hạ.

Vì sao núi Tu-di nằm phía Bắc thiên hạ ?

Đó là tùy theo ngày vận hành của mặt trời mà phân chia ra. Đông Phát-bà-đề ở phía Đông, thì Diêm-phù-đề ở phía Bắc. Đông Phát-bà-đề ở phía Tây thì Diêm-phù-đề ở phía Nam. Đông Phát-bà-đề ở phía Bắc thì Diêm-phù-đề ở phía Tây. Đông Phát-bà-đề ở phía Nam thì Diêm-phù-đề ở phía Đông. Bắc Uất-đan-việt và Tây Cù-da-

ni cũng như vậy. Nam Diêm-phù-đề và Bắc Uất-đan-việt nằm đối nhau. Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni đối nhau.

Lúc ấy đầu tiên mặt trời mặt trăng sinh hạ thế gian, cách nhau rất xa. Mặt trời xuống chính giữa Đông Phát-bà-đề. Mặt trăng xuống chính giữa Tây Cù-da-ni. Lúc ấy ánh sáng chiếu khắp, đầy cả 4 Thiên hạ. Mặt trời chiếu một nửa, mặt trăng chiếu một nửa. Nếu mặt trời qua giữa trưa ở Đông Phát-bà-đề thì ở Bắc Uất-đan-việt mặt trời đã lặn. Nam Diêm-phù-đề mặt trời đã mọc. Nếu mặt trăng đã qua ở giữa xứ Tây Cù-da-ni thì ở Diêm-phù-đề đã lặn và ở Uất-đan-việt đã mọc.

Nếu đêm trăng tròn đã đến thì ở Uất-đan-việt mặt trăng ở chính giữa thì ở Nam Diêm-phù-đề mặt trời nằm ngay giữa. Khi mặt trời qua giữa Diêm-phù-đề thì ở Đông Phát-bà-đề đã lặn và ở Tây Cù-da-ni lại mọc. Nếu mặt trăng qua giữa Uất-đan-việt thì lại mọc ở Đông Phát-bà-đề và lặn ở Tây Cù-da-ni. Nếu mặt trăng tròn ở chính giữa Đông Phát-bà-đề thì ở Tây Cù-da-ni mặt trời lại ngay chính giữa. Khi mặt trời qua giữa Tây Cù-da-ni thì ở Diêm-phù-đề đã lặn, ở Uất-đan-việt lại mọc.

Nếu mặt trăng qua giữa Đông Phát-bà-đề thì ở Uất-đan-việt đã lặn, ở Diêm-phù-đề lại mọc. Diêm-phù-đề đêm trăng tròn mặt trăng ở giữa thì ở Bắc Uất-đan-việt mặt trời ở giữa.

Thế nào là mặt trăng, mặt trời hợp tại một nơi ?

Nghĩa là mặt trời thường đi theo mặt trăng. Mỗi ngày một lại gần. Cứ 4 vạn 8 ngàn 80 do-tuần thì mặt trời lại mỗi ngày một cách xa cũng như vậy. Nếu mặt trời mặt trăng càng gần nhau thì mặt trăng bị che đi 3 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần. Vì việc này ngày 15 thì mặt trăng bị che đã hết nên gọi là hết nửa tháng tối trăng. Mặt trời dần dần rời xa mặt trăng cũng 4 vạn 8 ngàn 80 do-tuần. Mặt trăng mỗi ngày sự che khuất được mở ra 3 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần. Vì việc này nên ngày 15 trăng hoàn toàn tròn đầy trong sáng. Thế gian

gọi là nửa tháng sáng trăng. Nếu mặt trời và mặt trăng hoàn toàn lia nhau khi ấy mặt trăng tròn, thế gian gọi là nửa tháng sáng trăng. Nếu mặt trời và mặt trăng cùng gặp nhau một nơi thì thế gian gọi là nửa tháng tối trăng.

Ánh sáng của mặt trời đi qua 7 ức 2 vạn 1 ngàn 2 trăm do-tuần, chu vi 21 ức 6 vạn 3 ngàn 6 trăm do-tuần. Diêm-phù-đề khi mặt trời mọc, thì Uất-đan-việt mặt trời lặn. Đông Phát-bà-đề ở chính giữa trưa thì Tây Cù-da-ni là giữa đêm. Đó là 4 thời trong Thiên hạ, do mặt trời tạo thành.

Nghĩa này do Phật Thế Tôn đã nói, và tôi nghe như vậy .

## HẾT QUYỂN 5

## LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

( *Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới* )

### QUYỂN 6

#### Phẩm 20: VÌ SAO ?

Vì sao có đêm? Vì sao có ngày? Bởi vì có ngày nên mới có đêm và vì có đêm nên mới có ngày. Tự tính của dục giới là tối tăm. Ánh sáng mặt trời ẩn khuất thì trở thành đêm. Ánh sáng mặt trời chiếu rọi, tức là ngày.

Vì sao có đen tối ? Vì sao có nửa trắng sáng ? Do mặt trời nửa tối, do mặt trời nửa sáng. Mặt trời thường theo mặt trăng vận hành và mỗi ngày một gần nhau. Cứ 4 vạn 8 ngàn 80 do-tuần là mặt trời sẽ ngày một xa ra cũng như vậy. Nếu khi gần nhau thì mặt trăng mỗi ngày một bị che khuất 3 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần. Do việc này nên 15 ngày mặt trăng bị che nên ban ngày mặt trời có một nửa tối. Khi mặt trời xa mặt trăng cũng 4 vạn 8 ngàn 80 do-tuần thì mặt trăng rời khỏi mặt trời mỗi ngày 3 do-tuần và 1 phần 3 do-tuần. Do việc này mà 15 ngày trăng hoàn toàn sáng. Thế gian gọi là nửa tháng có trăng. Nếu hoàn toàn cách ly thì mặt trăng tròn đầy. Thế gian gọi đây là nửa tháng có trăng. Nếu hợp chung một nơi là đi cùng thì thế gian gọi đây là mặt trời đầy nửa đen.

Nếu mặt trời tùy theo sau mặt trăng vận hành và ánh sáng mặt trời chiếu lên ánh sáng mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng thô cho nên bị

chiếu sinh ra bóng và bóng của mặt trăng này trở lại che mặt trăng. Cho nên thấy mặt trăng nửa sau không tròn. Do việc này rồi lần lần che khuất. Đến 15 ngày thì mặt trời che mặt trăng hoàn toàn và theo sau gọi là nửa tháng tối. Nếu mặt trời đi trước mặt trăng thì càng ngày càng sáng rõ cũng như vậy. Cho đến 15 ngày hoàn toàn viên mãn. Khi đi trước thì gọi tên là nửa tháng sáng.

Vì sao mùa đông gọi là Hê-mạn-đa ?

Vì mùa này tuyết rơi cái lạnh đã đến. Do đó mà mùa đông gọi là Hê-mạn-đa. Thế gian lập tự tính này gọi là Hê-mạn-đa.

Vì sao mùa xuân gọi là Cầm Hà ?

Khi mặt trời chiếu đốt nóng chính là lúc khát nước. Cho nên nói mùa xuân là Cầm Hà. Thế gian lập tự tính này gọi tên là Cầm Hà.

Vì sao mùa hạ gọi là Bạt-ta ?

Khi mùa mưa, lúc nghỉ có mưa bắt đầu trong năm, nên gọi mùa hạ là Bạt-ta. Thế gian lấy tự tính này gọi tên là Bạt-ta.

Vì sao mùa đông lạnh ? Vì sao mùa xuân ấm áp ? Vì sao mùa hạ lạnh nóng ?

Mùa đông thì nước ngấm lâu ngày nên cỏ cây do ẩm thấp, chưa khô và đất còn ướt, hỏa đại chiếu xuống hơi nước bốc lên. Do đó mà biết dưới nước sâu thì ấm, chỗ nước cạn thì lạnh. Tiết đông đã đến, mặt trời đi đường ngoài chiếu đốt không lâu thì khí dương bên trong tiêu hóa mau. Do việc này nên mùa đông thì lạnh.

Vì sao mùa xuân ấm áp ?

Là thời tiết Cầm Hà thủy giới dài lâu đã giảm dần, cỏ cây khô trên đất đã ẩm, hơi nước thấm xuống; hơi ẩm tăng lên. Vì sao biết ? Nước sâu thì lạnh, nước cạn thì ấm. Khi mùa đông qua rồi, mặt trời chiếu vào đường bên trong lâu dài hơn và trong thân hơi ẩm, nên gọi là xuân.

Vì sao mùa hạ lại lạnh, nóng?

Vì đại địa đang vào tháng 8 và mặt trời thường chiếu sáng, mây lớn tạo mưa tưới tẩm khắp đất; nên hơi nóng oi bức. Khi gió thổi thì tiêu khí oi bức và trở thành lạnh. Nếu gió không nổi lên thì thành nóng. Cho nên Bạt-ta có lúc lạnh, lúc nóng.

Vì sao địa ngục tên là Nê Lê ?

Vì không có vui thú. Không có sự thích thú, không có ra khỏi; không có phúc đức. Do không trừ được nghiệp xuất ly nên sinh vào trong đó. Lại có thuyết nói rằng con đường ấy đối với Dục giới là thấp kém nhất, gọi là phi đạo. Do việc này nên gọi địa ngục là Nê Lê.

Vì sao cầm thú tên là Đê-lật-xa ?

Là do nghiệp nịnh hót mà thụ sinh nơi này. Lại có thuyết nói rằng con đường này chúng sinh đa phần che giấu việc mình làm nên gọi là Đê-lật-xa.

Vì sao ngựa quỷ đạo gọi là Thiêm-đa-diêm-ma-la ?

Vì vua tên là Thiêm-đa cho nên chúng đồng loại với vua này, nên gọi là Thiêm-đa. Lại có thuyết nói con đường này cùng với con đường khác qua lại thiện ác thông nhau; nên gọi là Thiêm-đa.

Vì sao A-tu-la đạo gọi là A-tu-la ?

Vì không nhẫn được việc lành, không thể một lòng chịu đê ý lắng nghe điều hay. Giáo hóa nhiều cách nhưng không động tâm. Do kiêu mạn cho nên không hạ biết phục thiện, lại cũng không phải trời; nên gọi tên là A-tu-la.

Vì sao Thiên đạo gọi là Đê-bà ?

Nói là Đê-bà vì làm những việc lành. Do làm việc lành nên sinh vào đường này. Lại cũng nói Đê-bà có nghĩa là quang minh, thường

có ánh sáng. Lại nữa Đề-bà được gọi là Thánh đạo. Lại nữa Đề-bà cũng còn gọi là ý lạc. Lại Đề-bà cũng có tên là thượng đạo. Lại Đề-bà cũng có nghĩa là hay tu, hay tạo tất cả những nghiệp lành. Do ý nghĩa này nên gọi là Đề-bà.

Vì sao nhân đạo gọi là Ma-nậu-sa ?

Vì một là thông minh, hai là ưu thắng; ba là ý tinh tế; bốn là chính giác, năm là trí tuệ tăng trưởng; sáu là có khả năng phân biệt hư, thật, bảy là khí cụ của Thánh Đạo; tám là thông tuệ nghiệp nên mới được sinh vào đó. Cho nên nói nhân đạo là Ma-nậu-sa.

Vì sao đất này tên là Diêm-phù-đề ?

Nguyên do là có cây Diêm-phù-đề nên gọi tên.

Vì sao gọi tên là Tây Cù-da-ni ?

Đất này nằm phía Tây Diêm-phù và do sự buôn bán tất cả trao đổi bằng bò và bò ấy tên là Cù-da-ni. Cho nên tên đất ấy gọi là Tây Cù-da-ni.

Vì sao gọi tên là Đông Tì-đề-ha ?

Đất này nằm phía Đông Diêm-phù, hình tướng khả ái, nhiều lợi dưỡng cho nên gọi là Đông Tì-đề-ha.

Vì sao gọi là Bắc Uất-đan-việt ?

Đất này nằm phía Bắc Diêm-phù-đề, tâm tính ngay thẳng và hiền lành, tất cả đều hơn các nơi khác, nên gọi là Bắc Uất-đan-việt.

Vì sao Đệ nhất Thiên gọi là Đại Vương Thiên Đề-đâu-tra ?

Vì trong Tứ Thiên Vương làm tăng thượng, làm thượng thủ.

Vì sao Đệ nhị Thiên gọi là Đạo-lợi ? Vì là Đế chủ trong 33 vua trời, vương vị tự tại nên gọi là Đạo-lợi Thiên.

Vì sao Đệ tam Thiên tên là Dạ-ma ?



Vì ngày đêm bất cứ lúc nào khi nói cũng đều thốt lên những lời bất khả tư nghi hoan lạc, cho nên gọi tên là Dạ-ma.

Vì sao Đệ tứ Thiên gọi là Đâu-suất-đà ?

Vì thỏa mãn hoan lạc và tự biết đầy đủ. Đối với 8 Thánh đạo không bao giờ cho là đầy đủ cho nên gọi là Đâu-suất-đà Thiên.

Vì sao Đệ ngũ Thiên gọi là Duy-ma-la-ni ?

Vì trong đây chư thiên như ý tạo tác cung điện, vườn, rừng, tất cả thú vui để thụ lạc, cho nên gọi là Duy-ma-la-ni.

Vì sao Đệ lục Thiên gọi là Ba-la-duy-ma-bà-xa ?

Vì những cung điện, vườn, rừng, tất cả các thú vui được kia hóa tác, trong đó được tự tại nghĩ rằng ta thụ lạc. Cho nên gọi là Ba-la-duy-ma-bà-xa.

Vì sao Đệ nhất Phạm gọi là Phạm Tiên Hành ?

Nếu người từ Dục giới trước khi nhập vào Sắc Giới phải đến nơi này; nên gọi là Phạm Tiên Hành.

Vì sao Đệ nhị gọi là Phạm Chúng ?

Vì Đại Phạm Vương có nhiều quyến thuộc; cho nên gọi tên là Phạm Chúng.

Vì sao Đệ tam gọi là Đại Phạm ?

Vì là trung gian của Tối Thắng Sơ thiên do tạo nghiệp sinh, tự tại không liên hệ ai khác và có thể quan sát phân biệt với việc khác. Vì đã sinh, phải sinh đều tự chủ, cho nên có tên là Đại Phạm.

Vì sao Đệ nhị Sơ thiên Thiên gọi là Thiểu Quang ?

Là vì khi nói ra lời nói thì trong miệng phát ra một ít ánh sáng, cho nên gọi là Thiểu Quang.

Vì sao Đệ nhị tên là Vô Lượng Quang ?

Là khi chư thiên nói, miệng phát ra rất nhiều ánh sáng chiếu rọi, cho nên có tên là Vô Lượng Quang.

Vì sao Đệ tam Phạm gọi là Biến Thắng Quang ?

Là khi chư thiên nói thì miệng phát ra ánh sáng khắp tất cả nơi, viên mãn vô dư, cho nên có tên là Biến Thắng Quang.

Vì sao Đệ Tam thiên cõi trời đầu tiên gọi là Thiểu Tịnh ?

Là trong chư thiên thụ lạc ít, tương ứng với tịch tĩnh, ái lạc của Tam thiên. Vì sự thụ lạc này ít; cho nên gọi là Thiểu Tịnh.

Vì sao gọi trời thứ 2 là Vô Lượng Tịnh ?

Là khi chư thiên vui hơn cái vui tịch tĩnh trước và tương ứng với Tam thiên, cho nên gọi là Vô Lượng Tịnh.

Vì sao trời thứ 3 gọi là Biến Tịnh ?

Là khi thụ lạc đầy đủ; thân tâm cứu cánh vô dư và tịch tĩnh ái lạc tương ứng với Tam thiên. Chư thiên hưởng thụ điều này gọi là Biến Tịnh.

Vì sao trời đầu tiên của Tứ thiên gọi là Vô Vân ?

Vì khổ lạc ở trước đã diệt và đối với phương tiện phía trước như ru, hỷ đã hết. Trong đó xả thụ, trí niệm đều thanh tịnh. Khi chư thiên thụ trong đó được xả thụ này gọi là Vô Vân.

Vì sao trời thứ 2 gọi là Sinh Phúc ?

Phúc nghĩa là trí, niệm, xả v.v... tương ứng với các thiên mà sinh, sinh rồi thụ dụng như 3 chi này cho nên gọi là Sinh Phúc.

Vì sao trời thứ 3 gọi là Quảng Quả ?

Quảng có nghĩa là dung chứa rộng lớn quả do công lực và báo sinh ra. Hai thứ này có thể gồm thân định tuệ và y chỉ ly dục. Cho nên có tên là Quảng Quả.

Vì sao trời thứ 4 tên là Vô Tướng Thiên ?

Là khi chư thiên không có tướng thì có gì là tướng ? Thông và biệt 2 tướng đều khác với sinh báo. Vì trong đây không có, duy chỉ có sắc ấm và bất tương ưng hành ấm; cho nên gọi là Vô Tướng Thiên.

Vì sao gọi là Na-hàm Thiên ?

Một gọi là Thiện Hiện. Xưa ở nhân địa, có thể làm cho thấy nghĩa thực không điên đảo, có thể làm cho tiếp nhận, có thể hiểu rõ, cho nên có tên là Thiện Hiện.

Vì sao vị thứ hai gọi là Thiện Kiến ?

Xưa ở nhân địa, tặng đủ thọ mạng, 4 chi, tiền bạc và tài sản của kẻ khác và hay bảo vệ tốt các việc lợi ích. Trong đó sinh chính kiến, không trừ, không lấy. Do trước là Thiện Hiện và như nhân này nên gọi là Thiện Kiến.

Vì sao vị thứ ba gọi là Bất Phiền ?

Vì xưa tại nhân địa, không làm tổn não kẻ khác, không có ý làm hại, không có ý bức bách. Nhân trước là Thiện Hiện cùng với nghiệp này cho nên gọi là Bất Phiền.

Vì sao vị thứ tư gọi là Bất Thiêu ?

Trong đó chư thiên xưa tại nhân địa, không thiêu thân mình, không làm khốn khổ thân và không thiêu người khác, không làm khốn khổ người khác. Tự mình và kẻ khác đều làm cho vui, mau chóng thông suốt. Nhân trước là Thiện Hiện và với nghiệp này, nên gọi là Vô Thiêu.

Vì sao vị thứ năm gọi là A-ca-ni-tra ?

Ca-ni-tra gọi là hạ phẩm. Đã qua 17 địa trước rồi, lại có từ trời hạ phẩm đến trời cứu cánh trong đó Bát-niết-bàn. Lại có chư thiên tên A-ca-ni-tra đến Bát-niết-bàn cho nên có tên là A-ca-ni-tra.

Vì sao ở Vô Sắc giới trời thứ nhất gọi là Không Vô Biên Nhập ?

Không ở đây có nghĩa là phi sở tác, phi hữu vi, không thể trở ngại. Quá hơn ngại tướng có nhiều hữu tướng. Một tướng tâm sở duyên nên không hai không khác. Do nơi không này mà nghiệp sinh. Cho nên gọi là Không Vô Biên Nhập.

Vì sao thứ hai gọi là Thức Vô Biên Nhập Thiên ?

Thức đây là ý thức thứ 6. Thức này ở bên trong nên vi tế hơn ngoại không. Quá hơn ngại tướng và quá hơn ngoại tướng. Một tướng tâm sở duyên nên không hai không khác. Do nơi thức này mà nghiệp sinh cho nên gọi là Thức Vô Biên Nhập.

Vì sao vị thứ ba tên là Vô Sở Hữu Nhập Thiên ?

Vô Sở Hữu nghĩa là trừ ra 2 tướng thô trước, lia ngoài 2 điều này không có cảnh giới nào khác. Quá nội ngoại tướng một tướng tâm sở duyên, không hai không khác. Nhân nơi tâm này mà nghiệp sinh, cho nên gọi là Vô Sở Hữu Nhập.

Vì sao vị thứ tư tên là Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập Thiên?

Phi Tướng có nghĩa là vi tế; không phải 7 định trước; nên nói là Phi Tướng. Phi Phi Tướng là nếu vô tướng định và vô tâm định, như vậy 2 định này gọi là Vô Tướng Định. Vì đồng với vô tâm cho nên nay là hữu tâm, vì vậy gọi là Phi Phi Tướng Định. Do định này mà nghiệp sinh, cho nên nói là Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập.

Từ Diêm-phù-đề trở xuống 2 vạn do-tuần là nơi gọi là Vô gián đại địa ngục.

Từ Diêm-phù-đề trở xuống 1 vạn do-tuần là Dạ-ma Thế Gian địa ngục. Ở giữa 2 ngục này còn nhiều địa ngục khác.

Từ Diêm-phù-đề trở lên 4 vạn do-tuần là Tứ Đại Thiên Vương Thiên.

Từ Diêm-phù-đề hướng lên 8 vạn do-tuần là trụ xứ của trời thứ 33.

Từ Diêm-phù-đề trở lên 16 vạn do-tuần là trụ xứ của Dạ-ma Thiên.

Từ Diêm-phù-đề trở lên 3 ức 2 vạn do-tuần là trụ xứ của Đâu-suất-đà Thiên.

Từ Diêm-phù-đề trở lên 6 ức 4 vạn do-tuần là trụ xứ của Hóa Lạc Thiên.

Từ Diêm-phù-đề trở lên 12 ức 8 vạn do-tuần là trụ xứ của Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Có Tì-kheo hỏi Phật Thế Tôn:

Từ Diêm-phù-đề đến xứ Phạm Thiên gần xa ?

Phật bảo Tì-kheo:

Từ Diêm-phù-đề đến cõi Phạm Thiên thật xa, thật cao, khác nhau, xa nhau.

Tì-kheo ! Ví như tháng 9 ngày 15 lúc mặt trăng tròn có một người ở tại xứ Phạm kia phóng 1 viên gạch vuông vức 1 trăm trượng xuống hạ giới mà không có gì cản trở, đến trăng tròn tháng 9 năm sau thì đến Diêm-phù-đề. Phạm xứ và Diêm-phù-đề xa như vậy. Từ Phạm Thiên đến Thiểu Quang Thiên lại gấp đôi trước. Từ Thiểu Quang Thiên đến Vô Lượng Quang Thiên lại xa gấp đôi trước. Từ Vô Lượng Quang Thiên đến Biến Thắng Quang Thiên lại xa gấp đôi. Từ Biến Thắng Quang Thiên đến Thiểu Tịnh Thiên lại cũng xa gấp đôi trước. Từ Thiểu Tịnh Quang Thiên đến Vô Lượng Tịnh Thiên lại gấp đôi như vậy. Từ Vô Lượng Tịnh Thiên đến Biến Tịnh Thiên lại xa gấp đôi. Từ Biến Tịnh Thiên đến Vô Vân Thiên lại xa gấp đôi. Từ Vô Vân Thiên đến Sinh Phúc Thiên lại xa gấp đôi. Từ Sinh Phúc Thiên đến Quảng Quả Thiên lại xa gấp đôi. Từ Quảng Quả Thiên đến

Vô Tướng Thiên lại xa gấp đôi. Từ Vô Tướng Thiên đến Thiện Hiện Thiên lại xa gấp đôi. Từ Thiện Hiện Thiên đến Thiện Kiến Thiên lại xa gấp đôi. Từ Thiện Kiến Thiên đến Bất Phiền Thiên lại xa gấp đôi. Từ Bất Phiền Thiên đến Bất Thiêu Thiên lại xa gấp đôi. Từ Bất Thiêu Thiên đến A-ca-ni-tra Thiên lại xa gấp đôi nữa.

Rồi nói kệ rằng:

*Từ A-ca-ni-tra  
Đến đất Diêm-phù-đề  
Phóng một hòn đá lớn  
Sáu vạn năm ngàn năm  
Năm trăm ba mươi lăm  
Khoảng giữa không trở ngại  
Mới đến được Diêm-phù.*

Người cõi Diêm-phù nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở nơi vách núi ra vào không ngại. Người cõi Diêm-phù-đề nếu du hành, chỉ có thể đến Đại Tiểu Hắc Sơn. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua Tây Cù-da-ni này. Con người nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở nơi vách núi ra vào không trở ngại. Nếu du hành thì chỉ có thể đến được mé biển. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua Đông Phát-bà-đề. Con người nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở nơi vách núi vào ra không ngại. Nếu du hành thì chỉ có thể đến được mé biển. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua Bắc Uất-đan-việt được. Con người nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở nơi vách núi vào ra không ngại. Nếu du hành thì chỉ có thể đến được bên chân núi. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua cung điện của Tứ Thiên Vương Thiên. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở nơi vách núi vào ra vô ngại được. Nếu du hành thì có thể đến bên trong núi Thiết Vi.

Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua cung điện của Dao-lợi chư thiên. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở vách núi vào ra vô ngại. Nếu có du hành thì chỉ đến ranh giới núi Thiết Vi.

Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua khỏi cung điện của chư thiên Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại và Phạm Tiên Hành, Phạm Chúng. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở nơi vách núi vào ra không trở ngại. Nếu du hành thì chỉ được trong 1 thế giới. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua khỏi các cung điện của Đại Phạm Vương Thiên. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể ở nơi vách núi, vào ra không trở ngại. Nếu du hành, tuy có thể trong 1 ngàn thế giới. Nếu lia thần thông và tha công lực thì không thể qua từ Đệ Nhị thiên cho đến cung điện của A-ca-ni-tra Thiên. Cũng như trước nói. Nếu du hành, chỉ có thể trong 1 ngàn thế giới. Nếu lia thần thông và tha công lực không thể qua khỏi đại địa ngục này, bởi Đại ngục tốt làm vua giàu có tự tại. Diêm-la xứ địa ngục thì có Diêm-la vương làm vua giàu có tự tại. Tất cả cầm thú và thủy La-sát thì Bà-lâu-na vương làm vua giàu có tự tại. Các rắn, rồng v.v... thì Bà-tu-kết Long vương làm vua giàu có tự tại. Các rồng lớn thì Ma-na-tur Long vương làm vua giàu có tự tại. Các voi rồng thì Lô-xà-kỳ-lợi Long vương làm vua giàu có tự tại. Các chim bay thì Ca-lâu-la vương làm vua giàu có tự tại. Các chúng sinh 4 chân đi trên bộ thì Sư Tử vương làm vua giàu có tự tại. Tất cả đường quý thì Quỷ Tôn vương làm vua giàu có tự tại. Tất cả hàng A-tu-la thì 4 Tu-la vương làm vua giàu có tự tại : 1. La-hầu, 2. Ba-la-đà, 3. Tì-ma-chất-đa, 4. Bà-lợi-tì-lô-giá. Trong Diêm-phù-đề thì Chuyển Luân vương làm vua giàu có tự tại. Vua một xứ làm vua giàu có tự tại. Quốc chúng tôn lão làm vua giàu có tự tại. Cũng có lúc không có vua như kiếp sơ mới thành lập. Tây Cù-da-ni thì Chuyển Luân

vương làm vua giàu có tự tại. Quốc chúng tôn lão làm vua giàu có tự tại. Cũng có lúc không có vua như kiếp sơ mới thành lập. Đông Phát-bà-đề thì Chuyển Luân vương làm vua giàu có tự tại. Quốc chúng tôn lão làm vua giàu có tự tại. Cũng có lúc không có vua như kiếp sơ mới thành lập. Bắc Uất-đan-việt thì Chuyển Luân vương làm vua giàu có tự tại. Có lúc không vua. Ở Tứ Thiên vương thì 4 đại Thiên vương làm vua giàu có tự tại. Đạo-lợi Thiên thì Tam Thập Tam Thiên làm vua giàu có tự tại. Dạ-ma Thiên thì Tu-dạ-ma vương làm vua giàu có tự tại. Đâu-suất-đà Thiên thì Thiện Túc Ý vương làm vua giàu có tự tại. Hóa Lạc Thiên thì Thiện Hóa vương làm vua giàu có tự tại. Tha Hóa Tự Tại Thiên thì Tự Tại vương làm vua giàu có tự tại.

Tất cả ở trong cõi Dục giới có Ác Ma vương làm vua giàu có tự tại. Trong 1 ngàn thế giới có Đại Phạm Thiên vương làm vua giàu có tự tại. Thế gian và chư thiên Ma vương; nơi chỗ Đại Phạm, nơi Samôn, Bà-la-môn và nơi người trời thì Như Lai A-la-hán, Tam-miệu Tam-phật-đà Pháp làm vua giàu có tự tại.

Nếu tại Diêm-phù-đề bé mới sinh đầy 4 tháng tuổi, thì lớn bằng bé mới sinh ở Tây Cù-da-ni. Ở Đông Phát-bà-đề bé mới sinh lớn bằng bé sinh được 5 tháng tuổi ở Diêm-phù-đề.

Nếu ở Diêm-phù-đề bé sinh đủ 6 tháng tuổi bằng bé mới sinh ở Bắc Uất-đan-việt.

Như Diêm-phù-đề bé được 6 tuổi, thì bằng trẻ mới sinh nơi Tứ Thiên Vương trẻ cũng như vậy. Sinh được 7 ngày thì lớn như cha mẹ.

Như Diêm-phù-đề trẻ sinh ra được 7 tuổi thì bằng trẻ sơ sinh nơi xứ Đạo-lợi Thiên cũng như vậy, và sinh được 7 ngày là thành người lớn.



Như trẻ em sinh ở Diêm-phù-đề được 8 tuổi thì bằng trẻ sơ sinh ở cõi Dạ-ma Thiên cũng như vậy. Sinh ra 7 ngày thì thành người lớn.

Như ở Diêm-phù-đề đứa trẻ sinh ra được 9 tuổi, thì bằng trẻ sơ sinh ở Đâu-suất-đà Thiên cũng như vậy, và sinh ra được 7 ngày thì thành người lớn.

Từ Hóa Lạc Thiên cho đến A-ca-ni-tra Thiên nói hình tướng sinh trưởng này cũng đầy đủ như vậy. Ở Diêm-phù-đề một tầm rươi thì ở Tây Cù-da-ni một tầm. Ở Tây Cù-da-ni một tầm rươi thì ở Đông Phát-bà-đề là 1 tầm. Ở Đông Phát-bà-đề 1 tầm rươi thì ở Bắc Uất-đan-việt là 1 tầm.

Tứ Thiên Vương Thiên 1 Già-phù-địa, tức một phần tư do-tuần. Thân của Tứ Thiên Vương dài 2 Già-phù-địa thì thân ở Đâu-suất Thiên dài nửa do-tuần. Thân của Đế Thích dài 3 Già-phù-địa thì thân của Dạ-ma Thiên dài 1 do-tuần. Thân ở Đâu-suất Thiên dài 2 do-tuần thì thân ở Hóa Lạc Thiên dài 4 do-tuần. Thân của Tha Hóa Tự Tại Thiên dài 8 do-tuần. Tất cả Sắc giới cho đến A-ca-ni-tra đều có chiều dài 12 do-tuần. Từ Diêm-phù-đề đến A-ca-ni-tra Thiên, chiều dài của tự thân là khác nhau 4 khuỷu tay.

Sắc thân của chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề nhiều loại không giống nhau. Có sắc trắng như người ở các nước Dạ-bà-na Bà-lợi-kha Chi-na v.v... Có sắc đen như ở các nước Bạt-bà-la Kiếm-bò-xà v.v... Có sắc xanh như ở các nước Đà-mi-la Tân-ha-la v.v... Có sắc đỏ trắng như ở các nước Thủ-đà-kha, nước Ti-la v.v... Có sắc vàng như ở các nước Cơ-la-đa và Kế Tân v.v...

Ở Đông Phát-bà-đề, Tây Cù-da-ni chỉ trừ sắc đen, ngoài ra đều giống như Diêm-phù. Bắc Uất-đan-việt tất cả nhân dân đều toàn màu trắng. Còn Tứ Thiên Vương Thiên thì có 4 màu sắc. Có màu xanh, màu đỏ, màu vàng và màu trắng. Tất cả màu sắc của chư thiên ở cõi Dục đều như vậy.

Vì sao chư thiên ở cõi Sắc lại có 4 loại ?

Khi mới thụ sinh, thấy hoa xanh biếc thì thân có màu xanh. Các màu khác cũng như vậy.

Y phục của người cõi Diêm-phù-đề có Ca-ba-bà, Sô-ma, Kiêu-xa-da, áo lông, áo gai, áo bông, áo cỏ, áo vỏ cây, áo da thú, áo ván gỗ, áo cây Kiếp-ba.

Ở Tây Cù-da-ni người ta mặc áo Ca-ba-bà, áo Sô-ma, áo Kiêu-xa-da, áo lông, áo gai, áo cỏ; áo vỏ cây, áo da thú, áo ván gỗ, áo vỏ cây Kiếp-ba.

Người ở Đông Phát-bà-đề thì mặc áo Ca-ba-bà, áo Sô-ma, áo Kiêu-xa-da, áo lông, áo gai.

Người ở xứ Uất-đan-việt thì mặc áo vỏ cây Kiếp-ba, dài 20 khuỷu tay và rộng 10 khuỷu tay. Nặng 1 Ba-la.

Trời Tứ Thiên Vương cũng mặc y Kiếp-ba như vậy, dài 40 khuỷu tay, rộng 20 khuỷu tay. Nặng nửa Ba-la.

Đao-lợi Thiên cũng mặc Kiếp-ba, dài 80 khuỷu tay; rộng 40 khuỷu tay, nặng 1 Ba-la một phần tư.

Dạ-ma thiên mặc áo Kiếp-ba, dài 1 trăm 60 khuỷu tay; rộng 80 khuỷu tay, nặng 1 Ba-la 1 phần 8.

Đâu-suất-đà thiên mặc áo Kiếp-ba, dài 3 trăm 20 khuỷu tay; rộng 1 trăm 60 khuỷu tay, nặng 1 Ba-la 1 phần 16.

Hóa Lạc Thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên đều mặc y phục, tùy tâm và lớn nhỏ và nặng nhẹ cũng vậy.

Y phục của người cõi Diêm-phù-đề thì ăn mặc nhiều loại không giống nhau; hoặc có tóc dài, rẽ làm hai búi; hoặc cạo tóc râu, hoặc để một búi trên đỉnh còn bao nhiêu thì cạo gọi là búi tóc Chu-la. Hoặc nhổ tóc râu, hoặc cạo tóc râu, hoặc thắt bím, hoặc để tóc, hoặc cạo ở

trước để ở sau cho tròn, hoặc khóa thân, hoặc mặc y phục che phần trên bỏ tròng phần dưới, hoặc ở trần chỉ che phần dưới. hoặc trên dưới đều che kín, hoặc chỉ ngăn che trước sau.

Người ở Tây Cù-da-ni trang sức đều để tóc trên dưới đều mặc y phục như nước Thủ-đà-a-ti-la. Người ở Đông Phát-bà-đề thì trang sức cạo tóc phía trước để tóc phía sau. Y phục trên dưới mặc quấn quanh mình, như 2 nước Ương-già, và Ma-già-đà vậy.

Người ở Bắc Uất-đan-việt thì trang sức bằng những râu tóc đen, thường giống như cạo, cứ 5 ngày thì tóc tự nhiên dài ra, nhưng bề ngang bằng 7 lóng tay không tăng giảm.

Tứ Thiên Vương Thiên thì trang sức nhiều cách không giống nhau. Hoặc có tóc dài chia ra làm 2 búi, hoặc cạo râu tóc, hoặc để một búi trên đỉnh còn bao nhiêu thì cạo bỏ, gọi là búi Chu-la, hoặc nhổ bỏ râu tóc, hoặc cạo tóc cạo râu, hoặc thắt bím, hoặc để dưỡng tóc, hoặc cạo phía trước để phía sau cho tròn. Hoặc có người khóa thân; hoặc có người mặc y phục, hoặc che phần trên để tròng phần dưới, hoặc ở trần mà che phần dưới, hoặc trên dưới đều che kín, hoặc chỉ che trước sau. Chư thiên Dục giới cũng đều trang sức như vậy.

Chư thiên Sắc giới không mặc y phục, nhưng nếu mặc cũng không khác. Đầu tuy không búi tóc, giống như đội mũ, không có tướng nam nữ, hình dạng chỉ một loại.

Người Diêm-phù-đề ăn cơm gạo tẻ, lúa mì, lúa mạch, ăn thịt cá, ăn rau củ quả.

Người Tây Cù-da-ni ăn uống cũng ăn cơm gạo tẻ, lúa mì, lúa mạch, ăn thịt cá, ăn rau củ quả. Hay dùng sữa nhiều.

Người Đông Phát-bà-đề ăn cơm gạo tẻ, lúa mì, lúa mạch, cá thịt, rau củ quả, nhiều nhất là cơm tẻ.

Người Bắc Uất-đan-việt chỉ ăn cơm gạo tẻ, nhưng loại này không trồng mà tự mọc, không phải xay giã mà gạo tự sạch không có cám sắc, hương, vị, xúc tất cả đều tuyệt hảo, ngọt ngào như vị của mật ong. Trong ấy có cây tên là Đôn-trị-chỉ-la. Cây này ra quả giống như cái nôi, lại giống như một thứ trái cây có nước uống được và có sọ như quả dừa. Nếu người muốn ăn, lấy trái cây này để đựng nước.

Lại cũng có loại đá gọi là Thụ-đề lấy trái cây này đặt lên trên đá thì đá tự nhiên sinh lửa, rồi người ta lấy gạo bỏ vào để nấu và không phải đong lường hay canh chừng thổi nấu, khi thành cơm rồi thì đá kia tự nhiên nguội lại. Lại cũng dùng trái cây đó đựng cơm và nếu có ai đó đến cần ăn cứ tùy ý lấy mà không ai có ý nghĩ người kia thí, ta là người ăn, cũng không ai có ý nghĩ ta thí cho người kia. Ăn xong bỏ đó mà đi thì đất tự nhiên nứt ra các dụng cụ và thức ăn thừa rơi xuống rồi đất khép lại như cũ.

Tứ Thiên Vương Thiên đều ăn vị Tu-đà. Sáng ăn một vốc, chiều ăn một vốc. Ăn vào rồi chuyển thành phần của thân. Vị Tu-đà này do vườn rừng ao hồ tự nhiên sinh. Vị Tu-đà này cũng có thể hóa ra Khư-đà-ni 8 thứ ẩm thực. Tất cả chư thiên Dục giới cũng ăn như vậy. Chư thiên Sắc giới từ Sơ thiên cho đến Biên Tịnh đều dùng niềm vui làm sự ăn uống. Chư thiên bên trên đều dùng ý nghiệp làm sự ăn uống.

Người ở Diêm-phù-đề buôn bán hay dùng vàng bạc, cóc, mẽ v.v... hoặc các tạp vật ngọc trai ma-ni các báu, hoặc lấy chúng sinh làm vật mua bán trao đổi.

Ở Tây Cù-da-ni buôn bán trao đổi chỉ dùng bò.

Đông Phát-bà-đề buôn bán giao dịch hay dùng lúa gạo.

Bắc Uất-đan-việt không có giao dịch.

Tứ Thiên Vương giao dịch buôn bán hoặc dùng vàng bạc hay lúa gạo v.v... hoặc các tạp vật như ngọc trai, ma-ni các báu. Hoặc lấy chúng sinh để làm vật buôn bán. Tất cả cõi Dục giới chư thiên đều như vậy cả.

Sắc giới thì không giống với Uất-đan-việt.

Người Diêm-phù-đề hoặc tự sát sinh, hoặc sai người giết thịt để ăn. Tây Cù-da-ni cũng vậy. Đông Phát-Đề-bà người ta không sát sinh, cũng không sai người sát sinh. Nếu có vật tự chết thì lấy thịt ăn. Bắc Uất-đan-việt không tự sát sinh, không sai người khác sát sinh, vật chết rồi cũng không ăn thịt. Tứ Thiên Vương thì tự giết và sai người giết, không ăn thịt con vật chết. Đạo-lợi chư thiên tự giết, sai người giết; vật chết rồi cũng không ăn thịt.. Từ Dạ-ma Thiên đến A-ca-ni-tra không tự sát sinh, không sai người sát sinh và vật chết rồi cũng không ăn thịt.

Người ở Diêm-phù-đề nếu bà con chết thì tổng táng bằng cách thiêu tử thi trong núi rồi bỏ, hoặc bỏ xuống nước, hoặc chôn dưới đất; hoặc để nơi đất trống. Tây Cù-da-ni, Đông Phát-bà-đề cũng làm như vậy.

Người Bắc Uất-đan-việt nếu có bà con chết không tổng táng, không thiêu, không bỏ mà đem tử thi cho chim ăn và đem tử thi vào núi sau khi chết để cho chim ăn.

Tứ Thiên Vương nếu có quyến thuộc chết cũng không tổng táng, không thiêu, không bỏ. Người chết như ánh sáng tắt, không còn lưu dấu vết. Tất cả chư thiên ở cõi trên nữa cũng đều như vậy.

Ở cõi Diêm-phù-đề có 5 loại cây : cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng Pha-lê-kha, cây bằng lưu ly, cây bằng Kha-lợi-đa. Ở Tây Cù-da-ni và Đông Phát-bà-đề cũng như vậy. Bắc Uất-đan-việt chỉ có cây Kha-lợi-đa còn 4 loại kia thì không. Tứ Thiên Vương cũng có 5

loại cây báu như trên đã nói. Tất cả chư thiên của cõi Dục, cũng có 5 loại cây giống như vậy. Ở cõi Sắc giới đều không có cây.

Ở cõi Diêm-phù-đề có 5 loại hoa như : vàng, bạc, pha lê, lưu ly, Kha-lợi-đa. Tây Cù-da-ni, Đông Phát-bà-đề cũng như vậy. Bắc Uất-đan-việt có cây tên là Tán-đa-na và hoa này đều bằng thứ báu Kha-lợi-đa. Tứ Thiên Vương Thiên cũng có 5 loại hoa. Tất cả Dục giới cũng như vậy. Còn Sắc giới đều không có.

Trong cõi Diêm-phù-đề có đền đài bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, Kha-lợi-đa. Có nhà cửa bằng cây, hoặc bằng đá, đất. Tây Cù-da-ni cũng như vậy. Đông Phát-bà-đề đền đài đều làm bằng vàng không làm thứ gì khác. Bắc Uất-đan-việt có cây tên là Mạn-thù-sa, cao giống như một đền đài lớn, lá che rợp khắp, sương gió không vào. Tất cả mọi người đều dùng làm nhà ở.

Tứ Thiên Vương thiên có 5 loại đền đài bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê và Kha-lợi-đa. Tất cả chư thiên ở cõi Dục đều như vậy.

Sắc giới chư thiên đều có đền đài, tất cả đều bằng báu màu trắng. Ở đó xưa khi còn ở nhân địa, chư thiên hay có tâm muốn làm việc bố thí để mong được quả báo. Nay quả địa là được cung điện, màu sắc tối tăm không sáng sủa. Nếu như chư thiên trong nhân địa không có tâm xan lẫn, làm việc bố thí mà không mong cầu quả báo : như ta có, kia không; ta là chủ, kia không không phải chủ. Đó là đạo lý chính đáng, là tương ưng với pháp. Nếu có chủ thí và không có chủ thí, nếu hành bố thí tâm an tịnh yên ổn là tâm trang nghiêm, là tâm tri tịnh, cho nên hành bố thí do tâm như vậy thì nơi quả địa được cung điện có ánh sáng quang minh vi diệu, không có tối tăm.

Người ở Diêm-phù-đề nếu lìa thân thông và do tha công lực, thì không thể thấy suốt được các sắc che chắn bên ngoài thành vách núi. Tây Cù-da-ni, Đông Phát-bà-đề, Bắc Uất-đan-việt, nếu lìa thân

thông và do tha công lực tức không thể thấy suốt các sắc che chắn bên ngoài thành vách núi.

Tứ Thiên Vương Thiên nếu lìa thân thông và tha công lực, ngay tại xứ mình cũng không thể thấy các sắc che chắn bên ngoài thành vách núi. Nếu nhìn xa nhiều lắm là chỉ thấy sắc bên trong núi Thiết Vi. Nếu lìa thân lực và tha công lực không thể thấy tận bên ngoài núi này.

Đao-lợi Thiên ở tại cung điện nếu lìa thân lực và tha công lực thì không thể thấy các sắc che chắn bên ngoài thành vách núi. Nếu nhìn xa nhiều lắm là chỉ thấy sắc bên trong núi Thiết Vi. Nếu lìa thân lực và tha công lực thì không thể thấy rõ bên ngoài núi Thiết Vi. Từ cõi trời Dạ-ma đến Phạm Chúng tất cả đều như vậy.

Đại Phạm Thiên Vương khi ở tại cung điện của mình nếu lìa thân lực và tha công lực thì không thể thấy các sắc che chắn bên ngoài thành vách núi. Nếu thấy xa thì chỉ thấy trong 1 ngàn thế giới. Nếu lìa thân thông và tha công lực thì không thể thấy hết được.

Người ở Diêm-phù-đề nếu cầu hôn con gái nhà người, nhà gái hứa gả rồi mới được đón tiếp. Cũng có tục mua bán vợ lẽ, nữ tỳ. Xứ Tây Cù-da-ni và Đông Phất-bà-đề cũng như vậy. Người ở xứ Bắc Uất-đan-việt thì không gả không cưới cũng không mua bán. Nếu người con trai muốn lấy người con gái thì nhìn người con gái ấy. Nếu người con gái muốn lấy người con trai thì cũng nhìn giống như vậy. Nếu người con gái không thấy người con trai nhìn mình thì những người con gái khác báo nói : Người kia nhìn mày kia ! Rồi 2 người thành vợ chồng. Nếu người con trai không thấy người con gái nhìn mình thì những người con trai khác báo nói : Cô ấy nhìn cậu kia ! Rồi 2 người thành vợ chồng. Nếu tự gặp nhau thì liền theo nhau ở chung nơi khác.

Ở cõi Tứ Thiên Vương nếu muốn cầu hôn Thiên nữ thì gia đình người nữ hứa hôn rồi mới được đón tiếp. Mọi việc gả bán, tất cả chư thiên Dục giới đều giống như vậy.

Người ở cõi Diêm-phù-đề có nam căn và nữ căn hòa hợp với nhau. Người ở Đông Phát-bà-đề và Tây Cù-da-ni, Bắc Uất-đan-việt đều giống như vậy. Cõi Tứ Thiên Vương và Đạo-lợi Thiên nam nữ hòa hợp cũng giống như vậy. Ở cõi Dạ-ma thì chư thiên thực hiện dục bằng cách ôm nhau. Ở cõi Đâu Suất Thiên thì thực hiện dục bằng cách cầm tay nhau. Ở cõi Hóa Lạc Thiên thì chư thiên thực hiện dục bằng cách cười với nhau. Ở cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên thực hiện dục bằng cách nhìn nhau.

Người ở cõi Tây Cù-da-ni thụ các dục lạc gấp đôi người ở cõi Diêm-phù-đề. Cho đến cái dục của chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại cũng hơn gấp đôi cõi Hóa Lạc .

Người nữ ở Diêm-phù-đề ăn uống thô sơ, có thai sinh con, cho con bú. Người Tây Cù-da-ni, Đông Phát-bà-đề cũng như vậy. Người nữ ở Bắc Uất-đan-việt cũng có người ăn uống thô sơ, mang thai, sinh con nhưng không cho con bú. Nếu sinh ra con trai hay con gái xong thì đem để ở ngã tư đường, rồi người mẹ lấy ngón tay cho vào trong miệng con và nếu người đi đường đi ngang qua thấy cũng lấy tay cho vào miệng đứa trẻ. Nhân việc ngón tay chạm vào thân thể mà lớn lên.

Nam nữ ở Uất-đan-việt thì sống riêng không ở lẫn lộn nhau. Nếu người nam sau khi sinh 7 ngày thành người lớn thì nhập vào đám con trai. Nếu người nữ sau khi sinh 7 ngày thành người lớn liền nhập vào đám con gái. Khi nam nữ có tác ý dục thì cùng đến dưới cây Mạn-thù-sa. Cây ấy che khuất tức dục sự thành. Nếu cây ấy không che, thì lìa nhau, tức biết là tà dâm, liền không dám phạm.

Ở cõi Tứ Thiên Vương thì các thiên nữ không có ăn thức ăn xấu, không mang thai, lại cũng không có con và cũng không cho con



bú. Nam nữ chur thiên hoặc từ đầu gối trở lên hoặc ở miên xứ đều có thể sinh con. Nếu ở nơi đầu gối người mẹ và miên xứ mà sinh thì thiên nữ nghĩ rằng đây là con của ta và thiên nam cũng nói đây là con của ta, tức là chỉ một cha một mẹ. Nếu ở nơi đầu gối người cha và miên xứ người cha mà sinh thì tuy chỉ có một cha mà tất cả thê thiếp đều là mẹ.

Người ở cõi Diêm-phù-đề trong một đời thực hiện việc dục vô số lượng lần. Nhưng cũng có người tu phạm hạnh thanh tịnh cho đến chết cũng không làm chuyện dục lạc.

Người ở Tây Cù-da-ni thì nhiều dục, nhưng trong một đời chỉ đến 12 lần, trong đó có khi là vài lần hoặc cho đến 10 lần. Nhưng cũng có những người tu hành thanh tịnh cho đến chết không dâm dục.

Người ở cõi Đông Phát-bà-đề cũng đa dục và trong một đời số lần là 7, người trung bình thực hiện 5 hoặc 6 lần. Cũng có người tu hạnh thanh tịnh đến chết cũng không làm việc dâm dục.

Ở Uất-đan-việt người đa dục, trong một đời chỉ có 5 lần, trung bình thì 3 hay 4 lần. Cũng có người tu hạnh thanh tịnh suốt đời không làm việc dâm dục.

Cõi Tứ Thiên Vương Thiên thì cả đời việc hành dục vô lượng vô số. Nhưng những vị tu thanh tịnh thì đến chết không dâm dục. Tất cả chur thiên ở Dục giới đều như vậy cả.

Tất cả người nữ khi chạm xúc là cảm thấy thích. Còn tất cả người nam khi sờ bắt tịnh chảy ra là có thích thú. Tất cả người nam lấy bắt tịnh làm dục. Tất cả chur thiên thì khí tiết ra làm thích thú. Người cõi Diêm-phù-đề có 3 nhân duyên hơn cõi Uất-đan-việt và cõi Dao-lợi.

Thế nào là 3 ?

Một là mạnh khỏe, hai là chế ngự và ba là ở trong Phạm hạnh.

Người Uất-đan-việt cũng có 3 nhân duyên hơn người ở Diêm-phù-đề và Đao-lợi Thiên :

Một là không có cái thuộc về ta, và không chứa giữ. Hai là thọ mạng quyết định 1 ngàn tuổi. Ba là sau đó sẽ được sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Chư thiên lại có 3 nhân duyên hơn người Diêm-phù-đề và Uất-đan-việt :

Một là thọ mạng dài lâu. Hai là hình tướng đẹp đẽ. Ba là khoái lạc tối đa.

Nghĩa này Phật Thế Tôn nói, tôi nghe như vậy.

## HẾT QUYỂN 6

## MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC VỀ NỘI DUNG TẬP 32 .....	5
SỐ 1628: NHÂN MINH CHÍNH LÝ MÔN LUẬN BẢN .....	17
SỐ 1629: NHÂN MINH CHÍNH LÝ MÔN LUẬN .....	38
SỐ 1630: LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÍNH LÝ .....	61
SỐ 1631: LUẬN HỒI TRÁNH .....	68
SỐ 1632: LUẬN PHƯƠNG TIỆN TÂM .....	113
Phẩm 1: Nói Rõ Việc Tạo Luận .....	113
Phẩm 2: Nói Rõ Phụ Xứ .....	125
Phẩm 3: Biện Chính .....	128
Phẩm 4: Tương Ứng .....	131
SỐ 1633: LUẬN NHƯ THẬT PHẨM PHẢN CHẤT VẤN .....	136
Phẩm 1: Luận Nạn Về Không Đạo Lý Trong Phẩm Phản Chất Vấn .....	136
Phẩm 2: Luận Nạn Về Đạo Lý Trong Phẩm Phản Chất Vấn .....	143
Phẩm 3: Roi Vào Chỗ Thua Bại Trong Phẩm Phản Chất Vấn .....	159
SỐ 1634: LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA .....	167
Quyển Thượng .....	167
Quyển Hạ .....	193
Phẩm 2: Bài Bác Về Luận Không .....	193
Phẩm 3: Thuận Tu Các Hạnh .....	207
SỐ 1635: LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA .....	222
Quyển 1 .....	222
Quyển 2 .....	232
Quyển 3 .....	240
Quyển 4 .....	252
Quyển 5 .....	262
Quyển 6 .....	273
Quyển 7 .....	282
Quyển 8 .....	292
Quyển 9 .....	301
Quyển 10 .....	309

## SỐ 1636: LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ TÁT HỌC

( Luận Đại thừa tập hợp các Học xứ của Bồ-tát ) .....	317
Quyển 1 .....	317
Phẩm 1: Tập Hợp Học Xứ Về Bồ Thí 1 .....	317
Quyển 2 .....	332
Phẩm 1: Tập Hợp Học Xứ Về Bồ Thí 2 .....	332
Quyển 3 .....	343
Phẩm 1: Tập Hợp Học Xứ Về Bồ Thí 3 .....	343
Phẩm 2: Về Giới Hộ Trì Chính Pháp 1 .....	352
Quyển 4 .....	358
Phẩm 2: Học Xứ Về Giới Hộ Trì Chính Pháp 2 .....	358
Phẩm 3: Học Xứ Về Hộ Pháp Sư .....	361
Phẩm 4: Học Xứ Về Không 1 .....	377
Quyển 5 .....	380
Phẩm 4: Học Xứ Về Không 2 .....	380
Quyển 6 .....	398
Phẩm 4: Học Xứ Về Không 3 .....	398
Quyển 7 .....	417
Phẩm 4: Học Xứ Về Không 4 .....	417
Phẩm 5: Tập Hợp Lìa Các Chương Nạn Về Học Giới 1 .....	419
Quyển 8 .....	435
Phẩm 5: Tập Hợp Lìa Các Chương Nạn Về Học Giới 2 .....	435
Phẩm 6: Học Xứ Về Hộ Thân 1 .....	435
Quyển 9 .....	453
Phẩm 6: Học Xứ Về Hộ Thân 2 .....	453
Phẩm 7: Học Xứ Về Hộ Thụ Dụng Phúc 1 .....	461
Quyển 10 .....	467
Phẩm 7: Học Xứ Về Hộ Thụ Dụng Phúc 2 .....	467
Phẩm 8: Học Xứ Về Thanh Tịnh 1 .....	478
Quyển 11 .....	481
Phẩm 8: Học Xứ Về Thanh Tịnh 2 .....	481
Quyển 12 .....	496
Phẩm 8: Học Xứ Về Thanh Tịnh 3 .....	496
Phẩm 9: Học Xứ Về Nhẫn Nhục .....	498
Quyển 13 .....	508
Phẩm 10: Học Xứ Về Tinh Tiến Ba-La-Mật-Đa .....	508
Phẩm 11: Học Xứ Về A-Lan-Nhã 1 .....	512
Quyển 14 .....	522
Phẩm 11: Học Xứ Về A-Lan-Nhã 2 .....	522
Phẩm 12: Học Xứ Về Trị Tâm 1 .....	523
Quyển 15 .....	537
Phẩm 12: Học Xứ Về Trị Tâm 2 .....	537

Quyển 16.....	548
Phẩm 12: Học Xứ Về Trị Tâm 3 .....	548
Phẩm 13: Học Xứ Về Niệm Xứ 1 .....	551
Quyển 17.....	557
Phẩm 13: Học Xứ Về Niệm Xứ 2 .....	557
Phẩm 14: Học Xứ Về Tự Tính Thanh Tịnh 1 .....	560
Quyển 18.....	564
Phẩm 14: Học Xứ Về Tự Tính Thanh Tịnh 2 .....	564
Quyển 19.....	573
Phẩm 14: Học Xứ Về Tự Tính Thanh Tịnh 3 .....	573
Phẩm 15: Học Xứ Về Chính Mạng Thụ Dụng 1.....	580
Quyển 20.....	584
Phẩm 15: Học Xứ Về Chính Mạng Thụ Dụng 2.....	584
Phẩm 16: Học Xứ Về Tăng Trưởng Thắng Lực 1 .....	585
Quyển 21.....	594
Phẩm 16: Học Xứ Về Tăng Trưởng Thắng Lực 2 .....	594
Phẩm 17: Học Xứ Về Cung Kính Tác Lễ 1 .....	602
Quyển 22.....	610
Phẩm 17: Học Xứ Về Cung Kính Tác Lễ 2 .....	610
Phẩm 18: Học Xứ Về Nghĩ Nhớ Tam Bảo 1.....	622
Quyển 23.....	625
Phẩm 18: Học Xứ Về Nghĩ Nhớ Tam Bảo 2.....	625
Quyển 24.....	644
Phẩm 18: Học Xứ Về Nghĩ Nhớ Tam Bảo 3.....	644
Quyển 25.....	664
Phẩm 18: Học Xứ Về Nghĩ Nhớ Tam Bảo 4.....	664
<b>SỐ 1637: LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TUỔNG</b>	
( Luận tập hợp các tướng của Đại thừa ) .....	683
Quyển Thượng.....	683
Quyển Hạ.....	693
<b>SỐ 1638: LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA</b>	
( Luận tập hợp nghĩa tối thượng các pháp bảo ) .....	705
Quyển Thượng.....	705
Quyển Hạ.....	715
<b>SỐ 1639: LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT PHÁ LĂNG GIÀ</b>	
<b>KINH TRUNG NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA TỨ TÔNG</b>	
( Luận Bồ-tát Đề-bà phá chấp 4 tông của ngoại đạo Tiểu thừa trong Kinh Lăng-già )..	726
<b>SỐ 1640: LUẬN ĐỀ BÀ BỒ TÁT THÍCH LĂNG GIÀ</b>	
<b>KINH TRUNG NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA NIẾT BÀN</b>	
( Luận Bồ-tát Đề-bà giải thích Niết-bàn của ngoại đạo Tiểu thừa, trong Kinh Lăng-già )...	734

SỐ 1641: LUẬN TÙY TƯỚNG ( Luận giải thích 16 hành tướng của 4 đế ) .....	741
SỐ 1642: LUẬN KIM CƯƠNG CHÂM .....	784
SỐ 1643: KINH NI CÀN TỬ HỎI NGHĨA VÔ NGÃ .....	795
SỐ 1644: LUẬN LẬP THỂ A TÌ ĐÀM ( Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thể giới ) .....	801
Quyển 1 .....	801
Phẩm 1: Địa Động .....	801
Phẩm 2: Nam Diêm-Phù-Đề .....	808
Phẩm 3 : Sáu Nước Lớn .....	812
Phẩm 4 : Thần Dạ-Xoa .....	816
Quyển 2 .....	825
Phẩm 5: Voi Chúa Lậu-Xà-Kì-Lợi .....	825
Phẩm 6 : Bốn Thiên Hạ .....	830
Phẩm 7 : Số Lượng .....	835
Phẩm 8 : Cõi Trời .....	838
Quyển 3 .....	853
Phẩm 9: Vườn Hoan Hỷ .....	853
Phẩm 10: Vườn Chúng Xa .....	856
Phẩm 11: Vườn Ác Khẩu .....	858
Phẩm 12: Vườn Tạp .....	861
Phẩm 13: Vườn Ba-Lợi-Dạ-Đa .....	864
Quyển 4 .....	872
Phẩm 14: Thành Đề-Đầu-Lại-Tra .....	872
Phẩm 15: Thành Tì-Lưu- Lặc-Xoa .....	876
Phẩm 16: Thành Tì-Lưu-Bát-Xoa .....	879
Phẩm 17 : Thành Tì-Sa-Môn .....	881
Quyển 5 .....	885
Phẩm 18: Chiến Đấu Giữa Trời Và Phi Thiên .....	885
Phẩm 19 : Nhật Nguyệt Hành .....	891
Quyển 6 .....	901
Phẩm 20: Vì Sao ? .....	901



